NGUYỄN TIẾN HƯNG

KHI ĐỒNG MINH NHẢY VÀO

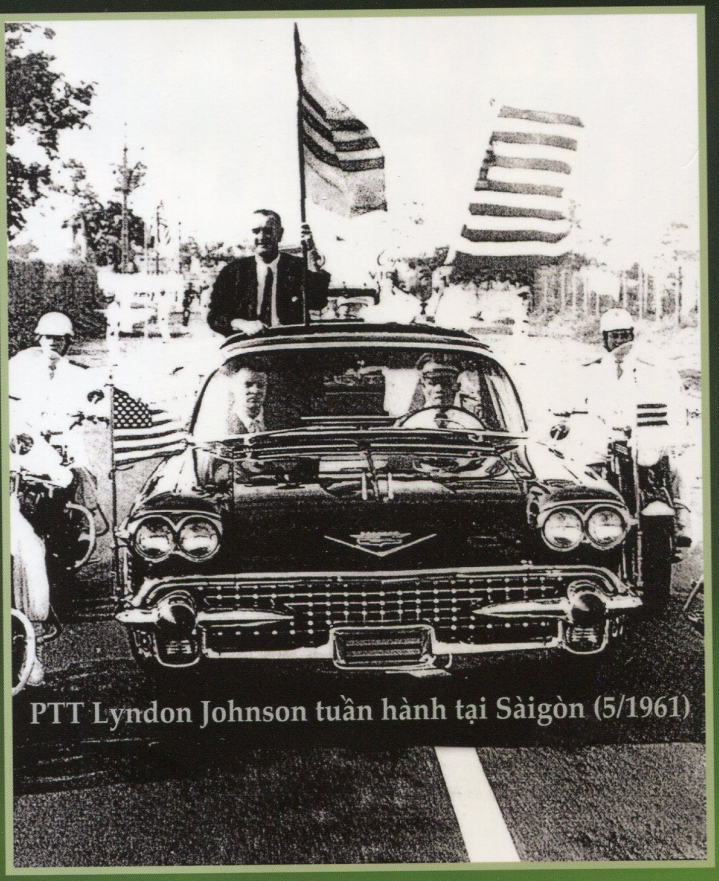

PTT Lyndon Johnson tuần hành tại Sàigòn (5/1961)

"Ta phải tiến tới và phải lao vào"

"We should proceed and take the plunge"

(Ngoại trưởng Foster Dulles)

Khi Đồng Minh Nhảy Vào

Nguyễn Tiến Hưng

"Tướng Navarre báo cáo rằng tình hình tại chiến trường này đang ở trong tình trạng bất quân bình trầm trọng. Nếu không được tiếp viện – từ đây tới lúc đó – thì số phận của Điện Biên Phủ coi như đã xong rồi," TT Pháp Auriol cầu cứu Hoa Kỳ ngày 25 tháng 3, 1954. Washington không can thiệp, Điện Biên Phủ thất thủ, chiến tranh Đông Dương I chấm dứt.

Thật là một sự trùng hợp lịch sử, đúng hai mươi mốt năm sau, cũng ngày 25 tháng 3 (1975), TT Thiệu cầu cứu Hoa Kỳ: *"Sự bất quân bình trong cán cân lực lượng đã nghiêng hẳn về phía Bắc Việt. Bởi vậy, nếu không có những biện pháp mạnh mẽ và mau lẹ về phía ngài để tái lập sự quân bình thì chúng tôi sẽ khó mà ngăn chận được sự tiến quận của các lực lượng Cộng sản."* Nhận được lời cầu cứu, TT Ford ngoảnh mặt đi, Đà Nẵng thất thủ và tiếp theo là sụp đổ.

Trong hai cuộc chiến đã có nhiều điểm tương đồng. Nhưng điểm trùng hợp quan trọng nhất vẫn là vai trò chủ yếu của những quyết định phát xuất từ Washington.

Nói chung, 5 Tổng thống Hoa Kỳ (Roosevelt, Truman, Eisenhower, Kennedy, và Johnson) – đứng trên bình diện lý tưởng tự do – đều muốn giúp xây dựng một VNCH hùng mạnh để làm tiền đồn của Thế Giới Tự Do, và cũng là để bảo vệ an ninh của chính Hoa Kỳ. Đầu thập niên 1960, Đệ Nhất Cộng Hòa đã bắt đầu khởi sắc để rồi từng bước trở thành một cường quốc tại Đông Nam Á. Nhưng rồi sụp đổ với tốc độ nhanh chóng: chỉ nội trong hai tháng (tháng 9 và 10 năm 1963) cũng như sau này, Đệ Nhị Cộng Hòa cũng nội trong hai tháng (tháng 3 và 4, 1975).

Tại sao như vậy? Dựa vào 7,000 trang tài liệu nguyên thủy của nội bộ Hoa Kỳ (toàn bộ được giải mật ngày 13/6/2011), tác giả hướng dẫn độc giả đi thẳng vào phòng họp của các nhà làm chính sách tại Paris, Washington và Sàigòn để theo rõi những bàn bạc, tính toán trong thời gian từ sau Thế Chiến II, tới Chiến tranh Đông Dương I, rồi Đệ Nhất Cộng Hòa. Hai mốc thời gian rất quan trọng: mùa Xuân năm 1955 khi Ngoại trưởng Dulles quyết định *"Ta phải tiến tới và phải lao vào" (take the plunge)"* và cuối Hè năm 1963 khi Đại sứ Lodge thuyết phục TT Kennedy: *"Ta không thể nào quay trở lại được nữa: việc lật đổ chính phủ Diệm. Với chính phủ Diệm, ta không có khả năng thắng được cuộc chiến."* Ở giữa hai mốc thời gian này là những năm vận động, mưu lược, tính toán: đúng có, sai có về chính trị, quân sự, và ngoại giao.

Ngày nay, cuộc chiến Việt Nam đã trở thành một phần của Lịch sử Hoa Kỳ. Con cháu chúng ta đang theo học những khóa về 'American History,' nhưng các em chỉ được nghe những lý luận một chiều. Cho nên nhiều khi có thể mặc cảm về cha mẹ, ông bà mình. Cuốn sách này giúp độc giả tìm hiểu thêm nữa về cái lịch sử tuy cay đắng nhưng đầy dũng cảm của VNCH. Từ đó ta có thể soi sáng cho con cháu và những thế hệ mai sau, cũng như nói lại với bạn bè người Mỹ.

NGUYỄN TIẾN HƯNG

KHI ĐỒNG MINH NHẢY VÀO

Cơ sở xuất bản
Hứa Chấn Minh
2016

Copyright © by Nguyễn Tiến Hưng

All rights reserved, including the right of reproduction
in whole or in part in any form.

ISBN 978-1-4951-4862-090000

Cơ Sở Xuất Bản
Hứa Chấn Minh
2016

Website:
www.khidongminhnhayvao.com

Tặng nhà tôi Therese N.H. Hưng
và các con Christine, Daniel, Michael

Mục Lục

LỜI MỞ ĐẦU 1

LỜI CÁM ƠN 13

PHẦN I

TỪ MIỀN ĐẤT XA LẠ THÀNH ĐỊA ĐIỂM CHIẾN LƯỢC

CHƯƠNG 1

Chợt Đến Rồi Lại Chợt Đi - Những Cơ Duyên Lịch Sử 17

Hoàng Tử Cảnh gặp Đại Sứ Jefferson 18

Vua Tự Đức gửi Sứ Thần đi Mỹ cầu viện chống Pháp 20

Tổng Thống Roosevelt muốn giải thoát Đông Dương 21

CHƯƠNG 2

Đông Dương Bốc Cháy 31

Nhật Hoàng "dâng nền độc lập Việt Nam" cho Cựu Hoàng Bảo Đại 34

Cựu Hoàng Bảo Đại viết thư cho TT Truman 35
Pháp nhất quyết trở lại với "đàn con Đông Dương" 36
Chiến tranh bùng nổ tại Miền Nam 38
Tiến lên Miền Bắc 38
Đối với các phe phái Việt Nam: Mỹ giữ thái độ trung lập 39
Cuối năm 1946: Đông Dương bốc cháy 42
Chiến tranh lạnh đột phát bên trời Âu 45
Nhiệt độ chợt nóng bên trời Á 47
Bốn mục tiêu của Hoa Kỳ 47

CHƯƠNG 3
Địa Điểm Chiến Lược Quan Trọng Nhất 55

Hoa Kỳ hân hoan ủng hộ 56
Thúc đẩy Pháp tuyên bố cho rõ về độc lập 58
Ánh sáng độc lập hé rạng 60
Mao Trạch Đông tiến vào Bắc Kinh: Hoa Kỳ báo động 63
Tổng Thống Truman công nhận
Nước Cộng Hòa Việt Nam 66
Địa điểm chiến lược quan trọng nhất tại Đông Nam Á 69

CHƯƠNG 4
Bảy Lý Do Xác Định Quyền Lợi
Của Hoa Kỳ Ở Biển Đông 73

Chính sách "Ngăn Chận Trung Hoa Cộng Sản" 74
Mỹ yêu cầu Pháp tuyên bố rõ ràng hơn về chính sách 76
Bảy lý do xác định quyền lợi của Hoa Kỳ tại Biển Đông 78
Ngoài quyền lợi riêng lại còn vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ 80

CHƯƠNG 5
Đáp Lời Sông Núi 87

Pháp nhắn khéo Mỹ chớ có xía vào chuyện Đông Dương 89
Phái đoàn đầu tiên về viện trợ kinh tế Mỹ tới Sài Gòn 90

Cựu Hoàng Bảo Đại yêu cầu Mỹ viện trợ trực tiếp
để Việt Nam có độc lập quân sự 91
Bộ Ngoại giao Pháp: "Nếu Mỹ nhượng bộ
ông Bảo Đại, chúng tôi sẽ bỏ Đông Dương" 92
Mỹ đi vòng vèo ba bước để giúp Quân Đội Quốc Gia 94
Pháp: Chúng tôi đâu có cần cố vấn Mỹ 95
Tướng De Lattre tích cực 97
De Lattre đi Mỹ vận động quân viện 101
Đông Dương quan trọng hơn cả Triều Tiên 103
Ngoại Trưởng Hoa Kỳ ca ngợi
người quân nhân Việt Nam 103
Trực tiếp giúp huấn luyện Quân đội Quốc Gia 104
Thành lập thêm 40 tiểu đoàn Việt Nam 105
Mở rộng sự tham gia của Hoa Kỳ
vào chiến trường Đông Dương 107
Thanh niên Việt Nam đứng lên đáp lời sông núi 108
Oai hùng và đau thương 109

PHẦN II

TIẾNG GỌI "SANG PHÍA TỰ DO"

CHƯƠNG 6
Cuốn Theo Chiều Gió 117
Pháp rút quân khỏi Hòa Bình 119
Từ Triều Tiên tới Đông Dương:
Tổng Thống Eisenhower lo ngại 120
Kế hoạch Navarre 121
Mỹ nhận xét tại sao Pháp không thành công 123
Nhưng vì quyền lợi, Mỹ vẫn phải tiếp viện cho Pháp 123
Con đường tới Điện Biên Phủ 125
Navarre tính lầm 127
Chính phủ Mỹ vận động nhân dân và
Quốc hội để can thiệp 129

Tháng Tư Đen của Pháp 131
Mỹ chuẩn bị Kế hoạch Kên Kên 135
Thủ Tướng Churchill phản đối 136
Tổng Thống Eisenhower tới sát quyết định can thiệp 139

CHƯƠNG 7
Giữ Lại Phát Diệm - Bùi Chu Làm Cứ Điểm Ngoài Bắc? 145

Một thắng cảnh lịch sử 146
Một 'Khu An Toàn' 147
Giám Mục Lê Hữu Từ 148
Khi Pháp ký Hiệp Định Élysée với Cựu Hoàng Bảo Đại 149
Mưu lược của "Tổng Bộ Tự Vệ" 150
Tuyến de Lattre bao bọc vùng Phát Diệm 152
Điện Biên Phủ cứu Phát Diệm? 153
Giám mục Từ vận động giữ lại giáo khu 154
Tân Thủ Tướng Mendès France đồng ý giữ lại Phát Diệm-Bùi Chu làm cứ điểm 157
Pháp nhờ Nga ủng hộ điều đình giữ cứ điểm 160
Sợ giống Berlin, Cao Ủy Pháp Paul Ely không đồng ý 161
Thủ Tướng Ngô Đình Diệm xúc động khi mất Phát Diệm 163

CHƯƠNG 8
Đằng Sau Cuộc Di Cư Bắc - Nam 169

Mỹ khuyên Pháp không nên điều đình 171
Chính phủ Bảo Đại cùng với Hoa Kỳ phản đối chia cắt lãnh thổ 172
Việt Nam thực thi quyền tự quyết dân tộc tại Geneva 173
Kế hoạch 7 điểm 175
Thêm đất đai cho Miền Nam: Ranh giới từ vĩ tuyến 13 đẩy lên 17 177

"Sang Phía Tự Do" 179
Những chuyến tàu đầy kỷ niệm 182
Lý do đằng sau cuộc di cư vĩ đại 184

PHẦN III
KHI ĐỒNG MINH NHẢY VÀO

CHƯƠNG 9
"Ta Phải Lao Vào" 193

"Cộng sản nằm ngay trong nhà chúng ta" 194
Con cờ Đôminô 195
Thất bại Điện Biên Phủ đe dọa trầm trọng an ninh Hoa Kỳ 197
Viện trợ thẳng cho Miền Nam dù Pháp phản đối 200
Bước ngoặt của bang giao Việt - Mỹ 202
Gửi Tướng Collins sang thi hành chính sách mới 204
"Ta phải lao vào" 205
Chọn ngày để nhảy vào: 1 tháng 1, 1955 207
Từ bên ngoài: xây dựng phòng tuyến SEATO để bảo vệ 208
Hiệp Ước Liên Phòng Đông Nam Á - SEATO 209
Hiệp ước SEATO là để đối lại với Hiệp Định GENEVA 210
Những biện pháp quyết liệt 211

CHƯƠNG 10
Nhà Tu Hành Lạc Lõng Vào Một Ngân Hà Chính Trị 217

Ý định 'từ quan' không thành 218
Bước gian truân ban đầu 220
Lạc vào nơi cô quạnh 222
Ông Diệm vừa chấp chính Pháp đã thuyết phục Mỹ dẹp ông đi 223

Đại sứ Mỹ nghiêng về giải pháp tìm thủ tướng mới 226
Tổng Tham Mưu Trưởng công khai chống Thủ Tướng 227
"Thay Tề Đổi Sở" 229
Mỹ tạm thời ủng hộ ông Diệm 231
Tướng Hinh ra đi 235
Vẫn bế tắc về việc thay thế Thủ tướng 236
Đại sứ Mỹ và Cao Ủy Mỹ lại bất đồng ý kiến với nhau 238
Pháp đề nghị đưa Hoàng Hậu Nam Phương
về làm Phó Vương trên cả Thủ Tướng 240

CHƯƠNG 11
Đang Thật Xui
Trong Khoảnh Khắc Lại Thật May 247

TT Diệm và Mỹ nghi Pháp tính kế
thương lượng với Việt Minh 248
Tháng Ba 1955 dầu sôi lửa bỏng 250
Một quyết định táo bạo 252
Đại sứ Mỹ Collins đề nghị năm bước
để loại bỏ Thủ Tướng Diệm 254
Washington chờ xem quân đội có ủng hộ
ông Diệm hay không? 256
Chính khách Sài Gòn hoang mang,
không ủng hộ Thủ Tướng 257
Những giờ phút cam go 259
Mật điện lịch sử ngày 27 tháng 4, 1955:
Thay thế Thủ Tướng Diệm 261
Những giờ phút quyết liệt cuối tháng 4, 1955 262
QT Bảo Đại bất mãn khi Mỹ yêu cầu
ủng hộ ông Diệm 264
Những cay đắng của Thủ Tướng Diệm 267
May mắn cho Thủ Tướng Diệm
trong ngày 30 tháng Tư, 1955 268

CHƯƠNG 12
Bình Minh Của Nền Cộng Hòa 275

Quốc trưởng Bảo Đại chỉ thị Thủ tướng Diệm đi Cannes 276
Tháng 5, 1955: Cuộc họp này lửa tại Paris 278
Chúng tôi đánh giá ông Diệm cao hơn Pháp 281
Tối hậu thư: Mỹ phải chọn giữa ông Diệm và Pháp 282
Pháp nhượng bộ với sáu điều kiện nhưng Mỹ không chấp nhận 283
NT Dulles bênh Thủ tướng Diệm: "Dân chủ do một người cai trị cũng được rồi" 284
Quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam 285
"Hãy hủy bỏ hoặc hoãn lại vô hạn định cuộc tổng tuyển cử" 286
Ngày "Song Thất" 1955 289
Quốc trưởng Bảo Đại ký sắc lệnh cách chức Thủ tướng Diệm 289
Bình minh của nền Cộng Hòa 290
"Một Quốc Gia Tự Do vừa ra đời" 293

CHƯƠNG 13
'5 - Năm Vàng Son 1955-1960' Vừa Phát Triển Vừa Hòa Bình 299

Định cư gần một triệu người di cư từ Miền Bắc 301
Tái thiết và phát triển nông nghiệp 303
Cải cách điền địa 305
Những biện pháp hỗ trợ nông nghiệp 308
Phát triển công nghiệp 309
Khai thác tài nguyên 311
Hạ tầng cơ sở 313
Ngân hàng và tiền tệ 315
Giáo dục và đào tạo 315
Kết luận 317
Kế hoạch Staley - Thúc 320

CHƯƠNG 14
Lúc Cơm Chẳng Lành, Canh Chẳng Ngọt 327

Tuyên ngôn Caravelle tháng 4, 1960 328
Rạn nứt giữa TT Diệm và Đại sứ Mỹ Durbrow 330
Nội bộ Mỹ bất đồng ý kiến về TT Diệm 331
Phe chống ông Diệm tại Bộ Ngoại Giao thắng thế 332
TT Eisenhower gửi thư chúc mừng ngày Quốc Khánh 334
Cơm chẳng lành: TT Diệm nghi ĐS Durbrow dính líu vào cuộc đảo chính tháng 11, 1960 337
Chuẩn tướng Landsdale bênh TT Diệm 338
Landsdale so sánh hai âm mưu đảo chính 1954 và 1960 340

PHẦN IV
CHỌN NƠI ĐỌ SỨC

CHƯƠNG 15
Thuở Ban Đầu Lưu Luyến Với Kennedy 349

TT Kennedy bỏ Lào, tập trung vào Việt Nam 352
TT Kennedy: "Tôi không thể chấp nhận cái thất bại thứ ba" 353
Tháng 4, 1961: Chuẩn bị "Những Biện Pháp Để Chiến Thắng" 354
Tháng 5, 1961: Từ yểm trợ tới trực tiếp can dự vào chiến trường 357
TT Diệm lo ngại rồi Mỹ cũng sẽ bỏ Miền Nam giống như Lào 359
TT Kennedy: "Chúng tôi sẵn sàng tiếp tay với Ngài" 359
TT Diệm: "Việt Nam đáp ứng trên căn bản quyền lợi chung của cả hai nước" 362
Một 'Hiệp ước Quốc Phòng song phương'? 364
Vấn đề mang quân đội Mỹ vào Miền Nam 366
TT Diệm: "Nhân dân Việt Nam sẵn sàng xốc vác gánh nặng 368

Cái "Thuở ban đầu" lưu luyến ấy với TT Kennedy đã bị bỏ lỡ 372

CHƯƠNG 16
"Việt Nam Là Đúng Chỗ Rồi" 377

Nga khiêu khích: từ hàng rào kẽm gai tới xây tường Berlin 379
Chọn nơi đọ sức: "Việt Nam là đúng chỗ rồi" 381
Ông đánh kiểu nào tôi đánh kiểu ấy 382
TT Diệm: Chỉ nên có sẵn một kế hoạch phòng hờ để sử dụng quân đội Hoa Kỳ nếu trở nên cần thiết 384
Bộ trưởng QP Thuần yêu cầu một lực lượng Hoa Kỳ vào đóng ở vĩ tuyến 17 385
Lách Hiệp định Geneva: mang quân đội Mỹ vào cứu trợ lũ lụt 386
Chào mừng nền Cộng Hòa lên sáu tuổi 388
Tái xác định quyền lợi của Hoa Kỳ và những biện pháp bảo vệ 390
Đề nghị TT Diệm chính thức yêu cầu Mỹ yểm trợ 394

CHƯƠNG 17
"Chúng Tôi Không Muốn Trở Thành Một Nước Bị Bảo Hộ" 401

Landsdale: Liệu Liên Xô hay Trung Quốc có đối xử với ông Hồ như ta đối xử với ông Diệm hay không? 402
Mùa hè 1961: Những biện pháp ủng hộ TT Diệm vô điều kiện 404
Sang Thu, 1961: TT Diệm cay đắng vì lại đặt điều kiện để đổi lấy viện trợ 405
Mỹ yêu cầu được chia sẻ việc hoạch định chính sách 407
"Việt Nam không muốn trở thành một nước bị bảo hộ" 408
Những gì Tướng Taylor đã đồng ý với TT Diệm lại khác với thông điệp từ Washington 410
Tình trạng 'ông nói gà bà nói vịt': Chỉ thị từ Bộ Ngoại Giao lại khác hẳn chỉ thị từ Tòa Bạch Ốc 412

TT Kennedy muốn tránh sự hiểu lầm về đòi hỏi "chia sẻ quyền hành" 415
Giáo sư Galbraith, người đã xúi TT Kennedy thay đổi lập trường 417

PHẦN V
ĐƯỜNG VỀ NGHĨA TRANG

CHƯƠNG 18
Khi Chuông Báo Động Rung Lên Ở Washington 423

1961: năm khởi sắc 424
Trạm trưởng Colby viết về sự có mặt và ảnh hưởng của CIA 426
Ông Nhu tuyên bố Mỹ có thể giảm bớt số cố vấn 427
Hai toa xe lửa chạy ngược chiều 429
Họa vô đơn chí 430
Khủng hoảng lên cao độ 431
Mỹ đánh giá lại chế độ Diệm 432
Tình báo Mỹ thẩm định ảnh hưởng của biến cố Phật giáo 434
Chính tướng lãnh đã cố vấn chính phủ dẹp biểu tình? 435
Biến cố Chùa Xá Lợi 436

CHƯƠNG 19
Đao Phủ HENRY Đội Mũ Đen 441

Cabot Lodge là ai? 443
Thành kiến sẵn về TT Diệm 444
Bức mật điện lịch sử 24 tháng 8, 1963 cho phép đảo chính 447
Ông Lodge đi xa hơn lệnh và đi thẳng với tướng lãnh 449
TT Kennedy bực tức về mật điện 24 tháng 8 450
Ngay từ đầu, chính TT Kennedy đã ủng hộ đảo chính? 452

Đao phủ Henry đề nghị thẳng thừng: phải đảo chính 454
ĐS Lodge yêu cầu Washington chỉ thị Tướng Harkins phải làm cho tướng lãnh yên tâm 455
Lo ngại ông Nhu kêu gọi Bắc Việt 456
"Hoàng hôn của các Thần Linh trong cung đình" 458
Tư lệnh Mỹ không đồng ý với Đại sứ Mỹ 459
Ông Nhu đã sẵn sàng nhượng bộ 460
Bảo đệ của TT Kennedy nhận xét về mật điện 24 tháng 8, 1963 460

CHƯƠNG 20
Đi Tìm Giải Pháp Hòa Bình Hay Trật Đường Rầy? 465

Báo chí Mỹ đổ thêm dầu vào lửa 466
TT Diệm: Tại sao báo chí phải nhục mạ chúng tôi? 469
Từ Ấp Chiến Lược đến Ấp Bắc 470
Trật đường rầy? 472
Hai ông Diệm - Nhu muốn thương thuyết với Hà Nội? 473
Ông Cao Xuân Vỹ 475
Ông Mieczyslaw Maneli 476
Lập trường hai ông Diệm - Nhu về giải pháp hòa bình 479
Ngoại trưởng Rush: "Chúng ta sẽ không chủ mưu một cuộc đảo chính" 480
Ông Hilsman bình luận về hai mục tiêu của ông Nhu 481
TT Kennedy áp lực TT Diệm thay thế nhân sự 482
Hai ông Diệm-Nhu đã thực sự nhượng bộ nhưng Washington tiếp tục tấn công 484
Đòn bẩy cho 13 yêu sách 486
ĐS Lodge: "Sự trừng phạt nào thì cũng phải kèm theo đảo chính" 488
Hãy để ông Diệm toát mồ hôi 490

CHƯƠNG 21
Ngày Định Mệnh 495

Ngày 5 tháng 10, 1963 496
Mưu lược ông Đại sứ 502
Tướng Harkins cực lực phản đối ĐS Lodge 507
Tướng Harkins bênh vực TT Diệm 508

CHƯƠNG 22
Đường Về Nghĩa Trang 513

ĐS Lodge đánh lừa TT Diệm vào giờ cuối cùng 515
TT Diệm gọi ĐS Lodge hai lần chứ không phải một 516
TT Kennedy bối rối, lưỡng lự 517
Tòa Bạch Ốc cho rằng vẫn còn có thể hoãn cuộc đảo chính 520
ĐS Lodge: "Ta không có quyền hoãn cuộc đảo chính lại nữa" 522
Phải hoãn đảo chính nếu khả năng thành công không cao 525
Lodge không hoãn đảo chính lại hoãn luôn chuyến đi Washington 526
Nếu đảo chính, phải thành công 527
Những cái xui xẻo cuối cùng của TT Diệm 528
Đường về nghĩa trang 533

PHẦN VI

"TÔI SẼ KHÔNG ĐỂ MẤT VIỆT NAM"

CHƯƠNG 23
"Tôi Sẽ Không Để Mất Việt Nam" 547

Từ bất ổn ở hậu phương tới suy sụp ngoài tiền tuyến 549
TT Johnson: "Tôi sẽ không để mất Việt Nam" 551
Tái xác định quyền lợi của Hoa Kỳ tại vùng Biển Đông 553

Tư lệnh mới, Đại sứ mới 556
Làn sóng ngầm nổi lên ở Biển Đông 556
Đến lượt Quốc Hội Mỹ xác định 558
TT Johnson đại thắng bầu cử 1964 560
Pleiku khai hỏa 561
Vẫn đi tìm hòa bình 562

PHẦN VII

CẬP NHẬT CUỐN "KHI ĐỒNG MINH THÁO CHẠY"

CHƯƠNG 24
Trung Quốc Thoát Vòng Vây Liên Xô Nhờ Nixon - Kissinger 571

Bối cảnh: Tranh chấp muôn đời giữa Trung - Xô về lãnh thổ 574
Mùa Xuân 1969: Giao tranh dữ dội tại biên giới 575
Những diễn tiến ở hậu trường 576
Nixon-Kissinger gửi những tín hiệu trấn an và ủng hộ Bắc Kinh 580
Mưu lược thâm sâu của Trung Quốc 581

CHƯƠNG 25
Mở Tung Hai Lối Vào Biển Đông - Mật Điện Về Trận Hoàng Sa 585

Khai thông hai lối vào Biển Đông 586
Trấn an Trung Quốc sau khi Miền Nam sụp đổ 595

CHƯƠNG 26
Bước Ngoặt Của Chính Sách Trung Quốc 601

Bước ngoặt của chính sách Trung Quốc 603

Trung Quốc lật ngược thế cờ 605
Á Châu xích lại gần Mỹ 609
Nhật Bản vươn lên 609
Ghi chú cho lịch sử: Người vẽ Đường Lưỡi Bò tâm sự với ông Kissinger về Việt Nam 612

CHƯƠNG 27
Mỹ Đi Rồi Mỹ Lại Về 617

Nhìn lại lịch sử: mỗi khi quyền lợi Hoa Kỳ bị đe dọa 619
Quyền lợi của Hoa Kỳ ở Biển Đông ngày nay 625
Mỹ đi rồi Mỹ lại về 630
Xoay trục 633
Vai trò của Ngũ Giác Đài 635
Cán cân lực lượng đã thay đổi? 638
Cán cân về kinh nghiệm chiến đấu giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc 639
Những khó khăn lớn lao hiện nay của Trung Quốc 641
Cái nguy của sự tính lầm 648
Tình trạng sẵn sàng ứng chiến 650

PHẦN KẾT THÚC

CHƯƠNG 28
Bài Học Cho Tiểu Quốc 657

1. Chung quanh vấn đề "quyền lợi" 658
2. Về việc thực thi quyền hành để bảo vệ quyền lợi 663
3. Về những tính toán cá nhân đối với sự ủng hộ của Hoa Kỳ 664
4. Sự quan trọng của giới truyền thông 665

THAY LỜI CUỐI
Mệnh Nước Nổi Trôi 669

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC A 679

PHỤ LỤC B (CHƯƠNG 1 - CHƯƠNG 5) 699

PHỤ LỤC C (CHƯƠNG 8 - CHƯƠNG 11) 723

PHỤ LỤC D (CHƯƠNG 12 - CHƯƠNG 14) 741

PHỤ LỤC E (CHƯƠNG 15 - CHƯƠNG 16) 775

PHỤ LỤC F (CHƯƠNG 17) 785

PHỤ LỤC G (CHƯƠNG 18 - CHƯƠNG 22) 803

PHẦN GHI CHÚ 813

TÀI LIỆU VÀ SÁCH THAM KHẢO 837

DANH MỤC / INDEX 847

Lời Mở Đầu

Những tràng pháo tay nổ ran trong phòng họp trang trọng, từ những hàng ghế bên phải sang bên trái, từ hàng đầu tới hàng cuối. Ít khi có một bầu không khí hòa hợp, vui vẻ như vậy tại Quốc Hội Hoa Kỳ. Khi cả Thượng Viện lẫn Hạ Viện họp lại, dù để nghe tổng thống đọc bài diễn văn hằng năm về 'tình trạng đất nước' (như TT Obama đọc đầu năm) hay để đón chào một vị quốc khách (như Thủ tướng Do Thái Netanyahu): ta thấy thái độ của quý vị dân biểu cũng rất ít khi đồng nhất (như vào dịp viếng thăm Quốc Hội của Đức Giáo Hoàng Francis ngày 24/9/2015): người thì đứng lên vỗ tay, người thì vẫn ngồi cau mày. Nhưng buổi sáng hôm ấy, khi Tổng thống Ngô Đình Diệm vừa tới, mọi người đều hân hoan chào đón. Họ lại còn tò mò muốn xem mặt nhà lãnh đạo của một "*quốc gia vừa ra đời*" như báo chí đang ca tụng.

"*Thưa quý vị Nghị sĩ, Dân biểu của Quốc Hội Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ,*" ông Diệm chậm rãi cất giọng. Trong bài diễn văn, ông nhấn mạnh tới ước nguyện của nhân dân Miền Nam Việt Nam. Ước nguyện ấy thật đơn giản, đó là họ chỉ muốn được sống trong hòa bình, tự do và sẵn sàng hy sinh xương máu để bảo vệ nền độc lập của mình. Rồi ông nói tới quyền lợi

hỗ tương của cả hai nước dựa trên căn bản Miền Nam là tiền đồn của Thế Giới Tự Do. Quí vị nghị sĩ, dân biểu đứng lên vỗ tay thật lâu, và thật nhiều lần.

Sau Quốc Hội Hoa Kỳ, tới lượt thành phố New York nghênh tiếp ông tân tổng thống. Người người đứng dàn chào chật ních hai bên đường phố, bao nhiêu bàn tay tung lên những nắm hoa đủ mầu sắc từ trên các tầng lầu cao chót vót của một thành phố không bao giờ ngủ. Hiếm có lãnh đạo ngoại quốc nào được tiếp đón linh đình như vậy.

TT Eisenhower rất kính nể TT Diệm, như ông viết: "*Thưa Tổng Thống, chúng tôi đã chứng kiến sự can đảm và táo bạo mà Ngài và nhân dân Việt Nam đã biểu dương để đạt tới độc lập trong một tình huống nguy hiểm đến độ nhiều người đã coi như là vô vọng. Chúng tôi còn ngưỡng mộ khi tình trạng hỗn loạn ở Miền Nam đã nhường chỗ cho trật tự, và tiến bộ đã thay thế cho tuyệt vọng, tất cả với một tốc độ thật nhanh chóng.*" Khi mời TT Diệm thăm nước Mỹ vào mùa hè 1957, ông đã gửi máy bay riêng *Columbine III* sang tận Honolulu để chở vị quốc khách về Washington, một hành động rất hãn hữu. Khi máy bay hạ cánh xuống phi trường *National* (bây giờ là Reagan) thì ông và Ngoại trưởng Dulles đã có mặt để đón chào. Đây là lần thứ hai trong suốt hai nhiệm kỳ tổng thống mà ông Eisenhower đã ra tận phi trường để đón lãnh đạo của một nước khác (lần đầu là đón Quốc vương Saud, xứ Saudi Arabia).

Buổi bình minh của nền Cộng Hòa thật là huy hoàng, rực rỡ.

***

Với cuốn KĐMTC chúng tôi đã cung cấp cho độc giả một số dữ liệu và chứng tích để tìm hiểu hoàn cảnh của Đệ Nhị Cộng Hòa vào lúc hạ màn. Về Đệ Nhất Cộng Hòa - đặc biệt là lúc mở màn - thì tuy có nhiều tác giả Mỹ, Việt đã đề cập và soi sáng cho lịch sử, nhưng chúng tôi cũng vẫn muốn nghiên cứu cho thật sâu, dựa vào những chứng cớ khả tín, những tài liệu nguyên thủy, không bị cắt xén để tìm hiểu cho thật rõ những diễn tiến của liên lạc Việt - Mỹ trong giai đoạn 20 năm trước Đệ Nhị Cộng Hòa (1945-1965).

Bởi vậy ngay từ năm 1976, chúng tôi đã bắt đầu đọc một số sách về Việt Nam, đặc biệt là cuốn *The Pentagon Papers* và cố nhớ lại những gì liên hệ tới cuộc chiến mà mình đã được chứng kiến ngay tại thủ đô Washington từ cuối thập niên 1950. Đang khi làm như vậy thì chúng tôi lại có được một may mắn: Cựu Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng (thời TT Nixon) là Tiến sĩ Warren Nutter (ông thầy cũ ở Đại học Virginia) đã trao lại cho chúng tôi (như một kỷ vật) hầu như toàn bộ một hồ sơ do Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ soạn thảo, trước khi ông ra đi về thế giới bên kia vào năm 1979 (cũng như chúng tôi đã may mắn - hay là chỉ vì cái sứ mệnh - được TT Thiệu trao cho hồ sơ về những cam kết của TT Richard Nixon đối với VNCH, và Đại sứ Graham Martin trao cho trên 20 công hàm tối mật giữa Ngoại trưởng Henry Kissinger và ông vào tháng 4, 1975). Tên chính thức của tài liệu GS Nutter đưa cho là *United States – Vietnam Relations, 1945-1967*. Đây là một hồ sơ dài tới 7,000 trang (gồm 12 tập). Năm 1971 tài liệu này bị tiết lộ. Chính phủ Nixon (gồm cả ông thầy Nutter) náo động và đã kiện không cho phổ biến, nhưng Tối Cao Pháp Viện phán quyết: chính phủ thua (số phiếu 6/3). Chúng tôi còn nhớ rõ cảm tưởng của riêng mình vào ngày tuyên bố phán quyết ấy. Báo *The New York Times* (NYT) trích dẫn tài liệu và xuất bản cuốn *The Pentagon Papers* (PP). Sau đó chính phủ phải nộp hồ sơ này cho Ủy Ban Quốc Phòng Hạ Viện. Nghị sĩ Mike Gravel trích dẫn và xuất bản một cuốn cùng tên nhưng thêm tựa đề là *Gravel Edition (*Beacon Press, 1971). Tài liệu TS Nutter trối lại cho chúng tôi là hầu như toàn bộ hồ sơ Bộ Quốc Phòng.

Nghiền ngẫm hồ sơ nguyên thủy này trong nhiều năm chúng tôi mới thấy có nhiều điều mình thực sự chưa biết hay chưa thấu đáo. Đặc biệt, chúng tôi rất ấn tượng về sự trái ngược giữa 'những ngày đầu tiên' *(First Days in Vietnam)* và 'những ngày cuối cùng' *(Last Days in Vietnam).* Nhìn vào những thăng trầm của lịch sử thời Đệ Nhất Cộng Hòa thì ta thấy có lúc Miền Nam đã đi xuống, nhưng rồi lại đi lên, và còn đi nhanh hơn nữa. Nói chung, 5 Tổng thống Hoa Kỳ (Roosevelt, Truman, Eisenhower, Kennedy, và Johnson) – đứng trên bình diện lý

tưởng tự do – đều muốn giúp xây dựng một VNCH hùng mạnh để làm tiền đồn của Thế Giới Tự Do, **và cũng là để bảo vệ an ninh của chính Hoa Kỳ**. Nhưng rồi vì nhiều lý do cho nên đã không thành công. Trước hết là hoàn cảnh của mỗi nước: Miền Nam thì vì cảnh nghèo lại thêm chiến tranh, nên đã phải lệ thuộc hầu như hoàn toàn vào Hoa Kỳ, cả về quân sự lẫn kinh tế. Tại Hoa Kỳ thì nhân dân ngày một dứt khoát về lập trường 'người quân nhân Mỹ không cần phải chiến đấu để bảo vệ tự do cho người Việt Nam.' Thêm vào đó là những mâu thuẫn về quan điểm, lập trường, chính sách, những tính toán hơn thiệt một cách thiển cận của cấp thừa hành, tất cả đều là những yếu tố đã góp phần vào sự thất bại. Đặc biệt là Miền Nam không may đã gặp phải hai ông HENRY: Henry Cabot Lodge thông đồng phá nát nền Đệ Nhất Cộng Hòa, chúng tôi gọi ông này là Đao phủ Henry I, và Henry Alfred Kissinger, Đao phủ Henry II.

Lúc chúng tôi ra mắt cuốn sách *Khi Đồng Minh Tháo Chạy* ở Little Saigon và San Jose, nhiều đồng hương (trong đó có người đàn anh chúng tôi, Bác sĩ Tôn Thất Niệm) lên tiếng yêu cầu tác giả viết thêm cuốn sách nói về Đệ Nhất Cộng Hòa. Chúng tôi có nói là "Nếu đồng hương cầu xin ơn Trời để chúng tôi còn khỏe mạnh, trí nhớ không bị nhạt nhòa thì sẽ cố gắng viết cho xong cuốn "*Khi Đồng Minh Nhảy Vào*. Ngoài ra, chúng tôi cũng muốn chờ đợi cho đến khi nào chính phủ Mỹ chính thức giải mật tài liệu này thì mới xuất bản. Cuốn *The Pentagon Papers* do NYT xuất bản chỉ dài 677 trang (chưa tới 10% của hồ sơ), và cuốn *Gravel Edition*, cũng chỉ 2,899 trang (41%). May mắn là gần đây vào **ngày 13 tháng 6 năm 2011** thì toàn bộ hồ sơ đã được giải mật.

Như độc giả đã biết: thời gian hai mươi năm trước khi Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ đổ bộ vào Đà Nẵng là một giai đoạn hết sức phức tạp với quá nhiều diễn biến, sự kiện, cũng như chính khách can dự vào. Chúng tôi muốn đúc kết những gì đã tìm hiểu được để viết nên một câu chuyện lịch sử cho có đầu đuôi, mạch lạc, nhưng vắn gọn về liên lạc Việt - Mỹ từ khi Thế Chiến II kết thúc, qua Chiến tranh Đông Dương I, rồi tới Đệ Nhất Cộng Hòa.

Cũng như cuốn sách *Khi Đồng Minh Tháo Chạy,* **chúng tôi chỉ đề cập tới những động lực, chính sách và hành động của Hoa Kỳ đối với Việt Nam** và **không viết về chi tiết của những khía cạnh chính trị và quân sự nội bộ của VNCH** là những khía cạnh đã được nhiều tác giả và bình luận gia mổ xẻ sâu rộng. Về những địa hạt này, tác giả cũng không đủ khả năng, hiểu biết, và kinh nghiệm để bình luận, một phần là vì đã đi du học từ năm 1958.

Năm 1956 là năm khi cột trụ của nền Cộng Hòa được xây dựng vì mùa Thu năm ấy Quốc Hội Lập Hiến tuyên dương Hiến Pháp của VNCH. Để kỷ niệm 60 năm từ lúc Hoa Kỳ can dự trực tiếp vào Việt Nam, chúng tôi xuất bản cuốn sách này vào năm 2016, đồng thời cũng để đúc kết một số bài học hữu ích cho những thế hệ mai sau. Người Mỹ có câu "*hiểu biết là sức mạnh*" (knowledge is power), dân gian ta cũng nói "*biết là sống.*" Chúng tôi thấy đây chính là một sự thật quan trọng trong các cuộc bang giao quốc tế, nhất là khi bang giao với Hoa Kỳ.

Về vai trò của Hoa Kỳ thì ta thấy rằng: trong Đệ Nhị Thế Chiến, nếu như không có Hoa Kỳ thì cả Âu Châu đã bị Adolf Hitler cai trị trực hay gián tiếp và cả Á Châu cũng đã bị Nhật Hoàng Hirohito thống trị trực hay gián tiếp. Rồi từ sau cuộc chiến, chưa có quốc gia nào giầu mạnh lên được mà không nhờ đến Hoa Kỳ, một điều chúng tôi sẽ nhắc lại trong phần cuối sách khi bàn về những bài học cho tiểu quốc. Tuy nhiên khi là đồng minh của Hoa Kỳ thì phải tìm hiểu về văn hóa, chính trị, luật pháp, thể chế và nhất là quyền lợi của Hoa Kỳ. Về bình diện này thì VNCH quả đã không lưu ý, phần lớn là vì không có điều kiện về tài chính cũng như nhân sự để lưu ý. Cho nên, về bang giao Việt - Mỹ thời Đệ Nhất Cộng Hòa thì cũng đã có nhiều sự hiểu lầm lớn lao giữa hai chính phủ, gây nên những tình huống thật đáng tiếc. Dù ta không thể so sánh hoàn cảnh của VNCH với các nước khác, nhưng nếu nhìn vào những mối bang giao với Hoa Kỳ tương đối là thành công của những nước

như Ấn Độ, Do Thái, Đài Loan, Đại Hàn, Singapore, thì ta thấy công tác tìm hiểu về Hoa Kỳ được đặt rất cao.

***

Qua cuốn sách này, chúng tôi muốn gửi đến đồng hương một vài tâm tư của tác giả:

Thứ nhất, là một kinh tế gia, chúng tôi không khỏi luyến tiếc những cơ hội thuận lợi cho Việt Nam nói chung và Miền Nam nói riêng đã mất đi. Thí dụ như những cơ duyên lịch sử đề cập trong Chương 1. Ngay từ năm 1943, TT Roosevelt đã muốn giải thoát Đông Dương khỏi chính sách thuộc địa. Nếu như ông không chết đi (12 tháng 4, 1945) thì Pháp không thể nào quay trở lại Việt Nam được. Rồi sau Hiệp Định Geneva 1954, với sự yểm trợ lớn lao của TT Eisenhower, Miền Nam đã có được "5 Năm Vàng Son, 1955-1960": vừa xây dựng và phát triển lại có cả hòa bình. Lúc ấy thì Đài Loan còn là Formosa, Singapore chưa ra đời, sản xuất chính của Thái Lan chỉ có gạo, những mái nhà ở Đại Hàn thì toàn mầu đỏ vì phơi đầy ớt, một trong những thực phẩm chính. Đây là lúc kinh tế Miền Nam tới cái mốc mà kinh tế học gọi là điểm 'takeoff.' Đến năm 1963, sau khi thấy Mỹ đã bỏ Lào (23 tháng 7, 1962 – cũng ký tại Geneva) TT Diệm nhìn xa và thấy rằng: trước sau rồi áp lực của nhân dân cũng bắt chính phủ Mỹ phải rút khỏi Việt Nam, cho nên ông đi tìm một giải pháp hòa bình, đó là thương thuyết để từng bước đi tới hiệp thương với Miền Bắc theo một lịch trình gồm có cả vai trò của Mỹ. Giả như Mỹ nối tay với ông lúc ấy thay vì triệt hạ thì lịch sử đã có thể khác hẳn.

Thứ hai, sau khi nghiên cứu nhiều năm về cuộc chiến chúng tôi thấy rõ một điều: trước sự thất bại, chắc chắn là ta phải tự trách mình trước: '*tiên trách kỷ, hậu trách nhân*'– Mea culpa (lỗi tại tôi). Tại sao phải trách mình trước thì nhiều tác giả đã đề cập đến. Nó bao gồm nhiều lý do, thí dụ như sự chia rẽ nội bộ, tư cách và khả năng cùng với những lầm lỡ của cấp lãnh đạo, thái độ chống đối, thờ ơ, buông xuôi từ một số thành phần trong xã hội. Chẳng hạn như tác giả BH Trần Đức Minh đã

viết lại về những gì đã xảy ra sau đảo chính 1963: "Dân chúng thành thị bắt đầu thả lỏng...đêm đêm những tiếng nhạc dập giựt, réo rắt, ảo não ở các vũ trường, quán ăn không át đi được tiếng súng của đối phương vang lên ở đồng bằng Cửu Long cũng như ở vùng rừng núi đông bắc thủ đô."

Tuy nhiên, nhìn về một khía cạnh khác, đó là nhìn vào sự cố gắng của quân, dân Miền Nam thì ta thấy rằng: ít dân tộc nào đã bằng lòng chấp nhận để 1/3 thanh niên ở tuổi lao động đi nhập ngũ. Trong một cuộc chiến khốc liệt và lâu dài: trực tiếp và gián tiếp, đã có tới 224,000 binh sĩ bỏ mình trên chiến trường; 570,000 người bị thương tích: *"anh trở về dang dở đời em."*

Về lãnh đạo: những lời chỉ trích về tư cách, khả năng và lầm lỗi của cấp chỉ huy cả hai nền Cộng Hòa thì tất nhiên cũng có nhiều điểm đúng. Nhưng 'nhân vô thập toàn,' nhất là lãnh đạo ở một nước kém mở mang về mọi mặt: kinh tế, chính trị, quân sự, hành chính, lại ở vào hoàn cảnh chiến tranh. Tuy nhiên người ít, người nhiều, họ đều đã có những đóng góp đáng kể. Ngày nay ta sinh sống ở nước Mỹ là quốc gia giầu có, dân chủ, tự do nhất thế giới mà hằng ngày vẫn thấy những yếu kém, sai lầm của lãnh đạo phơi bầy trên báo chí, truyền hình, dù là TT Carter, Reagan, Clinton, Bush Cha, Bush Con, hay Obama. Vì vậy, ta không nên chỉ nghĩ tiêu cực về những người lãnh đạo của mình, như có người bạn Mỹ đã hỏi: "Các anh nói ông Bảo Đại thì chơi bời; ông Ngô Đình Diệm thì độc tài, gia đình trị; ông Nguyễn Văn Thiệu thì đa nghi tào tháo, lại biển thủ 16 tấn vàng rồi bỏ chạy. Như vậy thì ai là lãnh đạo của các anh?"

Cho nên, chúng tôi cho rằng nếu nhìn vào những khía cạnh tích cực của lịch sử, ta vẫn có thể tự hào về những hy sinh, và những cố gắng của chính mình. Ta phải tự hào thì con cháu chúng ta mới có thể tự hào.

***

Bố cục cuốn sách

Như đề cập trên đây, Đệ Nhất Cộng Hòa là một giai đoạn hết sức phức tạp với quá nhiều sự kiện cũng như chính khách

can dự vào. Tài liệu chúng tôi nghiên cứu thì thật là dài, lại được sắp xếp rất lộn xộn, không theo đúng thứ tự ngày tháng hay theo chủ đề, và cũng không hẳn theo như tựa đề của mỗi tập. Chúng tôi đã bỏ ra nhiều thời gian nghiên cứu để có thể viết những chủ đề và những diễn biến theo dòng thời gian.

Cuốn sách chia làm bảy phần. Bắt đầu mỗi chương, chúng tôi tóm tắt mấy dòng (có đóng khung) để độc giả dễ bề theo rõi trước khi đi vào những chi tiết ở trong chương.

Phần thứ nhất - Miền Đất Xa La Thành Địa Điểm Chiến Lược: viết về bối cảnh khi một miền đất thật xa lạ đối với Hoa Kỳ lại trở thành quan trọng. Về chiến lược, Hoa Kỳ chia ra hai Á Châu: Á Châu Hải Đảo (từ Nhật xuống Indonesia) và Á Châu Lục Địa (lớn và mạnh nhất là Trung Quốc). Trước ông Mao Trạch Đông thì Thái Bình Dương phẳng lặng, cả hai Á Châu đều ổn định, nên Mỹ tuy có để ý, nhưng không quan tâm lắm đến Việt Nam. Nhưng khi Á Châu Lục Địa bắt đầu lung lay trước sự thắng thế của quân đội ông Mao thì Mỹ chăm chú nhìn vào nước này: Việt Nam trở thành địa điểm chiến lược quan trọng nhất ở mặt trận Đông Nam Á. Mỹ thôi thúc Pháp trả lại độc lập cho Việt Nam và phải giúp xây dựng được một đạo binh bản xứ cho hùng mạnh. Nhưng Pháp không nghe, Mỹ phải đi vòng vèo để giúp Quân đội Quốc gia Việt Nam ra đời trong một tình huống thật là khó khăn.

Phần thứ hai - Tiếng Gọi Sang Phía Tự Do: tóm tắt những diễn tiến dẫn tới trận Điện Biên Phủ và cố gắng của TT Eisenhower để thuyết phục Pháp không nên điều đình trong chiến bại, nhưng Pháp đã bỏ cuộc, dẫn đến Hiệp Định Geneva chia đôi đất nước. Bao nhiêu người dân Miền Châu Thổ Sông Hồng bỏ lại nhà cửa, mồ mả tổ tiên, để bồng bế nhau ra đi '*sang phía tự do*' (Passage to Freedom). Nhưng đằng sau cuộc di cư vĩ đại này là cả một sự sắp xếp bí mật khác.

Phần thứ ba - Khi Đồng Minh Nhảy Vào: viết về thời điểm 'Thay Tề đổi Sở.' Hoa Kỳ đã tính toán như thế nào khi quyết định "Ta phải lao vào" (take a plunge). Tiếp theo là diễn tiến

việc ông Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng: từ ý định muốn đi tu, ông đã lạc lõng vào một cái ngân hà chính trị rối ren như thế nào? Rồi phải trải qua bao nhiêu những bước gian truân để khai sinh nền Cộng Hòa đầu tiên của Việt Nam. Sau đó, với sự yểm trợ mạnh mẽ của TT Eisenhower, Miền Nam đã thành công đến mức nào trong '5 - năm vàng son, 1955-1960' vừa xây dựng, phát triển lại có cả hòa bình? Thế rồi bất chợt, tại sao liên lạc Việt – Mỹ lại trở nên căng thẳng vào năm 1960?

Phần thứ tư - Chọn Nơi Đọ Sức: nếu như TT Eisenhower coi Miền Nam như cái thành trì ngăn chận Trung Quốc thì người kế vị ông, TT Kennedy tuy không đổi chiến lược nhưng thay đổi chiến thuật. Phần này tìm hiểu tại sao ông Kennedy lại chọn *"Việt Nam là đúng chỗ rồi"* khi ông quyết định trực diện với Liên Xô (chứ không phải Trung Quốc)? Rồi ông đã thuyết phục TT Diệm như thế nào?

Phần thứ năm - Đường Về Nghĩa Trang: tập trung vào những diễn biến, tính toán tại Washington và Tòa Đại sứ Mỹ ở Sàigòn liên hệ tới đảo chính. Đang hết mực ủng hộ TT Diệm, những lý do nào đã làm cho chính phủ Kennedy thay đổi lập trường? Phần này nói đến vai trò quan trọng của ĐS Lodge trong những ngày tháng cuối cùng. Ông Lodge đã dùng những mưu lược nham hiểm như thế nào để triệt hạ TT Diệm, và đi theo ông là Hiến Pháp đầu tiên của VNCH? Cái lạ là có sự trùng hợp giữa cái tên của hai người đao phủ kết thúc hai nền Cộng Hòa: tên ông Đại sứ là HENRY (Henry Cabot Lodge), và tên ông Cố vấn kiêm Ngoại trưởng Kissinger cũng là HENRY (Henry Alfred Kissinger).

Phần thứ sáu: - "Tôi Sẽ Không Để Mất Việt Nam:" sau đảo chính, Miền Nam rơi vào cảnh hỗn loạn dưới trướng của thập nhị sứ quân. Tại Hoa Kỳ, TT Kennedy bị ám sát đúng ba tuần sau TT Diệm. Như vậy là cả hai Tổng thống Mỹ và Việt đều phải ra đi vào cùng tháng 11, 1963. Phó Tổng thống Johnson lên kế vị: ông đã tính toán như thế nào khi quyết định đưa đại

quân vào Miền Nam để giúp chữa cháy? Sau đó Miền Nam phục hồi sinh lực, để rồi tiến lên với 8 năm ổn định về chính trị, tiếp tục xây dựng và phát triển dù là giữa một cuộc chiến, và chỉ sụp đổ khi đồng minh tháo chạy sau Hiệp Định Paris.

Phần thứ bảy - **Cập nhật cuốn "Khi Đồng Minh Tháo Chạy**. Tuy không liên hệ tới thời gian nhảy vào, nhưng vì cơn hồng thủy đang nổi lên ở Biển Đông, chúng tôi viết thêm một phần để giúp độc giả theo rõi. Phần này nói về hậu quả mà chính nước Mỹ và Á châu đang phải gánh chịu sau 40 năm kể từ khi có chiến lược "*Mở Cửa Bắc Kinh, Đóng Cửa Sàigòn*" do chỉ mình hai ông Nixon-Kissinger khởi xướng. Ngày nay Trung Quốc đã thành một cường quốc và đang lật ngược thế cờ như thế nào? Trước tình huống này, ta mới hiểu được tại sao ***'Mỹ đi rồi Mỹ lại về?'***

Phần kết thúc: chúng tôi đúc kết một số bài học rút ra từ cuộc chiến Việt Nam cho những thế hệ mai sau và cho những tiểu quốc đồng minh của Hoa Kỳ. Thay lời kết, tác giả cũng chỉ còn biết bàn về chữ "Mệnh": mệnh nước Việt Nam chúng ta bao giờ mới hết nổi trôi?

Riêng phần ***Phụ Lục:*** tuy có rất nhiều tài liệu lịch sử quý hóa nhưng một phần vì cuốn sách đã quá dài và một phần là vì sau 50 – 60 năm, văn bản bị phai mờ, bởi vậy chúng tôi chỉ in lại một số rất nhỏ (tuy là khó đọc) để ghi những cái mốc cho các nhà nghiên cứu sau này. Dù sao, vì toàn bộ hồ sơ đã được giải mật và lưu trữ tại một số địa điểm như National Archive, Thư viện các Tổng thống Kennedy, Johnson và Nixon, nên khi cần nghiên cứu sâu hơn, độc giả có thể tra cứu thêm.

Cũng xin lưu ý độc giả là khi trích dẫn văn bản, nhiều khi chúng tôi dùng chữ tô đậm, chữ nghiêng, bullets, và đóng khung để trình bày cho rõ hoặc để nhấn mạnh những chữ cần lưu ý.

***

Trong những năm qua, ngoài những tác giả Mỹ (đặc biệt là Ellen J. Hammer, *A Death In November*; Mark Moyar, *Triumph Forsaken*) nhiều tác giả, bình luận gia Việt Nam đã viết sách, báo và trên mạng về giai đoạn lịch sử 1945-1965, và về TT Ngô đình Diệm. Chúng tôi chỉ có thể ghi lại một số ít tác giả trong phần Thư Mục. Trong những tác giả về giai đoạn lịch sử 1945-1965 thì đặc biệt có Lê Xuân Khoa, *Việt Nam 1945-1995,* Tập I; Huỳnh Văn Lang, *Ký Ức Huỳnh Văn Lang;* B.H. Trần Đức Minh với hai pho sách *Một Thời Nhiễu Nhương;* và đặc biệt là Nguyễn Kỳ Phong, *Vũng Lầy Của Bạch Ốc* là một số trong những tác phẩm được biên soạn rất công phu. Riêng về TT Diệm thì có khá nhiều tác giả, thí dụ như Cao Thế Dung và Lương Khải Minh, *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống;* Lê Tử Hùng, *Những Cái Chết Trong Cách Mạng 1-11-1963*; Nguyễn Văn Minh, *Dòng Họ Ngô Đình, Ước Mơ Chưa Đạt;* Đỗ Thọ, *Nhật Ký Đỗ Thọ;* và Minh Võ, *Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc.*

Chúng tôi và chắc chắn độc giả rất trân trọng những đóng góp quý hóa ấy cho lịch sử. Hy vọng rằng, trong một phạm vi nhỏ hẹp, cuốn *Khi Đồng Minh Nhảy Vào* sẽ nối tiếp với các tác giả để làm sáng tỏ hơn nữa cho sự thật và cho công lý về cuộc chiến Việt Nam. Trong cuộc chiến ấy, một phần đông giới truyền thông và tác giả Hoa Kỳ luôn luôn đặt ra một câu hỏi: "Tại sao phải gửi thanh niên Hoa Kỳ sang chiến đấu cho thanh niên Việt Nam?" (Why sending American boys to fight for Vietnamese boys?". Luận điệu này đóng góp không ít vào việc dẫn đến những cuộc biểu tình vĩ đại đòi hỏi phải rút khỏi Miền Nam. Bằng chứng trong cuốn sách này chứng minh hai điều thật rõ ràng: *thứ nhất*, Hoa Kỳ đã chiến đấu ở Việt Nam là để bảo vệ chính quyền lợi an ninh của Hoa Kỳ; và *thứ hai*, bảo vệ tự do của nhân dân miền Nam đã không bao giờ là mục tiêu chính yếu của những nhà làm chính sách tại Washington (cũng như cuộc chiến tại Afghanistan hay Iraq ngày nay).

Riêng phần tác giả, tuy đã cố gắng tối đa nhưng cũng không thể nào tránh khỏi được những suy luận, ngôn từ có tính cách chủ quan và những lầm lẫn, nhất là viết một cuốn sách dài gần 900 trang, về một thời kỳ hết sức phức tạp với nhiều biến cố, sự kiện, nhân vật, và chính sách. Bởi vậy, về những sai sót thì cũng như hai cuốn sách trước, tác giả luôn luôn tin vào sự thông cảm rộng rãi của độc giả.

LỜI CÁM ƠN

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ các thân hữu, bạn bè xa gần đã hỗ trợ tác giả trong việc biên soạn cuốn sách này.

Đặc biệt là Hứa Chấn Minh, người đã theo đuổi công việc nghiên cứu của chúng tôi trong những năm qua và đã xuất bản cả ba cuốn sách: Khi Đồng Minh Tháo Chạy, Tâm Tư Tổng Thống Thiệu và Khi Đồng Minh Nhảy Vào.

Rồi đến anh Lương Văn Trí nối tay để yểm trợ phát hành. Trong số các thân hữu, anh chị Lương Trần, anh Chu Xuân Viên, và anh Peter Trần Lương đã đọc bản dự thảo ngay từ năm 2007 và góp nhiều ý kiến xây dựng. Anh Viên còn giúp chuyển ngữ một số tài liệu. Cùng một thời điểm, anh Tạ Văn Tài, người bạn cũ từ khuôn viên đại học Virgina đã giúp tôi chỉnh sửa để cho cuốn sách được trung thực và xúc tích hơn.

Người bạn đã nhuận bút và hiệu đính giúp cho cuốn sách thêm phần khởi sắc là bạn Phạm Đỗ Chí. Bạn Chí còn chia sẻ với tác giả tâm tình hăng say của thế hệ thanh, thiếu niên trong những năm vàng son 1955-1960 của thời Đệ Nhất Cộng Hòa (Chương 13).

Tiếp đến là anh Nguyễn Trọng đã đọc bản thảo và đi tới kết luận "Đây là một cuốn sách trả lời những câu hỏi lớn của lịch sử." Cho nên anh khuyến khích tác giả cố gắng để sớm hoàn thành tác phẩm.

Một lần nữa, chúng tôi xin cám ơn anh Đỗ Ngọc Hiển đã hết lòng hỗ trợ tác giả trong những năm soạn thảo, rồi lại mất nhiều công sức để cùng với bạn Nguyễn Văn Liêm giúp phát hành cuốn sách.

Trước khi phát hành, người đã nhiệt tình giới thiệu cả ba cuốn sách trong những số Xuân Việt Báo là kinh tế gia Nguyễn Xuân Nghĩa. Không những giới thiệu, bạn Nghĩa còn luôn luôn khích lệ mỗi khi tác giả có ý định bỏ cuộc.

Cuốn sách này được sắp xếp kỹ thuật để in ấn do anh Võ Thành Điểm. Anh Điểm đã kiên nhẫn để chỉnh sửa bản layout nhiều lần. Bìa sách là do anh Michael Huỳnh trình bày. Tác giả trân trọng và cám ơn sự đóng góp của hai bạn trẻ này.

Sau hết, tôi cám ơn nhà tôi, Therese N. H. Hưng đã hỗ trợ tôi trong từng giai đoạn: nghiên cứu, chọn lọc và sắp xếp tài liệu, biên soạn,và sau cùng thì góp ý, sửa chữa nhiều sai sót để hoàn thành tác phẩm. Tôi cũng xin cám ơn và ghi lại tình cảm sâu đậm của tác giả đối với những yểm trợ tinh thần của người chị Kim Loan quý mến, cùng với các em (Nguyễn Minh Trí, Kim Quy Trần), các con (Christine Hưng, Daniel Hưng, Michael Long Hưng), và các con, cháu trong gia đình ông bà Cố Chánh Nguyễn Xuân Phi, các anh chị trong đại gia tộc Cố Kỳ (anh Trần Khắc Hỷ, anh Trần Khánh Liễm), những người luôn luôn ở bên cạnh để nâng đỡ tinh thần chúng tôi trong tất cả các tình huống, tất cả các giai đoạn thăng trầm của cuộc đời.

PHẦN I

TỪ MIỀN ĐẤT XA LẠ
THÀNH ĐỊA ĐIỂM CHIẾN LƯỢC

CHƯƠNG 1

CHỢT ĐẾN RỒI CHỢT ĐI
Những Cơ Duyên Lịch Sử

Năm 1995 - hai mươi năm sau cuộc chiến khốc liệt - Bộ trưởng Quốc Phòng Robert McNamara nhận xét: *"Khi bàn đến vấn đề Việt Nam, chúng tôi đã thiết lập chính sách cho một miền đất xa lạ."* Thật vậy, cho đến đầu thập niên 1960 đại đa số nhân dân Mỹ đều không biết tới Việt Nam. Họ chỉ nghe đại khái có nước Annam bên Đông Dương, một thuộc địa của Pháp ở Á Châu cũng như những thuộc địa khác ở Phi Châu.

Tuy nhiên, từ ba thế kỷ trước, Việt Nam và Hoa Kỳ cũng đã có những cơ duyên lịch sử để giao hảo. Thật đáng tiếc rằng những cơ duyên ấy đã chợt đến rồi chợt đi. Tới khi hai bên là đồng minh thì sự gặp gỡ lại xảy ra trong một tình huống hoàn toàn khác.

Mùa Thu năm 1958, chúng tôi tham dự một cuộc họp Hội Sinh Viên Quốc Tế Đại Học Virginia. Mỗi người phải đứng lên để tự giới thiệu. Sau khi nói đến tên và ngành học, chúng tôi nói đến quê hương mình:

- "Tôi là người Việt Nam bên Đông Dương (Indochina)."

- "Ý anh muốn nói là 'Đông Pháp' (French Indochina) phải không," một sinh viên Mỹ ngắt lời hỏi.

- "Tên Đông Pháp là trước đây, bây giờ là Đông Dương, anh ạ." Chàng sinh viên coi bộ không hiểu.

Cho tới đầu thập niên 1960, nhiều người Mỹ còn gọi nước ta là An Nam, một miền đất thật xa lạ đối với họ. Năm 1784,

ông Robert Morris, một thương gia ở Philadelphia đóng chiếc tầu lớn lấy tên là *Empress of China* lần mò sang tới mãi Viễn Đông. Tầu này đi qua Việt Nam rồi tới Quảng Đông. Khi trở về Mỹ được Quốc hội khen ngợi là đã thành công trong việc mở đường giao thương với Trung Quốc. Từ đó có nhiều tầu Mỹ khác cũng sang Á Đông nhưng chỉ buôn bán với Trung Quốc và Xiêm La (Thái Lan), ít để ý tới xứ An Nam. Xa xưa, người Mỹ còn lẫn lộn 'Tonkin' và 'An Nam' là địa hạt thuộc 'tỉnh Giao Chỉ ở miền nam nước Tầu.'[1] Đối với các nhà lãnh đạo Mỹ hồi đó, Việt Nam chỉ là một miền đất trừu tượng (a geographical abstraction). Nó chỉ là tên của một trong những thuộc địa của các cường quốc Âu Châu chứ không có gì quan trọng vì Mỹ chẳng có liên lạc chính trị, kinh tế, thương mại, hay du lịch gì ở nơi đây. Nhưng tuy là xa lạ, Việt Nam và Hoa Kỳ cũng đã có những cơ duyên lịch sử rất quý báu để có thể là đồng minh:

- Thế kỷ 18: Hoàng tử Cảnh gặp Sứ Thần Mỹ tại Pháp, ông Thomas Jefferson.
- Thế kỷ 19: Sứ Thần vua Tự Đức là Bùi Viện lần mò tới tận Washington cầu viện để chống Pháp.
- Thế kỷ 20: TT Mỹ Roosevelt đã cố gắng giúp Việt Nam được độc lập.

Hoàng Tử Cảnh gặp Đại Sứ Jefferson

Năm 1785 ông Nguyễn Phúc Ánh (sau này là vua Gia Long) gửi người con đầu lòng mới lên năm tuổi tên là Nguyễn Phúc Cảnh hay 'Hoàng tử Cảnh' cùng đi với Giám Mục Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine, 1741-1799) sang Pháp cầu viện. Ông được triều kiến vua Louis 16 vào ngày 5 tháng 5, 1787 tại điện Versailles. Thấy cậu bé khôi ngô và thông minh, Hoàng hậu Marie Antoinette rất yêu quý và các bà cô trong triều đình ai ai cũng chăm chú để ý. Người uốn tóc nổi tiếng Leonard thấy vậy nên thiết kế ngay một mẫu tóc đặc biệt để *"vinh danh Hoàng tử Xứ Nam Kỳ."* Một bức chân dung thật đẹp của Hoàng tử được

Họa sĩ Maupérin vẽ để trưng bày tại Viện Truyền Giáo Paris. Cậu bé rất vui vẻ, chơi đùa với cả con Vua Louis XVI là Louis-Joseph, Thái tử Nước Pháp. Nghe tin có Hoàng tử Nam Kỳ đang ở Paris, Sứ thần Mỹ là Thomas Jefferson sắp xếp để gặp gỡ. Ông Jefferson là người đã viết ra bản 'Tuyên Ngôn Độc Lập' của Hoa Kỳ và sau này làm tổng thống nổi tiếng. Ngoài chính trị, ông vừa là một triết gia, một nhà ngoại giao, khoa học gia, người sáng chế và một nhà giáo dục. Đặc biệt, ông rất để ý về canh nông và muốn nhập cảng những loại gạo tốt vào vùng South Carolina và Georgia. Khi đọc cuốn sách *'Voyages d'un Philosophe'* của Pierre Poivre viết về những cuộc du hành ở Đông Nam Á Châu, ông thấy có nói tới một loại giống lúa khô ở vùng Nam Kỳ (Đàng Trong) nên để ý ngay.[2] Ông được Hoàng hậu Marie Antoinette giới thiệu làm quen và nhờ cậu khi nào về nước thì cung cấp cho mình một ít lúa giống để trồng ở vùng Carolina. Lúc ấy ông Jefferson đang cố đi tìm một loại lúa khô để thay thế cho loại trồng trên ao hồ sình lầy ở miền Nam nước Mỹ, dễ sinh ra nhiều tật bệnh. Ngày 13 tháng 1, 1788, ông viết cho William Drayton, Chủ tịch Hiệp Hội Canh Nông ở South Carolina: *"Loại gạo khô ở xứ Nam Kỳ trông thì trắng nhất, nấu thì thơm nhất và năng xuất lại cao nhất."* Sau khi gặp cậu Hoàng tử, ông viết thêm: *"Tôi có rất nhiều hy vọng sẽ nhận được một ít hạt giống lúa cạn từ Xứ Đàng Trong vì một vị hoàng tử trẻ của xứ Cochin-China hiện đang có mặt tại Pháp, đã hứa hẹn một cách chắc chắn với tôi rằng ông ta sẽ cung cấp cho tôi loại lúa đó..."* [3]

Chẳng may, khi trở về nước, hoàng tử Cảnh đã chết vì bệnh đậu mùa vào năm 1801 khi mới lên 22 tuổi. Năm 1801 là năm vua Gia Long thống nhất sơn hà cũng lại là năm ông Thomas Jefferson lên chức Tổng thống Hoa Kỳ. Trong khung cảnh lịch sử ấy, nếu như Hoàng tử Cảnh đã không chết thì chắc là ông đã gửi lúa giống sang Mỹ cho Tổng thống Jefferson. Từ đó hai bên Mỹ - Việt đã có những quan hệ tốt đẹp ngay từ cuối Thế kỷ 19. Nếu như vậy thì vận mệnh nước Việt Nam đã có thể khác hẳn rồi?

Một năm sau (1802), chiếc thương thuyền Hoa kỳ đầu tiên tên là *Fame* có ghé Vịnh Tourane (Đà Nẵng) và thuyền trưởng

Jeremiah Briggs đã từ Faifo (Hội An) lần mò ra tới tận Huế với mục đích xin phép nhà vua để được buôn bán với Việt Nam. Nhật ký Briggs ghi lại về những quan sát ấn tượng của ông ở Huế: nhà vua, thành nội, các cung phi, đàn voi, lính cận vệ. Chắc là thấy con mình đã nói nhiều về nước Mỹ nên Vua Gia Long nhờ một cố đạo người Pháp đến gặp ông Briggs và hỏi thăm về nước Hoa Kỳ. Rồi nhà vua cũng cho phép ông được buôn bán. Nhưng vì có bão lớn, tầu *Fame* đã nhổ neo rời Tourane (Đà Nẵng) quá sớm, và sau đó thì hai nước Mỹ-Việt cũng vẫn chỉ là hai thế giới xa lạ.[4]

Vua Tự Đức gửi Sứ Thần đi Mỹ cầu viện chống Pháp

"Các ngài có thể nào thuyết phục những người bạn Âu Châu của các ngài ngừng xâm chiếm nước tôi được không?" vị sứ thần hỏi. Người Mỹ thì không biết tới nước ta chứ bảy mươi năm sau chuyến viếng thăm của thuyền trưởng Briggs, khi Pháp bắt đầu đem quân vào đánh phá, đầu thập niên 1870 vua Tự Đức đã gửi sứ thần Bùi Viện qua ngả Hồng Kông đi cầu cứu Mỹ. Mặc dù ngàn trùng xa cách, phương tiện giao thông khó khăn, vị Sứ Thần cũng đã lần mò được tới tận Washington để tiếp xúc với chính phủ của Tổng Thống Ulysses Sympson Grant. Tổng Thống Grant là một anh hùng trong cuộc nội chiến Bắc-Nam. Khi Tổng Thống Lincoln chỉ định ông làm Tư Lệnh miền Tây Tennessee và Bắc Mississippi, ông đã thắng nhiều trận lớn. Nhưng ông chỉ biết nhiều về quân sự chứ nào có biết tới nước An Nam ta ở đâu. Bởi vậy câu trả lời của chính phủ ông dĩ nhiên là "không." Trên đường trở về nước, vị sứ thần dừng lại ở Yokohama, Nhật Bản để gặp Lãnh Sự Mỹ. Hai người bàn bạc và đồng ý rằng một ngày nào đó chắc chắn Hoa kỳ sẽ liên can lớn tới Á Châu. Khi từ biệt, sứ thần Việt Nam làm một câu thơ nói lên tâm tư của mình về hai nước:[5]

> *"Là bạn đồng hành,*
> *Nhưng tới năm nào chúng ta mới ngồi chung trên một con thuyền?"*

Tới năm nào thì lúc đó chẳng ai biết, nhưng không được Mỹ giúp thì ngay năm sau, Pháp đã hoàn tất việc thôn tính thuộc địa. *"Nước An Nam công nhận và chấp nhận nền bảo hộ của nước Pháp,"* đó là điều khoản Thứ I của Hiệp Ước Bảo Hộ ký ngày 6 tháng 6 năm 1884 giữa 'Chính phủ Đại Nam Hoàng Đế và Chính phủ Cộng Hòa Pháp Quốc.' Đại diện cho Pháp là ông Jules Patenôtre, bởi vậy cũng gọi là Hiệp ước Patenôtre.

Nhưng rồi trong Thế chiến II, mẫu quốc thua xiểng liểng. Ngày 10 tháng 5, 1940, Hitler tấn công khu rừng Ardennes, chọc thủng tuyến phòng thủ Maginot, và chỉ 42 ngày sau quân đội Đức đã diễn hành trên Đại lộ Elysées. Một lá cờ Nazi thật bự treo ngay trên 'Khải Hoàn Môn' (Arc de Triomphe).

Thoát chết ở Ardennes, tướng de Gaulle chạy sang hoạt động ở bên Anh. *"Nước Pháp không cô đơn, Nước Pháp không cô đơn...Nước Pháp còn có một đế quốc rộng lớn ở sau lưng."* [6] Sau Luân Đôn, de Gaulle lập thủ đô Nước Pháp Tự Do (France Libre) tại Fort Lamy (nước Chad bên Phi Châu), rồi tới Douala (nước Cameroon), Brazzaville (Congo), và Libreville (Gabon). (Chúng tôi xin mở ngoặc ở đây là khi làm việc và đi công tác cho Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế tại Phi Châu từ giữa thập niên 1960, tác giả cũng đã được thăm viếng các nơi này và được hướng dẫn đi xem tận nơi những bản doanh của De Gaulle). Đế quốc Pháp mà de Gaulle nói tới bao gồm các thuộc địa từ Phi Châu tới Đông Dương. Riêng về Đông Dương thì lúc ấy Pháp đã bị Nhật lật đổ hoàn toàn (ngày 9 tháng 3, 1945).

Ngày 6 tháng 6, 1944 (ngày 'D-Day') quân đội Đồng minh đổ bộ vào Normandie rồi tiến thật nhanh về Paris, giúp cho de Gaulle diễn hành vào thủ đô ngày 25 tháng 8, 1944. Đi qua Khải Hoàn Môn, trông ông rất tự hào.

Vừa khôi phục được giang sơn, de Gaulle đã tính ngay tới chuyện phục hồi thuộc địa, yêu cầu Mỹ và Anh chấp nhận quyền cai trị của mình tại Đông Dương khi chiến tranh kết thúc.

Tổng Thống Roosevelt muốn giải thoát Đông Dương

"Nước Pháp đã vắt sữa Đông Dương một trăm năm rồi. Người dân Đông Dương xứng đáng được đối xử tốt hơn," TT

Roosevelt viết trong một bản ghi nhớ gửi Ngoại trưởng Hull khi thấy Pháp muốn lấy lại thuộc địa. Tổng Thống Roosevelt là một vĩ nhân của nước Mỹ. Người duy nhất đã làm Tổng Thống bốn nhiệm kỳ. Ông đã có những sự nghiệp to lớn, nhất là lãnh đạo quốc gia qua cơn khủng hoảng kinh tế trong thập niên ba mươi. Ông là tổng thống Mỹ đầu tiên để ý tới Đông Dương với lòng nhân ái, thực tâm muốn chấm dứt chế độ thuộc địa.[7]

Ngay từ khi Thế Chiến II đang tiếp diễn, tại cuộc họp tay ba đầu tiên giữa Anh, Mỹ và Nga tại Tehran thủ đô Iran (từ 28 tháng 11 tới 1 tháng 12, 1943), ông đã nói với Thống chế Stalin về quy chế *ủy trị* (Trusteeship) cho Đông Dương, trao khu vực này cho một Ủy ban Quốc Tế đảm nhận để đi dần tới độc lập. Bản ghi nhớ cuộc họp ngày 28 tháng 11 ghi lại:[8]

"Khi Thống chế Stalin nói sẽ không để cho Pháp trở lại thuộc địa thì TT Roosevelt đã trả lời là ông 'đồng ý một trăm phần trăm vì Đông Dương đã bị Pháp đô hộ tới 100 năm rồi nhưng người dân nơi đây bây giờ lại còn khốn cùng hơn lúc trước.' (Tại cuộc họp Cairo) khi ông Tưởng Giới Thạch nói 'Trung Quốc không có ý đồ gì nhưng cho rằng nhân dân Đông Dương chưa sẵn sàng để đi tới độc lập,' thì TT Roosevelt trả lời: 'khi Hoa Kỳ chiếm đóng Phi Luật Tân thì người dân ở đây cũng chưa sẵn sàng để độc lập, nhưng một khi cuộc chiến với Nhật chấp dứt thì độc lập sẽ được trả lại vô điều kiện cho Phi Luật Tân. Bởi vậy nên thành lập một quy chế *ủy trị* với nhiệm vụ chuẩn bị cho Đông Dương độc lập trong một thời gian nhất định từ 20 tới 30 năm.' "

TT Roosevelt đã cố thuyết phục Thủ tướng Anh là Winston Churchill dựa trên căn bản của 'Hiến Chương Đại Tây Dương' (Atlantic Charter) mà cả hai nước đã ký kết ngay từ năm 1941 (ngày 12 tháng 8). Theo hiến chương này, hai quốc gia đồng ý về việc *"Tôn trọng quyền tự chủ của các dân tộc,"* và vì vậy, *"ước mong cho chủ quyền lãnh thổ và tự trị sớm được vãn hồi cho những dân tộc nào đã bị ép buộc phải mất đi."* Nhưng Hiến chương này chỉ là lý thuyết, vì trong thực tế thì thái độ của chính phủ Anh đã khác. Tháng 11, 1942 khi Ngoại Trưởng Mỹ Cordell Hull đưa ra một bản dự thảo để hai nước Anh và

TEHRAN CONFERENCE

Extract from Memorandum of Conversation between President Roosevelt and Marshal Stalin, November 28, 1943, 3 p.m.[1]

MARSHAL STALIN expatiated at length on the French ruling classes and he said, in his opinion, they should not be entitled to share in any of the benefits of the peace, in view of their past record of collaboration with Germany.

THE PRESIDENT said that Mr. Churchill was of the opinion that France would be very quickly reconstructed as a strong nation, but he did not personally share this view since he felt that many years of honest labor would be necessary before France would be re-established. He said the first necessity for the French, not only for the Government but the people as well, was to become honest citizens.

MARSHAL STALIN agreed and went on to say that he did not propose to have the Allies shed blood to restore Indo-China, for example, to the old French colonial rule...

... He repeated that France should not get back Indo-China and that the French must pay for their criminal collaboration with Germany.

THE PRESIDENT said he was 100% in agreement with Marshal Stalin and remarked that after 100 years of French rule in Indo-China, the inhabitants were worse off than they had been before. He said that Chiang Kai Shek had told him China had no designs on Indo-China but the people of Indo-China were not yet ready for independence, to which he had replied that when the United States acquired the Philippines, the inhabitants were not ready for independence which would be granted without qualification upon the end of the war against Japan. He added that he had discussed with Chiang Kai Shek the possibility of a system of trusteeship for Indo-China which would have the task of preparing the people for independence within a definite period of time, perhaps 20 to 30 years.

MARSHAL STALIN completely agreed with this view.

Mỹ cùng tuyên bố về "Hiến Chương Đại Tây Dương và Nền Độc Lập Của Các Quốc Gia," thì chính phủ Anh đã gạt phắt đi. *"Ngoại Trưởng Anh đã thẳng thắn cho tôi biết rằng ông ta không thích bản dự thảo này,"* ông Hull báo cáo với Tổng Thống Roosevelt, *"Chữ 'độc lập' làm cho ông ta khó chịu, vì ông ta nghĩ đến hệ thống Đế Quốc Anh, nó cũng đã được dựa trên căn bản là chính sách về thuộc địa."*[9]

Sau khi Thế chiến II kết thúc, hai nước Anh và Mỹ vẫn tiếp tục dính líu vào Đông Dương vì còn vấn đề giải giới quân đội Nhật ở nơi đây. Nhưng lập trường của hai nước hoàn toàn khác nhau. Mỹ thì chống đối việc Pháp muốn tái chiếm Đông Dương, nhưng Anh lại ủng hộ. Tại sao Anh ủng hộ? Đó là vì ngoài lý do là đồng minh thân hữu của Pháp, Anh lại còn phải đương đầu với các thuộc địa của chính mình ở Á Châu như Burma (Myanmar), Hồng Kông, Ấn Độ. Nếu ủng hộ nền độc lập của Đông Dương thì thuộc địa của Anh cũng sẽ nổi dậy, và thuộc địa của Hòa Lan là Indonesia sẽ theo sau. (Nhưng rồi Anh cũng phải để cho Ấn được độc lập - tháng 8, 1947, và Burma - tháng 4, 1948).

Thủ Tướng Anh Churchill đã biết rất rõ về ý định của Tổng thống Roosevelt muốn giải thoát chế độ thuộc địa nên ông căn dặn Ngoại trưởng Anthony Eden: *"Trước khi chúng ta có thể chính thức đưa Pháp vào Đông Dương, chúng ta phải giải quyết vấn đề với Tổng Thống Roosevelt. Ông ta đã nói thẳng với tôi về vấn đề ấy hơn là về bất cứ vấn đề nào khác, và tôi nghĩ rằng một trong những mục tiêu của ông ta là giải thoát Đông Dương khỏi tay người Pháp"*[10]

Tổng Thống Roosevelt ở vào thế kẹt. Một mặt thì muốn cho Đông Dương sớm được độc lập, mặt khác thì chính phủ Anh lại chống đối. Mà lúc đó thì Mỹ lại đang bận tâm về các vấn đề Âu Châu nên rất cần được chính phủ Anh cộng tác. Trong một bản ghi nhớ gửi Ngoại trưởng Hull ngày 24 tháng 1, 1944, TT Roosevelt nhắc lại:

> "Tôi đã gặp ông Halifax (Đại sứ Anh ở Washington) tuần vừa qua và nói thẳng với ông ta rằng thật đúng là từ

hơn một năm nay, tôi đã có ý kiến rằng không thể trả lại Đông Dương cho Pháp được, và phải đặt nó dưới một chế độ Ủy trị quốc tế. Pháp đã chiếm đóng nơi này - với 30 triệu dân – tới gần một trăm năm rồi. Và bây giờ nhân dân bản xứ còn bết bát hơn là so với lúc ban đầu.

"Thực vậy, ý kiến của tôi được cả Tưởng Giới Thạch và Stalin ủng hộ. Tôi không thấy có lý do gì để nhùng nhằng với Bộ Ngoại giao Anh Quốc nữa. Lý do duy nhất để họ chống đối ý kiến của tôi là vì họ sợ ảnh hưởng tới những thuộc địa của họ và của Hòa Lan. Chẳng bao giờ họ ủng hộ giải pháp Ủy trị, vì có những trường hợp nó sẽ dẫn tới độc lập. Trường hợp Đông Dương là đúng như vậy.

"Tuy mỗi trường hợp mỗi khác, nhưng riêng đối với trường hợp Đông Dương thì đã quá rõ ràng: Nước Pháp đã vắt sữa (milked) nó một trăm năm rồi. Người dân Đông Dương xứng đáng được đối xử tốt hơn."

Tại Hội Nghị Yalta ngày 8 tháng 2, 1945 (Yalta là một thành phố phía Nam Ukraine) khi ba cường quốc Mỹ-Nga-Anh nhóm họp ở Dinh Livadia bàn bạc chiến lược cuối cùng để đánh bại Đức và Nhật và vấn đề sắp xếp sau chiến tranh, TT Roosevelt lại nhắc đến quy chế ủy trị cho Đông Dương. Bản Ghi nhớ cuộc họp ghi:[12]

- Tổng thống Roosevelt nói với ông Stalin rằng ông cũng vẫn có ý định về quy chế ủy trị, nhưng Chính phủ Anh không chấp thuận quy chế này vì họ muốn trả lại Đông Dương cho Pháp, họ lo ngại rằng quy chế ủy trị sẽ ảnh hưởng tới Miến Điện (Burma, ngày nay là Myanmar). Ông thêm rằng người dân Đông Dương bé nhỏ giống như người Java và Miến Điện và không hiếu chiến. Pháp đã không làm gì để cho người bản xứ tiến bộ từ khi chiếm đóng thuộc địa. TT Roosevelt nói Tướng de Gaulle yêu cầu Hoa Kỳ cung cấp tầu bè để vận chuyển quân đội Pháp trở lại Đông Dương.

- Thống chế Stalin hỏi lại: "Tướng de Gaulle lấy đâu ra quân mà gửi sang Đông Dương?".
- Tổng thống trả lời rằng "de Gaulle nói ông ta sẽ tìm đủ số quân khi Mỹ tìm đủ số tầu cho ông ta. Tổng thống thêm rằng "cho tới lúc này thì Mỹ chưa có thể tìm ra đủ số tầu."

Trong cuộc họp báo sau đó vào ngày 23 tháng 2, 1945, Tổng Thống Roosevelt lại có ý kiến thêm về Đông Dương:[13]

- "Tướng de Gaulle vừa tuyên bố rằng Đông Pháp sắp sửa được giải thoát; như vậy là ai giải thoát, thưa Tổng Thống? " nhà báo hỏi.
- "Đã tới hai năm rồi, tôi rất lo nghĩ về (vai trò của Pháp tại) Đông Dương," ông Roosevelt trả lời. "Tôi có nói chuyện với ông Tưởng giới Thạch ở Cairo và ông Stalin ở Teheran: hai ông đều đồng ý với tôi (về vấn đề độc lập của các nước Đông Dương). Người Pháp đã từng ở đó cả trăm năm rồi. Và người Đông Dương cũng không giống như người Tầu."

Được hỏi thêm về quan điểm là Đông Dương chưa đủ khả năng để tự trị, Tổng thống Roosevelt gạt đi: *"Tôi có nói với ông Tưởng rằng cứ để cho Đông Dương hưởng chế độ ủy trị, rồi tìm một số người gồm một người Pháp, một vài người Đông Dương, một người Tầu, một người Nga, và có thể là một người Phi Luật Tân và một người Mỹ - để đào tạo cho họ về kỹ thuật hành chính. Chúng tôi phải mất 50 năm để làm như vậy ở Phi Luật Tân. Stalin thích ý kiến đó, Trung quốc thích ý kiến đó. Chỉ có Anh quốc là không thích. Vì nó có thể làm đổ vỡ đế quốc của họ: nếu Đông Dương đi tới độc lập thì rồi Burma cũng làm như vậy đối với nước Anh."*[14]

Nhận xét như vậy rồi TT Roosevelt đi tới kết luận: *"Nhưng thôi, ý kiến này chỉ làm cho người Anh giận dữ thêm. Lúc này ta cứ im lặng là hơn."* Ngoài ra, vì lúc ấy lại còn nhu cầu thâu lượm tình báo ở Đông Dương cho quân đội Đồng Minh tiếp tục

đánh Nhật, Mỹ cũng bị áp lực phải nhân nhượng Pháp.[15] Ngày 3 tháng 4, 1945, Bộ Trưởng Ngoại Giao Mỹ Stettinius tuyên bố là Hoa Kỳ chỉ đề nghị chế độ ủy trị cho "những lãnh thổ nào tự nguyện đặt dưới quyền ủy trị," ý muốn nói là để tùy Pháp có tự nguyện hay không.

Tuy nhiên, cùng một lúc (tháng 3, 1945), Tổng Thống Roosevelt lại vẫn ra lệnh cho Đại sứ Mỹ ở Trung Hoa và Tướng Albert Wedemeyer *"phải theo dõi rất cẩn thận các hành động của Anh và Pháp vì hai nước này đang cấu kết với nhau để phục hồi thuộc địa."* Ngay trước khi ông từ trần, Roosevelt còn có ý định thiết lập một cơ quan chỉ huy thống nhất cho các lực lượng đồng minh tại Á Châu do tướng Wedemeyer chỉ huy. Ông cho rằng nếu viên chỉ huy lực lượng Anh ở đó bị đặt dưới quyền chỉ huy của tư lệnh Mỹ thì Anh sẽ không thể tự ý giúp Pháp quay lại Đông Dương mà không có phép của Mỹ.[16]

Vào lúc này thì ông Roosevelt cũng đã quá mệt mỏi sau khi làm Tổng Thống gần bốn nhiệm kỳ (trường hợp duy nhất trong lịch sử Hoa Kỳ). Nhiệm kỳ thứ tư lại phải đương đầu với Thế chiến thứ hai. Tại hội nghị Yalta vào tháng 2, 1945, ông bị áp lực của cả Anh, Pháp và nhiều thành phần ở ngay trong chính phủ Mỹ nên phải nhượng bộ: nguyên tắc 'chế độ ủy trị quốc tế' được thay bằng 'chế độ ủy trị với điều kiện' (có nghĩa là phải có sự đồng ý của Pháp).'

Sau hội nghị Yalta, ông Roosevelt về quê ở Warm Springs, Georgia để nghỉ ngơi và đã qua đời ngày 12 tháng 4, 1945. Nhiều học giả cho rằng nếu ông còn sống để đi dự Hội Nghị Postdam thì tình hình Đông Dương đã khác hẳn, vì ông sẽ không để cho Pháp chiếm lại thuộc địa, hoặc ít nhất, ông cũng giúp sắp xếp những bước đi để đưa Đông Dương tới độc lập.[16] Có lần Đô đốc Mỹ Mountbatten, Tư lệnh Quân đội Đồng Minh ở chiến trường Đông Nam Á đã nói thẳng với Tướng Leclerc, Tư lệnh Pháp,: *"Nếu TT Roosevelt còn sống thì không thể nào Pháp đã có thể trở lại Đông Dương được."* [17]

***

Xem như vậy, ta thấy đã có bao nhiêu cơ duyên cho mối bang giao Việt – Mỹ, nhưng nó đã chợt đến rồi chợt đi. Riêng

đối với cá nhân tác giả thì luôn nghĩ rằng Việt Nam ta đã có được một vận hội thật lớn khi Hoàng tử Cảnh gặp Sứ thần Jefferson tại Paris. Sở dĩ suy nghĩ nhiều về hoàn cảnh này vì chúng tôi là sinh viên Việt Nam đầu tiên theo học tại University of Virginia (UVA), một đại học do chính TT Jefferson tự thiết kế bản đồ rồi sáng lập khi ông về hưu (1809). Ngày ngày ông ngồi tại tư dinh trên đỉnh đồi Monticello (Charlottesville) lấy ống nhòm nhìn xuống khuôn viên đại học để quan sát. Nếu như Hoàng Tử cảnh không chết vì bệnh đậu mùa thì chắc thế nào sau khi cha ông thống nhất sơn hà ông cũng đã tìm cách gửi lúa giống sang cho TT Jefferson. Rất có thể ông Jefferson đã giúp đưa cậu hoàng tử sang học ở đại học do mình thành lập. Chúng tôi không thể không ước rằng sinh viên Việt Nam đầu tiên ở UVA đã là Hoàng Tử Cảnh chứ không phải Nguyễn Tiến Hưng. Độc giả có thể để cho trí tưởng tượng phiêu du suy nghĩ về tình huống này.

Hoàng Tử Cảnh
(Hình: Wikipedia)

Tượng TT Thomas Jefferson tước Rotunda, Đại học Virginia (Hình: UVA, tác giả lưu trữ)

TT Ulysses Grant
(Hình: Library of Congress)

TT Franklin D. Roosevelt với Thủ tướng Churchill và Thống chế Joseph Stalin tại Hội nghị Yalta, 1945. (Hình: "History.com")

Tướng de Gaulle diễn hành vào Paris qua Khải Hoàn Môn sau 26/8/1945. (Hình: AP/Wide World Photo)

CHƯƠNG 2

Đông Dương Bốc Cháy

TT Roosevelt chết đi thì cơ hội ngăn chận Tướng de Gaule nhất quyết "trở lại với đàn con Đông Dương" cũng qua đi. Tại Việt Nam thì sau khi Nhật lật đổ Pháp vào tháng 3, 1945, Đại sứ Nhật đã nhân danh Nhật Hoàng "dâng nền độc lập cho Hoàng thượng." Cựu Hoàng Bảo Đại tuyên bố độc lập và thành lập chính phủ Trần trọng Kim. Để tìm sự ủng hộ, ông liền viết thư cho Tổng thống Mỹ Harry Truman yêu cầu Pháp phải tôn trọng nguyên tắc bình đẳng giữa các dân tộc và trả lại độc lập cho Việt Nam. Về phía Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng gửi 14 công hàm yêu cầu Mỹ ủng hộ nền độc lập và cứu trợ nạn đói đang hoành hành. Tuy nhiên vào thời điểm ấy, Đông Dương chưa có gì là quan trọng nên Mỹ còn đứng vòng ngoài, không áp lực Pháp. Mùa thu 1945 Pháp đem quân vào Sàigòn rồi tiến lên Miền Bắc. Chiến tranh Đông Dương bùng nổ cuối năm 1946.

Năm 1947 Chủ tịch Liên Xô Joseph Stalin công khai ủng hộ các cuộc nổi dậy ở Thổ Nhĩ Kỳ, Hy Lạp, Czechoslovakia rồi tiến tới khiêu khích Đồng Minh ở Berlin. Chiến tranh lạnh bắt đầu. Tổng Thống Harry Truman phản ứng mạnh mẽ, quyết tâm ngăn chận sự bành trướng của Liên Xô. Hoa Kỳ bắt đầu chiến dịch 'ngăn chận làn sóng đỏ' và hướng về Việt Nam: cuộc chiến tranh lạnh bắt đầu tỏ rõ ở Á Châu.

"Chiến dịch có ưu tiên cao nhất sau khi giải thoát chính quốc là phải giải thoát Đông Dương," [1] Tướng de Gaulle đã tuyên bố ngay từ tháng 7, 1943 lúc Pháp còn đang bị Đức chiếm đóng.

Sau khi TT Roosevelt ra đi, Phó Tổng Thống Harry Truman lên kế vị. Quá bất ngờ về cái chết của người tiền nhiệm, ông thật ngỡ ngàng về việc nước. Ông là người ít kinh nghiệm ngoại giao vì Tổng Thống Roosevelt đã không để cho ông tham gia nhiều vào các vấn đề quốc ngoại. Thí dụ như ông chưa bao giờ gặp các lãnh tụ như Stalin, Churchill. Bởi vậy ông phải cố gắng tìm hiểu tình hình cho kịp thời. Vào lúc này thì ở Thái Bình Dương, chiến tranh cũng chưa chấm dứt. Quân đội Mỹ vẫn còn đang tổn thất nặng nề, có ngày mất tới cả ngàn sinh mạng. Để có những định hướng mới về chính sách của Hoa Kỳ trước quyết định của Pháp muốn phục hồi thuộc địa, TT Truman hỏi ý kiến Bộ Ngoại Giao. Bộ này lúc ấy lại đang có bất đồng ý kiến giữa hai phe: phe 'Thiên Âu' chủ trương phải nhượng bộ Pháp vì Mỹ muốn giữ cho Âu Châu được ổn định, nhất là trong lúc đảng Cộng Sản Pháp đang lớn mạnh. Phe 'Thiên Á' thì lại muốn Hoa Kỳ đặt nặng vấn đề độc lập cho các thuộc địa vì phong trào quốc gia đang nổi lên mạnh ở Á Châu. Ngày 20 tháng 4, 1945, Vụ Châu Âu đề nghị trình lên Tổng Thống lập trường là không phản đối việc Pháp phục hồi Đông Dương. Vụ Viễn Đông phản biện là nếu như vậy thì ít nhất cũng phải đòi Pháp tôn trọng năm điểm sau đây: [2]

- Đông Dương được độc lập trong Liên Hiệp Pháp;
- Pháp không được kỳ thị về chính sách kinh tế và thương mại đối với các nước khác;
- Biến đổi Hải Phòng thành một hải cảng tự do;
- Tôn trọng biên giới Thái Lan – Đông Dương; và
- Tôn trọng những sắp xếp an ninh cho khu vực Đông Nam Á

Nội bộ thì như vậy, đối ngoại thì Tổng thống Truman lại ở vào cái thế lưỡng nan. Một mặt thì Pháp là đồng minh, mặt khác ông rất muốn tiếp tục chính sách 'ủy trị' của cố Tổng

Thống Roosevelt về Đông Dương. Hoa Kỳ lại vừa mở Hội Nghị San Francisco để thành lập một *Liên Hiệp Quốc* (sau cuộc họp ở Yalta). Tại Hội Nghị San Francisco ngày 25 tháng 4, 1945, đang khi Hoa kỳ còn vận động để các đại biểu chấp thuận Điều XI và XII của Hiến Chương đặt vấn đề *"Quy chế Ủy trị'* như là một hình thức dẫn tới độc lập, thì ngày 15 tháng 5, Tướng de Gaulle đã đánh điện cho Tổng Thống Truman làm áp lực để lưu ý ông về "những hậu quả rất quan trọng về chính trị, tinh thần và quân sự" nếu Mỹ phản đối việc Pháp muốn quay lại Đông Dương." [3]

Vào lúc này thì ông Truman cũng đang quá bận giải quyết nhiều việc nên vấn đề Đông Dương không phải là ưu tiên đối với ông. Ngoài ra, Mỹ cũng vẫn còn cần đến sự ủng hộ của Pháp, Anh đối với việc ngăn chận sự bành trướng ảnh hưởng của Liên Xô tại Âu Châu. Bởi vậy, Mỹ nhắm mắt để cho Pháp sắp xếp mọi việc bên Đông Dương tuy rằng thỉnh thoảng có khuyến cáo họ phải áp dụng những biện pháp tiến bộ để giúp ba nước này tiến tới độc lập, nhưng rốt cuộc cũng như nước đổ trên lá khoai mà thôi.

Sở dĩ Tướng de Gaulle mạnh dạn đặt vấn đề với Mỹ như vậy là vì năm 1945 tại San Franciso, phe 'thiên Âu' tại Bộ Ngoại giao Hoa kỳ đã cho Pháp biết lập trường của mình. Bộ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ, ông Edward Stettinius đã rỉ tai đại diện Pháp là *"Chưa bao giờ Mỹ đặt nghi vấn dù bằng cách ngụ ý về chủ quyền của Pháp ở Đông Dương,"* một điểm còn được Bộ trưởng Ngoại Giao Dean Acheson nhắc lại mấy tháng sau: *"Hoa Kỳ không nghĩ gì tới việc chống đối quyền cai trị của Pháp tại nơi này."* [4]

Hoa Kỳ không phản đối nên Pháp quá yên tâm về kế hoạch trở lại Đông Dương. Ngay từ tháng 7, 1943, tướng de Gaulle đã tuyên bố: *"Chiến dịch có ưu tiên cao nhất sau khi giải phóng chính quốc là phải giải phóng Đông Dương."* [5]

Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến kết thúc ở Âu Châu ngày 8 tháng 5, 1945, việc đầu tiên TT Truman phải làm là nhóm họp Hội Nghị Thượng Đỉnh với Chủ tịch Stalin và Thủ tướng Churchill (và sau ông là Atlee) tại Postdam vào tháng 7, 1945 (Postdam

nằm ở ngoại ô thành phố Berlin). Mục đích của cuộc họp là bàn định về vấn đề dứt khoát với Nhật và những công việc trong thời hậu chiến, trong đó có vấn đề giải giới quân đội Nhật tại Đông Dương. Đối với Nhật, ngày 26 tháng 7, 1945, Tổng Thống Truman ra tối hậu thư, gọi là *Tuyên ngôn Postdam (Postdam Declaration)*: 'Nhật phải đầu hàng vô điều kiện.' Ngũ Giác Đài tính rằng nếu mang quân đội vào đánh chiếm Nhật thì sẽ có thể tổn thất tới nửa triệu binh sĩ. Bởi vậy Tổng Thống Truman chọn giải pháp khác: ngày 6 tháng 8, 1945, quả bom nguyên tử đầu tiên rơi xuống Hiroshima. Ba ngày sau, quả thứ hai xuống Nagasaki. Thế là chỉ hơn một tuần sau, Nhật phải đầu hàng vô điều kiện (ngày 14 tháng 8, 1945).

Nhật Hoàng "dâng nền độc lập Việt Nam" cho Cựu Hoàng Bảo Đại

Gần 5 tháng trước khi quả bom nguyên tử đầu tiên rơi xuống Hiroshima, đứng trên phương diện lý thuyết, Việt Nam đã được hoàn toàn độc lập. Ngày 11 tháng 3, 1945 ngay sau khi Nhật lật đổ Pháp tại Đông Dương, viên Đại sứ Nhật là Mark Masayuki Yokohama đến gặp Cựu Hoàng Bảo Đại và đệ đạt: *"Tâu Hoàng Thượng, đêm hôm qua chúng tôi đã chấm dứt chủ quyền của Pháp quốc trên đất nước này. Tôi được trao nhiệm vụ dâng nền độc lập của Việt Nam cho Hoàng Thượng."* Ngay ngày hôm sau, vua Bảo Đại mời ông Yokohama tới để trao một bản tuyên ngôn độc lập: [6]

> *"Chiếu tình hình thế giới nói chung và tình hình Á Châu nói riêng, chính phủ Việt Nam long trọng công khai tuyên bố, kể từ ngày hôm nay, hiệp ước bảo hộ ký với nước Pháp được bãi bỏ, và đất nước thu hồi chủ quyền độc lập quốc gia..."*

Ngày 17 tháng 4, 1945 ông Trần Trọng Kim, một học giả nổi tiếng được chỉ định thành lập chính phủ đầu tiên của Việt Nam gồm mười bộ trưởng là những người trí thức có uy tín. Vừa có chính phủ, ông đã nghĩ ngay đến việc vận động cho độc lập.

Cựu Hoàng Bảo Đại viết thư cho TT Truman

Ít người biết được rằng chỉ bốn tháng sau khi thành lập chính phủ Trần Trọng Kim, Cựu Hoàng Bảo Đại đã viết một công hàm gửi cho TT Truman và một cho Tướng de Gaulle để yêu cầu Pháp đừng trở lại Việt Nam.

Thư gửi TT Truman ngày 18 tháng 8, 1945

Khi nghe tin ông de Gaulle sắp đi Washington bàn bạc với Mỹ, ông Bảo Đại đã đi bước trước. Ngày 18 tháng 8, 1945, ông viết cho Tổng Thống Truman để nhắc nhở cho Mỹ rằng Việt Nam đã được độc lập rồi nên Pháp không còn lý do gì mà quay lại thuộc địa cũ. Ngôn từ của công hàm này rất ôn hòa, xây dựng, nhưng vững chắc và cương quyết dựa trên nguyên tắc độc lập (Văn thư dưới đây là do GS Lê Xuân Khoa trích dẫn):[7]

Kính thưa Tổng Thống,

Nhân dịp vị lãnh đạo Chính Phủ Lâm Thời của nước Pháp sắp thảo luận với ngài về tương lai của Đông Dương, tôi hân hạnh kính tin để ngài rõ là các Quốc gia Đông Dương đã tuyên cáo độc lập và quyết tâm bảo vệ nền độc lập của họ.

Về phần dân tộc Việt Nam, chúng tôi không coi người Pháp là kẻ thù; chúng tôi tôn trọng quyền lợi kinh tế của họ, nhưng chúng tôi sẽ vận dụng toàn lực để chống lại việc Pháp tái lập chủ quyền trên lãnh thổ Việt Nam bất cứ dưới hình thức nào.

Chế độ thuộc địa không còn thích hợp với chiều hướng lịch sử hiện tại. Một dân tộc như Việt Nam với trên hai ngàn năm lịch sử và một quá khứ huy hoàng không thể chấp nhận sống dưới sự đô hộ của một dân tộc khác.

Nước Pháp phải tuân theo nguyên tắc bình đẳng mà cường quốc Hoa Kỳ đã tuyên cáo và bảo vệ. Nước Pháp phải vui lòng nhìn nhận điều đó để tránh khỏi thảm họa chiến tranh trên đất nước chúng tôi."

Thư gửi Tướng de Gaulle ngày 18 tháng 8, 1945

Cùng ngày, thư gửi Tướng de Gaulle (do Joseph Buttinger trích dẫn) có đoạn: [8]

> *"Tôi viết thư này cho nhân dân nước Pháp, cho một quốc gia mà tôi đã sinh sống lúc còn thơ ấu. Tôi cũng viết thư này cho nhà lãnh đạo cũng là người đã giải thoát nước Pháp, và viết với tư cách là một người bạn hơn là một vị nguyên thủ Quốc gia.*
>
> *"Thưa Ngài, nước Pháp đã chịu đựng quá nhiều trong bốn năm đầy gian khổ. Nhưng tới nay các ngài cũng vẫn chưa chấp nhận rằng nhân dân Việt Nam với một lịch sử dài hai mươi thế kỷ, và với một quá vãng nói chung là vẻ vang, giờ đây không muốn và cũng không thể ủng hộ bất cứ một sự thống trị hay cai quản nào đến từ ngoại bang.*
>
> *"Ngài có thể hiểu rõ hơn nếu ngài nhìn thấy những gì đang xảy ra ở xứ này, và nếu ngài có thể cảm nhận rằng sự mong ước được độc lập đang âm ỷ từ đáy lòng của mọi người nơi đây mà không cần có một sức mạnh nào của con người có thể đè nén được.*
>
> *"Và cho dù các ngài có trở lại để thiết lập một chính phủ Pháp ở xứ này thì chính phủ ấy cũng sẽ không được nhân dân chấp nhận: mỗi làng xóm sẽ trở nên một tổ kháng chiến, mỗi người bạn sẽ trở nên một kẻ thù. Rồi cuối cùng thì chính những quan chức, chính những nhà thực dân dù đã tới đây nhưng rồi cũng sẽ phải yêu cầu được rời khỏi bầu không khí hết sức ngột ngạt ở chốn này..."*

Pháp nhất quyết trở lại với "đàn con Đông Dương"

Ngày 15 tháng 8, 1945 nhân dịp sang Mỹ gặp Tổng Thống Truman, de Gaulle nhắn nhủ "đàn con Đông Dương"qua đài phát thanh tại Washington: [9] *"Địch quân đã đầu hàng. Mai đây Đông Dương sẽ tự do. Trong giờ phút quyết định này, mẫu quốc gửi về cho đàn con Đông Dương lời bày tỏ niềm vui, tình*

trìu mến và lòng biết ơn của mình." Lúc ấy thì ông de Gaulle đã biết ngày trở về với 'đàn con' cũng sắp tới rồi.

Như sẽ đề cập trong chương tiếp theo: sau này Thủ Tướng Trần Văn Hữu cũng lại yêu cầu Mỹ làm áp lực với phía Pháp. Nhưng tất cả đều vô ích, de Gaulle vẫn tiếp tục kế hoạch 'Giải thoát Đông Dương' và bổ nhiệm hai nhân vật đảm trách việc này. Về dân sự, ông bổ nhiệm ông Georges Thierry d'Argenlieu làm Cao Ủy, tương đương với chức Toàn Quyền ngày trước. D'Argenlieu là một Đề Đốc Hải quân và đã về hưu sau Thế Chiến I. Sau khi gác kiếm, ông đã vào nhà dòng Carmelite để đi tu. Khi de Gaulle yêu cầu, ông liền cởi áo tu hành để đi theo 'tiếng gọi của tổ quốc.' Giống như de Gaulle, ông luôn luôn mơ nghĩ tới danh dự vĩ đại của nước Pháp. Về quân sự, ông bổ nhiệm Tướng Jacques Philippe Leclerc. Ông Leclerc là người đã chỉ huy sư đoàn thiết giáp giải thoát Paris năm 1944.

Theo sự dàn xếp về việc giải giới quân đội Nhật tại hội nghị Postdam như đã đề cập trên đây, quân đội Anh đảm trách về phía nam vĩ tuyến 16. Ngoài việc thiên vị đồng minh Pháp, chính phủ Anh còn muốn đưa Pháp vào Đông Dương cho lẹ để còn rút chân ra khỏi nơi này. Biết bao vấn đề của các nước thuộc địa Anh vẫn còn đó: việc mình lo chưa xong, làm sao lo được việc người? Như vậy là quá thuận lợi cho Pháp vì có thể núp dưới bóng đồng minh Anh để trở lại Việt Nam. Mà thật vậy vì việc đầu tiên chính phủ Anh làm là đồng ý trao hết cho Pháp những chiến cụ nhận được của Mỹ. Sau đó, Anh lại bằng lòng giúp chuyên chở quân đội Pháp vào Sàigòn. [10]

Ngày 2 tháng 9, 1945 phái đoàn Anh tới Sàigòn. Mười ngày sau, 12 tháng 9, Trung tướng Anh Douglas Gracey dẫn quân vào theo. Ông này là người hết mình ủng hộ Pháp, *"Vấn đề chính quyền ở Đông Dương là một vấn đề hoàn toàn của người Pháp,"* ông tuyên bố tại Ấn Độ ngay trước khi tới Sàigòn, *"Việc người Pháp kiểm soát về dân sự và quân sự sẽ diễn ra nội trong vài tuần lễ."* [11] Vào tới nơi, Gracey thả ngay gần một ngàn rưỡi lính Pháp đã bị Nhật giam giữ từ khi đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3, 1945. Như cọp xổ lồng, toán này đi khắp nơi lộng hành, đập phá. Nhân dân vô cùng phẫn uất, đi tới chỗ bắt

cóc và sát hại người Pháp. Biến cố ở Cư Xá René Herault là một thí dụ. Ngày 25 tháng 9, lực lượng Bình Xuyên đột nhập và sát hại, bắt cóc cả trăm người Pháp và lai Pháp.[12]

(Nơi đây, chúng tôi cũng xin mở ngoặc để lưu ý tác giả là biến cố Cité René Hérault đã trở thành một tiền lệ làm cho Tòa Đại sứ Mỹ ở Sàigòn rất lo ngại có thể tái diễn – bắt người Mỹ làm con tin – vào lúc đồng minh tháo chạy [13]).

Đến cách mạng tháng 8, 1945 Việt Minh lên nắm chính quyền. Hai ngày trước đó, Vua Bảo Đại tuyên bố: *"Trẫm để hạnh phúc của dân Việt Nam lên trên ngai vàng của Trẫm. Trẫm ưng làm dân một nước độc lập hơn làm vua một nước nô lệ* (17 tháng 8, 1945)." Ngày 25 tháng 8, 1945 ông đã chính thức thoái vị. Sau đó ông tham gia tân chính phủ với chức Cố Vấn Tối Cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chiến tranh bùng nổ tại Miền nam

Ngày 5 tháng 10, tướng Leclerc mang quân vào Sàigòn. Đại sứ Pháp René Massigli và Bộ trưởng Ngoại Giao Anh lại ký ngay một thỏa hiệp: *"Chính quyền duy nhất được phép hoạt động ở phía nam vĩ tuyến 16 là chính quyền của Pháp."* Như vậy là đã có danh chính ngôn thuận. Pháp tiếp tục tăng thêm quân, các lực lượng vũ trang Việt Nam chống cự mãnh liệt. **Thế là chiến tranh bùng nổ tại Miền Nam ngày 11 tháng 10, 1945 - mà sau này hay gọi là Cuộc Kháng Chiến Nam Bộ**. Với lực lượng xe tăng hùng hậu, chỉ hai tuần sau, Pháp đã chiếm xong Sàigòn, và từ đó tiến quân đi các tỉnh Miền tây rồi lên vùng Cao Nguyên.[14]

Tiến lên Miền Bắc

Xong xuôi ở Miền Nam rồi, Pháp lo việc Bắc tiến. Cách thức chiếm lại Miền Bắc thì có khác với việc vãn hồi Miền Nam. Ở Miền Nam, Pháp chỉ dùng vũ lực, việc lấy lại Miền Bắc được thực hiện qua hai giai đoạn: trước hết là đàm phán chính trị (1946) rồi mới tới giải pháp quân sự (từ cuối tháng 12,

1946). Ngày 6 tháng 3, 1946, để biểu dương lực lượng trước khi đàm phán, Tướng Leclerc đưa chiến hạm lừ lừ tiến vào Vịnh Bắc Việt.

Cùng ngày này, một Hiệp Định sơ bộ được ký kết tại Hà Nội giữa ông Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và ông Jean Sainteny, đại diện cho nước Pháp. Theo Hiệp định, Việt Nam là một nước tự do, nhưng nằm trong Liên Hiệp Pháp. Pháp cũng được quyền đóng 25,000 quân tại Việt Nam trong vòng 5 năm (lấy cớ là để giải giới quân đội Trung Quốc).[15] Ngày 18 tháng 3, Pháp liền mang quân vào đóng ở Hà Nội, và ngày 10 tháng 4, 1946, việc đóng quân của đồng minh vào giải giới Nhật đã kết thúc. Sainteny là con rể cựu Toàn Quyền Albert Sarraut (ta nhớ trường Albert Sarraut ở Hà Nội ngày trước). (Chúng tôi cũng xin mở ngoặc tại đây để nhắc lại là về sau này, ông Sainteny đã là người môi giới cho Tiến sĩ Henry Kissinger liên lạc với Bắc Việt khi đồng minh tháo chạy).

Đối với các phe phái Việt Nam: Mỹ giữ thái độ trung lập

Nói chung thì chính sách của Mỹ về vấn đề Đông Dương vào thời điểm này là không rõ rệt. Một mặt thì không phản đối quyết định của Pháp trở lại Đông Dương, nhưng mặt khác Mỹ lại đốc thúc Pháp phải thay đổi chính sách thuộc địa và giúp cho các quốc gia Đông Dương sớm được độc lập. Tuy là ủng hộ độc lập, nhưng tới cuối năm 1946, Bộ Ngoại Giao Mỹ lại gửi thông tư cho các Đại sứ quán Mỹ về sự hiện diện cần thiết của Pháp ở Đông Dương, không những để loại trừ ảnh hưởng của Xô-viết mà còn bảo vệ Việt Nam và Đông Nam Á trước chủ nghĩa đế quốc của Trung Quốc trong tương lai."[16] Bởi vậy, chính sách của Mỹ về Đông Dương phần lớn cũng chỉ là chính sách về liên lạc Pháp-Mỹ mà thôi. Về phía các đảng phái Việt Nam thì Mỹ cũng chỉ giữ một thái độ lửng lơ: không ủng hộ Việt Minh nhưng lại cũng không ủng hộ phe Quốc Gia.

Như đã đề cập trên đây, khi Việt Minh nắm chính quyền,

Cựu Hoàng Bảo Đại đã thoái vị. Năm 1946, ông ra đi và tạm cư ở Hồng Kông. Nơi đây, lúc đầu ông giữ lập trường trung lập giữa hai phe Việt Minh và Quốc Gia. Vào ngày 14 tháng 9, 1946, ông Bảo Đại mời đại diện các đảng phái, tổ chức quốc gia sang Hồng Kông để bàn bạc. Ngay sau đó, các đại biểu trong nước cùng với một số lãnh tụ các đảng phái lưu trú tại Trung Quốc ra tuyên cáo chung "yêu cầu Cựu Hoàng Bảo Đại đứng ra cầm quyền để thương thuyết với Pháp hầu mang lại hòa bình và độc lập cho Việt Nam." [17]

Ngày 6 tháng 12, 1947 ông Bảo Đại ký với ông Bollaert, Cao Ủy Pháp một tuyên cáo chung tại Vịnh Hạ Long (còn gọi là Hiệp Định Hạ Long 1) [18]

- Nước Pháp sẽ chấp nhận cho Việt Nam độc lập sau những cuộc thương thuyết chánh thức giữa hai bên;
- Việt Nam hứa sẽ ưu tiên dùng những chuyên viên Pháp trong việc kiến thiết; và
- Một Hiệp Ước chính thức sẽ được thương thuyết và ký kết giữa đại biểu của hai nước.

Từ thời điểm này, một chính phủ Quốc gia Việt Nam được dần dần hình thành.

Tuy nhiên, Mỹ cũng chưa ủng hộ mạnh mẽ nền độc lập vì quyền lợi của Hoa Kỳ còn đòi hỏi phải có sự cộng tác chặt chẽ của Pháp ở Âu Châu. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng không cho 'giải pháp Bảo Đại' là có thực lực. Văn thư do Cựu Hoàng Bảo Đại gửi (18/8/1945) đã không được trả lời.

Về phía chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng kêu gọi Mỹ ủng hộ nền độc lập và ngăn chận Pháp trở lại Việt Nam.[19] Sau khi tuyên bố độc lập ngày 2 tháng 9, 1945, trong thời gian gần một năm (từ 29 tháng 9, 1945 tới 11 tháng 9, 1946) ông Hồ đã gửi tất cả 14 công hàm, thư tín và thông điệp cho lãnh đạo Hoa kỳ. Những văn kiện này được tóm tắt trong phần Phụ Lục cho Chương này. Sau đây là vài thí dụ:

- Ngày 1 tháng 11, 1945, ông Hồ gửi văn thư cho Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ để yêu cầu chấp thuận cho 50 sinh

viên Việt Nam sang Mỹ du học.

- Ngày 18 tháng 2, 1946 ông viết cho ông Truman, nhắc nhở sự việc là Việt Nam đã đứng về phía Đồng Minh kể từ năm 1941, và trong giai đoạn 1941-1945, đã chiến đấu chống Nhật và đồng minh của Nhật là những người Pháp thuộc địa. Ông nói đến luật quốc tế và những cam kết của Đồng Minh trong các hội nghị Yalta, San Francisco và Postdam để yêu cầu Hoa Kỳ, trên cương vị là *"một quốc gia bảo vệ và là vô địch của công bình thế giới, áp dụng những biện pháp quyết liệt để yểm trợ cho nền độc lập Việt Nam."*

Theo tài liệu bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ thì tất cả những thư tín này đều không có hồi âm.[20]

Như vậy là cả hai phe Quốc Gia và Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đều mong muốn Mỹ giao hảo với Việt Nam ngay từ 1945. Thời gian đó, nạn đói lại đang hoành hành ở miền Trung và miền Bắc, chết từ 1.5 tới 2 triệu người. Ngày 23 tháng 11, 1945 trong một văn thư gửi ông Truman (và Tổng Giám đốc Ủy Ban Cứu Trợ Liên Hiệp Quốc), ông Hồ yêu cầu Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc cứu trợ nạn đói lớn lao ở Việt Nam.

Nhìn lại lịch sử, ta có thể đặt ra câu hỏi: nếu như lúc ấy Mỹ đáp ứng yêu cầu của cả hai phe để ngăn chận Pháp và đặc biệt là cứu trợ nạn đói và giao hảo với Việt Nam thì liệu cuộc chiến 30 năm có thể tránh được hay không? Nếu Mỹ chấp nhận yêu cầu của ông Hồ cho 50 thanh niên Việt Nam do ông chọn sang học ở các Đại học Mỹ thì lịch sử đã như thế nào?

Để tiếp cứu nạn đói, Mỹ có thể dễ dàng mở một Tòa Đại sứ hay ít nhất là một Tòa Lãnh sự ở Việt Nam để sử dụng số gạo thặng dư lớn trong chương trình *'Thực Phẩm Phụng Sự Hòa Bình'* ('Food for Peace,' hay là 'Public Law 480') để cứu vớt gần 17% dân số Việt Nam trong cảnh chết đói. (Về điểm này, tác giả xin mở ngoặc để chia sẻ với độc giả về một tình huống còn nằm thật sâu trong ký ức: lúc mới lên 9 tuổi, tác giả đã phải chứng kiến cảnh bi đát này ngay trước cổng nhà của cha mẹ ở Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Dù gia đình thường nấu những nồi

'cháo hoa' thật lớn – chỉ có gạo và nước – để vào buổi chiều thì múc cho mỗi người đến xin ăn một bát – chính tác giả được chỉ định đứng ở cổng để múc cháo với cái gáo bằng gỗ - nhưng mờ sáng hôm sau vẫn thấy ba bốn cái xác chết thật thê thảm nằm trước nhà!).

Cuối năm 1946: Đông Dương bốc cháy

Ngày 13 tháng 9, 1946, phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đi họp ở Fontainebleau trở về nước. Riêng ông Hồ thì tiếp tục ở lại. Nửa đêm ngày 14 tháng 9, ông tới nhà ông Marius Moutet, Bộ Trưởng Bộ Pháp Quốc Hải Ngoại để ký một tạm ước *"modus vivendi"* với Pháp. Nội dung gồm: [21]

- o Pháp-Việt theo đuổi một chính sách hợp tác đang khi chờ đợi một cuộc thương thuyết dự trù vào đầu 1947;
- o Cùng nhau tìm cách chấm dứt sự xung đột hiện tại ở Nam và Trung Bộ;
- o Việc liên lạc ngoại giao giữa Việt Nam và các nước ngoài tạm thời do một Ủy Ban chung phụ trách.

Biến cố ở Hải Phòng: mặc dù đã ký một tạm ước nhưng chỉ gần hai tháng sau, vào ngày 20 tháng 11, tàu Pháp đi tuần dương ngoài hải cảng, chận bắt một nhóm người Tầu 'buôn lậu,' thực ra là một thuyền chở muối. Bộ đội Việt Minh can thiệp, bắt ba nhân viên trên tầu Pháp. Đại tá Debès lấy cớ cho nổ súng. Xế trưa, xe tăng Pháp quần trên đường phố, phá các hàng rào thép gai Tự vệ. Việt Minh chống cự và pháo kích. Cùng ngày, hai bên Pháp -Việt ở Hànội đề nghị phải ngưng chiến lập tức. Thế nhưng, ở Sàigòn, viên chỉ huy Pháp là Tướng Étienne Valluy lại không đồng ý. Từ trước, ông này vẫn chờ đợi một cơ hội để chiếm Hải Phòng vì cho rằng đây là cửa biển duy nhất để Pháp có thể chở quân vào Miền Bắc nếu chiến tranh bùng nổ. [22]

Tại Paris, lúc ấy Thủ Tướng Georges Bidault lại đang sợ mất chức. Thấy ông Cao Ủy D'Argenlieu từ Sàigòn trở về khuyến cáo phải có biện pháp mạnh, Bidault viện cớ lộn xộn,

TELEGRAM

The White House
Washington

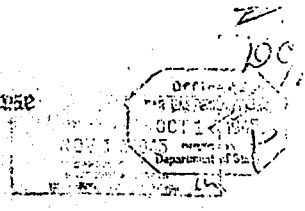

1 IN RA. 349- VIA RCA

HANOI, VIA KUNMING, OCTOBER 17, 1945

M. HO CHI MINH PRESIDENT OF THE PROVISIONAL OF VIETNAM DEMOCRATIC REPUBLIC TO PRESIDENT TRUMAN, WASHINGTON.

ESTABLISHMENT OF ADVISORY COMMISSION FOR THE FAR EAST IS HEARTILY WELCOME BY VIETNAMESE PEOPLE IN PRINCIPLE STOP. TAKING INTO CONSIDERTION PRIMO THE STRATEGICAL AND ECONOMICAL IMPORTANCE OF VIETNAM SECUNDO THE EARNEST DESIRE WHICH VIETNAM DEEPLY FEELS AND HAS UNANIMOUS MANIFESTED TO COOPERATE WITH THE OTHER DEMOCRACIES IN THE ESTABLISHMENT AND CONSOLIDATION OF WORLD PEACE AND PROSPERITY WE WISH TO CALL THE ATTENTION OF THE ALLIED NATIONS ON THE FOLLOWING POINTS COLON

FIRST ABSENCE OF VIETNAM AND PRESENCE OF FRANCE IN THE ADVISORY COMMISSION LEADS TO THE CONCLUSION THAT FRANCE IS TO REPRESENT THE VIETNAMESE PEOPLE AT THE COMMISSION STOP. SUCH REPRESENTATION IS GROUNDLESS EITHER DE JOUR OR DE FACTO. STOP. DE JURE NO ALLEGIANCE EXISTS ANY MORE BETWEEN FRANCE AND VIETNAM COLON BAODAI ABOLISHED TREATIES OF 1884 AND 1863 COMMA BAODAI VOLUNTARILY ABDICATED TO HAND OVER GOVERNMENT TO DEMOCRATIC REPUBLICAN GOVERNMENT COMMA PROVISIONAL GOVERNMENT RECTORATED ABOLISHMENT OF TREATIES OF 1884 AND 1863 STOP DE FACTO SINCE MARCH NINTH FRANCE HAVING HANDED OVER GOVERNING RULE TO JAPAN HAS BROKEN ALL ADMINISTRATIVE LINKS WITH VIETNAM, SINCE AUGUST 18, 1945, PROVISIONAL GOVERNMENT HAS BEEN A DE FACTO INDEPENDENT GOVERNMENT IN EVERY RESPECT, RECENT INCIDENTS IN SAIGON INSTIGATED BY THE FRENCH ROUSED UNANIMOUS DISAPPROVAL LEADING TO FIGHT FOR INDEPENDENCE

cho lệnh đánh luôn Hải Phòng. Từ Paris, D'Argenlieu điện cho Tướng Valluy ở Sàigòn. Valluy đánh điện cho Tướng Morlière ở Hànội phải yêu cầu Việt Minh rút hết quân ra khỏi Hải Phòng để Pháp kiểm soát thành phố. Ông Morlière có can gián, nhưng không thành công. Valluy ra lệnh thẳng cho viên chỉ huy ở Hải Phòng là Đại tá Debès dùng mọi phương tiện đánh chiếm thành phố ngay lập tức.

Ngày 23 tháng 11, 1946, Debès yêu cầu Việt Minh phải rút trong hai giờ đồng hồ, rồi cho thêm 45 phút nữa. Khi hạn chót đã qua, thiết giáp của Pháp khai hoả, yểm trợ bằng máy bay và chiến hạm *Suffren.* Cuộc bắn phá gây thương vong tàn khốc: 6,000 người Việt bị thiệt mạng. D'Argenlieu từ Paris đánh điện về chúc mừng Debès. [23]

Giao tranh tại Hà Nội: Thừa thắng xông lên, ngày 18 tháng 12, 1945, Pháp yêu cầu Việt Minh phải dẹp đi tất cả những trục kẽm gai do Tự vệ đã dựng lên tại nhiều địa điểm. Đồng thời, Pháp lại cho xe ủi đất đi quần ngay trên đường phố Hà nội. Ngày hôm sau, tướng Morlière yêu cầu đoàn nhân dân Tự Vệ phải buông súng và trao trách nhiệm giữ an ninh cho quân đội Pháp.[24] Chính phủ VNDCCH thương thuyết, yêu cầu Pháp rút lệnh này lại, nhưng không thành công. Cùng ngày (19 tháng 12), Việt Minh tấn công vào các đồn Pháp. Vì có tình báo nên đã biết trước, Pháp phản công mạnh mẽ.

Thế là Chiến tranh Đông Dương bùng nổ, kể từ ngày 19 tháng 12 năm 1946. Lúc đó, chiến tranh bên Âu Châu vừa mới kết thúc, Pháp còn đang lo tái thiết mà lại theo đuổi chiến tranh, nhân dân phản đối, đòi quân đội Viễn Chinh phải rút về. Tháng 1, 1947, Chính phủ Paul Ramadier (Đảng Xã Hội) lên cầm quyền thay Chính phủ Léon Blum. Cao Ủy D'Argenlieu bị triệu hồi và thay thế bằng ông Emile Bollaert. Tướng de Gaulle liền phát động phong trào chống việc rút lui khỏi Đông Dương, lấy lý do là Pháp phải bảo vệ danh dự và uy tín của mình. Với áp lực thực dân của de Gaulle, tân chính phủ Blum bị đẩy vào một cuộc chiến mới. Khi Tướng Leclerc mới trở về chiếm đóng Sàigòn thì ông rất tự tín, cho rằng có thể tái lập quyền kiểm soát tuyệt đối của Pháp chỉ trong vòng mấy tuần

lễ. Ngày 12 tháng 10, 1945, ông cho lực lượng Pháp từ trung tâm thành phố Sàigòn tiến tới Gò Vấp, Gia Định, rồi Biên Hòa, Mỹ Tho. Và cứ thế cho tới cuối tháng 12, hầu hết các thành phố dưới vĩ tuyến 16 đã nằm dưới quyền kiểm soát của Pháp. Cuộc hành quân tương đối là thành công dễ dàng.

Nhưng chẳng bao lâu chính Leclerc đã bắt đầu nghi ngờ có thể kéo dài chiến thắng quân sự vì Pháp không đủ số quân và cũng không có khả năng để thành công trong một cuộc chiến du kích. Ông đệ trình cấp trên ý kiến của mình nhưng không được xem xét. Ngược lại, khi viên toàn quyền mới là Georges Thierry d'Argenlieu tới Việt Nam thì mọi chuyện thay đổi hẳn: ông cương quyết theo đuổi mục tiêu mà Tướng de Gaulle đã trao phó, đó là phải chiếm lại Đông Dương, "không nhượng bộ, không hòa hoãn." [25]

Chiến tranh lạnh đột phát bên trời Âu

Thật là một sự trùng hợp. Cũng vào thời điểm này, lại có những xung đột trên bình diện quốc tế, và chiến tranh lạnh đang bắt đầu phát khởi. Năm 1947, Joseph Stalin bắt đầu ủng hộ các cuộc nổi dậy của cộng sản tại hai nước Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp. *"Chẳng ai biết Liên Xô và những tổ chức cộng sản quốc tế muốn làm gì...Từ Stettin ở Baltic tới Trieste miền Adriatic, một tấm màn sắt đã phủ xuống lục địa rồi,"* Thủ Tướng Churchill bình luận. Ông đề nghị một sự liên kết chặt chẽ giữa Anh và Mỹ để ngăn chận ảnh hưởng của Liên Xô. Đề nghị như vậy nhưng lúc đó nước Anh đang gặp phải biết bao khó khăn về kinh tế, một phần do mùa đông hết sức khắc nghiệt năm ấy tại Âu Châu. Anh cho Mỹ hay rằng họ không thể tiếp tục viện trợ quân sự và kinh tế cho hai nước Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ được nữa: hạn chót là tháng 3, 1947. Như vậy, sau khi Anh rút đi thì hai nước này sẽ theo cộng sản hay sao? Tổng Thống Truman vội đáp ứng. Ông tuyên bố *'Học Thuyết Truman'* (Truman Doctrine) để yêu cầu Quốc Hội Mỹ giúp hai nước khỏi bị các lực lượng cộng sản uy hiếp: *"Tôi tin rằng đây phải là chính sách của Hoa Kỳ việc yểm trợ cho các dân tộc*

tự to đang chống lại những cuộc tấn công bởi các nhóm có võ trang hay do những áp lực từ bên ngoài." [26]

Quốc Hội Mỹ liền biểu quyết ngay số tiền $400 triệu viện trợ và gửi cố vấn sang yểm trợ cho quân đội hai xứ này. Cả hai đều thành công và trở nên đồng minh của Mỹ. Chính cái mô hình viện trợ quân sự và gửi cố vấn tới giúp Hy Lạp và Thổ Nhĩ Kỳ sau này đã được áp dụng cho Việt Nam.

Thế rồi các biến cố dồn dập tiếp theo:

- Cuối tháng 2, 1948, cộng sản lại thực hiện một cuộc đảo chính tại Czechoslovakia. Các nước Đông Âu hoảng sợ;

- Rồi đến "biến cố Berlin" đầu tháng 4, 1948. Theo sự sắp xếp thời hậu chiến thì Berlin tuy nằm trong địa hạt kiểm soát của Nga, nhưng được chia làm bốn phần, phần ở phía Đông do Nga kiểm soát, còn ba phần kia do Mỹ, Anh và Pháp. Khi thấy Mỹ, Anh đi tới quyết định yểm trợ việc thành lập một 'Cộng Hoà Tây Đức,' Thủ tướng Stalin liền hạ lệnh đóng lại tất cả các ngả tiếp tế vào khu vực Tây Berlin. Tổng Thống Truman phản ứng ngay bằng cách thiết lập một cầu không vận để chuyên chở thực phẩm, tiếp tế cho hai triệu rưỡi dân cư ở khu vực này. Tháng 6, 1948 cầu này bắt đầu và kéo dài tới mười một tháng. Nga không có phản ứng mạnh nào và đã phải chấm dứt việc phong tỏa vào ngày 12 tháng 5, 1949;

- Ngoài cầu không vận, Mỹ còn đi thêm bước nữa tới việc thành lập một tổ chức liên phòng gọi là *'Hiệp Ước Bắc Đại Tây Dương'* (NATO) để lo bảo vệ Âu Châu và ngăn chặn ảnh hưởng đang lan tràn của Nga Xô. Ngày 4 tháng 4, 1949 Hiệp Ước được ký kết. Quốc Hội Hoa Kỳ phê chuẩn ngay sau đó, và ngày 24 tháng 7, NATO bắt đầu có hiệu lực.

Nhiệt độ chợt nóng bên trời Á

Như vậy, chiến tranh lạnh đã thực sự bắt đầu. Hai nước Nga, Mỹ trước là đồng minh trong cuộc chiến, giờ đây đã trở thành đối thủ trong hoà bình. Ảnh hưởng của Nga Xô đang lan tràn khắp nơi, nhất là tại những nước kém mở mang. Nhiều nước nhìn vào Nga như người tiền phong 'chống đế quốc, chống thuộc địa.' Các quốc gia hậu tiến theo nhau mà làm "Kế Hoạch Ngũ Niên" theo mô hình của Nga đang thành công lúc ấy. Bên Á Châu thì bộ đội của Mao Trạch Đông tiếp tục lớn mạnh và từ giữa năm 1947 đã thắng nhiều trận lớn ở Hunan, Hupeh và Manchuria.

Trong bối cảnh ấy, Mỹ bắt đầu nhìn thẳng vào Đông Dương. Chỉ hai tháng sau, Bộ Ngoại Giao đã vạch ra một đường hướng về chính sách của Hoa Kỳ. Trong một tài liệu đề ngày 27 tháng 9, 1948, mục tiêu ngắn hạn của Hoa Kỳ tại Đông Dương được xác định là *"giúp tìm một giải pháp cho bế tắc hiện nay, làm sao cho cả Pháp và nhân dân bản xứ đều chấp nhận được, và là một giải pháp hài hòa với những đòi hỏi của nền an ninh Hoa Kỳ."*

Bốn mục tiêu của Hoa Kỳ

Bộ Ngoại Giao
Ngày 27 tháng 9, 1948

Về lâu về dài, Hoa kỳ đặt ra bốn mục tiêu tóm tắt như sau:[27]

- Phải loại trừ tối đa ảnh hưởng của Cộng sản tại Đông Dương, giúp thiết lập được những chính phủ quốc gia tự trị thân thiện với Hoa Kỳ...
- Cổ võ sự liên kết giữa những dân tộc Đông Dương với các cường quốc Tây Phương, đặc biệt với Pháp để rồi đi tới chỗ là tự những dân tộc này muốn cộng tác với các cường quốc về văn hóa, kinh tế và chính trị.
- Giúp nâng mức sống của người dân Đông Dương để họ khỏi ngả về phía những chính phủ độc tài; và

- **Ngăn chận sự xâm nhập và ảnh hưởng của Trung Quốc vào Đông Dương.**

Đây là mầm mống của chính sách "ngăn chận ảnh hưởng của Trung Hoa Cộng sản" một chính sách làm nền móng cho việc trực tiếp can thiệp vào Việt Nam sau này.

Như vậy, khi chiến tranh bên trời Âu tuy còn lạnh, nhiệt độ chính trị bên trời Á đã chợt nóng. Một sớm một chiều, lập trường của Mỹ đột nhiên chuyển hướng: Hoa Kỳ nhìn thẳng vào Việt Nam với một con mắt thật chăm chú.

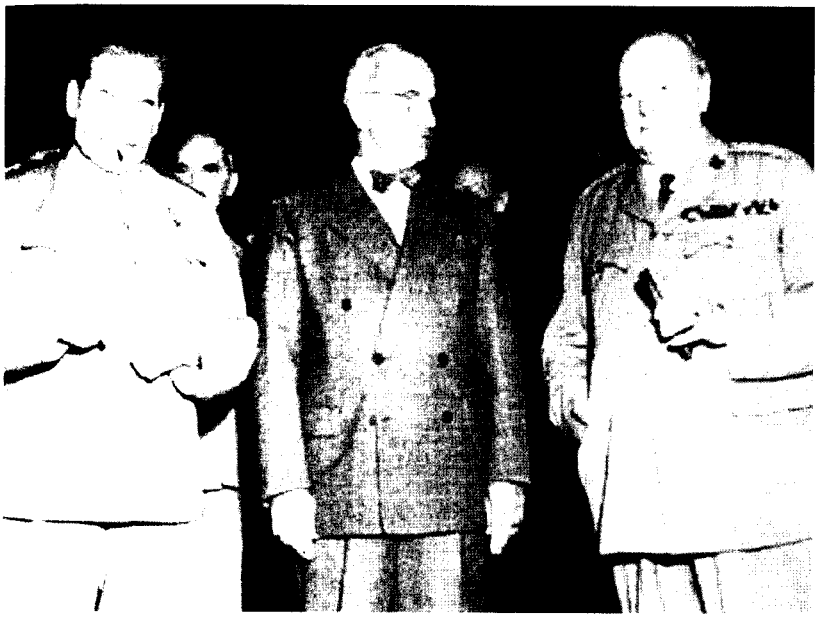

TT Harry Truman, Thủ tướng Churchill và Thống chế Stalin tại Hội nghị Postdam, 17/7/1945. (Hình: U.S. National Archives)

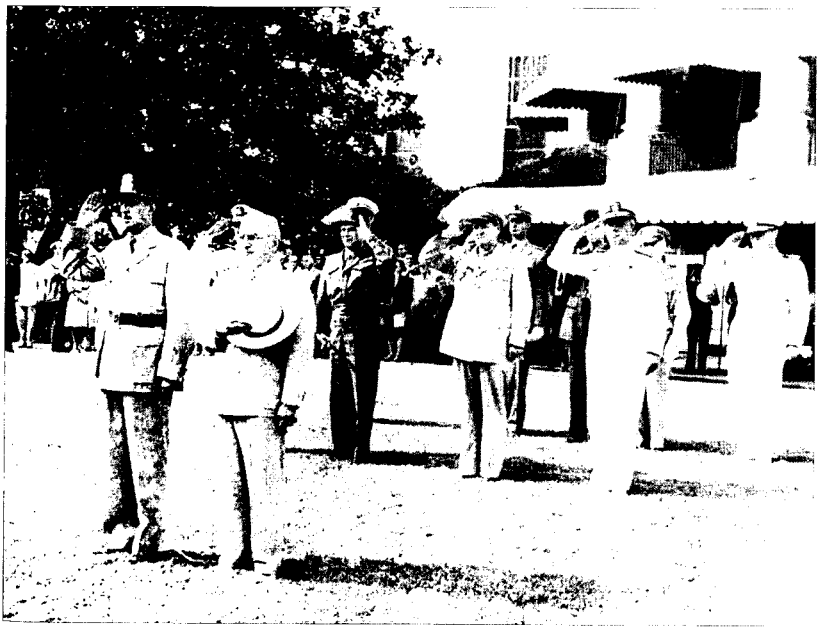

TT Truman tiếp đón Tướng de Gaulle 22/8/1945.
(Hình: "trumanlibrary.org/photographs)

Nghi lễ Nhật đầu hàng đồng minh trên Chiến hạm Missouri. (Hình: Wide World)

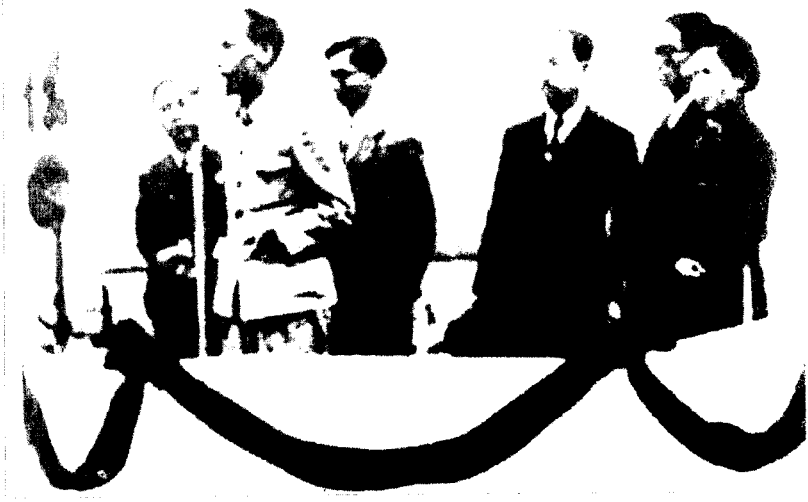

Ông Hồ Chí Minh, Chủ tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại vườn hoa Ba Đình ngày 2/9/1945.

Tướng Philippe Leclerc (bên trái) và Đô đốc Thierry d'Argenlieu tại Sài Gòn năm 1945. Đứng sau là Tướng Douglas Gracey, Chỉ huy lực lượng Anh vào Việt Nam để giải giới quân đội Nhật. (Hình: Keystone)

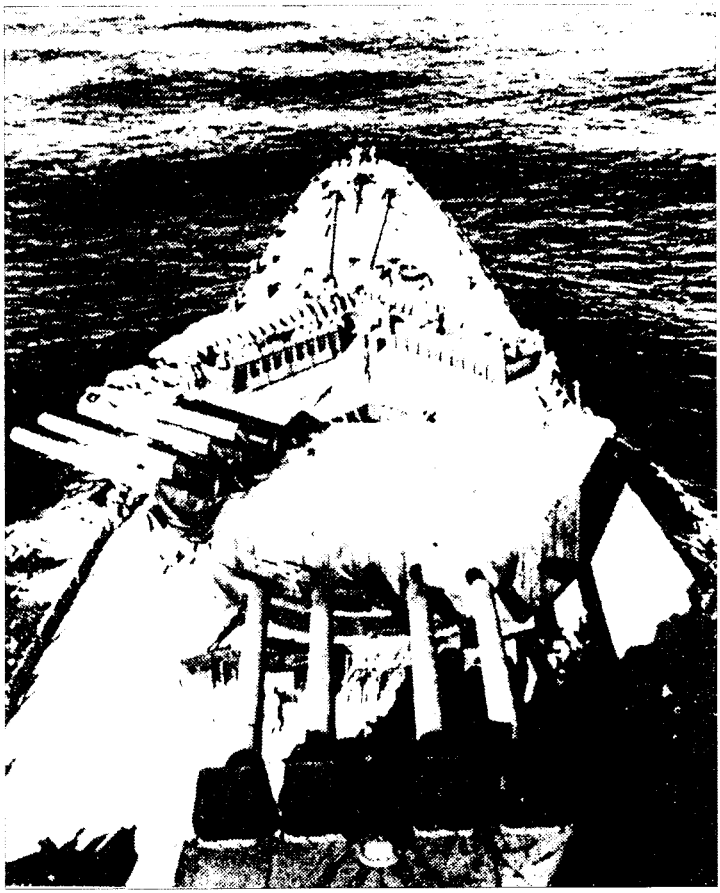

Tàu Pháp Suffren bắn phá Hải Phòng 28/11/1946; và

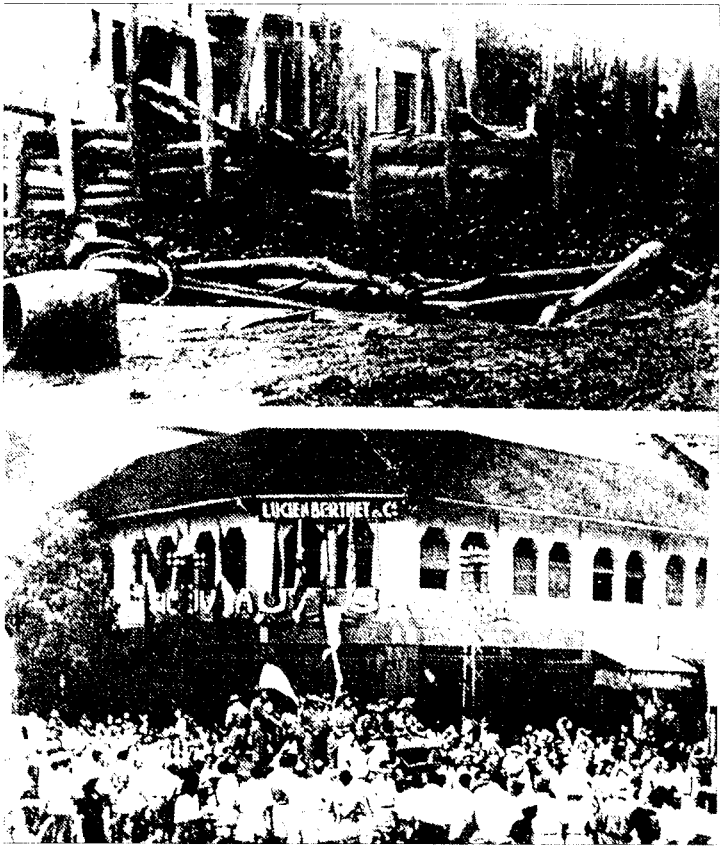

Cảnh tàn phá ở Hải Phòng. (Hình: NYT Collection/National Archives)

CHƯƠNG 3

Địa Điểm Chiến Lược Quan Trọng Nhất

Chiến tranh lạnh bộc phát bên trời Âu, rồi lực lượng cộng sản lại thắng thế bên trời Á. Khi Mao Trạch Đông chiếm trọn Trung Quốc lục địa vào mùa Thu 1949, Washington báo động. Việt Nam bất chợt trở thành một địa điểm chiến lược đối với nền an ninh Hoa Kỳ. Vì vậy, phải bảo vệ cho bằng được vùng đất này.

Nhưng làm sao bảo vệ được địa điểm này khi còn bị kẹt về hai chữ 'thuộc địa'? Cho nên Hoa Kỳ quyết định "dùng ảnh hưởng của mình để đốc thúc nước Pháp phải gấp rút tháo gỡ những cản trở" liên quan tới hai chữ "thuộc địa".

Mùa Xuân 1950, Tổng thống Harry Truman viết văn thư cho "Hoàng Đế Bảo Đại hân hoan chào đón 'Nước Cộng Hòa Việt Nam' (ông dùng chữ "Vietnam Republic"). Miền đất xa lạ ấy ở bên kia Thái Bình Dương giờ đây đã nằm trong vòng tuyến của một quy hoạch được thiết kế chặt chẽ và đặt trên căn bản là nền an ninh của Hoa Kỳ.

***

Buổi trưa mùa hè hôm ấy, trời nắng chang chang, gió im phăng phắc. Bầu không khí nặng nề và ẩm ướt bao trùm ngoài vùng Vịnh. Trên boong tầu, một tấm vải bạt lớn được căng lên để che cho một cái bàn và mấy chiếc ghế. Đó là khung cảnh ngày 5 tháng 6, 1948 trên chiếc

chiến hạm Duguay-Trouin đang thả neo ngoài Vịnh Hạ Long. Đại diện hai phía Pháp, Việt đã có mặt đầy đủ. Mọi người đứng nghiêm chỉnh để chờ đợi. Khi thấy Cựu Hoàng Bảo Đại tới, ai nấy đều vui vẻ, và "các bộ mặt rạng rỡ hẳn lên." Một tiểu đội thủy quân lục chiến bồng súng đứng dàn chào, và nghi lễ bắt đầu.[1] Đây là giai thoại về việc ký kết Hiệp Định "Hạ Long 2" do ông Bảo Đại viết lại trong hồi ký "Con Rồng Việt Nam":

Ngày 5 tháng 6, 1948
Trước mặt Hoàng đế Bảo Đại,

Ông Emile Bollaert, Cao ủy Pháp ở Đông Dương nhân danh chính phủ Cộng hòa Pháp quốc, một bên, và ông Nguyễn Văn Xuân, thủ tướng Chính phủ Trung Ương Lâm Thời Việt Nam... một bên, *đã lập bản tuyên bố chung như sau:*

1. Nước Pháp long trọng công nhận nền độc lập của Việt Nam, Việt Nam được tự do thực hiện nền thống nhất của mình. Về phía Việt Nam, nước Việt Nam tuyên bố sự sát nhập vào Liên Hiệp Pháp dưới danh nghĩa một quốc gia liên kết với nước Pháp..
2. Nước Việt Nam cam kết tôn trọng mọi quyền hạn và quyền lực của các tư nhân Pháp, cam kết bảo đảm căn bản dân chủ, và dành ưu tiên sử dụng các nhà chuyên môn, cố vấn Pháp trong mọi nhu cầu tổ chức nội bộ và khuếch trương kinh tế của mình;
3. Sau khi thành lập chính phủ lâm thời, các đại diện của Việt Nam sẽ thỏa thuận với các đại diện của Cộng Hòa Pháp quốc về những thỏa thuận hợp lý về các vấn đề ngoại giao, kinh tế, tài chính và chuyên môn..."

Thỏa Ước này được ký kết ngay sau khi chính phủ Nguyễn Văn Xuân đã công bố bài quốc ca và quốc kỳ Việt Nam (ngày 2 tháng 6, 1948).[2]

Hoa Kỳ hân hoan ủng hộ

Thấy Pháp "long trọng công nhận nền độc lập Việt Nam",

chính phủ Mỹ liền hân hoan ủng hộ. Sáu tháng trước đó, Hiệp định Hạ Long 1 cũng đã được ký kết ngày 6 tháng 12, 1946 nhưng lúc ấy, Hoa Kỳ không để ý. Vào năm 1948 thì khác: các biến chuyển quốc tế đang ảnh hưởng sâu xa vào những tính toán chiến lược của Washington. Bên Âu Châu thì Nga gây ra nhiều khó khăn, ở Á Châu thì quân đội Mao Trạch Đông đang tiến lên như vũ bão. Một phần vì quân đội của Tưởng Giới Thạch rải quá mỏng nên từ giữa năm 1947 bộ đội của Mao Trạch Đông đã thắng nhiều trận lớn tại Hunan, Hupeh, và Manchuria.

Trong bối cảnh đó, chỗ đứng của Đông Dương trong chiến lược của Hoa Kỳ đã thay đổi. Mỹ muốn củng cố ảnh hưởng của mình ở nơi đây, nhưng thật là khó khăn nếu nó còn bị Pháp bảo hộ: Mỹ mà can dự vào một thuộc địa là tai tiếng lớn. Bây giờ, bước đầu của nền độc lập đã được công nhận, ít nhất là trên mặt lý thuyết, làm cho việc tính toán về chính sách cũng dễ dàng hơn như được phản ảnh trong văn bản dưới đây:[3]

Công Điện 2637
Bộ Ngoại Giao gửi Đại sứ ở Paris
Ngày 14 tháng 7, 1948

"Khi Hiệp Định (Hạ Long) được ký kết cùng với sự thay đổi về tình trạng của Nam Kỳ được chấp thuận, Bộ có thể xem xét việc chính thức ủng hộ hành động của Chính phủ Pháp như một bước tiến dẫn tới việc giải quyết tình trạng khó khăn ở Đông Dương và tới việc thực hiện nguyện vọng của nhân dân Việt Nam. Bộ cho rằng sự chấp thuận như vậy sẽ thực sự hỗ trợ cho những người Quốc Gia để họ chống lại những người Cộng Sản."

Thực ra thì vào lúc đó, ngay tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, chính sách đối với Đông Dương cũng chưa đi tới chỗ thống nhất vì vẫn còn hai lập trường khác nhau. Một mặt là sự dè dặt e ngại của Ngoại trưởng Dean Acheson. Ông cho rằng Pháp đang cố dàn cảnh cho đẹp ở Hạ Long chứ chưa thật lòng muốn

cho Việt Nam được độc lập. Bởi vậy Mỹ chưa nên ủng hộ 'giải pháp Bảo Đại' cho đến khi nào sự 'sắp xếp đó được Pháp đưa ra những hành động cụ thể để giúp cho nó thành công.'[4] Mặt khác lại có lập trường tích cực hơn do đại sứ Mỹ tại Paris khởi xướng. Ông này cho rằng Acheson e ngại như vậy là quá đáng. Trong một công điện gửi về Washington, ông đại sứ cho rằng "Bảo Đại là giải pháp không Cộng sản duy nhất mà ta thấy được, và nếu làm theo ý kiến của ông Ngoại trưởng thì chỉ làm cho Pháp thêm nản lòng, không muốn đi thêm bước nữa đối với nền độc lập Việt Nam." Từ Sàigòn, Lãnh sự Mỹ Abbot cũng đồng ý với quan điểm của ông đại sứ. Ông gửi điện về Washington khẳng định: *"Nếu không chọn giải pháp Bảo Đại thì ta sẽ chọn hoặc là một cuộc chiến rất tốn phí hoặc là phải chấp nhận một chính phủ Cộng sản tại một địa điểm chiến lược của Mỹ ở Đông Nam Á."* [5]

Thúc đẩy Pháp tuyên bố cho rõ về độc lập

Như vậy thì cả hai Tòa Đại sứ Mỹ ở Paris và Sàigòn đều đi tới một lập trường chung là phải thúc đẩy Pháp đi thêm nhiều bước nữa: Pháp phải làm thế nào để tuyên bố về nền độc lập cho rõ ràng hơn là những gì được ghi trong Hiệp Định Hạ Long, nền độc lập ấy phải bao gồm cả việc thống nhất đất nước và thẩm quyền của 'Chính Phủ Việt Nam,' chứ không chỉ nói lơ mơ là 'công nhận nền độc lập,' và 'Việt Nam được tự do thực hiện nền thống nhất của mình.' Vì nếu chỉ xác định như vậy là nói 'chiếu lệ' chứ làm sao có thể thực hiện được thống nhất khi mà Pháp vẫn còn duy trì quy chế 'Nam Kỳ tự trị.'

Ý đồ duy trì như vậy đã rất rõ vì khi Hiệp Định Hạ Long vừa được ký kết xong, chính Bộ Trưởng Pháp Quốc Hải Ngoại Paul Coste Floret đã tuyên bố thẳng thừng trước quốc hội Pháp: *"Chính phủ Pháp xác nhận rằng, không thể có sự thay đổi gì về quy chế của Nam Kỳ nếu không có quyết định của Quốc hội mẫu quốc."* [6]

Lập trường này đã gây ra nhiều bất mãn tại Việt Nam nên được giải quyết ngay. Tại Washington Ngoại trưởng Hoa Kỳ

Marshall gửi công điện ngày 29 tháng 7, 1948 cho đại sứ Mỹ ở Paris yêu cầu ông này phải tìm hiểu phản ứng của ông Bollaert, Cao ủy Đông Dương (lúc ấy đang ở Paris) về phát biểu của ông Coste Floret, vì dường như chính Bollaert cũng đang tránh né vấn đề quy chế cho Nam Kỳ. Ông Marshall viết tiếp: "Trong thực tế thì Hiệp Ước Hạ Long đã bị hủy bỏ đi rồi chỉ trừ khi quy chế về Nam kỳ được thay đổi hoàn toàn."[7] Trước phản ứng của Việt Nam và Mỹ, ngày 21 tháng 10, 1948 Pháp cử ông Léon Pignon sang làm Cao ủy thay cho ông Bollaert. Ông Pignon nói đến thiện chí của Pháp là muốn có chính sách rõ ràng hơn về nền độc lập Việt Nam *"Thưa Hoàng thượng, tôi xin Ngài hãy coi như tất cả mọi điều xảy ra ở Vịnh Hạ Long đều đã được bỏ qua đi rồi,"* ông Pignon đến thăm ông Bảo Đại và trình bày, *"Nay ta cần phải đặt lại căn bản mới để đi thẳng tới sự kiến tạo một nước Việt Nam mới."*[8]

Nghe vậy, ông Bảo Đại rất vui mừng, yêu cầu ông Pignon phải xúc tiến ngay một quy chế mới. Tháng 1 năm 1949, cuộc đàm phán bắt đầu. Một hội đồng hỗn hợp được thành lập ngày 12 tháng 2 để nghiên cứu từng điểm như đã ghi trong bản thể chế ở Vịnh Hạ Long. Phía Pháp do ông Herzog và phía Việt Nam do Hoàng thân Bửu Lộc làm trưởng phái đoàn:[9]

Hiệp Định Elysée (Ngày 8 tháng 3, 1949)

"Ngày 8 tháng 3, vào buổi trưa, tất cả chúng tôi đều tập trung đủ mặt ở văn phòng Tổng thống Vincent Auriol tại điện Elysée để cùng ký kết," cựu hoàng Bảo Đại thuật lại. "Tổng thống Vincent Auriol đọc một bài diễn văn ngắn nhưng rất cảm động để chúc tụng tất cả các nhà trí thức và chính trị Việt Nam đã đứng xung quanh tôi, đoàn kết, nhứt trí. Tôi cũng đáp lại từ ngắn để tỏ lòng tri ân đối với nước Pháp đã trao trả nền độc lập và thống nhất cho Việt Nam..." [10]

Hiệp Định Elysée gồm ba điểm chính:

- Pháp tái xác nhận nền độc lập thực sự của Việt Nam trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp.

- Đồng ý thống nhất nước Việt Nam và đặt dưới quyền cai trị của Chính phủ Việt Nam theo như những điều kiện sẽ được thương thuyết; và
- Pháp giữ lại quyền hành về quân sự và ngoại giao.

"Từ nay, thỏa ước này sẽ thay thế tất cả các hiệp ước do tổ tiên tôi đã ký kết," Quốc trưởng Bảo Đại tuyên bố với Tổng Thống Auriol. *"Từ đây, chính phủ Việt Nam được toàn quyền hành động của một nước độc lập. Nó tự đảm trách lấy nền ngoại giao trong khuôn khổ khối Liên hiệp Pháp, nhưng được làm tròn sứ mệnh riêng tư của nước mình, có quân đội quốc gia và thẩm quyền tư pháp đối với toàn thể dân chúng, mà chỉ riêng có người Pháp mới được qui chế tư pháp hỗn hợp. Nó tự đảm trách về tài chánh. Không còn có vấn đề Liên bang Đông Dương nữa, chỉ có sự hòa đồng trên bình diện tiền tệ với hai nước Cam Bốt và Lào. Chỉ còn một hạn chế duy nhứt đang tồn tại, đó là ảnh hưởng của Liên hiệp Pháp, hay là ảnh hưởng do chiến tranh đang xảy ra trên đất nước...*

"Từ đây trở đi, tôi đã thu hồi được đất Nam kỳ, tôi coi như nhiệm vụ của tôi về điều đình đã chấm dứt. Giai đoạn mới này, là nhiệm vụ của tôi để tái tạo nước Việt Nam..." [11]

Gần ba tháng sau, ngày 13 tháng 6, 1949 Quốc Trưởng Bảo Đại về Sàigòn, một nơi mà ông coi như là 'cấm địa' đối với ông trong thời gian Pháp thuộc. Hôm sau tại điện Norodom (sau là dinh Độc Lập), ông ký với ông Pignon những văn kiện để chính thức hóa Hiệp định Elysée.[12]

Ánh sáng độc lập hé rạng

Như vậy là đã có nhiều tiến bộ. Mỹ vội vàng đáp ứng ngay. Từ nay, it nhất là thẩm quyền về hành chính đã được trao lại cho Việt Nam, và trên nguyên tắc, Việt Nam đã trở thành một quốc gia thống nhất. Washington đi tới một lập trường rõ ràng hơn để ủng hộ "Giải pháp Bảo Đại." Hướng dẫn cho Lãnh sự

Mỹ ở Sàigòn về chính sách mới, công điện sau đây là quan trọng vì là lần đầu tiên Hoa Kỳ đặt vấn đề chính thức công nhận chính phủ Quốc gia Việt Nam cũng như đồng ý "xem xét mọi khả năng đáp ứng bất cứ yêu cầu nào của chính phủ ấy để viện trợ cả quân sự lẫn kinh tế": [13]

Bộ Ngoại Giao
Công Điện 77 gửi Sàigòn
Ngày 10 tháng 5, 1949

"Việc cho rằng Bộ ước mong giải pháp Bảo Đại được thành công là rất xác đáng. Vì không có sự lựa chọn nào khác, Bộ rất mong cả Pháp lẫn các cường quốc Tây Phương và các quốc gia không cộng sản ở Á Đông phải tìm mọi cách để trợ giúp cho giải pháp này được thành công.

"Vào một thời điểm và hoàn cảnh thuận lợi, Bộ sẽ sẵn sàng công nhận Chính phủ Bảo Đại và xem xét mọi khả năng đáp ứng bất cứ yêu cầu nào của Chính phủ ấy để viện trợ cả quân sự lẫn kinh tế... Thêm nữa, vì Hoa kỳ khó có thể yểm trợ một chính phủ mang mầu sắc của một bù nhìn, điều cần thiết là Pháp phải đưa ra những nhượng bộ cần thiết để giúp cho giải pháp Bảo Đại trở nên hấp dẫn đối với những người quốc gia.

"Đây là một bước tiến hết sức khẩn trương mà chính người Pháp phải nhìn thấy, vì rất có thể là chỉ còn một thời gian ngắn nữa trước khi sự thành công của Cộng sản ở Trung Quốc sẽ ảnh hưởng giây chuyền sang toàn cõi Đông Dương...

"Ngoài ra, Chính phủ Bảo Đại cũng phải cố gắng hết sức để tổ chức và hoạt động, làm sao thu hút được sự ủng hộ tối đa của những người quốc gia, chứ đừng đi tới chỗ thất bại như chính phủ Quốc Dân Đảng ở Trung Quốc.

"Với sự nhượng bộ của Pháp, khả năng tốt nhất của Bảo

OUTGOING TELEGRAM

Department of State

Collect

Charge Department

Charge to

CLASSIFICATION

Approved

C P.M.
CONTROL
NOV 30 1949
FOR DOT USE ONLY

AMCONSUL

SAIGON, INDOCHINA

77

Assumption Urtel 141 Dept desires success Baodai experiment entirely correct. Since appears be no other alternative to estab Commie pattern Vietnam, Dept considers no effort shld be spared by FR, other Western powers, and non-Commie Asian nations to assure experiment best chance succeeding..

At proper time and under proper circumstances Dept will be prepared do its part by extending recognition Baodai Govt and by exploring possibility of complying with any request by such Govt for US arms and econ assistance. Must be understood however aid program this nature wld require Congressional approval. Since US cld however scarcely afford backing govt which wld have color and be likely suffer fate of puppet regime, it must first be clear FR will offer all necessary concessions to make Baodai solution attractive to nationalists. This is step of which FR themselves must see urgent necessity view possibly short time remaining before Commie successes Chi a felt Indochina. Moreover, Baodai Govt must through own efforts demonstrate capacity organize and conduct affairs wisely so as to ensure maximum opportunity obtaining requisite popular support inasmuch as govt created Indochina

851G.01/5-649

CS/A

> Đại để thành công là làm sao thuyết phục nhân dân chấp nhận được rằng...Giải pháp Bảo Đại là phương tiện duy nhất để bảo vệ cho Việt Nam khỏi những mưu đồ của Trung Quốc...
>
> "Bộ đồng ý rằng chắc chắn ông Bảo Đại đã được cảnh báo rõ ràng về sự nguy hiểm nếu ông ta nghe những lời xúi dục mà đưa những người cộng sản vào chính phủ của ông ta..." [14]

Để đi tìm sự ủng hộ của các chính phủ Á Châu, đúng một tháng sau, ngày 20 tháng 6, 1949, Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ gửi công điện số 145 cho Đại sứ Mỹ ở Rangoon (Myanmar), thông báo quan điểm của Mỹ về giải pháp Bảo Đại là bước đầu để giải quyết vấn đề Việt Nam, vì nó sẽ dẫn tới việc Pháp phải nhượng bộ nhiều hơn nữa. Trên căn bản này, Bộ Ngoại Giao yêu cầu Đại sứ Mỹ vận động (với Chính phủ Miến Điện) để ủng hộ. Mặt khác Bộ cũng sẽ vận động với các chính phủ Thái Lan và Phi Luật Tân.[15]

Mao Trạch Đông tiến vào Bắc kinh: Hoa Kỳ báo động

Ngày 10 tháng 6, 1949, Bộ trưởng Quốc Phòng Louis Johnson yêu cầu Hội Đồng An Ninh Quốc Gia nghiên cứu về tình hình Á Châu để thẩm định lại chính sách của Hoa Kỳ. Ông viết: "Tôi đang rất e ngại về những diễn biến tại Á Châu. Đà tiến bộ của cộng sản tại nhiều khu vực rộng lớn trên thế giới và đặc biệt là sự thành công của cộng sản tại Trung Quốc sẽ ảnh hưởng trầm trọng tới an ninh của Hoa Kỳ trong tương lai. Tôi biết rằng nhiều Bộ đang theo rõi rất sát tình hình nguy ngập này...nhưng nếu ta chỉ theo rõi tình hình từ ngày này sang ngày kia, từ nước này sang nước khác thì khó có thể thiết lập một chương trình rộng rãi để bảo vệ quyền lợi lâu dài của chúng ta. Mục tiêu lớn của chính sách Hoa Kỳ theo tôi hiểu là ngăn chặn cộng sản để làm giảm sự đe dọa đối với an ninh của Hoa Kỳ. Bởi vậy hoạt động của chúng ta ở Á Châu phải trở

thành một phần của một kế hoạch tổng thể được cân nhắc cho kỹ lưỡng để theo đuổi mục tiêu ấy..."

Vào thời điểm ấy thì thì Mao Trạch Đông đang tiến quân nhanh như vũ bão, và tới tháng 10, 1949 đã chiếm trọn lục địa Trung Quốc. Tàn quân của Tưởng Giới Thạch rút về đảo Formosa (Đài Loan) thành lập nước Cộng Hòa Trung Quốc. Nguy đến nơi rồi! Washington báo động.

Huấn lệnh NSC 48/1
Ngày 30 tháng 12, 1949

Ngày 30 tháng 12, 1949, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia (National Security Council – NSC) nhóm họp tại Tòa Bạch Ốc dưới quyền chủ tọa của chính Tổng Thống Truman. Mục đích của cuộc họp là để duyệt xét một văn bản rất dài do NSC soạn về *'Lập trường của Chính phủ Hoa Kỳ về Á Châu'* trước sự đe dọa của Cộng sản. Đó là "Huấn lệnh NSC số 48/1 ngày 30 tháng 12, 1949." Huấn lệnh này là tài liệu rất hữu ích cho các nhà nghiên cứu về chính sách của Hoa Kỳ vì nó phân tích mục tiêu an ninh của Hoa Kỳ ở Á châu kèm theo những hành động cần thiết để theo đuổi những mục tiêu ấy và trên căn bản để thực hiện, thiết lập một chính sách rõ rệt về Á Châu. Văn bản này được tóm tắt như sau:

1. Mục tiêu căn bản để bảo vệ an ninh của Hoa Kỳ gồm ba yếu tố:

- Phát triển sức mạnh quân sự cho đầy đủ ở một số quốc gia không cộng sản chọn lọc để giữ được an ninh nội bộ hầu ngăn chận cộng sản khỏi xâm lấn thêm nữa; để rồi
- Dần dần giảm đi thế lực đang lớn mạnh và ảnh hưởng của Liên Xô, tới chỗ có thể tiêu diệt được nó, làm sao để nó không còn khả năng đe dọa an ninh của Hoa Kỳ và đồng minh của Hoa kỳ tại khu vực này;
- Đồng thời "ngăn chận bất cứ liên minh quyền lực nào (Liên Xô-Trung Quốc) có thể đưa tới sự đe dọa an ninh

Hoa Kỳ phát xuất từ khu vực này, hoặc đe dọa hòa bình, độc lập và ổn định của những nước khác ở Á Châu."

2. Những hành động cần thiết gồm:

- Yểm trợ những lực lượng không cộng sản ở Á Châu để họ lấy thế chủ động;
- Xử dụng ảnh hưởng của mình để thúc đẩy quyền lợi riêng của Hoa Kỳ;
- Khởi xướng những hành động như thế nào để cho nhân dân Á châu thấy những hành động ấy hấp dẫn và phù hợp với quyền lợi của chính mình, và sẽ ủng hộ.

3. Thiết lập một chính sách của Hoa Kỳ về Á Châu bao gồm:

- Hoa kỳ phải tỏ rõ sự tán thành đối với những cố gắng của lãnh đạo các nước Á Châu để họ thành lập liên minh cho từng vùng giữa những quốc gia không cộng sản tại Á Châu; Hoa Kỳ sẽ chuẩn bị để khi cần đến và được yêu cầu thì sẽ sẵn sàng yểm trợ những liên minh này theo điều kiện về quyền lợi của Hoa Kỳ...(thí dụ như) không quá vội vàng lộ liễu trong giai đoạn đầu để khỏi mang tiếng là dùng các nước Á Châu để phục vụ quyền lợi mình;
- Hành động để phát triển và củng cố an ninh của khu vực này chống lại xâm lược của cộng sản từ ngoài vào hay những phá hoại từ bên trong;
- Về chính sách kinh tế, phải cổ võ những yếu tố đóng góp vào ổn định chính trị của các quốc gia không cộng sản bằng:
  - o Viện trợ kinh tế theo như 'Chương Trình Điểm 4' ("Point 4 Program");
  - o Chính sách ngoại thương tự do với Á Châu và khích lệ nhập cảng hàng hóa Á Châu;

o Thực hiện một chương trình dự trữ những nguyên liệu chiến lược của Hoa Kỳ

Riêng về Đông Dương, NSC 48/1 xác định: "Hoa kỳ sẽ dùng ảnh hưởng của mình để đốc thúc nước Pháp phải gấp rút tháo gỡ những cản trở đối với ông Bảo Đại hoặc những người quốc gia khác để họ có thể thu hút được sự ủng hộ của đại đa số nhân dân Việt Nam." Để kết luận, Tổng Thống Truman chỉ thị cho tất cả các Bộ, Sở liên hệ phải thi hành huấn lệnh này ngay và dưới sự điều hợp của Bộ trưởng Ngoại Giao.

Huấn lệnh này vừa bắt đầu có hiệu lực vào ngày chót của năm 1949 thì tới đầu năm 1950 Mỹ càng lo ngại vì sau khi chiếm được toàn thể lục địa Trung Quốc, Mao Trạch Đông lại đôn quân xuống phía Nam đe dọa Biển Đông.

Tổng Thống Truman công nhận Nước Cộng Hòa Việt Nam

Thấy vậy, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ liền thay đổi lập trường.[17] Ngoại Trưởng Acheson cấp tốc đề nghị việc công nhận ba chính phủ quốc gia Việt, Miên, Lào và TT Truman chấp nhận ngay:[18]

Bộ Ngoại Giao
Bản Ghi Nhớ trình Tổng Thống
Ngày 2 tháng 2, 1950

"Xét rằng Quốc Hội nước Pháp (Hạ viện) đã phê chuẩn một đạo luật với đại đa số phiếu (396/193) để trên thực tế, chấp thuận Việt Nam, Lào và Cao Mên là ba quốc gia tự trị trong Liên Hiệp Pháp. Những phiếu chống là 181 phiếu của đảng Cộng Sản và 12 phiếu thêm vào sau đó...

"Xét rằng trước những biến cố mới đây gồm việc quân đội chiến thắng của Cộng sản đã tràn xuống biên giới Đông Dương, và việc Trung Quốc cũng như Liên Xô đã

công nhận ông Hồ Chí Minh là lãnh đạo của chính phủ hợp pháp tại Việt Nam, cho nên:

"Việc Hoa Kỳ công nhận ba chính phủ hợp pháp Việt Nam, Lào và Cao Miên là việc nên làm và phù hợp với chính sách ngoại giao của Hoa kỳ vì nhiều lý do...Bởi vậy, với sự chấp thuận của Tổng thống, Bộ Ngoại Giao đề nghị Hoa Kỳ công nhận Việt Nam, Lào và Cao Miên tiếp theo việc phê chuẩn của chính phủ Pháp."

(ký) Dean Acheson

(Tổng Thống Truman phê:) *"Chấp thuận"*
(ký) *Harry S. Truman*
Ngày 3 tháng 2, 1950

Ít người biết được rằng ngay ngày hôm sau sự chấp thuận này Hoa kỳ đã chính thức công nhận "Nước Cộng Hòa Việt Nam" ('Vietnam Republic') trên văn bản. Ngày 4 tháng 2, 1950 Ngoại trưởng Acheson chỉ thị Lãnh sự Mỹ ở Sàigòn trao bức thư của Tổng Thống Harry Truman cho Cựu Hoàng Bảo Đại. Đứng về phương diện lịch sử, đây là văn kiện đầu tiên của Tổng Thống Hoa Kỳ gửi cho lãnh đạo Việt Nam:[19]

Ngày 4 tháng 2, 1950
Kính gửi Hoàng Đế Bảo Đại
Quốc Trưởng Nước Cộng Hòa Việt Nam

Thưa Hoàng Đế:

"Tôi đã nhận được thư của Hoàng Đế thông báo việc ký kết hiệp định ngày 8 tháng 3, 1949 giữa Ngài, đại diện cho nước Việt Nam, và Tổng Thống Pháp, đại diện cho nước Pháp. Chính phủ tôi cũng đã được thông báo rằng ngày 2 tháng 2, 1950 Quốc Hội Pháp đã phê chuẩn Hiệp Định ngày 8 tháng 3, 1949.

"Vì những hành động trên đây đã có hiệu lực thành lập nước Cộng Hoà Việt Nam là một quốc gia trong Liên

DEPARTMENT OF STATE

OUTGOING TELEGRAM

FEB 4 1950

AMCONSUL,

SAIGON,

59

You SHLD deliver (for timing see DEPTEL 58) the FOL Messages from the PRES to Bao Dai. After consultation FR High Commissioner Actual letters will FOL by pouch.

QTE Your Imperial Majesty:

I have Your Majesty's letter in which I am informed of the signing of the agreements of March 8, 1949 between Your Majesty, on behalf of Vietnam, and the President of the French Republic, on behalf of France. My Government has also been informed of the ratification on February 2, 1950 by the French Government of the agreements of March 8, 1949.

QTE Since these acts establish the Republic of Vietnam as an independent State within the French Union, I take this opportunity to congratulate Your Majesty and the people of Vietnam on this happy occasion.

QTE The Government of the United States of America is pleased to welcome the Republic of Vietnam into the community of peace-loving nations of the world and to extend diplomatic recognition to the Government of the Republic of Vietnam. I look forward to an early exchange of diplomatic representatives between our two countries.

QTE I take this opportunity to extend my personal greetings to Your Majesty with my best wishes for the prosperity and stability of Vietnam.

QTE His Imperial Majesty
Bao Dai,
Head of State of the
Republic of Vietnam. UNQTE

Hiệp Pháp, nhân đây tôi xin chúc mừng Ngài và nhân dân Việt Nam vào dịp vui mừng này.

"Chính phủ Hoa Kỳ vui mừng chào đón nước Cộng Hòa Việt Nam gia nhập cộng đồng của các quốc gia yêu chuộng hòa bình trên thế giới và chính thức công nhận Chính phủ Nước Cộng Hoà Việt nam.

"Tôi mong rằng việc trao đổi đại diện ngoại giao giữa hai nước sẽ sớm được thực hiện. Nhân cơ hội này tôi cũng xin gửi tới Hoàng Đế lời chào mừng của riêng tôi và những nguyện ước tốt đẹp nhất cho sự thịnh vượng và bền vững của quốc gia Việt Nam.

Trân trọng
Harry Truman

Địa điểm chiến lược quan trọng nhất tại Đông Nam Á

Khi tổng thống Hoa kỳ đã đi tới quyết định về chính sách thì mọi việc đều nhanh chóng. Chỉ trên một tháng sau, kế hoạch yểm trợ quân sự cho Việt Nam được đề xướng. Thứ trưởng Ngoại Giao Dean Rusk xác định rõ thêm nữa: Đông Dương là địa điểm chiến lược quan trọng nhất tại Đông Nam Á. Ông thúc giục Ngũ Giác Đài phải "nghiên cứu xem làm thế nào để Hoa Kỳ có thể đóng góp tốt nhất vào việc ngăn chận Cộng sản lan tràn thêm nữa ở vùng này:

Bộ Ngoại Giao
Ngày 7 tháng 3, 1950
Kính gửi Trung Tướng James Burns
Văn Phòng Bộ Trưởng Quốc Phòng

Thưa Trung Tướng,

*Sau đây là tóm tắt chính sách của Bộ Ngoại Giao về Đông Dương và Đông Nam Á (ĐNÁ).*Bộ tiếp tục tin

rằng Đông Nam *Á đang ở trong tình trạng nguy hiểm trầm trọng có thể sẽ bị Cộng sản thôn tính do hậu quả xâm lăng của Trung Quốc từ bên ngoài cũng như do những hoạt động phá hoại từ bên trong.*

Bộ Ngoại Giao cho rằng Đông Dương hiện đang bị nguy hiểm nặng nề nhất ***lại là địa điểm quan trọng nhất về chiến lược tại Đông Nam Á.***

Bộ tin rằng trong khuôn khổ giới hạn đối với những cam kết hiện tại và ưu tiên chiến lược, tài nguyên của Hoa Kỳ phải được xử dụng để tránh cho Đông Dương và Đông Nam Á khỏi bị Cộng Sản xâm lược thêm nữa. Bởi vậy Bộ tôi đã dành tất cả những tài nguyên về mặt chính trị vào việc này. Bộ còn đang khẩn thiết nghiên cứu xem còn những tài nguyên kinh tế nào khác có thể xử dụng được thêm.

Lúc này đây, chúng tôi tin rằng Bộ Quốc Phòng cần phải khẩn thiết đánh giá về khiá cạnh quân sự của vấn đề, và xem xét về phương diện quân sự, làm thế nào Hoa Kỳ có thể đóng góp tốt nhất vào việc ngăn chận Cộng sản xâm lược thêm nữa ở vùng này.

Việc xem xét về khía cạnh quân sự như chúng tôi yêu cầu trên đây cũng rất là cần thiết để đi tới việc xác định cuối cùng về một cách thức để thi hành chính sách của chính phủ Hoa Kỳ trong khu vực này.

Trân trọng
(ký) Dean Rusk

Bước đầu tiên dùng tài nguyên kinh tế để yểm trợ là gửi phái đoàn viện trợ đầu tiên sang Sàigòn. Ngày 1 tháng 3, TT Truman chỉ định ông Robert A. Griffin hướng dẫn một 'Phái Đoàn Khảo Sát' để tìm hiểu nhu cầu phát triển của Việt Nam. Phái đoàn Griffin đã mở đầu cho những chương trình viện trợ Hoa Kỳ dần dần được 'Cơ Quan Viện Trợ USAID' tiếp nối dưới hai thời cộng hòa, kéo dài một phần tư thế kỷ cho tới ngày 30 tháng 4, 1975.

Cựu Hoàng Bảo Đại ký Hiệp Ước Vịnh Hạ Long với ông Bollaert. (Hình: Ronald Spector, Advice and Support, Center of Military History, U.S. Army)

Cựu Hoàng Bảo Đại
(Hình: "flickr.com/photo"; và

TT Harry Truman
(Hình: "americanfreedomunion.com")

CHƯƠNG 4

Bảy Lý Do Xác Định Quyền Lợi Của Hoa Kỳ Ở Biển Đông

Chỉ ba tuần sau khi TT Truman viết thư cho Chính phủ Bảo Đại, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ đã nhóm họp để bàn định những biện pháp nhằm bảo vệ quyền lợi Hoa Kỳ tại vùng Biển Đông.

Một mặt thì về *ngoại giao*, Mỹ làm áp lực thêm nữa đối với Pháp để phải tuyên bố cho rõ ràng hơn về nền độc lập Việt Nam. Mặt khác về *quân sự*, Bộ Tổng Tham Mưu tính toán có tới bảy lý do xác định quyền lợi của Hoa Kỳ tại nơi này.

Vừa xác định như vậy thì chiến tranh Triều Tiên bùng nổ: Hoa Kỳ áp dụng ngay chính sách *'ngăn chận Trung Quốc Cộng sản'* khỏi tràn xuống Đông Nam Á. Nguồn gốc học thuyết Đôminô phát xuất từ đó.

"Tất cả những biện pháp thực tế nhằm ngăn chận sự tiếp tục bành trướng của Cộng Sản tại Đông Nam Á là việc quan trọng đối với nền an ninh của Hoa Kỳ," Hội Đồng An Ninh Quốc Gia kết luận tại buổi họp đầu năm 1950 để phân tích về vị trí của Đông Nam Á đối với Hoa Kỳ. Phân tích này trở thành Huấn lệnh NSC 64, một tài liệu được nhiều tác giả viện dẫn để phân tích nguồn gốc của chính sách Hoa Kỳ tại Việt Nam vì nó đã dẫn tới học thuyết *'Đôminô:'* "nếu để mất một nước ở Đông

Nam Á thì tất cả các nước còn lại sẽ sụp đổ theo sau giống như những con cờ Đôminô xếp hàng."

Đây là một trong những tài liệu lịch sử nòng cốt xác định thế nào là quyền lợi của Hoa Kỳ tại vùng gồm các quốc gia miền Đông Nam Á Châu. Ta thường gọi là vùng **Biển Đông**.

Chính sách "Ngăn Chận Trung Hoa Cộng Sản"

Bốn tháng sau khi quân đội Mao Trạch Đông tiến vào Bắc Kinh, Huấn lệnh NSC # 64 ra đời. Văn bản về huấn lệnh này được tóm tắt và sắp xếp lại cho rõ ràng như sau. [1]

Huấn lệnh NSC # 64
Ngày 27 tháng 2, 1950

Đặt Vấn Đề

Bối cảnh:

- Vì những biện pháp quân sự của Pháp đã không thành công... Trong một nỗ lực để tiến tới ổn định bằng phương pháp chính trị, chính phủ Pháp đã thay đổi chính sách và để cho ba quốc gia ĐD được trở nên độc lập trong Liên Hiệp Pháp...
- Các chính phủ Việt Nam, Lào và Cao Miên đã được Hoa Kỳ và Anh quốc chính thức công nhận ngày 7 tháng 2, 1950; nhưng
- Ba quốc gia mới thành lập này chưa đủ ổn định về chính trị cũng như sức mạnh về quân sự để ngăn chận sự xâm nhập của quân đội ông Hồ Chí Minh vào lãnh thổ của họ. Còn quân đội Pháp (140,000 người) tuy dù đang chiến đấu hữu hiệu nhưng cũng khó làm được gì hơn nữa, và chỉ có thể duy trì được tình trạng hiện tại mà thôi.

Nhận xét rằng:

- Hiểm họa Cộng Sản xâm chiếm Đông Dương (ĐD) chỉ là bước đầu tiên của kế hoạch Cộng Sản nhằm thôn tính

toàn thể Đông Nam Á...

- Ngày 18 tháng 1, 1950, chính phủ Trung Quốc đã tuyên bố phong trào Hồ Chí Minh là chính phủ hợp pháp tại Việt Nam và ngày 30 tháng 1, 1950, chính phủ Liên Xô, dù có liên lạc ngoại giao với Pháp, cũng đã công nhận chính phủ Hồ Chí Minh như vậy...
- Sự có mặt của quân đội Trung Quốc tại biên giới ĐD giúp cho những vận chuyển về khí giới, tiếp liệu, và quân đội từ Trung Quốc sang Bắc Việt một cách dễ dàng. Và chúng tôi đã có những chứng cớ về việc chuyển vận khí giới này;
- Trong tình trạng hiện tại, sự kết hợp của quân đội ĐD và Pháp cũng khó có thể ngăn chận được lực lượng của ông Hồ nếu ông ta được tăng cường bởi quân đội Trung Quốc hoặc đi băng qua biên giới hoặc được tiếp viện từ ngoài vào.

Kết Luận

- Để đi tới quyết tâm áp dụng tất cả những biện pháp thực tế giúp Hoa Kỳ bảo vệ an ninh của mình tại Đông Dương và ngăn chận sự xâm lấn của Cộng Sản tại nơi này.
- Tất cả biện pháp thực tế phải được áp dụng để ngăn chận sự tiếp tục bành trướng của Cộng Sản tại Đông Nam Á là việc quan trọng đối với nền an ninh Hoa Kỳ;
- Những nước láng giềng như Thái Lan và Miến Điện cũng sẽ rơi vào vòng kiểm soát của Cộng sản nếu ĐD bị kiểm soát bởi một chính phủ Cộng sản. Và cán cân lực lượng ở Đông Nam Á sẽ bị đe dọa trầm trọng;
- Bởi vậy Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc Phòng phải chuẩn bị một kế hoạch ưu tiên gồm những biện pháp thực tế nhằm bảo vệ quyền lợi an ninh của Hoa Kỳ tại Đông Dương.

Nhưng làm sao có thể thực thi những biện pháp thực tế nhằm bảo vệ quyền lợi an ninh của Hoa Kỳ tại ĐD khi Pháp vẫn còn gián tiếp nắm thực quyền qua tổ chức 'Liên Hiệp

Pháp' mặc dù trên lý thuyết thì đã trao lại độc lập cho ba quốc gia theo Hiệp định Élysée. Sau Thế chiến II, vì cần sự cộng tác của Pháp để ngăn chận ảnh hưởng của Liên Xô tại Âu Châu, Mỹ không muốn đặt vấn đề để khỏi làm phật lòng nước này. Nhưng nay thì nhu cầu đã quá khẩn thiết, việc trực tiếp yểm trợ cho các chính phủ quốc gia nơi đây phải được xúc tiến ngay. Nhưng nếu xúc tiến mà không dứt khoát với Pháp về vấn đề độc lập thì Mỹ sẽ bị mang tiếng là cộng tác với ba chính phủ mang mầu sắc của thực dân. Bởi vậy, Mỹ quyết định làm áp lực với Pháp.

Mỹ yêu cầu Pháp tuyên bố rõ ràng hơn về chính sách

Trong một công điện rất dài đề ngày 29 tháng 3, 1950 gửi Đại sứ Mỹ ở Paris, Ngoại trưởng Acheson có chỉ thị hết sức rõ ràng. Ông yêu cầu Đại sứ làm việc với chính phủ Pháp để đốc thúc: 'Pháp phải tuyên bố cho rõ ràng về chính sách của mình ở Đông Dương là Pháp đã thực sự trao phần lớn quyền tự trị lại cho ba quốc gia ở đó rồi. Vấn đề là sự việc này đã được ghi trong Hiệp Định Élysée mà tại sao các nước khác từ Âu tới Á, phần đông vẫn cho rằng ông Bảo Đại, và hai vua (Miên, Lào) là 'bù nhìn' của Pháp?' Văn kiện này được tóm tắt như sau: [2]

Công Điện Số 1363
Bộ Trưởng Ngoại Giao Gửi Đại Sứ Mỹ ở Paris
Ngày 29 tháng 3, 1950 (6 giờ chiều)

Ông Đại sứ phải trình bày với Chính phủ Pháp cho thật rõ ràng rằng:

"Hoa Kỳ rất hưởng ứng việc chính phủ Pháp đã phê chuẩn Hiệp Định ngày 8 tháng 3 giữa nước Pháp và ba nước Việt, Miên, Lào. Việc Hoa Kỳ muốn giúp củng cố và ổn định các chính phủ quốc gia chống cộng tại Đông Dương thì chính phủ Pháp đã biết rõ. Nước Pháp cũng biết rằng Hoa Kỳ tin tưởng vào thiện chí của nước Pháp muốn áp

dụng những biện pháp cần thiết, giúp cho ba xứ này lớn mạnh lên...

"Hai chính phủ Pháp và Mỹ từ lâu đã quan niệm rằng việc các nước Á Châu công nhận ba chính phủ Đông Dương là hết sức quan trọng để giúp các phong trào quốc gia chống cộng ở đây được thế giới nhìn nhận là thực sự quốc gia chứ không phải là tay sai của đế quốc Phương Tây như cộng sản tuyên truyền.

"Trong mấy tuần qua, Hoa Kỳ đã liên lạc với nhiều Chính phủ ở Á Châu và thúc giục họ công nhận Chính phủ của ba nước mới... Điều đáng tiếc là chúng tôi đã nhận được báo cáo rằng chính phủ ở những nước khác ở Á Châu đều cho rằng Chính phủ của ba tân quốc gia vẫn là bù nhìn của Pháp. Đặc biệt là họ không tin rằng Pháp đang thật tâm muốn trả lại nền độc lập và chủ quyền cho ba nước này, như Hoà Lan vừa trả lại cho Indonesia....

"Tuy đã nhận thức rõ ràng về những khó khăn có thể gây nên, Hoa Kỳ cũng vẫn yêu cầu Chính phủ Pháp nên xem xét thật nghiêm chỉnh việc cho phổ biến sớm hết sức, một lời tuyên bố chính thức về bản chất của vấn đề như đã nêu lên trên đây.

"Dù không phải phận sự của Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ để gợi ý về lời lẽ của lời tuyên bố này, nhưng Bộ tin rằng Chính phủ Pháp cần phải làm sáng tỏ việc đã nhượng lại (độc lập) cho các quốc gia Đông Dương theo như Hiệp Định (Elysée) mồng 8 tháng 3, năm 1949 và các văn kiện phụ đính.

"Bởi vì, nếu không làm như vậy, các thành quả cũng như thiện chí của nước Pháp trong đại cuộc sẽ bị hiểu lầm một cách nghiêm trọng không những bởi các quốc gia Á Châu mà còn cả các quốc gia Âu châu nữa."

(ký) Acheson

Bảy lý do xác định quyền lợi của Hoa Kỳ tại Biển Đông

Trong khuôn khổ thi hành Huấn lệnh NSC #64 như trên, Bộ Tổng Tham Mưu Hoa Kỳ đã nghiên cứu và trình bày quan điểm của mình để xác định thế nào là quyền lợi của Hoa Kỳ ở vùng Đông Nam Á, nhất là Đông Dương. Ngày 10 tháng 4, 1950 một bản ghi nhớ được gửi cho Bộ trưởng Quốc Phòng Johnson.

Đối với các lãnh đạo quân sự thì có hai Á Châu: Á Châu Hải Đảo và Á Châu Lục Địa. Trước đây, bên Tham Mưu Lục Quân và nhiều nhà lãnh đạo quân sự khác đều coi những quốc gia Á Châu ở vùng hải đảo như Nhật, Okinawa, Đài Loan, và Phi Luật Tân là quan trọng nhất vì Mỹ có những quan hệ chặt chẽ với các quốc gia này, còn vai trò của Đông Nam Á chỉ là phụ thuộc.[3] Nhưng trước sự bành trướng của cộng sản, bây giờ thì Bộ Tổng Tham Mưu coi cả khu vực Đông Nam Á, tự nó đã có tầm quan trọng về chiến lược. Vì sao như vậy? Trong Bản ghi nhớ đề ngày 10 tháng 4, 1950 Tổng Tham Mưu xác định bảy lý do liên hệ tới quyền lợi của Hoa Kỳ ở Biển Đông xoay quanh bốn điểm chính yếu: khu vực này có một số nguyên liệu chiến lược cần thiết cho Mỹ, nó lại nằm ngay sát những trục giao thông quan trọng, và là một đoạn của cái tuyến ngăn chận cộng sản, tuyến này đi từ Nhật Bản xuống phía Nam rồi kéo vòng qua tới bán đảo Ấn Độ, và nếu mất khu vực này thì Mỹ mất hết vùng duyên hải Á Châu. Tóm tắt tài liệu như sau:[4]

[Văn kiện này và những văn kiện tiếp theo gồm NSC 124; 124/1 và 124/2 là những tài liệu lịch sử có nhiều ý nghĩa cho những nhà ngiên cứu về vấn đề Biển Đông ngày nay.]

Ngày 10 tháng 4, 1950
Bộ Tổng Tham Mưu (JCS) gửi
Bộ Trưởng Quốc Phòng

JCS nhận định thế nào là quyền lợi của Hoa Kỳ tại Vùng Biển Đông:

1. Khu vực Đông Nam Á là nguồn tiếp liệu một số **tài**

nguyên chiến lược cần thiết để hoàn thành dự án về dự trữ tiếp liệu của Hoa Kỳ.

2. Về địa lý, nó nằm ngay đường băng ngang của những **trục giao thông quan trọng.**

3. Đông Nam Á nằm ngay trên cái **tuyến ngăn chận Cộng sản** để khỏi tràn sang Nhật, xuống phía Nam, rồi tới quanh vùng Bán Đảo Ấn độ; an ninh của cả ba căn cứ không cộng sản ở một phần tư thế giới - **Nhật, Ấn Độ, và Úc châu** - tùy thuộc một phần lớn vào việc không để cho cộng sản chiếm được Đông Nam Á. Nếu mất Đông Nam Á, ba nước này sẽ bị cô lập với nhau.

4. Nếu Đông Dương sụp đổ thì sẽ **dẫn tới sự sụp đổ của những nước khác** còn lại ở **lục địa Đông Nam Á** và tất sẽ dẫn tới nhiều nguy hiểm an ninh cho **các quốc gia Á Châu hải đảo** là Phi Luật Tân, Indonesia, Malaysia, như vậy nó chính là bước đầu của sự sụp đổ của các quốc gia này.

5. Sự sụp đổ của Đông Nam Á sẽ làm cho Hoa Kỳ **mất hẳn đi vùng duyên hải Á Châu** (littoral of Asia). Còn phần lục địa Đông Nam Á thì lại quan trọng cho những hoạt động của chúng ta để kìm hãm sự bành trướng của Cộng sản.

6. Nếu Trung Quốc kiểm soát được vùng này thì sẽ giúp cho họ bớt căng thẳng **về vấn đề lương thực**, và sẽ giúp cho Liên Xô có được những **nguyên liệu chiến lược quan trọng**.

7. Nếu Liên Xô có được một ưu thế nổi trội ở Đông Nam Á thì **địa vị của Hoa Kỳ tại Nhật Bản sẽ bị đe dọa**, Nhật Bản sẽ mất đi thị trường Á Châu, và mất luôn nguồn tiếp liệu thực phẩm và những nguyên liệu thô từ vùng này.

Như vậy là phía quân đội Hoa Kỳ đã đi tới kết luận là hoàn toàn đồng ý với Huấn Lệnh 64 và đề nghị một số biện pháp, đặc biệt là việc thành lập ngay một cơ quan đặc trách về viện

trợ quân sự cho Đông Dương.

Ngoài quyền lợi riêng lại còn vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ

Trong một bản ghi nhớ tiếp theo văn kiện trên (ngày 2 tháng 5, 1950), Bộ Tổng Tham Mưu còn nhấn mạnh tới *"vai trò lãnh đạo Thế giới Tự do của Hoa Kỳ đã đặt trách nhiệm lớn lao cho nước này phải huy động được sức mạnh của thế giới tự do để ngăn chận điện Cẩm Linh (Kremlin) là bá chủ thế giới. Tổng Tham Mưu tin rằng Hoa Kỳ và những cường quốc Tây Phương phải có những hành động tức khắc và tích cực trong cuộc xung đột hiện nay, vì nếu Hoa Kỳ thành công ở Đông Nam Á thì sẽ giúp cho những thành công khác ở vùng Viễn Đông."* [5]

Thái Bình Dương nổi sóng

Tóm lại, sau khi quân đội của ông Mao Trạch Đông chiếm trọn lục địa Trung Quốc cuối năm 1949, hiểm họa 'làn sóng đỏ' ở Á Châu trở nên khẩn thiết. Rồi tháng 4, 1950 quân đội ông Mao dưới quyền điều khiển của Tướng Lâm Bảo chiếm hải đảo Hải Nam, cái mốc quốc phòng đầu tiên ở Biển Đông: Hoa Kỳ liền tập trung ngay vào việc hoạch định chiến lược để đối phó, phản ảnh bằng những văn kiện và sự kiện vào 5 tháng đầu 1950 như trên đây, bao gồm:

- o Tháng 2, 1950: Huấn Lệnh NSC # 64 về chính sách bảo vệ an ninh của Hoa Kỳ tại ĐD và ngăn chận Cộng sản;
- o Tháng 3, 1950: Ngoại Trưởng Dean Rusk xác nhận Việt Nam là địa điểm chiến lược quan trọng nhất;
- o Tháng 4, 1950: Bộ Tổng Tham Mưu gửi Bản Ghi Nhớ về 7 lý do liên quan tới quyền lợi Hoa Kỳ ở ĐNÁ;
- o Tháng 5, 1950: Bộ Tổng Tham Mưu đặt vấn đề lãnh đạo của Hoa Kỳ; và
- o **Ngày 25 tháng 6, 1950: Bắc Hàn Tràn xuống Nam Hàn**.

Vừa có những tính toán như trên thì ngày 25 tháng 6, 1950,

quân đội Bắc Hàn tràn qua vỹ tuyến 38, tấn công Nam Hàn. Chiến tranh Triều Tiên bùng nổ.

Ngày 27 tháng 6, 1950 Tổng Thống Truman phản ứng mạnh mẽ:

"Cuộc tấn công vào Nam Hàn đã chứng minh rằng giờ đây, Cộng sản đã vượt qua giai đoạn khủng bố rồi và chuyển sang giai đoạn tấn công bằng võ lực nhằm chinh phục các quốc gia tự do." Lập tức, ông ra lệnh cho Đệ Thất Hạm Đội phải sẵn sàng để bảo vệ Formosa (Đài Loan) và thêm: *"Tôi đã chỉ thị phải tăng ngay viện trợ quân sự cho Pháp và các nước Đông Dương, đồng thời gửi những phái đoàn quân sự sang yểm trợ cho Đông Dương để làm việc chặt chẽ với những lực lượng của các nước này."* [6]

Ngày 25 tháng 7, 1950 Tổng Tham Mưu đề nghị:

"Nếu Trung Hoa Cộng sản công khai yểm trợ cho Việt Minh, Hoa Kỳ phải tăng ngay viện trợ quân sự cho Pháp và thúc dục Pháp chiến đấu cho mạnh mẽ, đồng thời Hoa Kỳ có thể xem xét việc yểm trợ bằng không lực và hải lực." [7]

Tới lúc này thì cả ba trục nòng cốt của chính sách Hoa kỳ: Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, Bộ Ngoại Giao, và Bộ Quốc Phòng đều đã tiến tới một lập trường thống nhất: Việt Nam trở thành 'địa điểm chiến lược quan trọng nhất' tại vùng Đông Nam Á,' nó trực tiếp gắn liền với nền an ninh của Hoa Kỳ.

Tháng 9, 1951 Bắc Kinh công bố 'Tuyến 9 Vạch' hình Lưỡi Bò tại Biển Đông.

Mùa Thu 1951 Bắc Kinh tiến thêm bước nữa. Ngày 8 tháng 9, 1951, một 'Hiệp Ước Hòa Bình với Nhật' gọi là *'Hiệp Ước San Francisco'* (vì ký ở Memorial Opera House tại thành phố này) được 48 quốc gia tham dự và ký kết. Trong số những quốc gia này không có cả hai chính phủ Trung Quốc (Bắc Kinh và Đài Loan) nhưng có chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Vì Hiệp ước này không đả động gì tới hai nhóm quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, lại trao đảo Pratas cho Liên Hiệp Quốc nên ngay trước và sau khi ký kết (ngày 15 tháng 8, và 18 tháng 9) Thủ

tướng chính phủ Mao Trạch Đông là Chu Ân Lai tuyên bố: *"Hiệp ước San Francisco là bất hợp pháp" và khẳng định chủ quyền ở các đảo này.* Bản đồ mới của Trung Quốc gồm thêm một "tuyến 9 vạch" khoanh lại một khu vực giống như hình lưỡi con bò.

Thế là sự lo nghĩ của Hoa kỳ về học thuyết Đôminô đã bắt đầu thành thực tế. Chỉ 5 tháng sau, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Mỹ nhóm họp để quyết định một lập trường mới dựa trên ý kiến của Bộ Tổng Tham Mưu nhưng rõ ràng hơn. Đây là 'Huấn lệnh NSC số 124' về việc đưa ra những biện pháp để điều hợp và tăng cường cho các quốc gia sở tại để *ngăn chận* sự xâm lấn thêm nữa của Trung Quốc; và nếu sự xâm lấn xảy ra thì làm sao để *đương đầu* với sự tình huống ấy.'

Chúng tôi tóm tắt những điểm chính của văn kiện gọi là 'Phụ đính vào Huấn lệnh NSC 124' (ngày 25 tháng 6, 1952) để giúp độc giả hiểu rõ hơn quan niệm của Hoa Kỳ về quyền lợi an ninh tại vùng Biển Đông như sau: (nhà nghiên cứu nào muốn đọc toàn bộ những văn kiện quan trọng liên hệ đến Huấn lệnh NSC số 124, 124/1, 124/2 đề cập trong chương sau, xin xem ghi chú về nguồn - liệt kê trong phần ghi chú). [8]

Phân tích của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia
Phụ đính vào Huấn lệnh NSC 124
Ngày 13 tháng 2, 1952

Mục tiêu: mục tiêu của Hoa Kỳ và những biện pháp đối phó với sự xâm lược của Cộng sản tại Đông Nam Á (ĐNÁ).

Phân Tích: hậu quả của việc Cộng sản thôn tính Đông Nam Á (ĐNÁ) đối với nước Mỹ:

1. **Việc Trung Cộng thôn tính ĐNÁ**, hoặc do xâm chiếm, hoặc do lật đổ hay thông đồng với chính phủ bản xứ **là điều đe dọa cho nền an ninh Hoa Kỳ**... Vì sự việc này sẽ làm cho các quốc gia khác càng tin rằng sự bành trướng của Cộng sản là điều không thể ngăn chận được nữa...
2. Sự sụp đổ của ĐNÁ về lâu về dài sẽ **rất khó cho Hoa**

Kỳ ngăn chận được Nhật Bản khỏi đi theo Liên Xô.

3. Đông Nam Á, đặc biệt là Mã Lai và Indonesia là nguồn tiếp liệu chính của thế giới về **cao su và thiếc**. Việc các quốc gia phương Tây được sử dụng cũng như việc ngăn chận khối Liên Sô không được sử dụng những nguyên liệu này luôn luôn là vấn đề quan trọng, đặc biệt là khi chiến tranh xảy ra;
4. Việc Cộng sản kiểm soát được số **gạo** thặng dư ở miền này sẽ làm cho Liên Xô có được một khí giới kinh tế mạnh mẽ để áp lực đối với các nước khác;
5. Indonesia là nguồn **dầu hỏa thứ hai** và càng trở nên quan trọng khi các cường quốc Âu Châu không sử dụng được nguồn dầu tại Trung Đông...
6. Việc Cộng sản cai trị lục địa ĐNÁ sẽ làm cho các lực lượng thù địch kiểm soát được những **hệ thống hải vận và không vận** trực tiếp, và phát triển nhất, giữa miền Tây Thái Bình Dương, Ấn Độ và cận Đông. Khi có chiến tranh xảy ra, (và khi Liên Xô) có tiềm thủy đĩnh và những căn cứ không quân ở lục địa ĐNÁ có thể sẽ bắt buộc các đường chuyển vận hàng hải và hàng không của Hoa Kỳ và đồng minh **phải đi vòng thật xa**...

Nếu nhìn theo khía cạnh trực tiếp (về an ninh), thì Hoa Kỳ nằm ngay bên bờ Thái Bình Dương. Từ California hướng thẳng qua biển là vùng Quảng Đông, Quảng Châu của Trung Quốc (chưa kể hai đảo Guam, Wake còn nằm gần TQ hơn nữa). Gián tiếp (về chiến lược): vai trò lãnh đạo của Mỹ trong thế giới Tự Do đòi hỏi Mỹ phải có một chính sách vĩ mô cho toàn cầu. Cho nên dù chiến tranh Triều Tiên còn đang tiếp diễn (từ 25/6/1950 tới 27/7/1953) Hội Đồng An Ninh Quốc Gia vẫn xác nhận trong NSC # 124 là Đông Dương còn quan trọng hơn cả Triều Tiên:

> "Dư luận của nhân dân Hoa Kỳ, nếu được cảnh giác, có thể sẽ ủng hộ việc sử dụng quân lực Hoa Kỳ tại Đông Dương bất kể quan niệm cho rằng như vậy là Mỹ lại dính

vào một 'Triều Tiên thứ hai.' Lý do là vì ***về chiến lược, Đông Dương còn quan trọng hơn cả Triều Tiên rất nhiều.***"

Đây là một điểm mà tài liệu trong chương sau còn nhắc lại

Tại sao như vậy? Vì Triều Tiên không nằm vào một địa điểm chiến lược như được phân tích trên đây, nó không nằm sát trục giao thông hàng hải đi từ Ấn Độ Dương qua eo biển Mallaca như tọa độ của Đông Dương. Ngoài ra, đối với an ninh Hoa Kỳ thì ở phía Bắc Thái Bình Dương đã có sẵn những căn cứ quân sự lớn lao ở Nhật Bản, nhưng ở Nam Thái Bình Dương thì chỉ có căn cứ hải quân ở Subic Bay (Phi Luật Tân) là quan trọng. Bây giờ Hoa Kỳ cần có thêm căn cứ quan trọng khác nữa ở Việt Nam.

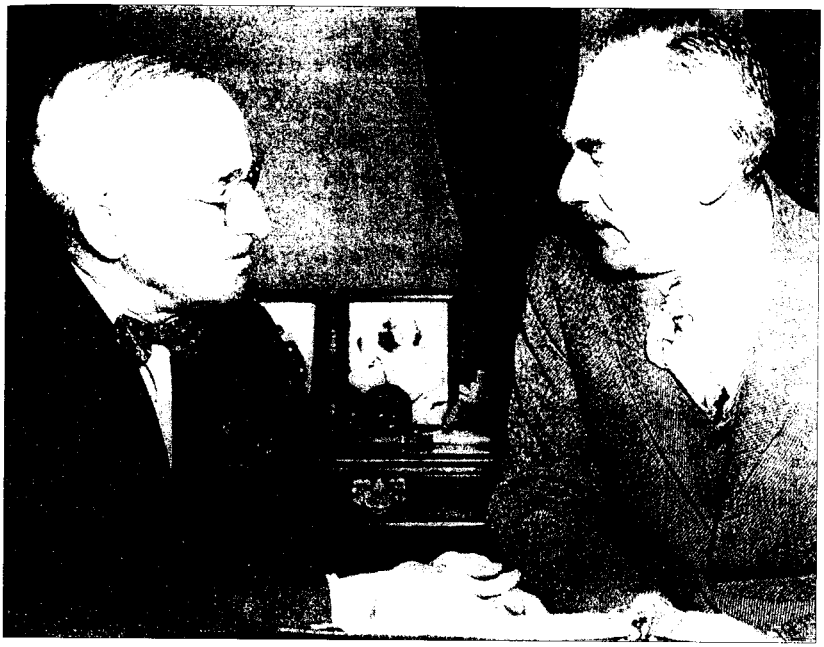

TT Truman bàn bạc với Ngoại trưởng Acheson.
(Hình: National Geographic Magazine)

Đại tướng Lyman Lemnitzer. Tổng Tham Mưu Trưởng Hoa Kỳ ký tờ trình xác định những quyền lợi của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á. (Hình: "upload.wikipedia")

Trong bài nói về "Tình Trạng Đất Nước" đầu tiên (ngày 3 tháng 2, 1953), TT Eisenhower nối kết chiến tranh Triều Tiên vào với Đông Dương. (Hình: USIA)

CHƯƠNG 5

Đáp Lời Sông Núi

Ối trẻ con làng ta ra mà xem, ra mà xem
Thằng cu Tây ngốc ngếch mũi thò lò tai to tướng...

Mỗi khi thấy vài ông Tây về làng bắt rượu lậu, trẻ con đã tụm năm tụm ba chế nhạo. Vậy thì làm sao mà nhân dân có thể chấp nhận được cả một đoàn quân phương Tây chiến đấu trên đất Việt? Một nước độc lập thì phải có một lực lượng quân sự bản xứ. Nhưng khi Quốc Trưởng Bảo Đại yêu cầu Mỹ viện trợ trực tiếp để giúp thành lập Quân đội Quốc Gia thì Pháp gạt phắt đi ngay.

Dù vậy, Hoa kỳ vẫn tiếp tục áp lực Pháp. Đến đầu Hè 1950 thì Quốc hội Pháp mới đồng ý. Tuy là đồng ý nhưng chỉ là lý thuyết. Trong thực tế, Mỹ phải đi vòng vèo ba bước để giúp chính phủ Bảo Đại thành lập quân đội. Vừa có sự tham gia trực tiếp của đoàn quân nhân bản xứ, tình hình đã trở nên sáng sủa ngay năm sau, với những chiến thắng như ở Vĩnh Yên (tháng 1, 1951) và Phát Diệm (tháng 6, 1951). Chương này giúp độc giả theo rõi những khó khăn trong giai đoạn khai sinh của Quân đội Quốc gia Việt Nam.

"Vậy chứ các ông đang chiến đấu với ai đấy nếu không phải là người Việt Nam?" Tướng Mỹ Erskine mỉa mai hỏi Tướng Pháp Carpentier vào hè 1950. Tướng Graves Erskine

(1897-1973) là trưởng phái đoàn quân sự Mỹ ở Sàigòn. Ông đã từng chỉ huy Sư Đoàn 3 đánh trận Iwo Jima nổi tiếng. Tướng Marcel Carpentier (1895-1977) là Tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương. Ông đã giữ chức Tham Mưu Trưởng của lực lượng viễn chinh Pháp trong giai đoạn nước này bị quân đội Đức chiếm đóng. [Về một số nhân vật Mỹ và Pháp trong lịch sử, chúng tôi ghi thêm vài điểm về cá nhân để độc giả dễ bề theo dõi]. Khi Erskine yêu cầu Carpentier xúc tiến cho thật nhanh việc thành lập một Quân Đội Quốc Gia Việt Nam, Carpentier khua tay phàn nàn: *"Tuyệt đối không trông mong gì ở họ đâu; cũng không thể tin vào họ được, chẳng bao giờ họ có thể trở thành những quân nhân giỏi."* ("They are abosultely unreliable; you can't trust them, they'd never make good soldiers"). Nghe vậy, Erskine buồn cười. Đang thua xiểng liểng với Việt Minh mà lại chê bai khả năng của người lính Việt Nam, cho nên Erskine mới hỏi Carpentier "ông đang chiến đấu với ai đấy?".[1]

Sau khi xác định vị trí quan trọng của Đông Dương, Hoa kỳ bắt đầu thi hành "những biện pháp thực tế nhằm bảo vệ quyền lợi an ninh của mình tại nơi này" trong khuôn khổ hai Huấn lệnh NSC 64 và 124 (Chương 3). Ta nhớ lại là:

Tại Washington:

- Ngày 10 tháng 4, 1950 Bộ Tổng Tham Mưu (TTM) Hoa kỳ đã đề nghị "thành lập ngay một cơ quan đặc trách về viện trợ quân sự cho Đông Dương ngay tại Washington." Trước đó thì Mỹ chỉ viện trợ thăng và để cho Pháp tự ý sử dụng. Sau đó,

Tại Sàigòn:

- Ngày 2 tháng 5, 1950 Bộ lại đề nghị *thứ nhất* là vận chuyển viện trợ quân sự đến Sàigòn thật sớm, và *thứ hai*, thành lập ngay một Cơ quan Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ tại bản xứ để xem xét những yêu cầu cấp viện, giúp điều hợp những kế hoạch quân sự giữa Pháp và Việt Nam, và giám sát sự phân phối quân cụ, quân trang cho hai lực lượng này.

Chắc chắn rằng Hoa Kỳ cũng đã nhìn thấy sẽ có sự xích mích giữa hai bên Việt - Pháp về vấn đề viện trợ nên muốn sắp xếp cho ổn thỏa (315). Nhưng khi Pháp thấy Mỹ định vào 'xem xét' rồi 'giúp điều hợp kế hoạch quân sự' và 'giám sát' việc phân phối viện trợ thì rất bất mãn.

Như đã đề cập trong Chương trước, vào tháng 6, 1950: trên căn bản là *"Cộng sản đã vượt qua giai đoạn khủng bố và chuyển sang giai đoạn tấn công bằng võ lực nhằm chinh phục các quốc gia tự do."* Tổng Thống Truman chỉ thị phải *"gửi ngay những phái đoàn quân sự sang yểm trợ cho các quốc gia Đông Dương."* Ngay tháng sau, một phái đoàn gồm Trung tướng Graves Erskine cùng với ông John Melby (Bộ Ngoại Giao) tới Sàigòn để sửa soạn những biện pháp thực hiện công tác này.

Pháp nhắn khéo Mỹ chớ có xía vào chuyện Đông Dương

Phái đoàn Grave Erskine vừa tới Sàigòn thì bất chợt, ba quả bom nổ tung ngay tại khách sạn dành cho họ. May mắn là vào chính lúc bom nổ, hai ông này lại vừa đi ra ngoài. Pháp đổ cho Việt Cộng thấy Mỹ đến đã phá hoại, nhưng Erskine cho rằng việc này do Pháp sắp đặt để "nhắn khéo cho Mỹ đừng mất quá nhiều thì giờ xía vào công việc của Pháp ở Đông Dương." [2]

Trong thời gian đó, quân số của Việt Nam mới chỉ là 16,000 người. Pháp có kế hoạch là sẽ thành lập thêm 12 tiểu đoàn vào cuối 1950. Nhưng đó chỉ là trên giấy tờ, vì họ luôn nói với Mỹ là 'chúng tôi còn thiếu phương tiện.' Bây giờ thấy tướng Mỹ vào để xem xét, Pháp bắt đầu khó chịu. Lập trường của Pháp là Mỹ cứ viện trợ thẳng để chúng tôi chiến đấu chống cộng thay cho các ông là được rồi, đừng nhòm ngó vào nội bộ của chúng tôi mà hỏng việc. Còn về vấn đề thành lập Quân đội Quốc gia, đó cũng là việc riêng của chúng tôi và Việt Nam.

Như vậy là thật khó cho Mỹ. Sau khi Trung Quốc thôn tính lục địa Trung Quốc (tháng 10, 1949), Bắc Hàn tràn xuống Nam Hàn (tháng 6, 1950), tình hình tại Đông Nam Á trở nên nguy

ngập. Mỹ muốn viện trợ Việt Nam để giữ vùng Đông Nam Á nhưng bây giờ thì đưa viện trợ qua tay ai đây? Đưa thẳng cho Pháp thì mang tiếng là cấu kết với thực dân, và chưa chắc gì là Pháp sẽ sử dụng cho có hiệu quả. Nhưng nếu trao cho ông Bảo Đại thì Pháp phản đối. Cho nên mục đích của Phái đoàn Viện trợ Quân sự Hoa Kỳ tại Đông Dương còn gồm việc điều hợp kế hoạch quân sự và phân phối quân cụ cho hai lực lượng này.

Phái đoàn đầu tiên về viện trợ kinh tế Mỹ tới Sàigòn

Ngoài ra, tuy trên lý thuyết Việt Nam là nước độc lập, nhưng vẫn còn nằm trong Liên Hiệp Pháp. Ngoài quân sự, ngoại giao, Liên Hiệp này còn bao gồm cả kinh tế, tài chính, tiền tệ, viễn thông. Vì vậy mà có 'Liên Hiệp Tiền Tệ' (Monetary Union), Liên Hiệp Quan Thuế (Custom Union), Liên Hiệp Viễn Thông (Communications Union). Và 'Ngân Hàng Đông Dương' (Banque de l'Indochine) là cơ quan đầu não về tiền tệ, in ra đồng 'Piastre' cho cả ba nước Việt, Miên, Lào. Trong bối cảnh ấy, nếu Mỹ có viện trợ kinh tế thẳng cho Chính Phủ Bảo Đại, thì tới lúc thi hành viện trợ cũng phải chuyển tiền qua Banque de l'Indochine vì đây là nơi nắm giữ hết ngoại tệ.

Vào tháng 3, 1950, Bộ Ngoại Giao Mỹ gửi một phái đoàn do ông Robert Griffin sang Sàigòn để thẩm định nhu cầu và xem xét nhu cầu kinh tế. Từ đó *'Phái đoàn Griffin'* trở thành tượng trưng cho viện trợ kinh tế Mỹ ở Việt Nam. Griffin là người đã có nhiều kinh nghiệm về viện trợ cho Trung Quốc thời Chính phủ Tưởng Giới Thạch. Vừa tới nơi ông cũng đã gặp khó khăn giữa hai bên Việt-Pháp về cách thức nhận và thi hành viện trợ vì Pháp muốn qua mặt chính phủ Việt Nam. Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng, Griffin trở về Washington và ngày 16 tháng 3, 1950 nộp bản báo cáo với kết luận là nên viện trợ thẳng cho chính phủ Bảo Đại, vì làm như vậy thì ít nhất là "sẽ làm tăng hình ảnh độc lập và giúp cho uy tín của chính phủ này cả ở trong nước lẫn trên bình diện quốc tế." Ông đề nghị cung cấp ngay một khoản viện trợ cần thiết là $23.5 triệu. Giống như

trường hợp Tướng Erskine, ông Griffin cũng bị chính phủ Pháp ở Paris nghi là vào Sàigòn để nhòm ngó, xía vào nội bộ, nên ông đã phải xác định mình chỉ hướng dẫn một "phái đoàn kinh tế' và nếu Pháp làm khó thì có thể bị ảnh hưởng tới chương trình viện trợ. [3]

Cựu Hoàng Bảo Đại yêu cầu Mỹ viện trợ trực tiếp để Việt Nam có độc lập quân sự

Tại Sàigòn, Chính phủ Bảo Đại rất hân hoan thấy phái đoàn Griffin vào nên đã vận động với ông Edmund Gullion, Lãnh sự Mỹ về lập trường Mỹ trực tiếp viện trợ cho Việt Nam. Hết sức đồng ý, ngày 18 tháng 3, ông Gullion báo cáo về Bộ Ngoại Giao rằng 'tất cả các quan chức cao cấp Việt Nam đều tin tưởng rằng nếu Hoa Kỳ viện trợ thẳng cho Việt Nam thì sẽ "giúp họ có được một cái thế đối với Pháp." Một tuần sau, ông Phan Huy Quát, Bộ Trưởng Quốc Phòng lại đề nghị với ông Gullion là Hoa Kỳ nên trực tiếp đào tạo và võ trang quân lực Việt Nam. Trên căn bản là Tổng thống Truman đã chính thức công nhận nước Cộng Hòa Việt Nam, Quốc trưởng Bảo Đại đã đích thân yêu cầu Phó Đô Đốc Russell Berkey, Tư lệnh Đệ Thất Hạm Đội Hoa Kỳ khi ông viếng thăm Sàigòn:[4]

> *"Các Ngài hãy viện trợ trực tiếp để chúng tôi có độc lập nhiều hơn nữa về quân sự, vì độc lập mới chính là yếu tố quyết định trong lúc này.'*

Không được, Pháp đâu có chịu. *"Tôi sẽ không bao giờ đồng ý để Mỹ cung cấp quân cụ thẳng cho người Việt Nam,"* Tướng Carpentier ngang nhiên tuyên bố với tờ New York Times (ngày 9 tháng 3, 1950). *"Và nếu Mỹ làm như vậy, tôi sẽ từ chức trong vòng 24 giờ đồng hồ."*

Tại sao lại phải dứt khoát như thế? Carpentier viện lý do: *"Là vì quân đội Việt Nam chưa có tướng lãnh, chưa có đại tá, lại không có tổ chức quân sự để sử dụng quân cụ cho hữu hiệu nên họ sẽ để phí phạm như trường hợp đã xảy ra ở Trung Quốc. Và phí phạm ở Trung Quốc nhiều như vậy là đã quá đủ*

cho Mỹ rồi." [5] Carpentier đã biết rõ là lúc ấy Mỹ còn đang cân nhắc những lý do tại sao Chính phủ Tưởng Giới Thạch đã thất bại vào năm trước (1949) và cho rằng việc sử dụng phí phạm viện trợ quân sự cũng là lý do quan trọng. Như vậy, Carpentier đã gãi đúng chỗ yếu của Mỹ.

Tiếp theo, chính Cao ủy Đông Dương là ông Leon Pignon còn phụ họa thêm: *"Chỉ có quân đội Pháp mới có đủ khả năng kỹ thuật để lo việc tiếp nhận cũng như phân phối súng đạn và thiết bị."* [6]

Ngày 4 tháng 2, 1950, Tổng Thống Truman vừa viết thư cho Quốc Trưởng Bảo Đại để chính thức công nhận Chính Phủ Cộng Hòa Việt Nam, thì chưa tới hai tuần sau (16 tháng 2) Pháp đã vội vàng gửi đơn xin viện trợ quân sự và kinh tế 'giúp Pháp chiến đấu giữ Đông Dương' (thay cho Mỹ).

Bộ Ngoại giao Pháp: "Nếu Mỹ nhượng bộ ông Bảo Đại, chúng tôi sẽ bỏ Đông Dương"

Sau khi Tướng Trung Quốc Lâm Bưu (Lin Piao) chiếm đảo Hải Nam, ngày 1 tháng 5, ngân khoản viện trợ quân sự đầu tiên cho Đông Dương là $10 triệu được Tổng Thống Truman chấp thuận. Rồi ba tuần sau, ngày 27 tháng 5, 1950 khi quân đội Bắc Hàn tràn xuống Nam Hàn, ông Truman lập tức chỉ thị *"phải gấp rút cung cấp ngay viện trợ quân sự cho lực lượng Pháp và các Quốc gia Liên Kết ở Đông Dương."* Quyết định này một phần cũng do phái đoàn Griffin đã đề nghị là Hoa Kỳ nên viện trợ thẳng cho chính phủ Bảo Đại. Thế nhưng Pháp vẫn phỗng tay trên: từ $10 triệu, chẳng mấy lúc đã lên mấy chục triệu, rồi lên cả tỷ đôla. Mỗi lần chi viện, Mỹ đều nhắc nhở Pháp hai việc: trả lại độc lập cho Việt Nam và phát triển một Quân Đội Quốc Gia. Pháp luôn luôn đồng ý, nhưng không quyết tâm thi hành. Mỗi lần cần yêu cầu thêm viện trợ thì đã có cách khác, đó là 'hăm dọa' để cho Mỹ lo ngại. Có hai cách làm việc này:

Thứ nhất, hăm dọa sẽ rút khỏi Đông Dương: *"Nếu Mỹ không viện trợ hoặc làm áp lực phải nhượng bộ cho ông Bảo Đại quá nhiều, Pháp sẽ chấp nhận sự mất mát của mình (cut*

her losses), và bỏ hẳn Đông Dương," Bí thư Bộ Ngoại Giao Pháp Alexandre Parodi nói thẳng với Đại sứ Mỹ ở Paris ngày 22 tháng 2, 1950.[7] Tại Sàigòn, phái đoàn kinh tế Mỹ cũng bị dọa như vậy, nên ông Griffin sau cùng đã báo cáo cho Bộ Ngoại Giao: *'Pháp có thể triệt thoái hoàn toàn nếu họ bị quá nhiều áp lực."* [8]

Thứ hai, dọa không tham gia Hiệp Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) nữa. Về vai trò của Pháp trong tổ chức NATO thì Ngoại Trưởng Mỹ Acheson luôn e ngại nếu làm mất lòng Pháp thì sẽ ảnh hưởng tới quyết tâm của đồng minh quan trọng ở Âu Châu. Bộ Quốc Phòng Mỹ cũng cho rằng nếu không viện trợ đầy đủ mà để Pháp thiệt hại quá nhiều ở Đông Dương thì sẽ có thể làm yếu đi khả năng quân sự của tổng thể lực lượng NATO. Pháp đã biết quá rõ suy nghĩ của Mỹ như vậy cho nên có lần Tướng Carpentier đã phàn nàn với một quan chức Mỹ viếng thăm Sàigòn *"Tinh hoa của quân đội nước Pháp đang ở bên Đông Dương thay vì ở cạnh dòng sông Rhine (bên Đức)."* [9]

Trong một buổi họp vào tháng 5, 1950, Ngoại Trưởng Pháp Robert Schuman còn than với Ngoại Trưởng Acheson: *'Pháp khó có thể giữ được những cam kết về quân sự với NATO nếu Đông Dương làm tiêu hao sức mạnh của mình quá nhiều.'* Khi Acheson đặt vấn đề phải cho Chính phủ Bảo Đại thêm quyền tự chủ, Schuman đáp ngay: *"Nếu Mỹ yểm trợ Pháp về viện trợ quân sự và tin vào chúng tôi để sắp xếp chính sách nội bộ thì chắc chắn ta sẽ đi tới kết quả tốt đẹp."* Nghe vậy, Acheson đồng ý ngay và hỏi xem liệu viện trợ quân sự cho Pháp giữa $20 triệu và $30 triệu cho tài khóa 1950/1951 được không? Schuman hết sức vui vẻ. Ngày 23 tháng 10, Tổng thống Truman lại còn chấp thuận một ngân khoản cao hơn: $33 triệu. Thế là 21 oanh tạc cơ B-26 được gửi ngay sang Việt Nam. Với một thái độ rộng rãi, Mỹ hy vọng Pháp sẽ chấp nhận nhượng bộ phần nào cho ông Bảo Đại, đặc biệt là về vấn đề quân đội. Sau Hiệp ước Elysée, vào tháng 6, 1950, Hội Nghị Pau được nhóm họp để bàn việc Pháp chuyển giao thẩm quyền về viễn thông, ngoại thương, và quan thuế cho Chính phủ Việt Nam. Hội nghị kéo dài lê thê, chẳng mấy kết quả, vì Pháp chỉ để ý vào những điều khoản bảo

vệ quyền lợi kinh tế của mình. Trước khi đi họp, ông Bảo Đại cũng đã phàn nàn với Lãnh sự Mỹ ở Sàigòn là ông Gullion và Trưởng Phái đoàn Viện trợ Mỹ Robert Blum: *"Độc lập như thế này là độc lập kiểu gì đây? Độc lập ở đâu? Các ông có thấy nó hay không? Liệu một chính phủ mà không có ngân sách thì có độc lập được không?"* [10]

Khi hội nghị Pau còn đang nhóm họp, Thủ Tướng Trần Văn Hữu được triệu tập về Việt Nam vì tình hình quân sự lâm vào tình trạng khó khăn. Nhân dịp này ông kêu gọi Mỹ với "tư cách là một quốc gia lãnh đạo về dân chủ" làm áp lực với Pháp giúp Việt Nam độc lập. "Chúng tôi muốn có được quyền để tự mình quyết định lấy những vấn đề cua chúng tôi," ông thúc giục. Đề nghị Mỹ hãy giúp thay thế Hiệp Ước Elysée bằng quyền tự trị thực sự cho Việt Nam, ông Hữu phàn nàn: *"Thật không cần thiết cho bao nhiêu thanh niên phải chết đi để cho một kỹ sư người Pháp có thể làm giám đốc thương cang Sài-gòn. Nhiều người đang chết mỗi ngày vì Việt Nam không được độc lập. Nếu chúng tôi không được độc lập mọi người sẽ không còn lý do gì để chiến đấu nữa."* [11]

Mỹ đi vòng vèo ba bước để giúp Quân Đội Quốc Gia

Dưới áp lực của Mỹ, ngày 11 tháng 5, 1950 Quốc hội Pháp đã đồng ý cho chính phủ Bảo Đại thành lập quân đội bản xứ. Bởi vậy, tại Sàigòn, Thủ tướng Trần Văn Hữu tuyên bố chính thức "thành lập một quân đội quốc gia gồm 60,000 người để làm nhiệm vụ bình định và gánh vác một phần nhiệm vụ tác chiến thay thế cho quân đội Viễn Chinh Pháp." [12] Như vậy sự phát triển của Quân đội Quốc Gia Việt Nam đã chuyển từ giai đoạn sơ khởi dưới quyền điều khiển trực hoặc gián tiếp của Pháp (1946-1950) sang giai đoạn chính thức thành hình (1950-1952) để rồi tới giai đoạn phát triển (1953-1954). Dù Quân đội Quốc Gia Việt Nam đã được thành lập và Mỹ muốn viện trợ cho cả hai phía Pháp và Việt, nhưng trên thực tế, nếu Pháp không thực tâm để giúp lại còn làm khó dễ thì làm sao thành lập được một quân đội Việt Nam cho đúng nghĩa?

Nhìn xa hơn và khi thấy tình hình khẩn trương, Hoa Kỳ chọn giải pháp dung hòa: cứ trao viện trợ cho Pháp để cho họ vui vẻ, rồi sẽ đi vòng để giúp thành lập một Quân Đội Quốc Gia theo ba bước: ngày 1 tháng 9, 1950, Bộ Ngoại Giao gửi Toà Đại Sứ ở Sàigòn (Số 238) để chỉ thị:[13]

- Trước hết là đề nghị sát nhập những quân nhân Việt Nam hiện phục vụ trong quân đội Liên Hiệp Pháp vào Quân đội Quốc gia vừa mới thành lập; sau đó,
- Bước thứ hai: Chính phủ Việt Nam tạm đặt quân đội đó dưới quyền của Cao Ủy Pháp; rồi
- Sau một thời gian, những quân nhân này sẽ trở về với chính phủ Việt Nam.

Ngoại Trưởng Acheson chỉ thị cho Tòa đại sứ ở Sàigòn rằng ông hoàn toàn đồng ý về việc thành lập một Quân đội Quốc gia, và cho rằng những hành động sau đây sẽ 'đáp ứng được ngay nhu cầu và ở trong tầm tay của Hoa Kỳ':[14]

Trong công điện ngày 1 tháng 9, 1950 với ba điểm trên, Acheson còn đồng ý cứu xét số tiền 200 tỷ quan (đồng franc) do Pháp đề nghị nhưng phải làm sao để số tiền này thực sự giúp phát triển một Quân Đội bản xứ trong thời gian hai năm tới.

Tiếp theo đó, ngày 28 tháng 11, 1950, Tướng Omar N. Bradley, Tổng Tham Mưu Trưởng gửi một tờ trình cho Hội Đồng An Ninh Quốc Gia nhấn mạnh những việc phải làm ngay. Ngoài việc giúp các chính phủ nơi đây được dân chúng ủng hộ hơn bằng cách làm sáng tỏ những bước đi để tiến tới độc lập và đốc thúc Pháp thay đổi hẳn quan điểm về chính trị cũng như quân sự để yểm trợ cho ba quốc gia, tờ trình nhấn mạnh đến việc thiết lập một kế hoạch viện trợ quân sự cho Việt Nam trong khuôn khổ kế hoạch quân sự của Pháp để gấp rút phát triển một Quân đội Quốc gia cho đúng nghĩa.[15]

Pháp: chúng tôi đâu có cần cố vấn Mỹ

Muốn thiết lập kế hoạch viện trợ và thành lập một quân đội bản xứ thì phải có ban cố vấn. Mô hình viện trợ quân sự của

Mỹ phức tạp, nó đòi hỏi nhiều thủ tục chứ không đơn giản như Pháp nghĩ. Việc đầu tiên là phải thẩm định nhu cầu như thế nào? Vũ khí loại gì, chuyên chở ra sao, bảo trì như thế nào? Ấy là chưa kể vấn đề là ngân khoản còn cần phải thông qua thủ tục rườm rà ở Quốc Hội Mỹ! Bởi vậy, sau chuyến quan sát tại Việt Nam vào tháng 7, Tướng Erskine đề nghị thành lập ngay một 'Cơ Quan Cố Vấn Quân Viện' hay MAAG (Military Assistance Advisory Group) tại Sàigòn.

Nhưng khi nghe thấy chữ phái đoàn "Cố vấn Mỹ" MAAG là Pháp ớn lên rồi, vì 'chúng tôi đâu cần cố vấn.' Để chống đối việc này, phía quân sự Pháp viện hai lý do. Đó là:

* Chúng tôi đã quá quen thuộc với khí giới của Mỹ qua kinh nghiệm trong Thế Chiến II rồi, khỏi cần các ông chỉ bảo thêm nữa; và
* Nếu cố vấn Mỹ vào thì chỉ gây thêm khó khăn cho Pháp, vì sự có mặt của cơ quan MAAG sẽ làm cho người Việt Nam dùng Mỹ để chống Pháp, cho rằng Mỹ đã thay Pháp rồi!

Mặc dù Pháp không thuận, Mỹ vẫn đưa phái đoàn cố vấn quân sự vào, viện lẽ là vì ngoài thủ tục hành chính, lại còn có những loại khí giới và thiết bị tối tân, vừa mới sản xuất sau thế chiến mà Pháp chưa quen thuộc, nên cần phải hướng dẫn.

"Nước ông quá giầu, sao không xây trụ sở mới đi," Cao Ủy Pháp trả lời Đại sứ Mỹ Donald Heath khi ông này yêu cầu Pháp cho rời trụ sở cố vấn đi một nơi khác thuận lợi hơn. Vào tháng 9, 1950, nhóm đầu tiên của phái bộ cố vấn MAAG do Chuẩn Tướng Francis Brink (1893-1952) điều khiển đã tới Sàigòn. Theo thỏa thuận giữa Pháp và Mỹ, Pháp phải cung cấp nơi ăn, chỗ ở cho phái bộ này. Lúc đầu, Pháp để phái đoàn tạm trú ở một căn cứ quân sự, sau đó dọn ra một cao ốc ở số 284 đường Cây Mai, Chợ Lớn. Đây là một cao ốc năm tầng, cũ kỹ và thiếu tiện nghi. Nó lại nằm ngay cạnh một 'nhà thổ' có tiếng. Chiều chiều, xe cộ lính Lê Dương Pháp ra vào tấp nập, hết sức ồn ào. Phái bộ Mỹ yêu cầu rời địa điểm đi nơi khác.[16]

Lúc đầu, Mỹ ước tính là đoàn cố vấn chỉ cần 38 người,

nhưng chẳng mấy lúc, đã lên tới 65 người. Nhóm này được chia ra làm năm toán để xem xét năm vấn đề: cung cấp, chuyên chở, kỹ thuật, tiếp vận, và hành quân. Pháp cho rằng như vậy là Mỹ muốn nhòm ngó hết mọi khía cạnh của viện trợ rồi nên rất bất mãn, nhất là Pháp lại vừa đồng ý để thiết lập trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt thay trường Sĩ Quan Hiện Dịch Huế. Mỹ giải thích rằng nếu không xem xét tất cả mọi mặt thì làm sao biết được các ông thi hành chương trình viện trợ ra sao? Khi đi quan sát, ban Cố Vấn đã thấy nhiều khuyết điểm trong việc sử dụng quân cụ. Một thí dụ: những nhân viên bảo trì của Không Quân Pháp đã làm việc bê bối: "thiếu chỉ tiêu về an toàn, không coi trọng những biện pháp phòng ngừa, lại có thói quen vừa làm vừa uống rượu." Hệ thống bảo trì và tiếp vận của Pháp lại không hữu hiệu cho lắm. Tướng Brink phàn nàn rằng chính ông đã phải vội vàng bay sang căn cứ của Tư Lệnh Viễn Đông ở bên Nhật để lấy tiếp liệu cần thiết cho cả hai trận Vĩnh Yên (tháng 1, 1951) và Phát Diệm (tháng 6, 1951).[17]

Tướng de Lattre tích cực

Trước những khó khăn về liên lạc quân sự Việt – Pháp, cuối năm 1950, Tướng de Lattre de Tassigny được cử sang để thay thế Tướng Carpentier. Ông kiêm luôn cả hai chức: Tư Lệnh Quân đội và Cao Ủy Đông Dương. Ông Jean de Lattre de Tassigny (1889-1952) là một anh hùng của quân đội Pháp trong Thế Chiến II và là người đã chỉ huy lực lượng Pháp vượt sông Rhine để tấn công nước Đức trước khi qua sông Danube sang nước Áo. Ngày 8 tháng 5 ông đại diện Pháp tại nghi lễ Đức đầu hàng ở Berlin.

Vừa tới Sàigòn, ông tuyên bố: *"Tôi rất hãnh diện lại một lần nữa chỉ huy quân đội Pháp trên chiến trường."* Khác hẳn với Carpentier, ông này là người có lòng. Tuy là bảo vệ quyền lợi Pháp, ông rất tha thiết với việc phát triển quân đội Việt Nam để dần dần thay cho quân đội Pháp. Theo Cựu Hoàng Bảo Đại, thực ra, Tướng de Lattre chỉ muốn tìm một lối thoát trong danh dự cho nước Pháp, hơn là bám víu giữ lại thuộc địa.[18]

Về chiến thuật, ông lập một tuyến quân sự nối từ Vịnh Hạ Long tới Vĩnh Yên về phía Tây, và theo Sông Đáy bọc xuống Phát Diệm rồi ra biển. Tuyến này gọi là 'Tuyến de Lattre' được quan niệm là để đề phòng một cú sốc trong trường hợp Trung Quốc bất chợt tràn xuống. Miền Đồng Bằng sông Hồng Hà, và các thành phố Hànội, Hải Phòng phải được bảo vệ để có chỗ phản công.[19]

Về tâm lý, de Lattre rất để ý việc tác động tinh thần quân đội: ông hủy bỏ kế hoạch di tản kiều dân Pháp ra khỏi Hà Nội, một kế hoạch đang được cân nhắc lúc đó. Tiếp theo là ông đưa chính bà de Lattre sang Hànội và ở tại Dinh Toàn Quyền. Việc đầu tiên là ông đi khắp nơi thị sát mặt trận. Đi tới đâu, ông cũng có thông điệp nhắn nhủ người Việt "Việt Nam nay đã hoàn toàn tự do, sứ mệnh của tôi là giúp bảo vệ sự tự do ấy." Ngoài việc nâng tinh thần, ông còn đề xướng những biện pháp rất hợp thời:[20]

- Thực sự thành lập một Quân đội Quốc Gia Việt Nam;
- Sử dụng hữu hiệu viện trợ quân sự Mỹ;
- Tổ chức lại quân đội Pháp thành những đơn vị gọn ghẽ, hữu hiệu;
- Bảo vệ cho được Bắc Bộ; và
- Vãn hồi lại tinh thần chủ động trên chiến trường.

Con đường hình thành và phát triển của Quân đội Quốc Gia Việt Nam hết sức phức tạp. Theo như cựu hoàng Bảo Đại ghi lại thì sau khi ông về nước (13 tháng 6, 1949) quân lực Việt Nam chỉ có khoảng 23,000 người, trong đó có hai lữ đoàn chính quy. Hai đại đội của đoàn quân này đã nhảy dù xuống giáo khu Phát Diệm vào mùa thu, 1949. *"Thỏa ước mùng 8 tháng 3 (Hiệp định Elysée) đã đặt căn bản cho một quy chế thực sự cho đạo quân quốc gia,"* ông viết. Theo Hiệp định thì trong thời chiến tranh, đạo quân này vẫn còn "phụ thuộc vào một viên tướng Pháp, sự cấu tạo một ủy ban quân sự hỗn hợp vĩnh viễn, và cuối cùng là sự bảo đảm căn cứ và đồn trú cho lực lượng quân đội Liên Hiệp Pháp sau khi hòa bình được vãn hồi." Cuối năm 1949, một hiệp định quân sự do ông Bảo Đại

ký với ông Pignon quy định nguyên tắc thi hành những vấn đề này và đặt mục tiêu tăng quân số Việt Nam lên 50,000 người, trong đó có 8 tiểu đoàn đặt dưới quyền xử dụng của chính phủ trung ương.[21]

Nói chung thì trong giai đoạn sơ khởi (1946-1949) đã có những đoàn quân như Vệ Binh Cộng Hòa Nam Kỳ, Bảo Vệ Quân (Miền Trung) và Bảo Chính Đoàn (Miền Bắc). Thêm vào đó là các lực lượng giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, và lực lượng Bình Xuyên.[22] Ngoài ra còn một lực lượng tinh nhuệ hoàn toàn độc lập với Pháp của Giám Mục Lê Hữu Từ tại biệt khu Phát-Diệm - Bùi Chu (xem Chương 7).

Khi Tướng de Lattre tới, ông đã thực tâm hăng say yểm trợ cho lực lượng quốc gia. Sự có mặt của ông không những đã làm cho tinh thần quân đội Pháp bắt đầu tăng lên mà còn làm cho viễn tượng thành lập một quân đội bản xứ trở nên sáng sủa. Vì vậy, thời gian 1950-1952 với Tướng De Lattre, có thể gọi là giai đoạn thành hình của Quân đội Quốc Gia Việt Nam. Cùng lúc ấy, Hoa Kỳ lại đang cố thuyết phục Pháp trao trả chủ quyền cho chính phủ Bảo Đại để phát huy chính nghĩa chống Cộng sản.

- *"Sĩ quan ưu tú, chết ở sa trường ngày 30 tháng 5 năm 1951, trong trận đánh ở Ninh Bình, để bảo vệ Liên Hiệp Pháp, đã làm rạng danh những truyền thống tốt đẹp của nước mình,"* Ông Bảo Đại tuyên bố khi cấp bội tinh cho Trung úy Bernard De Lattre, người con trai độc nhất của Tướng de Lattre vừa tử trận.

- *"Thưa Hoàng thượng, con trai Bernard của tôi không phải chết cho nước Pháp. Thế mà trên mộ bia của nó, người ta lại viết lên như vậy,"* ông de Lattre tâm sự với ông Bảo Đại, *"Nó chết ở Ninh Bình, Bernard đã chết cho Việt Nam."*

Ông Bảo Đại nhận xét là lúc ấy, "chẳng một ai trông thấy cái hiện tượng kỳ lạ đã đưa Tướng de Lattre vào nền độc lập của Việt Nam."[23] Sau cái chết của Bernard, ông de Lattre lại càng gắn bó với Việt Nam hơn, cố gắng dung hòa mọi dị biệt giữa hai nước.

(Chúng tôi mở ngoặc nơi đây để nhắc lại trường hợp ông

Graham Martin, đại sứ Mỹ cuối cùng ở Việt Nam cũng đã hăng say tranh đấu cho VNCH một phần cũng vì người con trai của ông là cậu Glenn, một phi công trực thăng đã chết ở vùng Cao Nguyên - *'Khi Đồng Minh Tháo Chạy,'* trang 404).

Chúng tôi chắc có những độc giả đang đọc quyển sách này vẫn còn nhớ 'bài hịch' nổi tiếng của Tướng de Lattre:

> "Dù muốn hay không, chiến tranh này là của Việt Nam và cho Việt Nam. Nước Pháp chỉ có thể tiếp tục chiến đấu cho các bạn nếu các bạn cùng chiến đấu...Có nhiều người cho rằng Việt Nam không thể có độc lập vì chỉ là một phần của Liên hiệp Pháp. Nhưng thật không đúng! Trong vũ trụ này và đặc biệt là trên thế giới của chúng ta ngày hôm nay, không quốc gia nào có nền độc lập tuyệt đối cả. Chỉ có những sự tùy thuộc vào nhau để mưu cầu cho ích lợi chung, và những sự lệ thuộc tệ hại mà thôi...
>
> "Hỡi các bạn thanh niên Việt Nam, tôi cảm thấy gần gũi các bạn cũng như gần gũi với những người thanh niên nơi sinh quán của tôi. Giờ đây đã tới lúc chính các bạn phải tự bảo vệ lấy quê hương của mình."

Ngoài ra, ông còn đọc một bài diễn thuyết rất dài tại trường Chasseloup Laubat ngày 11 tháng 7, 1951 để tha thiết kêu gọi thanh niên Việt Nam nhập ngũ.[24]

Nội trong năm 1951, năm đầu tướng de Lattre ở Việt Nam đã có những biến cố quan trọng. Để cụ thể hóa ý nguyện của ông, Tướng de Lattre tổ chức một cuộc duyệt binh đầu tiên tại Hà Nội vào ngày 6 tháng 6 (14 tháng 7, 1951) làm nổi lên vai trò của quân đội Việt Nam, với sự chứng kiến của Quốc Trưởng Bảo Đại. Ông đề nghị ông Bảo đại mặc bộ quân phục để chứng tỏ là mình thực sự chỉ huy quân đội, nhưng ông Bảo Đại từ chối vì ông cho rằng mặc như vậy sẽ bị coi chỉ là thượng khách của ông Đại Tướng. Kể lại về chuyện này trong hồi ký Con Rồng Việt Nam, ông Bảo Đại nói là Tướng De Lattre hết mực khen ngợi sự trưởng thành mau chóng cũng như lòng dũng đảm của quân đội Việt Nam. Ông viết thêm: "Trong thế chiến thứ nhất

1914-1918 và thế chiến thứ hai 1939-1945, người lính Việt Nam khi sang Pháp chỉ được xung vào các đoàn lính thợ. Người Việt Nam bé nhỏ, nhưng là thứ bé nhỏ hạt tiêu, có thể coi như con người của huyền thoại, không ai dám khinh nhờn." [25]

Khi bắt đầu đặt ra các cấp tiểu đoàn, ông Bảo Đại để ông de Lattre được 'toàn quyền bổ nhiệm tiểu đoàn trưởng trong giới sĩ quan mới ra trường. De Lattre chọn hai người tên là Dinh và Đồng để trao cho hai tiểu đoàn số 1 và 2 BVN (Bataillons Vietnamiens).' Ông Bảo Đại ái ngại vì thấy hai sĩ quan còn quá trẻ, chưa đủ kinh nghiệm, nhưng ông de Lattre trấn an: *'hãy để cho họ tự tín'*. Sau cùng hai viên sĩ quan này đã chiến đấu anh dũng và đều tử thương. Tướng de Lattre xúc tiến lập tiểu đoàn thứ tư gồm những người lính thổ để giữ an ninh vùng cao nguyên.[26]

Song song với những tiến bộ ấy, ngày 15 tháng 7, 1951, lệnh động viên được ban hành theo dụ số 12, để gọi khóa đầu sĩ quan trừ bị và 60,000 thanh niên làm nghĩa vụ quân dịch. Sau khi tốt nghiệp, sĩ quan được bổ nhiệm tới các đơn vị Việt Nam để thay thế sĩ quan Pháp, và các binh sĩ thì thành lực lượng trừ bị tại gia. Cuối năm 1951, nhân số Quân đội Quốc gia đã lên tới chừng 110,000 người. Các binh chủng bắt đầu ra đời như Thiết Giáp, Nhảy Dù, Pháo Binh, Vận Tải, Truyền Tin, Quân Y, Hiến Binh.[27]

Tới tháng 2, 1952, Hội nghị Tối cao Việt-Pháp tại Đà Lạt quyết định tăng quân đội lên 170,000 người gồm 120,000 quân chính quy và 50,000 quân phụ lực. Sau đó, ngày 1 tháng 6, 1952 Bộ Tổng Tham Mưu Quân đội Quốc Gia được chính thức thành lập. Trung tá Nguyễn Văn Hinh, Đổng lý Võ phòng cho Quốc Trưởng Bảo Đại được thăng Thiếu tướng và chỉ định làm Tổng Tham Mưu Trưởng.[28]

De Lattre đi Mỹ vận động quân viện

Tình hình bắt đầu sáng sủa sau chiến thắng tại trận Vĩnh Yên (tháng 1, 1951) và Phát Diệm (tháng 6, 1951), ông de Lattre bàn với ông Bảo Đại về việc ông đi Mỹ để vận động quân viện.

Tháng 9, 1951,trước khi tới Washington ông cũng đã đi Luân Đôn để thuyết phục chính phủ Anh với thông điệp: 'Bắc Việt là chìa khóa giữ toàn thể hệ thống phòng thủ Đông Nam Á.'[29] Sau Luân Đôn, ông tới Vatican yết kiến Đức Giáo Hoàng. Tại Mỹ, ông đã rất thành công. Đứng trên chiếc tầu *Ile de France* ông chụp hình với tài tử Humphrey Bogart và Lauren Bacall trước tượng Nữ Thần Tự Do. Báo chí Mỹ hưởng ứng nhiệt liệt. "Chúng tôi đang hoạt động trên một chiến trường Đỏ để bảo vệ tự do và hòa bình," ông tuyên bố.[30]

Tới thăm Bộ Quốc Phòng, ông rất hùng biện: *"Nếu quý vị để mất Triều Tiên, Á Châu cũng không bị mất, nhưng nếu để mất Đông Nam Á, Á Châu sẽ sụp đổ. Hãy nhớ rằng: Bắc Việt là chìa khóa của khu vực Đông Nam Á, bởi vậy nếu khu vực này sụp đổ, Ấn độ sẽ bị 'cháy như que diêm,' sẽ không còn cách nào ngăn chận được sự lan tràn của cộng sản cho tới Kênh Suez và Phi Châu. Và nếu thế giới Hồi Giáo sôi động, những dân tộc Hồi ở Bắc Phi sẽ sụp đổ theo và chính Âu Châu cũng sẽ bị nguy hiểm."* [31]

"Chúng tôi nhất quyết không để cho Đông Dương rơi vào tay Cộng sản," Tổng Thống Truman và Ngoại trưởng Acheson tuyên bố khi tạm biệt de Lattre. Trở lại Việt Nam, ông báo cáo cho Quốc Trưởng Bảo Đại: *"Việc tấn phong nước Việt Nam trên bình diện quốc tế - và việc tôi đã được cử đi Washington, Luân Đôn và La Mã – đòi hỏi những điều kiện tiên quyết và nhất định...đó là sự thành lập tức khắc một quân đội Việt Nam, và đặt nền móng cho một chương trình canh tân quốc gia cho rộng rãi, hầu đạt được sự vững chắc cho chính quyền và hạnh phúc của nhân dân."* [32]

Thế nhưng, số mệnh đã không cho ông De Lattre được thêm cơ hội để giúp tiến hành việc phát triển quân đội quốc gia cũng như chương trình canh tân nước Việt Nam, vì sứ mệnh của ông đã kết thúc quá nhanh. Phần thì vì công việc chiến sự nặng nhọc, phần vì nỗi đau đớn về cái chết của người con trai độc nhất, ông đã kiệt quệ và chết vì bệnh ung thư tại Paris vào tháng 1, 1952.

Đông Dương còn quan trọng hơn cả Triều Tiên

Cái chết của de Lattre làm cho mọi người lo âu. "Nhiều người tin rằng de Lattre là hy vọng cuối cùng cho giải pháp Đông Dương. Bây giờ, họ đang lo rằng những thành quả ông đã gặt hái được sẽ có thể bị tan biến đi," Tòa Đại sứ Mỹ ở Sàigòn báo cáo về Washington.[33] Lời cảnh cáo của ông về vai trò của Bắc Việt như cái chìa khóa của Đông Nam Á tiếp tục ảnh hưởng tới những tính toán của Hoa Kỳ. Vào thời điểm này thì mối đe dọa của Trung Quốc đối với Á Đông lại trở nên nghiêm trọng hơn. Ông Mao Trạch Đông đã ngự trị ở Bắc Kinh được trên hai năm rồi, đã chiếm Hải Nam, và còn đang dồn quân về phía Nam. Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ nhóm họp khẩn để bàn định một lập trường mới đề phòng khả năng quân đội Trung Quốc tràn xuống Việt Nam. Huấn lệnh NSC số 124 – ngày 13 tháng 2, 1952 (trích dẫn ở chương trước) còn xác định rõ ràng là:

- Đứng về phương diện chiến lược, việc bảo vệ Bắc Kỳ là việc quan trọng cho việc phòng thủ lục địa Đông Nam Á;
- Việc ngưng chiến ở Triều Tiên sẽ làm cho Trung Quốc có khả năng tăng thêm việc yểm trợ cho chiến trường Đông Dương; và
- **Đông Dương còn quan trọng hơn cả Triều Tiên rất** nhiều.

Ngoại trưởng Hoa Kỳ ca ngợi người quân nhân Việt Nam

Hiểm họa Trung Quốc tràn xuống càng cao, Mỹ càng đốc thúc Pháp phải thành lập một Quân Đội Việt Nam cho hùng mạnh, dù trong nội bộ Hoa Kỳ cũng có những ý kiến đánh giá thấp khả năng của quân đội bản xứ. Nhân dịp ông Jean Letourneau, Tân Cao Ủy Đông Dương (kiêm Bộ Trưởng Bộ Các Quốc Gia Liên Kết) viếng thăm Washington vào tháng 6, 1952, Ngoại Trưởng Acheson đề cập mạnh tới việc này.

Letourneau trình bày cặn kẽ lập trường của Chính Phủ Pháp là đang tận lực thực hiện việc thành lập quân đội bản xứ tiếp theo những cố gắng của de Lattre, và đã có rất nhiều tiến bộ. Ngày 18 tháng 6, 1952, Ngoại trưởng Acheson hân hoan tuyên bố với báo chí rằng quân đội Việt Nam *"đã lập nhiều chiến công trên chiến trường và đang bảo vệ an ninh ở nhiều nơi trong nước. Họ đang sẵn sàng và quyết tâm gánh vác thêm trách nhiệm bảo vệ quê hương của họ."* [34]

Trực tiếp giúp huấn luyện Quân đội Quốc Gia

Nhưng cường độ chiến tranh đang gia tăng và lời nhắn nhủ của de Lattre rằng Bắc Kỳ là cái chìa khóa của Đông Nam Á vẫn còn văng vẳng tại thủ đô Hoa kỳ. Nhưng làm sao giữ được Bắc Kỳ?

Huấn lệnh NSC # 124 – 1 *(Ngày 25 tháng 6, 1952)*

Ngày này tại Tòa Bạch Ốc, Tổng Thống Truman đích thân chủ tọa một buổi họp quan trọng của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia. Sau khi xác định mục tiêu Hoa kỳ là 'Ngăn chận cho Đông Nam Á khỏi rơi vào quỹ đạo cộng sản,' riêng về Đông Dương, Huấn lệnh NSC 124 - 1 đi xa hơn NSC 124, khẳng định một lần nữa *"việc bảo vệ thành công miền Bắc Việt là khẩn thiết để bảo vệ Đông Nam Á."* Để tiến tới mục tiêu này, một số biện pháp được nêu ra, trong đó vấn đề xây dựng quân đội bản xứ là quan trọng: *"Những nỗ lực mạnh mẽ phải được bắt đầu để phát triển những đạo quân bản xứ, gồm cả phát triển những hệ thống tiếp vận và quản trị cho họ."* [35]

Ngoài ra, cũng theo Huấn lệnh này, nếu Pháp không thể tiếp tục đảm nhận gánh nặng ở Đông Dương được nữa thì Hoa Kỳ sẽ tham khảo với cả Pháp và Anh về những biện pháp cần thiết để bảo vệ khu vực này. 'Và trong trường hợp Trung Quốc đã công khai hoặc bí mật can dự vào Đông Dương tới mức độ đe dọa khả năng của Pháp bảo vệ miền đồng bằng Bắc Kỳ, Mỹ sẽ có những biện pháp thích ứng:

- Cùng với Anh và Pháp dùng hải lực phong tỏa Trung Quốc; và
- Trong trường hợp Anh, Pháp không bằng lòng tham gia biện pháp quân sự đối với Trung Quốc, Mỹ có thể xem xét để hành động một mình.'

Duyệt xét Huấn lệnh NSC 124 -**1** (sau NSC 124) sau khi đã có sự tham gia của mọi phía, Tổng thống Truman đã chấp thuận cùng với những sửa đổi, gọi nó là Huấn lệnh NSC 124 - **2**. Ông chỉ thị cho các Bộ, Sở liên hệ phải thi hành ngay và dưới sự điều hợp của hai Bộ Trưởng Ngoại Giao và Quốc Phòng.[36]

Thành lập thêm 40 tiểu đoàn Việt Nam

Khi có lệnh của Tổng Thống là phải xúc tiến việc phát triển quân đội Việt Nam, Mỹ quyết định nhúng tay vào việc huấn luyện. Tháng 4, 1952, Bộ Quốc Phòng đề nghị nới rộng phạm vi hoạt động của Ban Cố Vấn MAAG ở Sàigòn để Hoa Kỳ trực tiếp giữ vai trò huấn luyện cho quân đội. Câu hỏi thường được nêu lên ở Washington là Hoa Kỳ đã và còn đang đóng góp quá nhiều mà tại sao không có tiếng nói gì cả, đặc biệt là về quân sự.

Tháng 7, 1952, Tướng Thomas Trapnell (1902-2002) sang thay Tướng Francis Brink trong chức vụ Trưởng Ban Cố Vấn Hoa Kỳ (MAAG). Trapnell nổi tiếng trong vụ dẹp được cuộc nổi dậy của tù binh Bắc Hàn giam tại trại Koje-do, Nam Hàn. Ông liên lạc và quen thân ngay với Tướng Nguyễn Văn Hinh (1915-2004), tân Tổng Tham Mưu Trưởng quân đội QGVN. Sau khi quan sát chiến trường, Trapnell báo cáo về Washington và đề nghị giúp tài trợ việc thành lập 40 tiểu đoàn quân đội Việt Nam.[37] Tướng Trapnell thôi thúc Washington "Đây là một chương trình hết sức quan trọng, nhưng nếu được thi hành thì chắc chắn nó sẽ làm cho chiến tranh được kết thúc mau lẹ." Ngoài ra, Pháp cũng phải thay đổi để từ thế thủ sang thế công:

MAAG/Saigon
Ngày 20 tháng 12 1952

Kính gửi Tướng Collins,

Sau chuyến đi thăm viếng Đông Dương để quan sát về địa thế, quân đội và xem xét về tình hình quân sự, tôi thấy việc quan trọng và khẩn thiết nhất để sớm kết thúc chiến tranh tại Đông Dương là việc tăng thêm quân đội. Trong năm vừa qua, lực lượng quân đội Việt Nam đã được tăng lên theo đúng kỳ hạn. Tuy nhiên, phần nhiều những đơn vị nầy đã chỉ được thuyên chuyển từ quân đội Pháp sang. Tôi tin tưởng rằng cần phải thành lập những tiểu đoàn quân đội Việt Nam mới, ngoài những đơn vị đã được chấp thuận để võ trang. Tôi có nói chuyện với Tướng Salan, ông ta cũng đồng ý như vậy nhưng cho rằng thêm những tiểu đoàn mới là vượt quá khả năng tài trợ của Pháp và chỉ nên thiết lập một số cho thực lực để yểm trợ và đào tạo. Để nắm vững vấn đề hơn, một chương trình thành lập 40 tiểu đoàn đã được nghiên cứu...

Đây là một chương trình hết sức quan trọng, nhưng nếu được thi hành thì chắc chắn nó sẽ làm cho chiến tranh được kết thúc mau lẹ. Sẽ không có vấn đề nhân sự, nhưng khó khăn là vấn đề tài chính để trả lương, mua vật liệu và thiết bị. Phía Pháp cho tôi hay rằng chương trình nầy là quá khả năng tài chính của Chính phủ Việt Nam cũng như của Pháp. Họ ước tính rằng để thành lập 40 tiểu đoàn thì cần 12 tỷ francs để mua vật liệu và 40 tỷ để tài trợ những nhu cầu liên hệ...

Ngoài vấn đề quân sự, kinh tế và xã hội cần được giải quyết, một chương trình tâm lý chiến rộng rãi cũng phải được thi hành. Hơn nữa Pháp cũng phải thay đổi về những suy nghĩ chiến thuật của họ và thay đổi từ thế thủ và thụ động sang thế công và chủ động hơn.

Trân trọng
T.J.H. Trapnell

Ông Trapnell cho rằng Pháp thiếu sự tin tưởng vào khả năng và lập trường chính trị của người lính Việt. Vì vậy, Mỹ phải chủ động hơn nữa trong việc huấn luyện quân đội Việt nam. Tướng Hinh được mời sang Đại Hàn để quan sát chương trình Mỹ huấn luyện quân đội nước này.

Sau những thất trận của Pháp vào mùa Thu 1952 tại Nghĩa Lộ và Phủ Doãn (tháng 10). Tới trận Na Sản (tháng 11), tuy tương đối là 'thắng', nhưng lực lượng Pháp đã tổn thất lớn. Tháng 1, 1953, Tướng Trapnell đề nghị Hoa Kỳ giúp gấp rút thành lập từ 40 tới 50 tiểu đoàn 'khinh quân' Việt Nam, và được huấn luyện theo phương pháp như Hoa Kỳ đã giúp đào tạo quân đội Nam Hàn. Chương trình này phải xong vào cuối năm 1953 thì mới hy vọng có chiến thắng. Trapnell cho rằng: nếu được trang bị với khí giới mới và nhẹ, quân đội Việt Nam sẽ có đủ khả năng chiến đấu tại các làng mạc và những nơi hẻo lánh, vì quân đội Pháp chỉ đi hành quân ban ngày, rồi ban đêm thì rút cho kỹ vào đồn bót. Robert McClintock, Lãnh sự Mỹ ở Sàigòn đồng ý, ông báo cáo về Washington: *"Nếu ta biết tận dụng năng lực của người bản xứ để giải thoát Việt Nam, tình hình quân sự sẽ khả quan ngay,"* và *"Một khi những tiểu đoàn mới này được huấn luyện, chúng ta sẽ càng ngày càng yên tâm về khả năng chiến đấu của họ."* [38]

Mở rộng sự tham gia của Hoa Kỳ vào chiến trường Đông Dương

Ngày 19 tháng 1, 1953, thứ Trưởng Quốc Phòng William Foster gửi một 'Bản ghi nhớ' cho Tổng Tham Mưu (JCS), đặt vấn đề: "Mở rộng sự tham gia của Hoa Kỳ vào chiến trường Đông Dương": [39]

> "Tiếp theo bản ghi nhớ đề ngày 14 tháng 11 1952, gửi Bộ trưởng Quốc Phòng, Tổng Tham Mưu có ý kiến rằng đứng về phương diện quân sự, ta nên giúp Pháp để gấp rút thành lập những đơn vị chiến đấu người bản xứ và giúp họ phát triển hệ thống tiếp liệu.

Vì Pháp đã không thực hiện được những cuộc tấn công hữu hiệu đưa đến tình trạng bế tắc hiện nay. Một bản ghi nhớ đã được gửi tới Tổng Tham Mưu để yêu cầu xem xét khả năng Hoa Kỳ trực tiếp trợ giúp việc thành lập những đơn vị quân đội Việt Nam ở tại Đông Dương.

"Chúng tôi cũng yêu cầu Tổng Tham Mưu xem xét lại vấn đề Hoa Kỳ tham gia vào chiến trường Đông Dương, đặc biệt chú trọng đến vấn đề huấn luyện lực lượng quân đội bản xứ và bảo trì thiết bị của Hoa Kỳ do chính nhân viên Mỹ đảm trách.

(Ký) William C. Foster

Thanh niên Việt Nam đứng lên đáp lời sông núi

Mỹ đã khuyến cáo Pháp nhiều lần là phải trao trả độc lập cho ba nước Đông Dương và phải khẩn thiết phải phát triển lực lượng quân đội bản xứ, nhưng rồi cũng như nước đổ lá khoai. Năm 1953 sắp kết thúc rồi mà chương trình huấn luyện cấp chỉ huy quân lực Việt Nam như Tướng Henry Navarre đã hứa cũng không được xúc tiến mạnh mẽ. *"Navarre chỉ nói nhiều,chẳng có gì là thực chất"* Chuẩn Tướng Paul Caraway bình luận sau chuyến tháp tùng Phó Tổng Thống Richard Nixon đi quan sát Đông Nam Á. *"Pháp thực sự không muốn thiết lập một quân đội bản xứ đâu,"* ông đi tới kết luận.[40]

Nhưng nếu không có một quân đội bản xứ, thì theo như lời cảnh cáo của Đô Đốc Felix Stump, Tư lệnh Quân Lực Mỹ ở Thái Bình Dương: *"Chiến thắng sẽ không thể gặt hái được cho tới khi nào có được một lực lượng quân đội Việt Nam cho hùng mạnh"*.[41] Như đề cập ở trên, vào tháng 7, 1951, Thủ Tướng Trần Văn Hữu đã ký sắc lệnh động viên để gọi khóa đầu sĩ quan trừ bị và tuyển chọn 60,000 thanh niên tham gia những chương trình huấn luyện hai tháng. Vì nhiều khó khăn về tổ chức, và ngân sách eo hẹp, công tác tuyển quân gặp khó khăn lúc đầu. Thí dụ như đoàn 6,000 người tham gia huấn luyện đợt đầu đã phải chấm dứt sau sáu tuần rưỡi thay vì hai tháng.[42] Vả lại, khi quyền hành về quân sự trong thực tế còn nằm trong tay người Pháp, ít

thanh niên Việt Nam muốn 'hiến thân dưới cờ.' Có lần, cựu Thủ Tướng Pháp Edouard Daladier đặt câu hỏi tại Quốc Hội Pháp: *"Nếu chúng ta cứ tiếp tục chiến đấu cho tới năm 1956...liệu vào lúc đó Việt Nam đã có một quân đội thay thế được cho Pháp chưa?" "Tôi không tin như vậy,"* ông tự trả lời. Lý do Pháp đưa ra là "Việt Nam không có những sĩ quan được đào tạo kỹ lưỡng và nhiều kinh nghiệm." Bàn về điểm này, bà Ellen Hammer, sử gia nổi tiếng Mỹ cho rằng lập luận của Pháp không có căn bản vì Việt Nam đã có những trường huấn luyện sĩ quan rồi. Và lại, *"hãy nhìn những người Việt Nam đã đánh Pháp tới tám năm... Nhiều người dân sự như ông Võ Nguyên Giáp cũng đã trở thành tướng."* Hammer kết luận: *"Nếu người Việt Nam muốn chiến đấu, họ sẽ có thể chống lại bất cứ quân đội nào...nhưng họ đòi hỏi phải có tự do là điều kiện tiên quyết để tiến tới một quân lực quốc gia. Bởi vậy, nếu không có được động lực này thì ít người muốn gia nhập quân đội.'*[43]

Vào tháng 3, 1953, Mỹ thông báo cho Pháp là đã sẵn sàng tài trợ cho 40 tiểu đoàn khinh quân Việt Nam do Trapnell đề nghị, đồng thời Hoa Kỳ cũng đã dứt khoát với Pháp về việc đảm nhận trách nhiệm huấn luyện các sĩ quan bản xứ.

Như vậy, khí ánh sáng độc lập hé rạng và Hoa kỳ trực tiếp đảm nhận việc huấn luyện, Quân Đội Quốc Gia Việt Nam đã có được điều kiện để chuyển mình.

Để cho công tác tuyển quân được xúc tiến nhanh hơn, Cơ Quan Cố Vấn và Phòng Thông Tin Hoa Kỳ tìm cách yểm trợ.

Oai hùng và đau thương

Mở mắt sau một cơn mê trên giường bệnh tại nhà thương, anh Phú "nhìn thấy hình Cựu Hoàng Bảo Đại treo trên tường. Anh hết sức cảm động và cầu xin Chúa cho Cựu Hoàng được an mạnh." Đó là câu chuyện *'Anh Phú Tòng Quân'* trong một tài liệu được in tới 200,000 bản do Phòng Thông tin Hoa Kỳ phát hành. Người anh hùng trong cốt truyện là anh Phú. Anh được biết tới Quân Đội Quốc gia khi có các chiến sĩ tới làng giải thoát khỏi cộng sản. Dân làng thấy những người lính ăn

mặc đàng hoàng, kỷ luật, giúp đỡ người dân, và rất tế nhị. Lại còn giúp xây cất nhà cửa đường xá. Khi một sĩ quan thông báo rằng đã thực sự có một Chính Phủ Quốc Gia được thành lập dưới sự lãnh đạo của Cựu Hoàng Bảo Đại, dân làng vui mừng, *'hoan hô Hoàng đế và Đoàn quân Quốc Gia.'* Anh Phú liền xin nhập ngũ đi chiến đấu. Thế rồi anh bị thương trong một trận chiến. [44]

Từ năm 1953, Quân Đội Quốc Gia phát triển mạnh mẽ với sự kiện toàn về tổ chức như Bộ Tổng Tham Mưu, bộ tham mưu các quân binh chủng, thành lập 54 tiểu đoàn khinh quân và một số Liên Đoàn lưu động. Với một sức mạnh mới, họ đã tiếp nhận trách nhiệm quân sự trực tiếp từ tay quân đội Pháp ở một số địa điểm như Mỹ Tho, Phát Diệm – Bùi Chu và Nga Sơn. Khi vừa có một cơ hội tuy còn giới hạn, từng đoàn học sinh, sinh viên đã hăng hái gia nhập ngay các trung tâm đào tạo, (trong đó có những người thuộc thế hệ đàn anh của chúng tôi như Trung tướng Nguyễn Bảo Trị, Trung tướng Phạm Quốc Thuần). Các địa điểm chính gồm Trung tâm Huấn Luyện Nam định, Quang Trung (khả năng sinh hoạt tới 9,000 người); Trường Võ Bị Đà Lạt (800); Trường Sĩ Quan Thủ Đức (1,700); và Trung Tâm Huấn Luyện Biệt Động Quân Nha Trang (75-100).[45]

Từng lớp rồi lại từng lớp, bao nhiêu thanh niên Việt Nam lần lượt theo nhau để 'đứng lên đáp lời sông núi.' Trải qua một cuộc chiến khốc liệt và lâu dài, một số khá đông đã bỏ mình trên chiến trường (224,000 người) và bị thương tích (570,000 người). Ngày nay, đối với những người còn sống sót, họ vẫn không thể quên được những kỷ niệm vừa oai hùng vừa đau thương của lúc tuổi hồng.

Tướng Graves Erskine (Hình: Ronald Spector, *Advise and Support*, Center of Military History, U.S. Army)

Tướng Pháp Marcel Carpentier. (Hình: "corbisimages.com")

Quốc Trưởng Bảo Đại dự cuộc duyệt binh đầu tiên tại Hà Nội với Tướng De Lattre; và với Thủ tướng Nguyễn Hữu Trí (Hình: Bảo Đại, *"Con Rồng Việt Nam"*)

Những sĩ quan đầu tiên của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam. (Hình: Ronald Spector, *Advise and Support*, Center of Military History, U.S. Army)

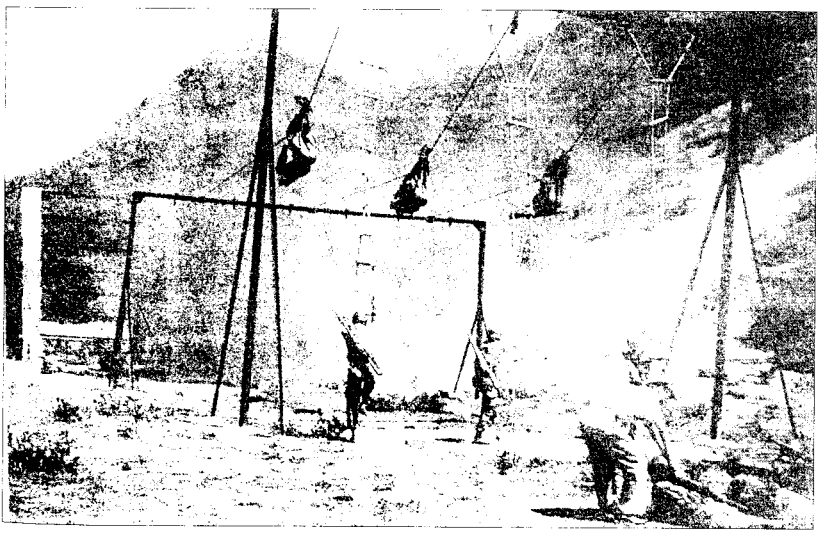

Trại Huấn Luyện Nha Trang. (Hình: Ronald Spector, *Advise and Support*, Center of Military History, U.S. Army)

PHẦN II

TIẾNG GỌI "SANG PHÍA TỰ DO"

CHƯƠNG 6

Cuốn Theo Chiều Gió

Sau khi Tướng de Lattre qua đời, Pháp gửi Tướng Raoul Salan sang thay thế. Tình hình chiến sự dần dần trở nên hết sức khó khăn. Cuối hè 1953, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ nhận xét ba lý do sẽ đưa Pháp tới thất bại: không chịu phát triển quân đội quốc gia cho mau lẹ, không giải quyết vấn đề độc lập Việt Nam cho kịp thời, và thiếu những kế hoạch hữu hiệu.

Pháp tung ra *'Kế Hoạch Navarre'* để dành lại thế chủ động với nhiều cuộc hành quân lớn tương đối là thành công. Với mục đích ngăn chận lực lượng Việt Minh từ vùng Tây Bắc sắp tiến sang Lào vào mùa Thu 1953, Navarre quyết định lập một căn cứ không quân và lục quân ở một làng hẻo lánh miền Thượng du Bắc Việt: Điện Biên Phủ. Sự lựa chọn này là một quyết định sai lầm trầm trọng.

Mùa Xuân 1954 khi chiến trường Điện Biên Phủ lâm nguy, Pháp cầu cứu Mỹ giải vây bằng không lực. TT Eisenhower xem xét một kế hoạch quân sự mạnh mẽ lấy mật hiệu là 'Kên kên' (Vautour) và đã tới sát quyết định can thiệp. Quốc Hội chấp thuận với điều kiện là phải có chính phủ Anh đồng ý nhưng Thủ tướng Anh Churchill nhất định phản đối vì e ngại về hậu quả đối với những thuộc địa riêng của mình. Điện Biên Phủ thất thủ ngày 7 tháng 5, 1954. Dư luận cho rằng Pháp đã thất trận ở Paris chứ không phải ở Điện Biên Phủ cũng như 21 năm sau, biến cố Tết Mậu Thân đã gây đổ vỡ cho VNCH và TT Johnson ở Washington chứ không phải ở Sàigòn.

"Tướng Navarre báo cáo rằng tình hình tại chiến trường này đang ở trong tình trạng bất quân bình trầm trọng... Với lực lượng đang được tăng cường, Việt Minh sẽ có thể mở cuộc tấn công mới vào giữa hay cuối tuần này. Nếu không được tiếp viện – từ đây tới lúc đó – thì số phận của Điện Biên Phủ coi như đã xong rồi."

Đây là mật điện do Đại sứ Mỹ Douglas Dillon đánh từ Paris về Washington ngày 5 tháng 4, 1954. Tướng Henri Navarre lúc ấy là Tư lệnh quân đội Liên Hiệp Pháp tại Đông Dương. Vào tháng 3, 1954 lúc Điện Biên Phủ lâm nguy, Tổng Thống Pháp Vincent Auriol đã cử Tướng Paul Ely đi Washington khẩn trương cầu cứu. Nhận được thông điệp này, TT Dwight Eisenhower xem xét để can thiệp nhưng sau cùng đã không đáp ứng. Điện Biên Phủ thất thủ ngày 7 tháng 5, chấm dứt chiến tranh Đông Dương I.[1] Pháp đã không bao giờ tha thứ cho Mỹ trong việc này cho nên luôn chống lại việc Mỹ can thiệp ở Việt Nam.

Thật là một sự trùng hợp lịch sử, như chúng tôi đã đề cập đến trong cuốn "Khi Đồng Minh Tháo Chạy,' đúng hai mươi mốt năm sau, ngày 25 tháng 3 (1975), trong khi quân dân Miền Nam rút từ Huế về Đà Nẵng, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu gửi bức tâm thư khẩn thiết cầu cứu Hoa Kỳ (bức thư do chính tác giả soạn thảo bằng tiếng Anh theo như ý ông Thiệu):

"Trong lúc tôi viết bức thư này cho Ngài thì tình hình quân sự tại Nam Việt Nam đang hết sức khẩn trương, và cứ mỗi giờ qua lại càng trầm trọng hơn. Sự bất quân bình trong cán cân lực lượng của hai bên đã nghiêng hẳn về phía quân đội Bắc Việt... Bởi vậy, nếu không có những biện pháp cực mạnh và mau chóng về phía Ngài để tái lập sự quân bình thì chúng tôi sẽ khó mà ngăn chặn được sự tiến quân của các lực lượng Cộng sản..."

Nhận được lời cầu cứu, Tổng thống Gerald Ford làm ngơ, Đà Nẵng thất thủ và tiếp theo là 'Tháng Tư Đen.' Trong hai cuộc chiến đã có nhiều điểm tương đồng. Nhưng điểm trùng hợp

quan trọng nhất vẫn là vai trò chủ yếu của Hoa Kỳ. Trước khi kết thúc, Hoa Kỳ đã tài trợ tới trên hai phần ba ngân sách chiến tranh của Pháp cũng như ngân sách quốc phòng của Việt Nam Cộng Hòa sau này, đưa tới tình trạng cả Pháp lẫn Việt đều lệ thuộc nặng nề vào những quyết định phát xuất từ Washington.

Pháp rút quân khỏi Hòa Bình

Tại chiến trường Đông Dương năm ấy, tình hình đã trở nên hết sức khó khăn sau khi Tướng de Lattre qua đời (tháng 1, 1952). Chính phủ Pháp gửi tướng bộ binh Raoul Salan (1899-1984) sang thay thế. Trước đó, sau Thế Chiến II ông đã được bổ nhiệm Tư lệnh Quân Đội Viễn Chinh Pháp tại Bắc Việt nên có nhiều kinh nghiệm tại nơi đây. Nhưng trước khi ông tới Việt Nam, Tòa đại sứ Mỹ ở Sàigòn đã cảnh báo: *"Nhiều người tin rằng de Lattre là hy vọng cuối cùng cho giải pháp Đông Dương. Bây giờ, họ đang lo rằng những thành quả ông đã gặt hái được sẽ có thể bị tan biến đi."* Một trong những thành quả tan biến đi là cuộc rút lui khỏi mặt trận Hòa Bình.

Vào tháng 11 năm 1951, de Lattre đã đôn quân chiếm được Hòa Bình, một địa điểm chiến lược quan trọng để chận áp lực của Việt Minh từ phía Tây Nam nhắm vào 'Tuyến de Lattre.' Ngoài ra, nó còn giúp cản trở hệ thống tiếp tế của Việt Minh từ Thanh Hóa. Nhưng khi Tướng Salan vừa sang thay thế Tướng de Lattre thì áp lực của Việt Minh tăng lên mạnh. Salan phải cho lệnh rút khỏi Hòa Bình (ngày 25 tháng 2, 1952). Cuộc rút lui tuy là thành công nhưng phải đốt đi 150 tấn đạn dược và quân nhu vì không đủ phương tiện chuyên chở gấp rút. Việc rút quân gây nhiều lo nghĩ cho Hoa Kỳ. Washington cho rằng như vậy là Pháp đã hết ý chí chiến đấu. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ nhận xét về Hòa Bình: *"đã thật rõ là viễn tượng của bất cứ cuộc tấn công nào nhằm đẩy lui lực lượng Việt Minh ra khỏi Bắc Việt như de Lattre đã hứa là không còn nữa."* [2]

Trước tình hình sa sút của Pháp, Việt Minh tiến lên vùng Tây Bắc về phía Thượng Lào. Đầu tháng 9, 1952, Bộ Chính Trị Trung Ương Đảng Lao Động "quyết định mở chiến dịch

Tây Bắc nhằm mục đích tiêu diệt sinh lực địch, tranh thủ nhân dân, giải phóng một bộ phận đất đai ở vùng Tây Bắc." [3] Pháp cho tăng cường các cứ điểm ở Lai Châu, Mộc Châu và Nà Sản (cách Sơn La 20 cây số về phía Nam). Từ ngày 29 tháng 10 tới 17 tháng 11, 1952, Pháp mở cuộc hành quân *Lorraine* với 30,000 quân và đại pháo hùng hậu đánh vào căn cứ tiếp vận của Việt Minh nhằm giảm nhẹ áp lực của chiến dịch Tây Bắc. Pháp chiếm được Phủ Doãn và Phủ Yên Bình, tịch thu được một lượng khí giới và đạn dược lớn. Nhưng vào giữa tháng 11, cuộc hành quân này bắt đầu bị đẩy lui, quân đội Pháp rút về phía sau Tuyến de Lattre, số thương vong lên trên một ngàn người.[4]

Sau chiến dịch Tây Bắc, Pháp chỉ còn giữ lại hai cứ điểm Lai Châu và Nà Sản. Như vậy là biên giới Việt-Lào đã bị bỏ ngỏ một phần lớn. Việt Minh gấp rút tăng gia áp lực, đúng như sự tiên đoán của cơ quan tình báo Hoa Kỳ (CIA) vào cuối năm 1952: *"nhìn xa hơn, khả năng tác chiến của Việt Minh sẽ có thể tăng lên mạnh hơn nữa."* Mùa Xuân năm 1953, lực lượng Việt Minh cùng với lực lượmg Pathet Lào quyết định mở Chiến dịch Thượng Lào, một vùng có địa hình giống như vùng Tây Bắc, rừng núi âm u, hiểm trở, khó bề giao thông, việc tiếp tế hầu như chỉ nhờ vào đường hàng không.

Từ Triều Tiên tới Đông Dương: Tổng Thống Eisenhower lo ngại

Vào lúc đó thì tại Washington, Tổng Thống Dwight Eisenhower vừa lên cầm quyền. Ông bắt đầu duyệt xét lại tình hình đen tối ở Á Châu. Trong phúc trình về *Tình trạng của Đất Nước (State of the Union)*, ông đã nối kết tầm quan trọng của chiến tranh Triều Tiên với sự đe dọa của cộng sản tại Đông Dương:

> "Bàn tới chính sách ngoại giao nói chung, tôi phải đặc biệt nói tới cuộc chiến tại Triều Tiên. Đối với nhân dân Hoa Kỳ, cuộc chiến này là một giai đoạn nhức nhối nhất trong quá trình xâm lăng của Cộng sản trên toàn thế giới.

> Rõ ràng là một sự thôn tính có kế hoạch của Cộng sản đang đồng thời nhắm vào Đông Dương và Mã Lai Á."[6]

Ông muốn đối phó với những đe dọa của Cộng sản tại Đông Dương nhưng cũng giống như TT Truman, ông vẫn còn bị kẹt với hai chữ 'thuộc địa.' Muốn cho có danh chính, ngôn thuận, điều cần thiết là Pháp phải giải quyết vấn đề độc lập cho Việt Nam. Trong một bức thư gửi cho Thủ tướng Pháp René Mayer, Tổng Thống Eisenhower yêu cầu ông phải *"tuyên bố cho thật rõ ràng và dứt khoát rằng Pháp đang trả quyền tự trị cho Đông Dương, và tự do chính trị thực sự sẽ là một điều hiển nhiên sau khi chiến thắng với Cộng sản."* [7] Đồng thời, ông thẳng thừng yêu cầu Pháp gửi sang Việt Nam một tướng giỏi và nhiều kinh nghiệm giống như de Lattre để làm Tư Lệnh thay cho Tướng Raoul Salan. Tt Eisenhower đề nghị hai người: Tướng Jean E. Valluy hoặc Tướng Augustin Guillaume. Valluy là tướng đã đánh chiếm Hải Phòng hồi cuối năm 1946, Guillaume là Tổng Thanh tra quân đội Pháp ở Bắc Phi.

Kế Hoạch Navarre

Đề nghị của TT Eisenhower đến quá chậm vì Thủ tướng Pháp Mayer đã tuyên bố chọn tướng Henri Navarre (1898-1983) sang thay tướng de Lattre. Navarre được coi là người nhiều kinh nghiệm về chiến tranh du kích ở Morocco và Syria.[8] Khi Mỹ chê là Navarre chưa bao giờ chiến đấu ở Đông Dương thì Pháp lại cho như vậy là điểm tốt: chính vì ông ta chưa dính líu gì vào những trận chiến nơi đây nên sẽ khách quan hơn những tướng lãnh khác. Navarre sang Việt Nam nhận chức ngày 20 tháng 5, 1953. Để đáp ứng, Washington gửi một phái đoàn do Tướng John O'Daniel (1894-1975) cầm đầu sang Việt Nam với hai mục đích: *thứ nhất*, xem xét thật chi tiết các kế hoạch quân sự; *thứ hai*, đánh giá những tiến bộ trong việc phát triển quân đội bản xứ cũng như củng cố thêm lực lượng quân đội Viễn chinh Pháp. Chỉ thị ngày 10 tháng 6, 1953 của Bộ Tổng Tham Mưu cho ông O'Daniel phải đặt nặng vấn đề trao

lại lãnh đạo quân sự cho chính phủ Việt Nam và xúc tiến ngay việc canh tân phương pháp huấn luyện cho quân đội bản xứ. Cặp Navarre - O'Daniel làm việc khẩn thiết, đi tới một chiến thuật mới, gọi là 'Kế Hoạch Navarre." Kế hoạch nghe ra rất hợp lý, vì nó bao gồm những bước thực tế và nhiều hứa hẹn.

Về chiến thuật, mục tiêu là

- Phải lấy lại ngay tinh thần chủ động để chiến đấu;
- Tung ra một chiến dịch thật quy mô, một 'cuộc tấn công mùa thu,' bắt đầu vào tháng 9, 1953.

Về hành động, nó bao gồm bốn biện pháp:

- Tái tổ chức những đơn vị lẻ tẻ hậu phương thành một lực lượng xung kích lưu động;
- Phối trí nhiều tiểu đoàn thành trung đoàn và sư đoàn;
- Gấp rút huấn luyện, trang bị Quân đội Quốc Gia Việt Nam; và
- Mau lẹ chuyển giao trách nhiệm hành quân cho quân đội Việt Nam.[10]

Kế hoạch này bắt đầu vào tháng 7, 1953 với cuộc hành quân *'Hirondelle'* (Con Nhạn) nhảy dù xuống Lạng Sơn. Cuộc hành quân này thành công, tiêu hủy được 5,000 tấn tiếp liệu của Việt Minh. Tiếp theo là cuộc hành quân *'Carmargue'* đánh vào vùng duyên hải giữa Quảng trị và Huế. Rồi ngày 8 tháng 8, 1953, Navarre dùng kế nghi binh, triệt thoái an toàn tới 5,000 quân đang bị bao vây tại Nà Sản (thiết lập cuối 1952 để đối phó với chiến dịch Tây Bắc). Rút khỏi Nà Sản xong, Navarre cho mở đầu cuộc hành quân *Mouette* (Hải Âu) đánh vào phía Tây Bắc Ninh Bình. Cuộc hành quân này tương đối cũng thành công.[11] Và cứ như vậy, Pháp tiếp tục tiến quân để phá vỡ kế hoạch của Việt Minh lúc ấy đang nhắm vào vùng Châu Thổ Bắc Việt. Lực lượng Việt Minh nhằm cô lập hóa Hà Nội, Hải Phòng, đồng thời tấn công vào biệt khu Phát Diệm - Bùi Chu. Đây là một cứ điểm quan trọng cả về tâm lý lẫn chính trị.[12]

Mặc dù có những cuộc hành quân tương đối là thành công, tổng kết về năm 1953, tình hình quân sự tại Đông Dương đã trở

nên thật khó khăn. Đặc biệt là về mặt tâm lý, số thương vong trên chiến trường và những tốn phí về tiền bạc đã bất chợt tăng lên, tác động mạnh mẽ vào tinh thần nhân dân Pháp. Dư luận chống chiến tranh, đòi rút quân bắt đầu gia tăng nhanh.

Mỹ nhận xét tại sao Pháp không thành công

Ngày 5 tháng 8, 1953, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ kiểm điểm lại việc thi hành huấn lệnh NSC 124/2. Để nâng tinh thần Pháp tiếp tục chiến đấu thay cho Mỹ, văn kiện này lưu ý chính phủ Mỹ cần phải khích lệ Pháp bằng cách nhắc lại cho họ nhớ Hoa Kỳ đã từng có dịp tái xác nhận với nước Pháp (ngày 17 tháng 12, 1952) rằng *"những cố gắng của họ tại Đông Dương là rất quan trọng đối với quyền lợi chung của quốc tế và rất cần thiết cho an ninh của thế giới tự do. Đặc biệt là về tài khóa 1954, Chính phủ Mỹ cũng đã yêu cầu Quốc Hội chấp thuận mức quân viện là $460 triệu."* [13]

Với tình hình chiến sự bết bát và trước những chống đối của nhân dân Pháp, Mỹ rất lo ngại là Pháp sẽ đi tới bước phải điều đình với Việt Minh. Bởi vậy cùng ngày, Bộ Ngoại Giao gửi cho Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ một tờ trình để đẩy mạnh việc tiếp tục yểm trợ cho Pháp. Tờ trình một mặt công nhận sự thất bại của Pháp, nhưng mặt khác, nêu lên những lý thuyết phục việc gia tăng mức yểm trợ cho chiến trường Đông Dương. Về sự thất bại, Bộ nhận xét rằng: sở dĩ Pháp chưa thành công được là vì ba lý do:

- không giải quyết vấn đề độc lập cho kịp thời;
- không giúp phát triển một quân đội bản xứ cho mạnh mẽ; và
- không có những kế hoạch hành quân cho hữu hiệu.

Nhưng vì quyền lợi, Mỹ vẫn phải tiếp viện cho Pháp

Tuy nhiên, Bộ nêu lên những lý do tại sao Mỹ vẫn phải tiếp viện cho Pháp:[14]

- "Trong suốt bảy năm qua, Chính phủ Pháp bây giờ mới

là một chính phủ sẵn sàng làm bất cứ những gì cần thiết để chấm dứt cuộc chiến tại Đông Dương;

- Những kế hoạch của họ giúp cho Mỹ có được một cơ hội cuối cùng để giải quyết vấn đề Đông Dương và vấn đề chính trị bất ổn đang kéo dài tại Pháp;
- Về quân sự, viên tư lệnh mới, Tướng Navarre đang quyết tâm lấy lại đà tấn công. Những cuộc hành quân đầu tiên dưới sự điều khiển của ông ta đã chứng minh điều này. Navarre đã điều chỉnh lại kế hoạch do M. Letourneau phác họa vào tháng 3, 1950 với mục đích đánh tan hậu cần của Việt minh vào mùa chiến dịch 1954-1955;
- Ngoài ra, kế hoạch mới của Pháp còn bao gồm việc tăng nhanh quân số cho lực lượng chính quy của Việt Nam: từ 56,000 năm 1953 lên 76,000 (1954), và 200,000 (1955), tổng cộng là 332,000 vào tháng 1, 1956."

Để thúc đẩy việc chấp thuận những yểm trợ này, Bộ Ngoại Giao đề nghị là "Mặc dù những rủi ro và bất trắc, nhưng vì quyền lợi của chính mình, Hoa kỳ cần phải tăng viện $400 triệu cho Pháp ngay. Bộ thuyết phục thêm về những lý do nêu ra ở trên:

- "Chính phủ Laniel hầu như chắc chắn là chính phủ cuối cùng tiếp tục chiến đấu tại Đông Dương. Nếu thất bại, hầu như chắc chắn là một chính phủ khác lên thay sẽ phải cam kết với nhân dân Pháp một giải pháp cho cuộc chiến Đông Dương. Bộ cho rằng giải pháp ấy sẽ rất nguy hiểm cho nền an ninh của Hoa Kỳ và thế giới tự do;
- Trong cuộc khủng hoảng chính trị kéo dài tại Pháp, bất cứ ứng cử viên nào khi vận động dân chúng cũng sẽ phải đưa ra những hứa hẹn cách này hay cách khác là sẽ giảm xuống những liên lụy đối với Đông Dương. Đây là lần đầu tiên trong bảy năm, những khuynh hướng chủ bại ngấm ngầm đã biến thành một sức mạnh cho các chính trị gia cũng như Quốc hội Pháp đòi phải rút lui;
- Nhưng trong hoàn cảnh hiện tại, bất cứ giải pháp điều

đình nào cũng sẽ đưa tới việc mất vào tay cộng sản không những Đông Dương mà còn cả Đông Nam Á nữa;"

Về lý do tại sao sự sụp đổ của Đông Dương sẽ đe dọa an ninh của Hoa Kỳ, Bộ Ngoại Giao nhắc lại những yếu tố đã được nêu ra trong huấn thị #64 và #124. Đó là:

- "Cộng sản sẽ nắm những nguồn nguyên liệu quan trọng;
- Làm cho các chính phủ Đông Nam Á nghi ngờ về sự lãnh đạo của Hoa Kỳ;
- Việc bảo vệ Nhật, Formosa (bây giờ là Đài Loan), và Phi Luật Tân sẽ thêm khó khăn và tốn phí cho Hoa kỳ; và
- Nếu Pháp rút lui thì chính Hoa Kỳ lại bị bắt buộc phải xem xét việc mang quân vào Việt Nam để thay thế."

Với số tiền tăng viện do Bộ Ngoại Giao đề nghị, mức tài trợ cho ngân sách Pháp lên trên $1.3 tỷ cho tài khóa 1954, lớn hơn gấp đôi tài khóa 1953 ($568 triệu).[15] Nhưng tài khóa 1954 đâu có được kết thúc! Cuối năm 1953, cơ quan tình báo CIA đã cảnh báo về tình hình chiến sự: *"Nếu như chiều hướng hiện nay tiếp tục tới giữa năm 1954, vị trí chính trị và quân sự của lực lượng Liên Hiệp Pháp sẽ suy sụp hết sức nhanh chóng."*[16]

Con đường tới Điện Biên Phủ

Ngay từ khi tới Việt Nam, Tướng Navarre đã nghĩ đến việc tái chiếm Điện Biên Phủ, nơi mà Pháp đã rút đi từ ngày 30 tháng 11, 1952. Điện Biên Phủ là một làng hẻo lánh gần biên giới Lào còn gọi là Mường Thanh, một nơi Pháp cho là chiến lược. Navarre muốn tái chiếm nơi này để ngăn chận lực lượng Việt Minh từ miền Tây Bắc sắp sửa tiến sang Lào. Ngày 24 tháng 7, 1953, Hội Đồng Quốc Phòng Pháp nhóm họp bàn việc bảo vệ vùng Thượng Lào dưới sự chủ tọa của Tổng Thống Vincent Auriol (1884-1966). Tướng Navarre từ Việt Nam bay về tham khảo. Lúc ấy bang giao Pháp – Lào đang rất nồng ấm vì Lào sắp ký với Pháp một 'hiệp ước quốc phòng song

phương' (mutual defense treaty). Nếu xong xuôi, Pháp hy vọng Việt Nam cũng sẽ đồng ý một sự sắp xếp như vậy. Navarre đề nghị bảo vệ vùng Thượng Lào bằng cách lập một căn cứ không-lục quân ở miền Thượng du Bắc Việt.

Có 3 địa điểm được xem xét: Nà Sản, Lai Châu và Điện Biên Phủ, Navarre chọn Điện Biên Phủ. Ông không chọn Nà Sản vì vị trí của nó không thuận lợi và chính ông đã ra lệnh rút khỏi nơi này trước đó. Lai Châu cũng không thích hợp vì chỉ cách biên giới Tầu có 30 dặm và địa hình còn hiểm trở hơn cả Điện Biên Phủ. Ngoài ra nơi đây lại đã có sẵn một sân bay. Bộ Trưởng Không quân Corniglion Molinier nghe vậy đã bác đi ngay vì hai lý do: *thứ nhất,* Điện Biên Phủ là một thung lũng, bị đồi núi bao quanh chế ngự; *thứ hai,* khoảng cách từ Hà Nội tới Điện Biên Phủ (300 cây số) sẽ giới hạn nghiêm trọng hiệu năng của việc yểm trợ bằng không lực. Nhưng Navarre cho rằng tuy có đồi núi bao quanh, Việt Minh cũng khó có thể chuyển vận đủ hỏa lực lên cao để uy hiếp.[17]

Đầu tháng 11, khi ông ra lệnh cho Tướng René Cogny (1904-1968) soạn thảo một kế hoạch không vận lấy mật hiệu là *'Opération Castor;'* Cogny đồng ý một cách miễn cưỡng vì chính bộ chỉ huy của ông cũng phản đối.[18] Người ta đồn thổi nhiều về sự bất bình giữa cặp Navarre - Cogny đã từ lâu. Tướng René Cogny (to lớn, hoạt bát) có nhiều kinh nghiệm trong Thế Chiến II, được Navarre chỉ định làm Tư lệnh Quân đội Viễn Chinh tại Bắc Việt. Cogny cũng đã làm việc dưới quyền Tướng de Lattre nên quen thuộc vùng này. Tướng Navarre (mảnh dẻ, trầm lặng) thì chưa có kinh nghiệm ở chiến trường Việt Nam nhưng lại là xếp của Cogny. Cogny coi thường ông này, còn chế nhạo là Navarre chỉ ngồi trong phòng gắn máy lạnh ở Sàigòn để điều khiển. Sau này khi Điện Biên Phủ bị tấn công, Navarre lại tung cuộc hành quân *Opération Alante* để tảo thanh vùng duyên hải miền Trung (giữa Nha Trang và Huế) bắt đầu từ ngày 20 tháng 1 với cuộc đổ bộ vào Tuy Hòa.[19] Cogny kịch liệt phản đối vì cuộc hành quân này đòi hỏi điều động nhiều quân và máy bay đang khi Điện Biên Phủ cần tiếp viện. Kết quả là hành quân Atlante đã thất bại thảm hại. Cogny coi thường và

bất mãn với Navarre. Theo tác giả Bernard Fall, có lần Cogny còn dám nói "Nếu ông không phải là đại tướng thì tôi đã cho ông một cái bợp tai rồi." Nói xong ông đứng vào thế nghiêm chào xếp rồi ra về.

Ngày 17 tháng 11, Navarre họp toàn bộ tư lệnh chiến trường để hỏi ý kiến. Mọi người, trong đó có Cogny đều phát biểu sự dè dặt về Opération Castor. *"Tôi chỉ muốn hỏi mấy ông là liệu ta có thể thực hiện được cuộc hành quân này hay không,"* Navarre nói lại. Tất cả đều lưỡng lự nhưng lẩm bẩm trả lời là có thể. *"Được rồi, cuộc hành quân sẽ bắt đầu trong ba ngày nếu như thời tiết cho phép,"* Navarre ra lệnh.

Về phía Hoa kỳ, chính Tướng Mỹ O'Daniel cũng không tin tưởng vào việc tái chiếm Điện Biên Phủ. Ông cho rằng Tướng Navarre đã rập theo kinh nghiệm dử địch của Mỹ tại Triều Tiên để thí nghiệm một chiến lược gọi là 'những trận tiêu diệt địch' (Killer Operations). Theo mưu kế này, một đơn vị quân đội Mỹ được dàn trải ra ở một địa điểm để làm mồi nhử địch. Khi địch tới đúng tầm của đại pháo thì sẽ bị oanh kích ào ạt.[20] Bây giờ vừa nhận được khí giới mới của Mỹ, Navarre cho là cơ hội đã tới và có thể bắt chước như vậy. Ông tin vào mưu lược của ông vì nó đã giúp ông thành công khi rút lui khỏi căn cứ Nà Sản.

Navarre tính lầm

Nhưng Navarre đã tính lầm. "Lạy Trời mưa xuống" chẳng phải để lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cầy, lấy đầy bát cơm, nhưng là "để tôi khỏi phải nhảy vào cái thung lũng bùn lầy này," viên chỉ huy trưởng nhảy dù đã cầu mong, vì lệnh trên là cuộc hành quân này sẽ bắt đầu 'nếu thời tiết cho phép,' cho nên nếu như trời mưa thì sẽ hủy bỏ.

Kế hoạch chiếm Điện Biên Phủ đã dựa vào hai giả định sai lầm:

- Việt Minh khó có thể vận dụng được quá hai sư đoàn tới điện Biên Phủ (chỉ trong hai tháng, Việt Minh đã đưa được bốn sư đoàn cộng thêm một sư đoàn pháo tới miền đồi núi vây quanh thung lũng).

- Việt Minh không có nhiều đại bác, và nếu có thì cũng khó có thể kéo lên địa điểm trên cao.

Ngoài ra, còn khuyết điểm khác là Pháp đã không để ý nhiều tới vấn đề thời tiết. Tới mùa mưa (kéo dài 5 tháng), những đám mây dày đặc bao trùm thung lũng, gây trở ngại cho các phi vụ thả dù và tiếp tế.[21] Với lượng nước mưa đổ xuống lên tới 62 inches, Điện Biên Phủ trở thành một vũng lầy.

Ngày 20 tháng 11, 1953, 60 chiếc máy bay Đakôta, phía trước có sơn mầu xanh, vàng, và đỏ, theo nhau cất cánh từ Hà Nội, yểm trợ bằng những khu trục B-29, vẽ lên bầu trời một giải dài tới 7 dặm.[22] Gần 3,000 lính dù, đơn vị tinh nhuệ nhất của đoàn quân Viễn chinh Pháp nhảy xuống Điện Biên Phủ. Tướng Cogny chỉ định Đại tá Christian de Castries (1902-1991) chỉ huy mặt trận. Cogny cho là ông này rất giỏi, nổi tiếng về kỵ binh, mà chiến trường Điện Biên Phủ lại đặt nặng vai trò của kỵ binh, nên chắc chắn de Castries "sẽ chủ động chứ không chỉ tự vệ, thụ động." Với hỏa lực hùng hậu vừa được Mỹ cung cấp, ông cho xây những căn cứ pháo binh làm tuyến bảo vệ doanh trại. De Castries là sĩ quan có tài, lại đẹp trai. Ông đặt tên cho ba pháo đài là Gabrielle (phía Bắc), Beatrice (phía Đông) và Isabelle (phía Nam). Lúc đó ít ai biết rằng đó là tên ba cô bồ của Đại tá de Castries.[23] Gabrielle và Beatrice phải đứng canh gác phi trường, điểm huyệt của doanh trại.

Đầu năm 1954, Navarre tiên đoán là sẽ thắng trận vào lễ Bastille, ngày quốc khánh của Pháp (4 tháng 7). Ông đã quá lạc quan. Ngược lại, tướng Mỹ O'Daniel lại bi quan. Ngày 3 tháng 2, O'Daniel đích thân bay tới quan sát chiến trường và thấy ngay là Navarre đã lầm: "Quân đội Pháp đã không chiếm đóng miền đồi núi cao, và như vậy địch chỉ cần vài ba tiểu đoàn pháo là có thể uy hiếp, đặt căn cứ này vào tình trạng không thể giữ nổi."[24] Hai giờ trước khi O'Daniel đáp, Việt Minh dùng đại bác 75 ly nã ngay 103 quả vào doanh trại Pháp.

Đêm ngày 13 tháng 3, ngày đầu trong 56 ngày tấn công, quân đội Việt Minh từ đồi núi tràn xuống, trong khi gần một trăm khẩu 105 ly và 75 ly từ trên cao, không cần phải câu vòng, cứ thế mà pháo thẳng xuống doanh trại Pháp. Chỉ một

ngày đã chiếm ngay được pháo đài Beatrice, và bốn ngày sau, Gabrielle.[25] Như vậy là tuyến phòng thủ vòng ngoài của doanh trại không còn nữa. Khả năng đem quân tiếp viện cũng chẳng có vì lực lượng trừ bị chỉ còn một đại đội dù (The First Colonial). Những đơn vị lưu động *Groupes Mobiles* thì phải trấn giữ vùng đồng bằng Sông Hồng (tới đây chúng tôi lại nhớ cuộc họp ở Cam Ranh vào tháng 3, 1975: Tổng thống Thiệu được báo cáo là không còn lực lượng trừ bị nào để tiếp viện cho Tướng Phú nữa).

Navarre và Cogny cũng đã tính kế đánh bọc vào hậu cần của Việt Minh để giảm áp lực bằng cách điều quân từ bên Lào sang. Kế hoạch này với mật hiệu là *Opération Condor* xem ra là hấp dẫn nhưng không khả thi vì hai lý do: *thứ nhất,* để chuyên chở được 8 đại đội từ Lào sang phải cần xử dụng tới 1/3 số máy bay đã dành cho Điện Biên Phủ. *Thứ hai*, Pháp cho rằng người lính Lào chưa đủ kinh nghiệm, nhút nhát, hiền lành, khó có thể đối đầu với Việt Minh.[26]

Chính phủ Mỹ vận động nhân dân và Quốc hội để can thiệp

Sau khi Pháp yêu cầu Mỹ gấp rút gửi thêm quân viện, đặc biệt là 25 chiếc oanh tạc cơ B-26, đồng thời yểm trợ bằng không lực để giải vây cho Điện Biên Phủ, ngày 28 tháng 3 tờ *New York Times* bình luận là Ngoại trưởng Dulles đang tung ra một chương trình vận động quần chúng nhằm giải thích về "quyền lợi của Mỹ tại Đông Dương." Tờ *New Yorker* thêm "đây là một cuộc vận động quần chúng chưa bao giờ thấy: từng nhóm người, từ các vị dân biểu tới những tên tuổi trong làng báo, TV được mời mọc và tháp tùng tới phòng họp nghe những bài diễn văn, những buổi thuyết trình giảng giải tại sao cần phải chiến thắng ở Việt Nam." Bản đồ để thuyết trình cho thấy nếu để mất Đông Dương, những khoanh tô mầu đỏ phản ảnh khu vực cộng sản sẽ lấn rộng ra theo hình vòng cung tới Thái Lan, Miến Điện, và Mã Lai Á, bọc xuống Indonesia ở phía Nam.[27]

Trong bối cảnh ấy, Tổng Thống Eisenhower họp gấp với

các Bộ Ngoại Giao, Quốc Phòng, và Quốc Hội để bàn tính. Ngoại Trưởng Dulles ủng hộ, và ngay sau đó họp kín với ban lãnh đạo Quốc Hội, trong đó có nghị sỹ Lyndon B. Johnson (sau làm Tổng Thống) để vận động một nghị quyết của Quốc hội cho phép Tổng Thống ra lệnh oanh tạc. Ủy Ban Quốc hội đồng ý, nhưng việc Mỹ can thiệp phải kèm theo ba điều kiện:[28]

- Cần có sự tham gia của Liên Hiệp Anh;
- Pháp phải trả ngay độc lập cho các quốc gia Đông Dương để Mỹ khỏi bị mang tiếng là ủng hộ thực dân; và
- Pháp phải đồng ý tiếp tục chiến đấu sau Điện Biên Phủ.

Ngày 29 tháng 3, 1954, Ngoại trưởng Dulles tuyên bố là Hoa Kỳ không thể thụ động được nữa nhưng cần có sự cộng tác của đồng minh Anh quốc thì mới can thiệp được. Tổng Thống Eisenhower đi tới lập trường gọi là một *"Hành Động Thống Nhất" (A "United Action")* gồm hai đòi hỏi là sự cộng tác của đồng minh Anh Quốc và sự đồng ý của Quốc hội.[29]

Về sự cộng tác của Anh Quốc, lập trường của TT Eisenhower có thể được giải thích bởi kinh nghiệm của cá nhân ông: lúc còn là Tư Lệnh Quân Đội Đồng Minh đổ bộ vào Normandy, ông đã thành công lớn vì có đồng minh, cho nên bây giờ ông lại cần chính phủ Anh nối tay. Nhưng vào thời điểm ấy thì chính nước Anh cũng đang bị khó khăn về các vấn đề tại Á Châu. Quyền lợi riêng của mình tại các thuộc địa thì lo cũng chưa xong, huống hồ quyền lợi của Pháp tại Đông Dương? Bởi vậy, lập trường của Anh là nhất định không muốn dính líu gì vào vấn đề quân sự tại Đông Dương. Mặt khác chính phủ Anh cũng hy vọng sẽ có thể giúp Pháp điều đình một giải pháp hòa bình tại hội nghị Geneva sắp nhóm họp.

Về việc cần sự đồng thuận của Quốc Hội: tiền nhiệm của ông là Tổng Thống Harry Truman đưa quân vào tham chiến ở Triều Tiên dưới lá cờ Liên Hiệp Quốc mà không yêu cầu Quốc Hội tuyên chiến, sau này ông Truman đã gặp nhiều khó khăn. Ngoài ra Eisenhower yêu cầu Quốc Hội phải đồng ý trước vì nếu để đến khi cần phải bỏ phiếu thì phần thắng cho Tòa bạch

Ốc là không chắc chắn: lúc ấy TT Eisenhower (đảng Cộng Hòa) tuy có đa số ở cả lưỡng viện nhưng là đa số rất mỏng manh: 48-47-1 ở Thượng Viện và 221-213-1 ở Hạ Viện.

Tháng Tư Đen của Pháp

Trong khi Washington còn bàn định xem làm sao để có được một 'hành động thống nhất', Đại sứ Mỹ ở Paris, ông Douglas Dillon đã đánh điện về cho Ngoại Trưởng Dulles:[30] [độc giả để ý có nhiều văn kiện lịch sử trong ngày 5 tháng 4, 1954]

> **Mật Điện 3710 - Ngày 5 Tháng 4 1954**
>
> **KHẨN. Lúc 11:00 đêm Chủ Nhật, tôi được mời tới Điện Matignon gấp để tham dự một cuộc họp nội các thu hẹp.**
>
> **Khi tôi tới nơi, ông Bidault tiếp tôi tại văn phòng Tổng Thống và sau mấy phút thì ông Auriol tới. Họ cho tôi hay rằng sự can thiệp bằng không lực Hoa Kỳ từ các mẫu hạm ngoài khơi vào Điện Biên Phủ là điều hết sức cần thiết trong lúc này để cứu vãn tình hình.**
>
> **Tướng Navarre báo cáo rằng tình hình tại chiến trường này đang ở trong tình trạng bất quân bình trầm trọng và cả hai bên đang tăng viện tối đa – Việt Minh thì đang tận dụng những lực lượng còn lại để tăng cường và như vậy quân số họ sẽ nhiều hơn gấp bội số quân mà Pháp có thể thả dù xuống. Với lực lượng tăng cường, Việt Minh sẽ có thể mở cuộc tấn công mới vào giữa hay cuối tuần này. Nếu không được tiếp viện – từ đây đến lúc đó – thì số phận của Điện Biên Phủ coi như đã xong rồi."**

(Như đã nhắc lại ở đầu chương này, lời lẽ công điện trên lại hao hao giống như bức thư của Tổng Thống Nguyễn Văn

Thiệu cầu cứu Tổng Thống Gerald Ford đề ngày 25 tháng 3, 1975 ghi lại trong cuốn sách *Khi Đồng Minh Tháo Chạy*).

Trong công điện, Đại sứ Dillon đem ra hai lý do để thuyết phục Washington (cũng gần giống như những cố gắng của Đại sứ Graham Martin nhằm thuyết phục Quốc Hội Hoa kỳ trước khi Miền Nam sụp đổ): *thứ nhất*, Tướng Ely cứ quả quyết là ông ta đã nhận được lời hứa hẹn của Hoa Kỳ là sẽ yểm trợ Pháp giải vây. Khi từ Washington về, Ely báo cáo cho chính phủ Pháp là chính Đô đốc Radford (Tham Mưu Trưởng Liên Quân) đã cam kết rằng nếu tình hình Điện Biên Phủ đòi hỏi sự can thiệp của không lực và hải lực thì ông ta sẽ xin chính phủ Hoa Kỳ chấp thuận ngay. Radford còn cho biết những gì đang được xem xét như 350 máy bay từ các chiến hạm ngoài Vịnh Bắc Việt sẽ có thể tham chiến nội trong hai ngày sau khi có lệnh. Rồi những khu trục cỡ lớn từ Okinawa và Phi Luật Tân sẽ bay vào oanh tạc. *Thứ hai*, bây giờ Pháp đã có bằng chứng về việc Trung Quốc thực sự can thiệp vào Điện Biên Phủ rồi. Về việc Hoa Kỳ cam kết, Đại sứ Dillon viết thêm:

> **"Chính vì sự cam kết của Radford do Ely báo cáo mà giờ đây chính phủ Pháp yêu cầu cho không lực Hoa Kỳ từ các mẫu hạm bay vào để yểm trợ Điện Biên Phủ. Navarre cho rằng nếu có được một sự yểm trợ dù tương đối là nhỏ từ phía Hoa Kỳ thì cũng sẽ có thể thay đổi được tình hình, nhưng dĩ nhiên là ông ấy hy vọng sự yểm trợ này càng nhiều càng tốt...**
>
> **"Và ông Bidault đã kết luận rằng dù tốt hay xấu, giờ đây số phận của Đông Nam Á tùy thuộc vào Điện Biên Phủ. Thêm nữa, thành công hay thất bại tại Hội Nghị Geneva cũng đều tùy theo trận Điện Biên Phủ kết thúc ra sao. Vì vậy, đây là một yêu cầu khẩn thiết của Pháp để Hoa kỳ có một hành động hết sức quan trọng...**
>
> ***(ký) Dillon***

[Chúng tôi xin mở ngoặc nơi đây để bình luận về việc Radford cam kết với Ely. Sau này, Ely cứ nhất quyết là Radford đã thực sự ủng hộ kế hoạch can thiệp và còn nói ông có thể thuyết phục được TT Eisenhower. Thế nhưng Radford lại chối đi, rằng ông chỉ nói với Ely là máy bay Mỹ có thể tới Điện biên Phủ nội trong hai ngày sau khi Pháp chính thức yêu cầu. Ông quả quyết là mình đã không hứa hẹn gì mà lại nói rõ là việc can thiệp còn cần được cấp trên chấp thuận. Sự thật ra sao thì vẫn còn là một tranh cãi.[31] Tình huống này thì cũng tương tự như trước khi VNCH sụp đổ: *thứ nhất,* chính vì TT Nixon đã hứa hẹn với TT Thiệu là Hoa kỳ sẽ tái can thiệp khi Miền Nam bị tấn công mà TT Thiệu viết thư ngày 25 tháng 3, 1975 để cầu cứu. *Thứ hai*, vì Hoa Kỳ đã cho biết một kế hoạch quân sự bí mật để giải vây với điều kiện là quân đội VNCH phải giữ được hai tuần nên ông đã ra lệnh cho Trung tướng Trưởng cố thủ Đà Nẵng làm nơi đổ bộ như Normandy – *Tâm Tư Tổng Thống Thiệu*, Chương 4]. *Thứ ba,* câu chuyện Tướng Radford chối là không có cam kết gì với Tướng Ely làm tôi lại nhớ đến Tiến sĩ Kissinger đã chối phắt đi là không có cam kết pháp lý nào với VNCH cả - *Khi Đồng Minh Tháo Chạy,* Chương 2 và 17. Lịch sử hay diễn lại những tấn tuồng nuốt lời hứa và phản bội].

Nhận được công điện của Dillon, Dulles trả lời ngay. Ông nói tới vấn đề tiên quyết của lập trường Hoa Kỳ là phải có một 'hành động thống nhất,' tức phải có sự cộng tác của chính phủ Anh thì mới can thiệp được:

- Ngày 5 tháng 4, 1954: Ngoại trưởng Dulles trả lời Ngoại trưởng Bidault:

  "Hoa Kỳ đang làm mọi việc có thể như đã được thông báo trong công điện tôi gửi số 5175 để chuẩn bị dư luận cũng như Quốc hội Mỹ và căn bản hiến pháp nhằm đi tới một hành động thống nhất (với Đồng minh) tại Đông Dương. Hành động của Hoa Kỳ không thể có được trừ khi có sự tham gia chặt chẽ của Liên Minh Anh Quốc. [32]

  Dulles

Để được sự cộng tác ấy, Eisenhower đã cố thuyết phục Churchill khi Điện Biên Phủ lâm nguy:

- Ngày 5 tháng 4, 1954: TT Eisenhower viết cho Thủ tướng Churchill:

  "Nếu tôi có thể nhắc lại lịch sử, chúng ta đã không ngăn chận Hirohito, Mussolini, Hitler vì đã không cùng hành động chung với nhau, và cho kịp thời," ông than phiền rồi đi tới kết luận, "Chính vì thế nên đã dẫn tới một thảm kịch bi đát và một sự nguy hiểm tuyệt vọng trong mấy năm sau. Và như vậy, chúng ta đã học được điều gì chưa trong kinh nghiệm này?" [33]

Thế nhưng, vào lúc này thì Thủ tướng Churchill và Ngoại Trưởng Eden cùng Liên xô đã sắp xếp được một hội nghị hòa bình, dự định sẽ nhóm họp tại Geneva vào ngày 26 tháng 4. Giai đoạn đầu để bàn về vấn đề Đức và Triều Tiên. Giai đoạn hai về Đông Dương. Bởi vậy dù Tổng thống Eisenhower có cố gắng thuyết phục, Thủ tướng Churchill cũng vẫn tìm kế hoãn binh: ông trả lời cho Eisenhower và Bidault là ta cứ đợi tới Hội nghị Geneva để xem kết quả ra sao đã rồi mới tính đến kế hoạch quân sự.

- Ngày 5 tháng 4, Bidault tuyệt vọng:

  "Thật là bất hạnh vì thời gian để sắp xếp một hành động thống nhất như vậy đã qua đi rồi, và số phận Điện Biên Phủ sẽ đi đến chỗ quyết định nội trong mười ngày tới." [34]

Ngày 6 tháng 4, 1954, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia nhận được kiến nghị của Ủy Ban Kế Hoạch, một Ủy ban Đặc nhiệm do Tổng Thống Eisenhower chỉ định để nghiên cứu những biện pháp đối phó với tình hình (giống như 'Ủy Ban Đặc Nhiệm' WSAG do Tổng Thống Ford chỉ định vào lúc đồng minh tháo

chạy năm 1975). Sau khi phân tích các sự lựa chọn và hậu quả, Ủy Ban đề nghị nếu cần, Mỹ phải can thiệp, rồi sau đó, làm áp lực để bắt Pháp phải ủng hộ việc thiết lập một tổ chức liên phòng Đông Nam Á để tiếp tục bảo vệ miền này.[35] Theo như kiến nghị của Ủy ban Đặc nhiệm, ngày 15 tháng 4, 1954, Bộ Trưởng Quốc Phòng chỉ thị cho Bộ Tổng Tham Mưu "gấp rút chuẩn bị những kế hoạch quân sự" phòng khi có lệnh can thiệp vào Điện Biên Phủ. [36]

Mỹ chuẩn bị: Kế hoạch Kên Kên

Kế hoạch can thiệp được Mỹ gấp rút soạn thảo trong suốt tháng 4, dựa trên một thiết kế do Pháp đưa ra lấy ký hiệu là *Kế hoạch Kên Kên (Vautour).* Theo kế hoạch này, Mỹ dùng B-29 từ Okinawa vào oanh tạc. Có ba giai đoạn:[37]

- Giai đoạn một: bốn sư đoàn lục quân Mỹ cùng với một sư đoàn dù được yểm trợ bằng không lực chiếm vùng Yên Bái, Thái Nguyên và Tuyên Quang để chận tuyến liên lạc và có thể tiêu diệt ba sư đoàn Việt Minh;
- Giai đoạn hai: một sư đoàn đánh chiếm căn cứ Hòa Bình, đang khi một sư đoàn khác đổ bộ tại Thanh Hóa và tiến chiếm Hội Xuân;
- Giai đoạn ba: thiết lập biên phòng ở ranh giới Trung Quốc.

Tất cả ba giai đoạn có thể hoàn thành nội trong sáu tháng. Sau khi Kế hoạch Kên Kên được bàn định, hai hàng không mẫu hạm *Boxer* và *Essex* lừ lừ tiến về phía Vịnh Bắc Việt, và gần một trăm chiếc pháo đài bay B-29 ở Okinawa và Phi Luật Tân được lệnh báo động. Chuẩn tướng Joseph Caldara bay vào Sàigòn thẩm định tình hình. Ngày 4 tháng 4, ông Caldara còn tự lái chiếc máy bay thám thính B-17 tới Điện Biên Phủ để quan sát chiến trường. Ngày 17 tháng 4, 1954 Phó Tổng thống Nixon tuyên bố trong một cuộc họp báo, *"Là lãnh đạo của thế giới tự do, Hoa Kỳ không thể rút lui hơn nữa ở Á Châu,"* và

nếu Pháp triệt thoái, Hoa Kỳ có thể *"chấp nhận sự nguy hiểm là phải gửi thanh niên Mỹ vào thay."* [38]

- Ngày 21 tháng 4, Pháp khẩn thiết:

Thủ tướng Daniel yêu cầu *"Nếu có được một cuộc oanh tạc của Mỹ tại Điện Biên Phủ thì làm cho tinh thần quân đội ở đó lên ngay và sẽ thay đổi hẳn tình hình."* Đồng thời, Ngoại Trưởng Bidault thúc dục Mỹ *"khẩn trương xem xét việc can thiệp bằng quân sự để cứu vãn tình hình,"* vì nếu chúng tôi thất bại nơi đây, nhân dân Pháp sẽ đi tới kết luận rằng dù có cố gắng thêm nữa cũng sẽ không thành công, cho nên phải triệt thoái khỏi chiến trường.[39]

Thủ tướng Churchill phản đối

Mặc dù Bidault khẩn khoản yêu cầu, Churchill vẫn tiếp tục phản đối. Vì Tổng Thống Eisenhower đã có lập trường rõ ràng là cần có sự tham gia của chính phủ Anh nên Ngoại trưởng Dulles, khi phải miễn cưỡng đi họp Hội Nghị Geneva, lại nhân cơ hội này để vận động thêm với Ngoại trưởng Anh Anthony Eden, nhưng Eden một mực nói cứ đợi họp Geneva đã rồi sẽ tính toán sau. Dulles báo cáo về sự thất bại trong việc này:[40]

- Ngày 25 Tháng 4: Báo cáo của Ngoại trưởng Dulles

> "Tôi gặp ông Eden chiều nay lúc 10 giờ 15 phút khi ông ta từ Luân Đôn tới. Ông ta đã lĩnh ý của Thủ tướng Churchill, nội các và các tướng lãnh. Eden nói rằng: Anh Quốc cực lực phản đối bất cứ sự can thiệp nào tại Điện Biên Phủ vì họ không nghĩ rằng nó sẽ có được một ảnh hưởng quyết định, và hành động này sẽ không được nhân dân Anh quốc hay công luận thế giới thông cảm...
>
> "Eden đã gặp (Ngoại trưởng Pháp) Bidault tại phi trường Orly đêm nay trên đường ghé qua Paris và đã cho ông ta hay về lập trường của nước Anh:

- Anh quốc sẽ hết sức giúp Pháp quốc về mặt ngoại giao tại Geneva để đi tới một sự hòa giải thỏa đáng tại Đông Dương;
- Nếu có được một sự hòa giải như vậy thì Anh quốc sẽ cộng tác với Hoa Kỳ và những nước khác để bảo đảm sự hòa giải đó; và
- Nếu Hội nghị Geneva thất bại thì Anh quốc mới sẵn sàng cộng tác với những nước khác để xem xét tình hình một cách khẩn trương xem phải làm gì...

"Với tình hình hiện tại của quân đội Pháp mà Eden đã quá rõ, tôi nói với ông ta rằng tôi không còn tin Pháp sẽ có đủ ý chí mà đương đầu với đối phương của họ tại Hội nghị Geneva đâu. Nhưng Eden lại nói rất rõ về việc Anh quốc phản đối việc Hoa Kỳ can thiệp bằng không lực tại Điện Biên Phủ cũng như về việc họ không đồng ý trực tiếp tham gia vào chiến trường Đông Dương...

"Tôi nói với ông Eden rằng... 'thật là một thảm trạng nếu không có những biện pháp để ngăn chận việc mất Đông Dương."

Dulles

- Ngày 26 tháng 4: Dulles cảnh báo là Anh đang xúi Pháp bỏ cuộc:

Ngay ngày hôm sau (26 tháng 4) ông Dulles lại gửi công điện từ Geneva trình bày là 'nước Anh đang xúi dục Pháp đi về chiều hướng đầu hàng':[41]

"Sau trưa, tôi có gặp Eden và Bidault khoảng một giờ đồng hồ tại biệt thự của Bidault...Tôi lưu ý họ rằng ngưng chiến lúc này tại Điện Biên Phủ tức là đầu hàng và còn có thể đưa tới nguy hiểm là người bản xứ nổi dậy sát hại người Pháp...

Theo sự suy nghĩ của tôi, Eden đã nhận được chỉ thị là

> phải khuyến khích Pháp chấp nhận hầu như bất cứ giải pháp nào để đi tới chỗ chấm dứt chiến tranh. Sở dĩ như vậy là vì Chính phủ Anh sợ rằng nếu giao tranh cứ tiếp tục thì Mỹ sẽ bằng cách này hay cách khác nhảy vào can thiệp, đưa tới hậu quả là Trung Quốc sẽ tham chiến và dẫn tới một cuộc chiến rộng lớn hơn nữa...
>
> Sáng mai tôi sẽ gặp ông Eden một mình và sẽ cho ông ta biết thẳng thừng rằng tôi hết sức mất tinh thần về việc nước Anh đang xúi dục Pháp đi về hướng đầu hàng, một việc đi ngược lại quyền lợi không những (tôi xin lập lại không những) của chúng ta mà của cả nước Anh nữa."

Và cứ như thế ông Ngoại Trưởng liên tục báo cáo từ Geneva về Washington, hết sức bi quan. Ngày 24 tháng 4, Tướng Radford khi đi họp NATO, vẫn còn cố gắng thuyết phục Ngoại trưởng Eden về 'nhu cầu cần có ngay một tuyên bố của chính phủ Anh, dù chỉ là tượng trưng để ủng hộ hành động can thiệp của Mỹ.'[42] Ba ngày sau, Thủ tướng Pháp Laniel còn chỉ thị Đại sứ ở Luân Đôn, ông René Massigli đến gặp Thủ Tướng Churchill để năn nỉ thêm. Churchill trả lời "Chính tôi cũng đã trải qua nhiều thất bại, nhưng tôi đã kiên trì. Tôi đã không buông xuôi, và đã chịu đựng những thất bại ở Singapore, Hồng Kông, Tobruk; bây giờ đến lần nước Pháp phải chịu đựng ở Điện Biên Phủ."

- Ngày 28 tháng 4: Tình Báo Mỹ tiên đoán sự sụp đổ của Pháp

Đang khi Anh-Mỹ còn giằng co như vậy thì Tình Báo đã tiên đoán sự sụp đổ của Điện Biên Phủ và ước lượng tổn thất của cả hai bên: Việt Minh: 13,000 và Pháp: 5,500." Phân tích tình hình tại Đông Dương sau thất bại này, tài liệu tiên đoán rằng nếu không có biện pháp nào chận lại, thì vị trí của Liên Hiệp Pháp sẽ bị sụp đổ vào lục cá nguyệt thứ hai của năm 1954."[44]

Tổng Thống Eisenhower tới sát quyết định can thiệp

Tổng Thống Eisenhower họp với Ngoại Trưởng Dulles ở Tòa Bạch Ốc để bàn việc cứu vãn tình hình. Buổi họp đi tới quyết định là Hoa Kỳ sẽ yêu cầu Quốc Hội đồng ý cho mang quân đội vào Việt Nam để can thiệp nếu Pháp đồng ý thỏa mãn 5 điều kiện:

- Cho các quốc gia liên kết được độc lập thực sự;
- Hoa Kỳ nhận lãnh trách nhiệm đào tạo quân đội bản xứ;
- Hoa Kỳ được tham gia vào việc bàn định các kế hoạch quân sự;
- Lực lượng của Pháp phải ở lại chiến đấu, và không đòi Mỹ phải vào thay thế hẳn; và (mở ngoặc)
- [Việc can thiệp sẽ được thực hiện với sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc ?]

Điều kiện thứ 5 được bỏ trong ngoặc, và có dấu hỏi, có nghĩa là chưa chắc là cần thiết. Theo như trên, Hoa Kỳ sau cùng đã không còn đòi hỏi sự đồng ý của đồng minh như một điều kiện tiên quyết nữa, và có thể mang quân đội vào Việt Nam để cứu vãn tình hình. Tổng Thống Eisenhower chỉ thị Ngoại trưởng Dulles dự thảo một nghị quyết để trình Quốc Hội cho phép.

Nhưng tới đây thì TT Eisenhower lại gặp thêm một khó khăn nữa. Ngoài lý do chính yếu là chính phủ Anh không đồng ý cộng tác, tới lúc này thì sự chống đối việc can thiệp lại xuất phát ngay từ Bộ Quốc Phòng Mỹ. Mặc dù Tham Mưu Trưởng Liên Quân Radford thôi thúc, nhưng Tướng Matthew Ridgeway, Tham Mưu Trưởng Lục Quân lại không ủng hộ kế hoạch can thiệp. Ridgeway là người có uy tín lớn đối với TT Eisenhower vì tài năng của ông cũng như những chiến công lừng lẫy. Ông lại là người được Tổng thống Truman lựa chọn để thay thế Tướng Douglas MacArthur tại chiến trường Triều Tiên. Đầu năm 1954 Ridgeway đã cho một toán chuyên gia sang Việt Nam để nghiên cứu tình hình. Toán này ước tính rằng

muốn chiến thắng, sẽ cần từ một nửa triệu tới một triệu quân, và phải động viên khoảng 100,000 người một tháng. Ngoài ra, còn phải xây cất cầu cống, phi trường, đường xá, hải cảng. Bết bát nhất là điều kiện về địa hình: rừng núi, lũ lụt ở Đông Dương lại còn khó khăn hơn cả ở Triều Tiên. [Nơi đây tôi cũng xin nhắc lại là trước khi Miền Nam sụp đổ, Tướng Fred Weyand đại diện TT Gerald Ford sang Việt Nam thẩm định khả năng để tăng thêm quân viện, Bộ Trưởng Quốc Phòng James Schlesinger - ông thầy cũ của chúng tôi tại Đại học Virginia – không ủng hộ, còn khuyên Weyand 'nên thận trọng, đừng hứa hẹn gì vì triều nước đang xuống gần hết rồi, không thể đảo ngược được đâu' (*Khi Đồng Minh Tháo Chạy,* trang 285)].

Vì Chính phủ Anh không chịu cộng tác và Tướng Ridgeway không ủng hộ, sau cùng Tổng Thống Eisenhower đã bỏ ý định can thiệp bằng quân sự. Ngày 7 tháng 5, Điện Biên Phủ thất thủ (đúng một tuần sau ngày 30 tháng Tư). Bao nhiêu hy sinh xương máu, tiền bạc và thời gian đều đã bị lôi cuốn đi theo chiều gió.

Sau Điện Biên Phủ, Mỹ thôi thúc Pháp 'cứ tiếp tục chiến đấu, hãy coi đây chỉ là thất bại trong một trận chiến chứ không phải là đã bại trận, và Pháp chỉ mất đi khoảng nửa sư đoàn. Khu vực chiến lược quan trọng là toàn bộ lãnh thổ nằm sau Tuyến De Lattre - nối từ Vịnh Hạ Long tới Vĩnh Yên về phía Tây, và theo Sông Đáy bọc xuống Phát Diệm rồi ra biển về phía Nam - thì vẫn còn nguyên vẹn. Nhưng dù Mỹ can ngăn, Pháp đã đi tới quyết định là bỏ cuộc.

Như vậy xét cho cùng thì lý do thất bại không phải là quân sự mà là chính trị. Đó là vì nhân dân và lãnh đạo Pháp đã nản lòng, thối chí. Biến cố này xác định một lần nữa bài học cho những nhà lãnh đạo, những người chỉ huy các cuộc chiến, rằng: *"quân sự là chính trị theo một phương tiện khác* - "war is politics by other means." Trong nhiều tình huống chỉ cần một chiến thắng - hay được dư luận *coi như* là một chiến thắng: đánh một trận vào đúng lúc, đúng chỗ, đúng mục tiêu là có thể kết thúc được cuộc chiến.

Lúc ấy, dư luận cho rằng Pháp đã thất trận ở Paris chứ

không phải ở Điện Biên Phủ cũng như sau này, biến cố Mậu Thân được coi là Điện Biên Phủ của Tổng thống Johnson, và Mỹ đã thất bại ở Washington chứ không phải ở Sàigòn.

Quân đội Liên Hiệp Pháp nhảy dù xuống Điện Biên Phủ.
(Hình: Brenard Fall / De Capo Press)

Tướng Henri Navarre (hút thuốc) và Rene Cogny.
(Hình: Howard Sochurek / LIFE Magazine)

Đại tá Christian de Castries, Chỉ huy trưởng Điện Biên Phủ. (Hình: Service Presse Informartion)

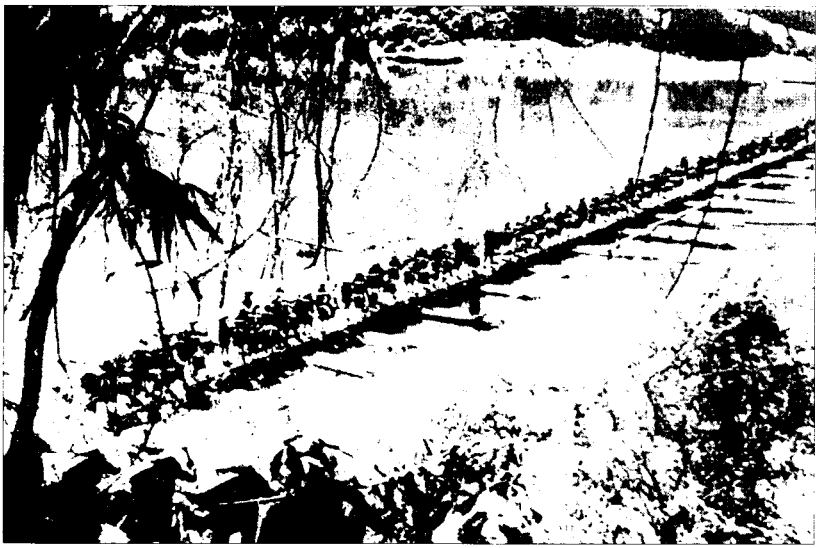

Đoàn tiếp vận Quân đội Việt Minh qua cầu phao tới Điện Biên Phủ. (Hình: Ronald Spector, *Advise and Support*, Center of Military History, U.S. Army)

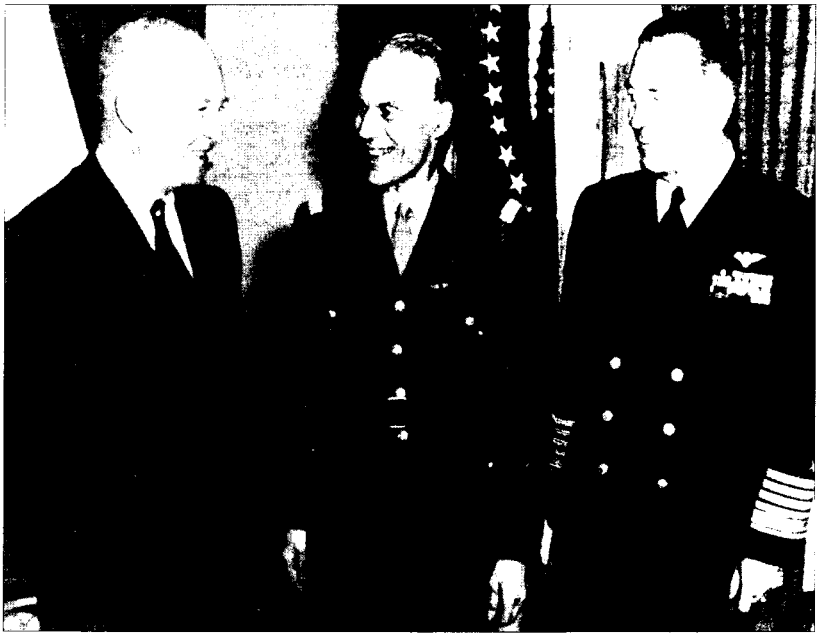

TT Eisenhower, Tướng Ely và Đô Đốc Radford. (Hình: Ronald Spector, *Advise and Support*, Center of Military History, U.S. Army)

Đại sứ Pháp Henri Bonnet và cựu Thủ tướng Antoine Pinay cầu cứu Ngoại trưởng Dulles yểm trợ Pháp. (Hình: US State Department)

CHƯƠNG 7

Giữ Lại Phát Diệm - Bùi Chu Làm Cứ Điểm Ngoài Bắc?

Mặc dù Điện Biên Phủ đã mất nhưng Tuyến de Lattre bao bọc các thành phố lớn và vùng đồng bằng Sông Hồng vẫn còn nguyên vẹn. Cuối tuyến này là một địa điểm chiến lược về phía nam: vùng Phát Diệm - Bùi Chu. Đây là một khu vực đặc biệt cả về tôn giáo, nghệ thuật, lịch sử lẫn chính trị. Khu này có tổ chức riêng biệt về quân sự, hành chính, tài chính và giáo dục, một 'Khu An Toàn' dưới sự Lãnh đạo của Giám mục Lê Hữu Từ.

Khi nghe tin Pháp đang xem xét vấn đề việc chia cắt lãnh thổ, Giám Mục Từ liền vận động để giữ lại biệt khu này làm một cứ điểm kháng chiến. Lời yêu cầu của ngài đã vang dội tới tận Paris.

Cho dù tân thủ tướng Pháp Mendès France đã nhất định giải quyết vấn đề Đông Dương nội trong một tháng, ông cũng đã đồng ý đổi cho Việt Minh một khu vực ở Miền Nam (như Đồng Hới hay Quảng Ngãi) để giữ lại giáo khu Phát Diệm-Bùi Chu. Nhưng việc sắp xếp không thành, một phần vì chính Tư lệnh Pháp ở Đông Dương Paul Ely cũng phản đối.

Độc giả nào từ vùng này chắc không bao giờ quên được ngày 29 tháng 6 năm ấy khi Phát Diệm bị bỏ ngỏ.

Chiếc 'máy bay bà già' nhỏ xíu với tiếng kêu rền rĩ ai oán bất chợt hiện trên bầu trời, lượn đi lượn lại thật lâu để tìm cách đáp xuống. Chỉ có một bãi đất tạm gọi là 'đường bay' vừa gồ ghề, vừa ngắn gọn được đắp lên. Mọi người đứng chung quanh khu vực đã kiên nhẫn chờ đợi từ sáng sớm. Bao nhiêu cặp mắt chăm chú đổ dồn vào cửa máy bay khi nó đáp xuống, tràn đầy hy vọng. Thế nhưng, khi vừa bước ra khỏi cửa, Giám Mục Lê Hữu Từ đã bước ngay lên chiếc xe jeep đi nhanh về thẳng 'Nhà Chung.' Cặp mắt ông đăm chiêu, mặt mày hốc hác, không nói một lời. Ông đã từ Hà Nội trở về sau khi tham khảo với quan chức cả Việt lẫn Pháp về tương lai của giáo khu Phát Diệm-Bùi Chu. Vào tháng 4, 1954 những biến chuyển mau lẹ tại Điện Biên Phủ cho thấy sự thất trận của Pháp ngày một thêm rõ. Tin tức dồn dập là sẽ có giải pháp phân chia đất đai, gây hoang mang không ít cho nhân dân miền Phát Diệm và khu vực bên cạnh là Bùi Chu, dưới sự lãnh đạo của Giám Mục Phạm Ngọc Chi.

Điện Biên Phủ thất thủ vào ngày 7 tháng 5, 1954, Hội nghị Geneva bắt đầu sôi nổi về vấn đề Đông Dương. Lúc ấy, quân đội Liên hiệp Pháp rục rịch triệt thoái khỏi Ninh Bình và nhiều khu vực khác ở đồng bằng sông Hồng. Giáo dân Phát Diệm trông đợi vào những chuyến đi 'thương thuyết' của Giám mục Từ. Khi trở về sau những chuyến đi trước, không thấy ông có vẻ gì là lo âu, nhưng sau chuyến đi vào đầu tháng 6 thì khác: ông đã nhận được tin buồn về cố gắng cuối cùng của mình.

Một thắng cảnh lịch sử

Giáo khu Phát Diệm nổi tiếng về những công trình kiến thiết rất độc đáo, một thắng cảnh thật đẹp tại Huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Kim Sơn là do Doanh Điền Sứ Nguyễn Công Trứ (1778-1858) khẩn hoang lập ấp từ năm 1829. Năm 1858 dưới triều vua Tự Đức (1848-1883) linh mục Trần Lục (1825-1899) còn gọi là "Cụ Sáu" nguyên quán tại Nga Sơn, Thanh Hóa được chỉ định cai quản giáo xứ Phát Diệm. Ông điều động nhân dân xây dựng một khuôn viên vĩ đại cho giáo xứ, đòi

hỏi nhiều công sức và thời gian. Trước hết phải đi tìm đá đẹp ở nhiều nơi xa xôi vì chung quanh vùng thì chỉ có đá vôi. Đá được lấy từ núi Thiên Dưỡng ở Hoa Lư, Ninh Bình rồi núi Nhồi ở Đông sơn, Thanh Hóa. Có phiến đá nặng trên 20 tấn. Còn gỗ lim thì khai thác từ Bến Thủy (Nghệ An), gọi là 'gỗ sắt' vì cưa xẻ khó gấp trăm lần gỗ thường. Gỗ quý thì lấy từ thượng nguồn sông Mã (Thanh Hóa) và rừng Đoài (Sơn Tây). Không có cần cẩu, máy xẻ đá, tất cả đều được khai thác bằng sức người với những dụng cụ thô sơ được vận dụng do óc thông minh. Rồi kéo ra sông, biển bằng sức người, sức trâu, sức bò để chuyên chở về bằng bè, thuyền chứ không có tầu. Phải mất 24 năm (1875-1899) công trình này mới hoàn thành. Với lối kiến trúc thật đặc sắc, pha trộn giữa Đông và Tây bao gồm Phương Đình, Nhà thờ Chính tòa, bốn nhà thờ nhỏ, và ba hang đá nhân tạo. Khuôn viên nằm trên một diện tích rộng tới 22 mẫu tây (hectares), có ao hồ tráng lệ, cây dài bóng mát. Nó đã trở thành một nơi du lịch nổi tiếng ở trong nước cũng như với nước ngoài.[1]

Một 'Khu An Toàn' [2]

Về phương diện chính trị, đây lại là một địa điểm lịch sử quan trọng trong cả một thập niên trước khi phân chia lãnh thổ. Một lực lượng võ trang gọi là 'Thanh Niên Công Giáo Tự Vệ' (người dân nơi đây gọi là 'lính cổ vàng' vì quấn khăn mầu vàng) được tổ chức và đặt dưới quyền một 'Tổng Bộ Tự Vệ' để canh giữ một giáo khu gọi là 'Khu An Toàn.' Khu này có tổ chức riêng biệt về mọi phương diện: quân đội, hành chính, tài chính và giáo dục (về giáo dục thì hai trường trung học sau này được di chuyển vào Sàigòn là trường Trần Lục và Nguyễn Bá Tòng đã đào tạo được nhiều học sinh xuất sắc). Tổng Bộ có tham mưu, xưởng chế tạo khí giới, trung tâm huấn luyện binh sĩ, trung tâm đào tạo cấp chỉ huy. Nhân viên, cán bộ chính phủ không được tự tiện ra vào nếu không có giấy phép. Khi chiến tranh với Pháp bùng nổ, có tới 60,000 người tản cư từ các nơi kéo về Kim Sơn, trong số đó có 30,000 người sống ngay trong

khu an toàn. Các ông Ngô Đình Nhu và cựu đại sứ Trần Văn Chương (thân phụ Bà Ngô đình Nhu) cũng đã về ẩn náu ở khu này. Mùa Đông 1945 thành phố Thanh Hóa bị liệt vào danh sách những khu phải 'tiêu thổ kháng chiến' chính tác giả cũng từ biệt Thanh Hóa để về theo học ở nơi đây.

Giám Mục Lê Hữu Từ [3]

Lãnh đạo tối cao của Phát Diệm là một nhân vật được giáo dân tôn sùng, nhiều người nghe biết, đó là Giám mục Lê Hữu Từ. Ông sinh ngày 18 tháng 10, 1896 tại làng Di Loan, Quảng Trị (và từ trần ngày 5 tháng 4, 1967 tại Sàigòn), cùng xóm với gia đình cựu Tổng thống Ngô Đình Diệm. Dòng dõi nhà Hậu Lê, thuộc ngành Lê Duy Mật. Khi nhà Hậu Lê thất thế, cha của ông đổi từ 'Lê Duy' thành ra 'Lê Hữu.' Khi còn thanh niên ông đã hăng hái hoạt động chống Pháp và tiếp tục hành động như vậy kể cả sau khi vào tu trì ở nhà dòng khổ tu Châu Sơn (huyện Nho Quan, Ninh Bình). Linh mục Nguyễn Gia Đệ, bí thư của Giám mục Từ có thuật lại là "dựa vào lệnh của Hồ Chủ tịch: mỗi người dân phải có một khí giới để đánh quân thù, Đức Cha Lê, với tước vị Cố Vấn Tối Cao của Chính phủ sai người đi Hải phòng mua sắm khí giới...Các người này ra tận Móng Cái thuê những thuyền đinh để mua súng đạn."

Về chức vị Cố Vấn Tối Cao về Tôn Giáo, Cựu Hoàng Bảo Đại viết trong hồi ký *Con Rồng Việt Nam*: [4]

> "Với chức vụ đó ông ta đã lập được trên địa phận của mình, một giáo khu, mà ông ta giữ trọn quyền năng tôn giáo lẫn quyền năng cai trị. Nhà tu khổ hạnh, sư huynh Maire Anselme Thade ngự trị như thủ lãnh tuyệt đối trong đời sống tinh thần lẫn thể xác của mọi giáo dân." Ngày linh mục Từ được tấn phong chức Giám Mục (29-10-1945) "Ông Hồ Chí Minh đã yêu cầu tôi thay mặt ông ta đến dự lễ này."

Trong cuốn sách *Giám Mục Lê Hữu Từ* (tác giả Trà Lũ cùng chủ biên với nhân chứng là LM Nguyễn Gia Đệ) có ghi lại là

Phái đoàn Chính phủ VNDCCH dự lễ tấn phong gồm có:[5]

> "Cố vấn Chính phủ Nguyễn Vĩnh Thụy (Cựu Hoàng Bảo Đại), Võ Nguyên Giáp (Bộ trưởng Nội Vụ), Phạm Văn Đồng (Bộ trưởng Tài Chánh), Nguyễn Mạnh Hà (Bộ trưởng Kinh tế), Trần Huy Liệu (Bộ trưởng Tuyên Truyền). Riêng Cụ Hồ đã gửi qua Phái đoàn Chính phủ cho Đức tân Giám mục một bức thư nguyên văn như sau: *'Thưa Ngài, Mừng Ngài vì cuộc tấn phong này đã chứng tỏ một cách vẻ vang đạo đức của Ngài. Mừng đồng bào Công giáo vì từ nay các bạn đã được một vị lãnh đạo rất xứng đáng. Đồng thời tôi mừng cho nước ta vì tôi chắc rằng: Ngài sẽ lãnh đạo đồng bào Công giáo noi gương hy sinh của Đức Chúa mà hy sinh phấn đấu để giữ gìn quyền tự do và độc lập của nước nhà. Kính chúc Ngài được luôn luôn an mạnh. Ấn ký: Hồ Chí Minh.'*"

Giám Mục Từ cai quản luôn cả hai địa phận Phát-Diệm và Bùi Chu cho đến khi Đức cha Phạm Ngọc Chi về làm Giám mục Bùi chu vào năm 1950. Nhân dân hai địa phận này họp thành một lực lượng đáng kể. [6]

Khi Pháp ký Hiệp Định Élysée với Cựu Hoàng Bảo Đại

Tháng Sáu 1948, Việt Nam được độc lập trong Liên Hiệp Pháp (Thỏa Ước 1948 hay Hiệp định Hạ Long 2 - xem Chương 3), ông Bảo Đại trở nên Quốc trưởng. Sau đó, Hiệp định Elysée ký kết tháng 3, 1949 trả lại độc lập cho Việt Nam. Tuy là độc lập tương đối, Giám mục Từ nghe tin này cũng rất phấn khởi. Mấy tháng sau ông đã móc nối với Quốc trưởng Bảo Đại. Ông Bảo Đại viết về hai Giám mục Lê hữu từ và Phạm Ngọc Chi như sau: [7]

> "Trong thời gian này, tôi nhận được một bức thư của Đức cha Lê Hữu Từ, giám mục ở Phát Diệm, mà tôi đã

> từng dự lễ tấn phong ông ta vào năm 1945, thay mặt Hồ chí Minh...Ông ta có quân đội, có tài chánh, tư pháp, và riêng cờ thánh của Vatican phất phới trên khắp các làng thuộc giáo khu...một điểm chiến lược rất quan trọng, vì trấn đóng ở cửa ngõ bắt buộc đưa các đoàn vận tải tiếp tế từ Thanh Hóa ra cho Việt Minh.
>
> "Giám mục Lê Hữu Từ có nhiều mối lo âu, y như đồng nghiệp của ông ta là Giám mục Phạm Ngọc Chi cai quản địa phận Bùi Chu. Đây là một nhân vật rất tháo vát, cũng có những mối ưu tư cho riêng mình và cho các con chiên về đời sống tinh thần của họ. Việt Minh bắt đầu đè nặng lên hai giáo xứ này mỗi ngày một chặt chẽ thêm..."

Mưu lược của 'Tổng Bộ Tự Vệ'

> "Vào khoảng 9 giờ sáng một ngày Chủ Nhật cuối năm 1949, trời Phát Diệm có đầy máy bay lượn và thả xuống chừng một đại đội quân dù trên một khu ruộng lúa, hai cây số về phía Bắc tòa giám mục. Đoàn quân dù tiến xuống và định chiếm đóng khu tòa giám mục, nhưng đã bị chặn lại khi tới đồn gác của đoàn tự vệ Công giáo... Đồn tự vệ đã bắn một tràng liên thanh chỉ thiên mới chặn được đội quân dù và bắt buộc họ phải tự bố trí trên bờ sông bên kia đồn. Sau trưa thì hải quân Pháp từ cửa sông Đáy đổ bộ vào, đóng đồn cách tòa giám mục chừng hai cây số."

Đây là một giai thoại do cụ Nguyễn Đức Hiệp, chủ tịch Hành Chính Kháng Chiến huyện Kim sơn kể lại, và cũng là sự hiểu biết thông thường của mọi người giáo dân vùng Phát Diệm - Bùi Chu.[8] Không ai biết rằng đằng sau hậu trường thì chuyện này không đơn giản như vậy, và cuộc hành quân này là do sự sắp xếp chi tiết giữa hai người, Lê hữu Từ và Bảo Đại. Ông Bảo Đại viết: [9]

> "Thế nhưng cha Lê Hữu Từ lại ghê tởm quân đội Pháp, bởi thế, ông ta cầu cứu đến tôi. Lần tiếp xúc đầu tiên,

tôi gửi đến cho ông ta một sĩ quan nhảy dù xuống Phát Diệm đó là Đại úy Nguyễn Văn Vỹ, trá hình làm nông dân. Thỏa hiệp được chấp thuận nhanh chóng.

"Vài ngày sau, Nguyễn Văn Vỹ cùng với hai đại đội nhảy xuống Phát Diệm. Để che mắt Việt Minh, Giám mục Lê Hữu Từ cho dàn quân đối địch, ở vệ sông. Khi quân nhảy dù tới, đoàn dân quân tự vệ bắn nhiều phát súng chỉ thiên. Người của Nguyễn Văn Vỹ cũng bắn xối xả lên trời, và mở cuộc xung phong. Làm giả bộ đã chống trả mãnh liệt để bảo vệ giáo khu trung lập, cha Lê Hữu Từ đành phải chấp nhận là đã thua trận, và ký một thỏa hiệp với đại diện của tôi.

"Quân đội viễn chinh Pháp của Tướng Alexandri kéo đến, do hai đại đội dù Việt Nam mở đầu đóng vai trò tiền phong, bắt đầu giải quyết vấn đề: Binh sĩ Việt Nam chịu để giáo dân chửi bới là Việt gian, nhưng cha Lê Hữu Từ cứ việc tiếp thu súng đạn, vốn vẫn yêu cầu, để chờ quân đội Việt Minh trở lại, và tuyên bố vẫn trung thành với cách mạng. Đó là mở đầu một loạt xoay sở, nay Sở mai Tề, khi đàm khi đánh, nhưng các giáo khu miền Bắc đã dần dà đi sâu mãi vào sự chống lại Việt Minh. Thật vậy, theo gương các giáo phận Phát Diệm và Bùi Chu, các giáo dân khác mà tổng số lên tới một phần năm dân số miền Bắc đều trang bị và phát động phong trào Thánh chiến gọi là Liên tôn diệt Cộng."

Khi Tòa Thánh Vatican công nhận nền độc lập Việt Nam, hai giám mục Lê hữu Từ và Phạm Ngọc Chi thông báo ngay cho ông Bảo Đại. Ông Bảo Đại kể lại:

"Rồi sau đó hai Cha ra Hà Nội gặp tôi ngày 23 tháng 3 (1950). Tôi hiểu hoàn cảnh của hai vị lúc ấy. Việc nuôi một đạo quân tự vệ rất tốn kém đối với các ông. Vì vậy, mặc dù Nguyễn Hữu Trí (Thủ Hiến Bắc Việt) không mấy tán thành, do một đạo dụ, tôi cho phép các ông

được rộng quyền ít nhiều trong việc quản trị giáo khu, và thêm một trợ cấp mỗi tháng là 300,000 đồng nữa." [10]

Tuyến de Lattre bao bọc vùng Phát Diệm

Cuối năm 1950 tướng de Lattre de Tassigny sang thay Tướng Carpentier làm Tư lệnh Quân đội kiêm Cao ủy Đông Dương. Ông thay đổi chiến thuật như đã để cập tới trong Chương 5. Việc quan trọng nhất ông thực hiện ngay là thiết lập một vòng đai vững chắc gọi là 'Tuyến de Lattre' để bảo vệ vùng Đồng bằng sông Hồng. Vòng đai này nối từ Vịnh Hạ Long ở phía Đông kéo dài tới Vĩnh Yên ở phía Tây, rồi bọc xuống Phát Diệm là địa điểm chót. Tuyến này là ưu tiên trong chiến thuật mới.

Phát Diệm được coi là một địa điểm rất quan trọng của Tuyến de Lattre vì là cái chốt đường tiếp vận Hòa Bình - Thanh Hóa của quân đội Việt Minh, và ở đó tình hình an ninh rất tốt, ít sợ chiến tranh du kích. Tuyến này vừa được thiết kế xong vào cuối mùa Xuân 1951 thì chỉ vài tháng sau một trận đánh lớn đã xảy ra. Tháng 6, 1951 bộ đội Việt Minh tấn công cấp sư đoàn (thị xã) Ninh Bình và Phát Diệm. Theo quân sử Hoa kỳ thì "Việt Minh đã muốn đánh chiếm những quận lỵ vùng Ninh Bình - Phát Diệm, và đây là lần đầu tiên bộ đội đánh lộ thiên trên vùng Đồng Bằng Sông Hồng. Họ đã thiệt hại nặng nề vì Pháp xử dụng đại pháo và máy bay mới nhận được của Mỹ. Có lúc Pháp đã thiếu đạn 105 ly nên Tướng Mỹ Francis Brink phải lập tức bay sang Tokyo để sắp xếp cho Pháp được trực tiếp xử dụng kho đạn của Tư Lệnh Đông Á (Far East Command). Kết cục thì ngày 10 tháng 6, bộ đội Việt Minh đã phải rút qua Sông Đáy và Phát Diệm được củng cố thêm nữa." [11]

Pháp cho chiến thắng ở Phát Diệm (tháng 6, 1951), Vĩnh Yên (tháng 1), và Mao Khê (tháng 3) là những trận chiến vẻ vang, nhưng tướng Mỹ Edmond Gullion đã cảnh cáo 'sẽ rất là lầm lẫn nếu coi đây là chiến thắng hay là điểm ngoặt của cuộc chiến, vì Việt Minh lúc đó chưa có đại pháo nhưng vẫn còn chủ động và đang rút tỉa được nhiều kinh nghiệm đối với những vũ

khí mới của Mỹ. Một khi họ có và xử dụng đại pháo thì thật là nguy hiểm (như sau đó đã xảy ra tại Điện Biên Phủ).'[12] Thật vậy, vì Phát Diệm là địa điểm chiến lược quan trọng cả về quân sự lẫn chính trị và tâm lý đối với phe quốc gia và Pháp, nên hai năm sau, vào mùa hè 1953, Việt Minh lại có kế hoạch tấn công Phát Diệm. Theo mục tiêu chuẩn bị tấn công nhắm vào vùng châu thổ Sông Hồng để cô lập hóa Hà Nội và Hải Phòng, Việt Minh dự trù hai giai đoạn. Trong giai đoạn 1, Đại đoàn 320 sẽ xâm nhập Phủ Lý – Hưng Yên – Hải Dương. Trong giai đoạn 2, song song với những cuộc hành quân khác, các Đại đoàn 304 và 316 từ phía Nam Tuyến de Lattre sẽ tấn công Phát Diệm như diễn tiến sau đây.

Điện Biên Phủ cứu Phát Diệm?

Tháng 8, 1953 Pháp triệt thoái khỏi Nà Sản để đối phó với chiến dịch Tây Bắc của Việt Minh. Pháp liên tục mở các cuộc hành quân để đánh phủ đầu nhằm chận trước một cuộc tấn công quy mô Việt Minh đang chuẩn bị để phóng vào vùng châu thổ sông Hồng nhằm cô lập Hà Nội, Hải Phòng. Theo kế hoạch này thì cuộc tấn công được chia ra hai giai đoạn. Giai đoạn 1: xâm nhập trục Phủ Lý - Hưng Yên - Hải Dương để ngăn chận Pháp chuyển quân. Giai đoạn 2: mở cuộc tấn công xuống phía nam. Các đại đoàn 304 và 316 từ phía Nam phòng tuyến De Lattre sẽ tấn công Phát Diệm, mục tiêu quan trọng về chính trị và tâm lý đối với phe quốc gia và Pháp. Theo tác giả Bạch Hạc Trần Đức Minh trong cuốn *'Một Thời Nhiễu Nhương'* thì vào tháng 9, 1953 Bộ Chính trị Đảng Lao Động họp để bàn về chiến dịch Đông Xuân 1953-1954 đã cân nhắc hai phương hướng: một là tập trung chủ lực đánh vào khu vực đồng bằng (gồm Phát Diệm), hai là tập trung vào chiến dịch Tây Bắc và Lào. Cuối cùng họ đã chọn phương hướng thứ hai: đánh lên Tây Bắc và Lào. Nhưng tính toán rằng: "Nếu ta mở tấn công lên Tây Bắc địch có thể tăng viện lên hướng này. Nếu địch đánh sâu vào một hướng nào đó ở cứ địa Việt Bắc thì ta sẽ tìm cách dụ địch vào sâu và sử dụng một bộ phận chủ lực để tiêu

diệt. Tính toán như vậy là đúng vì Tướng Navarre đang có kế hoạch tiến sâu vào Việt Bắc để đánh chận Việt Minh khỏi từ đây tiến sang Lào. Ông quyết định lập một căn cứ không quân và lục quân ở Mường Thanh một làng hẻo lánh gần biên giới Lào: đó là Điện Biên Phủ.[13]

Ngày 20 tháng 11, 1953, Navarre tung cuộc hành quân *Castor* (Hải Ly) cho nhảy dù xuống Điện Biên Phủ (xem Chương sau). Thế là quân đội Việt Minh có ngay một cơ hội vàng để tập trung vào Điện Biên Phủ tiêu diệt lực lượng Pháp. Vì vậy đã hủy bỏ hoặc hoãn lại kế hoạch tấn công Phát Diệm. Như vậy ta có thể suy luận rằng chính Điện Biên Phủ đã tránh né cho Phát Diệm những trận đánh lớn lao. Lực lượng phe quốc gia (trong đó có Tiểu Đoàn 18) và Pháp (những đơn vị lưu động - groupes mobiles) đóng tại Phát Diệm lúc ấy rất mỏng (vì Navarre đang dồn ưu tiên vào Điện Biên Phủ và vùng Tây Nguyên) sẽ khó có thể kháng cự sức tấn công của các Đại đoàn 304 và 316. [Chúng tôi mở ngoặc ở đây để nhắc lại một sự kiện là sau này, vào sáng sớm ngày 30 tháng 3, 1975 trong khi TT Thiệu thẩm định tình hình để đi tới hành động "xả láng" ông đặc biệt chú ý tới Sư đoàn 304 đã từ Lào sang vùng Tây Nguyên].

Giám mục Từ vận động giữ lại giáo khu

Tôi tò mò vào xem 'nhà máy điện Cố Bí' trong khu Nhà Chung Phát Diệm. Một linh mục người Bỉ đã giúp thiết kế cho Phát diệm một nhà máy điện bé nhỏ, nhưng cũng đủ công suất thắp sáng ngôi Thánh đường, khu 'Bờ Hồ' và con đường phố chính Thượng Kiệm. Mỗi ngày máy chỉ chạy có mấy giờ buổi tối và vào những ngày đại lễ, nhưng lúc nào cũng nạp cho mấy bình điện cho thật đầy để có điện cho Giám Mục Từ nghe radiô. Trong văn phòng của Ngài ở lầu hai một tòa nhà cổ kính, Giám mục Từ ngồi sát bên cạnh chiếc radiô 'Sky Master,' có cái ăng ten thật cao thu sóng khá rõ. Đức cha Từ chăm chú nghe tin tức từ các đài BBC, VOA, đài Hà Nội và Đài 'Phát thanh Con Nhạn' ("Tiếng nói Quân đội Liên Hiệp Pháp Miền

Bắc Đông Dương") vào sáng sớm và về đêm khuya.

Trước khi Pháp đầu hàng ở Điện Biên Phủ, ngày 3 tháng 5, 1954 các đài phát thanh loan tin từ Geneva là ông Maurice Dejean, Cao ủy Pháp tại Đông Dương đã tuyên bố rõ ràng để trấn an Chính phủ Bảo Đại đang phản đối việc phân chia ranh giới: [14]

> **"Chính phủ Pháp không có ý định đi tìm một giải pháp để giải quyết vấn đề Đông Dương trên căn bản chia cắt lãnh thổ Việt nam...Những cam kết chính thức về vấn đề này đã được Bộ trưởng Ngoại Giao Pháp trao cho Bộ trưởng VN vào ngày 25 tháng 4 và đã được xác định lại ngày 1 tháng 5, 1954."**

Ngày 25 tháng 4, 1954 , ông Bảo Đại cho công bố một thông cáo phản đối 'bất cứ đàm phán nào dẫn tới việc chia cắt đất đai. Rồi khi Điện Biên Phủ hấp hối, ông Bảo Đại cũng đã sớm đặt vấn đề với Pháp. Khi nghe tin phía Quốc Gia còn đang tranh đấu quyết liệt chống phân chia lãnh thổ, Đức Cha Từ nuôi hy vọng. Mà thật vậy, có thể là lúc ấy Pháp cũng không muốn giải pháp phân chia lãnh thổ, vì ngày 6 tháng 5 (ngay trước khi thất trận), chính Ngoại trưởng Pháp, ông Georges Bidault còn cam kết bằng văn bản với ông Bảo Đại rằng mục đích của Pháp là vãn hồi hòa bình tại Đông Dương chứ không phải là "đi tìm một giải pháp chính trị vĩnh viễn (tại Geneva)." Bidault nhấn mạnh: mục đích của Pháp chỉ là thương thuyết một tình trạng ngưng chiến kèm theo với những cam kết riêng đối với các quốc gia Đông Dương, để rồi đi tới tổng tuyển cử trong tương lai: [15]

> **"Và lúc này đây tôi có thẩm quyền để xác định với Hoàng Đế rằng sẽ không có điều gì đi ngược lại với những ý định của chính phủ Pháp bằng việc sửa soạn để thành lập hai quốc gia với tư cách pháp nhân quốc tế, đi ngược lại sự thống nhất của lãnh thổ Việt Nam."**

Cam kết này cũng được ông Bidault thông báo cho đại diện

Mỹ ở Geneva là Bedell Smith và Ngoại trưởng Anh Anthony Eden. Và vấn đề chống phân chia lãnh thổ được cả Mỹ lẫn Anh ủng hộ (xem Chương sau).

[Viết tới đây tôi thấy rõ là lịch sử thường hay tái diễn. Độc giả còn nhớ là về sau này, Chính phủ Nixon cũng đã nhiều lần khẳng định với chính phủ Thiệu là sẽ không đi tìm một giải pháp nào có phương hại đến sự sống còn của VNCH như đã được chứng minh trong cuốn KĐMTC. Tiến sĩ Henry Kissinger luôn nhắc nhở là mục đích của Hoa kỳ chỉ là thương thuyết một tình trạng ngưng chiến để đem lại hòa bình trong danh dự, và hòa bình ấy được bảo đảm bằng những cam kết chặt chẽ với VNCH. Ngưng chiến xong, sẽ đi tới tổng tuyển cử tự do và dân chủ trong tương lai. Nhưng tất cả những hứa hẹn đó chỉ là hỏa mù để che dấu một kế hoạch tháo chạy.]

Sau khi Điện Biên Phủ thất thủ (ngày 7 tháng 5), ngày 27 tháng 5, 1954, đại diện Chính phủ Bảo Đại tại Hội nghị Geneva, ông Vũ Quốc Định tuyên bố: [16]

> **"Về phần Quốc gia Việt Nam, phái đoàn chúng tôi trân trọng cảnh cáo hội nghị rằng nếu việc chia cắt lãnh thổ bị áp đặt vào chúng tôi thì kết quả không phải là hòa bình mà chỉ là một sự tạm ngừng trước khi có những cuộc xung đột mới...Bởi vậy việc chia cắt lãnh thổ sớm hay muộn – mà chắc là sớm – sẽ làm cho chiến tranh tái diễn."**

Nghe tin này thì ai cũng biết rằng giải pháp phân chia đã bắt đầu thành hình. Lập trường của giám mục Từ là chống đối việc chia đất, nhưng khi thấy chiều hướng đã rõ về việc này, ngài chuyển sang tranh đấu để phía Quốc Gia vẫn còn giữ được một chỗ đứng ở Miền Bắc. Giới lãnh đạo 'Tổng Bộ Tự Vệ' lúc ấy đều biết rằng Giám Mục Từ đang bí mật yêu cầu ông Bảo Đại qua Thủ Hiến Bắc Việt và cả phía tướng lãnh Pháp để giữ lại khu vực Phát Diệm, Bùi Chu. Ông cho rằng nếu thành phố Berlin nằm trong khu vực của Liên Xô mà vẫn có một nửa do Đồng Minh quản trị gần mười năm rồi thì việc phân chia ranh giới miền đồng bằng Bắc Bộ cũng có thể được sắp xếp như vậy.

Vì trên thực tế khu Phát Diệm-Bùi Chu đã thực sự là một cứ điểm (enclave) từ 1945, tức là đã kéo dài được gần một thập niên rồi. Ngoài ra nơi đây vẫn còn 'quân đội Đức Cha Từ,' gọi là 'lính cổ vàng,' (thắt khăn màu vàng) đã có nhiều kinh nghiệm chiến đấu rất hữu hiệu nhiều năm.

Tân Thủ tướng Mendès France đồng ý giữ lại Phát Diệm-Bùi Chu làm cứ điểm

Tại Paris, chính phủ Laniel từ chức ngày 12 tháng 6, 1954, Tổng thống René Coty trao cho ông Pierre Mendès France thành lập chính phủ mới. Trong khi đó, lời cầu cứu của Giám mục Từ cũng đã vang dội tới tận Paris. Ít người biết được một sự kiện lịch sử là thoạt đầu chính Thủ Tướng Mendès France, người đã nhất định giải quyết vấn đề Đông Dương chỉ trong nội một tháng, ấy thế mà ông còn có ý định thương thuyết tại Hội nghị Geneva để giữ lại biệt khu Phát Diệm-Bùi Chu và đổi cho Việt Minh một khu vực khác ở Miền Nam.

Mendès France lên nắm quyền vào ngày **17 tháng 6, 1954** (bắt đầu làm việc ngày 18) thì chỉ một tuần sau, ngày **24 tháng 6, 1954** một cuộc họp của tân chính phủ được triệu tập. Tại cuộc họp này, lập trường mới của tân Thủ tướng để điều đình với phía Việt Minh được quyết định là gồm ba điểm chính như tài liệu Hoa Kỳ đã ghi lại như sau: [17]

1) Hai bên tập trung quân đội lại và được phân chia ra bởi một đường ranh giới vào khoảng vĩ tuyến 18 (lúc ấy chưa bàn tới Vĩ tuyến 17);

2) **Thành lập những khu biệt lập (enclaves) và trung lập trong cả hai miền, một khu ở Miền Bắc là khu vực của các giám mục Công giáo tại Phát Diệm và Bùi Chu, và một khu vực ở Miền Nam cho Việt Minh, tại một địa điểm sẽ được xác định sau; và**

3) Giữ lại hải cảng Hải Phòng để giúp việc tập trung quân đội.

At a high-level meeting in Paris on 24 June, the new government thoroughly revised the French negotiating position. The objectives for subsequent talks, it was decided, would be: (1) the regroupment of forces of both sides and their separation by a line at about the 18th parallel; (2) the establishment of enclaves under neutral control in the two zones, one for the French in the area of the Catholic bishopric at Phat Diem and Bui Chu, one for the Viet Minh at an area to be determined; (3) the maintenance of Haiphong in French hands in order to assist in the regroupment. At this same meeting, it was also decided that, for the purpose of psychological pressure on the Viet Minh, if not military preparedness for future contingencies, France should announce plans to send a contingent of conscripts (later determined as two divisions) to Indochina.

Để yểm trợ lập trường của Pháp và để gây ảnh hưởng tâm lý đối với Việt Minh, quyết định của tân nội các là Pháp sẽ tuyên bố gửi thêm hai sư đoàn sang Đông Dương.

Pháp muốn giữ lại một chỗ đứng ở Miền Bắc gồm một số cứ điểm, "để ít nhất là cũng khỏi bị lộ diện là chia cắt lãnh thổ," và để đổi lại, một khu biệt lập nào đó (enclave) ở Miền Nam (có thể là Quy Nhơn hay Quảng Ngãi) cũng sẽ được nhường cho Việt Minh. Đặc biệt là vì Pháp cũng đã cam kết với chính phủ Quốc gia rằng "Chính phủ Pháp không có ý định đi tìm một giải pháp để giải quyết vấn đề Đông Dương trên căn bản chia cắt lãnh thổ Việt nam." Lập trường giữ lại các cứ điểm được gọi là giải pháp 'da beo' vì nó bao gồm các địa điểm tập trung quân lốm đốm giống như da con beo (leopard spots). Giải pháp này được Mỹ ủng hộ trong một đề nghị gọi là 'Giải pháp 7 điểm' (xem chương sau).

Thế nhưng, ngày 16 tháng 6, 1954, Trưởng phái đoàn Mỹ, ông Walter Bedell Smith đánh điện từ Geneva về Washington báo cáo rằng ông Chauvel, trưởng phái đoàn Pháp tại Geneva đã thông báo cho Mỹ là phía Việt Minh đòi phải nhượng bộ hoàn toàn Miền Bắc Việt Nam chứ không đồng ý giữ lại cứ điểm (như mô hình Berlin): [18]

Ngày 16 tháng 6, 1954
Từ: Geneva
Kính gửi: Ngoại trưởng
Công điện 187

"Sáng nay, ông Chauvel cho tôi hay rằng trong những cuộc thương thuyết mật giữa Việt Minh và Pháp, Việt Minh đòi phải nhượng bộ hoàn toàn Miền Bắc Việt Nam, gồm cả miền đồng bằng (nghĩa là gồm cả khu Phát Diệm và Bùi Chu - lời tác giả) **và Hànội, Hải Phòng. Tuy Pháp chưa đồng ý nhưng đã cho Việt Minh hay rằng nếu như vậy thì Pháp cũng phải được tự do hoàn toàn ở Miền Nam, được định nghĩa là phía nam vĩ tuyến 18, từ biên giới Lào sang phía Tây nam, khoảng Ba Đồn ..."**

Pháp nhờ Nga ủng hộ điều đình giữ cứ điểm

Sau đó, Pháp nhờ cậy Nga (Trưởng phái đoàn Nga ở Geneva là ông Zhukov-Kingsbury) can thiệp với chính phủ Việt Minh để chấp nhận. Như ghi lại trong chương sau: cuối tháng 6, 1954 phái đoàn Mỹ tại Geneva báo cáo về Washington là "cả Nga và Trung Quốc đều lo ngại về sự can thiệp quân sự của Mỹ tại Đông dương. Bởi vậy, chính Nga cũng muốn giúp tìm cách dàn xếp một thỏa hiệp để Pháp giữ lại một khu vực ở miền Bắc." Nhưng Pháp đã không thành công trong việc này. Tuy Pháp chưa đồng ý chia đất, nhưng nói đến 'vỹ tuyến' là nói tới phân chia rồi. Mặt khác, lập trường chia cắt lãnh thổ thì phía chính phủ Miền Nam đã quyết liệt chống đối. Bởi vậy bây giờ Pháp muốn nhờ Mỹ thuyết phục chính phủ Sàigòn. Ông Smith báo cáo tiếp:

> "Chauvel cũng cho hay rằng vì phía chính phủ Miền Nam chưa biết gì rõ về những đề nghị này nên dù có thể chấp nhận được đối với Pháp thì cũng khó có thể thuyết phục họ (Sàigòn) đồng ý, mà việc này lại là cần thiết trong mấy ngày tới. Ông ta cho rằng về việc này Đại sứ Mỹ ở Sàigòn, ông Donald Heath có thể giúp (để thuyết phục chính phủ Miền Nam).
>
> "Tôi cũng yêu cầu ông ta phải luôn thông tin cho chúng ta theo rõi tất cả những đàm phán vì chúng ta không muốn bị đặt trước một sự đã rồi, một hiệp định hay một sự sắp xếp mà chúng ta không thể chấp nhận, và vì vậy phải tách rời ra, không dính líu vào hòa đàm, và Chauvel hoàn toàn đồng ý."
>
> *Smith*

Ngày hôm sau, Ngoại Trưởng Dulles trả lời ngay cho ông Smith: qua một điện tín trên căn bản là: [19]

> Washington
> Ngày 17 tháng 5, 1954

Diện tín TEDUL 212

- "Việc chia cắt đất đai sẽ dẫn tới tình trạng là Cộng sản sẽ chiếm trọn Việt Nam;
- Chưa thấy Việt Minh trả lời gì về việc di tản quân đội Pháp và số người Công Giáo từ Miền Bắc (đa số là ở khu vực Phát Diệm – Bùi Chu – lời tác giả). Bởi vậy
- Hoa kỳ sẽ không (nhắc lại là không) tham dự vào bất cứ toan tính nào nhằm thuyết phục chính phủ không Cộng sản ở Miền Nam để họ phải chấp nhận sự chia cắt này."

Trong chương sau, ta sẽ thấy trong 'Kế hoạch 7 điểm' một đề nghị mật giữa hai chính phủ Anh-Mỹ là đòi hỏi Pháp phải gói ghém vào bất cứ hiệp định nào sẽ được ký kết một điều khoản để "Giữ lại tối thiểu là một nửa nước Việt Nam ở phía Nam, và **nếu có thể, giữ lại một cứ điểm ở miền Đồng bằng Bắc Việt..."**

Sợ giống Berlin, Cao Ủy Pháp Paul Ely không đồng ý

Nhưng lập trường giữ lại những cứ điểm ở Miền Bắc lốm đốm như 'da beo' lại không được sự đồng ý của Tướng Paul Ely, Cao ủy Pháp tại Đông Dương. Ely là người đã hết sức bất bình với Mỹ về trận Điện Biên Phủ vì ông nói rằng Mỹ đã thất hứa: ông quả quyết rằng chính Tướng Matthew Ridgway, Tham Mưu Trưởng Lục quân Hoa kỳ đã hứa hẹn với ông là sẽ yểm trợ mà rồi cuối cùng đã bội ước (xem Chương 6). Cùng ngày 17 tháng 6, ông Smith gửi điện tín ghi số '193' từ Geneva về Washington báo cáo: [20]

Geneva
Ngày 17 tháng 6, 1954
Diện tín DULTE 193
...

> "Ông Chauvel cho tôi xem một bản ghi chép do chính Tướng Ely, với tư cách về chính trị (Cao ủy Đông dương) đã viết tay thúc dục chính phủ Pháp không nên chọn giải pháp giữ lại bất cứ khu vực cứ điểm nào ở miền đồng bằng Bắc Việt (ngụ ý Phát Diệm-Bùi Chu, lời tác giả), và nên chọn sự phân chia dứt khoát lãnh thổ."

Nghe vậy, ông Smith rất bất bình và đã có lời nặng nhẹ với ông Chauvel. Ông Smith viết thêm:

> "Tôi đã không thể (tôi xin nhắc lại là 'không thể') cưỡng được việc tỏ rõ thái độ khinh thường đối với giải pháp 'bán đứng' khu vực cuối cùng còn lại ở Miền Bắc như kiểu này và cho ông Chauvel hay là Hoa kỳ không thể (tôi xin nhắc lại không thể) trong bất cứ hoàn cảnh nào công khai dính líu tới một giải pháp như vậy."
>
> *Smith*

Về giải pháp phân chia thì phía Chính phủ Quốc Gia tiếp tục chống đối. Vì vậy, Pháp cố trình bày cho Mỹ rằng đây là giải pháp tốt nhất: thà giữ lại được một miền Nam rõ ràng và trọn vẹn còn hơn là giữ những khu vực ở rải rác tại Miền Bắc. Ngay hôm sau, ông Smith báo cáo từ Geneva là Pháp đã đưa ra bốn lý do để trình bày với Mỹ, và nhờ Mỹ thuyết phục chính phủ Sàigòn là: [21]

> Geneva
> Ngày 18 tháng 5, 1954
> Diện tín DULTE 195
>
> 1. "Giải pháp 'da beo' (tức là giữ lại những khu như Phát Diệm – Bùi Chu, lời tác giả) là không thực tế và rất khó thi hành về sau này; bởi vậy, nên chọn một tuyến phân chia quân sự rõ ràng và đàng sau tuyến đó cũng không nhường một cứ điểm nào cho Việt Minh, để rồi sẽ làm bất cứ cái gì có thể để giúp củng cố Chính phủ Miền Nam (tới đây, chúng tôi xin mở ngoặc để nhắc độc giả

về chuyện ông Henry Kissinger đã chọn giải pháp 'da beo' tại Hòa đàm Paris để quân đội Bắc Việt đồn trú rải rác trên khắp lãnh thổ Miền Nam);

2. Vì Quốc Hội Pháp không thể chấp nhận những điều kiện do Mỹ đưa ra để can thiệp quân sự (5 điều kiện như đề cập trong Chương 6), chính phủ Pháp không còn sự lựa chọn nào hơn là chấp nhận một giải pháp tốt nhất có thể, để còn cứu vãn được một thế mạnh ở dưới vùng ranh giới phân chia;

3. Ranh giới này sẽ ở khoảng vĩ tuyến 19 chạy từ Đồng Hới tới Thaknek (Lào); và

4. Lực lượng quân đội Liên Hiệp Pháp sẽ được di tản từ Bắc vào để trấn đóng từ tuyến này.

Về điểm thứ nhất, giải pháp 'da beo' là không thực tế và rất khó thi hành thì cũng có lý, vì như trường hợp Đồng minh giữ lại cứ điểm ở Tây Berlin, sau này đã đưa tới khủng hoảng khi Nga ngăn chận đường nhập thành, bắt buộc phải tiếp tế bằng một 'cầu không vận,' sau đó Nga lại xây bức tường Berlin (xem Chương 2).

Theo báo cáo của ông Smith, Chauvel nói rằng vì "Pháp sắp sửa đặt vấn đề chia cắt lãnh thổ với chính phủ Sàigòn, Pháp yêu cầu chính phủ Mỹ nên xem xét để tìm cách kín đáo thuyết phục Sàigòn rằng 'đây là kết quả tốt nhất mà Pháp có thể thâu lượm được trong hoàn cảnh hiện nay.'

[Nơi đây tôi cũng xin mở ngoặc để nhắc tới một văn thơ của Tổng Thống Nixon gửi Tổng Thống Thiệu, trong đó ông cũng viết giống như vậy về Hiệp Định Paris: *"Đây là kết quả tốt nhất mà chúng tôi có thể thâu lượm được trong hoàn cảnh hiện nay" (thư đề ngày 16 tháng 10, 1972).*]

Thủ Tướng Ngô Đình Diệm xúc động khi mất Phát Diệm

Dù Pháp yêu cầu Mỹ thuyết phục Sàigòn, Mỹ vẫn không

áp lực và tiếp tục ủng hộ lập trường chống phân chia lãnh thổ. Chauvel năn nỉ: 'nếu Mỹ có nhất định tách rời ra khỏi lập trường của Pháp thì cũng đừng làm cho chính phủ Sàigòn nghĩ rằng chính Mỹ khuyến khích họ phản đối hiệp định sắp được ký kết.' Nhưng với sự ủng hộ của Mỹ, Chính phủ Sàigòn tiếp tục chống đối kịch liệt việc phân chia lãnh thổ và không giữ lại những cứ điểm ở Miền Bắc. Lập trường này lại càng rõ ràng khi Chính phủ Ngô Đình Diệm chấp chính vào ngày 7 tháng 7, 1954.

Ông Smith báo cáo thêm:

> "Có nhiều chứng cớ cho thấy rằng chỉ vào khoảng đầu tháng 7, chính phủ Bảo Đại mới biết việc Pháp dứt khoát chia đất; và theo nguồn tin của CIA, ông Diệm hết sức bất mãn về việc đã bỏ hẳn miền Bắc thay vì tranh đấu để giữ lại một chỗ đứng ở đó. Ông ta tin chắc rằng, phân chia lãnh thổ là tự vẫn, vì đã chấm dứt việc kháng chiến chống Việt Minh vẫn có thể nuôi dưỡng được từ một cứ điểm ở Miền Bắc. Ngoài ra ông còn chắc chắn rằng Pháp chỉ muốn giữ một chỗ đứng ở miền Nam, để rồi vận dụng các lực lượng quân sự độc lập ở đây, như lực lượng võ trang của các giáo phái là những đối tượng Pháp còn đang yểm trợ về võ trang, để đi tới mục đích riêng của mình."

(Độc giả nhớ lại là cũng chỉ vào khoảng tháng 7, 1972, VNCH mới được biết dứt khoát về việc toàn bộ quân đội Mỹ sẽ đơn phương rút hết khỏi Miền Nam).

Trong một tài liệu mật, Chuẩn tướng Edward Landsdale viết về ông Ngô Đình Diệm về nước sau khi Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm ông làm Thủ tướng. Ngày 29 tháng 6 khi ông mới trở về Sàigòn thì có tin Phát Diệm bị bỏ ngỏ:

> *"Tôi còn nhớ nỗi đau đớn của ông Diệm vào ngày Phát Diệm rơi vào tay Cộng sản...nhiều người cứ nghĩ ông ta là một con người quan liêu sống cách biệt mọi người*

('aloof mandarin') và không bao giờ bày tỏ cảm nghĩ của mình cho người khác biết, nhất là những khi ông lâm vào cảnh ngặt nghèo. Thế nhưng đã có ba lần ông ta không cầm nổi xúc động ("cried on my shoulder"), và trường hợp mất Phát Diệm là một." [22]

[Hai trường hợp khác là khi Tướng Trịnh Minh Thế bị tử trận và khi phải miễn cưỡng chấp nhận việc truất phế Quốc trưởng Bảo Đại].

Nhà Thờ Chính Tòa ("Nhà Thờ Đá") Phát Diệm. (Hình: Đức Thắng Photo)

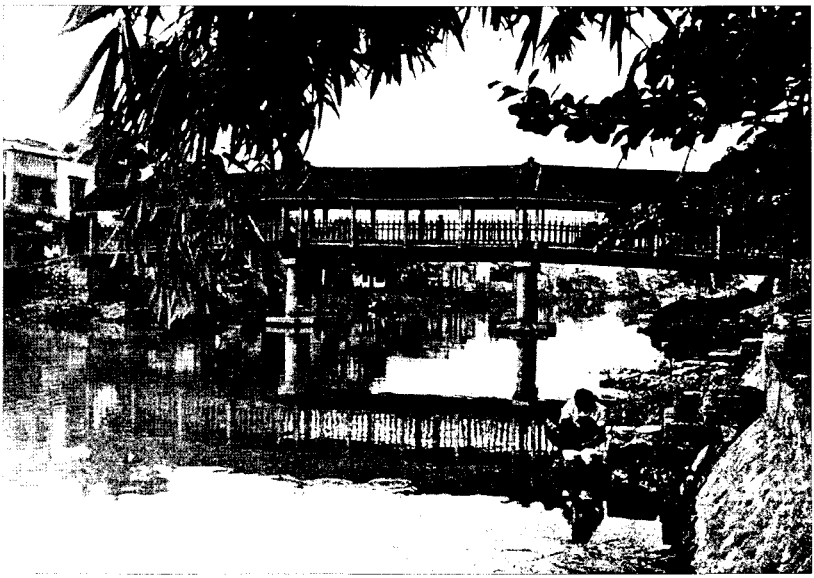

"Cầu Ngói", thắng cảnh nổi tiếng ở Phát Diệm. (Hình: Hữu Vinh Photo)

Giám Mục Lê Hữu Từ và đoàn quân Tự Vệ. (Hình: "flickr.com/photo")

CHƯƠNG 8

Đằng Sau Cuộc Di Cư Bắc - Nam

Con đường tới Điện Biên Phủ trên vùng Thượng Du Bắc Việt lại nối dài sang tới tận Geneva bên Thụy Sĩ. Sau khi Pháp thất trận, Mỹ khuyên Pháp chớ có điều đình trong chiến bại. Pháp không nghe, nhất định đưa vấn đề Đông Dương ra thương thuyết tại Hội nghị Geneva. Trên căn bản hoàn toàn độc lập, chính phủ Bảo Đại liền thực thi quyền tự quyết để cùng với Hoa Kỳ chống đối việc chia cắt lãnh thổ, và khi không thể được thì đã cùng với Mỹ và Anh tranh đấu thành công một kế hoạch 7 điểm gồm cả việc cho phép tự do vận chuyển những người muốn di cư từ khu vực này sang khu vực kia.

Từng đoàn rồi lại từng đoàn, phần lớn là những người nông dân từ miền đồng bằng sông Hồng đã theo nhau gồng gánh ra đi. Nhưng đoàn người di cư lúc ấy chỉ biết rằng Mỹ giúp TT Diệm vận chuyển họ vào Miền Nam để đi tìm tự do. It ai biết được rằng lý do sâu xa hơn nữa của cuộc di cư vĩ đại là một sự sắp xếp khác ở hậu trường.

"Chúng tôi muốn sống" hàng hàng lớp lớp người ra đi đã tâm nguyện như vậy khi bỏ nơi chôn nhau cắt rốn để đi "Sang Phía Tự Do.'

"Đi về Miền Nam,
miền hương thơm bông lúa tràn ngập đầy đồng;
Đi về Miền Nam,
miền xinh tươi đất rộng cùng chung nguồn sống"

Và cứ như thế, dưới tiếng hát trong tâm tưởng, từng đoàn người gồng gánh ra đi. Họ đi về hướng Nam giống như cha ông của mình từ bao nhiêu thế kỷ trước. Bây giờ lại còn một động lực mới và mãnh liệt khác, đó là đi tìm tự do:'chúng tôi muốn sống!', như tên gọi một cuốn phim nổi tiếng của đồng bào di cư sau này. Cuối tháng 6, dù hiệp định đình chiến chưa ký kết nhưng quân đội Pháp và Quốc gia đã rút lui khỏi nhiều địa điểm ở đồng bằng Bắc Việt nên nhiều người bắt đầu di tản về các đô thị, đặc biệt là Hải phòng. Trong số này giáo dân vùng Phát Diệm - Bùi Chu là lớp người ra đi đầu tiên. Tuy nhiên phong trào di cư chỉ thực sự bắt đầu khi Hoa kỳ phát động một kế hoạch gọi là *'Sang phía Tự do'* (Passage to Freedom) vào tháng 8, 1954.

Hầu hết đoàn người di cư lúc ấy, trong đó có tác giả, chỉ biết là Mỹ giúp họ đi tìm tự do chứ không ai biết lý do sâu xa hơn nữa của cuộc di tản này. Thực ra thì đằng sau lý do nhân đạo, lý do chính yếu nữa là sự sắp xếp khác ở hậu trường.

Sau Điện Biên Phủ, Mỹ khuyên Pháp không nên điều đình khi đang thua trận, nhưng Pháp không nghe vì nhân dân Pháp lúc ấy đã quá chán ghét chiến tranh. Bởi vậy, Mỹ cùng với Anh đem ra *'Đề Nghị 7 Điểm'* để đàm phán, trong đó có hai điều khoản quan trọng:

- tổng tuyển cử để đi tới thống nhất; và
- người dân cả hai bên được tự do di chuyển từ vùng này sang vùng kia.

Đồng thời, Mỹ vẫn hỗ trợ lập trường của Chính phủ Quốc gia chống chia đất. Kết quả sau cùng là một hiệp định chia đôi lãnh thổ. Cả Hoa kỳ lẫn phía Quốc gia đều không ký vào Hiệp định Geneva, tuy rằng hiệp định này đại cương cũng phù hợp với *'đề nghị 7 điểm'* của Mỹ-Anh, vì có bao gồm cả hai điều

khoản trên. Thế nhưng ranh giới phân chia lại không thuận lợi cho Miền Nam về phương diện dân số. Nếu có tổng tuyển cử vào hai năm sau thì nguyên về số người bỏ phiếu, Miền Bắc cũng đã đông hơn Miền Nam rồi. Vậy chỉ còn có cách tăng dân số cho Miền Nam bằng một phong trào di cư, nhất là tăng thành phần nhân sĩ trí thức từ Miền Bắc.

Mỹ khuyên Pháp không nên điều đình

Sau Điện Biên Phủ, Mỹ nhất mực khuyên Pháp không nên điều đình ngưng chiến khi đang thua trận, nhưng Pháp thì lại nghĩ khác. Ngay từ tháng 7, 1953, khi có hội nghị tại Panmunjom để bàn về việc ngưng chiến ở Triều Tiên, Ngoại trưởng Pháp Georges Bidault (1899-1983) đã nói với Ngoại trưởng Mỹ Dulles rằng 'nhân dân Pháp sẽ không thể hiểu tại sao một giải pháp ngưng chiến được coi như là thích hợp cho Triều Tiên mà lại không thích hợp cho Đông Dương?' Dulles trả lời:[1]

> **"Điều đình khi không có sự lựa chọn nào khác thì thường đi tới thất bại. Trong trường hợp Triều Tiên thì chúng tôi có sự lựa chọn, phía Cộng sản hiểu rõ lời cảnh cáo của Hoa Kỳ là chúng tôi sẽ dùng một phương tiện không mấy tốt đẹp mà chúng tôi có sẵn trong tay (khí giới nguyên tử) để giải quyết nếu họ không đồng ý và theo đuổi một sự lựa chọn khác."**

Nhận xét rằng thắng trận là cần thiết cho bất cứ hòa đàm nào, Dulles khuyên Pháp hãy cố tiếp tục Kế Hoạch Navarre để chiến đấu, dù không phải là để chiến thắng thì ít nhất cũng làm cho Pháp ở vào thế mạnh hơn nếu phải thương thuyết về hòa bình. Vì Pháp đang thua trận, Hoa Kỳ không muốn đi tới một hòa đàm, nhưng trước áp lực rất mạnh của Pháp - Pháp dọa sẽ không tham gia 'Cộng Đồng Liên Phòng Âu Châu' (EDC) - sau cùng tại cuộc họp các Bộ trưởng Ngoại giao ở Berlin vào tháng 2, 1954, ông Dulles đã phải miễn cưỡng chấp nhận ghi vấn đề Đông Dương vào nghị trình của Hội nghị Geneva cho gọi là có.

Chính phủ Bảo Đại cùng với Hoa Kỳ phản đối chia cắt lãnh thổ

Tuy đã ghi vào nghị trình, nhưng trong thực tế, ông Dulles lại có những hành động bất cộng tác. Ngày 2 tháng 5, 1954 ông gửi điện văn cho Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ, ông Bedell Smith, người cầm đầu phái đoàn Mỹ tại Geneva, nói tới những chỉ thị rõ ràng đã được Tổng Thống chấp thuận để hướng dẫn phái đoàn Mỹ khi Hội nghị bước vào giai đoạn bàn định về vấn đề Đông Dương:[2]

> **"Ông không được thương thuyết gì với phái đoàn của Trung Quốc hay của bất cứ nước nào mà không được Hoa Kỳ công nhận về ngoại giao...theo bất cứ thể thức nào nếu nó dẫn đến sự nhận định sai lầm về chỗ đứng của chính phủ đó...**

Nhắc lại cho ông Smith về mục đích giới hạn của việc Mỹ tham gia Hội nghị Geneva là khác với mục đích của Pháp và Anh, ông Ngoại trưởng thêm:

> "Việc Hoa Kỳ tham dự vào hội nghị Geneva trong giai đoạn bàn về vấn đề Đông Dương chỉ là để giúp cho Hội nghị đi tới những quyết định có thể giúp cho các dân tộc nơi đây được sống trong hòa bình, độc lập về lãnh thổ và chính trị, và có được những chính phủ ổn định và tự do...Điều này có nghĩa rằng những dân tộc này không bị sát nhập vào khối Cộng sản độc tài đế quốc...

Rồi ông Dulles đi tới kết luận về vai trò của Mỹ tại Hội nghị:

> **"Nếu ông nhận xét rằng việc tham gia vào hội nghị trong giai đoạn này có thể dẫn tới việc Hoa Kỳ phải liên lụy vào kết quả của một giải pháp trái với chính sách của Hoa Kỳ thì ông phải báo cáo ngay về chính phủ và đề nghị Hoa Kỳ nên rút ra khỏi hội nghị hoặc là giới hạn vai trò của Hoa Kỳ chỉ là một quan sát viên.**

> "Và nếu tình hình tại hội nghị diễn biến quá nhanh và đòi hỏi những hành động mà ông không có đủ thời giờ để xin ý kiến Washington thì ông có thể tự mình quyết định lấy.
>
> *Dulles*

Chẳng cần giữ kín về những điểm này, ông Ngoại trưởng còn thêm: *"Ông được phép thông báo cho những phái đoàn khác tại Geneva về những chỉ thị này."* Như vậy là mọi phía đều biết rõ ràng về lập trường cứng rắn của Hoa kỳ, nó có tác dụng là ủng hộ lập trường của phía chính phủ Việt Nam Quốc Gia. Nơi đây chúng tôi nhắc lại một giai thoại vào thời điểm này: Ngoại trưởng Foster Dulles đã từ chối không bắt tay ông Chu Ân Lai, Trưởng Phái đoàn Trung Quốc đi dự Hội Nghị Geneva. Việc này làm cho ông Chu rất xúc phạm như TT Nixon đã viết lại sau này. Cho nên trong chuyến viếng thăm Trung Quốc đầu năm 1972, vừa xuống khỏi máy bay khi đáp xuống phi trường Bắc Kinh, ông Nixon đã đi thẳng tới ông Chu và đưa tay ra trước để bắt tay.[3]

Việt Nam thực thi quyền tự quyết dân tộc tại Geneva

Về phía chính phủ Bảo Đại thì sau bao nhiêu cố gắng để thôi thúc Pháp trả lại độc lập cho Việt Nam, sau cùng vào gần lúc hấp hối của Điện Biên Phủ (ngày 28 tháng 4, 1954), chính phủ Pháp mới tuyên bố trong một thông cáo chung Việt-Pháp là kể từ nay, Pháp trả lại *'độc lập hoàn toàn'* cho Việt Nam. Đây là kết quả của những cuộc thương thuyết khó khăn giữa hai bên bắt đầu từ tháng 7, 1953. Lúc ấy Pháp bị áp lực của Mỹ phải định nghĩa rõ ràng thế nào là bản chất của mối quan hệ Việt-Pháp.

Ngày 4 tháng 6, 1954, Quốc hội Pháp phê chuẩn 'Hiệp ước Độc lập' (Treaty of Independence): Việt Nam được chính thức công nhận là *"một nước hoàn toàn độc lập và là một quốc gia tự trị với đầy đủ quyền hạn theo luật quốc tế."*[4] Như vậy, Hiệp

Ước Patenôtre ký ngày 8 tháng 8, 1884 giữa Đại Nam Hoàng Đế và Chính phủ cộng Hòa Pháp Quốc' bây giờ được hủy bỏ.

Trên căn bản hoàn toàn mới này, chính phủ Bảo Đại liền thực thi ngay quyền tự quyết dân tộc tại Geneva. Ngay từ khi Hội nghị bắt đầu, vì nghi ngờ rằng Pháp sắp đi tới việc chia đôi đất nước (giống như giải pháp ở Đại Hàn và Đức quốc) Việt nam đã yêu cầu Pháp phải cam kết bằng văn bản rằng sẽ không thương thuyết về việc việc phân chia lãnh lãnh thổ (như đề cập trong chương trước) và Pháp đã đồng ý (như đề cập tới trong chương trước) nhưng ngày 12 tháng 6 thì chính phủ Laniel sụp đổ và tân chính phủ Pierre Mendès-France đã thay đổi lập trường. Ngày 17 tháng 6, Quốc Hội Pháp đề cử ông làm thủ tướng với số phiếu 419 trên 466 (90%), phản ảnh tinh thần chống chiến tranh vào lúc ấy. Ông này tuyên bố ngay: [5]

> **"Tôi đã nghiên cứu hồ sơ kỹ lưỡng và thận trọng. Tôi đã thăm dò các nhà chuyên môn quân sự và ngoại giao nổi tiếng. Quan điểm của tôi được xác nhận là một sự điều đình ôn hòa có thể thực hiện được.**
>
> **"Vậy thì việc ngưng bắn phải thực hiện tức khắc. Chính phủ do tôi thành lập quyết định - và họ cũng xác định với đối phương của chúng ta - rằng việc này phải hoàn thành nội trong một thời hạn là bốn tuần lễ. Chúng ta đang họp hôm nay là ngày 17 tháng 6. Tôi sẽ đến trước quý vị vào ngày 20 tháng 7, và sẽ báo cáo cùng quý vị kết quả đạt được."**

Tại Washington, 'bầu không khí hết sức bi quan vì cho rằng thế nào rồi Chính phủ Mendès France (bắt đầu hoạt động từ ngày 18 tháng 6, 1954) cũng sẽ đi tới một hiệp định đình chiến. Ngoại trưởng Dulles liền lưu ý ông Bedel Smith không nên dính dáng gì vào việc soạn thảo hiệp định này như Pháp đã yêu cầu, vì có thể đưa tới sự ngộ nhận là Mỹ đồng ý. *"Suy nghĩ của chúng ta lúc này,"* Dulles đánh điện cho Smith ngày 24 tháng 6, *"là vai trò của Hoa kỳ ở Geneva sẽ sớm được giới hạn chỉ là vai trò một quan sát viên."* [6] Cùng ngày Thủ tướng Anh

Churchill và Ngoại trưởng Eden tới Washington họp. Bốn ngày sau, hai bên Anh-Mỹ tuyên bố để cảnh cáo phía Việt Minh: *"Nếu tại Geneva, Pháp phải đối diện với một đòi hỏi không cho phép tiến tới một hiệp định có thể chấp nhận được về Đông Dương thì tình hình quốc tế sẽ trở nên hết sức trầm trọng."*[7]

Tại Geneva, ngày 12 tháng 5, 1954 đến lần đại biểu của chính phu Quốc Gia Việt Nam phát biểu. Trưởng đoàn là giáo sư Vũ Quốc Định hùng biện chống đối việc chia cắt đất nước, nói lên những thành quả của chính phủ Quốc gia từ Hiệp Định Élysée (8 tháng 3, 1949): đã thống nhất đất nước, được độc lập (trong Liên Hiệp Pháp), tạo được một đạo quân quốc gia, **được 35 nước công nhận**, và đặt nền móng cho một hệ thống hành chính hữu hiệu. Và bây giờ (sau khi Quốc hội Pháp phê chuẩn Hiệp Ước Độc Lập ngày 4 tháng 6, 1953) đã thành một quốc gia hoàn toàn độc lập và thống nhất. Lập trường chống chia cắt đất đai được Trưởng phái đoàn Mỹ, Tướng Bedell Smith nhiệt liệt ủng hộ, nhưng Pháp và Anh hoàn toàn im lặng.

Kế hoạch 7 điểm

Sau đó, Anh-Mỹ đã đồng ý về một kế hoạch 7 điểm để yêu cầu Pháp phải gói ghém cho bằng được vào bất cứ hiệp định nào được ký kết. Đây là một đề nghị mật giữa hai chính phủ Anh-Mỹ, bao gồm (chữ đậm và gạch dưới là do tác giả):[8]

1. Duy trì sự toàn vẹn và độc lập của Lào, Cao Miên, và Việt Minh phải rút khỏi hai nước này;

2. **Giữ lại tối thiểu là một nửa nước Việt Nam ở phía Nam, và nếu có thể thì nên giữ lại một cứ điểm ở miền Đồng bằng Bắc Việt. Ranh giới chia đôi không thể chỉ nằm ở dưới một tuyến đi từ Đồng Hới sang phía Tây;**
3. Không có những điều khoản làm phương hại tới khả năng của Lào, Miên, và Miền Nam để duy trì những chính thể ổn định, không Cộng sản; đặc biệt là không phương hại tới quyền của những nước này được duy trì

số quân đầy đủ để giữ an ninh nội địa, nhập cảng khí giới, hay xử dụng cố vấn ngoại quốc;

4. Không có những quy định nào có thể dẫn tới việc mất đi phần đất còn lại cho Cộng sản;

5. Không có những điều khoản nào ngăn cấm việc cuối cùng là sẽ đi tới thống nhất bằng phương pháp hòa bình;

6. **Phải có điều khoản cho phép việc chuyển vận dễ dàng và nhân đạo số người muốn di cư từ khu vực này sang khu vực khác tại Việt Nam;** và

7. Phải có điều khoản quy định "một guồng máy quốc tế hữu hiệu để kiểm soát việc thi hành hiệp định."

Ngày 6 tháng 7, Đại sứ Mỹ ở Paris, ông Dillon đánh điện về Washington nói Pháp đồng ý về 7 điểm này nhưng muốn hiểu rõ hơn về điểm 4 và 5, gián tiếp nói về tổng tuyển cử để đi tới thống nhất. Ngay hôm sau, Dulles trả lời rằng ý Hoa kỳ muốn nói là cần phải cho Miền Nam một lối xả hơi (breathing spell):[9]

> "Vì tổng tuyển cử rất có thể sẽ dẫn tới việc thống nhất Việt Nam dưới quyền ông Hồ Chí Minh, như vậy lại càng phải hoãn lại càng lâu càng tốt sau khi đình chiến, và chỉ có cuộc tuyển cử trong điều kiện tự do, không bị hăm dọa, để cho những phần tử dân chủ (tại Miền Nam) có một cơ hội tốt nhất."

Thấy Pháp không rõ ràng về vấn đề này, Dulles dọa là nếu có những điều khoản trái ngược với 7 điểm do Anh-Mỹ đòi hỏi, Hoa kỳ sẽ có thể công khai không nhìn nhận hiệp định. Mendès France đồng ý ngay, và ngày 14 tháng 7, ký với Dulles một văn bản xác định vai trò của Mỹ tại bàn hội nghị chỉ là 'một quốc gia thân hữu,' chỉ là phụ đối với vai trò chính là ba Quốc gia Liên kết và Pháp, và Pháp công nhận 7 điểm này.[10]

Thêm đất đai cho Miền Nam: Ranh giới từ vĩ tuyến 13 đẩy lên 17

Cuối tháng 6, phái đoàn Mỹ tại Geneva báo cáo về Washington là cả Nga và Trung Quốc đều lo ngại về sự can thiệp quân sự của Mỹ tại Đông dương. Bởi vậy, Nga thì tìm cách dàn xếp một thỏa hiệp để Pháp giữ lại một khu vực ở miền Bắc, Trung Quốc thì đồng ý sẽ làm áp lực với Việt Minh để chấp nhận giải pháp hai giai đoạn: giai đoạn đầu là quân sự tức là ngưng chiến, rồi mới tới giai đoạn hai là chính trị: tổng tuyển cử. "Theo Chauvel, ông Chu Ân Lai đã có lập trường mới hẳn, đó là công nhận có hai chính phủ ở Việt Nam. Và đây là lần đầu tiên ông Chu công nhận Chính phủ Miền Nam là một chính phủ hợp pháp." Tân thủ tướng Pháp, ông Mendès France còn yêu cầu ông Chu áp lực với Hà Nội để sớm đi tới một hiệp định, ông Chu đồng ý giúp." [11]

Đối với địa điểm để chia cắt, lúc đầu Pháp đòi chia ở vĩ tuyến 18, sau đó đòi đưa lên vĩ tuyến 19, tức là từ đồng Hới tới Thakhek về phía tây. Ngày 3 tháng 7, Chauvel cho hay phía Việt Minh đòi chia ở vĩ tuyến 13, tức là từ khoảng Tuy Hòa. Phía Nga cho hay sở dĩ như vậy là vì trong thực tế, ba tỉnh phía nam Faifô (Đà Nẵng) đã ở dưới quyền kiểm soát của Việt Minh, đó là Quảng Ngãi, Qui nhơn và Sông Cầu.[12]

Về phía Pháp, một mặt thì nhờ Nga Xô và Trung Quốc làm áp lực với Việt Minh, mặt khác Mendès France giữ vững lập trường về ranh giới, và chỉ thị cho phái đoàn Pháp ở Geneva phải tránh né, đừng tỏ ra rõ là đang quá hăm hở đi tới một giải pháp mà phải nhân nhượng về ranh giới. Chỉ thị rất rõ ràng là: *"Hãy đừng có vì hạn chót do chính Mendès France đưa ra là ngày 20 tháng 7, mà chấp nhận vĩ tuyến 13 làm ranh giới, vì hạn chót này có thể uyển chuyển."* [13]

Sau cùng, theo như hồ sơ nội bộ Hoa kỳ, "những nhượng bộ từ phía Cộng sản đã đưa tới một giải pháp về căn bản, là đã gói ghém tất cả 7 yêu sách của Mỹ-Anh.' [14]

Ông Mendès France rất tự hào rằng chính ông đã tranh đấu để kết quả về ranh giới chia đôi là vĩ tuyến 17, chứ không phải

là vĩ tuyến 13 như Chính phủ VNDCCH đòi hỏi. Nhưng dựa vào Hồi ký của Nikita Khrouchtchev, ông Bảo Đại cho rằng thực ra *"Họ (Việt Minh) đã sẵn sàng chấp nhận vĩ tuyến 18 hay cao hơn nữa. Họ không ngờ là Pháp lại chịu đầu hàng dễ dàng như vậy."* [15]

Bình luận về lúc kết thúc Hội nghị Geneva, ông Bảo Đại viết thêm: "Ván bài đã được kết thúc dứt khoát, vào phiên họp cuối cùng, ngày 20 tháng 7. Người ta phải vặn lại đồng hồ vào nửa đêm của phòng hội nghị, để không thể quá thời hạn của ông Mendès France đã ấn định. Ông này như vậy là đã thắng cuộc. Thể thức đình chiến đã được ký kết bởi đại diện của hai viên Tổng tư lệnh. Tướng Henri Delteil ký thay cho Tướng Paul Ely, và ông Tạ Quang Bửu ký thay tướng Võ Nguyên Giáp (đã trở thành Tổng tư Lệnh Quân Đội Nhân Dân Việt Nam).

Ngày 21 tháng 7 hội nghị bế mạc bằng một Thông Cáo Chung, chỉ do hai viên Tổng thư ký của hội nghị ký.[16]

Hiệp định Geneva được ký kết với những điều khoản chính:

- Chia đôi nước việt Nam ra thành Miền Bắc và Miền Nam ở vĩ tuyến 17;
- Một cuộc tổng tuyển cử sẽ được tổ chức hai năm sau, vào ngày 20 tháng 7, 1956 để thống nhất đất nước; và
- Một Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát đình chiến được thành lập; và
- **Một thời hạn là 300 ngày được quy định cho thời gian để hoàn tất cuộc chuyển quân; trong thời gian ấy, người dân của cả hai bên được tự do di chuyển từ khu vực kiểm soát của bên này sang vùng kiểm soát của bên kia.** [17]

[Về điểm này, nên xem "Di Tản và Định cư Tỵ nạn 1954" trong cuốn sách *Việt Nam, 1945 – 1995* của Giáo sư Lê Xuân Khoa – Chương 6]

Cả hai phía Hoa Kỳ lẫn Chính phủ Miền Nam đều không ký vào hiệp định. Hoa Kỳ chỉ có một văn bản để tuyên bố rằng 'sẽ không dùng võ lực để can thiệp vào hiệp định, nhưng sẽ coi là trầm trọng nếu có những tấn công mới, và coi đó là đe dọa hòa bình và an ninh quốc tế.'[18] Về phía chính phủ Miền Nam, Ngoại trưởng Trần Văn Đỗ khẳng định ngày 21 tháng 7:[19]

> "Chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận một cách chính thức rằng Việt Nam long trọng phản đối cách ký kết Hiệp Định cũng như những điều khoản không tôn trọng nguyện vọng sâu xa của dân Việt. Chính phủ Việt Nam yêu cầu Hội nghị ghi nhận rằng chính phủ tự dành cho mình quyền tự do hành động để bảo vệ quyền thiêng liêng của dân tộc Việt Nam trong công cuộc thực hiện thống nhất, độc lập và tự do xứ sở."

Ông Bảo Đại viết lại là sau ngày ký hiệp định, Sàigòn treo cờ rũ, tân Thủ Tướng Ngô Đình Diệm long trọng "lên tiếng chống lại sự bất công, đã giao cho Cộng sản tất cả Miền Bắc đất nước, lại thêm bốn tỉnh ở Miền Trung..." [20]

'Sang Phía Tự Do'

Sau Geneva, Ngày 3 tháng 8, Tình Báo Quốc Gia Hoa Kỳ nhận xét về tình hình Đông Dương thật đen tối. Văn kiện NIE (CIA) số '63-5-54' đánh giá về tình hình khẳng định là Việt Minh sẽ thắng trong cuộc tổng tuyển cử do Hiệp định Geneva ấn định:[21]

> "Việc ký kết những Hiệp Định tại Geneva đã đưa tới việc quốc tế công nhận quyền lực về quân sự và chính trị của Cộng sản tại Đông dương, và đã trao cho quyền lực ấy một căn cứ địa dư rõ rệt để hoạt động...
>
> Chúng tôi tin rằng Cộng sản sẽ củng cố quyền lực tại miền Bắc Việt Nam một cách dễ dàng...Dù sao đi nữa, từ bàn đạp ở lãnh thổ này, Việt Minh sẽ tăng cường những hoạt động của Cộng sản trên toàn lãnh thổ Đông Dương...

> Và cũng có thể rằng vào một thời điểm nào đó trong hai năm tới, chính phủ Miền Nam có thể bị lật đổ và tước đoạt bởi những thành phần muốn điều đình với Miền Bắc để đi tới thống nhất dù rằng dưới sự thống trị của Cộng sản.
>
> Nếu cuộc tổng tuyển cử (như được ấn định tại Geneva) được tổ chức vào tháng 7, 1956, và nếu Việt Minh không làm việc gì phương hại tới triển vọng chính trị của họ, thì hầu như chắc chắn là Việt Minh sẽ thắng cử..."

Đằng sau cuộc di cư: TT Eisenhower nhìn trước về cuộc tổng tuyển cử 1956

Và đó là vấn đề. Nhìn trước về cuộc tổng tuyển cử được ấn định trong hai năm tới, chính Tổng thống Eisenhower cho rằng Hànội sẽ có thể chiếm được 80% số phiếu.[22] Đó là vì dân số ở Miền Bắc đã đông hơn ở Miền Nam, rồi lại phải cộng thêm số phiếu của những người theo cộng sản ở Miền Nam.[23] Vào thời điểm ấy, dân số miền Bắc vĩ tuyến là 13.6 triệu, và dân số miền Nam là gần 12 triệu, cách nhau 1.6 triệu người hay trên 6% tổng số toàn dân. Bởi vậy Hoa Kỳ khuyến cáo chính phủ Sàigòn phải tìm mọi cách để di chuyển thêm số dân từ Bắc vào để ít nhất cũng cân bằng dân số, hoặc nhiều hơn thì càng tốt. Một chiến dịch lấy tên 'Sang Phía Tự Do' (Passage to Freedom) được phát động theo diễn tiến như sau:[24]

Chỉ trên hai tuần sau Hiệp Định Geneva, ngày 8 tháng 8 1954, Tòa Đại sứ Mỹ tại Sàigòn gửi bộ Ngoại Giao Việt Nam một Thông Cáo:

> "Ngày 6 tháng 8, chính phủ Hoa Kỳ có nhận được một yêu cầu của chính phủ Việt Nam xin Hoa Kỳ giúp vận chuyển 100,000 người di cư từ miền Bắc là miền sắp được giao cho Việt Minh, để vào miền Nam là miền đặt dưới sự chống cộng của chính phủ miền Nam. Ngày 8 tháng 8 Hoa Kỳ đã trả lời như sau:

"Chính phủ Hoa Kỳ ước mong giúp cho chính phủ Việt Nam tất cả những sự yểm trợ hợp lý để di tản ra khỏi địa hạt được ấn định bởi hiệp định đình chiến tất cả những người công dân không muốn sống với những bất ổn đen tối dưới chính thể Cộng sản.

"Hoa Kỳ cũng nhận xét rằng nếu chỉ giúp vận chuyển những người này thì không đủ để giải quyết vấn đề cho họ hay cho chính phủ Việt Nam. Bởi vậy Hoa Kỳ sẵn sàng giúp đỡ thêm những phương tiện cần thiết để giúp cho đoàn người di cư thoát khỏi sự thống trị của Việt Minh, và để họ có thể bắt đầu lại cuộc sống dưới một chính phủ do chính họ lựa chọn. Và như vậy, họ sẽ một cơ hội tốt nhất để đóng góp vào sức mạnh của chính phủ đó bằng những cố gắng của mình.

"Tòa Đại sứ Hoa Kỳ sẽ tiếp tục cộng tác với chính phủ Việt Nam để bảo đảm cho những hỗ trợ ấy được sử dụng hữu hiệu đáp ứng nhu cầu của chinh phủ và nhân dân Việt Nam. Hoa Kỳ cũng mong đợi sự cộng tác tối đa của chính phủ Việt Nam để thi hành công tác này cho có kết quả mỹ mãn."

- Ngày 20 tháng 8, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia xác định (trong Huấn thị 5429/2):[25]

"Hoa kỳ sẽ tiếp tục trợ giúp việc di chuyển từ Bắc Việt và định cư những người không muốn sống dưới chế độ Cộng sản."

- Hai ngày sau, một 'Thông cáo của tòa Bạch Ốc' đề ngày 22 tháng 8, 1954 được phổ biến rộng rãi, đài VOA đọc đi đọc lại nhiều lần:[26]

"Hiệp định ngưng bắn chấm dứt chiến tranh Việt Nam đã cho phép những người ở cả hai bên ranh giới phân chia tại vĩ tuyến 17 được tự do di chuyển tới nơi do họ chọn lựa. Tất cả miền Bắc Việt Nam gồm đồng bằng

sông Hồng Hà còn gọi là Bắc Việt sẽ được tạm thời giao cho chính phủ Việt Minh do ông Hồ Chí Minh lãnh đạo.

"Bao nhiêu ngàn người di cư từ Bắc Việt vì sợ phải sống dưới ách Cộng Sản đang di chuyển vào miền Nam tự do. Chính phủ Pháp đã vui lòng chuyên chở những người di tản này, và cả Thủy quân và Không quân Pháp đang hoạt động để thi hành công tác này.

"Không quân Pháp hiện nay đang chuyên chở 3,400 người một ngày từ các phi trường Hà Nội, Hải Phòng tới Saigon. Và cũng như vậy Hải quân Pháp đang chuyên chở đoàn người di tản cùng với lực lượng viễn chinh Pháp vào Saigon.

"Tuy nhiên, vì số người di cư ngày càng tăng nhanh nên cả chính phủ Pháp lẫn Việt Nam đều yêu cầu Hoa Kỳ yểm trợ thêm cho việc chuyên chở những người công dân Việt Nam nào muốn từ bỏ nhà cửa của họ để được sống tự do.

"Hoa Kỳ đã nhanh chóng chấp nhận lời yêu cầu này. Chính phủ Pháp và Việt Nam có hoàn toàn trách nhiệm để chăm lo cho những người công dân muốn từ bỏ miền đồng bằng sông Hồng. Chính phủ Hoa Kỳ không những đang dùng những tàu bè để chuyên chở những người di cư và đồng thời còn giúp xây cất lều trại và những phương tiện để lo cho người di tản khi họ tới nơi." Ở Sàigòn, Tướng O'Daniel thành lập một 'Nhóm Hỗ Trợ Di Tản,' đặt trụ sở tại 461 Đường Gallieni (Trần hưng Đạo) để cùng hoạt động với những đoàn tàu của Hải Quân Mỹ do *'Ủy Ban Đặc Nhiệm 90'* đặt dưới quyền điều khiển của Phó Đề đốc Lorenzo S. Sabin.[27]

Những chuyến tầu đầy kỷ niệm

Trên những con tàu quen thuộc với đoàn người di cư Bắc

Việt và hình ảnh còn được lưu lại đầy đủ, nổi tiếng là tàu *Bayfield và Skagit*. Trên boong tàu *Bayfield*, bốn người lính hải quân Mỹ với binh phục chỉnh tề mang một biểu ngữ thật to với ba hàng chữ lớn, cả tiếng Anh lẫn tiếng Việt: "THIS IS YOUR PASSAGE TO FREEDOM - SANG PHÍA TỰ DO" để chào đón đoàn người di cư lên con tầu USS Bayfield ngày 3 tháng 9, 1954 (khác hẳn với cảnh hải quân Mỹ khám người, tước súng khi binh sĩ VNCH lên tầu vào *ngày cuối cùng*).

Những hình ảnh được ghi làm kỷ niệm gồm nhiều cảnh cảm động: người lính hải quân Mỹ giúp những người phụ nữ Việt Nam lên tàu; các cha tuyên úy yên ủi những người mẹ bồng con thơ; bác sĩ tiêm, chủng, săn sóc thuốc men, phân phát thực phẩm, nước uống. Bao nhiêu cử chỉ đầy tình người.

Khi đoàn di cư tới nơi lại phải có nơi ăn, chỗ ở. Ngày 27 tháng 8, tàu *Epping Forest* đã tới Vũng Tàu giúp chính phủ Việt Nam xây cất trại cho 15,000 người. Sau đó tới các trại ở Đà Nẵng và nhiều địa điểm khác.[28]

"Xin cứu chúng tôi cho khỏi sự dữ"

Tàu *USS Montague* nhổ neo từ Phi Luật Tân trực chỉ vào Vịnh Hạ Long về phía nam Hải Phòng vào tháng 8, 1954 khi chương trình "Sang Phía Tự Do" bắt đầu. Sứ mệnh của con tàu này là giúp thuyên chuyển số người di cư được những tàu Pháp chở ra ngoài Vịnh. Trên tàu, có bác sĩ Dooley vừa săn sóc sức khỏe vừa giúp thông dịch vì ông nói được tiếng Pháp. Tom Dooley (1927-1961) đã trở thành một huyền thoại đối với đoàn người di cư lúc ấy, vì ngoài lòng bác ái, tận tâm thi hành công tác y tế trên các tàu và nhất là trong các trại tại Hải phòng, ông còn vận động với nhân dân Hoa kỳ, đặc biệt là người Công Giáo để hỗ trợ cho công việc này.[29]

Với kinh nghiệm ban đầu, ông viết một bài thật dài tựa đề *"Xin cứu chúng tôi cho khỏi sự dữ"* (trích từ kinh "Lạy Cha') trên báo *Reader's Digest*, một nguyệt san rất phổ thông tại Mỹ. Bài này nói về "nỗi thống khổ về số phận của những người muốn di cư vào Nam, họ bị Việt Minh chèn ép, ngăn cản. Phần

đông là người nông dân, công giáo từ miền châu thổ Bắc Việt muốn đi tìm tự do." Ông thuật lại những cảnh đau thương của người Thiên Chúa Giáo: "Họ bị hành hạ, có những trường hợp cũng đau đớn như Chúa Giê Su bị treo trên thập giá." Nhiều người cho là ông đã thêu dệt thêm nhiều cảnh thống khổ để làm tăng tính cách thuyết phục.[30]

Bài báo được rất nhiều người đọc và gây tiếng vang lớn. Theo tài liệu nội bộ Hoa Kỳ thì lúc ấy chính ông Dooley cũng không biết rằng cơ quan CIA đang cố giữ ông lại ở Việt Nam trong suốt thời gian di tản để giúp thực hiện một mục tiêu khác, đó là di chuyển thêm số dân vào Miền Nam vì Hiệp định Geneva ấn định sẽ có một cuộc tổng tuyển cử ở Việt Nam vào năm 1956 để đi tới thống nhất lãnh thổ.

Lý do đàng sau cuộc di cư vĩ đại [31]

Lúc đầu, Thủ tướng Ngô đình Diệm chỉ nghĩ tới con số di cư là 100,000 người để yêu cầu Mỹ giúp chuyên chở như thông cáo của tòa đại sứ Mỹ gửi Bộ Ngoại giao Việt Nam ngày 8 tháng 8, 1954 trích dẫn trên đây. Về phía Pháp thì chỉ ước tính có 30,000 người. Sau cùng, Thủ tướng Diệm quyết định vận động sự ủng hộ của nhân dân Hoa Kỳ để yểm trợ phong trào di cư tối đa.

Tại Washington, Chính phủ Eisenhower tính toán là cuộc tổng tuyển cử để thống nhất đất nước do Hiệp định Geneve ấn định vào hai năm sau sẽ hết sức bất lợi cho Thế giới Tự do, đó là vì dân số hai miền Bắc - Nam không đồng đều. Cho nên phải làm sao cho cán cân được thăng bằng: cổ động và vận chuyển thêm cho thật nhiều người từ Miền Bắc vào Miền Nam. Công việc này được trao cho Đại tá Edward Lansdale (1908-1987). Ông là người đã từng hoạt động trong cơ quan tình báo Hoa Kỳ OSS (sau này thành CIA). Một kế hoạch *'Sang Phía Tự do'* được soạn thảo với hai mục tiêu chính:

- thứ nhất, phải tác động cho thật nhiều người di cư vào Nam; và

- thứ hai, giúp vận động công luận quốc tế yểm trợ tối đa cho công tác này.

Về số người di cư, ông Landsdale đặt ra **mục tiêu là phải thúc đẩy và chuyên chở được khoảng hai triệu người.** Nếu di chuyển như vậy thì dân số miền Nam sẽ cao hơn dân số miền Bắc. Dân số Miền Bắc lúc ấy là 13.6 triệu, nếu di chuyển vào Nam 2 triệu thì Miền Bắc chỉ còn có 11.6 triệu đang khi dân số Miền Nam từ 12 triệu sẽ tăng lên là 14 triệu.

Để thực hiện việc này, một chiến dịch 'tâm lý chiến' được tung ra để tuyên truyền. Một thí dụ: "sau khi có truyền đơn để cảnh cáo các chủ tiệm buôn phải chuẩn bị đầy đủ hàng tồn kho vì cộng sản sắp kiểm kê, tịch thu, số người ghi tên xin vào Nam tăng lên gấp ba." Để thúc đẩy người Công Giáo, câu *'cả Chúa và Đức Mẹ cũng đi vào Nam'* được truyền miệng. Bác sĩ Dooley kể lại: "Vào tháng 5, 1955 khi thời hạn di cư gần kết thúc, quân đội Pháp cũng như nhân viên Mỹ rút hết khỏi Hải phòng. Nhà thờ chính tòa của giáo phận bắt đầu trống rỗng, chỉ còn một linh mục ở lại. Trên bàn thờ có tượng Đức Mẹ Fatima hết sức quý giá vì do chính Đức Giáo Hoàng ở Vatican tặng giáo phận. Chúng tôi yêu cầu cho phép chở tượng này vào Sàigòn, nhưng linh mục ở đó không đồng ý. Bởi vậy, chúng tôi trèo lên bàn thờ, ăn cắp pho tượng rồi gói vào một cái chăn đem ra khỏi nhà thờ và đưa lên xe jeep phóng thật nhanh tới phi trường...để chứng tỏ cả tượng Đức Mẹ Fatima cũng đã được chuyển sang phía tự do." Thực ra, những tuyên truyền như vậy cũng không ảnh hưởng nhiều như ông Dooley phóng đại.

Cuối cùng số người di cư lên trên một triệu người nếu kể cả người dân và quân nhân, công chức. Như vậy là chỉ bằng một nửa mục tiêu của ông Lansdale. Việc chuyên chở đoàn người di cư kéo dài từ ngày 18 tháng 8, 1954 cho tới ngày 20 tháng 5, 1955, hai ngày sau hạn chót của thời hạn được phép di tản. Trong thời gian này, ngoài 190,000 quân nhân Liên Hiệp Pháp cùng với một số thiết bị và khí giới lớn, còn gần 900,000 người dân được chuyên chở vào Miền Nam. Vì đoàn người di cư là một triệu, nên khi cuộc di cư chấm dứt thì số nhân dân hai miền

Nam-Bắc vẫn không cân bằng: nhưng bây giờ thì số nhân dân Miền Nam nhiều hơn Miền Bắc là 400,000 người.

Chính phủ Mỹ viện trợ $56 triệu cho năm 1954, và $37 triệu, 1955. Như vậy, tính đổ đầu, mỗi người di cư đã nhận được gần $100, cao hơn lợi tức đầu người lúc đó ước tính khoảng $90 một năm.

Các làng di cư mọc lên khắp nơi, từ Phú Nhuận tới Gia Kiệm, lên Bảo Lộc, ra Phan Thiết. Một mô hình định cư được coi là rất thành công, tượng trưng cho viện trợ Hoa Kỳ là dự án Cái Sắn gần Rạch Giá. Nơi đây, 100,000 người cùng với 20,000 người dân địa phương được chuyên chở tới để khai khẩn 270,000 mẫu đất trước đây bỏ hoang. Số người định cư tại Cái Sắn sống rải rác theo các Kênh. 'Kênh F' phần đông là nhân dân tỉnh Thái Bình cư ngụ, nổi tiếng về nghề làm pháo; 'Kênh G' (nhân dân Phát Diệm) làm chiếu; 'Kênh E' (nhân dân Bắc Ninh) sản xuất thuốc lào. Cái Sắn trở nên một biểu tượng thành công của chính phủ Ngô Đình Diệm.

Khoảng 400,000 người được định cư ở Đồng bằng Cửu Long, 53,000 ở miền Trung, và 64,000 trên Cao nguyên. Hoa Kỳ viện trợ tài chính để trợ cấp cho người di cư sinh sống thời gian đầu, rồi tài trợ ngân sách khẩn hoang lập ấp, cùng với viện trợ kỹ thuật và từng trăm chiếc máy ủi đất.

Sau này khi nói về thành công của Tổng thống Diệm, TT Kennedy viết cho ông:

> ***"Thành tích mà Ngài đã đạt được để đem lại niềm hy vọng mới, nơi cư trú và sự an ninh cho gần một triệu người lánh nạn cộng sản từ Miền Bắc đã nổi bật như một trong những nỗ lực đáng được tán dương nhất, và được điều hành tốt nhất trong thời đại hiện kim"*** (thư ngày 26 tháng 10, 1961).

Trong thực tế, việc một triệu người hay trên 7% nhân dân Miền Bắc nhất định từ bỏ tất cả nhà cửa, ruộng vườn, mồ mả tổ tiên để ra đi là một sự lựa chọn lớn lao. Cùng với đại đa số nhân dân Miền Nam lúc ấy, họ đã chọn để đứng hẳn *"sang*

phía Thế Giới Tự Do,' một sự lựa chọn đầy hứa hẹn nhưng cũng đầy bất trắc.

[Nơi đây chúng tôi mở ngoặc để nhắc lại một câu TT Thiệu đã tâm sự với nhà báo McComb của tờ Washington Post vào cuối tháng 1, 1975 sau khi mất tỉnh đầu tiên là Phước Long mà Washington không có phản ứng gì, lại tiếp tục cắt quân viện: *"Chúng tôi đã lựa chọn để đứng sang phía tự do. Làm sao Thế Giới Tự do có thể bỏ rơi chúng tôi?"* – sách *'Tâm Tư Tổng Thống Thiệu'*, trang 462].

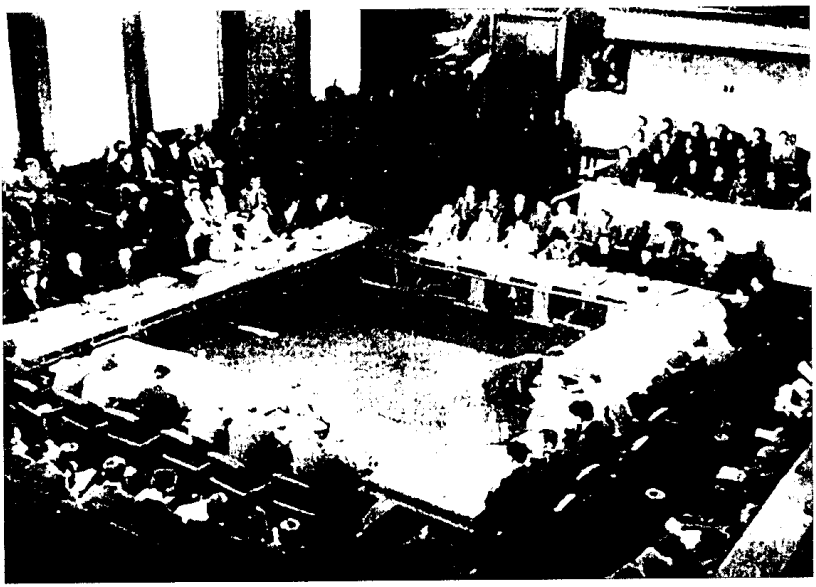

Hội nghị Geneva. (Hình: "upload.wikimedia.org")

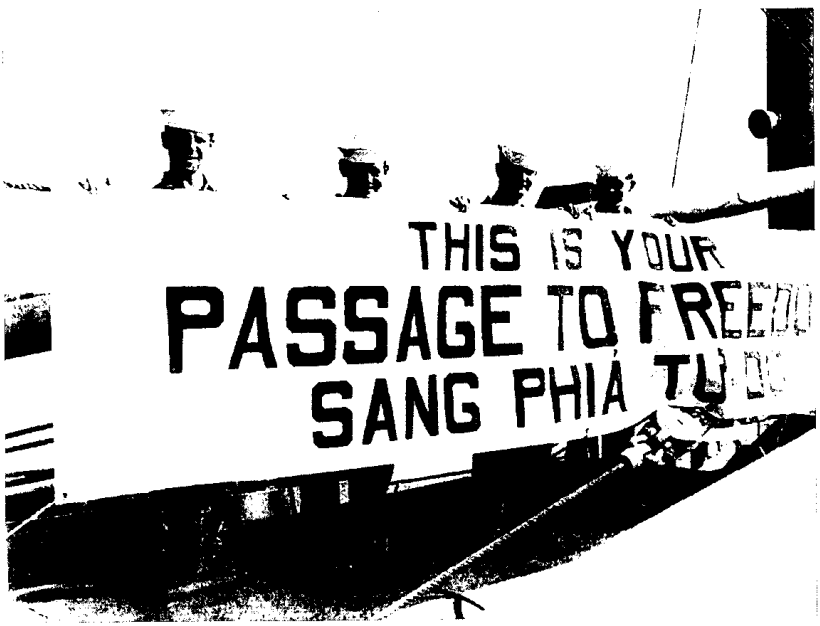

Hải quân Mỹ trên tàu USS Menard chào đón đoàn người "Sang Phía Tự Do". (Hình: "talkingpoint.us" và Operation Passage to Freedom/Ronald Francium.)

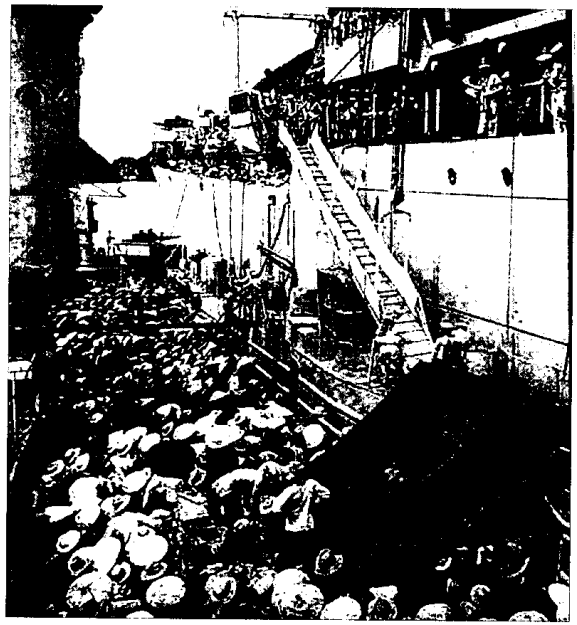

Chuyển người di cư từ tàu Pháp LSM sang tàu Mỹ USS Montague. (Hình: US National Archive Photo)

Thủy thủ phát nước uống trên tàu USS Bayfield.
(Hình: "navalwarfare.blogspot.com")

PHẦN III

KHI ĐỒNG MINH NHẢY VÀO

CHƯƠNG 9

"Ta Phải Lao Vào"

Tướng de Lattre đã từng cảnh cáo : *"Bắc Việt là chìa khóa của Đông Nam Á,"* nhưng bây giờ Bắc Việt đã mất rồi thì Hoa kỳ tính sao đây? Thẩm định việc này, Mỹ đi tới kết luận: *'thắng lợi của Cộng sản tại Hội Nghị Geneva đã đưa tới những hậu quả trầm trọng đe dọa nền an ninh Hoa Kỳ tại Đông Nam Á và làm tăng sức mạnh của Cộng sản.'*

Cho nên Mỹ phải một mình nhảy vào Việt Nam để thay thế Pháp. Sau thất bại Điện Biên Phủ, Ngoại trưởng Dulles cố nhìn vào một khía cạnh tích cực. Ông nhận xét: *"Bây giờ chúng ta lại có được một căn cứ sạch sẽ ở đó (Việt Nam), không còn bị hoen ố vì mầu sắc thực dân nữa. Điện Biên Phủ là một sự may mắn trá hình."* Rồi đi tới quyết tâm: *"Ta phải lao vào"* ('Take the Plunge'). Ông còn chọn cả ngày tháng để nhảy vào.

Hawaii là một hải đảo thần tiên. Trời xanh, nước trong, cát trắng. Đây là thiên đàng của du khách, của các cặp tình nhân, và những tuần trăng mật. Xa xa, có những chiếc du thuyền bồng bềnh. Gần bờ, từng lớp thanh niên lượn mình lướt sóng. Một nơi như vậy mà tại sao tình báo Hoa Kỳ lại nói là có cộng sản nằm vùng! Quốc Hội Mỹ phải quan tâm ngay. Thám tử 'Big Jim' vừa to con vừa nhiều tài được gửi tới

để điều tra. Ông là một người anh hùng. Như anh chàng kỵ mã đi bắt dân da đỏ trong phim cao bồi, Big Jim một mình quyết tâm lùng bắt cho được những người Cộng sản gốc Á châu đang ẩn khuất nơi đây. Phải thanh trừng cho thật nhanh chứ nếu chậm là nguy: cộng sản sẽ sang nằm vùng ngay tại lục địa Mỹ.

Đó là cốt chuyện của cuốn phim *"Big Jim McLain"* do Hollywood dựng lên, và tài tử chính là John Wayne (sau này có tới thăm quân đội Mỹ đóng ở Chu Lai vào năm 1966). Cuốn phim được chiếu vào thời điểm phong trào chống cộng ở nước Mỹ lên tới tột điểm vào đầu thập niên năm mươi.[1]

Lúc ấy ở Âu châu Nga xô đang tung hoành, ở Á Châu thì Cộng sản đang thắng thế. Sau khi Mao Trạch Đông chiếm trọn lục địa Trung Quốc, Bắc Hàn liền tấn công Nam Hàn, rồi quân đội của Mao nhảy vào tiếp sức. Lực lượng Liên Hiệp Quốc chới với, dẫn tới việc Tướng Mỹ McArthur quyết định phản công mạnh. Ông còn muốn đánh thẳng luôn Trung Quốc, nhưng không được phép và còn bị thay thế. Mãi tới năm 1953 chiến tranh Triều Tiên mới được kết thúc, nhưng chỉ bằng một hiệp định đình chiến, không phân thắng bại.

Khi nào không có chiến thắng thì nhân dân Hoa kỳ rất bất mãn. Làm sao mà một nước đại cường đã thắng trận vẻ vang trong Thế Chiến II, bây giờ lại bị lép vế như vậy đối với Trung Quốc, một nước lạc hậu ở bên Á Châu.

'Cộng sản nằm ngay trong nhà chúng ta'

Thượng Nghị sĩ Joseph McCarthy đã có câu trả lời. Chẳng phải vì Cộng sản mạnh mẽ gì đâu, ông biện luận, nhưng chính vì có những kẻ phản quốc ở ngay trong chính phủ Mỹ đã giúp cộng sản thắng thế. *"Từ những cuộc bán đứng ở Yalta cho tới sự thất bại của Mỹ ở Triều Tiên, là do có những kẻ làm ô nhiễm chính sách ngoại giao và an ninh của Hoa kỳ."* McCarthy đã khởi xướng một phong trào chống cộng hết sức rộng rãi. "Kẻ thù đang nằm ngay trong nhà chúng ta," ông cứ nhất quyết. Ông đã đưa ra ngay một 'danh sách những người Cộng sản hoặc thân cộng' gồm tới 57 nhân viên trong Bộ Ngoại Giao và

Bộ Quốc Phòng. Sau đó, danh sách này còn được tăng lên tới 200. Nổi tiếng nhất là vụ khởi tố một nhân viên Bộ Ngoại Giao tên là Alger Hiss. Vụ này rất sôi nổi và Hiss đã bị kết án.[2]

Trong bầu không khí ấy, người anh hùng Thế Chiến II, Tướng Dwight Eisenhower đã đại thắng trong cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1952. Dù lập trường tranh cử của ông là hoà bình, nhưng ông rất cứng rắn đối với Cộng sản. Tuy tiền nhiệm của ông là hai Tổng Thống Roosevelt và Truman cũng đã lo ngại về sự lớn mạnh của Cộng sản, nhưng lập trường của TT Eisenhower là ngăn chận sự bành trướng ấy một cách rõ ràng và vững chãi.

Con cờ Đôminô

Tướng de Lattre đã nói: *"Bắc Việt là chìa khóa của Đông Nam Á,"* mà bây giờ mất đi rồi thì Mỹ tính sao đây?

Trong Chương 3, khi phân tích Huấn Lệnh NSC # 64, chúng tôi có bàn tới nguồn gốc Thuyết Đôminô, nhưng người dùng chữ này chính là TT Eisenhower: *"Nếu để một nước mất đi thì tất cả những nước khác sẽ nằm xuống như một hàng con cờ đôminô,"* Tổng Thống Eisenhower tuyên bố năm 1954 khi ông nói về sự cần thiết phải bảo vệ Miền Nam. Câu tuyên bố nổi tiếng này từ đó trở thành 'Thuyết Đôminô.'

Sau thất bại Điện Biên Phủ, Ngoại trưởng Dulles cố nhìn vào một khía cạnh tích cực. Ông nói với ông Emmet John Hughes:

> **"Bây giờ chúng ta lại có được một căn cứ sạch sẽ ở đó (Việt Nam), không còn bị hoen ố vì mầu sắc thực dân nữa: Điện Biên Phủ là một sự may mắn trá hình."**

(Now we have a clean base there (Vietnam), without the taint of coloniasm. Dien Bien Phu is a blessing in disguise).[3]

Hiệp Định Geneva vừa ký xong tháng 7, 1954 thì các hoạt động của Hoa Kỳ tại Miền Nam đã bắt đầu trở nên mạnh mẽ ngay trong tháng 8.

Cùng một ngày Tòa Đại sứ thông báo cho chính phủ Việt

Nam về việc Hoa Kỳ yểm trợ chuyển vận những người di cư từ Bắc vào Nam, cơ quan Cố Vấn Quân sự Mỹ ở Sàigòn hoàn thành một báo cáo gửi về Bộ Ngoại Giao để tường trình cho chính phủ kết quả của một cuộc nghiên cứu về vai trò của Hoa Kỳ đối với tương lai của miền Nam Việt Nam. Mục đích của báo cáo là: "hoạch định toàn bộ những hoạt động, gồm cả chính trị, tâm lý, quân sự, và kinh tế để Hoa Kỳ có thể áp dụng nhằm bảo đảm cho Miền Nam được tồn tại là một quốc gia tự do, đồng thời giúp củng cố đất nước này thành một hàng rào vững chắc để ngăn chặn sự bành trướng của cộng sản."

Phái bộ Cố Vấn Quân Sự Mỹ
Công điện 3024
Ngày 8 tháng 8, 1954

Trong báo cáo này, những biện pháp rõ ràng về từng lãnh vực được tóm tắt như sau: [4]

Về chính trị và tâm lý:

- Hoa Kỳ sẽ tự giải thích theo ý mình Hiệp Định ngưng chiến để được được hoàn toàn tự do liên lạc với quốc gia Việt Nam...
- Theo thỏa thuận, Hoa Kỳ sẽ đóng vai trò chi phối trong việc cộng tác với Pháp và Việt Nam để phát triển một nước Việt Nam vững mạnh...
- Thuyết phục chính phủ Việt Nam tuyên bố ngay là đã được hoàn toàn độc lập;
- Thuyết phục chính phủ Pháp phải tuyên bố rõ ngày tháng sẽ triệt thoái quân đội Pháp khỏi Việt Nam để Việt Nam được hoàn toàn tự do.

Về quân sự:

- Thiết lập một hệ thống tuyển quân thực tế và hiện đại.

Chuyên gia Mỹ về tuyển quân sẽ yểm trợ công tác này;

- Thành lập cơ quan tình báo quốc gia và những chương trình tình báo khác cho mọi lãnh vực;
- Nghiên cứu và tái tổ chức bộ quốc phòng và quân đội Việt Nam;
- Thiết lập cho mỗi binh chủng những trung tâm huấn luyện có năng suất cao và hữu hiệu, gồm cả huấn luyện về chỉ huy và chiến trường...Phát triển một quân đội Việt Nam độc lập gồm cấp sư đoàn.

Về kinh tế:

- Giúp xây lại đường xe lửa;
- Phát triển hệ thống xa lộ;
- Giúp chương trình cải cách điền địa; và
- Phát triển gia cư, trường học, cải thiện hệ thống vệ sinh và môi sinh.

Với những biện pháp đó, báo cáo đi tới kết luận: *"Chúng tôi tin rằng kế hoạch trên đây là những biện pháp cuối cùng để cứu lấy phần Việt Nam còn lại...Chúng tôi nghĩ rằng đây thực là một cuộc chiến nên tất cả những biện pháp của thời chiến phải được áp dụng trong mọi lãnh vực cho tới khi tình trạng khẩn cấp được chấm dứt."*

Thất bại Điện Biên Phủ đe dọa trầm trọng an ninh Hoa Kỳ

Gần hai tuần sau báo cáo từ Saigon, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia lại có một huấn thị để 'Duyệt lại chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á.' Phân tích những hậu quả của việc Pháp bại trận tại Điện Biên Phủ, huấn thị nhận xét rằng *'thắng lợi của Cộng sản tại Hội Nghị Geneva đã đưa tới những hậu quả trầm trọng đe dọa nền an ninh của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á và*

làm tăng sức mạnh của Cộng sản tại đó.[5] Theo sự nhận xét của tài liệu rất dài này, những lý do đưa tới tình trạng như trên đây được tóm tắt như sau:

Huấn thị NSC 5429/2
Ngày 20 tháng 8, 1954

Những lợi ích cho Cộng sản:

- Sau Geneva, lực lượng Cộng sản đã chiếm được một chỗ đứng quan trọng tại Việt Nam để từ đó làm áp lực vào những khu vực khác;
- Do việc áp dụng một thái độ có vẻ hòa nhã tại Geneva, lại được tiếng là đã ngưng chiến ở Đông Dương, Cộng sản sẽ ở trong một địa vị thuận lợi hơn để khai thác luận điệu cho rằng Hoa Kỳ là kẻ quá khích, là kẻ hiếu chiến, đã phản đối việc chung sống trong hòa bình của các quốc gia; và
- Vì vậy Cộng sản đã có được một căn bản để làm nổi bật chiêu bài 'quảng bá về hòa bình,' và đưa ra một "chương trình về hòa bình" để vừa trấn an vừa giao hảo với các quốc gia ở Á Châu.

Những bất lợi cho Hoa Kỳ:

- Là một hậu thuẫn của Pháp và Bảo Đại, Hoa Kỳ đã mất đi uy tín của mình tại Á Châu, một sự việc làm cho các chính phủ nơi đây nghi ngờ thêm nữa về sự lãnh đạo cũng như khả năng của Hoa Kỳ trong công cuộc ngăn chận sự bành trướng của Cộng sản tại Á Châu;
- Rồi đây, uy tín của Hoa Kỳ chắc chắn sẽ còn lệ thuộc thêm vào những việc gì sẽ xảy ra cho Đông Nam Á trong tương lai;
- Vì uy tín của Cộng sản về quân sự cũng như chính trị đã tăng nên chỉ cần khai thác những yếu kém về chính trị, kinh tế, và sự bất ổn định của các quốc gia tự do ở Á

Châu là có thể tăng thêm ảnh hưởng mà không cần phải dùng tới những biện pháp quân sự;

- Ngoài ra, nếu để Đông Nam Á sụp đổ thì sẽ khó mà giữ được nước Nhật tiếp tục đóng vai trò then chốt tại các quốc gia hải đảo.

Bởi vậy, huấn lệnh cho rằng Hoa Kỳ phải có ngay những biện pháp thích ứng và tổng thể để đối phó:

Riêng đối với Đông Dương:

Sau đây là tám biện pháp cần được thực hiện:

• Hoa Kỳ sẽ làm bất cứ những gì có thể, miễn là không lộ liễu là đi trái với lập trường của mình về Hiệp Định Geneva để:

- o đánh bại những phá hoại và ảnh hưởng của Cộng sản;
- o bảo tồn và yểm trợ các chính phủ Miên, Lào và bảo tồn cho được một chính phủ thân hữu và không Cộng sản tại miền Nam Việt Nam; và
- o ngăn chận việc Cộng sản sẽ thắng cử trong những cuộc tổng tuyển cử trên toàn cõi Việt Nam (ấn định vào năm 1956).

- Thúc giục Pháp sớm thừa nhận và đối xử với Miên, Lào và Việt Nam Tự do cho đúng nghĩa là những quốc gia có chủ quyền thực sự;
- Tăng cường sự có mặt của Hoa Kỳ, và khi có lợi cho Hoa Kỳ thì phải liên lạc ngoại giao trực tiếp với các chính phủ Việt Nam Tự Do và Miên, Lào; vì vậy,
- Hoa Kỳ chỉ cộng tác với Pháp trong một giới hạn cần thiết nào đó để giúp cho các quốc gia này phát triển được:

  - o một lực lượng quân sự cần thiết cho an ninh quốc nội; và
  - o một nền kinh tế mạnh đủ để duy trì và củng cố những chính phủ tự do;

- Tiếp tục trợ giúp việc di chuyển từ Bắc Việt và định cư những người không muốn sống dưới chế độ Cộng sản; đồng thời,
- Khai thác mọi phương tiện để làm cho sự kiểm soát của Việt Minh ngoài Bắc thêm phần khó khăn;
- Dùng mọi biện pháp để ngăn chận Bắc Việt khỏi bị sát nhập vĩnh viễn vào khu vực Liên xô, và sau cùng,
- Dùng những hoạt động ngấm ngầm nhưng qui mô và hữu hiệu để yểm trợ cho những công tác nói trên.

Viện trợ thẳng cho Miền Nam dù Pháp phản đối

Như vậy là đã đến lúc Hoa Kỳ phải ra tay làm mọi biện pháp cần thiết để củng cố một Miền Nam tự do dính liền với quyền lợi của Hoa Kỳ. Việc quan trọng cần làm ngay là phải tăng cường sự có mặt của Hoa Kỳ, và liên lạc ngoại giao trực tiếp với chính phủ Sàigòn mà không còn phải đi qua trung gian chính phủ Pháp nữa.

Sự việc này được Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ thông báo cho Bộ trưởng Quốc Phòng ngay. Ngày 26 tháng 8, 1954, Thứ trưởng Bedell Smith viết cho Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng Charles E. Wilson:

> *"Như Ngài biết, Tổng Thống đã chấp thuận một văn bản gửi Thủ Tướng Pháp thông báo rằng từ nay Hoa Kỳ sẽ cung cấp viện trợ cần thiết cho ba quốc gia Đông Dương một cách trực tiếp thay vì qua ngả trung gian của Pháp."* [6]

Được tin Hoa Kỳ sắp viện trợ thẳng cho Chính phủ Sàigòn, Pháp rất khó chịu, nhưng vì còn cần viện trợ nên cũng phải điều đình để khỏi làm phật lòng Mỹ. Vào thời điểm ấy, quân đội Pháp rút từ Bắc vào vẫn tiếp tục đóng tại Miền Nam, việc cớ là Pháp còn phải bảo đảm cho việc thi hành Hiệp Định Đình Chiến và tổ chức tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ vào hè 1956.

Tại cuộc họp quan trọng hậu Geneva giữa Pháp và Mỹ tại Washington từ ngày 27 tới 29 tháng 9, 1954, Pháp cố thuyết

phục chính quyền Eisenhower cứ tiếp tục tài trợ cho Quân đội Viễn chinh Pháp, và nhất định phản đối việc Mỹ viện trợ thẳng cho chính phủ Việt Nam.

Pháp đưa bốn lý do ra để thuyết phục Mỹ:[7]

- Nếu Mỹ viện trợ thẳng cho Miền Nam là vi phạm Hiệp Định Geneva;
- Làm như vậy là khiêu khích Trung Quốc;
- Viện trợ là đưa cơ hội tham nhũng cho người Việt Nam; và
- Những hy sinh của Pháp giúp cho chính phủ Miền Nam cũng như những ràng buộc của Miền Nam là một thành viên trong Liên Hiệp Pháp đòi hỏi việc phải để cho Pháp quản trị viện trợ.

Trước sự chống đối của Pháp, Mỹ tìm kế hoãn binh, tránh né: chỉ trả lời cho Pháp một cách lơ mơ là chính phủ Hoa Kỳ còn phải đợi tới cuối năm 1954 mới biết được ngân sách viện trợ ra sao rồi mới quyết định được. Tại cuộc họp, Mỹ còn cho Pháp cái cảm tưởng là sẽ có thể chấp nhận những lý do mà Pháp đưa ra. Làm như vậy là để cho Pháp vui lòng và đồng ý ủng hộ và trao trả hoàn toàn thẩm quyền về dân sự cho chính phủ Miền Nam.

Kết thúc cuộc họp, Pháp đồng ý:

- Ủng hộ chính phủ Ngô Đình Diệm; và
- Sẽ hoàn thành việc chuyển giao các thẩm quyền về kinh tế, tài chánh, và các chức năng dân sự khác cho Việt Nam vào tháng 12, 1954.

Như vậy là Pháp có bề yên tâm rằng mình sẽ tiếp tục nhận được viện trợ Mỹ. Ngờ đâu, chỉ một tháng sau cuộc họp Washington, ngày 29 tháng 10, Ngoại trưởng Dulles bất chợt nói thẳng với Thủ Tướng Pháp Mendès-France rằng:

"Chỉ mình chính phủ Hoa Kỳ quản lý viện trợ cho Miền Nam." [8]

Bước ngoặt của bang giao Việt - Mỹ

Ngoại trưởng Dulles nói như vậy vì trước đó, ngày 1 tháng 10, 1954, Tổng Thống Eisenhower đã gửi cho Thủ tướng Ngô Đình Diệm một bức thư thông báo lập trường hoàn toàn mới của Hoa Kỳ. Thư này là một bước ngoặt, đánh dấu gần 20 năm Hoa Kỳ trực tiếp hỗ trợ cho Miền Nam. Nó phản ảnh nét chính của việc thiết kế một tiền đồn. Bức thư đã được thảo từ tháng 8, ngay sau sau khi kết thúc Hiệp định Geneva, nhưng Chính phủ cũng như Quốc hội Hoa Kỳ còn phải đắn đo kỹ lưỡng. Tới cuộc họp của Hội đồng An Ninh Quốc Gia ngày 22 tháng 10, Tổng Thống Eisenhower mới đi tới quyết định. Bức thư được gửi ngay cho đại sứ Donald Heath để chuyển đạt (nhưng văn thư chính thức vẫn đề ngày 1 tháng 10): [9]

White House
Ngày 1 tháng 10, 1954

Kính gửi Thủ tướng Ngô Đình Diệm

Kính thưa Thủ Tướng,

"Tôi đã theo rõi hết sức chăm chú những tiến triển tại Việt Nam, đặc biệt là từ sau khi kết thúc hội nghị Geneva. Những ẩn ý của hiệp định này đối với Việt Nam đã làm cho chúng ta lo ngại về tương lai của một nước bị tạm thời phân chia bằng một ranh giới giả tạo để tập trung quân, một nước đã bị yếu đi do một cuộc chiến kéo dài làm kiệt sức, một nước phải đương đầu với những thù địch từ bên ngoài cũng như những phá hoại của những kẻ cộng tác từ bên trong.

"Chúng tôi đang đáp ứng những yêu cầu mới đây của Ngài về việc yểm trợ công tác lớn lao là chuyên chở hàng trăm ngàn công dân Việt Nam được thoát khỏi những khu vực mà trên thực tế đang rơi vào sự thống trị và một ý thức hệ mà họ ghê tởm. Tôi rất hài lòng là Hoa Kỳ đang

giúp đỡ một cố gắng thật nhân đạo như thế này.

"Và chúng tôi đã khảo sát những phương thức để viện trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam được hữu hiệu hơn và có thể đóng góp nhiều hơn nữa cho thịnh vượng và ổn định của Việt Nam.

"Bởi vậy, tôi đã chỉ thị cho Đại sứ Mỹ ở Việt Nam để xem xét với Ngài, với tư cách Ngài là Lãnh đạo của Chính phủ, làm sao để một chương trình của ***Hoa Kỳ viện trợ thẳng cho Chính phủ của Ngài có thể yểm trợ được nước Việt Nam trong giờ phút thử thách này, với điều kiện là Chính phủ của Ngài sẵn sàng đảm bảo về những tiêu chuẩn của việc xử dụng viện trợ khi được cung ứng.***

"Mục đích của chương trình này là để hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam trong công cuộc phát triển và duy trì một quốc gia hùng mạnh, vững bền, đủ khả năng chống lại những phá hoại và tấn công bằng võ lực.

"Chính phủ Hoa Kỳ mong đợi cho chương trình này được Chính phủ Việt Nam đáp ứng lại bằng việc áp dụng những biện pháp cải thiện cần thiết. Hoa Kỳ hy vọng rằng viện trợ này sẽ được kết hợp với những cố gắng tiếp tục của Ngài để đóng góp đắc lực vào việc xây dựng một nước Việt Nam độc lập và một chính phủ mạnh mẽ.
"Tôi hy vọng rằng, một chính phủ như vậy sẽ đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân, một chính phủ thật thông suốt về những mục tiêu của mình và hữu hiệu trong những hành động để được sự thán phục tại quốc nội cũng như quốc ngoại, giúp ngăn chận được bất cứ những ai muốn áp đặt một ý thức hệ ngoại bang vào nhân dân tự do của Ngài."

Trân trọng
Dwight D. Eisenhower

Đây là văn kiện lịch sử được liệt vào hàng quan trọng nhất vì về sau này các chính phủ TT Kennedy và TT Johnson đều

trích dẫn văn thư này làm nền tảng cho chính sách viện trợ cho Miền Nam: nó đã được bắt đầu ngay từ thời TT Eisenhower.[10]

Gửi Tướng Collins sang thi hành chính sách mới

Để thúc đẩy việc thi hành các chương trình viện trợ và những biện pháp mới, Đô đốc Felix Stump (1894-1972), Tư lệnh Thái Bình Dương đề nghị với Tổng Thống gửi một nhân vật với đầy đủ kinh nghiệm và uy tín sang Việt Nam để điều hợp toàn bộ các hoạt động của Hoa Kỳ. Nhân vật ấy phải có đủ uy thế để có thể kềm lại "một lịch sử lâu dài của việc nhân sự Hoa Kỳ tại Đông Dương đã bị Pháp lừa bịp" và việc người Pháp cứ làm cho mọi hoạt động bị chậm chạp phải "được khuất phục một cách mạnh mẽ." Ngày 8 tháng 11, Tướng Lawton Collins (1896-1987) cựu Tham Mưu Trưởng Lục quân Hoa Kỳ trong thời gian chiến tranh Triều Tiên được cử sang làm Cao Ủy tại Sàigòn với hàng Đại Sứ, đầy đủ thẩm quyền do chính Tổng Thống Eisenhower trao cho. Sứ mệnh của ông là điều hợp và hướng dẫn một chương trình yểm trợ đầy đủ cho chính phủ Diệm để thực hiện ba mục tiêu:[11]

- Củng cố an ninh đối nội cũng như ổn định về chính trị và kinh tế;
- Thiết lập quyền kiểm soát của chính phủ trên toàn lãnh thổ; và
- Chống lại mọi việc xâm nhập của Việt Minh vào vùng dưới vĩ tuyến phân chia.

Để củng cố an ninh nội bộ, ngày 13 tháng 12, 1954, sau những thương thuyết khó khăn, Cao Ủy Collins họp với Tướng Ely để thúc bách Pháp chuyển giao quyền độc lập về quân sự cho Việt Nam, có nghĩa là tất cả các đơn vị quân đội đều do sĩ quan Việt Nam chỉ huy. Hai người ký một *Bản Ghi Nhớ,* theo đó, Pháp sẽ chuyển hoàn toàn độc lập về quân sự cho Quân đội Quốc Gia Việt Nam. Về việc này, mặc dù đã cho ông Ely được đầy đủ thẩm quyền để thương thuyết với ông Collins, Thủ tướng Pháp Pháp Mendès France cũng không mấy vui lòng về

Bản Ghi Nhớ này, nhất là về việc phải dần dần rút các huấn luyện viên người Pháp về nước. Ông cho rằng, như vậy không những mất thể diện mà còn đi tới chỗ chấm dứt mọi ảnh hưởng quân sự của Pháp tại nước này. Cả Mendès France và Ely đều khẳng định với Mỹ rằng nếu huấn luyện viên người Pháp rút hết đi thì Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về chính sách của thế giới tự do tại Đông Dương.[12]

"Ta phải lao vào"

Nhưng vì đã quyết tâm nên Mỹ không ngần ngại lĩnh nhận trách nhiệm ấy, lại thấy triển vọng ở Việt Nam là khả quan. Kết thúc năm 1954, ngày 24 tháng 12, Ngoại trưởng Dulles gửi một thông điệp cho cả Tướng Collins ở Sàigòn và Đại sứ Dillon ở Paris bình luận về tình hình và vạch ra đường hướng cho những hành động tương lai. Thông điệp này được coi như một bảng tổng kết cuối năm. [13]

Tóm tắt về tình hình nội bộ, ông Dulles khẳng định rằng "Tuy Việt Nam Tự Do phải đương đầu với nhiều vấn đề phức tạp và khó khăn, nhưng không có lý do nào ta phải chấp nhận sự thất bại." Tại sao lạc quan ? Ông đưa ra năm lý do:

- Trong thời gian là năm tháng kể từ Hiệp định Geneva, tình hình tại Miền Nam đã không tới chỗ tan rã;
- Dân chúng căn bản là chống Cộng;
- Miền Nam có những tài nguyên lớn lao;
- Vấn đề Tướng Hinh đã được giải quyết ổn thỏa;
- Công cuộc định cư tiến hành khá tốt đẹp ; và trên vài phương diện, tình hình còn tiến triển tốt đẹp hơn là tiên đoán.

Ngoài ra, Dulles còn nói tới ba yếu tố khác cũng rất thuận lợi:

- Hoa Kỳ đã bắt đầu viện trợ trực tiếp cho chính phủ Việt Nam;
- Pháp quyết định giảm bớt Quân đội Viễn chinh tại Việt Nam; và

- Sự thành công trong việc thiết kế một Hiệp ước Liên phòng Đông Nam Á (SEATO), tất cả đều là những yếu tố tích cực có ảnh hưởng đến tiến trình tốt đẹp.

Mặt khác, ông Ngoại trưởng cho rằng "chúng ta cũng không nên quên sự việc là chính Cộng sản cũng đang phải đối diện với nhiều vấn đề nội bộ hết sức khó khăn, và đang bối rối trước viễn tượng thành công tối hậu của Thế giới Tự do." Bởi vậy, theo ông, nếu Hoa Kỳ rút lại sự yểm trợ cho Miền Nam thì Cộng sản sẽ chiếm đoạt nước này mau lẹ hơn và đem lại hậu quả tai hại cho toàn cõi Đông Nam Á. Ông kết luận rằng:

> "Đầu tư vào Việt Nam là đúng lý, dù chỉ là để mua thêm thời gian giúp xây dựng sức mạnh ở những nơi khác trong vùng, trừ phi nước Việt Nam Tự do rõ ràng không còn hy vọng gì và tan rã mau chóng, chúng ta không có lựa chọn nào khác hơn là tiếp tục viện trợ và ủng hộ ông Diệm, vì không có nhà lãnh đạo nào khác xứng hợp hơn."

Theo những nhận xét đó, Dulles không đồng ý với các Tướng Collins và Ely là Hoa Kỳ nên đặt ra một thời hạn chót để thay thế ông Diệm bằng người khác: "Điều quan trọng không phải là thay Diệm mà là củng cố sức mạnh của Miền Nam về cả quân sự lẫn kinh tế."

Về quân sự, ông đề nghị Hoa Kỳ sớm chấp thuận đề xuất của Collins-Ely về việc huấn luyện quân đội: *"Chỉ khi nào chúng ta bắt tay vào việc tái tổ chức và phục hồi sức mạnh cho Quân đội Quốc gia chúng ta mới có hy vọng cải tiến tình trạng an ninh và giảm bớt ảnh hưởng của Cộng sản đối với Việt Nam."*

Điểm cấp bách thứ hai được đặt ra là biện pháp kinh tế, xã hội: phải xúc tiến vấn đề cải cách điền địa để tác động vào sự ủng hộ của nhân dân, vì nông dân là thành phần đại đa số: *"Cải cách ruộng đất có giá trị tuyên truyền lớn lao mà Cộng sản đã biết cách khai thác. Về phần chúng ta, cũng phải làm được gì để yểm trợ những chương trình biến cái yếu tố căn bản và nhạy cảm này làm lợi ích cho phe ta."*

Chọn ngày để nhảy vào: 1 tháng 1, 1955

Phân tích như vậy rồi ngày 29 tháng 12, trong một buổi họp cao cấp tại Bộ Ngoại Giao, ông Ngoại trưởng đã đi tới kết luận là Mỹ phải can thiệp trực tiếp. Ông còn chọn ngày để bắt đầu: [14]

> ***"Chúng ta phải tiến hành như đã dự định, và ta phải lao vào (take the plunge), bắt đầu từ ngày 1 tháng 1,1955."***

Như vậy là đồng minh Hoa Kỳ đã thực sự sát cánh kề vai với Miền Nam Tự Do. Ngoài vấn đề chính trị, kinh tế, vấn đề quân sự là quan trọng nhất trong thời điểm mới.

Vào đúng ngày ấy (1 tháng 1, 1955), Pháp thoa thuận là Mỹ sẽ chính thức đảm trách công tác huấn luyện quân đội Việt Nam. Đã từ lâu, Hoa kỳ cứ thúc dục Pháp về việc đào tạo và phát triển một quân đội bản xứ. Nhưng như đã đề cập ở chương trước, Pháp luôn luôn hứa sẽ làm, nhưng rồi tìm cớ này cớ khác để trì hoãn. Nhưng bây giờ thì khác, Hoa Kỳ đã có danh chính ngôn thuận để xúc tiến việc này. Tướng Collins có sứ mệnh phải áp lực Pháp về việc này.

Bởi vậy, ngay sau khi có quyết định 'ta phải lao vào,' ngày 19 và 20 tháng 1, 1955 hai bên trao đổi thư tín để bàn định về một thỏa thuận. Mỹ đề nghị đảm nhận việc huấn luyện và tài trợ cho quân đội Việt Nam ($214.5 triệu) trù liệu là sẽ được thu gọn lại là 100,000 người vào cuối năm 1955. Hai bên đi tới chỗ bế tắc, nhưng sau cùng thì Pháp cũng nhượng bộ vào ngày 11 tháng 2.

Ngày hôm sau, 12 tháng 2 , Tướng O'Daniel được chính thức trao cho trách nhiệm huấn luyện quân đội Việt Nam và một 'Phái Đoàn Huấn Luyện và Đào Tạo' có tên là 'TRIM' (Training Relations and Instruction Mission) được thiết lập và hoạt động ngay. Cho dù vẫn còn những bất đồng ý kiến giữa Pháp và Mỹ, các sĩ quan TRIM đã mạnh dạn và mau mắn xúc tiến công việc huấn luyện và giúp tổ chức lại quân đội rập theo mô hình quân đội Hoa Kỳ. Việc này phải được tiến hành mau lẹ, vì nhu cầu khẩn thiết là khi đoàn cố vấn và 150,000 quân đội Viễn chinh Pháp rút đi, quân lực Việt Nam sẽ phải hoàn toàn

đảm nhận nhu cầu quốc phòng.

Từ bên ngoài: xây dựng phòng tuyến SEATO để bảo vệ

Bước đầu của việc xây dựng một tiền đồn tại Đông Nam Á như vậy là đã được sắp xếp. Bây giờ Hoa kỳ tập trung vào hai lĩnh vực: thiết lập một phòng tuyến để bảo vệ tiền đồn từ bên ngoài, và phát triển một quân đội quốc gia hùng mạnh để bảo vệ từ bên trong.

Về phòng tuyến bên ngoài thì sau khi Mao Trạch Đông chiếm Trung Quốc lục địa, từ năm 1950 Hoa Kỳ đã bàn tới việc này. Ngày 2 tháng 5, Bộ Tổng Tham Mưu đệ trình Bộ Trưởng Quốc phòng một bản nhận xét về tình hình và khuyến cáo Hoa Kỳ, trong cương vị là lãnh đạo của Thế giới Tự do phải chủ động sắp xếp với các quốc gia Đông Nam Á về mặt quân sự để đi tới một thỏa hiệp bảo vệ hỗ tương. Sau hội nghị Geneva, Mỹ thực sự xúc tiến thỏa ước này vì cho rằng sở dĩ TT Eisenhower không thể tiếp viện cho Pháp lúc Điện Biên Phủ lâm nguy là vì thiếu sự đồng ý của đồng minh Anh Quốc. Cho nên việc phải sắp xếp với đồng minh ngay từ đầu những cuộc xung đột là điều quan trọng. Sau Geneva, quan niệm chung trong nội bộ chính phủ Hoa Kỳ cho rằng việc đã phải nhường một nửa nước Việt Nam cho Việt Minh là một sự rút lui khác nữa của Hoa Kỳ trước sự bành trướng nhanh chóng của Cộng sản. Nhưng làm sao để chận được sự bành trướng này lại? Hoa kỳ cho rằng trong thực tế muốn làm gì mạnh thì cũng cần phải có đồng minh, vì khi suy tính lại về kinh nghiệm Điện Biên Phủ và Geneva, Ngoại Trưởng Dulles đã công khai tuyên bố rằng ông đã rút ra được hai bài học. *Thứ nhất,* cần có sự ủng hộ của nhân dân: nhân dân Pháp đã không ủng hộ quân đội viễn chinh nên Pháp đã bại trận. *Thứ hai*, quan trọng nhất là: [15]

> **"Mỹ sẽ không thể có được sự hợp tác của các đồng minh một khi cuộc chiến đã bắt đầu xảy ra rồi** (như trường hợp Điện Biên Phủ).

Hiệp Ước Liên Phòng Đông Nam Á - SEATO

Bởi vậy ông quyết định phải sắp xếp được sự hợp tác ấy trước khi có cuộc chiến. Đó là lý do dẫn tới việc thiết kế một hệ thống phòng thủ chung cho các quốc gia ở vùng Biển Đông trong khuôn khổ một "Hiệp Ước Liên Phòng Đông Nam Á" hay SEATO (South East Asia Treaty Organization).[16] Nếu ở Âu Châu có NATO để chống ảnh hưởng của Nga Xô thì ở Á Châu phải có SEATO để ngăn chận sự bành trướng của Trung Quốc. NATO đã được ký kết ngày 4 tháng 4, 1949 với nhiều điều khoản quan trọng, nhất là điều 4: *"Tất cả các thành viên đồng ý rằng một cuộc tấn công có võ trang nhằm vào bất cứ nước nào trong các thành viên ở Âu Châu hay Bắc Mỹ đều được coi như là tấn công nhằm vào tất cả mọi thành viên."* Rập theo khuôn này, một điều khoản tương tự như vậy cũng có thể được ký để bảo vệ Đông Nam Á là chắc ăn nhất.

Vào mùa Thu năm 1954, một hội nghị quốc tế được tổ chức tại Manila, Phi Luật Tân để thành lập Liên Minh này. Đại diện phái đoàn Hoa Kỳ, Ngoại trưởng Dulles đọc một diễn văn hùng hồn vào ngày 6 tháng 9:[17]

> "Chúng ta tới nơi đây là để thành lập một khuôn khổ bảo vệ an ninh hỗ tương cho vùng Đông Nam Á. Khi làm như vậy, chúng ta chỉ hành động theo như thẩm quyền và nguyên tắc của Hiến Chương Liên Hiệp Quốc...để thực thi quyền căn bản là tự bảo vệ lẫn nhau...
>
> "Bản thân Hoa Kỳ không có một quyền lợi về lãnh thổ nào ở Đông Nam Á, nhưng chúng tôi cảm nhận một số mệnh chung với những dân tộc đang sinh sống và hoạt động ở vùng này.
>
> "Chúng ta nối kết với nhau bởi một hiểm họa chung, một hiểm họa do cộng sản quốc tế cùng với những tham vọng không thể thỏa mãn của họ. Chúng ta biết chắc rằng khi cộng sản thắng thế ở bất cứ nơi nào, thí dụ như ở Đông Dương, thì họ không cho đó là thắng lợi cuối cùng mà chỉ coi là một đầu cầu để đi tìm những thắng

lợi khác trong tương lai.

"Chính sự kiện này đòi hỏi mỗi thành viên trong chúng ta phải quan tâm tới những gì xảy ra ở nơi khác.

"Hiểm họa này có thể biểu lộ ra bằng nhiều cách mà tấn công bằng vũ lực là một hình thức.

Cho nên chúng ta có thể giảm thiểu hiểm họa này bằng cách tuyên bố cho rõ ràng rằng việc tấn công vào bất cứ nơi nào trong khu vực của Hiến Chương sẽ được đối phó bằng những phản ứng liên minh hết sức chặt chẽ, mạnh mẽ và thích ứng đến mức kẻ gây hấn thấy được rằng họ sẽ mất mát nhiều hơn là hy vọng thắng lợi..."

Kết quả của Hội Nghị Manila là ngày 8 tháng 9, 1954, SEATO được ký kết giữa tám nước: Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Tân Tây Lan, Pakistan, Thái Lan và Phi Luật Tân. Tuy văn kiện này lỏng lẻo hơn NATO, nhưng nó là một cơ sở pháp lý để Mỹ có thể can dự vào việc bảo vệ Đông Nam Á. Toàn bộ văn bản được gọi là 'Hiệp Ước và Nghị Định Thư về Liên Phòng Đông Nam Á' (Southeast Asia Collective Defense Treaty and Protocol). Điều 4 quy định: *"Mỗi thành viên công nhận rằng khi một cuộc tấn công có võ trang đánh vào bất cứ thành viên nào, hay nhằm vào một quốc gia hoặc một lãnh thổ nào trong khu vực của Hiệp Ước do các thành viên đồng nhất chỉ định, thì đều được coi là đe dọa hòa bình và an ninh của chính mình."*

Hiệp ước SEATO là để đối lại với Hiệp Định GENEVA

Hiệp ước được Thượng Viện Hoa Kỳ phê chuẩn ngay sau đó, với 82 phiếu thuận trên 1 phiếu chống, và có hiệu lực từ ngày 19 tháng 2, 1955. Việt Nam (cũng như Miên, Lào) tuy không phải là thành viên, nhưng được gộp vào trong chiến tuyến bảo vệ hỗ tương của SEATO qua một Nghị Định Thư (Protocol) ngày 8 tháng 9, 1954: [18]

"Tất cả các thành viên của SEATO đồng nhất chỉ định

những lãnh thổ sau đây được bao gồm trong Điều khoản IV của Hiệp Ước: Campuchia, Lào và lãnh thổ tự do dưới thẩm quyền của Chính phủ Quốc gia Việt Nam."

Dù rằng nghĩa vụ liên đới của các quốc gia trong SEATO lỏng lẻo hơn NATO và mức cam kết quân sự của Hoa Kỳ cũng không được mạnh mẽ như vậy, nhưng SEATO đã gây một ảnh hưởng lớn, đó là thiết kế được một cái khung làm nền tảng cho việc bảo vệ Đông Nam Á. Thực vậy, từ đó, các Chính phủ Mỹ từ Eisenhower tới Kennedy, Jonhson thường hay nại đến SEATO để làm cơ sở cho các biện pháp nhảy vào cuộc chiến tại Việt Nam. Báo cáo cho Chính phủ Hoa Kỳ về Hội nghị Manila, Đô đốc A.C. Davis, trưởng phái đoàn quân sự Hoa Kỳ đã đúc kết: [19]

"Hội nghị Manila được triệu tập sau khi Cộng sản đã nắm được những thành quả về quân sự tại Đông Dương cũng như đã thắng thế về mặt chính trị tại Geneva. Trong bối cảnh đó, sự cố gắng để thiết lập một hệ thống an ninh chung cho miền Đông Nam Á và Tây Nam Thái Bình Dương phần lớn là nhằm để Thế giới Tự do có thể phục hồi sau khi đã bị một cú đấm mạnh về tâm lý. Hầu hết những phát biểu của các quốc gia tham dự tại hội nghị đều nhấn mạnh về mục tiêu tâm lý ấy.

"Thực vậy, Hiệp Định SEATO được phát xuất từ Manila là để đối ứng với Hiệp Định Geneva."

Những biện pháp quyết liệt

Sau SEATO, Hoa Kỳ duyệt xét lại tình hình và cân nhắc những biện pháp thích ứng để đối phó với sự bành trướng của Cộng sản trong khung cảnh mới của SEATO. Ngày 22 tháng 12, Tổng Thống Eisenhower chấp thuận Huấn lệnh NSC 5429/5 do Hội Đồng An Ninh Quốc Gia đệ trình về 'Chính sách Hoa Kỳ đối với Đông Nam Á'.[20] Huấn lệnh này đi tới kết luận về:

Biện pháp thi hành

"Nếu Cộng sản công khai xâm lăng vào khu vực của hiệp

ước SEATO, Hoa Kỳ có thể nhân danh hiến chương Liên Hiệp Quốc hoặc hiệp ước SEATO hay cả hai, và trên căn bản có sự yêu cầu yểm trợ của quốc gia liên hệ thì Hoa Kỳ có thể dùng biện pháp quân sự cần thiết hay bất cứ biện pháp nào để yểm trợ bất cứ quốc gia nào hay lãnh thổ nào trong khối SEATO nếu họ muốn sẵn sàng chống lại Cộng sản bằng phương tiện quân sự. Dĩ nhiên là trước khi dùng những biện pháp quân sự, chính phủ Hoa Kỳ phải đệ trình và yêu cầu quốc hội chấp thuận, trừ trường hợp khẩn trương mà Tổng Thống cho rằng cần phải có những hành động gấp rút để bảo vệ quyền lợi căn bản của Hoa Kỳ."

Sở dĩ dứt khoát như vậy là vì đã được xác định rõ ràng như sau:

Huấn lệnh 5429/5
Ngày 22 tháng 12, 1954
Nhận xét chung

Thứ nhất, khó khăn chính của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á là phải đương đầu với sự đe dọa trầm trọng đối với an ninh Hoa Kỳ, kết quả của việc Cộng sản bành trướng tại Á Châu gồm Trung Quốc, Bắc Triều Tiên và gần đây tại miền Bắc Việt Nam;

Thứ hai, trong 5 năm nắm chính quyền, chính phủ Cộng sản tại Trung Quốc đã củng cố chặt chẽ sự kiểm soát tại lục địa và phát triển những liên lạc mật thiết với Liên Xô; và

Thứ ba, việc Hoa Kỳ đương đầu với tình hình tại Đông Nam Á lại thêm phức tạp vì thế yếu của những quốc gia không Cộng sản về quân sự và trong những mức độ khác nhau, về chính trị, kinh tế và tâm lý, và như vậy, dễ bị Cộng sản thôn tính...

Ngoài ra còn những lý do khác nữa như (i) quan niệm khác nhau về vấn đề quyền lợi quốc gia làm chia rẽ những quốc gia này; (ii) tinh thần quốc gia quá khích, chống

thuộc địa Âu châu; và (iii) sự khác biệt giữa Hoa Kỳ và các đồng minh Âu Châu về một chính sách chung đối với Đông Nam Á.

Bởi vậy sau khi phân tích kỹ lưỡng là Hoa Kỳ phải đương đầu với sự đe dọa trầm trọng đối với an ninh của mình tại Á Châu cho nên phải thiết lập một phòng tuyến từ bên ngoài để bảo vệ Thế giới Tự do tại nơi đây, đặc biệt là yểm trợ những quốc gia không Cộng sản về mặt quân sự. Tại Việt Nam, Tướng O'Daniel được chính thức trao cho trách nhiệm khởi sự chương trình đào tạo 'TRIM' (Training Relations and Instruction Mission) như đề cập trên đây. Từ cuối 1954, ngoài trung tâm của các Cố vấn Quân sự nằm trên đường Gallieni (Trần Hưng Đạo), các cơ sở của những cơ quan USOM (Viện trợ Kinh Tế) USIS (Sở Thông Tin Hoa Kỳ) được xây dựng rải rác khắp nơi từ Sàigòn tới các đô thị lớn. Phòng Thông Tin Hoa Kỳ là một địa điểm được các anh em học sinh, sinh viên lui tới thường xuyên, lúc nào cũng đông đúc, vui vẻ. Nơi đây, không những có máy lạnh mát rợi, địa điểm rất hiếm hoi thời đó, lại còn đầy đủ sách báo để người đọc làm quen với nền văn hóa và lịch sử của Hoa Kỳ. Đặc biệt có báo *"Thế Giới Tự Do"* với nhiều hình ảnh hấp dẫn về những phong cảnh ở Mỹ cũng như tại các quốc gia tự do ở Á châu. Những hình ảnh này thường được lồng vào những bài bình luận hấp dẫn về vai trò của miền Nam Việt Nam.

Khi xem hình ảnh về Sàigòn, ít khi ta thấy nói tới cái tên cũ của nó là 'Hòn Ngọc của Á Châu.' Bây giờ nó đã trở thành thủ đô của một nước mới và kèm theo một tên mới, đó là:

'Tiền Đồn Của Thế Giới tự Do.'

TT Eisenhower bàn bạc với Ngoại trưởng Dulles. (Hình: "upload.wikimedia")

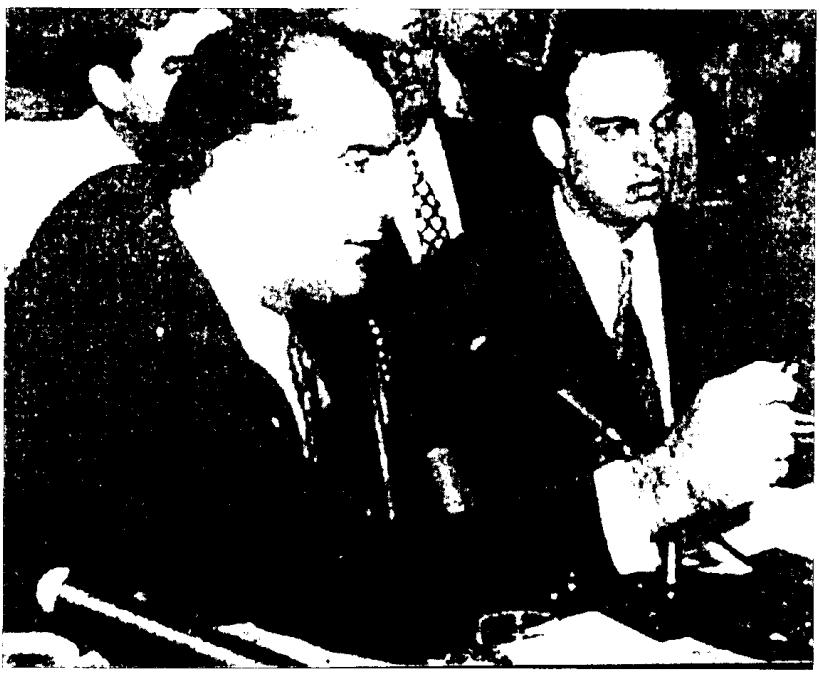

Nghị sĩ Joe McCarthy tiên phong trong việc tố giác có Cộng sản trong chính phủ Hoa Kỳ. (Hình: "thefix.com/content/mccarthy-anticom/coldwar")

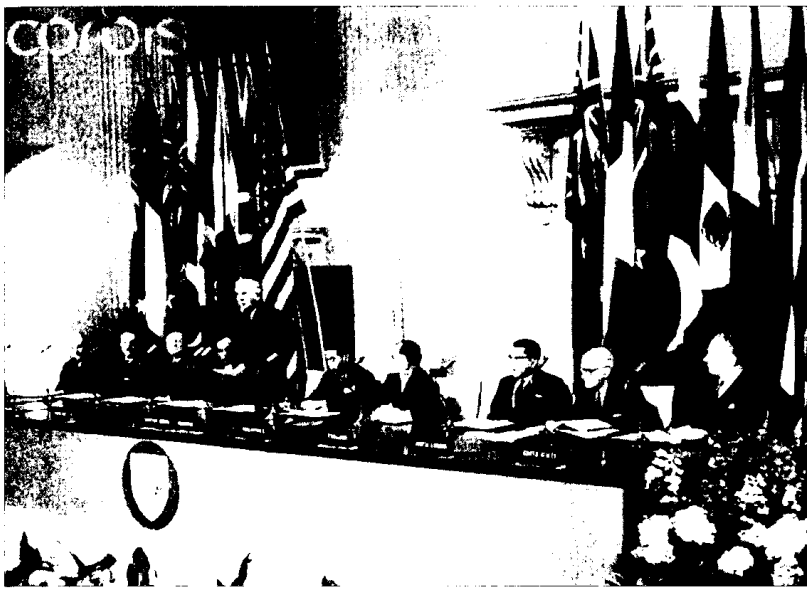

Phiên họp khai mạc của các Bộ Trưởng SEATO. (Hình: "wikimedia")

Phát hành con tem 4 cents tại Mỹ để kỷ niệm sáng lập SEATO.
(Hình: "arago.si.edu)

CHƯƠNG 10

Nhà Tu Hành Lạc Lõng Vào Một Ngân Hà Chính Trị

Tháng 6, 1954 Hội nghị Geneva bắt đầu bàn cãi sôi nổi về vấn đề Đông Dương. Quốc trưởng Bảo Đại cho vời ông Ngô Đình Diệm tới Cannes và chỉ định ông làm Thủ Tướng. Thoạt đầu, ông Diệm không chấp nhận: *"Thưa Hoàng thượng, không thể được ạ, tôi xin trình Ngài là sau nhiều năm suy nghĩ, tôi đã quyết định. Tôi định đi tu."* Nhưng khi ông Bảo Đại nại đến sự tồn vong của đất nước và không cho ông được phép từ quan, ông liền lĩnh nhận sứ mạng, một sứ mạng đã dẫn ông vào cuộc hành trình đầy chông gai, hiểm trở.

Khi tân thủ tướng về tới Sàigòn thì hoàn cảnh thật khó khăn. Trên thực tế, tất cả các quyền hành về quân sự, chính trị, xã hội, kinh tế còn do người Pháp kiểm soát hoặc trực tiếp hay gián tiếp. Biết rõ tinh thần chống Pháp của ông Diệm, nên khi ông vừa chấp chính Pháp đã thuyết phục Đại sứ Mỹ đồng ý để tung kế hoạch dẹp Diệm. Rồi tới Tổng Tham Mưu Trưởng công khai nổi loạn, đưa tới một tình trạng thật nhiễu nhương tại Miền Nam vào lúc ban đầu.

Trong bối cảnh bế tắc chính trị tiếp tục cuối năm 1954, Pháp và Anh đề nghị giải Pháp yêu cầu ông Bảo Đại chỉ định Hoàng Hậu Nam Phương về Sàigòn làm Phó Vương, quyền hạn trên cả Thủ tướng.

Nhưng "Nhà Tu Hành" đã chứng tỏ lòng yêu nước và khả năng khác thường trong một bối cảnh chính trị cực kỳ khó khăn.

Tiếng hát của ca đoàn vang vang trong Thánh Đường buổi sáng hôm ấy. Nhà thờ 'Chính Tòa' (còn gọi là 'Nhà Thờ Đức Bà') đã chật ních những giáo dân. Không khí thật trang nghiêm và linh đình. Đã từ mấy tuần rồi, ca đoàn phải tập dượt cho thật kỹ một số nhạc khúc chọn lọc để hát vào một dịp lễ đặc biệt. Lần đầu tiên, một Hồng Y Mỹ nổi tiếng, ông Francis Spellman, tới thăm viếng Việt Nam. Ông là thượng khách của tân Thủ tướng Chính phủ. Phần đông ca đoàn là những thanh niên vừa được tầu Mỹ chuyên chở từ ngoài Bắc di cư vào Nam, trong đó có tác giả. Từ nơi chiến tranh loạn lạc, bão lụt triền miên, nay được hưởng bầu không khí tự do thanh bình của Miền Nam trù phú, chúng tôi hết sức lên tinh thần. Thành phố Sàigòn văn minh, tráng lệ, đúng là 'Viên Ngọc Trân Châu của Á đông.' Hằng ngày chúng tôi nghe đài phát thanh nói đến 'Nhà chí sĩ Ngô Đình Diệm' từ Mỹ trở về. Bây giờ lại có Hồng Y Giáo phận New York thật lớn tới thăm. Ai nấy đều tràn đầy niềm hứng khởi.

Suy nghĩ của tuổi trẻ chúng tôi đơn sơ là như vậy. Có ngờ đâu vào mùa Thu năm ấy, những sắp xếp trên bàn cờ chính trị tại Miền Nam đã rối ren, nguy hiểm đến mức nào. Trông gương mặt của Thủ tướng Diệm, thấy ông lầm lầm, lỳ lỳ, ít cười nhưng bình tĩnh, khó ai biết được những khó khăn mà ông và trên thực tế, cả Miền Nam, đang gặp phải.[1]

Ý định 'từ quan' không thành

Trong quá vãng, ông Bảo Đại đã mời ông Diệm làm thủ tướng tới ba lần. Lần thứ tư ông mới chấp nhận. Lần thứ nhất là vào năm 1949: sau khi ông Diệm đã đóng góp vào việc đưa ông Bảo Đại từ Hồng Kông về làm Quốc trưởng, ông được mời làm thủ tướng. Hai lần sau là vào năm 1951 khi ông Diệm còn đang ở Mỹ. Cả ba lần ông Diệm đều từ chối cho rằng ông không thể làm được việc gì khi người Pháp còn dính líu vào chính trị Việt Nam. Tới năm 1954, sau khi Quốc Hội Pháp đã thông qua Hiệp Ước Độc Lập (Treaty of Independence) ngày 4 tháng 6, ông Diệm mới chấp nhận. Khi chỉ định ông Diệm, ông

Bảo Đại chỉ tham khảo ý kiến Ngoại trưởng Dulles. Trong hồi ký *Con Rồng Việt Nam,* chính ông Bảo Đại ghi lại về bối cảnh và lý do chỉ định ông Diệm như sau. [2]

> "Chúng tôi không còn tin gì vào người Pháp nữa. Tại Genève, riêng còn người Mỹ là đồng minh của chúng tôi...Tại Sài Gòn, Thủ tướng chính phủ (ông Bửu Lộc) gặp phải sự chống đối quyết liệt của các nhà quốc gia trong phong trào Mặt Trận Đoàn Kết Cứu Quốc do Ngô Đình Nhu lãnh đạo. Mặt trận này không công nhận trước tất cả các quyết định có thể do Genève đặt ra. Tôi cho vời đến Cannes các lãnh tụ của tất cả các phong trào chính trị và tôn giáo ở Việt Nam để hỏi ý kiến. Tôi cho họ biết cái gì đã xảy ra, rằng tất cả đều đã được xếp đặt trước, đến chỗ sẽ chia đôi đất nước. "Tôi vạch ra cho họ sự cần thiết đặt một đường hướng mới, và gợi ý họ là cho thay thế Hoàng thân Bửu Lộc bằng Ngô Đình Diệm, để cầm đầu chính phủ. Tất cả hoan nghênh ý kiến của tôi."

Tại sao lại vời tới ông Diệm? Ông Bảo Đại trả lời:

> "Trước đây đã dùng Diệm, tôi biết ông ta vốn khó tính. Tôi cũng biết ông ta rất cuồng tín, và tin vào đấng Cứu Thế. Nhưng trong tình thế này, không còn có thể chọn ai hơn. Thật vậy, từ nhiều năm qua, người Mỹ đã biết ông, và rất hâm mộ tinh cương quyết của ông. Trước mắt họ, ông là nhân vật đủ khả năng đối phó được với tình thế, vì vậy Washington sẵn sàng hỗ trợ ông ta. Nhờ thành tích cũ, và nhờ sự có mặt của em ông, đang đứng đầu Mặt trận Đoàn kết Cứu quốc, ông lại được nhiều nhà quốc gia cuồng nhiệt ủng hộ, các vị này từng làm đổ chính phủ Tâm và chính phủ Bửu Lộc."

Bởi vậy, ông viết tiếp:

> "Sau khi thảo luận với ông Foster Dulles, để cho ông ta biết ý định ấy, tôi cho vời Ngô Đình Diệm và bảo ông ta:

- "Cứ mỗi khi mà tôi cần thay đổi chính phủ, tôi lại phải gọi đến ông. Ông thì lúc nào cũng từ chối. Nay tình thế rất bi đát, đất nước có thể bị chia cắt làm đôi. Ông cần phải lãnh đạo chính phủ."

- "Thưa Hoàng thượng, không thể được ạ," ông ta đáp. "Tôi xin trình Ngài là sau nhiều năm suy nghĩ, tôi đã quyết định. Tôi định đi tu..."

- Tôi kính trọng ý định của ông. Nhưng hiện nay, **tôi kêu gọi đến lòng ái quốc của ông. Ông không có quyền từ chối trách nhiệm của mình. Sự tồn vong của Việt Nam buộc ông như vậy.**

Sau một hồi yên lặng, cuối cùng ông ta đáp:

- "Thưa Hoàng thượng, trong trường hợp đó, tôi xin nhận sứ mạng mà Ngài trao phó."

Như vậy, giây phút ấy - ngày 16 tháng 6 năm 1954 - là giây phút quyết định số mệnh của ông Ngô Đình Diệm. Ông muốn từ quan để đi tu. Nhưng khi QT Bảo Đại nại đến sự tồn vong của đất nước và không cho ông được phép từ quan, ông phải lĩnh nhận sứ mạng, một sứ mạng đã đưa đến cho ông bao nhiêu nguy hiểm ngay từ đầu để rồi tiếp tục cuộc hành trình chông gai đi tới cuối đường, nơi tử thần đã đứng sẵn để chờ đợi ông.

Những bước gian truân ban đầu

Khi chỉ định ông Diệm, QT Bảo Đại chỉ hỏi ý kiến Ngoại trưởng Dulles chứ không phải là Mỹ đề nghị hay áp lực ông làm như vậy. Nhưng làm thế nào ông Dulles biết đến ông Diệm? Câu chuyện bắt đầu từ năm 1950. Năm ấy là năm người Công Giáo mừng *'Năm Thánh'* (25 năm một lần), Giám mục Ngô Đình Thục đi Vatican mừng lễ cùng với ông Diệm qua ngả Nhật và Mỹ. Tại Mỹ, Giám mục Thục giới thiệu em mình với Hồng y Spellman (cố vấn tinh thần của gia đình ông Kennedy). Ông Diệm lưu lại Mỹ qua tháng 9 và tháng 10, sau đó mới

đi Vatican. Nơi đây ông được yết kiến đức Giáo Hoàng Pius XII. Sau đó ông qua Bỉ, Thụy sĩ, và Pháp gặp một số Việt kiều. Đầu năm 1951, ông trở lại Mỹ và sống tại Chủng viện Maryknoll ở Lakewood, New Jersey. Qua Hồng y Spellman ông gặp được một số chính khách Công giáo, đặc biệt là hai dân biểu John Kennedy và Mike Mansfield cùng với nghị sĩ Joseph McCarthy. Người quan trọng nhất là ông Mansfield vì ý kiến của ông này được Washington tôn trọng trong cương vị ông đã là giáo sư khoa học chính trị và lịch sử Á Đông tại đại học Montana State University trước khi được bầu làm dân biểu. Hè 1954 ông Mansfield đi nghiên cứu tại Việt Nam, khi về đã báo cáo về tình hình đen tối ở Miền Nam lúc ấy (Diệm mới chấp chính) và đi tới kết luận là không có sự lựa chọn lãnh đạo nào khác ngoài ông Diệm, *"Trong trường hợp chính phủ Diệm sụp đổ, Mỹ nên xem xét chấm dứt tất cả viện trợ cho Pháp và quân đội Liên Hiệp Pháp."*

Sau báo cáo Mansfield, TT Eisenhower mới viết bức thư ngày 23 tháng 10, 1954 cho Thủ tướng Diệm để thông báo từ nay Mỹ sẽ viện trở thẳng cho Việt Nam mà không qua Pháp nữa (xem Chương 8). Nhưng rồi Mỹ lại thay đổi lập trường. Tới sau khi ông Diệm giải quyết xong vấn đề Bình Xuyên (cuối tháng 4, 1955) thì Hoa Kỳ mới thực sự ủng hộ ông (xem Chương sau). Như vậy không phải là Mỹ đã nhất mực ủng hộ ông Diệm. Thực ra thì sự ủng hộ ấy rất mong manh. Như sẽ đề cập dưới đây và trong Chương sau:

- Cuối tháng 6, 1954 ông trở về Sài gòn;
- Cuối tháng 8, 1954 (khi ông Diệm mới chấp chính chỉ có hai tháng) Đại sứ Mỹ Donald Heath đã đề nghị: *"Ta phải để ý theo rõi tìm một lãnh đạo khác;"*
- Tháng 9, 1954: Tổng Tham Mưu Trưởng Nguyễn Văn Hinh công khai chống Thủ Tướng.
- Đầu tháng 12, 1954: Đặc ủy của TT Eisenhower (Tướng Collins) đã đề nghị *"Mỹ chỉ nên ủng hộ ông Diệm thêm vài ba tuần nữa thôi."*
- Đầu tháng 4, 1955 Tướng Collins còn đề nghị rõ ràng về

5 bước để loại bỏ ông Diệm.

- Cuối tháng 4, 1955 Washington đã có chỉ thị tối mật: *thay thế thủ tướng Diệm* (xem Chương sau).

Như vậy là chỉ nội trong 10 tháng chấp chính, Mỹ đã muốn thay thế ông Thủ tướng.

Lạc vào nơi cô quạnh

Khi ông tân thủ tướng về tới Sàigòn thì trên thực tế, tất cả các quyền hành về quân sự, chính trị, xã hội, kinh tế còn do người Pháp kiểm soát hoặc trực tiếp hay gián tiếp. Lúc ông Diệm đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất (ngày 26 tháng 6, 1954) thì chỉ có mấy trăm người và một số công chức chính phủ ra đón. Dân chúng Đô thành ít ai biết tới ông. Thật khác với ngày về huy hoàng của Quốc trưởng Bảo Đại 5 năm trước đó, ngày 13 tháng 6 năm 1949. Ông Bảo Đại được đón rước linh đình trọng thể với sự có mặt của các quan chức Việt, Pháp, tướng lãnh các binh chủng, các toán binh sĩ danh dự đứng dàn chào với 21 phát súng đại bác. Buổi chiều có dạ tiệc khoản đãi linh đình tại Dinh Norodom (Dinh độc lập). Ngày ông Diệm trở về thì lại khác. Rời phi trường, xe chở ông đi qua con đường dài tên là *'Rue Charles de Gaulle.'* Vào tới văn phòng, ông thấy Dinh Norodom vẫn còn nằm dưới quyền của người Pháp. Dinh này chỉ được Toàn quyền Paul Ély trao lại vào ngày 7 tháng 9, 1954.[3] Nhân viên bảo vệ trong Dinh lại là nhóm người dưới quyền điều khiển của cảnh sát do lực lượng Bình Xuyên nắm giữ. Ngân sách thì eo hẹp vì tiền bạc còn do Pháp quản lý. Ông Diệm cũng không có quân đội vì quân lực Việt Nam vẫn còn nằm trong khuôn khổ Liên Hiệp Pháp và viên Tham Mưu Trưởng thì do Pháp chỉ định. Ngoài ra, quân đội lại không thống nhất vì Pháp còn tài trợ cho một số lực lượng giáo phái.

Từ Dinh Norodom đi ra bên phải là phố *Catinat* sang trọng, đầu phố là khách sạn Pháp nổi tiếng *Continental*, cuối phố là *Majestic*. Quẹo phải một quãng thì tới *Banque de L'Indochine* (Ngân Hàng Đông Dương), một ngân hàng Pháp in tiền cho

cả ba quốc gia liên kết, rồi tới *Service Douanier* (Sở Đoan) do Pháp thu thuế nhập cảng, tức phần lớn nhất của ngân sách nội địa. Trên các đường phố từ *Richaud* (Phan Đình Phùng) tới *Audouille* (Cao Thắng), *Gallieni* (Trần Hưng Đạo), các tiệm buôn bán bày hàng phần nhiều là những sản phẩm của Pháp: thuốc lá *Bastos*, cà phê *Martin*, xe đạp *Peugeot,* xe máy *Mobilette*, nước hoa *Nuit d'Orient.* Muốn đi xa thì tới ga *'Chemin de Fer'* gần Chợ Bến Thành; đi gần thì có taxi *Renault* nhỏ xíu. Nam kỳ là một trong những thuộc địa mà Pháp đầu tư nhiều nhất. Nhà máy bia *'Larue'* ('la-de'), một cơ sở sản xuất lớn nhất Đông Dương, có tới gần 3,000 nhân công. Rồi những đồn điền *'plantations'* cao su của hãng *Michelin*, cà phê, trà. Như vậy làm sao mà Pháp có thể dứt lòng ra đi.

Pháp muốn bám víu vào Miền Nam nhưng lại gặp phải ngay một ông thủ tướng cứng đầu và có tinh thần siêu quốc gia. Chắc chắn là phải tìm cách loại trừ ông này để thay vào một người lãnh đạo khác, ít nhất người ấy cũng phải có thiện cảm với Paris. Vả lại Quốc trưởng Bảo Đại, người thân Pháp thì vẫn còn ở Cannes, quân đội Việt Nam thì còn nằm trong Liên Hiệp Pháp, và viên Tổng Tham Mưu Trưởng, Tướng Nguyễn Văn Hinh, con trai của cựu Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm, lại là một sĩ quan cũ trong Không quân Pháp. Cảnh sát thì do Bình Xuyên nắm giữ: ngay cả lực lượng an ninh 'Sureté' cho văn phòng phủ Thủ Tướng cũng do Cảnh sát gửi đến. Như vậy là ông Diệm đang ở trong hang cọp rồi mà lại còn muốn chống Pháp.

Ông Diệm vừa chấp chính, Pháp đã thuyết phục Mỹ dẹp ông đi

Muốn dẹp ông Diệm thì cũng không khó, chỉ còn một trở ngại là chính sách của Mỹ đối với ông này. Tuy nhiên, vào lúc ấy thì sự ủng hộ của Mỹ đối với ông Diệm cũng chưa mạnh mẽ. Mỹ chưa biết gì nhiều tới khả năng của ông Diệm vì ông này vừa mới chân ướt chân ráo trở về Sàigòn. Trên thực tế, số người thực sự ủng hộ ông Diệm ở Mỹ cũng chỉ có mấy nghị sĩ, và một vài Hồng y Công giáo. Bởi vậy, việc Pháp có thể

làm ngay là tìm cách hạ uy tín ông Ngô Đình Diệm. Dễ nhất là 'lobby' với Đại sứ Mỹ ngay tại Paris.

Chỉ trên một tháng sau khi ông Diệm về nước, Đại sứ Mỹ ở Paris là Douglas Dillon đã đánh điện về Washington để báo cáo về cuộc họp với Bộ trưởng Các Quốc Gia Liên Kết, ông Guy La Chambre. La Chambre đã quá biết tâm lý của Mỹ là luôn luôn muốn cho người lãnh đạo bản xứ phải được nhân dân ủng hộ, có khả năng thu hút nhân tâm qua những biện pháp kinh tế, và đủ khả năng để xây dựng độc lập, dân chủ. Điểm sau cùng có nghĩa là đối với Mỹ, người lãnh đạo mới này phải có khả năng truất phế ông Bảo Đại để chấm dứt tàn tích của thời thực dân. Hiểu như vậy nên chính Bộ trưởng Pháp La Chambre đã lập tức nêu ra ba đặc điểm sau đây để phê phán ông Diệm như Đại sứ Dillon báo cáo: [4]

Paris, Ngày 4 tháng 8, 1954
Kính gửi: Ngoại Trưởng

"Cuối tuần qua tôi có nói chuyện với ông La Chambre một cách hết sức thẳng thắn. Ông ta cho rằng tương lai của chính phủ Việt Nam sẽ tùy thuộc vào ba yếu tố sau đây:

1. Chính phủ ấy phải thực sự đại diện nhân dân;
2. Phải tổ chức cải cách điền địa cho sớm; và
3. Phải sửa soạn truất phế ông Bảo Đại để thành lập một nước Cộng Hòa trong mấy tháng tới.

"Ông La Chambre nghĩ rằng chính phủ Diệm không (*"tôi xin nhắc lại là không"*) đủ khả năng để thi hành bất cứ điểm nào trong ba điểm này. Tuy nhiên, La Chambre cho rằng vì ông Diệm là con người có đức độ cao nên chắc chắn vẫn có thể là một thành viên của một chính phủ mới trong tương lai nếu như ông ta có thể dàn xếp mọi chuyện ổn thỏa với các giáo phái và được họ ủng hộ. La Chambre nói sẽ không (*"tôi nhắc lại là không"*)

phản đối việc ông Diệm tiếp tục giữ chức Thủ Tướng, với điều kiện là ông Diệm phải có hành động về điểm 2 và 3 như trên (cải cách điền địa và truất phế Bảo Đại – lời tác giả)."

Như vậy là đặt ra ba điều kiện rất khó cho ông Diệm, lại còn bắt ông phải thực hiện ngay tức khắc. *Thứ nhất,* phải được sự ủng hộ của nhân dân': đây là một công việc về lâu, về dài. Đa số nhân dân chưa biết đến ông Diệm, làm sao có thể chứng minh được rằng dân chúng sẽ ủng hộ khi vừa chấp chính được trên một tháng? *Thứ hai,* cải cách điền địa là một công việc khó khăn nhất (ngoài chiến tranh) khi ruộng đất còn tập trung phần lớn vào một số tỷ phú như ở Miền Nam? Cũng như các nhà đại tư bản ở các quốc gia, đại điền chủ ở Việt Nam có rất nhiều quyền lực. Vào thời gian này, chỉ có khoảng một ngàn người làm chủ tới 40% đất đai, mà đất đai là của cải quý nhất.[5] *Thứ ba*, truất phế một cựu Hoàng Đế, một quốc trưởng đã cất nhắc mình lên chức Thủ Tướng lại không phải là một chuyện dễ, nhất là trong môi trường nặng về tinh thần Khổng giáo. Có thể đây là một mưu kế của Pháp vào thời điểm ấy để đưa ông Diệm vào một cái bẫy: nếu ông Diệm nhúc nhích có thái độ hoặc hành động nào ra vẻ chống đối thì ông Bảo Đại có thể ký sắc lệnh cách chức liền. Thực vậy, về việc truất phế Quốc trưởng Bảo Đại thì nhiều tác giả đã đề cập tới là không phải do chính ông Diệm. Trái lại, như ông Landsdale đã tiết lộ: khi phải làm việc này thì ông hết sức đau đớn.

Về ba điểm này thì trong công điện, Đại sứ Dillon có báo cáo ý kiến của ông La Chambre cho rằng: (i) về điểm thứ nhất: ông La Chambre lưu ý Hoa Kỳ là theo thông tin nhận được thì *ông Diệm sẽ không thể có khả năng đại diện nhân dân* vì ông ấy không có được sự cộng tác và ủng hộ của các phe phái Miền Nam; (ii) về điểm thứ hai và thứ ba: *"vì quá trình của ông Diệm là quan lại, nên ông ta sẽ phản đối cả việc cải cách điền địa cả việc truất phế Bảo Đại."* Bởi vậy, La Chambre đề nghị 'gãi đúng chỗ ngứa' rằng"

"Để Miền Nam có được một cơ may thắng thế trong kỳ

tổng tuyển cử toàn quốc (1956) thì cần phải có ngay một chính phủ mới."

Đại sứ Mỹ nghiêng về giải pháp tìm thủ tướng mới

[*Bối cảnh:* tháng 7, 1952, Hoa Kỳ nâng cấp Tòa Công Sứ (Legation) ở Sài gòn lên Tòa Đại Sứ. Ông Donald Heath thành Đại Sứ]

Tiếp theo đề nghị của La Chambre, câu hỏi đặt ra là những ai sẽ là thành phần của chính phủ mới? Bộ trưởng La Chambre đề nghị ông Nguyễn Văn Tâm (cha của Tướng Nguyễn Văn Hinh) làm Thủ Tướng và hy vọng ông Diệm sẽ ở lại để giữ chức Bộ Trưởng Nội Vụ đặc trách về cảnh sát, hoặc Bộ Trưởng Quốc Phòng. Ông ta hy vọng ông Bửu Lộc cũng sẽ tham gia tân chính phủ. La Chambre cho rằng chính ông Bửu Lộc là người có thể giúp đắc lực việc truất phế ông Bảo Đại khi thời điểm thuận tiến tới. Còn ông Diệm thì vì rất hữu hiệu trong việc di cư nên cứ để ông ấy tiếp tục công tác đốc thúc người Bắc di cư vào Nam. Riêng đối với ông Bảo Đại, La Chambre cho rằng không nên có hành động nào để truất phế ông ta trong lúc này, và nên chờ đợi tới khi nào có được một chính phủ mở rộng, được mọi phía ủng hộ thì mới truất phế.[6]

Đó là báo cáo của Đại sứ Mỹ từ Paris. Tại Sàigòn thì lại có những vận động chính trị. Ngày 26 tháng 8, Đại sứ Mỹ Donald Heath được mời dùng tiệc tại nhà một người triệu phú Pháp tên là Jacques Raphael-Leygues. Tới nơi ông ta mới biết rằng thực ra đây chỉ là một cuộc hội họp chính trị. Tham dự thì có Tướng Hinh, lãnh đạo của các lực lượng giáo phái và một số quan chức Pháp. Trong bữa tiệc, mọi người tố cáo ông Diệm là người bất tài lại không chịu điều đình với các giáo phái. Một người đã hỏi thẳng ông Đại sứ Heath: *"Nếu chúng tôi xúc tiến để thay thế chính phủ Diệm thì ông có đồng ý không?"*[7] Lúc ấy, ông Heath lại đang bất bình với ông Diệm vì ông Diệm đã không chịu nghe ông ta cố vấn về hai điểm: (i) nên giảm ảnh hưởng vai trò của ông Nhu; và (ii) bổ nhiệm một vài người đối lập vào nội các để được sự ủng hộ của nhân dân. Bởi vậy, ngay

ngày hôm sau ông Heath đánh điện về Washington: *"Chúng ta phải để ý theo dõi tìm một lãnh đạo khác."*

Tổng Tham Mưu Trưởng công khai chống Thủ Tướng

Tháng 8 thì như vậy, tới tháng 9 thì 'hầu như ngày nào cũng có tin đồn về đảo chính.' Cơ quan tình báo Hoa Kỳ CIA báo cáo liên tục là có dư luận tại Việt Nam là Pháp đang đứng đàng sau một âm mưu lật đổ ông Diệm. Tướng Hinh công khai chống lại Thủ Tướng Diệm, và còn khoe *"Tôi chỉ cần nhấc cái máy điện thoại lên là có thể dẹp được Diệm rồi."* [9]

Thấy vậy, ngày 11 tháng 9, 1954 ông Diệm đi tới một quyết định táo bạo: ông ra một nghị định cử ông Hinh 'đi nghỉ để nghiên cứu' trong sáu tuần và phải xuất ngoại nội trong hai mươi tư giờ. Thực ra thì ông Diệm đã sắp xếp với Đại sứ Mỹ để ông này mời ông Hinh sang Mỹ nghiên cứu như được tiết lộ trong công điện dưới đây: "Ông Diệm đã yêu cầu tôi xem xét để mời ông Hinh sang Mỹ cho vắng mặt khỏi chính trường trong khi ông Diệm có thời giờ để củng cố quyền bính đối với quân đội." Mặc dù đã có lệnh, Tướng Hinh tỏ thái độ bất chấp, 'ông Hinh mặc áo sơ-mi đi chiếc xe môtô thật bự ngang nhiên chạy vòng quanh đường phố Sàigòn.'[10] Một tuần sau, ông cho phổ biến lời tuyên bố về việc ông bất tuân lệnh ông Diệm và một điện tín ông đã gửi thẳng cho Quốc trưởng Bảo Đại yêu cầu can thiệp. Cùng ngày, ông Diệm tuyên bố là ông Hinh đã nổi loạn. Ông Hinh cho xe thiết giáp bảo vệ tư dinh của mình, đồng thời phái một lực lượng tới bao vây Dinh Độc Lập.[11] Trong thời gian sáu tuần tiếp theo, sự tranh chấp Diệm-Hinh đi tới chỗ căng thẳng, bế tắc.

Tướng Mỹ O'Daniel thiên về Tướng Hinh

Trước tình hình căng thẳng, Tướng O'Daniel, Trưởng Ban Cố Vấn Mỹ MAAG (là chỗ quen biết với Tướng Hinh vì đã cùng làm việc với nhau được ít lâu), muốn dàn hòa để giữ

ông Hinh lại trong chức vụ Tổng Tham Mưu Trưởng. Việc làm qua mặt này làm cho Đại sứ Heath bực mình. Ông báo cáo về Washington: [12]

Sàigòn, ngày 16 tháng 9, 1954

"Trong hoàn cảnh tranh chấp giữa ông Diệm và tướng Hinh, tướng O'Daniel lại có lập trường rằng mặc dù có những khuyết điểm, tướng Hinh là người có khả năng nhất để điều khiển quân đội...Tôi đồng ý rằng hay nhất là làm sao cho hai người này bỏ qua những dị biệt và làm hòa với nhau, nhưng vấn đề không phải đơn giản như vậy. Trước khi xem xét khả năng này, tôi cần phải gặp ông Diệm xem sao... Thế nhưng trái với sự khuyến cáo của tôi, ông O'Daniel đã tới tư gia của ông Hinh để bàn bạc lâu tới hai giờ đồng hồ. Ông ta đã hỏi xem ông Hinh hiện có thái độ như thế nào đối với ông Diệm, và dĩ nhiên là đã nhận được câu trả lời tất nhiên của ông Hinh rằng ông ta là người quân nhân trung thành, yêu nước, không có tham vọng chính trị và lúc nào cũng sẵn sàng để cộng tác với Thủ Tướng. Ông O'Daniel đã quên rằng khi hai ông Diệm và Hinh có vấn đề, ông Diệm đã yêu cầu tôi xem xét để mời ông Hinh sang Mỹ cho vắng mặt khỏi chính trường trong khi ông Diệm có thời giờ để củng cố quyền bính đối với quân đội. Thế nhưng O'Daniel đã chống cả việc thay thế ông Hinh và cách thức thay thế ông này." Ông ta kết luận rằng nếu phải lựa chọn giữa hai người, ông ta sẽ chọn Hinh thay vì Diệm..."

Donald Heath

Trong khung cảnh bất ổn khi Tư Lệnh quân đội đã ra mặt chống đối, dư luận cho rằng chính phủ Diệm bắt buộc phải sụp đổ. Vào ngày 20 tháng 9, có tới 15 ông Bộ Trưởng trong nội các ông Diệm đồng loạt từ chức,[13] quân đội của ông Hinh cũng đã sẵn sàng chờ lệnh để tấn công, hoặc gây áp lực để ông

Diệm phải từ chức.

Tướng Cao Đài Trịnh Minh Thế thiên về Thủ tướng Diệm

May mắn cho ông Diệm là vào ngày 24 tháng 9, chỉ còn bốn mươi tám giờ trước khi đảo chính bắt đầu, bốn người lãnh đạo của giáo phái Hòa Hảo và bốn của Cao Đài, đặc biệt là Tướng Trịnh Minh Thế đã thay đổi lập trường chống đối để đứng về phía ông Diệm. Người ta cho rằng việc này, ngoài mưu lược, xoay xở của ông Diệm và ông Nhu, còn nhờ sự sắp xếp nào đó, kể cả việc Mỹ dùng một số tiền để mua chuộc đối phương.[14] Cho dù ông Diệm được Ngoại trưởng Dulles cùng với một số quan chức Mỹ và Việt Nam ủng hộ, ông cũng chưa đủ sức để áp đảo Tướng Hinh, người được cả ông Bảo Đại lẫn Pháp và Tướng Mỹ O'Daniel ủng hộ.

Ngoài ra, ngay tại Washington, việc chính phủ Mỹ ủng hộ cho chính phủ Miền Nam cũng chưa dứt khoát. Vì tình hình Miền Nam còn bất ổn và địa vị của ông Diệm chưa vững chắc, Hoa Kỳ vẫn còn cân nhắc. Ngày 22 tháng 9, 1954, trong một bản ghi nhớ, chính Tổng Tham Mưu Trưởng Arthur Radford đã lưu ý Ngoại Trưởng Dulles rằng *"Sự yểm trợ quân sự cho Đông Dương, kể cả việc huấn luyện và trang bị cho quân lực nơi đây nên được thực hiện với một ưu tiên thấp và không để cho nó ảnh hưởng tới sự phát triển hữu hiệu cho các lực lượng đồng minh ở những nơi khác."* Ngoài ra, Tổng Tham Mưu Trưởng còn cho rằng *"vì hoàn cảnh chính trị tại Miền Nam còn chưa ổn định, nên chưa phải là lúc Hoa Kỳ bày tỏ rõ lập trường về việc yểm trợ và đào tạo quân đội Việt nam."*[15]

"Thay Tề Đổi Sở"

Tới cuối tháng 9 thì có những biến chuyển lớn về quyền lực. Khi tới giờ phút quyết liệt, một cuộc họp giữa Pháp và Mỹ về vấn đề Việt Nam được diễn ra trong bầu không khí căng thẳng kéo dài ba ngày tại Washington từ 27 tới 29 tháng 9, 1954 (như đã đề cập trong chương 9).[16] Kết quả của cuộc họp

này đã chứng tỏ rằng kể từ đó, cán cân quyền lực ở Việt Nam thực sự thay đổi: nó đã rơi vào tay người Mỹ chứ không còn trong tay người Pháp nữa. Trong hồi ký 'Con Rồng Việt Nam' ông Bảo Đại phàn nàn: *"Thật vô ích khi nói rằng tôi tự đặt ra ngoài tất cả những chuyện thay Tề đổi Sở này. Giải pháp của Pháp đã chấm dứt, và Washington đã trở thành nhà bảo trợ chính thức của ông Diệm."* [17]

Ông Bảo Đại nhận xét như vậy là cũng không sai, vì cho dù đã bám rễ sâu vào lãnh vực kinh tế và tài chánh ở Miền Nam, giờ đây Pháp cũng không còn đủ khả năng và phương tiện để ảnh hưởng đủ mạnh về chính trị tại nơi này.[18] Kiệt quệ sau Thế chiến II, Pháp đã phải nhờ Mỹ tài trợ cho cuộc chiến tại Đông Dương. Dù sau Hiệp Định Geneva, ngân sách của quân đội Viễn Chinh Pháp cũng vẫn còn phải tiếp tục dựa vào tiền của Mỹ.

Một trong những kết quả của cuộc họp tháng 9 là Pháp nhượng bộ và chấp nhận sự ủng hộ của Mỹ về ông Diệm (nhưng đây chỉ là tạm thời như sẽ đề cập dưới đây và trong Chương sau): *"Đối với Việt Nam, các đại diện của Pháp và Hoa kỳ đồng ý rằng chính phủ của họ phải ủng hộ ông Ngô Đình Diệm trong việc thành lập và duy trì một chính phủ quốc gia, chống Cộng và có thế mạnh. Để đạt mục đích này, Pháp và Hoa kỳ sẽ khuyến khích tất cả những phần tử chống Cộng tại Việt Nam cộng tác hoàn toàn với chính phủ Ngô Đình Diệm ngõ hầu chống lại Việt Minh một cách mãnh liệt và xây dựng một nước Việt Nam tự do phú cường."* [19]

Biên bản của cuộc họp còn ghi rõ là 'trong hoàn cảnh hiện tại, hai bên đồng ý là phải xem xét để giải quyết năm vấn đề chính yếu: ông Bảo Đại, ông Hinh, các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, và lực lượng Bình Xuyên. Những biện pháp để giải quyết gồm:[20]

Thứ nhất, "(i) đối với ông Bảo Đại thì cần phải cho ông ta biết rằng việc ông không có những hành động để củng cố chính phủ Diệm sẽ ảnh hưởng lớn tới sự yểm trợ cho Việt Nam của cả hai chính phủ Pháp-Mỹ; và (ii) đối với ông Diệm thì phải khuyến khích ông ta dùng những biện pháp thích ứng và trong

thẩm quyền của chính phủ để yểm trợ cho những hành động của chúng ta đối với ông Bảo Đại" (hàm ý là truất phế - lời tác giả).

Thứ hai, đối với Tướng Hinh, việc Tổng Tham Mưu Trưởng phải tuân lệnh của chính quyền dân sự là rất quan trọng. Tuy nhiên vì rất khó mà thay thế ông ta trong lúc này, vậy nên tìm cách hòa giải và cho ông ta hay rằng cả Pháp lẫn Mỹ đều ủng hộ ông Diệm.

Thứ ba, đối với các giáo phái, các biện pháp của cả hai nước phải được điều hợp chặt chẽ. Phải cho các giáo phái biết rõ lập trường của cả hai nước là ủng hộ ông Diệm. Mặt khác, cũng nên khuyến cáo ông Diệm tìm cách sát nhập các lực lượng quân đội của giáo phái vào với Quân lực Quốc Gia."

Hai tuần sau, tại Washington, ngày 15 tháng 10, nghị sĩ Mike Mansfield (1903-2001), một nhân vật có ảnh hưởng lớn trong Ủy Ban Ngoại Giao Thượng Viện đã chuyển đạt cho chính phủ Eisenhower một bản báo cáo ngay sau chuyến viếng thăm của ông tại Sàigòn, nhấn mạnh đến việc ủng hộ ông Diệm và tin rằng chỉ có ông Diệm mới lãnh đạo được một chính phủ không Cộng sản ở Miền Nam. Cùng ngày, Hoa kỳ dùng viện trợ làm áp lực. Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ gửi một công điện chỉ thị cho Đại sứ Heath và Tướng O'Daniel là phải *"nói không úp mở* (với Pháp và Tướng Hinh) *rằng Hoa Kỳ sẽ không dự trù hoặc triển hạn những viện trợ lâu dài cho quân đội Việt Nam khi còn một chút nghi ngờ gì về sự trung thành của vị Tổng Tham Mưu Trưởng và các sĩ quan cao cấp."* Thông điệp còn thêm rằng: *"nếu thấy cần thì ông Đại sứ còn có thể gặp riêng Thủ Tướng Diệm để thông báo cho ông ta hay rằng Hoa Kỳ sẵn sàng bắt đầu ngay để giúp thành lập một lực lượng cảnh sát độc lập hẳn với quân đội."* [21]

Mỹ tạm thời ủng hộ ông Diệm

Ngày 21 tháng 10, Quyền Ngoại Trưởng Hoa Kỳ gửi ngay cho hai Đại sứ Mỹ ở Paris và Sàigòn một công điện để hối thúc thêm nữa về việc ủng hộ ông Diệm. Ngoài việc tiết lộ là chính

Tổng Thống Eisenhower sắp gửi một bức thư quan trọng cho Thủ tướng Diệm trong vài ngày nữa, công điện còn nhắc lại là đã có sự thỏa thuận ba tuần trước đó giữa Pháp và Mỹ (ngày 29 tháng 9) là *'sẽ khuyến khích tất cả những phần tử chống Cộng tại Việt Nam phải cộng tác hoàn toàn với chính phủ Ngô Đình Diệm.'* Với mục đích là để giải quyết cho dứt điểm vấn đề thiết lập quyền bính của chính phủ dân sự đối với quân đội, một điều kiện cần thiết của thể chế dân chủ, công điện này phân tích vấn đề một cách chi tiết trước khi đi tới sáu kết luận, gồm cả việc loại bỏ ông Bảo Đại. Sau đây là tóm tắt (chúng tôi ghi thêm tiểu đề để độc giả dễ theo rõi): [22]

Ngày 21 tháng 10, 1954
Quyền Ngoại Trưởng Hoa Kỳ
Gửi Đại sứ Mỹ ở Paris và Sàigòn

Thứ Nhất, phải có một chính phủ đoàn kết chung quanh Thủ tướng Diệm

"Mặc dù dường như đã tránh được mối đe dọa đảo chính của Tướng Hinh, ông Hinh và đồng bọn là các ông Xuân và Bảy Viễn vẫn tiếp tục có quyền lực hầu như phủ quyết đối với ông Diệm và chính phủ của ông. Khủng hoảng kéo dài như thế này sẽ dẫn tới sự xuống cấp không tránh khỏi của thế đứng và triển vọng của chính phủ Miền Nam, dẫu không còn bị đe dọa bởi sự lật đổ bằng võ lực. Chúng tôi cảm thấy chưa có nỗ lực đầy đủ nào để thi hành sự thỏa thuận Mỹ-Pháp được trích dẫn trên đây. Trong khi Tướng Paul Ély dường như thành tâm cố gắng thực thi thỏa ước này thì nhiều phần tử người Pháp vẫn chưa bao giờ chấp nhận giải pháp Diệm, và sự kiện này thật ra đã làm suy yếu những nỗ lực của Ély và khuyến khích sự ngoan cố của bè lũ Hinh...Ý kiến của chúng tôi vẫn là: những nhân vật quân sự hiện đang chống đối ông Diệm chính là những người dễ bị ảnh hưởng và áp lực của Pháp hơn là bất cứ

phần tử nào có thế lực tương tự ở Việt Nam. Hiện nay, một chính phủ đoàn kết quốc gia rộng rãi chung quanh ông Diệm vẫn chưa đạt được. Và chừng nào chưa giải quyết được sự tranh chấp giữa dân sự, quân sự, và các giáo phái như hiện nay thì bất luận ông Thủ tướng nào khác lên thay thế ông Diệm cũng phải đương đầu với vấn đề khó khăn tương tự mà chưa chắc đã làm được những việc bằng ông Diệm;

Thứ Hai, nên có những hành động tích cực ủng hộ ông Diệm

"Sự giằng co về quyền lực và tranh dành địa vị trong nội các hiện nay đang tạo ra bế tắc làm tê liệt mọi việc. Pháp và Hoa kỳ cần phải có những biện pháp tích cực nếu muốn phá vỡ sự bế tắc này. Chúng tôi vẫn xác quyết rằng nếu muốn cứu vãn tình thế ở Việt Nam thì chúng ta không thể thiếu những đức tính không thể thiếu được, đó là sự lương thiện, tính liêm khiết và tinh thần quốc gia mà ông Diệm đã biểu hiện trong thời điểm này một cách rõ ràng hơn ai hết;"

Thứ Ba, không thể tái lập hình thức quyền bính như năm 1946

"Việc Tổng thống Pháp Mendès-France sử dụng từ ngữ "một cơ cấu chính quyền khác" hàm ý Pháp ước muốn tái lập một hệ thống chính trị tương tự như nước 'Cộng Hòa Nam kỳ' năm 1946 (chế độ 'Nam Kỳ Tự Trị' năm 1946) được thành lập trên cơ sở quyền bính dựa vào cảnh sát và quân đội do những người như các ông Tâm và Hinh điều khiển. Ngoài những nhân vật thân Pháp ấy, hệ thống còn có thể bao gồm những quyền kiểm soát trực tiếp kiểu thuộc địa của Pháp. Trong mắt người Pháp thì một công thức như vậy sẽ có lợi là có thể dễ dàng triệt hạ Bảo Đại và những phần tử không phải Nam kỳ

như ông Diệm. Theo quan điểm của chúng tôi thì một tình thế như vậy sẽ tạo nên những điều kiện ở Nam Việt Nam tương tự như hoàn cảnh đã dẫn đến việc dâng cho Việt Minh phần nửa nước Việt Nam, mặc dù nó có thể tái lập trật tự nội bộ trong một thời gian ngắn."

Thứ Tư, thay thế ông Bảo Đại khi có một Quốc Hội

"Dù chúng tôi cũng đồng ý với ông Mendès France là tiếp tục duy trì ông Bảo Đại trong vai trò hiện nay là giữ được sự liên tục và mạch lạc về pháp lý, nhưng chúng tôi tin rằng khi có được một cơ chế lập pháp [Quốc Hội] để thay thế cho quyền hạn bổ nhiệm của ông Bảo Đại, thì đó sẽ là thời cơ để loại bỏ ông ra khỏi chính trường."

Thứ Năm, Hoa Kỳ thành lập Cơ Quan Cố Vấn Quân Sự MAAG

"Ngày 20 tháng 10, Hoa Kỳ đã chấp thuận khởi sự sớm nhất một chương trình huấn luyện quân sự do Cơ Quan Cố Vấn Quân Sự MAAG tại Sàigòn đảm nhiệm với nhân sự và các tài nguyên khác hiện có tại chỗ. Các huấn thị cần thiết cho MAAG và Tòa Đại sứ đang được soạn thảo. Chúng tôi hy vọng bước tiến này, cùng với việc trao bức thư của Tổng thống Eisenhower cho Thủ tướng Diệm, sẽ củng cố thế lực cho ông Diệm trong những quan hệ với người Pháp và cả với những phe nhóm người Việt khác nữa...

Thứ Sáu: Tóm lược

"Để tóm lược, trừ phi ông Diệm nhận được sự ủng hộ hoàn toàn của Hoa kỳ và Pháp, cơ may thành công của ông ta rất ít. Nhưng nếu có được sự ủng hộ ấy, cơ may của ông chắc sẽ khá hơn rất nhiều."

(Herbert) Hoover
Quyền Ngoại trưởng

Tướng Hinh ra đi

Tiếp theo sau lập trường dứt khoát này, ngày 24 tháng 10, Tổng Thống Eisenhower gửi một văn thư cho Thủ Tướng Diệm nói về chính sách hoàn toàn mới là từ nay Hoa Kỳ sẽ viện trợ trực tiếp cho Chính phủ Miền Nam chứ không còn qua tay Pháp nữa. Như đã đề cập tới trong Chương 8, bức văn thư đề ngày 1 tháng 10, 1954 xác định: *"Tôi đã chỉ thị cho Đại sứ Hoa Kỳ ở Việt Nam để xem xét với Ngài, với tư cách Ngài là Lãnh đạo của Chính phủ, làm sao để một chương trình của Hoa Kỳ viện trợ thẳng cho Chính phủ của Ngài có thể yểm trợ được nước Việt Nam trong giờ phút thử thách này, với điều kiện là Chính phủ của Ngài sẵn sàng đảm bảo về những tiêu chuẩn của việc sử dụng viện trợ khi được cung ứng."*

Bức thư này được phổ biến rộng rãi tại Sàigòn và Paris ngay ngày hôm sau. Nó đã có hiệu quả tức khắc là chứng minh được rằng, trên đầu Tướng Collins, Đại sứ Heath ở Sàigòn hay Dillon ở Paris, chính Tổng Thống Hoa Kỳ đã ủng hộ ông Diệm.

Pháp hết sức bất mãn về việc này nên có phản ứng mạnh. Chỉ hai ngày sau (26 tháng 10), Đại sứ Pháp tại Washington, ông Bonnet đã tới Bộ Ngoại Giao Mỹ để phản đối. Theo bản ghi nhớ về cuộc đàm luận, ông Bonnet cho rằng ông Diệm rất cứng đầu vì mặc dù ông Hinh đã nhượng bộ và bằng lòng nhận lệnh từ ông Diệm, nhưng ông Diệm vẫn cứ nhất định dẹp ông Hinh. Việc này có thể làm cho một số sĩ quan trẻ của phe ông Hinh bực tức tới độ có thể gây xáo trộn về chính trị. Ngoài ra, Bonnet còn phản đối cả bức thư của Tổng Thống Eisenhower lẫn việc công bố văn bản, vì *'bức thư này đã gây ra nhiều tin giật gân ở Sàigòn và nó đã hủy bỏ tất cả những gì chúng ta đã đồng ý với nhau ở Washington trước đây... như vậy là đã cho ông Diệm được hoàn toàn rảnh tay mà không đòi hỏi ông ta một điều kiện tiên quyết nào là phải thành lập được một chính phủ ổn định và vững mạnh, như chúng ta đã đồng ý với nhau.'* [23]

Nhưng Bonnet nói gì thì nói, Ngoại Trưởng Dulles vẫn làm ngơ. Ông còn đặt vấn đề ngược lại với ông Đại sứ và nói rằng: chúng tôi cũng đã biết tất cả như vậy rồi, nhưng chính vì Pháp

đã không chịu yểm trợ cho ông Diệm nên một chính phủ ổn định chưa được thành lập, tướng lãnh nổi loạn. Bởi vậy, Dulles kết luận rằng để thành công, ông Diệm cần nhận được sự ủng hộ từ mọi phía, kể cả Pháp nữa, và sự ủng hộ phải rõ ràng và liên tục, chứ không phải chỉ nói miệng mà thôi.

Tình hình căng thẳng giữa ông Diệm và ông Hinh được giải quyết ngày 12 tháng 11, 1954. Chỉ bốn ngày sau khi Tướng Collins tới Sàigòn với tư cách là Đặc Ủy của tổng Thống Eisenhower, ông đã sắp xếp với Tướng Ély để làm áp lực với ông Bảo Đại về Tướng Hinh. Ngày 13 tháng 11, ông Bảo Đại chỉ thị cho ông Hinh sang Pháp để tham khảo rồi giữ ông này ở lại đó với lý do *"Đây là một sự rút lui chiến lược."* [24]

Chúng tôi xin mở ngoặc ở đây về một câu còn nhớ rõ đã nghe trên Đài Phát Thanh Quân Đội ngày ông Hinh ra đi. Người xướng ngôn viên (ông Văn Thiệt) với một giọng rất đanh thép và hấp dẫn, dằn từng tiếng: *"Mai đây, Trung tướng sẽ trở về, liệu ông Diệm có còn ngồi đó hay không?"* [25]

Vẫn bế tắc về việc thay thế Thủ tướng

Giải quyết được việc chủ chốt quân đội nổi loạn bằng việc ra đi của Tướng Hinh cũng chưa đủ ổn định. Việc thay thế ông Diệm vẫn còn là vấn đề nhức nhối giữa Sàigòn, Paris và Washington. Ngay tại cuộc họp quan trọng Pháp-Mỹ tại Washington hồi cuối tháng 9, 1954 khi Pháp phải chịu áp lực Mỹ để bằng lòng ủng hộ ông Diệm và khuyến dụ tất cả các phe phái chống Cộng hợp tác với ông, nhưng đó cũng chỉ là sự đồng ý với nhau về những công việc phải làm ngay lúc ấy. Về một thời điểm lâu hơn, theo Bản Ghi Nhớ ***'vấn đề liên hệ tới chức Thủ Tướng vẫn còn đòi hỏi phải xem xét lại khi nào ta thấy cần phải củng cố chính phủ Miền Nam.'*** [26]

Tướng Hinh ra đi ngày 13 tháng 11, 1954 thì ngày 6 tháng 12, 1954, Tướng Collins, Đặc ủy của Tổng Thống Eisenhower (vừa tới Sàigòn chỉ hơn một tháng) đã được Tướng Paul Ély thuyết phục chống ông Diệm. Ông lại gửi công điện **'Sàigòn**

2103' về Washington nói về sự *"nản lòng của tôi đối với tình hình đen tối tại đây."*[27] Ông cho rằng khả năng của ông Diệm yếu kém và ***đề nghị Mỹ chỉ nên ủng hộ ông ta thêm vài ba tuần nữa thôi.*** Sau đó nếu tình hình không tiến bộ, Mỹ nên có những biện pháp khác.

Thế nhưng, khi điện văn của Tướng Collins vừa tới Washington thì Ngoại trưởng Dulles đã đi bước trước: biết rằng Nghị sĩ Mike Mansfield cũng là người hết lòng ủng hộ ông Diệm, Dulles liền tóm tắt văn bản cho ông Mansfield đọc. Ông này đọc kỹ và phân tích từng điểm, nhất mực bênh ông Diệm: *"Cho dù viễn tượng giúp ông Diệm để củng cố và bảo vệ Miền Nam là lu mờ, và dù bất cứ một cuộc tổng tuyển cử nào vào năm 1956 cũng sẽ có thể đưa phần thắng lợi về cho phía cộng sản, Hoa Kỳ vẫn phải cố gắng về mọi mặt và dùng tài nguyên của mình để giữ Miền Nam dù rất tốn phí. Bất cứ con đường nào khác cũng sẽ đi tới chỗ mất cả Lào, Miên và Đông Nam Á. Bởi vậy, Hoa kỳ phải làm bất cứ gì có thể để yểm trợ cho ông Diệm vì không có người nào khác có thể thay thế ông ta."*

Về việc Tướng Collins đưa ra một thời hạn từ hai tới ba tuần để cho ông Diệm phải chứng minh được những kết quả tốt đẹp, hoặc không thì sẽ bị thay thế, Mansfield cho rằng ba tuần là quá ngắn ngủi, và như vậy sẽ rất nguy hiểm vì ta phải chơi với một "quả bom chính trị."[28] Tại Paris, Đại sứ Mỹ Dillon cũng làm áp lực với Quốc trưởng Bảo Đại để ông ta không ra lệnh giải nhiệm Thủ Tướng Diệm, một việc có thể làm tương đối dễ dàng vào lúc ấy (xem Chương 9). Vì ông Bảo Đại thấy rõ vai trò của Mỹ đang ngày một lớn mạnh ở Việt Nam nên đành nghe theo đề nghị của ông Dillon. Trong hồi ký ông Bảo Đại viết: *"Về cuối độ tứ tam cá nguyệt (1954), không tháng nào mà giới hữu trách Pháp và Mỹ không gặp nhau. Ngày 24 tháng 10, Tổng Thống Eisenhower gửi một bức thư cho Ngô Đình Diệm, để hứa hẹn với ông ta sự bảo đảm vô điều kiện của Mỹ... Mỗi ngày Miền Nam Việt Nam đi sâu vào giải pháp Mỹ.*[29] Ông Bảo Đại nhận xét như vậy là không sai, vì ông đã có đầy đủ những thông tin về lập trường của Mỹ từ ngay sau Hiệp định Geneva. Cũng trong cuộc họp tại Bộ

Ngoại Giao, nghị sĩ Mansfiled nói thẳng ra là 'ông Bảo Đại nên ngừng việc ngồi ở Riviera để điều khiển công việc mà nên trao tất cả quyền hành cho ông Diệm điều hành chính phủ, và đừng can thiệp vào nữa. Mansfield đề nghị chính Đại sứ Mỹ ở Paris là ông Dillon cũng phải thuyết phục Bảo Đại về việc này, và khuyên ông Bảo Đại không nên trở về Việt Nam.

Còn đối với những nhân vật khác đang được đề bạt để thay ông Diệm, biên bản buổi họp ghi lại: "Nghị sĩ Mansfield cho rằng tuy Bác sĩ Quát là người có khả năng, nhưng ông chỉ hy vọng ông Diệm sẽ bổ nhiệm ông Quát làm Bộ Trưởng Quốc Phòng, chứ không phải là người có đủ khả năng thay thế ông Diệm." Riêng đối với ông Nguyễn Văn Tâm thì ông Mansfield dứt khoát. Biên bản ghi tiếp: "Tuy chính phủ Anh và Pháp cứ tiếp tục thúc đẩy sự lựa chọn ông Tâm (làm Thủ tướng), Nghị sĩ Mansfield nhất quyết phản đối việc này cũng như phản đối bất cứ áp lực nào bắt ông Diệm phải đưa ông Tâm vào nội các, vì như vậy là cho cộng sản một cái cớ để tố cáo chính phủ Diệm là bù nhìn của thực dân." [30]

Đại sứ Mỹ và Cao Ủy Mỹ lại bất đồng ý kiến với nhau

Nhưng mặc dù Nghị sĩ Mansfield ủng hộ Thủ tướng Diệm, Cao ủy Collins vẫn một mực không chịu. Ngày 13 tháng 12, ông Collins lại đánh điện về Washington đề nghị hai giải pháp: yêu cầu ông Bảo Đại chỉ định ông Quát thay ông Diệm, hoặc là chính ông Bảo Đại phải trở về nước. *"Tôi rất cảm kích về ảnh hưởng của ông Bảo Đại đối với các nhà lãnh đạo ở đây,"* Collins nhấn mạnh, *"Tất cả đều xưng hô với ông là "Hoàng Đế," và cho rằng chính ông mới là nguồn gốc của quyền hành."* Ông Diệm cũng chỉ là người được ông Bảo Đại chỉ định nên có thể giải nhiệm bất cứ lúc nào. Trong công điện ấy, Collins đề nghị Mỹ chỉ nên tiếp tục ủng hộ ông Diệm trong một thời gian ngắn nữa thôi và nên 'triệu hồi ông Bảo Đại về nước, nếu Hoa kỳ có thể chấp nhận điều này.'

Ngoài ra, theo Collins, trong lúc đen tối như thế này thì Mỹ không nên cam kết một chương trình viện trợ rõ rệt nào cho

Miền Nam, để rồi nếu tình hình cứ tiếp tục bết bát thêm nữa thì Mỹ nên thẩm định lại những kế hoạch của mình, và có thể xem xét việc ngưng hẳn yểm trợ cho Quân đội Việt Nam và tăng cường yểm trợ cho Quân đội Viễn chinh Pháp, đồng thời di tản quân cụ viện trợ còn lại (ra khỏi Việt Nam).[31]

Tại Sàigòn, lúc đó hai tướng Ély và Collins cũng đã đi tới chỗ thân thiết với nhau hơn nên Ély đã có thể xúi Collins đề nghị dứt khoát như vậy.

Nhưng cùng một lúc, Đại sứ Heath lại bất đồng ý với Cao ủy Collins và Tướng Ély. Ngày 17 tháng 12, ông gửi một báo cáo về Washington trình bày ý kiến trái ngược, đề nghị không nên ngừng ủng hộ ông Diệm và quân đội Việt Nam, tuy có thể tăng viện cho Pháp. Nhận xét rằng chính Pháp đã làm cho thế giới tự do mất mặt, ông viết: "Pháp đã thua một trận thê thảm ở Điện Biên Phủ và chiến thắng quân sự ấy của Cộng sản đã được khuếch đại lên thành một sự thất bại nhục nhã về Ngoại giao của Thế giới Tự do tại Geneva...Không thể quy tất cả những khó khăn hiện nay vào đầu ông Diệm vì ông ta chỉ mới nhậm chức vào ngày 7 tháng 7. Ông là người quốc gia thực thụ đầu tiên đảm nhiệm chức vụ Thủ tướng. Trước đây và bây giờ, ông vẫn là một người chống Pháp, chống Cộng, và cá nhân ông rất lương thiện. Ông thiếu khả năng về chính trị, bướng bỉnh, và đa nghi. Nhưng trong bốn tháng tại chức, ông đã phải đương đầu với sự chống đối lớn lao, gồm một vị lãnh đạo Quân đội nổi loạn đã vô tình trở thành công cụ của Cộng sản, sự chống đối năng động của người Pháp và nhiều yếu tố làm nản lòng khác." [32]

Về ý đồ của Pháp, ông Heath báo cáo: "có nhiều bằng chứng cho thấy rằng người Pháp không muốn ông Diệm thành công. La Chambre (tháng 9) và Mendès-France (tháng 11) đã rất miễn cưỡng chấp nhận việc Mỹ yêu cầu phải ủng hộ ông Diệm với lý do là không có nhân vật nào đủ tư cách hơn ông." Để kết luận, ông Heath đề nghị với Bộ Ngoại Giao thông báo cho cả ông Tổng trưởng lẫn Tướng Collins hai điểm: (i) Tuy chúng ta thừa nhận những nguy cơ của chính sách nói trên, nhưng xét rằng vì không có đường lối nào hữu ích hơn nên

chúng ta sẽ tiếp tục ủng hộ ông Diệm bởi vì không có ai thay thế được ông mà phục vụ tốt hơn cho những mục tiêu của Hoa kỳ; và (ii) Việc này bao gồm cả giải pháp Bảo Đại, vì giải pháp này đã bị chống đối trên căn bản là ông này thiếu sự ủng hộ của nhân dân Việt Nam và ông đã chứng tỏ là người không có khả năng cai trị trong quá khứ. [33]

Pháp đề nghị Đưa Hoàng Hậu Nam Phương về làm Phó Vương trên cả Thủ tướng [34]

Trong tình hình rối ren giữa Pháp - Mỹ như vậy cộng thêm những bất đồng ngay trong nội bộ Hoa kỳ tại Sàigòn giữa viên Đại sứ và Đặc ủy của Tổng Thống về việc ủng hộ ông Diệm, ngày 19 tháng 12, 1954, đại diện ba chính phủ Mỹ, Pháp và Anh lại họp tại Điện Matignon ở Paris để bàn định. Thủ Tướng Mendès France cho biết: trước đây ông đã đồng ý với Ngoại Trưởng Dulles để ủng hộ ông Diệm, nhưng bây giờ ông không còn tin rằng ông Diệm có thể thành công cho dù được yểm trợ tối đa, bởi vậy phải tìm người thay thế. Ngoại Trưởng Dulles không đồng ý, biện luận rằng 'hoàn cảnh ở miền Nam rất khó khăn: thứ nhất là vì phải thành lập một chính phủ bản xứ, nhưng lại có ít người nhiều kinh nghiệm; thứ hai là phải hoàn thành việc này trong một thời điểm rất căng thẳng tiếp theo những thất bại về quân sự, việc đất nước chia đôi, và một cuộc di cư vĩ đại từ Miền Bắc.'

Nghe vậy, Mendès France cũng chưa chịu thuyết phục. Ông tiếp tục đề nghị Hoa Kỳ nên tiếp xúc với ông Bảo Đại vì ông ta vẫn nắm thực quyền theo luật pháp và đã tỏ ra rất cộng tác trong việc ổn định Miền Nam, thí dụ như đã giúp giải quyết vấn đề Tướng Hinh. Ông thêm rằng, dù sao đi nữa, có lẽ ông Bảo Đại cũng sắp đến lúc chỉ định người thay ông Diệm rồi. Phản đối đề nghị này, Dulles phàn nàn 'về việc đề cử những nhân vật thay ông Diệm thì cứ thay đổi từng tháng một, bây giờ lại nói rằng chỉ có ông Bảo Đại mới cứu vãn được tình hình! Nếu quả thật như vậy thì chúng ta đã đi đến chỗ tuyệt vọng.'

Khi đi tới chỗ bế tắc, và để dung hòa giữa hai lập trường

Pháp và Mỹ về ông bảo Đại, Thủ tướng Mendès France sau cùng đưa ra một giải pháp mà ông nói là đã được Pháp xem xét từ trước:

> **"Ta nên yêu cầu ông Bảo Đại chỉ định một đại diện ở ngay Việt Nam để thực thi quyền hành của ông ta. Đại diện này sẽ ở địa vị một "Phó Vương" (Viceroy) và có toàn quyền hành động."**

Đề nghị như vậy nghe ra có lý vì theo đó, ông Bảo Đại không cần về Sàigòn, và cũng không cần giải nhiệm ông Diệm, duy trì được sự liên tục của quyền hành và có thể đưa tới ổn định. Vị Phó Vương sẽ là người đứng ở trên hết để dung hòa giống như Nữ Hoàng Anh. Mendès nói tiếp: *"Giải pháp này rất hữu ích cho dù Diệm sẽ thành công tới đâu đi nữa, vì người Phó Vương sẽ đóng vai trò trọng tài tối cao để phân giải những tranh tụng."* Bản báo cáo về cuộc họp 19 tháng 12 ghi rõ: *'Ông Mendès cho hay Pháp đã sẵn sàng để nghị việc này với ông Bảo Đại và yêu cầu ông chỉ định một Phó Vương ngay tức khắc.'*

Nước Anh là nước có truyền thống về hoàng tộc từ bao nhiêu thế kỷ. Bởi vậy khi nghe thấy Thủ tướng Pháp nói tới vua chúa là Thủ tướng Eden nồng nhiệt hưởng ứng ngay.

Ta nhớ lại là Thủ tướng Anh, ông Eden luôn luôn bất đồng ý với Pháp về giải pháp ở Việt Nam, nhưng lần này thì khác. Ông cho rằng nếu Bảo Đại không có mặt ở Việt Nam thì có thể chỉ định một đại diện được giao phó toàn quyền để chấp chính: *"Sẽ là một sự lầm lỡ nếu ông Bảo Đại trở về Việt Nam, nhưng vì người Việt vẫn còn tôn trọng truyền thống về quân chủ, nên bằng cách này hay cách khác, phải có ngay một 'Ủy Ban Hoàng Gia' (Royal Commission) theo một hình thức nào đó, vì đây là một giải pháp tốt nhất để ra khỏi bế tắc hiện nay."*

Trình bày về vấn đề này xong, ông Eden đề nghị ngay Hoàng Hậu Nam Phương làm Phó Vương và hỏi cử tọa thêm chi tiết về phẩm cách và sự hữu ích của Bà. Không biết Pháp và Anh có sắp xếp với nhau trước cuộc họp hay không, nhưng khi ông Eden vừa nói như vậy và ông Dulles chưa kịp phát biểu ý kiến thì ông Mendès France lại đáp lời ngay và khẳng định:

"Hoàng Hậu Nam Phương là một người gương mẫu và sẽ chứng tỏ là rất hữu ích cho Việt Nam."

Về kinh nghiệm ngoại giao, bà Nam Phương cũng đã cùng với ông Bảo Đại tham dự nghi lễ ngoại giao đón tiếp các vị quốc khách như Thống chế Tưởng Giới Thạch (Đài Loan), quốc Vương Souphana Phu Vong (Lào) và Quốc vương Sihanouk (Cao Miên). Theo tài liệu của sử gia Pháp Jean Renaud, sau Đệ Nhị Thế Chiến, khi Pháp trở lại Miền Nam gây hấn, bà đã gửi một thông điệp cho bạn bè ở Á Châu yêu cầu họ lên tiếng tố cáo hành động xâm lăng của thực dân Pháp: [35]

> "Tôi tha thiết yêu cầu những ai đã từng đau khổ vì chiến tranh hãy bày tỏ thái độ và hành động để giúp chúng tôi chấm dứt chiến tranh đang ngày đêm tàn phá đất nước tôi. Thay mặt cho hàng chục triệu phụ nữ Việt Nam, tôi thỉnh cầu tất cả bạn bè của tôi và bạn bè của nước Việt Nam hãy bênh vực cho tự do. Xin các chính phủ của khối tự do sớm can thiệp để kiến tạo một nền hòa bình công minh và chân chính và xin quý vị nhận nơi đây lòng biết ơn sâu xa của tất cả đồng bào của chúng tôi"

Nước Mỹ là nước dân chủ ngay từ ngày lập quốc, không hề có vua chúa cai trị, nên đối với Ngoại trưởng Dulles, việc lập Phó Vương nghe không ổn. Bởi vậy sau khi cả hai thủ tướng Anh, Pháp đề nghị Bà Nam Phương, ông Dulles không đồng ý, cho rằng *'làm như vậy chỉ làm cho vấn đề thêm phức tạp hơn nữa.Vì nếu ta cân nhắc giải pháp Phó Vương tức là lại có thêm một vấn đề thứ hai đang khi chưa giải quyết xong vấn đề thứ nhất. Ngoài ra, một Phó Vương như vậy cũng sẽ khó có đủ khả năng để quyết định được về một người thay thế ông Diệm và thiết lập được một guồng máy để thực hiện những mục đích của chúng ta.' Bởi vậy, ông cho rằng 'việc chính là phải làm sao thiết lập được guồng máy đó. Và trong lúc này ta phải chú tâm vào vấn đề hiện tại chứ không nên đặt thêm vấn đề mới.'* [36]

Tới đây, Dulles hỏi phía Pháp xem có còn tiếp tục đề nghị người nào khác để thay ông Diệm nữa hay không? Tướng Ély

đề nghị ba người: các ông (Nguyễn văn) Tâm, (Nguyễn Hữu) Trí và (Phan huy) Quát. Ông Mendès France vẫn chưa nản lòng trước lập luận của Dulles, vì vậy ông đề nghị là nên để cho hai Tướng Collins về phía Mỹ và Ély về phía Pháp nghiên cứu thêm về câu hỏi là ai sẽ có thể lãnh đạo chính phủ Sàigòn, *kể cả ông Bảo Đại*. Ông Mendès France yêu cầu hai bên Mỹ-Pháp phải đặt ra một hạn chót để làm xong việc này chứ không thể chần chừ thêm được nữa. [37]

Thấy Pháp nhất định đòi thay thế ông Diệm, Ông Dulles có vẻ 'dỗi' và nói chối ra: *"Nếu Hoa Kỳ phải quyết định rằng không tìm được ai thay thế ông Diệm thì chúng tôi sẽ phải cân nhắc xem còn nên đầu tư vào Đông Dương thêm bao nhiêu nữa. Và chúng tôi cũng phải xem xét lại chính sách của chúng tôi."* Để nhắn khéo phía Pháp là phải mềm dẻo hơn, Dulles nói đến sự ủng hộ đối với ông Diệm tại Quốc Hội Hoa Kỳ, đặc biệt là hai Ủy Ban Ngoại Giao [Thượng Viện và Hạ Viện] do hai ông Mansfield và Richards làm chủ tịch. Ông Mendès thừa biết về quyền lực của hai nhân vật này trong vấn đề biểu quyết viện trợ cho Quân đội Viễn chinh Pháp.[38]

Nói đến sự khác biệt về mục tiêu giữa hai nước, Dulles ghi nhận rằng 'Pháp đã đầu tư bằng nhân lực và tài sản ở Việt Nam đang khi Mỹ lại chỉ chú trọng đến ảnh hưởng của số phận Việt Nam đối với phần còn lại tại Đông Nam Á.' Ông kết luận là 'dù chỉ còn một khả năng mong manh về sự thành công ở Việt Nam thì cũng đáng phải đầu tư cho thật nhiều.'

Sau cùng, vào cuối năm 1954, ông Dulles đã dứt khoát tiếp tục ủng hộ Thủ tướng Diệm và bác đi giải pháp đưa Bà Nam Phương về Sàigòn làm Phó Vương. Điểm thứ 5 trong công điện ngày 24 tháng 12, 1954 gửi cho Tướng Collins ở Sàigòn và Đại sứ Dillon ở Paris, ông viết:

> ***"Tôi cũng không tin việc Pháp đề nghị đặt một vị Phó Vương có lợi ích gì, và Thủ tướng Mendès-France cũng không nài ép gì thêm sau khi phân tích đề nghị này. Tôi thấy tạo ra một cơ chế như vậy chẳng có ích lợi gì trong khi chưa thấy có người nào thay thế (được***

ông Diệm) và chỉ tổ gây thêm rắc rối mà thôi." [39]

Giả như Hoàng hậu Nam Phương về làm Phó Vương thì chắc Thủ Tướng Diệm đã có một cơ hội để cân nhắc việc từ quan.

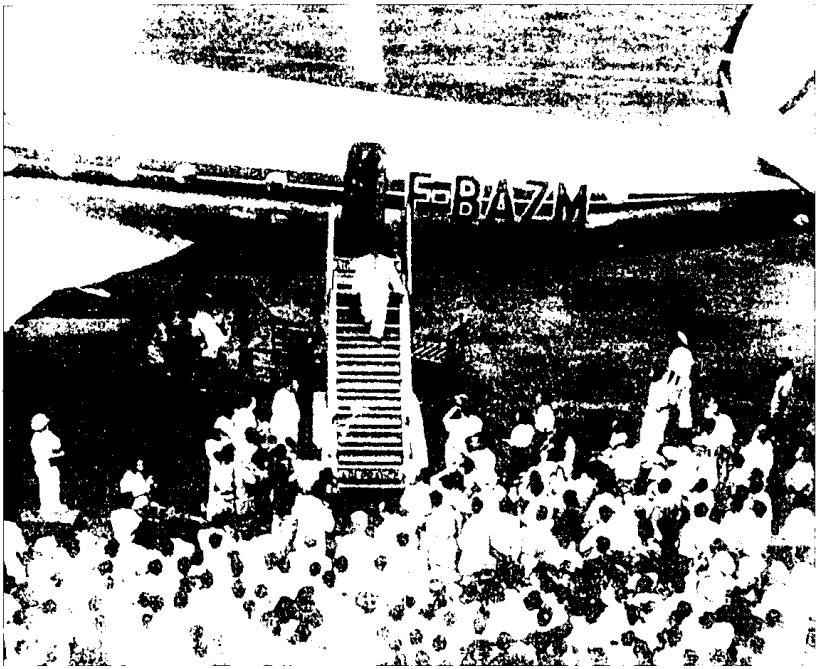

Một số người chào đón Thủ tướng Diệm về tới Tân Sơn Nhất. (Hình: Howard Sochurek/LIFE Magazine)

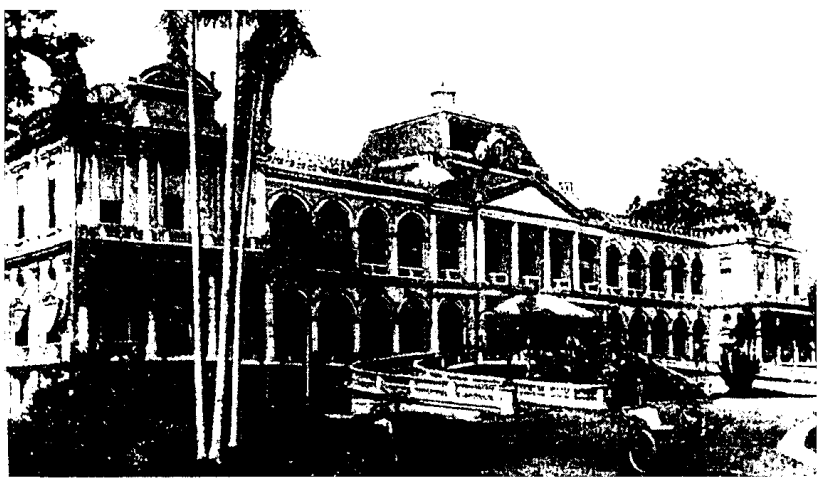

Dinh Norodom (sau nầy là Dinh Độc Lập). (Hình: "saigondistricts.com")

Tham Mưu Trưởng Nguyễn Văn Hinh và Thủ Tướng Ngô Đình Diệm.
(Hình: Center of Military, U.S. Army)

Thủ Tướng Diệm và Tư lệnh Quân Đội Liên Hiệp Pháp, Tướng Ély.
(Hình: Center of Military, U.S. Army)

CHƯƠNG 11

Đang Thật Xui
Trong Khoảnh Khắc Lại Thật May

Tại sao Pháp cứ nhất quyết dẹp ông Diệm? Mỹ thẩm định chính sách hậu Geneva đã kết luận rằng "Pháp muốn giảm thiểu ảnh hưởng của Mỹ rồi điều đình với Chính phủ Miền Bắc để chỉ cần giữ lại quyền lợi kinh tế của mình, không quan tâm tới việc bảo vệ Miền Nam sau tổng tuyển cử (quy định vào năm 1956)."

Tình hình chính trị khó khăn tại Miền Nam từ năm 1954 kéo dài sang năm 1955. Nếu như tháng Tư năm 1975 đã thật đen tối thì tháng Tư năm 1955 cũng hết sức gay go (cách nhau đúng 20 năm). Ông Diệm đã phải trực diện với bao nhiêu khó khăn. Viết về thời điểm này, tác giả nổi tiếng Buttinger là người có mặt tại chỗ đã viết lại: "Kể cả trong những tuần lễ trước cuộc đảo chánh và ám sát ông năm 1963, Thủ tướng Diệm cũng đã không bị gian lao, cay đắng bằng trong tháng 4, 1955."

Chính Đại sứ Mỹ Collins đã đề nghị năm bước để thay thế ông Thủ tướng (chỉ mới chấp chính được mười tháng). Sau đó, Washington gửi chỉ thị tối mật đồng ý cho đảo chính.

Nhưng với sự may mắn lớn lao, trong khoảnh khắc ông Diệm đã lật ngược lại được thế cờ. Sự may mắn lớn lao đã đến với ông vào cuối tháng Tư, 1955.*

* ***Ghi chú:*** Chương này dựa vào Tập 10 của hồ sơ United Sates - Vietnam Relations, 1945-1967 (và một số tác phẩm) như ghi trong phần 'GHI CHÚ' ở cuối sách. Chúng tôi không ghi về nguồn sau từng câu hay từng đoạn (vì không cần thiết) mà chỉ ghi chung cho cả chương.

Ngay trước khi kim đồng hồ chỉ nữa đêm ngày 28 tháng 4, 1955 (Sàigòn là trưa) Tổng thống Eisenhower và Ngoại trưởng Dulles nhận được báo cáo là 'giao tranh đã bắt đầu giữa Quân đội Quốc Gia và Bình Xuyên.' Hai ông giật mình, quyết định hủy bỏ 'kế hoạch Collins' nhằm thay thế Thủ tướng Diệm, vội vàng ra lệnh cho Tòa Đại sứ ở Sàigòn và Paris ngừng ngay việc sửa soạn thay đổi chính phủ *và phải đốt hết các mật điện nói về việc này.*" Trước đó chỉ mấy giờ, Washington đã gửi chỉ thị cho xúc tiến việc sắp xếp một chính phủ mới thay chính phủ Diệm.

Năm 1975, nếu những diễn biến trong tháng Ba đã dẫn tới một tháng Tư Đen thì đúng 20 năm trước đó, những biến cố trong tháng Ba 1955 cũng đã dẫn tới một tình huống hết sức đen tối vào tháng Tư. Cái khác là năm 1955 thì đối với chính phủ Diệm: tháng Tư đã bắt đầu thật khó khăn nhưng lại kết thúc thật sáng sủa. Nếu không thì có thể là hoàn cảnh lịch sử Miền nam đã khác hẳn đi rồi: Tướng Paul Ély, Tư lệnh quân đội Pháp đã mạnh tay với ông Diệm, yểm trợ đảo chính thành công và Bình Xuyên đã thắng.

TT Diệm và Mỹ nghi Pháp tính kế thương lượng với Việt Minh: Tài liệu mật ghi số 1691/5

Vấn đề khó khăn nhất lúc ấy là việc Pháp tìm mọi cách để giữ lại được quyền lợi kinh tế và văn hóa của mình tại miền thuộc địa cũ. Pháp không muốn rút khỏi Việt Nam vì đối với họ, Geneva chỉ là một hiệp định ngưng chiến ký với Việt Minh để kéo quân về trấn đóng ở bên kia vĩ tuyến phân chia, chứ không phải là một thỏa thuận để rút quân khỏi Việt Nam. Pháp viện hai lý do để bám víu vào Miền Nam: thứ nhất, Pháp có trách nhiệm phải bảo đảm việc thực thi Hiệp Định trong thời gian hậu Geneva; thứ hai, Pháp còn phải tổ chức một cuộc tổng tuyển cử để tiến tới thống nhất đất nước vào năm 1956. Tại miền Nam, Pháp lại còn nhiều điều kiện thuận lợi khác: trước đây Nam Kỳ là một *'Département'* (phân khu) của *'Territoire Francais d'Outre-Mer'* (Lãnh thổ Pháp Quốc Hải Ngoại). Như

đã đề cập trong chương trước, khi Thủ tướng về chấp chính, tất cả hạ tầng cơ sở về hành chính, kinh tế, thương mại, và vật chất của Pháp từ Bắc tới Nam vẫn còn nguyên vẹn, cho nên tình báo Mỹ cho rằng sớm muộn rồi Pháp cũng sẽ tiếp tục điều đình với chính phủ Miền Bắc vì Hiệp định Geneva chỉ là để ngưng chiến và tạm thời phân chia lãnh thổ. Ông Diệm lại là người có tinh thần siêu quốc gia, nên viễn tượng xung đột Pháp -Việt là trông thấy. Trong bối cảnh ấy, chính sách của Hoa Kỳ phải như thế nào?

Trong một tài liệu mật nghiên cứu công phu và ghi số 1691/5, ngày 15 tháng 4, 1955 của Bộ Quốc Phòng Mỹ thẩm định về *'viễn tượng thực hiện chính sách của Hoa Kỳ tại Miền Nam,'* có hai yếu tố làm căn bản cho tất cả những tính toán của Pháp được nêu ra, đó là:

- Vai trò lịch sử lâu dài của Pháp tại Việt Nam; và
- Số tiền đầu tư của Pháp về kinh tế, tài chính tại nơi đây đã quá lớn.

Tài liệu nhận xét rằng: vì Pháp muốn giữ cho được ảnh hưởng tối đa của mình tại Đông Dương nên vấn đề quyền lợi của Pháp là yếu tố quyết định cho tất cả những diễn tiến chính trị tại nơi này. Hơn nữa, Pháp rất đố kỵ việc Mỹ can thiệp vào Việt Nam, và không tin rằng các chương trình của Mỹ sẽ thành công. Bởi vậy, bản nghiên cứu xác định:

> ***"Pháp đang cố gắng để đi tới một thông cảm với Việt Minh, có thể bao gồm luôn cả một giải pháp chính trị cho toàn thể nước Việt Nam, phòng hờ Mỹ thất bại, để rồi vẫn có thể giữ được phần nào ảnh hưởng của mình."***

Pháp toan tính hành động ra sao? Cũng theo tài liệu này, việc thực thi chính sách của Hoa Kỳ tại Miền Nam đang bị Pháp làm vô hiệu hóa bằng bốn biện pháp sau đây:

1. **Tìm cách loại trừ chính phủ Diệm hoặc bằng một cuộc đảo chính, hoặc bằng cách thuyết phục ông Bảo Đại truất chức ông Diệm;**

2. Bất hợp tác với Mỹ trong việc huấn luyện quân đội Việt Nam.

3. Đơn phương lập lại mối quan hệ hữu nghị với Việt Minh; và

4. Sắp xếp cuộc tổng tuyển cử toàn quốc do Hiệp Định Geneva ấn định (vào tháng 7, 1956).

Để giữ chỗ đứng ở ngoài Bắc, Pháp cũng đã gửi phái đoàn Jean Sainteny tới Hà nội để giao hảo. Theo nhà sử học Spector, "Mỹ nghi là Sainteny đang sắp xếp với chính phủ Việt Minh để giữ được quyền lợi của mình tại Miền Bắc, như các công ty xuất nhập cảng, các ngân hàng Pháp, nhiều mỏ than, mỏ quặng, và các cơ sở ở Hải Phòng. **Pháp sẽ thương lượng để giữ những quyền lợi ấy nếu cần phải hy sinh cả Miền Nam.**"

Tháng Ba 1955 dầu sôi lửa bỏng

Về phía Thủ tướng Diệm thì ngoài những vấn đề khó khăn đối với Pháp, còn có vấn đề lớn lao nữa là việc định cư gần một triệu dân cư từ ngoài Bắc vào Nam. Khi một số dân được đưa lên khai khẩn các khu dinh điền trên cao nguyên, ông Diệm còn bị chỉ trích là mang người Kinh lên chiếm đất của người Thượng. Nhiều người dị nghị là chính quyền Ngô Đình Diệm kỳ thị Bắc Nam và thiên vị người Công Giáo. Cả tình hình chính trị lẫn tôn giáo tại Miền Nam thật rối ren.

Vào tháng Ba, Giáo Chủ Cao Đài là ông Phạm Công Tắc thành lập "Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia" (gồm Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên và Đảng Dân Chủ Xã Hội Việt Nam) để chống ông Diệm. Ông Bảo Đại ủng hộ Mặt Trận và thông báo cho Mỹ là ông Diệm không còn hữu hiệu nữa. *"Tôi cảm thấy một sự thử lửa giữa ông Diệm với các khối võ trang của các giáo phái khó lòng tránh khỏi,"* ông Bảo Đại viết lại trong hồi ký. Ngày 21 tháng 3, 1950 Mặt Trận tống đạt một tối hậu thư, đòi ông Diệm trong vòng năm ngày phải thành lập

chính phủ mới, gồm đại diện của các lực lượng dân chủ đối lập nếu không họ sẽ biểu tình.

Ông Diệm đã làm gì để đến mức căng thẳng này? Yên tâm hơn về thế đứng của mình sau khi giải quyết được khó khăn đối với Tướng Hinh, Tư Lệnh quân đội vào cuối năm 1954, ông tập trung giải quyết vấn đề cảnh sát – công an, lúc ấy còn đặt dưới quyền Tổng Giám đốc Lai Văn Sáng, một tướng lãnh Bình Xuyên. Ngoài Bình Xuyên, còn thêm các lực lượng vũ trang Cao Đài và Hòa Hảo. Bình Xuyên còn cả một hệ thống kinh tài qua những cơ sở như sòng bạc Đại Thế Giới, khu Bình Khang ở Chợ Lớn và buôn bán thuốc phiện. Cả ba tổ chức ra đời trước năm 1945. Pháp yểm trợ tài chánh và cho họ hưởng quyền tự trị tại những vùng họ kiểm soát. Trước tình trạng phân tán, ông Diệm ra tuyên bố xác định lập trường *"phải thống nhất quân đội sau khi chiến tranh chấm dứt, không còn lý do tồn tại của các lực lượng võ trang riêng biệt và phải thống nhất hành chánh, không thể nào duy trì tình trạng địa phương tự trị."*

Đầu năm 1955, chính phủ cho phát động phong trào bài trừ "tứ đổ tường," đóng cửa Đại Thế Giới và các sòng bạc khác tại Chợ Lớn. Bình Xuyên mất những nguồn thu quan trọng. Lúc ấy các giáo phái khác cũng đang e ngại về tài chính vì đã có tin Mỹ chuyển thẳng viện trợ cho chính phủ Miền Nam, nên Pháp cũng sắp sửa cắt những khoản tiền tài trợ cho giáo phái. Trong hoàn cảnh này dĩ nhiên là các phe phái bất an. Riêng đối với Tướng Trình Minh Thế, ông Diệm bay trực thăng đến tận nơi để thăm hỏi và thuyết phục. Vì vậy ông đã lôi kéo được nhóm Cao Đài Liên Minh của ông Trình Minh Thế trở về hợp tác với chính phủ ngày 13 tháng 2, 1955. Ông Thế được phong Thiếu tướng Quân đội quốc gia Việt Nam. Các giáo phái hết sức bất mãn với những hành động của ông Diệm, dẫn tới việc thành lập Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia.

Thành lập xong, đại diện Mặt Trận liên lạc ngay với phía Mỹ để yêu cầu ủng hộ việc đòi hỏi ông Diệm thành lập chính phủ mới. Thế nhưng lúc ấy, Ngoại trưởng Dulles đã có ấn tượng về Thủ tướng Diệm: *"Ông ta là người có tầm cỡ hơn là tôi tưởng."* Dulles viết cho Eisenhower. Tại Sàigòn, Đại sứ

Collins tuy là chống biểu tình nhưng khuyên ông Diệm phải thương thuyết để dung hòa với Mặt Trận, như vậy "có thể đổi thù thành bạn." Thoạt đầu ông Diệm đồng ý, nhưng khi các giáo phái nói là không thể điều đình về những yêu sách của họ, ông Diệm cho ông Collins biết là sẽ dùng vũ lực để giải quyết. Collins không đồng ý, cho rằng quân đội sẽ không ủng hộ. Ông tiếp tục khuyên ông Diệm phải tìm giải pháp ôn hòa.

Một quyết định táo bạo

Tới cuối tháng 3, 1955 không khí Sàigòn trở nên ngột ngạt sau khi ông Diệm ban hành sắc lệnh tách Cảnh sát Biệt khu Thủ đô ra khỏi hệ thống chỉ huy của Tổng giám đốc Cảnh sát Công an toàn quốc Lai Văn Sang để đặt dưới quyền điều khiển trực tiếp của Đô trưởng. Không thông báo cho Đại sứ Mỹ, ông Diệm bắt đầu xúc tiến kế hoạch truất chức ông Sang và tấn chiếm Trung Tâm Cảnh sát, dự định cả hai việc sẽ được thi hành vào ngày 29 tháng 3. Thế nhưng chỉ mấy giờ trước khi kế hoạch bắt đầu, Pháp biết được nên gấp rút can ngăn ông Diệm, hứa sẽ tìm cách đưa quân đội Bình Xuyên ra khỏi lực lượng cảnh sát. Đại sứ Collins cũng đến gặp ông Diệm để phản đối việc dùng vũ lực. ***"Nếu Ngài giải quyết vấn đề bằng cách này,"*** Collins cảnh cáo, ***"Ngài sẽ làm một sự sai lầm lớn nhất trong sự nghiệp của Ngài."*** Và sự sai lầm đó sẽ mang tới hậu quả trầm trọng vì ***"chúng tôi sẽ bị áp lực mạnh mẽ phải ủng hộ việc thay đổi chính phủ Ngài."***

Cùng ngày, các Tổng bộ trưởng do Cao Đài, Hòa Hảo cử ra tham gia chính phủ Ngô Đình Diệm lại đồng loạt từ chức đồng thời đài phát thanh Bình Xuyên loan báo một Ủy ban phong tỏa kinh tế đô thành Sàigòn – Chợ Lớn vừa được thành lập. Buồn nhất cho ông Diệm là cả Ngoại trưởng Trần Văn Đỗ cũng tan hàng cùng với Bộ Trưởng Hồ Thông Minh, người mà ông Diệm đã bổ nhiệm dù Pháp chống đối. Biết được rằng ông Diệm sắp cho lệnh tấn công nên đang khi Pháp và Đại sứ Mỹ còn tiếp tục khuyên can ông Diệm, phía Bình Xuyên đã đi bước trước. Đêm 29 rạng 30 tháng 3, 80 lính Bình Xuyên nổ súng đánh vào

nha Cảnh sát Sàigòn-Chợlớn (là nơi ủng hộ ông Diệm) và trụ sở Bộ Tổng Tham Mưu Quân đội quốc gia tại đường Gallieni (Trần Hưng Đạo), đồng thời pháo kích vào Dinh Độc Lập lúc đó do Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù trấn giữ. Quân đội quốc gia phản ứng, đẩy lui các cuộc tiến công của Bình Xuyên, đánh chiếm Trung tâm Cảnh sát Quốc gia. Lực lượng Bình Xuyên rút vào Chợ Lớn. Ông Diệm muốn tiếp tục chận đánh lực lượng Bình Xuyên, nhưng Pháp ngăn chận ông ngừng lại.

Vào lúc 3:15 sáng, Tướng Ely áp đặt lệnh ngưng chiến. Để biểu dương lực lượng, ông cho xe thiết giáp quần trên đường phố Sàigòn. Lúc ấy phần lớn lực lượng quân đội Viễn Chinh Pháp vẫn còn đóng tại Miền Nam. Ely nói quyết định của ông là để bảo vệ tính mạng và tài sản của ngoại kiều ở Sàigòn, nhưng một số người nghi rằng mục đích chính của ông là để cản trở việc ông Diệm tiêu diệt Bình Xuyên. Ely cho quân tới đóng tại một số địa điểm, chận không cho quân đội quốc gia đi qua, người ta cho rằng ông hành động như vậy là để bảo vệ cho một số đơn vị Bình Xuyên còn trấn đóng ở những nơi này.

Sáng ngày 30 tháng 3, Đại sứ Collins tới gặp Thủ Tướng Diệm. *"Bây giờ Bình Xuyên đã dùng vũ lực, tôi không thấy có giải pháp nào ngoài việc rút Cảnh sát Quốc gia và Công an ra khỏi sự kiểm soát của Tổng Giám đốc Sang,"* ông Diệm nói với Collins. Collins đồng ý là Sang sẽ phải đi vì nếu chấp nhận nổi loạn thì chính phủ sẽ sụp đổ nhưng khuyên ông Diệm phải tìm mọi cách để ngưng cuộc giao tranh, vì nếu tiếp tục dùng võ lực thì có thể chính quân đội cũng sẽ không còn ủng hộ ông nữa. Sau cùng, ông Collins thuyết phục ông Diệm hãy cứ ngưng chiến ba ngày rồi sau đó mới giải nhiệm Sang. Thế nhưng, thay vì ba ngày, cuộc ngưng chiến đã được Pháp làm áp lực lại kéo dài hơn. Người ta cho rằng như vậy là để cho các phe chống đối mua thêm thời gian.

Vì đã có giao tranh đem đến đổ máu và chết chóc, Pháp nhân cơ hội này sắp xếp một kế hoạch toàn bộ để dẹp ông Diệm. Một mặt thì thuyết phục Đại sứ Collins (cũng là cựu chiến hữu với ông trong Thế Chiến II) để ông này yêu cầu Washington gạt bỏ ông Diệm, mặt khác thì đề nghị ông Bảo Đại ở Cannes phải có

hành động quyết liệt như cất chức ông Diệm, đồng thời ngấm ngầm giúp lực lượng Bình Xuyên.

Ngày 6 tháng 4, 1955 Mặt Trận và Bình Xuyên gửi điện văn xin Quốc trưởng Bảo Đại chỉ thị ông Ngô Đình Diệm không được dùng vũ lực tiêu diệt các giáo phái. Nhưng cùng một lúc, Phong Trào Cách Mạng quốc gia của phe ông Diệm lại yêu cầu ông Bảo Đại chấm dứt nạn thập nhị sứ quân.

Đại sứ Mỹ Collins đề nghị năm bước để loại bỏ Thủ Tướng Diệm

Ba ngày sau điện văn này, Pháp đã thành công trong việc thuyết phục Đại sứ Mỹ Collins chống Thủ tướng Diệm. Ngày 9 tháng 4, 1955 ông Collins gửi Ngoại Trưởng Dulles một điện văn dài, đề nghị toàn bộ cách giải quyết cuộc khủng hoảng tại Sàigòn. Đề nghị có tính cách lịch sử này, gồm hai phần: sắp xếp việc ông Diệm 'từ chức,' và thẩm định hậu quả của việc từ chức. Vì nó quá dài nên chúng tôi chỉ trích dẫn một đoạn của Phần Thứ Nhất (Part I) trong phần Phụ Lục. Sau đây là tóm tắt:

Điện văn số 4448
Ngày 9 tháng 4, 1955

Phần thứ nhất, việc sắp xếp cho ông Diệm từ chức gồm 5 bước đi:

1. **Giải quyết vấn đề rút Cảnh sát và Công an ra khỏi tay Bình Xuyên,** hoặc bằng một nghị định do ông Diệm ký rồi ông Bảo Đại, Pháp, Mỹ ủng hộ; hoặc cho ông Bảy Viễn một cơ hội để chính ông ta tự nguyện đề nghị như vậy.

2. **Thuyết phục ông Diệm từ chức,** và nếu ông này không chịu thì yêu cầu ông Bảo Đại truất chức.

3. **Tìm người thay thế ông Diệm làm Thủ tướng**, rồi ông Bảo Đại gọi người này sang Paris để tham khảo, khi trở về Sàigòn, người này sẽ tham khảo với mọi phía để thành lập tân chính phủ.

4. **Đi tới một thỏa thuận về giải pháp đối với các giáo phái;** và sau cùng,

5. **Vận động để các giáo phái chấp nhận giải pháp trên.**

Thứ hai, là thẩm định thái độ của các phe liên can về việc dẹp ông Diệm:

- Đối với Pháp thì không có vấn đề gì.
- Với ông Diệm: tất nhiên ông ta sẽ chống cự mạnh mẽ nhưng rồi cũng phải rút khỏi chính trường.
- Đối với quân đội: vì chính phủ mới không bị rạn nứt nên cũng sẽ thu phục được.
- Về phản ứng của Việt Minh: chắc họ sẽ tuyên truyền về sự thất bại của Thế giới Tự do, nhưng không có gì nguy hiểm.

Còn nếu Bộ Ngoại giao có lo ngại về dư luận Hoa Kỳ cho rằng đã hết sức ủng hộ ông Diệm mà bây giờ lại loại bỏ ông đi, thì Collins cho rằng khỏi phải quan tâm vì vẫn có thể tâng bốc ông Diệm lên để vừa giữ thể diện cho ông ta, vừa làm êm dịu dư luận Mỹ. Collins đề nghị Bộ giải thích khôn khéo cho báo chí như sau:

> "Dĩ nhiên là ông Diệm đã đóng góp rất lớn lao cho xứ sở ông vào thời điểm mà những tài năng và đức tính đặc biệt của ông là cần thiết, thế nhưng có thể là chính vì những biện pháp cải tổ và xây dựng của ông, tuy là cần thiết nhưng đã làm nảy sinh ra cuộc khủng hoảng hiện tại, đem theo những hậu quả khó có thể hàn gắn. Việc lựa chọn một nhân vật khác để lãnh đạo một chính phủ mới dĩ nhiên là quyết định của nhân dân Việt Nam và phải theo thể chế của Việt Nam."

Washington chờ xem quân đội có ủng hộ ông Diệm hay không?

Khuyến cáo của Đại sứ rõ ràng, mạch lạc là như vậy, nhưng

tại Washington phản ứng về vụ Bình xuyên nổ súng thì lại khác. Vào lúc nửa đêm ở Sàigòn tức là trưa ở Washington, Ngoại trưởng Dulles nhận được tin này khi ông đang ăn trưa với một số dân biểu lưỡng đảng tại Tòa bạch Ốc: ***"Đây là cơ hội chúng ta đã chờ đợi để tìm hiểu xem ông Diệm có đủ can đảm và quyết tâm hành động không, và cũng để biết được Quân đội Việt Nam có trung thành với ông ta hay không,"*** ông Dulles nói với các dân biểu, ***"Nếu chúng tỏ được hai điều này thì ta hết lo (we are over the hump); còn nếu như ông thất bại về một trong hai điểm thì bắt buộc ông ta phải từ chức. Dù sao chúng ta cũng sẽ có câu trả lời."***

Bởi vậy nên khi nghe tin Pháp ngăn chặn không để ông Diệm tiếp tục truy kích lực lượng Bình Xuyên, Tổng Thống Eisenhower và Ngoại trưởng Dulles hết sức bất mãn, nhất là khi Landsdale và các cố vấn quân sự tại Sàigòn lại báo cáo là ông Diệm có đủ số quân trung thành để thành công. *"Ta phải thúc đẩy Pháp một cách mạnh mẽ hết sức để họ cho ông Diệm áp đặt quyền bính đối với Bình Xuyên,"* Eisenhower chỉ thị, ***"Nếu như ông ta thất bại thì thật là bất hát, nhưng ta cần phải tìm hiểu ngay bây giờ hơn là để muộn về sau, xem Quân đội Quốc gia mà ta tốn phí quá nhiều để phát triển liệu có trung thành với ông ta hay không."***

Rồi cùng ngày (9 tháng 4), ông Dulles trả lời về công điện của Collins:

> ***"Sáng nay tôi đã thảo luận về tình hình hiện tại với cấp cao nhất (Tổng Thống). Dĩ nhiên là chúng tôi luôn ủng hộ lập trường của Đại sứ, nhưng trước khi ông đi tới kết luận, hãy nên cân nhắc tất cả yếu tố quan trọng đối với chúng ta...Chúng ta đã biết rõ về những đức tính mà ông Diệm có cũng như những khả năng mà ông thiếu, nhưng cả hai chính phủ đã đồng ý giúp ông một cách ngầm định (in default) vì chẳng có ai hơn. Những người mà Đại sứ đề nghị đều là những người mà mấy tháng trước đây ta đã cho là không chấp nhận được...***

Chúng tôi thông cảm việc Pháp không muốn ông Diệm dùng quân lực để đối phó, nhưng nếu như vậy thì việc ta phải tốn phí giúp thành lập một quân đội quốc gia để làm gì? Hai bên đã đồng ý rằng nhiệm vụ chính yếu của quân đội này là để giữ an ninh đối nội chứ không phải để đương đầu với tấn công của ngoại bang [vì đã có SEATO]...

Bởi vậy chúng tôi không thấy rằng việc thay thế ông Diệm bằng người khác sẽ có thể thay đổi được tình hình... Ngoài ra, dẹp ông Diệm đi trong hoàn cảnh hiện nay sẽ bị người Việt Nam cũng như người Á Châu cho rằng đây là một thí dụ rõ ràng Mỹ chỉ ủng hộ chính nghĩa quốc gia bằng miệng thôi, rồi khi nào bị "quyền lợi" của thực dân làm áp lực, thì rồi cũng loại bỏ một người lãnh đạo quốc gia chân chính.

Còn một lý do khác nữa là Quốc Hội sẽ chống đối rất mạnh viện trợ cho Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng nếu ông Diệm bị thay thế trong hoàn cảnh này... Tôi nghĩ rằng, cũng như hầu hết người Á Đông, ông Diệm rất nghi ngờ về những sự việc đang xảy ra chung quanh ông ta. Bởi vậy, nếu làm cho ông cảm thấy chắc chắn cả Pháp lẫn Mỹ đều hết lòng ủng hộ, rất có thể là ông ta sẽ mở rộng chính phủ."

Dulles

Chính khách Sàigòn hoang mang, không ủng hộ Thủ Tướng

Ngày 12 tháng 4, Mặt Trận thành lập "Ủy Ban Chỉ Đạo Dân Quân Cách Mạng" làm lễ thượng cờ chống đối chính phủ đang khi Bình Xuyên lại ra mặt khiêu khích Quân đội Quốc gia. Trong hoàn cảnh này và trước sự chống đối không ngừng của Đại sứ Collins, Tổng Thống Eisenhower gọi ông về Washington để tham khảo. Trước khi đi, Collins còn gửi khuyến cáo cho TT Eisenhower vào ngày 19 tháng 4 là vẫn phải thay thế ông

Diệm. Lần này ông dựa vào ý kiến của Cao ủy Ely rằng Mỹ có thể xem xét để chỉ thay đổi người thủ tướng mà không phải là thay đổi chính sách. Còn nếu như cứ giữ ông Diệm ở lại thì ông Ely dọa sẽ rút lui, không thể tiếp tục đại diện cho nước Pháp ở Miền Nam được nữa. Ely còn cảnh cáo rằng một cuộc khủng hoảng mới sẽ xảy ra chỉ trong ba tuần lễ và Mỹ sẽ mất một cơ hội cuối cùng để cứu vãn Miền Nam.

Vào đêm cùng ngày, ông Collins báo cáo cho Washington về cuộc tham khảo ý kiến các ông Dương Văn Minh, Phan Huy Quá, Trần Văn Đỗ, và Trần Văn Vận:

- Ông Dương Văn Minh cho rằng, nếu không có ông Diệm thì khủng hoảng có thể được giải quyết dễ hơn là có ông ta. Cần có một Quốc Hội Lập Hiến trong vòng ba tới bốn tháng, và đang khi chờ đợi thì nên có một chính phủ liên hiệp, nhưng khó mà thành lập được một chính phủ như vậy nếu ông Diệm còn tại chức.

- Ông Phan Huy Quát: tình hình khó khăn là do sự sai lầm của ông Diệm, gây nên khoảng cách xa vời giữa ông và các bè phái; tốt nhất là lập ngay một Quốc hội lâm thời, nhưng các phe phái đều e ngại một Quốc hội như vậy nếu ông Diệm còn làm Thủ tướng.

- Ông Trần Văn Đỗ: cũng cho rằng phải có một cơ chế để thể hiện ý kiến của nhân dân, nên cần một Nghị Hội hay một Quốc Hội để thành lập một chính phủ lâm thời.

- Ông Trần Văn Vận: xác định vì Thủ tướng Diệm không có được sự ủng hộ trong nước nên tuy rằng ông (Vận) bằng lòng chấp nhận mọi nguy hiểm để tìm ra một giải pháp tốt, nhưng không muốn chịu sự rủi ro là tham gia một chính phủ lâm thời do ông Diệm tổ chức.

Vì đã có chỉ thị của Ngoại Trưởng Dulles (ngày 9 tháng 4) như trên đây nên Đại sứ Collins nghe theo và kết luận với các chính khách này rằng nếu như ông Diệm bị dẹp đi trong hoàn cảnh này và lãnh đạo các phe Việt Nam không tìm ra được một

giải pháp thì dư luận sẽ cho là các giáo phái đã thắng cuộc, và như vậy rất khó mà có được sự ủng hộ tại Hoa Kỳ để tiếp tục viện trợ cho Việt Nam. Bởi vậy ông thôi thúc mọi người cố gắng tìm cho được một giải pháp thỏa đáng.

Tuy nhiên sau khi tham khảo các nhân vật trên, ông Collins vẫn đến gặp ông Diệm một lần nữa trước khi lên đường. Collins báo cáo ngay về Washington là ông đã nói thẳng với ông Diệm rằng chính phủ của ông ta sẽ không thể tồn tại nổi được ba tháng nữa, và nếu cứ tiếp tục như thế này thì loạn lạc là điều trông thấy. Và vì vậy, *"Tôi thêm rằng bắt buộc tôi phải báo cáo cho chính phủ tôi rằng hành động của ông Diệm sẽ dẫn tới một cuộc nội chiến."* Theo Collins, ông Diệm đã trả lời rằng mỗi khi ông nhân nhượng và thỏa hiệp thì vấn đề lại trở nên khó khăn hơn.

Vì sợ ông Diệm lợi dụng lúc ông Collins không có mặt ở Sàigòn để tấn công Bình Xuyên và đặt Mỹ vào một việc đã rồi nên ông Collins còn căn dặn ông Diệm là *"hãy làm bất cứ điều gì có thể để tránh xảy ra một cuộc xung đột trong khi tôi đi vắng."* Ông Diệm nói lảng đi, phàn nàn rằng nếu như ông đã cất chức Tổng Giám Đốc Cảnh sát Sang ngay từ đầu thì bây giờ tình hình tại Sàigòn đã có thể kiểm soát được rồi.

Chào tạm biệt, ông Collins cho ông Diệm hay là "chính Quốc trưởng Bảo Đại sẽ giải nhiệm ông nếu tình hình này cứ kéo dài". Kết thúc bản báo cáo gửi Washington, Collins đề nghị:

> ***"Tôi không thấy, nhắc lại là không thấy, một giải pháp nào khác ngoài việc thay thế ông Diệm cho sớm."***

Những giờ phút cam go

Đại sứ Collins về tới Washington ngày thứ Năm, 21 tháng 4. Ngày 23 tháng 4, Thủ tướng Diệm kêu gọi một cuộc trưng cầu dân ý và bầu cử một quốc hội trong vòng 6 tháng. Đây là một bước rất khôn của ông Diệm vì lúc ấy đang có áp lực phải bầu ngay một Hội Nghị hoặc Quốc Hội lâm thời gồm đại diện

các đảng phái để thành lập một chính phủ. Bằng cách kêu gọi trưng cầu dân ý giúp cho ông Diệm tỏ ra theo đúng tinh thần dân chủ, nó lại làm nhẹ được áp lực phải lập ngay một Hội Nghị lâm thời.

Thế rồi ngay sau đó, ngày 26 tháng 4, ông ra sắc lệnh cách chức Tổng giám đốc Cảnh sát-Công an toàn quốc Lai Văn Sang, chỉ định Đại tá Nguyễn Ngọc Lễ lên thay. Ông Sang cưỡng lại, viện cớ là chỉ có ông Bảo Đại mới có thẩm quyền này.

Tại Washington, ngày 22 tháng 4, Đại sứ Collins dùng bữa ăn trưa với Tổng thống Eisenhower, và sau đó ông còn gặp Ngoại trưởng Dulles cùng với các đại diện Bộ Quốc Phòng và Trung Ương Tình Báo để 'lobby' chống ông Diệm. Ông nhắc lại quan điểm của ông một cách mãnh liệt và cứng rắn hơn trước là Mỹ phải thay thế ông Diệm và có kế hoạch hành động ngay tức khắc. Collins đề nghị ông Phan Huy Quát lên thay. Vào thời điểm đó những phúc trình từ Sàigòn đều nói rằng ông Diệm đang xuống dốc.

Trước áp lực mạnh mẽ của Collins, vừa là đặc ủy của Tổng Thống, vừa là đại sứ, lại là chứng nhân có mặt tại chỗ để nhận xét, nên sau cùng ông ta đã thắng thế. Như ông Kenneth Young, Vụ Trưởng Vụ Đông Nam Á tại bộ Ngoại Giao đã thuật lại: *"Chúng tôi đã cố gắng một lần nữa để giữ ông Diệm ở lại trong cương vị lãnh đạo một chính phủ mới, một chính phủ liên hiệp giữa các phe phái,"* nhưng *"Vì Tướng Collins và ông Paul Sturm (Bộ Ngoại Giao) vẫn khăng khăng giữ vững quan điểm nên hầu hết chúng tôi đã miễn cưỡng chấp nhận nhu cầu phải thay đổi. Tuy nhiên tất cả chúng tôi đều nhấn mạnh rằng chúng tôi vẫn đứng về phía ông Diệm, ít nhất là trong thời kỳ chấp chánh sơ khởi của chính phủ mới."*

Sau mấy ngày vận động từ Tổng thống, Ngoại trưởng, các bộ sở quốc phòng, ngoại giao, tình báo, sau cùng ngày 27 tháng 4, ông Dulles đồng ý xem xét một người khác thay thế ông Diệm. Trong một buổi họp khoáng đại giữa Ngoại trưởng Dulles, Tổng Giám đốc FBI Edgar Hoover và Tổng Giám đốc CIA Allen Dulles, vào chiều tối thứ Ba, mật điện do Bộ Ngoại giao soạn thảo ra lệnh thay thế Thủ Tướng Diệm đã được chấp

thuận. Ông Dulles chỉ thị phải giữ thật kín việc này và không cho phía Pháp biết để đợi hiểu rõ hơn về những đòi hỏi của họ và để xem họ có nhất quyết ủng hộ một chính phủ mới hay không. Ông Young viết lại rằng: *"Chẳng một ai trong chúng tôi thật sự tin tưởng vào bức điện đó, nhưng chúng tôi phải đối diện với những đề nghị mạnh mẽ của Collins và ưu thế của ông là ông ta đã đến tòa Bạch Ốc ngay hôm sau ngày ông từ Sàigon về tới Washington."*

Mật điện lịch sử ngày 27 tháng 4, 1955: thay thế Thủ Tướng Diệm

Bức điện ngày 27 tháng 4, 1955 cho phép sắp xếp thay thế Thủ Tướng Diệm trích dẫn ở phần Phụ Lục cho Chương này là một văn kiện lịch sử hết sức quan trọng. Nó giống như mật điện ngày 24 tháng 8, 1963 vào lúc sắp xếp việc đảo chánh:

Bộ Ngoại Giao
Ngày 27 tháng 4, 1955

"Tướng Collins và Ely phải thông báo cho ông Diệm biết rằng vì lý do ông không thành lập được một chính phủ liên hiệp có cơ sở rộng rãi và ông bị người Việt chống đối, chính phủ Hoa kỳ và Pháp không còn đủ tư thế để ngăn ngừa việc ông phải từ chức. Những đức tính yêu nước của ông vẫn có giá trị tiềm năng lớn đối với Việt Nam, và ta hy vọng rằng ông sẽ hợp tác với bất kỳ chính phủ mới nào được chỉ định...

" Chúng tôi tạm đề nghị một tân chính phủ như sau:

1) Nội các: quyền hành pháp đầy đủ trao cho [Trần Văn] Đỗ hoặc [Phan Huy] Quát làm thủ tướng và phó thủ tướng...

2) Một Hội Đồng Tư Vấn khoảng từ 25 đến 35 đại

diện các phe nhóm, gồm cả các giáo phái...và

3) Một Quốc Hội Lâm Thời: một cơ chế gần như một Quốc Hội Lập Pháp, gồm những người đã trù liệu được bầu ra hay chỉ định theo lịch trình..."

Dulles

Chỉ thị này với chữ ký của Ngoại trưởng Dulles là do Kenneth Young soạn thảo. Bộ Ngoại giao gửi mật điện đi vào lúc 6 giờ chiều ngày 27 tháng 4 (giờ Washington).

Thế nhưng khi chỉ thị vừa được gửi đi là tin tức này đã lọt ra ngoài nên ông Diệm biết được. Có hai dư luận giải thích việc này: một nguồn nói rằng có người trong chính phủ Hoa Kỳ cấp báo cho Đại sứ Việt Nam ở Washington (ông Trần Văn Chương, thân phụ Bà Ngô Đình Nhu) biết để ông này điện về Sàigòn. Nguồn khác có vẻ xác thực hơn, cho rằng chính ông Landsdale đã biết được tin này và cho ông Diệm biết để hành động kịp thời.

Theo Hồi ký của Landsdale thì lại khác: chính Thủ tướng Diệm đã gọi ông vào dinh khoảng trưa ngày 28 tháng 4 (tức là lúc 11 giờ đêm ngày 27 tháng tư, giờ Washington) và cho hay là ông ta (Diệm) vừa nhận được tin từ thủ đô Hoa Kỳ là đã có quyết định dẹp Diệm nhưng không cho Landsdale biết là tin tức từ nguồn nào tới. Landsdale viết lại là ông đã nói với ông Diệm rằng chính mình cũng ở trong bóng tối, nhưng sẽ kiểm tra lại với Washington bằng radiô.

Những giờ phút quyết liệt cuối tháng 4, 1955

Theo tác giả Mark Moyar trong cuốn Triumph Foresaken (xuất bản năm 2006) thì: "Trong mấy giờ đồng hồ hết sức cam go sau khi gửi mật điện này, Washington nhận được rất nhiều điện văn dồn dập do Landsdale gửi. Khác với trường hợp những người CIA khác, ông này có khả năng độc lập với trạm CIA địa phương, nên có thể gửi thẳng mà không bị cấp trên sửa chữa hay huỷ bỏ. Thời điểm và bản chất những mật điện

này cho hay rằng có người ủng hộ ông Diệm tại Washington đã cho Landsadale biết quyết định dẹp Diệm, tuy nhiên không có bằng chứng nào về điểm này. Trong điện văn đầu, Landsdale khẳng định rằng nếu bỏ Diệm, uy tín Hoa Kỳ sẽ bị tổn thương ở Việt Nam tới mức không chính phủ mới nào có thể tồn tại được nữa. Rồi ngay trước khi kim đồng hồ chỉ nữa đêm giờ Washington (Sàigòn là trưa) Landsdale báo cáo là 'giao tranh đã bắt đầu giữa Quân đội Quốc Gia và Bình Xuyên.' Eisenhower và Dulles nghe vậy giật mình, quyết định đình chỉ kế hoạch Collins, vội vàng ra lệnh cho Sàigòn và Paris ngừng ngay việc sửa soạn thay đổi chính phủ *và phải đốt hết các mật điện nói về việc này.*"

Cuộc giao tranh bắt đầu khoảng trưa ngày 28 tháng 4. Bên nào nổ súng trước thì cho tới nay cũng chưa dứt khoát. Có dư luận cho rằng Bình Xuyên quyết định tấn công vì ông Diệm truất chức ông Sang. Dư luận khác cho rằng chính ông Diệm khai chiến để tiêu diệt Bình Xuyên và để chận trước kế hoạch thay đổi chính phủ. Theo tác giả Trần Đức Minh, "Ngày 28 tháng 4, vào lúc 12 giờ 15, Công an xung phong Bình Xuyên đóng ở trường Trung học Pétrus Ký đã vô cớ bắn vào một toán quân nhân quốc gia đang đi qua vọng gác của họ làm cho một người ngã gục. Bất chợt thấy cảnh này, Trung tá Đỗ Cao Trí, Chỉ huy trưởng Liên đoàn Nhảy Dù, đã phản ứng ngay lập tức không cần đợi lệnh trên. Một Tiểu đoàn Nhảy Dù đã được đưa tới tiến công vào trường Pétrus Ký, và chiến sự tiếp diễn sang đến hôm sau thì quân Nhảy Dù thắng thế ở Chợ Lớn. Các bót Cảnh Sát của Bình Xuyên ở Sàigòn cũng bị cô lập." Để giúp Bình Xuyên khỏi bị tiêu diệt hoàn toàn, ngày 29 tháng 4, Tướng Ely yêu cầu ông Diệm ngưng chiến. Từ Cannes, Quốc trưởng Bảo Đại đánh hai điện văn về để triệu tập Thủ tướng Diệm và tướng Lê Văn Tỵ (Tổng Tham Mưu Trưởng) sang Pháp tham khảo ý kiến. Đồng thời, ông chỉ định tướng Nguyễn Văn Vỹ làm Tư Lệnh Tối Cao với sứ mệnh phải chấm dứt mọi giao tranh.

Về lệnh của ông Bảo Đại, sau này ông Cao Xuân Vỹ (người rất gần gũi gia đình Họ Ngô) có tiết lộ là ông Diệm "đã sẵn

sàng lên đường, dù biết sang đó sẽ mất chức thủ tướng. Nhưng chính nhóm liên khu Tư chúng tôi đã thuyết phục ông, gần như làm áp lực với ông, để ông bỏ ý định sang Cannes" (xem Chương sau).

Tại Paris, Thủ Tướng Faure lập tức can thiệp để giúp ông Bảo Đại. Trong một cuộc họp báo, ông tuyên bố chính phủ Diệm không còn thích hợp nữa, và ủng hộ việc ông Bảo Đại chỉ định Tướng Vỹ.

QT Bảo Đại bất mãn khi Mỹ yêu cầu ủng hộ ông Diệm

Thấy vậy, ngay ngày hôm sau (30 tháng 4), Đại sứ Mỹ Dillon cho đại diện là ông Gibson đến Nice gặp ông Bảo Đại (và ông Nguyễn Đệ, trợ lý) để cố thuyết phục ủng hộ ông Diệm. Dillon báo cáo về Washington là thay vì ủng hộ, Bảo Đại lại hết sức bất mãn và phàn nàn rằng chính vì Mỹ cứ làm áp lực, không để ông ta kịp thời cách chức ông Diệm mà đưa đến hoàn cảnh này. Vì báo cáo này có nhiều chi tiết về phản ứng của ông Bảo Đại nên chúng tôi trích dịch một phần công điện của Dillon như sau:

> ***"Chúng tôi đã yêu cầu ông Bảo Đại phải ủng hộ chính phủ hợp pháp hiện nay*** (chính phủ Diệm)***, nhưng ông ta đã phản ứng mạnh. Ngược lại, ông ta còn yêu cầu Mỹ phải thuyết phục ông Diệm sang Pháp ngay để họp khẩn với ông ta và đại diện các đảng phái hòng chấm dứt cuộc khủng hoảng hiện nay.***
>
> ***"Ông Bảo Đại nói với chúng tôi rằng dù đúng hay không đúng, ông Diệm cứ một mực nói là ông ta được Mỹ ủng hộ. Ông nói: chính vì Mỹ không chịu phản đối những việc ông Diệm vừa làm mà lại còn ủng hộ ông ta một cách mù quáng, nên Mỹ phải chịu trách nhiệm là đã dẫn đến cuộc nội chiến hiện nay, làm cho hàng trăm người dân vô tội thiệt mạng và tiêu hao sức mạnh quân sự cần thiết để chống Cộng.***

"Dĩ nhiên là ông Gibson đã phủ nhận những điều này, và nói là chính Mỹ đã khuyến dụ ông Diệm phải tự kiềm chế. Thế nhưng Bảo Đại cứ nhất thiết cho rằng chính vì Mỹ đã yêu cầu (không cất chức ông Diệm) mà ông ta phải trì hoãn, không có những hành động cần thiết như ông ta muốn, và những hành động này rất có thể là đã ngăn ngừa được cuộc đổ máu.

"Ông Bảo Đại nói rằng trong hai ngày liền, Hoa Kỳ đã áp lực ông để ông không hành động quyết liệt, viện cớ là Washington còn đang bàn định với Collins về một giải pháp, và ngày 26 và 27, ông ta đã làm theo ý muốn của Hoa Kỳ dù thấy rất cần phải hành động. Đến ngày 28, ông ta bắt buộc phải hành động, dù Hoa Kỳ còn liên tục gửi tới Cannes một yêu cầu thứ ba, sau khi súng đã nổ.

"Ông Bảo Đại kết luận là nếu Mỹ không muốn để cho cuộc nội chiến kéo dài tới khi Việt Minh toàn thắng thì phải áp lực ông Diệm sang Pháp ngay...Ông Bảo Đại nói rằng 'Ông Diệm là một kẻ lâm bệnh tâm thần (psychopath), ông ta muốn trở thành một người tử vì đạo, dù hậu quả của việc ông làm là hàng ngàn người phải chết. Ông Diệm biết là chính mạng sống mình cũng đang bị nguy hiểm, nhưng ông ta hoan nghênh việc tử vì đạo, điều mà chắc chắn sẽ xảy ra cho ông ta, vì trước sự chống đối mãnh liệt như hiện nay, rồi một kẻ nào đó cũng sẽ ám sát ông ta trong một thời gian gần đây thôi nếu ông ta cứ tiếp tục dùng võ lực.'

Chúng tôi hỏi ông Bảo Đại xem ông sẽ làm gì nếu như ông Diệm bất tuân lệnh. Bảo Đại nói sẽ dùng pháp luật để tuyên bố Diệm là kẻ nổi loạn và sẽ kết hợp nhân dân để chống lại cho tới khi ông ta phải rút lui. Tới đây, Bảo Đại quá xúc động đến mức không nói nên lời..."

Dillon

Tại Sàigòn, về phản ứng đối với lệnh của ông Bảo Đại và những diễn biến sau đó, tác giả Trần Đức Minh trong cuốn Một Thời Nhiễu Nhương tóm tắt: ngày 29 tháng Tư, Thủ tướng Diệm vội vã triệu tập một 'Hội nghị các chính đảng và nhân sĩ quốc gia' tại Dinh Độc Lập để cho biết ý kiến xem ông có nên đi Pháp theo lệnh của Quốc trưởng hay không. Do sự dàn dựng của phe ông Diệm, có 18 tổ chức chính trị và 29 nhân sĩ tham dự. Mục đích là như vậy, nhưng đang lúc họp, bất ngờ ông Nhị Lang (Mặt trận Quốc gia Kháng Chiến Việt Nam) lại đề nghị truất phế ông Bảo Đại. Liền sau đó, ông Hồ Hán Sơn (Việt Nam Phục Quốc Hội) lên tiếng tán thành. Không khí trở nên sôi nổi. Bức chân dung của Cựu Hoàng Bảo Đại bị vất xuống đất. Hội nghị bầu "Hội đồng nhân dân cách mạng quốc gia," đưa ra Bản nghị quyết ba điểm:

- Truất phế ông Bảo Đại;
- Giải tán chính phủ Ngô Đình Diệm, và
- Ủy nhiệm chí sĩ Ngô Đình Diệm thành lập chính phủ cách mạng lâm thời, tổ chức tổng tuyển cử, tiến tới chế độ Cộng Hòa."

Như vậy là ông Diệm đã ở vào thế mạnh, ông cho rằng *"Đây là trận phải đánh cho tới cùng."* Vào trưa ngày hôm sau, Quân đội Quốc gia tiến tới Kênh Đôi (kênh Arroyo Chinois, cầu Ông Lãnh) thì chạm mặt ngay với lính Pháp chận cầu, dường như để bảo vệ cho lính Bình Xuyên bên kia. Pháp đã ngấm ngầm giúp Bình Xuyên bằng cách bí mật tiếp tế súng đạn, cũng như cản trở việc tiếp viện về nhiên liệu, đạn dược từ ngoài vào nội thành. Lúc ấy hệ thống tiếp vận hậu cần còn do Pháp kiểm soát.

Biết được việc Pháp gây khó dễ, Tổng Thống Eisenhower rất bất mãn chỉ thị phải yêu cầu quân lính Pháp rời ngay khỏi cầu. Khi Pháp vừa rút, Quân đội Quốc gia băng nhanh qua để rượt theo. Tàn quân Bình Xuyên rút vào khu Rừng Sát. Trong trận này Tướng Trình Minh Thế bị tử thương trên cầu Tân Thuận.

Những cay đắng của Thủ Tướng Diệm

Ngày 29 tháng 4, một *'Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng'* họp tại Dinh Độc Lập ủng hộ Thủ tướng Diệm và đặt vấn đề truất phế QT Bảo Đại. Vài hôm sau, Đại sứ Collins từ Washington trở về Sàigòn đã gặp ông Diệm ngay và cho ông hay là Bộ Ngoại Giao Hoa kỳ cho rằng nếu truất phế Bảo Đại bằng một cách đảo chánh như vậy thì rất nguy hiểm.

Khi ông Diệm phải trực diện với việc truất phế ông Bảo Đại, người đã cất nhắc mình lên Thủ tướng, ông không khỏi trăn trở, nhất là theo tinh thần 'tôi trung'. Ít người biết được rằng lương tâm ông đã dằn vặt thật nhiều. Đại tá tình báo Landsdale, người rất gần gũi ông Diệm đã kể lại: **"Ông Diệm đã tỏ ra vô cùng đau đớn ("cried over my shoulder") trong ba trường hợp: khi mất Phát Diệm, khi Tướng Trịnh Minh Thế tử trận và khi ông phải chấp nhận việc thay thế ông Bảo Đại."**

Về thời điểm này, tác giả Joseph Buttinger trong cuốn Vietnam, A Dragon Embattled nhận xét:

> "Trong sự tranh đấu để thu hồi và bảo vệ được quyền bính, ông Diệm đã trải qua nhiều giai đoạn bất trắc và khổ cực. **Tuy nhiên, cho dù cả trong những tuần lễ trước cuộc đảo chánh và ám sát ông năm 1963, ông Diệm cũng đã không bị gian lao, cay đắng bằng trong tháng 4, 1955."**
>
> "Ông Diệm không còn cả chính phủ nữa, dù chỉ là một chính phủ tiêu biểu vì tất cả các bộ trưởng đại diện giáo phái đã từ chức. Ông khổ tâm nhất là người mà ông kính trọng là Ngoại Trưởng Vũ Văn Mẫu cũng từ chức cùng với Bộ trưởng Quốc Phòng Hồ Thông Minh, một người ông đã bổ nhiệm mặc dù Pháp chống đối...nhân vật khác nữa là Nguyễn Văn Thoại, có uy tín và là người duy nhất đã trở về với ông từ Paris cũng từ chức. Ông này lại tuyên bố từ chức một cách ngoạn mục khi ông lãnh đạo phái đoàn Việt Nam dự Hội nghị Bandung (gây tin giật gân cho báo chí). Nhiều viên chức cao cấp trước

đây được Pháp cất nhắc bây giờ cũng vội vàng rời bỏ công vụ lúc con tầu đang chìm đắm. Họ hy vọng sẽ được hậu thưởng bởi một chính phủ mới, sớm muộn cũng thay thế ông Diệm..."

May mắn cho Thủ tướng Diệm trong ngày 30 tháng Tư 1955

Trước khi rời Sàigòn về Washington (ngày 20 tháng 4), theo tác giả Mark Mayar trong sách đã viện dẫn, Đại sứ Collins có nói với Cao ủy Pháp Ely rằng: Hoa Kỳ đã quyết định ông Diệm phải từ chức. Theo sự thỏa thuận này, ngày 30 tháng 4, Ely tới gặp Quyền Đại sứ Randolph Kidder để yêu cầu Hoa Kỳ cộng tác với Pháp trong việc dẹp ông Diệm. Lúc ấy, Kidder không biết chính sách của Washington diễn biến ra sao vì trước khi rời Sàigòn, Collins chỉ nói với Kidder là 'thượng cấp còn đang bàn định về những kế hoạch mới của Hoa Kỳ tại Việt Nam,' và lúc này Collins còn đang bàn bạc, vận động tại Washington. Thế nhưng, vì đã tận mắt thấy ông Diệm đang thành công, Kidder trả lời thẳng thừng cho Ely là *"Không, Hoa Kỳ sẽ không giúp việc dẹp ông Diệm."* Về sau, Kidder kể lại *"Lúc ấy tôi thực không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải tự quyết định lấy về chính sách của Hoa Kỳ, vì nếu trả lời là "tôi không biết" thì thật là buồn cười."* Ely vô cùng giận dữ và phản đối, cho rằng Hoa Kỳ đã bội ước, vì chính ông đã nhận được sự đồng ý của Tướng Collins về việc thay thế ông Diệm. Thái độ phẫn nộ của Ely cũng giống như lúc ông đã hết sức bất mãn về sự hứa hẹn của tướng Radford là sẽ can thiệp vào Điện Biên Phủ, rồi không làm như vậy (xem Chương 6). Dù Ely phản kháng, Kidder vẫn giữ nguyên lập trường là Hoa Kỳ ủng hộ ông Diệm chứ không bắt tay với Pháp để dẹp ông ta đi.

Rất may cho Thủ Tướng Diệm: cũng theo Mayar, nếu trong buổi họp ngày 30 tháng 4, Kidder đã nói thật với Ely rằng: Tòa Đại sứ thực sự chưa nhận được những hướng dẫn về chính sách của Hoa kỳ đối với ông Diệm vào lúc ấy (ngoài lệnh hủy công điện ngày 27 tháng 4) thì có thể ông Ely đã có những biện pháp

mạnh mẽ đối với ông Diệm hơn là đã nhân nhượng. Ngoài ra, giả như Đại sứ Collins không về Washington và có mặt tại buổi họp với Ely hôm ấy thì rất có thể là Collins đã đồng ý với Ely rồi.

Sự việc này cho ta thấy hành động của vị đại diện Mỹ có mặt tại chỗ là hết sức quan trọng. Nhận xét này còn phản ảnh rõ ràng hơn nữa qua hành động của Đại sứ Cabot Lodge trong cuộc đảo chính năm 1963. Ta cũng nên nhớ rằng hai mươi năm sau, vào lúc Miền Nam sụp đổ, vai trò của Đại sứ Graham Martin cũng đã là yếu tố quyết định giúp di tản được một số người Việt Nam trong đợt đầu, dẫn tới những cuộc di tản về sau (Khi Đồng Minh Tháo Chạy, trang 353-359).

Tại Washington, ngày 30 tháng 4, 1955 Kenneth Young, Vụ trưởng Vụ Đông Nam báo cáo:

> "Tướng Ely và người Pháp hoàn toàn đổ lỗi cho ông Diệm đã gây ra tình trạng này, như họ đã làm trong biến cố một tháng trước đó (29-30 tháng 3). Kể từ khi ấy, tình hình đã biến chuyển rất nhanh. Quân đội quốc gia dường như đang thắng thế, các phe phái đều đứng về phía ông Diệm cho dù ông Bảo Đại sẵn sàng cách chức ông Diệm, và người Pháp thật sự cũng không còn ủng hộ ông Bảo Đại nữa... Nhưng cũng vì xảy ra cuộc khủng hoảng này mà Hoa Kỳ bắt buộc phải có một thái độ mạnh mẽ và dứt khoát đứng về phía ông Diệm. Thượng nghị sĩ Mansfield đưa ra một tuyên ngôn dài ủng hộ Thủ tướng Diệm ngày 29 tháng 4. Nếu ông Diệm bị bắt buộc phải từ chức, ông Mansfield sẽ yêu cầu chúng ta ngưng tất cả viện trợ cho Việt Nam ngoại trừ viện trợ nhân đạo. Các nghị sĩ Knowland và Humphrey cũng ủng hộ ông Diệm... Tướng O"Daniel, ba vị Tùy viên quân sự của chúng ta và Lansdale thông báo cho chúng ta vào ngày 30 tháng 4 rằng "bất cứ sự thay đổi lãnh đạo hay chỉ huy nào trong lúc này sẽ đem lại sự hỗn loạn."

Sau cùng thì sự may mắn đã tới với ông Diệm: cuối tháng 4, trước sự thành công của ông, Quốc Hội cũng như dư luận

và báo chí Mỹ, hết thảy đều đồng thanh hoan hô ủng hộ, cho dù Đại sứ Collins vẫn còn tiếp tục chống đối. Dù Collins cho rằng 'sự thành công của ông Diệm chỉ là tạm bợ,' Tổng thống Eisenhower đã dứt khoát ủng hộ. Ngày 30 tháng 4, 1955 Thủ tướng Diệm nhận được một công điện từ Bộ Ngoại Giao đảm bảo rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục ủng hộ ông. Năm năm sau, trong một bức thư gửi TT Diệm vào năm 1960, TT Eisenhower còn nhắc tới sự cương quyết và thành công của Thủ tướng Diệm:

> ***"Chúng tôi đã chứng kiến sự can đảm và táo bạo mà Ngài và nhân dân Việt Nam đã biểu dương để đạt tới độc lập trong một tình huống nguy hiểm đến độ nhiều người đã coi như là vô vọng. Chúng tôi còn ngưỡng mộ khi tình trạng hỗn loạn ở Miền Nam đã nhường chỗ cho trật tự, và tiến bộ đã thay thế cho tuyệt vọng, tất cả với một tốc độ thật nhanh chóng."*** [xem Chương 14].

Cùng ngày 30 tháng 4, một "Đại hội các lực lượng quốc gia" chừng 200 đại biểu họp tại phòng khánh tiết tòa Đô Chính Sàigòn đồng thanh ủng hộ việc truất phế ông Bảo Đại, sau đó "Ủy ban Cách mạng" cùng với các tướng Trình Minh Thế, Nguyễn Thành Phương, Nguyễn Giác Ngộ đến Dinh Độc Lập thông báo cho Thủ tướng Diệm."

Tuy vẫn còn có những khó khăn tiếp theo nhưng sau cùng, Bình Xuyên đã thất bại hoàn toàn và tàn quân rút về Rừng Sát ở phía đông nam Sàigòn. Đang khi đó, tướng Lê Văn Tỵ tới gặp Thủ tướng Diệm, cùng đi với hai sĩ quan là đại tá Trần Văn Đôn và Dương Văn Minh. Hai ông là những sĩ quan được kính nể trong quân đội, và ông Minh lại là Tư lệnh Sàigon-Chợ Lớn. Thủ tướng Diệm rất hài lòng, liền phong hai ông lên chức Tướng và ông Tỵ lên Trung tướng.

Chấm dứt sự đe dọa của cảnh sát, quét sạch được lực lượng Bình Xuyên, có hậu thuẫn của quân đội cũng như "Đại Hội Các Lực Lượng Quốc Gia," và thoát khỏi kế hoạch dẹp tiệm của Ely-Collins, đồng thời lại nhận được công điện Hoa Kỳ tiếp tục ủng hộ, tất cả đã biến ngày 30 tháng 4, 1955 thành một ngày may mắn nhất của sự nghiệp Thủ tướng Diệm.

Nhìn theo một khía cạnh khác, đó cũng là thời điểm hình thành một Miền Nam tự do, vì nếu như nỗ lực của Pháp về việc cách chức ông Diệm thành công, rồi sau đó Pháp đưa một người 'phe ta' như ông Bẩy Viễn lên nắm chức thủ tướng chính phủ để hòa đàm với các phe phái, tiến tới việc thành lập một chính phủ theo mô hình 'chính phủ Nam kỳ' năm 1946, thì chắc số phận Miền Nam đã khác rồi. Vào thời điểm ấy, nhiều quan chức Mỹ cũng đã nói tới giải pháp là nếu cuộc khủng hoảng chính trị cứ kéo dài và tình hình Miền Nam trở nên quá bất ổn hoặc vẫn còn đượm màu sắc thực dân thì Hoa Kỳ phải xem xét đến việc rút chân ra khỏi Miền Nam để dồn lực vào những nơi khác như Thái Lan và Indonesia.

SOUTH VIET NAM: The Beleaguered Man

Monday, Apr. 04, 1955

Hình ghi: **ÔNG DIỆM MIỀN NAM VIỆT NAM**
Thời cơ đã muộn, tình thế lại bấp bênh

***

Tạm dịch vài câu của bài do báo TIME viết:

MIỀN NAM VIỆT NAM: Con Người Bị Bao Vây

Thứ Hai, ngày 04, tháng 4, 1955.

"Một người đàn ông bị bao vây ngồi trong Dinh Độc Lập, người nhỏ, mập mạp, rám nắng. Chung quanh ông là một vài vật sở hữu trân quý... và những cuốn sách với nhan đề '*Công Bình Xã Hội và Tư Tưởng của Gandhi.*' Trước mặt ông, trên một cái bàn đã hư mòn, có để một tối hậu thư * đe dọa thẳng thừng sẽ hạ bệ chính phủ Miền Nam Việt Nam..."

* Tối hậu thư này có thể là văn bản của 'Mặt Trận Thống Nhất Toàn Lực Quốc Gia' tống đạt ngày 21/3/1955. Năm ngày sau tờ báo này xuất bản, Đại sứ Mỹ Collins đề nghị 5 bước loại bỏ ông. Theo tác giả Joseph Buttinger thì ***"Cho dù cả trong những tuần lễ trước cuộc đảo chính và ám sát ông vào (đầu tháng 11) 1963, ông Diệm cũng đã không bị gian lao, cay đắng bằng trong tháng 4, 1955"***.

Thủ Tướng Diệm trước lúc khai sinh Nền Cộng Hòa Việt Nam: tháng 3, 1955. (Hình: báo TIME)

Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, Tướng Lawton J. Collins.
(Hình: Center of Military History, U.S. Army)

Đại sứ Mỹ ở Paris Douglas Dillon.
(Hình: Loomis Dean/The LIFE Picture Collection/Getty Images)

TT Eisenhower bàn bạc với Ngoại Trưởng Dulles. (Hình: National Park Services/D. Eisenhower Library)

Quân đội trung thành với Thủ Tướng Diệm. (Hình: NYT Collections/National Archive).

CHƯƠNG 12

Bình Minh Của Nền Cộng Hòa

Sang tháng 5, 1955, một cuộc họp nảy lửa giữa Mỹ, Pháp, và Anh được tổ chức tại Paris để bàn về vấn đề hai ông Ngô Đình Diệm và Bảo Đại. Tranh luận giữa các thành viên thật là gay go, kéo dài tới 5 ngày. Pháp đưa ra những luận cứ mạnh mẽ để dẹp ông Diệm nhưng Ngoại trưởng Dulles một mực phản biện.

Kết thúc, Pháp đã nhượng bộ: đồng ý ủng hộ ông Diệm nhưng với 6 điều kiện. Mỹ cũng vẫn không chấp nhận, cho nên Pháp bắt đầu rút toàn bộ lực lượng quân sự, hành chính ra khỏi Miền Nam.

Ngày 'song thất' (7 tháng 7, 1955) là ngày kỷ niệm một năm chấp chính, Thủ tướng Diệm tuyên bố sẽ tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để nhân dân chọn lựa giữa ông và ông Bảo Đại. Theo như chứng nhân, đây là việc ông phải làm một cách rất miễn cưỡng.

Tháng 10, 1955, quân đội Quốc gia dẹp xong Bình Xuyên ở Rừng Sát. Dư luận và Quốc Hội Hoa Kỳ hân hoan ủng hộ Thủ tướng Diệm. Với một thế mạnh ở cả trong và ngoài nước, ngày 26 tháng 10, ông tuyên bố thành lập Việt Nam Cộng Hòa và trở thành Tổng Thống đầu tiên.*

* Ghi chú: chương này dựa vào Tập 10 của hồ sơ United States – Vietnam Relations, 1945-1967 (và một số tác phẩm) với những số trang như được ghi trong phần 'GHI CHÚ' ở cuối sách. Chúng tôi không ghi về 'nguồn' sau từng câu hay từng đoạn (vì không cần thiết) mà chỉ ghi chung cho cả chương.

Bầu không khí trong phòng họp hết sức căng thẳng. Các thành viên đến họp đều đã biết rõ lý do của buổi thảo luận hôm ấy. *"Sẽ chẳng có ích lợi gì nếu ta cứ tiếp tục đi vào chi tiết về những lời hai bên cáo buộc lẫn nhau,"* Ngoại trưởng Dulles cất tiếng sau khi nghe ông Henri Laforet, Bộ Trưởng Pháp (coi về Các Quốc Gia Liên Kết) chỉ trích việc Mỹ luôn luôn thay đổi lập trường đối với ông Diệm, nay thế này, mai thế khác. *"Vấn đề là trước tình thế hiện nay ta phải làm gì?"* Dulles nói tiếp, *"và tình hình hiện nay là đang có một phong trào cách mạng diễn ra ở Việt Nam."*

Cách mạng gì đâu, Laforet cãi lại, chính cái gọi là *"Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng Quốc Gia lại đang bị Việt Minh chi phối vì Phó Chủ tịch Hồ Hán Sơn là một sĩ quan cũ của Việt Minh..."* Laforet còn thêm rằng Ủy Ban này lại còn đòi truất phế Bảo Đại và đang mở chiến dịch chống Pháp mạnh mẽ ở Sàigòn. Đó là đối thoại trong một cuộc họp tay ba Pháp-Mỹ-Anh sau khi Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng họp tại Dinh Độc Lập ngày 29 tháng 4, 1955.

Ngày 2 tháng 5, 1955, Tình Báo Quốc Gia Hoa Kỳ thẩm định tình hình về cuộc khủng hoảng tại Sàigòn. Văn kiện thẩm định được trích dịch trong phần Phụ Lục. Theo báo cáo này thì 'sự thành công của Thủ tướng Diệm đã tạo ra một hoàn cảnh mới có tiềm năng cách mạng ở Việt Nam, và ông Diệm có vẻ như đã nắm được quyền chủ động. Nếu Pháp và Bảo Đại không chịu thích ứng thì khả năng bạo động chống lại Pháp và truất phế Bảo Đại sẽ gia tăng mạnh mẽ.' Tình báo cũng xác nhận rằng không có bằng chứng nào cho thấy có người nào trong Hội đồng thực sự là Cộng sản cả.

Quốc trưởng Bảo Đại chỉ thị Thủ tướng Diệm đi Cannes

Tại Cannes, Quốc trưởng Bảo Đại triệu tập một cuộc họp với đại diện các lực lượng vào ngày 5 tháng 5, 1955. Ông gửi công điện chỉ thị ông Diệm sang họp trước ngày 3 tháng 5. Cùng lúc ấy, theo như ông Bảo Đại kể lại, ông nhận được một

bức điện của Tướng Nguyễn Văn Vỹ *"xin tôi cho phép ông ta hoàn tất điều mà Tướng Hinh đã không thể đạt vào tháng 10 trước đây. Nói rõ hơn, ông ta xin phép tôi lật đổ ông Diệm."* Nhưng ông Diệm *"trả lời bức điện của tôi ngày 28 (tháng 4) bằng cách không đến được, lý do là hội đồng Bộ trưởng đã ngăn cản ông ta đến Cannes, vì không một ai trong hoàn cảnh này có thể thay thế ông ta được."* Ngày 30 tháng 4, ông Bảo Đại hối thúc *"Những lý do mà ông nêu lên trong bức điện tín như vậy, không đủ hiệu năng, ông chỉ cần thi hành các lệnh của tôi. Tôi nhắc lại lần nữa và lần cuối cùng, lệnh mà tôi gửi cho ông, là phải sang Cannes ngay tức khắc."* Ngày 3 tháng 5, lại thêm một công điện nữa. Ông Diệm không trả lời.

Khi ông Bảo Đại ra lệnh cho ông Diệm sang Pháp để tường trình thì ông đã sửa soạn ra đi nhưng mọi người ủng hộ ông đã nhất quyết can ngăn. Về việc này thì trong một cuộc phỏng vấn với tác giả Minh Võ, ông Cao Xuân Vỹ (Phó Thủ Lãnh Thanh Niên Cộng Hòa, rất gần gũi ông Nhu) có bình luận:

> "Khi cựu hoàng triệu ông sang Pháp, ông Diệm đã sẵn sàng lên đường, dù biết sang đó sẽ mất chức thủ tướng. Nhưng chính nhóm liên khu Tư chúng tôi đã thuyết phục ông, gần như làm áp lực với ông, để ông bỏ ý định sang Cannes . Chúng tôi xúm vào yêu cầu ông ở lại lấy cớ tình hình không cho phép vắng mặt. Chúng tôi phải nói với thủ tướng rằng nếu Cụ bỏ chúng tôi lại mà đi một mình thì sinh mệnh chúng tôi ai sẽ lo? Chúng tôi đã bỏ tất cả (để từ Bắc) vào đây là vì cụ, vì tin cụ sẽ bảo vệ phần đất tự do còn lại này, bảo vệ chúng tôi. Nay cụ nỡ lòng nào bỏ chúng tôi, bỏ đất nước này cho Thực dân, Cộng Sản? Rồi nhiều đoàn thể họp nhau lại đặt ông Diệm trước sự việc đã rồi là tự ý hạ bệ ông Bảo Đại. Cuộc trưng cầu dân ý của chính phủ Ngô Đình Diệm tổ chức sau đó chỉ là để hợp pháp hóa hành động của chúng tôi."

Theo như Tướng Trần Văn Đôn (người trong cuộc) viết lại

trong cuốn "Việt Nam Nhân Chứng" (trang 124) thì ông **"Bảo Đại dự định khi Ngô Đình Diệm ra khỏi nước thì cách chức liền, đưa Lê Văn Viễn, tư Lệnh Bình Xuyên lên làm Thủ tướng."**

Như đã đề cập trong chương trước, theo một báo cáo của Đại tá Edward Landsdale (sau này lên Tướng), người cố vấn và rất gần gũi Thủ tướng Diệm thì có ba lần chính ông đã chứng kiến cảnh đau đớn dằn vặt của ông Diệm ("he cried over my shoulder"). Một trong ba lần đó là khi ông Diệm phải miễn cưỡng chấp nhận việc truất phế Quốc trưởng Bảo Đại.

Tháng 5, 1955: cuộc họp nảy lửa tại Paris

Tình hình căng thẳng ở Sàigòn và sự bất đồng ý giữa Pháp và Mỹ về vai trò của ông Diệm và Bảo Đại dẫn đến cuộc họp Pháp, Mỹ và Anh tại Paris từ ngày 7 tới 12, tháng 5, 1955. Mỗi ngày họp xong, Ngoại trưởng Dulles lại đánh điện về Washington để thông báo kết quả. Báo cáo này được trích dịch ở phần Phụ Lục, và sau đây là tóm tắt:

Biết rằng Hoa Kỳ chú trọng tới vấn đề khẩn thiết sắp tới là cuộc tổng tuyển cử Bắc-Nam để thống nhất đất nước (do Hiệp định Geneva ấn định vào tháng 7, 1956), Bộ trưởng Laforet nối kết hai vấn đề ông Diệm và tuyển cử vào với nhau để thuyết phục Mỹ. Ông bình luận rằng mặc dù Miền Nam không có lãnh thổ rộng và dân số nhiều như Miền Bắc nhưng vẫn có thể thắng được với điều kiện là có một chính phủ ổn định và mở rộng, được nhân dân ủng hộ. Nhưng chắc chắn chính phủ ấy không phải là chính phủ Diệm. Laforet phàn nàn: *"Hai bên Mỹ-Pháp chúng ta đã đồng ý với nhau là tiếp tục ủng hộ ông Diệm một thời gian cho tới tháng giêng vừa qua (1955), lúc đó nếu ông Diệm vẫn cứ thất bại thì ta phải kín đáo tìm người thay thế. Nhưng điều này đã không xảy ra,"* và Mỹ đã không tìm người thay thế ông Diệm nên ông ta vẫn tồn tại, rồi vừa đây lại công khai xung đột với các giáo phái. Laforet nhắc lại là khi cuộc xung đột vừa bắt đầu thì Pháp đã cảnh cáo ngay với Mỹ là việc này sẽ dẫn tới một cuộc nội chiến, bởi vậy Pháp đã đề nghị nên để cho hai Tướng Ely và

Collins tìm ra một giải pháp thích hợp. Ông phàn nàn là lúc đầu Mỹ đồng ý như vậy, nhưng rồi lại đổi ý!

Nghe Laforet trình bày xong, Dulles đề nghị miễn bàn tới chi tiết về việc hai bên đã đổ lỗi cho nhau và phải nhìn vào thực tế là đang có một phong trào cách mạng rầy lên ở Việt Nam, và Hoa Kỳ tin rằng ông Diệm là người có cơ may hơn ai hết để kiểm soát được phong trào này, và *"Dẫu trong quá khứ Hoa kỳ đã có quan điểm như thế nào về ông Diệm đi nữa, bây giờ chúng tôi bắt buộc phải hết lòng ủng hộ ông ta chứ không để cho ông trở thành một Karensky thứ hai.* [Alexander Karensky là một chính trị gia người Nga nổi tiếng thuộc đảng xã hội dung hòa Trudoviks trước Cách Mạng 1917. Sau Cách Mạng Tháng 2, ông lên chức Thủ tướng (21/7/1917) nhưng rồi bị phe Bolsheviks lật đổ sau Cách Mạng Tháng 10 để ông Vladimir Lenin lên thay thế (7/11/1917)].

Sở dĩ ông Dulles nói như vậy, một phần cũng vì ông đã nhận được tin tức tình báo từ Sàigòn đánh đi (như đã viện dẫn) rằng:

- Việc đánh đuổi Bình Xuyên ra khỏi Sàigòn-Chợ Lớn đã làm cho uy tín của ông Diệm gia tăng trên toàn cõi Việt Nam; và
- Dù ông Diệm biết rằng tiếp tục chính sách chống Pháp là cần thiết để lôi cuốn sự ủng hộ của dân chúng, nhưng thực ra thì chính ông ta lại dùng ảnh hưởng của mình để tiết chế lập trường chống Pháp và chống Bảo Đại của Hội Đồng Cách Mạng Quốc Gia.

Về ông Bảo Đại, Dulles bình luận rằng ông này đã mất hết khả năng cai trị, ngoại trừ là một Quốc Trưởng trên danh nghĩa, và cho dù cái chức danh nghĩa này thì cũng khó mà giữ lại cho ông ta. Tuy nhiên cũng nên giữ Bảo Đại lại cho tới khi nào bầu được một quốc hội (thì mới có thể truất phế một cách hợp pháp). Dulles cho rằng nếu Bảo Đại muốn giữ lại chức vị thì 'phải ủng hộ Diệm và không được cách chức ông ta.'

Nói tới bằng chứng là Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng bị Cộng sản xâm nhập, ngoài ông Hồ Hán Sơn, Loforet còn thêm

"Nhị Lang lại là một cựu Thủ tướng của Việt Minh, và ai cũng biết rằng Đoàn Trung Côn là cán bộ Cộng sản." Ngoại trưởng Dulles cãi lại: *"Nếu ông cho rằng một người trước đây đã cộng tác với Cộng sản thì bây giờ vẫn là Cộng sản thì chưa đủ lý do ...và nếu lý luận theo kiểu đó thì chính Bảo Đại cũng có thể là Cộng sản."*

Tiếp tục về ông Diệm, Dulles cho rằng việc ủng hộ ông không có nghĩa là Hoa kỳ không nhận thấy những yếu điểm của ông ta, hơn nữa Hoa kỳ đã không can dự gì vào chính việc chọn lựa ông Diệm làm Thủ tướng (hồi tháng 6, 1954). Và bây giờ cũng vẫn có thể thay thế được ông ta trong những kỳ bầu cử tới, nhưng vấn đề vẫn là 'ai là người hơn Diệm?' Nếu có người khác thì Hoa kỳ sẵn sàng cân nhắc nhưng xin quý vị đừng đề nghị lại bất cứ người nào đã được đưa ra trong quá khứ.

Nghe vậy, Thủ tướng Edgar Faure (thay thế Thủ tướng Mendes France từ chức vào đầu tháng 2, 1955) lên tiếng và nói thẳng là trong quá khứ, Hoa Kỳ và Pháp cứ giấu diếm nhau về thực trạng này, nhưng bây giờ đã đến lúc phải nói thật với nhau: *"Ông Diệm không phải là giải pháp tốt và Pháp-Mỹ đã cố chứng minh ngược lại nhưng đều thất bại. Lợi dụng lúc Collins đi vắng, ông ta đã cho nổ súng và đã thắng thế nhưng cũng chẳng đóng góp gì được cho một giải pháp lâu dài. Quan điểm chống Pháp của ông ta là cực đoan, Diệm không những bất tài mà còn là một người điên."* Trong công điện gửi về Washington thuật lại cuộc họp này, ông Dulles còn mở ngoặc chữ **'fou'** (người điên). Ông thêm rằng Ngoại trưởng Faure cho rằng ông Diệm không thể thành công và cũng không thể làm cho tình hình khả quan hơn được, và rằng ta rất có thể đi tới được một giải pháp nếu không có Diệm, còn với ông Diệm thì không thể có giải pháp nào khả thi.

Tới đây, ông Faure có vẻ dỗi: ông xác định là có sự bất đồng ý căn bản giữa hai nước, và đã hỏi thẳng Dulles: *"Ngài nghĩ thế nào nếu Pháp rút hết và triệt thoái Quân đội viễn Chinh ra khỏi Đông Dương sớm nhất như có thể?"* Faure thêm rằng dĩ nhiên nếu chúng tôi rút đi như vậy là nguy hiểm cho kiều dân cũng như quyền lợi của Pháp. Ngoài ra, Pháp vẫn còn có trách

nhiệm phải bảo đảm cho việc thi hành Hiệp định Geneva, và lo cho số phận của những người di cư nữa. Vậy nếu Pháp rút đi, *"Liệu Mỹ có bằng lòng bảo vệ quyền lợi Pháp và người di cư hay không,"* ông Faure hỏi rồi bình luận: *"Điều ấy sẽ có lợi là chấm dứt được việc chỉ trích người Pháp chúng tôi cứ áp dụng 'thực dân chủ nghĩa,' và đồng thời cũng đáp ứng được yêu cầu của ông Diệm là Pháp phải ra đi."*

Chúng tôi đánh giá ông Diệm cao hơn Pháp

Một cách thẳng thắn, ông Dulles trả lời ngay rằng ông xác nhận là có sự mâu thuẫn căn bản giữa hai phía Pháp và Mỹ, nhưng sự mâu thuẫn đó chỉ là: "Mỹ đánh giá ông Diệm cao hơn Pháp." Rồi để dồn ông Faure vào thế thủ, Dulles còn thêm: "còn một sự khác biệt thứ hai nữa, đó là Hoa kỳ được thông báo là cuộc "gây hấn vũ trang"này là do Bình Xuyên sắp đặt, trong khi Pháp lại nói ngược lại." Đi thêm bước nữa, ông Dulles giải thích rằng tuy Mỹ không nghi ngờ gì về việc Pháp đã bằng lòng ủng hộ Diệm nhưng vẫn có nhiều nghi vấn, đó là:

- Tại sao Đài Phát thanh Pháp-Á luôn luôn chống ông Diệm?
- Tại sao Pháp đã chận cầu để bao chắn cho lực lượng Bình Xuyên lúc họ đang rút đi?
- Tại sao Pháp còn ngăn cản việc tiếp xăng nhớt, đạn dược cho quân đội ông Diệm?

Tuy không nói thẳng ra, nhưng ông Faure đã thừa biết rằng lúc ấy tình báo Mỹ đã có đầy đủ bằng chứng về những sự việc này. Để tóm lại, Dulles khẳng định, *Hoa kỳ không đồng ý với quan điểm của Pháp về ông Diệm*. Nếu ông là một kẻ bất tài thì ông đã sụp đổ, nhưng ông vẫn đứng vững. Ông đã chứng tỏ có khả năng đến mức giờ đây Hoa kỳ không thể biết bằng cách nào có thể loại bỏ được ông. Và như để nhắn nhủ Pháp đừng làm ẩu, Dulles thêm: *"Chúng tôi giả thiết rằng Pháp không muốn dùng võ lực để dẹp ông ta."*

Ông Faure cứ tiếp tục: *"Diệm là một lựa chọn sai lầm, một giải pháp bất khả thi, không có cơ may thành công và cải tiến được tình hình. Không có Diệm thì có thể có giải pháp nào đó, nhưng có ông ta thì chẳng có giải pháp nào"*

Để xoa dịu, Dulles bình luận rằng Việt Nam không đáng để Hoa kỳ cãi nhau với Pháp, nên nếu như rút lui và cắt bỏ viện trợ cho Việt Nam mà giải quyết được vấn đề thì Hoa kỳ sẵn lòng. Nhưng nói là nói cho xong vậy thôi, vì Dulles lại mang viện trợ ra để cảnh cáo Pháp là nếu như những mâu thuẫn giữa Pháp và Hoa kỳ không được giải quyết thì khó mà Quốc Hội Hoa kỳ sẽ tiếp tục chương trình viện trợ hiện nay với những số tiền lớn lao từ 4 đến 5 trăm triệu Mỹ kim. Dulles đi tới kết luận rằng Hoa kỳ cũng có sự lựa chọn là ủng hộ Diệm hoặc rút lui khỏi Việt Nam. Đó là vấn đề nghiêm trọng mà ông cần phải suy nghĩ trong đêm nay. Những gợi ý của Pháp là nghiêm túc và phải được cân nhắc cẩn thận. Ông nhắc lại là quyền lợi của Hoa kỳ ở Việt Nam chỉ đơn giản là ngăn chặn Cộng sản xâm lấn khu vực này. Hoa kỳ sẽ cứu xét bất kỳ đề nghị nào của Pháp nhưng phải cảnh cáo rằng bất luận giải pháp nào để thay thế ông Diệm thì không thể trông mong được viện trợ tài chánh của Hoa kỳ.

Thấy căng thăng quá, Ngoại trưởng Anh MacMillan xen vào và đề nghị không lấy quyết định nào hôm nay, ta nên hoãn cuộc họp để nghỉ ngơi đã rồi bàn tiếp.

Tối hậu thư: Mỹ phải chọn giữa ông Diệm và Pháp

Vì việc Pháp hăm dọa sẽ rút quân khỏi Việt Nam là quan trọng, nên trong lúc nghỉ giải lao, ông Dulles gọi về Washington tham khảo ý kiến. Ông cho rằng ông Faure đã đưa ra một tối hậu thư, và như vậy, bây giờ Mỹ phải lựa chọn giữa việc tiếp tục ủng hộ ông Diệm và việc Pháp rút quân sớm. Lúc ấy quân đội Việt Nam còn non yếu, vậy nếu Pháp rút hết và Bắc Việt tấn công thì làm sao đây? Tổng Tham Mưu Hoa Kỳ trả lời là cứ yên tâm, "chính phủ Diệm có khả năng lớn nhất để có thể thiết lập được ổn định nội bộ, một điều cần thiết cho an ninh Việt Nam. Bởi vậy, việc Pháp rút lui tuy sẽ làm cho Miền Nam

bớt ổn định, nhưng rồi các biện pháp của Mỹ trong khuôn khổ SEATO sẽ giúp cho Miền Nam được an toàn cũng không kém gì sự có mặt tiếp tục của quân đội Pháp. Ủy Ban Kế Hoạch của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia còn cho rằng *"việc Pháp rút lui lại giúp cho Hoa Kỳ hết bị dính vào dấu vết thực dân ('taint of colonialism') và chấm dứt khả năng nguy hiểm là Pháp sẽ làm một sự đổi chác với Việt Minh."*

Pháp nhượng bộ với sáu điều kiện nhưng Mỹ không chấp nhận

Sau cùng Pháp đã nhượng bộ, không còn đòi hỏi phải thay thế ông Diệm nữa. Ngày 11 tháng 5 (trước ngày chấm dứt cuộc họp), Dulles viết rằng Pháp nói họ có thể chấp nhận giải pháp do Mỹ đề nghị nếu như sáu điều kiện sau đây được đáp ứng:

1. Chính phủ Diệm phải mở rộng và phải xúc tiến việc tổng tuyển cử thống nhất;
2. Giải quyết vấn đề giáo phái cho êm đẹp;
3. Ngừng tuyên truyền chống Pháp;
4. Tiếp tục vai trò hiện tại của ông Bảo Đại;
5. Cả hai bên Pháp-Mỹ triệu hồi những viên chức nào làm tổn thương tới tình hữu nghị giữa hai nước; và
6. Hoa Kỳ bảo đảm an toàn cho những liên hệ kinh tế, văn hóa và tài chánh của Pháp ở Việt Nam.

Thế nhưng, Dulles bất đồng ý với những điều kiện này:

"Đối với chúng tôi, những điều kiện trên đây cho thấy sự đánh giá của Pháp về tình hình Việt Nam khác biệt hẳn với đánh giá của Mỹ...Hiện đang có một tinh thần cách mạng ở Việt Nam. Tinh thần ấy có thể được hướng dẫn và kiềm chế chứ không thể đè bẹp. Chúng tôi tin rằng ông Diệm tiêu biểu cho hy vọng của chúng ta là được thấy một tiến trình ôn hòa, có thể chấp nhận được, và chống Cộng.

"Chúng tôi tin rằng ông Diệm có thể thành công chính

là vì ông có một tinh thần độc lập rất mạnh và một đức độ cao... vì vậy, chúng tôi tin rằng cơ may tốt nhất và duy nhất là ủng hộ ông ta vô điều kiện, và chúng tôi có thể đánh cuộc rằng ông ta sẽ thành công. Nếu ông thành công thì sẽ có một chính phủ chống Cộng ở Việt Nam, và chính phủ này sẽ đối xử khoan nhượng với những giới kinh doanh của Pháp và những quyền lợi khác của người ngoại quốc..."

Có lẽ vì thấy quá rõ là Pháp chỉ để ý tới quyền lợi của mình, Dulles cứng rắn từ chối việc bảo đảm:

" Chính phủ Hoa Kỳ tuyệt nhiên không thể bảo đảm với Pháp rằng ông Diệm sẽ làm những điều như liệt kê ở trên. Chúng tôi không có quyền đó đối với ông ta, và nếu ông Diệm mà thần phục một thứ uy quyền như vậy thì theo ý chúng tôi ông ta cũng không có những đức tính cần thiết để tồn tại..."

Để kết luận, Dulles khẳng định dứt khoát rằng nếu Pháp muốn bảo vệ quyền lợi của mình thì phải thành thật giúp Việt Nam, không thể trông nhờ vào Mỹ ép buộc ông Diệm:

"Chúng tôi xin nhấn mạnh một lần nữa rằng sự cứu vãn được nước Việt Nam còn tùy vào sự có mặt của một chính phủ không bị kiểm soát bởi những thế lực ngoại bang, một chính phủ chứng minh được thực sự là quốc gia. Một chính phủ như vậy không thể bị cưỡng ép. Nó chỉ có thể chấp nhận ảnh hưởng phần nào bởi những ai thật lòng ủng hộ sự sống còn của mình. Bởi vậy nếu cả Mỹ và Pháp đều thật lòng như vậy thì dù không chắc chắn nhưng rất có thể là kết quả của những gì chúng ta mong muốn đều có thể gặt hái được. Tuy nhiên, không thể quy định hay bảo đảm trước những kết quả ấy."

Dulles bênh ông Diệm: *"Dân chủ do một người cai trị cũng được rồi"*

Về tới Washington, Dulles tuyên bố rằng chỉ mấy tuần trước đây chính phủ Diệm coi như đã tiêu rồi, nhưng bây giờ thì đã vãn hồi lại với sức mạnh Tài liệu khác cho biết là trong những buổi họp tại Paris, Dulles còn bênh Diệm tới độ làm cho Faure sửng sốt khi ông nói *"Trong khu vực đó, không thấy có chính phủ 'liên hiệp' nhiều thành phần mà chỉ thấy có những chính phủ do một cá nhân điều khiển."* Ngày 19 tháng 5, Dulles nói lại với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia điều mà ông đã nói với Faure: *"Ở bên Á Châu, cần thiết là phải làm việc với chỉ một lãnh đạo của chính phủ hơn là với một chính phủ liên hiệp, ví dụ như sự thành công của ông Syngman Rhee ở Triều Tiên và ông Hồ Chí Minh ở Việt Nam."*

Những người ủng hộ ông Diệm như ông Fishel, Đại sứ Reinhardt đều cho rằng ổn định là quan trọng hơn cải tổ. Fishel viết một bài báo nói cần phải thông cảm cho hình thức 'dân chủ do một người cai trị' (democratic one-man rule). Reinhardt biện luận rằng *"Ông Diệm lúc ấy cần phải chỉnh đốn việc lãnh đạo chứ không phải thiết lập một định chế dân chủ kiểu Jefferson."* Ông cho là Dulles có một cái nhìn triết học về vấn đề khó khăn này nên đã thông cảm và làm cho công việc một Đại sứ dễ dàng hơn, vì *"có được một chính phủ thực sự dân chủ là mục tiêu đích thực của chúng ta về lâu về dài, nhưng ta không thể nghĩ một cách không thực tế rằng nó có thể có được trong mấy tuần hay mấy ngày."* Cả Tướng O'Daniel và Đề đốc Felix Stump, Tư lệnh Quân Lực Hoa Kỳ Thái bình Dương cũng đều cho rằng 'có được một sức mạnh quân sự cho mạnh mới là yếu tố căn bản để được nhân dân ủng hộ.' Điều này đối ngược lại lập trường 1954 của Bộ Quốc Phòng là có được tiến bộ về mặt chính trị phải là điều kiện tiên quyết cho việc tăng quân viện.

Quân đội Pháp rút khỏi Việt Nam

Sau cuộc họp quan trọng tại Paris, nhịp độ rút quân của Pháp tăng nhanh. Ngày 20, tháng 5, 1955 là cái mốc lịch sử vì hôm đó quân đội Pháp rút khỏi khu vực Sàigòn-Chợ Lớn. Tới tháng 7, số quân đội Pháp đã từ 175,000 xuống chỉ còn 30,000.

Ông Diệm yêu cầu là cả quân đội lẫn huấn luyện viên người Pháp trong chương trình huấn luyện TRIM đều rời Việt Nam vào mùa Xuân, 1956.

Thế là ngày 28 tháng 4, 1956, người lính Pháp cuối cùng đã rời Việt Nam.

Sự chiếm đóng của quân lực Pháp từ Hiệp ước Patenôtre do Triều đình Huế ký với Pháp năm 1884 tới đây đã hoàn toàn chấm dứt. Tại Miền Nam, ông Diệm đã thật vất vả và chịu nhiều nguy hiểm để gặt hái được thành quả lớn lao này. Về phía Mỹ, chỉ có một người rút đi là Đại sứ Collins, người đã muốn lật đổ Thủ tướng Diệm. Ngày 14 tháng 5, 1955, ông rời Việt Nam sang nhận trách nhiệm mới tại NATO. Đại sứ G. Frederick Reinhardt sang thay Collins. Tân đại sứ liền tuyên bố ngày 27 tháng 5:

> ***"Tôi tới đây với chỉ thị là thi hành chính sách của Hoa Kỳ ủng hộ chính phủ hợp pháp của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm."***

Sau cùng, vào tháng 8, 1955, Pháp đồng ý đóng cửa Bộ Các Quốc Gia Liên Kết. Để chấm dứt việc Pháp tham gia trực hay gián tiếp vào chính phủ Việt Nam, ông Diệm còn yêu cầu giải quyết vấn đề quốc tịch của những người Việt đã nhập tịch Pháp sau Hiệp định Elysée (tháng 3, 1949). Pháp đồng ý hủy bỏ. Còn đối với tất cả những người khác thì phải chọn một trong hai quốc tịch trong vòng sáu tháng. Một sắc lệnh ấn định rằng ai chọn quốc tịch Pháp sẽ không thể tiếp tục giữ những chức vụ trong chính phủ. Trong số những người chọn quốc tịch Việt ngay khi đó, có cả một vài tướng lãnh.

"Hãy hủy bỏ hoặc hoãn lại vô hạn định cuộc tổng tuyển cử"

Giải quyết xong vấn đề thực dân, đến vấn đề thống nhất. Năm 1955 cũng là năm phải sửa soạn cuộc tổng tuyển cử toàn quốc theo Hiệp định Geneva ấn định vào ngày 20 tháng 7, 1956. Ngày 22 tháng 4, Phụ Tá Thứ Trưởng Quốc Phòng Mỹ gửi Bộ

Ngoại Giao về tài liệu nghiên cứu dài về việc thực thi chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam có những nhận xét như:

> "Không thể dựa vào Pháp để thi hành tốt những chương trình của Mỹ dành cho Việt nam, ngoài ra ảnh hưởng của Bảo Đại với tư cách là Quốc Trưởng luôn luôn đe dọa sự thành công của những chương trình ấy. Như vậy, dù không cần phải tấn công ra mặt, Việt Minh cũng vẫn có thể phá hoại những mục tiêu của Mỹ ở Việt nam... Và nếu có một cuộc tổng tuyển cử toàn quốc vào thời điểm này thì khả năng thắng cử của Miền Nam là đáng nghi ngờ.' Bởi vậy, tài liệu kết luận:
>
> *"Ta phải cố gắng làm mọi điều để có thể hủy bỏ hoặc hoãn lại vô hạn định cuộc tổng tuyển cử quy định vào tháng 7, 1956 theo Hiệp Định Geneva."*

Theo Hiệp định này, thảo luận để tổ chức tổng tuyển cử sẽ bắt đầu sau ngày 20 tháng 7, 1955. Ngày 6 tháng 6, Thủ tướng Bắc Việt Phạm Văn Đồng tuyên bố Hà Nội sẵn sàng bàn định với các nhà cầm quyền tại Miền Nam để chuẩn bị tổng tuyển cử. Ngày 19 tháng 7, ông viết cho Thủ tướng Ngô Đình Diệm nhắc nhở vấn đề này. Ngay từ đầu năm 1955, ông cũng đã nói với đại diện Pháp: *"Chúng tôi ký Hiệp định Geneva với các ông. Các ông có bổn phận phải làm thế nào cho Hiệp định đó được tôn trọng."* Ngày 23 tháng 2, Ngoại trưởng Pháp trả lời: *"Ngài hỏi lập trường chúng tôi ra sao đối với vấn đề tháng 7, 1956 như Hiệp định Geneva ấn định? Lập trường của chúng tôi đã rõ ràng: Pháp là nước bảo đảm Hiệp định này, nhưng một mình chúng tôi không có phương tiện để làm cho nó được tôn trọng."*

Ngày 13 tháng 6, 1955, Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ đặt vấn đề tổng tuyển cử và ghi lại:

> ***Huấn thị NSC 5429/5***
> ***Chính sách của Hoa Kỳ về Tổng tuyển Cử Toàn Quốc Tại Việt Nam.***

"Tại phiên họp thứ 151 của Hội Đồng An Ninh, có Bộ Trưởng Tài Chánh, và Tổng Giám đốc Ngân Khố tham dự vào ngày 9 tháng 6, 1955 (trên căn bản Công tác số 1415), sau khi đã xem xét báo cáo 5519 và lập trường của Bộ Tổng Tham Mưu ngày 2 tháng 6:

- Tất cả đều đồng ý với kiến nghị của Hội Đồng An Ninh về Chính sách của chính phủ Hoa Kỳ rằng việc Tổng tuyển Cử Toàn Quốc tại Việt Nam trong lúc này là không cần thiết; và
- Trong trường hợp cộng sản tái diễn chiến tranh, chính sách của Hoa kỳ sẽ được quy định theo đoạn 5-d của Huấn lệnh NSC # 5429/5.

Kết luận:

"Tổng Thống đã chấp thuận những điểm này và chuyển đến quý vị để thi hành."

Thoạt đầu, Hoa Kỳ cố vấn ông Diệm cứ "đề nghị với Bắc Việt về việc tổ chức tổng tuyển cử nhưng đòi hỏi phải có tự do ngôn luận cho các ứng cử viên và một ủy ban kiểm soát tuyển cử độc lập, điều kiện mà thế nào Hà Nội cũng bác đi, giống như trường hợp Đại Hàn và Đức quốc." Nhưng ông Diệm không nghe. Ngày 16 tháng 7, ông tuyên bố trên đài phát thanh: "Chúng tôi đã không ký Hiệp định Geneva, nên không bị ràng buộc bởi Hiệp định này, một văn kiện được ký kết phản lại ý muốn của nhân dân Việt Nam." Lập trường của Miền Nam dựa trên những lý do là: "Ngay tại hội nghị, phái đoàn Quốc Gia Việt Nam đã mãnh liệt phản đối việc phân chia đất nước cũng như cách thức quy định ngày tổng tuyển cử, và chính phủ Quốc Gia Việt Nam dành cho mình quyền tự do hành động. Phái đoàn Hoa kỳ cũng không ký, chỉ ủng hộ việc thống nhất qua tổng tuyển cử tự do, và tuyên bố ủng hộ lập trường Miền Nam."

Tại Washington, Nghị sĩ John F. Kennedy ủng hộ quyết định của Thủ tướng Diệm vì lý do là không có đầu phiếu tự do tại Miền Bắc và tuyên bố: *"Cả Hoa Kỳ lẫn Việt Nam Tự Do sẽ không bao giờ tham gia vào một cuộc tổng tuyển cử mà rõ*

ràng là đã được sắp xếp và phá hoại (stacked and subverted) trước đó rồi." Ngày tổng tuyển cử quy định vào 20 tháng 7 đi qua không có biến cố nào quan trọng.

Ngày 'Song Thất' 1955

Ngày 'song thất' (7 tháng 7) là ngày kỷ niệm một năm chấp chính, ông Diệm tuyên bố là sẽ tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý vào ngày 23 tháng 10, 1955. Tháng 10, 1955, quân đội Quốc gia dẹp xong Bình Xuyên ở Rừng Sát và ông Bảy Viễn sang Pháp. Tháng 10 cũng là tháng để dứt khoát với Quốc trưởng Bảo Đại. Thực ra Mỹ muốn là bầu cử Quốc Hội trước đã để có danh chính ngôn thuận rồi mới loại bỏ ông Bảo Đại. Trong Huấn thị NSC # 5429/2 (ngày 20 tháng 8, 1954), Hội Đồng An Ninh Quốc Gia cũng đã đặt vấn đề 'truất phế Bảo Đại một cách hợp pháp' (legally dethrone Bao Dai). Trong cuộc họp tháng 5 tại Paris như đề cập trên đây, ông Dulles nhắc lại là ông Bảo Đại đã hoàn toàn mất hết khả năng làm bất cứ chuyện gì và chỉ có thể đứng đầu một chính phủ trên danh nghĩa mà thôi, nhưng dù chức vụ đó cũng khó mà giữ được cho đến khi bầu ra được một Quốc hội. Như để báo trước cho Pháp biết việc Mỹ đã quyết định truất phế ông Bảo Đại nên trong cuộc họp tháng 5, 1955, ông Dulles còn nói: *"Liên hệ của ông Bảo Đại đối với Việt Nam phải do Người Việt Nam quyết định... Dù chúng tôi muốn thấy sự liên tục pháp lý được duy trì, nhưng việc duy trì được hay không là tùy việc ông Bảo Đại phải tránh để không có những hành động như trong mấy tuần qua, những hành động này chỉ làm cho nhân dân chống lại ông ta và còn để lộ ra cái quyền lực yếu ớt của ông ta. Không thể mong đợi chính phủ Hoa Kỳ - cũng là một chính phủ cách mạng - bảo đảm được là Hoa kỳ sẽ không giao hảo với một Chính phủ Việt Nam tách biệt ra khỏi ông Bảo Đại."*

Quốc trưởng Bảo Đại ký sắc lệnh cách chức Thủ tướng Diệm

Về phần QT Bảo Đại thì ông cũng đã biết trước số phận của

mình khi cả các tướng Tỵ, Minh, Đôn đều thông báo cho ông là họ chỉ có thể tuân lệnh của một chính thể được nhân dân lựa chọn. Mấy ngày trước khi có 'trưng cầu dân ý' - nhân dân bỏ phiếu chọn giữa hai ông Bảo Đại và Ngô Đình Diệm - ông Bảo Đại ký nghị định cất chức ông Diệm (18 tháng 10), và hôm sau, ông lên án 'phương pháp cảnh sát' độc tài của ông Diệm, cảnh cáo cho nhân dân là ông Diệm sẽ đưa họ tới cảnh đổ nát, đói khổ và loạn lạc. Tuy nhiên những thông điệp của ông Bảo Đại không được phổ biến tại Việt Nam. Các nhân vật như các ông Hữu, Xuân, Hinh và nhiều người Pháp thúc đẩy Bảo Đại phản ứng bằng cách lập ra một chính phủ lưu vong nhưng ông đã từ chối. Ngày 22 tháng 10, Bảo Đại nói ông 'có thể nói trước số phiếu chống mà ông Diệm đã quyết định dành cho ông.'

Trước ngày trưng cầu dân ý, bộ máy tuyên truyền của chính phủ làm việc đêm ngày đề cao thành quả của 'Nhà Chí sĩ ngô Đình Diệm.' Kết quả, ông Diệm được 98.2% tổng số phiếu (5,721,735) và Bảo Đại, 1.1% (63,017), một kết quả bị rất nhiều người cả trong và ngoài nước chỉ trích là có sự gian lận về số phiếu. Thực ra thì không cần phải có kết quả cao như vậy. Giả như không có vận động mạnh và cũng không sắp xếp hay gian lận gì cả thì chắc chắn là ông Diệm cũng đã thắng phiếu với đa số vì lúc đó ông đang rất thành công.

Bình minh của nền Cộng Hòa

Sang Thu 1955 Thủ tướng Diệm ở vào cái thế mạnh. Đối nội, ông đã nối kết lại được một quốc gia đang bị phân tán nặng nề, khuất phục được sự chống đối của viên Tổng Tham mưu Quân đội, chấm dứt được sự đe dọa của Cảnh sát, Quân đội Quốc Gia đã tuân lệnh ông quét sạch lực lượng Bình Xuyên rồi được Đại Hội các đoàn thể chính đảng bầu ra nhất mực ủng hộ. Thêm nữa, ông có hậu thuẫn mạnh mẽ của gần một triệu người di cư. Đối ngoại thì ông Diệm đã cương quyết chống trả và khuất phục được mưu đồ của Pháp và kế hoạch dẹp tiệm của cặp Ély-Collins, bây giờ lại được Washington nhất mực ủng hộ. Nhiều nhà quan sát quốc tế bình luận: "ông Diệm đã làm

được những việc như phép lạ."

Với cái thế ấy, ngày 26 tháng 10, Thủ tướng Diệm tuyên bố thành lập một chế độ 'Cộng Hòa,' và trở thành Tổng Thống đầu tiên. Tên chính thức của nước Việt Nam đổi từ 'Quốc Gia Việt Nam' sang 'Việt Nam Cộng Hòa,' nhưng bài quốc ca và quốc kỳ không thay đổi.

Ngày 7 tháng 2, 1956, Phân Tích của Tình Báo Hoa Kỳ xác định:

- "Chính phủ Miền Nam đã mạnh hơn rất nhiều so sánh với một năm hay chỉ sáu tháng trước đây;
- Sẽ có khó khăn trong năm 1956 vì ngày 26 tháng 1 vừa qua, Trung Cộng đã yêu cầu tái nhóm họp Hội Nghị Geneva về Đông Dương;
- Sẽ không có tổng tuyển cử vào tháng 6, 1956 như Hiệp Định Geneva ấn định;
- Hiện có dấu hiệu chống đối Tổng Thống Diệm và cộng sản đang nhằm phá hoại những chương trình tiến bộ thí dụ như cuộc bầu cử Quốc Hội Việt Nam ấn định vào ngày 4 tháng 3 sắp tới."

Quốc Hội đầu tiên: tháng 3, 1956

Ngày 4 tháng 3, 1956, cột trụ của chính thể cộng hòa được xây dựng. Nhân dân Miền Nam đi bầu một Quốc Hội Lập Hiến. Với một dân số là 12 triệu người, gần 80% số người được đi bầu đã thực sự tham gia để chọn 123 Dân Biểu trong số 405 ứng cử viên. Dù tới gần một phần ba số ứng cử viên được chính phủ đề cử đã không trúng cử, đa số những người được bầu là thân chính.

Tuy không phải là một cuộc bầu cử lý tưởng vì chắc chắn đã có những vận động, sắp xếp không chính đáng, hoặc gian lận như các phe đối lập tố cáo, nó cũng là bước đi đầu tiên của một hành trình lâu dài để xây nền cộng hòa. "Republic" là bởi vì hai chữ 'Res Publica' quan niệm của nhà triết học Plato từ thế kỷ thứ ba trước công nguyên, có nghĩa là 'sự việc hay cơ chế của nhân dân,' ta dịch là 'Cộng Hòa.' Nòng cốt của cơ chế

này là một thể chế đại diện cho nhân dân để làm ra luật pháp. Mục đích của Quốc hội năm 1956 là soạn thảo một hiến pháp. Với sự cố vấn của ông J.A.C. Grant, một chuyên gia hiến pháp người Mỹ, một Hiến Pháp thành hình, đặt nặng nguyên tắc phân quyền giữa hành pháp, lập pháp, và tư pháp giống như Hiến pháp Hoa Kỳ, ít nhất là về mặt lý thuyết.

Từ Quốc Hội Lập Hiến đến Quốc Hội Lập Pháp: tháng 10, 1956

Ngày 26 tháng 10, 1956 Quốc hội Lập Hiến trở thành Quốc hội Lập Pháp sau khi hiến pháp được ban hành (và năm 1959, Quốc Hội được bầu lại lần thứ hai).

Bầu xong Quốc Hội Lập Hiến, vào hè 1956, Bộ Trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ gửi một Bản Ghi Nhớ cho Tổng Tham Mưu Liên Quân thông báo là:

> "Theo như ý định của Tổng Thống Eisenhower, các cơ quan có thẩm quyền về quân sự phải cổ võ giới quân sự Việt Nam để làm một kế hoạch song song và phù hợp với kế hoạch dựa trên căn bản chính sách của Hoa Kỳ để đối phó với những tấn công của Cộng sản. Và một cách kín đáo, phải thông báo cho họ biết rằng Hoa Kỳ sẽ yểm trợ nước Việt Nam Tự Do để đương đầu với bất cứ sự tấn công nào từ bên ngoài vào."

Riêng đối với Ngoại trưởng Dulles thì sau chuyến viếng thăm TT Diệm vào ngày 14 tháng 5, 1956, ông lại càng thêm tin tưởng. Điều trần tại một Ủy Ban Thượng Viện Hoa Kỳ sau ngày trưng cầu dân ý, ông Dulles khẳng định:

> ***"Ông Diệm đã làm được một việc quá tốt đẹp, dĩ nhiên là với sự yểm trợ của chúng ta, là quét sạch được các lực lượng phe phái...và quyền bính của ông bây giờ được đại chúng chấp nhận. Ông đã được Hoa Kỳ yểm trợ để đào tạo và võ trang một quân đội quốc gia, và quân đội ấy đã chiến đấu một cách trung thành và hữu hiệu, mang được quyền bính của trung ương tới mọi***

nơi trong nước tới mức độ thật ngạc nhiên...

"Nhân dân Miền Nam đã có được một cuộc trưng cầu dân ý khoáng đại. Ngày tôi rời Việt Nam, họ đã bắt đầu có những cuộc họp để sửa soạn cho cuộc bầu một quốc hội đầu tiên, như vậy nền móng đã được đặt xuống để xây dựng một chính phủ đại diện cho quốc dân.

"Ông Bảo Đại đã bị loại bỏ đi rồi và nhân dân Việt Nam hiện có khả năng xây dựng một chính thể chống cộng mạnh mẽ và hữu hiệu tại một nơi mà đã có lúc coi như sắp bị tan rã vì hai lý do: hậu quả của việc Pháp thất bại tại Điện Biên Phủ, và những điều khoản bất lợi của một hiệp định đình chiến (Hiệp định Geneva)."

"Một Quốc Gia Tự Do vừa ra đời"

Tháng 5, 1957, Tổng Thống Eisenhower mời tân Tổng Thống nước Cộng Hòa Việt Nam sang thăm Hoa Kỳ ba tuần. Ông gửi máy bay riêng Columbine III sang tận Honolulu để chở Tổng Thống Diệm tới Washington, một hành động rất hãn hữu. Khi máy bay hạ cánh xuống phi trường National (bây giờ là phi trường Reagan) thì chính Tổng Thống Eisenhower đã có mặt để đón chào. Đây là lần thứ hai trong suốt hai nhiệm kỳ tổng thống mà ông Eisenhower đã ra tận phi trường để đón quốc khách. Lần đầu là đón quốc vương Saud xứ Saudi Arabia.

Sau khi bàn thảo với Tổng Thống Eisenhower và Ngoại Trưởng Dulles tại Bạch Cung, Tổng Thống VNCH được cả Thượng Viện và Hạ Viện Hoa Kỳ mời tới diễn thuyết. Nghị sĩ, dân biểu cả lưỡng đảng đều có mặt đầy đủ. Cho tới lúc ấy thì chưa có lãnh đạo Á Đông nào có cái vinh dự này. Những tràng pháo tay nổ ran khi ông Diệm nói tới "ước nguyện của nhân dân Việt Nam chỉ là được sống trong hòa bình, tự do và họ sẵn sàng hy sinh xương máu để bảo vệ tự do và độc lập của mình, chỉ yêu cầu nhân dân và chính phủ Hoa Kỳ hỗ trợ cho họ về phương tiện và vật chất." Rồi ông nhấn mạnh đến quyền lợi hỗ tương của cả hai nước dựa trên căn bản Miền Nam là tiền đồn của Thế giới Tự do. Ông nói thẳng bằng tiếng Anh chứ không

qua thông dịch viên. Theo một người bạn chúng tôi lúc ấy làm ở đài VOA (bác Trịnh Văn Chẩn) được cử đi làm phóng sự, ông Diệm nói với âm hưởng hơi nặng, có câu các dân biểu, nghị sĩ không hiểu rõ, nhưng cứ đứng lên vỗ tay vang vang thật lâu, và đứng lên nhiều lần.

Tại New York, Thị trưởng Robert F. Wagner tổ chức một cuộc diễn hành để chào mừng vị Tổng Thống đầu tiên của Việt Nam. Ít quốc khách nào được đón tiếp như vậy. Dù ít người ở thành phố này biết đến ông Diệm, nhưng dân chúng đã đổ xô ra đường phố để hoan hô. Từ các cao ốc, những cánh hoa đủ mầu sắc được rắc xuống chiếc xe limousine mở mui chở ông Diệm đi qua. Báo chí đồng loạt ca tụng, nói đến *"Một Quốc gia Tự do vừa ra đời."* Tờ New York Times gọi Tổng Thống Diệm là "một người giải phóng Á Châu;" Tuần báo Life: *"Con người cứng rắn và như phép lạ của Việt Nam" (A tough miracle man of Vietnam).*

Phản ứng tại Quốc Hội Mỹ hết sức thuận lợi. Các nghị sĩ, dân biểu thay nhau khen ngợi. Nghị sĩ Jacob Javits (tiểu bang New York) tuyên bố *"Ông là một trong những anh hùng của thế giới tự do."* Nghị sĩ Mike Mansfield (Montana), người đã ủng hộ ông Diệm trong những giờ phút nguy hiểm, giờ đây hết sức vui mừng, ca ngợi TT Diệm con người có quyết tâm, can đảm, trong sạch và chính trực, *"một người đã chứng tỏ khả năng rất cao trước những khó khăn thật là to lớn."*

Cuối hè 1957, những hình ảnh tiếp đón Tổng Thống Diệm linh đình tại thành phố New York và thủ đô Washington được chiếu thật lớn trên màn ảnh tại các rạp xi nê ở Sàigòn cũng như các đô thị, sau phần tin tức nhộn nhịp về thể thao. Bầu không khí lúc ấy thật là phấn khởi. Sinh viên, học sinh chúng tôi hết sức cảm động, vui vẻ xuống đường, chăng biểu ngữ đi biểu tình để "chào mừng Tổng thống đầu tiên, ủng hộ Quốc Hội Lập Hiến."

Mỗi buổi sáng, tiếng kèn trống của ban quân nhạc rộn rã trên đài phát thanh cử hành lễ chào cờ, tiếp theo là bài: "Bao nhiêu năm từng lê gót nơi quê người...."

Buổi bình minh của nền Cộng Hòa thực là huy hoàng rực rỡ.

Một đoàn binh sĩ Pháp đi duyệt binh lần cuối cùng tại Sài Gòn ngày 10/4/1956. (Hình: Wide World Photo)

Ngoại Trưởng Dulles thăm TT Diệm 14/5/1956. (Hình: National Archive)

TT Eisenhower và Ngoại Trưởng Dulles đón tiếp TT Diệm tại Phi trường National (Reagan) ngày 9/5/1957. (Hình: www.schmoop hay/và National Archive)

TT Eisenhower và TT Diệm trên xe mui trần rời Phi trường National. (Hình: Wide World Photo)

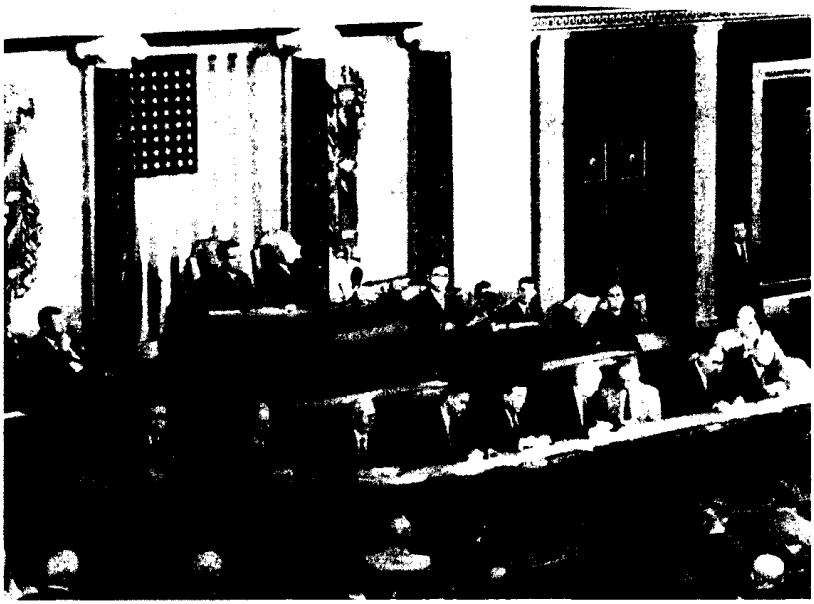

TT Diệm diễn thuyết tại cuộc họp Lưỡng Viện Hoa Kỳ ngày 9/5/1957.
(Hình: Michael Maclear, *Vietnam A Complete Photographic History*)

Thành phố New York đón tiếp TT Diệm. (Hình: Michael Maclear,
Vietnam A Complete Photographic History)

CHƯƠNG 13

'5 - Năm Vàng Son 1955 – 1960' Vừa Phát Triển Vừa Hòa Bình

"Một Quốc Gia Vừa Ra Đời" vào năm 1955 thì quốc gia ấy đã phải đối diện với bao nhiêu khó khăn khôn lường. Trong mười năm chiến tranh loạn lạc cho tới 1954, trên một phần ba đất trồng trọt đã bị bỏ hoang, nhường chỗ cho những bụi rậm và cỏ dại lan tràn. Một phần lớn hệ thống kênh rạch cũng bị khô cạn hay sình lầy. Hệ thống bơm nước, thoát nước hết hữu hiệu. Bởi vậy sản xuất thóc gạo của Miền Nam đã bị giảm đi đáng kể.

Ngoài ra, các phương tiện giao thông như đường bộ, đường sắt, cầu cống và các cơ sở công kỹ nghệ như đường trắng, rượu bia, bông sợi cũng bị hư hại vì thiếu bảo trì. Từ 1955 thì chính phủ Pháp lại rút đi hầu hết các kỹ sư, chuyên viên trong mọi lãnh vực: kinh tế, tài chính, y tế, giáo dục, để lại một lỗ hổng kỹ thuật thật lớn cho mọi ngành hoạt động.

Thêm vào công việc tái thiết nền kinh tế, một nhu cầu khẩn thiết khác là phải làm sao tìm được nơi ăn chỗ ở, dịch vụ y tế, giáo dục, công việc làm ăn cho gần một triệu đồng bào di cư từ Miền Bắc, bất chợt làm tăng dân số Miền Nam lên trên 10%.

Ngay từ buổi bình minh của nền Cộng Hòa, công việc tái thiết đã được bắt đầu. May mắn là thời gian từ mùa Thu 1955 tới mùa Thu 1960, VNCH đã có được năm năm vàng son - vừa hòa bình vừa phát triển - lại được đồng minh Hoa kỳ hết lòng yểm trợ vật chất và kỹ thuật cho nên đã thu lượm được nhiều kết quả tốt đẹp. Chương này cung cấp cho độc giả một cái nhìn tổng quát để lưu giữ những hình ảnh quý giá của thời gian ấy, của thời kỳ mà nhiều quan sát viên đã gọi là "Cuộc Cách Mạng Bị Bỏ Mất" (The Lost Revolution).*

---

* Chương này dựa vào một số tài liệu về kinh tế - xã hội của Bộ Canh Nông, Bộ Kế Hoạch VNCH và dữ liệu của cơ quan Viện Trợ Hoa Kỳ USAID cùng với hồ sơ United States - Vietnam Relations 1945-1967 và một vài sách khác như được ghi trong phần GHI CHÚ ở cuối sách.

Nước sông dâng lên cá lội ngù ngờ
Nước sông xanh lơ bóng in cây dừa
Về về đây Miền Đồng Nai có Cửu Long
Nguồn chảy dâng trời Nam mạch sống

(Hội Trùng Dương – Phạm Đình Chương)

Từ trên cao nguyên Tây Tạng con sông Cửu Long cuồn cuộn chảy như thác lũ xuống phía nam qua tỉnh Vân Nam, tới Lào, Thái Lan, Kampuchia, rồi Việt Nam trước khi ra Biển Đông. May cho Miền Nam là có hồ lớn Tonle Sap ở Campuchia hút đi một phần lớn lượng nước từ thượng nguồn cho nên từ đây dòng sông lại uốn khúc hiền hòa chảy vào Miền Nam. Tới gần biên giới thì con sông chia ra làm 8 nhánh. Nhưng con số 9 được coi là may mắn cho nên phải tìm ra cho được một nhánh nữa, tuy là rất nhỏ (dài khoảng 10 dặm) để cộng lại thành ra 9 nhánh, gọi là Cửu Long Giang. Dòng sông Chín Con Rồng uốn mình tưới nước cho vùng đồng bằng Nam Bộ mầu mỡ, phì nhiêu trở thành vựa lúa của cả nước. Người nông dân nơi đây chỉ cần trồng mỗi năm một vụ là cũng đủ ăn, lại còn dư thừa để tiếp tế ra Miền Bắc và xuất cảng.

Nhưng trong mười năm chiến tranh loạn lạc, trên một phần ba đất trồng trọt đã bị bỏ hoang, nhường chỗ cho những bụi rậm và cỏ dại lan tràn. Một phần lớn hệ thống kênh rạch cũng bị khô cạn hay sình lầy. Hệ thống bơm nước, thoát nước cũng bị hư hại. Bởi vậy, sản xuất thóc gạo của Miền Nam trong mười năm trước 1955 đã bị giảm đi đáng kể. Ngoài ra, các phương tiện giao thông như đường bộ, đường sắt, cầu cống và các cơ sở công kỹ nghệ như đường trắng, rượu bia, sợi bông cũng đều bị hư hại.

Cho nên vào năm 1955, khi "Một Quốc Gia Vừa Ra Đời" như báo chí Mỹ tuyên dương thì quốc gia ấy đã phải đối diện với bao nhiêu khó khăn khôn lường. Ngân sách của Pháp để lại thì thật eo hẹp, kỹ sư, chuyên viên trong mọi lãnh vực đều hết sức hiếm hoi vì Pháp đã rút đi hầu hết, để lại một lỗ hổng lớn cho cả nền kinh tế lẫn hành chánh, giáo dục, y tế. Ngay trong Dinh Độc Lập, Thủ tướng Diệm cũng chỉ có mấy nhân viên

hành chính và một vài chuyên gia (như kinh tế gia Huỳnh Văn Lang đã thuật lại). Nhưng với sự quyết tâm của nhân dân và chính phủ, công việc tái thiết đã được bắt đầu ngay từ buổi bình minh của nền Cộng Hòa.

May mắn là trong 5 năm đầu, từ mùa Thu 1955 tới mùa Thu 1960, Miền Nam có được năm năm vàng son, vừa có hòa bình lại được đồng minh Hoa kỳ hết lòng yểm trợ vật chất và kỹ thuật cho nên đã thu lượm được nhiều kết quả có thể nói là vượt bực. Hồi tưởng lại thời gian ấy, nhiều độc giả chắc còn nhớ lại cái cảnh thanh bình khi các em học sinh mặc áo chemise trắng, quần xanh, các nữ sinh với những chiếc áo dài trắng tha thướt ngày ngày cắp sách đến trường. Cha mẹ, anh em thì lo công việc làm ăn. Giầu có thì chưa thấy nhưng hầu hết đã đủ ăn đủ mặc, xã hội trật tự, kỷ cương. Tuy dù có nhiều bất mãn khó tránh về chính trị, tôn giáo và xã hội, nhưng tương đối thì ta phải công nhận rằng đây là thời gian hào quang nhất của nền Đệ Nhất Cộng Hòa.

Định cư gần một triệu người di cư từ Miền Bắc

Công việc đầu tiên và khẩn cấp nhất là phải định cư tới gần một triệu người, tương đương bằng 7% dân số Miền Bắc di cư vào Nam. Đoàn người này hoàn toàn 'tay trắng': hầu hết là không nhà cửa, tiền bạc, đất đai, họ hàng tại Miền Nam, cũng không có ngành nghề chuyên môn ngoài nghề canh nông. Theo một thống kê (do tác giả Lê Xuân Khoa ghi lại – sđd., trang 261-2), ngành nghề được phỏng định là: 70% làm nghề nông, 15% ngư nghiệp, 10% tiểu công nghệ và 5% tiểu thương Làm sao tìm được nơi ăn, chỗ ở, tạo dựng lại được công ăn việc làm, đào giếng nước, xây nhà thương, bệnh xá, trường học cho con em để đáp ứng nhu cầu của gần một triệu người. Ngoài việc hành chính, lại còn tìm đâu ra bác sĩ, y tá, thầy dạy cho con em. Bây giờ nhìn lại thời gian ấy, nhiều độc giả không thể quên được những cố gắng lớn lao của chính phủ Diệm và những sự yểm trợ liên tục của Hoa Kỳ và Pháp. Ta phải ghi nhận sự đóng góp nhân đạo của Pháp trong thời gian sau Geneva là rất nhiều.

Tàu và máy bay do chính phủ Pháp huy động để chuyên chở đoàn người từ đồng bằng sông Hồng vào Nam đã bắt đầu hoạt động trước cả tàu và máy bay Mỹ.

Chương trình định cư được nối kết với chương trình khẩn hoang lập ấp trong tổng thể chính sách tái canh nông nghiệp và cải cách điền địa (xem phần sau). Như đã đề cập trong Chương 8, chương trình định cư đã thành công mỹ mãn. Các làng di cư mọc lên khắp nơi, từ Phú Nhuận tới Gia Kiệm, lên Bảo Lộc, ra Phan thiết. Một mô hình định cư được coi là rất thành công, tượng trưng cho viện trợ Hoa Kỳ là dự án Cái Sắn (Kiên Giang) gần Rạch Giá. Nơi đây, 100,000 người cùng với 20,000 người dân địa phương được chuyên chở tới để khai khẩn 270,000 mẫu đất trước đây bỏ hoang. Số người định cư tại Cái Sắn sống rải rác theo các Kênh. Chính quyền địa phương cùng với người dân tỵ nạn với những phương tiện máy móc và dụng cụ đã đào được tới 17 con kênh dẫn nước từ sông Tân Hiệp vào nơi cư trú và đồng ruộng, vừa giúp công việc trồng trọt, lại trở thành những tuyến giao thông, chuyên chở hàng hóa tiện lợi. Có lần tác giả được may mắn đi thăm Cái Sắn vào năm 1957 đã rất cảm kích về đời sống nhộn nhịp, vui vẻ và tương đối là phì nhiêu. Tại 'Kênh F' thì phần đông là nhân dân tỉnh Thái Bình cư ngụ, nổi tiếng về nghề làm pháo; 'Kênh G' (nhân dân Phát Diệm) làm chiếu; 'Kênh E' (nhân dân Bắc Ninh) sản xuất thuốc lào. Cái Sắn trở nên một biểu tượng thành công của chính phủ Ngô Đình Diệm.

Tổng kết năm đầu thì khoảng 400,000 người được định cư ở đồng bằng Cửu long; 53,000 ở miền Trung, và 64,000 trên Cao nguyên. Sau này khi nói về thành công của Tổng thống Diệm, TT Kennedy viết cho ông:

> **"Thành tích mà Ngài đã đạt được để đem lại niềm hy vọng mới, nơi cư trú và sự an ninh cho gần một triệu người lánh nạn cộng sản từ Miền Bắc đã nổi bật như một trong những nỗ lực đáng được tán dương nhất, và được điều hành tốt đẹp nhất trong thời hiện đại"** (thư ngày 26 tháng 10, 1961).

Về công cuộc 'Di tản và định cư Tị nạn 1954' độc giả nên tra cứu thêm cuốn sách *Việt Nam, 1945-1979* do Giáo sư Lê Xuân Khoa biên soạn rất công phu với đầy đủ dữ liệu về công tác này (nhất là Chương 6).

Tái thiết và phát triển nông nghiệp

Rất tiếc là vì thiếu chuyên viên và vì tập trung vào công việc khó khăn lúc ban đầu, tài liệu nghiên cứu về kinh tế, tài chính của Miền Nam trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa thì hầu như không có. Ngày nay nhiều độc giả, nhất là những độc giả cao niên vẫn còn nhớ lại những đóng góp của chính mình và những kỷ niệm quý giá của thời gian 1955-1960, đích thực là năm năm vàng son của VNCH. Để lưu lại cho những thế hệ trẻ (hoàn toàn không biết gì về thời gian này) chúng tôi đã cố gắng để dựa vào một số tài liệu của Hoa Kỳ và ghi lại trong chương này một số khía cạnh nói nên thành quả của nhân dân và chính phủ Miền Nam vào thời điểm có một không hai này.

Ưu tiên của công việc tái thiết và phát triển phải là nông nghiệp vì đại đa số nhân dân làm nghề nông. Đồng bằng Cửu Long là vựa lúa của cả nước, nhưng sản xuất đã giảm đi đáng kể trong mười năm ly loạn. Thời tiền chiến sản xuất lên tới 4.2 triệu tấn (1939). Tới 1954 chỉ còn 2.5 triệu tấn. Cũng năm 1939 xuất cảng gạo là gần 2 triệu tấn, năm 1954 còn 520,000 tấn. Vào thời điểm này lại thêm gần một triệu người di cư từ Miền Bắc. Đa số là 'bốn không': không nhà cửa, đất đai, tiền bạc, ngành nghề chuyên môn ngoài nghề nông.

Nỗ lực phát triển nông nghiệp nhắm vào hai mặt: tái canh ruộng đất bỏ hoang và cải cách điền địa.

Tái canh ruộng đất bỏ hoang

Tại vùng đồng bằng, trong tổng số là 7 triệu hecta đất trồng trọt có tới 2.5 triệu hecta (trên một phần ba) bị bỏ hoang. Lúa gạo là mạch máu của người dân cho nên công việc đầu tiên là phải đưa diện tích này vào canh tác. Đây là một cố gắng vượt mức vì không những nó đòi hỏi phải tốn phí nhiều tiền bạc,

công sức, để sửa chữa lại hệ thống thủy lợi, vét nạo kênh rạch, lại còn làm sao xây dựng được quyền sở hữu đất đai và phương tiện sản xuất cho người nông dân.

Trên vùng Tây Nguyên, (cao từ 2.000 đến trên 3000 mét), nơi sinh sống của 500,000 đến 700,000 người dân tộc hay 'đồng bào Thượng' cũng có một diện tích lớn đất đai màu mỡ ước tính tới 5 triệu hecta. Một phần đất này đã bị bỏ hoang, phần còn lại thì không được khai thác đúng mức, ngoại trừ một số đồn điền cao su, cà phê, trà thuộc về người Pháp và một vài người Việt Nam giàu có. Nhiều công sức và nỗ lực đã được dành cho đồng bào thiểu số để khai khẩn. Lúc đầu mục tiêu là 300,000 hecta, rồi từng bước tăng lên dần. Tới 1960 thì có 78 làng mới đã được thành lập. TT Diệm đã có dịp đi thăm Ban Mê Thuột (và bị ám sát hụt).

Đa canh hóa nông nghiệp

Để tăng năng xuất đất đai và tạo nên công ăn việc làm, một chương trình chuyển hướng nông nghiệp từ độc canh (căn bản là gạo thóc và cao su) tới đa canh. Trước hết là phát triển các loại rau, hoa quả trên vùng Tây Nguyên, đặc biệt là Đà Lạt. Ngoài việc cung cấp rau và hoa quả cho Sài Gòn - Chợ Lớn và các thị trường khác ở địa phương, chỉ trong vài năm đã có thể xuất cảng 1. 25 triệu tấn các loại rau tươi đến Singapore. Các thứ nông sản xuất cảng khác bao gồm cà rốt, đậu, cà chua, bí, rau diếp, tỏi và hành tây. Đặc biệt là đã nhập cảng một số loại cây trồng mới: cây cọ để chế ra dầu nấu ăn thượng hạng, phát triển mạnh ở các khu vực ven biển phía Nam và ở đồng bằng sông Cửu Long. Năm 1958 hạt giống Cocoa (ca cao) từ Phi Luật Tân được mua về để cung cấp cho cho nông dân vùng đồng bằng và cao nguyên và năm 1961 đã thu hoạch được vụ mùa đầu tiên, người tiêu thụ ở thành phố hết sức hưởng ứng trái bơ avocado.

Về cây công nghiệp, ngoài việc tăng thêm diện tích trồng trọt và phẩm chất cho bốn loại sản phẩm cố hữu là cao su, mía, cà phê và trà, năm 1956 Miền nam nhập thêm ba loại cây mới để lấy sợi (tốt hơn cả bông gòn): cây dâm bụt Ấn độ

(kenaf), cây gai (ramie) và cây chuối abaca. Những loại này phát triển mạnh trên vùng cao nguyên có đất đỏ, đặc biệt là Ban Mê Thuột.

Cải cách điền địa

Người khôn của khó. Lo lắng chính của người dân là làm sao có được một mảnh đất để sinh sống. Nếu như mảnh đất ấy lại nằm gần nước thì là vàng. 'Đất Nước tôi': đất và nước. Chỉ có Việt Nam ta là dùng hai chữ đất và nước để chỉ quê hương, tổ quốc mình vì tấc đất là tấc vàng.

Đại đa số nhân dân (tới 75%) chỉ sinh sống loanh quanh ở những vùng đất ven sông. Lúc đầu con cháu dân Văn Lang, Âu lạc đã kéo nhau tới vùng đồng bằng sông Hồng. Tới thời Nam tiến, dần dần rồi cũng tụ vào vùng đồng bằng sông Cửu Long. Sử gia Trần Trọng Kim ghi lại: "Từ ngày lập quốc, tổ tiên ta đã để ý tới việc phân chia ruộng đất, làm sao cho đa số người dân được chia sẻ 'đất và nước'. Tới năm 207 trước Tây nguyên vua Triệu Đà đã phân chia đất đai: mỗi mảnh đất được chia làm 9 lô: lô ở giữa thuộc công điền, còn lại thì phân chia cho 8 gia đình, họp lại là một "tỉnh" (tsing). Dần dần, vua chia cho mỗi thanh niên 100 mẫu ('meou') tương đương 3,600 mét vuông để canh tác. Khi tới 60 tuổi thì phải trả lại để chia cho người khác." Vua Trần Thuận Tôn (năm 1388) ra chiếu ấn định không người dân nào được sở hữu quá 10 mẫu. Dưới triều Nguyễn, các vua Gia Long, Minh Mạng đều làm luật cải cách điền địa. Nổi tiếng là Sứ Thần đặc trách Phát triển Nông Thôn tên là Nguyễn Công Trứ, ông có công lớn biến đổi vùng đất hoang vu miền duyên hải gồm Ninh Bình, Nam định, Hải Dương thành đất canh tác và phân chia cho nông dân.

Các biện pháp cải cách ruộng đất bắt đầu vào năm 1955 với lệnh giới hạn địa tô (tiền thuê đất) và những biện pháp giúp cho tá điền (người nông dân thuê đất) có được sự yên tâm về quyền sử dụng đất. Trước hết điền chủ đã được yêu cầu phải khai báo diện tích đất bỏ hoang, đất trống, và nếu họ không chịu canh tác thì chính phủ mua lại để dùng vào chương trình định cư

đoàn người di cư từ Miền Bắc. Tới nửa triệu người đã được định cư trên những khu đất vào loại này.

Cải cách điền địa là công việc khó khăn nhất của các chính phủ Á Châu, nhưng ở Miền Nam là khó khăn nhất. Làm sao mà lấy ruộng của người này chuyển cho người khác, nhất là khi đất canh tác lại tập trung vào một số rất ít đại điền chủ? Họ là những người nắm thực quyền tại địa phương và gián tiếp, tại đô thị. Ở đồng bằng sông Cửu Long, sự tập trung quyền sở hữu đất vào một số điền chủ là cao nhất ở vùng Đông Nam Á: chỉ có 2.5% điền chủ sở hữu tới một nửa diện tích canh tác, trung bình mỗi điền chủ có hơn 50 mẫu đất. Ngược lại, trên 70% chủ điền nhỏ chỉ sở hữu 12.5% diện tích canh tác, trung bình không quá 5 mẫu mỗi gia đình. Có hai lý do cắt nghĩa tình huống này: Pháp đã bán rẻ hoặc cho không những lô đất lớn cho một số người Pháp và một số ít người Việt được ưu đãi. Lý do thứ hai là vì cảnh nghèo, tiểu điền chủ thường phải đi cầm cố hay bán ruộng để trả nợ. Gánh nặng nợ nần đặc biệt là tại nông thôn là một vấn đề kinh tế xã hội rất căng thẳng. Không có ngân hàng hay các tổ chức tín dụng, người dân khi cần tiền để ma chay, cưới xin hay chữa bệnh chỉ còn cách đi vay nặng lãi (lên tới 5% - 10% một ngày) hoặc đi cầm hay bán ruộng đất. Như vậy tình trạng đi làm thuê mướn hay 'tá điền' là không thể tránh được.

Trước tình huống ấy, TT Diệm đã phải đối mặt với một khủng hoảng xã hội rất có thể xảy ra nếu như phát động mạnh chương trình cải cách điền địa. TT Diệm đặt vấn đề này là ưu tiên số một của chính sách kinh tế và bắt đầu ngay từ 1955 với Dụ số 2 ngày 8 tháng 1, 1955 dẫn đến Dụ số 7 Năm 1956: ngày 5 tháng 2, 1956. Bước đầu nhắm vào bốn vấn đề của người nông dân:

1. Đặt giới hạn cho tiền thuê đất: từ 15% tới 25% giá trị thu hoạch hằng năm.
2. Giúp cho nông dân có được bảo đảm trong việc thuê đất: phải có khế ước thuê chứ không chỉ nói miệng.
3. Đặt giới hạn cho tiền thuê đất khi thu hoạch ít ỏi vì bị mất mùa, và

4. Cho tá điền quyền ưu tiên được mua đất khi điền chủ muốn bán.

Trước năm 1954 không có quy định của chính phủ về việc cho tá điền thuê đất. Người nông dân phải trả tiền thuê rất cao, có khi tương đương tới 50% của thu hoạch mỗi năm. Tá điền phải tự lo nhà ở, công cụ trồng trọt, hạt giống. Khi không đủ tiền để mua hạt giống thì phải vay tiền nặng lãi từ chủ điền hoặc phú hộ trong làng. Đến mùa gặt hái có khi chỉ còn lại khoảng một phần ba tổng số thu hoạch.

Tiếp theo hai Dụ trên là Dụ số 57 (22 tháng 10, 1956) nhắm vào nhiều lãnh vực: cải tổ quy chế tá điền, khai khẩn ruộng đất bỏ hoang, thành lập dinh điền cho người dân di cư khai thác, khuyến khích chủ điền tự ý phân chia đất để bán cho tá điền, rồi chính phủ giúp nông dân tín dụng để mua. Ngoài ra, Dụ này còn giới hạn quyền sở hữu đất là 100 hecta, cộng thêm 15 hecta để dùng vào những chi phí thờ kính tổ tiên. Số ruộng trên giới hạn này được chính phủ mua để bán lại theo ưu tiên cho bốn đối tượng: tá điền hay người làm thuê đã trồng cấy ít nhất là hai năm, cựu chiến binh, người di cư và người thất nghiệp. Để hỗ trợ cho nông dân được yên tâm khi đi làm thuê, Dụ này quy định điền chủ phải ký hợp đồng với tá điền về điều kiện thuê đất: tiền thuê đất, thời hạn thuê, triển hạn khế ước, giảm tô trong trường hợp mất mùa.

Chăn nuôi và ngư nghiệp

Trâu và bò: trong những năm chiến tranh, số trâu bò đã bị giảm sút tới 50% vì thiếu hoạt động gây giống và mổ thịt làm thức ăn. Để tăng thêm, Bộ Canh Nông đã nhập cảng 21, 000 trâu từ Thái Lan, đồng thời tăng cường gây giống, nuôi dưỡng súc vật. Việc tăng số lượng được kèm theo với những chương trình bảo vệ gia súc để ngăn ngừa sự thiệt hại cho người chăn nuôi do dịch, bệnh. Thêm vào đó là những dự án nhập cảng và sản xuất thuốc chủng để ngừa bệnh. Tới năm 1960/1961 số trâu được kiểm kê tăng lên 800,000 so sánh với 220,000 vào năm 1954. Miền Nam có hai loại bò: bò nhỏ và vàng xuất xứ từ bên

Tầu (giống như Jersey cow ở Mỹ) và loại bò lớn, chân dài từ Ấn Độ. Để thêm phẩm chất, một số các loại bò khác nhau được nhập cảng để lai giống cho bò cổ truyền.

Vịt: là một trong những nguồn lợi chính của người nông dân. Vùng đồng bằng với nhiều kênh rạch là môi trường rất thuận lợi để nuôi những đàn vịt lớn. Khi được hỗ trợ để khai thác, số lượng sản xuất đã tăng lên thật nhanh: chỉ trong vài năm, trứng vịt muối và lông vịt xuất cảng trở thành nguồn lợi tức đáng kể.

Heo: cũng vậy, nhập cảng các loại heo đực từ Mỹ để tăng sản xuất cả về lượng lẫn phẩm. Tới năm 1960, xuất cảng heo sống và thịt heo đứng hàng thứ ba trong số sản phẩm xuất cảng. Nguyên thị trường Hồng Kông nhập cảng tới 80,000 con heo một năm.

Ngư nghiệp: đặt trọng tâm vào việc gia tăng khai thác ngư sản: cá biển, cá đồng, tôm cua và sò, ốc. Đặc biệt là giúp cho khoảng 190,000 ngư dân sinh sống dọc bờ biển Miền Trung có thêm phương tiện và được đào tạo để bắt đầu khai thác ngư sản viễn duyên. Viện trợ Hoa Kỳ USAID giúp tín dụng để ngư dân cơ giới hóa 3,500 tầu đánh cá và mua lưới làm bằng bông gòn hay sợi kenaf. Chỉ trong 5 năm, số thu hoạch hải sản tăng lên 300% và tới 1961, xuất cảng một nửa triệu tấn hải sản. Thêm vào đó là 50,000 tới 60,000 tấn cá dùng làm nước mắm.

Những biện pháp hỗ trợ nông nghiệp

Công trình thủy nông: nhằm yểm trợ việc điều hành cho có hiệu quả các diện tích trồng trọt đã được trang bị thủy nông, trùng tu lại các diện tích bị hư hại vì cuộc chiến hay bão lụt, và tân trang một số thủy nông mới nhằm bốn mặt: dẫn thủy nhập điền và thoát thủy, xả phèn, và ngăn chận nước mặn.

Tín dụng Nông nghiệp và Hợp tác xã: kế hoạch hỗ trợ sản xuất nông nghiệp gồm tín dụng nông thôn hay 'nông tín' đi đôi với việc thành lập các Hiệp Hội Nông Dân và Hợp Tác Xã. Thêm vào đó là kế hoạch "khuyến nông," một chương trình tương đối mới mẻ để huấn luyện cán bộ nông nghiệp, lập thí

điểm nông nghiệp và những trang trại mẫu để truyền bá, giúp nông dân nhìn và nghe về kỹ thuật. Ngoài những công tác này, theo như sự sưu tầm của chúng tôi thì lúc ấy, Bộ Canh Nông cũng đã nghĩ tới việc xử dụng những loa lớn tại các địa phương để loan truyền kiến thức chăn nuôi, canh tác tới người nông dân, đặc biệt là việc thất thoát sau mùa màng (post harvest loss) nhiều khi lên rất cao (có thể tới 20% lượng lúa sản xuất) qua một chương trình *"Rađiô Nông thôn"* (Radio Rural) do đài phát thanh Sàigòn chuyển tải.

Các hoạt động yểm trợ nhằm tăng cường hiệu năng một hệ thống Quốc Gia Nông Tín Cuộc (NACO) đã được thành lập do lệnh của chính Tổng thống Diệm vào tháng Tư năm 1957. NACO được USAID tài trợ phần lớn vào giai đoạn đầu. Mục đích là để cho vay những khoản nhỏ giúp những nông dân không có đất đai để thế chấp vay mượn ngân hàng. Hợp tác xã nông nghiệp đã có từ thời Pháp thuộc nhưng căn bản là để giúp Pháp xuất cảng một số nông sản, không có lợi ích nhiều cho nông dân. Từng bước, thủ tục được đơn giản hóa và hợp tác xã được yểm trợ nên đã lớn mạnh trong nhiều ngành nghề: chế biến thóc gạo, than, lâm sản. Tháng 6, 1960: hợp tác xã lên tới 266 đơn vị với gần 97,000 hội viên. Trong số các hợp tác xã, có 40 sản xuất gạo, 80 (các loại nông phẩm), 3 (lâm nghiệp), 2 (chăn nuôi gia súc), 76 (thủy sản), 57 (thủ công mỹ nghệ), và 6 (hợp tác xã tiêu thụ). Một số Hiệp Hội Nông Dân được thành lập để yểm trợ hợp tác xã và được chính phủ Đài Loan tài trợ.

Kết quả về nông nghiệp trong 5 năm là khả quan: sản xuất của miền Nam Việt Nam cây lương thực tăng 32 phần trăm và đã vượt qua tất cả mức sản xuất thời tiền chiến. *Năm 1959 xuất gạo lên 5.3 triệu tấn, cao nhất trong lịch sử kinh tế Miền Nam cho tới thời điểm đó.* Về xuất cảng: với tổng xuất là 340,000 tấn, năm 1960 đánh dấu mức cao nhất trong lịch sử kinh tế Việt Nam Cộng Hòa.

Phát triển công kỹ nghệ

Dưới thời Pháp thuộc, kỹ nghệ và tài nguyên hầu như

không được phát triển vì người Pháp chia ra hai vùng rõ rệt: Miền Bắc tập trung vào kỹ nghệ và khai thác hầm mỏ, Miền Nam vào nông nghiệp và một số sản phẩm tiêu thụ như nhà máy bia, diêm quẹt, thuốc lá, độc quyền thuốc phiện. Bởi vậy từ 1955, Miền Nam bị cắt đứt tiếp liệu về than và khoáng sản. Chuyên viên kỹ thuật, kỹ sư lại thật ít ỏi vì Pháp đã rút đi hầu hết. Từng bước, chính phủ bắt đầu khai thác tài nguyên với ba dự án chính: mỏ than Nông Sơn, thủy điện Đa Nhim, và phốt phát tại Hoàng Sa - Trường Sa. Lúc ấy thì chưa biết là có dự trữ dầu lửa lớn ở những quần đảo này.

Vì đa số cơ sở kỹ nghệ ở Miền Nam thuộc quyền sở hữu của người Pháp, cho nên khi Pháp chuẩn bị rút khỏi Miền Nam, chính phủ Diệm đã tiên liệu trước và đưa ra quy định vào hè 1955 để người Hoa (phần đông là ở Chợ Lớn) làm ăn và sinh sống ở Việt Nam được nhập quốc tịch Việt Nam. Mục đích là để cho họ (vì có nhiều vốn liếng) sẽ có thể mua lại những cơ sở kỹ nghệ của người Pháp.

Trong hai năm đầu, vì ưu tiên phải dành cho nông nghiệp nên, phát triển các ngành công kỹ nghệ rất chậm. Nhưng tới 1957 thì phát triển kỹ nghệ chế biến cần ít vốn liếng như đường, đồ gốm, thủy tinh, đồ gia dụng và chất xơ bao tải bắt đầu được đẩy mạnh. Một Kế hoạch năm năm phát triển được công bố với những mục tiêu rõ ràng:

- 2 nhà máy giấy;
- 1 nhà máy kéo sợi và dệt;
- 4 nhà máy đường;
- 2 nhà máy xi măng;
- 1 Nhà máy bao gạo;
- 4 nhà máy lốp xe đạp;
- 1 nhà máy soda
- 1 nhà máy để sản xuất nhà tiền chế;
- 1 nhà máy lọc dầu 1;
- 1 nhà máy phân bón; và
- Phát triển một số cây dược liệu.

Đến giữa năm 1962, một số nhà máy đã bắt đầu đi vào giai đoạn hoạt động như dược phẩm, nhà máy đồ hộp, bột giấy, nhà

máy giấy, và tới 5 nhà máy chế biến cao su; 1 bông gin. Các hình thức hỗ trợ được cung cấp bởi chính phủ thúc đẩy phát triển công nghiệp. Một bước quan trọng là thành lập vào cuối năm 1957 của Trung Tâm Phát Triển Kỹ Nghệ. Mục tiêu là cung cấp tín dụng và hỗ trợ kỹ thuật để mở rộng và hiện đại hóa các ngành công kỹ nghệ hiện có và thành lập các ngành công nghiệp mới. Đặc biệt là đã phát triển thành công kỹ nghệ biến chế các sản phẩm gỗ, đường, giấy, lốp xe đạp, nước khoáng, than, kính, và xi măng. Nhà Máy Gỗ và Cưa Biên Hòa (Biên Hòa Lumber and Sawmills Company) nổi tiếng về sản xuất loại thanh gỗ đẹp (finished timber) và gỗ ván. Những nhà máy có tầm cỡ xử dụng nguyên liệu nhập cảng, đẩy mạnh ngành sản xuất vải vóc với những nhà máy lớn như Nhà Máy Cán Sợi Việt Nam (Vietnam Cotton Mill) xây dựng năm 1955, Công Ty Vải Việt Nam VINATEXCO (1959) và Công Ty Vải Việt-Mỹ VIMYTEX (1959). Ngoài ra còn những hãng sản xuất dụng cụ máy móc (machine shops), giấy và bột giấy, đồ gốm, diêm quẹt, thuốc lá, đường mía, thuộc da và xà bông.

Thủ công nghệ: Trung tâm Phát Triển Thủ Công Nghệ được thành lập vào năm 1958 để yểm trợ bành trướng nghề thủ công qua việc hỗ trợ kỹ thuật và tín dụng dài hạn. Tới 1960, số thợ chuyên môn có tay nghề trong các ngành thủ công đã khá đông, sản xuất mạnh các mặt hàng như đồng, thiếc, đồ gỗ, gạch hoa, đồ gốm, khảm xà cừ, sơn mài, bông, sợi, tơ lụa, đồ đan, thêu và các sản phẩm da.

Một kích thích kinh tế nổi bật là chính sách cởi mở, ưu đãi đối với các nhà đầu tư ngoại quốc: bảo đảm về chiến tranh, cam kết không tịch thu hay quốc hữu hóa tài sản của người ngoại quốc, ưu đãi về thuế má và cho phép chuyển tiền lời ra ngoại quốc.

Khai thác tài nguyên

Ngoài việc khai thác phosphate tại Hoàng Sa và Trường Sa, tài nguyên thiên nhiên chưa được khai thác gồm ba dự án chính:

• Mỏ than Nông Sơn.

• Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và phát triển điện lực.

• Khai thác tài nguyên ở Đà Nẵng, Quảng trị, Quảng Ngãi, Cam Ranh.

Nông sơn: lãnh vực khai thác than duy nhất của miền Nam Việt Nam là mỏ than Nông Sơn nằm khoảng 30 dặm về phía tây nam Đà Nẵng, với một lượng dự trữ ước tính khoảng 3.5 triệu tấn. Ngay từ năm 1878 triều đình Huế đã cho phép người Trung Quốc khai thác. Hoạt động bị gián đoạn trước Thế chiến II. Năm 1957 Chính phủ VNCH đã bắt đầu tái khai thác. Tới 1961 mức sản xuất lên 80,000 tấn đủ để đáp ứng tiếp liệu cho xe lửa và một số nhà máy nhiệt điện. Than ở Nông Sơn phải được rửa sạch trước khi đem ra bán trên thị trường. Than được vận chuyển trên Sông Thu Bồn đến Kỳ Lâm (phía nam Đà Nẵng) rồi vận chuyển bằng đường sắt xuyên Việt. Cơ quan Viện trợ Hoa Kỳ giúp tài trợ 2 triệu đôla để tăng mức khai thác lên 150,000 tấn mỗi năm.

Thủy điện Đanhim và phát triển điện lực: năm 1958 miền Nam Việt Nam có công suất lắp đặt điện rất khiêm nhượng, công suất tất cả chỉ có 100,000 kilowatts do 5 nhà máy sản xuất, trong số đó, 4 nhà máy là của tư nhân Pháp và 1 là của Việt Nam. Với mức sản xuất hằng năm là 239 triệu kilowatt giờ, chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu thành thị nhất là Sàigòn-Chợ Lớn, nông thôn thì hoàn toàn không có điện. Chỉ có 20% năng lượng tiêu thụ là được sử dụng vào ngành công kỹ nghệ. Chi phí về điện lại rất cao nên đã hạn chế sản xuất.

Một chương trình phát triển năng lượng được bắt đầu từ 1955. Tính đến cuối năm 1960 Viện trợ Hoa Kỳ đã cung cấp được thêm 80 máy phát điện diesel với công suất là 3,714 kilowatts. USAID cho vay từ Quỹ Cho Vay Để Phát Triển (DLF) là 12 triệu đôla để xây dựng Nhà máy nhiệt điện Thủ Đức với công suất là 33,000 kilowatts cùng với hệ thống phân phối và chuyển tải điện giúp cung cấp thêm cho thủ đô. Quan trọng nhất là dự án Thủy điện Đanhim sản xuất điện từ vùng Cao nguyên do chính phủ Nhật Bản tài trợ và xây dựng. Dự án này đòi hỏi phải xây một đập dài tới 1,585 mét để cung cấp

nước cho một hồ chứa với diện tích là 3,7 dặm vuông. Lượng nước đổ từ trên cao (2,500 feets) đủ sức quay 4 động cơ phát điện. Khi kết thúc giai đoạn đầu thì nguồn này có thể cung cấp tới 80,000 kilowatts. Sau giai đoạn hai, tổng công suất sẽ lên 160,000 kilowatts. Sản lượng điện hàng năm lên 800 triệu kilowatt giờ. Cùng với lượng điện đã có sẵn, Đa Nhim sẽ đủ để đáp ứng cho nhu cầu điện năng của cả Miền Nam. Phí tổn tới khoảng 50 triệu đôla, một số tiền rất lớn vào lúc ấy.

Khoáng sản: khoáng sản tuy khiêm nhượng nhưng trước 1954 cũng đã có vàng, chì và đồng được khai thác tại Bồng Miêu và việc tìm kiếm quặng đồng đã được thực hiện ở Đức Bó, phía nam Đà Nẵng. Trong thế Chiến II, Nhật Bản cũng đã khai thác được: (1) một lượng quặng sắt chất lượng tốt ở vùng Quảng Trị - Quảng Ngãi; và (2) molib đen ở Song Pha (Krong Pha). Ngoài ra còn lượng cát trắng với phẩm chất trên 99% silica dọc bờ biển miền Trung, nhất là Cam Ranh. Một dự án tư nhân tài trợ tại Vịnh Cam Ranh để khai thác cát thủy tinh loại thật tốt để xuất cảng sang Nhật. Ngoài ra còn lượng dự trữ lớn đá vôi ở 3 dặm về phía tây nam Huế cung cấp cho nhà máy xi măng Long Thọ. Dự trữ đá vôi khác đã được khảo sát trong khu vực Hà Tiên gần biên giới Campuchia dành cho việc xây dựng nhà máy xi măng Hà Tiên. Chỉ sau ba năm, tuy sản xuất công, kỹ nghệ còn rất hạn chế, nhưng đã có mức tiến bộ đáng kể để bổ sung cho sản xuất nông nghiệp và phục vụ thị trường trong nước. Đặc biệt là các nhà máy biến chế nông sản, lâm sản như ván ốp tường, đường, giấy, lốp xe đạp, nước khoáng, vải (từ sợi bông nhập khẩu), máy may, các nhà máy giấy và bột giấy, đồ gốm, thủy tinh, than đá và xi măng.

Hạ tầng cơ sở

Tái thiết mạng lưới giao thông đã bị hư hại trong thời chiến và xây dựng thêm nữa là đòi hỏi tiên quyết cho việc phát triển kinh tế và xã hội. Cho nên Hoa Kỳ đã hỗ trợ tối đa cả về tài trợ cả về kỹ thuật. Tới năm 1960, hệ thống bộ, đường sắt, đường thủy và các tuyến hàng không đã được cải thiện canh tân và mở

rộng đáng kể. Hệ thống vận chuyển hiện đại bao gồm đường sắt, một mạng lưới các đường quốc lộ, liên tỉnh lộ, hương lộ, đường thủy và đường hàng không.

Đường bộ: tới đầu thập niên 1960, trong khoảng 9,000 dặm đường, có hơn 2,000 dặm là bê tông nhựa; 3,000 dậm đường có cán đá, và khoảng 4,000 dặm là đường hương lộ. Hệ thống đường bộ kết nối các tỉnh đã được phục hồi cũng như các tuyến kết nối khu vực sản xuất với thị trường bắt đầu được xây dựng. Từ Quốc lộ số 1 (Mandarin Route) có tuyến đường nối với khu vực miền núi: một chạy từ Bình Định tới Pleiku rồi sang Campuchia; một từ Ninh Hòa đến Ban Mê Thuột; và tuyến thứ ba từ Phan Rang lên Đà Lạt. Một tuyến đường từ Ban Mê Thuột nối với đường Sàigòn- An Lộc; và một đường từ Đà Lạt nối với Quốc Lộ 1 gần Xuân Lộc. Hai con đường chính dẫn từ Sài Gòn sang Campuchia: tuyến Sàigòn – An Lộc; và tuyến và Sài Gòn - Phnom Penh. Về phương tiện chuyên chở thì tới cuối năm 1959 đã có 36,000 xe ô tô chở khách, gần 17,000 xe vận tải và xe buýt; và gần 38, 000 xe máy.

Đường sắt: năm 1955 giao thông đường sắt cũng được sửa chữa và canh tân. Tới 1959 toàn hệ thống bao gồm 870 dặm, gồm một tuyến đường chính chạy từ Sàigòn đến Đông Hà, nối kết toàn bộ các tỉnh dọc miền duyên hải (nhiều khúc bị cắt đứt trong 12 năm chiến tranh). Một chi nhánh đường sắt (có móc để leo đồi) đi từ Phan Rang lên Đà Lạt, và một chặng nối với mỏ than Nông Sơn. Một khúc ngắn về phía đông bắc, đi từ Sàigòn tới Lộc Ninh. Tổng số hành khách lên gần 3 triệu và số hàng hóa vận chuyển lên 444,000 tấn. Hoa Kỳ giúp mua được 23 đầu máy diesel, 64 toa xe hành khách và hàng hóa cùng với thiết bị, phụ tùng, và dịch vụ kỹ thuật, sửa chữa. sắt

Đường thủy và hải cảng: sau những năm nạo vét, sửa chữa, hệ thống vận chuyển đường thủy gồm 3,000 dặm sông ngòi, kênh rạch lan tỏa khắp nơi, bổ túc cho đường bộ, đường sắt làm cho việc giao thông, vận chuyển hàng hóa rất thuận tiện và với phí tổn thấp. Ước tính có khoảng 10,000 các loại tầu bè - sà lan, ghe và thuyền tam bản – luôn luôn đi lại trên khắp các tuyến đường thủy. Sau những cố gắng nạo vét, sửa chữa khác

có thể mang tàu cỡ trung bình.. Đoàn tầu buôn bao gồm 9 tầu loại nhỏ và trung (123 tới 607 tấn) và một tàu lớn (3,070 tấn).

Hàng không: hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam – Air Vietnam – được thành lập lúc đầu để bay trong nước. Ngoài phi trường Tân Sơn Nhất, các phi trường được sửa chữa lại và xây dựng thêm gồm Huế, Đà Nẵng, Nha trang, Qui Nhơn, Biên Hòa, Đà Lạt, Ban mê Thuột, Pleiku, Hải Ninh, Cần Thơ, Phú quốc. Ngoài ra còn những phi đạo nhỏ do các đồn điền Pháp xây dựng. Từ nội địa Air Vietnam bắt đầu bay tới Phnom Penh, Siem Reap, Bangkok, Vientianne và Savannakhet. Đường quốc tế phần lớn được đảm nhiệm bởi các hãng Air France, Pan American, Worl Airways, British Airways, Royal Dutch, Cathay Pacific và Thai Airways.

Ngân hàng và tiền tệ

Thiết lập được một ngân hàng trung ương và một hệ thống ngân hàng thương mại để thay thế cho Banque de L'Indochine và các ngân hàng thương mại Pháp ở Sài gòn là một thành quả lớn của thời đệ Nhất Cộng Hòa. Ngay từ tháng 1 năm 1955, Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam được thành lập để thay thế Ngân hàng Đông Dương và Ngân Hàng Phát Hành Đông Dương trước đây thuộc các quốc gia trong Liên hiệp Pháp. Tới năm 1960, Ngân Hàng Quốc gia đã trưởng thành trong mọi nghiệp vụ của một ngân hàng trung ương tân tiến gồm phát hành tiền tệ, thực thi chính sách tiền tệ, và phát hành công khố phiếu cho chính phủ. Hệ thống ngân hàng thương mại đã có tới tất cả là 12 ngân hàng thương mại tư nhân và một ngân hàng tiết kiệm. Các ngân hàng tập trung ở Sài Gòn-Chợ Lớn và căn bản là chỉ tài trợ các dịch vụ thương mại. Ngoài ra còn có các định chế tài chính chuyên ngành như Việt Nam thương Tín, Viện Hối Đoái, Quốc Gia Nông Tín Cuộc, Trung Tâm Phát triển Kỹ Nghệ (sau này thành SOFIDI).

Giáo dục và đào tạo

Xét đến cùng, con người vẫn là yếu tố quan trọng nhất

trong việc phát triển kinh tế lâu dài. Trong thời kỳ 1955-1960, cơ quan Viện Trợ Hoa Kỳ USAID đã giúp chính phủ phương tiện và kỹ thuật để phát triển giáo dục và đào tạo. Miền Nam đã phát triển giáo dục rất nhanh.

Tiểu học: 1960, đã có tới 4,266 trường tiểu học công với 20,660 phòng học cho 1,021,060 học trò. Số giáo viên cũng lên tới 18,000. Thêm vào hệ thống trường công, còn 325 trường tiểu học tư thục tới 105,752 học trò.

Trung học: các trường trung học công lập tăng từ 29 lên 101 trường. Thí dụ như trường Gia Long: số học sinh đã tăng từ 1,200 học sinh và 22 phòng học lên tới 5,000 học sinh và 82 phòng học.

Đại học: trước năm 1954, miền Nam không có đại học. Muốn học cử nhân phải ra Hà nội. Năm 1955 chính thức thành lập đại học Sàigòn năm 1955, tới 1962 số sinh viên lên tới 12,000. Cùng năm này chính phủ bắt đầu xây dựng một khuôn viên đại học tân tiến và tráng lệ để chuyển đại học Sàigòn về Thủ Đức, gồm cả trường sở, cư xá ăn ở cho sinh viên, nhà cửa cho giáo sư. Toàn bộ các phân khoa trừ Trường Thuốc (và Nha Khoa) sẽ được chuyển về Thủ Đức.

Ngoài Đại học Sàigòn, còn Đại học Huế. Năm 1962 có 200 sinh viên theo học. Một đại học tư được xây dựng ở Đà Lạt vào năm 1957. Số sinh viên lên 433 vào năm 1962. Trường Quốc Gia Nông Lâm Súc dạy Canh Nông ở Bảo Lộc.

Học Viện Quốc Gia Hành Chánh: tại Miền Nam thì thời Pháp thuộc, đa số công chức cao cấp đều là người Pháp. ngày 7 tháng 4 năm 1952 Quốc trưởng Bảo Đại ký sắc luật thành lập Trường Quốc Gia Hành Chánh tại Đà Lạt (trực thuộc Phủ Thủ tướng). Năm 1955, việc Chính phủ Pháp rút khỏi Miền Nam đã để lại một lỗ hổng thật lớn về hành chính. Nếu như về mặt quân sự TT Diệm đã đặt ưu tiên phát triển trường Võ Bị Quốc Gia Đà Lạt thì về mặt dân sự, ông chú tâm vào việc phát triển và đào tạo nhân viên quản lý hành chính. Trường 'Quốc Gia Hành Chánh' được đổi là 'Học Viện Quốc Gia Hành Chánh' và chuyển về Sài Gòn đặt ở đường Alexandre de Rhodes, ngay trước Dinh Độc Lập. Vì địa điểm này quá nhỏ nên Học Viện

được dời về số 10 đường Trần Quốc Toản (Quận 3), vào năm 1958. Cơ sở vật chất gồm có giảng đường tới 500 chỗ, ký túc xá, thư viện, nhà sinh hoạt cho sinh viên, sân quần vợt, sân bóng chuyền. Trụ sở mới còn có nguồn nước giếng và máy phát điện riêng. Kho sách của trường được coi là một trong những thư viện lớn nhất của Việt Nam Cộng hòa (Wikipedia). Cơ quan viện trợ USAID yểm trợ việc soạn giáo trình qua Michigan State University (MSU). Học viện này đã đóng góp lớn lao vào việc thiết lập một hệ thống hành chánh khá hữu hiệu cho Miền Nam, có thể nói là có lúc đã vượt trội hơn cả hệ thống của Đại Hàn thời TT Lý Thừa Vãn.

Trường kỹ thuật: các trường đào tạo về kỹ thuật và huấn nghiệp đã được đặc biệt lưu ý vì cũng như hành chánh, hầu hết đoàn chuyên viên kỹ thuật người Pháp trong mọi lãnh vực cũng đã rút đi. Công tác được thúc đẩy mạnh cho nên vào năm 1960, nguyên số trường kỹ thuật cũng đã lên tới 20 trường với 5,000 học sinh, sinh viên, đặc biệt là Trung Tâm Kỹ Thuật Quốc Gia Phú Thọ, Trường Kỹ Thuật Huế, trường Nghệ Thuật Gia Định và Huế. Ngoài ra còn các lớp dạy nghề chuyên môn.

Du học: tới năm 1960 số sinh viên du học ở ngoại quốc lên 2,500, phần đông là học ở Pháp (2,059) và Mỹ (102).

Kết luận

Xem như vậy, thành quả của "Năm Năm Vàng Son 1955-1960" là thời gian quý hóa nhất của lịch sử Đệ Nhất Cộng Hòa. Những thành quả ấy đã được chính TT Diệm tóm tắt như sau:

- Văn thư TT Diệm gửi cho TT Kennedy ngày 15 tháng 5, 1961:

"Kính thưa Tổng Thống,

...

"Kể từ khi chấp chính hồi tháng 7-1954, chúng tôi đã cố đảm đương việc tạo dựng một hạ tầng cơ sở kinh tế cho toàn thể lãnh thổ, kể cả tại những vùng thưa người

nhất. Thứ đến là, phát triển hệ thống giao thông với hai mục đích là tạo tiện nghi lưu thông cũng như phương tiện để vận chuyển cho quân đội, tăng gia và đa dạng hóa sản xuất nông nghiệp, giúp cho mỗi gia đình một diện tích đất thuộc sở hữu riêng của mình. Hằng ngày, chúng tôi cũng cố gắng tạo thêm ra công ăn việc làm bằng đường lối kỹ nghệ hóa. Nói tóm lại, chính phủ đã mở ra những chân trời mới cho đại đa số nông dân ở nông thôn. Đây là yếu tố quyết định của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản.

Chỉ cần nhìn vào những sản phẩm xuất cảng, vào chương trình tiết giảm nhập cảng trong hai năm qua cũng như đếm qua những ống khói nhà máy vừa ló dạng (tại VNCH) là cũng có thể nhận thấy những tiến bộ đã hoàn tất. Mặt khác, dù thiếu thốn tài nguyên, chính phủ vẫn gia tăng đầu tư cho cơ sở xã hội để đáp ứng những nhu cầu đa dạng của dân chúng ...

Những bệnh viện tại các tỉnh lỵ, những phòng phát thuốc tại các làng xã, những trường tiểu học trong phường ấp, những trường trung học trong mỗi thành phố dù lớn hay nhỏ... Những nông ấp mà chúng tôi đã thiết lập năm ngoái là một bằng chứng khác nữa về những cố gắng của Chính phủ. Đó là những cộng đồng nông nghiệp đặt giữa hai trung tâm thành thị để mang lại cho dân chúng nông thôn lợi ích của những tiện nghi trong đời sống hiện đại ...Các quan sát viên ngoại quốc thăm viếng vùng nông thôn đều đã nhìn thấy sự tiến bộ về mức sống của một số đông nông dân: máy may, xe đạp, radiô transistor cho mỗi gia đình thuộc hoàn cảnh ít nhiều sung túc, nhà hát, rạp chiếu bóng tại những vùng chậm tiến nhất, xuồng máy trên vô số sông rạch, xe buýt, xe ba bánh trên mọi ngả đường có thể qua lại được...

Trên quan điểm chính trị, những công cuộc cải tổ mà chúng tôi đã trù liệu như hệ thống tuyển cử tại cấp xã,

Hội đồng hàng tỉnh, Hội đồng Kinh tế Cao cấp, Hội đồng Dân tộc và Xã hội – tất cả những biện pháp này đều được nhắm đến việc khuyến khích người dân tham dự vào công việc chung của quốc gia, giữa tình cảnh khó khăn của một nước vừa kém phát triển lại vừa bị cộng sản đe dọa..

Chiều hướng những nổ lực của chúng tôi là như thế -- một chế độ cởi mở để tiến bộ chứ không phải một hệ thống khép kín. Chúng tôi tin tưởng rằng, với sự ủng hộ và yểm trợ rộng rãi của Quí quốc ...chúng tôi sẽ cố tìm mọi cách nhằm tái lập luật pháp và trật tự tại các tỉnh, các xã và đẩy nhanh bước tiến trong mọi lãnh vực khác, ngõ hầu xây dựng một xã hội của những con người tự do, hạnh phúc và thịnh vượng. Như vậy, Việt Nam sẽ tạo thành một trung tâm hấp dẫn cho các nước ở Đông Nam Á, cho những người chiến đấu chống chủ nghĩa cộng sản, cũng như những người đang hoài nghi về tương lai của thế giới tự do..."

- Văn thư TT Kennedy gửi TT Diệm ngày 26 tháng 10, 1961:

"Kính thưa Tổng Thống,

...

"Năm 1955 chúng tôi đã quan sát những nguy cơ và khó khăn trong việc hình thành nền Cộng Hòa của nước Ngài.... Thành tích mà Ngài đã đạt được để đem lại niềm hy vọng mới, nơi cư trú và sự an ninh cho gần một triệu người lánh nạn cộng sản từ Miền Bắc đã nổi bật như một trong những nỗ lực đáng được tán dương nhất và được điều hành tốt nhất trong thời hiện đại... trong những ngày tháng nguy nan này chúng tôi mong chờ một ngày 26 tháng 10 trong tương lai khi mà Việt Nam tái lập được hòa bình và tự do. Chúng tôi tin rằng ngày ấy sẽ đến và cầu nguyện cho nó sớm đến ...

Kế hoạch Staley – Thúc

Sau hai văn thư của Tổng thống Diệm, ngày 11 tháng 8, Tổng thống Kennedy lại cử một đoàn chuyên viên kinh tế do Tiến sĩ Eugene Staley, giáo sư trường Đại học Stanford, dẫn đầu sang Sàigòn nghiên cứu nhu cầu. Phái đoàn Staley làm việc với nhóm chuyên viên do giáo sư Vũ Quốc Thúc (ông thầy cũ của tác giả) điều khiển đã hoàn thành một kế hoạch hành động, đề nghị Miền Nam duy trì một quân đội 270,000 nếu mức độ chiến tranh gia tăng. Ngoài ra còn đề nghị nhiều biện pháp kinh tế, tài chính để giúp Việt Nam phát triển ngay trong thời chiến chứ không phải đợi tới hòa bình. "Kế hoạch Staley-Thúc" là một cố gắng đáng kể, một tài liệu nên lưu trữ, cho nên chúng tôi trích lại một phần để ghi lại trong Phụ Lục (xem phần Phụ Lục D).

Trước TT Kennedy tiền nhiệm của ông cũng đã ca ngợi thành quả của năm năm vàng son. Trong một văn thư TT Eisenhower viết cho TT Diệm (đề cập tới trong Chương sau), có câu: *"Trong năm năm ngắn ngủi kể từ khi thành lập nước Cộng hòa, nhân dân Miền Nam đã phát triển đất nước của mình trong hầu hết các lĩnh vực. Tôi đặc biệt ấn tượng bởi một thí dụ. Tôi được thông báo rằng năm ngoái hơn 1,200,000 trẻ em Việt Nam đã có thể đi học trường tiểu học, như vậy là nhiều hơn gấp ba lần so với năm năm trước đó. Điều này chắc chắn là một yếu tố hết sức thuận lợi cho tương lai của Việt Nam. Đồng thời khả năng của Việt Nam để tự bảo vệ chống lại cộng sản đã lớn mạnh một cách không thể đo lường được kể từ khi họ tranh đấu hữu hiệu để trở thành một nước Cộng Hòa độc lập"* (thư ngày 26 tháng 10, 1960).

Hòa bình là một điều kiện tiên quyết cho xây dựng và phát triển. Nhân dân Miền Nam đã có được năm năm vàng son để làm ăn, sinh sống trong hoàn cảnh tương đối là thanh bình. Tuy còn nghèo nhưng mỗi ngày lại thêm một bước tiến. Bao nhiêu độc giả cao niên còn nhớ lại những kỷ niệm êm đềm về thời gian ấy. Thí dụ bạn có thể đi bất cứ nơi nào một cách tự do từ Cà Mau ra tới tận Đông Hà. Mờ sáng lên xe buýt ra Vũng Tầu

tắm biển hay buổi chiều đến ga xe lửa gần chợ Bến Thành mua vé đi Đà Lạt. Chỉ trong chốc lát, con tầu bắt đầu phun khói, còi tầu rít lên trước khi khởi hành. Khi mặt trời hé rạng thì tầu chạy ngang bờ biển cát trắng Phan Rang, giẽ trái rồi ỳ ạch leo tuyến đường sắt có móc để trèo dốc lên Đàlạt. Cái thú vui khi rời ga Đà Lạt (đẹp nhất Đông Nam Á) để mau tới "Café Tùng" hay "Phở Bằng" thưởng thức một ly cà phê sữa nóng thì khó có thể diễn tả được.

***

Tuy các kết quả phát triển kinh tế xã hội đó thật là nhỏ nhoi theo tiêu chuẩn ngày nay, nhưng đáng kể so với các nước láng giềng thuở đó như ngay cả Nam Hàn dưới thời TT Lý Thừa Vãn. Miền Nam Việt Nam thực sự đã đặt được những viên gạch đầu tiên trong các năm 1955-1960 cho mô hình phát triển sau này của chính Nam Hàn dưới thời TT Phác Chính Hy. Chúng tôi có nói chuyện với một số bạn bè lứa tuổi trẻ hơn để hỏi về cảm nghĩ của họ vào lúc ấy. Bạn Phạm Đỗ Chí, một chuyên gia kinh tế khi đọc những dòng này đã phát biểu rằng đây chính là "một cuộc cách mạng đã bị mất đi" ("the lost revolution") của Nam Việt Nam. Về tâm tình thanh thiếu niên miền Nam dạo đó, ông Chí nói đến một thế hệ trẻ với lòng yêu nước và lý tưởng, đang bừng bừng sức sống trong xã hội yên bình trong sạch dưới thời TT Diệm:

> "Đó là những ngày lưu dấu kỷ niệm đậm đà nhất của tuổi thiếu niên mới lớn ở miền Nam. Chúng tôi lớn lên trong khung cảnh của một xã hội nghèo thiếu tổ chức, nhưng may mắn còn được hấp thụ một nền giáo dục mang tiếng "từ chương" (lý thuyết) nhưng vẫn có một giá trị tối thiểu nào đó được chứng tỏ sau này lúc đàn chim non VN tốt nghiệp trung học (cấp 3 bây giờ), bay ra khắp các chân trời thế giới đã ghi lại được nhiều thành tích học tập ở các trường đại học Âu, Mỹ. Chúng tôi đã may mắn lớn lên trong một nền giáo dục cổ truyền VN, tôn trọng các giá trị gia đình cao đẹp từ ngàn xưa; những

tin yêu vào tình đời, tình người. Đáng nói nhất là đám thiếu niên 15-16 hồi ấy đã manh nha một lòng yêu nước mãnh liệt, muốn góp tay xây dựng một đất nước phú cường bằng sự chăm chỉ học hành trau dồi kiến thức, mơ tưởng đến một nền kinh tế hùng mạnh, một xã hội ấm no công bằng. Nhưng sau này trưởng thành, chúng tôi mới nhận ra là mình chưa từng có được một đất nước yên bình như Singapore hay Hàn Quốc để có thể xây dựng. Thực tế phức tạp và khó khăn của miền Nam VN những năm đó đã đòi hỏi tuổi trẻ chúng tôi nhiều hơn thế! Tuy nhiên, những ý nghĩ vụn này cũng tạo dịp cho chúng tôi sống lại những tự hào của một thời thiếu niên. Với tâm huyết hừng hực của lứa tuổi 20, chúng tôi tiếp tục bừng lên sức sống với giấc mơ xưa: BIẾT ĐÂU CÓ MỘT NGÀY? ".

***

Tuy là vắn vỏi nhưng thời gian 1955-1960 cũng tương đương bằng một phần tư đời sống của VNCH. Với sự thông minh, cần cù của người dân Việt thì chỉ cần có hòa bình là tiến bộ trông thấy. Người dân lam lũ vất vả nhưng luôn vui với cuộc sống. Người nông phu không quản ngại thức khuya, dậy sớm để cầy sâu cuốc bẫm, chờ đợi cho tới ngày lúa vàng. Sau cải cách điền địa, nông dân không còn phải làm tá điền nữa nên được thu thập tất cả lợi tức, hoa mầu, cho nên tinh thần thêm khởi sắc.

Tâm tư ấy luôn được phản ảnh trong thơ văn, âm nhạc Miền Nam. Trời mùa hè oi ả, nóng nực, nhưng đêm đêm tiếng hát của ca sĩ Thái Thanh vọng ra từ những chiếc radiô transistor nho nhỏ vẽ lên hình ảnh đồng quê thanh bình, đem lại luồng gió mát làm cho lòng người lắng dịu:

Mùa màng năm nay, gạo tròn ta xay
Đêm đêm thức giấc lúc gà chưa gáy
Vì đời an lành, nên lúa đa tình
Hứa cho đôi mình kiếp sống thanh bình

Và khi thanh bình, con người lại đối xử với nhau cho hài hòa thì mọi việc - dù là tát cạn Biển Đông - cũng đều có thể ước mơ:

Hỡi em tát nước bên ngòi,
Nàng ơi, Biển Đông ta tát cạn,
Nàng nàng ơi, cho đời thuận nhau
Nàng nàng ơi, cho đời thuận nhau!

(Vợ chồng quê- Phạm Duy)

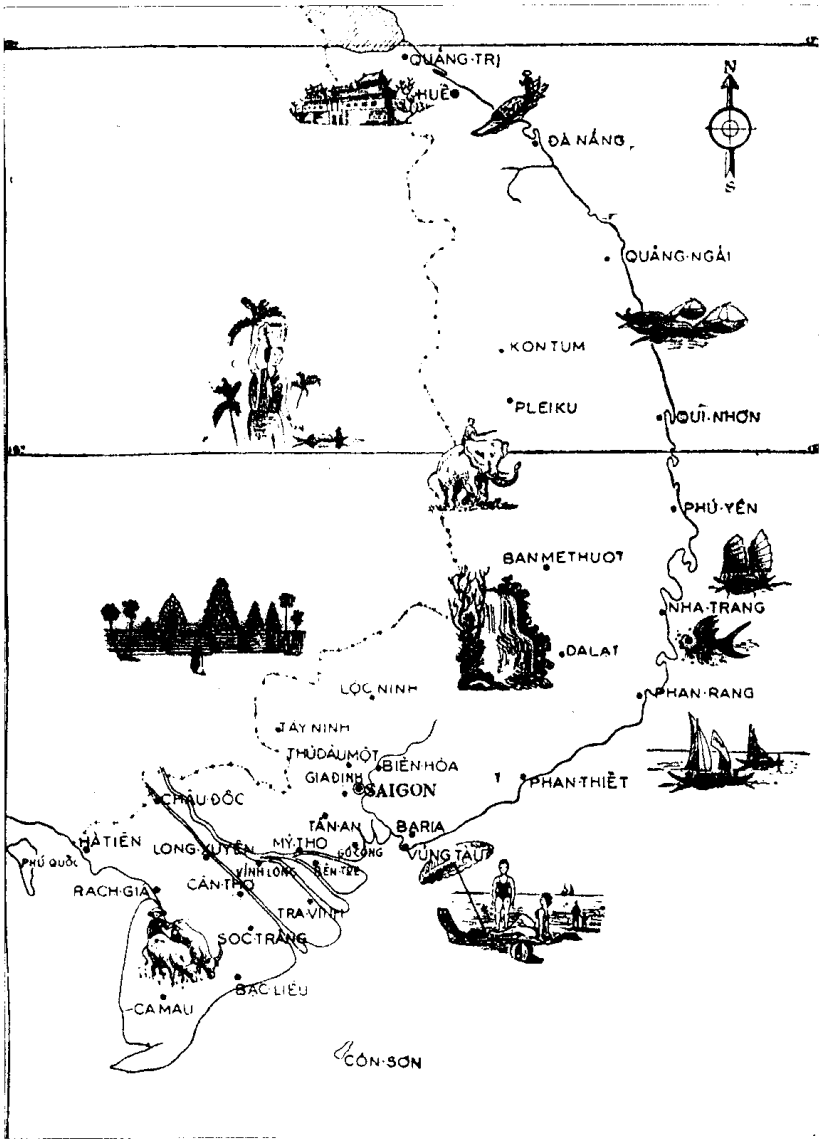

Bản đồ Du lịch Việt Nam lúc thanh bình. (Hình: Weekly News Magazine #181)

Nữ sinh trên đường phố Sài Gòn. (Hình: Mike Roberts Color Productions)

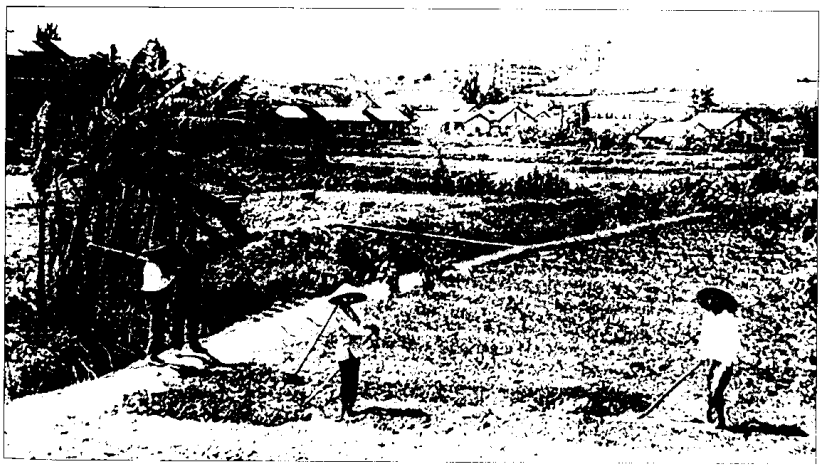

Những vườn rau xanh tươi tại Đà Lạt. (Hình: Mike Roberts Color Productions)

TT Diệm nghỉ trưa khi đi thăm đồng bằng Cửu Long năm 1956. (Hình: LIFE Magazine và/hay "TTXVA.org")

CHƯƠNG 14

Lúc Cơm Chẳng Lành, Canh Chẳng Ngọt

Sau năm năm tương đối là hòa bình và ổn định, tình hình quân sự và chính trị bắt đầu chuyển hướng vào năm 1960. Về quân sự thì lực lượng cộng sản đã bắt đầu tấn công vùng đồng bằng với những trận đánh vào dịp Tết tại Bến Tre và Tây Ninh ở tây bắc Sàigòn. Về chính trị thì chính phủ Diệm càng ngày càng bị chỉ trích là độc tài, phe đảng và tham nhũng.

Cuối mùa Xuân 1960 một nhóm nhân sĩ họp nhau kiến nghị Tổng thống Diệm phải cải tổ toàn bộ chính phủ và chính sách, nhưng ông Diệm cho rằng nó cũng chỉ nằm trong một kế hoạch đòi dân chủ hóa, tự do hóa, một phong trào đang thịnh hành ở nhiều nước vào lúc ấy. Ngoài ra hai ông còn nghi ngờ có Mỹ đứng đàng sau giật giây vì khuyến nghị này lại giống như những lời cố vấn của Đại sứ Mỹ Elbridge Durbrow.

Tới mùa Thu 1960 thì có đảo chính: đạn bắn vào ngay phòng ngủ của TT Diệm. Đại sứ Mỹ Elbridge Durbrow cố vấn ông nên điều đình với phe đảo chính. Sau khi đảo chính thất bại, ông Durbrow lại khuyên phải khoan hồng với những sĩ quan liên lụy. Thế là từ bấy giờ giữa Dinh Độc Lập và Tòa Đại sứ Mỹ thì cơm chẳng còn lành và canh cũng chẳng còn ngọt.

Tại Washington, nội bộ Hoa Kỳ bất đồng ý với nhau giữa hai Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc Phòng về TT Diệm. Riêng TT Eisenhower thì vẫn tiếp tục ủng hộ ông Diệm. Ngày Lễ Độc Lập 1960, ông viết thư nhắc đến những thành tích vẻ vang của lãnh đạo và nhân dân Miền Nam. *

---

* **Ghi chú:** chương này dựa vào 4 Tập của hồ sơ United States - Vietnam Relations 1945-1967 (và một số tác phẩm) với những số trang như được ghi trong Phần 'GHI CHÚ' ở cuối sách. Chúng tôi không ghi chú về nguồn sau từng câu hay từng đoạn (vì không cần thiết) mà chỉ ghi chung cho cả chương

Cách đây gần nửa thế kỷ, máy lạnh là một loại hàng xa xỉ phẩm, nhất là tại các nước đang phát triển. Việt Nam ta lúc ấy là xứ nghèo lại đang trong hoàn cảnh chiến tranh. Ấy thế mà ở Sàigòn đã có một cao ốc 'chọc trời' 10 tầng, gắn máy lạnh mát rợi. Trên nóc khách sạn có quán ăn sang trọng và bar rượu hấp dẫn, nơi quan khách quốc tế thường lui tới, nhất là vào lúc hoàng hôn. Nhâm nhi chai bia 33 hay ly rượu mạnh khi tiếng đàn accordeon dập dìu điệu tango, thực khách thưởng thức cảnh Sàigòn bao quát từ trên cao nhìn ra bờ sông trông thật ngoạn mục. Bởi vậy du khách ngoại quốc tới Sàigòn thì thường nghỉ ngơi tại nơi này. Nhưng không phải chỉ trong thập niên 1960 mà mãi mãi khách sạn này còn nổi tiếng vì cái tên của nó dính vào một văn kiện lịch sử gọi là "Tuyên ngôn Caravelle" (Caravelle Manifesto).

Tuyên ngôn Caravelle tháng 4, 1960

Ngày nay khi thấy bao nhiêu thảm cảnh tại Miền Trung Đông hiện lên TV hầu như hằng ngày: nào bom đạn, chết chóc, phá hoại, chém đầu, di tản thì ta lại càng quý trọng khoảng thời gian hòa bình và phát triển trong năm đầu tiên của Cộng Hòa Việt Nam. Nhưng vào thời điểm ấy thì khác: trong khung cảnh thanh bình, phong trào đòi tự do hóa, dân chủ hóa lại nổi lên như sóng cồn. Về phương diện chính trị, chính phủ bị chỉ trích là độc tài, tham nhũng, bè đảng. Cá nhân TT Diệm thì mang tiếng là khép kín, gia đình trị, thiên tư người Công Giáo. Bởi vậy tới năm 1960 tình hình ổn định đã bắt đầu chuyển hướng: mùa Xuân, bản "Tuyên Ngôn Caravelle" được công bố, tới mùa Thu lại có đảo chính, và cuối năm thì Mặt Trận Giải Phóng ra đời. Trong khung cảnh ấy, liên lạc Việt – Mỹ đang tốt đẹp bỗng đi tới bước ngoặt.

Tuyên ngôn Caravelle ngày 26 tháng 4, 1960 là kết quả những buổi họp của một nhóm thân hào, nhân sĩ, trí thức tại Khách sạn Caravelle (xem danh sách trong phần Phụ Lục cho chương này) để soạn thảo một kiến nghị gửi TT Diệm. Văn kiện này yêu cầu ông thay đổi toàn bộ chính sách để tự do hóa,

dân chủ hóa, chấp nhận đối lập, cải tổ hành chính, chấm dứt nạn độc đảng, bài trừ tham nhũng, đầu cơ tích trữ, bãi bỏ cưỡng bách lao động (Khu Trù Mật). *"Thưa Tổng thống, đây có thể là lần đầu tiên Ngài đã nghe những lời chí trích khắc nghiệt và không mấy vừa ý, nhưng đây là sự thật, một sự thật cay đắng và nghiêm khắc,"* bản Tuyên Ngôn kết luận. Bản này được in bằng tiếng Anh và phân phát ngay cho các báo chí ngoại quốc. Nhóm này gồm 18 người, trong đó 11 người đã từng giữ chức bộ trưởng trong các chính phủ trước, kể cả chính phủ Diệm. Vì vậy nó được dư luận quốc tế chú ý rất nhiều, cho rằng đây là phản ảnh sự bất mãn trầm trọng của nhân dân. Đây có lẽ là một cơ hội tốt để TT Diệm thay đổi đường lối chính trị, nhưng thật không may là nó lại được công bố vào ngay lúc hai ông Diệm-Nhu đang lo ngại về những xáo trộn chính trị lớn lao tại Á Châu và những khu vực khác thí dụ như phong trào sinh viên biểu tình đòi dân chủ hóa ở Đại Hàn, Tổng thống Lý Thừa Vãn (Sygman Rhee) sắp phải từ chức, quân đội nổi loạn ở Thổ Nhĩ Kỳ, biểu tình lớn ở Nhật Bản, Tổng thống Eisenhower phải hủy bỏ chuyến viếng thăm Tokyo. Rồi tình hình quân sự ở bên Lào suy sụp: lực lượng của phe trung lập do Hoàng Tử Souvanna Phouma hợp lực với lực lượng Cộng sản Pathet Lào do Hoàng tử Souvanuvong lãnh đạo đang thắng thế. Biến chuyển bên Lào thì như vậy, tại Miền Nam thì tình hình an ninh từ năm 1960 bất chợt trở nên rất khó khăn. Theo như tin tình báo Hoa Kỳ thì việc mất Miền Nam vào tay cộng sản là có thể xảy ra nội trong năm 1960. Ngày 7 tháng 3, 1960, Đại sứ Mỹ ở Sàigòn, ông Durbrow đã phúc trình về Washington:

> "Có nhiều dấu hiệu gia tăng cho thấy lực lượng cộng sản đang mở một chiến dịch để đánh phá Chính phủ của ông Diệm. Theo những nguồn tin của CAS (mật hiệu của CIA), lực lượng cán bộ võ trang của cộng sản ở Miền Nam đã gia tăng tới 3,000 trong vùng tây-nam, gấp đôi số lượng trong tháng 9... Một báo cáo mới đây của CAS cho thấy cộng sản có ý định **mở rộng chiến tranh du kích trên toàn cõi Nam VN trong năm 1960**, và họ tin

chắc **sẽ có thể thực hiện một cuộc đảo chánh trong năm nay...**"

Trong bối cảnh ấy, hai ông Diệm – Nhu chỉ tập trung vào vấn đề quân sự và cho rằng Tuyên ngôn Caravelle cũng chỉ nằm trong một kế hoạch chính trị để đòi dân chủ hóa, tự do hóa do một số người theo Tây học, có chính kiến về những lý tưởng dân chủ của Phương Tây. Ông Cố vấn Nhu bình luận: *"Nguyên việc chọn cái khách sạn máy lạnh lộng lẫy làm nơi để tung ra bản tuyên ngôn cũng đủ để thấy nhóm người này sống xa hoa, không sát thực tế, không gần nhân dân.'*

Rạn nứt giữa TT Diệm và Đại sứ Mỹ Durbrow

Hai ông Diệm-Nhu nghi ngờ là có cố vấn Mỹ đứng đằng sau Tuyên ngôn Caravelle vì hai lý do: *thứ nhất,* thấy những kiến nghị về tự do hóa, tổ chức lại quân đội, cải tổ hành chánh đều là những điểm mà phía Hoa kỳ đã cố vấn ông; *thứ hai,* không thấy có bất cứ một sự bàn bạc hay bất đồng ý kiến nào giữa những người đến họp ở Caravelle. Trái lại tất cả 18 người đều đồng thuận và ký vào văn bản. Nó lại được in ngay bằng tiếng Anh rất lưu loát và phân phát cho các báo chí ngoại quốc. Rồi Đại sứ Mỹ Elbridge Durbrow lại dùng ngay bản tuyên ngôn này để chứng minh cho Tổng thống Diệm là tình hình đã đến chỗ khẩn trương nên phải cải tổ.

Tuy ông Diệm nghi nhưng lúc ấy cũng không có chứng cớ gì rõ rệt về việc Mỹ đã nhúng tay vào việc này. Theo tác giả Moyar trong cuốn 'Triumph Foresaken' thì phải đợi tới nhiều năm sau, trong một cuộc phỏng vấn về lịch sử truyền khẩu (oral history), Đại sứ Durbrow mới tiết lộ là thực ra thì một số người Mỹ đã giúp để viết bản Tuyên ngôn Caravelle. Lúc ấy, ông Durbrow muốn dùng văn kiện này để áp lực Tổng thống Diệm phải thay đổi nhân sự (đặc biệt là ông Nhu) và chính sách như đề cập dưới đây.

Sau vụ Caravelle, ông Durbrow lại nhận được tình báo nói ông Diệm đã nối tay với chính phủ Thái Lan để gửi một toán

quân nhân là 100 người sang đánh phá bên cao Miên vì Quốc vương Norodom Sihanouk đã để cho Cộng sản dùng lãnh thổ để xâm nhập Miền Nam, lại còn đòi thêm một phần đất nằm trong biên giới Việt. Việc này là trái với ý của ông Durbrow vì ông đang muốn cho Việt-Miên giao hảo tốt đẹp hơn. Ông đã tới gặp ông Diệm và chỉ trích gay gắt. Ông Diệm trả lời: *"Tôi đang lo ngại về tình hình ở đây hơn là về tình hình ở Washington vì tôi thấy đang có sự thoái trào trong mối liên lạc Việt-Mỹ do những báo cáo sai lầm* (mà ngài nhận được)." Có thể TT Diệm không lo ngại về tình hình ở Washington vì ông vẫn nhận được sự ủng hộ mạnh mẽ của TT Eisenhower.

Trong buổi họp chắc là Durbrow đã có những lời khiếm nhã nên ông Diệm hết sức buồn phiền. Sau khi ông Durbrow ra về, ông Diệm **"nổi xùng xanh mặt"** (white with anger), theo như Bộ trưởng Phủ tổng thống Nguyễn Đình Thuần kể lại. Sau đó ông **Durbrow đề nghị Washington từ chối không cung cấp thêm quân viện theo như yêu cầu của ông Diệm.**

[Tới đây, tôi nhớ đến câu chuyện về chuyến viếng thăm của Phái Đoàn Quốc Hội Hoa kỳ vào đầu tháng Ba, năm 1975. Đặc biệt là hai nữ dân biểu Bella Abzug và Millicent Fenwick đã có thái độ hết sức khiếm nhã đối với Tổng thống Thiệu, và sau đó đề nghị cúp quân viện cho VNCH (KĐMTC, trang 239-262).]

Nội bộ Mỹ bất đồng ý kiến về TT Diệm

Tuyên ngôn Caravelle và những lời chỉ trích của ĐS Durbrow đã vọng về Washington. Vào ngày 9 tháng 5, 1960 trong buổi họp thứ 444 của Hội đồng An ninh Quốc gia, ông Robert Amory, giám đốc CIA lại dùng Tuyên ngôn Caravelle để chứng minh việc ông Diệm thất sủng với nhân dân. Ông Livingston Merchant, Bộ Ngoại Giao phát biểu: Tôi hy vọng những gì đã xảy ra cho TT Lý Thừa Vãn ở Đại Hàn sẽ làm cho ông Diệm phải ngừng lại." Mấy tuần trước, Thủ tướng Lý Thừa Vãn đã phải từ chức vì những cuộc biểu tình của sinh viên.

[Tôi lại xin mở ngoặc ở đây để nhắc lại câu chuyện ông Thiệu nói với tôi về biểu tình: *"Hễ khi nào anh thấy Mỹ yêu*

cầu tôi làm một chuyện gì mà tôi không nghe thì chỉ vài tuần sau anh sẽ thấy có biểu tình" (Tâm tư TT Thiệu, trang 1)]

Về phe bênh ông Diệm thì có ông William Colby, trạm trưởng CIA tại Sàigòn từ tháng 6, 1960. Ông cho rằng Đại sứ Durbrow chỉ đi lượm tin tức về phản ứng của nhân dân từ những người Việt nam trí thức, nói được tiếng Anh, tiếng Pháp, những người chính trị phòng trà. **Colby cho rằng những đề nghị của Durbrow là trái ngược với bản năng của chính phủ và xã hội Việt Nam nên sẽ hoàn toàn thất bại**. Về việc Durbrow khuyên ông Diệm loại bỏ ông Nhu, Chuẩn tướng Edward Landsadle cũng có ý kiến: "như vậy là muốn cắt đi cánh tay mặt của ông tổng thống. Ai là người được đề nghị thay thế? Và đây là phần quan trọng thứ hai của bất cứ bước đi nào, nhưng không thấy ông đại sứ nói tới trong đề nghị."

Mặc dù những công kích và sắp tới lúc hai đảng Dân chủ và Cộng Hòa ra tranh cử, TT Eisenhower vẫn cứ nhất mực ủng hộ Tổng thống Diệm. Ông nhận xét: ***"Ông Ngô Đình Diệm tỏ ra bình tĩnh, yên lặng và có một nhân cách hơn ông Lý Thừa Vãn."*** Nói xong, ông còn cấm không được dùng viện trợ để hăm dọa ông Diệm. Trong mấy tháng sau đó, ông Durbrow yên lặng, không còn đòi hỏi phải trừng phạt ông Diệm nữa. Về phần ông Diệm cũng đã có nhiều biện pháp cải tổ, cởi mở hơn, bài trừ tham nhũng, và giảm bớt căng thẳng đối với Cao Miên. Ngày 30 tháng 8, 1960, chính ông Durbrow còn khen ông Diệm về những hành động này và gọi ông là *"người quốc gia quyết tâm chống cộng duy nhất có thể tìm thấy."* Nhưng rồi đâu lại vào đấy. **Vừa khen như vậy xong, chỉ trên hai tuần sau,** vào ngày 16 tháng 9, ông Durbrow lại đề nghị về Washington là nếu ông Diệm không chịu có những hành động cải tổ mạnh mẽ thì Hoa kỳ có thể cần phải ***"xem xét những biện pháp khác và lãnh đạo khác."***

Phe chống ông Diệm tại Bộ Ngoại Giao thắng thế

Tuy TT Eisenhower ủng hộ, nhưng tiếp theo đề nghị của ông Durbrow, vào ngày 7 tháng 10 Bộ Ngoại Giao vẫn cho

phép ông đem những đề nghị cải tổ trình bày thẳng thắn với TT Diệm. Với thái độ chân thành và xây dựng, ông Durbrow đến gặp ông Diệm một tuần sau đó (15 tháng 10) để khuyến cáo ông và sau đó, trao lại cho ông một giác thư. Đây là văn kiện đầu tiên ghi những đề nghị của Hoa kỳ đối với Tổng thống Diệm trên giấy trắng mực đen.

Trong báo cáo đề ngày 15 tháng 10, 1960 gửi Bộ Ngoại Giao về cuộc họp mặt với TT Diệm kéo dài một giờ mười lăm phút, Durbrow nói ông đã đọc cho ông Diệm nghe bản đề nghị của chính phủ Hoa Kỳ rồi nói:

> **"Tôi lại khẩn khoản yêu cầu Ngài lượng thứ cho phép tôi đưa ra một vấn đề hết sức nhạy cảm và tế nhị...Tôi nói đến sự chỉ trích ngày càng gia tăng nhắm vào bào đệ của ngài và bác sĩ (Trần Kim) Tuyến và tôi gợi ý rằng họ nên được trao cho nhiệm vụ khác ở ngoại quốc."**

Ông Durbrow báo cáo tiếp: "Nghe tôi nói, ông Diệm không ngắt lời tôi nhưng phong cách của ông ta xem ra có vẻ hơi buồn, và tôi nhận thấy ông hơi bị tổn thương." Trước khi tạm biệt, ông Durbrow trao cho ông Diệm một văn kiện, sau đây là một vài đoạn:

> **<u>Giác thư trao tay cho tổng thống Diệm:</u>**
>
> "Thưa Tổng thống, trong cuộc đấu tranh chống Việt Cộng để tồn tại, Ngài đã có những biện pháp khôn ngoan liên quan tới những lực lượng an ninh của Chính phủ.
>
> "Tuy nhiên, mối quan tâm nghiêm trọng của chúng tôi về tình hình hiện nay được căn cứ không những trên sự đe dọa an ninh do Việt Cộng gây ra mà còn trên điều mà đối với chúng tôi dường như là sự suy thoái trong sự ủng hộ chính trị của nhân dân đối với Chính quyền của Ngài...
>
> "Chúng tôi đề nghị Ngài cứu xét những thay đổi trong Nội các xem như một phần cần thiết của những biện

pháp mạnh mẽ phải có để gia tăng sự chú tâm và ủng hộ của dân chúng... Phải có hành động cứng rắn để triệt bỏ cái cảm tưởng rằng có sự ưu đãi và phe đảng trong việc thăng cấp và bổ nhiệm nhân sự trong quân đội...Chúng tôi đề nghị bổ nhiệm một hay hai thành viên phe đối lập không Cộng sản vào Nội các...

"Trong việc hợp lý hóa và đơn giản hóa những phương thức điều hành công việc trong Chính phủ, chúng tôi đề nghị tìm những phương thức mới để khuyến khích những thành viên Nội các đảm đương thêm trách nhiệm thay vì cứ luôn luôn đệ trình những vấn đề tương đối nhỏ nhặt lên Tổng thống...

"Chúng tôi muốn đề nghị Ngài hoán cải bản chất của Đảng Cần Lao từ tính cách bí mật của nó hiện thời sang tính cách một chính đảng bình thường hoạt động này là để hủy bỏ cái bầu không khí bí mật và sợ hãi và làm giảm thiểu động công khai, hoặc gia thậm chí giải tán nó đi... Mục đích của hành nghi ngờ trong dân chúng về sự có biệt đãi và tham nhũng mà chính tình trạng bí mật của Đảng Cần Lao đã tạo ra...

TT Eisenhower gửi thư chúc mừng ngày Quốc Khánh

Nhưng đang khi TT Diệm buồn phiền về lập trường của Đại Sứ Mỹ thì chỉ hai tuần sau buổi họp, ông lại nhận được một bức thư hết sức tích cực của chính TT Eisenhower nhân dịp lễ Quốc Khánh 1960. Đây là lá thư cuối cùng trước khi TT Eisenhower chấm dứt hai nhiệm kỳ. Trong thời gian dòng dã 8 năm (1952-1960) ông đã rất quan tâm, dành nhiều công sức cho Việt Nam trên căn bản học thuyết Đôminô như đã đề cập trong những chương trước, đặc biệt là đã giúp TT Diệm khai sinh ra nền Cộng Hòa. Mặc dù những khó khăn giữa ông Diệm và Bộ Ngoại Giao, **bức thư vẫn đề cao những thành công của TT Diệm**, đặc biệt nhắc đến phẩm chất về sự cương quyết

và táo bạo trong việc lấy quyết định dẹp Bình Xuyên. Độc giả có thể tưởng tượng khi TT Diệm đọc thư này ông đã suy nghĩ gì trước những lời chỉ trích và cố vấn của Đại sứ Durbrow?

Như một hành động để ủng hộ TT Diệm, ngày 25 tháng 10, 1960 chính Tòa Bạch Ốc đã công bố bức thư của TT Eisenhower gửi TT Diệm nhân ngày Lễ Quốc Khánh 26 tháng 10 (thư đề ngày 22 tháng 10, 1960):

White House,
Ngày 22 tháng 10, 1960

Thưa Tổng Thống,

Đồng hương tôi và cá nhân tôi rất tự hào gửi tới Ngài và nhân dân Việt Nam lời nguyện chúc tốt đẹp của chúng tôi nhân dịp kỷ niệm thứ năm việc thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa.

" Chúng tôi đã chứng kiến sự can đảm và táo bạo mà Ngài và nhân dân Việt Nam đã biểu dương để đạt tới độc lập trong một tình huống nguy hiểm đến độ mà nhiều người đã coi như là vô vọng. Chúng tôi còn ngưỡng mộ khi tình trạng hỗn loạn ở Miền Nam đã nhường chỗ cho trật tự, và tiến bộ đã thay thế cho tuyệt vọng, tất cả với một tốc độ quá nhanh chóng."

"Trong những năm vừa qua, chúng tôi vui mừng quan sát thật rõ ràng sự việc là Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã phải đối mặt với Cộng Sản, là mối nguy hiểm lớn lao nhất đối với nền độc lập của nước Ngài. Ngài và đồng hương của Ngài đã sử dụng sức mạnh một cách hữu hiệu để chấp nhận thử thách về cả hai mặt, vừa xây dựng đất nước, vừa phải chống lại với chủ nghĩa đế quốc Cộng sản.

"Trong năm năm ngắn ngủi kể từ khi thành lập nước Cộng hòa, nhân dân Việt Nam đã phát triển đất nước

của họ trong hầu hết các lĩnh vực. Tôi đặc biệt ấn tượng bởi một thí dụ. Tôi được thông báo rằng năm ngoái hơn 1,200,000 trẻ em Việt Nam đã có thể đi học trường tiểu học, như vậy là nhiều hơn gấp ba lần so với năm năm trước đó. Điều này chắc chắn là một yếu tố hết sức thuận lợi cho tương lai của Việt Nam. Đồng thời khả năng của Việt Nam để tự bảo vệ chống lại Cộng sản đã lớn mạnh không thể đo lường được kể từ khi họ tranh đấu hữu hiệu để trở thành một nước Cộng hòa độc lập .

"Chính sự thành công cũng như sự giàu có tiềm năng và vị trí chiến lược của của Việt Nam đã thúc đẩy những người Cộng sản ở Hà Nội, vì cay đắng đã thất bại không thể khống chế được toàn quốc Việt Nam nên đã gia tăng bạo lực nhằm tiêu diệt sự tự do của nước Ngài .

"Mối đe dọa nghiêm trọng này, thêm vào sự căng thẳng và mệt mỏi của cuộc đấu tranh lâu dài để đạt được và củng cố nền độc lập, chắc chắn đã là một gánh nặng gây ra những giây phút căng thẳng và lo lắng cho hầu hết các trái tim con người. Tuy nhiên, từ sự quan sát lâu dài tôi đã cảm nhận được người Việt Nam trân quý sự độc lập và sức mạnh của mình đến mức nào, và tôi cũng hiểu Ngài đã hành động táo bạo ra sao để đưa dân tộc Ngài tới độc lập. Tôi cũng biết rằng sự quyết tâm của Ngài là một yếu tố quan trọng trong việc bảo vệ được nền độc lập trong khi vẫn liên tục phát triển nền kinh tế quốc gia. Tôi tin tưởng rằng chính những đặc tính về sự quyết tâm và sự táo bạo ấy sẽ giúp Ngài đáp ứng được những đe dọa mới cũng như thỏa mãn được nhu cầu và ước mong của nhân dân Ngài để tiến bộ hơn nữa về mọi mặt.

" Mặc dù trách nhiệm chính để bảo vệ độc lập trong quá khứ cũng như tương lai là luôn luôn thuộc về nhân dân Việt Nam và chính phủ của họ, tôi muốn

đảm bảo với Ngài rằng bao lâu sức mạnh của chúng tôi còn hữu ích, Hoa Kỳ sẽ tiếp tục hỗ trợ Việt Nam trong cuộc đấu tranh khó khăn nhưng đầy hy vọng trong tương lai.

Trân trọng
Dwight D. Eisenhower

Như vậy, rất có thể là vì thấy chính Tổng thống Eisenhower là quyền lực cao nhất tiếp tục ủng hộ và ghi nhận những thành công của mình cho nên TT Diệm vẫn yên tâm và coi nhẹ những chỉ trích của đại sứ và Bộ Ngoại giao Mỹ? [Chúng tôi xin mở ngoặc để nhận xét thêm về tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược trong quá trình hình thành chính sách của Hoa Kỳ như ta thấy trong nhiều trường hợp khác, đặc biệt là trong Chương 17].

Cơm chẳng lành: TT Diệm nghi ĐS Durbrow dính líu vào cuộc đảo chính tháng 11, 1960

Đại sứ vừa cố vấn về cải tổ xong thì chỉ chưa tới một tháng sau đã có biến cố lớn. Ngày 11 tháng 11, 1960, Trung tá Vương Văn Đông chủ mưu một cuộc đảo chính, và Đại tá Nguyễn Chánh Thi, Tư lệnh Lữ đoàn Nhảy Dù lãnh đạo. Chỉ một tiếng đồng hồ sau khi bắt đầu (3 giờ sáng), 3 tiểu đoàn Dù đã chiếm được Bộ tư Lệnh biệt khu Thủ đô, Bộ Tổng Tham Mưu, Nha Tổng Giám đốc Cảnh sát Công an, nhà Bưu điện, và Đài Phát Thanh Quốc Gia. Nhưng tới sáng, vẫn chưa chiếm được Dinh độc Lập và Thành Cộng hòa. Theo tác giả Moyar, ông Diệm suýt chết vì một khẩu đại liên đặt ở phía Tòa Án (Palais de Justice) nhả đạn ngay vào cửa sổ phòng ngủ của ông, chỉ trên mặt giường vài phân. May thay là ông Diệm vừa đứng dậy đến tủ lạnh lấy ly soda uống, không thì đã nát thân.

Lúc 2 giờ 10 sau trưa, Bộ trưởng Thuần gọi Đại sứ Durbrow để thông báo cho ông biết là quân tiếp viện cho lực lượng tại Dinh Độc Lập đang từ Mỹ tho và Biên Hòa tiến về Sàigòn:

- *"Như vậy có phải là dùng lực lượng này để giải vây cho dinh tổng thống hay không?"* ông Durbrow hỏi.

- *"Tôi nghĩ vậy,"* ông Thuần đáp.
- *"Tôi hy vọng Ủy ban cách Mạng và Tổng thống Diệm có thể họp lại để đồng ý cộng tác với nhau, vì một cuộc nội chiến chỉ có lợi cho Cộng sản."* Durbrow trả lời, *"và nếu bên này hay bên kia phải làm một vài nhượng bộ để đi tới một thỏa thuận thì tôi tin rằng đó là điều nên mong muốn để bảo đảm được sự đoàn kết chống Cộng sản."*

Khi quân đội nổi loạn bắn tổng thống mà đại sứ lại khuyên nhượng bộ làm ông Diệm hết sức bất bình. Theo tác giả Moyar thì "sáng sớm ngày hôm sau, khi cuộc điều đình giữa hai bên còn đang tiến hành, quân đội đảo chính lại pháo vào Dinh Độc Lập, đồng thời lãnh đạo cuộc đảo chánh kêu gọi nhân dân đô thành tới trước Dinh để phản đối chính phủ Diệm. Nghe theo tiếng gọi, mấy trăm người kéo tới, hô hào đả đảo. Lực lượng bảo vệ Dinh nổ súng làm thiệt mạng 13 người dân và một số khác bị thương."

Nghe thấy có đổ máu, đồng thời nhiều đoàn quân đang kéo về, ông Durbrow lại gọi điện thoại cho ông Diệm yêu cầu ngưng bắn ngay tức khắc: *"Toàn thể nhân dân sẽ nổi dậy chống cả hai bên và như vậy Cộng sản sẽ chiếm ngay đô thành. Nếu cuộc tắm máu không ngừng ngay, tất cả Việt Nam sẽ rơi vào tay Cộng sản trong một thời gian ngắn."* Durbrow tỏ ý vô cùng bất mãn là ông Diệm đang giải quyết vấn đề bằng vũ lực. Rồi chỉ mấy giờ sau khi đảo chính thất bại, Durbrow lại vào Dinh Độc Lập khuyên ông Diệm nên đối xử khoan hồng với những người lãnh đạo cuộc đảo chính.

Thế là từ bấy giờ cơm chẳng còn lành và canh chẳng còn ngọt. Ông Diệm nghi ngờ là chính ông Durbrow cũng đã dính líu tới vụ này. Sự căng thẳng Diệm-Mỹ ngày một leo thang cho tới đỉnh vào mùa Thu 1963.

Chuẩn tướng Landsdale bênh TT Diệm

Cùng ngày nổ súng, tại Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ, Chuẩn tướng Landsdale lại một mực bênh ông Diệm và phân tích rõ ràng về vụ đảo chính. Ông cho rằng ông Diệm đã học được một

bài học, nhưng không phải bài học là phải cải tổ, nhưng là bài học để phải cẩn thận hơn nữa, kiểm soát chặt chẽ hơn nữa đối với quân đội. Landsdale liên tục gửi hai bản phân tích ngày 11 và 15 tháng 11, 1960:

Ngày 11 tháng 11, 1960
Phiếu trình gửi Thứ trưởng Douglas
Người gửi: Chuẩn tướng Lansdale, OSO/OSD
Đề mục: Việt Nam

"Tiếp theo tin Tổng thống Diệm đã dẹp tan được cuộc nổi loạn ở Sài gòn và đang mau lẹ tái thiết lập quyền bính của ông, tôi thiết tưởng ta nên suy nghĩ về điều gì sẽ xảy ra sau đó. Sau đây là một vài cảm nghĩ cá nhân sơ khởi có thể hữu ích trong việc cứu xét tình hình.

Cuộc nổi loạn chắc chắn đã dậy cho ông Diệm một bài học. Rất có thể ông cho rằng bài học này đã dạy cho ông không thể tin cậy một số thành phần rộng lớn trong quân đội và có thể là ông còn nghi ngờ luôn cả sự hữu ích về việc cài đặt các cố vấn của Phái bộ MAAG trong các đơn vị quân đội Việt Nam. Nghĩ cho cùng thì các sĩ quan và binh sĩ trong cuộc nổi loạn đã khá thân cận với giới quân sự Mỹ. Bởi vậy, có thể ông ta sẽ có khuynh hướng nắm quyền chỉ huy quân lực chặt chẽ hơn và làm một cuộc chỉnh lý do đích thân ông chỉ đạo. Nếu qủa như vậy thì sẽ khiến cho vai trò của Tướng McGarr (người quý mến ông Diệm) với chính phủ Diệm trở nên vô cùng quan trọng cho Hoa kỳ."

Landsdale đề nghị từ nay nên để Tướng McGarr được toàn quyền thảo luận với Tổng thống Diệm càng thân thiết và càng liên tục càng tốt miễn sao đạt được những mục tiêu của Hoa kỳ, mà không cần ông Đại sứ phải đòi hỏi cứ mỗi năm phút McGarr phải thỉnh ý ông. Ngoài ra cũng nên triệu hồi ông Durbrow về nước:

"Đương nhiên, bài học mà chúng ta muốn ông [Diệm]

học được là ông cần phải thay đổi một vài lề lối của ông ta, bởi vì có một số người đã cảm thấy điều đó mạnh mẽ đủ để cầm súng chống lại ông. Bình thường ra, đó là việc của ông Đại sứ khi cần phải đạo đạt lên vị Quốc Trưởng quan điểm của Hoa kỳ về những vấn đề nội bộ tế nhị như vậy. Tuy nhiên, tôi không tin rằng Đại sứ Durbrow còn giữ được chút uy tín cá nhân nào. Ông Diệm chắc là cảm thấy Durbrow đã về hùa với đám loạn quân về phương diện tình cảm. Có lẽ ông còn cảm thấy rằng những ý kiến của Durbrow trong những tháng vừa qua đã góp phần khơi lên cuộc nổi loạn. Cho nên tiện nhất là đưa Durbrow ra khỏi Sài gòn. Có một cách làm hay nhất là triệu hồi gọi ông ta về nước để tham khảo."

Landsdale so sánh hai âm mưu đảo chính 1954 và 1960

Chỉ bốn ngày sau, Landsdale lại gửi một văn bản nữa để so sánh biến cố 1954 khi Tướng Nguyễn Văn Hinh công khai nổi loạn và biến cố 1960:

Ngày 15 tháng 11, 1960
Phiếu trình gửi Thứ trưởng Douglas
Người gửi: Chuẩn tướng Lansdale, OSO/OSD

Đề mục: Việt Nam

"Trong việc xác định chính sách của Hoa kỳ đối với Việt Nam trong tương lai gần kề, những nhận định cá nhân của tôi sau đây có thể hữu ích:

Để đối phó với những người lãnh đạo cuộc đảo chánh 1960 và tiếp nhận khuyến cáo của Hoa kỳ về việc trừng phạt, Tổng thống Ngô Đình Diệm sẽ nghĩ tới sự phản loạn của Tướng Hinh năm 1954. Khi ấy, ông Diệm đã được thuyết phục để cho ông Hinh và những sĩ quan nòng cốt của ông ra đi mà không bị trừng phạt. Một vài

tuần lễ sau đó, nhóm người này đã xúi giục các giáo phái nổi loạn chống ông Diệm và kết quả là sự đổ máu ghê gớm trong tháng 3 và tháng 4, 1955...

Những biến cố 1954 và 1960 có nhiều điểm giống nhau khiến cho ông nhớ ngay đến bài học 1954. Cả hai biến cố đều xảy ra vào tháng 11. Người lãnh đạo quân sự của mỗi biến cố đều nói rằng trường hợp Nasser ở Ai Cập đã cho họ cảm hứng và họ đều có liên hệ khá mật thiết với cựu hoàng Bảo Đại. Cả hai đều có những chương trình không xác thực về mục tiêu chính trị, được tuyên bố như là những lý tưởng chung chung nghe giả tạo như tờ giấy bạc 3 đôla (ý nói tiền giả vì Mỹ không in tờ 3 đôla - lời tác giả) đối với những người mà họ muốn lôi kéo theo chính nghĩa của họ, nhưng lại trùng hợp với một bản phân tích của Pháp về những ước muốn của Đại sứ Hoa kỳ và ban tham mưu chính trị của ông. Cả hai (phe muốn đảo chính năm 1954 và 1960) đều tin chắc rằng những đơn vị Quân đội sẽ không hành động chống lại họ; cả hai đều ve vãn những giáo phái và các chính đảng giống nhau; cả hai đều có chung những thân hữu và người quen biết ở Pháp và Cao Miên.

Những hành động của ông Đại sứ chắc chắn đã làm cho Tổng thống Diệm càng nghi ngờ sâu đậm hơn nữa về ý đồ của ông ta. Ông Diệm không thể không suy nghĩ về những mục tiêu của Hoa kỳ khi do một phát ngôn viên như Durbrow nói ra.

Trong giờ phút nghiêm trọng nhất của cuộc đảo chánh, ông Đại sứ Hoa kỳ đã thúc giục ông Diệm chấp nhận những yêu sách của quân phản loạn để tránh đổ máu. Trước đó, ông cũng đã thúc đẩy những người khác khuyên ông Diệm thỏa hiệp với quân phản loạn. Quan điểm có thiện ý nhất mà ông Diệm có thể có là Đại sứ của chúng ta là người đã nhận được thông tin sai lầm, nhưng rồi ông cũng có thể tin rằng ông Đại sứ đã quá cả tin những người không đáng tin, ở Việt Nam đó là

những kẻ thù của ông Diệm.

Thật ra thì Đại sứ Durbrow cũng không hoàn toàn đáng trách về những lỗi lầm của ông. Chính là nhân viên Văn phòng Đông Nam Á (bộ Ngoại giao) qua điện văn số 775 của Bộ Ngoại giao, đã khuyến cáo ông Đại sứ can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam không đúng lúc và làm cho đối tác mất tinh thần...”

Landsdale tiếp tục thúc đẩy sự tiến cử Tướng McGarr lên đại sứ, khen ngợi sự khôn ngoan của viên tư lệnh Phái bộ Viện trợ Quân sự (MAAG):

“Cả quân phản loạn lẫn quân trung thành với chính phủ đều tìm đến ông Mc Garr để xin ý kiến. Dường như ông đã đối xử với họ một cách hoàn toàn lương thiện và vô tư, điều này sẽ làm tiềm năng ảnh hưởng của ông với giới quân sự Việt Nam tăng lên trong tương lai...

Những nhận định trên đây tôi đưa ra trên cơ sở là những người làm chính sách nhất thiết phải am hiểu sâu sắc hơn về những nhân sự và biến cố ở Việt Nam, nếu chúng ta muốn giữ vững nền tự do cho Đông Nam Á. Việt Nam là con bài chủ yếu của chúng ta trong vùng này và ta cần phải ứng đối với nó một cách đứng đắn.”

“Biến ông Diệm thành vua Lê Lợi tân thời kiểu Mỹ?”

Đầu năm 1961, khi Hoa Kỳ có tổng thống mới là John F. Kennedy, ông Landsdale lại được gửi sang Việt Nam để thẩm định tình hình. Khi về Washington, ông viết một báo cáo dài tiếp tục bênh ông Diệm nhưng tiên đoán sẽ có đảo chánh. Chỉ trích những người chống đối ông Diệm, Landsdale viết:

“Nhiều người muốn tôi làm một phép lạ, đó là biến ông Diệm thành ra một Vua Lê Lợi tân thời và theo kiểu Mỹ. Nhưng việc này đòi hỏi nhiều hành động hơn là chỉ dùng mánh lới hoặc một câu trả lời đơn sơ. Nó đòi hỏi nhiều công sức và những công tác để theo rõi.”

Để nối lại tình cảm bị sứt mẻ Mỹ-Việt, Landsdale đề nghị nên thay đổi bản chất của liên hệ này từ căng thẳng tới thân mật hơn, trên nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau. Do vậy, việc cần thiết là phải thay đổi nhân sự, đặc biệt là triệu hồi Đại sứ Durbrow và Giám đốc cơ quan viện trợ USOM là ông Gardner về Mỹ. Về việc cựu đại sứ Durbrow cứ thôi thúc ông Diệm loại bỏ ông Nhu, Landsdale biện hộ:

> "Thực tế là ông Diệm tin vào ông Nhu trong một số công việc mà ông ta không thể tin được ai khác... Nhu là cánh tay mặt của ông Diệm, bởi vậy, thay vì cứ đòi ông Diệm phải dẹp ông này đi, cách tốt hơn là ta nên tập trung để ảnh hưởng vào cánh tay mặt của ông ta một cách hữu hiệu."

Lời đề nghị của Landsdale về thay đổi nhân sự đã được Tổng Thống John F. Kennedy nghe theo. Tuy nhiên kể từ cuối năm 1960, tình hình hữu nghị gắn bó Việt – Mỹ đã bắt đầu có chiều hướng phai nhạt thật nhanh mặc dù được cải thiện vào năm đầu của tân tổng thống Hoa Kỳ như được đề cập trong Chương sau.

CARAVELLE HOTEL

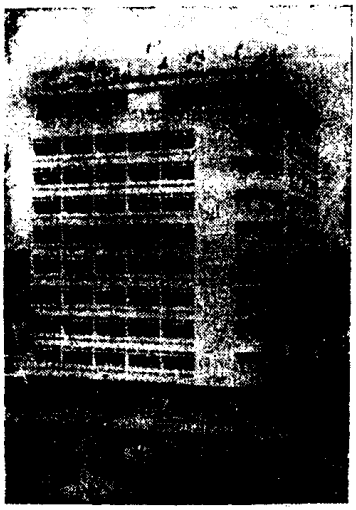

19-23, Place Lam-Son
Tel. : 93.704
Cable : CARAVELOTEL
SAIGON — VIETNAM

♥ *LUXURIOUS ACCOMMODATIONS*

♦ *FULLY AIR CONDITIONED*

♣ *WITH PRIVATE BATH AND TELEPHONE*

♠ *HOT AND COLD RUNNING WATER*

"CHAMPS ELYSEES" PANORAMIC RESTAURANT
on 9th floor, the best in dining and service

"JEROME & JULIETTE" BAR
on 8th floor, the most Cosy and Intimate
Open from 10 A.M. to 12 P.M.

Khách sạn Caravelle. (Hình: Quảng cáo của Caravelle Hotel)

TT Ngô Đình Diệm nhận ủy nhiệm thư từ Đại sứ Mỹ Elbridge Durbrow.
(Hình: Sách của Ronald Bruce Frankum, Jr.)

Đại sứ Durbrow.
(Hình: "TrumanLibrary.org)

ĐS Durbrow tiếp nhóm sinh viên du học 1958. Tác giả đứng giữa. (Hình: Tòa Đại Sứ tại Sài Gòn). Đứng bên phải là Thầy Thích Quảng Liên.

PHẦN IV

CHỌN NƠI ĐỌ SỨC

CHƯƠNG 15

Thuở Ban Đầu Lưu Luyến Với Kennedy

Mối giây liên lạc Việt - Mỹ đang căng thẳng cuối năm 1960 bỗng đổi chiều vào đầu năm 1961 khi Hoa Kỳ có Tổng thống mới. Nghị sĩ John F. Kennedy lên kế vị TT Dwight Eisenhower. Ở tuổi 42, ông là tổng thống Mỹ trẻ nhất. Ngày đăng quang ông hùng biện tuyên bố một lập trường hết sức cứng rắn *'để bảo đảm sự sống còn và sự thành công của tự do.'*

Vừa tuyên bố như vậy thì ông phải đối diện ngay với thực tế và chịu hai cái thất bại liên tục, một ở Lào và một ở Cuba. Ông tâm sự: *"Tôi không thể chấp nhận cái thất bại thứ ba,"* rồi tập trung vào Việt Nam, quyết định đẩy mạnh nỗ lực chiến thắng Cộng sản. Hai đơn vị chiến đấu cộng thêm một đơn vị công binh được gửi tới đóng trên Cao nguyên và một Đoàn Biệt kích (Special Force) tới Nha Trang giúp huấn luyện quân đội. Đây chỉ là bước đầu của sự thay đổi sứ mệnh người quân nhân Mỹ: từ cố vấn và yểm trợ chuyển sang chuẩn bị khả năng chiến đấu và tham chiến.

TT Diệm nhận được bức thư đầu tiên của TT Kennedy đề nghị Hoa Kỳ tiếp tay với ông để *'tăng cường nỗ lực chiến thắng và đẩy mạnh sự tiến bộ kinh tế và xã hội của Việt Nam.'* TT Diệm hân hoan đáp ứng lời đề nghị này, nhưng đặt trên căn bản là *"vì quyền lợi chung của cả hai nước"* (chứ không phải chỉ vì quyền lợi của VNCH). Tình nghĩa hai bên thật nồng nàn, thắm thiết vào thuở ban đầu của nhiệm kỳ Kennedy. Nhưng TT Diệm ra đi quá sớm, rồi tới TT Kennedy 3 tuần sau. Rất tiếc là một lần nữa, VN đã mất đi cơ hội phồn thịnh dưới thời TT Kennedy. Số mệnh Miền Nam VN thật long đong.*

---

* ***Ghi chú:*** chương này dựa vào 3 Tập của hồ sơ *United States - Vietnam Relations 1945-1967* (và một số tác phẩm) với những số trang như được ghi trong Phần 'GHI CHÚ' ở cuối sách. Chúng tôi không ghi chú về nguồn sau từng câu hay từng đoạn mà chỉ ghi chung cho cả chương.

"Hỡi những người công dân Hoa Kỳ, hãy đừng hỏi xem tổ quốc làm được gì cho các bạn, hãy hỏi các bạn làm được gì cho tổ quốc," vừa giơ tay tuyên thệ xong, tân tổng thống John F. Kennedy dõng dạc kêu gọi, mọi người vỗ tay hoan hô rần rần. Buổi sáng hôm ấy, ngày 20 tháng 1, 1961 chúng tôi thức dậy rất sớm, mặc quần áo chỉnh tề rồi đi tới Cabell Hall - Trung tâm Hoạt động của sinh viên trong khuôn viên đại học Virginia. Phải đi cho sớm thì mới dành được chỗ tốt, nếu chậm thì hết xem, vì nhiều sinh viên sẽ ngồi chắn ngay trước mặt cái tivi đen trắng bé xíu. Tôi thật náo nức vì sắp được xem lễ tấn phong Tổng thống Mỹ lần đầu tiên, và cuộc bầu cử tháng 11 năm 1960 đã hết sức sôi động, có thể là sôi động nhất trong lịch sử Hoa Kỳ cho tới thời điểm đó. Ông Kennedy vừa trẻ, đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu, lại có tài hùng biện. Ông đã mang tới cho nước Mỹ một luồng gió mới: bó đuốc Olympic đã chuyền từ tay thế hệ cao niên sang thế hệ trẻ trung. Trong kỳ bầu cử tổng thống năm ấy ông đã vượt được ba cái trở ngại lớn lao, đó là: (i) còn quá trẻ (lúc ra tranh cử chỉ mới lên 41 tuổi); (2) theo đạo Công Giáo (gia đình Kennedy sùng đạo Công Giáo nổi tiếng) mà đa số người Mỹ lại theo đạo Tin Lành; và (3) ông chưa có kinh nghiệm về hành chính. Riêng về tôn giáo: lúc ông tranh cử thì nhiều người (nhất là ở miền Nam) đều cho rằng nếu lên chức tổng thống, ông Kennedy sẽ trung thành với Thánh Kinh và Đức Giáo Hoàng ở Vatican nhiều hơn là với Hiến Pháp và với nước Mỹ.

Nghe ông kêu gọi "Hỡi những người thanh niên" thì tôi thấy rất hùng biện, cân đối, nhưng thực ra thì cũng chỉ là nói tới "bổn phận" của người công dân. Người Mỹ thì chỉ nghe nhiều về cái "quyền" của con người, của công dân, chứ người Việt Nam ta thì từ bé đã hầu như chỉ nghe thấy hai chữ "bổn phận": bổn phận làm con, bổn phận học trò, bổn phận người vợ, người chồng, người cha, người mẹ, bổn phận công dân. Có tiếng hò hét thật to khi Tổng thống Kennedy cao giọng dằn từng chữ: *"Từ lúc này và nơi này, chúng tôi nhắn nhủ bạn hữu cũng như thù địch, rằng bó đuốc đã được chuyền sang tay một thế hệ*

người Mỹ mới – họ sinh ra trong thế kỷ này, kiềm chế vì chiến tranh, kỷ luật bởi một hòa bình khó khăn và cay đắng, tự hào về những di sản cổ xưa của chúng tôi."

Thế là trúng tủ rồi: quyền hành đã được chuyển sang cho thế hệ trẻ. Bao nhiêu sinh viên bắt đầu có những ước mơ. Sinh ra ở Mỹ thì dù còn trẻ cũng có hy vọng làm tổng thống, chứ ở các nước khác thì vào thời điểm ấy khó có ai lên được vai trò lãnh đạo khi mới 42 tuổi.

Trời Washington sáng ngày 21 tháng 1, 1961 có tuyết rơi lất phất. Chúng tôi còn nhớ mãi hình ảnh Tổng thống Dwight Eisenhower mặc chiếc áo măng tô đen, khăn quàng trắng, ngồi trên bục giữa những quan chức của chính quyền cũ. Xem ra phần đông là đã 'có tuổi.' Eisenhower cũng vỗ tay, nhưng không thấy hăng hái lắm, mà cũng chẳng thấy ông cười. Kennedy tiếp tục: *"Hãy để tất cả các dân tộc biết, dù họ muốn cho chúng tôi những điều lành hay điều dữ, rằng chúng tôi sẽ trả bất cứ giá nào, xốc vác bất cứ gánh nặng nào, đáp ứng bất luận thử thách gay go nào, yểm trợ bất cứ bạn bè nào, đối địch với bất cứ thù địch nào <u>để bảo đảm sự sống còn và sự thành công của tự do</u>."* Nhìn mặt các sinh viên chung quanh tôi, thì thấy khí phách bừng bừng, như vừa nghe kèn trumpet thúc quân ra trận. Nhìn vào mặt đám sinh viên ngồi chung quanh thì thấy cậu nào cậu ấy đầy khởi sắc.

(Chúng tôi xin mở ngoặc nơi đây để chia sẻ với độc giả: cuộc bầu cử TT Obama năm 2008 đã nhắc lại cho chúng tôi cuộc bầu cử 48 năm về trước. Cũng hai nghị sĩ thượng viện đảng Dân chủ ra tranh cử tổng thống sau 8 năm quyền bính vào tay Đảng Cộng Hòa, cả hai đều bị chỉ trích là quá trẻ: ông Kennedy 42 tuổi, ông Obama 47 tuổi; cả hai phải vượt trở ngại lớn nhất là kỳ thị: ông Kennedy bị kỳ thị về tôn giáo còn ông Obama thì vì da mầu; cả hai đều dùng chiêu bài "phải thay đổi" chính sách ("Change"). Cuối cùng thì hai ông đều thắng cử. Chắc chắn là độc giả sẽ nghe thấy chữ "Change" thật nhiều trong kỳ tuyển cử 2016)

TT Kennedy bỏ Lào, tập trung vào Việt Nam

"Nếu tình hình khẩn trương như vậy tại sao Ngài không hành động gì cả?" TT Kennedy hỏi ý kiến TT Eisenhower về chính sách đối với Lào. Kennedy vừa tuyên bố cho cả thế giới nghe vào cuối tháng 1 rằng Hoa Kỳ sẽ xốc vác bất cứ gáng nặng nào để bảo đảm sự thành công của tự do, thì chỉ tới tháng 3, 1960 tình hình ở Lào đã đi đến chỗ khủng hoảng. Lực lượng Pathet Lào đánh chiếm cánh đồng Chum (Plain of Jars) ở miền trung Lào. Chính phủ thân Mỹ, Tướng Phoumi Nosavan lâm nguy nên cầu cứu Mỹ. Nosavan là người được Hoa Kỳ yểm trợ mạnh, nhất là từ tháng 5, 1959 (khi Đơn vị 559 'Group 559' của Việt Minh sang Lào trong công tác tiếp vận vào Nam Việt Nam). Ngay ngày trước khi Kennedy tấn phong, Tổng Thống Eisenhower lúc làm bàn giao, đã căn dặn tân tổng thống phải nghĩ đến khả năng can thiệp trực tiếp bằng quân sự vào Lào. Kennedy hỏi lại là tại sao Ngài không hành động gì cả? TT Eisenhower trả lời:*"Tôi cũng đã định can thiệp đấy, nhưng không nghĩ rằng có thể mang quân vào khi một chính quyền mới (Kennedy) sắp bắt đầu."*

Tuy TT Eisenhower khuyên như vậy nhưng sau khi suy xét kỹ và bàn bạc với các cố vấn, TT Kennedy thấy Lào là nơi rất khó cho việc điều động quân đội: địa thế hiểm trở, lại bị bao quanh trong đất liền, không có lối ra biển. Như vậy rất khó cho việc tiếp vận. Ngoài ra, quân đội của Phoumi lại quá yếu. Bởi vậy, Kennedy quyết định chọn giải pháp nhân nhượng: điều đình để đi tới việc thành lập một chính phủ liên hiệp giữa các phe đối nghịch ở Lào: đây là một cách che đậy cho sự rút lui của Mỹ, ngược hẳn lại với lập trường trong những tháng cuối cùng của chính quyền Eisenhower tại nước này. Việc này làm cho các lãnh đạo ở Á Châu nhất là TT Diệm hết sức lo âu. TT Diệm cho rằng rồi đây Mỹ cũng sẽ áp đặt một chính phủ liên hiệp vào Miền Nam. Một điểm chúng tôi sẽ nhắc lại trong Chương sau. [Nơi đây độc giả nhớ lại Hiệp Định Paris năm 1973 đã sắp xếp một chính phủ liên hiệp ba thành phần cho VNCH].

Biến chuyển bên Lào thì như vậy, tại Miền Nam thì tình hình an ninh từ năm 1960 đã bắt đầu trở nên rất khó khăn như Đại sứ Mỹ ở Sàigòn, ông Durbrow đã phúc trình về Washington vào tháng 3, 1960 như đề cập trong chương 14.

Đầu năm 1961 Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ gửi Chuẩn tướng Lansdale, lúc ấy là phụ Tá Quốc Phòng, sang Việt nam để thẩm định tình hình và xem xét những biện pháp cần thiết để kiến nghị với tân Tổng thống Kennedy. Ngày 17 tháng 1,1961 Landsdale nộp một báo cáo thật dài và chi tiết về tình hình tại Miền Nam. Ông nhấn mạnh: *"Việt Cộng hy vọng sẽ chiếm lại miền đất phía dưới vĩ tuyến 17 nội trong năm nay, nếu có thể được, và đang tiến hành nhanh hơn là tôi nhận thức được qua các báo cáo từ Sàigòn gửi về Washington."* Ông xác quyết lần nữa rằng *"nếu để mất Miền Nam, phần còn lại ở Đông Nam Á sẽ là những mồi ngon cho Cộng sản, vì lực lượng phe ta ở đó đã tan rã. Một chiến thắng của Cộng sản sẽ là cú đấm mạnh vào uy tín và ảnh hưởng của Hoa Kỳ."*

Kennedy đọc rất kỹ tất cả những phân tích của Landsdale. Ông đã có nhiều thiện cảm với Landsdale sau khi đọc cuốn 'The Ugly American' của William Lederer và Eugene Burdick, và cuốn 'The Quiet American' của Graham Green. Landsdale lại có nhiều kinh nghiệm về chống phong trào nổi dậy tại Phi Luật Tân, giúp tổng thống Romon Magsaysay dẹp đám phản loạn Hukbalahap. Kennedy dự định đưa Landsdale sang Sàigòn làm đại sứ, nhưng Bộ Ngoại giao không ủng hộ đề nghị này (vì Landsdale là người bên CIA).

TT Kennedy: "Tôi không thể chấp nhận cái thất bại thứ ba"

"Chỉ trong một ngày, uy tín của Hoa Kỳ đã bị rớt xuống còn thấp hơn là trong tám năm dè dặt và thiếu quyết tâm của Eisenhower," tờ báo Cordiere della Serra ở Milan (Ý) phản ảnh dư luận quốc tế sau vụ thất bại ở Cuba, lúc tiếng hịch của Tổng thống Kennedy còn đang vang dội oang oang. Vụ này như là một cú đấm vào mặt ông tân tổng thống. Làm sao đến tình

huống này? Ngày 17 tháng 4, 1961, chưa tới ba tháng sau khi Kennedy nhậm chức, một lực lượng 1,400 người thuộc cộng đồng người Cuba sinh sống ở Florida (từ sau khi Castro nắm quyền năm 1960) được CIA bảo trợ đã đổ bộ vào *'Vịnh Con Heo'* (Bay of Pigs) để giúp nhân dân Cuba lật đổ ông Fidel Castro. Kế hoạch này đã được chuẩn bị từ thời Tổng thống Eisenhower, nhưng Kennedy đã cho lệnh xúc tiến do đề nghị của Allen Dulles, Giám đốc CIA và Tướng Lyman Lemnitzer, Tổng Tham Mưu Trưởng. Chẳng may, chỉ sau ba ngày, ngày 20 tháng 4, cuộc đổ bộ hoàn toàn thất bại. Đoàn quân đổ bộ bị tiêu diệt, số còn lại bị mang ra xét xử ngoài công trường thể thao ở Havana. Tivi Cuba chiếu lên cho cả thế giới xem. Đây là một dịp hiếm có để Castro nhục mạ Hoa Kỳ, một thảm họa lớn lao về mặt tuyên truyền đối với Kennedy. Ông vừa dứt khoát là sẽ yểm trợ bất cứ bạn bè nào, đối địch với bất cứ thù địch nào để bảo đảm sự sống còn và sự thành công của tự do, mà bây giờ lại phải thua một đối thủ nhỏ bé. Như vậy, từ Lào tới Cuba, chỉ trong bốn tháng, hào quang của vị tân tổng thống đã mờ đi và uy tín của ông đã xuống thấp.

"Con số về thất bại mà tôi có thể bào chữa được phải có giới hạn. Tôi đã bị vụ Vịnh Con Heo (Bay of Pigs), tôi đã rút khỏi Lào, và tôi không thể chấp nhất cái thất bại thứ ba," Kennedy trả lời giáo sư Galbraith, Đại sứ Mỹ ở Ấn độ và cũng là một người bạn thân của gia đình khi ông này khuyên Kennedy nên rút ra khỏi Việt Nam ngay (Galbraith là người hết mực chống đối Tổng thống Diệm - xem những chương sau).

Tháng 4, 1961: chuẩn bị "Những Biện Pháp Để Chiến Thắng"

Ngược lại lời khuyến cáo của giáo sư Galbraith, TT Kennedy lại ra tay ngay, vì nếu không muốn chấp nhận thêm một thất bại thứ ba, ông phải có những biện pháp mau lẹ đối với tình hình ở Việt Nam như Lansdale đã phân tích. Ngay từ năm 1956, ông Kennedy (lúc ấy là Nghị sĩ) đã khẳng định:

"Việt Nam là nền tảng của Thế Giới Tự Do ở Đông Nam Á, là đỉnh vòm của vòng cung (keystone to the arch), là ngón tay trên con đê (finger in the dyke)."

Bắt đầu nhiệm kỳ tổng thống, ông phàn nàn với Walter Rostow: *"Bây giờ, tôi không thể nào chấp nhận cái thất bại 1954 nữa đâu."* Vì sao? Ông cho rằng "Vào năm 1954 khi Điện Biên Phủ lâm nguy, TT Eisenhower sau cùng đã quyết định không can thiệp bằng quân sự, nhưng lúc ấy, ông Eisenhower có thể đổ lỗi cho Pháp bất lực và lấy cớ là Mỹ không ủng hộ chính sách thuộc địa, còn bây giờ thì khác: Pháp đã rút về cả năm năm rồi và Miền Nam đã thành một nước Cộng Hòa, hoàn toàn độc lập. Nếu Mỹ rút lui thì các nước khác sẽ cho rằng vì chính sách của Mỹ cũng là thuộc địa nên đã thất bại giống như Pháp. Và như vậy thì uy tín của Mỹ sẽ ra sao? " Cho nên, ông Kennedy quyết định ra tay hành động.

Trước hết, ông xem xét và chấp thuận một 'Chương trình Chống Nổi Dậy (Counter-Insurgency Program - CIP), một kế hoạch đã được nghiên cứu dưới thời TT Eiswenhower. Chương trình này trù liệu một kế hoạch giúp tăng quân số Việt Nam thêm 20,000 nữa, tăng từ 150,000 lên 170,000 và tài trợ một lực lượng Dân vệ để chống du kích. Nhưng chương trình ấy lại đặt một điều kiện 'ăn miếng trả miếng' hay 'bánh ít đi, bánh quy lại' (*'quid pro quo'*): điều kiện để thi hành chương trình này là Tổng Thống Diệm phải cải tổ về quân sự và hành chánh. Về quân sự, ông phải có chính sách tản quyền, để cho lãnh đạo quân sự (gồm 42 người: 38 tỉnh trưởng, 3 tư lệnh quân khu, và Tham Mưu Trưởng) được chia sẻ quyền hành và hoạt động theo một kế hoạch hành động sẽ được cùng thiết lập. Về hành chánh, ông phải nới rộng chính phủ và mang một số người đối lập vào tham gia nội các. Đây là những điều kiện thật khó khăn đối với TT Diệm.

Nhưng bây giờ thì đối với tân tổng thống nó lại không còn quá quan trọng nữa. Ông Kennedy quyết định ủng hộ ông Diệm và gạt bỏ việc đặt điều kiện *'quid pro quo'* đòi ông Diệm phải thi hành thì mới có viện trợ. Đi xa hơn bước nữa, ngày 20 tháng

4, 1961, TT Kennedy chỉ thị cho ông Roswell L. Gilpatric, Thứ trưởng Quốc Phòng phải thành lập ngay một Ủy Ban Đặc Nhiệm Liên Bộ, để nghiên cứu gấp một *"Chương trình của Tổng Thống dành cho Việt Nam."* Chương trình nghiên cứu gồm hai mục tiêu:

- Thẩm định tình hình hiện tại và khả năng Cộng sản đánh chiếm Miền Nam; và
- Đề nghị một loạt biện pháp quân sự, chính trị, kinh tế, công khai hay ngấm ngầm, để ngăn chận việc Miền Nam bị mất vào tay Cộng sản.

Chỉ một tuần sau, ngày 27 tháng 4, 1961 Gilpatrick hoàn thành và đệ trình bản dự thảo của Ủy Ban Đặc Nhiệm. Ngày 6 tháng 5, Landsdale thay mặt Gilpatric đệ trình báo cáo cuối cùng, đề nghị những biện pháp "để chiến thắng," ('to win this battle'). Đây là một văn kiện lịch sử vì nó bao gồm những biện pháp đã thực sự được thi hành sau đó. Sau đây là một đoạn (gạch dưới là do tác giả):

Ngày 6 tháng 5, 1961
Một Chương Trình Hành Động Để
Ngăn Chận Cộng sản Thôn tính Miền Nam

1. **Huấn luyện thêm 20,000 quân để thêm vào quân số 150,000 (tất cả là 170,000) cho VNCH;**
2. **Tăng cường và mở rộng phạm vi hoạt động của ban cố vấn MAGG để yểm trợ thêm cả lực lượng Nhân Dân Tự Vệ;**
3. **Dùng viện trợ quân sự MAP (Military Assistance Program) để tài trợ toàn bộ lực lượng Địa Phương Quân (hay Bảo Chính Đoàn - Civil Guard) là 68,000 người (tới lúc đó, chỉ tài trợ 32,000);**
4. **<u>Gửi một Đoàn Biệt kích (Special Force) tới Nha Trang để giúp huấn luyện Biệt động quân bản xứ</u>;**
5. **Nghiên cứu khả năng <u>tăng quân số từ 170,000 lên 200,000</u>;**

6. **Gửi sang Việt Nam hai đơn vị chiến đấu cộng thêm một đơn vị công binh, đóng ở trên Cao nguyên giúp thiết lập hai trung tâm đào tạo;**

7. **Ngoài ra còn các biện pháp về chính trị, kinh tế, và tâm lý chiến. Về chính trị: quan trọng nhất là có những biện pháp giúp làm tăng thêm sự tin tưởng của Tổng thống Diệm và chính phủ của ông vào Hoa kỳ, như:**

   - **Gửi một văn thư cho TT Diệm nói về ủng hộ của TT Kennedy đối với sự lãnh đạo của ông Diệm trong công cuộc chống cộng;**
   - **Gửi Phó Tổng thống Lyndon Johnson mang thư Tổng thống Kennedy gửi cho Tổng thống Diệm sang Việt Nam để xác định việc ủng hộ của Hoa kỳ**

[Nơi đây, tôi cũng xin nhắc lại là trong thời Đệ Nhị Cộng Hòa, Tổng thống Richard Nixon cũng gửi những thông điệp nói về sự ủng hộ của ông đối với sự lãnh đạo của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu. Sau Hiệp định Paris, ông Nixon cũng gửi Phó Tổng thống Spiro Agnew sang Việt Nam để tái xác định sự ủng hộ của Hoa Kỳ (Khi Đồng Minh Tháo Chạy, trang 113-115)].

Tháng 5, 1961: từ yểm trợ tới trực tiếp can dự vào chiến trường

Ngày 11 tháng 5, Tổng thống Kennedy đã chấp thuận tất cả những đề nghị trên đây của Ủy Ban đặc Nhiệm: Bước đầu, gửi 400 quân sĩ lực lượng đặc biệt được gửi sang làm 'Cố vấn' và 100 người nữa sẽ tới sau. Đồng thời có lệnh mở đầu chiến dịch bí mật chống Miền Bắc. Và như vậy, Hoa Kỳ đã đổi sứ mệnh từ yểm trợ chiến đấu sang khả năng trực tiếp chiến đấu tại Miền Nam.

Tòa Bạch Ốc thông báo cho Bộ Ngoại giao về Huấn lệnh NSAM #52:

Huấn lệnh NSAM 52
White House
Ngày 11 tháng 5, 1961

Gửi ông Ngoại Trưởng

"Hôm nay Tổng Thống đã duyệt lại bản báo cáo của ủy Ban Đặc nhiệm về 'Chương trình Hành động để Ngăn chận Cộng sản Thôn tính Miền Nam' và đã chấp thuận:

- **Mục tiêu và quan niệm hành động của Hoa Kỳ là ngăn chận Cộng sản thôn tính Miền Nam;**
- **Xây dựng một chính phủ vững mạnh, một xã hội càng ngày càng dân chủ;**
- **Khởi sự cho nhanh một loạt những biện pháp hỗ trợ liên quan với nhau về quân sự, chính trị, kinh tế tâm lý; cùng với**
- **Những biện pháp kín đáo khác để thực hiện mục tiêu này...**
- **Những biện pháp quân sự được Tổng Thống chấp thuận tại cuộc họp NSC ngày 29 tháng 4, 1961 nay được tái xác định...**
- **Đặc biệt, Tổng Thống chỉ thị xem xét ngay việc tăng quân số Việt Nam lên từ 170,000 tới 200,000...**
- **Hoa Kỳ sẽ tìm cách làm cho Tổng Thống Diệm và chính phủ ông tăng sự tin tưởng vào Hoa kỳ bằng một loạt những biện pháp và những thông điệp chung quanh chuyến viếng thăm Việt Nam của Phó Tổng Thống Johnson...**
- **Đại sứ Nolting được phép xem xét về một <u>căn bản liên lạc mới đối với Việt Nam</u>; và Hoa Kỳ sẽ bắt đầu một chương trình kinh tế tại Việt Nam để có những hiệu quả tức thời cũng như sự vững mạnh về lâu dài..."**

McGeorge Bundy

TT Diệm lo ngại rồi Mỹ cũng sẽ bỏ Miền Nam giống như Lào

Nhưng Hoa kỳ đã nhượng bộ hoàn toàn ở Lào, vậy liệu những hành động quyết liệt của TT Kennedy có bền vững hay không? Lúc ấy thì tình trạng Lào đã tác động mạnh mẽ vào tâm lý của các lãnh đạo ở Đông Nam Á. Chính phủ Diệm rất nghi ngờ về ý chí của Hoa Kỳ. Chính tình báo Mỹ NIE đã thẩm định rằng: "đã có những cảm nghĩ hết sức sâu đậm ở Đông Nam Á về những biến chuyển mới đây về khủng hoảng ở Lào. Các chính phủ nơi đây có khuynh hướng cho rằng cuộc khủng hoảng Lào là một thử thách tượng trưng giữa sức mạnh của Tây phương và Khối Cộng sản. Liệu Hoa kỳ có tiếp tục bảo vệ vùng này hay không? Thử thách rõ ràng nhất là khả năng bền vững của chính sách Hoa kỳ tại Việt Nam."

Ngày 21 tháng 4, trong một báo cáo, Landsdale nhận xét về Việt Nam:

> **"Về tâm lý - Việt Nam luôn nghĩ mình mới là đối tượng chính – và họ tự hỏi 'khi tới lần chúng tôi, liệu sẽ có bị đối xử giống như Lào không.'** Chính sách của Mỹ đã biến Lào thành nước 'trung lập' với một chính phủ liên hiệp, làm cho **TT Diệm hết sức lo âu vì nghĩ rằng sau Lào thì Mỹ sẽ tính đến việc trung lập hóa Việt Nam** và áp đặt một chính phủ liên hiệp với Cộng sản. Bởi vậy, Landsdale cho rằng việc chính là phải làm sao cho chính phủ Miền Nam tin tưởng rằng việc **rút lui ở Lào không có nghĩa là sẽ rút khỏi Việt Nam."**

TT Kennedy: "Chúng tôi sẵn sàng tiếp tay với Ngài"

Để làm tăng thêm sự tin tưởng vào Hoa Kỳ, Phó tổng Thống Lyndon Johnson được gửi sang thăm viếng Tt Diệm. Tới Sàigòn ngày 12 tháng 5 ông mang theo sứ mệnh của tổng thống Kennedy là phải ***'tuyên bố sự ủng hộ mãnh liệt của Hoa Kỳ và lòng tin tưởng vào Tổng Thống Diệm."***

Ông Johnson trao cho ông Diệm bức thư của tân Tổng Thống Hoa kỳ. Bức thư thuở ban đầu thật nồng ấm, thắm thiết (được in trong phần Phụ lục). Trong thư, TT Kennedy đã tỏ ra hết sức ủng hộ Miền Nam trong công cuộc chiến đấu chống Cộng. Đặt trọng tâm vào công tác mới là *'Kế hoạch Chống Nổi dậy,'* ông thông báo việc chấp thuận tài trợ thêm 20,000 quân cho Việt Nam theo đề nghị của Tổng Thống Diệm, tăng thêm nhân số của Phái bộ Cố vấn và Viện trợ Quân sự, nới rộng nhiệm vụ của cơ quan này để bao gồm cả việc yểm trợ Dân Vệ Đoàn, yểm trợ cho toàn thể lực lượng Bảo an gồm 68,000 người, yểm trợ vật Lực lượng Giang thuyền Việt Nam để ngăn ngừa sự xâm nhập và tiếp liệu lén lút của Việt Cộng, đồng thời sẵn sàng cứu xét nhu cầu tăng cường thêm quân số cho quân lực cao hơn là số 170,000 người như đã dự trù. Để chống nổi dậy, cần có một lực lượng chống du kích, nên Hoa Kỳ cũng sẽ cung ứng huấn luyện viên Lực lượng Đặc biệt. Ngoài ra, còn sử dụng 'chuyên viên quân sự' để trợ giúp và cộng tác với quân lực Việt Nam trong các hoạt động y tế, an sinh, và công chánh ở thôn xã. Thêm vào những biện pháp quân sự, Hoa Kỳ sẽ yểm trợ cả những biện pháp chính trị, kinh tế và xã hội. Sau đây là vài đoạn:

White House
Ngày 8 tháng 5, 1961
Kính gửi Ngài Ngô Đình Diệm
Tổng Thống nước Việt Nam Cộng Hòa

Kính thưa Tổng Thống,

"Tôi đã yêu cầu Phó Tổng Thống Johnson thay mặt tôi sang Việt Nam để đích thân thăm viếng Ngài, để chuyển đến Ngài những lời chúc mừng nồng nhiệt nhất của tôi, để chứng kiến cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Ngài chống Cộng sản xâm lăng...

"Kể từ khi tôi nhậm chức các cộng sự viên của tôi và tôi đã quan tâm và chăm chú theo dõi diễn biến

tình hình ở Việt Nam... Giờ đây tôi có thể nói với Ngài rằng, về phần chúng tôi, chúng tôi sẵn sàng tiếp tay với Ngài tăng cường nỗ lực để chiến thắng cuộc chiến đấu chống Cộng sản và đẩy mạnh sự thăng tiến xã hội và kinh tế của Việt Nam…

"Nếu nỗ lực khoáng đại chung này được Ngài chấp thuận, chúng tôi đã chuẩn bị hợp tác với chính phủ Ngài để khởi xướng một loạt hành động chung sức và hỗ tương yểm trợ trong nhiều lãnh vực như quân sự, chính trị, và kinh tế...

"Thưa Tổng Thống, trên đây là những đường nét lớn phác họa sự suy nghĩ của chúng tôi về cách làm thế nào để giúp Ngài và dân tộc Việt Nam kiên cường tự lực trong cuộc đấu tranh cương quyết để đánh bại Cộng sản và mưu cầu một cuộc sống tốt đẹp hơn.

"Tôi tin tưởng Ngài sẽ thành công. Tôi rất chú tâm mong đợi phúc trình của Phó Tổng thống Johnson về những cuộc hội đàm với Ngài, và tôi sẽ đặc biệt vui mừng nếu được Ngài đích thân hồi âm…

Trân trọng,
John F.Kennedy

Tại Sàigòn, Phó TT Johnson hết lòng ca ngợi ông Diệm: *"Ông là Winston Churchill của Đông Nam Á."* Trong báo cáo cho Kennedy, ông nói thẳng là các nhà lãnh đạo ở Á Châu rất nghi ngờ ý chí của Hoa Kỳ. Trở về Washington, ông Johnson đề nghị Hoa kỳ phải có lập trường rõ ràng, và đi tới một quyết định:

> "Ở Việt Nam, ông Diệm là một nhân vật phức tạp đang bị bù đầu về nhiều vấn đề. Ông ta có những đức tính đáng khâm phục, nhưng xa cách dân chúng, và thân cận ông ta là những người kém tài đức hơn ông ta. Có thể cứu được xứ này nếu chúng ta hành động nhanh chóng và khôn ngoan. Chúng ta phải quyết định hoặc ủng hộ

ông Diệm hoặc để cho Nam Việt Nam sụp đổ."

"Cuộc chiến đấu chống Cộng sản phải được tiến hành mạnh mẽ và kiên quyết ở Đông Nam Á để đạt được kết quả ở đó, nếu không thì Hoa Kỳ phải bỏ Thái Bình Dương và rút tuyến quốc phòng về tận bờ California.

"Không phải là ta đã thua một cuộc chiến tại Đông Nam Á, và sự thất bại nơi đây sẽ có thể tránh được. Yếu tố then chốt đối với người Châu Á trong việc bảo vệ tự do là sự tin tưởng vào Hoa Kỳ...

"Việt Nam và Thái Lan, những nơi quan trọng nhất đang gặp nhiều rắc rối lại là cốt yếu đối với Hoa Kỳ. Những khu vực này đòi hỏi sự chú ý của những người tài giỏi nhất của chúng ta, dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của Washington, trong các vấn đề kinh tế, chính trị và quân sự....

"Càng sớm càng tốt Hoa Kỳ phải lấy một quyết định là liệu chúng ta có tìm cách đối phó với sự bành trướng của Cộng Sản hiện nay ở Đông Nam Á hay bỏ cuộc. Khi lấy quyết định này phải nhận thức đầy đủ về những phí tổn rất nặng nề và liên tục về tiền bạc, nỗ lực và uy tín của Hoa Kỳ.

"Đồng thời ta cũng phải hiểu rằng vào một lúc nào đó, khi những cố gắng khác đã bị thất bại, chúng ta phải đương đầu với một quyết định thêm nữa, đó là hoặc chúng ta đưa một lực lượng lớn lao của Hoa Kỳ vào khu vực đó hoặc cắt giảm tổn thất của mình và rút lui. Chúng ta phải chủ động trong quyết định này... Tôi đề nghị chúng ta tiến hành một chương trình rõ ràng và mạnh mẽ."

TT Diệm: "Việt Nam đáp ứng trên căn bản quyền lợi chung của cả hai nước"

Ngày 15 tháng 5, 1961 Tổng Thống Diệm phúc đáp lá thư của Tổng Thống Kennedy: Chính phủ Miền Nam chấp nhận

những đề nghị của Hoa Kỳ và đặt vấn đề trên một bình diện quyền lợi hỗ tương của cả hai nước (văn bản nguyên thủy được in lại ở phần Phụ Lục). Độc giả lưu ý là nhân dịp này Tổng Thống Diệm đã bắt đầu phàn nàn với vị tân Tổng Thống về việc quan chức Mỹ ở Sàigòn cứ tự tiện hành động mà không tham khảo với chính phủ VNCH, phản ảnh tâm lý ông về chủ quyền quốc gia. Ông cũng nói đến sự quan ngại của ông tới chính sách của Mỹ về Lào:

Phủ Tổng Thống
Ngày 15 tháng 5, 1961
Kính gửi Ngài John F. Kennedy
Tổng Thống Nước Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ

Thưa Tổng Thống,

...

"Bức thư đầy ân cần và cảm thông của Ngài đề ngày 8 tháng 5, 1961, do Phó Tổng Thống trao đến tay tôi, chứa đựng nhiều đề nghị khôn ngoan và nhìn xa thấy rộng... Cho nên, tôi đã hoan hỉ và không do dự khẳng định với Phó Tổng Thống Johnson rằng Chính phủ Việt Nam chấp nhận những đề nghị trong quí văn thư, là cộng tác với chính phủ Hoa Kỳ khởi xướng một loạt hành động chung, hỗ tương, yểm trợ, để dành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa Cộng sản tại Việt Nam và để đẩy mạnh sự phát triển của nước chúng tôi...

"Trong các cuộc đàm thoại thẳng thắn và có kết quả của chúng tôi, Phó Tổng Thống Johnson đã có nhã ý yêu cầu tôi gợi ý cho biết những nhu cầu nào mà chúng tôi cho là khẩn cấp nhất... Tôi đã vô cùng hài lòng về cử chỉ lịch sự và ân cần này của vị Phó Tổng Thống lỗi lạc của Ngài, đặc biệt là vì chúng tôi đã thường không được hỏi ý kiến về nhu cầu của chúng tôi.

"Những biến chuyển gần đây tại Lào đã làm nổi bật mối quan ngại trầm trọng của chúng tôi về nền an ninh của (VNCH) với những đường biên giới kéo dài và dễ bị tấn công...

"Giờ đây, chúng tôi biết rằng, là một tiểu quốc, chúng tôi không thể thỏa mãn được đơn phương tất cả mọi nhu cầu phòng thủ từ nguồn tài nguyên riêng của chúng tôi. Chúng tôi sẵn sàng hy sinh xương máu và nhân lực để cứu vãn xứ sở chúng tôi, và tôi biết rằng chúng tôi có thể trông cậy vào sự yểm trợ vật chất từ Quí đại quốc, một yểm trợ vô cùng thiết yếu để đạt được thắng lợi cuối cùng...

"Chúng tôi tin tưởng rằng vì quyền lợi chung của cả hai nước chúng ta, những hy sinh mà dân tộc Việt Nam sẵn sàng cống hiến sẽ được Hoa Kỳ hoàn toàn yểm trợ trong nổ lực chung nhằm cứu vãn Việt Nam và, do đó, (cả vùng) Đông Nam Á thoát khỏi cuộc xâm lăng khuynh đảo của Cộng sản.

Kính thư,
(kt) Ngô Đình Diệm.

Một 'Hiệp ước Quốc phòng Song phương'?

Khi đã duyệt lại kỹ lưỡng bản báo cáo của Ủy Ban Đặc Nhiệm và quyết định áp dụng một 'Chương trình Hành động để Ngăn chận Cộng sản Thôn tính Miền Nam' theo như tinh thần của *Huấn lệnh NSAM 52*, ngày 11 tháng 5 (như đề cập trên đây), Tổng thống Kennedy đã cho phép Đại sứ Hoa Kỳ ở Sàigòn thăm dò một bước đi khá quyết liệt, đó là được mở những cuộc thương thuyết với chính phủ VNCH về một 'hiệp ước quốc phòng song phương' với VNCH. Tuy nhiên lúc ấy việc này chỉ là thả một quả bong bóng vì viên đại sứ cũng được chỉ thị là "không được cam kết bất cứ điều gì mà không trình Tổng thống trước."

Thế nhưng, trong cuộc họp giữa Tổng thống Diệm và Phó Tổng Thống Johnson, theo chỉ thị của Tổng Thống Kennedy, Johnson còn đề nghị hai phương án: "mang quân đội Mỹ vào Việt Nam hoặc là Hoa Kỳ ký với Miền Nam một hiệp ước Quốc phòng song phương. Vì không muốn Hoa kỳ phải dính líu vào nhiều quá, lại còn có thể mất danh dự quốc gia, Tổng Thống Diệm đã không muốn cả hai. Ông cho rằng VNCH vẫn đủ khả năng đương đầu với Cộng Sản nên chỉ cần Hoa Kỳ giúp tăng quân số và yểm trợ vật chất, huấn luyện là được rồi.

Về một hiệp ước Mỹ - Việt thì về sau Tổng thống Diệm đã đổi ý khi áp lực của Cộng sản gia tăng mạnh vào tháng 9 (sau vụ Phước Thành). Chiều ngày 29 tháng 9, 1961 nhân chuyến viếng thăm Sàigòn của Đô đốc Harry Felt, Tổng tư lệnh Quân đội Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương, một buổi họp tại Dinh Độc Lập được triệu tập với sự tham dự của Đại sứ Nolting. Ngày hôm sau, Nolting báo cáo về Washington rằng ông Diệm đồng ý về một Hiệp ước song phương với Hoa Kỳ:

> "Trong một cuộc bàn thảo rất lâu...ông Diệm đặt ngay một vấn đề. **Ông yêu cầu có một hiệp ước phòng thủ song phương với Hoa kỳ.** Yêu cầu quan trọng và hoàn toàn bất ngờ này chỉ được thêm vào sau cuộc bàn luận về nhiều vấn đề khác. Khi tôi hỏi kỹ lại thì thấy đây là một yêu cầu thật nghiêm túc."

Nhưng lúc ấy, hầu hết phía quân sự Hoa kỳ thì chỉ muốn đưa quân vào Việt Nam chứ không để ý tới một hiệp ước quốc phòng song phương. Theo tài liệu nội bộ thì vào tháng 9, 1961, sau khi Cộng Sản tấn công Phước Bình cách Sài gòn chỉ có 55 dặm, chính Tổng Thống Diệm đã đề nghị với đại sứ Nolting một Hiệp ước Quốc phòng Việt-Mỹ. Nolting hết sức bỡ ngỡ vì theo như ông ông biết (qua Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần) thì TT Diệm đã bác đi. Như vậy, có thể là ông Thuần đã không phản ảnh chung thực lập trường của TT Diệm nên đã làm cho ĐS Nolting hiểu lầm (xem Chương sau). Nếu có một hiệp ước như vậy thì có thể là lịch sử đã khác hẳn.

[Tôi xin mở ngoặc ở đây là chắc chính phủ Iraq đã học

được kinh nghiệm của Miền Nam nên tháng 11, 2008 đã yêu cầu Mỹ ký một Hiệp ước song phương, nhưng không thành].

Vấn đề mang quân đội Mỹ vào Miền Nam

Về việc mang 'Quân đội Tác Chiến Mỹ' vào Việt Nam, ngày 18 tháng 5, Chuẩn tướng Landsdale đã tóm tắt lập trường của Hoa kỳ và báo cáo cho Thứ trưởng Quốc Phòng Gilpatrick:

> "Ngày 10 tháng 5, Tổng Tham Mưu đề nghị rằng trước sự đe dọa của tình hình bên Lào, ta nên khuyến khích Tổng Thống Diệm yêu cầu Hoa kỳ phải làm tròn trách nhiệm của mình trong khuôn khổ Hiệp ước SEATO bằng cách mang ngay một đoàn quân thích hợp vào Việt Nam. Về chi tiết về số quân và thành phần của đội quân thì CINCPAC và CHMAAG sẽ cho ý kiến;
> Ngày 12 tháng 5, trong cuộc họp giữa Tổng Thống Diệm và Phó Tổng Thống Johnson, vấn đề này cũng được bàn đến. Đại sứ Nolting thông báo rằng: Tổng Thống Diệm cho hay ***ông chỉ muốn quân đội tác chiến Mỹ (hoặc quân đội của SEATO) vào khi nào thực sự có cuộc tấn công của Cộng sản,*** vì việc mang quân vào sẽ mẫu thuẫn và có hậu quả là gửi tín hiệu là Hiệp định Geneva đã chấm dứt. Tướng Williams, cựu chỉ huy MAAG, cũng đồng ý đây là lập trường của ông Diệm từ trước.
> Ngoài ra, Tướng McGarr, người có mặt tại buổi họp cũng báo cáo rằng tuy ông Diệm không muốn đưa quân đội vào để chiến đấu với Cộng sản tại Miền Nam, **TT Diệm bằng lòng chấp nhận mang quân đội tác chiến vào để huấn luyện quân đội Việt Nam bất cứ lúc nào ...**
> Về số quân và thành phần dự tính mang vào: theo dự tính tạm thời của Tư Lệnh Thái Bình Dương CINCPAC, cần một sư đoàn Bộ binh đóng trên Cao nguyên, tăng cường bởi không quân, công chánh, pháo binh, v.v. Đệ thất Hạm đội sẽ thay thế hải quân Việt Nam để sẵn sàng đối phó nếu có tấn công lớn từ ngoài khơi. Lực lượng

không quân sẽ được đóng gần Sàigòn...
Về địa điểm cho bộ binh: mặc dù ý kiến chung là đóng ở Cao nguyên, nhưng Tướng William cho rằng nên đóng ở Tourane (Đà Nẵng), Nha trang, Phan thiết vì đường biển, đường bộ, và xe lửa sẽ giúp việc dễ dàng điều động mang thêm thêm quân vào khi cần thiết.

Kiến nghị:

Vì việc điều động số quân vào thì cần có yêu cầu của chính phủ Việt Nam. Vì chưa có được sự yêu cầu này, đề nghị Bộ trưởng nêu vấn đề này với Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần khi ông tới Washington tuần sau để đi tới định nghĩa rõ ràng về việc mang quân tác chiến vào Việt Nam.

Nhưng khi chưa bàn định lại vấn đề này với ông Thuần thì cùng ngày (18 tháng 5), Tổng Tham Mưu Hoa kỳ đã nhắc lại đề nghị nộp cho thượng cấp vào ngày 10 tháng 5, theo đó thì

1. Hoa kỳ nên mang ngay vào Việt Nam một lực lượng tác chiến;
2. Hối thúc TT Diệm yêu cầu Hoa Kỳ đem một số quân đội vào để thực thi bổn phận của Hoa Kỳ là phải giúp Miền Nam tự vệ chiếu theo Hiệp ước SEATO, vì tình hình bên Lào đang sôi động.

Tướng McGarr từ Sàigòn đề nghị mang số quân là 16,000 người, và nếu ông Diệm không đồng ý thì rút xuống 10,000 người để giúp thiết lập các trung tâm đào tạo quân đội Việt Nam. Trước đó, Ủy Ban Đặc Nhiệm đề nghị gửi 3,200 quân.

Tài liệu nội bộ Hoa kỳ bình luận là "bản báo cáo của Landsdale đã làm cho rõ việc là chính ông cùng với Tướng McGarr và Tổng Tham Mưu Hoa kỳ muốn mang một đơn vị tác chiến vào Việt nam, nhưng lấy cớ là vào huấn luyện quân đội để ông Diệm chấp nhận." Landsdale viết: "Bất cứ địa điểm nào đề nghị để mang quân vào đều là chỗ tốt để có thể mở các 'trại huấn luyện' (như vùng Cao nguyên, Đà Nẵng, Nha trang, Phan thiết)." Ngoài ra "lấy cớ là mục đích của quân đội Mỹ chỉ

là để 'huấn luyện' còn giúp để làm an lòng những người trong chính phủ Kennedy chống việc Hoa kỳ tham chiến."

Nơi đây, cũng nên nhắc lại là trong Bản ghi nhớ do Kilpatric (Ủy Ban Đặc Nhiệm) gửi cho Tổng Tham Mưu cũng đã đề nghị nên gợi ý cho ông Diệm yêu cầu gửi quân đội vào: "để thuyết phục ông Diệm thì hay nhất là lấy cớ đem quân 'vào để huấn luyện', rồi đem một đơn vị chiến đấu quân vào đóng ở Việt Nam với công tác là giúp thiết lập hai doanh trại huấn luyện." Bộ Ngoại giao soạn lại chương trình này, nói rõ là việc trấn đóng quân đội Mỹ không phải là để chiến đấu mà chỉ là để huấn luyện, đồng thời thêm vào đó một biện pháp khác nữa là khả năng ký với Miền Nam một hiệp ước an ninh song phương Mỹ-Việt (về việc này, xem Chương sau).

Như vậy, ta thấy trong thực tế, TT Diệm đã không muốn Mỹ đem quân vào đóng ở Miền Nam khi chưa có chiến tranh lớn chứ không hẳn là ông chống đối việc Mỹ đem quân vào như nhiều người đã kết luận. Ngược lại, như để cập trên đây, **ông muốn quân đội tác chiến Mỹ (hoặc quân đội của SEATO) vào khi nào thực sự có cuộc tấn công của Cộng sản.** Thêm nữa là ông luôn đồng ý cho Mỹ mang quân đội vào để giúp huấn luyện quân đội Việt Nam.

Về lý do tại sao TT Diệm e ngại về việc này là vì ông không để cho người dân nghĩ rằng Mỹ đã thay thế Pháp để chiếm đóng thuộc địa. Ông muốn giữ chính nghĩa và uy tín của quốc gia. Ngoài ra, như đề cập trong chương sau (Chương 16), TT Diệm còn lo ngại rằng nếu như Hoa kỳ không có một sự cam kết chính thức nào đối với Việt Nam, thí dụ như qua một hiệp ước song phương mà chỉ tuyên bố bằng miệng thì khi tình hình trở nên khó khăn, Hoa kỳ sẽ có thể rút quân đi bất cứ lúc nào và bỏ rơi Việt Nam **(đúng như đã xảy ra sau này)**.

TT Diệm: "Nhân dân Việt Nam sẵn sàng xốc vác gánh nặng"

Vài tuần sau chuyến viếng thăm của Phó Tổng Thống Johnson, tổng thống Diệm cử Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần đi

Washington để bàn định về nhu cầu quân sự của Việt Nam theo lời mời của tổng Thống Kennedy. Ông Thuần mang theo một nghiên cứu nhu cầu quân sự kèm theo một bức thư của Tổng Thống Diệm. Trong thư này, Tổng thống Diệm hoàn toàn không nói gì tới việc Mỹ mang quân vào Việt Nam mà chỉ đề nghị yểm trợ về vật chất và huấn luyện quân đội Việt Nam. Sau khi trình bày các thành quả của VNCH về mọi mặt: quân sự, kinh tế, xã hội, giáo dục, cũng như phát triển dân chủ ở nông thôn.

Một cách gián tiếp ông nói về ảnh hưởng tai hại cho Việt Nam do việc Mỹ đã để mất Lào. Ông nhấn mạnh tới những đe dọa nghiêm trọng hiện nay do áp lực của Cộng sản từ biên giới Việt-Lào và yêu cầu Hoa kỳ gấp rút giúp trang bị cho Việt Nam thêm hai sư đoàn để lo về biên phòng, vì: "Nếu không được như vậy, chúng tôi sẽ không còn cách nào hơn là phải rút lui lực lượng của chúng tôi từ vùng phi quân sự về phía Nam và rồi dần dần phải hy sinh các vùng lớn khác của xứ sở chúng tôi cho cộng sản."

(Chúng tôi xin mở ngoặc ở đây để nhắc tới cũng một sự việc như vậy vào sau Hiệp Định Paris: vì TT Nixon đã cam kết sẽ viện trợ đầy đủ cho VNCH và trang bị trên căn bản "một đổi một" nên TT Thiệu có chỉ thị chúng tôi phải tiếp tay với Bộ Tổng Tham Mưu để yêu cầu Hoa kỳ thay thế thiết bị đã hư hại và đổi lấy thiết bị mới để trang bị cho hai sư đoàn làm lực lượng tổng trừ bị, nhưng Hoa Kỳ đã từ chối, rồi sau đó, còn cắt hầu hết quân viện. Đây là một yếu tố quan trọng trong quyết định của ông Thiệu về việc rút quân khỏi Pleiku trong kế hoạch 'tái phối trí.').

Lá thư ngày 9 tháng 6, 1961 được trích dịch trong phần Phụ Lục. Sau đây là một vài đoạn:

> ***Việt Nam Cộng Hòa***
> ***Phủ Tổng Thống, Ngày 9-6-1961***
> ***Kính gửi Ngài John F. Kennedy***
> ***Tổng Thống Nước Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ***
>
> ***Kính thưa Tổng Thống***
> ***"Tiếp theo lá thư tôi gửi Ngài đề ngày 15 tháng 5,***

Việt Nam Cộng Hòa

Phủ Tổng Thống

Saigon, the 9th of June, 1961

Dear Mr. President :

This document consists of 7 pages, Number 3 of 17 copies, Series A.

In reference to my letter dated 15 May 1961 and in reply to the invitation that was made to me in your name by Vice President Johnson, I have the honor to send you a study on our needs to meet the new situation.

As I expressed verbally to your eminent representative, it pertains to a situation which has become very much more perilous following the events in Laos, the more and more equivocal attitude of Cambodia and the intensification of the activities of aggression of international communism which wants to take the maximum advantage to accelerate the conquest of Southeast Asia. It is apparent that one of the major obstacles to the communist expansion on this area of the globe is Free Vietnam because with your firm support, we are resolved to oppose it with all our energies. Consequently, now and henceforth, we constitute the first target for the communists to overthrow at any cost. The enormous accumulation of Russian war material in North Vietnam is aimed, in the judgement of foreign observers, more at South Vietnam than at Laos. We clearly realize this dangerous situation but I want to reiterate to you here, in my personal name and in the name of the entire Vietnamese people, our indomitable will to win.

On the second of May, my council of generals met to evaluate the current situation and to determine the needs of the Republic of Vietnam to meet this situation. Vietnam thus constitutes a pole of attraction for the countries of Southeast Asia, for those who fight communism as well as for those who still doubt the future of the free world.

I wish to assure you, Mr. President, of the sincerity of my sentiments and most cordial wishes

Ngô Đình Diệm

1961, và để đáp lại gợi ý của Ngài qua Phó Tổng Thống Jonhson, tôi hân hạnh gửi tới Ngài một nghiên cứu về những nhu cầu của chúng tôi để đối phó với một tình huống mới…

"Nhân dân Việt Nam đang chứng tỏ với thế giới là họ sẵn sàng chiến đấu và chết đi cho nền tự do của mình, bất chấp những cám dỗ của chủ thuyết Trung lập và những hứa hẹn giả dối của nó, mà Cộng sản đang nhồi vào tai họ hàng ngày...

"Nếu như chính phủ và nhân dân Việt Nam sẵn sàng đảm nhiệm cái gánh thật nặng về nhân lực cần thiết để cứu vãn xứ sở thì chúng tôi cũng biết được rằng chúng tôi không có phương tiện để trả lương, trang bị, huấn luyện và duy trì các lực lượng mà tôi vừa mô tả. Muốn thực hiện được nỗ lực đó chúng tôi cần được bảo đảm rằng sự yểm trợ vật chất của Hoa Kỳ chắc chắn sẽ được cung cấp...

"Chính là đi theo đường lối này mà, kể từ khi chấp chính hồi tháng 7-1954, tôi đã cố đảm đương việc tạo dựng một hạ tầng cơ sở kinh tế trên toàn lãnh thổ, kể cả tại những vùng thưa người nhất… mở ra những chân trời mới cho đông đảo quần chúng nông thôn: yếu tố quyết định của cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cộng sản…

"Trên quan điểm chính trị, những công cuộc cải tổ mà tôi đã trù liệu trước: hệ thống tuyển cử tại cấp xã, những hội đồng hàng tỉnh, Hội đồng Kinh tế Cao cấp, Hội đồng dân tộc và Xã hội – tất cả những biện pháp này đều được nhắm đến việc khuyến khích người dân tham dự vào công việc chung của quốc gia…

"Tôi tin tưởng rằng, với sự ủng hộ và yểm trợ rộng rãi của Quí quốc… Việt Nam sẽ tạo thành một cực hấp dẫn cho các nước ở Đông Nam Á, cho những người

chiến đấu chống chủ nghĩa Cộng sản, cũng như những người đang hoài nghi về tương lai của thế giới tự do…

(kt) Ngô Đình Diệm

"Thuở ban đầu" lưu luyến ấy với TT Kennedy bị bỏ lỡ

Tổng thống Kennedy đã quyết định hành động mạnh mẽ để phòng thủ vùng Biển Đông bằng cách không để mất Miền Nam. Vì muốn thắt chặt mối tình Mỹ-Việt nên ông còn gạt đi những chỉ trích nặng nề về ông Diệm (xem chương sau). Ông đã chấp thuận hầu như toàn bộ đề nghị của Ủy Ban Đặc Nhiệm theo báo cáo Landsdale (ngày 6 tháng 5, 1960). Sau hai văn thư của Tổng thống Diệm, ngày 11 tháng 8, Tổng thống Kennedy lại cử một đoàn chuyên viên kinh tế do ông Eugene Staley, giáo sư trường Đại học Stanford, dẫn đầu sang Sàigòn nghiên cứu nhu cầu. Phái đoàn Staley làm việc với nhóm chuyên viên do giáo sư Vũ Quốc Thúc điều khiển đã hoàn thành một kế hoạch hành động, đề nghị Miền Nam duy trì một quân đội 270,000 nếu mức độ chiến tranh gia tăng. Ngoài ra còn đề nghị nhiều biện pháp kinh tế, tài chính rất rộng rãi và đầy đủ để giúp Việt Nam phát triển ngay trong thời chiến chứ không phải đợi tới hòa bình. Chúng tôi trích lại một phần của "Kế hoạch Staley-Thúc" ở Phụ Lục.

Tổng thống Diệm đã đáp lại tấm thịnh tình ấy, nhưng ông đã tỏ ra rất tư cách đối với đồng minh: là một nước nghèo nên chúng tôi chỉ cần Hoa Kỳ ủng hộ phương tiện vật chất mà thôi, vì 'nhân dân chúng tôi sẵn sàng hy sinh xương máu để bảo vệ tự do của mình.' Ông đứng trên bình diện là Miền Nam không phải chỉ tranh đấu cho chính mình mà còn trở thành một *'cực hấp dẫn cho các nước ở Đông Nam Á, cho những người chiến đấu chống chủ nghĩa Cộng sản, cũng như những người đang còn hoài nghi về tương lai của thế giới tự do.'* Như vậy là đáp ứng đúng mục tiêu của tân tổng thống Hoa Kỳ, đó là phải chứng tỏ sức mạnh của thế giới tự do như ông đã khẳng định trong ngày tấn phong: "Hãy để tất cả các dân tộc biết, dù họ

muốn cho chúng tôi những điều lành hay điều dữ, rằng chúng tôi sẽ trả bất cứ giá nào, xốc vác bất cứ gánh nặng nào, đáp ứng bất luận thử thách gay go nào, yểm trợ bất cứ bạn bè nào, đối địch với bất cứ thù địch nào để bảo đảm sự sống còn và sự thành công của tự do."

Lúc ấy, Tổng thống Kennedy đã chọn Việt Nam làm nơi để thể hiện nỗ lực của Mỹ để bảo đảm sự sống còn và sự thành công của tự do. Như vậy, ta thấy vào thuở ban đầu "lưu luyến" của chính quyền Kennedy với Miền Nam, mọi việc đều suông sẻ, tốt đẹp cho VNCH và cho TT Diệm. Đây chính là cơ hội đã bị bỏ lỡ mất trong hai năm sau, dẫn đến cuộc đảo chính 1-11-1963 đưa đến cái chết thảm khốc của hai anh em ông Diệm – Nhu và cáo chung của nền Đệ Nhất Cộng Hòa. Chương trình phát triển kinh tế với "Kế Hoạch Staley – Thúc" đề cập trong chương 13 nếu được kết hợp toàn diện và hiệu quả với chính sách hỗ trợ chính trị và quân sự đã có thể đưa VNCH vào con đường phát triển theo như hướng của Đại Hàn sau này dưới thời TT Park Chung Hy, như chúng tôi đã đặt giả thuyết.

Chào mừng Tổng thống và Bà John F. Kennedy diễn hành từ Quốc Hội tới Tòa Bạch Ốc sau khi đăng quang sáng ngày 21/1/1961. (Hình: National Archive)

TT Kennedy và hai viên chức quan trọng nhất vừa được bổ nhiệm: Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara và Ngoại Trưởng Rusk. (Hình: Fredr/Black Star)

TT Kennedy gửi Phó Tổng Thống Johnson sang thăm TT Diệm để tái xác định sự ủng hộ mạnh mẽ của Hoa Kỳ (tháng 5/1961). Ông tuyên bố: "TT Diệm là Winton Churchill của Á Châu." (Hình: Bernard Fall Collection)

Phó TT Johnson gặp Cố Vấn Nhu. (Hình: "upload.wikipedia.org")

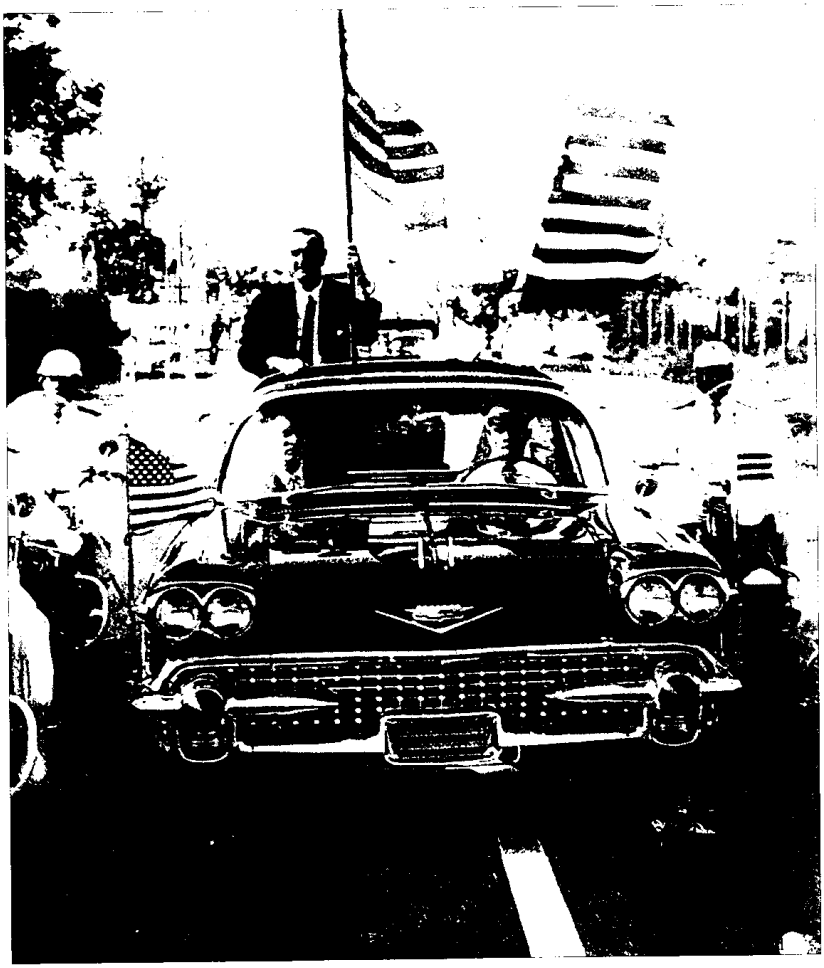

Phó TT Lyndon Johnson tuần hành tại Sài Gòn (6/1961) (Hình: Wide World)

CHƯƠNG 16

"Việt Nam Là Đúng Chỗ Rồi"

John F. Kennedy

Mùa hè 1961 TT Kennedy lại bị một cú sốc mạnh khi Lãnh đạo Liên Xô Khrushchev thách thức ông tại cuộc họp thượng đỉnh Vienna: *"Tôi muốn hòa bình, nhưng nếu ông muốn chiến tranh thì đó là vấn đề của ông."* Đi thêm bước nữa, ông Khrushchev cho xây bức tường Berlin, rồi còn yêu cầu Đồng Minh giới hạn các chuyến bay vào thành. Tới đây thì TT Kennedy cương quyết. Ông công khai bác bỏ đề nghị và cũng không trả lời yêu cầu của ông Khrushchev. Khrushchev đổi chiến lược, từ trực tiếp đối mặt với Mỹ sang gián tiếp, từ chiến tranh quy ước tới chiến tranh du kích, chiến tranh "nổi dậy."

Đánh kiểu du kích thì còn chiến trường nào nóng bỏng hơn Việt Nam. Cuối năm 1960, Mặt trận Giải Phóng Miền Nam đã ra đời để đẩy mạnh chiến tranh du kích và phong trào nổi dậy. Để đáp ứng, Kennedy quyết định chọn Việt Nam làm nơi đọ sức với Liên Xô (thay vì với Trung Quốc). Ông chấp thuận những biện pháp mạnh mẽ, gồm cả việc sử dụng một lực lượng quân sự có quy mô tại Việt Nam, và cung cấp cho chính phủ Miền Nam đầy đủ các phương tiện để chiến đấu. Đây là một bước đi thật dài của Hoa Kỳ. TT Diệm dè dặt, chỉ yêu cầu Hoa Kỳ yểm trợ phương tiện vật chất, hoặc là hai bên đi tới một hiệp ước quốc phòng song phương, và chỉ nên có kế hoạch phòng hờ để mang quân đội Mỹ vào khi nào cần thiết.

"Ông ta đối xử với tôi như một cậu bé con, (like a little boy)," Tổng thống Kennedy đi quanh phòng, lẩm bẩm, *"Ừ, như là một cậu bé con!"* Ông đã bừng tỉnh: *"Tôi biết tại sao ông ta lại coi tôi như vậy. Ông ta nghĩ rằng vụ Vịnh Con Heo chứng tỏ là tôi thiếu kinh nghiệm. Có thể ông ta còn nghĩ là tôi ngu nữa. Và có thể quan trọng nhất, ông ta nghĩ tôi không có gan* (may be most important, he thinks that I have no guts)." Đây là câu chuyện do nhà báo nổi tiếng James Reston, trạm trưởng của tờ New York Times tại Washington và là bạn ông Kennedy đã kể lại về tâm tư của ông sau cuộc họp đầu tiên với lãnh đạo Liên Xô là Nikita Khrushchev.[1]

Sau thất bại ở Lào, biến cố 'Vịnh Con Heo' ở Cuba, ông Kennedy lại phải trực diện với khủng hoảng mới tại Berlin. Vào năm 1948 Stalin đã chận các ngả vào thành và Mỹ phải làm cầu không vận để tiếp tế (Chương 2). Rồi năm 1957, sau khi Liên xô thành công phóng vệ tinh Sputnik, Khrushchev lại yêu cầu Eisenhower chấm dứt việc quân sự hóa thành Berlin. Lúc ấy, Eisenhower dùng việc Khrushchev muốn đi Mỹ họp Liên Hiệp Quốc (để tuyên truyền) là điều kiện để đòi ông ta bỏ yêu cầu này. Bây giờ, thấy Kennedy yếu thế sau vụ Lào và Cuba, Krushhchev lại dằn mặt, dẫn tới khủng hoảng mới: *"Berlin giống như cái xương vướng trong cổ họng, một nhọt ung thư cần phải mổ ngay."*

Một cuộc họp thượng đỉnh Kennedy - Khrushchev được đề nghị vào tháng 6. Lúc ấy Kennedy rất ngại đi họp vì còn đang ở thế yếu, nhưng nếu hoãn thì bị coi là còn yếu hơn. Cuộc họp hai ngày diễn ra ngày 3 tháng 6, 1961 tại Vienna. Thực ra lúc đầu, Kennedy chỉ muốn bàn hai việc: thỏa ước ngưng thí nghiệm nguyên tử và trung lập hóa Lào, nhưng Krushhchev đã gài ông vào cái thế phải nói tới Berlin. Hai bên tranh luận hết sức căng thẳng. Sau cuộc họp, James Reston hỏi ông Kennedy xem họp hành ra sao? Kennedy trả lời *"Thực là chuyện khó khăn nhất trong đời tôi."*

Dựa trên câu chuyện hàn huyên với Kennedy, sau khi ông chết, Reston kể lại là **"Khrushchev đã nghiên cứu về vụ Vịnh Con Heo và thấy rằng Kennedy đã vội vàng cho phép**

tấn công vào Cuba nhưng lại không mạnh bạo đủ để hoàn thành công việc, nên cho là mình đang đương đầu với một lãnh đạo Mỹ rất trẻ tuổi, không có kinh nghiệm, dễ bị hù và hăm dọa."

Nga khiêu khích: từ hàng rào kẽm gai tới xây tường Berlin

"Tới cuối tháng 12, Hoa Kỳ phải ký một hiệp ước đồng ý rút hết quân ra khỏi Berlin," Krushchev bất chợt tấn công Kennedy trong một buổi họp tại Vienna, giọng điệu như đưa ra một tối hậu thư. Chỉ vắn gọn như vậy, không cần bàn luận xem tại sao phải rút quân. *"Tôi muốn hòa bình, nhưng nếu ông muốn chiến tranh thì đó là vấn đề của ông,"* Khrushchev táo tợn kết luận.

Kennedy hết sức bàng hoàng sau cuộc họp, *"Thế là tôi có một vấn đề thật khó khăn,"* Kennedy nói thêm với Reston, *"Nếu ông ta nghĩ rằng tôi không có kinh nghiệm hoặc không có gan thì ta sẽ chẳng làm được gì đối với ông ta cho tới khi làm cho những ý nghĩ này tiêu tan đi. Bởi vậy, chúng ta phải hành động."* [Nơi đây, chúng tôi cũng xin mở ngoặc để nói về cuộc bầu cử 2008: ông Biden trong liên danh là Phó Tổng thống đã cảnh cáo ngay lúc tranh cử: "Chúng ta sẽ gặp một cuộc khủng hoảng thế giới...Những người thách đố Hoa kỳ sẽ 'tìm hiểu xem ông này (ứng cử viên Obama) có thép trong xương sống hay không' khi ông ta bị thử thách. Năm 2014, ông Obama bị thử thách ở Ukraine].

Sau Vienna, cả hai bên đều hành động. Ngay sau khi từ Vienna trở về, Khrushchev tuyên bố Liên xô sẽ tăng mạnh những chi tiêu về quân sự. Kennedy đáp ứng ngay, bằng ba biện pháp:

- Yêu cầu Quốc Hội tăng mạnh ngân sách quốc phòng;
- Gọi nhập ngũ quân trừ bị, tăng lên gấp ba lần nhân số động viên; và
- Chuẩn bị nâng cấp các loại máy bay và chiến hạm.

Trước hết, Cố vấn An Ninh Tổng Thống McGeorge Bundy thông báo cho Bộ trưởng Quốc Phòng lệnh Tổng thống yêu cầu kiểm điểm lại toàn bộ những phương tiện đã sẵn có về chiến lược chống du kích và những phương tiện bán quân sự.[2]

Huấn lệnh NSAM 56
Ngày 28 tháng 6, 1961

Tổng Thống đã chấp thuận như sau:

"Thật quan trọng là ta phải tiên đoán ngay từ lúc này về những nhu cầu cần thiết cho loại chiến tranh không theo quy ước (chiến tranh du kích) và những hoạt động bán quân sự. Bước đầu là phải kiểm điểm lại toàn bộ phương tiện đã sẵn có của Quân lực Hoa Kỳ, đồng thời phải xem xét những khu vực nào trên thế giới là nơi mà việc thi hành chính sách của Hoa Kỳ còn đòi hỏi cả tới những lực lượng bán quân sự của bản xứ, để xác định về mục tiêu của chúng ta về loại chiến tranh này. Sau khi đã kiểm điểm được những gì đã sẵn có cũng như những nhu cầu đòi hỏi, việc còn lại chỉ là hoàn thành một kế hoạch để đáp ứng những gì còn thiếu sót đó.

"Tổng Thống chỉ thị Bộ Trưởng Quốc Phòng điều hợp với Ngoại trưởng và giám đốc CIA để ước tính nhu cầu về công tác này và đề nghị những phương tiện để đáp ứng nhu cầu."

Về phía Liên Xô, ngày 1 tháng 9, Khrushchev bắt đầu cho thử lại khí giới nguyên tử. Tất cả là 30 lần thí nghiệm trong 30 ngày. Kennedy lại đáp ứng: cho tái trắc nghiệm các loại bom nguyên tử dưới lòng đất.

Trước tình hình gay go giữa hai cường quốc và nghe những tuyên bố căng thẳng về Berlin, dân chúng từ bên Đông Đức (do Cộng sản kiểm soát) ào ào đi sang Tây Đức. Chỉ trong tháng 7 đã có tới 30,444 người tới, phần đông lại là thành phần học thức, chuyên môn. Ngày 13 tháng 8, xe cảnh sát, xe tải, xe tăng

của chính phủ Đông Đức rầm rộ tiến tới tuyến chia ranh giới giữa hai bên trong thành phố Berlin. Chỉ trong mấy tiếng đồng hồ, một hàng rào kẽm gai đã được dựng lên. Kennedy phản đối, nhưng Khrushchev lờ đi, lại cho tiếp tục xây hẳn một bức tường che kín phía Đông gọi là 'bức tường Berlin.'

Rồi thừa thắng xông lên, ngày 8 tháng 9, ông yêu cầu phía Đồng Minh giới hạn các chuyến bay vào thành phố Berlin. Nhưng lần này thì ông Kennedy cương quyết. Sau khi tham khảo với các cố vấn và với Đồng Minh Anh, Pháp, ông công khai và dứt khoát bác bỏ đề nghị này, không bàn bạc gì thêm về yêu cầu của Khrushchev là Hoa Kỳ phải ký một hiệp ước đồng ý rút hết quân ra khỏi Berlin.

Ông Khrushchev mất mặt nhưng tìm cách làm giảm nhẹ sự quan trọng của Berlin: *"Berlin đâu có phải là vấn đề lớn đối với tôi," ông nói, "hai triệu người đâu có nghĩa gì đối với một tỷ người Cộng sản."* [3] Sau đó, mối bang giao Nga - Mỹ ngày một trở nên căng thẳng hơn, dẫn tới một khủng hoảng thật lớn vào năm sau. [Chúng tôi mở ngoặc để nhắc qua tới khủng hoảng Cuba vào mùa thu 1962: sau khi Hoa Kỳ chụp được hình những trạm hỏa tiễn của Nga đặt tại Cuba, TT Kennedy ra lệnh cho các chiến hạm trực chỉ Havana để phong tỏa Cuba, rồi đặt Tư Lệnh Phòng Không Chiến Lược vào thế nghênh chiến. Hình ảnh chiến hạm Mỹ lừ lừ hướng vào Havana làm cho cả thế giới kinh hoàng vì viễn tượng chiến tranh nguyên tử đã hiện ra. May mắn thay, ngày 28 tháng 10, hai bên Nga - Mỹ đã đi tới một giải pháp dung hòa: Nga xuống thang, chấp nhận rút các tầu về và tháo gỡ hỏa tiễn khỏi Cuba, Mỹ hứa không tấn công Thổ Nhĩ Kỳ và sẽ tháo gỡ hỏa tiễn khỏi xứ này.]

Chọn nơi đọ sức: "Việt Nam là đúng chỗ rồi"

Ngày 4 tháng 1, 1961, ngay trước khi Kennedy đăng quang, chính Khrushchev đã tuyên bố thẳng thừng là *"Liên xô sẽ ủng hộ các phong trào giải phóng tại các nước đang phát triển."* [4] Bây giờ, khi nghiên cứu về chiến thuật mới của Liên Xô, các cố vấn Kennedy đi tới một kết luận là 'từ nay Liên Xô sẽ không

trực diện với Mỹ nữa và sẽ tập trung vào chiến thuật mới: đó là sẽ đọ sức với Mỹ một cách gián tiếp qua chiến tranh du kích. Chiêu bài mới của Khrushchev dựa trên nhận xét là chiến tranh du kích đã thành công trông thấy ở Việt nam nên đang có chiều hướng lan tràn ra các nơi khác.'[5] Theo mô hình này, Liên xô chỉ cần nắm lấy những cơ hội phát xuất từ các *phong trào nổi dậy* khắp nơi là có thể gây tổn hại cho thế giới tự do mà không cần trực diện, bớt tốn phí, bớt nguy hiểm. Khrushchev hết muốn trực tiếp đương đầu với Kennedy sau vụ Berlin.

Như vậy Kennedy phải chứng minh ngược lại: chiến tranh du kích không phải là làn sóng của tương lai, cho nên ông đã tập trung vào Việt Nam ngay từ sau vụ Berlin (tức là trước cả vụ Cuba). Kennedy nói với Reston trong một cuộc phỏng vấn:

> **"Giờ đây chúng ta có một vấn đề, đó là cố làm sao để quyền lực của Hoa Kỳ phải được kính nể, và Việt Nam là đúng chỗ rồi"**
>
> ("Now we have a problem in trying to make our power credible, and Vietnam looks like the place").

Thế là sân đấu võ đã được chọn. [Đọc chương 23, độc giả sẽ thấy sau Kennedy, TT Johnson đã chấp thuận huấn lệnh ghi số NSAM 288 trong đó còn nhắc lại : **"Cuộc chiến ở Nam Việt Nam đã được coi là <u>một trường hợp trắc nghiệm khả năng của Hoa kỳ yểm trợ một quốc gia đương đầu với loại 'chiến tranh giải phóng" của Cộng sản.</u>'**]

Ông đánh kiểu nào tôi đánh kiểu ấy

"Ta không thể không thấy tính cách xảo quyệt của cuộc đấu tranh mới mẻ và sâu đậm này." Kennedy bình luận về lập trường của mình đối với Khrushchev. Có thể nói rằng đây là lập trường đối mặt với thách thức mới: ông đánh kiểu nào tôi đánh kiểu ấy. Trong một buổi nói chuyện với Hội Các Biên Tập Viên Báo Chí, ông xác định: *"Ta đang phải trực diện với một cuộc đấu tranh ở mọi nơi trên thế giới, nó đi xa hơn là sự dụng độ giữa các đạo*

binh hay giữa khí giới nguyên tử. Dĩ nhiên là những đoàn quân, rất nhiều đoàn quân, những khí giới nguyên tử thì vẫn còn đó, nhưng nó chỉ là một màn che, đàng sau bức màn này là những cuộc nổi dậy, xâm nhập, và những chiến thuật mới đang được phát triển, nhằm vào những khu vực còn yếu, từng nơi một, làm sao để ta khó mà can thiệp bằng quân sự." [5]

Chiến thuật du kích mới ấy đang được phát triển mạnh mẽ nhất là ở Việt Nam. Ngày 10 tháng 10, 1961, William Bundy (em ông McGeorge Bundy), xử lý Phụ Tá Quốc Phòng gửi Bộ trưởng Quốc Phòng kiến nghị "Chúng ta phải có biện pháp cấp tốc tại Việt Nam vì Cộng sản sắp thành lập một 'chính phủ lâm thời' giống mô hình Xieng Khuang (ở Lào) ngay ở Kontum là nơi Mỹ đang định mang quân lực SEATO vào đóng." Ông lý luận rằng: "Người dân luôn luôn đi với bên thắng cuộc, vậy nếu ta để như thế này thì người Việt Nam sẽ ngả về phía Cộng sản, cũng như trường hợp đầu năm 1954 dẫn đến việc Pháp thất trận, hay trường hợp đầu năm 1955 làm cho ông Diệm suýt sụp đổ. Bởi vậy ông Bundy tính toán khả năng thắng-bại rất rõ ràng:[6]

> "Một cuộc tấn công cho mạnh sẽ có cơ may tốt – là 70% theo tính toán của tôi - để chận đứng được những biến chuyển này và giúp cho ông Diệm tảo thanh."
>
> Về 30% còn lại (thất bại), là vì: "Có thể rồi ta cũng kết thúc như Pháp vì người da trắng không thể thắng loại chiến tranh (du kích) này." Nhưng rồi ông kết luận:
>
> **"Trên căn bản 70%-30%, tôi vẫn ủng hộ việc Mỹ phải nhảy vào ngay**, vì nếu để chậm thêm một tháng là may/ rủi sẽ xuống 60-40, rồi 50-50, và sẽ tiếp tục như vậy."

Ngày hôm sau, trong một cuộc họp tại Tòa Bạch Ốc, Tổng thống Kennedy đã chấp thuận bản phân tích này vì nếu để chậm thì phần trăm may rủi sẽ thay đổi: [7]

1. Gửi Phi Đoàn Jungle Jim vào giúp huấn luyện quân đội Việt Nam;

2. Gửi một phái đoàn do Tướng Maxwell Taylor hướng dẫn cùng với Rostow, Landsdale và các đại diện JCS, ISA sang Sàigòn để xem xét tính khả thi, về cả mặt chính trị lẫn quân sự, về ba sự lựa chọn:

   - **Một kế hoạch để can thiệp bằng quân sự.**
   - **Kế hoạch đóng một số quân tác chiến ở Đà Nẵng với một mục tiêu giới hạn là thiết lập sự "có mặt" của Hoa kỳ tại Việt Nam; hay là**
   - **Thay vì đóng quân, sẽ gia tăng mạnh hoạt động huấn luyện cho quân đội Việt Nam cũng như cung cấp thêm quân cụ, đặc biệt là trực thăng, máy bay nhỏ, và các phương tiện chuyên chở."**

TT Diệm: chỉ nên có sẵn một kế hoạch phòng hờ để xử dụng quân đội Hoa kỳ nếu trở nên cần thiết

Để thực thi điểm hai, ngày 13 tháng 10, 1961 Tổng thống Kennedy cử Đại tướng Maxwell D. Taylor cùng với ông Walt Rostow, Phụ tá Cố vấn an ninh và một số quan chức của bộ Ngoại giao và Quốc phòng sang Sàigòn để thẩm định tình hình. Đây là một chuyến công tác lịch sử vì nó đã dẫn đến việc can thiệp quân sự trực tiếp vào Việt Nam.[8] Taylor là một tướng nổi danh, đã từng làm Tư lệnh Sư đoàn 82 Nhảy dù xuống Normandy năm 1945 và chỉ huy trường Võ bị West Point.

Phái đoàn Taylor đến Sàigòn ngày 18 tháng 10, 1961 giữa lúc đang có một trận lụt ở đồng bằng sông Cửu Long, trận lụt lớn nhất từ 1937. Sau những buổi họp sơ khởi, Đại sứ Nolting gửi công điện số 516 (ngày 20 tháng 10) về Washington báo cáo rằng chính Tướng Taylor đã đặt vấn đề đưa quân đội tác chiến vào Việt Nam, nhưng Tổng thống Ngô Đình Diệm tỏ ý lo ngại về vấn đề mang quân tác chiến Hoa kỳ vào Việt Nam và ngỏ ý *"ông chỉ muốn có được một thỏa ước song phương với Hoa Kỳ và được giúp bằng không yểm chiến lược, trực*

thăng tuần tiễu ngoài hải phận, và tiếp vận." Để giảm thiểu khía cạnh quân sự, ông Diệm còn đề nghị không nên dùng phi công quân sự mà chỉ dùng phi công dân sự để lái những trực thăng này.

Theo ông Nolting, Tổng thống Diệm nói tới hai khía cạnh khó khăn của vấn đề mang quân vào:[9]

- ***Thứ nhất,* nhân dân miền Nam lo ngại vì vẫn chưa thấy có một sự cam kết chính thức của Hoa kỳ đối với Việt Nam, và như vậy thì khi tình hình trở nên khó khăn, Hoa kỳ sẽ bỏ rơi Việt Nam. Nếu mang quân đội vào mà không có một sự cam kết chính thức của Hoa kỳ** (qua một Hiệp ước song phương – lời tác giả) **thì Hoa kỳ sẽ có thể rút quân đi bất cứ lúc nào. Bởi vậy sự cam kết chính thức là quan trọng nhất đứng về mặt tâm lý; và**

- ***Thứ hai,* chỉ nên có sẵn một kế hoạch *phòng hờ* để xử dụng quân đội Hoa kỳ nếu trở nên cần thiết..**

Bộ trưởng QP Thuần yêu cầu một lực lượng Hoa Kỳ vào đóng ở vĩ tuyến 17

Về điểm cuối cùng, Đại sứ Nolting báo cáo thêm rằng khi ông ta hỏi lại ông Diệm cho rõ hơn xem ông Diệm muốn nói tới loại quân đội nào (quân đội tác chiến hay cố vấn đào tạo) thì thấy ông Diệm lảng đi, không nhắc lại việc xử dụng quân đội Hoa kỳ nữa. Ông Nolting nhận xét rằng "điều này thì lại khác với điều mà ông Bộ trưởng [Nguyễn Đình] Thuần đã nói với tôi." Theo ông Nolting thì ông Thuần (Bộ trưởng Quốc Phòng) có yêu cầu Mỹ mang một số quân vào Miền Nam và "như vậy là có thể không phải ý kiến Tổng thống Diệm." Ông Nolting đã báo cáo: [10]

> **"Bộ trưởng Thuần có đặt vấn đề với tôi về việc yêu cầu một lực lượng Hoa kỳ tượng trưng vào đóng ở vĩ tuyến 17 thay cho quân đội Việt Nam để họ đi chiến**

> **đấu tại các nơi khác.** Tôi hỏi đây có phải là để thay thế cho yêu cầu của Tổng thống Diệm về việc ký kết một hiệp ước an ninh song phương hay không, lúc đầu thì ông ta trả lời 'đây là bước thứ nhất' của hiệp định ấy, nhưng sau đó khi bàn đến những thủ tục rắc rối để ký một hiệp định, thí dụ như những khó khăn đối với SEATO, với Ủy ban kiểm soát Đình Chiến, rồi thủ tục phê chuẩn tại quốc Hội Mỹ, thì ông Thuần lại đổi ý và nói là nếu Mỹ trấn đóng một số quân ở Việt Nam thì đã đủ và còn tốt hơn cả một Hiệp ước Quốc phòng nữa. Như vậy, chắc là ông ta chưa suy nghĩ chín chắn hoặc chưa bàn bạc với Tổng thống Diệm."

Nhìn lại lịch sử, có thể là ông Thuần đã để lỡ cơ hội ký một hiệp ước phòng thủ song phương Mỹ-Việt và đã làm trái ý Tổng thống Diệm.

Lách Hiệp định Geneva: mang quân đội Mỹ vào cứu trợ lũ lụt

Trong Chương trước, độc giả thấy có lúc Mỹ đã nại đến công tác 'huấn luyện' để mang một số quân vào Miền Nam. Trong Chương này ta thấy nói tới công tác 'cứu trợ lũ lụt.'

Đang khi phái đoàn Taylor còn ở Sàigòn, ngày 23 tháng 10, Tướng McGarr, Chỉ huy trưởng cơ quan viện trở quân sự MAAG gửi một công điện về Ngũ Giác Đài:[11]

> "Trận lụt rất nặng ở Đồng bằng Cửu Long...(nặng nhất kể từ 1937) cho thấy ta **có thể dùng việc cứu trợ lũ lụt để biện hộ cho việc mang quân vào làm công việc nhân đạo,** để rồi có thể giữ quân đội này lại nếu muốn. Tướng Taylor và ông đại sứ đang cân nhắc tính khả thi và cân nhắc xem có nên làm hay không."

Ngày 26 tháng 10, Bộ quốc Phòng Mỹ hỏi ý kiến luật sư xem gửi quân vào cứu lũ lụt như vậy có vi phạm Hiệp định Geneva không? Trong một bản phân tích dài, ý kiến luật sư

là có vi phạm, nhưng có thể dùng hình thức 'bảo vệ chung' (collective defense) theo như Hiệp Ước SEATO (trích dẫn trong Phụ Lục cho chương này).[12]

> Từ Sàigòn, Tướng Taylor liền đánh điện tối mật "EYES ONLY" về cho Tổng thống Kennedy và Bộ trưởng Ngoại giao, Bộ Quốc Phòng và Tham Mưu Trưởng:[13] "Quan niệm của tôi là ta nên gửi một lực lượng đặc nhiệm vào giúp cứu trợ lũ lụt và đồng thời để thiết lập sự có mặt của Hoa kỳ tại đây giúp **đảm bảo với Tổng thống Diệm là Hoa kỳ sẵn sàng nối tay với ông** trong cuộc đấu tranh với Việt Cộng hay Việt Minh. **Nếu ta nối kết việc điều quân vào Việt nam với nhu cầu cứu trợ lũ lụt** (ở Đồng Bằng Cửu Long) thì có nhiều cái lợi, vì việc đó có tính cách là một công tác nhân đạo, tránh được sự chỉ trích là ta đã tự nhận lấy trách nhiệm an ninh của nước này. Rồi khi xong việc, ta có thể rút đoàn quân này về nếu muốn, hoặc đưa sang công tác khác nếu muốn giữ lại lâu hơn.
>
> Từ Baguio, Phi Luật Tân, trên đường từ Sàigòn về Washington, Tướng Taylor lại gửi hai điện tín tối mật về cho Tổng thống Kennedy. Ông đề nghị rất nhiều biện pháp, đặc biệt là nhắc lại nhu cầu phải đưa ngay vào Việt Nam một lực lượng đặc nhiệm (không quá 8,000 người) để:[14]

- **Thiết lập sự có mặt của Hoa kỳ tại Miền Nam;**
- **Cứu trợ lũ lụt;**
- **Thực hiện những cuộc hành quân tác chiến để tự bảo vệ và lo cho an ninh tại những vùng Mỹ hoạt động;**
- **Cung cấp một lực lượng trừ bị cho quân đội Việt Nam để phòng hờ trường hợp khẩn cấp; và**
- **Lực lượng đặc nhiệm này sẽ trở thành đoàn quân**

tiền phong cho những đoàn quân Mỹ tiếp theo khi nào cần thi hành kế hoạch quân sự của Tư Lệnh Thái Bình Dương hay SEATO.

Rồi cũng từ Baguio, Taylor còn gửi cho Tổng thống Kennedy một mật điện thứ hai, để giải thích lý do tại sao nên gửi quân vào.[15]

Về tới Washington, ngày 3 tháng 11, 1961, Taylor-Rostow trình báo cáo (như trích dịch ở phần dưới), trong đó có phần nhận xét về Tổng thống Diệm như sau:[16]

"Mặc dù những nhược điểm, ông Diệm có khả năng đặc biệt, cứng đầu, gan dạ...và mặc dù có thất vọng, quân đội Việt Nam cũng như công chức đều kính trọng ông tới mức dù có phàn nàn (và có thể còn tính lật đổ ông nữa) thì cũng chỉ là việc làm nửa vời; họ sẵn sàng làm việc với ông nếu ông để họ có cơ hội. Bởi vậy Hoa kỳ nên làm việc với ông ta và những người dưới quyền ông hơn là tìm cách loại bỏ ông, vì Việt Nam rất hiếm những người quản lý giỏi, và một cuộc đảo chính sẽ dẫn tới hỗn loạn."

Chào mừng nền Cộng Hòa lên sáu tuổi

Ngày 26 tháng 10, Tổng thống Diệm nhận được lá thư của Tổng thống Kennedy chúc mừng nền Cộng Hòa lên sáu tuổi. Văn thư đề ngày 24 tháng 10.[17] Tổng thống Kennedy viết với những lời lẽ thắm thiết. Về quá khứ, ông nhắc tới lịch sử oai hùng của Việt Nam đã hai lần đánh bại những đạo quân Mông cổ (dưới sự lãnh đạo của Nguyên soái Trần Hưng Đạo đánh Thành Cát Tư Hãn năm 1257 và 1285, rồi trong trận chiến quyết định ở Bạch Đằng Giang năm 1288). Về hiện tại, ông nói tới những thành công của Miền Nam: *"Nước Mỹ và thật vậy, tất cả những người tự do phải chịu ơn cái gương mà quý quốc đã làm."* Còn về tương lai thì hòa bình và tự do tất sẽ phải đến. Sau đây là một vài đoạn:

White House
Ngày 24 tháng 10, 1961

Kính gửi Ngài Ngô Đình Diệm
Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Kính thưa Tổng Thống,

"Nhân dịp kỷ niệm lần thứ sáu ngày thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa, Hoa kỳ lấy làm vinh dự bầy tỏ lòng ngưỡng mộ sự can trường của dân tộc Việt Nam. Chúng tôi đã thấy và ghi tạc nỗi thống khổ -- và niềm vinh quang – của một quốc gia đã không chịu khuất phục sự khủng bố của Cộng sản. Một dân tộc đã từng hai lần đánh bại quân Mông Cổ khiến chúng tôi không mong đợi gì hơn. Nước Mỹ và thật vậy, tất cả những người tự do phải chịu ơn cái gương mà quý quốc đã làm...

"Thưa Tổng thống, năm 1955 chúng tôi đã quan sát những nguy cơ và khó khăn trong việc hình thành Nền Cộng Hòa của nước Ngài….

"Thành tích mà Ngài đã đạt được để đem lại niềm hy vọng mới, nơi cư trú và sự an ninh cho gần một triệu người lánh nạn cộng sản từ Miền Bắc đã nổi bật như một trong những nỗ lực đáng được tán dương nhất và được điều hành tốt nhất trong thời hiện đại…

"Trong ngày 26 tháng 10 này, chúng tôi ở bên Mỹ vẫn có thể vui mừng...

"Thưa Tổng thống, trong những ngày tháng nguy nan này chúng tôi mong chờ một ngày 26 tháng 10 trong tương lai khi mà Việt Nam tái lập được hòa bình và tự do. Chúng tôi tin rằng ngày ấy sẽ đến và cầu nguyện cho nó sớm đến ...

Trân trọng
JF Kennedy

Tái xác định quyền lợi của Hoa kỳ và những biện pháp bảo vệ

Trong thư, Tổng thống Kennedy có viết rằng ông đang quan tâm chờ đợi bản phúc trình của Đại tướng Maxwell D. Taylor để xem xét những biện pháp cần thiết trợ lực cho Việt Nam trong công cuộc đấu tranh chống Cộng.

Ngày 11 tháng 11, 1961, Bộ trưởng Ngoại Giao Dean Rusk cùng với Bộ trưởng Quốc phòng McNamara đồng trình lên Tổng thống Kennedy một báo cáo rất dài và rõ ràng của phái đoàn Maxwell Taylor về quyền lợi của Hoa kỳ tại Việt Nam và những biện pháp quyết liệt để bảo vệ, được tóm tắt như sau (tác giả dùng chữ đậm và bullets): [18]

Báo cáo của phái đoàn Taylor:

***Thứ nhất*, về quyền lợi của Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam:**

"Tình hình suy sụp ở Nam Việt Nam đòi hỏi chúng ta phải chú ý đến **tính chất và tầm quan trọng của quyền lợi quốc gia Hoa Kỳ ở xứ này**. Nếu miền Nam Việt Nam mất vào tay Cộng Sản thì:

- Sẽ đưa tới việc giao 20 triệu dân của Thế giới Tự do cho khối Cộng Sản;
- Mất Nam Việt Nam sẽ làm cho bất kỳ cuộc thảo luận tiếp theo nào về tầm quan trọng đối với Thế giới Tự do trở thành vô nghĩa vì chúng ta sẽ
- Phải đương đầu với một sự việc gần như chắc chắn là phần còn lại ở Đông Nam Á và Indonesia sẽ phải thỏa hiệp hoàn toàn với Cộng Sản, nếu không muốn nói là chính thức sát nhập vào khối Cộng Sản...
- Để Việt Nam mất vào tay Cộng Sản không những sẽ phá vỡ Tổ chức Liên phòng Đông Nam Á (SEATO) mà còn làm lung lay sự tín nhiệm đối với những sự cam kết của Hoa Kỳ ở các nơi khác. Hơn nữa,

• Mất Nam Việt Nam sẽ gây ra những cuộc tranh cãi gay go trong nội bộ Hoa Kỳ và sẽ bị những phần tử cực đoan nắm lấy để chia rẽ đất nước và phá rối Chính quyền...

***Thứ hai*, về những khó khăn trong việc yểm trợ Miền Nam**

"Xem ra thì khó mà nghĩ được rằng một dân tộc gồm 20 triệu người lại phải thua một lực lượng du kích chỉ khoảng 15 tới 20 ngàn quân. Nhưng Miền Nam Việt Nam chưa được tổ chức chặt chẽ và có được một guồng máy chính phủ hữu hiệu...nhân dân lại thờ ơ vì phần đông chưa được trực tiếp hoạt động, lại còn bị đe dọa khủng bố bởi nhóm du kích khắp nông thôn...

***Thứ ba*, mục tiêu của Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam:**

"Hoa Kỳ nên cam kết theo đuổi một mục tiêu rõ ràng là ngăn chận không để Việt Nam rơi vào tay Cộng Sản. Những phương tiện cơ bản để hoàn thành mục tiêu này phải nhằm đặt Chính phủ Nam Việt Nam vào một tư thế có thể thắng cuộc chiến tranh của chính họ chống lại quân du kích.... Song chúng ta cũng phải thừa nhận rằng có lẽ Chính phủ Nam Việt Nam không thể thắng được cuộc chiến tranh này chừng nào mà dòng người và tiếp liệu từ Miền Bắc vẫn tiếp tục đổ vào đây mà không bị ngăn chặn, và quân du kích vẫn được hưởng một nơi đất thánh an toàn ở lãnh thổ láng giềng. Bởi vậy, ***chúng ta nên chuẩn bị đưa các lực lượng tác chiến Hoa Kỳ vào nếu việc này trở nên cần thiết để đạt được sự thành công.*** Tùy theo tình hình, có thể lực lượng Hoa Kỳ cần phải đánh vào chính cội nguồn của sự xâm lược ở Miền Bắc Việt Nam.

***Thứ tư*, sử dụng quân đội Hoa kỳ tại Miền Nam Việt Nam**

"Lực lượng Hoa Kỳ đưa vào Nam Việt Nam gồm hai loại khác nhau: (A) Những đơn vị cỡ vừa phải cần có để yểm trợ cho nỗ lực quân sự của Nam Việt Nam, như truyền tin, trực thăng và những phương tiện không vận khác, máy bay thám thính, tuần tiễu của Hải quân, các đơn vị tình báo...và (B)

những đơn vị có tổ chức lớn hơn với nhiệm vụ quân sự trực tiếp trong hiện tại hoặc trong tương lai. Loại (A) nên được đưa vào càng nhanh càng tốt. Những đơn vị loại (B) đặt ra một vấn đề nghiêm trọng hơn vì việc này sẽ làm tăng thêm khả năng gây ra sự leo thang của khối Cộng Sản...

Đề Nghị

"Thứ nhất, Hoa kỳ lấy quyết định cam kết đạt cho được mục tiêu ngăn chận không cho Nam Việt Nam lọt vào tay Cộng Sản...việc mang một lực lượng quân sự của Hoa Kỳ và của khối Liên phòng Đông Nam Á vào Việt Nam có thể là cần thiết để đạt mục tiêu này;

"Thứ hai, Bộ Quốc phòng chuẩn bị những kế hoạch sử dụng lực lượng Hoa Kỳ ở Nam Việt Nam nhằm một trong ba mục tiêu sau:

- Sử dụng một số đáng kể lực lượng Hoa Kỳ để chứng tỏ Hoa Kỳ quyết tâm bảo vệ và nâng cao tinh thần của Nam Việt Nam;
- Sử dụng một lực lượng lớn của Hoa Kỳ để giúp vào việc dập tắt cuộc nổi dậy của Việt Cộng. Lực lượng này không tiến hành những hoạt động chống du kích lặt vặt nhưng sẽ tham dự những hoạt động thích hợp ở Bắc Việt Nam;
- Sử dụng lực lượng Hoa Kỳ để đối phó với tình hình nếu xảy ra một cuộc can thiệp có tổ chức của Cộng Sản;

"Thứ ba, tiến hành ngay lập tức những hoạt động sau đây để yểm trợ Chính phủ Nam Việt Nam (chữ đậm là do tác giả):

- **Cung cấp** phương tiện chuyển vận bằng máy bay cho quân lực Việt Nam;
- **Cung cấp** thêm thiết bị và một số nhân viên để giúp những chuyến bay tình báo, không ảnh...
- **Cung cấp** cho Chính phủ Nam Việt Nam loại tầu nhỏ kể cả những cố vấn và nhân viên điều hành mặc quân

phục cần thiết cho việc thực hiện những hoạt động hữu hiệu và nhanh chóng trong công tác canh chừng và kiểm soát bờ biển và những đường thủy nội địa...

- **Cung cấp** cho nhân viên và trang bị cần thiết cho lực lượng địa phương quân và nhân dân tự vệ để thay cho quân đội đi chiến đấu;
- **Cung cấp** cho nhân viên và trang bị cần thiết để cải tiến hệ thống tình báo chính trị - quân sự bắt đầu ở cấp tỉnh trở lên cấp trung ương và quân đội tới cấp Đặc ủy trung ương tình báo...
- **Cung cấp** những viên chức hành chánh và cố vấn với tư cách cá nhân để đặt vào bộ máy Chính quyền Nam Việt Nam theo loại và số lượng mà hai Chính phủ thỏa thuận..."

Như vậy là cả Bộ Ngoại Giao lẫn Quốc Phòng đã đề nghị lên TT Kennedy là Hoa Kỳ phải làm bất cứ cái gì có thể tại Việt Nam để bảo vệ xứ này và đồng thời, bảo vệ quyền lợi của Hoa kỳ. Chữ "cung cấp" được nhắc đi nhắc lại tới 6 lần cho 6 loại yểm trợ trong cùng một văn bản. Như vậy là đúng ý muốn của tổng thống rồi vì ông đã chọn nơi này làm sân đấu võ với Liên Xô.

Ngày 14 tháng 11, Ngoại trưởng Rusk gửi Đại sứ Nolting một công điện để thông báo quyết định của tổng thống chấp thuận yểm trợ tối đa theo như kiến nghị của Taylor (công điện này được in lại trong phần Phụ Lục). Đại cương, ông Rusk đã nhắc lại hầu hết những điểm trên, nhưng nói rõ hơn về điều kiện đi kèm với những biện pháp yểm trợ. Những điều kiện này nằm trong một khuôn khổ cộng tác giữa hai bên Mỹ - Việt, gọi là quy chế *"đối tác hạn chế"* (Limited Partnership) sẽ được đề cập tới trong chương sau: [19]

> "Chỉ thị Đại sứ yêu cầu gặp Tổng Thống Diệm ngay để thông báo cho ông hay rằng Tổng Thống Kennedy, sau khi bàn thảo với Tướng Taylor và duyệt xét báo cáo của ông ta, đã quyết định rằng **Chính phủ Hoa Kỳ đã sẵn**

sàng để nối kết với Chính phủ Việt Nam trong một nỗ lực chung mạnh mẽ hơn trước rất nhiều để chận đứng tình hình đang suy thoái, và cuối cùng là chấm dứt được mối đe dọa nền độc lập của Miền Nam...”

Đề nghị TT Diệm chính thức yêu cầu Mỹ yểm trợ

Trong cùng một công điện, Ngoại trưởng Rusk chỉ thị Đại sứ Nolting là: “Nếu như TT Diệm nồng nhiệt hưởng ứng những đề nghị trên đại sứ phải nói rằng Hoa Kỳ cung cấp những viện trợ này là thể theo yêu cầu của ông và là những yêu cầu bằng văn bản... Tổng thống Kennedy dự định sẽ trả lời thư Tổng thống Diệm ngay, và sẽ hưởng ứng mạnh mẽ và chấp thuận những đề nghị từ phía Việt Nam. Cả hai bức thư cùng với bài ‘báo cáo Jorden’ sẽ được công bố rộng rãi” (báo cáo Jorden là một ‘Bạch thư’ (White Paper) tố giác Cộng sản vi phạm Hiệp định Đình chiến).

Ngay trước mắt, vì nhu cầu khẩn thiết, TT Diệm viết một lá thư cho ông Kennedy theo như phía Hoa kỳ đề nghị để dùng làm căn bản pháp lý cho những biện pháp tăng viện cho Miền Nam. Trong thư ngày 7 tháng 12, 1961 gửi TT Kennedy, TT Diệm chỉ nói chung chung về nhu cầu của VNCH để chiến đấu, và bỏ qua, không nói gì tới vấn đề liên quan tới ‘những điều kiện’ Mỹ đặt ra cho viện trợ theo hình thức một ‘đối tác hạn chế’ giữa Mỹ-Việt. Ông Diệm viết: [20]

“Chúng tôi xin bảo đảm với Ngài rằng chúng tôi sẽ dành mọi khả năng về tiền tài, trí tuệ, và nhân lực vào nhiệm vụ lớn lao này...Nhưng Việt Nam không phải là một cường quốc và lực lượng Cộng sản quốc tế chống lại chúng tôi lúc này lớn hơn khả năng đối phó của chúng tôi. Chúng tôi phải có sự trợ giúp thêm nữa của Hoa kỳ nếu muốn thắng cuộc chiến tranh đang chống lại chúng tôi...”

Đúng theo như các bước đi đã được hoạch định, nhận được thư ông Diệm là ông Kennedy phúc đáp ngay. Lá thư với lời lẽ

President Kennedy letter to President Diem, December 14, 1961, Department of State Bulletin, January 1, 1962, p. 13:

"Dear Mr. President: I have received your recent letter in which you described so cogently the dangerous condition caused by North Viet-Nam's efforts to take over your country. The situation in your embattled country is well known to me and to the American people. We have been deeply disturbed by the assault on your country. Our indignation has mounted as the deliberate savagery of the Communist program of assassination, kidnapping and wanton violence became clear.

"Your letter underlines what our own information has convincingly shown -- that the campaign of force and terror now being waged against your people and your Government is supported and directed from the outside by the authorities at Hanoi. They have thus violated the provisions of the Geneva Accords designed to ensure peace in Viet-Nam and to which they bound themselves in 1954.

"At that time, the United States, although not a party to the Accords, declared that it 'would view any renewal of the aggression in violation of the agreements with grave concern and as seriously threatening international peace and security.' We continue to maintain that view.

"In accordance with that declaration, and in response to your request, we are prepared to help the Republic of Viet-Nam to protect its people and to preserve its independence. We shall promptly increase our assistance to your defense effort as well as help relieve the destruction of the floods which you describe. I have already given the orders to get these programs underway.

"The United States, like the Republic of Viet-Nam, remains devoted to the cause of peace and our primary purpose is to help your people maintain their independence. If the Communist authorities in North Viet-Nam will stop their campaign to destroy the Republic of Viet-Nam, the measures we are taking to assist your defense efforts will no longer be necessary. We shall seek to persuade the Communists to give up their attempts of force and subversion. In any case, we are confident that the Vietnamese people will preserve their independence and gain the peace and prosperity for which they have sought so hard and so long.

"JOHN F. KENNEDY

"His Excellency Ngo Dinh Diem
President and Secretary of State for
National Defense
The Republic of Viet-Nam
Saigon, Viet-Nam"

rất khôn ngoan, đặt sự yểm trợ của Mỹ trên căn bản Bắc Việt vi phạm Hiệp định Geneva: Hoa Kỳ không ký vào Hiệp định nhưng đã tuyên bố vào lúc ký kết là sẽ xem xét bất cứ sự gây hấn nào vi phạm Hiệp Định với mối quan tâm đặc biệt, coi như là đe dọa trầm trọng nền hòa bình và an ninh thế giới. Hoa Kỳ yểm trợ là theo lời tuyên bố ấy và theo như yêu cầu của TT Diệm để tự vệ (chứ không phải để tấn công) [21]

Tòa Bạch Ốc
Ngày 14 tháng 12, 1961

Kính gửi Ngài Ngô Đình Diệm
Tổng Thống và Bộ trưởng Quốc phòng
Nước Việt Nam Cộng Hòa, Sàigòn, Việt Nam

Kính thưa Tổng Thống:

"Tôi đã nhận được bức thư mới đây của Ngài trong đó Ngài đã mô tả rất rõ ràng về tình trạng nguy ngập do Miền Bắc Việt Nam gây ra trong nỗ lực lấn chiếm quý quốc. Nhân dân Hoa kỳ và tôi đã biết rất rõ hoàn cảnh tứ bề thọ địch của nước Ngài. Chúng tôi cảm thấy rất bất ổn bởi cuộc tấn công này...

"Bức thư của Ngài làm rõ nét điều mà thông tin của chính chúng tôi đã lưu ý một cách rất rõ – rằng chiến dịch bạo lực và khủng bố hiện đang tiến hành chống lại nhân dân và Chính phủ của Ngài đã được yểm trợ và chỉ đạo từ bên ngoài bởi chính quyền Hà Nội. Như vậy, họ đã vi phạm những điều khoản của Hiệp định Geneva nhằm bảo đảm nền hòa bình ở Việt Nam mà chính họ đã cam kết tôn trọng năm 1954.

"Vào thời điểm đó, mặc dầu không phải thành viên của Hiệp định, Hoa kỳ đã tuyên bố rằng 'Hoa kỳ sẽ xem xét bất cứ sự tái diễn gây hấn nào vi phạm Hiệp định với mối quan tâm đặc biệt và coi như là đe dọa

trầm trọng nền hòa bình và an ninh thế giới.' Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm đó.

"Theo đúng lời tuyên bố ấy và để đáp ứng lời yêu cầu của Ngài, chúng tôi sẵn sàng giúp đỡ Việt Nam Cộng Hòa bảo vệ nhân dân và bảo tồn nền độc lập của mình. Chúng tôi sẽ nhanh chóng tăng gia viện trợ cho nỗ lực tự vệ của Ngài cũng như giúp giảm thiểu sự tàn phá do lũ lụt gây ra mà Ngài đã mô tả. Tôi đã ra lệnh cho khởi sự ngay những chương trình yểm trợ đó.

"Cũng như Việt Nam Cộng Hòa, Hoa kỳ tận tâm với chính nghĩa hòa bình và mục đích chủ yếu của chúng tôi là giúp đỡ nhân dân Ngài duy trì nền độc lập của mình. Nếu như chính quyền Cộng sản Bắc Việt chấm dứt chiến dịch phá hoại Việt Nam Cộng Hòa thì những biện pháp chúng tôi đang xúc tiến để viện trợ nỗ lực tự vệ của Ngài sẽ không còn cần thiết nữa. Chúng tôi sẽ tìm cách thuyết phục Cộng sản từ bỏ những toan tính võ lực và khuynh đảo của họ. Dẫu sao, chúng tôi cũng tin chắc rằng nhân dân Việt Nam sẽ bảo tồn được nền độc lập của mình và đạt được hòa bình và thịnh vượng mà họ đã cố công theo đuổi từ bấy lâu nay."

Trân trọng
John F. Kennedy

Một khi đã quyết định chiến lược 'chống nổi dậy, chống du kích' Hoa Kỳ đã sẵn sàng để can thiệp trực tiếp vào Việt nam. Cuối tháng chạp, 1961, hải hạm USS Core bí mật chở trực thăng vào thương cảng Sàigòn. Mặc dù báo chí Mỹ đã phát hiện ra chuyện này và công kích kịch liệt, nhưng ông Kennedy ít để ý và còn đi xa hơn nữa: ông bỏ qua cả những quy định về thủ tục hành chính, quyết định dùng cả tiền viện trợ kinh tế do cơ quan Viện Trợ Hoa kỳ (USAID) quản lý để tài trợ cho các lực lượng an ninh chống nổi dậy. Trong một bức thư gửi cho ông Fowler Hamilton, Giám đốc Cơ quan Viện trợ Quốc tế Hoa kỳ, Kennedy viết: "Như ông đã biết, tôi mong muốn

các cơ quan trong Chính Phủ Hoa kỳ hết sức chú ý và đẩy mạnh những chương trình có mục đích chống sự gây hấn gián tiếp của Cộng sản mà tôi xem là một mối đe dọa trầm trọng trong thập niên 1960. Tôi đã chỉ thị cho ông Tổng trưởng Quốc phòng phải nâng cao lên đến mức độ mới những hoạt động trong lãnh vực chống nổi dậy."[22]

Tiếp theo chỉ thị của Tổng thống, Cơ quan Viện trợ Hoa kỳ đã đưa một phần ngân sách viện trợ kinh tế cho Việt Nam vào ngân sách tài trợ cho các lực lượng an ninh và cảnh sát. Đây là một sự kiện rất hiếm hoi trong lịch sử viện trợ kinh tế Hoa kỳ. Như vậy dưới thời Kennedy, Hoa kỳ đã chọn Việt Nam là nơi đọ sức giữa Thế giới Tự do và Thế giới Cộng sản, nhưng không phải là trực diện với nhau bằng chiến tranh quy ước mà là chiến tranh du kích, chiến tranh chống nổi dậy. TT Kennedy đặt vấn đề đối với Liên Xô nặng hơn là vấn đề đối với Trung Quốc. Hoa kỳ đã dành mọi yểm trợ vì 'Việt Nam là đúng chỗ rồi.'

TT Kennedy chạm mặt với Tổng bí thư Khrushchev tại Vienna. (Hình: USIA)

TT Kennedy họp báo về tình hình Việt Nam. (Hình: USIA)

TT Kennedy và Cố Vấn Bundy. (Hình: "assets.nybooks.com/media/photo")

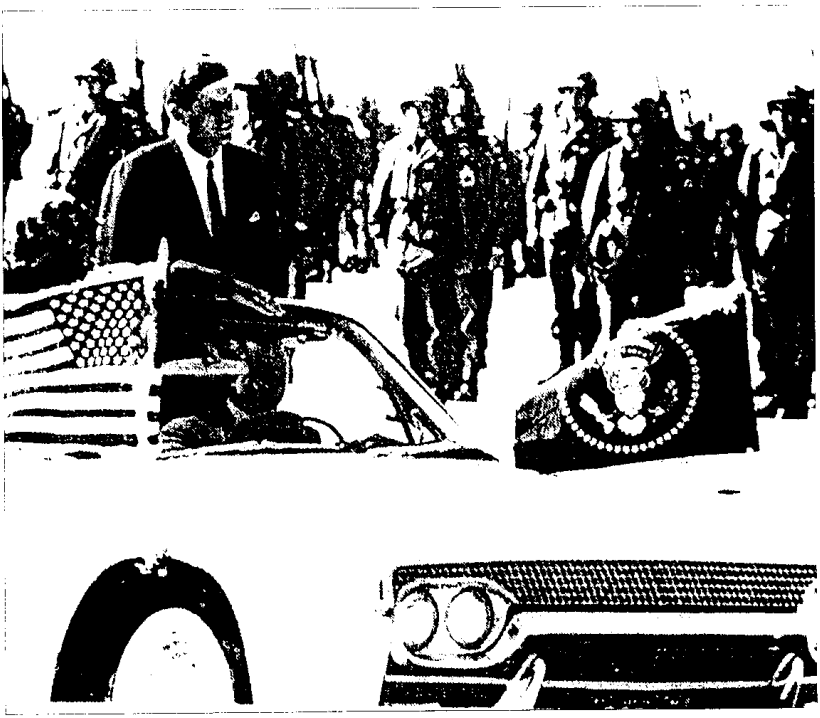

TT Kennedy thăm Sư Đoàn Không Vận 82 tại Fort Bragg để chuẩn bị đối phó với "chiến tranh nổi dậy" (Hình: US Army)

CHƯƠNG 17

"Chúng Tôi Không Muốn Trở Thành Một Nước Bị Bảo Hộ"

Ngô Đình Diệm

TT Kennedy bổ nhiệm Đại sứ Nolting sang Việt Nam thay Đại sứ Durbrow vào đầu Hè 1961 là để *"nối cùng làn sóng với TT Diệm"* vì ông đã quyết định bỏ đi việc đặt điều kiện đổi chác để nhận viện trợ (theo như một kế hoạch vào cuối năm 1960 với mục đích áp lực chính phủ Diệm). Tới mùa hè, ông Kennedy chọn Việt Nam làm nơi đọ sức với Liên Xô, rồi chấp thuận một loạt biện pháp mạnh chống chiến tranh du kích và phong trào nổi dậy.

Để thi hành chính sách này, ông chỉ định một phái đoàn do Tướng Taylor cầm đầu tới Sàigòn để thẩm định tình hình. Khi gặp TT Diệm, Tướng Taylor hết sức tích cực, không nói gì tới 'điều kiện' nữa. Thế nhưng khi trở về Washington và đề nghị với tổng thống một chương trình yểm trợ cho Miền Nam thì ông lại kèm theo một số điều kiện để đổi lấy viện trợ. Như vậy là trở lại lập trường cuối năm 1960! Một trong những điều kiện này đã khắt khe đến nỗi làm cho TT Diệm phải bàng hoàng. Ông Diệm cho rằng nếu chấp nhận điều kiện này thì chính phủ Miền Nam sẽ bị *"coi như là một bù nhìn của Hoa Kỳ."* Cho nên ông đã cưỡng lại, làm cho giới chức ở Washington bất mãn.

Ngay từ năm 1956, ông Kennedy (lúc ấy là Nghị sĩ) đã ủng hộ TT Diệm và khẳng định: *"Việt Nam là nền tảng của Thế Giới Tự Do ở Đông Nam Á, là đỉnh vòm của vòng cung, là ngón tay trên con đê (keystone to the arch, finger in the dyke.'* Đầu năm 1961 khi ông vừa nhậm chức thì một người bạn thân thiết với gia đình ông là giáo sư kinh tế học nổi tiếng John Kenneth Galbraith (Đại sứ Mỹ ở Ấn Độ) đã khuyên ông là phải ngừng ủng hộ TT Diệm và xem xét để rút khỏi Việt Nam, nhưng ông đã không nghe. Ông hành động ngược lại: thay thế Đại sứ Durbrow. Khi Durbrow còn ở Sàigòn, một 'Chương trình Chống Nổi Dậy (Counter-Insurgency Program - CIP) đã được trù liệu để yểm trợ chính phủ Diệm, nhưng chương trình này đặt ra một điều kiện '*quid pro quo*' (cái này đổi lấy cái kia) để nhận viện trợ: đó là Tổng Thống Diệm phải cải tổ về quân sự và chính trị. Đây là những điều kiện thật khó khăn đối với TT Diệm. Nhưng bây giờ thì đối với tân tổng thống vấn đề này lại không còn quan trọng nữa. Ông Kennedy quyết định ủng hộ Tổng thống Diệm và gạt bỏ việc đặt điều kiện (đòi ông Diệm phải thi hành thì mới có viện trợ).

Nhưng đây là diễn tiến tốt đẹp quá vắn vỏi, chỉ kéo dài từ đầu năm 1961 tới cuối Hè. Vào Thu thì lại có trục trặc lớn về vấn đề đặt điều kiện cho viện trợ.

Landsdale: Liệu Liên Xô hay Trung Quốc có đối xử với ông Hồ như ta đối xử với ông Diệm hay không?

Chính cá nhân ông Kennedy cũng đã có thiện cảm với ông Diệm từ lâu. Vào năm 1956, trong một buổi hội thảo, ông Kennedy ca ngợi: *"Sự thành công đáng ngạc nhiên của Tổng Thống Diệm trong việc quyết tâm giải tỏa được cuộc khủng hoảng chính trị và kinh tế lớn lao đã từng làm tê liệt Miền Nam."* Bây giờ, trong cương vị tổng thống, khi duyệt lại các tài liệu mật về tình hình Việt Nam trong đó có vấn đề ông Diệm, ông Kennedy thấy có nhiều báo cáo đối nghịch nhau từ Bộ Ngoại Giao và Quốc Phòng về vai trò không hữu hiệu của TT Diệm. Kennedy chú ý đặc biệt tới báo cáo của ông Landsdale

ở Bộ Quốc Phòng. Ông Landsdale bình luận: [1]

> *Về TT Diệm:* "Đại sứ Durbrow phê bình ông Diệm rất nặng nề. Đặt nặng sự cần thiết phải gây niềm tin tưởng trong dân chúng, Durbrow coi như tất cả mọi vấn đề hiện nay là do những lầm lỗi về chính sách khép kín, không cải tổ và tập trung quyền hành của ông Diệm. Durbrow có thái độ chống ông Diệm công khai và còn cho rằng ông Diệm đã làm mất lòng dân quá nhiều."
>
> *Về tình hình chính trị*, Lansdale bênh vực ông Diệm và cho rằng 'ông Diệm là người Việt Nam duy nhất có đủ khả năng và quyết tâm làm một Tổng Thống hữu hiệu.' Landsdale bình luận là nếu cuộc đảo chính tháng 11 vừa qua thành công, một số người rất ích kỷ và tầm thường đã cãi cọ nhau để tranh dành quyền hành đang khi Cộng sản cứ từ từ tiến hành chiếm đoạt Miền Nam. Chắc chắn rằng 'Cộng sản sẽ tỉnh táo hơn để khai thác một cuộc đảo chính khác. Và lúc này, hầu hết phe đối lập đều tin tưởng rằng Hoa Kỳ sẽ hưởng ứng một cuộc đảo chính thành công.'
>
> *Về Đại sứ Durbrow*, Landsdale viết: "Dù đúng hay sai, chính phủ được Mỹ công nhận ở Việt Nam không coi ông ta là bạn, và tin rằng ông có thiện cảm mạnh với những người lãnh đạo cuộc đảo chính vừa qua."

Thêm về ông Diệm, Landsdale kết luận rằng hầu hết những người nói chuyện với ông ta đều ít có thiện cảm và thông cảm với ông vì họ không nhìn thấy rằng ông Diệm cũng chỉ là con người nên ông tất nhiên không muốn thấy người ta mưu mô giết mình vì căm thù. Xúc động, Landsdale viết thêm (tô chữ đậm là do tác giả):

> "Cuộc đảo chính lúc 3 giờ sáng bắt đầu bằng những tiếng súng đại liên bắn thẳng vào phòng ngủ của ông Diệm rõ ràng là muốn tiêu diệt ông ta ngay trên giường ngủ. Bảy năm trời bị Cộng sản công kích vì biết rằng

ông là trở ngại chính yếu nên phải tiêu diệt cho bằng được trước khi Hà Nội có thể chiến thắng.

"Những tấn công tâm lý hằng ngày, ngay trên xứ sở của ông ta, bằng ngôn ngữ của ông ta, và tất cả nhân dân ông ta đều nghe thấy! Muốn chấm dứt những điều này, ông Diệm chỉ còn có cách là buông xuôi, khỏi phải làm những việc mà ông ta và chính chúng ta đều tin tưởng vào."

Landsdale cho rằng Hoa Kỳ là người bạn mạnh mẽ nhất của ông Diệm thì lại luôn luôn chỉ trích ông nặng nề và áp lực với ông ta : **"Liệu Liên xô hay Trung Quốc có đối xử với ông Hồ Chí Minh một cách khắt khe và xúi bẩy ông Hồ làm bậy như vậy hay không?"** [2]

(Báo cáo Landsdale, 17 tháng 1, 1961)

Mùa hè 1961: những biện pháp ủng hộ TT Diệm vô điều kiện

Báo cáo Landsdale đã có tác động với TT Kennedy. Đầu hè, ông bổ nhiệm ông Frederick Nolting làm đại sứ với sứ mệnh là phải ***'nối vào cùng một làn sóng với ông Diệm'*** (get on Diem's wavelength). Frederick Nolting là một nhà ngoại giao chuyên nghiệp có tiếng, học thức, tiến sĩ triết học, mềm dẻo, nói tiếng Pháp, thật là lý tưởng để nối lại mối giây liên lạc tốt đẹp giữa hai nước đã bị sứt mẻ vào cuối nhiệm kỳ của Đại sứ Durbrow. Nolting tới đầu tháng 5. Thoạt đầu, tuy rất thích ông Diệm, nhưng đọc qua những báo cáo của người tiền nhiệm (ông Durbrow), ông cũng lo ngại về sự hữu hiệu của ông Diệm. Nhưng chỉ ba tháng sau, khi thấy chính phủ Việt Nam có những hành động mới, Nolting lạc quan hơn, và ông bắt đầu áp dụng chính sách mới để cùng hành động, cùng "chung một làn sóng" với ông Diệm: dùng thuyết phục thay vì áp lực. Cùng thời gian này, khi Phó TT Johnson được gửi sang Sàigòn để ủng hộ VNCH, ông hết lòng ca ngợi ông Diệm, cho rằng: *"Ông*

Diệm là Winston Churchill của Đông Nam Á." Trong báo cáo cho Kennedy, Johnson đề nghị Hoa kỳ phải có một lập trường rõ ràng, và đi tới một quyết định: *"Ở Việt Nam, ông Diệm là một nhân vật phức tạp đang bị bủa vây về nhiều vấn đề. Ông ta có những đức tính đáng khâm phục, nhưng xa cách dân chúng, và thân cận ông ta là những người kém tài đức hơn ông ta. Có thể cứu được xứ này nếu chúng ta hành động nhanh chóng và khôn ngoan. Chúng ta phải quyết định hoặc ủng hộ ông Diệm hoặc để cho Nam Việt Nam sụp đổ."*

Như đã đề cập trong hai chương trước, sau khi TT Kennedy đề nghị tiếp tay với TT Diệm để chiến thắng và khẳng định Việt Nam là nơi để thi hùng với Liên Xô về chiến tranh du kích và phong trào nổi dậy, tới tháng 10, 1961, ông gửi phái đoàn Taylor-Rostow sang Sàigòn để thẩm định tình hình và đề nghị những biện pháp hành động. Khi về Washington hai ông đã đề nghị những biện pháp quân sự cực mạnh gồm cả việc đưa quân đội Mỹ vào Miền Nam và "cung cấp" mọi phương tiện cho chính phủ Diệm. Hai Bộ trưởng Ngoại giao Dean Rusk và Quốc phòng Robert McNamara trình tổng thống 'Phúc trình Taylor" và được ông chấp thuận ngay.

Sang Thu, 1961: TT Diệm cay đắng vì lại đặt điều kiện để đổi lấy viện trợ

Như vậy, từ đầu năm 1961 chính sách của Hoa Kỳ đối với chính phủ Diệm hết sức cởi mở, thông thoáng. Nhưng vào mùa Thu 1961 thì lại có khó khăn. Đó là tuy Phúc trình Taylor đề nghị nhiều biện pháp mạnh và TT Kennedy đã chấp thuận để yểm trợ chính phủ VNCH (như đề cập trong chương 14), nhưng những yểm trợ này lại nằm trong khuông khổ một công thức mới gọi là ***"Đối tác hữu hạn"*** ('limited partnership') để xướng việc Mỹ cùng làm việc chung với chính phủ Miền Nam trong mục tiêu chống Cộng. Vì muốn có tiến bộ cho thật nhanh để 'kế hoạch chống nổi dậy' của TT Kennedy sớm thành công, giới lãnh đạo ở Washington đã trở nên nôn nóng về mặt chính trị. Để được "cung cấp hầu như mọi thứ", chỉ thị từ Ngoại

trưởng Dean Rusk gửi cho Đại sứ Nolting có đoạn:

> ***Chỉ thị ngày 14 tháng 11, 1961***
> ***Ngoại trưởng Dean Rusk gửi Đại sứ Nolting***
>
> "Chính phủ Miền Nam phải có những biện pháp hành chánh, pháp luật để đặt quốc gia vào tình trạng chiến tranh, và huy động toàn lực vào nhiệm vụ này - gồm việc tản quyền và mở rộng chính phủ để thu hút được tất cả các thành phần chống cộng ...Chính phủ Hoa Kỳ khẳng định cần được chính phủ Việt Nam xác định là đồng ý và sẵn sàng có những biện pháp như được đề nghị để bảo đảm sự thành công của nỗ lực chung...Đại sứ Nolting được quyền thương lượng với TT Diệm về chi tiết những biện pháp cần phải thi hành. Điều quan trọng là TT Diệm phải đưa ra những sự thay đổi được công nhận là có thực chất và có ý nghĩa..." [3]

Ngoại trưởng Rusk còn nhấn mạnh:

> "Đại sứ phải nói điểm này cho thật rõ ràng và nói rằng những đóng góp của Hoa Kỳ cho nỗ lực chung được đề nghị sẽ tùy thuộc rất nhiều vào câu trả lời của ông Diệm vào điểm này. Sở dĩ Hoa kỳ phải nhất thiết yêu cầu ông Diệm thay đổi chính sách, mở rộng chính phủ cũng chỉ là vì muốn cho những cố gắng chung của cả hai nước sớm có kết quả."

Lúc đó, uy tin của ông Diệm đang xuống nhanh và ông đang bị mọi phía đả kích. Ngoại trưởng Rusk yêu cầu ông Nolting thuyết phục ông Diệm:

> "Dù đúng hay sai, chính phủ của ông ta đang bị chỉ trích rất nhiều ở ngoại quốc cũng như ở Hoa Kỳ, và nếu chúng ta yểm trợ ông một cách mạnh mẽ thì chúng ta phải có thể đem ra bằng chứng về những sự cải tổ thực sự về hành chính, chính trị và xã hội, và một nỗ lực thực sự để nới rộng nền tảng chính phủ, điều này có thể làm

> cho nhân dân Hoa Kỳ tin tưởng tối đa và làm cho công luận quốc tế hiểu rằng nỗ lực của chúng ta không nhằm yểm trợ một chính phủ không được ủng hộ và không hữu hiệu, nhưng là để yểm trợ những nỗ lực chung của tất cả những người dân không Cộng Sản của chính phủ Việt Nam chống sự xâm chiếm của Cộng Sản."[4]

Đây là những đề nghị hết sức xây dựng từ một lập trường nghiêm túc. Đáng nhẽ ông Diệm nên đồng ý trên nguyên tắc rồi thực sự có những thay đổi về chính sách. Nhưng điều làm cho ông ưu phiền (như đề cập dưới đây) chính là vì Hoa kỳ đã đặt ra cái giá mà ông cho là quá lớn để đổi lấy những cung cấp này. Ngoại trưởng Rusk đã chỉ thị Đại sứ Nolting phải thuyết phục Tổng thống Diệm: "Chúng ta phải nhấn mạnh rằng bản thân Chính phủ ông ta phải áp dụng những biện pháp cần thiết cho mục đích vừa nêu trên để **đổi lấy** mức viện trợ quy mô của Hoa Kỳ trong lãnh vực quân sự, kinh tế, và chính trị."

Mỹ yêu cầu được chia sẻ việc hoạch định chính sách

Nghe tới đặt điều kiện đổi chác thì TT Diệm đã khựng lại rồi, nhưng Hoa kỳ còn đi một bước xa hơn nữa, đó là muốn can dự trực tiếp vào việc hoạch định chính sách của Việt Nam, một điều mà ông Diệm không thể nào chấp nhận được. Công thức 'Đối tác hữu hạn' nghe ra thì rất hay và hợp lý: Mỹ-Việt phải cùng chung sức với nhau thì mới có hiệu quả. Nhưng trong thực tế nó đã không hẳn như vậy. Phía chính phủ Diệm thấy sức ép của đồng minh ngày một nặng nề vì công thức đối tác này lại không phải 'hạn chế' mà là vô giới hạn. Nó còn khắt khe hơn cả công thức '*quid pro quo*' vào năm trước đó khi Đại sứ Durbrow còn ở Sàigòn.

Theo chỉ thị ngày 14 tháng 11 của Ngoại trưởng Rusk gửi Đại sứ Nolting thông báo quyết định của tổng thống Kennedy là chấp nhận hầu hết những kiến nghị yểm trợ chính phủ Diệm mạnh mẽ của phái đoàn Taylor, nhưng khi nói về trách nhiệm

về phía Việt Nam thì đặt ra một điều kiện: [5]

> **"Ông phải nói điểm này cho thật rõ ...Ông phải thông báo cho ông Diệm rằng theo dự định của chúng ta, quan niệm về những hành động chung** (ý nói về 'Đối tác hữu hạn'- lời tác giả) **có trù liệu một sự liên hệ chặt chẽ hơn nữa về tương quan** (giữa hai chính phủ), **nó chặt chẽ hơn là sự liên hệ hiện nay theo đó Hoa Kỳ chỉ đóng vai trò cố vấn.**
>
> **"Chúng tôi mong muốn được chia sẻ với chính phủ Việt Nam trong quá trình làm chính sách về các lãnh vực chính trị, kinh tế và quân sự khi những quyết định này ảnh hưởng tới tình hình an ninh..."** (chữ đậm và gạch dưới là do tác giả).

"Việt Nam không muốn trở thành một nước bị bảo hộ"

Nghe ông Đại sứ nói thẳng ra về 'chia sẻ trong việc làm chính sách' có nghĩa là can dự trực tiếp vào nội bộ Việt Nam, Tổng thống Diệm hết sức bàng hoàng! Trong điện tín đánh về Washington báo cáo về cuộc gặp gỡ TT Diệm để nói về điểm này, ĐS Nolting viết: [6]

> "Ông Diệm nói ông ta cho rằng tôi đã hiểu rõ là những đề nghị của Hoa Kỳ như vậy là có dính líu tới vấn đề trách nhiệm của chính phủ Việt Nam. Ông Diệm nói: **'Việt Nam không muốn trở thành một nước bị bảo hộ ("Vietnam, he said, dit not want to be a protectorate")**
>
> "Tôi đáp lại rằng điều này thì dễ hiểu, và chúng tôi cũng không muốn làm cho Việt Nam trở thành một nước bị bảo hộ. Ông Diệm lưu ý tôi rằng chính phủ Việt Nam liên tục có những sự cải tổ, nhưng không thể có những hành động mạnh mẽ mà không được cân nhắc cho kỹ càng, ngoài ra phải luôn nhớ rằng hiện đang có một cuộc

chiến cần phải đương đầu. Vấn đề chính là phải vãn hồi trật tự chứ không phải tạo nên tình trạng hỗn loạn.

"Tôi trả lời là tôi cũng nhận thức được đây là một vấn đề tế nhị, theo ý tôi trong cương vị là một người bạn của nước ông và của chính ông, tôi nghĩ rằng rủi ro to lớn hơn đối với ông là cứ giữ vững lập trường của mình, hoặc là hành động quá thận trọng...

"Nhưng nói chung, tôi đã không thất vọng về phản ứng của ông Diệm. Thực ra ông ta ghi nhận đề nghị của chúng ta một cách tốt hơn là tôi mong đợi. Ông ta hứa sẽ gọi cho tôi ngay sau khi ông có thì giờ suy nghĩ lại về đề nghị của chúng ta, bởi vậy, cho đến khi chúng ta nhận được phản ứng của ông thì không nên suy đoán gì hết về kết quả...."

Để biết rõ sự suy nghĩ của Tổng thống Diệm, Đại sứ Nolting gặp Bộ trưởng Nguyễn Đình Thuần (Bộ trưởng Phủ Tổng thống) để tham khảo. Ông Thuần tiết lộ là "đề nghị của Hoa Kỳ đã làm cho Ông Diệm hết sức ưu phiền, ***"hay là Hoa Kỳ đang sửa soạn để bỏ rơi Việt Nam...như là đã bỏ rơi Lào,"*** ông Diệm tự hỏi. Ông xúc động đến nỗi lấy làm xấu hổ nếu phải cho Nội các biết đến những đề nghị này. Ông Nolting viết tiếp:[7]

"Ông Thuần nói rằng dù Tổng thống Diệm chưa thảo luận gì hết với ông ta về đề nghị của Hoa Kỳ, nhưng đã cho thấy rõ cái cảm tưởng là **ông Diệm 'rất là buồn phiền và rất là thất vọng.'** Ông Thuần cho biết ông Diệm nói bây giờ **ông ta rất là lưỡng lự phải đem những đề nghị này ra bàn với các Bộ trưởng trong nội các, vì ông ta sợ rằng chính họ cũng sẽ thất vọng và chán nản.**

"Tổng thống Diệm đã có ý định thảo luận những đề nghị của Hoa Kỳ với cả nội các và một số dân biểu là những người đã được tham khảo về vấn đề Hoa Kỳ mang quân (vào Việt Nam) khi phái đoàn Taylor tới Sàigòn, **nhưng**

bây giờ ông Diệm nghĩ rằng sự khác biệt giữa vấn đề ông ta thảo luận trước đây (với phái đoàn Taylor) **và những đề nghị của chúng ta bây giờ thì thật là quá rõ ràng.**

"Bộ trưởng Thuần cho tôi cảm tưởng rằng **ông Diệm đang trăn trở về những đề nghị của Hoa Kỳ...** Ông Thuần nói rằng thái độ của Tổng thống Diệm là Hoa Kỳ đòi hỏi chính phủ Việt Nam làm những nhượng bộ quá lớn lao về địa hạt thẩm quyền quốc gia để đổi lấy thêm một số yểm trợ không đáng kể; và ông Diệm còn nghĩ rằng đây là sự thất vọng lớn lao sau những thảo luận với Tướng Taylor, đặc biệt là việc gửi một lực lượng đặc nhiệm vào cứu trợ lũ lột (để đảm bảo với TT Diệm sự ủng hộ của Mỹ).... Ông Diệm tự hỏi hay là Hoa Kỳ đang sửa soạn để bỏ rơi Việt Nam...như là đã bỏ rơi Lào.

"Trong một cuộc thảo luận dài, ông Thuần đã trình bày tất cả những khó khăn mà Chính phủ Việt Nam sẽ gặp phải nếu thi hành những biện pháp Hoa Kỳ yêu cầu, **gồm cả sự nguy hiểm là sẽ bị coi như là một bù nhìn của Hoa Kỳ."**

Những gì Tướng Taylor đã đồng ý với TT Diệm lại khác với thông điệp từ Washington

Để độc giả hiểu tại sao TT Diệm thất vọng về sự quá khác biệt giữa việc Hoa Kỳ đặt thêm một điều kiện về việc 'chia sẻ quyền hành' và những gì phái đoàn Taylor đã đồng ý và bảo đảm với ông (vô điều kiện) trong cuộc họp tại Dinh Độc Lập (Dinh Gia Long) chỉ mới gần một tháng trước đó (18-19 tháng 10, 1961). Trong những cuộc họp với TT Diệm, Tướng Taylor đã không đả động gì tới việc đặt điều kiện cho viện trợ.

Chúng tôi xin trích dẫn lại vài công điện do Tướng Taylor đánh về cho TT Kennedy ngay sau buổi họp khi ông còn ở Sàigòn và trên đường về Washington (xem Chương 14):

Thuan said that Diem had not yet discussed fully with him US proposals presented last Friday; but had given him impression of being 'very sad and very disappointed.' Thuan said Diem had said he now hesitates to put proposals before even his cabinet ministers, fearing that they would be disappointed and lose heart. He had intended to discuss US proposals with both cabinet and selected members of assembly who had been consulted re advisability of US forces at time of Taylor Mission, but now thought contrast between his earlier question and our proposals too striking. Thuan conveyed impression that Diem is brooding over US proposals and has made no move yet to develop specific ideas on actions GVN expected to take. Thuan said President's attitude seemed to be that US asking great concessions of GVN in realm its sovereignty, in exchange for little additional help; that this is great disappointment after discussions with General Taylor involving, in particular, concept of Delta Task Force; that Diem seemed to wonder whether US was getting ready to back out on Viet Nam, as he suggested, we had done in Laos.

* Từ Sàigòn: "Quan niệm của tôi là ta nên gửi một lực lượng đặc nhiệm vào giúp cứu trợ lũ lụt và đồng thời để thiết lập sự có mặt của Hoa kỳ tại đây **giúp đảm bảo với Tổng thống Diệm là Hoa kỳ sẵn sàng nối tay với ông** trong cuộc đấu tranh với Việt Cộng hay Việt Minh..."

* Từ Baguio (Phi Luật Tân) trên đường về Washington: ông Taylor còn nhắc lại nhu cầu phải đưa ngay vào Việt Nam một lực lượng đặc nhiệm (khoảng 8,000 người) để: "Thiết lập sự có mặt của Hoa kỳ tại Miền Nam... Thực hiện những cuộc hành quân tác chiến để giữ an ninh tại những vùng Mỹ hoạt động...Lực lượng đặc nhiệm này sẽ trở thành đoàn quân tiền phong cho những đoàn quân Mỹ tiếp theo khi nào cần thi hành kế hoạch quân sự của Tư Lệnh Thái Bình Dương hay SEATO." Rồi cũng từ Baguio, ông lại còn gửi thêm một mật điện thứ ba để giải thích lý do tại sao nên gửi quân vào.

[Nơi đây tôi cũng mở ngoặc để nhắc đến điều TT Thiệu thường hay phàn nàn về *"chính sách Mỹ ở Việt Nam thì nay thế này mai thế khác"* – sách 'Tâm Tư Tổng Thống Thiệu', Chương 13]

Tình trạng 'ông nói gà bà nói vịt': Chỉ thị từ Bộ Ngoại Giao lại khác hẳn chỉ thị từ Toà Bạch Ốc

Về việc TT Kennedy chấp thuận các biện pháp trong 'Phúc trình Taylor' thì lại còn một chuyện khó hiểu khác nữa, đó là tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược về chính sách Hoa Kỳ. Chúng tôi cố gắng đào sâu hơn về lập trường của Tổng thống Kennedy vào lúc này thì thấy có chứng cớ là **Ngoại trưởng Rusk đã gửi điện tín cho đại sứ Nolting với những chỉ thị không giống như lập trường của Tổng thống Kennedy**.

Sở dĩ có thể xác định được tình trạng 'trống đánh xuôi, kèn thổi ngược' giữa Bộ Ngoại giao và Tòa Bạch Ốc về việc TT Kennedy chấp thuận chương trình Taylor là vì chúng tôi

đã nghiên cứu thật kỹ và tìm thấy một văn kiện nói về Huấn lệnh số 111 từ Tòa Bạch Ốc gửi Ngoại trưởng Dulles chính thức thông báo lệnh của tổng thống. Huấn lệnh này đề ngày 22 tháng 11, 1961, tức là hơn một tuần sau khi Ngoại trưởng Rusk đã gửi chỉ thị cho Đại sứ ở Sàigòn thông báo lệnh tổng thống (ngày 14 tháng 11, 1961).

Chuyện này dù đối với các tác giả Hoa kỳ, có thể không phải là chuyện đáng chú ý và chúng tôi cũng **chưa thấy tác giả nào nói tới,** nhưng đối với lịch sử Miền Nam, nó có nhiều ý nghĩa. Và nó cũng là một bài học quý giá cho các đồng minh của Hoa Kỳ về tình trạng ông nói gà bà nói vịt đôi khi xảy ra trong quá trình làm chính sách của Hoa Kỳ. Cũng như những trường hợp khác được đề cập tới trong cuốn sách này thí dụ việc Đại sứ Lodge đã hành động không hoàn toàn theo như ý của Tổng thống Kennedy (xem chương sau), và dưới thời đệ Nhị Cộng Hòa, Tiến sĩ Kissinger cũng đã không luôn luôn báo cáo trung thực và làm theo ý Tổng thống Richard Nixon. Bởi vậy chúng tôi in lại văn bản nguyên thủy trong Phụ lục để độc giả dễ so sánh.

Trước hết là 'Huấn lệnh 111' do Cố vấn an ninh Tổng thống là McGeorge Bundy chính thức gửi cho Đại sứ Nolting theo lệnh tổng thống như sau:[8]

Theo Huấn lệnh NSAM # 111
Ngày 22 tháng 11, 1061

The White House
Gửi Ngoại trưởng (Dean Rusk)
Về vấn đề: Giai đoạn thứ nhất của Chương trình Việt Nam

"Tổng thống đã cho phép Ngoại trưởng chỉ thị cho Đại sứ của chúng ta tại Việt Nam để Thông báo cho Tổng thống Diệm như sau:

1. Chính phủ Hoa Kỳ đã sẵn sàng để nối kết với Chính phủ Việt Nam trong một nỗ lực chung mạnh mẽ hơn

trước rất nhiều để chận đứng tình hình đang suy thoái thêm nữa tại Miền Nam;

2. Nỗ lực chung này đòi hỏi những hành động của cả hai chính phủ như sau:

a. Về phía Mỹ, Hoa Kỳ sẽ có ngay những biện pháp sau đây để yểm trợ chính phủ Việt Nam: [Từ (1) Tới (10)]: Cung cấp các phương tiện, (giống như điện tín của Ngoại trưởng Rusk trong chương trước);

b. Về phần chính phủ Việt nam sẽ cần có những hành động sau đây:

1) **Những biện pháp luật pháp và hành chánh đặt quốc gia vào tình trạng chiến tranh** để huy động toàn lực (điều này gồm việc tản quyền và mở rộng chính phủ để tận dụng được hết tiềm năng của tất cả những thành phần chống cộng)...

2) **Năng động hóa những cơ quan có trách nhiệm về chiến tranh** với đầy đủ quyền hành để thi hành bổn phận một cách hữu hiệu;

3) **Tu bổ lại lực lượng quân sự và cơ cấu chỉ huy** để tạo dựng một tổ chức quân sự hữu hiệu để chiến đấu và bảo đảm được khả năng tấn công lưu động của Lục quân.

McGeorge Bundy

Lệnh của Tổng thống chỉ có như vậy: chấm hết. Với lời văn ngắn gọn, đơn giản, kính trọng đối tác, văn kiện hoàn toàn không có những lời lẽ, điều kiện khắt khe. Nhưng chỉ thị từ Bộ Ngoại giao thì lại khác hẳn. Trong chỉ thị của Ngoại trưởng Rusk gửi Đại sứ Nolting ngày 14 tháng 11, 1961 như viện dẫn trên đây, tức là chỉ có 8 ngày trước chỉ thị từ Tòa Bạch Ốc, thì ngoài việc nói tới vấn đề chính phủ Diệm bị chỉ trích nặng nề ở mọi nơi, đã đặt điều kiện cho viện trợ, và quan trọng hơn là đòi hỏi chia sẻ quyền hành với chính phủ Miền Nam. Để độc giả thấy rõ sự khác biệt, chúng tôi xin nhắc lại là trong công điện gửi cho

đại sứ Nolting ngày 14 tháng 11, ông Rusk đã thêm hẳn đoạn 3, 4, và 5 với những chỉ thị: "điều quan trọng là ông Diệm phải đưa ra những sự thay đổi được công nhận là có thực chất và có ý nghĩa... **Ông phải thông báo cho ông Diệm rằng theo dự định của chúng ta, quan niệm về những hành động chung có trù liệu một sự liên hệ chặt chẽ hơn nữa về tương quan** (giữa hai chính phủ), **nó sẽ chặt chẽ hơn là sự liên hệ hiện nay chứ không phải (Mỹ) chỉ đóng vai trò cố vấn. Chúng tôi mong muốn được chia sẻ với chính phủ Việt Nam trong quá trình làm chính sách về các lãnh vực chính trị, kinh tế và quân sự khi những quyết định này ảnh hưởng tới tình hình an ninh.**" (Nghe như giọng điệu kẻ cả, thực dân – lời tác giả).

TT Kennedy muốn tránh sự hiểu lầm về đòi hỏi 'chia sẻ quyền hành'

Về sự việc này, có thể là sau khi nhận được báo cáo của đại sứ Nolting nói về phản ứng thất vọng của Tổng thống Diệm, Tổng thống Kennedy đã biết được tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược nên đã chỉ thị phải thay đổi ngay. Điều này mới cắt nghĩa được sự việc là chỉ ba tuần sau khi ông Rusk gửi điện tín cho ông Nolting, Bộ Ngoại Giao lại gửi thông điệp sang Sàigòn thay đổi lập trường. Sau đó, ông Nolting nhận được chỉ thị mới. Công điện này do ông Alexis Johnson và ông Walter Rostow gửi để "làm sáng tỏ" về việc chia sẻ quyền hành: [9]

> **Ngày 7 tháng 12, 1961**
> **Tòa Bạch Ốc gửi Đại sứ Nolting**
>
> **"Điều mà chúng tôi muốn nói chỉ là như thế này: trong những hoạt động trực tiếp liên hệ tới vấn đề an ninh, sự kết hợp với nhau (như một Đối tác) sẽ rất là chặt chẽ đến độ không bên nào quyết định hay có những hành động nào ảnh hưởng tới bên kia mà không có sự tham khảo trước và đầy đủ."**

Dĩ nhiên là đã quá muộn vì Tổng thống Diệm đã được

thông báo rõ ràng về công điện của Ngoại trưởng Rusk ngay khi nó tới Sàigòn ngày 14 tháng 11: "*Chỉ thị đại sứ yêu cầu gặp Tổng thống Diệm ngay để thông báo... và phải nói cho thật rõ ràng...*" Lúc ấy Đại sứ Nolting đã trình bày thật rõ ràng về lập trường chia sẻ quyền hành cho một lãnh đạo có tinh thần siêu quốc gia, bây giờ làm sao mà nói lại để ông Diệm tin được! Một tuần sau, vào ngày 14 tháng 12, TT Kennedy viết một lá thư cho TT Diệm nhiệt liệt ủng hộ yêu cầu yểm trợ nỗ lực của VNCH (như đã đề cập trong Chương trước).

Đang khi đó thì sự hiện diện của người Mỹ ở Miền Nam đã bắt đầu tăng nhanh, ngày một rõ ràng hơn (từ dưới một ngàn, số cố vấn đang tăng nhanh, lên 11,000 vào năm 1962, và 16,732 vào mùa Thu 1963).[10] TT Diệm lại càng thêm trăn trở: Mỹ yêu cầu để cho cố vấn chia sẻ quyền hành làm chính sách, sau đó thì số cố vấn lại tăng vọt lên. Các cố vấn bây giờ không còn chỉ ngồi ở trung ương mà đã đi xuống cấp tỉnh theo như đòi hỏi của kế hoạch '*Đối tác hữu hạn.*' Như tác giả Trần Đức Minh tóm lại, "Những người (cố vấn) này nói chung đã có thái độ kẻ cả 'xê ra cho bà đun bếp' đối với chính quyền địa phương." Một số còn đi xa đến mức đòi giao đồ viện trợ trực tiếp cho họ để họ phân phối cho các xã ấp mà không qua chính phủ trung ương nữa. Tác giả Ellen Hammer bình luận: ***"Như vậy, ý họ muốn nói là người Mỹ có thể thực hiện chương trình phát triển nông thôn một cách hữu hiệu hơn là chính phủ Việt Nam. Đối với ông Diệm, sự việc này có nghĩa là người ngoại quốc trực tiếp cai trị, một hình thức thực dân mới mà ông không thể chấp nhận được."*** [11]

Đúng như Bộ trưởng Thuần đã cho Đại sứ Nolting biết: ông Diệm hết sức đau lòng và thất vọng khi ông nói: *"Chúng tôi thực không muốn trở thành một nước bị bảo hộ."* Đến lúc này thì ông thấy rõ là Mỹ muốn trực tiếp can thiệp vào chủ quyền của quốc gia. Ông đã cưỡng lại và phải trả cái giá thật đắt. Tưởng là 'Đối tác hữu hạn' hay là 'Công ty hữu hạn' nay lại thành ra 'Công ty năng tan.'

Giáo sư Galbraith, người đã xúi TT Kennedy thay đổi lập trường?

Nghiên cứu về giai đoạn này, chúng tôi thấy có một chuyện hơi lạ. Đó là về phần Tổng thống Kennedy, có thể nói là ông kính trọng Tổng thống Diệm từ lâu. Đầu năm 1961, khi vừa nắm chính quyền, ông lại đã quyết định hủy bỏ vấn đề đặt điều kiện với chính phủ Diệm và gửi ông Nolting sang làm đại sứ để cùng làm việc *"theo cùng một làn sóng với ông Diệm."* Bởi vậy, rất khó hiểu tại sao chỉ mấy tháng sau ông lại có thể lật ngược lại lập trường và đòi hỏi "một sự liên hệ chặt chẽ hơn nữa đối với tương quan (giữa hai chính phủ), nó phải đi xa hơn là sự liên lạc như hiện nay, nghĩa là Hoa kỳ không phải chỉ đóng vai trò cố vấn mà thôi," và vì vậy, "Chúng tôi mong muốn được chia sẻ với chính phủ Việt Nam trong quá trình làm chính sách về các lãnh vực chính trị, kinh tế và quân sự..." Chuyện này là xúc phạm không những tới cá nhân TT Diệm là người có tinh thần siêu quốc gia, nhưng lại còn tới cả nguyên tắc chủ quyền của một nước. *"Như vậy là cho Cộng sản cái độc quyền về tinh thần quốc gia hay sao?"* ông Diệm phàn nàn.

Theo như nghiên cứu của chúng tôi thì **chưa thấy tác giả nào cả Mỹ lẫn Việt soi sáng cho rõ về vấn đề này**, nhưng như tài liệu bộ Quốc phòng thì chúng tôi thấy rất có thể là Tổng thống Kennedy sau cùng đã bị ảnh hưởng bởi khuyến cáo của Giáo sư Galbraith. Tiến sĩ John Kenneth Galbraith (1908-2006) là một nhà kinh tế học nổi danh (đặc biệt là viết cuốn sách The *Affluent Society*), là bạn thân của gia đình Kennedy và đã được bổ nhiệm làm đại sứ tại Ấn độ. Như đã đề cập trên đây, khi Kennedy mới nhậm chức Galbraith đã thuyết phục tân tổng thống không ủng hộ ông Diệm và có thể tìm đường rút khỏi Việt Nam nhưng Kennedy không nghe. Bây giờ vào mùa Thu, trong một báo cáo đề ngày 20 tháng 11, 1961 về 'thẩm định tình hình gửi Tổng thống Kennedy,' Galbraith viết lại thuyết phục: ***"Tôi không có một chút hy vọng nào về những cải tổ hành chánh và chính trị mà ta đang áp đặt đối với ông Diệm sẽ đưa lại kết quả thực sự."*** Ông nói 'tôi không thể hiểu được

tại sao một đạo binh tới 250,000 người mà không đánh lại được một lực lượng du kích chỉ có khoảng từ 15,000 cho tới 18,000 người? [Tiếc rằng ông Galbraith không còn sống tới ngày nay để nhìn vào chiến tranh du kích của Alqueda và ISIS bên Trung Đông để có thể hiểu tại sao – lời tác giả). Bởi vậy, ông viết tiếp: ***"không có giải pháp nào mà không đòi hỏi phải thay đổi chính phủ…Nói rằng không có người nào thay được ông Diệm thì là vô nghĩa."*** [12]

Một cách rất lý sự, ông Galbraith cố thuyết phục ông Kennedy bằng một nhận xét là chẳng ai cho rằng ông Truman đã thay được Tổng thống Roosevelt, cũng không ai nghĩ rằng sẽ có người thay được Thủ tướng Nerhu ở Ấn Độ hay TT Lý Thừa Vãn (Sygman Rhee) ở Đại Hàn. Ngay ngày hôm sau, ông Galbraith lại tấn công thêm nữa. Ông viết cho ông Kennedy:[13] ***"Bởi vậy điểm chính là (ông Diệm) không hữu hiệu nữa - ấy là chưa nói đến vấn đề chính phủ Diệm không được nhân dân ủng hộ - Đây là một yếu tố chiến lược... Chúng ta chỉ có thể kết luận rằng không có tương lai cho những người quan lại. Cộng Sản cũng không thích họ."*** Galbraith cho rằng thật là ngây thơ nếu nghĩ rằng ông Diệm sẽ có những cải tổ. *"Tuy nhiên vì đã bắt đầu chơi ván bài tuyệt vọng này, chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc tiếp tục cho xong trong một thời gian tối thiểu."* Ông đề nghị rằng vì không có một hy vọng nào để thành công nên Hoa kỳ phải làm hai việc để bảo vệ quyền lợi của mình:

- *Một là* phải làm cho rõ ràng rằng sự cam kết của chúng ta **đòi hỏi kết quả** chứ không phải chỉ những lời hứa hẹn suông…và

- *Hai là* phải **áp lực rất mạnh về việc cải tổ quân đội**, vì những thay đổi cần thiết ở lãnh vực này là rõ ràng nhất và khẩn trương nhất."

Sau này chính Galbraith còn có nhiều chỉ trích lại nghiêm khắc hơn nữa vào trước lúc đảo chính 1963. Chúng tôi in lại một vài trích dẫn của ông ở phần Phụ lục để độc giả theo rõi thêm.

TT John F. Kennedy họp với Bộ Trưởng Phủ Tổng Thống Nguyễn Đình Thuần. (Hình: White House Photo)

Đại sứ Frederick Nolting (người đã báo cáo sự ưu phiền của TT Diệm về uy tín của chính phủ VNCH đối với nhân dân). (Hình: National Archives).

PHẦN V

ĐƯỜNG VỀ NGHĨA TRANG

CHƯƠNG 18

Khi Chuông Báo Động Rung Lên Ở Washington

Qua năm 1961, tới đầu 1962, tình hình quân sự trở nên sáng sủa, nhưng về tình hình chính trị thì lại bắt đầu đen tối. Khi hai ông Diệm – Nhu còn đang e ngại về tình huống chủ quyền chính trị quốc gia bị vi phạm, số cố vấn Mỹ ở địa phương lại tăng vọt lên. Tổng kết năm 1962, tình báo Hoa kỳ ca ngợi những thành quả mới của Miền Nam về mặt quân sự và về an ninh ở thôn quê, nhưng đặt ra một câu hỏi: *"liệu những thắng lợi về quân sự ấy có được phản ánh bằng những tiến bộ về ổn định trong địa hạt chính trị hay không?"* Nói tới chính trị là nói tới ông Nhu.

Tháng 4, 1963: thêm 4,500 cố vấn và binh sĩ nữa vào Miền Nam. Trạm trưởng CIA là ông Colby sau này nhận xét: "Ngay từ đầu 1962 cơ quan CIA đã có những mối liên lạc và ảnh hưởng trên toàn lãnh thổ Miền Nam, từ cổng trước và cổng sau Dinh Độc Lập tới những xóm làng ở thôn quê..." Trong một cuộc phỏng vấn với tờ Washington Post vào tháng 5 ông Nhu tuyên bố Mỹ có thể rút đi một nửa số cố vấn. Báo chí thổi phồng lên, TT Kennedy phật lòng, tuyên bố sẵn sàng rút đi. Vào chính lúc Washington đang nhắm vào ông Nhu thì một cơn bão tố nữa lại ập tới: khủng hoảng Phật Giáo, bắt đầu vào Lễ Phật Đản ngày 8 tháng 5. Xáo trộn leo thang. Viên chức Bộ Ngoại giao buộc tội chính phủ Diệm đã *'phá nát chùa chiền.'*

"Chuông báo động đã rung lên ở văn phòng các nhà hoạch định chính sách của Hoa kỳ khi có tin Chính phủ Diệm sẽ yêu cầu triệu hồi một số lớn cố vấn Mỹ ở cấp tỉnh Miền Nam trở về nước," tác giả Ellen Hammer bình luận. Có lần Tổng thống Diệm phàn nàn với đại sứ Pháp Lalouette: *"Tôi không bao giờ yêu cầu những người quân nhân này tới đây. Họ cũng chẳng có cả hộ chiếu nữa."* Lalouette cố vấn ông rằng nên yêu cầu Hoa kỳ một cách nhẹ nhàng để họ rút đi. Về sau, Đại sứ Lalouette cho rằng **"lý do chính đưa tới quyết định của Mỹ loại bỏ ông Diệm là vì vào tháng Tư năm ấy, ông đã toan tính yêu cầu Mỹ rút đi số cố vấn ở cấp tỉnh."** [1]

Hoa kỳ đã chọn Việt nam làm nơi đọ sức với Liên Xô mà bây giờ ông Diệm lại muốn yêu cầu cố vấn Mỹ ở cấp địa phương nên ra đi? Nhưng đối với Chính phủ Miền Nam thì làm sao cho nhân dân ở thôn quê hiểu được sự khác biệt giữa sự có mặt của người Pháp và người Mỹ? Rồi đến việc Mỹ muốn 'chia sẻ quyền hành.' Như đã đề cập ở chương trước, TT Diệm đã xấu hổ đến nỗi không dám mang vấn đề này ra bàn ở Nội các, vậy làm sao ông có thể cho nhân dân biết? Cho nên sự căng thẳng Việt-Mỹ ngày một gia tăng. Bây giờ đã có chút ít thắng lợi về quân sự, Mỹ chuyển sang vấn đề chính trị, bắt đầu nói nhiều hơn về tình trạng bất ổn có thể xảy ra vì nhân dân than trách chế độ gia đình trị của TT Diệm.

1962: năm khởi sắc

Sang năm 1962, chương trình quân viện và đào tạo cho quân lực VNCH lên tới cao độ, theo đúng như hứa hẹn của Tổng thống Kennedy. Nhờ những phương tiện và khả năng cơ động mới, năm 1962 là năm 'khởi sắc' của Miền Nam. Quân đội VNCH liên tiếp thành công đem lại hăng say và tự tín cho cả dân, quân, chính. Hoa kỳ hết sức hoan nghênh. Ngoài ra, chương trình 'Ấp Chiến Lược' cũng được phát triển, được chính Đại tướng Lyman Lemnitzer, Tổng Tham Mưu trưởng Liên Quân Hoa kỳ ca ngợi là có "những lợi ích chắc chắn, và rất

có thể là chìa khóa then chốt đưa tới sự thành công của chương trình bình định." Tuy nhiên, ông Roger Hillsman giám đốc Cơ quan tình báo và Nghiên cứu tại Bộ Ngoại giao lại không đồng ý. Ngày 18 tháng 6, 1962, cơ quan này nộp một báo cáo nói tới những khuyết điểm của Ấp Chiến Lược, đặc biệt là việc Chính phủ Diệm không chịu đền thiệt hại cho dân, thiếu hướng dẫn, thiếu điều hợp và yểm trợ vật chất từ trung ương, lại còn đặt ưu tiên của chương trình này cao hơn là 'Kế hoạch Đồng bằng' (Delta Plan) do Mỹ yểm trợ. Ngoài ra còn báo cáo nhiều vấn đề tiêu cực khác của chính phủ Diệm về việc xử dụng lực lượng Địa phương quân, Dân vệ, không thành công trong việc lấy lòng dân, cũng như không giúp đỡ dân thiểu số trên vùng Cao nguyên. Báo cáo kết luận là dù sao cũng đã có những tiến bộ trong việc nâng cao khả năng chiến đấu, tuy nhiên còn rất nhiều việc phải làm, không những về mặt quân sự mà đặc biệt là về mặt chính trị, hành chính. (Ông Hilsman cùng với ông Harriman là những người đóng vai chủ chốt trong việc lật đổ Tổng thống Diệm sau này). Còn báo chí Mỹ nói chung lại chỉ nhắm vào một số nhược điểm, như việc dời cư của một số xã ấp làm cho dân chúng bất mãn, sự tiếp ứng không kịp thời mỗi khi bị tấn công, và sự quá nồng nhiệt hăng say của một số chính quyền địa phương, đốc thúc dân chúng quá mạnh mẽ, gây ra bất bình.

Song song với chương trình bình định nông thôn, số cố vấn Mỹ vào Việt Nam đã tăng vọt, và về tới cấp tỉnh.

Ngày 17 tháng 4, trong một báo cáo của cơ quan tình báo CIA ghi số "NIE (National Intelligence Estimate) 53-63" về *'Triển Vọng Tại Miền Nam"* trong khuôn khổ của chiến lược 'chống nổi dậy' đã khen những thành quả của chính phủ và quân đội Miền Nam về mặt quân sự, đặc biệt là về tình hình an ninh ở thôn quê, nhưng lại đặt câu hỏi là: "liệu những thắng lợi về quân sự ấy có được phản ảnh bằng những tiến bộ về ổn định trong địa hạt chính trị hay không?" Nói đến chính trị là nói đến những chỉ trích đang nhắm vào gia đình ông Diệm, đặc biệt là ông Ngô Đình Nhu, và một phần nào, bà Nhu. Như vậy, có nghĩa là trước đó thì đặt vấn đề với ông Diệm là quân đội chiến

chính trị là nói đến những chỉ trích đang nhắm vào gia đình ông Diệm, đặc biệt là ông và một phần nào, bà Ngô Đình Nhu.

Ngày 10 tháng 5, 1963, trong một cuộc phỏng vấn với Warren Unna, phóng viên của tờ *Washington Post*, ông Nhu lại công khai tuyên bố là theo ông thì "một nửa số nhân viên quân sự đóng ở Việt Nam có thể được rút về nước. Ông lý luận rất đúng rằng:

- **Sự có mặt của họ ở đây làm cho chiến tranh này giống như là một chiến tranh của Mỹ;**
- **Nhiều tai nạn đã xảy ra cho người Mỹ vì quá hăng say** (ở thôn quê) **nên đã làm mồi cho địch quân.** Ngoài ra,
- **Nếu rút bớt họ đi thì chúng ta lại còn có thể chứng minh cho thế giới biết là chính sách của TT Kennedy đã thành công như thế nào ở Việt Nam. Dư luận Hoa kỳ rất thiếu kiên nhẫn, nhưng đây là một cuộc chiến về chính sự kiên nhẫn...một cuộc chiến lâu dài và khó khăn."**

Nhà báo Unna còn mô tả ông Nhu là người 'chống Mỹ một cách hung hăng ('rabidly anti-American'). [7]

Tin này làm cho TT Kennedy phật lòng, *"Chúng ta sẽ rút quân đội, sẽ rút bất kỳ một số quân như thế nào theo đề nghị của chính phủ Nam Việt Nam,"* ông đã trả lời như muốn dỗi khi một nhà báo hỏi về lời tuyên bố này, *"Vào ngày sau khi nhận được đề nghị, chúng ta sẽ có một số quân lên đường về nước. Đó là điểm thứ nhất. Còn điểm thứ hai, chúng ta hy vọng tình hình ở Nam việt nam sẽ cho phép rút một số quân bất kể trường hợp đó như thế nào trước cuối năm nay."* [8]

Nhưng dù ông tổng thống có nói như vậy, theo tác giả Hammer, thì ông cũng đã chỉ đưa ra một câu trả lời duy nhất có thể có được vào lúc ấy, nhưng dĩ nhiên, *"người Mỹ không ở Việt Nam để phục vụ ông Diệm; họ ở đó để phục vụ quyền lợi của Hoa kỳ và để chứng minh cho sự khả tín của Hoa kỳ trong việc đối phó với Cộng sản Liên xô và Trung Cộng ở những khu vực khác trên thế giới. Nếu nhà Ngô không cho họ tự do hành*

động như họ muốn, họ vẫn có thể kiếm được những người Việt Nam khác dễ dàng chiều theo ý muốn của họ hơn".[9]

Và thực vậy, trên bình diện quốc tế, lúc ấy thì Việt Nam đã trở thành sân đấu võ của các đại cường. Ông Robert Kennedy, bào đệ của Tổng thống Kennedy cũng đã từng hỏi, ***'đâu là nơi để ta vẽ một tuyến phòng thủ?'*** Như đã đề cập trong chương trước, sau cuộc họp với ông Khrushchev ở Vienna, ông Kennedy đã xác định: ***"Việt Nam là đúng chỗ rồi."*** Việt Nam là một địa điểm chiến lược để đối đầu với một cuộc chiến mới, cuộc chiến 'chống nổi dậy': *"Ta không thể không thấy tính cách xảo quyệt của cuộc đấu tranh mới mẻ và sâu đậm này,"* Kennedy bình luận.

Hai toa xe lửa chạy ngược chiều

Võ sĩ đã lên đài và trận đấu đang thắng, bây giờ ông Nhu lại muốn mời võ sĩ đi xuống thì làm sao chấp nhận được ? Bởi vậy, bây giờ mũi dùi bắt đầu chĩa hẳn vào ông này, và sau đó là bà vợ. Bài phỏng vấn của ông trên tờ *Washington Post* và phản ứng của ông Kennedy sau đó làm tăng thêm mức độ trầm trọng của những báo cáo về ông Nhu trước đó, đặc biệt là của Nghị sĩ Mike Mansfield. Cuối năm 1962, sau một chuyến viếng thăm Việt Nam, ông Mansfield, người đã hết lòng ủng hộ Tổng thống Diệm từ năm 1954 (xem chương 14) đã phải bình luận : "Ông Ngô Đình Diệm vẫn là một nhà lãnh đạo tận tụy, thành khẩn, cần mẫn, không bị hủ hóa, và yêu nước. Nhưng...vai trò đôn đốc mà ông ta nắm giữ trước kia dường như đang chuyển sang cho những người khác trong gia đình, đặc biệt là ông Ngô Đình Nhu. Ông này là một người giầu nghị lực và rộng trí thức, say mê cái bả quyền lực chính trị, lại rất hăm hở và dư khả năng tổ chức và thao túng quyền lực đó. Nhưng ông Diệm chứ không phải ông Nhu là người được nhân dân ủy thác quyền hành ở Việt nam. Trong một tình huống như vậy, có nhiều nguy cơ đưa tới sự lạm dụng quyền hành vô giới hạn."[10]

Nhưng làm sao ông Diệm lại có thể làm việc mà không có sự yểm trợ của ông Nhu? Như Chuẩn tướng Landsdale đã

từng cố thuyết phục Washington: "Thực tại là ông Diệm tin vào ông Nhu trong một số công việc mà ông ta không thể tin được ai khác... Nhu là cánh tay mặt của Diệm, bởi vậy, thay vì cứ đòi ông Diệm phải dẹp ông Nhu đi, cách tốt hơn là nên tập trung để ảnh hưởng vào cánh tay mặt của ông ta một cách hữu hiệu hơn" (xem Chương trước). Ông Diệm lấy nhân đức ra trị nước, nhưng mưu lược chính trị thì cần có ông Nhu ở bên cạnh. Ngoài ra còn tình nghĩa huynh đệ của một gia đình tuy Công giáo, nhưng cuộc sống thực là Nho giáo. Cho tới lúc sắp chết, ông Diệm còn nói với ông Nhu: *"Không đi mô cả. Tôi ở mô chú ở đó. Chú ở mô, tôi cũng ở đó. Sống chết có nhau."* [11] Về sau này, ngay trước lúc đảo chính, TT Diệm còn dặn dò Đại sứ Lodge là khi ông về tới Washington thì nên nói chuyện với cựu Đại sứ Nolting và ông William Colby, nguyên trạm trưởng CIA ở VN để hiểu tại sao ông cần ông Nhu (xem chương sau).

Lập trường của hai bên Mỹ-Việt tới đây giống như hai chuyến tầu suốt, nhưng là hai chuyến tầu đã khởi hành từ hai ga ngược chiều, một khởi hành từ phía Đông và một từ phía Tây. Chắc chắn sẽ tới lúc hai toa ấy phải đụng thẳng vào nhau.

Họa vô đơn chí

Thật không may mắn cho nhà Ngô, lời tuyên bố của ông Nhu lại hiện lên mặt báo vào lúc đang có đại họa, đó là 'cuộc khủng hoảng Phật Giáo' bắt đầu vào lễ Phật Đản thứ 2507 (ngày 8 tháng 5). Khi ông Diệm nắm chính quyền, vì không muốn bị dư luận chỉ trích là thiên vị tôn giáo, ông đã chỉ thị Bộ Nội Vụ ra Quy định số 10 về việc treo cờ trong các dịp lễ lạc. Đây cũng là do sự khó chịu của ông khi thấy các chính quyền địa phương hay treo cờ Vatican mỗi khi ông đi kinh lý. Đầu tháng 5, có đại lễ rầm rộ ở Huế mừng lễ ngân khánh của Giám mục Ngô Đình Thục, bào đệ Tổng thống Diệm. Nhiều người muốn lấy điểm với ông Giám mục nên đã tổ chức ngày lễ quá rầm rộ, cả quốc kỳ cả cờ Vatican treo khắp nơi. Nhưng vào dịp mừng Lễ Phật Đản, kéo dài từ ngày 8 tới 15 tháng 4 Âm lịch, lệnh trung ương lại bắt phải theo chỉ thị đã ban hành, đó là cấm

treo giáo kỳ ở nơi công cộng. Có thể đây là hoàn toàn trái ý muốn của Tổng thống Diệm.[12]

Ngày 8 tháng 5, tín đồ Phật Giáo quy tụ lại đài Phát Thanh Huế để nghe truyền thanh lại buổi lễ Phật Đản, nhưng chính quyền địa phương lại cấm buổi phát thanh này vì lý do là cuốn băng thu thanh ngày Phật Đản tại chùa Từ Đàm có ghi lời Thượng Tọa Thích Trí Quang đả kích chính quyền Diệm kỳ thị tôn giáo, và việc cấm treo cờ là điển hình. Thế là có sự xô xát giữa chính quyền và Phật tử, kết quả là 7 người chết, một thường dân và 5 binh sĩ bị thương. Hai ngày sau, Phật tử ở Huế biểu tình, đòi thu hồi lệnh cấm treo giáo kỳ, chấm dứt kỳ thị tôn giáo, bắt bớ, hăm dọa Phật tử, bồi thường cho nạn nhân và trừng phạt những người có trách nhiệm. Một sớm một chiều, tình hình trở nên hết sức căng thẳng, và biến cố ở Huế như con đê đã vỡ, trở thành một dịp may hiếm có cho những người chống đối nhà Ngô, và dĩ nhiên là một số nhà báo Mỹ ở Sàigòn. Bây giờ cơ hội đã tới để có thể đổ thật nhiều dầu vào ngôi nhà đã bắt đầu cháy. Đàn áp tôn giáo là một điều tối kỵ trong một nền dân chủ. [13] (Cho tới nay, sự thật về biến cố Phật Giáo vẫn còn là một vấn đề tranh luận).

Tại Washington, hai ông Harriman và Hilsman chỉ thị Đại sứ Nolting phải đến gặp Tổng thống Diệm tức khắc để yêu cầu ông phải có những hành động hòa hoãn ngay với Phật Giáo: tuyên bố công khai để giải tỏa bất bình, chỉ định một ủy ban điều tra cặn kẽ vấn đề này. Rồi ngày 4 tháng 6, Phó Đại sứ Truehart lại gặp Bộ trưởng Thuần để cảnh cáo thêm. Hai ông Diệm-Nhu đã thực sự nghe những lời cố vấn này và ngay sau đó (ngày 5 tháng 6) đã đi tới một thỏa thuận trên nguyên tắc để thỏa mãn một số yêu cầu của Phật giáo.

Nhưng giữa lúc dầu sôi lửa bỏng như vậy, chỉ ba ngày sau, bà Nhu lại có những lời lẽ xúc phạm tới Đức Phật, tố cáo phong trào biểu tình là do Cộng sản xách động, thách đố chính quyền phải cứng rắn.

Khủng hoảng lên cao độ

Thế rồi ngày 12 tháng 6, cả thế giới bàng hoàng thấy hình

Thượng tọa Thích Quảng Đức tự thiêu ở ngã tư đường Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng ngày hôm trước đó (11 tháng 6) do phóng viên Malcolm Browne đã chụp được. Browne là người đã được thông báo trước về sự sắp xếp này. Thôi thế là đúng rồi, một chính phủ được Hoa kỳ hết mình yểm trợ bây giờ quay ra đàn áp tôn giáo. Cá nhân chúng tôi không quên được cả một trang phổ biến trên hai tờ báo *Washington Post* và *New York Time* do một số mục sư Hoa kỳ đăng tải với hình ông Browne chụp, dưới có đề "Nhà Sư này, Thượng Tọa Quảng Đức đã tự thiêu. Ông ta đã chết đi để phản đối việc đàn áp Phật Giáo – và tín đồ Phật Giáo là 70% nhân dân Việt Nam." Xử lý thường vụ đại sứ Hoa kỳ Truehart một lần nữa, cảnh cáo ông Diệm là phải đáp ứng tất cả các yêu cầu của Phật Giáo ngay, nếu không thì Chính phủ Hoa kỳ có thể sẽ công khai tố giác hành động đàn áp Phật giáo của ông.[14]

Cùng ngày ấy, ông Truehart gặp Phó Tổng thống Thơ. Theo chỉ thị của Harriman và Hilsman, ông rỉ tai ông Thơ là nếu vấn đề chính trị làm cho ông Diệm không thể tiếp tục cai trị được nữa thì Hoa kỳ sẽ ủng hộ ông lên kế vị. Ngày 16 tháng 6, vấn đề được giải quyết phần nào khi Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ và Thượng Tọa Thích Tâm Châu ký một bản thông cáo chung gồm 5 điểm: về vấn đề treo cờ Phật giáo; tách Hiệp hội có tánh cách tôn giáo ra khỏi Dụ số 10; xét các hồ sơ khiếu nại của Phật giáo; tự do truyền đạo và hành đạo; và nghiêm trị các cán bộ có trách nhiệm về vụ xảy ra ở Huế ngày 8 tháng 5, 1963, và trợ giúp các nạn nhân.

Mỹ đánh giá lại chế độ Diệm

Ngày này sang ngày khác, báo chí liên tục đả kích chế độ Diệm độc tài, gia đình trị, đàn áp tôn giáo. Ngày 4 tháng 7, một cuộc họp cao cấp được triệu tập để thẩm định tình hình về chế độ ông Diệm. Ngoài Tổng thống Kennedy và ông Hilsman những người tham dự cuộc họp này còn có Thứ trưởng Ngoại giao George Ball: Thứ trưởng Ngoại giao Averell Harriman; Mc.George Bundy, Phụ tá Tổng Thống Đặc trách An ninh

Quốc gia, và Michael V. Forrestal, chuyên viên về các vấn đề Đông Nam Á trong Bộ tham mưu của Bạch cung. Biên bản cuộc họp được in lại trong phần Phụ Lục. Đại cương, Tổng thống Kennedy nghe báo cáo là đã có một bản thông cáo chung giữa Chính phủ Việt Nam và phía Phật giáo ngày 16 tháng 6 và theo đó, chính phủ sẽ thỏa mãn năm đòi hỏi của Phật giáo. Tiếp theo bản báo cáo là một cuộc thảo luận với những nhận xét và kết luận như sau: [15]

Ngày 4 tháng 7, 1963
Biên bản cuộc họp cấp tối cao

- Khả năng loại bỏ vợ chồng ông Nhu ra khỏi chính quyền là không thể làm được.
- Ông Diệm có thể đã nghĩ đúng khi ông cho rằng phía Phật giáo có thể đẩy mạnh các đòi hỏi thật xa để làm cho việc sụp đổ của chính phủ ông không thể tránh được.
- Mỹ đã áp lực cực kỳ mạnh đối với ông Diệm để ông thông báo ý định gặp các nhà lãnh đạo Phật giáo, cho phép lập ngành tuyên úy Phật giáo trong quân đội, vân vân... Nhưng nếu ông ta không chịu tuyên bố và lại xảy ra những cuộc biểu tình nữa thì Mỹ sẽ buộc lòng phải công khai tuyên bố là không dính líu gì tới chính sách về Phật giáo của chính phủ (Diệm).
- **Ông Hilsman cho rằng bất kể là ông Diệm sẽ làm gì đi nữa thì cũng sẽ có các âm mưu đảo chính trong vòng bốn tháng sắp tới; và**
- Khả năng Miền Nam bị xáo trộn sau một cuộc đảo chính thì không đến nỗi phải e ngại như một năm trước đây, lý do là qua suốt khoảng thời gian khủng hoảng Phật giáo, cuộc chiến đấu với Cộng sản đã vẫn tiến hành tốt đẹp, và quân đội ở chiến trường vẫn sẽ tiếp tục như vậy.
- Đại sứ Nolting thì nghĩ khác, ông cho rằng kết quả của

một âm mưu đảo chính thành công mà ông Diệm bị giết sẽ là nội chiến.

Như vậy là Mỹ đã có đầy đủ yếu tố cho thấy khả năng đảo chính là cao và nếu có đảo chính thì cuộc chiến chống Cộng cũng vẫn không bị ảnh hưởng, trái lại chính phủ tiếp theo nếu được Mỹ ủng hộ lại có thể còn hữu hiệu hơn.

Tình báo Mỹ thẩm định ảnh hưởng của biến cố Phật giáo

Sau cuộc họp, ngày 10 tháng 7, Tòa Bạch Ốc nhận được một bản phúc trình chi tiết "Thẩm định Tình báo Quốc gia" (NIE) do CIA đệ nộp về tình hình miền Nam Việt Nam sau vụ xáo trộn tại Sàigòn. Bản này là một trong những tài liệu chính yếu vì nói tới khả năng Chính phủ Diệm sẽ yêu cầu giảm bớt sự hiện diện của Mỹ, đặt vấn đề ông Nhu, và nói tới ảnh hưởng cuả việc thay thế ông Diệm là sẽ giúp cho cuộc chiến thêm hiệu quả. Cuộc khủng hoảng Phật giáo đã thực sự thay đổi cục diện Miền Nam, ấy là vào lúc đó thì chưa có cuộc tấn công vào Chùa xá Lợi:[16]

Báo cáo NIE 53-2-63
Ngày 10 tháng 7, 1963
Thẩm định tình hình Miền Nam về biến cố Phật Giáo

Bản nghiên cứu đưa ra những kết luận tóm tắt như sau:

- **"Cuộc khủng hoảng Phật giáo ở miền Nam Việt Nam làm nổi bật và gia tăng sự bất mãn lan rộng từ lâu với chế độ Diệm và cơ chế chính quyền của ông ta. Nếu ông Diệm thất bại và điều này có vẻ sẽ xảy ra – trong việc thực thi mau lẹ những điều cam kết của ông với Phật giáo, thì những xáo trộn sẽ có thể tái diễn và cơ hội của một cuộc đảo chính hay cuộc mưu sát nhắm vào chính ông sẽ có thể thuận lợi hơn bao giờ hết;**

- **Sự khó chịu ngấm ngầm của chế độ Diệm về mức can thiệp của người Mỹ ở Miền Nam Việt Nam giờ đây đã trở nên gay gắt vì vụ Phật giáo và đường lối cứng rắn của Hoa kỳ đã áp dụng sau đó. Thái độ này hầu như chắc chắn sẽ tồn tại và có lẽ sẽ (làm cho Chính phủ Diệm) tăng thêm áp lực đòi giảm bớt sự hiện diện của Mỹ ở đây;**

- **Về sự việc này thì ông Nhu sẽ đóng vai chính, ông ta có nhiều tham vọng chính trị và hầu như chắc chắn là ông ta coi mình sẽ là người kế vị ông Diệm. Vì nhiều lý do nên đã từ lâu Nhu có quan niệm thù địch và nghi ngờ Mỹ. Ông ta là người đã thúc đẩy phải có lập trường cứng rắn khi điều đình với phía Phật giáo và đã không mấy hưởng ứng những nhượng bộ của chính phủ;**

- **Cuộc khủng hoảng Phật giáo dĩ nhiên là có lợi cho Cộng sản, nhưng cho đến nay, chưa thấy có chứng cớ nào là Cộng sản đã khai thác nó một cách hiệu quả;**
- **Một người kế tiếp ông Diệm có thể là lúc đầu cũng chẳng hữu hiệu gì hơn ông ta trong việc chống Cộng và có thể còn kém hơn nữa, nhưng còn một số lớn nhân lực có kinh nghiệm, đã được đào tạo mà chưa được xử dụng. Những phần tử này nếu nhận được sự viện trợ tiếp tục của Mỹ cũng có thể lãnh đạo cả chính phủ lẫn cuộc chiến một cách hiệu quả."**

Chính tướng lãnh đã cố vấn chính phủ dẹp biểu tình?

Chiều ngày 18 tháng 8, mười tướng lãnh trong số các tướng thâm niên nhất họp nhau về việc giải quyết khủng hoảng. Đa số đã đi tới kết luận là không thể để lộn xộn mãi như thế này được. Nếu TT Diệm để cho những cuộc biểu tình kéo dài quá lâu thì sẽ làm ảnh hưởng tới cuộc chiến, chính phủ cần dẹp ngay phong trào biểu tình bằng cách đưa các nhà sư ra khỏi chùa và

đưa họ về quê quán của mình. Sau đó họ vào dinh Gia Long gặp TT Diệm yêu cầu cho phép quân đội di tản chùa chiền (forced evacution) và ra lệnh thiết quân luật. "Tình trạng vô trật tự này không thể chấp nhận được," tướng Đôn nói. "Tình trạng vô trật tự làm cho người dân mất tin tưởng vào khả năng kiểm soát của chính phủ. Cần phải bắt nhốt những phần tử xách động ...Chùa chiền không thể là nơi ẩn náu đặc biệt của những kẻ phá hoại." Tướng lãnh còn nhắc nhở ông Diệm là hành động mạnh mẽ của ông năm 1955 đối với các giáo phái đã chấm dứt tình trạng khủng hoảng tương tự. TT Diệm đồng ý cho phép giải tán các chùa và ra lệnh thiết quân luật, nhưng ông nhấn mạnh là không được làm hại bất cứ nhà sư nào.[17]

Biến cố Chùa Xá Lợi [18]

Về phần ĐS Nolting, ông đã xin đi nghỉ hè cùng với gia đình một tháng rưỡi bắt đầu từ ngày 9 tháng 5. Khi biến cố Huế xảy ra ông đã hoãn chuyến đi và chỉ hai tuần sau ông mới rời Sàigòn, yên tâm là tình hình có bề êm dịu hơn. Nhưng chỉ vài ngày sau khi ĐS Nolting rời Sàigòn, cuộc khủng hoảng lại nổ mạnh hơn. Đêm ngày 21 tháng 8, chỉ khoảnh khắc sau khi kim đồng hồ ở chợ Bến Thành chỉ 12 giờ, một đám đông tới hai mươi ngàn người biểu tình chung quanh chùa Xá Lợi. Nhiều người tham gia biểu tình kêu gọi lật đổ chính phủ. Phó ĐS Truehart cho rằng những tố cáo chính phủ đàn áp tôn giáo "đã như tấm bình phong che đậy cho nhiều nhóm người chống đối chính phủ Diệm và lợi dụng cơ hội này vì nhiều mục đích khác." Ông thêm rằng cho dù TT Diệm đã bắt đầu có những hành động hòa hoãn như phía Hoa Kỳ mong muốn nhưng cũng đã không có ảnh hưởng gì đối với nhóm người chống đối này." Những hành động của chính phủ bao gồm việc tái xác nhận tự do tôn giáo được Hiến pháp hoàn toàn bảo đảm, đồng thời lên án những hành động phân biệt tôn giáo, thay thế cấp lãnh đạo ở Huế và ra bản thông cáo chung gồm 5 điểm ký kết giữa đại diện chính phủ và Phật Giáo.

Đối với giới báo chí Mỹ, đây quả là một tin tức giật gân.

"Từng trăm nhà sư bị bắt nhốt và nhiều người bị quân đội và cảnh sát đánh đập." Halberstam cấp tốc gửi báo cáo về cho tờ *New York Time*. Như vậy là anh xác nhận về vai trò của quân đội trong vụ tấn công vào chùa. Nhưng chỉ ngày hôm sau, Halberstam lại thay đổi hẳn, tránh né vai trò quân đội và đổ cho ông Nhu: tờ NYT đăng thật to về tin mới của Halberstam. Sau này tướng Đôn đã xác nhận là chính ông và các tướng khác đã thuyết phục TT Diệm cho phép di tản các đám đông trong chùa chứ không phải ông Nhu. Nhưng vào lúc ấy, theo như báo cáo của CIA ngày 23 tháng 8, ông Đôn đã hỏi phía Hoa Kỳ là tại sao lại đổ cho quân đội ?

Đây là dịp hiếm có cho những viên chức tại Bộ Ngoại Giao muốn dẹp ông Nhu. Ba viên chức Harriman, Hilsman và Forrestal đồng nhận xét về biến cố 21 tháng 8 cũng giống như báo chí rằng ***"chính phủ Diệm phá nát chùa chiền"*** (smashed the pagodas). Rồi đi tới kết luận: *"Chính phủ Mỹ không thể nào chấp nhận một tình huống là quyền lực nằm trong tay ông Nhu."* Ngày hôm sau, đài Tiếng Nói Hoa Kỳ VOA loan tin là chính ông Nhu chứ không phải quân đội đã có trách nhiệm.

Ông Ngô Đình Nhu.
(Hình: "tinhomnay.wordpress.com")

Trưởng trạm CIA, ông William Colby. (Hình: "tolycantimes.info")

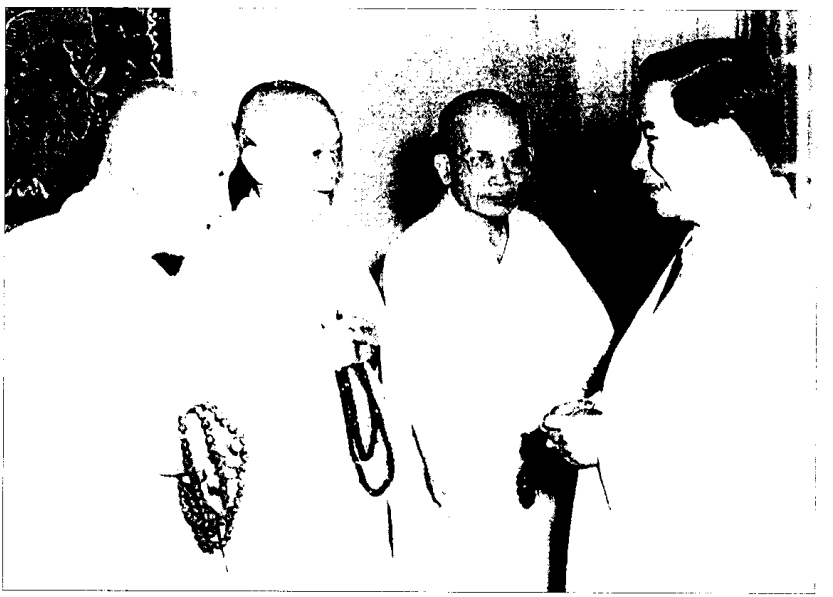

Ngày 28/8/1963: TT Diệm tiếp Phái đoàn Phật Giáo tại Dinh Gia Long. (Hình: Michael Maclear, *Vietnam A Complete Photographic History*)

CHƯƠNG 19

Đao Phủ HENRY
Đội Mũ Đen

"Nhiều người trong đó có tôi luôn cho rằng nếu như có một tay hung ác đội mũ đen (black hatted villain) *trong thảm kịch Sàigòn năm 1963 và cái chết của hai anh em ông Diệm, Nhu thì đó chính là Lodge,"* tác giả James W. Douglas kết luận trong một cuốn sách nghiên cứu công phu xuất bản năm 2008. Đại sứ Cabot Lodge đã không trực tiếp ra lệnh đảo chính TT Diệm, nhưng ông đã có trách nhiệm lớn lao đưa tới lệnh ấy và khi thi hành mệnh lệnh thì lại dùng nhiều thủ đoạn - kể cả bóp méo những chỉ thị từ Washington - nhằm triệt hạ cho bằng được hai anh em ông Diệm-Nhu. Tên ông Lodge là Henry Cabot Lodge nên chúng tôi gọi ông này là Đao phủ Henry I.

Chương này giúp độc giả hiểu rõ con người ông Cabot Lodge và trả lời những câu hỏi như: tại sao TT Kennedy lại bổ nhiệm ông ta làm đại sứ ở Việt Nam? Tại sao ông lại quyết tâm loại bỏ ông Nhu, rồi đánh lừa cả TT Diệm? Bối cảnh của bức mật điện lịch sử ngày 24 tháng 8, 1963 về việc Washington ủng hộ đảo chính được soạn thảo và chuyển tới Sàigòn trong tình huống như thế nào? TT Kennedy đã bất mãn với chỉ thị ấy ra sao? Và đao phủ Henry I đã đi những bước nào để triệt hạ chính phủ Diệm?

Thật cũng lạ: nếu như thời Đệ Nhị Cộng Hòa, có tay đao phủ tên là Henry (Kissinger), người đã đẩy Miền Nam xuống vực thẳm, thì thời Đệ Nhất Cộng Hòa, lại đã có một tay đao phủ khác cũng tên là Henry. Thông thường khi nói tới viên đại sứ Mỹ cuối cùng trong thời Đệ Nhất Cộng hòa thì ta hay nói tới ông Cabot Lodge. Tên đầy đủ của ông là Henry Cabot Lodge. Vậy chúng tôi gọi ông này là Đao phủ Henry I và Henry Alfred Kissinger là đao phủ II. Trong cuốn sách nghiên cứu công phu với tựa đề "JFK, And The Unspeakable" đã trích dẫn trong chương trước, tác giả James W. Douglas viết: *"Nhiều người trong đó có tôi luôn cho rằng nếu như có một tay hung ác đội mũ đen trong thảm kịch Sàigòn năm 1963 và cái chết của anh em ông Diệm Nhu thì đó chính là Lodge."* [1] Ông Lodge đã không trực tiếp ra lệnh đảo chính nhưng có trách nhiệm lớn lao về đảo chánh và về cái chết bi thảm của TT Diệm và Cố vấn Nhu. Trong thực tế, vào giai đoạn cuối cùng thì chính ông là người đã đóng vai trò đao phủ.

Cuối tháng 6, 1963, đang khi tình hình ở Sàigòn có vẻ lắng dịu xuống thì ngày 27 tháng 6 có tin từ Washington là vào tháng 8 thì Hoa kỳ sẽ thay thế Đại sứ Nolting, người đã nhất mực ủng hộ TT Diệm. Sau ba năm phục vụ, ĐS Nolting yêu cầu được thuyên chuyển về Mỹ vì lý do gia đình. Đang khi chờ đợi quyết định của TT Kennedy, gia đình ông Nolting đi nghỉ ở Hy Lạp. Để theo rõi tình hình tại Sàigòn ông thường xuyên gọi điện thoại cho lãnh sự Mỹ ở Athens (thủ đô Hy Lạp) để hỏi xem Phó Đại sứ Truehart ở Sàigòn có gửi điện tín gì cho ông không? Tuyệt nhiên là không. Đến khi ông mua một tờ báo nhỏ ở đảo Mykonos và thấy hình một nhà sư tự thiêu do Malcomb Brown chụp ngày 11 tháng 6, ông giật mình, lại gọi ông Truehart một lần nữa, nhưng cũng vẫn không có thông điệp gì cả. Cho đến khi về tới New York ngày 1 tháng 7 ông mới nhận được lá thư của Bộ trưởng Phủ tổng thống Nguyễn Đình Thuần viết cho ông rằng *"Tổng thống Diệm yêu cầu ngài về Sàigòn gấp."* Trong khi ông Nolting đi nghỉ, ông Thuần cũng đã yêu cầu tòa Đại sứ Mỹ thông tin cho ĐS Nolting là TT Diệm muốn ông trở về để làm trung gian giải quyết cuộc khủng

hoảng. Truehart có hứa sẽ chuyển lời nhưng đã thất hứa cả hai lần. Giả như ông Nolting nhận được yêu cầu của TT Diệm thì chắc chắn ông đã trở về Sàigòn để làm cho bầu không khí căng thẳng Việt – Mỹ dịu đi được phần nào.[2]

Về tới Sàigòn, ông Nolting thấy ông Diệm thực sự đã thi hành một số biện pháp theo như yêu cầu của Bộ Ngoại Giao Mỹ. Ngày 18 tháng 6, ông Diệm cho phát sóng một thông điệp kêu gọi toàn thể chính phủ phải thực thi 'Bản Tuyên Cáo Chung' giữa Chính phủ và lãnh đạo Phật Giáo vào ngày 16 tháng 6'. Ông cho phép các nhà sư trở về những ngôi chùa bị cô lập hóa, rồi trừng phạt viên đại tá là người đã tổ chức cuộc biểu tình chống Phật Giáo. Trong những ngày cuối cùng khi Nolting còn làm đại sứ ở Sàigòn, ông vẫn cố thuyết phục Washington là cuộc khủng hoảng Phật Giáo đang dần dần lắng dịu và Washington nên tuyên bố ủng hộ ông Diệm. Nhưng đồng thời, tại Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, bè phái Harriman và Hillsman không quan tâm đến những nhượng bộ và hành động của ông Diệm, một mực cãi lại là phải áp lực ông Diệm cho thật nhiều vì chính phủ của ông không cố gắng đủ để hòa giải với Phật giáo. Hillsman đánh điện (cho Nolting) nói sẽ có đảo chính trong mấy tháng nếu không phải là mấy tuần nữa. Bởi vậy nếu Washington tuyên bố ủng hộ ông Diệm thì *"sẽ phải chịu cái rủi ro là ủng hộ bên thua cuộc và có thể còn kéo dài cuộc khủng hoảng lâu hơn nữa với những hậu quả rất bất lợi cho cuộc chiến chống cộng."*[3] Tuy nhiên, Hillsman cũng đã thừa biết là Washington sẽ không phải chịu cái rủi ro ấy vì ông Lodge cũng sắp sửa thay thế ông Nolting rồi.[4]

Cabot Lodge là ai?

Ông Henry Cabot Lodge sinh ra tại Nahant, Massachusetts. Cha ông là George Cabot Lodge, một nhà thơ. Năm 1924, ông tốt nghiệp hạng ưu tại Đại học Harvard, nơi ông là một thành viên của hai hội Hasty Pudding và Fox Club. Năm 1933 ông được bầu vào Hạ viện tiểu bang Massachusetts và năm 1936, được bầu làm nghị sĩ đảng Cộng hòa tại Thượng viện Hoa

Kỳ. Lodge phục vụ năm đầu tiên của nhiệm kỳ Thượng viện mới của mình, nhưng sau đó đã từ chức ghế Thượng viện của ông vào ngày 3 tháng 2 năm 1944 để trở lại quân đội. Đây là trường hợp đầu tiên một nghị sĩ làm như vậy kể từ cuộc nội chiến. Ông phục vụ ở Ý và Pháp với cấp bậc trung tá. Nổi tiếng là con người bảo thủ, cứng rắn, võ biền. Vào mùa thu năm 1944 Lodge một mình bắt được một đội tuần tra của Đức gồm bốn người. [8] Vào tháng Ba 1945, ông được tặng bằng khen Legion of Honor và Croix de Guerre của Pháp và Legion of Merit và Bronze Star Medal của Mỹ. Sau chiến tranh, Lodge trở lại Massachusetts và tiếp tục sự nghiệp chính trị của ông. Ông Lodge cũng là người đã tranh cử với ông Kennedy hai lần và đều thất bại. Lần đầu là năm 1952 khi ông muốn tái cử chức Nghị sĩ tiểu bang Massachusetts, và lần thứ hai là trong cuộc bầu cử tổng thống năm 1960 khi ông đứng chung liên danh Nixon-Lodge (và chính chúng tôi đã đi vận động cho liên danh này). Nixon và Lodge đã thất cử để địch thủ cũ là nghị sĩ John Kennedy thắng cử. Nixon chọn Lodge cùng ứng cử vì đã hy vọng sai lầm rằng cựu thống đốc Lodge của tiểu bang Massachusset sẽ nhận được nhiều phiếu bầu làm cho Kennedy thất cử ở tiểu bang này. Ngoài ra ông còn cho rằng vì Lodge đã làm đại sứ tại Liên Hiệp Quốc nên có nhiều kinh nghiệm ngoại giao hơn hẳn Kennedy là người tương đối thiếu kinh nghiệm.[5]

Thành kiến sẵn về TT Diệm

Thoạt đầu TT Kennedy có ý định chỉ định ông Edmund Gullion (cựu lãnh sự Mỹ ở Sàigòn đầu thập niên 1950) để làm đại sứ thay ông Nolting. Gullion là người có thiện cảm với những người có tinh thần quốc gia cũng giống như Kennedy, nhưng Bộ trưởng Ngoại giao Dean Rusk không đồng ý và đề nghị ông Lodge.[6] Vì ông Lodge có thể được Đảng Cộng Hòa đề cử để ra tranh cử với TT Kennedy vào năm 1964 nên ông Kennedy rất nể vì. Trong cuốn sách 'Triumph Forsaken' tác giả Moyar viện dẫn nhà sử học Arthur Schlesinger để cho rằng năm 1963, TT Kennedy biết rằng ông Cabot Lodge sẽ là ứng cử viên Đảng

Cộng Hòa ra tranh cử nên chỉ định ông làm đại sứ ở Sàigòn để ông phải đứng vào thế thủ, không thể cáo buộc những thất bại ở Việt Nam cho đảng Dân chủ. Nhưng tại sao ông Lodge lại đồng ý? Điều này cũng dễ hiểu: nếu ông Lodge thành công thì sẽ nổi tiếng, lấy điểm với cử tri. Nếu thất bại, ông sẽ từ chức trước lúc tranh cử và nói 'tôi đã chứng kiến sự thất bại của chính sách Kennedy.' Như độc giả sẽ thấy trong hai chương sau, vào đầu tháng 9, 1963, khi TT Kennedy còn bối rối và chưa dứt khoát về đảo chính vì thấy báo cáo của ĐS Lodge (vừa tới Sàigòn được mấy ngày) lại trái ngược với báo cáo của Tướng Harkins (Tư lệnh quân sự ở Việt Nam). Bởi vậy, ông đã chỉ định Bộ trưởng Quốc Phòng McNamara và Tướng Taylor (hai người bênh vực ông Diệm) sang Sàigòn để thẩm định cho rõ hơn về tình hình. Ông Lodge phản kháng, cho là 'chuyến đi không cần thiết.' TT Kennedy có vẻ nương ông Lodge nên viết thư giải thích cho ông ta là 'chuyến đi hoàn toàn có tính cách quân sự.' Trong hai tháng 9 và 10, vì chỉ thị từ Tòa Bạch Ốc nhiều khi không rõ ràng nên ông Lodge đã bóp nặn để giải thích cho tướng lãnh theo ý mình.

Trước khi nhậm chức ông Lodge đã có thành kiến sẵn về TT Diệm. Ông đã đi tới kết luận là ông Ngô Đình Diệm vừa bất tài vừa độc tài, và chính phủ ông tham nhũng, Miền Nam Việt Nam đang hướng tới một thảm họa nếu ông Diệm không cải cách chính trị hoặc không bị thay thế. [13] Sở dĩ có thành kiến một phần là vì ông đã bị ảnh hưởng sâu đậm bởi những chỉ trích liên tục về hai ông Diệm-Nhu của nhóm ký giả trẻ tuổi như Halberstam, Sheehan, Brown, Sully. Phần khác là vì ông đã tham khảo ý kiến của ông John Luce, chủ báo Time-Life (là người chống đối Kennedy) xem ông phải đối xử với ông Diệm như thế nào. Luce đã khuyên Lodge chớ có điều đình gì với ông Diệm, hãy "chơi trò con gà" (game of chicken) với ông ta: trừ phi ông Diệm 'chicken out' (bỏ cuộc) thì phải đè bẹp ông ta.[7] Ông Lodge đã nghe lời và hành động như vậy. TT Diệm không biết nhiều về ông Lodge nhưng khi nghe tin ông là người cứng rắn sắp thay thế ông Nolting làm đại sứ, ông Diệm tâm sự với Bộ trưởng Thuần, ***"Họ có thể gửi mười ông Lodge sang, nhưng tôi không thể để cho chính tôi hay đất nước này***

bị nhục mạ, dù họ có chĩa đại bác vào Dinh Độc Lập." [8]

Đại sứ Lodge đã ra tay dẹp Nhà Ngô như thế nào? Nghiên cứu kỹ tài liệu lịch sử chúng tôi thấy ông đã có những hành động như sau:

- Vừa tới Sàigòn, ông đã phớt lờ và không muốn điều đình gì với TT Diệm, một hành động bật đèn xanh cho tướng lãnh.
- Rồi ông trực tiếp khích lệ tướng lãnh đảo chính.
- Tiếp theo là việc loại bỏ Trạm Trưởng CIA là Richarson (người quen thân với ông Nhu) và không cho Tư lệnh Harkins (người ủng hộ ông Diệm) biết đầy đủ thông tin về đảo chính, như vậy Lodge dễ bề hành động.
- Ông cũng không cho TT Kennedy biết hết những gì đang xẩy ra ở Sàigòn; và
- Hết mực thuyết phục Washington chấp thuận đảo chính.
- Khi lệnh từ Washington chưa rõ ràng, ông đã giải thích theo ý mình; rồi sau cùng, đã
- Đánh lừa cả TT Diệm vào ngay ngày đảo chính; đồng thời
- Không thông báo cáo kịp thời cho TT Kennedy về thông điệp và nhượng bộ của TT Diệm vào sáng ngày đảo chính.

Sau cùng, ông Lodge đã hứa với TT Diệm là nếu ông yêu cầu thì sẽ giúp phương tiện để bay ra ngoại quốc, nhưng tới khi ông Diệm gọi điện thoại lần thứ hai để nhờ cậy việc này (vào sáng sớm ngày 2 tháng 11, 1963) thì ông Lodge đã từ chối! Vì hoàn toàn thất vọng cho nên TT Diệm mới gọi cho tướng lãnh ở Bộ TTM - một điều cho đến nay ít người biết). Chúng tôi sẽ trở lại điểm này trong Chương 22.

Câu hỏi đặt ra là tại sao ông Lodge lại quá hăng say và quyết tâm dẹp cho được ông Diệm, và dẹp một cách vội vàng như vậy? Câu trả lời của chúng tôi như sau: ngoài tình huống là ông Lodge đã bị báo chí đầu độc, còn một lý do có lẽ quan trọng nhất, đó là vào lúc ấy thì năm 1963 lại sắp kết thúc, sang năm 1964 là năm bầu cử tổng thống Mỹ. Ông Lodge định ra

tranh cử nên phải vội vàng lập được thành tích về ngoại giao để còn lấy điểm với cử tri. Hình ảnh chính phủ Diệm sau biến cố Phật Giáo đã trở nên quá đen tối (như chúng tôi theo dõi từng giờ tại Washington vào lúc ấy). Nếu như Lodge thành công trong việc đảo chính và một chính phủ mới hữu hiệu và đạt được những thành quả chống cộng tốt đẹp thì thật may mắn cho ông ta trong kỳ tuyển cử 1964. Tuy nhiên mưu lược của con người cũng không thoát qua được sự sàng lọc của lưới Trời. Đọc chương này và ba chương sau độc giả sẽ thấy rõ những bước đi của Đao phủ Henry I.

Bức mật điện lịch sử 24 tháng 8, 1963 cho phép đảo chính

Tại Sàigòn, ông Lodge vừa tới nơi là đã họp ngay với báo chí và thăm các nhà sư trước cả lễ nghi trình diện với Tổng thống Diệm. Hôm sau, Tướng Trần Văn Đôn gửi cho ông Lodge một bức thư qua Conein, nói rằng quân đội không nhúng tay vào biến cố Phật giáo vừa qua. Ông Lodge lập tức báo cáo về Washington mà không cần kiểm tra lại về sự chính xác của thông tin này. Washington phản ứng ngay vì những người chống ông Diệm ở Bộ Ngoại Giao (trong nhóm gọi là "The New Frontier" – Biên cương Mới, chữ mà TT Kennedy hay dùng) đang cố đổ hết tội cho ông Nhu. Ngày 24 tháng 8 nhằm ngày thứ Bảy cuối tuần, quan chức cao cấp ở Washington đi nghỉ. Tổng thống Kennedy thì về Hyannis Port (Massachussets). Tại Washington các ông Harriman (thứ trưởng Ngoại giao), Hillsman (Phụ tá Ngoại trưởng), và Forrestal (Phụ tá ở tòa Bạch Cung) soạn thảo một mật điện tín ra chỉ thị đầu tiên về việc đảo chính. Thật xui cho ông Diệm, sau khi soạn xong văn bản, **Phụ tá Forrestal chỉ gọi cho Tổng thống Kennedy để đọc cho ông nghe qua điện thoại.** Đang nghỉ ngơi chiều thứ bảy mà lại phải nghe văn thư này nọ, ông Kennedy bảo thôi cứ để tới sáng thứ hai triệu tập một cuộc họp rồi hãy tính. Harriman cùng với Hillsman thúc dục là cần gửi gấp. **Kennedy đồng ý với điều kiện là phải hỏi các xếp của hai ông**. Hilmans gọi báo cho Ngoại trưởng Rusk. Không

biết ông nói như thế nào mà ông Rusk hiểu lầm rằng Tổng thống đã đồng ý nên ông Rusk cũng OK. Còn McNamara và xếp CIA McCone thì chưa được thông báo, nhưng điện văn được gửi đi ngay.[9] Vì đây là một tài liệu nòng cốt cho những âm mưu tiếp theo để đi tới cuộc đảo chính 1 tháng 11, chúng tôi in lại hầu như toàn bộ văn kiện của Bộ Ngoại Giao Mỹ gửi Đại sứ Lodge trong phần Phụ Lục cho chương này. Sau đây là vài đoạn:[10]

Ngày 24 tháng 8, 1963
BNG 243
TC: CAS 265 –TAB E
Bộ Ngoại Giao gửi Đại sứ Lodge

...

"Chính phủ Hoa kỳ không thể khoan thứ một tình huống mà quyền bính nằm trong tay ông Nhu. Ta phải cho ông Diệm cơ hội dứt bỏ ông Nhu cùng với vây cánh và thay thế họ bằng những nhân vật chính trị và quân sự giỏi nhất hiện có.

"Nếu, mặc dầu tất cả những cố gắng của đại sứ mà ông Diệm vẫn ngoan cố và từ khước thì ta phải đối diện với khả năng là không thể bảo tồn chính bản thân ông Diệm nữa.

"Đồng thời chúng ta phải thông báo cho những người lãnh đạo quân sự nòng cốt biết rằng Hoa kỳ không thể tiếp tục yểm trợ chính phủ VNCH về quân sự và kinh tế nữa, nếu không ngay lập tức áp dụng những biện pháp nói trên, trong đó chúng tôi nhìn nhận phải đưa ông bà Nhu ra khỏi chính trường.

"Chúng tôi muốn cho ông Diệm có một cơ hội hợp lý để loại trừ ông Nhu nhưng nếu ông ấy vẫn ngoan cố thì chúng tôi sẵn sàng chấp nhận hậu quả hiển nhiên là chúng tôi không thể ủng hộ ông Diệm được nữa.

"Ông cũng có thể cho những người chỉ huy quân sự nào thích đáng biết rằng chúng ta sẽ yểm trợ họ trực tiếp trong giai đoạn lâm thời khi guồng máy chính

quyền trung ương bị tê liệt... Cùng lúc với sự việc nói trên, ông Đại sứ và cộng tác viên nên khẩn cấp cứu xét mọi nhân vật lãnh đạo có khả năng thay thế và dự thảo kế hoạch làm cách nào để thi hành việc thay thế ông Diệm nếu điều này trở nên cần thiết...

Chấp thuận bởi: Averell Harriman

Ông Lodge đi xa hơn lệnh và đi thẳng với tướng lãnh

Dù trong công điện này còn nói tới việc cho ông Diệm một cơ hội: *"Ta phải cho ông Diệm cơ hội dứt bỏ ông Nhu cùng với vây cánh.... Chúng tôi muốn cho ông Diệm một cơ hội hợp lý để loại trừ ông Nhu nhưng nếu ông ấy vẫn ngoan cố thì..."* nhưng ông Lodge không muốn cho ông Diệm một cơ hội nào nữa. Ở Sàigòn, điện văn của Bộ Ngoại giao đã mở màn cho một loạt những biến cố. Điện văn tới Sài-gòn vào đêm chủ nhật, ngày 25 tháng 8. Dù chưa trình diện Tổng thống Diệm, Đại sứ Lodge đã tức thời triệu tập Tướng Harkins và ông John H. Richardson, giám đốc tình báo CIA ở Miền Nam để thông báo. Sau cuộc họp chiến lược, ông Lodge đi thêm một bước nữa: cấp thời đánh điện về Bộ Ngoại giao, đề nghị một *thay đổi chiến thuật*: đó là không cần phải thuyết phục ông Diệm nữa mà cứ đi thẳng với các tướng lãnh (chữ tô đậm và gạch dưới là do tác giả): [11]

Ngày 25 tháng 8, 1963
Đại sứ Lodge gửi :
Ngoại trưởng Dean Rusk
Phụ tá Ngoại trưởng Roger Hillsman

"Chúng tôi tin tưởng rằng những cơ hội về chuyện ông Diệm sẽ thỏa mãn các yêu cầu của chúng ta rõ ràng là không còn nữa. Đồng thời nếu tôi đưa các yêu cầu ấy ra cho ông Nhu thì chúng ta sẽ giúp cho ông ta một cơ hội để ông ấy đoán trước hay cản trở

hành động của các tướng lãnh.

"Vì thế đề nghị chúng ta đi thẳng với các tướng lãnh để cho họ biết các đòi hỏi của chúng ta mà không cho ông Diệm biết. Tôi sẽ nói với họ là chúng ta sẵn sàng chấp nhận để ông Diệm ở lại mà không có ông bà Nhu, nhưng tùy họ quyết định xem có nên để ông ta ở lại hay không;

"Sẽ nhấn mạnh các tướng lãnh áp dụng những biện pháp để trả tự do cho các nhà sư và thi hành bản thỏa ước ký kết ngày 16 tháng 6;

"Vậy tôi yêu cầu nên thay đổi ngay các chỉ thị cho thích hợp."

Nhận được điện văn của ông Lodge, các ông Hillsman và Ball không tham khảo gì với cấp trên mà lại trả lời thẳng thừng ngay là **"Đồng ý với đề nghị"** của ông Lodge. Với sự đồng ý này, Lodge lại triệu tập một cuộc họp chiến lược nữa vào sáng thứ hai. Ông chỉ thị là phải giữ thật kín để bàn tay Mỹ dính líu vào việc này không được lộ ra. Lodge yêu cầu Harkins ngừng liên lạc với tướng lãnh và chỉ một mình Trung tá Conein (CIA) được tiếp tục tiếp xúc.[12]

TT Kennedy bực tức về mật điện 24 tháng 8

Tại Hoa Thịnh Đốn, vào sáng ngày thứ hai, Tổng Thống Kennedy từ Hyannis Port (nơi nghỉ ngơi) trở về Washington được thông báo về lập trường không nhất quán của các giới chức Mỹ, đã triệu tập Hội đồng An ninh Quốc gia. Bây giờ ông mới được ông Michael Forestal báo cáo là Quyền bộ trưởng Ngoại Giao James Ball, Averell Harriman, và Roger Hillsman đã chấp thuận đề nghị của ĐS Lodge. Ông Kennedy rất bực tức về thủ tục làm chính sách cuối tuần vừa qua, các viên chức thứ cấp đã thay đổi, bóp méo những quyết định quan trọng bằng cách dễ dàng như thế này. *"Lối làm việc nhơ nhuốc này cần phải ngừng ngay"* (This shit has got to stop), ông nói. Nghe

vậy ông Forestal tự nhận lỗi của mình về sơ xuất này và xin từ chức. "Ông không xứng đáng được từ chức. Ông còn mắc nợ với tôi nên cứ việc ở lại," Kennedy trả lời.[13]

Tại buổi họp, theo Hillsman, những người chủ yếu nghi ngờ về cuộc đảo chính là Bộ trưởng McNamara, Giám đốc CIA McCone, và Tướng Taylor. Ba người này, đặc biệt là Taylor đã hết sức bất mãn vì đã bị những kẻ thảo điện văn ngày 24 tháng 8 qua mặt. TT Kennedy phê phán: *"Công điện ấy đã được soạn thảo rất vụng về, nhẽ ra không nên gửi đi vào ngày thứ Bảy, vì chắc tôi đã không đồng ý gửi lệnh này trước khi có một buổi họp để các ông McNamara và Taylor trình bày quan điểm của mình."* Như vậy là Bộ Ngoại Giao đã trái lệnh Tổng thống khi chấp thuận đề nghị của ông Lodge. Bộ (có thể là Hillsman) còn chỉ thị đài VOA đưa tin là *"quân đội không dính líu gì vào vụ tấn công chùa chiền, đây là do cảnh sát dưới quyền ông Nhu. Hoa kỳ sẽ có thể cắt viện trợ cho Việt Nam nếu ông Diệm không giải nhiệm những viên chức cảnh sát có trách nhiệm."* Tổng thống Kennedy cho rằng chính báo chí, đặc biệt là David Halberstam của tờ New York Times đã kích động việc soạn thảo văn bản 24 tháng 8. [14]

Trong buổi họp, trái hẳn với lập trường chống TT Diệm của hai ông Harriman và Hillsman, cựu Đại sứ Nolting lại một mực bênh ông Diệm vì *"chỉ mình ông ta mới có thể giữ được cho quốc gia này khỏi bị phân tán."* Harriman cãi lại: *"Ta đang thắng trận vì các tướng lãnh đã ủng hộ ông Diệm, nhưng bây giờ họ đang xa lánh ông ta rồi."* Ông Ball thêm vào: ***"Ta không thể nào chiến thắng Cộng sản cùng với ông Diệm. Hình ảnh của Hoa Kỳ đã bị tổn thương quá nhiều trên bình diện quốc tế."*** Ông kết luận là dù sao, bây giờ đã quá trễ để rút lại sự ủng hộ đối với những người đang âm mưu lật đổ ông Diệm, ***"Ta đã đi quá xa cái điểm có thể quay lại rồi."*** [15]

Đến phiên họp tiếp theo vào ngày hôm sau (thứ Ba), cựu Đại sứ Nolting phát biểu là ông không tin có thể tách rời ông Diệm với người em của ông, nhưng đồng thời ông cũng nghi ngờ về khả năng lãnh đạo quốc gia của các Tướng lãnh. Kết quả của hai buổi họp là vào ngày 27 tháng 8, Washington gửi

chỉ thị cho Tòa đại sứ ở Sàigòn yêu cầu cho biết thêm chi tiết về (i) âm mưu đảo chính và (ii) hậu quả của việc đình hoãn đảo chính.[16] Vì ý kiến của Đại sứ Lodge và Tướng Harkins khác hẳn nhau nên chỉ thị này đã làm cho sự rạn nứt giữa hai người trở nên rất căng thẳng, làm cho các quan chức ở Washington lại càng thêm chia rẽ về quan điểm chính sách. Tướng Harkins gởi một điện văn riêng nói ông không thấy lợi thế rõ rệt cho những người âm mưu đảo chính và không có lý do để "ủng hộ ồn ào" âm mưu này, và một cách tế nhị, đã cho rằng Đại sứ Lodge đã lấn lướt quan điểm của ông.

Ngay từ đầu, chính TT Kennedy đã ủng hộ đảo chính?

Nơi đây chúng tôi mở ngoặc để bình luận vắn gọn về một tài liệu mới do ông John Prados đưa ra nói về mật điện 24 tháng 8. Ngày 1 tháng 11, 2013, ông Prados dùng tài liệu ***Briefing Book Số 444*** của *National Security Archive Electronic* (Đại học George Washington) dựa trên những cuốn băng thu các cuộc họp cao cấp tại Washington vào thời điểm này và một số tài liệu phụ để chứng minh rằng "nguồn gốc sự ủng hộ cuộc đảo chính 50 năm trước đây là chính TT Kennedy chứ không phải 'âm mưu' của những viên chức cao cấp ("cabal" of top officials)" trong chính phủ ông...câu chuyện về mưu đồ của những viên chức này cùng với Đại sứ Cabot Lodge, đã có trách nhiệm với cuộc đảo chính thì chỉ là huyền thoại." [17]

Luận cứ này chỉ đúng có một phần: đó là TT Kennedy có đồng ý về bức mật điện 24 tháng 8 cho phép đảo chính, nhưng đã thật rõ ràng là nhóm chống ông Diệm (tại Bộ Ngoại Giao) và Michael Forrestal (nhân viên Hội Đồng An Ninh Quốc Gia) đã cấu kết với nhau để thảo bức điện ấy rồi gọi cho ông Kennedy lúc ông đang đi nghỉ ngày thứ Bảy cuối tuần. TT Kennedy đồng ý với điều kiện là phải hỏi các xếp của hai ông. phe này đã không làm như vậy như đề cập trên đây. Khi trở về Washington, TT Kennedy biết được sự việc đã hết sức bực tức. Chúng tôi cho rằng ông Prados cũng chưa nghiên cứu kỹ

càng những tài liệu như trình bày trong cuốn sách này và chỉ đưa ra những trích dẫn từ những cuốn băng ghi những buổi họp đông người, với những lời trao đổi, bàn cãi, nói qua nói lại giữa người này người kia vào cuối tháng 8, 1963. Độ chính xác của những trích dẫn này không thể nào so sánh được với những văn bản, báo cáo, chỉ thị trong kho tài liệu nguyên thủy được in trên giấy trắng, mực đen với ngày, tháng rõ rệt (được trích lại trong chương này và ba chương sau). Cốt lõi của *Briefing Book Số 444* là nói về lệnh cho đảo chính **ngày 24 tháng 8, 1963, nhưng chính TT Kennedy đã phàn nàn:** "Công điện ấy đã được soạn thảo rất vụng về, nhẽ ra không nên gửi đi vào ngày thứ Bảy, vì chắc tôi đã không đồng ý gửi lệnh này trước khi có một buổi họp để các ông McNamara và Taylor trình bày quan điểm của mình." Và ông đã chỉ thị: **"Lối làm việc nhơ nhuốc này cần phải ngừng ngay" (This shit has got to stop).**

Ngoài ra, **sau lệnh ngày 24 tháng 8** thì vào ngày **29 tháng 8** thì chính Tướng Minh đã thông báo cho phía Mỹ biết là bỏ cuộc đảo chính. Vậy ai là những người cứ tiếp tục thúc đẩy tướng lãnh đảo chính (*"kéo nắm bún đi"* – xem cuối chương) và bảo đảm sẽ ủng hộ họ sau đảo chính nếu không phải là Lodge và những viên chức cao cấp ("cabal" of top officials)" trong chính phủ Kennedy? Như sẽ đề cập dưới đây: chính bào đệ của TT Kennedy là Robert Kennedy (Bộ trưởng Tư Pháp) cũng đã phân tích rõ về việc này và kết luận rằng ***"Chính ông Averell Harriman*** (nhóm thảo lệnh) ***đã có trách nhiệm."***

Tóm tắt lại, sự thực vẫn là: thoạt đầu TT Kennedy chỉ muốn làm áp lực để TT Diệm tách rời khỏi ông Nhu vì qua báo cáo (của nhóm người chống ông Diệm ở Bộ Ngoại Giao), ông Kennedy cho rằng ông Nhu là chướng ngại vật lớn nhất cho sự thành công của cuộc chiến chống Cộng sản, cho nên ông Kennedy mới đồng ý để đảo chính nếu như ông Diệm không chịu dẹp ông Nhu. Chính nhóm Harriman, Hillsman, Forrestall và Ball vận dụng mọi mánh khóe để đưa tới quyết định ấy. Dù lệnh này còn nói đến phải cho ông Diệm một cơ hội, nhưng ông Lodge đã đề nghị ngược lại. Rồi đi thẳng với tướng lãnh.

Sau đó ông Nhu đã nhượng bộ và sửa soạn ra đi: tại sao ông

Lodge không báo cáo rõ hơn về việc này cho ông Kennedy? Đến đúng ngày đảo chính, TT Diệm gửi thông điệp nhượng bộ cho TT Kennedy qua ông Lodge nhưng ông này chỉ gửi thông điệp qua ưu tiên thấp, cho nên nó chỉ tới Tòa Bạch Ốc sau khi tiếng súng đã nổ ở Sàigòn (xem Chương 22). Vì vậy, trách nhiệm nặng nề nhất về cái chết của hai anh em ông Diệm vẫn thuộc về ông Lodge và nhóm chống ông Diệm ở Bộ Ngoại Giao như phân tích tiếp theo.

Đao phủ Henry I đề nghị thẳng thừng: phải đảo chính

Trở lại những diễn biến sau mật điện 24 tháng 8, về phía tướng lãnh thì vào ngày 29 tháng 8, chính Tướng Minh thay vì Tướng Đôn đã gặp Trung tá Conein để yêu cầu cung cấp bằng chứng rõ rệt là Mỹ sẽ không tiết lộ âm mưu đảo chính với ông Nhu. Bằng chứng ấy, theo ông Minh là Hoa Kỳ ngưng viện trợ kinh tế cho TT Diệm.

TT Kennedy vẫn chưa dứt khoát vì ông còn yêu cầu cả hai phe Lodge và Harkins cho biết ý kiến một lần nữa. Nhưng cùng ngày 29 tháng 8 (30 tháng 8 - giờ Washington), ông Lodge lại gửi thêm một thông điệp, hết sức thuyết phục, đề nghị thẳng thừng là phải lật đổ chính phủ Diệm. Ông nêu lên hai lý do: *thứ nhất*, uy tín của Hoa Kỳ; và *thứ hai*, nhu cầu chiến thắng, hai yếu tố quan trọng nhất của chính sách Hoa kỳ đối với Việt Nam. Trích dẫn phần đầu của điện văn này như sau: [18]

> ***Ngày 29 tháng 8, 1963***
> ***Đại sứ Lodge gửi Ngoại trưởng Rusk***
>
> **"Chúng ta đã bước vào một cuộc hành trình mà không thể nào trở lại một cách đàng hoàng được nữa: việc lật đổ chính phủ Diệm.**
>
> **"Tại sao không có cách nào quay trở lại được nữa? Đó là một phần vì uy tín của Hoa Kỳ nói**

chung đã cam kết công khai vào mục tiêu này, và ...

"Theo tôi: với chính phủ Diệm, ta sẽ không có khả năng thắng được cuộc chiến này...

"Cơ hội về một cuộc đảo chánh của các tướng lãnh tùy thuộc vào họ tới một mức độ nào, nhưng cũng **tùy thuộc phần lớn vào chúng ta...chúng ta nên xúc tiến các nỗ lực toàn diện để các tướng lãnh hành động cho mau lẹ..."**

Về phần Tướng Harkins, ông vẫn tiếp tục thuyết phục phải cho ông Diệm một cơ hội cuối cùng để loại bỏ ông Nhu. Bởi vậy trong cùng một công điện, ông Lodge viết: "Tướng Harkins nghĩ rằng tôi nên yêu cầu ông Diệm loại trừ vợ chồng Ngô Đình Nhu trước khi thúc đẩy các tướng lãnh hành động. Nhưng tôi tin rằng một biện pháp như vậy không có cơ hội đạt được thành quả mong muốn và sẽ có một hậu quả vô cùng nghiêm trọng mà các tướng lãnh Việt Nam coi như một dấu hiệu về sự thiếu quyết tâm và trì hoãn của Mỹ."

ĐS Lodge yêu cầu Washington chỉ thị Tướng Harkins phải làm cho tướng lãnh yên tâm

Để khích lệ tướng lãnh, ông Lodge còn yêu cầu Washington chỉ thị để chính "Tướng Harkins (người chống đảo chính) phải đích thân lập lại với các tướng lãnh những điều mà các nhân viên CAS (CIA) đã nói với họ trước đây để chứng tỏ tính cách đích thực của các thông điệp ấy. Tướng Harkins phải có lệnh để làm việc này." Lodge lý luận là vì các tướng lãnh đã "bị ám ảnh bởi cái tư tưởng là chúng ta sẽ bỏ rơi họ, mặc dầu theo chỉ thị chúng tôi đã nói với họ là cuộc chơi thực sự đã mở màn."

Yêu cầu của Lodge được chấp thuận ngay:[19] Tại sao như vậy? Rất có thể là Lodge đã thuyết phục được TT Kennedy trên căn bản là uy tín của Hoa Kỳ (đòi phải lật đổ chính phủ Diệm)

và không thể chiến thắng nếu còn chính phủ Diệm.

Ngày 29 tháng 8, 1963
BNG 272 (TC: Sàigòn 375 – TAB B)
Bộ Ngoại Giao gửi Đại sứ Lodge và Tướng Harkins

"Phiên họp cao cấp nhất trưa hôm nay đã duyệt xét công điện số 375 của ông và tái xác định đường lối căn bản. Có những quyết định rõ ràng như sau:

- **"Để đáp ứng đề nghị của ông, nay cho phép** (thực ra là chỉ thị - lời tác giả) **Tướng Harkins nhắc lại với các Tướng lãnh những điều mà ông (Lodge) nói tới trong những công điện do các viên chức CAS** (CIA) **chuyển đi trước đây. Harkins phải nhấn mạnh rằng chính phủ Hoa kỳ ủng hộ hành động triệt hạ bọn Nhu ra khỏi chính quyền, nhưng trước khi đi đến những thỏa hiệp với các Tướng lãnh, Tướng Harkins phải biết những ai dính líu vào việc này, họ có những lực lượng nào và kế hoạch tổng quát của họ để đảo chính ra sao? Chính phủ Hoa Kỳ sẽ ủng hộ một cuộc đảo chính có cơ may tốt để thành công nhưng không dự tính việc quân lực Hoa kỳ tham gia trực tiếp. Harkins phải tuyên bố rằng ông sẵn sàng thiết lập liên lạc với những người thiết kế cuộc đảo chính và duyệt xét các kế hoạch, nhưng sẽ không tham gia trực tiếp vào công việc thiết kế đảo chính...**

- **"Nay ông được quyền tuyên bố ngưng viện trợ cho Việt Nam qua chính phủ Diệm vào một thời điểm và trong hoàn cảnh nào tùy ông lựa chọn..."**

Lo ngại ông Nhu kêu gọi Bắc Việt

Vì Tướng Harkins một mực cho rằng nên gặp và thuyết phục ông Diệm một lần nữa để loại bỏ ông Nhu đang khi ông

Lodge chống đối nên cùng ngày 29 tháng 8, 1963, Bộ Ngoại giao lại gửi thêm chỉ thị. Sau đây là một vài trích dịch.[22] Trong điện tín này Bộ ngả theo hướng của ông Lodge và e ngại là nếu gặp ông Diệm như ông Harkins đề nghị thì ông Diệm coi như mình đã bị dồn vào xó tường nên "có thể tính tới chuyện quái đản là kêu gọi Bắc Việt trợ giúp để trục xuất người Mỹ:"

> ***Ngày 29 tháng 8, 1963***
> ***BNG 279 (TC: Sàigòn 375 – TAB B)***
> ***Bộ Ngoại Giao gửi đại sứ Lodge***
>
> **"Điểm duy nhất mà ông và Tướng Harkins có quan điểm khác nhau là vấn đề có nên thử nói với ông Diệm hãy triệt bỏ ông bà Nhu hay không... Nhưng trừ phi ta đưa ra trong câu chuyện một lời răn đe thực sự ví dụ như dọa cắt viện trợ thì tôi thấy nói gì ông Diệm cũng không hoàn toàn cho là nghiêm trọng... Nhưng nếu ta dùng sự răn đe trong khi nói về chuyện ấy thì cũng có nguy cơ rất cao là ông Diệm sẽ coi đó là chỉ dấu sắp có hành động chống lại ông ta và ông bà Nhu đến nơi, *và tối thiểu rất có thể ông ta sẽ có biện pháp mạnh đối với các Tướng lãnh hay thậm chí có hành động quái đản thí dụ như kêu gọi Bắc Việt trợ giúp trục xuất người Mỹ đi*...**
>
> **"Tôi sẽ vui mừng đón nhận... quan điểm của ông về việc ông có tính đến chuyện hội đàm thêm với ông Diệm để tiếp tục đàm luận với ông ta nữa hay không..."**

Không, ông Lodge không muốn hội đàm thêm với ông Diệm nữa. Ông gửi cho Ngoại trưởng Rusk ngay hôm sau (30 tháng 8) một điện tín dài.[20] Lodge lý luận: *"Nếu tôi đến thăm ông Diệm để yêu cầu loại vợ chồng ông Nhu, chắc chắn là ông Diệm sẽ không đồng ý và điều này sẽ làm cho các tướng lãnh hoài nghi về ý đồ của chúng ta và tình trạng bất động sẽ kéo dài thêm nữa."* Ngoài ra, *"một cuộc đến thăm như vậy sẽ khiến cho vợ chồng ông Nhu coi như một tối hậu thư,"* và có thể sẽ

hành động *"phá tan bất cứ kế hoạch nào để chống đối ông ta."* Bởi vậy, Lodge kết luận:

> **"Cơ hội tốt đẹp nhất để thực hiện điều này là để các tướng lãnh nắm lấy toàn bộ chính phủ, nắm lấy chìa khóa, kho đạn và nòng súng ('taking over the government lock, stock, and barrel') rồi mới quyết định xem có nên để ông Diệm cầm quyền trở lại hay không."**

"Hoàng hôn của các Thần linh trong cung đình"

Nghe vậy, phe muốn lật đổ TT Diệm tại Washington đồng ý ngay. Cùng ngày 30 tháng 8, một bản ghi nhớ được Roger Hillsman gửi đi: "Trong bất cứ hoàn cảnh nào, vợ chồng Nhu cũng không được phép ở lại trong vùng Đông Nam Á gần gũi Việt Nam, vì họ sẽ có những âm mưu lấy lại quyền hành. Còn nếu các tướng lãnh quyết định đưa ông Diệm đi đầy, thì cũng phải đưa ông ta ra khỏi vùng Đông Nam Á." Dựa vào tài liệu "Bạch thư của hãng tivi NBC – Cái chết của ông Diệm," tác giả Ellen Hammer thêm rằng: trong cùng một bản ghi nhớ ấy, Hillsman đã tiên đoán biến cố mà ông ta gọi là *"Gotterdammerung in the palace."* Chữ 'Gotterdammerung' khởi đầu từ chữ 'Ragnarok' về chuyện thần thoại của người Scandinavia (Bắc Âu), có nghĩa là *'Twilight of the Gods'* hay "Hoàng hôn của các Thần linh" trong cung đình, ám chỉ ngày tàn lụi của chế độ. Hillsman viết:

> **"Ta phải khích lệ nhóm đảo chính chiến đấu cho tới cùng và phá hủy cung đình** (Đinh Gia Long – lời tác giả) **nếu cần thiết để đi tới toàn thắng. Một sự đầu hàng vô điều kiện là điều kiện đối với gia đình họ Ngô, vì nếu không, họ sẽ mưu mẹo làm hỏng việc cho cả phía đảo chính lẫn Hoa kỳ. Nếu bắt sống được cả gia đình, vợ chồng Nhu phải**

được đưa sang Pháp hay bất cứ nước nào bằng lòng chấp nhận họ. Còn ông Diệm thì để tùy các tướng lãnh quyết định." [21]

[Những lời răn đe tàn nhẫn này làm chúng tôi nhớ lại lời hăm dọa của tổng thống Nixon đối với Tổng thống Thiệu: *"Ông đừng làm cho hoàn cảnh 1963 tái diễn lại"* (thư ngày 6 tháng 10, 1972). Khi ông Kissinger thuyết phục được ông Nixon về việc ông Thiệu quá chấp, ông Nixon còn nói 'cắt đầu ông Thiệu' nếu cần thiết (tháng 1, 1973)].

Nhưng mặc dù những khích lệ mạnh mẽ của cả hai ông Hillsman và Lodge, cung đình cũng chưa bị tàn phá ngay vì các tướng lãnh chưa chắc chắn lắm về sự ủng hộ của Mỹ. Trong điện tín ngày 30 tháng 8 trích dẫn trên đây, ông Lodge tỏ ý lo ngại về tình trạng bất động của các tướng lãnh. Lý do theo ông là vì **"Tướng lãnh muốn có được bảo đảm của Mỹ, họ muốn yên tâm rằng chắc chắn chính phủ Mỹ sẽ phản ứng mau lẹ** (để yểm trợ họ sau đảo chính – lời tác giả)."

Tư lệnh Mỹ không đồng ý với Đại sứ Mỹ

Thực như vậy, ngày hôm sau, tướng Harkins báo cáo về Washington là tướng lãnh đã hủy bỏ cuộc đảo chính:[22]

Ngày 31-8-1963
Tướng Paul Donald Harkins gửi tướng
Maxwell D. Taylor
Chủ tịch Tham Mưu Liên Quân

"Tôi gặp ông Khiêm, ông cho biết Big Minh đã ngưng kế hoạch (đảo chính) trong lúc này, và đang tiến hành phương pháp khác. Các tướng khác cũng ngưng kế hoạch, ông ta và tướng Khánh đều theo tướng Minh...

"Các tướng lãnh chưa sẵn sàng vì chưa có đủ lực lượng dưới quyền kiểm soát của mình so với lực lượng đặt dưới

quyền của Tổng Thống hiện đang có mặt ở Sài-gòn...

"Cho nên chúng tôi thấy chúng ta có một "tổ chức của nhóm người thật hoang mang" trong đó mọi người nghi ngờ mọi người khác và không một ai muốn có một hành động tích cực nào ngay trong lúc này. Ta không thể nào thúc giục người Phương Đông được đâu."

Ông Nhu đã sẵn sàng nhượng bộ

Tướng Harkins thực sự đã muốn cho Washington ngừng thông đồng với nhóm đảo chính, và rất quan trọng, ông còn báo cáo về việc ông Nhu đã sẵn sàng nhượng bộ rồi. Ông viết tiếp:

"Trong một cuộc gặp gỡ hôm qua, ông Nhu nói là ông ta hiện nay sẵn sàng làm những gì mà Hoa Kỳ muốn làm nếu có sự ủng hộ của Tổng Thống Kennedy. Tôi nói với ông ta 'đây là điều mới mẻ đối với tôi.' "

Tuy người thủ lãnh giới quân sự Mỹ ở Sàigòn có lập trường như vậy nhưng mật điện ngày 24 tháng 8 đã chứng tỏ sự quyết tâm của giới chức làm chính sách tại Washington và thông điệp ấy đã ghi lại sâu đậm vào trí óc những người âm mưu, như chính bào đệ của Tổng thống Kennedy là ông Robert Kennedy đã nhận xét về sau này:

Bào đệ của TT Kennedy nhận xét về mật điện 24 tháng 8, 1963

"Hậu quả của mật điện (ngày 24 tháng 8) là chúng ta đã đi vào một con đường mà không bao giờ hồi lại được...Harkins chống đối việc ấy, và Lodge thì không nói chuyện với Harkins. Bởi vậy cho nên Lodge đã đi theo một phương hướng, và Bộ Ngoại Giao thì đi vào giữa, thế rồi bất chợt, họ cho ngưng đảo chính.

"Năm, sáu tuần lễ sau đó, tất cả chúng ta đều không rõ

liệu có đảo chính hay không, ai là người sẽ thành công trong cuộc đảo chính, ai sẽ thay thế chính phủ.

"Thực ra chẳng ai có những câu trả lời cho những câu hỏi này...Tổng thống Kennedy thì đang cố gắng dẹp Henry Cabot Lodge đi...Chính sách mà ông ta (Lodge) theo đuổi là dựa trên chính sách đã thành hình lúc khởi thủy, rồi hủy đi...Chính ông Averell Harriman đã có trách nhiệm."

Averell Harriman đã có trách nhiệm trực tiếp vì ông dẫn đầu phe cực đoan chống ông Diệm tại Bộ Ngoại Giao. Lý do dẫn đến bất bình đối với TT Diệm bắt đầu từ mùa Xuân, 1962 khi ông Harriman (Trợ Lý Ngoại Trưởng) sắp xếp việc trung lập hóa Lào, dọn đường cho Mỹ rút lui khỏi nước này bằng một Hiệp định ký kết tại Geneva (12/6/1962). Trong 14 nước tham dự Hội nghị có cả phái đoàn VNCH. Vì TT Diệm hết sức lo âu về việc Mỹ bỏ Lào (xem trang 359) nên phái đoàn VNCH đã không đồng ý với Mỹ, làm cho Harriman phẫn nộ (giống như ông Kissinger đã phẫn nộ với TT Thiệu khi ông chống đối Hiệp định Paris). Tình huống này thì ông Huỳnh Văn Lang (người thân cận với TT Diệm) đã có lần xác nhận với chúng tôi rằng chính sự phẫn nộ ấy đã làm cho Harriman coi như chuyện thù hằn cá nhân, dẫn đến việc ông này chống đối chính ông Diệm. Dưới quyền Harriman là ông Hillsman, người đã hăng hái nhất về hành động để thúc đẩy đảo chính như đã đề cập trên đây. Thêm một thí dụ nữa: Khi thấy ông Lodge than phiền (công điện ngày 30 tháng 8) rằng ngày lại ngày chẳng có điều gì xảy ra vì tướng lãnh không chịu (hoặc chưa dám hành động) và mình đã bị *"đặt vào cái tư thế là phải đẩy một nắm bún (spaghetti)*," Hillsman liền hối thúc (điện ngày 31 tháng 8): *"Nếu đẩy nắm bún thì nó cong queo lại; vậy ta phải cố kéo nó đi."* (When the spaghetti was pushed, it curled; now we must try pulling)." [24] Từ đó ông Lodge kéo thật mạnh như sẽ đề cập trong Chương sau.

ĐS Lodge bắt tay TT Diệm đang khi âm mưu triệt hạ ông.
(Hình: "allposters.com")

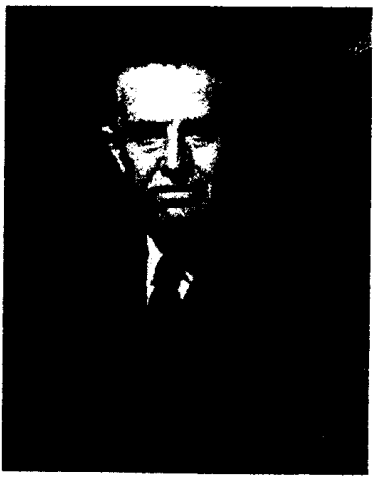

Phe chống TT Diệm tại Bộ Ngoại Giao Mỹ: Averell Harriman (giữa), Roger Hillsman (bên trái), và tại Tòa Bạch Ốc: Mike Forrestal (bên phải). Ba người này soạn thảo lệnh đảo chính 27/8/1963). (Hình: Wikipedia và "forum.assasinationjfk.net")

Đại sứ Lodge và Tướng Harkins (người ủng hộ TT Diệm). Độc giả thấy ông Lodge không nhìn thẳng mặt ông Harkins. (Hình: "everystock.photo.com")

Tại Washington, Dân biểu Clement Zablocki vẫn ủng hộ TT Diệm sau khi hướng dẫn Phái đoàn Quốc Hội 8 người đi Sài Gòn thẩm định biến cố Phật Giáo (Chương 22). Lúc còn là sinh viên, tác giả có gặp ông Zablocki trong một buổi tiếp tân tại Washington (16/8/1962). (Hình: Murillo Diplomatic News Service)

CHƯƠNG 20

Đi Tìm Giải Pháp Hòa Bình Hay Trật Đường Rầy?

Ấp Chiến Lược là một thành công của chính phủ Ngô Đình Diệm nhưng lại là một đề mục nóng bỏng cho báo chí và phe chống ông Diệm ở Mỹ chỉ trích gắt gao. Lý do là kế hoạch này đã làm mất lòng dân. Tới trận Ấp Bắc (đầu năm 1963) thì quân đội VNCH bị chỉ trích là đã thất bại và làm tiêu hao sức mạnh quân sự chống cộng sản. Năm 1963 lại là năm mà giới truyền thông leo thang trong việc tấn công hai ông Diệm – Nhu độc tài, thiên vị đảng phái và đàn áp tôn giáo. Hậu quả của việc thọc gậy bánh xe là đổ dầu thêm vào lửa: vừa làm cho TT Diệm phẫn nộ, vừa đầu độc dư luận và lãnh đạo Mỹ.

Tình hình Việt – Mỹ vào cuối hè 1963 đã trở nên căng thẳng tới mức có tin đồn là Nhà Ngô định ám sát tân ĐS Lodge. Trong tình huống sôi động ấy lại có tin ông Nhu định điều đình với Bắc Việt. ĐS Lodge (vừa tới Sàigòn được một tuần) thông báo ngay về Washington rằng chính ông cũng có nghe như vậy. Về sự việc này thì ngày nay ta đã có thêm tài liệu để soi sáng cho rõ hơn về ý định của hai ông Diệm và Nhu là chỉ muốn đi tìm một giải pháp hòa bình vì biết trước sau rồi Mỹ cũng bỏ Miền Nam. Nhưng vào lúc ấy thì sau điện tín của ông Lodge, ông Hilsman (Giám đốc Tình báo và Nghiên cứu Bộ Ngoại Giao) đã bình luận về mục tiêu tối thiểu và tối đa của ông Nhu rồi đi tới kết luận: *"ông Nhu đã quyết định dấn thân vào một cuộc mạo hiểm, cho nên ta không thể nào tiếp tục con đường hòa giải với ông ta được nữa."*

Nhiều chiếc trực thăng đã được chuẩn bị để đáp xuống nóc tòa đại sứ Mỹ ở Sài gòn. Ông đại sứ và nhân viên Mỹ sẽ được bốc đi ngay khi có lệnh. Lối tẩu thoát đã được nghiên cứu kỹ càng. Ngoài khơi một lực lượng Thủy Quân Lục Chiến Mỹ tập hợp để giúp việc di tản. Đây là cảnh tượng sáng ngày 30 tháng 4, 1975? Không phải, đây là sự sắp xếp phòng hờ để cứu nhân viên Tòa Đại sứ Mỹ vào mùa hè 1963 nếu bị lực lượng của ông Diệm tấn công. Nghe như chuyện giả tưởng. Ấy thế mà đã thực sự có kế hoạch này. Bầu không khí Sài gòn hết sức ngột ngạt ngay từ lúc ông tân Đại sứ Lodge vừa tới Sàigòn. Ngày ông trình ủy nhiệm thơ, Tướng Paul Harkins, chỉ huy trưởng Cơ quan MAAG, cùng với John Mecklin, nhân viên Tòa đại sứ cùng một số người khác tháp tùng ông vào Dinh Độc Lập. *"Này Paul, có lẽ anh không nên đi cùng với tôi," ông Lodge nói với Tướng Harkins, "Nếu bọn họ có dở trò gì thì ít nhất vẫn có một trong hai chúng ta còn ở ngoài."* [1]

Có tin đồn rằng nhà Ngô định tổ chức ám sát ông Đại sứ. Ông Lodge cho rằng thật là khôi hài nếu hai ông Diệm và Nhu dám nghĩ tới chuyện này, nhưng ông vẫn đánh điện về báo cáo Ngoại tưởng Rusk và Harriman là nhân viên tòa đại sứ cho rằng nó có thể xảy ra. "Dường như ông Nhu có vẻ hài lòng về việc tấn công vào chùa chiền và người ta nói rằng ông ta khó chịu với tôi vì đã khuyên ông ta nên ra khỏi nước ít lâu. Cũng có báo cáo là ông ta hút thuốc phiện." Bộ Ngoại Giao liền gửi mật điện để ông Lodge yên tâm rằng "vì tình hình khẩn trương hiện nay, chi tiết đề phòng về an ninh cho Tòa Đại sứ đã được sắp xếp xong cả rồi."

Vào trước ngày đảo chính mồng 1 tháng 11, 1963 Hoa kỳ lại tập hợp sẵn một lực lượng đổ bộ và một số chiến hạm ở ngoài khơi để điều vào "những vị trí kín đáo mà không ai để ý" với mục đích chuẩn bị sẵn sàng yểm trợ việc di tản người Mỹ (cũng giống như hồi cuối tháng 8, 1963 khi cuộc đảo chính khởi thủy đang được một số tướng lãnh chuẩn bị).

Báo chí Mỹ đổ thêm dầu vào lửa

Sự việc là Đại sứ đã phải lo tới bị ám sát và chính phủ Hoa

kỳ phải sửa soạn di tản, bốc người Mỹ đi từ nóc Tòa đại sứ đã phản ảnh tình trạng hết sức căng thẳng giữa hai chính phủ vào tháng 10. Như đã đề cập trong chương trước, một số nhà báo trẻ tuổi người Mỹ (ở lứa tuổi trên dưới 25) như David Halberstam, Neil Sheehan, Malcolm Brown, Francois Sully đã đóng vai trò chủ chốt trong việc thọc gậy bánh xe, đổ dầu vào lửa làm cho cả hai bên Việt-Mỹ đi tới chỗ không thể hàn gắn. Một mặt họ đã đả kích quá đáng TT Diệm, ông Nhu và sau đó là bà Nhu, đưa ra những tin tức thất thiệt về cuộc chiến, tới chỗ có thể gọi là 'nói dối,' làm cho ông Diệm càng thêm phẫn nộ và cưỡng lại những yêu sách của Mỹ, mặt khác lại đầu độc dư luận Hoa kỳ, đặc biệt là viên tân đại sứ Lodge.[2]

Ai cũng biết là ở một nước dân chủ như nước Mỹ, giới truyền thông có một quyền lực khá mạnh mẽ. Và báo chí thì luôn săn tin giật gân, moi móc những chuyện bí mật của chính phủ, như trường hợp Bob Woodward viết về TT Richard Nixon, dẫn tới cuộc điều tra và rồi mất chức. Rồi mới đây, ông cũng viết cuốn *In Denial* về TT George Bush đã nói dối về vụ Iraq. Hoa kỳ là quốc gia duy nhất trên thế giới mà chính phủ không được phép có một Bộ hay một Sở Thông tin cho quốc nội. Hầu hết tại các quốc gia khác, chính phủ đều có Bộ Thông Tin là cơ quan để truyền bá và bênh vực lập trường của chính phủ. Hoa kỳ có thể là nước duy nhất không có bộ này, chỉ có cơ một quan thông tin USIS dành cho quốc ngoại (United States Information Agency), mở các 'Phòng Thông tin Hoa kỳ' như ở Sàigòn, Phnompenh, Bangkok để dân chúng đến đọc sách báo, tuyên truyền cho Hoa kỳ. Bởi vậy khi bị báo chí luôn luôn công kích, chính phủ ở vai yếu thế. Thỉnh thoảng Tổng thống hay Bộ trưởng hoặc các phát ngôn viên họp báo trả lời các câu hỏi này nọ trong một vài giờ, họp xong là chấm dứt. Hôm sau, khi báo chí tiếp tục bình luận thì lại im bặt.

Tại Miền Nam chính phủ hầu như không có hoặc rất ít những nỗ lực ngoại giao với báo chí quốc tế. Về phía Tòa Đại sứ Mỹ thì chính cả Đại sứ Nolting và Tướng Harkins cũng luôn xa cách với giới truyền thông. Một phần cũng là vì chính Tổng thống Kennedy đã muốn giữ kín những hoạt động yểm

trợ Miền Nam, không cho báo chí biết. Thí dụ như sau khi ông quyết định tăng cường cho quân lực VNCH bằng cách cung cấp thêm nhiều cố vấn và chiến cụ trong kế hoạch 'đối tác hạn chế' – Limited Partnership, báo chí bắt đầu để ý dò xét. Vào một buổi chiều gần lễ Giáng sinh năm 1961, khi một số nhà báo và viên chức Mỹ đang ngồi hóng gió, uống bia ở quán *Café Terrasse* trước khách sạn *Majestic*, một chiếc tầu phun khói đen đặc lừ lừ tiến vào, rồi đậu ngay ở hải cảng Sàigòn. Khi đám khói đen dần dần tan đi, mấy chiếc trực thăng đậu trên boong lại lộ hẳn ra, ai cũng trông thấy.

- *"Ấy, tầu gì đấy, có phải là mẫu hạm chở máy bay không,"* nhà báo hỏi một nhân viên tòa Đại sứ.

- *"Miễn bình luận,"* người này trả lời.

Thế là hố to rồi! Đó là chiếc tầu Core chở quân cụ, máy bay, phi công và nhân viên kỹ thuật vào Việt Nam. Các máy chữ hối hả đánh bài tường thuật về Hoa kỳ. Và từ đó là có chuyện lớn: báo chí bắt đầu cho là Chính phủ Hoa kỳ đã hoạt động bí mật, giấu giếm dân chúng. Trước đó, họ lại không được đi theo những cuộc hành quân của quân đội, nên càng nghi hơn. Ngày 15 tháng 11, có nhà báo hỏi Tổng thống Kennedy liệu lính Mỹ có đi hành quân với quân đội Việt Nam không, ông đã chối phắt đi, nhưng thực ra phi công Mỹ đã lái các máy bay A-26 Invaders, AD-6 Skyraiders, T-28 Trojans, nhưng các máy bay này đều sơn dấu hiệu quân lực Miền Nam.[3]

Khách sạn Majestic nằm ở cuối đường Catinat (nay là Đồng Khởi). Dọc đường này có nhiều cà phê, quán ăn, bar rượu, nơi người ngoại quốc, đặc biệt là các phóng viên, nhân viên Mỹ thường lui tới để giải trí. Bà Ngô Đình Nhu đang bị chỉ trích nhiều, lại thành công trong việc đưa ra đạo *'Luật Trong sạch hóa xã hội'* (Social Purification Law). Thế là phố Catinat trở nên buồn hiu. Chiều tối, các hộp đêm vắng bóng vũ nữ, du khách ghé các quán cà phê chỉ còn chơi trò 'tíc tắc tô.' Buôn bán hẩm hiu, thất nghiệp gia tăng, các phóng viên lại hết chỗ giải trí, nhiều người ta thán.

Rồi vào tháng 2, 1962, sau vụ Dinh Độc Lập bị oanh tạc, báo chí Mỹ lại làm rùm beng, cho rằng nhân dân oán ghét chế

độ đến nỗi phải đảo chính. Ông Diệm lại càng phẫn nộ thêm. Ông cho lệnh tìm cách trục xuất hai nhà báo tên là Homer Bigart của tờ *The New York Times* và Francois Sully của tờ *Newsweek.*

TT Diệm: Tại sao báo chí phải nhục mạ chúng tôi?

Về những khiêu khích của các nhà báo, tác giải Mark Moyar viết lại những giai thoại sau trong cuốn 'Triumph Forsaken':

"Những người đàn bà này mà Việt Cộng trông thấy thì lại còn hăng thêm nữa," Francois Sully nhạo báng đoàn nữ quân nhân do bà Nhu thành lập. Trong một bài ông này viết về Việt Nam vào tháng 8, trên tờ Newsweek, có kèm theo một tấm hình chụp đoàn này với hàng chữ ở dưới: *"Đoàn nữ quân nhân ở Sàigòn: địch quân còn hăng thêm và thú vị hơn nữa"* (Female Militia in Saigon: The enemy has more drive and enthusiasm) (chúng tôi cũng còn nhớ là vào thời gian này, có người bạn Mỹ đọc bài báo này còn khen: "Hoa kỳ cũng chưa có các nữ quân nhân được tổ chức thành đội ngũ mà Việt Nam các anh đã có rồi." Chúng tôi kể chuyện là từ cả ngàn năm trước Việt Nam đã có các đội nữ quân nhân do nữ tướng chỉ huy ra chiến trường).

Tại Hồng Kông, ông Sully viết về ông Nhu là "một chính trị gia quay quắt, vận động từ bên trong, và với một sự khát vọng quyền hành không thể thỏa mãn," và bà Nhu là "một con người đáng ghét nhất Việt Nam." Thấy vậy, Tổng thống Diệm phàn nàn với một nhà báo Mỹ: "Các ông đến từ một quốc gia giầu có và hùng mạnh. Các ông có thể cho rằng Việt nam chẳng giống Mỹ chút nào. Đó là quyền của các ông. Nhưng tại sao phải làm cho chúng tôi nhục nhã và mất danh dự? ('Why try to humiliate and defame us') đang khi chúng tôi phải đương đầu với một cuộc chiến khốc liệt để duy trì sự sống còn, và để bảo vệ một biên giới quan trọng của Thế giới Tự do?" Sau khi hết hạn thông hành, chính phủ Sàigòn không gia hạn thêm và cặp Sully-Bigart phải về Mỹ. Dĩ nhiên là hai người này hết còn ở Việt Nam nhưng lòng chán ghét chế độ Diệm thì không hết, lại còn tăng thêm.

Nhưng tránh hùm thì lại gặp phải hạm. Cặp Sully-Bigart đi thì có cặp Sheehan-Halberstam tới, và còn tệ hại hơn gấp mấy. Neil Sheehan, 25 tuổi, phóng viên của hãng *United Press International (UPI)* và David Halberstam, 28 tuổi, phóng viên của *New York Times*. Ngoài ra còn Malcolm Browne của *Associated Press (AP)*. Những người này đã thâu lượm tin tức từ những nguồn không chính thức thuộc loại "Radio Catinat," và đặc biệt là từ ba người: Phạm Ngọc Thảo, Phạm xuân Ẩn và Trung tá John Paul Vann. Về Halberstam, Moyar bình luận gắt gao: "Trước khi rời Sàigòn 15 tháng sau, Halberstam đã làm tổn hại cho quyền lợi của Hoa kỳ hơn bất cứ nhà báo nào khác trong lịch sử Hoa Kỳ." Ông kết tội những nhà báo trẻ tuổi này là đã loan tin thất thiệt, thiếu lương thiện và đánh lừa thượng cấp để cố hạ uy tín của TT Diệm. Ông Paul Vann là Cố vấn của Sư đoàn 7 đóng ở Mỹ Tho. Đường xá từ Sàigòn tới Mỹ Tho không bao xa lại rất tốt, nên các nhà báo hay lui tới gặp gỡ ông này. Theo Moyar, Trung Tá John Paul Vann rất thích cho tin cho các phóng viên để được nổi tiếng. Vì quá khứ của ông này không lấy gì là tốt đẹp, kể cả việc đang bị điều tra về tội hiếp dâm, nên chỉ còn có cách là ngoại giao với các nhà báo để tăng uy thế, nhất là được các hãng *AP, UPI, New York Times* loan truyền tin tức thì không còn gì bằng.

Từ Ấp Chiến Lược đến Ấp Bắc

Vào những năm 1962-1963, ngoài vấn đề chính trị, hai đầu đề được báo chí ngoại quốc nói tới nhiều nhất là Ấp Chiến Lược và Ấp Bắc. Theo tác giả Moyar viết về ***Ấp Chiến Lược,*** đang khi chương trình này thành công và các chuyên gia về du kích như Ted Serong (người Úc) và Sir Robert Thompson (người Anh) nhận định đây là thành tựu to lớn, khiến chính phủ đang trên đà chiến thắng, thì báo chí Mỹ lại chỉ nhắm vào việc chỉ trích các khuyết điểm của chương trình này, không đả động gì tới những thành công. Tới tháng 9, 1962 chương trình này đã hoàn thành 3,225 Ấp, quy tụ được 4,3 triệu người, hay một phần ba dân số. Về sự thành công của Ấp Chiến Lược, Đại

tướng Lyman Lemnitzer, Tham Mưu trưởng Liên Quân Hoa kỳ tuyên bố chương trình có "những lợi ích chắc chắn, và rất có thể là chìa khóa then chốt đưa tới sự thành công của chương trình bình định." (Tổng thống Thiệu cũng đã có lần nói với chúng tôi rằng ông "rất tiếc là sau cuộc đảo chính TT Diệm, tướng lãnh đã hủy bỏ Ấp Chiến Lược, một chương trình đang thành công."). Tuy nhiên, Cơ quan tình báo và Nghiên cứu tại Bộ Ngoại giao lại không đồng ý. Ngày 18 tháng 6, 1962, ông Roger Hillsman, giám đốc sở này nộp một báo cáo nói tới những khuyết điểm của Ấp Chiến Lược, đặc biệt là việc Chính phủ Diệm không chịu đền thiệt hại cho dân, thiếu hướng dẫn, thiếu điều hợp và yểm trợ vật chất từ trung ương..

Còn cuộc hành quân của quân đội VNCH trong ***trận Ấp Bắc*** vào tháng 1, 1963, tuy Sư đoàn 7 bị thiệt hại nặng (80 chết 109 bị thương) và lực lượng Mỹ yểm trợ bị 3 người chết, 6 bị thương, 5 máy bay trực thăng bị hư hại, nhưng sự thất bại là do nhiều lý do địa hình khó khăn, tình báo sai lầm, và đặc biệt còn do lỗi lầm của cố vấn John Vann (đã chọn lầm chỗ đổ quân), nhưng báo chí Mỹ và nhóm chống ông Diệm ở Bộ Ngoại Giao vẫn coi đây là thất bại lớn của chính quyền Diệm trên đà suy sụp, đang khi thực sự đã có nhiều tiến bộ như nhà báo Wilfred Burchette, người không mấy thiện cảm với chính phủ Miền Nam cũng đã phải bình luận là *'đã có một số thắng lợi và chủ động về chiến lược và chiến thuật. ... Năm 1962 là năm của Diệm"*. [Chúng tôi xin mở ngoặc ở đây để nhắc cho độc giả về một tình huống tương tự thời Đệ Nhị Cộng Hòa, đó là cuộc hành quân Lam Sơn 719 đánh sang Lào. Báo chí và ông Kissinger một mực quy trách quân đội VNCH về sự thất bại. TT Thiệu bình luận với phóng viên báo Der Spiegle: *"Để tôi kể ông nghe một câu chuyện nhỏ. Lúc đó trên tờ Time hay Newsweek có đăng tấm hình một người lính Nam Việt Nam đang đeo trên một chiếc trực thăng cấp cứu. Bên dưới đề là "Rabbit" (Thỏ đế). Tôi chỉ cười và khinh bỉ điều đó. Ông không thể ngăn cản chỉ một người lính làm điều đó, và chỉ một điều như vậy là báo chí (Mỹ) tố cáo quân đội Nam Việt-Nam là những kẻ hèn nhát. Trong lúc đó họ hoàn toàn giấu kín sự thật*

về sự thiếu tinh thần chiến đấu của các phi công trực thăng Mỹ trong cuộc hành quân."]

Tác giả Moyar đã thuật lại đầy đủ chi tiết trận đánh, địa hình địa vật, và quân số hai bên, cũng như diễn tiến trận đánh, để đi đến nhận xét rất rõ ràng về những dối trá của Paul Vann khi ông cung cấp thông tin cho Neil Seehan, là người sau này đã viết cả một cuốn sách A Bright Shining Lie (Lời Nói Dối Sáng Ngời) ca tụng ông Vann. Ông Moyar bình luận là "Sau những đả kích này thì đến vụ khủng hoảng Phật giáo, một cơ hội vàng cho các nhà báo triệt để khai thác. Và họ đã đầu độc dư luận, ảnh hưởng sâu xa vào lãnh đạo Hoa kỳ, đặc biệt là người đại diện Mỹ tại chỗ là tân đại sứ Lodge. Ngay cả trước khi tới Sàigòn, ông Lodge cũng đã đầy ác cảm với nhà Ngô. Bởi vậy dù chưa có đủ thời giờ để quan sát và tìm hiểu tại chỗ, ông đã có sẵn một định kiến chắc chắn như đanh đóng cột, đó là phải thay đổi chính phủ Diệm. Vừa tới Sàigòn chiều ngày 22 tháng 8, ông Lodge đã mời ngay Sheehan và Halberstam dùng cơm tối thật lâu để nghe trình bày về sự chống đối chế độ Diệm-Nhu. Ngày hôm sau, ông đã tới gặp hai nhà sư đang trú ẩn tại trụ sở Cơ Quan Viện trợ Mỹ USOM. Như vậy là ông đã trình diện với hai nhà sư trước Tổng thống Diệm."

Trật đường rầy? [4]

Theo như tác giả Ellen Hammer kể lại thì vào cuối tháng 8, ông Trương Công Cừu vừa được chỉ định làm Xử lý thường vụ, Bộ trưởng Ngoại giao có tổ chức một tiệc chiêu đãi phái đoàn ngoại giao. Hôm đó lại có cả đại diện của một nước Cộng sản, ông Mieczyslaw Maneli, Trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy Hội Quốc tế Kiểm soát đình chiến và Sứ thần Tòa Thánh Vatican, Đức Ông Asta. Ông này tiến đến chỗ ông Nhu đang đứng, giới thiệu Maneli với ông Nhu. Một số quan khách khác đang lảng vảng xa xa cũng từ từ đến gần ông Nhu. Rất tự nhiên, không có chuyện gì khác thường. Trong số này có cả các đại sứ Lalouette, d'Orlandi (Ý), và Gorburdhun (Ấn độ, chủ tịch Ủy Hội Quốc tế Kiểm soát đình chiến). Sau khi bắt tay ông Maneli, ông Nhu

nói: "Nhân dân Việt Nam vốn dĩ e ngại và nghi ngờ không những người Trung Quốc, mà còn cả những người chiếm đóng, những người thực dân, tất cả." Đại sứ Lodge cũng đang quanh quẩn đâu đây, chắc đã nghe thấy câu này, còn nếu không thì cũng đã được báo cáo ngay sau đó. "Bây giờ chúng tôi chỉ muốn có hòa bình," ông Nhu nói tiếp, " Và tôi tin tưởng rằng Ủy Hội Quốc tế có thể và còn phải đóng vai trò quan trọng trong việc vãn hồi Hòa Bình cho Việt Nam."

Ngày 29 tháng 8, vào lúc Hoa kỳ đang bận rộn âm mưu về một cuộc đảo chính, Tướng De Gaulle lại bất thần kêu gọi thống nhất hai miền Nam, Bắc trong hòa bình, không có kẻ thắng người bại, và trung lập hóa Việt Nam. Bà Hammer kể lại là khi nghe như vậy, Đại sứ Pháp Lalouette hết sức phấn khởi vì chính ông ta cũng đã vận động theo chiều hướng này từ nhiều tháng qua Ông Lalouette cho rằng đây là cơ hội có một không hai để Pháp có thể vãn hồi phần nào ảnh hưởng của mình ở Miền Nam bằng cách làm môi giới sắp xếp để tiến tới trung lập, loại trừ được sự kiểm soát của người Mỹ. **"Nếu Mỹ lật đổ ông Diệm, cơ hội cuối cùng về hòa bình ở Việt Nam sẽ bị phá hủy," Lalouette nói với Maneli, "vì bất cứ ai lên thay ông ta cũng sẽ phải lệ thuộc vào Mỹ. Chỉ mình ông Diệm là người độc lập đủ để may ra có thể vãn hội được hòa bình."** Cùng thời gian này, TT Diệm gửi một phái đoàn Quốc Hội Việt Nam đầu tiên sang Pháp (trong đó có ông Nguyễn Hữu Chỉnh là anh ruột của tác giả).

Từ hồi tháng 7, tình báo Hoa kỳ đã lưu ý Washington là ông Nhu có thể yêu cầu giảm cố vấn Mỹ. Suy nghĩ lại về giai đoạn này, Đại sứ Pháp Lalouette, người đã chứng kiến và tham gia vào nhiều biến cố tại Việt Nam đã cho rằng **"quyết định của ông Nhu vào hồi tháng 4 yêu cầu rút cố vấn cấp tỉnh đã là lý do chính để người Mỹ quyết định lật đổ ông Diệm. "**

Hai ông Diệm - Nhu muốn thương thuyết với Hà Nội? [5]

Như đã đề cập trong chương trước, cùng ngày 29 tháng 8

trong một điện tín gửi cho Lodge (số 272), Tòa Bạch Ốc nói về việc có nên thử nói với ông Diệm hãy triệt bỏ ông bà Nhu hay không, đã kết luận rằng "sẽ không thành công nếu chỉ thuyết phục suông," trừ phi "đưa ra một lời răn đe dọa cắt viện trợ." Thế nhưng nếu răn đe như vậy thì "có nguy cơ rất cao là ông Diệm sẽ coi đó là chỉ dấu sắp có hành động chống lại ông và ông bà Nhu đến nơi rồi, và tối thiểu rất có thể ông ta sẽ có biện pháp mạnh đối với các Tướng lãnh hay thậm chí có hành động quái đản thí dụ như kêu gọi Bắc Việt trợ giúp việc trục xuất người Mỹ đi."

Quá là nhanh, chiều ngày 31 tháng 8, ông Lodge báo cáo Washington ngay về việc này rằng chính ông ta cũng đã "có nghe tin ông Nhu đã bí mật giao thiệp với Hà Nội và Việt Cộng qua Đại sứ Pháp và Balan, cả hai chính phủ các nước này đều tán thành một giải pháp trung lập giữa Bắc và Nam Việt Nam."[5] Như vậy là đã trật đường rầy!

Đầu năm Quý Mão (1963) có tin đồn về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi tặng Tổng thống Ngô Đình Diệm một cành hoa đào thật đẹp vào dịp tết, và cành đào được trưng bày ngay ở phòng khánh tiết Dinh Gia Long. Bây giờ chính Đại sứ Mỹ lại báo cáo có nghe tin ông Nhu bí mật giao thiệp với Hà Nội. Về câu chuyện cành đào, tác giả Minh Võ đã viết rõ trong cuốn *'Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa dân Tộc.'*

Trong một chuyến đi Hà Nội, Maneli có gặp và hỏi ý kiến Thủ tướng Phạm Văn Đồng xem nên hành động như thế nào khi gặp ông Nhu. "Cứ việc nghe cho kỹ. Có một điều chắc chắn là người Mỹ phải ra đi. Trên cơ sở đó, chúng tôi sẽ thương thuyết mọi việc. Mọi việc. chúng tôi thực sự mong muốn chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình và thống nhất trên một cơ sở hoàn toàn thực tế."

Sau buổi tiếp tân của ông Cừu, ngày 2 tháng 9 ông Nhu cho mời ông Maneli vào nói chuyện ở Dinh Gia Long. Bà Hammer viết lại là "Ông Nhu nói: 'ông ta không chống lại các cuộc thương thuyết và hợp tác với miền Bắc. Người Việt Nam không bao giờ quên ai là người Việt Nam ai là người nước ngoài ngay cả trong những trận đánh ác liệt nhất. Nếu chúng ta

có thể bắt đầu một cuộc đối thoại trực tiếp thì có thể đạt tới một sự thỏa thuận.' " [6] Làm sao mà ông đại sứ Lodge lại không biết cuộc viếng thăm này. Ông đã thấy (và nghe) ông Maneli nói chuyện với ông Nhu trong buổi tiếp tân, bây giờ hai bên lại gặp gỡ nhau. Một người thông minh như ông Nhu thì cũng dư biết là ông Lodge đã theo rõi mình. Bởi vậy có thể là ông Nhu đã muốn đi bước trước ('preemtive move') bằng cách tự mình cho ông Lodge hay về cuộc gặp gỡ với Maneli, và còn cho ông hay là cũng đã có những tiếp xúc giữa hai bên còn trước đó nữa.

Về sự tiếp xúc này thì nhiều tác giả đã bàn tới. Theo sự nghiên cứu của chúng tôi thì có hai nhân chứng khả tín là ông Mieczyslaw Maneli (Trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy Hội Kiểm Soát Đình Chiến), người trực tiếp làm môi giới giữa Bắc - Nam và ông Cao Xuân Vỹ là người đã cùng đi với ông Ngô Đình Nhu gặp ông Phạm Hùng. Bởi vậy, ta nên xem hai ông đã thuật lại như thế nào?

Ông Cao Xuân Vỹ

Tác giả Minh Võ đã viết lại về cuộc phỏng vấn với ông Vỹ như sau:[7]

- Hỏi: "Khi ông cùng ông Nhu đi gặp Phạm Hùng ở Bình Tuy, ông Nhu có cho ông biết hai người họ bàn chuyện gì không?"

- Đáp: "Lúc ấy thì không. Chỉ biết chúng tôi cùng đến Quận Tánh Linh ở đây có một vùng do Cộng quân kiểm soát. Ban đầu cứ tưởng đi săn cọp như mọi khi. Nhưng đến nơi ông Nhu bảo chúng tôi ở ngoài, còn ông đi về phía trước độ vài trăm mét. Có Phạm Hùng chờ ở đó. Sau này về nhà tôi cũng không tiện hỏi ông Nhu. Nhưng qua những gì ông tự ý nói ra vào một lúc nào đó thì, nội dung câu chuyện trên một tiếng đồng hồ, gồm nhiều điều cho đến nay vẫn chưa được tiết lộ. Có một điều mà phía họ rất quan ngại, nếu không bảo là sợ, rất sợ chương trình **Ấp Chiến Lược**. Họ yêu cầu cho biết ai là người chủ trương và mục đích để làm gì? Ông Nhu trả lời: đó chỉ là một chủ trương của chính phủ nhằm bảo vệ sinh mạng và tài sản

của người dân, ngăn ngừa sự xâm nhập, phá phách của du kích các ông... Các ông bảo cán bộ đừng tìm cách đánh phá làng xã, thì chúng tôi sẽ bỏ luật 10/59. Cán bộ các ông có thể về sống với dân lành tại các ấp..."

Ông Mieczyslaw Maneli

Ngày 15 tháng 2, 1975 (hai năm sau khi Hòa Đàm Paris ký kết) ông đã viết một bài tên tờ *Washington Post* với tựa đề: *'Vietnam: 63 and Now'* và nói rằng giải pháp hòa bình do ông làm môi giới năm 1963 nếu thành công thì đã thuận lợi cho Miền Nam và Thế giới Tự Do hơn Hiệp định Paris đầu năm 1973 rất nhiều. Ông kể lại:

> "Mùa Xuân năm 1963, Đại sứ Pháp Lolouette nói với tôi là Tổng thống Diệm và bào đệ của ông có nhờ tôi tìm hiểu với Chính Phủ Hà Nội xem có khả năng nào để giải quyết cuộc chiến bằng phương tiện hòa bình hay không. Trong mấy tháng sau đó tôi đã thảo luận nhiều với giới lãnh đạo cao cấp nhất kể cả Chủ tịch Hồ Chí Minh và Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Câu hỏi căn bản tôi đặt ra cho họ là: trong trường hợp Mỹ rút khỏi Miền Nam, những bảo đảm thực sự nào Miền Bắc có thể đem ra để chứng tỏ rằng một Việt Nam thống nhất sẽ không phải là một nước của thế giới Cộng sản? Lãnh đạo Miền Bắc thảo luận nhiều lần và dần dần đi tới một kế hoạch mà tôi đã dựa vào đó để thảo luận với một nhóm các đại sứ Tây phương. Theo như kế hoạch này, hai Miền Bắc – Nam sẽ từ từ đi từng bước bắt đầu từ **liên lạc bưu chính, kinh tế, văn hóa. Sản phẩm kỹ nghệ Miền Bắc sẽ được dùng để mua thóc gạo Miền Nam.**
>
> "Miền Bắc sẽ không đòi hỏi phải thống nhất nhanh chóng, một chính phủ liên hiệp sẽ được thành lập tại Miền Nam. Tôi hỏi liệu ông Diệm có thể là lãnh đạo của chính phủ này hay không? Tới mùa hè 1963 thì câu trả lời sau cùng là có. Sau đó, tôi lại hỏi thêm: nhưng

> làm sao phía Thế giới Tự do có thể tin rằng Hà Nội sẽ giữ lời hứa? Câu trả lời là nếu Mỹ đồng ý rút, Miền Bắc sẽ sẵn sàng đưa ra những bảo đảm có thực chất, gồm cả việc Mỹ tham dự vào việc giám sát giải pháp hòa bình... ngoài ra Miền bắc cũng sẽ có quan hệ ngoại giao và thương mại với thế giới Tự do, và sau cùng nhưng rất quan trọng, là quyền lực về kinh tế và chính trị của Hoa Kỳ, nó vẫn còn nguyên không bị bớt đi vì cuộc chiến (cũng sẽ là một bảo đảm nữa)."

Về thời điểm 1963 khi có khả năng là hai bên Bắc – Nam xem xét vấn đề liên lạc kinh tế trong khung cảnh hiệp thương thì chúng tôi cho rằng về phía Miền Bắc, rất có thể là ngoài sự thành công của Ấp Chiến Lược, động cơ chính đã là yếu tố kinh tế: đó là khủng hoảng thực phẩm năm 1963 tại miền Bắc. Tình hình thiếu hụt thực phẩm năm ấy đã trở nên khủng hoảng sau những cơn hạn hán rất nặng và bão tố kéo dài từ mùa Xuân 1961 tới mùa Đông 1962. Theo tác giả Hammer thì "ĐS Lalouette cũng cho ĐS Lodge biết là 'lúc này vì tình thế kinh tế khó khăn ở Miền Bắc, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đang muốn hiệp thương với Miền Nam, đổi than đá ngoài Bắc lấy gạo miền Nam.' "

Như chính tác giả đã có dịp phân tích trong cuốn *Economic Development in Socialist Vietnam, 1955-1975* (New York: Praeger Publisher, 1977): trong những năm không bị thiên tai như lụt lội, bão tố, hay hạn hán, Miền Bắc cũng vẫn phải dựa vào thóc gạo của Miền Nam thì mới đủ ăn. Thí dụ cụ thể nhất là nạn đói 1945. Vào năm ấy, Nhật-Pháp thu mua gạo ở Miền Nam và không cho vận chuyển ra Bắc: số người chết đói tới 1.5 triệu - 2 triệu, như vậy là tương đương với 17% dân số Miền Bắc (chúng tôi còn nhớ lúc tuổi thơ ấu đã phải chứng kiến cảnh đói khổ hết sức đau thương ở vùng Nga sơn, Thanh Hóa). Sau khi chia đôi lãnh thổ năm 1954, Miền Bắc bị cắt đứt số gạo vận chuyển hằng năm từ đồng bằng Cửu Long. Cho nên ngay từ năm 1956, Hà Nội đã gửi phái đoàn Văn Tiến Dũng vào Sài gòn đề nghị thảo luận về hiệp thương. Từng ngàn học sinh, sinh

viên chúng tôi đã xuống đường biểu tình 'chống hiệp thương.'

Về hiệp thương thì ông Cao Xuân Vỹ đã kể lại cho ông Minh Võ như sau:

> "Về các điều kiện để hiệp thương thì nhiều lần Tổng Thống Diệm đã nói, phải có 6 giai đoạn:
> - Bắt đầu bằng việc cho dân hai miền trao đổi thư tín tự do.
> - Rồi cho dân qua lại tự do.
> - Thứ 3 là cho dân hai bên được tự do chọn định cư sang bên kia nếu muốn.
> - Thứ 4 mới đến giai đoạn trao đổi kinh tế. Ví dụ miền Nam đổi gạo lấy than đá của miền Bắc chẳng hạn.
> - Qua được các giai đoạn đó rồi mới tiến tới hiệp thương.
> - Và sau cùng là tổng tuyển cử.
>
> "Có lần ông Nhu tính với chúng tôi: Ông dự đoán rằng, nếu cho dân tự do chọn nơi định cư, thì căn cứ theo tình trạng về tự do dân chủ tồi tệ và kinh tế kiệt quệ của miền Bắc lúc ấy, sẽ có khoảng 3 triệu người dân sẽ dần dần vào định cư ở miền Nam. Vì vậy "mình" phải chuẩn bị đất cho dân. Ông cũng tính rằng hiện dân số miền Bắc có tới 23 triệu, trong khi dân số miền Nam chỉ có 17 triệu. Nếu có được 3 triệu dân Bắc vào định cư ở miền Nam thì dân số hai bên sẽ cân bằng. Bầu cử tự do, với sự giám sát của Quốc Tế thì chắc mình sẽ thắng. (Minh Võ, ngày 14 tháng 6, 2012, in trên mạng <www.Vietthuc.org >).

[Chúng tôi xin mở ngoặc ở đây để nhắc lại một sự việc đã được đề cập tới trong hai cuốn sách *The Palace File* và *Khi Đồng minh Tháo Chạy*, đó là dựa vào sự phân tích vấn đề thiếu hụt thực phẩm triền miên tại Miền Bắc và sự tùy thuộc vào thóc gạo ở Miền Nam, khi được tin hậu trường là có khả năng Cố vấn Kissinger đang điều đình để rút khỏi Miền Nam, chúng tôi đã sang Đức để tìm hiểu mô hình hiệp thương giữa Đông Đức và Tây Đức - là hai miền Cộng sản và Tự do. Rồi tháng 9, 1971 trong cuộc gặp gỡ đầu tiên với Tổng thống Nguyễn

Văn Thiệu, chúng tôi đã đề nghị với ông đem lập trường này ra Hòa đàm Paris để thương thuyết, tìm giải pháp hòa bình vì chắc chắn là Mỹ sắp bỏ Miền Nam rồi. TT Thiệu đồng ý và đã tuyên bố trong bài diễn văn vào dịp ông ra ứng cử tổng thống lần thứ hai vào ngày 1 tháng 10, 1972, hai ngày trước bầu cử, rồi đưa ra hòa đàm Paris. Để yểm trợ cho nỗ lực này, chúng tôi cũng viết một bài dài trên cả một trang của tờ báo *Washington Post* vào mục' OUTLOOK' của ngày Chủ Nhật để gây sự chú ý (24 tháng 9, 1972) với tựa đề *"The Vietnams As Partners In Trade"* (Hai Miền Nam Là Bạn Đồng Phường Buôn Bán). Bài này vẫn còn lưu lại trong Archive của Washington Post, độc giả có thể tìm đọc. Thế nhưng vào lúc ấy thì con đường tháo chạy khỏi Miền Nam đã do Đao phủ Henry II (Kissinger) sắp xếp xong xuôi cả rồi].

Lập trường hai ông Diệm - Nhu về giải pháp hòa bình

Như vậy, về những bước liên lạc hiệp thương, lập trường trung lập để đi tới thống nhất thì đại cương, điều ông Maneli viết cũng giống như những gì ông Vỹ kể lại. Theo như tác giả Hammer thì 'ngày 2 tháng 9, ông Nhu có tiếp ĐS Lodge và nói tới việc ông dự định về hưu ở Đà Lạt. Nhân dịp này, ông Nhu cũng nói với ông Lodge là "ông Maneli có đề cập tới lời tuyên bố của ông de Gaulle và lời kêu gọi ngưng chiến của ông Hồ Chí Minh, và hỏi xem ông ta (Maneli) có thể nói điều gì với ông Phạm Văn Đồng về việc này hay không, thì ông Nhu đã trả lời với ông Maneli là *"Không nói gì hết."* Ông Nhu còn thêm rằng rằng "dù ông de Gaulle có quyền có ý kiến, nhưng những ai không tham dự vào cuộc chiến này thì không có quyền can thiệp vào cuộc chiến. ***Sự chung thủy của chúng tôi đối với người Mỹ ngăn cấm chúng tôi không xem xét cả hai lời tuyên bố này*** *(của ông de Gaulle và ông Hồ).* ***Người Mỹ là người duy nhất trên trái đất dám giúp miền Nam Việt Nam. Bởi vậy tôi không bình luận gì thêm. "***

Bà Ellen cũng viết lại: "về lời tuyên bố của de Gaulle ngày

29 tháng 8, 1963 thì chính ông Diệm cũng đã trả lời (Đại sứ Lalouette) là ***ông ta không thể dự tính một tình trạng trung lập cho Miền Nam mà lại đòi hỏi phải đoạn tuyệt với đồng minh Hoa Kỳ."*** [8]

Bởi vậy tuy việc ông Nhu gặp ông Phạm Hùng vẫn còn là một đề tài tranh luận, ngày nay ta có thể thấy rõ ba điểm: *thứ nhất* là việc này có thật; *thứ hai*, ý định của TT Diệm và ông Nhu về việc đàm phán với Hà Nội là để đi tìm một giải pháp hòa bình cho cuộc chiến (vì biết trước sau rồi Mỹ cũng bỏ Miền Nam) chứ không phải là để cắt đứt giây liên lạc với Mỹ; và *thứ ba*, việc tái lập hòa bình nếu xảy ra thì sẽ là một hành trình dài 6 bước chứ không phải ngay lập tức. Về đề tài này, tác giả Minh Võ cũng đã đề cập chi tiết trong cuốn sách 'Ngô Đình Diệm Và Chính Nghĩa Dân Tộc.'

Ngoại Trưởng Rusk: "Chúng ta sẽ không chủ mưu một cuộc đảo chính"

Trở lại thời điểm cuối Hè, 1963, sau khi có báo cáo là các tướng lãnh đã hủy bỏ cuộc đảo chính, ngày 31 tháng 8 một cuộc họp khẩn được tổ chức tại Bộ Ngoại Giao để duyệt xét lại chính sách Việt Nam với chủ đề *'từ đây ta sẽ đi tới đâu?'* Đây là cuộc họp quan trọng vì có cả Phó Tổng Thống Lyndon Johnson tham dự và bàn định về những hành động từ tháng 9, chúng tôi in lại toàn bộ biên bản trong phần Phụ Lục. Kết luận của Ngoại trưởng Rusk về cuộc họp là sẽ không chủ mưu đảo chính, được Bộ trưởng McNamara và Phó TT Johnson ủng hộ.[9]

Lập trường gây ra tranh luận là trong buổi họp là do ông Paul M. Kattenburg đưa ra. Ông này đứng đầu 'Nhóm Công Tác Liên Bộ về Việt Nam.' Kattenburg đề nghị Mỹ nên rút chân ra, vì tình hình không còn có thể cứu vãn được nữa dù là có hay không có Tổng Thống Diệm. Ông cho rằng nếu Hoa kỳ tiếp tục "sống với" chế độ của ông Diệm thì có thể bị tống ra khỏi việt nam trong vòng sáu tháng. Phe bênh hai ông Nhu-Diệm gồm có Bộ trưởng McNamara Phó tổng thống Johnson và cựu đại sứ Nolting. Ngoại trưởng Rusk cho rằng thật là "không thực

tế" khi đòi ông Nhu "phải ra đi." Ông McNamara cũng đề nghị nên mở lại cuộc tiếp xúc với Tổng Thống Diệm.

Ngược lại, Phụ tá Ngoại trưởng Hilsman nhắc hội đồng về tình thế bết bát tại Việt Nam, và nếu cứ chấp nhận "một chính phủ có sự ngự trị mạnh mẽ của ông Nhu" thì sẽ ảnh hưởng đến hình ảnh và chính sách của Mỹ ở khắp nơi. Hilsman đưa ra bốn lý do để đả kích ông Nhu, đặc biệt là lý do thứ ba: *ông Nhu đã khởi xướng một nỗ lực nhằm rút các cố vấn Mỹ tại cấp tỉnh đi và tuyên bố rằng ông đã nói chuyện với người Pháp*. Để làm bằng chứng, ông đưa ra nội dung của một bức điện văn mà Hoa kỳ đã kiểm thính được. Tới đây, ông Bundy đòi xem bức điện này. Ông Nolting thì nhất mực binh ông Diệm và ông Nhu, quả quyết rằng ông Nhu sẽ không bao giờ điều đình theo như những điều kiện của ông Hồ. Nhưng ông Hilsman lại đưa ra những yếu tố tiêu cực khác gồm:

- o Tâm trạng của dân chúng, đặc biệt là các hạ sĩ quan đều nhất loạt chỉ trích chính phủ Diệm;
- o Ảnh hưởng xấu của việc Mỹ chấp nhận ông Nhu đối với các chương trình khác của Mỹ tại Đông Nam Á; và
- o Vấn đề dư luận báo chí (chống chính phủ).

Phân tích của Kattenburg và Hilsman bị các ông Rusk và McNamara bác đi. Sau cùng Ngoại trưởng Rusk yêu cầu rằng chính sách Mỹ phải dựa trên hai điểm:

- "chúng ta sẽ không rút ra khỏi Việt Nam trước khi chiến thắng, và rằng
- "chúng ta sẽ không chủ mưu một cuộc đảo chính.

Ông Mc. Namara ủng hộ quan điểm này, và **Phó Tổng thống Johnson** đồng ý hoàn toàn. Ông yêu cầu là **"chúng ta phải chấm dứt cái 'trò con lừa và kẻ trộm' và trở lại nói chuyện thẳng với chính phủ Diệm để đi tới chiến thắng.**

Ông Hilsman bình luận về hai mục tiêu của ông Nhu

Dù Ngoại trưởng đã xác định là "chúng ta sẽ không chủ mưu một cuộc đảo chính" và Phó Tổng thống đã yêu cầu "phải

nói chuyện thẳng với chính phủ Diệm để đi tới chiến thắng, " ông **Hilsman** không lùi bước. Ngày 16 tháng 9, ông lại viết một Bản Ghi Nhớ, bình luận về mục tiêu tối thiểu và tối đa của ông Nhu:

- o ***tối thiểu*** **là sẽ "giảm mạnh số người Mỹ đang giữ những chức vụ chính yếu tại các tỉnh và trong chương trình ấp Chiến Lược,"** và
- o ***tối đa*** **là ông ta sẽ "điều đình với Bắc Việt để ngưng chiến, rồi chấm dứt sự có mặt của Mỹ, đi tới một Miền Nam trung lập hoặc theo kiểu Titô nhưng vẫn là một phần đất riêng biệt."**

Hilsman kết luận rằng ông Nhu đã quyết định dấn thân vào một cuộc mạo hiểm, và bởi vậy, không thể nào tiếp tục con đường hòa giải với ông ta (*reconciliation track)* bằng cách dùng ngoại giao và thuyết phục được nữa, mà phải theo con đường dùng áp lực (*pressure track*). [9]

Tiếp theo đó là chuyến viếng thăm Sàigòn từ ngày 23 tháng 9 tới 2 tháng 10 của phái đoàn Taylor-McNamara. Khi trở về Washington hai ông báo cáo tình hình quân sự là tốt, bênh ông Diệm và cho rằng Hoa kỳ không nên đôn đốc một cuộc đảo chính, và chỉ nên dùng áp lực viện trợ để đưa ông Nhu ra khỏi chính phủ. Trong báo cáo, hai ông lại thêm một nhận xét là ***"Sự ve vãn của ông Nhu với ý định điều đình (với Hà Nội) – cho dù là nghiêm chỉnh hay không đi nữa – cũng đã cho thấy có sự bất tương phùng căn bản đối với những mục tiêu của Hoa Kỳ"*** ("Nhu's flirtation with the idea of negotiations – whether or not serious at present – suggested a basic incompatibility with U.S. objectives.") [10]

TT Kennedy áp lực TT Diệm thay thế nhân sự

- Walter Cronkite: *"Thưa Tổng thống, hiện nay cuộc chiến nóng bỏng duy nhất là chiến tranh ở Việt Nam, và thật rõ ràng là ta đang có khó khăn ở nơi đây."*

- Tổng thống Kennedy: *"Tôi không nghĩ cuộc chiến có thể thắng được trừ phi Chính phủ cố gắng hơn nữa để dân chúng ủng hộ nỗ lực ấy...theo ý tôi, trong hai tháng qua, Chính phủ đã không còn gần gũi với nhân dân nữa...cuộc đàn áp Phật giáo thật là không khôn ngoan chút nào cả."*

- Cronkite: *"Như vậy liệu Chính phủ này có đủ thời giờ để lấy lại sự ủng hộ của nhân dân hay không?"*

- Kennedy: *"Tôi nghĩ là có. Với những thay đổi về chính sách và có lẽ về cả nhân sự nữa, tôi nghĩ Chính phủ ấy vẫn còn có thể làm được việc đó. Nhưng nếu Chính phủ không thực hiện những sự thay đổi thì tôi nghĩ triển vọng lấy lại sự ủng hộ của dân chúng không được khả quan lắm."*

Đó là cuộc phỏng vấn trong buổi khai mạc chương trình *"Tin tức Buổi chiều"* (*CBS Evening News*) do Walter Cronkite thực hiện chiều ngày 2 tháng 9. Về áp lực kinh tế, Tổng thống Kennedy lần đầu tiên đã công khai làm áp lực thẳng: ông Diệm phải áp dụng những bước tiến để lấy lại sự ủng hộ của nhân dân sau các vụ đàn áp Phật giáo, nếu không thì cuộc chiến không thể thắng được. Thành công có thể đạt tới với những thay đổi trong chính sách và có thể cả nhân sự nữa.[11] Ông Kennedy không nói rõ 'nhân sự' là ai, nhưng chắc chắn là ám chỉ việc phải thay thế ông Nhu. Tin này hết sức giật gân. Ở Sàigòn, nhiều chính trị gia và tướng lãnh cho rằng như vậy là Washington đã hết ủng hộ chính phủ Diệm. Theo tác giả Hammer, nhiều năm sau đó khi chính Tướng Đôn được hỏi là ông đã hiểu thế nào về lời của Kennedy thì ông trả lời *"Kennedy ủng hộ bất cứ sự thay đổi nào, bất cứ thay đổi nào."* Cũng theo bà Hammer thì đài tivi CBS đã không trung thực khi chiếu lại cuộc phỏng vấn TT Kennedy. Vì cuộc phỏng vấn hơi dài đối với chương trình CBS vào buổi chiều chỉ kéo dài một nửa giờ nên đài này đã tự tiện cắt bớt đi một phần mà không hỏi ý kiến Tòa Bạch Ốc. Phần này nói về sự kính nể và thông cảm của TT Kennedy đối với TT Diệm. Sau đó chính phụ tá báo chí của tổng thống là Pierre

Salinger đã gọi chuyện này là sự xuyên tạc đi một phần, một việc **làm lu mờ quan niệm tổng quát của TT Kennedy** ('a partial distortion, a disservice') đối với TT Diệm. Ngày hôm sau trong một buổi họp của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia, Tổng thống Kennedy chỉ thị phải cho ông Lodge biết để ông ấy cho mọi người hiểu rằng ***'cuộc phỏng vấn trên tivi không có nghĩa là tổng thống Kennedy muốn tấn công Tổng thống Diệm,'*** và phải gửi bản sao toàn bộ cuộc phỏng vấn cho ông Lodge [12] Thế nhưng không có chứng cớ gì là ông Lodge đã tuân theo chỉ thị này. Ngược lại, sau cuộc phỏng vấn ông Lodge lại vào gặp ông Diệm để cảnh cáo đủ chuyện, rồi nhắc tới lời ông Kennedy về *"nhu cầu phải thay đổi nhân sự và chính sách."*[13]

Một tuần sau, khi thấy ảnh hưởng quá tai hại của cuộc phỏng vấn, TT Kennedy đã cố làm nhẹ bớt sự nghiêm trọng của lời cảnh cáo bằng cách nói vớt vát lại trong một buổi phỏng vấn khác trên đài NBC qua chương trình *'Huntley-Brinkley News'* (9 tháng 9) rằng ***ông không tin việc cắt viện trợ là cần thiết đối với mục tiêu của Hoa kỳ ở Việt Nam trong lúc này***. Nhưng đã quá muộn, vì nhiều người cho rằng ông đã bật đèn xanh. Lời cảnh cáo của ông đã vang dội vào sâu trong tai nhóm âm mưu đảo chính mà không còn cách nào moi ra được nữa, nhất là trên căn bản những gì đã diễn biến sau đó.

Hai ông Diệm-Nhu đã thực sự nhượng bộ nhưng Washington tiếp tục tấn công

Ít người để ý rằng thực ra thì hai ông Diệm - Nhu đã nhượng bộ đòi hỏi của Mỹ là ông Nhu phải ra khỏi chính quyền. Cùng ngày 2 tháng 9 có cuộc họp giữa ông Lodge và ông ông Nhu. Cùng đi với ông Lodge có đại sứ Ý Orlandi. Trong cuộc họp này ông Nhu nói thẳng với ông Lodge rằng ông có ý định sẽ về hưu ở Đà Lạt. Ông còn nói tới một cách để về hưu mà vẫn giữ được thể diện: đó là để cho Chính phủ tuyên bố rằng những tiến bộ thu lượm được trong việc chiến thắng Cộng sản nay đã cho phép ông Nhu về nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Bà Nhu sẽ đi thăm viếng các nước Yugoslavia, Ý, và có thể cả Hoa kỳ. Và sứ thần

Tòa thánh Vatican cũng sẽ giúp sắp xếp cho Giám mục Thục rời Việt Nam. Ông Nhu nói chính phủ sẽ thực hiện một số biện pháp để hòa giải với Phật giáo và sau cùng, chính Tổng thống Diệm sẽ chỉ định một Thủ tướng để chứng tỏ việc tản quyền.[14] Như vậy có thể là ông Lodge đã không báo cáo về Washington cho rõ ràng về việc ông Nhu dự định về nghỉ ở Đà Lạt? (Về sự việc này thì như đã đề cập trong chương trước, chính Tư lệnh Mỹ ở Việt Nam là Tướng Harkins cũng đã báo cáo về Bộ Quốc Phòng là *"Trong một cuộc gặp gỡ hôm qua, ông Nhu nói với tôi là ông ta hiện nay sẵn sàng làm những gì mà Hoa Kỳ muốn làm nếu có sự ủng hộ của Tổng Thống Kennedy. Tôi nói với ông ta 'đây là điều mới mẻ đối với tôi.'"*)

Mấy ngày sau đó, trong khi Đại sứ Ý và Sứ thần Vatican trao đổi với ông Nhu về việc thực thi những biện pháp như trên thì lại có tin là Nghị sĩ Frank Church sắp đem ra một nghị quyết đình chỉ viện trợ Mỹ. Ông Nhu hết sức trăn trở, nói là sẽ từ chức nhưng sẽ không rời Việt Nam. Theo như dự định, đúng ngày 7 tháng 9, Giám mục Thục lên đường đi Vatican, và hai ngày sau, bà Nhu cũng ra khỏi nước.[15] Như vậy là phía hai ông Diệm và Nhu đã bày tỏ thiện chí. Nhưng mặc dù hai ông đã nhượng bộ, những sự việc không may lại liên tục xảy ra như sau:

- Một cuộc phỏng vấn khác ở Washington làm chấn động dư luận: ông David Bell, Giám đốc Cơ quan Viện trợ Hoa kỳ (AID) tỏ ý lo ngại là Quốc hội sẽ cắt viện trợ nếu Chính phủ Diệm không thay đổi chính sách đàn áp hiện nay;
- Ngày 11 tháng 9, ông Lodge gửi điện tín số 478 về Washington đề nghị nên duyệt xét lại toàn bộ chương trình viện trợ để xem những loại viện trợ nào có thể dùng để áp lực ông Diệm;
- Hôm sau, Nghị sĩ Frank Church đưa ra quyết nghị lên án Chính phủ Việt Nam đàn áp Phật giáo và đề nghị chấm dứt viện trợ trừ phi những hành động đàn áp được chấm dứt ngay.

- Ngày 14 tháng 9, Bộ Ngoại giao gửi điện tín số 411 thông báo cho Đại sứ Lodge biết việc chấp thuận hoãn giải ngân số tiền $18.5 triệu cho chương trình nhập cảng cho tới khi có những quyết định căn bản mới về chính sách đối với Việt Nam;
- Như đã viện dẫn trên đây, ngày 16 tháng 9 ông Hilsman viết bản ghi nhớ, kết luận là 'ông Nhu đã quyết định dấn thân vào một cuộc mạo hiểm, và bởi vậy, không thể nào tiếp tục con đường hòa giải với ông ta nữa;'
- Ngày 17 tháng 9, Hội đồng An Ninh Quốc gia xem xét hai sự lựa chọn về chính sách: áp lực mạnh hoặc chấp nhận vớt vát những gì còn có thể được đối với chính phủ Diệm. Hội đồng đi tới quyết định làm áp lực mạnh mẽ, đòi hỏi ông Diệm phải gạt ông Nhu ra khỏi chính quyền.

Đòn bẩy cho 13 yêu sách

Sau phát súng lệnh, 'Chính quyền Kennedy đã đi vào một chiến dịch áp lực mà bất kể ý định ra sao, cũng đã có tác động là khích lệ các tướng lãnh trong quân đội cố gắng (đảo chính) một lần nữa,' theo như bình luận của Tài liệu Bộ Quốc Phòng. Mời độc giả theo rõi những bàn bạc giữa Tòa Bạch Ốc và Đại sứ Lodge trong hai văn kiện quan trọng sau đây để hiểu rõ về mức độ của áp lực đối với ông Diệm vào lúc này.

Theo điện tín của Tòa Bạch Ốc gửi ngày 17 tháng 9, Đại sứ Lodge được trao cho quyền hành rộng rãi để "sử dụng viện trợ như đòn bẩy để làm áp lực, tuy nhiên phải luôn nhớ rằng chính sách của Hoa kỳ không phải là cúp hết viện trợ vì nó sẽ ảnh hưởng tới cuộc chiến. Đặc biệt Bạch Cung còn cho phép ông Lodge tùy ý, có thể *giới hạn* hay *thay đổi* cách thức chuyển giao số viện trợ từ trước tới nay được chuyển qua ông Nhu hay cho các cộng sự viên của ông ta. Tuy vậy, Bạch Cung cũng khuyến cáo ông Lodge nên chọn con đường làm áp lực để ông Diệm thay đổi (thay vì đảo chính), và ông Lodge nên tiếp xúc lại với Tổng Thống Diệm để đối thoại. Nhưng ông Lodge đã khước từ. Sau đây là tóm tắt (chữ nghiêng và đậm là do tác giả):[16]

Ngày 17 tháng 9, 1963
Tòa Bạch Ốc gửi Đại sứ Lodge

"Phiên họp cấp tối cao hôm nay đã chấp thuận những nét lớn của một chương trình gồm những đề nghị hành động...

"Chúng tôi thấy không có cơ hội nào tốt để hành động nhằm triệt bỏ chính phủ hiện nay trong tương lai gần nhất; bởi vậy, như các điện văn gần đây nhất của ông đề nghị, chúng ta phải tạm thời làm áp lực tùy nghi để có được bất cứ sự cải thiện nào về tình hình...

"Chúng tôi đồng ý với ông là sự tăng cường tốt nhất cho vị thế thương lượng của ông trong giai đoạn lâm thời này là đưa ra chứng cớ rõ ràng rằng: mọi viện trợ của Hoa kỳ chỉ được cấp khi ông nói cấp mà thôi. Ông được quyền trì hoãn bất cứ sự giao hàng tiếp liệu hay chuyển giao ngân quỹ do bất cứ cơ quan nào (của chính phủ Hoa kỳ) cho đến khi ông hài lòng rằng nó phù hợp với quyền lợi của Hoa kỳ...

"Sau đây là những hành động hữu ích mà chính phủ Việt Nam có thể làm - theo thứ tự quan trọng: (tác giả dùng số 1 tới 13 thay vì A tới M như trong tài liệu)

1. Làm cho bầu không khí dễ thở, mọi người phải trở lại làm việc và chú tâm vào việc chiến thắng Việt cộng.
2. Phật giáo và sinh viên: phải được thả ra và không làm hại họ.
3. Báo chí: phải cho phép được phát biểu rộng rãi.
4. Cảnh sát mật vụ và dã chiến: hạn chế vai trò của họ để chỉ nhắm vào việc hành quân chống Việt Cộng.
5. Nội các: phải cải tổ để đưa người mới vào là những người không tỳ vết; loại bỏ những đối tượng làm dân

chúng bất mãn.

6. Bầu cử: phải tổ chức bầu cử, bầu cử phải tự do và kết quả được tôn trọng rộng rãi.
7. Quốc hội: phải được triệu tập sau khi bầu cử.
8. Đảng Cần Lao: không được ẩn tích hay trá hình. Phải là một tổ chức rộng rãi... Có lẽ tốt nhất là thực hiện việc này bằng cách giải thể đảng và làm lại từ đầu.
9. Nghị định số 10: hủy bỏ hay tu chính cho hợp lý.
10. Các chùa chiền: cho quân đội sửa sang lại.
11. Thành lập một Bộ Tôn Giáo Vụ.
12. Khai phóng...để cho ai muốn xuất ngoại có thể đi; và
13. Chấp nhận một Phái bộ Điều tra Phật giáo của Liên đoàn Phật giáo Thế giới...

"Ông có thể muốn thêm hay bớt trong bảng liệt kê trên đây tùy ý...

ĐS Lodge: "Sự trừng phạt nào thì cũng phải kèm theo đảo chính"

Chỉ thị ngày 17 tháng 9 kết luận:

> "Cách hay nhất là làm giảm bớt được ảnh hưởng của ông bà Nhu một cách trông thấy...Chúng tôi nghĩ điều này sẽ đòi hỏi ông bà Nhu phải rời khỏi Sàigòn và tốt hơn là rời khỏi Việt Nam ít nhất là đi nghỉ dài hạn..."

Như vậy là vẫn còn cơ hội cho TT Diệm đưa ông bà Nhu đi nghỉ dài hạn, một điều mà hai ông đã định nhượng bộ như đề cập dưới đây. Nhưng ĐS Lodge không quan tâm, đối với ông thì chỉ có đảo chính là con đường duy nhất để giải quyết vấn đề. Bởi vậy, nhận được chỉ thị, ông đã gửi ngay công điện để thuyết phục TT Kennedy dựa trên những vấn đề mà Kennedy quan tâm nhất: người dân càng ngày càng theo Việt Cộng, chính phủ vẫn bắt bớ, nhà tù đầy nhóc, tham nhũng về viện trợ Mỹ, và quân đội không để ý tới cuộc chiến nữa'. Sau đây là một vài đoạn: [17]

Ngày 19-9-1963
Đại sứ Lodge gửi Bộ Ngoại giao "dành riêng cho Tổng Thống"

"Đồng ý rằng không có cơ hội tốt đẹp rõ rệt để hành động lật đổ chính phủ hiện hữu trong một tương lai gần nhất, và vì vậy, chúng ta nên thực hiện bất cứ điều gì có thể làm được đang khi chờ đợi biến cố ấy có thể xảy ra sau này...

"Có nhiều dấu hiệu cho thấy rằng hai ông Diệm Nhu có phần băn khoăn về sự im lặng của tôi. Theo một nguồn tin thân cận thì Diệm-Nhu đang nghe ngóng, mất quân bình và rất đỗi mong muốn hiểu rõ lập trường của Mỹ như thế nào...

"...Tối hôm qua Tướng Big Minh đã rất kín đáo cho tôi biết là Việt Cộng đang thu hoạch được nhiều sức mạnh, hiện có nhiều người dân bên phía họ hơn là chính phủ Việt Nam, rằng các vụ bắt bớ còn tiếp tục và các nhà tù đầy nhóc; rằng càng ngày sinh viên càng đi sang phía Việt Cộng, rằng có khuyết điểm lớn và tham nhũng trong việc quản trị của Việt Nam về viện trợ Mỹ, và rằng: 'Tâm trí của quân đội không để vào cuộc chiến nữa'. Tất cả những điều này do tướng lãnh số một của Việt Nam nói ra, nay lại được ông Bộ trưởng Quốc phòng Thuần lập lại...

"Tôi cũng tin rằng bất cứ một trừng phạt nào chúng ta có thể tìm ra được thì cũng sẽ phải liên hệ trực tiếp với một cuộc đảo chính đang hứa hẹn..
"Như vậy tôi tin rằng chúng tôi nên tiếp tục tiếp xúc với Big Minh và tiếp tục khuyến khích nếu có vẻ là ông ta đang hành động...

"Dĩ nhiên tôi sẽ chỉ thị cho tòa Đại sứ là các chương trình viện trợ nào có thể đình chỉ một cách hiệu quả thì phải đình chỉ, và sẽ không giải tỏa nếu không có sự chấp thuận của tôi...

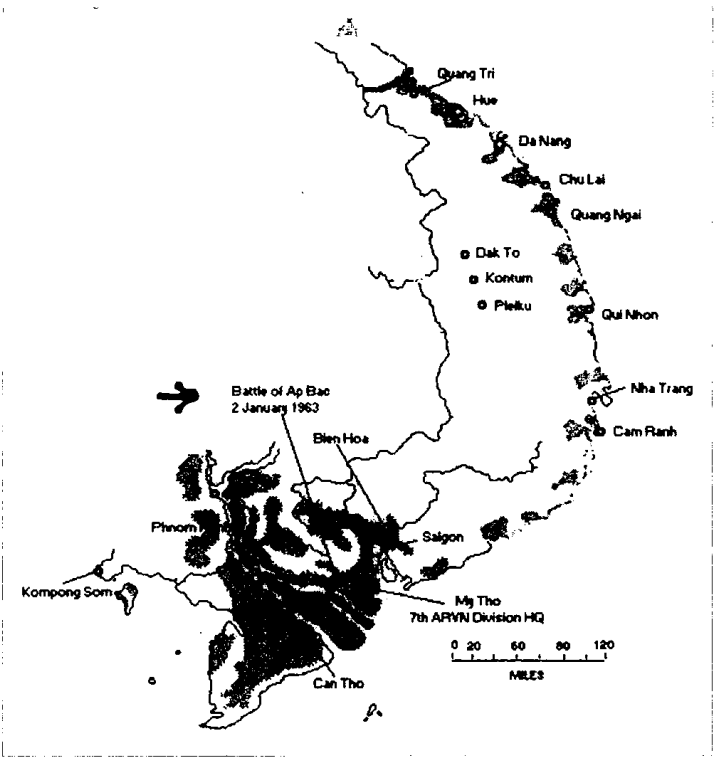

Địa điểm Ấp Bắc. (Hình: "offbeathistory.files.wordpress.com")

Ấp Chiến Lược Hòa Lạc. (Hình: "flickr.com")

Đoàn Nữ Quân Nhân do bà Ngô Đình Nhu thành lập. (Hình: Michael Maclear, *Vietnam A Complete Photographic History*)

Ông Mieczyslaw Maneli, Trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy Hội Kiểm Soát Đình Chiến (sau Geneva), người làm môi giới giữa Sài Gòn và Hà Nội. (Hình: "diendan.org")

Ông Cao Xuân Vỹ (chứng nhân cuộc họp giữa hai ông Ngô Đình Nhu và Phạm Hùng. (Hình: "vietcatholic.net")

Ông Walter Cronkite (CBS News) phỏng vấn TT Kennedy ngày 2/9/1963. (Hình: "kennedy-photo blogspot.com")

CHƯƠNG 21

Ngày Định Mệnh

Sau khi các tướng lãnh đã bỏ kế hoạch đảo chính lần đầu (ngày 19 tháng 9, 1963), ĐS Lodge vẫn cho rằng " *bất cứ một sự trừng phạt nào có thể tìm ra được thì cũng sẽ phải liên hệ trực tiếp tới một cuộc đảo chính đang hứa hẹn.* " Sự hứa hẹn ấy đã bắt đầu trở thành sự thực khi Tướng Dương Văn Minh yêu cầu Mỹ không mưu toan để cản trở đảo chính và ĐS Lodge đã trả lời là chính phủ Mỹ không những không cản trở mà còn tiếp tục ủng hộ tướng lãnh sau khi đảo chính. Đây là một trong ít nhất là 7 sự việc đã xảy ra liên tục vào chính ngày 5 tháng 10, 1963 kể cả việc Washington đình hoãn viện trợ nhập cảng hàng hóa và cắt bớt viện trợ thực phẩm (mạch sống của người dân). Thêm vào đó là áp lực chính phủ Diệm phải đặt những cuộc di chuyển của Lực Lượng Đặc Biệt do Đại tá Tung chỉ huy (lực lượng phòng vệ tổng thống) dưới quyền của Bộ Tổng Tham Mưu Quân Đội. Như vậy là lực lượng này bị bó tay để hết ngăn chặn đảo chính.

Cho nên ngày 5 tháng 10, 1965 phải là ngày định mệnh của TT Diệm.

TT Diệm đã gặp nhiều sự may mắn vào tháng 10 trong những năm trước. Thế nhưng tháng 10 năm 1963 thì những vận may ấy đã không còn nữa.

Ngày 5 tháng 10, 1963

Nghiên cứu chi tiết về trang sử này, chúng tôi thấy thật rõ là ngày 5 tháng 10, 1963 chính là ngày định mệnh của Tổng thống Ngô Đình Diệm. Nhiều biến cố đã dồn dập xảy ra:

1. Bốn biện pháp dùng viện trợ để áp lực:

Trước hết, vào ngày 5 tháng 10, Tổng thống Kennedy chấp thuận những biện pháp áp lực kinh tế đối với Chính phủ Diệm theo như đề nghị trong báo cáo của McNamara-Taylor. Trong một công điện gửi Lodge có đoạn mở đầu: " *Đây là những biện pháp để bày tỏ cho chính phủ Diệm sự bất bình của chúng ta đối với những hành động chính trị của họ...Đồng thời cũng phải để làm sao cho những biện pháp này không ảnh hưởng mạnh vào lãnh vực quân sự và chương trình chống nổi dậy... (nhưng) cũng phải uyển chuyển để cho phép ta hồi phục lại sự yểm trợ cho ông Diệm khi thấy thích ứng.*" Những biện pháp liệt kê (rất tàn nhẫn) trong chỉ thị này như sau:[1]

- **Đình hoãn viện trợ nhập cảng hàng hóa.**
- **Đình hoãn một số viện trợ thực phẩm chọn lọc trong chương trình PL 480** (Public Law 480 là chương trình viện trợ 'Thực phẩm phụng sự Hòa bình').
- Đình chỉ khoản tiền cho vay đối với các **chương trình cung cấp nước Sàigòn – Chợ lớn, và cung cấp điện của Điện Lực Sàigòn.**
- Thông báo cho chính phủ rằng yểm trợ tài chính cho **Lực lượng Đặc biệt của Đại tá Tung chỉ được tiếp tục nếu các cuộc di chuyển (hành quân) của lực lượng này được đặt dưới quyền kiểm soát của Bộ Tổng Tham Mưu.**

Chương trình 'Nhập Cảng Hàng Hóa' hay CIP (Commercial Import Program) là mạch máu lúc đó vì không những nó tài trợ 40% nhập cảng cần thiết cho nền kinh tế, ngoài ra số tiền đồng

Việt Nam thu được từ việc bán những hàng hóa ấy (gọi là Quỹ đối giá - Counterpart Fund) lại còn được dùng để tài trợ ngân sách quốc phòng. (Chúng tôi cũng xin mở ngoặc ở đây để ghi lại lời Tổng thống Thiệu nói với chúng tôi rằng lúc ấy 'phía Mỹ cho biết rất rõ là sẽ giảm bớt hoặc không còn viện trợ cho quân đội nữa nếu như không thay đổi chính phủ'). Lực lượng Đặc biệt của Đại tá Tung là 'Thành Cộng Hòa' bảo vệ Tổng thống. Nếu như các cuộc 'hành quân' của lực lượng này bị đặt dưới quyền kiểm soát của Tổng Tham Mưu thì ông Tung khó mà di chuyển, xoay xở cứu TT Diệm.

Như vậy, tài liệu Bộ Quốc Phòng nhận định: "chính phủ Mỹ đã quyết tâm làm áp lực mạnh mẽ đối với một đồng minh để bắt phải làm theo chính sách của Hoa kỳ."[2] Nhưng dù sao, với những biện pháp này, chỉ thị cho Lodge là phải 'theo rõi và chuẩn bị' chứ không phải là 'tích cực đôn đốc cuộc đảo chính.' Như vậy là Washington không biết mình muốn gì nữa!

2. Lại thêm một vụ tự thiêu

Cũng ngày 5 tháng 10, lần đầu tiên trong nhiều tuần lễ, một nhà sư nữa tự thiêu tại bùng binh Chợ Bến Thành lúc 12 giờ 25 trưa. Đó là Đại Đức Thích Quảng Hương. Đây là vụ tự thiêu thứ sáu kể từ Hòa thượng Thích Quảng Đức. Washington cực lực phản đối về việc chính phủ Sàigòn cấm cản báo chí chụp ảnh về vụ này. [Chúng tôi còn nhớ vào thời điểm ấy, báo chí và tivi Mỹ phổ biến rất rộng rãi những vụ tự thiêu, dân chúng hết sức xúc động. Câu chuyện ở Washington lúc ấy chỉ xoay quanh vụ này].

3. Thay đổi Giám đốc CIA ở Sài gòn

Ngày 5 tháng 10 còn có sự việc quan trọng khác, đó là việc ông Richardson rời Sàigòn. Ông này là Giám đốc CIA tại Việt Nam và hay lui tới gặp ông Nhu, nên bị các tướng lãnh nghi ngờ đang đi tới một mưu kế Nhu-Richardson. Họ còn hỏi 'liệu ông Nhu có lĩnh lương của CIA không?' Để cho tướng lãnh yên tâm, ông Lodge vận động hậu trường để thuyên chuyển Richardson ra khỏi Việt Nam.

4. Cô lập hóa Tướng Harkins

Cùng ngày, ông Lodge lại cô lập hóa Tướng Harkins (người không chấp nhận đảo chính) không để ông liên lạc với nhóm tướng lãnh đảo chính mà chỉ trao cho mình Conein làm việc này. Như vậy là ông Lodge được một mình tự do đạo diễn, vận dụng áp lực quân, kinh viện theo ý mình.[3]

5. Tướng Minh yêu cầu Mỹ bảo đảm không cản trở đảo chính

Thứ nữa, cũng ngày 5 tháng 10 có cuộc họp lịch sử quan trọng giữa chính Tướng Minh và ông Conein. Từ trước tới lúc ấy Tướng Đôn thường họp với Conein. Lúc 8 giờ sáng ngày 5 tháng 10, Conein tới hành dinh của Tướng Minh để bàn bạc. Ông Minh cho biết ông có tới ba kế hoạch để đảo chính:

- Ám sát hai ông Ngô đình Nhu, Ngô Đình Cẩn và duy trì Tổng Thống Diệm tại chức. Ông Minh cho hay đây là kế hoạch có thể thực hiện dễ nhất.
- Kế hoạch thứ hai là bao vây Sàigòn bằng nhiều đơn vị quân đội khác nhau, đặc biệt là đơn vị Bến Cát; và
- Kế hoạch thứ ba là đương đầu trực tiếp giữa các đơn vị quân đội tham dự cuộc đảo chính và các đơn vị quân đội trung thành với ông Diệm tại Sàigòn. Trên thực tế theo lời Tướng Minh: có thể chia Thủ đô Sàigòn thành nhiều khu vực và tảo thanh từng khu vực một nếu như ông Diệm và ông Nhu có được sự trung thành của số quân là 5,500 người ở ngay trong khu vực Sàigòn...

Trong cuộc họp này, Tướng Minh cho biết là ông 'không có một tham vọng chính trị cá nhân nào, nhưng các tư lệnh trong quân đội cảm thấy sẽ thất trận đối với cộng sản trừ phi sớm thay đổi chính phủ. Bởi vậy ông Minh muốn biết rõ lập trường của chính phủ Hoa kỳ ra sao về việc này.' Đại sứ Lodge báo cáo cùng một ngày về Washington cho biết chi tiết về cuộc họp với những điểm chính như sau:[4]

Ngày 5-10-1963

Đại sứ Lodge gửi Bộ Ngoại Giao

- Trung tá Conein đã tiếp xúc với Tướng Dương-văn-Minh tại Bộ chỉ huy của ông ở đường Lê-văn-Duyệt trong một tiếng đồng hồ và mười phút sáng ngày 5-10-63;
- **Tướng Minh nói rằng ông cần biết lập trường của chính phủ Mỹ đối với một cuộc thay đổi chính phủ trong một tương lai rất gần;**
- Tướng Minh đã nói rõ là ông không mong đợi bất cứ một sự ủng hộ đặc biệt của Mỹ cho nỗ lực của chính ông và các Tướng lãnh bạn ông nhằm thay đổi chính phủ, song Tướng Minh cho hay ông cần các sự bảo đảm của Mỹ là chính phủ Mỹ sẽ không mưu toan cản trở kế hoạch này;
- Tướng Minh cũng cho hay là bản thân ông không có các tham vọng chính trị cũng như các tướng lãnh khác... mục tiêu duy nhất của ông chỉ là thắng được cuộc chiến;
- Ông nhấn mạnh thêm rằng để thực hiện điều này (thì sau đảo chính), sự tiếp tục viện trợ quân sự và kinh tế của Mỹ ở mức độ hiện tại - ông nói một triệu rưỡi Mỹ kim một ngày- là điều cần thiết;
- Tướng Minh có phác họa ba kế hoạch như trên đây có thể thực hiện được để đi đến việc thay đổi chính phủ....
- Tướng Minh băn khoăn về Tướng Khiêm vì ông Khiêm có thể đi hàng đôi trong âm mưu đảo chính tháng 8...

6. ĐS Lodge: OK, chúng tôi không cản trở, lại còn tiếp tục viện trợ

Dựa trên đòi hỏi của ông Minh, cùng ngày 5 tháng 10, ông Lodge lại gửi thêm một điện tín nữa cho Ngoại trưởng Rusk. Lần này ông yêu cầu thẳng thừng là cho phép ông thông báo rõ ràng cho Tướng Minh về lập trường của Hoa kỳ.[6] (Xem trích dẫn trong phần Phụ Lục.)

Ngày 5 tháng 10, 1963

Đại sứ Lodge gửi Ngoại trưởng Rusk
Tham chiếu: Cuộc gặp gỡ Big Minh-Conein
(CAS - Sàigòn 1435).

"Trong khi cả Tướng Harkins cũng như tôi đều không tin tưởng nhiều ở Big Minh, chúng tôi cần được chỉ thị về sự vận động của ông ta. Lời khuyến nghị của tôi, mà Tướng Harkins cũng đồng ý (điều này là không đúng - lời tác giả) là khi được tiếp xúc lần tới, ông Conein cần phải làm những việc sau đây:

- Bảo đảm với Tướng Minh là Hoa Kỳ không tìm cách cản trở các kế hoạch của ông ấy;
- Đề nghị để duyệt xét lại kế hoạch của ông ta, ngooại trừ kế hoạch ám sát;
- Bảo đảm với ông Minh là viện trợ của Hoa Kỳ cho Việt Nam sẽ vẫn được tiếp tục với một chính phủ bằng lòng hứa hẹn là sẽ vận động sự ủng hộ của nhân dân để chiến thắng cuộc chiến tranh chống Cộng...
- Ông Conein cần ép Tướng Minh cho biết một cách chi tiết ý định của ông ta trong việc cải tổ lại thành phần chính phủ tương lai.

"Tôi đề nghị các điểm trên được đem ra thảo luận với Bộ Trưởng McNamara và Tướng Taylor, là những người đã từng tiếp xúc với ông Minh trong cuộc viếng thăm gần đây."

7. <u>Lệnh không rõ ràng từ Tòa Bạch Ốc</u>

Nhận được yêu cầu của Đại sứ Lodge, Hội Đồng An ninh Quốc gia nhóm họp tại Tòa Bạch Ốc. Kết quả được thông báo ngay cho ông Lodge. Thế nhưng, thông báo được chuyển đi hai lần trong hai ngày 5 và 6 tháng 10 lại không hoàn toàn ăn

khớp với nhau, nên có thể giải thích khác nhau. Ngày 5 tháng 10 thì có lệnh rõ ràng là 'không nên ngấm ngầm khuyến khích tích cực một cuộc đảo chính.' Thông điệp ngày hôm sau (ngày 6 tháng 10) thì lại khác.[6]

Ngày 5 tháng 10, 1963

Tòa Bạch Ốc gửi Đại sứ Lodge,
(chuyển qua hệ thống CIA)

...

"Hôm nay Tổng Thống chấp thuận đề nghị là không nên có một sáng kiến nào trong lúc nầy để ngầm khuyến khích tích cực một cuộc đảo chính. Tuy nhiên, cần có ngay một nỗ lực ngấm ngầm, cho thật kín đáo và chặt chẽ để... tìm ra và thiết lập liên lạc với nhóm lãnh đạo mới có thể xuất hiện, nếu có và khi nào sự việc ấy xảy ra.

"Điều cốt yếu là nỗ lực này cần phải hoàn toàn kín đáo và có thể hoàn toàn phủ nhận (về sau này nếu cần)... **Chúng tôi nhắc lại là nỗ lực này không, nhắc lại là không, nhằm khuyến khích tích cực đảo chính nhưng chỉ là để theo dõi và sẵn sàng mà thôi.**

"Để có thể chối bỏ dễ dàng, đề nghị là chính Đại sứ chứ không phải bất cứ người nào khác tại Tòa Đại sứ, sẽ đưa các chỉ thị này bằng miệng cho Trạm Trưởng CIA ..."

Ngay ngày hôm sau, lại một chỉ thị khác. Sau đây là vài đoạn của công điện gửi Đại sứ Lodge ngày 6 tháng 10, 1963:[8]

Ngày 6 tháng 10, 1963
Tòa Bạch Ốc gửi Đại sứ Lodge,

[*Thứ nhất,* về đảo chính:]

"Trong khi chúng ta không muốn khuyến khích đảo chính, chúng ta cũng không muốn để cho có cảm tưởng

là Hoa Kỳ sẽ phá hỏng một sự thay đổi chính phủ hay từ chối không viện trợ quân sự hay kinh tế cho một chế độ mới..

[*Thứ hai,* có sự dè dặt đối với Tướng Minh:]

"Đặc biệt riêng về Tướng Minh, Đại sứ cần nghiêm chỉnh cứu xét với liên lạc viên của ta (Conein), để ông này nói với Tướng Minh rằng theo như sự hiểu biết hiện thời (của Conein) thì không thể nào trình bày kế hoạch của Tướng Minh với các viên chức hữu trách Hoa kỳ một cách đúng mức được. Vì vậy, ... dù chỉ là để xem xét yêu cầu của ông Minh, thì ông ta cũng còn cần phải cho chúng ta biết những chi tiết rõ ràng là các kế hoạch này có nhiều triển vọng thành công...

[*Thứ ba,* Tòa Bạch Ốc ái ngại về vai trò của Conein và đề nghị đưa người mới sang thay:]

"Đại sứ cũng cần cứu xét với Trưởng cơ quan CIA ở Việt Nam là, với mục đích bảo mật và để dễ dàng chối cãi sau này, trong vụ này cũng như trong các vụ tiếp xúc tương tự với những người khác, liệu có nên dàn xếp để cho các cuộc tiếp xúc có thể thực hiện qua trung gian những cá nhân khác, đặc biệt là những người đưa từ bên ngoài vào Việt Nam hay không?

Mưu lược ông Đại sứ

Như vậy là Tổng thống Kennedy còn đang dè dặt về Tướng Minh và về cuộc đảo chính. Ông còn muốn biết rõ hơn nữa về kế hoạch của ông Minh, và muốn có những thông tin khác ngoài những báo cáo qua Conein, kể cả việc Washington có thể gửi những người khác vào làm việc thay thế Conein.

Nhưng ngày 10 tháng 10, ông Lodge đã không ngần ngại chỉ thị ngay cho Conein thông báo chính thức cho Tướng Minh. Nhưng lại chỉ thông báo một chiều. Như tác giả Moyar bình luận.: "Ông Lodge chỉ chú ý vào điểm thứ nhất của công điện,

tức là việc 'không muốn để cho có cảm tưởng là Hoa Kỳ sẽ phá hỏng một sự thay đổi chính phủ.' Ông Lodge đã lờ hẳn đi điểm thứ hai là sự dè dặt của Tòa Bạch Ốc về ông Minh và đòi hỏi ông Minh phải "cho thấy rõ rằng các kế hoạch của ông Minh có nhiều triển vọng thành công."[9] TT Kennedy còn muốn đưa người khác vào Sàigòn để thẩm định tình hình, nhưng ông Lodge không đồng ý, vì cho là 'không cần thiết: cặp Conein-Đôn làm việc là tốt rồi.'

Sau những dấu hiệu bật đèn xanh quá rõ ràng, bây giờ lại có bảo đảm chắc chắn của Hoa kỳ là sẽ không cản trở đảo chính và không cúp viện trợ, các tướng lãnh yên tâm. Để bào chữa cho việc của mình, ngày 25 tháng 10, ông Lodge đánh điện về Washington để trấn an. Ông giải đáp cả hai ưu tư được nêu ra trong công điện ngày 5 tháng 10 của Tòa Bạch Ốc:

Thứ nhất, ông muốn nâng độ khả tín của hai ông Conein và Đôn, cho là hai người này cộng tác với nhau là đủ rồi, khỏi phải liên lạc qua ngả khác hay đưa thêm người vào Sàigòn để làm việc này. Đại sứ Lodge viết:[9]

Sàigòn - số 1964
Ngày 25 tháng 10, 1963 (V12/590)
Lodge gửi Bundy:

1. "Tôi nhận thức được mối quan tâm ông biểu lộ trong tham chiếu A về sự quan hệ giữa Tướng Đôn và Conein, và về việc hiện nay không có tin tình báo chắc chắn nào về chi tiết âm mưu của các tướng lãnh. Tôi hy vọng rằng tham chiếu B sẽ giúp giải tỏa một vài nghi ngờ về kế hoạch của các tướng và tôi mong rằng những kế hoạch chi tiết (mà ông Đôn đã hứa) cung cấp hai ngày trước khi đảo chính sẽ giải tỏa nốt những nghi ngờ còn lại.

2. CAS (tình báo CIA) đã rất chu đáo trong việc thi hành những huấn thị của tôi. Tôi đã đích thân chấp thuận mỗi cuộc họp giữa Tướng Đôn và Conein. Lần nào Conein cũng thi hành lệnh của tôi một cách dứt khoát. Mặc dù

tôi chia sẻ sự e ngại của ông về việc Conein tiếp tục dính dấp vào vụ này, hiện nay không có ai thích hợp để thay thế anh ta làm đầu mối liên lạc chính. Như ông đã biết, Conein là bạn của Tướng Đôn đã mười tám năm nay, và Tướng Đôn đã biểu lộ ông rất e ngại phải giao tiếp với bất cứ ai khác. Tôi không tin rằng đưa một người Mỹ khác vào để liên lạc chặt chẽ với các Tướng sẽ có lợi ích gì…

3. Còn về việc Tướng Harkins đã nói chuyện gì với Tướng Đôn mà để ông ta lặp lại là 'có liên quan tới một chỉ thị của Tổng thống (Kennedy)' nên yêu cầu gặp tôi…nhưng để cẩn thận và đề phòng, tôi đã từ chối và không gặp ông Đôn.

Thứ hai, ông Lodge giải thích về lý do Tòa Bạch Ốc còn chưa rõ về kế hoạch của các Tướng: đó là vì các tướng còn e ngại bị người Mỹ tiết lộ. Ông Lodge đề nghị Washington khỏi phải ưu tư về thiện chí của ông Đôn, hay lo ngại về việc mắc mưu ông Nhu. Ông viết tiếp:

"Tôi nghĩ chắc rằng sở dĩ các ông tướng e ngại không muốn cho Hoa kỳ biết chi tiết về các kế hoạch của họ trong lúc này là vì họ lo về an ninh của họ và không tin tưởng rằng trong cái cộng đồng đông đảo người Mỹ ở Sàigòn hiện nay những kế hoạch của họ lại không bị sớm tiết lộ.

4. Bằng chứng tốt nhất mà tòa Đại sứ đã có được nhưng tôi chưa trình bày với ông cho đầy đủ, đó là Tướng Đôn và các Tướng lãnh khác cùng phe với ông ta là những người thật lòng muốn làm một sự thay đổi trong chính phủ. Tôi không tin đây là một mưu đồ của Ngô Đình Nhu, tuy rằng chúng tôi sẽ hết sức tiếp tục thẩm định việc thiết kế kế hoạch của họ. Trong trường hợp cuộc đảo chính bị hủy bỏ hoặc trong trường hợp ông Nhu đã chủ mưu một sự khiêu khích, tôi tin rằng việc chúng ta dính líu qua Conein vẫn còn nằm trong phạm vi là ta có

thể phủ nhận một cách hợp lý. CAS đã chuẩn bị hoàn hảo việc tôi sẽ phủ nhận Conein bất cứ lúc nào vì quyền lợi quốc gia."

Trong công điện ngày 5 tháng 10 trên đây, ông Lodge cũng đã viết về sự thật lòng của Tướng Minh: "Tướng Minh cũng cho hay là bản thân ông không có tham vọng chính trị cá nhân nào cả, nhưng cấp chỉ huy trong quân đội cảm thấy sẽ bại trận đối với cộng sản trừ phi sớm thay đổi chính phủ."

[Nơi đây tôi xin mở ngoặc: hành động thiếu ngay thẳng của viên đại sứ mưu lược Henry Cabot Lodge (HENRY I) khi đồng minh nhảy vào làm tôi nhớ đến trường hợp Cố vấn Tổng thống Henry Kissinger (HENRY II) khi đồng minh tháo chạy. Ông Kissinger đã không thành thật với TT Richard Nixon khi báo cáo về Hiệp định Paris, và sau cùng đã che dấu cả Quốc Hội và nhân dân Hoa Kỳ - xem KĐMTC, Chương 11]

Trong công điện cùng ngày 25 tháng 10, 1963 (Sàigòn số 1964) gửi Cố vấn Bundy ở Tòa Bạch Ốc, Đại sứ Lodge đã rất khôn khéo chỉ nhắc tới chỉ thị số ***74288*** của Tòa Bạch Ốc là "không cản trở đảo chính" mà không nói gì đến chỉ thị số ***63560*** "không khuyến khích đảo chính." Như vậy là tiện việc để ông Lodge đưa ra những lý do thuyết phục thượng cấp cho đảo chính:

Câu thứ 5 ghi:

"Tôi hoan nghênh ông tái xác nhận những chỉ thị trong công điện CAS Washington *74228*. Điều quan trọng là chúng ta đừng cản trở một cuộc đảo chính và cũng không bị rơi vào một vị thế mà chúng ta chẳng biết điều gì đang xảy ra."

Rồi ông mang ra hai lý do tại sao không nên cản trở cuộc đảo chính:

Câu thứ 6 ghi:

"Thứ nhất, tối thiểu ta cũng có thể đánh cuộc trên căn

> bản 50/50 (even bet) rằng chính phủ tiếp theo sẽ không làm hỏng việc và vấp váp như chính phủ hiện nay;
>
> "*Thứ hai*, về lâu về dài, sẽ vô cùng thiếu khôn ngoan nếu chúng ta dội nước lạnh lên một mưu toan đảo chính, đặc biệt khi nó mới ở trong thời điểm bắt đầu. Chúng ta nên nhớ rằng đây là một cách duy nhất mà nhân dân Việt Nam có thể có được một sự thay đổi chính phủ;

Ta nên lưu ý là vào lúc này thì chỉ còn một tuần nữa là tới ngày 1 tháng 11 mà ông Lodge vẫn nói là 'mưu toan đảo chính mới ở trong thời điểm bắt đầu." Ông Lodge bình luận thêm về lý do tại sao không nên ngăn cản các tướng lãnh:

> "Mỗi khi chúng ta cản trở âm mưu đảo chính, như chúng ta đã làm trong quá khứ, thì chúng ta phải hứng chịu những sự oán giận kéo dài rất lâu...
>
> "Trong khi xét đoán những vụ đảo chính được đề xuất, chúng ta phải cứu xét tác động của chúng đối với nỗ lực chiến tranh. Chắc chắn là một chuỗi nối tiếp những vụ tranh giành quyền hành sẽ gây trở ngại cho nỗ lực chiến tranh. Nhưng cũng phải nói rằng nỗ lực chiến tranh đã bị trở ngại rồi bởi sự thiếu khả năng của chính quyền hiện tại và những xáo trộn nó đã gây ra...

"Bản sao kính gửi Tướng Harkins."

Trong công điện trên, (câu thứ 7) ông Lodge đã tính tới việc hậu đảo chính và đề nghị một chính phủ mới có thể gồm cả Thượng tọa Thích Trí Quang, hay ông Trần Quốc Bửu.

Nhưng cùng ngày 25 tháng 10, ông Bundy lại gửi thêm cho ông Lodge một thông điệp nữa Từ Tòa Bạch Ốc để tiếp tục bày tỏ thêm sự e ngại về đảo chính:

> "Đang khi chia sẻ với ông Đại sứ về quan niệm là chúng ta không nên ngăn cản đảo chính, chúng tôi vẫn muốn có sự lựa chọn: chúng tôi muốn biết về sự phán đoán

của ông và được thông báo về bất cứ kế hoạch đảo chính nào thiếu khả năng thành công."[10]

Tướng Harkins cực lực phản đối ĐS Lodge

Nhận được bản sao công điện ngày 25 tháng 10 của Đại sứ Lodge cũng như được biết thêm tin tức về âm mưu đảo chính, Tướng Harkins hết sức bất mãn. Đã gần tới ngày đảo chính rồi mà ông Lodge vẫn nói như mưu toan này còn đang trong giai đoạn bào thai như đã nhận định. Có thể đây là cách để đánh lạc hướng ông Harkins vì ông Lodge có chỉ thị phải thông báo cho ông tướng này.

Trái với lập trường của Lodge, Harkins cực lực chống đảo chính. Ông viết cho Tướng Taylor: "*Tôi nói với Tướng Đôn rằng tôi không muốn bàn tới đảo chính vì đó không phải là việc của tôi. Tôi có nghe nhiều tin đồn về đảo chính.*" Từ Washington, Tướng Taylor trả lời Harkins ngay: "*Quan niệm của ông là đúng và ta vẫn cứ xa lánh việc dúng tay vào đảo chính.*".)[11]

Ngày 30 tháng 10, Harkins lại gửi thêm về cho Tướng Taylor 3 điện tín liên tục, nói lên sự phẫn uất của ông với Đại sứ Lodge vì đã không cho ông hay biết tất cả mọi sự việc liên hệ, kể cả việc ông Conein gặp ông Đôn thường xuyên, và việc ông Lodge đã giải thích mệnh lệnh từ Washington khác với mình (Harkins):

> "Ông Đôn đã cho (Đại sứ Lodge) hay rằng dù nhóm đảo chính không cho biết chi tiết, nhưng 'ông Đại sứ sẽ nhận được toàn bộ kế hoạch đảo chính để nghiên cứu hai ngày trước khi khởi sự.' Thế mà ông Lodge chưa cho tôi biết ông đã nhận được kế hoạch nào hay chưa. Tôi nói chuyện với ông Đôn ngày hôm qua khi tôi từ Bangkok trở về, và không thấy ông này cho biết thông tin gì cả...
>
> "Tôi phải nói rằng, nguyên tắc hành động của Cabot (Lodge) khác hẳn với Đại sứ Nolting. Fritz (Nolting) luôn luôn thông báo để có sự đồng ý của tôi hoặc nhân viên văn phòng tôi về những thông điệp liên hệ tới quân

> sự. Ông Richardson (CIA) cũng làm như vậy nếu liên hệ tới MACV. Nhưng bây giờ thì không như vậy, thí dụ như về mật điện số 1896 và 1925. Chắc ông (Taylor) cũng còn nhớ là tôi đã không nhận được những thông điệp của chính ông gửi lúc ông còn đang ở Sàigòn.

Về sự lắt léo của Lodge, Harkins còn khiếu nại là mình đã hành động theo hướng dẫn trong công điện *số **63560*** (ngày 5 tháng 10) là "không khuyến khích đảo chính", và công điện tiếp theo ngày hôm sau (6 tháng 10) *số **74288*** chỉ là để hướng dẫn thêm về đường lối chính sách căn bản của công điện ngày hôm trước là Hoa kỳ 'KHÔNG chủ động trong việc khuyến khích cuộc đảo chính.' Harkins trình bày là ông Lodge đã hành động ngược lại. Ông phàn nàn: "Ông Đại sứ cho rằng chỉ thị ***74288*** đã thay thế chỉ thị ***63560***, và một cuộc thay đổi chính phủ là điều ta mong muốn, và đảo chính là cách duy nhất để thay đổi chính phủ."

Về Tướng Đôn, ông Harkins viết: "Ông Đôn hoặc là nói dối hoặc là đi hàng đôi. Điều ông ta nói với tôi thì khác hẳn điều ông ta nói với Conein. Ông ta nói với Conein là sẽ có đảo chính trước ngày 2 tháng 11, nhưng lại nói với tôi là không có kế hoạch đảo chính nào cả. Tôi ngồi với cả hai ông Đôn và Minh trong hai giờ đồng hồ dự cuộc duyệt binh ngày Thứ Bảy vừa qua. Không thấy ông nào nói với tôi về đảo chính."[12]

Tướng Harkins Bênh vực TT Diệm

Tướng Harkins viết tiếp:

> "Tôi không phản đối việc phải có sự thay đổi, nhưng là thay đổi về phương pháp cai trị chứ không phải thay đổi toàn bộ nhân sự...Trong những liên hệ của tôi ở đây, tôi không thấy ai có uy lực và đặc tính như ông Diệm, ít nhất là trong việc chống Cộng. Chắc chắn là không có ông Tướng nào đủ khả năng để thay thế ông ta.
>
> **"Bản thân tôi không phải là người phe Diệm. Chắc chắn rằng tôi cũng đã nhìn thấy những khuyết điểm**

của ông ta, nhưng tôi đang ở đây để giúp 14 triệu dân Miền Nam cùng với lãnh đạo của họ...

"Ta hãy cố chiến thắng về mặt quân sự rồi sau đó để tùy họ muốn thay đổi gì thì tùy ý. Dù sao, đúng hay sai, ta đã ủng hộ ông Diệm trong 8 năm trường khó khăn. Đối với tôi thật là phi lý nếu bây giờ ta lại lật ông, đấm đá ông và loại bỏ ông."

Trong công điện tiếp theo, ông Harkins nói về tình hình quân sự: "Nói chung, ta đang thắng thế trong cuộc chiến đấu với Cộng sản. Sẽ có những lúc lên, lúc xuống, nhưng chiều hướng tổng quát là đang đi lên." Rồi tiếp tục phàn nàn rằng ông Đại sứ không để ý tới những ý kiến đóng góp của mình về những hoạt động và kế hoạch quân sự tiến bộ của chính phủ Diệm.[13] Như vậy, một khi ông Lodge đã quyết tâm loại trừ TT Diệm thì ông sẽ đi tới cùng, bất kể sự thành công về quân sự và bất kể sự chống đối của Tướng Harkins. Tới đây thì trong thực tế, số phận của TT Diệm coi như đã được quyết định rồi.

TT Diệm đã gặp nhiều may mắn vào tháng 10 trong những năm trước:

* Tháng 10, 1954: độc giả nhớ lại là vào khi khủng hoảng chính trị đang nóng bỏng ở Sàigòn và Pháp đang âm mưu loại bỏ Thủ tướng Diệm, TT Eisenhower đã viết bức thư đầu tiên, thông báo quyết định của Hoa Kỳ viện trợ thẳng cho Việt Nam thay vì qua chính phủ Pháp: *"Tôi đã chỉ thị cho Đại sứ Mỹ ở Việt Nam để xem xét với Ngài, với tư cách Ngài là Lãnh đạo của Chính phủ, làm sao để một chương trình của Hoa Kỳ viện trợ thẳng cho Chính phủ của Ngài có thể yểm trợ được nước Việt Nam trong giờ phút thử thách này..."*

* Tháng 10, 1955: Việt Nam Cộng Hòa khai sinh và ông Diệm trở nên tổng thống đầu tiên.

* Tháng 10, 1956: cột trụ của chính thể mới là Hiến Pháp của nền Cộng Hòa bắt đầu có hiệu lực.

* Tháng 10, 1960: T T Eisenhower viết thư cho TT Diệm

ca ngợi thành quả của Tt Diệm và nhân dân Miền Nam: *"Chúng tôi đã chứng kiến sự can đảm và táo bạo mà Ngài và nhân dân Việt Nam đã biểu dương để đạt tới độc lập trong một tình huống nguy hiểm đến độ nhiều người đã coi như là vô vọng. Chúng tôi còn ngưỡng mộ khi tình trạng hỗn loạn ở Miền Nam đã nhường chỗ cho trật tự, và tiến bộ đã thay thế cho tuyệt vọng, tất cả với một tốc độ thật nhanh chóng."*

* Tháng 10, 1961, nhân dịp kỷ niệm sáu năm thành lập VNCH, TT Kennedy viết cho TT Diệm: *"Thành tích mà Ngài đã đạt được để đem lại niềm hy vọng mới, nơi cư trú và sự an ninh cho gần một triệu người lánh nạn cộng sản từ Miền Bắc đã nổi bật như một trong những nỗ lực đáng được tán dương nhất và được điều hành tốt nhất trong thời hiện đại."*

Thế nhưng tháng 10 năm 1963 thì những sự khuyến khích và cơ may ấy đã không còn nữa:

TT Diệm sửa soạn hành trình để đi về thế giới bên kia khi tháng 11 bắt đầu.

Tướng Paul Harkins (người ủng hộ TT Diệm) bị ĐS Lodge cô lập hóa.
(Hình: "milsurps.com/showthreat")

Ông John Richardson, Trưởng trạm CIA ở Sài Gòn.(thân ông Nhu) bị ĐS Lodge vận động để thay thế.
(Hình: "special.defensenews.com")

CHƯƠNG 22

Đường Về Nghĩa Trang

Một ngày trước đảo chính, TT Kennedy còn e dè, lưỡng lự và cho rằng vẫn có thể hoãn cuộc đảo chính. ĐS Lodge không đồng ý, cố thuyết phục là "không thể hoãn được nữa vì đây là chuyện nội bộ của Việt Nam," và lại Mỹ cũng "không có quyền hoãn lại vì như vậy là phản bội các tướng lãnh." Quan trọng nhất, ông còn mang ra lý do hết sức thuyết phục đối với ông Kennedy: nếu cản trở mà lại để cho ông Diệm biết thì sẽ làm nguy hiểm đến tính mạng của các Tướng lãnh... và như vậy là hy sinh một số lãnh đạo dân sự, quân sự quan trọng cần thiết để tiếp tục chiến đấu cho đến thành công." Thành công cho lẹ trong việc chống cộng theo chiến lược chống nổi dậy, chống du kích để đối địch với Liên Xô là ưu tiên số một của Kennedy.

Sáng ngày 1 tháng 11, chỉ còn bốn giờ nữa là cuộc đảo chính bắt đầu, ĐS Lodge lại đánh lừa TT Diệm. Ngay lúc ấy, TT Diệm còn gửi một thông điệp khẩn cho TT Kennedy: *"Xin Ngài nói với TT Kennedy là tôi chấp nhận tất cả những đề nghị của Tổng thống một cách hết sức nghiêm chỉnh, và muốn thực sự thi hành những điều này, chỉ còn là vấn đề thời gian."*

Không may cho TT Diệm, điện tín này được gửi đi theo ưu tiên thấp nhất nên chỉ tới Tòa Bạch Ốc sau khi tiếng súng đã nổ ở Sàigòn. Và đây là một trong nhiều cái xui xẻo cuối cùng của người đã khai sinh ra nền Cộng Hòa Việt Nam. Lodge thật tàn nhẫn: đảo chính đã có thể hoãn sau điện văn nhường nhịn này của TT Diệm.

Thiết vận xa M-113 là loại quân trang mà Tổng thống Diệm đã nhận được trong một chương trình quân viện dồi dào Hoa Kỳ dành cho Miền Nam. Giờ đây một trong những chiếc thiết vận xa ấy đã trở thành cái quan tài bọc sắt để đưa hai anh em ông Diệm trên đường về nghĩa trang, qua ngả Bộ Tổng Tham Mưu. Từ giây phút này, tương lai Miền Nam là mịt mù.

- *"Câu chuyện đi tới đâu rồi,"* Đô đốc Felt hỏi.

- *"Chẳng có ông tướng nào đủ gan dạ để khởi sự,"* ĐS Lodge trả lời, ông đã lừa cả Tướng Felt.[1]

Ngày hôm trước đảo chính lại là ngày có Đô đốc Harry Felt viếng thăm Sàigòn (31 tháng 10). Trong cương vị là Tư lệnh Quân lực Hoa Kỳ ở Thái Bình Dương, ông thường hay lui tới Việt Nam để thẩm định tình hình quân sự. Lần này ông Felt cũng đã biết sơ qua về việc đang có âm mưu đảo chính nhưng không biết rõ nên đã hỏi ông Lodge. Ông Lodge phải nói dối ông Felt vì bây giờ đã sát ngày đảo chính. Nếu Đô đốc Felt biết được thì có thể lộ chuyện. Rất có thể là ông này sẽ cho Tướng Harkins biết. Ông Harkins là người đang hết sức chống đối ông Lodge về âm mưu đảo chính. Tới giờ chót, Harkins cũng không biết rõ, vì khi ông cùng với ông Đôn tiễn đưa Đô đốc Felt ra phi trường vào lúc 11 giờ 30 ngày hôm đó (mồng 1 tháng 11) thì ông (Harkins) lại còn mời ông Đôn về nhà mình để ăn trưa. Dĩ nhiên là ông Đôn đã từ chối vì ông phải vội vã trở về Bộ Tổng Tham Mưu trước giờ khởi sự đảo chính. Về tới nơi, ông đã thấy Conein ngồi chờ sẵn với một máy truyền tin nối với tòa Đại sứ và một cặp tiền. Conein đã làm theo yêu cầu của ông Đôn là 'hãy mang tới bất cứ số tiền nào có thể mang được.' Conein mang tới 3 triệu đồng, tương đương với 42,000 đôla vào lúc ấy.[2]

[Về số tiền 3 triệu đồng này: trong cuốn Việt Nam Nhân Chứng, Tướng Trần Văn Đôn đã viết lại rất chi tiết ở cuối sách (sau trang 562) với đầy đủ biên lai nhận tiền do các người nhận, trong một *"Phiếu Đệ Trình" với "Trích yếu: về số bạc 3 triệu bạc của ông Conein cho mượn để thù lao các đơn vị trong ngày cách mạng."*]

Nếu như Harkins biết được tin tức qua Lodge thì ông chỉ cần thông báo cho ông Diệm tức khắc thì diễn biến lịch sử chắc chắn đã khác hẳn rồi. Trước đó đã có một tiền lệ: đêm ngày 25 tháng 4, 1955, vào lúc căng thẳng nhất trong vụ Bình Xuyên, Chuẩn Tướng Landsdale đã thông báo kịp thời cho Thủ Tướng Diệm biết mật lệnh từ Washington cho đảo chính ông Diệm, nên chỉ trong khoảnh khắc, ông đã lật ngược lại được thế cờ (Xem Chương 11).

ĐS Lodge đánh lừa TT Diệm vào giờ cuối cùng

Chuyến đi Sàigòn của Đô đốc Felt lần này chỉ có 24 giờ nên ông không dự định thăm viếng Tổng thống Diệm, nhưng Tướng Đôn (vì muốn giữ TT Diệm ở lại Dinh Độc Lập - xem trang 529) đã đề nghị tổng thống nên tiếp xã giao ông Đô đốc trước khi ông này rời Sàigòn. Trong cuộc họp với hai ông Felt và Lodge tại Dinh Gia Long sáng ngày 1 tháng 11, sau câu chuyện bình thường về tình hình quân sự đang tiến bộ tốt đẹp, TT Diệm bỗng nhiên đặt câu hỏi:[3]

- *"Tôi biết đang có âm mưu đảo chính, nhưng không biết rõ ai sẽ làm việc này."*

- *"Tôi không nghĩ rằng Tổng thống phải lo ngại gì cả,"* Đại sứ Lodge trả lời.

Lúc ấy là 10 giờ sáng ngày 1 tháng 11, 1963, chỉ còn không tới bốn giờ nữa là cuộc đảo chính bắt đầu. Thế mà ông Lodge vẫn bình thản nói như vậy. Máu ông này thật lạnh (cold blood). Ông đã đánh lừa ông Diệm vào giờ phút cuối cùng. Họp xong, theo yêu cầu của ông Diệm, ông Lodge ở lại gặp riêng ông thêm 15 phút nữa. Như có điềm báo trước, lần này TT Diệm lại rất cởi mở và yêu cầu ông Lodge mang một thông điệp về Washington cho Tổng thống Kennedy (vì biết ông Lodge sắp đi Washington). TT Diệm nói:

> *"Xin Ngài nói với Tổng thống Kennedy tôi là một đồng minh tốt và ngay thẳng; thà rằng tôi thẳng thắn và giải quyết những vấn đề ngay bây giờ còn hơn là chỉ bàn bạc về những việc ấy sau khi chúng ta đã mất tất cả. Xin Ngài nói là tôi chấp nhận những đề nghị của Tổng thống Kennedy một cách hết sức nghiêm chỉnh, và muốn thực sự thi hành những điều này, chỉ còn là vấn đề thời gian."*

Thật không may cho TT Diệm, thông điệp này đã đến quá muộn! Trong báo cáo về Washington, chính ông Lodge cũng nhận rằng đây là dấu hiệu Hoa Kỳ có thể đi tới hòa hoãn với ông Diệm. Báo cáo như vậy nhưng theo tác giả Moyar, ông Lodge lại gửi điện tín theo ưu tiên thấp nhất có thể nên điện

này chỉ tới tay cấp trên mấy giờ sau khi họ đã nhận được điện tín khẩn về cuộc đảo chính bắt đầu ở Sàigòn.[4] Nếu như TT Kennedy nhận được điện tín này sớm hơn thì rất có thể là ông đã cho lệnh hủy bỏ đảo chính ngay.

TT Diệm gọi ĐS Lodge hai lần chứ không phải một

Quyết tâm của người đao phủ Henry I còn thể hiện ra trong những giờ phút chót của TT Diệm. Nhiều tác giả đã viết về cuộc điện đàm cuối cùng giữa hai ông Diệm-Lodge vào lúc 4 giờ 30 chiều ngày 1 tháng 11 khi đảo chính vừa bắt đầu. Thực ra đây không phải là lần cuối cùng TT Diệm gọi ông Lodge. Tài liệu mới đây cho biết lại còn một cuộc điện đàm thứ hai nữa nhưng ông Lodge không bao giờ nói tới.

Về cuộc điện đàm thứ nhất, theo như báo cáo của ông Lodge, ông Diệm nói: *"Một số đơn vị đã nổi loạn, tôi muốn biết thái độ của Hoa kỳ?"* Ông Lodge trả lời quanh co: *"Tôi không biết rõ để nói với Ngài. Tôi có nghe tiếng súng, nhưng không biết hết các sự việc. Và lại bây giờ là 4 giờ 30 sáng ở Washington, làm sao Hoa kỳ có thể có quan điểm nào được!"*

Kết thúc cuộc điện đàm, ông Lodge nói là ông có nghe tin rằng những người đang hành động hiện nay bằng lòng để hai anh em an toàn rời khỏi Việt Nam nếu Tổng thống từ chức, và *"Nếu tôi có thể làm được gì để giúp cho an toàn của Ngài thì Ngài cứ gọi tôi,"* nhưng ông Diệm trả lời: *"Tôi đang cố vãn hồi trật tự."* Theo Đỗ Thọ, ông Diệm tức giận đã đặt ống nói xuống thật mạnh. Sau này, như Frederick Flott, người đứng bên cạnh ông Lodge lúc ấy thuật lại: ông Lodge có đề nghị với ông Diệm là sẽ cho ông Flott lái chiếc xe limousine cắm cờ Mỹ đến Dinh Gia Long đưa ông Diệm ra phi trường, rồi dùng máy bay riêng của đại sứ để chở ông ra khỏi nước. *"Không, không. Ngài đang quá lo, phóng đại tình trạng nguy hiểm,"* ông Diệm trả lời.[5]

Về cuộc điện đàm thứ hai: cuộc điện đàm lúc 4 giờ 30 chiều ngày 1 tháng 11, 1963 đã không phải là trao đổi cuối cùng giữa hai người vì còn một cú điện thoại khác nữa (cho tới nay, ít

người biết). Đó là lúc ở tại nhà thờ Cha Tam (sáng ngày 2 tháng 11), ông Diệm đã gọi ông Lodge lần cuối cùng để yêu cầu giúp phương tiện ra đi, vì ông Lodge đã hứa rằng *"Nếu tôi có thể làm được gì để giúp cho an toàn của Ngài thì Ngài cứ gọi tôi."* Tác giả Moyar khẳng định là **ông Lodge đã không bao giờ thông báo cho Washington về cuộc điện đàm này**, nhưng có hai nhân chứng đã xác định: một là ông Mike Dunn, phụ tá trưởng của đại sứ, là người đứng bên ông Lodge khi ông nói điện thoại với ông Diệm. Theo ông Dunn, ông Lodge chỉ nói với ông Diệm là Tòa Đại sứ Mỹ có thể cho ông trú ẩn và bất cứ điều gì khác, nhưng không thể giúp phương tiện chuyên chở. Và như vậy là trái hẳn với đề nghị của ông Lodge chiều hôm trước là có thể cho máy bay chở ông Diệm sang phi Luật Tân. Ngay lúc ấy ông Dunn nói với ông Lodge rằng ông (Dunn) xin tự nguyện đến chở hai ông Diệm, Nhu đi để bảo vệ cho hai ông, nhưng ông Lodge đã ngăn lại. Về sau này, ông Dunn đã phàn nàn *"Tôi thật ngạc nhiên là ta đã không làm gì thêm để giúp đỡ cho hai anh em họ Ngô."* [6] Nhân chứng khác nữa là nhà báo Joseph Fried của tờ New York Daily News. Trong một báo cáo vào ngày 5 tháng 11, 1963, ông Fried đã xác nhận về cuộc điện đàm thứ hai này.

TT Kennedy bối rối, lưỡng lự

Trở lại thời điểm đầu tháng 10, 1963, vào lúc sau cuộc phỏng vấn Cronkite – Kennedy (xem Chương 20) TT Kennedy rất bối rối khi đọc những báo cáo trái ngược nhau về tình hình ở Miền Nam của hai viên chức Mỹ cao cấp nhất ở Sàigòn là ĐS Lodge -lãnh đạo dân sự- và Tướng Harkins - lãnh đạo quân sự. Ông nghe lời đề nghị của Bộ trưởng McNamara gửi một phái đoàn điều tra sang Việt Nam để thẩm định tình hình ngay tại chỗ. Phái đoàn gồm Thiếu Tướng Victor H. Krulak, chuyên viên cao cấp nhất của Ngũ Giác Đài về chiến tranh phản du kích và Joseph A. Hendenhall, chuyên viên Bộ Ngoại Giao, cũng là nguyên cố vấn chính trị Tòa Đại sứ Mỹ ở Sài-gòn. Hai người trở về sau chuyến đi vội vàng chỉ có bốn ngày để báo

cáo về kết quả hội thảo với các viên chức Mỹ ở Sàigòn. Trở về Washington, hai ông nộp báo cáo cho Tổng thống với những nhận xét hoàn toàn trái ngược nhau. Krulag thì báo cáo theo lập trường Tướng Harkins (Chỉ huy Cơ quan Viện trợ Quân sự MAAG) rằng hiện đang có nhiều tiến bộ về mặt quân sự: cuộc chiến đang thắng, và tuy có ít nhiều bất mãn với ông Diệm trong giới quân đội, cũng chẳng ai liều lĩnh đủ để lật đổ ông ta. Krulag đề nghị nên tiếp tục làm việc với ông Diệm cho tới khi toàn thắng. Ngược lại, Mendenhall trình bày theo lập trường Đại sứ Lodge và cảnh cáo rằng sự sụp đổ của chính phủ Miền Nam rất có thể xảy ra và thể có cả một cuộc nội chiến về tôn giáo. Bởi vậy Mendenhall kết luận là **nếu không thay thế ông Diệm ngay thì không thể chiến thắng Cộng sản**. *"Vậy có phải hai ông đã đến nghiên cứu tại cùng một nước hay không?"* TT Kennedy bực mình hỏi lại.

Nghe hai bên báo cáo, ông Kennedy lại càng thêm hoang mang nên quyết định gởi chính Bộ trưởng McNamara và Tướng Taylor sang tìm hiểu sự thực. Đại sứ Lodge đang sắp xếp đảo chính mà cả Bộ trưởng Quốc phòng lẫn Tổng Tham Mưu Trưởng lại sang Việt Nam để xem xét thì không ổn đối với ông, nhất là lúc ấy Tướng Harkins ở Sàigòn lại đang không đồng ý về đảo chính. Bởi vậy ông Lodge không muốn cho hai ông này sang Sàigòn và phản biện là 'chuyến đi này không cần thiết'. TT Kennedy hiểu ngay sự dè dặt nên viết thư trấn an ông Lodge, nói rằng mục đích của phái đoàn "không phải để đem lại sự yên ủi cho ông Diệm," mà trái lại, ông McNamara còn phải "nói thẳng với ông Diệm về những sự việc có thể làm mất lòng ông ta..."

Trong những sự việc có thể làm mất lòng mà McNamara và Taylor phải nói với ông Diệm bao gồm việc thúc giục ông Diệm loại bỏ ông Nhu ra khỏi chính quyền. Tuy nhiên khi hai ông này gặp ông Diệm vào ngày 2 tháng 10 thì lại không đặt vấn đề ông Nhu, chắc là vì quá cả nể (vì cả hai đều đã có thiện cảm với ông Diệm sau những cuộc gặp gỡ trước đây).[3] Tại Sàigòn, hai ông nhận định rõ và rất e ngại về sự rạn nứt lớn giữa Đại sứ Lodge và Tướng Harkins. Về tới Washington, phái

đoàn nộp một phúc trình cho Tổng thống vào ngày 2 tháng 10, 1963. Phúc trình này là một dung hòa ý kiến của cả hai viên chức đại diện Hoa kỳ tại Việt Nam: [7]

- Một mặt, về quân sự: lạc quan vì đã có những "tiến bộ lớn", và dù có cuộc khủng hoảng chính trị kéo dài, việc điều hành cuộc chiến cũng vẫn không bị ảnh hưởng. Hai ông còn lạc quan đến độ đề nghị Tổng Thống Kennedy xem xét để có thể loan báo rằng khoảng một ngàn người Mỹ sẽ có thể rút khỏi Việt Nam vào cuối năm 1963, và triệt thoái phần lớn vào cuối năm 1965;

- Mặt khác, về chính trị, McNamara-Taylor báo cáo về sự bất bình với chế độ Diệm–Nhu, một "vấn đề khích động" có thể bùng nổ trong bất cứ lúc nào. Tuy nhiên không tin là một cuộc đảo chính sẽ sớm xảy ra vì cho rằng các Tướng lãnh "ít có lòng dạ" để làm việc này. Kết luận là Hoa kỳ nên tiếp tục "cộng tác với chế độ ông Diệm, nhưng không ủng hộ chế độ ấy."

Kết luận như vậy thì thật khó cho ông Kennedy. Trong thực tế, làm sao có thể thi hành được cả hai đề nghị: vừa 'cộng tác với chế độ ông Diệm,' nhưng lại 'không ủng hộ ông ấy.' Bởi vậy ông Kennedy quyết định dung hòa: dùng áp lực kinh tế, kể cả việc cắt viện trợ để buộc ông Diệm phải thay đổi. Theo các nhà phân tích tài liệu Bộ Quốc Phòng, **"có thể là hai ông McNamara và Taylor đã không nhìn thấy là dùng áp lực viện trợ như vậy thì chính là dấu hiệu 'khởi hành' bật đèn xanh mà trước đó các Tướng lãnh vẫn cứ yêu cầu cần phải có."** Và như vậy, "Chính quyền Kennedy, đã đi vào một chiến dịch áp lực mà bất kể ý định của họ ra sao, cũng đã khích lệ các Tướng lãnh trong quân đội phải cố gắng thêm một lần nữa" để đảo chính (vì đã hủy cuộc đảo chính lần đầu vào tháng 8). Lời cảnh cáo của Tổng thống Kennedy về sự cần thiết 'thay đổi về nhân sự' đã trở nên nặng ký.

Ngày 2 tháng 10, ông cho triệu tập một buổi họp khẩn với các cố vấn cao cấp. Trong cuộc họp, ông Colby (CIA) cho rằng

về tương quan lực lượng giữa phe đảo chính và phe binh ông Diệm coi như ngang nhau (như vậy là sự thành công của đảo chính cũng chưa chắc chắn); các ông Harriman và Rusk thì cực lực phản đối ông Diệm và cho rằng cần phải loại bỏ.

Theo tác giả Moyar (trang 263), bào đệ của Tổng thống Kennedy là Robert Kennedy cho rằng *'thực ra việc chúng ta đang làm là trao số phận của Việt Nam và cả Đông Nam Á vào tay một người mà ta không biết cho rõ lắm,"* và nếu đảo chính không thành thì ông Diệm sẽ đuổi Mỹ ra khỏi Việt Nam.

Đêm hôm ấy TT Kennedy chỉ thị ông Bundy gửi ông Lodge một thông điệp nói lên những nghi vấn về ông Đôn, về viễn tượng thành công của âm mưu đảo chính, đồng thời bất đồng ý với Lodge về ý kiến là nếu muốn ngưng đảo chính thì chỉ còn cách thông báo cho ông Diệm, và như vậy là phản bội các tướng lãnh. Ông Lodge đã không nghĩ tới sự kiện rằng đảo chính thì cũng là phản bội, và phản bội người đã gắn lon cho các đại tá lên tướng:

Tòa Bạch Ốc cho rằng vẫn còn có thể hoãn cuộc đảo chính

Tòa Bạch Ốc
Ngày 30 tháng 10, 1963
McGeorge Bundy gửi Đại sứ Lodge:

" Chúng tôi tin rằng thái độ của chúng ta đối với những Tướng lãnh âm mưu đảo chính vẫn còn có thể ảnh hưởng mạnh mẽ tới quyết định của họ. Chúng tôi tin rằng những điều ta nói với họ sẽ có thể làm cho họ hoãn đảo chính, và việc ông cho rằng 'nếu muốn hủy cuộc đảo chính thì chỉ còn có cách là cho ông Diệm biết và như vậy là phản bội đám người đảo chính' thì không đúng, vì nó không phải, tôi nhắc lại là không phải, con đường duy nhất để ta có thể ngừng cuộc đảo chính..."

Theo như vậy, Cố vấn McGeorge Bundy thay mặt Tổng thống đã bác bỏ lập trường thiếu chính xác của ông Lodge là không thể ngăn chận đảo chính được nữa. Thế nhưng, ông Lodge không thông báo gì cho Conein về ý kiến của Tổng thống để ông này cho các tướng lãnh biết. Nếu như các tướng lãnh được thông báo về sự lưỡng lự của TT Kennedy thì chưa chắc họ đã dám đi thêm bước nữa vì vào lúc ấy thì chính các tướng cũng chưa tin nhau.

Bây giờ thì ông Lodge đã quyết tâm đi tới bước cuối cùng. Ngày hôm trước, 2 tháng 10, ông đã báo cáo về Bộ Ngoại giao là 'đảo chính sắp xãy ra đến nơi rồi," và "không có hành động tích cực nào của Hoa Kỳ có thể ngăn cản được nữa trừ phi thông báo cho hai ông Diệm và Nhu với những hậu quả kèm theo." Lodge thêm rằng: "vì Tướng Đôn đã thông báo lại cho ông là các tướng lãnh chỉ cho chúng ta biết bốn giờ đồng hồ trước đảo chính - chứ không phải hai ngày như đã hứa trước đây - nên từ lúc biết tin cho tới lúc đảo chính khởi sự, sẽ không còn có đủ thời giờ cho tôi hỏi ý kiến Washington nữa." [9] Như vậy là hết phải báo cáo, cứ để cho kế hoạch xúc tiến.

Thực ra cho đến lúc chót, vẫn còn có thể ngăn cản được cuộc đảo chính. Chiều ngày 31 tháng 10 khi nhóm tướng lãnh đảo chính họp nhau ở Chợ Lớn, vẫn chưa có sự tin tưởng nhau và đồng ý hoàn toàn. Việc các tướng lãnh nghi ngờ nhau thì đã do chính ông Lodge báo cáo trước đó trong công điện ngày 5 tháng 10, 1963 (Chương 21).

Tới sau khi đảo chính đã bắt đầu, các tướng lãnh cũng vẫn chưa yên tâm. Theo như ông Nguyễn Văn Ngân, Phụ tá Chính trị của Tổng thống Thiệu, thì chính ông Thiệu đã kể lại rằng **"nếu ông Diệm và ông Nhu không ra trình diện vào sáng ngày 2 tháng 11, chỉ cần nán lại tới trưa cùng ngày thì các tướng lãnh sẽ lên máy bay chạy hết vì lo sợ và nghi ngờ lẫn nhau."**

Tại Washington cũng vẫn còn nhiều người ủng hộ ông Diệm. Dân biểu **Clement J. Zablocki** (Dân chủ, Wisconsin) là người vừa hướng dẫn một phái đoàn 8 đại biểu Mỹ tới Việt Nam để xem xét tình hình và bàn định với mọi tầng lớp kể cả Đại sứ Lodge, khi về Washington đã thông báo, tóm tắt như sau:

"Tất cả phái đoàn đều kết luận rằng mặc dù những khuyết điểm, ông Diệm vẫn là người mà chưa thấy ai có thể thay thế được và việc những đại diện của Hoa Kỳ nối tay với những người muốn lật đổ ông như hồi tháng 8 vừa qua là gây ra tai hại. Ngoài ra, phái đoàn cho rằng báo chí Mỹ ở Sàigòn 'ngạo mạn, dễ bị xúc động, thiếu khách quan và không được thông tin đầy đủ." [10] (Tôi xin mơ ngoặc ở đây là khi chúng tôi gặp ông Zablocki hè 1962 - xem hình cuối chương 19 - ông hết mực khen ngợi TT Diệm).

ĐS Lodge: "Ta không có quyền hoãn cuộc đảo chính lại nữa"

Nhận được công điện sáng sớm ngày 30 tháng 10 nói tới việc Tòa Bạch Ốc cho rằng vẫn còn có thể hoãn lại cuộc đảo chính, nhưng theo... , ông Lodge đã chờ đến chiều tối mới trả lời. Lại một lần nữa, ông biện luận là không thể hoãn được cuộc đảo chính, viện lẽ đây là việc thuộc 'nội bộ' của Việt Nam, Mỹ không nên dính vào. Công điện ngày 30 tháng 10 do ông Lodge gửi Cố vấn Bundy được tóm tắt như sau (tác giả thêm tiểu mục và bullets để dễ theo dõi):[11]

Ngày 30 tháng 10, 1963
ĐS Lodge gửi Cố vấn Bundy
Tòa Bạch Ốc

- Lý do vì sao không thể can ngăn đảo chính

  "Tôi không nghĩ rằng chúng ta có quyền hoãn lại hay can ngăn cuộc đảo chính. Tướng Đôn đã nói rõ nhiều lần rằng đây là chuyện nội bộ của Việt Nam. Về lý thuyết ta có thể cho ông Diệm biết những thông tin mà phía đảo chính đã bí mật cung cấp, và như vậy chắc chắn sẽ ngừng được đảo chính nhưng sẽ làm cho chúng ta trở nên kẻ phản bội. Bởi vậy, thực tế mà nói, ta có rất ít ảnh hưởng vào một hành động căn bản là việc nội bộ của người Việt Nam..."

Sau cùng, ông còn nhắc lại một lý do nữa (giống như điện tín ngày 29/8/1963: "Không thể chiến thắng với chính phủ Diệm") để thuyết phục Tổng thống Kennedy: nếu cản trở đảo chính thì sẽ ảnh hưởng tới cuộc chiến chống Cộng như Tướng Minh đã từng nêu lên, một điều mà Kennedy luôn cho là ưu tiên số một:

> **"Hơn nữa, việc này (cho ông Diệm biết) thì sẽ làm nguy hiểm đến tính mạng của các Tướng lãnh, của những người dân sự ủng hộ họ, cũng như những sĩ quan trực thuộc, và như vậy là hy sinh một số lãnh đạo dân sự, quân sự quan trọng cần thiết để tiếp tục chiến đấu cho đến thành công. Sau khi cố gắng của ta là không ngăn cản đảo chính, bây giờ lại thay đổi lập trường, như vậy là từ nay sẽ mất hết khả năng cải tổ chính phủ cho tốt hơn...**

- Về việc Tòa Bạch Ốc muốn chuẩn bị cho những sự việc có thể xảy ra sau đảo chính, đặc biệt về trường hợp bên này hay bên kia yêu cầu Mỹ yểm trợ, ông Lodge viết:

"Tôi tiên đoán rằng khi đảo chính bắt đầu, thì trừ khi nó được kết thúc cho thật nhanh chóng ('with lightning swiftness') **chính phủ Việt Nam sẽ yêu cầu tôi hoặc tướng Harkins dùng ảnh hưởng của chúng tôi để kêu gọi ngừng đảo chính. Tôi tin rằng trách nhiệm của chúng tôi không thể nào lớn hơn trách nhiệm của ông Tổng thống (Diệm) là Tư lệnh tối cao của quân đội, vì vậy, nếu chính ông ta không thể kêu gọi ngưng đảo chính thì chắc chắn chúng tôi cũng không làm được, mà lại còn đặt mạng sống của người Mỹ vào tình trạng nguy hiểm nếu muốn can thiệp vào vấn đề nội bộ của Việt Nam.**

Thật là mỉa mai và trớ trêu khi ông Lodge lý luận rằng "nếu chính ông Diệm là tổng thống mà cũng không kêu gọi ngưng đảo chính được thì làm sao ông ta (chỉ là đại sứ) lại có thể làm được." Lodge đang sắp xếp đảo chính, một hành động can

thiệp vào nội bộ sâu rộng nhất mà lại nói đến việc "đặt mạng sống người Mỹ vào tình trạng nguy hiểm nếu muốn can thiệp vào nội bộ Việt Nam."

Tới đây, ông Lodge còn nói dài dòng về việc chính phủ Sàigòn có thể yêu cầu ông giúp phương tiện để di tản một số quan chức ra ngoại quốc hoặc xin tị nạn ở Tòa Đại sứ Mỹ, và cho rằng như vậy là rất phiền toái, liên lụy, không thể để cho máy bay và phi công Mỹ bị kẹt vào làn đạn của hai bên v.v.

Như vậy ta hiểu được là tại sao ông Lodge đã làm mọi việc để cho các tướng thành công để đảo chính cho thật mau lẹ (chỉ có hai ngày), như việc cô lập hóa Tướng Harkins, hoãn chuyến đi Washington để ở lại Sàigòn theo rõi, đánh lừa TT Diệm, không báo cáo lời nhắn và sự nhượng bộ của TT Diệm về cho TT Kennedy, không giúp TT Diệm ra đi khi ông gọi điện cho ông Lodge lần thứ hai vào sáng ngày 2 tháng 11 để yêu cầu. Có thể ông Lodge cho rằng để cho TT Diệm chết đi là xong chuyện, khỏi phải bị liên lụy. Vì nếu sau đảo chính mà ông Diệm còn sống thì ông Lodge sẽ ăn nói ra sao (nhất là chính ông Lodge đã đánh lừa ông Diệm đúng ngày đảo chính)? Nếu ông Diệm công khai kêu gọi Hoa Kỳ cho tị nạn thì Hoa Kỳ sẽ cư xử như thế nào? TT Eisenhower và nhất là TT Kennedy đã từng viết bao nhiêu văn thư ca ngợi nhà Ngô trong suốt chín năm trời.

Trở lại công điện của Lodge gửi ngày 30 tháng 10, 1963:

- Về việc các Tướng lãnh cần tiền, ông Lodge viết:
  "Theo lời yêu cầu của các Tướng lãnh, họ có thể cần tới ngân khoản vào phút chót để mua chuộc nhóm chống đối. Để các ngân khoản này có thể trao một cách kín đáo, tôi tin chúng ta có thể cung cấp ngân khoản ấy, miễn là chúng ta phải có thể tin được rằng cuộc đảo chính được tổ chức khá đầy đủ và có cơ hội thành công...

- Về quyết tâm của nhóm đảo chính, ông Lodge khẳng định:
  "Tôi không biết rằng còn phải cần thêm chứng cớ nào hơn sự việc là <u>những người này đã sẵn sàng liều</u>

mạng, và không muốn được gì cho chính họ... Bộ mặt ông Đôn đã biểu lộ sự thành thật và quyết tâm khi tôi nói chuyện với ông ta vào buổi sáng...

Để kết luận, Lodge còn thêm rằng "Thời gian chưa cho phép tôi xem xét kỹ lưỡng vấn đề này với Tướng Harkins" và xác nhận: **"Tướng Harkins có đọc điện văn này và không đồng ý."**

Phải hoãn đảo chính nếu khả năng thành công không cao

Trong một điện tín nữa cùng ngày 30 tháng 10 do Tòa Bạch Ốc gửi cho ông Lodge, Bundy đã bày tỏ sự lo ngại về khả năng thành công của nhóm người đảo chính, họ phải chứng tỏ được rằng sẽ thành công mau chóng, còn như nếu không có khả năng này thì phải thuyết phục họ ngừng ngay, vì nếu đảo chính thì phải thành công:[12]

"Chúng tôi không chấp nhận như một căn bản của chính sách Hoa kỳ là chúng ta không có quyền lực để trì hoãn hay can ngăn một cuộc đảo chính. Trong đoạn 12 chính ông đã nói rằng nếu ông nhận thức thấy cuộc đảo chính sẽ thất bại thì ông sẽ làm mọi điều có thể để chặn đứng nó lại. Chúng tôi tin rằng trên căn bản ấy ông nên hành động để thuyết phục những người lãnh đạo đảo chính hãy đình chỉ hay trì hoãn bất cứ cuộc điều quân nào mà theo sự xét đoán tốt nhất của ông không rõ rệt có triển vọng thành công cao...

"Bởi vậy, nếu ông xác định rõ ràng là không có hy vọng thành công cao độ, ông phải thông tin sự nghi ngờ này cho các Tướng lãnh một cách tính toán làm sao để thuyết phục được họ ngưng lại ngay, ít nhất là cho đến khi nào thuận lợi hơn...

"Chúng tôi muốn nhận được những trao đổi, đánh giá vào giờ chót về việc này.

Lodge không hoãn đảo chính lại hoãn luôn chuyến đi Washington

Lúc ấy lại có sự kiện rắc rối là ông Lodge đã có ý định về Washington ngày 30 tháng 10 để bàn bạc. Trong cùng một văn bản này, Tòa Bạch Ốc đã gửi chỉ thị rất rõ ràng như sau:

- "Trong thời gian ông ở Sàigòn ông sẽ là Trưởng Toán Quốc gia trong mọi tình huống và chỉ thị duy nhất của chúng tôi là **ông phải thông báo đầy đủ cho Harkins trong mọi giai đoạn và sử dụng khuyến cáo của Harkins lẫn Smith trong những chỉ thị cho các đầu mối liên lạc, và đánh giá cuộc đảo chính....**
- "Khi ông đi khỏi Sàigòn và trước khi xảy ra đảo chính, Truehart (Phó Đại sứ) sẽ là Trưởng Toán Quốc gia... **chúng tôi muốn tất cả chỉ thị cho Conein phải được thông qua ý kiến của Harkins và Smith để cho cả ba người đều biết rõ những gì đã cho Conein biết. Bất cứ sự bất đồng ý kiến nào giữa ba người về chỉ thị này phải được báo cáo cho Hoa Thịnh Đốn và đợi chúng tôi giải quyết, nếu thì giờ cho phép.**
- **"Nếu ông đã rời Sàigòn mà xảy ra đảo chính... sự chỉ đạo của Toán Quốc gia phải được trao cho một quan chức thâm niên nhất có kinh nghiệm quyết định quân sự, và theo quan điểm chúng tôi, quan chức đó là Harkins...**

Ấy chết, đao phủ sắp hành động mà lại trao trách nhiệm cho người chống đao phủ, đâu có được. Bởi vậy, ông Lodge đã thay đổi chương trình và hoãn chuyến đi. Như vậy thì lần này TT Diệm không may mắn như hồi tháng 4, 1954. Lúc ấy, Cao ủy Mỹ là Collins (người chống ông Diệm) về Washington tham khảo với TT Eisenhower. Phó Đại sứ Kidder thay mặt ông ở Sài gòn. Tới lúc Tướng Pháp là Paul Ely muốn giúp phe đảo chính và hỏi ý kiến ông Kidder thì ông này đã nói ***"Mỹ không ủng hộ đảo chính"*** nên đã cứu được ông Diệm (xem Chương 11).

Bây giờ thì ông Lodge đã học được kinh nghiệm ấy nên ông đã không muốn cho Tướng Harkins điều khiển thay thế ông khi ông đi vắng. Cũng trong điện tín ngày 30 tháng 10, 1963, ông Lodge đã phản kháng việc Tướng Harkins thay thế ông lúc ông không có mặt: "***Thật không hợp lý nếu để một viên chức quân sự đảm nhiệm một việc quá chính trị như là việc thay đổi một chính phủ*** (đảo chính)." Bởi vậy, muốn cho đảo chính thành công thì chắc ăn nhất là cứ ở lại Sàigòn, cho nên ông Lodge quyết định hoãn chuyến đi Washington.

Nếu đảo chính, phải thành công

Đoạn # 6 của chỉ thị trên nói tới Hoa kỳ sẽ bác bỏ những lời kêu gọi can thiệp trực tiếp của bất cứ bên nào...

- **Trong trường hợp bất phân thắng bại, Hoa kỳ có thể tùy nghi đồng ý làm bất kỳ hành động nào được cả hai bên thỏa thuận, ví dụ di tản những nhân vật nòng cốt ...Tuy nhiên, trong những hành động đó Hoa kỳ sẽ ráng sức tránh ra vẻ áp lực với bên nào...**
- **Trong trường hợp đảo chính thất bại hay sắp thất bại đến nơi...có thể tùy nghi cho phép tị nạn những người mà ta có nghĩa vụ ...Tuy nhiên... họ nên tìm sự che chở của những tòa Đại sứ khác nữa ngoài chúng ta. Điểm này cần được nhấn mạnh nếu thấy cần.**

Sau cùng trước sự thôi thúc liên tục và mãnh liệt của viên đại sứ, Tòa Bạch Ốc đã cho chỉ thị:

> **"Nhưng một khi cuộc đảo chính dưới sự lãnh đạo có trách nhiệm đã khởi sự, và trong phạm vi những giới hạn đó, thì chủ ý của Hoa kỳ là nó phải thành công."**

Tác giả Moyar bình luận rằng nếu như vị đại sứ Mỹ ở Sàigòn không phải là ông Lodge, một người sẽ có thể được đảng Cộng Hòa chọn ra ứng cử tổng thống (vào năm sau, 1964) thì rất có thể Kennedy đã đi xa hơn và chỉ thị phải ngưng ngay việc âm mưu đảo chính, nhưng Kennedy đã cho phép Lodge lấy quyết

định cuối cùng về việc ủng hộ đảo chính nếu chắc chắn là sẽ thành công.

Những cái xui xẻo cuối cùng của TT Diệm

Trong cuốn *Khi Đồng Minh Tháo Chạy* chúng tôi có viết: "Ôn lại những bất hạnh của nền Đệ Nhị Cộng Hòa, tôi thấy câu 'Họa vô đơn chí, phúc bất trùng lai' là đúng. Tai họa thường hay theo nhau mà đến. Nghiên cứu về trang sử này, chúng tôi cũng nhận thấy là vào lúc kết thúc nền Đệ Nhất Cộng Hòa, những cái xui xẻo cũng đã xảy ra liên tục cho Tổng thống Diệm (như đã đề cập) trong vài ba ngày cuối cùng (tiếp theo những gì đã xảy ra vào ngày định mệnh, mùng 5 tháng 10). Tóm tắt những điều xui xẻo như sau:

- Như đã viện dẫn, trong điện tín ngày 30 tháng 10, Tòa Bạch Ốc có chỉ thị cho ông Lodge là: "phải thông báo đầy đủ cho Harkins trong mọi giai đoạn, và sử dụng những khuyến cáo của cả Harkins lẫn Smith," và "tất cả chỉ thị cho Conein cũng phải được thông qua ý kiến của Harkins và Smith." Nhưng vào những giờ phút chót, ông Lodge đã trái lệnh Tổng thống, không chịu bàn bạc, thông báo gì với ông Harkins (vì Harkins hết sức bênh ông Diệm);

- Thứ đến là việc Đại sứ Lodge hoãn ngày về Mỹ. Ông đã định ra đi vào ngày 31 tháng 10. Chỉ thị từ Washington là khi ông Lodge đi vắng thì Tướng Harkins sẽ thay thế ông để điều khiển ở Sàigòn. Nếu ông Harkins điều khiển thì khó có thể đảo chính. Sau cùng, Washington lại quyết định cho phép ông Lodge hoãn chuyến đi vài ngày;

- Ngày đảo chính - mồng 1 tháng 11 - là ngày Lễ Các Thánh (Toussaints), ngày lễ nghỉ của người Công giáo, nên ông Diệm có thể đi kinh lý hoặc thăm viếng chỗ này chỗ kia. Ngày hôm trước đảo chính Tướng Đôn đề nghị là TT Diệm nên tiếp xã giao Đô đốc Felt (vừa tới Sàigòn),

nhưng thực ra là với dụng ý để giữ ông Diệm ở lại Dinh Gia Long cho chắc ăn. Chính Tướng Đôn đã viết lại: *"Sáng ngày 31 tháng 10, tôi vào dinh gặp Tổng thống Diệm để hỏi về vấn đề Đô đốc Felt đến Sàigòn, và dò hỏi xem có phải vì ông không có mặt ở Sàigòn vào ngày mai nên không tiếp ông Felt được hay không? Ông Diệm ngạc nhiên vì không biết tin ông Felt tới Sàigòn."* [13] TT Diệm đã quyết định ở lại Sài gòn để tiếp Đô đốc Felt.

- Thế rồi, trong cuộc họp với ông Felt và ông Lodge, khi TT Diệm hỏi về đảo chính, ông Lodge lại trả lời một cách quanh co: *"Tôi không nghĩ rằng Tổng thống phải lo ngại gì cả."* Như vậy là để đánh lừa ông Diệm;
- Một chuyện nữa hết sức quan trọng, đó là cuối cùng, như đã đề cập trên đây, Tổng thống Diệm đã muốn làm một nghĩa cử ôn hòa với cả Đại sứ, cả Tổng thống Hoa kỳ. Vì biết ông Lodge sắp lên đường về Washington, ông dặn ông Lodge là khi về tới Washington thì nên gặp hai ông Colby (trưởng trạm CIA ở Sàigòn trước đây) và Nolting (cựu Đại sứ) để bàn bạc về vấn đề giải quyết chuyện ông Nhu cho ổn thỏa. Rồi ông gửi một thông điệp cho TT Kennedy nói ông *"chấp nhận tất cả những đề nghị của Tổng thống Kennedy một cách hết sức nghiêm chỉnh, và muốn thực sự thi hành những điều này, chỉ còn vấn đề thời gian tính."* Chắc ông Lodge cũng còn một chút lương tâm và cho rằng như vậy là đã có thể đi tới chỗ hòa hoãn với ông Diệm được rồi, nên ông có báo cáo về Washington thông điệp này. Thế nhưng, vô tình hay hữu ý, theo tác giả Moyar thì ông Lodge lại gửi điện tín này theo thủ tục 'ưu tiên thấp nhất' nên khi thông điệp này tới Washington thì tiếng súng đã bắt đầu nổ ở Sàigòn rồi. Theo một tác giả khác, James W. Douglas trong cuốn *JFK and The Unspeakable* thì Lodge đã cố tình trì hoãn để khi Kennedy nhận được điện tín này thì đã quá trễ.[14]

- Ngày 1 tháng 11 cũng là ngày sinh nhật của Đại tá Hồ Tấn Quyền, Tư lệnh Hải quân là người trung thành với TT Diệm và đã cứu ông trong dịp đảo chính tháng 2 năm 1962. Sau khi chơi quần vợt với một số đồng đội, họ mời ông dùng cơm trưa để mừng sinh nhật thứ 36 của ông. Thoạt đầu, ông đã từ chối. Buổi sáng hôm ấy, ông cũng đã chột dạ vì thấy có những cuộc chuyển quân hơi lạ nên muốn theo rõi để báo cáo cho ông Diệm. Nhưng rồi viên sĩ quan phụ tá cố nài ép nên ông nể lòng. Lúc đang trên đường đi tới một quán nhậu ở ngoại ô Sàigòn, ông đã bị sát hại. Như vậy là ông Quyền đã đi trước và dọn đường chết cho hai ông Diệm-Nhu theo sau.

- Theo tác giả Moyar thì "khi cuộc đảo chính sắp bắt đầu, một viên sĩ quan chỉ huy lữ đoàn Lực lượng Đặc biệt đề nghị với Tổng thống Diệm cho ông dùng xe thiết giáp tấn công tổng hành dinh của nhóm đảo chính để bắt trọn ổ số Tướng lãnh đang họp hành. Thành công là chắc chắn, viên sĩ quan cố thuyết phục ông Diệm, vì chỉ có một số lính đang tập sự đứng gác ở Tổng Tham Mưu, và đúng như vậy. Nếu những tướng chủ mưu bị bắt thì quân đội đảo chính tất sẽ bị rối loạn. Nhưng TT Diệm không cho phép, ông nói: *"Quân đội phải tiết kiệm súng đạn để chống Cộng, và tránh đổ máu,"* rồi thêm: *"Chỉ cần bảo vệ Dinh Gia Long, nhà Bưu điện và Tổng Nha Ngân khố."*[15]

- Trong cuốn 'Những Bí Mật Cuộc Cách Mạng 1-11-63', tác giả Lê Tử Hùng có kể lại là vào lúc 4 giờ sáng ngày 2 tháng 11, khi sửa soạn rời nhà ông Mã Tuyên để tới nhà thờ Cha Tam, ông Nhu bước lại gần Tổng thống Diệm:

  > - *"Tình thế khó khăn lắm rồi, anh cùng với Đỗ Thọ kiếm phương tiện đi Long An với Huỳnh Văn Cao... Tôi đi Phước Tuy lên đà Lạt với Nguyễn Khánh, có như vậy mới chống trả được."* (Theo cách này, đảo chính sẽ vỡ - lời tác giả).

TT Diệm đáp:

- "Không đi mô cả. Tôi ở mô chú ở đó. Chú ở mô, tôi cũng ở đó. Sống chết có nhau." [16]

- Tới nhà thờ Cha Tam, hai ông gọi cho tướng lãnh. Vừa tới nơi, TT Diệm xin lỗi cha Gioan (cha John người Pháp), linh mục quản xứ, là đã đến nhà thờ quá đường đột làm phiền cha.

  - "Tổng thống đừng nghĩ điều đó, nhà thờ là nước Chúa, ai đến cũng được, đâu phải riêng cho tổng thống, vậy Ngài và ông Cố vấn yên tâm ở lại đây, ra đi lắm phần nguy hiểm," cha Gioan khuyên nhủ.

  - "Thưa Cha, Tổng thống nói vậy, nhưng chúng con không đi đâu nữa. Dù sao cũng liên lạc với các Tướng lãnh để bàn về việc ra đi của Tổng thống cho đúng lễ nghi quốc gia," ông Nhu suy nghĩ rồi đáp lại. [17]

- Như đề cập trên đây, sau khi tiếng súng đảo chính đã vang dội, Tổng thống Diệm gọi giây nói cho Đại sứ Lodge vào lúc 4 giờ 30 chiều (ngày 1 tháng 11) để hỏi về *thái độ của Hoa Kỳ*. Ông Lodge trả lời lơ mơ là ông không biết gì để nói nhưng có đề nghị với ông Diệm là sẽ cho xe cắm cờ Mỹ đến Dinh Gia Long đưa ông Diệm ra phi trường, rồi dùng máy bay riêng của đại sứ để chở ông ra khỏi nước, nhưng TT Diệm từ chối. Nhưng trái với điều mà nhiều tác giả đã viết, cuộc điện đàm này không phải là trao đổi cuối cùng giữa hai người. Vẫn còn một cú điện thoại khác nữa. Đó là lúc ở tại nhà thờ Cha Tam, ông Diệm đã gọi ông Lodge lần cuối cùng để yêu cầu giúp đỡ phương tiện để ra đi, vì ông Lodge đã hứa rằng *"Nếu tôi có thể làm được gì để giúp cho an toàn của Ngài thì Ngài cứ gọi tôi."* Nhưng bây giờ ông Lodge lại trả lời là Tòa Đại sứ Mỹ chỉ có thể cho ông trú ẩn và bất cứ điều gì khác, nhưng không thể giúp

phương tiện chuyên chở ông ra khỏi nước. Như vậy là trái hẳn với đề nghị của ông Lodge chiều hôm trước. Ông Mike Dunn, Phụ tá trưởng của đại sứ - là người đứng bên ông Lodge khi ông này nói diện thoại với ông Diệm – đã xin tự nguyện đến chở hai ông Diệm, Nhu đi để bảo vệ cho hai ông, nhưng ông Lodge đã không đồng ý! ***"Tôi thật ngạc nhiên là ta đã không làm gì để giúp cho hai anh em họ Ngô,"*** ông Dunn phàn nàn.[18] Một nhân chứng nữa cũng khẳng định về việc này là nhà báo Joseph Fried của tờ New York Daily News trong một báo cáo vào ngày 5 tháng 11, 1963.

- Sau khi ông Lodge từ chối giúp đỡ, Tổng thống Diệm hoàn toàn thất vọng, khoảng 7 giờ sáng ngày mồng 2 ông quyết định gọi điện thoại cho Bộ Chỉ huy Đảo Chánh thông báo là ông đã ra lệnh cho lính phòng vệ Phủ tổng thống ngưng bắn và ông đầu hàng vô điều kiện. Đây là một việc không may mắn nhất cho TT Diệm vì cho tới ngày đảo chính, nhóm tướng lãnh vẫn còn nghi ngờ nhau, chưa có sự tin tưởng và đồng ý hoàn toàn. Chính TT Thiệu đã kể lại (với Phụ Tá Nguyễn Văn Ngân) là ***"nếu ông Diệm và ông Nhu không ra trình diện*** (gọi điện thoại) ***vào sáng ngày 2 tháng 11, chỉ cần nán lại tới trưa cùng ngày thì các tướng lãnh sẽ lên máy bay chạy hết vì lo sợ và nghi ngờ lẫn nhau"*** là đã mắc mưu ông Nhu.

Trước đó, trong giai đoạn chuẩn bị đảo chính, Tướng Paul Harkins, Tư lệnh Mỹ ở Việt Nam cũng báo cáo về cho tướng Maxwell Taylor, Chủ tịch Tham Mưu Liên Quân về nhóm tướng lãnh: ***"Tôi thấy chúng ta có một tổ chức của nhóm người thật hoang mang trong đó mọi người nghi ngờ mọi người khác."***

- Các tướng lãnh yêu cầu Conein sắp xếp máy bay, nhưng CIA trả lời là cần 24 giờ thì mới thu xếp được, nhưng thật ra là đã có sẵn một chiếc máy bay ở Sàigòn để chờ

Đại sứ Lodge về Washington và ông này đã hoãn chuyến đi. Dù sao, khi nghe thấy nói đến 24 giờ, Tướng Minh gắt lên "Chúng tôi không giữ họ lâu thêm được nữa."[19]

- TT Thiệu (lúc ấy là Đại tá) còn kể lại với chúng tôi rằng:

  - Khi được lệnh đánh Dinh Gia Long, ông đã có ý định tìm TT Diệm và mời ông lên xe jeep mở mui để về Bộ TTM rồi đưa ông đi ra ngoại quốc, nhưng khi chiếm Dinh xong thì thấy ông Diệm đã đi rồi. Ông Thiệu thêm: ***"Nếu như TT Diệm đi xe jeep mui trần như vậy thì không ai dám sát hại ông;"***

  - Đến khi ông Thiệu được tin TT Diệm gọi điện thoại về Bộ Tổng Tham Mưu, ông còn đề nghị với Tướng Minh để cho ông đi đón TT Diệm từ nhà thờ Cha Tam, nhưng ông Minh gạt đi và nói ***"Mày khỏi phải lo, tao đã có người rồi."***

***

Đường về nghĩa trang

Ngày 2 tháng 11 là ngày *'Lễ các Linh hồn,'* tiếng Pháp gọi là *"Fête Des Morts"* ngày lễ của các người chết. Hôm ấy, tín đồ Công Giáo tưởng niệm tới linh hồn của những người đã quá cố. Như định mệnh an bài từ trước, vào lúc thật sớm, khi bầu trời đô thành Sàigòn còn chập chờn trong bóng tối, hai anh em ông Diệm đã tới nhà thờ Cha Tam để cầu nguyện. Buổi lễ đầu tiên sắp sửa bắt đầu nên đèn nến thắp sáng trưng. Hai anh em quỳ xuống, lâm râm đọc 'kinh Lạy Cha' như những giáo dân khác: *"Xin Cha tha nợ chúng tôi như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi."* Người tùy viên trung tín của TT Diệm là Đỗ Thọ có kể lại rằng trước đó ông cũng đã trối trăn là dặn Tướng Nguyễn Khánh: *"Hãy lập chiến khu chống lại cho tới khi thành công. Hãy tha thứ những kẻ phản bội, thương dân, và đùm bọc cậu Cẩn."* Tiếp đến, hai ông đọc 'kinh ăn năn tội,' một lời cầu khấn người Công Giáo thường đọc khi gặp sự nguy

hiểm đến tính mạng hay vào lúc 'dọn mình chết.' Thánh lễ do linh mục Gioan chủ tế tiếp theo, hai ông cầu nguyện và rước lễ, giống như đã lĩnh đầy đủ các 'phép bí tích' để sửa soạn cho cuộc hành trình về thế giới bên kia. [20]

Thiết vận xa M-113 là loại quân trang mà Tổng thống Diệm đã nhận được trong một chương trình quân viện dồi dào mà Hoa Kỳ dành cho Miền Nam bắt đầu từ 1961 sau khi Tổng thống Diệm viết cho TT Kennedy: *"Chúng tôi sẵn sàng hy sinh xương máu và nhân lực để cứu vãn xứ sở chúng tôi, và tôi biết rằng chúng tôi có thể trông cậy vào sự yểm trợ vật chất từ quý Đại quốc"* (ngày 15 tháng 5, 1961). Giờ đây một trong những chiếc thiết vận xa ấy đã trở thành cái quan tài bọc sắt để đưa hai ông lên đường về nghĩa trang, qua ngả Bộ Tổng Tham Mưu.

Bộ Tổng Tham mưu lại là một địa điểm tượng trưng cho những cố gắng trong năm của Tổng thống Diệm để xây đắp một nền Cộng hòa. Tới giờ chót, ông Diệm cũng đã không cho phép Lực Lượng Đặc Biệt tấn công vào nơi này, vì *"Đây là tiêu biểu cho quyền lực của quân đội."* [21]

Đại Tướng Dương Văn Minh, người đã lãnh đạo cuộc đảo chính ngày 1 tháng 11, 1963, sau cùng cũng lại là người viết bức thư ngày 28 tháng 4, 1975 để yêu cầu Hoa kỳ triệt thoái khỏi Việt Nam (bức thư này là do chính Đại sứ Martin trối lại cho tác giả - KĐMTC, trang 36). Vô tình, hữu ý, hay chỉ là cái nghiệp chướng mà ông phải gánh chịu, nhưng khi ông Minh giơ hai ngón tay lên (ra lệnh cho Đại úy Nhung sát hại hai anh em ông Diệm), nền Đệ nhất Cộng Hòa đã chấm dứt. Đến khi ông đặt hai ngón tay xuống ký lá thư gửi Đại sứ Martin, Hoa kỳ rút khỏi Miền Nam, chấm dứt Đệ Nhị Cộng Hòa. Như vậy là một Tướng quân, hai nền Cộng hòa.

***

Tại Washington, Tổng thống Kennedy đang họp, được thông báo rằng hai anh em Tổng thống Diệm đã chết, ông xanh mặt và đứng nhổm dậy, bước ra khỏi phòng. Ông 'sửng sốt và mất tinh thần," (shock and dismay), theo lời Tướng Taylor. Ông McCone, Giám đốc CIA cũng có mặt trong buổi họp, kể

lại là ngay trước đó, ông Kennedy đã ra lệnh là bết bát nhất thì cũng phải để ông Diệm ra khỏi nước.[22] Ông có ngờ đâu đến nông nỗi này, nhưng một khi đã cho lệnh đảo chính thì việc ám sát cũng không còn xa lắm. Như vậy là ông đã có trách nhiệm về việc sát hại người Tổng thống đầu tiên của Miền Nam Việt Nam, một người ông đã hết lòng ca ngợi trong những năm trước. Ông rất hối hận. Ngày 4 tháng 11, 1963 (ba ngày sau vụ ám sát), TT Kennedy đọc để ghi xuống một bản ghi nhớ bày tỏ sự hối tiếc của mình. Với một giọng buồn rầu, ông nói: [23]

> **"Tôi cảm thấy rằng chúng ta phải chịu phần lớn trách nhiệm, một phần là vì bắt đầu với bức điện tín tháng tám, trong đó chúng ta đề nghị đảo chính. Theo tôi, bức điện đó đã được soạn thảo thật bết bát, đáng lẽ không bao giờ được gửi đi vào ngày Thứ Bảy... Tôi đã bị sốc bởi cái chết của ông Ngô Đình Diệm. Tôi gặp ông ta cùng với Chánh án Douglas nhiều năm trước đây. Ông là một nhân vật phi thường. Dù ông ngày càng trở nên khó khăn** (để làm việc với) **trong những tháng cuối năm, tuy nhiên trong khoảng thời gian 10 năm ông đã quy tụ được quốc gia của ông đứng lại với nhau."**
>
> [I feel that we must bear a good deal of responsibility, in part beginning with our cable of early August, in which we suggested the coup. In my judgment that wire was badly drafted, it should never have been sent on a Saturday. I was shocked by the death of Diem Ngo. I met Diem with Justice Douglas many years ago. He was an extraordinary character. While he became increasingly difficult in the last months, nevertheless over a 10-year period he held his country together].

Bào đệ của TT Kennedy là Robert Kennedy cũng nhận xét về bức điện tín ngày 24 tháng 8, 163: "Hậu quả của mật điện (ngày 24 tháng 8) là chúng ta đã đi vào một con đường mà không bao giờ quay trở lại được nữa...Tướng Harkins chống

đối việc ấy, và ĐS Lodge thì không nói chuyện với Tướng Harkins. Bởi vậy cho nên ông Lodge đã đi theo một phương hướng, và Bộ Ngoại Giao thì đi vào giữa…"

Như vậy ta có thể kết luận được rằng:

- Chính TT Kennedy đã có trách nhiệm trực tiếp về cuộc đảo chính TT Diệm bắt đầu từ mật lệnh ngày 24 tháng 8, 1963 và sau cùng, chỉ thị từ Tòa bạch Ốc là "một khi đảo chính khởi sự thì nó phải thành công" (mật điện ngày 30 tháng 10 trích dẫn trên đây). Thế nhưng, lệnh 24 tháng 8 là do phe chống ông Diệm ở Bộ Ngoại Giao (ba ông Harriman, Hillsman và Forrestal) đã "soạn thảo thật bết bát, đáng lẽ không bao giờ được gửi đi vào ngày Thứ Bảy," như lời của TT Kennedy, vì chưa được duyệt xét bởi cấp lãnh đạo cao cấp nhất. Việc cho đảo chính là kết quả của mưu lược ông Lodge và phe chống ông Diệm thuyết phục ông Kennedy với thông điệp: **"không thể chiến thắng Cộng sản nếu còn ông Diệm."**

• Hoàn cảnh đưa tới hai việc trên thì rất phức tạp, nó gồm nhiều yếu tố như đề cập trong những chương trước, tóm tắt như sau:

  - TT Diệm bị chỉ trích là độc tài, gia đình trị, bè phái, không hữu hiệu trong việc chống cộng. Giới chức Washington nóng lòng muốn có kết quả cho nhanh về kế hoạch Kennedy 'chống du kích, chống nổi dậy' nên đã muốn trực tiếp chia sẻ quyền hành trong việc làm chính sách, một việc TT Diệm không thể đồng ý vì nó phạm đến chủ quyền của quốc gia. Việc này làm cho ông thật trăn trở.

  - Về chính trị, năm 1963 lại là năm 'giáp tuyển' (giáp tuyển cử - chữ của tác giả) – năm trước khi ông Kennedy ra tranh cử nhiệm kỳ II. Ông muốn có những tiến bộ rõ ràng ở Miền Nam. Hoa Kỳ áp lực TT Diệm tối đa phải thay đổi chính sách và nhân sự,

đặc biệt là loại trừ ông Nhu. Ông Diệm chần chừ. Ông không thể và không muốn đưa ông Nhu ra khỏi chính quyền vì rất cần một người vừa tin cậy, vừa mưu lược.

- Vào chính lúc hai bên căng thẳng thì số cố vấn Mỹ lại tăng vọt lên và về tới địa phương. Như vậy là sự có mặt của người Mỹ đã trải ra trên toàn lãnh thổ Miền Nam, làm lu mờ hình ảnh chính nghĩa và uy tín của chính phủ đối với nhân dân: TT Diệm phản ứng.
- Vì không muốn bị coi là một nước bị bảo hộ, hai ông Diệm – Nhu muốn rút bớt số cố vấn. Việc này làm cho Chính phủ Kennedy bực tức. Người thân cận với TT Kennedy là Giáo sư Kenneth Galbraith (Đại sứ Mỹ ở Ấn Độ) là người đã ảnh hưởng rất nhiều tới TT Kennedy vào giai đoạn này về việc phải thay thế chính phủ Diệm.
- Đang khi Mỹ áp lực TT Diệm thay thế ông Nhu thì lại có tin ông Nhu điều đình với Bắc Việt về giải pháp hòa bình và nói chuyện với Pháp về trung lập hóa Miền Nam. Đây là một điều Washington tối kỵ.
- Trong bối cảnh dầu sôi lửa bỏng ấy thì đại họa chợt tới: khủng hoảng Phật Giáo. Báo chí đổ thật nhiều dầu vào lửa. Phe chống ông Diệm ở Bộ Ngoại Giao kết luận: "Hai ông Diệm – Nhu phá nát chùa chiền và đàn áp tôn giáo." Tướng lãnh được bật đèn xanh nên đã chuẩn bị đảo chính vào tháng 8, 1963 nhưng rồi hoãn lại.
- Sau cùng thì chính Đại sứ Cabot Lodge là người đao phủ. Ông đã thành công trong hai việc: thuyết phục Washington cho đảo chính và thúc đẩy tướng lãnh đảo chính.

Thêm vào diễn tiến trên là sự mâu thuẫn căn bản giữa hai anh em TT Diệm và giới chức ở Washington về chính những

quan niệm nòng cốt về dân tộc và dân chủ, về ưu tiên an ninh và quân sự, về kế hoạch phát triển nông thôn và nông nghiệp, như tác giả Edward Miller bình luận trong cuốn *Misalliance* mới xuất bản (Harvard University Press, 2013). Phần nào những điểm này phản ánh hai nền văn hóa khác nhau, hai luồng tư tưởng khác nhau: đông và tây thật khó gặp nhau.

Vấn đề phức tạp là như vậy chứ không phải chỉ đơn giản là "vì TT Diệm đã không cho Mỹ đem quân vào Việt Nam nên đã bị triệt hạ" theo như quan niệm thông thường của dư luận. TT Diệm đã không chống đối việc Mỹ đưa quân vào Việt Nam, ông chỉ e ngại vì một số lý do và chỉ muốn quân đội Mỹ vào trong hai trường hợp: *thứ nhất*, khi Miền Nam thực sự bị cộng sản tấn công; và *thứ hai*, vào bất cứ lúc nào để huấn luyện quân đội Việt Nam (xem trang 366-368 và 384-385)

***

Bên cạnh trách nhiệm của lãnh đạo một cường quốc đối với lãnh đạo một tiểu quốc đồng minh, lại còn một vấn đề tâm linh khác nữa: ông Kennedy là Tổng thống Công giáo đầu tiên của Hoa kỳ, và ông Diệm là Tổng thống Công giáo đầu tiên của VNCH. Kết thúc cuộc đời của hai người đều vào tháng 11 năm 1963. Trong vòng đúng ba tuần lễ, cả hai ông đều đã phải đến trình diện trước mặt Thiên Chúa để lĩnh nhận sự phán xét cuối cùng của Ngài. Chỉ có sự phán xét ấy mới thật là công bình và là công lý tuyệt đối.

Buổi sáng hôm ấy, ngày 2/11/1963, khi tiếng chuông nhà thờ ngân vang khắp nơi, báo hiệu đã tới giờ đại lễ, các tín đồ Công giáo cầu xin Thiên Chúa xá tội để những người đã quá cố được sớm về cõi trường sinh. Lúc ấy, trong số những vong linh được cầu nguyện, đã có thêm hai linh hồn nữa. Họ vừa mới thoát khỏi trần gian này mấy phút trước đó, sau những phát súng, những nhát dao đâm oan khiên. Rồi nằm quằn quại trên vũng máu ở chân cột cờ Bộ Tổng Tham Mưu.

Kinh cầu ở các thánh đường vang lên: *"Requiescat in pace"* xin Thiên Chúa cho tất cả được an nghỉ.

Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng chọn ngày 1 tháng 11 là ngày Quốc Khánh. Hằng năm, khi tới ngày này, với tư cách tổng thống, ông Nguyễn Văn Thiệu, người đã tham gia đảo chính, mở tiệc khoản đãi ngoại giao đoàn và quan khách theo thủ tục ngoại giao. Nhưng cùng ngày đó, trong ngôi nhà nguyện bé nhỏ tại Dinh Độc Lập, hai vợ chồng ông dự thánh lễ để tưởng niệm và cầu nguyện cho Tổng thống Diệm. Vị linh mục làm lễ (Cha Giác) hỏi về ý chỉ trong buổi lễ, và ông Thiệu đáp: *"Xin cho linh hồn Người sớm được về nơi Diễm Phúc, và xin người cầu cho chúng tôi trong giờ nguy khốn này."* Ông Thiệu an ủi ông Diệm nơi thế giới bên kia – nhưng ông cũng đang cầu nguyện vừa cho ông Ngô Đình Diệm vừa cho chính mình.

Ông đã kể lại với chúng tôi ít nhất hai lần rằng khi trông thấy xác TT Diệm và ông Nhu trong chiếc xe bọc sắt ở Bộ TTM, ông đã hết sức bàng hoàng! Ông mở mũ cúi đầu chào thật lâu. Rồi từ giây phút ấy, hình ảnh bi thảm này luôn bám chặt trong ký ức ông. Tuy không nói ra, nhưng nghe ông nói nhiều về sự hối tiếc và về công ơn của TT Diệm đối với VNCH, chúng tôi nghĩ ông cũng đã nhận thức rằng hậu quả của đảo chính và cái chết bi đát của TT Diệm đã ảnh hưởng sâu xa tới vận mệnh của Miền Nam Việt Nam.

ĐS Lodge cùng với TT Diệm tại Đà Lạt 5 ngày trước đảo chính (27/10/1963). (Hình: www.flickr.com/photo)

Đại sứ Kenneth Galbraith thuyết phục TT Kennedy triệt hạ chính phủ Diệm. (Hình: "newsbbc.co.uk")

Đô Đốc Harry Felt (thăm TT Diệm sáng ngày 1/11/1963 nhưng không biết sắp đến giờ đảo chính).
(Hình: "talkingproud.us/Military/")

Các Tướng Dương Văn Minh, Lê Văn Kim và Trần Văn Đôn. (Hình: AP/Wideword Photo)

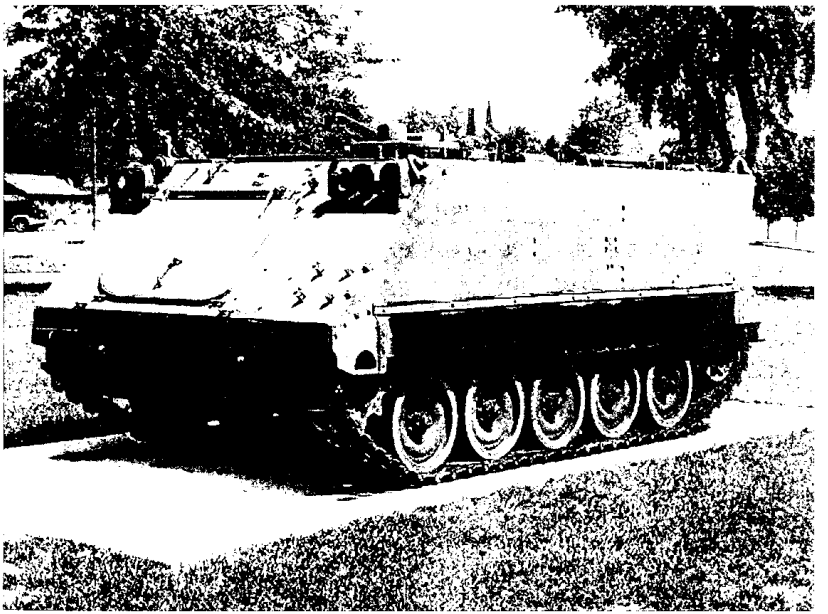

Hình loại thiết vận xa M-113 TT Diệm đã nhận được trong một chương trình quân viện dồi dào dành cho Miền Nam. Ngày 2/11/1963 một trong những quân xa này đã trở thành quan tài bọc sắt đưa TT Diệm và Cố vấn Nhu tới nghĩa trang qua ngả Bộ TTM (2/11/1963). (Hình: "davidpride.com/Army/Images")

Người khai sinh nền Đệ Nhất Cộng Hòa Việt Nam.
(Hình: "ngothelinh.tripod.com/NgoDinhDiem")

PHẦN VI

"TÔI SẼ KHÔNG ĐỂ MẤT VIỆT NAM"

CHƯƠNG 23

"Tôi Sẽ Không Để Mất Việt Nam"

Lyndon B.Johnson

"Thà rằng tôi thẳng thắn và giải quyết những vấn đề ngay bây giờ còn hơn là chỉ bàn bạc về những việc ấy sau khi chúng ta đã mất tất cả," TT Diệm gửi thông điệp cho TT Kennedy vào sáng ngày đảo chính. Miền Nam đã mất đi những gì sau đảo chính thì độc giả đều biết rõ. Bất ổn ở hậu phương đã đưa tới suy sụp ngoài tiền tuyến.

Tại Washington, Phó Tổng thống Johnson lên kế vị TT Kennedy sau khi ông bị sát hại ở Dallas. Ngay từ lúc còn làm Phó Tổng thống, ông Johnson đã khẳng định với TT Kennedy: *"Nếu chúng ta buông xuôi tại vùng Đông Nam Á thì phải rút tuyến phòng thủ của Hoa Kỳ về tận San Francisco.* Bây giờ thấy Miền Nam lâm cảnh hiểm nghèo, ông quyết định can thiệp và tuyên bố: *"Tôi sẽ không để mất Việt Nam, tôi sẽ không là người Tổng thống đầu tiên để cho Đông Nam Á sụp đổ giống như đã để cho Trung Quốc sụp đổ."* Quốc Hội Mỹ lại trao cho ông nhiều quyền hành khi xác định rằng: *"An ninh vùng Biển Đông là tối quan trọng đối với quyền lợi quốc gia Hoa Kỳ."*

Tuy vậy, TT Johnson vẫn tự chế để giới hạn cuộc chiến vì ưu tiên của ông là tập trung vào việc giúp cho những người nghèo khó trong xã hội Mỹ -War On Poverty. Nhưng vào dịp Tết năm 1965, biến cố Pleiku (doanh trại cố vấn Mỹ bị tấn công gây nên tử thương và tổn thất nặng nề) đã làm thay đổi lập trường của ông. Đây là một biến cố khai hỏa :TT Johnson tuyên bố : *"Chúng ta không thể bị bại trận bởi võ lực. Chúng ta sẽ chiến đấu ở Việt Nam."* Mặc dù vậy, ông vẫn tiếp tục đeo đuổi mục tiêu đi tìm hòa bình qua nhiều trung gian, và còn muốn giúp cho Việt Nam xây dựng thay vì tàn phá. Vì không thành công trong hòa bình nên ông lại leo thang chiến tranh cho đến khi giã từ vũ khí.

***

Sau biến cố Mậu Thân, ông quyết định không ra tranh cử nhiệm kỳ hai, rồi tập trung giúp Phó TT Hubert Humphrey tranh cử với ông Richard Nixon.

TT Thiệu đánh ván bài liều giúp ông Nixon thắng cử.
Cuốn sách *'Khi Đồng Minh Tháo Chạy'* bắt đầu từ thời điểm này.

Năm **963** khi vua Ngô Xương Văn (tự là Nam tấn Vương) bị sát hại, Việt Nam rơi vào cảnh hỗn loạn dưới trướng thập nhị sứ quân.[1] Trong cuốn *Việt Nam Sử Lược*, nhà sử học Trần Trọng Kim viết: "Thế lực nhà Ngô bấy giờ mỗi ngày một kém, giặc giã nổi lên khắp mọi nơi. Nam Tấn Vương phải thân chinh đi đánh dẹp. Khi đi đánh giặc ở hai thôn Thái-bình, không may bị tên bắn chết." Sau khi vua Ngô Xương Văn chết đi thì "Lúc bấy giờ trong nước có cả thảy 12 sứ quân, gây ra cảnh nội loạn kéo dài đến hơn 20 năm... Trong số này có Tướng của thời nhà Ngô tên là Đỗ Cảnh Thạc cũng giữ một chỗ, xưng là Sứ quân."[2]

Đúng 1,000 năm sau, năm **1963** một nhà Ngô nữa bị sát hại và cảnh thập nhị sứ quân lại tái diễn.

Tướng de Gaulle đã từng nói "*Après moi le deluge*" (Sau ta là hồng thủy). Tuy không nói ra nhưng chắc Tổng thống Ngô Đình Diệm cũng đã nghĩ 'Sau ta là bão tố.' Cơn lốc chính trị, quân sự, xã hội tại Miền Nam sau ngày đảo chính đã tàn phá Miền Nam đến mức nào thì nhiều độc giả (cao niên) còn nhớ. "Tránh được chế độ gia đình trị thì lại gặp phải chế độ bè phái trị," tác giả Bạch Hạc Trần Đức Minh có ghi trong cuốn *Một Thời Nhiễu Nhương:* "Đảng phái mọc lên như nấm. Chỉ hơn một tháng sau đảo chính đã có tới 65 đảng ở Nam Việt Nam đả kích chính phủ và đả kích nhau vô tội vạ." Ta nên nhớ rằng lúc ấy dân chúng Miền Nam chưa tới 16 triệu mà số đảng đã lớn như vậy, trong khi cả nước Mỹ chỉ có hai đảng. Nói tới xã hội buông xuôi vào thời điểm này, tác giả Minh kể lại là "có tới 50 tờ báo ở riêng thủ đô đã mất quá nhiều công sức để khai thác các tin giật gân. Dân chúng thành thị thì bắt đầu thả lỏng... đêm đêm những tiếng nhạc dậm giựt, réo rắt, ảo não ở các vũ trường, quán ăn không át đi được tiếng súng của đối phương vang lên ở đồng bằng Cửu Long cũng như ở vùng rừng núi đông bắc thủ đô, hay ánh sáng hỏa châu ngay kế cận Sàigòn. "

Trên mặt chính trị, các thế lực xuất phát từ tôn giáo lại chống chọi nhau.[3] Theo Giáo sư Lê Xuân Khoa ghi lại, chỉ trong vòng 20 tháng, Miền Nam đã trải qua hơn 10 biến cố chính trị, trong đó có 5 thể chế không có hiến pháp (từ Hội Đồng Quân Nhân

Cách Mạng tới Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia), 6 chính phủ, 3 lần tướng lãnh loại trừ nhau, 2 cuộc đảo chính bất thành cùng với các cuộc biểu tình Phật giáo, Công giáo, sinh viên tại nhiều nơi, tạo nên một tình thế hỗn loạn hầu như vô chính phủ.[4]

Từ bất ổn ở hậu phương tới suy sụp ngoài tiền tuyến

Tình trạng rối ren ở Sàigòn đã ảnh hưởng sâu xa tới tình hình quân sự. Theo tác giả Minh, "Nội trong tháng 11, 1963, đã có tới 475 vụ tấn công lớn, nhỏ nhằm vào Ấp chiến lược cũng như các đơn vị quân đội Miền Nam."[5] Tình hình an ninh, nhất là ở vùng đồng bằng Cửu Long, giảm xuống nhanh chóng kể từ sau đảo chính. Trong một điện tín gửi về Washington, Đại sứ Lodge đã kèm theo luôn một báo cáo của đại diện USOM ở tỉnh Long An (ngày 7 tháng 12, 1963):[6]

- "Thành quả duy nhất ở tỉnh Long An trong tháng 11 là của Việt Cộng: phá hủy những ấp chiến lược hằng ngày, tăng mạnh ảnh hưởng vào dân cư cũng như những tấn công…
- "Tháng 9, 1963, số ấp chiến lược được hoàn tất và đáp ứng được 6 chỉ tiêu đã lên 219. Ngày 30 tháng 11, chỉ còn 45. Tất cả là 27 ấp bị tấn công vào tháng 11 so với 77 ấp vào tháng 6. Vậy có phải là tiến bộ không? Không, vì an ninh ở nhiều ấp đã bị sa sút, Việt cộng thấy chỉ còn 27 ấp là đáng tấn công…
- "Lý do của tình trạng đáng buồn này là thiếu sự yểm trợ và bảo vệ từ chính phủ trung ương…"

Cái lưỡi không xương nhiều đường lắt léo! Chỉ một tháng trước đó, vài ngày sau đảo chính, ông Lodge đã báo cáo về Washington: "***Chúng ta không nên bỏ qua mà không để ý tới ý nghĩa của cuộc đảo chánh, đó là nó sẽ có thể giúp rút ngắn chiến tranh này lại để cho người Mỹ được sớm trở về nước mình.***" Đại sứ Galbraith, người đã không ngừng thuyết

phục TT Kennedy dẹp TT Diệm còn viết thư cho ông Averell Harriman (đứng đầu phe chống ông Diệm tại Bộ Ngoại Giao) sau ngày ông Diệm bị ám sát: ***"Averell thân mến, cuộc đảo chánh tại Miền Nam Việt Nam là một cái lông nữa kết thêm vào cái mũ của anh đấy. Hãy cho tôi một danh sách những người đã từng nói với chúng ta rằng chẳng có ai thay được Diệm."*** [7]

Nhưng bây giờ thì Lodge phàn nàn: "***Tôi thật bối rối vì thấy thiếu quyết tâm chiến đấu: các thành viên của tập đoàn tướng lãnh cho tôi những câu trả lời thật tuyệt vời và rõ ràng, và nói cái gì cũng hay hết, nhưng những việc gì đang xảy ra thì chẳng có là bao nhiêu."*** [8] Trước đảo chánh, ngày 30 tháng 10, ông Lodge đánh điện về Washington bình luận rằng các tướng lãnh "không muốn gì cho họ cả." Sau đảo chánh, theo tác giả Trần Đức Minh thì từ "ngay những ngày đầu tiên của chế độ mới, Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng đã xử dụng quyền hành bừa bãi. Hầu như mọi người có vai vế trong cuộc đảo chánh đều lên chức và thăng cấp." Một quan chức Mỹ phải phàn nàn: "Các tướng lãnh đã đánh nhau nhiều hơn là đánh Việt Cộng; và chỉ trong mấy tuần sau đảo chính, 9 trong 22 tư lệnh cao cấp đã bị thay thế." [9]

Trước tình hình suy thoái về cả hai lãnh vực chính trị và quân sự, tài liệu Bộ quốc phòng Mỹ nhận định **"những sự xáo trộn chính trị gần như liên tục ở Sài gòn đã khiến cho nỗ lực quân sự ngày càng tan rã ở nông thôn. Lãnh đạo quốc gia thay đổi liên tục kéo theo tình trạng bất ổn trong chính quyền dân sự và làm cho những hoạt động quân sự của chính phủ VNCH gần như tê liệt..."**

Theo tài liệu Bộ Quốc Phòng thì "sau đảo chính, Washington đã nhận thức ngày càng rõ hơn rằng người đồng minh mà mình đã chọn để đẩy mạnh sự cam kết của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á giờ đây đang ở trong tình trạng gần như tan rã. Bởi vậy, Washington đã bắt đầu một cuộc tái thẩm định trường kỳ về vai trò tương lai của Hoa kỳ trong cuộc chiến, quyết tâm đi tìm những áp lực mới đối với Cộng sản cả trong và bên ngoài miền Nam Việt Nam.

TT Johnson: "Tôi sẽ không để mất Việt Nam"

Sau khi Tổng thống Kennedy bị ám sát ở Dallas, ông Johnson lên kế vị. Ngay từ lúc còn làm Phó cho Tổng thống, ông đã cố vấn cho TT Kennedy rằng ***"Nếu chúng ta buông xuôi tại vùng Đông Nam Á thì phải bỏ Thái Bình Dương và rút tuyến quốc phòng của Hoa Kỳ về tận bờ California,*** " rồi khẳng định: "Càng sớm càng tốt Hoa Kỳ phải lấy một quyết định là liệu chúng ta có tìm cách đối phó với sự bành trướng của Cộng Sản hiện nay ở Đông Nam Á hay bỏ cuộc... Chúng ta phải chủ động trong quyết định này... Tôi đề nghị chúng ta tiến hành một chương trình thật rõ ràng và mạnh mẽ."

Lập trường của ông dựa vào hai lý do: *thứ nhất*, nếu Mỹ thu hẹp phòng tuyến như vậy là đã hành động theo quan niệm cho rằng "chỉ cần phòng thủ cái lô cốt Hoa Kỳ ('Fortress America' - Học Thuyết Monroe) là đủ rồi, và ta sẽ nói cho cả thế giới nghe rằng ta không còn tôn trọng những hiệp ước, và cũng không đứng bên cạnh những người bạn của chúng ta nữa. Đây không phải là quan niệm của tôi." *Thứ hai*, hòa bình không có thể duy trì và quyền lợi của Mỹ cũng không thể bảo vệ được bằng cách nhân nhượng cho Cộng sản giống như Hiệp ước Munich năm 1938 đã nhân nhượng cho Hitler nên đã dẫn tới Thế Chiến II.[10]

Việc đầu tiên Tổng thống Johnson làm là tham khảo đại sứ Cabot Lodge về Việt Nam. Ông Lodge trước đó mấy ngày đã từ Sàigòn về Washington để trình bày cho Tổng thống Kennedy.[11] Ông báo cáo về tình hình đen tối tại Sàigòn. Sau đảo chính, bây giờ lại khó khăn, rối ren hơn nhiều, và lãnh đạo ở Sàigòn lại đang có khuynh hướng đi về hướng chính sách 'trung lập.' Lodge kết luận là cần phải có ngay những quyết định hết sức khó khăn "và Ngài phải lấy những quyết định ấy."

Tổng thống Johnson tuyên bố không lưỡng lự:

> ***"Tôi sẽ không để mất Việt Nam, tôi sẽ không là người Tổng thống đầu tiên để cho Đông Nam Á sụp đổ giống như Trung Quốc đã sụp đổ."***
>
> (I am not going to lose Viet Nam, I am not going to be the first President who saw Southeast Asia go the way China went).[12]

Để làm như vậy, ông đã chấp thuận ngay những biện pháp cấp thời để đáp ứng tình hình sa sút tại Miền Nam. Những biện pháp này được ghi nhận trong huấn thị NSAM 273 ngày 26 tháng 11, 1963.[13] Huấn thị này xác định tiếp tục những chính sách mà TT Kennedy theo đuổi và phê chuẩn những biện pháp được đề nghị tại hội nghị Honolulu ngay trước khi ông Kennedy bị ám sát. Đặc biệt là những biện pháp đặt trọng tâm vào việc tăng cường nhắm vào vùng đồng bằng Cửu Long, một vùng quan trọng nhất như sẽ được đề cập dưới đây trong kế hoạch *'Hợp Tác'*.

- ***"Kế hoạch Hợp Tác"***

Kế hoạch này là một chương trình hành động gồm cả lãnh vực quân sự, lẫn chính trị, kinh tế, xã hội, giáo dục và thông tin dựa trên quan điểm là "phải đổi ngược chiều không những tình trạng trên chiến trường, nhưng phải đổi ngược lại cả lòng tin tưởng của nhân dân; phải tìm cách không những kiểm soát được nhiều hơn những thôn xóm nhưng còn tăng được cả năng xuất kinh tế của những thôn xóm ấy..." Đây là chính sách *'lấy cảm tình và sự ủng hộ của nhân dân'* (Winning the hearts and minds of the people), một chính sách mà trước đây Hoa kỳ đã cố thuyết phục TT Diệm khi thấy ông để ý nhiều hơn về khía cạnh quân sự.[15] Nó dựa trên một quan niệm gọi là "vết dầu loang" (oil blot) gồm ba giai đoạn hành động để đáp ứng ba mục tiêu *'quét, giữ, và phát triển'* (clear, hold and build):

  - o Giai đoạn một là tảo thanh các vùng phụ cận Sàigòn với mục tiêu loại trừ các đơn vị chủ lực Cộng sản;
  - o Giai đoạn hai là ổn định tình hình nơi đây với mục tiêu là giữ lại được những nơi đã tảo thanh; và
  - o Giai đoạn ba là xây dựng và phát triển những khu vực này như xây trường học, trạm y tế, giếng nước, để đi tới mục tiêu thu hút nhân tâm.

Kế hoạch cho vùng phụ cận Sàigòn là bước đầu của 'vết dầu loang': từ giữa sẽ loang dần ra sáu tỉnh, cho nên còn gọi

là hành động 'từ giữa bánh đô-nất ra bên ngoài ('inside of the doughnut out'). Kết quả của kế hoạch này được phía Bộ Quốc phòng Mỹ đánh giá là thành công tương đối tốt vào giữa lúc tình hình quá bất ổn (dù phía dân sự không hoàn toàn đồng ý). (Kinh nghiệm về chiến thuật '*quét, giữ, và phát triển*' này được TT George Bush áp dụng hầu như toàn bộ khi ông gửi thêm quân số Mỹ sang Iraq vào tháng 1 năm 2008, với kế hoạch gọi là "Surge" - tăng vụt quân số).

Tái xác định quyền lợi của Hoa Kỳ tại vùng Biển Đông

Đầu tháng 3, 1964 TT Johnson gửi Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara sang Sài gòn để bày tỏ sự quyết tâm của Hoa Kỳ. Sau khi thẩm định tình hình, ông McNamara đứng trên bục cạnh Đại Tướng Nguyễn Khánh giơ hai tay lên hô thật lớn : "*Việt Nam muôn năm, Việt Nam muôn năm, Việt Nam muôn năm.*" Rồi ông tuyên bố : "*Chúng tôi sẵn sàng cung cấp bất cứ viện trợ kinh tế nào cần thiết, bất cứ huấn luyện quân sự nào, kỹ thuật nào, bất cứ quân cụ nào đòi hỏi, cung cấp bất cứ số lượng nào, và trong bất cứ thời gian bao nhiêu lâu còn cần thiết.*" Mọi người vỗ tay như pháo rang (xem Tâm Tư TT Thiệu, Chương 13).

Ngày 16 tháng 3, 1964, sau khi trở về Washington, ông McNamara báo cáo với Tổng thống Johnson và đề nghị một chương trình hành động nhằm hoạch định một sự bành trướng lớn lao của nỗ lực Hoa kỳ tại Việt Nam. Tài liệu Bộ Quốc Phòng nhận định: "Chương trình này bao gồm việc Hoa kỳ đảm nhiệm phần lớn nhất của công tác, và sự nhúng tay ngày càng sâu vào công việc nội bộ của Nam Việt Nam, và bởi những lý do đó, chương trình này mang tính cách một sự cam kết mở rộng của uy tín Hoa kỳ đối với sự thành công của nỗ lực chúng ta trong khu vực này."

Sau khi đề nghị một chương trình hành động toàn diện, McNamara viết "Tôi *đề nghị Tổng thống chỉ thị cho tất cả những cơ quan liên hệ của Chính phủ Hoa kỳ để thi hành*

chương trình hành động này." TT Johnson chấp thuận toàn bộ, ghi thành huấn lệnh NSAM số 288 (ngày 17 tháng 3, 1964).

• ***Huấn lệnh lịch sử NSAM 288***

Vào thời điểm này chính sách của TT Johnson đã trở nên quyết liệt một cách rõ ràng hơn. Phân tích của Bộ QP nhấn mạnh rằng: Huấn lệnh ghi số *NSAM 288* (ngày 17 tháng 3, 1964) đã đi rất xa hơn nhiều so sánh với Huấn lệnh 273, khi ông Johnson vừa mới nhậm chức: Trong khi huấn lệnh 273 chỉ quy định mục tiêu có tính cách giới hạn là hỗ trợ chính phủ VNCH chiến thắng cuộc đấu tranh chống lại âm mưu do Cộng sản chỉ đạo từ bên ngoài, thì Huấn lệnh 288 có hàm ý là nâng cấp những mục tiêu an ninh của Hoa Kỳ nhằm phòng vệ toàn bộ vùng Biển Đông và miền Tây Thái Bình Dương.[15]

Việc bảo vệ Miền Nam là để ngăn chận ảnh hưởng đến vùng Biển đông đúng theo như thuyết Đôminô. Huấn lệnh NSAM 288 xác định: "Chúng ta mưu cầu một nước Nam Việt Nam độc lập không Cộng sản...vì trừ khi chúng ta đạt được mục tiêu này tại miền Nam Việt Nam, hầu hết Đông Nam Á sẽ có thể rơi vào vòng thống trị của Cộng sản:[16]

- o Trước hết là tất cả nước Việt Nam, Lào và Cam bốt;
- o Rồi Miến điện sẽ phải ngả theo Cộng sản làm cho ảnh hưởng của Hoa kỳ bị mất đi;
- o Những nước khác tuy bây giờ chưa phải là Cộng sản nhưng rất có thể trở thành Cộng sản như Nam Dương, Mã Lai Á;
- o Thái lan có thể đứng vững được một thời gian mà không cần yểm trợ, nhưng sẽ chịu áp lực nặng nề;
- o Ngay đến Phi luật tân cũng sẽ lung lay; và
- o Sự đe dọa đối với Ấn độ về phía Tây, Úc và Tân Tây Lan về phía Nam sẽ tăng gia lớn lao; dẫn tới
- o Đe dọa Đài loan, Đại hàn và Nhật bản về phía Đông Bắc.

> "Tất cả những hậu quả ấy rất có thể đã xảy ra nếu từ 1954 và đặc biệt từ 1961 Hoa kỳ đã không dấn thân mạnh mẽ vào Nam Việt Nam."

[Chúng tôi mở ngoặc để nhắc độc giả là khi TT Eisenhower muốn can thiệp vào Điện Biên Phủ, ông đã cố thuyết phục Thủ tướng Anh là Winston Churchill: *"Nếu tôi có thể nhắc lại lịch sử, vì chúng ta đã không ngăn chận Hirohito, Mussolini, Hitler ...cho nên đã dẫn tới một thảm kịch bi đát và một sự nguy hiểm tuyệt vọng trong mấy năm sau"*. Cũng như sau này, TT Johnson cũng nhận xét: (1) "*Hèn nhát đã đưa chúng ta vào nhiều cuộc chiến hơn là trả đũa,"* và *"nếu như Hoa kỳ đã mạnh dạn hơn ngay từ đầu thì đã tránh được Thế Chiến I và II); và* (2) *"Ước mong của chúng ta để giới hạn cuộc chiến đã bị coi là mở đầu cho việc đầu hàng."*[17]].

> "Tuy nhiên, sự kiện này làm nổi bật một điều: nếu để Miền Nam Việt Nam trở thành Cộng sản thì sẽ có hậu quả lớn đối với không những Á châu mà cả thế giới, trong đó cuộc chiến ở **Nam Việt Nam đã được coi là một trường hợp trắc nghiệm** khả năng của Hoa kỳ yểm trợ một quốc gia đương đầu với loại "chiến tranh giải phóng" của Cộng sản." [Độc giả nhớ lại là TT Kennedy đã chọn Việt Nam như một trắc nghiệm để làm "nơi đọ sức với Liên Xô về chiến tranh du kích, chiến tranh giải phóng" – xem Chương 16].

Huấn lệnh NSAM 288 đưa ra 12 biện pháp mạnh về quân sự gồm cả việc chuẩn bị để tức khắc trong 72 giờ sau khi có lệnh là có thể bắt đầu toàn diện những hành động để bảo vệ vùng biên giới của Miền Nam với Lào và Miên; và nội trong 30 ngày được thông báo, có thể bắt đầu ngay một kế hoạch "Áp lực quân sự công khai và từng bước đối với Bắc Việt."

Về nỗ lực của Hoa kỳ để yểm trợ vật chất cho Miền Nam, chương trình hành động trù liệu: "Sẽ làm cho sáng tỏ là ta đang chuẩn bị để cung ứng cho Miền Nam Việt Nam viện trợ và hỗ

trợ bất cứ là bao lâu cần thiết để chận đứng những hoạt động nổi dậy."[18]

Tư Lệnh mới, Đại sứ mới

Quyết sách mùa Xuân, 1964 thì như vậy, tới hè thì Hoa kỳ thay đổi nhân sự với đầy đủ uy tín sang Việt Nam để thi hành chính sách mới:

Tháng 6, Tướng William Westmoreland sang thay Tướng Paul Harkins. Tướng Westmoreland có nhiều kinh nghiệm trong Thế Chiến II. Lúc mới 42 tuổi (vào năm 1956) ông lên trung tướng trẻ nhất của bộ binh Hoa Kỳ và đã từng giữ chức Giám thị (superintendent) của trường Huấn Luyện West Point.

Tháng 7, 1964, chính Tổng Tham Mưu Trưởng, Tướng Maxwell Taylor sang thay Đại sứ Lodge (ông này về Mỹ vận động tranh cử cùng với ông Nixon). Tài liệu BQP bình luận: "Việc bổ nhiệm một Tổng Tham Mưu Trưởng sang làm Đại sứ ở Miền Nam cùng với một Phó Đại sứ là U. Alexis Johnson, một cựu Thứ Trưởng Ngoại giao lại đã từng làm Đại sứ ở Thái Lan phản ảnh việc Hoa kỳ coi cam kết của mình ở Vùng Biển Đông càng ngày càng quan trọng. Ngoài ra TT Johnson lại còn trao cho ông tân đại sứ quyền hạn hết sức đặc biệt:

> "*Đại sứ Taylor quý mến,*
>
> *"Vào lúc ông sang điều khiển những cố gắng của Hoa Kỳ tại Miền Nam Việt Nam, tôi muốn chính thức bày tỏ không những sự tin tưởng mà cả sự mong muốn của tôi là ông có đầy đủ và được thi hành trách nhiệm bao quát về những nỗ lực của chính phủ Hoa Kỳ tại Miền Nam... Đặc biệt, tôi muốn ông hiểu rằng trách nhiệm ấy bao gồm cả nỗ lực quân sự, và trao cho ông mức độ chỉ huy và điều khiển như ông thấy thích hợp..."*

Làn sóng ngầm nổi lên ở Biển Đông

Vừa mới sắp xếp những viên chức uy tín vào hàng nhất

sang Sàigòn để thi hành một kế hoạch quân sự mạnh mẽ thiết lập với mục đích giữ an ninh vùng Biển Đông thì một làn sóng ngầm ở nơi đây đã nổi lên.

Ngày 31 tháng 7, 1964 tầu khu trục USS *Maddox* trong kế hoạch De Soto đã vượt quá vỹ tuyến 17 chạy về hướng bắc. Lúc ấy con tầu này đang hoạt động trong khuôn khổ một kế hoạch tuần tiễu tại Vịnh Bắc Việt với mật hiệu là *"De Soto"* (bắt đầu từ năm 1962) để thu thập dữ liệu về rađa và giải mã hệ thống thông tin của Miền Bắc. Tầu này tiến gần sát 6 tầu siêu tốc của Hải quân VNCH đang phóng về phía nam sau khi bắn phá những căn cứ trên một nhóm hòn đảo trong khuôn khổ của đặc vụ OPLAN 34-A. Ra đa Bắc Việt đã theo dõi tầu Maddox. Theo tác giả Mark Moyar trong cuốn *Triumph Forsaken*, thoạt đầu, Bắc Việt chưa muốn tấn công, nhưng sau cùng thì cho ba chiếc tầu phóng ngư lôi P-4 ra khơi. Qua thông tin thu được từ hệ thống truyền tin Bắc Việt, khu trục hạm *Maddox* cũng đã biết trước sắp có tấn công nên đã tăng tốc độ lên 25 knots, nhưng tầu phóng lôi chạy tới 52 knots. Khi chỉ còn cách tầu *Maddox* 10 hải lý, ba tầu này phóng ngư lôi và bắn súng máy. Maddox bắn trả và gọi máy bay F-8E Crusaders từ chiến hạm *Ticonderoga* tới oanh tạc. Kết quả là một tầu P-4 bị chìm và hai bị hư hại.[19]

Tại Washington, TT Johnson chưa muốn trả đũa vì nghi rằng có thể chỉ là hành động của hải quân Bắc Việt ở địa phương thấy tầu vào là bắn chứ không phải lệnh từ Hà Nội. Bởi vậy ông chỉ cho phép tầu Maddox tiếp tục tuần tiễu, nhưng tăng cường bằng tầu *Turner Joy* được yểm trợ bằng không lực. Đồng thời ông gửi công hàm cảnh cáo Bắc Việt và gọi điện nóng cho Thủ tướng Liên Xô Nikita Kruschev.[20]

Ngày 3 tháng 8, hai tầu *Maddox* và *Turner Joy* đã ở trong vùng Vịnh Bắc Việt, giữa Thanh Hóa và Vinh. Lúc đó rađa của Bắc Việt lại đang canh chừng những hoạt động của Hải quân VNCH trong khuôn khổ hành quân Oplan 34A đánh phá các trạm rađa ở Vinh sơn và Mũi Rọn, khoảng 100 dặm về phía Nam khu vực tuần tiễu của hai chiến hạm Mỹ.[21]

Ngày 4 tháng 8, khoảng 7 giờ tối tầu *Maddox* báo cáo dường

như sắp có một cuộc tấn công; chuyên viên xô-na báo cáo có ngư lôi, đồng thời một vài thủy thủ trên tầu *Turner Joy* báo cáo có nhìn thấy dấu vết ngư lôi bên trái tầu. Hạm trưởng cả hai tầu báo cáo bị tấn công, sau đó bắt đầu bắn hàng trăm viên đạn vào những mục tiêu vô hình trong đêm tối. "Điểm lại hoạt động cho thấy những tiếp xúc và bắn phá có vẻ như đáng nghi ngờ," hạm trưởng John J. Herrick báo cáo ngay sau biến cố này. Ông cũng đề nghị xem xét lại trước khi có hành động mới. Sau này, có nhiều nghi vấn là tàu Bắc Việt tấn công lần thứ hai đã có thực sự xảy ra hay không? Cũng theo Moyar, "những thông tin mới nhất cho thấy là những tín hiệu tình báo lúc ấy đã không chính xác và cuộc tấn công lần thứ hai đã thực sự không có."[22]

Dù sao ngay sau đó, khi có tin bị tấn công hai lần trong ba ngày, Tổng thống Johnson đã phản ứng mạnh. Kế hoạch trả đũa 'ăn miếng trả miếng' gọi là "*Pierce Arrow*" (Mũi tên Xuyên) được bắt đầu từ 1 giờ trưa ngày 4 tháng 8 do các phi vụ từ hai hàng không mẫu hạm *Ticonderoga* và *Constellation* oanh tạc các căn cứ tầu tuần duyên của Bắc Việt tại Hòn Gai, Lộc Chao, Phúc Lợi, Quảng khê và kho nhiên liệu ở Vinh.[23]

Đến lượt Quốc Hội Mỹ xác định:

"An ninh vùng Biển Đông là tối quan trọng đối với quyền lợi quốc gia."

TT Johnson viết lại trong hồi ký: "Ngay từ khi lên chức tổng thống, tôi đã quyết tâm để làm sao tôi có được sự ủng hộ đầy đủ nhất của Quốc hội nhằm hỗ trợ bất cứ hành động mạnh mẽ nào của tôi. Khi xem xét khả năng phải nới rộng nỗ lực của chúng ta ở Việt Nam, những đề nghị để tôi có được một nghị quyết của quốc hội đã trở nên một phần của công việc thường xuyên, nhưng tôi đã không yêu cầu (quyết định này) vì vẫn còn hy vọng là có thể giới hạn vai trò của chúng ta ở Việt Nam." Nhưng bây giờ thì đã tới lúc TT Johnson hành động.Vào lúc 6 giờ 7 phút chiều ngày 4 tháng 8, ông ra lệnh bắt đầu cuộc oanh tạc Bắc Việt. Ngay sau đó - lúc 6 giờ 45 phút - ông đã họp ngay

với 18 lãnh đạo Quốc hội của cả hai đảng để nói về ý định trả đũa của ông và yêu cầu ủng hộ. Ba ngày sau, Quốc hội đã đồng nhất chấp thuận một nghị quyết quan trọng nới rất rộng quyền hành của tổng thống. Toàn thể hạ viện bỏ phiếu thuận, số phiếu tại Thượng viện là 88 thuận trên 2 chống. Hai nghị sĩ chống đều là Dân chủ, Wayne Morse (Oregon) và Ernest Gruening (Arkansas). Nghị quyết này đánh dấu một bước ngoặt lịch sử quan trọng trong cuộc chiến. Tài liệu Bộ QP bình luận: "Quốc hội đã đột nhiên 'viết cho tổng thống một tấm ngân phiếu đã ký sẵn' (a blank check), và nhân dân Hoa kỳ cũng đều đồng ý, không có bàn luận, chống đối gì. Hãng thăm dò ý kiến Louis Harris tính ra là 85% nhân dân ủng hộ việc oanh tạc trả đũa. Sau đây là tóm tắt 'Nghị quyết Vịnh Bắc Việt':

Thượng Viện và Hạ Viện của Hợp Chủng Quốc Hoa kỳ quy tụ tại Quốc hội cùng nhau biểu quyết

- **Rằng Quốc hội chấp thuận và ủng hộ sự quyết tâm của Tổng thống, với tư cách Tổng Tư Lệnh, áp dụng mọi biện pháp cần thiết để đẩy lui mọi cuộc tấn công bằng vũ khí chống những lực lượng của Hoa kỳ và để phòng ngừa sự gây hấn tiếp diễn;**

- **Hoa kỳ coi sự duy trì nền hòa bình thế giới và an ninh ở Đông Nam Á là tối quan trọng đối với quyền lợi quốc gia của mình. Để phù hợp với Hiến pháp Hoa kỳ, Hiến chương Liên Hiệp Quốc và theo đúng những trách nhiệm của mình trong Hiệp ước Liên phòng Đông Nam Á (SEATO), Hoa kỳ sẵn sàng, theo quyết định của Tổng thống, áp dụng mọi biện pháp cần thiết, gồm cả việc sử dụng võ lực, để trợ giúp bất cứ quốc gia thành viên hay cam kết nào của Hiệp ước Liên phòng Đông Nam Á có yêu cầu xin trợ giúp để bảo vệ nền tự do của mình.**

Như vậy, biến cố Vùng Vịnh đã cho chính phủ có được một Quyết Nghị ủng hộ rộng rãi của Quốc hội dẫn đến một cuộc

phối trí lực lượng quân sự Hoa kỳ mau chóng và đáng kể tại tiền phương ở Đông Nam Á. Thực ra, theo tác giả Leslie H. Gelb, trưởng toán đúc kết tài liệu Bộ Quốc Phòng thì khi chấp thuận Nghị quyết này, Quốc Hội đã không biết về sự kiện là lúc ấy đang có những hoạt động về đặc vụ Oplan 34-A ở trong khu vực ngay gần tầu *Maddox* nên có khả năng là Bắc Việt cho rằng tầu này là một phần của đặc vụ này.[25]

Sau vụ oanh tạc, cả Trung Quốc lẫn Liên Xô cũng không có phản ứng gì đáng kể. Biến cố Vịnh Bắc Việt ngày 4-5 tháng 8 khơi mào cho cuộc oanh kích trả đũa lần đầu tiên của Hoa kỳ tại Bắc Việt. Bộ Quốc Phòng Mỹ phân tích rằng cuộc oanh kích này đã phản ảnh một bước ngoặt, đó là Hoa Kỳ đã bước qua một cái ngưỡng cửa quan trọng trong việc leo thang chiến tranh vì nó đặt ra tiền lệ cho việc oanh tạc Miền Bắc mà hầu như không gặp một sự chỉ trích nào trong nước.

***

TT Johnson đại thắng bầu cử 1964

Vì TT Johnson đã tỏ ra cứng rắn trong biến cố vùng Vịnh, lại được cả lưỡng viện Quốc Hội Hoa Kỳ ủng hộ tối đa, quân đội Mỹ cũng chưa tham chiến trực tiếp nên mọi chuyện tốt đẹp giúp ông đại thắng trong cuộc bầu cử ngày 20 tháng 11, 1964. Ông nhận được tới 61% số phiếu, thắng 16 triệu phiếu và được sự ủng hộ của tất cả trừ 6 tiểu bang. Đây là một trong những thắng cử lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ. Thêm vào đó, đảng Dân Chủ lại chiếm đại đa số trong cả hai viện quốc hội. Vậy là bây giờ TT Johnson đã có đầy đủ quyền hành.

Cuối năm, 1964, dù sau khi đã thắng cử, TT Johnson cũng vẫn còn chưa muốn leo thang chiến tranh mặc dù có một biến cố thứ hai nhắm vào người Mỹ. Đó là 'biến cố Khách sạn Brink' nơi cư ngụ của các sĩ quan độc thân Mỹ. Thực ra theo phân tích sau này thì một trong mục tiêu đánh bom khách sạn là để sát hại tài tử nổi tiếng Bob Hope trong chuyến đi giúp vui cho quân đội vào dịp Giáng sinh. May mắn cho ông này

và đoàn của ông vì họ bị chậm trễ ở phi trường nên chưa tới khách sạn. Nghe báo cáo, TT Johnson vẫn tiếp tục giữ một thái độ tự chế, vì như ông đã nói, ông vẫn còn hy vọng có thể giới hạn cuộc chiến.[26] Nhưng rồi biến cố Pleiku đã thay đổi hẳn lập trường của ông.

Pleiku khai hỏa

Nếu như vào mùa xuân năm 1975, cuộc rút quân khỏi Pleiku đã mở đầu cho những diễn tiến dẫn tới sụp đổ, thì mười năm trước đó, vào mùa xuân 1965, cũng chính Pleiku đã khai hỏa một cuộc chiến với sự tham dự trực tiếp của quân lực Hoa Kỳ. Vào lúc 2:00 giờ sáng ngày 7 tháng 2, 1965, khi chấm dứt năm ngày ăn mừng Tết, doanh trại cố vấn Mỹ ở Pleiku và một căn cứ trực thăng ở trại *Holloway* cách đó khoảng bốn dặm bị tấn công. Trong số 137 quân nhân Mỹ ở căn cứ này thì 9 người bị tử thương và 76 người bị trọng thương. Những tổn thất về thiết bị cũng rất nặng nề: 16 trực thăng và 6 máy bay các loại khác bị hư hại. Đó là cuộc tấn công lớn nhất từ trước đến nay chống lại các cơ sở của Mỹ tại miền Nam Việt Nam.[27] Nó đã khởi động một quyết định mau lẹ của Tổng thống Johnson để trả đũa. Ông nhóm họp Hội Đồng An Ninh Quốc Gia:

> **"Tôi đã gác khẩu súng ở phía trên lò sưởi và cất đạn ở dưới hầm nhà từ lâu rồi,"** Tổng thống Johnson kết luận, **"nhưng địch quân đang giết hại người của ta, và tôi không thể mong đợi người của ta tiếp tục thi hành nhiệm vụ nếu không cho phép họ có những biện pháp để tự bảo vệ lấy mình."** Ông thêm rằng **"hèn nhát đã đưa chúng ta vào nhiều cuộc chiến hơn là trả đũa,"** và **"nếu như Hoa kỳ đã mạnh dạn hơn ngay từ đầu thì đã tránh được Thế Chiến I và II.**[28]

Rồi từ đó, cuộc chiến leo thang thật nhanh. Ngày 17 tháng 4, 1965, ông tuyên bố:

"Chúng tôi sẽ ở lại Miền Nam bao nhiêu lâu còn cần thiết."

(Cũng giống như Tổng thống George Bush thường tuyên bố về chính sách đối với Iraq "*We will stay the course.*").

Vẫn đi tìm hòa bình

Tuy nhiên, ông vẫn nói tới ý định thực sự của mình là đi tìm hòa bình: "*Tôi yêu cầu quý vị ủng hộ đường lối hành động căn bản của ta, đó là chống lại cuộc xâm lăng, nhưng* ***tiết chế việc dùng võ lực, và luôn luôn đi tìm hòa bình***."[29]

Mà thật vậy, một mặt thì TT Johnson leo thang chiến tranh nhưng cùng một lúc ông cũng leo cả thang hòa bình. Lý do là vì ông thực sự muốn tập trung vào một cuộc chiến khác ngay tại nước Mỹ, đó là 'Cuộc chiến với sự nghèo khó' ("War On Poverty') như ông đã hứa với nhân dân Mỹ lúc ra tranh cử. Ít người biết tới tham vọng của ông muốn giúp Việt Nam phát triển kinh tế và xã hội. Tại Đại học John Hopkins (Baltimore) ngày 7 tháng 4, 1965 ông tuyên bố đã sẵn sàng để viện trợ một tỷ đôla (số tiền rất lớn vào thời điểm ấy) để phát triển vùng Đông Nam Á gồm cả Nam và Bắc Việt. Ông thêm

> **"Tôi còn có ý định khai triển và thực hiện mau lẹ một chương trình cung cấp những nông phẩm thặng dư của chúng tôi để trợ giúp những người nghèo khó ở Á châu được cơm no áo ấm. Chúng tôi không thể để ai đói rách trong khi những kho chứa của chúng tôi tràn đầy lúa mì, bắp, gạo, và bông gòn."**

Sử gia Walter LeFeber cũng ghi lại tâm sự TT Johnson:[30]

> **"Tôi muốn để lại dấu vết của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Tôi muốn người Việt Nam nói 'Đây là những công trình người Mỹ đã để lại cho chúng tôi – trường học, bệnh viện, đập nước...' Chúng ta có thể biến đổi Đồng bằng Cửu Long thành một Thung lũng Tennessee."**

[Chúng tôi cũng xin mở ngoặc ở đây để chia xẻ với độc giả

là khi theo rõi bài diễn văn của TT Johnson trên tivi vào ngày 7 tháng 4, 1965 thấy ông nói đến hòa bình và phát triển kinh tế, chúng tôi tràn đầy hy vọng, mơ ước đến ngày phát triển trong hòa bình. Lúc ấy là giữa một thập niên được Liên Hiệp Quốc tuyên dương là 'Thập Niên của Phát Triển' (Decade of Development). Các quốc gia ở Á Châu – trừ Trung Quốc- đang có những bước tiến thật nhanh.]

Thực tâm của TT Johnson đi tìm hòa bình được phản ảnh bằng những cố gắng vừa công khai vừa kín đáo để thương thuyết với chính phu VNDCCH như chúng tôi đề cập trong cuốn 'Tâm Tư Tổng thống Thiệu,' được tóm tắt trong bảng ở cuối chương.

Như vậy là không phải chỉ đến thời TT Nixon mới có đàm phán về hòa bình. Tuy nhiên có sự khác biệt lớn lao: dưới thời TT Johnson, mục tiêu đi tìm hòa bình được nối kết giữa những cố gắng của cả chính phủ Hoa Kỳ, cả đồng minh của Hoa Kỳ và Liên Hiệp Quốc. Đến thời Nixon thì mục tiêu này chỉ do mình ông Henry Kissinger đeo đuổi trong vòng bí mật để rồi cuối cùng thì che dấu sự thất bại toàn diện bằng một hiệp định. Cái tài giỏi của ông là đã bịp được cả thế giới để đổi bại thành thắng.

***

Trong thập niên 1960, vì không thành công trên đường đi tìm hòa bình, TT Johnson đã tiếp tục cuộc chiến ngày một rộng lớn, vì như ông đã nói: "*Tôi sẽ không là tổng thống đầu tiên để cho Đông Nam Á sụp đổ giống như Trung Hoa Quốc gia đã sụp đổ.*" Ngày 28 tháng 7, 1965 ông lên tivi nói với quốc dân về 'con đường khó khăn và thật dài vẫn còn đó và có thể cần ca đến những tháng, những năm hay cả những thập niên' để chiến thắng Cộng sản và giữ được một Miền Nam độc lập:[31]

"Tôi đã hỏi Tư lệnh chiến trường, Tướng Westmoreland xem ông cần thêm gì nữa để chận đứng cuộc xâm lăng đang tăng mạnh. Ông ta đã trả lời và ta sẽ đáp ứng nhu cầu của ông ta. Chúng ta không thể bị bại trận bởi võ lực. Chúng ta sẽ chiến đấu ở Việt Nam."

Khi tuyên bố như vậy, dù không tiết lộ ra nhưng TT Johnson cũng đã biết trước là có thể cần tới 600,000 quân và từng tỷ đôla để chiến thắng.[32] Quyết định của ông là số quân đội cần thiết sẽ được điều động vào Miền Nam bất cứ khi nào Tướng Westmoreland yêu cầu. Sau này trong cuốn hồi ký 'The Vantage Point', TT Johnson viết về quyết định quan trọng của ông vào tháng 7, 1965:[33]

"Khi ấy chúng ta đã thực sự nhảy vào cuộc chiến ở Việt Nam rồi."

Tuy nhiên, như đã đề cập trên đây, ông vẫn tiếp tục đeo đuổi mục tiêu đi tìm hòa bình qua nhiều trung gian. Trong thời gian gần 2 năm (từ tháng 4, 1965 tới tháng 2, 1967, tất cả có tới 20 đề nghị đàm phán (xem Bảng). Vì không thành công trong hòa bình nên ông lại leo thang chiến tranh cho đến khi giã từ vũ khí.

Sau biến cố Mậu Thân, ông quyết định không ra tranh cử nhiệm kỳ hai, rồi tập trung giúp Phó TT Humphrey tranh cử với ông Nixon. TT Thiệu đánh ván bài liều giúp ông Nixon thắng cử.

Cuốn sách *'Khi Đồng Minh Tháo Chạy'* bắt đầu từ thời điểm này.

Tóm tắt những đề nghị đàm phán (1965-1967) thời Tổng thống Lyndon B. Johnson.(4)

1965

Tháng 4, 1965:	Qua trung gian chính phủ Ấn Độ;
Tháng 4, 1965:	Qua trung gian Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc (LHQ) U Thant;
Ngày 12-17 tháng 5, 1965:	Ngưng oanh tạc và thông báo cho Hà Nội mục đích là để Hà Nội đáp ứng;
Tháng 6, 1965	Qua trung gian Thủ tướng Anh Wilson
Tháng 7, 1965	Phái đoàn Harold Davies, Đại diện Commonwealth Anh tiếp theo đề nghị của Thủ tướng Wilson
Ngày 28 tháng 7, 1965	TT Johnson gửi thư cho Tổng thư ký LHQ U Thant yêu cầu các thành viên và chính Liên Hiệp Quốc hỗ trợ đàm phán hòa bình
Ngày 30 tháng 7, 1965	Đại sứ Hoa Kỳ tại LHQ, ông Goldberg gửi thư cho Hội đồng Bảo An LHQ đặt trách nhiệm và yêu cầu Hội đồng hỗ trợ lập trường đàm phán vô điều kiện của Hoa Kỳ.
Ngày 1, tháng 8, 1965	Đề nghị của hai chính phủ Ấn Độ và Yugoslavia đề nghị tái họp Hội nghị Geneva.
Ngày 9, tháng 12, 1965	Đề nghị của chính phủ Anh đề 12 quốc gia (đã tham dự Hội nghị Geneva 1954 cùng với thành viên Ủy Hội Quốc tế Kiểm soát đình chiến) thuyết phục Hà Nội ngưng bắn và điều đình; TT Johnson tuyên bố hưởng ứng đàm phán vô điều kiện.
Ngày 19, tháng 12, 1965	Đức Giáo Hoàng Paul VI đề nghị tạm ngưng chiến vào dịp Giáng sinh để hai bên tìm cách ngồi vào bàn hội nghị. Tòa Bạch Ốc tuyên bố hưởng ứng.

1966

Tháng 12, 1965 tới tháng 1, 1966	Hoa Kỳ ngưng oanh tạc Bắc Việt ngày 24 tháng 12 và gửi 6 Phái đoàn của Tổng thống đi 34 thủ đô để liên lạc với 115 chính phủ giúp thương thuyết; thời gian ngưng bắn kéo dài 36 ngày và 15 giờ
Tháng 6, 1966	Phái đoàn ông Chester Ronning do chính phủ Canada gửi đi Hà Nội.
Tháng 8, 1966	Hội nghị Á Châu: Ngoại trưởng Thái Lan, Mã lai Á, Phi Luật Tân đề nghị họp 17 nước Á châu mời các bên tham chiến tới hòa đàm
Ngày 31, tháng 8, 1966	Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc (LHQ) U Thant đề nghị giải pháp ba bước tiến tới hòa bình
Ngày 19, tháng 12, 1966	Đại sứ Hoa Kỳ tại LHQ, ông Goldberg gửi thư cho Tổng thư ký Liên Hiệp Quốc (LHQ) U Thant đề nghị theo tinh thần của Giáo Hoàng Paul VI
Ngày 30, tháng 12, 1966	Ngoại trưởng Anh, ông Brown đề nghị họp ba chiều: Hoa Kỳ, Chính phủ VNDCCH và chính phủ VNCH

1967

Ngày 8-13 tháng 2, 1967 – Tết	Hoa Kỳ ngưng oanh tạc 5 ngày và 18 giờ, thông báo một số đề nghị về hòa bình
Ngày 8-13 tháng 2, 1967	Tổng thống Johnson viết thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh.
Ngày 8 tháng 2, 1967	Tổng thống Johnson viết thư cho Đức Giáo Hoàng Paul VI nhờ yểm trợ nỗ lực hòa bình nhân dịp ngưng bom vào dịp Tết
Ngày 15 tháng 2, 1967	Chủ Tịch Hồ Chí Minh viết thư trả lời thư TT Johnson.

Ngày 22/11/1963 Phó TT Johnson tuyên thệ trước Chánh Án Sarah T. Hughes trên máy bay trước khi cất cánh bay từ Dallas về Washington.
(Hình: "nypost.com")

TT Johnson họp bàn với các cố vấn về cuộc chiến Việt Nam. Bên phải ông là Ngoại Trưởng Rusk, bên trái là Bộ Trưởng Quốc Phòng McNamara. (Hình: LBJ Library)

Những binh sĩ tác chiến đầu tiên đổ bộ vào Đà Nẵng (3/1965). (Hình: Larry Borrows/LIFE Magazine)

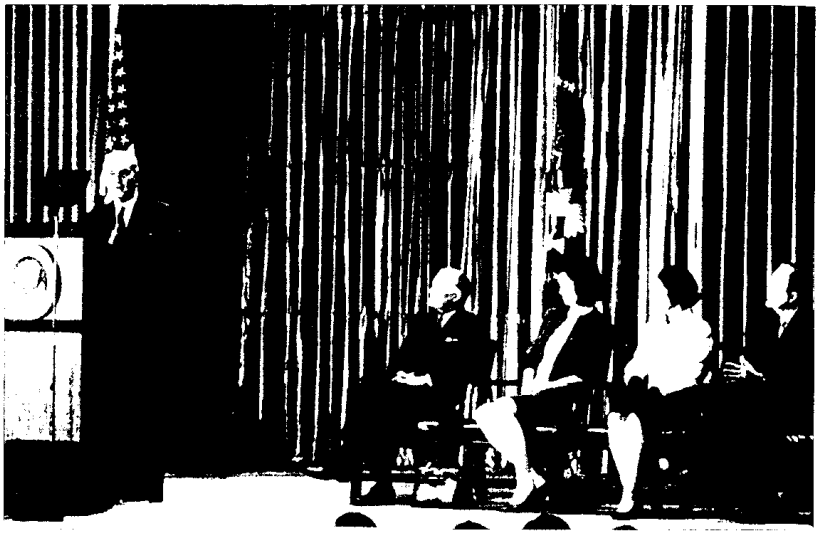

Tháng 4, 1965: Ngay sau khi cho đổ bộ Đà Nẵng, TT Johnson diễn thuyết tại Đại học John Hopkins kêu gọi đàm phán hòa bình, đề nghị viện trợ kinh tế để tái thiết cả Bắc và Nam Việt Nam. (Hình: UPI)

Ngày 31/3/1968, TT Johnson tuyên bố không ra ứng cử nhiệm kỳ II, tập trung giúp Phó Tổng Thống Humphrey ra tranh cử. (Hình: LBJ Library và báo Chicago Tribune)

PHẦN VII

CẬP NHẬT CUỐN "KHI ĐỒNG MINH THÁO CHẠY"

CHƯƠNG 24

Trung Quốc Thoát Vòng Vây Liên Xô Nhờ Nixon - Kissinger

Năm 1969 TT Nixon lên kế vị TT Johnson. Là người chống cộng nổi tiếng, ông đã từng tuyên bố "*Cuộc chiến ở Việt Nam là một sự đương đầu - chẳng phải là giữa Việt Nam Cộng Hòa và Việt Cộng hay là giữa Hoa Kỳ và Việt Cộng - mà chính là giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng.*" Bây giờ trong cương vị tổng thống, ông cho là có thể hòa hoãn được với Bắc Kinh để đôi thù thành bạn. Cố vấn Kissinger giải thích: "Việc mở cửa Trung Quốc có thể sẽ giúp chúng tôi chấm dứt được nỗi đau đớn của chiến tranh Việt Nam." Vấn đề là làm sao có thể hòa hoãn được? Chủ tịch Mao đã từng nói "chủ nghĩa đế quốc Mỹ là kẻ thù hung ác nhất của nhân dân toàn thế giới": hận thù đối với nước Mỹ thật là sâu đậm.

Nhưng rồi hoàn cảnh thay đổi: từ những xung đột với Ấn Độ đến những tranh chấp về lãnh thổ với Liên Xô, Trung Quốc đã lâm vào một tình huống khó khăn. Tới năm 1969 sự tranh chấp đã dẫn tới những trận giao tranh lớn. Moscow xoay trục, chuyển thật nhiều quân từ Đông Âu tới vùng biên giới. Sau đó lại có tin Liên Xô sẽ oanh tạc căn cứ thử nghiệm nguyên tử của Trung Quốc. Như vậy, "Liên Xô đã trở nên mối đe dọa lớn lao nhất đối với TQ" ông Kissinger bình luận, "và TQ đang muốn có được một bao đảm chiến lược, một sự nới lỏng vòng vây của Liên Xô."

Rút cuộc, khi lâm nguy Trung Quốc đã đến với Hoa Kỳ và hai ông Nixon - Kissinger đã nồi vòng tay lớn để tiếp cứu. Mọi việc làm trong vòng bí mật, không tham khảo với chính phủ, Quốc Hội để tính toán cho kỹ lưỡng những bước đi trong tiến trình xoay ngược thế cờ. Mở được cửa Bắc Kinh rồi thì đóng cửa Sàigòn lại ngay, vì Việt Nam không còn phải là địa điểm chiến lược nữa: Trung Quốc đã trở thành người bạn đồng hành.

Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã phải trả một cái giá cho những hành động vội vàng, thiếu khôn ngoan của hai ông Nixon và Kissinger. Bốn mươi năm sau, ta mới thấy cái giá ấy nó đã đắt đỏ như thế nào.

Vào lúc 7 giờ 30 tối ngày 15 tháng 7, 1971 trên đài truyền hình NBC ở Burbank (California), Tổng thống Nixon loan báo một tin quan trọng. Ông tuyên bố sẽ đi thăm viếng Trung Quốc vào đầu năm tới, đồng thời tiết lộ về chuyến đi Bắc Kinh bí mật của Cố vấn Henry Kissinger để sắp xếp cuộc viếng thăm này. Lên tivi xong, Tổng thống và đoàn tùy tùng kéo nhau tới nhà hàng lịch sự Perino để ăn mừng. Mọi người hân hoan nâng ly chúc tụng. TT Nixon viết lại trong Hồi Ký: "*Tôi chỉ nói có ba phút rưỡi, nhưng những lời tôi nói đã mang đến sự ngạc nhiên lớn lao nhất về ngoại giao trong thế kỷ này.*" [1] Thật vậy, ngạc nhiên nhất là đối với các đồng minh của Hoa Kỳ đã không được tham khảo trước. Tại Sàigòn, Tổng thống Thiệu hết sức bàng hoàng. Đúng hai tháng sau, ông mời chúng tôi từ Washington D.C. về gặp ông tại Dinh Độc Lập. Ngồi đối diện nhau lần đầu tiên, ông liền hỏi ngay:

- "*Ông là giáo sư ở Mỹ, theo ông thì người Mỹ đang làm trò gì đây?*" (vì chưa quen biết nên TT Thiệu gọi chúng tôi bằng "ông." Sau này thì gọi bằng "anh").

- "*Thưa Tổng thống, tôi nghĩ họ đang bỏ rơi mình rồi,*" chúng tôi trả lời.

TT Thiệu trừng trừng nhìn chúng tôi, có vẻ như giật mình về câu đáp thẳng thừng này. Câu chuyện tiếp theo xoay quanh đề nghị của chúng tôi về việc điều đình hiệp thương với Miền Bắc như một bước đầu để tiến tới thống nhất trong hòa bình.

Về diễn tiến "Mở Cửa Bắc Kinh, Đóng Cửa Sài gòn" thì chúng tôi đã đề cập tới trong cuốn sách *Tâm tư Tổng Thống Thiệu*. Chúng tôi có viết: "Ngay từ 1969, năm đầu tiên của nhiệm kỳ, Tổng thống Nixon đã nhắn nhủ Bắc Kinh qua mối lái." Chính TT Nixon cũng viết trong Báo cáo Năm 1972 gửi Quốc Hội Hoa Kỳ: "*Vào tháng Giêng, 1969 khi vừa nhận chức tổng thống tôi đã tin chắc rằng chính sách đối với Trung Quốc sẽ phải là một phần cốt yếu của chính sách ngoại giao mới của Hoa kỳ.*" Như vậy có nghĩa là chính TT Nixon đã có sáng kiến muốn hòa hoãn với Trung Quốc. Tại sao như vậy? Là vì: "*Trung quốc và Hoa kỳ chia sẻ nhiều quyền lợi song hành và có thể cùng nhau hành động để làm cho đời sống của nhân dân*

hai nước thêm phong phú."[2]

Nhưng về phía Trung Quốc, sự hận thù của Bắc Kinh đối với Washington thì đã sâu đậm từ trên hai thập kỷ. Trung Quốc gọi Hoa Kỳ là "con cọp giấy", là "chúa trùm đế quốc." Ông Mao Trạch Đông còn tuyên bố *"Chủ nghĩa đế quốc Mỹ là kẻ thù hung ác nhất của nhân loại."* Câu hỏi đặt ra là tại sao Chủ tịch Mao lại đáp ứng sáng kiến của TT Nixon, con người 'diều hâu' chống cộng có tiếng?

Và một câu hỏi nữa: tại sao hai bên lại tính chuyện giao hảo vào năm 1969?

Ngày nay, nhờ có thêm được những tài liệu giải mật của 'National Security Archive' nên chúng tôi mới hiểu rõ được đầu đuôi câu chuyện. Đó là: vào lúc Trung Quốc gặp phải một hoàn cảnh cực kỳ hiểm nghèo – bắt đầu từ mùa Xuân 1969 với những xung đột về biên giới với Liên Xô – ông Mao đã đến với Mỹ. Thời điểm này nhằm ngay lúc TT Nixon vừa đăng quang. Tân tổng thống đã muốn có được một thành tích vẻ vang về ngoại giao cho sớm. Ý muốn của ông lại trùng hợp với chiến lược của Cố vấn Kissinger là thiết lập một 'trật tự an ninh mới' cho thế giới dựa vào ba cái trục 'Tripolarity': Hoa Kỳ, Liên Xô và Trung Quốc. Cho nên hai ông đã nắm ngay lấy cơ hội để đánh ván bài 'China Card' giúp cho Trung Quốc thoát được đại họa bị Liên Xô tấn công bằng nguyên tử, rồi khai thác sự tranh chấp Trung – Xô, nối tay với Trung Quốc để cân bằng sự đe dọa của Liên Xô. Ván bài này mở thật rộng cánh cửa cho Bắc Kinh, đem tới cho Trung Quốc cơ may là tiếp thu được những khối lượng tư bản lớn lao, và hầu như toàn bộ kỹ thuật của Mỹ, Âu Châu và Nhật Bản. Ngày nay thì Trung Quốc đã trở thành một cường quốc và hết còn nối tay với Mỹ. Cái nghịch lý là Trung Quốc lại đang lật ngược thế cờ để đánh ván bài 'Russian Card': khai thác sự căng thẳng giữa Nga - Mỹ, nối tay với Nga Xô để cân bằng sức mạnh của Mỹ tại Á Châu.

Tài liệu ***National Security Archive*** về những diễn tiến hậu trường vào năm 1969 có tới 28 văn kiện, gồm các báo cáo của CIA, Bộ Ngoại Giao Mỹ, các tòa đại sứ hay lãnh sự Mỹ gửi về Washington từ Hồng Kông, Đài Loan, Teheran (Iran),

Moscow, Pháp, Liên Hiệp Quốc về tác động của sự căng thẳng Trung – Xô đối với việc hai bên xích lại gần nhau. Chúng tôi tóm tắt những gì đã nghiên cứu thêm từ hồi ký ông Kissinger cùng với những điểm chính của tài liệu này như sau:

Bối cảnh: Tranh chấp muôn đời giữa Trung - Xô về lãnh thổ [3]

Tranh chấp về lãnh thổ ở biên giới Trung-Xô dài tới 4.380 cây số (2,738 miles) thì đã âm ỷ từ lâu. Vào khoang năm 1900 Nga Hoàng và Nhà Thanh phải ký một thỏa thuận gọi là "*Hiệp ước Bắc Kinh*" để giải quyết vấn đề. Nhưng Trung Quốc rất ấm ức, cho rằng hiệp ước này thiếu công bình, và Nga Hoàng đã thừa lúc nhà Thanh quá yếu chiếm đoạt một phần lãnh thổ của Trung Quốc ở Miền Siberia. Tuyến phân chia lãnh thổ gồm ba con sông: Sông Argun, Sông Amur và Sông Ussuri. Tại sông Ussuri, vạch chia ranh giới lại được vẽ về phía tay phải, gần Trung Quốc, có nghĩa là Nga Hoàng đã sát nhập các hòn đảo trên con sông này vào lãnh thổ của Nga. Tuy nhiên, từ năm 1950 hai nước đã cố gắng bỏ qua sự tranh chấp để xích lại gần nhau vì ý thức hệ. Và lại vừa mới tiến vào Bắc Kinh cho nên ông Mao còn rất cần viện trợ của Liên Xô. Nhưng chẳng bao lâu hai bên lại có những bất bình:

Năm 1959 Liên Xô rút hết cố vấn kỹ thuật, rồi cắt luôn viện trợ cho TQ. Từ đó, những xô xát nhỏ thường xuyên xảy ra ở biên giới Tháng 5, 1962 : khoảng 60.000 người dân thiểu số ở Tân Cương đã trốn qua biên giới để lẩn vào lãnh thổ Liên Xô. Bắc Kinh cho rằng chính Moscow đã xúi dục đoàn người này để gây khó khăn, làm mất mặt cho Trung Quốc. Hai năm sau, ông Mao tâm sự với một phái đoàn của phe Xã Hội Nhật rằng "Nga Hoàng Tsar đã xâm chiếm một phần lớn đất đai của Trung Quốc tại miền Siberia, rồi lấn sang phía Đông cho tới tận miền Kamchatka: Trung Quốc chúng tôi còn chưa tính toán sổ sách với Nga đâu." Chuyện này lọt ra ngoài, lãnh đạo Xô Viết Nikita Khrushchev nghe vậy hết sức tức giận.

Tới năm 1966 thì sự tranh chấp trở nên căng thẳng. Moscow

bắt đầu xoay trục: di chuyển quân đội từ Đông Âu về biên giới Trung - Xô. Số sư đoàn Nga đóng ở biên giới Trung Quốc tăng từ 12 sư đoàn dần dần lên trên 40 sư đoàn. Rồi Nga lại ký với Mongolia (sát với TQ) một Hiệp ước Hữu Nghị, cho phép Nga đóng quân và lập các căn cứ quân sự ở nước này.

Mùa Xuân 1969: Giao tranh dữ dội tại biên giới [4]

- **Biến cố sông Ussuri**

Đầu năm 1969 thì có trận chiến lớn. Tại con sông Ussuri, có một hòn đảo hoang vu mà Trung Quốc gọi là Chenpao (hay Zhenbao) và Nga gọi là Damansky. Trung Quốc cho rằng vì đảo này nằm gần bờ đất Trung Quốc hơn nên thuộc về lãnh thổ Trung Quốc . Nga thì cho rằng theo biên giới lịch sử, toàn thể lòng sông Ussuri thuộc về Nga.

Ngày 2 tháng 3, 1969 (ngay sau khi Nixon nhậm chức): theo thông tấn Nga thì 300 người lính Trung Quốc trên đảo Ussuri đã bắn vào đội tuần tiễu của Nga, sát hại 25 người và gây thương tích cho 14 người. Theo tin của Trung Quốc thì Nga đã đột nhập đảo Chenpao tới 16 lần kể từ năm 1967, trong đó tám lần xảy ra vào năm 1969. Lãnh đạo Bắc Kinh thấy cần phải có ngay một hành động cứng rắn để chận trước sự khiêu khích của Liên Xô.

Ngày 15 tháng 3, 1969 lại có đụng độ quân sự nữa tại sông Ussuri. Lần này thì giao tranh thật dữ dội, kéo dài tới 9 giờ. Xe tăng, thiết giáp, đại pháo, rốc két đều được xử dụng và hai bên đều tổn thất nặng. Sự tổn thất thực sự của cả hai bên cho tới ngày nay thì cũng chưa được tiết lộ, nhưng được ước lượng là số tử thương về phía Trung Quốc tới 800 người, về phía Liên Xô: 59 tử thương và 94 bị thương.

- **Biến cố sông Amur**

Sau Ussuri là tới giao tranh lẻ tẻ tại sông Amur vào những ngày 12-28 tháng 5, 1969. Sau đó tới những xung đột tại biên giới ở Tân Cương vào ngày 20 tháng 5 và 10 tháng 6.

• **Biến cố hồ Zhalanashkol**

Ngày 13 tháng 8, 1969 một đại đội gồm 30 người đi tuần tiễu ở biên giới trong khu vực thuộc về Trung Quốc. Bất thần quân đội Liên Xô tiến qua biên giới tấn công và sát hại toàn bộ đại đội, rồi trấn chiếm luôn cả khu vực. Moscow cho rằng cuộc tấn công này đã được châm ngòi do những vi phạm lãnh thổ thường xuyên của quân đội Trung Quốc. Liên Xô còn nói có thể là chính ông Mao đã sắp xếp sự khiêu khích này giống như biến cố ở đảo Chenpao (Zhenbao) năm tháng trước đó. Bằng cớ là làm sao quân đội Trung Quốc đi tuần tiễu mà lại mang theo những máy thu hình, thu âm, và cả một máy chụp hình loại chuyên nghiệp nữa.

Những diễn tiến ở hậu trường [5]

Cuối tháng 7 - đầu tháng 8, 1969 , trong chuyến đi của TT Nixon viếng thăm Á Châu (có ghé Sàigòn thăm TT Thiệu) thì trên đường về Washington ông đã gặp Thủ thướng Pakistan là Yahya Khan ở Romania. TT Nixon yêu cầu ông này gửi một thông điệp hữu nghị tới Bắc Kinh. Ông Khan cho Kissinger biết ông Chu rất lo ngại về ý đồ của Liên Xô và đã sẵn sàng nhượng bộ về việc tranh chấp lãnh thổ, nhưng lo ngại Liên Xô có thể tấn công trước để đánh phủ đầu (preemptive attack). Nếu việc này xảy ra thì "Trung Quốc sẽ phản ứng và cuộc chiến sẽ là 'vô biên' ('know no boundaries')". Ông Kissinger tháp tùng TT Nixon nhưng khi về Washington thì chỉ thông báo sơ qua cho Ngoại trưởng Roger.

Ngày 16 tháng 8, 1969: ông Allen S. Whiting, một học giả chuyên về Trung Quốc nổi tiếng, trước đây đã làm việc ở vụ Tình Báo và Nghiên Cứu tại Bộ Ngoại Giao và tại Tòa Lãnh sự Mỹ ở Hồng Kông viết cho ông Kissinger một văn thư để khẩn báo là "sự chuyển quân lớn lao của Liên Xô tới vùng biên giới báo hiệu là Moscow sắp tấn công Trung Quốc...Liên Xô có thể dùng cả khí giới nguyên tử." Whiting nhấn mạnh hai điểm: *thứ nhất*, nên cho Bắc Kinh biết là Mỹ không có cấu kết gì với Liên Xô cả; và *thứ hai*, khủng hoảng Trung – Xô đưa

tới cho Mỹ một cơ hội để giao hảo với Trung Quốc. Nghe vậy, Kissinger vui vẻ, bảo Whiting viết một báo cáo để ông đưa cho TT Nixon. Whiting thức suốt đêm viết báo cáo này.

- Ngày 27 tháng 8, 1969, Giám đốc CIA Richard Helms công khai cho báo chí biết Trung Quốc đang tham khảo các nước anh em ở Âu châu về khả năng Liên Xô có thể tấn công phủ đầu các căn cứ nguyên tử của mình.

- Ngày 4 tháng 9, 1969, Tòa Đại sứ Mỹ ở Iran gửi mật điện về Bộ Ngoại Giao báo cáo về cuộc gặp gỡ với Trung tướng Liên Xô Sergei Krakhmalov, Tham vụ Quân sự tại Teheran. Ông này cho biết Liên Xô muốn Mỹ cùng nối tay để tấn công Trung Quốc và nói: *"Moscow sẽ không ngần ngại dùng khí giới nguyên tử nếu Trung Quốc tấn công với tầm cỡ lớn."*

- Cùng ngày 4 tháng 9, Tòa Đại sứ Mỹ ở Moscow cũng gửi điện tín báo cáo rằng nhiều lý do cho thấy Liên Xô sẽ không tấn công trước, nhưng vì Liên Xô cho rằng "bè lũ Mao" là "sự đe dọa cho toàn cầu" cho nên nếu tranh chấp biên giới cứ leo thang thì sẽ có khả năng là Liên Xô sẽ trừng phạt và dạy cho Bắc Kinh "một bài học làm gương."

- Ngày 5 tháng 9, 1969, Phái đoàn Mỹ tại Liên Hiệp Quốc báo cáo thêm: ông Michael Newlin, nhà ngoại giao Mỹ trong phái đoàn có được một nhà ngoại giao Liên Xô cho biết thái độ cứng rắn với Trung Quốc: "Trung Quốc sẽ lầm nếu cho rằng Liên Xô sẽ 'nhượng bộ' hay là Kremlin sẽ không 'dùng những gì còn nặng hơn cả khí giới nguyên tử chiến thuật (tactical nuclear weapons)'.

- Ngày 16 tháng 9, 1969, theo Kissinger thì một nhà báo Nga tên là Victor Louis có bình luận trên *tờ London Evening News* về khả năng không quân Nga có thể oanh tạc căn cứ thử nghiệm nguyên tử của TQ ở Tân Cương. Kissinger kết luận "Liên Xô đã trở nên mối đe dọa lớn

lao nhất đối với TQ, và TQ đang muốn có được "một bảo đảm chiến lược, một sự nới lỏng vòng vây của Liên Xô." Theo tài liệu mới giải mật thì không phải chỉ có nhà báo viết trên báo mà chính KGB đã cho Mỹ biết:

- Ngày 18 tháng 9, 1969: một nhân viên tình báo Liên Xô (KGB) đội lốt nhà ngoại giao tên là Boris Davydov đã tiếp xúc với ông William Stearman (nhân viên trong vụ Tình báo và Nghiên cứu của Bộ Ngoại Giao) để hỏi thăng thừng xem "phản ứng của Mỹ sẽ như thế nào nếu như Moscow giúp (cho cả Nga và Mỹ) giải quyết được một vấn đề trong mục tiêu chống việc lan tràn khí giới nguyên tử (nuclear proliferation) bằng cách tấn công các căn cứ khí giới nguyên tử của chính Trung Quốc." Cho tới nay, hồ sơ Stearman's Memcon cũng chưa được tiết lộ.

- Ngày 23 tháng 9, 1969 Bộ trưởng Ngoại Giao Pháp Shumann cũng cho TT Nixon biết về việc Liên Xô đã thông báo cho đảng Cộng Sản Úc là 'điện Kremlin sẽ đi xa tới mức nào để Bắc Kinh biết rằng Liên Xô thực sự sẽ hành động (meant business) chứ không phải là chỉ nói miệng.

- Tới mùa Thu 1969 lãnh đạo Bắc Kinh, đặc biệt là ông Mao và Tướng Lâm Bưu hết sức 'trăn trở, căng thẳng và nghi ngờ' về ý đồ của Liên Xô đang dùng việc đề nghị đàm phán về biên giới làm bình phong để đánh lén Trung Quốc. Lo ngại đến độ **ông Mao đã phải trốn khỏi Bắc Kinh** ('fled Beijing') và ngày 18 tháng 10, đã đặt lực lượng nguyên tử phôi thai của mình vào tình trạng báo động. Đây là lần đầu tiên và duy nhất đã có lệnh này" (theo như viện 'Nghiên cứu chiến lược' của CNA).[6]

Theo diễn biến trên đây, ta thấy việc Liên Xô tính dùng nguyên tử tấn công Trung Quốc năm 1969 là có thực. Liên Xô

đã thăm dò Mỹ xem có đồng ý và nối tay với họ hay không? Mỹ đã chối ra và còn cho thấy là đứng về phe Trung Quốc. Như vậy là TT Nixon đã thay đổi 180 độ về quan niệm và chính sách. Khi còn làm Phó Tổng thống thời Eisenhower ông đã khẳng định rất rõ ràng: *"Cuộc chiến ở Việt Nam là một sự đương đầu – chẳng phải là giữa Việt Nam Cộng Hòa và Việt Cộng hay giữa Hoa Kỳ và Việt Cộng – mà chính là giữa Hoa Kỳ và Trung Cộng."* Ông Nixon là người hăng say nhất trong việc thi hành thuyết Đôminô ngăn chận "làn sóng Đỏ" khỏi tràn xuống Đông Nam Á. Bây giờ thì khác: lên chức tổng thống ông muốn có ngay được một thành tích vẻ vang về ngoại giao. Ít có tổng thống Mỹ nào nổi tiếng về thành tích đối nội: tăng thuế cũng kẹt mà giảm thuế cũng bị chỉ trích. Cho nên các tổng thống thường quan tâm hơn vào chính sách đối ngoại. TT Nixon viết cho Quốc Hội Hoa Kỳ: *"Chuyến công du sắp tới của tôi tại Bắc Kinh là một bước đi cần thiết,* ***một bước thật dài để xây dựng một cơ cấu bền vững cho hòa bình thế giới."*** [7]

Quan niệm của TT Nixon lại đi sát với lập trường của Cố Vấn Henry Kissinger. Kissinger viết lại trong hồi ký: "Việc mở cửa Trung Quốc có thể sẽ giúp chúng tôi chấm dứt được nỗi đau đớn của chiến tranh Việt Nam...Nếu chấm dứt được sự ly gián với một dân tộc vĩ đại như Trung Quốc thì đứng về phương diện nhân loại cũng như trên bình diện viễn tượng hòa bình của thế giới, chắc chắn sẽ mang tới một làn không khí mới, nó sẽ nhắc lại cho ta cái ý niệm là Hoa Kỳ có khả năng làm được những gì trong cương vị là lãnh đạo của thế giới."[8] Kissinger cho rằng Việt Nam là một nước nhỏ bé, ở "xa xôi nước Mỹ với khoảng cách xa nhất mà trái đất này cho phép" thế mà vấn đề Việt Nam đã được thổi phồng lên như một vấn đề đại sự, vấn đề của thế giới. Giải quyết được chiến tranh Việt Nam thì sẽ cho phép Hoa kỳ xây dựng được 'một cơ cấu mới cho an ninh thế giới' dựa vào ba cái trục hình tam giác giữa Mỹ, Nga và Trung - "Tripolarity" hay "Triangular Relationship." Vì vậy khi Trung Quốc lâm nguy thì hai ông cho rằng cơ hội đã đến để thực hiện ước mong của mình.

Nixon - Kissinger gửi những tín hiệu trấn an và ủng hộ Bắc Kinh

- Ngày 29 tháng 9, 1969 ông Kissinger nộp một bản ghi nhớ cho TT Nixon về việc nhân viên KGB là Davydov đã thăm dò Mỹ như trên đây. Ông e ngại những cuộc thăm dò như thế này nếu cứ tiếp diễn sẽ có thể làm cho Trung Quốc hiểu lầm rằng Mỹ và Liên Xô đang cấu kết với nhau. Vì vậy Kissinger đề nghị tổng thống chấp thuận một văn bản yêu cầu Bộ Ngoại Giao soạn thảo một hướng dẫn để gửi cho các tòa đại sứ Mỹ phải ***"gạt bỏ đi (deploring) những báo cáo về kế hoạch của Liên Xô nhằm đánh phủ đầu Trung Quốc."*** TT Nixon chấp thuận. Như vậy là Kissinger đã gửi tín hiệu rõ ràng cho cả Bắc Kinh lẫn Moscow là Mỹ không những không cấu kết với Liên Xô mà còn đứng về phía Trung Quốc.
- Để làm cho sự việc rõ ràng hơn nữa, ngày 6 tháng 10, 1969, TT Nixon và Cố vấn Kissinger nghe theo đề nghị của ông Marshall Green, Phụ tá Bộ trưởng Ngoại giao, quyết định rút khu trục hạm của Mỹ ra khỏi eo biển Đài Loan (gửi thêm tín hiệu cho Bắc Kinh).

- Tiếp theo là những tín hiệu công khai khác nữa:

  * Tháng 12, 1969: Mỹ cho phép những công ty con của các hãng Mỹ ở ngoại quốc được tham gia những nghiệp vụ giữa Trung Quốc và đệ tam quốc gia.
  * Tháng 3, 1970: cho phép một số công dân Mỹ được phép đi Trung quốc.
  * Tháng 4, 1970: các công ty Mỹ được xuất cảng những món hàng phi chiến lược sang Trung Quốc.
  * Tháng 3, 1971: bỏ lệnh cấm tất cả những người mang thông hành Mỹ du lịch tại Trung Quốc.
  * Tháng 4, 1971: chính TT Nixon tuyên bố bỏ hẳn lệnh cấm vận kéo dài suốt hai mươi năm.

Bỏ cấm vận là tín hiệu rõ ràng nhất về việc Mỹ ủng hộ Trung Quốc, cho nên Bắc Kinh bây giờ mới dứt khoát theo Mỹ, dẫn đến chuyến thăm Bắc Kinh của TT Nixon vào tháng 2, 1972, khai mạc 'một tuần lễ làm thay đổi cục diện thế giới' như ông viết lại. Thấy vậy Liên Xô khỏi cần dò xét thêm về phản ứng của Mỹ, cho nên đã đề nghị đàm phán về lãnh thổ và Bắc Kinh chấp thuận.

* Tháng 5, 1971: mở cửa Bắc Kinh, đóng cửa Sàigòn

Như chúng tôi đã viết trong cuốn *Tâm Tư Tổng Thống Thiệu*, Kissinger kể lại: "Ngày 31 tháng 5, 1971, chúng tôi nhận được một thông điệp kỳ thú nhưng bí ẩn của ông Hilaly, Đại sứ Pakistan" nói tới "Một bức điện văn dài đang được mang tay đến qua kênh Pakistan." Và ngày 2 tháng 6, thông điệp của ông Chu đã tới, xác định là chính phủ Trung Quốc chấp nhận đề nghị tiếp một sứ giả của Hoa Kỳ: *"Thật khó mà diễn tả ra được hết cái cảm giác nhẹ nhõm hẳn đi của tôi lúc ấy."* Chúng tôi gọi ngày này là ngày lịch sử (31 tháng 5, 1971) vì ngày mà ông Kissinger cảm thấy nhẹ nhõm cũng chính là ngày ông bí mật và thẳng tay bỏ rơi VNCH. Diễn tiến từ lúc này về việc 'bắt được tay ông Mao, buông ngay tay ông Thiệu' như thế nào thì chúng tôi đã đề cập tới trong cuốn sách trên.

Nhìn lại lịch sử, ta thấy rõ ràng là rút cuộc, khi Trung Quốc phải đối diện với khả năng bị Liên Xô tấn công nguyên tử thì hai ông Nixon và Kissinger đã nối vòng tay lớn để tiếp cứu. Nếu như Trung Quốc đã thực sự cùng với Hoa Kỳ để xây dựng một trật tự an ninh mới cho hòa bình thế giới như ông Kissinger quan niệm, hay đã trở thành người bạn đồng hành với Hoa Kỳ để *"cùng nhau hành động cho đời sống của nhân dân hai nước thêm phong phú"* như TT Nixon viết cho Quốc Hội Mỹ vào năm 1972 thì đã quá tốt.[9] Và chiến lược 'dùng con cờ Trung Quốc' ("playing the China card) để cân bằng với Nga Xô đã thành công mỹ mãn.

Mưu lược thâm sâu của Trung Quốc

Bây giờ chính Trung Quốc đang lật ngược ván bài: Bắc

Kinh 'dùng con cờ Nga Xô' ("playing the Russian card") để cân bằng sức mạnh của Mỹ tại Á Châu. Việc Bắc Kinh xích lại gần Moscow là một chủ đề đang được truyền thông thế giới rất quan tâm. Vì vậy nhiều người rất lo ngại về sự nguy hiểm của một cái trục quyền lực Trung-Xô đang thành hình (xem Chương 26).

Cho nên, bốn mươi năm sau ta mới thấy cái giá 'mở cửa Bắc Kinh' một cách vội vàng nó đắt đỏ như thế nào. Hai ông Nixon-Kissinger đã đơn thương độc mã, làm mọi việc trong vòng bí mật, không tham khảo với chính phủ, Quốc Hội để tính toán cho kỹ lưỡng và cẩn thận từng bước, làm sao cho có đi có lại trong tiến trình đảo chiều chính sách, và làm sao để tránh được cái cảnh 'gậy ông đập lưng ông.' Trong những cuộc họp kín tại Bắc Kinh thì kể cả chính ông William Rogers, Bộ trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ cũng không được tham dự.

Với sức mạnh quân sự và kinh tế lớn lao, ngày nay Trung Quốc đang nổi lên như con rồng ở Á Châu Thái Bình Dương. Cái nguy là chính Hoa Kỳ cũng đang bị đe dọa. Một bước lùi, hai bước tiến: Chủ tịch Mao Trạch Đông đã nhún nhường, lùi lại một bước để ngày nay Chủ tịch Tập Cẩn Bình tiến lên hai bước. Mưu lược của Trung Quốc thật là thâm sâu.

Xung đột biên giới Trung Quốc - Liên Xô năm 1969. (Hình: "CAN.org" nói về bài của Michael S. Gerson)

TT Nixon và Chủ tịch Mao. (Hình: "en.wikipedia.org")

Cố vấn Kissinger và Chủ tịch Mao. (Hình: "diario.latercera.com")

CHƯƠNG 25

Mở Tung Hai Lối Vào Biển Đông - Mật Điện Về Trận Hoàng Sa

Tại sao ngày nay Trung Quốc có ưu thế ở Biển Đông dễ dàng như vậy? Một trong những lý do là vì cửa vào vùng này đã được rộng mở từ bốn mươi năm trước rồi. Năm 1974 Trung Quốc đánh chiếm Hoàng Sa không phải chỉ là để tìm dầu lửa, mục đích xa hơn còn là để thử xem Hoa Kỳ có phản ứng gì không sau khi đã rút khỏi Miền Nam, nơi đã từng là tiền đồn 'ngăn chận Trung Cộng.' Hoa Kỳ không phản đối gì, lại còn nói rõ (để cho Trung Quốc biết?) là ***"lực lượng quân sự Mỹ không có dính líu gì vào vụ này đâu."*** Chuyện lạ là Bộ Ngoại Giao dưới sự lãnh đạo của Bộ trưởng Henry Kissinger còn khuyên can TT Thiệu ***"Đừng đụng độ với Trung Quốc về mấy hòn đảo"*** một điều mà 40 năm sau, chính tác giả cũng mới biết.

Trước Hoàng sa, một cái chốt ở phía Bắc – eo biển Đài Loan – cũng đã được khai thông. Như vậy là Bắc Kinh có thể hoàn toàn yên tâm. Chỉ cần mua thời gian để chuẩn bị chờ cho tới khi nào thật mạnh mới ra tay.

Người dân chài làm ăn thường thường là cần cù, lương thiện. Nhưng khi người lính đội lốt dân chài lẫn vào ngư dân đi đánh cá thì thật là nguy hiểm, dù đánh cá ở Scarborough, Kinsaku hay Hoàng Sa. Vào tháng 2, 1959 ngư thuyền Trung Quốc (TQ) đưa người vào đánh cá trên Hoàng Sa. Không biết là dân chài thật hay dân chài giả, Tổng thống Diệm cho lệnh bắt giữ rồi trục xuất ra ngay.[1] Bộ Ngoại Giao Mỹ dưới sự lãnh đạo của Ngoại trưởng Foster Dulles không e ngại TQ trả đũa, cũng không ngăn chận TT Diệm. Tới 1974, ngư thuyền Trung Quốc lại quay về Hoàng Sa, nhưng lần này thì có chiến hạm đi theo. TT Thiệu ra lệnh 'mời' những tầu này ra. Khi chiến hạm cứ tiến vào, Hải quân VNCH khai hỏa. Trận chiến kéo dài một ngày. Thấy Biển Đông khói lửa, Bộ Ngoại Giao dưới sự lãnh đạo của Ngoại trưởng Henry Kissinger liền can ngăn TT Thiệu hãy ngừng lại, đừng đụng độ với Trung Quốc thêm nữa!

Câu chuyện đáng buồn này thì tới bây giờ chính tác giả cũng mới có được văn bản chính thức để biết rõ chi tiết. Như vậy thì hóa ra: ý nghĩa của trận Hoàng Sa thật sâu xa: về thực tế, là để bảo tồn lãnh thổ, nhưng về mặt nguyên tắc, nó phản ảnh một cố gắng – hoàn toàn ngoài sức mạnh của VNCH - để ngăn chận Trung Quốc khỏi tràn xuống Biển Đông. Chiếm được Hoàng Sa xong, không thấy Mỹ phản ứng gì là Trung Quốc nhẹ nhõm, yên tâm chuẩn bị. Ngày nay thì Trung Quốc đã thật mạnh nên có thể cho cả ngư thuyền, cả chiến hạm ra vô vùng Lưỡi Bò một cách tự do. Rồi đem cả dàn khoan khổng lồ tới Hoàng Sa để khai thác dầu lửa, điều công binh tới Trường Sa để xây đường bay, chẳng cần để ý tới hải phận hay 'Công ước Luật Biển UNLOS' hay 'vùng đặc quyền kinh tế', hay 'nguyên tắc hành xử COC'.

***

Khai thông hai lối vào Biển Đông

Qua ngả Hoàng Sa

Quân đội Mỹ vừa rút đi xong, Trung Quốc (TQ) đã muốn

tìm hiểu xem thực sự Mỹ có can thiệp trở lại hay không, Washington có thay đổi lập trường 'ngăn chận Trung Cộng' hay không? Đó là một lý do trong những lý do dẫn đến biến cố Hoàng Sa ngay đầu năm 1974. Đây là cảm tưởng chúng tôi có được sau khi hàn huyên với TT Thiệu về biến cố này. Thừa lúc Miền Nam mất hẳn sự yểm trợ của quân lực Mỹ, lại sắp hết cả viện trợ, TQ lấn chiếm Hoàng Sa. Nhưng dù trong hoàn cảnh nghiệt ngã, Hải quân VNCH vẫn chống trả. Ngày 18 tháng 1, ông Thiệu bay ra tận Đà Nẵng, lấy giấy ra viết tay thẳng cho Phó Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại (Tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên Hải). Trên đầu trang ông viết: 'Chỉ thị cho Tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên hải': *"Thứ nhất là tìm đủ mọi cách ôn hòa mời các chiến hạm Trung Cộng ra khỏi lãnh thổ VNCH. Thứ hai, nếu họ không thi hành thì được nổ súng cảnh cáo trước mũi các chiến hạm này và nếu họ ngoan cố thì toàn quyền xử dụng vũ khí để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ VNCH."* Viết lệnh xong, ông Thiệu cất giọng: *Anh Thoại, đến đây và đọc trước mặt tôi đây, có gì không rõ ràng thì cho tôi biết ngay từ bây giờ."* [2]

Dù bị mất Hoàng Sa nhưng Hải quân VNCH đã gây tổn thất lớn cho đối phương như nhiều nguồn đã đề cập. Theo ông Thoại thì Hộ tống hạm Kronstat 274 của Trung Quốc bị bắn chìm. Vì tầu này là soái hạm nên hầu hết bộ tham mưu đều tử trận gồm cả Đô đốc Phương Quang Kinh, Tư lệnh Phó của Hạm đội Nam Hải, 4 đại tá, 6 trung tá, 2 thiếu tá, 7 sĩ quan cấp úy và một số đoàn viên. Ngoài ra, Trục lôi hạm số 389 và số 396 bị hư hại nặng.

Về phía VNCH: Hộ tống hạm Nhật Tảo (HQ 10) bị bắn chìm, chỉ huy trưởng Ngụy Văn Thà cùng với 24 chiến sĩ tử thương và 26 mất tích. Khu trục hạm Trần Khánh Dư (HQ 4) bị hư hại với hai tử thương; Tuần dương hạm Trần Bình Trọng (HQ 5) bị hư hại với hai tử thương; Tuần dương hạm Lý Thường Kiệt (HQ 16) chịu một tử thương và 14 chiến sĩ trôi dạt trên xuồng cao su về Quy Nhơn. Ngoài ra còn hai nhân viên người nhái tử thương trên đảo và 28 quân nhân bị bắt làm tù binh. Có tin là ông Mao Trạch Đông đã cho tới hơn 40 chiến

hạm đến vùng biển Việt Nam để làm lá chắn cho Hoàng sa sau ngày đánh chiếm.[3]

Sau hải chiến, TT Thiệu ra lệnh cho Không Quân oanh kích phản công

Khi chúng tôi hỏi TT Thiệu về trận này và nhắc lại là đầu năm 1974 ông có chỉ thị phải báo cáo cho thật trung thực về tình hình viện trợ Mỹ, chúng tôi đã trình bày là về tiếp liệu, quân nhu và quân cụ thì chúng tôi không biết rõ, nhưng về ngân sách dành cho Việt Nam thì sắp hết rồi vì Quốc hội Mỹ đã bắt đầu cắt xén rất mạnh tay. Rồi hỏi ông là tại sao ông biết đã đến lúc cạn kiệt rồi mà vẫn còn chống cự cả Trung Quốc. Ông không trả lời thẳng nhưng suy nghĩ giây lát rồi lẩm bẩm – chúng tôi không nhớ rõ nguyên văn nhưng đại khái ông nói: *"Tôi còn định đi thêm bước nữa,"* rồi lắc đầu. Thấy ông có ve ưu phiền, chúng tôi nói sang chuyện khác.

Sau này mới nghe là sau trận hải chiến ở Hoàng Sa, TT Thiệu đã ra lệnh cho Không Quân VNCH oanh kích để phản công nhưng rồi lệnh được rút lại. Tại sao như vậy? Ngày nay thì ta đã có câu trả lời bằng văn bản.

Trước hết về lệnh cho Không Quân ra khơi để phản công thì chúng tôi có phối kiểm với Đại tá Nguyễn Quốc Hưng, (Phụ Tá Tham Mưu Phó Hành Quân, Bộ Tư lệnh Không quân, phụ trách toàn bộ 19 phi đoàn khu trục của VNCH) thì ông đã xác nhận là đúng và kể lại nhiều chi tiết, tóm tắt như sau: vào 8 giờ tối ngày 19 tháng 1, 1974, Tư lệnh Không Quân nhận được mật lệnh của Tổng thống phải dùng phản lực cơ chiến đấu siêu thanh F5-E để oanh kích phản công địch trên đảo Hoàng Sa. Ngày hôm sau đoàn phi công đã cất cánh hai lần để ra khơi, một lần vào buổi trưa và một lần buổi chiều, mỗi lần gồm hai phi tuần. Nhưng vừa bay được khoảng trên một trăm dặm thì nhận được đặc lệnh phải quay trở về đáp và hủy bỏ ngay các phi vụ không kích này. Lý do là Đệ Thất Hạm Đội yêu cầu ngừng kế hoạch oanh tạc và nhấn mạnh rằng sẽ không có 'top cover' (yểm trợ trong trường hợp bị phi cơ của Trung Quốc từ

Hải Nam lên không chiến) và cũng không có "rescue" (cứu vớt nếu bị bắn rơi). Trong số những quân nhân tham gia phi vụ không kích này, số nhân chứng còn sống hiện nay thì ngoài ông Quốc Hưng (hiện ở Salem, Oregon) còn có các Thiếu tá Phạm Đình Anh (California), Đàm Tường Vũ (Arizona), Vũ Viết Quý (California), và Hồ Văn Giầu (Las Vegas).

Mật điện ngày 19 tháng 1, 1974: can ngăn TT Thiệu

Về việc Đệ Thất Hạm Đội Mỹ ở ngay gần Hoàng Sa nhưng không yểm trợ khi VNCH yêu cầu thì Bí thư Hoàng Đức Nhã đã nói đến rất rõ ràng, nhưng còn một chuyện lạ lùng khác: đó là vào ngày 17 tháng 1, 1974 (ngày 18 tháng 1 - giờ Sàigòn) Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ do Ngoại trưởng Kissinger lãnh đạo đã gọi điện thoại cho Đại sứ Martin ở Sàigòn và nhấn mạnh ý muốn của Bộ là "**tình hình phải được hạ nhiệt**" (cooling the situation). Tài liệu này được giải mật (ngày 30 tháng 6, 2005). Dĩ nhiên là ông Martin phải thi hành ngay và đã cố vấn ông Thiệu. Ngày hôm ấy chính là ngày TT Thiệu bay ra Đà Nẵng để ra lệnh chống cự Hải quân Trung Quốc. Cùng ngày, Đề đốc Lâm Ngươn Tánh, Tư lệnh phó Hải quân VNCH bay ra Bộ tư lệnh Hải quân Vùng 1 Duyên hải tại Đà Nẵng để chỉ huy lực lượng tham chiến tại Hoàng Sa. Ngày 19 tháng 1 là ngày có trận hải chiến, Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ lại gửi mật điện can ngăn TT Thiệu đừng đi thêm bước nữa.

Bức điện đó như sau [4] (bullets, tô chữ đậm và gạch dưới là do tác giả):

> ***Ngày 19 tháng 1, 1974***
> ***Người gửi: Ngoại Trưởng – Washington DC***
> ***Nơi nhận: Tòa Đại sứ Sàigòn***
> ***Mật điện Bộ Ngoại Giao 012641***
>
> **1. Xung đột quân sự tại Hoàng Sa đã đưa đến thương vong cho VNCH với hai chiến hạm bị tên lửa STYX của Trung Quốc bắn chìm. Chính phủ**

VNCH có yêu cầu Mỹ giúp tìm kiếm và cứu vớt các nạn nhân. Tình hình thêm phức tạp vì báo cáo là trên đảo Pattle (do VNCH đóng quân) lại có một nhân viên dân sự Mỹ làm việc cho Văn phòng Tùy viên ở Đà Nẵng. Chúng tôi không hiểu tại sao người này lại có mặt ở đó.

2. Bộ Ngoại Giao đã yêu cầu Bộ Quốc Phòng ra lệnh cho Hải quân Hoa Kỳ tránh khỏi khu vực này.

Hai ngày trước đây (17 tháng 1) chúng tôi có bàn luận với Đại sứ Martin qua điện thoại và bày tỏ ý muốn của chúng tôi là tình hình phải được hạ nhiệt...

3. Thông cáo của Bộ Ngoại Giao gửi cho báo chí về vụ này sẽ nói theo những điểm như sau:

- Chính phủ Hoa Kỳ không đứng về phe nào trong việc tranh chấp Hoàng Sa nhưng hết sức mong muốn là sự tranh chấp được giải quyết trong hòa bình.

...

- Lực lượng quân sự Mỹ không dính líu gì vào xung đột này.

4. Chúng tôi đang yêu cầu Tòa Đại sứ ở Sàigòn cố vấn chính phủ VNCH chỉ nên có những hành động tối thiểu để tự vệ và để cứu vớt nạn nhân (và người nhân viên Mỹ ở trên đảo) nhưng làm tất cả những gì có thể để tránh đụng độ trực tiếp thêm nữa với lực lượng Trung Quốc. Việc mà VNCH hay chúng ta không cần chút nào trong lúc này là đụng độ giữa Trung Quốc và Chính phủ Việt Nam về mấy hòn đảo, dẫn tới vai trò bất chấp của Trung Quốc trong cuộc chiến Việt Nam.

KHẨN - MẬT

Về phản ứng của Mỹ và mật điện ngày 19 tháng 1, 1974, ta

có thể nhận xét như sau:

o Vừa biết tin rục rịch là TT Thiệu đang sửa soạn ra lệnh chống trả chiến hạm Trung Quốc là Bộ Ngoại Giao đã can ngăn ngay.

Secret State 012641
WASHDC 19 Jan 74

FROM SECSTATE WASHDC
TO EMBASSY SAIGON IMMEDIATE

1. ARMED CLASHES IN PARACELS HAVE APPARENTLY RESULTED IN A NUMBER OF CASUALTIES ON GVN SIDE, WITH GVN REPORTS OF TWO GUNBOATS POSSIBLY SUNK BY PRC STYX MISSILES. GVN HAS ASKED FOR US ASSISTANCE IN SEARCH AND RESCUE. SITUATION COMPLICATED BY REPORTED PRESENCE ON PATTLE ISLAND [GVN OCCUPIED] OF US CIVILIAN EMPLOYEE OF US DEFENSE ATTACHE OFFICE, BASED IN DANANG. WE DO NOT KNOW WHY HE IS THERE).

2. WE HAVE REQUESTED DEPARTMENT OF DEFENSE TO INSTRUCT NAVY TO STAY OUT OF AREA).

TWO DAYS AGO [JAN 17] WE DISCUSSED SITUATION WITH AMB MARTIN BY PHONE AND EXPRESSED OUR INTEREST IN COOLING SITUATION...

3. PRESS STATEMENT HERE WILL BE FOLLOWING LINES:

-- USG TAKES NO POSITION ON CONFLICTING CLAIMS TO PARACELS, BUT STRONGLY DESIRES PEACEFUL RESOLUTION OF DISPUTED.

...

-- US MILITARY FORCES ARE NOT INVOLVED.

4. WE ARE TELLING US EMASSY SAIGON TO ADVISE GVN TO TAKE MINIMUM STEPS TO DEFEND SELVES AND TO RESCUE ITS CITIZENS (AND OUR US OFFICIAL), BUT TO DO WHAT IT CAN TO AVOID FURTHER DIRECT CLASHES WITH PRC FORCES. LAST THING GVN OR OURSELVES NEED AT THIS TIME IS PRC/GVN CONFRONTATION OVER ISLANDS LEADING TO LESS RATIONAL PRC ROLE IN VN CONFLICT.

RUSH UNQUOTE RUSH

o Chính phủ VNCH yêu cầu Mỹ giúp tìm kiếm và cứu vớt các nạn nhân (ngoài số tử thương còn 68 binh sĩ VNCH bị mất tích và bắt làm tù binh) nhưng bị từ chối.

- Đã không yểm trợ chiến đấu, đã ra lệnh cho Hải quân Hoa Kỳ tránh né khỏi khu vực giao tranh, lại còn tuyên bố cho rõ ràng là "Chính phủ Mỹ không đứng về phe nào trong việc tranh chấp Hoàng Sa" và xác định (cho Bắc Kinh biết) là "Lực lượng quân sự Mỹ không dính líu gì vào vụ xung đột này."

- Không đứng về phe nào thì tại sao lại khuyên can chính phủ VNCH "hãy hạ nhiệt", chỉ hành động tối thiểu để tự vệ và để cứu vớt nạn nhân thôi, nhưng làm bất cứ những gì để tránh đụng độ thêm nữa với lực lượng Trung Quốc về mấy hòn đảo? Ông Kissinger đã quên rằng chính ông đã từng soạn thảo lá thư để TT Nixon gửi TT Thiệu ngay trước khi ký kết Hiệp Định Paris nói đến lập trường là ***"Nền tự do và độc lập của VNCH vẫn còn là mục tiêu tối cao của chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ"*** (thư ngày 17 tháng 1, 1973).

Như vậy là một cửa vào Biển Đông đã bắt đầu được mở rộng từ 40 năm trước. Từ 1960 tới 1973, Trung quốc chỉ cho tầu đi tuần tiễu vùng biển giữa quần đảo Hải Nam và Hoàng Sa trung bình khoảng 5 lần một năm. Ngoài Hoàng Sa, lại còn cửa thứ hai là eo biển Đài Loan ở phía trên.

Qua eo biển Đài Loan

Sau khi ông Mao Trạch Đông chiếm được Trung Hoa Lục Địa vào tháng 10, 1949, Hoa Kỳ nhất quyết bảo vệ độc lập của Đài Loan hay nước 'Cộng Hòa Trung Quốc' (The Republic of China), cũng như nhất quyết ngăn chận Bắc kinh khỏi lấn chiếm Đông Nam Á (lý do việc nhảy vào Miền Nam). Bởi vậy mỗi lần Bắc Kinh đe dọa eo biển Đài Loan như vào năm 1954-1955 và 1958 thì Mỹ phản ứng rất mạnh (như đề cập trong Chương 28). Nhưng từ 1971 thì khác. Hè 1971, Kissinger bí mật đi Bắc Kinh và trong dịp này đã cho Trung Quốc biết là Mỹ không còn ủng hộ một Đài Loan độc lập nữa, có nghĩa là Đài Loan sẽ chỉ là một khu vực của Trung Quốc, và như vậy

Mỹ sẽ hết bảo vệ khu này và sẽ rút hạm đội và phi đội ra khỏi nơi đây. Mời độc giả theo rõi đối thoại giữa hai ông Chu Ân Lai và Henry Kissinger:[5]

Ngày 29 tháng 7, 1971:

- Thủ tướng Chu Ân Lai: "Thái độ của chính phủ Ngài như thế nào về cái gọi là "Vận động cho Đài Loan Độc lập"?
- Cố vấn Kissinger: "Đài Loan? Không, không đâu, chúng tôi không ủng hộ phong trào ấy."
- Chu Ân Lai: "Ông thì nói là không nhưng còn những thành phần khác của Chính phủ Hoa Kỳ như CIA, Ngũ Giác Đài thì vẫn ủng hộ"?
- Kissinger: "Nhiều người trên thế giới hay phóng đại khả năng của CIA. Thí dụ như có hai nước ở Á Châu có cách mạng trong 10 năm qua, đó là Indonesia và Campuchia: ở cả hai thì chúng tôi đâu có CIA...nhưng thôi, tôi nghĩ cứ để cho CIA bị tiếng xấu như vậy thì cũng có lợi chút ít cho chúng tôi" (phía ông Chu phá ra cười).
- Chu Ân Lai: "Có phải điều Ngài vừa nói với tôi là: cả Chính phủ lẫn Tổng Thống Hoa Kỳ không ủng hộ bây giờ và sẽ không ủng hộ lập trường gọi là 'Đài Loan Độc lập."
- Kissinger: "...Trong một năm rưỡi nữa, chúng tôi không thể nào chính thức công nhận Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc là chính phủ duy nhất của Trung Quốc được (là vì nhân dân, Quốc Hội, và phần lớn Chính Phủ Mỹ còn ủng hộ Đài Loan – lời tác giả), nhưng chúng tôi sẽ ngăn chận những yêu sách mới. Thí dụ như Phong trào Độc Lập Đài Loan là điều chống lại tiến trình mà Thủ Tướng và tôi đã thảo luận thì chính TT Nixon sẽ xác định lại với Chủ tịch Mao."

Tháng 8, 1971: sau cuộc họp của Kissinger tại Bắc Kinh, Mỹ tuyên bố hủy bỏ việc chống Trung Quốc gia nhập Liên

Hiệp Quốc. Tháng 10, Liên hiệp Quốc bỏ phiếu 76 thuận, 35 chống (và 17 không bỏ phiếu) việc đẩy Đài Loan ra khỏi Liên Hiệp Quốc và chấp nhận chính quyền Bắc Kinh là chính phủ đại diện Trung Quốc tại tổ chức này.

Tháng 10, 1971: Mỹ rút khu trục hạm của Đệ Thất Hạm Đội ra khỏi eo biển Đài Loan.[6]

Tháng 2, 1972: TT Nixon thăm viếng Bắc Kinh. Sau cuộc họp Nixon – Mao tại Bắc Kinh, một thông cáo chung gọi là 'Thông Cáo Thượng Hải' (Shanghai Communique) được tuyên bố, gián tiếp quy định "***Việc Mỹ rút toàn bộ khỏi Đài Loan là mục tiêu cuối cùng,***" và sẽ ***"từng bước giảm cả quân đội, cả những căn cứ Mỹ tại Đài Loan khi sự căng thẳng trong vùng bớt đi."*** Những quy định khác bao gồm việc *"Cả hai nước đều phải tránh việc áp đặt sự bá chủ của mình trong vùng Á Châu - Thái Bình Dương."* Như vậy là Bắc Kinh hết lo ngại về Mỹ. Nhưng còn Liên Xô thì sao? Bắc Kinh cũng không còn phải e ngại vì sẽ có hậu thuẫn của Mỹ: Thông cáo tiếp *"**Mỗi nước sẽ chống lại việc bất cứ nước nào hay nhóm nước nào muốn bá chủ nơi này.**"*

Tháng 11, 1973: sau khi toàn bộ quân đội Mỹ đã rút khỏi Việt Nam và Đệ Thất Hạm Đội cũng đã ra thật xa, trong chuyến Kissinger đi Bắc Kinh, Thủ tướng Chu Ân Lai cự nự về việc có một tuần dương hạm của Mỹ tên là *The Oklahoma City* lại đi qua eo biển Đài Loan, cách lục địa chỉ có 25 cây số. Mời độc giả nghe ông Kissinger đã xin lỗi ông Chu như thế nào:

- Ngoại trưởng Kissinger: "Tôi có một số trả lời cho những câu hỏi ngài đặt ra hôm qua. Thứ nhất về chiến hạm Oklahoma City ..."
- Thủ tướng Chu: "Bây giờ nó đã đi vào tới Hồng Kông rồi."
- Ngoại trưởng Kissinger: "Đúng vậy. Tôi muốn nói rằng ít nhất cũng có một lần Ngài đã sai lầm khi nói với chúng tôi những chuyện này, nhưng Ngài đã nói đúng, và không có câu trả lời nào khác ngoài việc **đây là thật ngu đần**. Trước khi sang đây, chúng tôi đã cấm chỉ máy bay (của Mỹ) không được bay tới bất cứ chỗ nào gần Trung

Quốc, nhưng chúng tôi đã quên không bao gồm cả chiến hạm Mỹ nữa. Bởi vậy tôi chỉ có thể xin lỗi ngài. Thật là 'bad taste'. Nó là việc hợp pháp (vì tầu bè chưa bị cấm) nhưng **ngu đần** ("...but you were right and there is no answer except stupidity. Before coming here we had prohibited airplanes coming anywhere close to China, but we forgot to specify ships. So I can only apologize. It was bad taste. It was legal but stupid").

- Thủ tướng Chu: "Chính quyền Đài Loan đang quảng cáo việc này."
- Ngoại trưởng Kissinger (nói với ông Winston Lord): "Ta có thể tìm hiểu xem tại sao họ biết chuyện này không?"
- Thủ tướng Chu: "Chúng tôi biết được là qua chính quyền Đài Loan, chỉ sau khi họ nói về sự việc này thì chúng tôi mới biết."
- Ngoại trưởng Kissinger: "Tôi chỉ có thể nói rằng đây thật là **ngu đần**. Khả năng về sự ngu đần này là vô hạn. Tôi không thể nghĩ ra sự **ngu đần** mới nào nữa mà người ta còn đang nghĩ tới..."

Độc giả lưu ý là trong chỉ có vài câu mà ông Kissinger đã dùng chữ 'ngu đần' (stupid) tới bốn lần để nói về việc tầu Mỹ Oklahoma đi vào eo biển đài Loan.

Trấn an Trung Quốc sau khi Miền Nam sụp đổ

Ngày 1 tháng 12, 1975: Chỉ 7 tháng sau khi Miền Nam sụp đổ, ông Kissinger đã sắp xếp để người kế vị TT Nixon là TT Ford đi Bắc Kinh năm ngày và gặp Chủ tịch Mao. Trước chuyến đi, ông Kissinger đã cố vấn TT Ford:

"Tôi tin rằng sau đây là những điểm căn bản mà Ngài muốn nói (với ông Mao):

- Ngài sẽ cố gắng hết sức để tăng cường giây liên lạc với

DEPARTMENT OF STATE

Washington, D.C. 20520

TOP SECRET/SENSITIVE
EXCLUSIVELY EYES ONLY

MEMORANDUM OF CONVERSATION

PARTICIPANTS: Prime Minister Chou En-lai

Foreign Minister Chi Peng-fei

* * *

Secretary of State Henry A. Kissinger

Ambassador David Bruce, Chief, U.S. Liaison Office

* * *

Prime Minister Chou: Obviously if you agree to our views, it will be all right. We have tried our best to take in your main points.

Secretary Kissinger: I think we will have no difficulty. Maybe on our side it should be Mr. Hummel and Mr. Lord.

I have some answers to some of the questions you asked yesterday. First, about the Oklahoma City. I would like to be able to say....

Prime Minister Chou: The City is already in Hong Kong.

Secretary Kissinger: That's right. I wanted to say that for once I wish you were wrong in pointing these things out to us, but you were right and there is no answer except stupidity. Before coming here we had prohibited airplanes coming anywhere close to China, but we forgot to specify ships. So I can only apologize. It was bad taste. It was legal but stupid.

Prime Minister Chou: The Taiwan authorities are getting great publicity about it.

Secretary Kissinger (to Lord): Can we find out how they knew about it?

Prime Minister Chou: We learned about this news from the Taiwan authorities because only when they talked about these facts did we know about it. We learn about activities of vessels or planes in Taiwan space because they have islands that are quite close. They use these as instances. They derive merits from it because they make publicity of the fact that ships have come close to them.

Secretary Kissinger: I can only say it was stupidity. The capacity for stupidity seems to be infinite. I can't think of what new stupidity people are thinking up.

Trung Quốc. Ngài tin rằng phát triển mối bang giao này là quyền lợi căn bản của chúng ta và Ngài sẽ theo đuổi việc này một cách mạnh mẽ trong những năm tới."

Ngày 7 tháng 12, 1975: Vừa từ Bắc Kinh về, TT Ford tuyên bố *'Học thuyết Thái Bình Dương'* (Pacific Doctrine) kêu gọi bình thường hóa toàn diện quan hệ với TQ và cộng tác kinh tế trong toàn thể Á Châu.[8]

Dĩ nhiên Mỹ đã thỏa mãn điều kiện để bình thường hóa toàn diện với TQ, đó là rút khỏi eo biển Đài Loan. Cuối tháng 5, 1975: chỉ một tháng sau khi Miền nam sụp đổ, Hoa Kỳ đã rút đội phi cơ chiến đấu cuối cùng ra khỏi Đài Loan. Có nghĩa là từ đó những hạm đội Đông Hải của TQ có thể theo con đường nhanh nhất tràn xuống phía Nam. Như vậy là hai cửa vào Biển Đông đều đã mở rộng. Tương lai của vùng này trở nên đen tối. Trung Quốc chỉ cần mua thời gian để chuẩn bị chờ cho tới đúng lúc mới ra tay: bắt đầu từ 2014 - 2015.

THE SECRETARY OF STATE
WASHINGTON

~~TOP SECRET~~/NODIS

MEMORANDUM FOR: The President

From : Henry A. Kissinger HK

Subject : Your Meeting with Chairman Mao

This book provides you with background material for your meeting with Chairman Mao Tse-tung, including papers which give you a sense of his personal style and viewpoints, essays on his historical approach to the key domestic issue (national development) and the key international issue (the Sino-Soviet dispute), and the verbatim records of President Nixon's and my talks with the Chairman. This paper will focus more sharply on your meeting itself -- what you can expect from him, and the lines I suggest you take.

• • •

-- You are strongly dedicated to the further strengthening of ties with the People's Republic of China. You believe it is in our fundamental national interest to develop this relationship and you will pursue it vigorously in the coming years.

-- Our two countries share some basic common perceptions of the world situation. The United States will continue to play a strong role on the international scene. Your own convictions and record as a Congressman and President show your • • •

Sau khi Miền Nam sụp đổ, Ngoại Trưởng Kissinger sắp xếp để TT Ford đi Bắc Kinh thăm Chủ tịch Mao (bắt đầu từ 2/12/1975).
(Hình: "fordlibrarymuseum.org/images)

CHƯƠNG 26

Bước Ngoặt Của Chính Sách Trung Quốc

Nhìn lại lịch sử bang giao với Trung Quốc trong bốn thập niên qua mà các nhà làm chính sách Mỹ phải giật mình. Hóa ra *"Bắc Kinh có chiến lược bí mật 100 năm để* **thay thế Hoa Kỳ trong vai trò cường quốc số một trên thế giới vào năm 2049, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Quốc."** Đó là luận chứng của Michael Pillsbury, một chuyên gia nổi tiếng về Trung Quốc(TQ) trong cuốn sách *Cuộc Chạy Đua 100 năm* (The Hundred Year Marathon) mới xuất bản năm 2015. Tác giả đã chứng minh rất thuyết phục là để đi tới mục tiêu này thì từ khi hai ông Nixon-Kissingermở cửa Bắc Kinh "TQ đã ru ngủ Hoa Kỳ, từ các tổng thống, các Bộ Trưởng, các nhà phân tích, các nhà làm chính sách để họ tin rằng 'TQ là một quyền lực ôn hòa, không có hại, xứng đáng được Mỹ ủng hộ.' "

Ngày 12 tháng 6, 2011 trên đài CNN, nhà bình luận Fareed Zakaria hỏi ông Kissinger xem 40 năm trước đây liệu ông có một ý niệm nào là Trung Quốc sẽ có thể trở thành một cường quốc đủ sức cạnh tranh với Hoa Kỳ về cả kinh tế lẫn kỹ thuật hay không, Kissinger đã trả lời: *"Thật không thể tưởng tượng ra được. Không ai đã nhận thức hay mong đợi điều này."* Trả lời như vậy là nói dối, vì chính ông Kissinger không những đã 'tưởng tượng ra được' mà còn mong đợi điều này. Đó là vì

40 năm trước ông đã đưa Trung Quốc lên ngang hàng với hai cường quốc Hoa Kỳ và Liên Xô, để cả ba chụm lại thì vững như kiềng ba chân, cấu trúc thành một cái trục quyền lực - "Tripolarity" cân bằng.

Cùng trong buổi phỏng vấn với ông Zakaria, ông Kissinger đã nói lên một câu làm cho nhiều người bàng hoàng.

- Zakariat; "Trung quốc đã cố gắng tìm sự yểm trợ của Hoa Kỳ để canh tân hóa nền kinh tế lạc hậu...ngày nay một chương mới của chính sách ngoại giao Trung Quốc đã bắt đầu mở ra. Sau khủng hoảng kinh tế 2008, nhiều người ở Trung Quốc cho rằng đã có sự thay đổi căn bản về quyền lực, cho nên hoạt động ngoại giao của Trung quốc cũng như kết quả thu lượm được phải phản ảnh sự thay đổi ấy."

- Kissinger: **"Hoa Kỳ chỉ có ưu thế trong 50 năm vừa qua còn Trung Quốc đã nắm ưu thế 1,800 năm trong 2,000 năm."** (We have been dominant in the last 50 years the Chinese have been dominant in 1,800 of the last 2,000 years).

Câu trả lời vắn gọn đã biện hộ là TQ đâu có cần Mỹ. Nhưng trong 40 năm qua thì TQ đã nhờ quá nhiều vào Mỹ để mới có ngày hôm nay. Năm 2011, trong một buổi thảo luận về chính sách ngoại giao tại Trung Tâm nghiên cứu Woodrow Wilson ông Kissinger còn nói rõ hơn:**"Trung Quốc đã xoay xở sống lai rai qua 3,800 năm... mà không có sự yểm trợ nào của Mỹ,"** và ngày nay ***"Trung Quốc đang trở về chỗ đứng mà họ tin rằng luôn luôn là vị thế của họ, đó là trung tâm của Á Châu."***

Thông minh như ông mà không nhớ rằng dù cả mấy nghìn năm không cần yểm trợ của Mỹ nhưng TQ đã sống trong cảnh nghèo nàn, các nhà quan sát gọi là một "thảm kịch Á Đông" (an Asian Drama). Đầu thập niên 1980, số người chịu cảnh nghèo cùng cực (extreme poverty) - có nghĩa là sống dưới $1.25 một ngày (gồm đủ mọi thứ chi tiêu: nhà cửa, ăn uống, thuốc men, giáo dục, giải trí) - vẫn còn tới gần 85% dân số.

Về thái độ của người Mỹ, Kissinger còn chỉ trích: "Chúng ta (luôn cho rằng mình) biết câu trả lời cho mọi vấn đề, và sứ mệnh của chúng ta là phải xây dựng lại thế giới theo đúng như hình ảnh của Hoa Kỳ." Chắc ông muốn nói phải xây dựng lại

thế giới theo quan niệm của ông. Đúng như vậy vì vào tháng 8, 2014, trên tuần báo The Economist, Kissinger lại viết về Một Trật tự Thế giới mới theo quan niệm của ông, cũng chẳng có gì mới.

Bước ngoặt của chính sách Trung Quốc

Nhờ ông Kissinger tiếp sứcTQ đã có được bốn thập niên phát triển thật nhanh trong hòa bình và ổn định. Nhìn lại lịch sử thì ta thấy không những TQ đã ru ngủ nước Mỹ mà còn cả Á Châu qua chính sách hợp tác, hài hòa: "ge zhi zheng yi, gong tong kai fa" – gạt bỏ tranh chấp, hợp tác khai phá. Lãnh đạo các nước cứ yên tâm, chúng ta sẽ cùng nhau tiến bộ. Nhưng từ khoảng 8 năm nay, lập trường đã thay đổi tới 180 độ: hiểm họa TQ nổi lên như sóng cồn. Các quốc gia trong vùng và cả Á Châu bây giờ rung động. Tại sao TQ thay đổi hẳn lập trường? Như đã đề cập trong Chương 25, sau khi mở được hai cửa vào Biển Đông, Bắc kinh chỉ cần chờ đợi cơ hội thuận tiện. Ngày nay thì cơ hộiấy đã đến vì TQ thấy mìnhcó đủ cả ba yếu tố làm nền tảng cho thắng lợi: thiên thời, địa lợi, và nhân hòa.

Thiên thời

Năm 2008 là năm có **bước ngoặt** của Trung Quốc vì nhiều biến cố đã xảy ra. Đây là một mốc thời gian rất quan trọng vì từ năm này cho tới ngày nay, 'thiên thời' đã đến với bốn sự kiện tóm tắt như sau:

• *Thứ nhất* là cuộc khủng hoảng kinh tế tại Mỹ và hầu như trên toàn cầu. TQ cũng bị ảnh hưởng phần nào, nhưng người dân phải hứng chịu chứ chính phủ thì lại thu được nhiều ngoại tệ hơn để mua sắm vũ khí tối tân, trang bị cho hải lực và không lực.

• *Thứ hai,* Mỹ và các nước Đông Âu bị sình lầy thêm nữa ở Trung Đông. Cuộc chiến chống khủng bố đã buộc Hoa Kỳ phải tiêu hao quá nhiều sức mạnh quân sự, tiền bạc và thời gian. Mặt trận Iraq, Afghanistan lán tới Syria, ISIS. Rồi vấn đề Do

Thái – Palestine, Do Thái – Iran. Từ hai năm nay, khủng hoảng ở Ukraine lại là một cái nhức nhối khác. Tình huống này làm cho lỗ hổng về quyền lực tại Á Châu (từ sau khi rút khỏi Việt Nam) lại càng sâu hơn.

• *Thứ ba*, năm 2008, người ra tranh cử tổng thống Mỹ trên lập trường hòa hoãn, chống chiến tranh đã thắng cử, đó là TT Obama.

• *Thứ tư*, vì khó khăn kinh tế và tài chính, tổng thống Obama lại quyết định cắt xén cả ngân sách quốc phòng.

Địa lợi

Ở khu vực 'Chín vạch -Biển Đông' thì TQ lại có lợi thế. Từ bao nhiêu thế kỷ, TQ vẫn cho rằng, ngoài khía cạnh chính trị và văn hóa, vị trí của mình rất thuận lợi cả về địa lý nữa là vì ở vào chỗ chính giữa, nơi trung tâm của Á Châu, có thể giương đông kích tây. Việc chọn một số hải đảo, bãi đá ở Biển Đông làm nơi tranh chấp, phô trương lực lượng thì rất có lợi, là vì: *thứ nhất*, tại nơi đây, cán cân lực lượng không còn bị quá lệch như khi Hoa Kỳ còn tham chiến ở Việt Nam. Sự hiện diện của hải lực và không lực TQ bây giờ đã mạnh mẽ: tầu ngầm, hàng không mẫu hạm, máy bay stealth ở ngay Thái Bình Dương đang khi hải lực Mỹ lại trải dàn ra ở khắp các đại dương.

Nhân hòa

Lập trường 'diều hâu' được giới trung lưu TQ và thế hệ trẻ ủng hộ. Thế hệ trẻ không chứng kiến sự nghèo đói và cảnh hỗn loạn của Trung Quốc trong thời kỳ 'Cách mạng Văn hóa' (Cultural Revolution). Trái lại từ 40 năm qua họ chỉ thấy TQ ngày một phát triển, ngày một giầu có, hùng mạnh. Tầng lớp trung lưu thì càng ngày càng đông, họ muốn hãnh diện với thế giới (vì đã bị làm nhục trong quá khứ) nên đang ủng hộ một chính sách ngoại giao và quân sự cứng rắn. Mới một thập niên trước đây họ chỉ muốn tập trung vào phát triển kinh tế, buôn bán để sớm trở nên giầu có. Phe 'diều hâu' tin rằng Trung Quốc

phải lấy lại uy quyền, địa vị của một đại quốc đã có từ ngàn xưa. Như ông Kissinger đã khẳng định "Trung Quốc đang trở về chỗ đứng mà họ tin rằng luôn luôn là vị thế của họ, đó là trung tâm của Á Châu." Ông Kissinger ca ngợi lãnh đạo TQ đương nhiệm: "Tôi mới chỉ gặp Chủ tịch Tập Cẩn Bình một vài lần, nhưng tôi đã rất ấn tượng bởi quyết tâm và sự can đảm của ông ấy. Ban lãnh đạo mới đã bắt đầu tiến hành một loạt cải cách. Những cuộc cải cách này có thể không diễn ra một cách êm ả, nhưng tôi tin rằng ông ấy có ý chí và khả năng để vượt qua những vấn đề đó" (*Washington Post,* 9 tháng 10, 2012).

Trung Quốc lật ngược thế cờ

Để biện hộ cho việc giao hảo với Bắc Kinh, TT Nixon viết cho Quốc Hội Hoa Kỳ *"Việc Trung Quốc có được một vai trò thích ứng trong việc định hướng những sắp xếp quốc tế có ảnh hưởng tới những vấn đề của họ là đi đôi với quyền lợi của Hoa Kỳ và của thế giới."* Đó là vì: *"Trung quốc và Hoa kỳ chia sẻ nhiều quyền lợi song hành và có thể cùng nhau hành động để làm cho đời sống của nhân dân hai nước thêm phong phú."* [1]

Khi chiếc máy bay Air Force One vừa đáp xuống phi trường Bắc Kinh (ngày 22 tháng 2, 1972), lễ nghi đón ông thật là trang nghiêm, long trọng. Ông viết lại về lúc Thủ tướng Chu Ân Lai gặp ông: *"Khi bàn tay chúng tôi bắt vào nhau, một kỷ nguyên đã chấm dứt và một kỷ nguyên khác đã mở ra."* (When our hands met, one era ended and another began). Từ lúc ấy, TQ đã thành một 'đồng minh ngụ ý' ('tacit Ally') của Hoa Kỳ. (nơi đây chúng tôi thêm một chi tiết: TT Nixon nhớ một sự việc không mấy tốt đẹp thời TT Eisenhower: khi Ngoại trưởng Foster Dulles đi họp Hội Nghị Geneva, ông Chu Ân Lai đưa tay ra để bắt nhưng ông Dulles lờ đi, quay mặt đi chỗ khác. Bởi vậy, lần này gặp ông Chu, chính ông Nixon đi tới phía ông Chu và giơ tay ra để bắt trước).

Nhưng ngày nay với những gì đang xảy ra cho Á Châu và cho cả Mỹ thì thay vì trở thành bạn đồng hành để xây dựng hòa bình thế giới, Trung Quốc đã lật ngược thế cờ để đối đầu

với Mỹ. Việc Trung quốc thay đổi chính sách và chiến lược đối ngoại thì càng ngày càng trở nên rõ ràng hơn:

Về chính sách: đối với Mỹ và các nước quanh vùng, cách đây gần bốn thập niên, ông Đặng Tiểu Bình đề nghị giải pháp dung hòa, không quan tâm nhiều tới tranh chấp mà chỉ nhắm vào cộng tác để phát triển: "zhu quan zai wo, ge zhi zheng yi, gong tong kai fa" (chủ quyền ở ta, gạt bỏ tranh chấp, hợp tác khai thác). Nhưng ngày nay các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã theo đuổi chính sách ngược lại. Thay vì hài hòa là tranh chấp, thay vì cùng phường là đối phương như ta đều đã biết.

Về chiến lược và chiến thuật: TQ áp dụng một chiến lược nhằm phát triển tối đa sức mạnh quân sự, tài trợ bằng một ngân sách quốc phòng tăng trưởng với tốc độ đôi khi còn nhanh hơn cả tăng trưởng kinh tế. Theo nhiều nhà phân tích, chiến thuật mới của TQ bao gồm những khía cạnh sau:

- **Đối với Mỹ**, TQ lật ngược thế cờ: nếu như 40 năm trước đây, chiến lược của TT Nixon và Cố vấn Kissinger là: Hoa kỳ "đánh ván bài Trung Quốc" (playing the China card) để cân bằng với Nga Xô,thì bây giờ TQ "đánh ván bài Nga Xô" (playing the Russian card) để cân bằng với Hoa Kỳ. Trung – Nga đang trở thành một cái trục chống Mỹ càng ngày càng mạnh mẽ thể hiện qua những hành động về mọi mặt:

    - Về quân sự, ngày 12/4/2015 Moscow tuyên bố TQ là khách hàng đầu tiên mua những dàn phòng không tối tân S-400 vừa mới sản xuất. Tất cả là 6 dàn, trị giá $3 tỷ, được hoàn tất vào năm 2017. Loại này có thể bắn rơi tất cả những máy bay và chận lại những tên lửa trong vòm trời rộng tới250 dặm. Trên hai tuần sau, ngày 30/4/2015 Bắc Kinh và Moscow lại tuyên bố: 'lần đầu tiên hai nước sẽ thao diễn hải quân chung với nhau trên biển Địa Trung Hải.'Tháng 8/2015, có tin TQ thử nghiệm

hỏa tiễn siêu-siêu thanh Hypersdonic WU-14, và muamáy bay sát thương tối tân F-35 của Nga.

o Về kinh tế - tài chính:

- Tháng 4/2014 cũng lần đầu tiên, Nga loan tin sẽ bán dầu khí cho TQ theo một hợp đồng 30 năm trị giá $400 tỷ.
- Tháng 11/2014, hai bên thỏa thuận về kế hoạch xây dựng thêm một đường ống dẫn dầu lửa và dầu khí của Nga tới người tiêu thụ ở TQ.
- Tháng 3/2015, lại một hợp đồng để sản xuất máy bay hàng không dân sự loại lớn bay xa, sẽ hoàn thành vào năm 2025.Dự án trị giá $13 tỷ, phần lớn là tiền của TQ. Đổi lại,
- Nga sẽ trở thành một trong những cổ đông quan trọng nhất của Ngân Hàng Đầu Tư Hạ Tầng Cơ Sở Á Châu (Asian Infrastruture Investment Bank) do TQ thành lập (để dần dần giảm bớt vai trò của Ngân Hàng Thế Giới WB).
- Ngoài ra còn việc cộng tác chặt chẽ về thương mại song phương để thanh toán bằng đồng nhân-dân-tệ và đồng rúp, không qua đồng đô la, dần dần hạ bệ đồng đôla trong vai trò là đồng tiền dự trữ của các ngân hàng trung ương thế giới (như đề cập trong Cương 25).

o Về kỹ thuật: qua 'chiến tranh cyber' Trung – Nga tấn công mạng lưới của Mỹ, lấy được số lượng dữ liệu khổng lồ về nhân sự, an ninh, quốc phòng, thương mại như truyền thông đã loan tin liên tục trong vài năm qua. TQ còn cho biết sẽ là đối tác chính của Nga trong chương trình kỹ thuật để thiết lập một trạm khoa học trên mặt trăng vào năm 2024.

o Về chính trị - ngoại giao: Chủ tịch Tập Cẩn Bình và TT Putin đã gặp nhau 5 lần vào năm 2014. Người ta cho

rằng trong năm 2015 cũng sẽ ít nhất là 5 lần.

• Đối với các quốc gia trong vùng Biển Đông thì:

Thứ nhất, áp dụng chiến lược hăm dọa, khiêu khích, cho rằng vì đây không phải là tấn công thật sự nên không gây ra chiến tranh, nhưng đặt đối phương vào thế thủ, phải đàm phán. Đàm phán có nghĩa là phải nhượng bộ, có đi có lại.

Thứ hai, mỗi lần tranh chấp thì chỉ nhắm vào một hòn đảo hay một bãi đá của từng nước (Việt Nam, Phi Luật Tân, Malaysia, Borneo, Indonesia): cứ tỉa dần dần. Người ta gọi chiến lược này là 'salami slicing' - cắt từng miếng xúc xích.

Thứ ba, đặt các bên tranh chấp vào một tình huống là "sự đã rồi" (fait accompli). Thí dụ như ngay trước cuộc họp ASEAN ở Malaysia vào tháng 8, 2015, Bộ trưởng Ngoại Giao TQ Wang Yi bất chợt tuyên bố (5/8/2015) là "TQ đã ngừng, không đòi hỏi thêm đất đai ở Biển Đông nữa." Ông yêu cầu các bên tranh chấp giải quyết vấn đề trong hòa bình. Như vậy: TQ được tiếng là có thiện chí. Nhưng sự thật thí khác: cho đến thời điểm đó, TQ đã chiếm được 7 đảo nhỏ ở Trường Sa, bây giờ thì ngừng, nhưng đặt tất cả các quốc gia tranh chấp và Hoa Kỳ vào cái thế "việc đã rồi" (fait accompli) không thể đòi TQ rút khỏi 7 hòn đảo này. TQ chờ ít lâu cho dư luận lắng xuống rồi lại bắt đầu đòi thêm?

Thứ tư, đánh du kích trên biển: 'địch tiến ta lùi, địch lùi ta tiến.' Nếu địch tiến, ta rời khỏi bãi cạn, rút về chiến khu là biển cả. Nếu địch lùi, ta lại quay về bãi cạn. Cứ giằng co mãi rồi đối phương sẽ đuối sức, mệt nhoài.

Thứ năm, trước dư luận quốc tế, luôn đổ lỗi cho các nước khác quấy nhiễu hoạt động bình thường của TQ, thách đố chủ quyền của mình.

Thứ sáu, khi có áp lực phải đàm phán thì chống đối giải pháp đa phương, và áp đặt giải pháp đàm phán tay đôi: Scarborough thẳng với Phi Luật Tân; Hoàng Sa và Trường Sa trực tiếp với Việt Nam; và Kinsaku thẳng với Nhật.

Á Châu xích lại gần Mỹ

Thế nhưng hành động của TQ đặc biệt là từ 2012 đã đem lại một phản ứng có thể ngược hẳn với những tính toán của Bắc Kinh. Từ chuyển hướng rời xa Mỹ, bây giờ các quốc gia này xoay chiều, bắt đầu xích lại gần với Mỹ. Một vị tướng của Hoa Kỳ ở Á Châu Tướng không quân Mỹ Herbert Carlisle cũng nhận xét: *"Thái độ hung hăng của Trung quốc mang lại nguy cơ là họ đã tính toán sai lầm. Đó là điều chúng tôi cân nhắc mỗi ngày."* Ông Carlisle là người chỉ huy cao nhất của lực lượng không quân Hoa Kỳ tại khu vực Thái Bình Dương. Ông bình luận thêm: *"các chính sách của Trung Quốc đang khiến Washington tăng cường các mối liên hệ trong khu vực... một số hành xử hung hăng của họ trong thực tế đã đẩy bạn bè chúng tôi lại gần chúng tôi hơn, họ là những người mong muốn chúng tôi hiện diện ở đó"*.

Ngày 27 tháng 5, 2015 để bắt đầu chuyến viếng thăm Á Châu trong 10 ngày xúc tiến giai đoạn thứ hai của chiến lược xoay trục, tân Bộ trưởng QP Hoa Kỳ Ashton Carter tuyên bố rõ ràng tại Căn cứ Pearl Harbor ở Hawaii: ***"Việc TQ không tuân theo những chuẩn mựcquốc tế đã thúc đẩy các quốc gia trong vùng hướng về sư chọn lựa Hoa Kỳ."*** Và thêm rằng: *"Những hành động của TQ còn đưa các quốc gia trong vùng xích lại gần nhau hơn theo những cách thức mới.* ***Và những quốc gia này ngày càng yêu cầu Mỹ dính líu nhiều hơn nữa vào Á Châu Thái Bình Dương. Chúng tôi sẽ đáp ứng những yêu cầu đó."***

Nhật Bản vươn lên

Trong thập niên đầu của Thế kỷ 21 Nhật vẫn còn cố gắng hòa hoãn với TQ, cho rằng mình ở vị trí của một người khổng lồ nhỏ phải lựa chọn giữa hai người khổng lồ lớn hơn (Hoa Kỳ và Trung Quốc), cho nên giới lãnh đạo "Chính Phủ Xanh" (Blue Government), đặc biệt là phe ông Ozawa Ichiro (Chủ tịch rồi Tổng Bí Thư Đảng Dân Chủ Nhật) đã nhiệt tình về việc

chuyển lòng trung thành từ Mỹ sang Trung Quốc. Nhưng họ đã thất vọng. Người TQ vẫn còn uất ức với Nhật và chưa quên được mối hận thù ngày trước khi bị Nhật chiếm đóng. Biến cố ở đảo Kinsaku (ngày 7 tháng 9, 2010) đã dẫn đến những tranh chấp về hải phận, không phận, với hậu quả là thúc đẩy Nhật Bản trở lại quỹ đạo của Mỹ. Bộ Quốc phòng Nhật đánh giá rằng rõ ràng là Trung Quốc đã trở thành "mối đe dọa chính" đối với an ninh của Nhật Bản, và rằng Nhật Bản cần phải:

- Tăng ngay sức mạnh quân sự;
- Tăng cường sự liên minh với Mỹ bằng cách bỏ qua những tranh cãi trước đây; và
- Tăng cường việc bảo vệ an ninh của mình bằng cách xây dựng một khuôn khổ liên minh và hỗ trợ các quốc gia vùng Đông và Nam Á Châu.

Cả ba nỗ lực này đã được đẩy mạnh đặc biệt là từ ngày ông Shinzo Abe – chính phủ đỏ (The Red Government) lên làm Thủ tướng vào tháng 12, 2012. Về quân sự, Bộ Quốc Phòng Nhật Bản, một bộ có tiếng là 'chống TQ" ngày nay đã có được một vị thế lớn. Lực lượng vũ trang Nhật Bản đang được nhân dân ngày càng ủng hộ, đặc biệt là vì đã có những hoạt động anh hùng cứu nguy một trong ba lò nguyên tử bị nóng sau thiên tai 'sóng thần' (tháng 3, 2011) ảnh hưởng đến vùng Đông Bắc Fukushima (liều mạng để tưới nước vào lò, rồi phân phối tức khắc thực phẩm cho nạn nhân). Kinh nghiệm này đã gây nên một sự thay đổi thái độ trong dư luận Nhật, đi tới việc ủng hộ kế hoạch tái vũ trang, tăng ngân sách quốc phòng, ngay cả trong khi có khó khăn tài chính nghiêm trọng. Thủ tướng Shinzo Abe lại tự giải thích điều 9 Hiến pháp của Nhật (điều khoản cấm hiếu chiến) để cho phép quân đội hành động đi xa hơn là việc chỉ bảo vệ lãnh thổ Nhật.

Tháng 4, 2015 Mỹ và Nhật thỏa thuận về những Hướng Dẫn Mới về cộng tác quốc phòng giữa hai nước để - nếu QH Nhật chấp thuận – sẽ cho phép điều động quân đội Nhật đi chiến đấu ở ngoại quốc trong nhiều hoàn cảnh. Hè 2015, QH Nhật đã bắt đầu tranh luận về những đạo luật để sửa đổi luật

an ninh quốc gia, cho phép quân lực Nhật hành động theo mục tiêu "tự vệ chung" (collective self-defense) trong trường hợp Hoa Kỳ, là đồng minh gần gũi nhất của nước Nhật bị tấn công.

[Tuy nhiên ta cũng phải để ý rằng: về vai trò của Trung Quốc và của Nhật Bản thì lịch sử chỉ mới cho ta thấy hai trường hợp: hoặc là 'Nhật Bản mạnh, Trung Quốc yếu' (khi TQ bị Nhật chiếm đóng) hoặc là 'Nhật Bản yếu, Trung Quốc mạnh' (thế kỷ 16-18) nhưng chưa bao giờ cả hai bên đều mạnh. Đây lại là một tình huống mà chưa chắc các quốc gia Á Châu mong muốn!]

Về quan niệm của TQ đối với các nước láng giềng, trong cuốn sách *'The Rise of China vs The Logic of Strategy'* học giả Luttwak đã nhắc lại sự kiện lịch sử quen thuộc, đó là:

> "Trung quốc luôn cho mình mang một phong cách riêng của một nền văn minh vĩ đại, nhưng bị bao vây bởi những băng nhóm thiểu số man rợ ('minor gangs of barbarians'). Ngày nay Trung Quốc muốn khôi phục lại địa vị của họ khi ở đỉnh cao của quyền lực. Dù không hoàn toàn thống trị tất cả các quốc gia khác, Trung Quốc vẫn muốn những quốc gia này phải phục tùng hoặc phụ thuộc vào Trung Quốc, tất cả mọi người phải tôn vinh, thể hiện sự trung thành, và đặc biệt là khuất phục quyền tối cao của Trung Quốc. Danh từ mà Trung Quốc đặt cho khái niệm này – bắt đầu từ dưới triều Tây Hán (206-9 BC) - là Tianxia hay 'Thiên tử', quyền lực tỏa ra từ ngôi vị Hoàng đế. Cho nên các nước luôn phải 'triều cống.'
>
> Sự kiện này đã ảnh hưởng sâu xa đến một 'tâm lý về cách hành xử đối với những nhóm man rợ' (Barbarian-handling mentality), nó đã ảnh hưởng đến sự suy nghĩ của giới lãnh đạo Trung Quốc trong nhiều thế kỷ sau đó. Tuy nhiên các triều Hán cũng ít khi vượt trội về quân sự so với các 'bộ lạc du mục man rợ' cưỡi ngựa bao quanh vùng đất của người Trung Quốc và nhiều lần đã xâm lược và thống trị TQ qua nhiều thế kỷ. Chính vì điểm yếu tương đối này là lý do Trung Quốc phải xây dựng Vạn Lý Trường Thành để ngăn chận."

Đối với các nước vùng Lưỡi Bò thì ngày nay Trung Quốc đã dư sức để đàn áp. Nhưng có một điều chắc chắn, đó là nếu như TQ tiếp tục uy hiếp thì tối thiểu, các nước mà TQ gọi là những 'băng nhóm man rợ' cũng không để yên cho Trung Quốc tiếp tục phát triển và thành công trong ổn định, hòa bình như trong 40 năm nay.

Riêng đối với Việt Nam, có thể là các thế hệ lãnh đạo trẻ của Trung Quốc đã quên hoặc không biết đến sự kính phục mà chính thế hệ lãnh đạo cách mạng đàn anh đã dành cho con người Việt Nam. Mời độc giả đọc một ghi chú – một ghi chú cho lịch sử tiếp theo.

***

Ghi chú cho lịch sử

Người vẽ Đường Lưỡi Bò
Tâm Sự Điều Gì Với Ông Kissinger về Việt Nam

"Hai người nữ anh hùng ấy đã đánh bại tổ tiên của chúng tôi là những người bóc lột' (These two heroines who defeated our ancestors who were exploiters) Thủ tướng Trung quốc Chu Ân Lai nói với Cố vấn Tổng thống Mỹ Henry Kissinger. Đây là tài liệu của Tòa Bạch Ốc đã được giải mật ghi biên bản cuộc họp kín tại Bắc Kinh ngày 9 tháng 7, 1971. Lúc ấy ông Kissinger đi gặp ông Chu để sắp xếp chuyến viếng thăm của Tổng thống Nixon vào tháng 2, 1972. Cái nghịch lý là dù công nhận tổ tiên ông là như vậy nhưng chính ông Chu lại là người cho vẽ lên một hải tuyến của Trung Quốc gồm 9 cái vạch (giống như một hình Lưỡi Bò) với tham vọng bóc lột cả tương lai miếng ăn của nhân dân Việt Nam.

Về diễn tiến của hải tuyến 9 vạch thì nhìn lại lịch sử cận đại ta thấy: Vào năm 1947 sau khi Nhật đầu hàng và nhường lại nhóm quần đảo Hoàng sa, Trường sa và Pratas, Chính phủ

Trung Hoa Dân quốc Tưởng Giới Thạch xác định chủ quyền tại những đảo này dựa trên Tuyên bố của đồng minh tại Cairo và Postdam. Nhưng cũng nên nhớ rằng, trước đó sau khi Nhật lật đổ Pháp vào tháng 3, 1945, chính Đại sứ Nhật đã nhân danh Nhật Hoàng trao trả độc lập (có nghĩa là trao trả chủ quyền toàn thể lãnh thổ gồm cả hải đảo) cho Cựu Hoàng Bảo Đại: *"Tâu Hoàng Thượng, đêm qua, chúng tôi đã chấm dứt chủ quyền của Pháp ở đất nước này. Tôi được trao nhiệm vụ dâng nền độc lập của Việt Nam cho Hoàng Thượng."* Ngày hôm sau, vua Bảo Đại mời ông Yokohama tới để trao cho ông một bản sao của tuyên ngôn độc lập.

Tháng 2, 1948: một bản đồ hành chính của Trung Hoa Dân Quốc (chính phủ Tưởng Giới Thạch) có kèm theo một Phụ lục về "Bản đồ vị trí các đảo Nam hải" gồm 11 vạch được công bố.

Năm 1949: sau khi Mao Trạch Đông chiếm Trung Hoa lục địa, Thủ tướng Chu Ân Lai bỏ đi hai vạch ở Vịnh Bắc Kỳ và vẽ lại bản đồ chính thức gồm 9 vạch bao bọc hầu hết vùng Biển Đông.

Tháng 9, 1951: một Hiệp Ước Hòa Bình với Nhật gọi là 'Hiệp Ước San Francisco' (vì ký ở Memorial Opera House tại thành phố này) được 48 quốc gia tham dự và ký kết ngày 8 tháng 9. Trong số những quốc gia này không có cả hai chính phủ Trung quốc (Bắc Kinh và Đài Loan) nhưng có chính phủ Quốc Gia Việt Nam. Vì Hiệp ước này không đả động gì tới hai nhóm đảo Hoàng Sa – Trường Sa, lại trao đảo Pratas cho Liên Hiệp Quốc nên ngay trước và sau khi ký kết (ngày 15 tháng 8, và 18 tháng 9) Thủ tướng Chu Ân Lai tuyên bố Hiệp ước San Francisco là bất hợp pháp và khẳng định chủ quyền ở các đảo này.

Tháng 5, 1956: khi Phi Luật Tân xác định chủ quyền trên một hòn đảo trong nhóm Trường Sa đặt tên là Kalayan, lập tức Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa (VNCH) Ngô Đình Diệm công bố một thông cáo (ngày 1 tháng 6, 1956) khẳng định chủ quyền Việt Nam trên tất cả các đảo ở Trường Sa.

Tháng 8, 1958: Thủ tướng Chu Ân Lai tuyên bố với quốc tế quyết định về hải phận 12 hải lý kể từ đất liền của Trung quốc và các đảo Trường Sa và Hoàng Sa.

Ít người để ý tới sự kiện là ngay sau đó, chính phủ VNCH Ngô Đình Diệm đã phản đối tuyên bố của ông Chu bằng hành động (1959): ông cho trục xuất hết ngư dân Trung quốc ra khỏi nhóm đảo Crescent. Từ 1960 tới 1973, Trung quốc chỉ cho tầu đi tuần tiễu vùng biển giữa đảo Hải Nam và Hoàng Sa trung bình khoảng 5 lần một năm.

Tới năm 1974: như mọi người đã biết, thừa lúc VNCH cạn kiệt cả về quân sự lẫn kinh tế và đồng minh đã ngoảnh mặt đi sau Hiệp định Paris (tháng 1, 1973), Hải quân Trung quốc lại gây hấn tiến đến Hoàng Sa. VNCH dù cô thân cô thế cũng khai hỏa để chống cự. Trở lại câu chuyện tâm sự giữa hai ông Chu Ân Lai và Henry Kissinger ngày 9 tháng 7, 1971:

Thủ tướng Chu: Việt Nam là một nước anh hùng.

Dr. Kissinger: Họ là một dân tộc anh hùng, một dân tộc vĩ đại.

Thủ tướng Chu:

> **Họ là một dân tộc vĩ đại, anh hùng và đáng khâm phục. Hai nghìn năm trước đây Trung quốc đã xâm lược họ, và Trung quốc đã bị đánh bại. Lại bị đánh bại bởi hai người đàn bà, hai nữ tướng.**
>
> **Và khi tôi sang Việt Nam với tư cách là đại diện của Tân chính phủ Trung Quốc đi thăm viếng Hà Nội, tôi đã đích thân đến tận mộ hai nữ tướng ấy và đặt vòng hoa trên những ngôi mộ để tỏ lòng kính trọng đối với hai vị nữ anh hùng, họ là những người đã đánh bại tổ tiên chúng tôi là những người bóc lột."**

Về Hai Bà Trưng, sử gia Trần Trọng Kim ghi lại: "Năm Giáp Ngọ (năm 34 công nguyên) là năm Kiến Võ thứ 10, vua Quang Vũ sai Tô Định sang làm Thái Thú quận Giao Chỉ. Tô Định là người bạo ngược, chính trị tàn ác, người Giao chỉ đã có lòng oán giận lắm. Năm Canh Tí (năm 40) người ấy lại giết Thi Sách người ở huyện Châu Diên (phủ Vĩnh tường, trước thuộc về Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh Yên). Vợ Thi Sách là Trưng Trắc, con gái quan lạc tướng ở huyện Mê Linh (làng Hạ Lôi, Huyện Yên lãng, tỉnh Phúc yên) cùng với em gái là

Trưng Nhị nổi lên đem quân về đánh Tô Định. Bọn Tô Định phải chạy trốn về quận Nam Hai. Lúc bấy giờ những quận Cửu Chân, Nhật Nam và Hợp Phố cũng nổi lên theo về với hai bà. Chẳng bao lâu quân hai bà hạ được 65 thành trì. Hai bà bèn xưng vương, đóng đô ở Mê Linh, là chỗ quê nhà." Rồi ông bình luận: "Hai bà họ Trưng làm vua được ba năm, nhưng lấy cái tài trí người đàn bà mà dấy được nghĩa lớn như thế, khiến cho vua tôi nhà Hán phải lo sợ, ấy cũng là đủ để cái tiếng thơm về muôn đời."Thủ tướng Chu Ân Lai, một con người học thức uyên thâm đã biết quá rõ về lịch sử nhà Hán cũng như những triều đại khác nên rất khâm phục khí phách của người Việt.

Ngày nay thì giới lãnh đạo Bắc Kinh luôn dùng lịch sử để chứng minh chủ quyền của mình về Hoàng sa. Thí dụ như tại diễn đàn an ninh Đối thoại Shangri-La ở Singapore tháng 6/2014, Phó tham mưu trưởng quân đội Trung Quốc Vương Quán Trung (Wang Guanzhong) tuyên bố: *"Bản đồ gồm tuyến 9-vạch là phản ảnh hai nghìn năm lịch sử Trung Quốc."* Tháng 6/2015 Bộ trưởng Ngoại Giao Trung Quốc Wang Yi lại khẳng định: *"Một ngàn năm trước đây Trung Quốc là một quốc gia lưu thông rất lớn trên mặt biển. Vì vậy, TQ là nước đầu tiên đã tìm ra, đã sử dụng và đã quản lý nhóm đảo Trường Sa (Nansha). Việc TQ áp đặt chủ quyền của mình trên những hòn đảo này đã không thay đổi: nó không lán rộng ra, nhưngcũng sẽ không thu hẹp lại. Nếu không như vậy thì làm sao chúng tôi có thể đối mặt được với cha ông và tổ tiên của chúng tôi."*

Có thể là giới lãnh đạo Bắc Kinh ngày nay thuộc thế hệ trẻ cho nên đã không biết hoặc cũng chẳng cần để ý đến điều mà chính người Thủ tướng lỗi lạc nhất của Trung quốc đã nhìn nhận rằng *"Hai nghìn năm trước đây Trung quốc đã xâm lược Việt Nam" và như vậy "tổ tiên của chúng tôi đã là những người bóc lột."*

Chủ tịch Nga Vladimir Putin và Chủ tịch Tập Cận Bình nâng ly chúc tụng vào dịp ký kết Hợp đồng "30-năm Gasprom" ngày 21/5/2014. (Hình: "cnbc.com")

CHƯƠNG 27

Mỹ Đi Rồi Mỹ Lại Về

"Hoa Kỳ đã dính líu thật lâu và thật sâu đậm với Á Châu-Thái Bình Dương. Dù bất bình với nhau hay hài hòa với nhau, dù thặng dư ngân sách hay phải đi vay nợ. Chúng tôi đã ở nơi đây, chúng tôi đang ở nơi đây ngay bây giờ, và chúng tôi sẽ ở lại nơi đây trong tương lai."

Đây là phát biểu của Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ Leon Panetta tại Hội Nghị An Ninh Quốc Phòng ở Singapore ngày 22/6/2012. Lý do mà Mỹ đã và sẽ còn dính líu thật sâu đậm với Á Châu là để bảo vệ chính quyền lợi cuả Mỹ. Vậy những quyền lợi này là gì, nó đã thay đổi từ xưa tới nay ra sao, và bảo vệ như thế nào. Trong chương này chúng tôi tóm tắt những nhận xét rải rắc trong cuốn sách để bàn về chủ đề này. Trước hết là duyệt lại những biến cố lịch sử chính yếu liên hệ. Từ đó sẽ nhận xét về quyền lợi ngày nay và hành động của Hoa Kỳ. Nói tới bảo vệ là nói tới vai trò quan trọng của Ngũ Giác Đài về việc làm chính sách, thí dụ như chính sách 'chuyển trục về Á Châu.'

Nhiều người cho rằng tuy dù Mỹ có xoay trục nhưng cán cân lực lượng ở Thái Bình Dương cũng đã lệch hẳn đi rồi. Nhận xét này là đúng nhưng chỉ đúng có một phần. Bên cạnh cán cân lực lượng lại còn một cán cân khác, cán cân về kinh nghiệm. Từ chiến tranh Triều Tiên trên 60 năm trước đây, quân

đội cũng như lãnh đạo quân sự Trung Quốc chưa bao giờ tham gia những trận chiến thật lớn. Điều này là ngược lại với Hoa Kỳ. Từ chiến tranh Triều Tiên cho tới nay, người quân nhân và tổng tham mưu Hoa Kỳ ít khi được nghỉ ngơi, nhàn rỗi.

Ngoài yếu tố kinh nghiệm chiến trường, Trung Quốc còn nhiều khó khăn lớn lao đối nội cũng như đối ngoại. Cho nên, một điều khá chắc chắn là Bắc Kinh sẽ tính toán cho thật kỹ trước khi dấn thân vào một cuộc phiêu lưu với Mỹ ở Á Châu - Thái Bình Dương mà hậu quả thì không ai có thể tưởng tượng ra được.

***

"Tora, Tora, Tora" phi công Mitsuo Fuchida gửi mật hiệu về trung ương báo cáo đã thành công ở Trân Châu Cảng, lực lượng Mỹ bị oanh kích hoàn toàn bất ngờ. Nhật ăn mừng chiến thắng. Đó là 8 giờ sáng ngày 7 tháng 12, 1941. Cũng 8 giờ sáng gần bốn năm sau, quả bom nguyên tử đầu tiến rơi xuống Hiroshima (6 tháng 8, 1945).

Nhật đã tính lầm về phản ứng của Mỹ: đang kẹt cứng ở bên Âu Châu, Mỹ không thể nào đánh cả hai mặt trận một lúc. Như vậy, có thể gây một 'cú đấm' cho Mỹ mà không sợ phản ứng quá mạnh. Có ngờ đâu, ngay ngày hôm sau, Mỹ tuyên chiến với Nhật. Một điểm tính lầm nữa: Nhật cho rằng tấn công Trân Châu Cảng bất ngờ vào sáng Chủ Nhật thì chắc ăn vì tình trạng 'sẵn sàng ứng chiến' của hải quân Mỹ là thấp. Tính toán như vậy thì chỉ đúng một phần. Điều mà họ không nghĩ tới là vào sáng Chủ Nhật thì sĩ quan và binh lính Mỹ lại lên bờ ăn nghỉ ("week-end"), nên đã không bị thiệt mạng. Họ còn sống để chuẩn bị chiến đấu cho mạnh hơn: bốn tháng sau, không quân Mỹ oanh tạc Nhật (bắt đầu tháng 4, 1942), rồi tới trận hải chiến Midway (tháng 4-5, 1942). Khi chiến tranh với Đức đi vào giai đoạn kết thúc, Mỹ đã thay đổi ưu tiên chiến lược, tái phối trí lực lượng về Á Châu. Tháng 2, TQLC Mỹ dựng cờ trên núi Suribachi ở Iwo Jima. Tháng 3, 1945 Mỹ oanh tạc Tokyo, và tới tháng 8 là bom nguyên tử.

Năm năm sau đó, đến lần Trung Quốc tính lầm. Ông Mao điều động một số quân tới 1.34 triệu người tham chiến khi quân đội Bắc Hàn tràn qua vỹ tuyến 38 tấn công Nam Hàn. TT Truman cho ngay Tướng MacArthur làm Tư lệnh Quân đội Liên Hiệp Quốc chiến đấu trực diện. Ông còn muốn đánh thẳng vào Bắc Kinh nhưng TT Truman đã kềm ông lại. Cuộc chiến Triều Tiên gây tổn thất lớn cho TQ: tới 300,000 thương vong. Số người bị thương vong liên lụy lên tới 410,000. Chiến tranh Triều Tiên vừa chấm dứt,ông Mao Trạch Đông đã nghĩ ngay tới uy hiếp Đài Loan nhưng Mỹ phản ứng như dưới đây.

***

Nhìn lại lịch sử: mỗi khi quyền lợi Hoa Kỳ bị đe dọa

Mỗi khi tiếng chuông rung lên báo động có bão tố đến từ Thái Bình Dương đe dọa quyền lợi nước Mỹ là Washington hành động quyết liệt. Trường hợp Trân Châu Cảng là cơn bão áp thẳng xuống lãnh thổ Mỹ. Trường hợp Triều Tiên thì cơn bão còn từ xa nhưng đã chuyển sang cuồng phong. Trong chiến tranh Việt Nam: những lý do chính yếu nào đã làm cho Hoa Kỳ quyết định "*Ta phải nhảy vào?*" Thực tế nhất là phân tích những lập trường đã được xác định bằng văn bản từ khi quân đội ông Mao Trạch Đông tiến vào Bắc Kinh (cuối 1949-đầu 1950), đến khi Bắc Hàn bắt đầu tràn xuống Nam Hàn (1950), tới việc Trung Quốc vẽ "đường 9 vạch" - lưỡi bò (1951) đến chiến tranh Triều Tiên leo thang (1952). Trong thời gian này đã có những thẩm định rõ ràng thế nào là quyền lợi của Hoa Kỳ tại Biển Đông. Mời độc giả trở lại Chương 3 để tham khảo những văn bản nòng cốt sau đây:

- Huấn lệnh NSC số 48/1 ngày 30 tháng 12, 1949.
- Huấn lệnh NSC 64 (ngày 27 tháng 2, 1950).
- Phân tích của Bộ Tổng Tham Mưu (10 tháng 4, 1950): đưa ra bảy điểm cắt nghĩa thế nào là quyền lợi của Hoa Kỳ tại Vùng Biển Đông.

[Những tiết lộ này được nói tới trong cuốn sách vừa phát hành 'Hãy nghe: Những ghi âm bí mật của TT Kennedy tại tòa Bạch Ốc' (Listening in:The secret White House Recordings of John F. Kennedy) do Ted Widmer và Caroline Kennedy đồng tác giả].

1995-1996: khủng hoảng thứ ba ở eo biển Đài Loan

Hai mươi năm sau cuộc chiến Việt Nam, TQ lại thử thách ý chí của Hoa Kỳ. Từ ngày 21 tháng 7 năm 1995 tới 23 tháng 3 năm 1996, kéo dài 8 tháng và 2 ngày. Khủng hoảng này khởi đầu bằng việc Bắc Kinh cho tiến hành một loạt những vụ thử nghiệm tên lửa tại vùng biển xung quanh Đài Loan bao gồm eo biển Đài Loan từ ngày 21 tháng 7 năm 1995 đến ngày 23 tháng 3 năm 1996. Vào thời điểm này Bắc Kinh muốn cảnh cáo TT Đài Loan là Lý Tăng Huy khi ông thay đổi chính sách "Một Trung Quốc" và muốn tiến tới một nước Cộng Hòa Đài Loan. Tất cả có ba lần thử nghiệm chính:

* Đợt phóng tên lửa lần thứ nhất xảy ra từ ngày 21 tới 27 tháng 7, 1995;
* Lần thứ hai từ 15 tới 25 tháng 8, 1995; và
* Lần thứ ba từ 8 tới 15 tháng 3, 1996.

Tới lần thứ ba thì Hoa Kỳ phản ứng bằng những hành động mạnh mẽ nhất để biểu diễn sức mạnh quân sự của Mỹ tại Á Châu kể từ khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt. Tổng thống Clinton cho tăng cường sự có mặt của hải quân Mỹ tại Thái Bình Dương. Cùng ngày 8 tháng 3, Washington tuyên bố đã có lệnh cho nhóm 'Hàng Không Mẫu Hạm thứ Năm' (Carrier Group Five) dẫn đầu bằng tầu USS Independence tiến vào vùng biển quốc tế gần Đài Loan. Ngay ngày hôm sau (9 tháng 3), Trung Quốc lại công bố tập trận bắn đạn thật gần Penghu từ ngày 12 tới 20 tháng 3. TT Clinton lập tức cho nhóm 'Hàng Không Mẫu Hạm Bảy' (Carrier Group Seven) dẫn đầu bằng tầu USS Nimitz tiến thật nhanh từ Vịnh Ba Tư tới Đài Loan.Tình hình lại càng căng thẳng khi Bắc Kinh công bố sẽ có một cuộc

thao diễn đổ bộ giả dự định vào ngày 18 tới 25 tháng 3.

Nhưng trước sự sửa soạn để sẵn sàng chiến đấu của Hải Quân Mỹ, Trung quốc quyết định ngừng các cuộc tập trận. Khủng hoảng chấm dứt vào ngày 23 tháng 3, 1996.

Quyền lợi của Hoa Kỳ ở Biển Đông ngày nay

Như đã phân tích trên đây (và trong Chương 28), cái nhìn về quyền lợi thì có tính cách chủ quan vì còn tùy theo nhận thức của các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ vào từng thời điểm. Hành động của các TT Truman, Eisenhower, Kennedy, Johnson khác hành động của các TT Nixon, Obama. Lập trường của Ngoại trưởng Dulles khác với Ngoại Trưởng Kissinger. Cũng như vậy, tại Bắc Kinh, lập trường của Chủ tịch Đặng Tiểu Bình khác với Chủ tịch Tập Cẩn Bình.

Tuy nhiên, nói chung và nhìn lại lịch sử cuộc chiến Việt Nam thì ta có thể thấy bốn khía cạnh của quyền lợi Hoa Kỳ: an ninh quốc phòng, bảo vệ tuyến giao thông quan trong nhất, tài nguyên vùng Biển Đông và vai trò lãnh đạo cùng với ảnh hưởng của Hoa Kỳ.

Thứ nhất, an ninh quốc phòng

Biên giới lãnh thổ của Hoa Kỳ ở Miền Tây là Thái Bình Dương. Bờ biển California nằm ngay bên bờ Thái Bình Dương hướng thẳng tới vùng Quảng Đông, Quảng Châu của Trung Quốc, và Honolulu, đảo Guam, đảo Wake nằm ngay ở giữa, cho nên quyền lợi an ninh quốc phòng bị đe dọa trực tiếp nếu TQ có bất cứ hành động nào đe dọa (hay Washington coi là đe dọa) lãnh thổ lục địa hay hải đảo, hay tài sản của Hoa Kỳ. Thêm vào đó là đe dọa những nơi có sự hiện diện của quân đội Mỹ (biên giới Bắc và Nam Hàn) hay căn cứ quân sự của Hoa Kỳ ở Á Châu như Okinawa (Nhật Bản), Subic Bay và Clark Air Base (Phi Luật Tân), Utapao (Thái Lan), và mới đây là Darwin (Úc). Ngày nay nguy hiểm nhất là trường hợp chiến hạm TQ bắn vào chiến hạm hay hàng không mẫu hạm Mỹ. Ta nhớ lại biến cố tấn công doanh trại Mỹ ở Pleiku đã khai hỏa

cuộc chiến năm 1965: TT Johnson lập tức thay đổi lập trường tự kìm hãm, dẫn đến việc TQLC Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng.

Còn nếu như TQ xung đột quân sự với những quốc gia có Hiệp định Quốc phòng Song phương với Hoa Kỳ (có thể gồm cả Đài Loan vì '*Taiwan Act 1979*') thì đó là đe dọa an ninh Hoa Kỳ một cách gián tiếp. Cả trực tiếp, cả gián tiếp đều đòi hỏi Mỹ phải hành động.

Thứ hai, bảo vệ trục giao thông quan trọng nhất

Những tuyến lưu thông ở trên biển hay trên không ở vùng Biển Đông được liệt vào quyền lợi hàng đầu của Hoa Kỳ. Ngay từ năm 1950, khi "*Đánh giá chiến lược của Hoa Kỳ tại Đông Nam Á*" Tổng Tham Mưu Hoa Kỳ đã hoàn toàn đồng ý với huấn lệnh NSC 64 và xác định tầm quan trọng chiến lược của Đông Nam Á. Từ trước, Bộ Tham Mưu Lục Quân và nhiều nhà lãnh đạo quân sự chỉ coi ba quốc gia hải đảo là Nhật, Indonesia, và Phi Luật Tân là quan trọng, còn vai trò của Đông Nam Á chỉ là phụ thuộc. Nhưng tới đây thì xác định là cả khu vực lục địa Đông Nam Á tự nó đã có tầm quan trọng về chiến lược. Vì sao như vậy? Một trong sáu lý do chính là *"Về vị trí, nó nằm ngay giữa những trục giao thông quan trọng nhất."* Cho nên. *"Việc Cộng sản chiếm lục địa ĐNÁ sẽ làm cho các lực lượng thù địch kiểm soát được những hệ thống hải vận và không vận giữa miền Tây Thái Bình Dương, Ấn Độ và Cận Đông. Khi có chiến tranh xảy ra...những căn cứ không quân của cộng sản ở ĐNÁ có thể sẽ bắt buộc các đường chuyển vận hàng hải và hàng không của Hoa Kỳ và đồng minh phải đi vòng thật xa."*

Về điểm này thì ngày nay có lẽ là những tuyến giao thông hải vận và không vận còn quan trọng hơn trước, vì *thứ nhất*, khối lượng buôn bán quốc tế đã lớn hơn trước rất nhiều, và tới hai phần ba ($5 tỷ mỗi năm) của thương mại hải vận quốc tế hằng năm là đi quatuyến giao thông của vùng này, và *thứ hai*, sự có mặt của hải lực mạnh mẽ của TQ ngày càng gia tăng, có lần xuýt nữa tầu TQ đụng tầu Mỹ. Lập trường cũa Mỹ ngày một rõ hơn:

* Trong nghị quyết của hai Thượng Nghị sĩ Jim Webb (Dân Chủ) và James Inhofe (Cộng Hòa) đệ trình Quốc Hội (13/6/2011) đã tố cáo Trung Cộng sử dụng võ lực trong những vụ tranh chấp tại biển đảo và yêu cầu quân đội Hoa Kỳ "khẳng định và bảo vệ quyền tự do hàng hải" ở Biển Đông.

* Năm 2010, Ngoại trưởng Hilary Clinton xác định việc duy trì tự do hàng hải trong vùng biển này là "quyền lợi quốc gia của Hoa Kỳ."

* Ngày 17/7/2015 tân Tư Lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương là Đo Đốc Scott Swift (dù chỉ vì nhậm chức vào tháng 5/2015) đã khẳng định "Tuy tôi không đứng về phe nào, nhưng sẽ đẩy mạnh các hoạt động để đảm bảo tự do hàng hải trong vùng tranh chấp và các nơi khác."

* Tiếp ngay theo sau, ngày 6/8/2015 Ngoại Trưởng John Kerry (người thường bị coi là thuộc phe bồ câu) cũng đã tuyên bố tại phiên họp ASEAN ở Kuala Lumpur (Malaysia): "Hãy để tôi nói cho rõ ràng: Hoa Kỳ sẽ không chấp nhận các hạn chế về tự do hàng hải và hàng không , hoặc những sử dụng nào khác về vùng biển một cách hợp pháp."

Cho nên, theo chiến lược tái phối trí lực lượng, Washington đã điều đình để tái sử dụng những căn cứ hải quân Okinawa, Subic Bay, Clark Airfield, và tới năm 2020 thì 60% hải lực của Mỹ sẽ được điều động về Thái Bình Dương.

Thứ ba, tài nguyên chiến lược ở vùng Biển Đông

Những tài liệu nêu trên xác định rõ ràng:

* "Khu vực Đông Nam Á là nguồn tiếp liệu một số tài nguyên chiến lược cần thiết để cho dự trữ tiếp liệu của Hoa Kỳ. Nếu Trung Cộng kiểm soát được vùng này thì sẽ giúp cho họ bớt căng thẳng về vấn đề lương thực, và sẽ giúp cho Liên Xô có được những nguyên liệu chiến lược quan trọng;"

* "Việc Cộng sản kiểm soát được số **gạo** thặng dư ở miền này sẽ làm cho Liên Xô có được một khí giới kinh tế mạnh mẽ trong những liên hệ của họ đối với các nước khác.
* "Đông Nam Á, đặc biệt là Mã Lai và Indonesia là nguồn tiếp liệu chính của thế giới về **cao su và thiếc**. Việc các quốc gia phương Tây được sử dụng cũng như việc ngăn chận khối Liên Xô không được sử dụng những nguyên liệu này luôn luôn là vấn đề quan trọng, đặc biệt là khi chiến tranh xảy ra."
* "Indonesia là nguồn **dầu hỏa** thứ hai và càng trở nên quan trọng trong trường hợp các cường quốc Âu Châu không sử dụng được nguồn dầu hỏa tại Trung Đông."

Ngày nay, Hoa Kỳ không còn quan tâm nhiều tới nguồn tiếp liệu tài nguyên hay khoáng sản ở Đông Nam Á như trước đây vì hai yếu tố: *thứ nhất*, chiến tranh lạnh đã tàn lụi; và *thứ hai*, nhờ thương mại toàn cầu hóa cùng với những tiến bộ khoa học về khai thác tài nguyên. Tuy nhiên về dầu hỏa thì trong một tương lai trông thấy, nó vẫn còn quan trọng đối với Mỹ và các đồng minh, nhất là vì tình hình nóng bỏng ở Trung Đông ngày nay. Trong một tương lai gần, Mỹ sẽ tiến tới chỗ tự túc về dầu lửa, nhưng dù vậy Mỹ cũng không muốn để cho TQ nắm trọn tiềm năng dầu lửa ở vùng Biển Đông vì nếu như chiếm được phần lớn nhóm Trường Sa thêm vào Hoàng Sa thì TQ sẽ giải quyết được vấn đề"đói về năng lượng."[Nơi đây chúng tôi cũng mở ngoặc để ghi lại (điều đã viết trong cuốn "Tâm Tư Tổng Thống Thiệu," Chương 6) là vào tháng 8 năm 1974, sau khi dàn khoan HÔNG-9 đào được dầu, triển vọng dầu lửa của VNCH trở nên rất khả quan. Bản thân chúng tôi đã có dịp bay trực thăng cùng với TT Thiệu ra ngoài khơi để nghe chuyên gia các công ty khai thác ở thềm lục địa trình bày, và được biết là (i) chắc chắn có những túi dầu lửa ở quần đảo Trường Sa; (ii) có túi rất lớn nhưng lại móc vào với túi dầu của Indonesia. Thấy viễn tượng dầu lửa trở nên sáng sủa, TT Thiệu hết sức phấn khởi và đã chỉ thị mang thùng dầu đầu tiên về để phúng

điếu ở Nghĩa trang Quân Đội vào ngày Chiến Sĩ Trận Vong (3 tháng 11, 1974). Sự kiện túi dầu của Việt Nam nối vào với túi của Indonesia nếu đúng thì có nghĩa là Indonesia, một thành viên của tập đoàn dầu lửa OPEC (có nguồn nhiên liệu luôn được nói tới trong các văn bản về quyền lợi của Thế giới Tự do) đã khai thác được số lượng khá quan trọng của Việt Nam từ bao nhiêu năm nay].

Thứ tư, khía cạnh chính trị: vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ

Là cường quốc mạnh nhất thế giới lại nằm ngay bên bờ Thái Bình Dương, Washington luôn quan tâm tới vai trò lãnh đạo thế giới tự do của Hoa Kỳ. Trong chiến tranh Việt Nam, điểm này có thể là điểm quan trọng nhất: "*Vai trò lãnh đạo Thế giới Tự do của Hoa Kỳ đã đặt trách nhiệm lớn lao cho chúng ta phải huy động được sức mạnh của thế giới tự do để ngăn chận cộng sản bá chủ thế giới.*" Văn bản về chính sách (như những Huấn Lệnh được liệt kê ở phần đầu chương này) thường nhắc tới điểm này. Từ nhận thức ấy, đi tới kết luận:"*Việc cộng sản thôn tính ĐNÁ, hoặc do xâm chiếm sẽ làm cho các quốc gia khác càng tin rằng sự bành trướng của cộng sảnlà điều không thể ngăn chận được nữa.*" Như vậy có nghĩa là Mỹ phải tránh cái ảnh hưởng của 'đôminô về tâm lý' (psychological domino): phải làm sao để giữ được sự **tin cậy** của các nước trong vùng. Điểm này thì vẫn còn đúng và có khi còn có ý nghĩa hơn thời điểm trước đây.

Tại sao như vậy? Đó là vì sau khi Mỹ tháo chạy khỏi Miền Nam Việt Nam để vội vã mở cửa Bắc Kinh, lãnh đạo các nước trong vùng đã thật sự e ngại nên phải xa lánh Mỹ. Bây giờ Mỹ đã học được bài học quan trọng ấy và chiến lược mới sẽ phảiđược xây dựng trên một nền tảng vững chãi và bền bỉ hơn. Trong bối cảnh mới về quyền lực, Trung Quốc sẽ luôn luôn là sự đe dọa cho quyền lợi của Hoa Kỳ, cho nên dù một ngày nào, có thể TQ sẽ thay đổi chính sách để phát triển hài hòa với Hoa Kỳ và với Á Châu, nhưng chắc chắn rằng sẽ không thể có chuyện Mỹ bất chợt đảo ngược chính sách để ôm lấy Bắc Kinh

cho thật chắc như đã xảy ra dưới thời Nixon-Kissinger.

Mỹ đi rồi Mỹ lại về

Không phải là Mỹ sẽ trở về Việt Nam theo như mô hình những thập niên trước, nhưng trở lại với Biển Đông, với Á Châu Thái Bình Dương. Tuy nhiên, tại khu vực Đông Nam Á thì các nhà chiến lược Hoa Kỳ luôn luôn đánh giá **Việt Nam là địa điểm chiến lược quan trọng nhất** như đã được xác định trong những văn bản nòng cốt. Vì vậy, dĩ nhiên là Hoa Kỳ muốn giao hảo với Việt Nam để đối đầu với Trung Quốc. Mặt khác, Việt Nam cũng rất cần có Mỹ làm đồng minh để cân bằng sự đe doạ của Trung Quốc ngày một gần kề. Câu hỏi đặt ra là quan hệ giữa hai nước sẽ phát triển nhanh chậm ra sao? Câu trả lời còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố ngoại giao, chính trị của cả hai nước. Cho tới ngày nay, hai bên đã thỏa thuận để trở thành 'đối tác toàn diện' (comprehensive partnership) và đang phát triển tới mức độ 'đối tác chiến lược.' Nhưng, như GS Nguyễn Mạnh Hùng nhận xét trong một bài phỏng vấn với nhà báo Đinh Quang Anh Thái về 'Nhìn lại 20 năm bình thường hóa quan hệ ngoại giao Mỹ-Việt' (Xuân Người Việt 2015), *"quan hệ đồng minh thì còn xa vời, nhất là thứ đồng minh bền vững và tin cậy lẫn nhau, vì dị biệt quá lớn giữa chế độ chính trị giữa hai nước."*

Có điều chắc chắn là mối bang giao trong bối cảnh tuy là mới, nhưng cũng vẫn phải dựa trên quyền lợi hỗ tương thực tế của cả hai nước, đó là để củng cố một "mặt trận Đông Nam Á" nhằm ngăn chặn sự bành trướng quá nhanh và tham vọng quá lớn của Trung Quốc. Như vậy ta thấy nền móng của học thuyết Đôminô vẫn còn vững chắc.

Ngày 3 tháng 11, 1965 (lúc quân đội Mỹ đang đổ xô vào Miền Nam với tốc độ rất nhanh) Bộ trưởng Quốc Phòng McNamara đã viết một bản ghi nhớ quan trọng về chiến lược gửi TT Johnson:

> **"Trung Quốc - giống như Đức Quốc vào năm 1917, giống như Đức Quốc về phía Tây và Nhật Bản về**

phía Đông vào cuối thập niên 1930, và giống như Liên Xô vào năm 1947 – đang trở thành một quyền lực lớn mạnh đe dọa vai trò quan trọng và sự hữu hiệu của Hoa Kỳ. Và xa hơn nhưng quan trọng hơn, đó là Trung Quốc đang sắp xếp, tổ chức để tất cả Á Châu chống lại chúng ta."

Cho nên, ông McNamara đề nghị: "Để bao vây (encircle) Trung Quốc, Mỹ phải thiết lập 3 mặt trận ("three fronts"), coi như một phần của chiến lược lâu dài nhằm ngăn chận Trung Quốc:

1. Mặt trận Nhật Bản – Đại Hàn;
2. Mặt trận Ấn Độ; và
3. Mặt trận Đông Nam Á.

Sau khi ký Hiệp Định Paris, ông Kissinger tuyên bố năm 1973 là "Năm Của Âu Châu," Mỹ ngoảnh mặt đi khỏi Á Châu, đưa tới một lỗ hổng. Có lỗ hổng thì Trung Quốc lấp đầy lỗ hổng. Sự có mặt của Mỹ tại nơi đây dần dần phai mờ đang khi hình ảnh Trung Quốc càng ngày càng hiện rõ. Ngày nay thì Mỹ đã nhận ra tình huống nguy hiểm này, như tác giả Michael Pillsbury khẳng định trong cuốn sách "*Cuộc Chạy Đua 100 Năm*" đề cập ở đầu Chương 26: TQ muốn thay Mỹ là cường quốc mạnh nhất thế giới vào năm 2049. Để tới mục tiêu ấy, TQ đã phát triển hải lực cho thật mạnh. Trong cuốn sách *"Vạn Lý Trường Thành Trên Mặt Biển: Hải Quân Trung Quốc Bước Vào Thế Kỷ 21"*(2010) tác giả Bernard Cole (chuyên gia về Á Đông, giáo sư tại Đại học Quốc Phòng Mỹ) được các nhà làm chính sách Mỹ tham khảo nhiều, đã phân tích về sự bành trướng mau lẹ của Hải Quân Trung Quốc (The People Liberations Army Navy - PLAN) một binh chủng của quân lực TQ mà Mỹ và các nước Phương Tây lo ngại nhất. Trong thập niên qua, PLAN đã đổi chiến lược từ 'bảo vệ vùng duyên hải' tới 'kiểm soát toàn vùng biển' với một lực lượng Hải Quân hùng hậu. Nhận xét trên đây mới giải thích được những hành động của TQ trong mấy năm vừa qua.

Theo tác giả Cole, chiến lược của TQ là ***"lục địa hóa mặt biển"***(territorialization of the sea), làm sao để kiểm soát được một vùng biển bao trùm 200 hải dậm tính từ vùng duyên hải."Các nhà lãnh đạo quân sự tin rằng sứ mệnh quan trọng nhất của Hải Quân TQ – bảo vệ đất nước – tức là bảo vệ vùng biển này." Bảo vệ cả 'đất' cả 'nước.' Như vậy, ta thấy TQ có hai mục tiêu rõ ràng:mục tiêu phòng thủ (defensive strategy) và mục tiêu tấn công (offensive strategy).

Về mục tiêu phòng thủ: một nhà chiến lược TQ đã phát biểu trong một tài liệu vào năm 1996 được trích dẫn bởi tác giả Cole như sau:

"Trong 109 năm qua, các lực lượng đế quốc đã liên tục xâm chiếm Trung Quốc từ ngoài biển...tới 470 lần, trong đó 84 lần thật nghiêm trọng. Mặt biển đã trở nên cửa ngõ để những kẻ xâm lược mang quân vào, rồi mang của cải của ta ra đi...Biển cả không phải chỉ là cơ sở để nhân loại sinh sống mà còn là nơi đấu tranh chính trị quốc tế. Càng kiểm soát được mặt biển kỹ càng bao nhiêu thì càng có nhiều quyền hành về lãnh hải bấy nhiêu."

Cho nên nhà chiến lược đề nghị với lãnh đạo là nên rút ra ba bài học từ những kinh nghiệm này:

- *Thứ nhất*, một lực lượng ở biển cho mạnh là để bảo vệ chính phần đất đai ở bên trong;
- *Thứ hai*, một quốc gia không hiểu về tầm quan trọng của biển cả là quốc gia không có tương lai; và
- *Thứ ba,* nếu như một cường quốc trên biển mà không bảo vệ được quyền về lãnh hải của mình thì sẽ chẳng là cường quốc trên biển được bao nhiêu lâu."

Về mục tiêu tấn công, cũng theo tác giả Cole thì TQ muốn có khả năng phóng được sức mạnh của mình ra tới một khoảng cách 1,500 hải dậm tính từ vùng duyên hải, bao gồm cả Biển Yellow Sea (tên vùng biển giữa TQ và Đại Hàn), Đông Hải (Hoa Đông) và Nam Hải (Biển Đông). Kế hoạch phát triển Hải quân của Bắc Kinh trong thập niên vừa qua là để chuẩn

bị cho mục tiêu hoàn thành sứ mệnh này, bổ sung bằng khả năng có thể phóng lực đi xa hơn Thái Bình Dương tuy với mức độ giới hạn, phản ảnh qua việc TQ đưa chiến hạm sang vùng Gulf of Eden (biển Arabian) vào lúc có bước ngoặt về chính sách vào năm 2008 (xem Chương 26). Tháng 4 năm 2015, Hải Quân Trung Quốc thao diễn quân sự chung với Hải Quân Nga Xô ở Địa Trung Hải–"Joint Sea 2015" – tiếp theo là thao diễn lần thứ hai –"Joint Sea 2015 II"- ở ngay Biển Nhật và sát bờ biển Vladivostok. Thao diễn chung lần này có quy mô lớn nhất (trong tất cả tới 5 lần).

Xoay trục

Vì vậy, ngay từ năm 2011 Mỹ đã bắt đầu thay đổi chiến lược để 'xoay trục về Á Châu" và củng cố lại cả ba mặt trận trên đây, đặc biệt là mặt trận Đông Nam Á. Dù dưới thời TT Obama, người bị chỉ trích là đã để cho uy tín của Hoa Kỳ xuống dốc, cũng đã bắt đầu có những hành động cương quyết hơn. Năm 2011 Mỹ đã ký một thỏa ước với Úc để đưa TQLC tới đóng ở căn cứ Darwin. Ngày 17 tháng 11, 2011 trong bài diễn văn đọc trước Quốc hội Úc – một bài được tòa Bạch Ốc nhấn mạnh là tối quan trọng - TT Obama tuyên bố:

"Hoa Kỳ là một cường quốc ở Thái Bình Dương. Chúng tôi có mặt ở đây và sẽ ở lại nơi này. Quyền lợi lâu dài của chúng tôi ở vùng này đòi hỏi sự chú ý lâu dài của chúng tôi đến vùng này." Ông thêm rằng "tôi đã chỉ thị cho cơ quan đặc trách an ninh quốc gia đặt sự có mặt và sứ mệnh của Hoa Kỳ ở vùng này là ưu tiên cao nhất."

Để tránh bị chỉ trích về việc cắt giảm ngân sách quốc phòng, ông còn nhấn mạnh:"Việc cắt giảm chi tiêu quốc phòng sẽ không – tôi nhắc lại là sẽ không ảnh hưởng gì tới những chi tiêu cho mục tiêu Á Châu – Thái Bình Dương."

Như đề cập ở đầu chương, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Leon Panettađã tái khẳng định chiến lược xoay trục. Bình luận về điểm này, Thông tin Quân lực Mỹ đã cho biết chiến lược này đã được chấp thuận từ năm 2011 (chứ không phải 2012 khi

ông Tập Cẩn Bình lên vai lãnh đạo): "Sự chuyển dịch trọng tâm đã được tiên đoán từ lâu. Sau khi Liên Xô sụp đổ, nhiều người trong chính phủ đã thúc đẩy tái tập trung chiến lược Hoa Kỳ vào miền Thái Bình Dương. Chiến lược này bị tạm ngưng vì biến cố 9/11 khi Hoa Kỳ phải tập trung vào chiến tranh chống du kích. Nhưng ngày nay chiến tranh Iraq đã gần kết thúc và quân đội Mỹ đang rút khỏi Afghanistan cho nên năm 2011 TT Obama đã chấp thuận chiến lược chuyển về Á Châu." (American Forces Press Service, 1/6/2012).

Trong những năm qua Hoa Kỳ bắt đầu quan tâm đặc biệt tới những căn cứ quân sự đã được quân đội Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam:

Căn cứ không quân U-Tapao tại Thái Lan: lý do chính thức Bộ QP đưa ra là 'tiến hành thiết lập một trung tâm cứu trợ thiên tai (như Tsunami)' nhưng thêm rằng 'chiến hạm Mỹ cũng sẽ ghé các hải cảng Thái Lan để thực hiện những phi vụ cùng với không quân Thái nhằm theo rõi những hải tuyến thương mại và theo rõi các hoạt động quân sự trên đại dương.'

Căn cứ Cam Ranh: năm 2014 Bộ trưởng QP Panetta đã tới thăm viếng Cam Ranh và tuyên bố"Hải cảng này có thể đóng vài trò chủ chốt trong kế hoạch của Hoa Kỳ chuyển hướng về Thái Bình Dương," vì "có nhiều khả năng (quân sự) lớn lao tại nơi đây." Bản thân chúng tôi cũng đã từng nghe các nhà quân sự cả Việt lẫn Mỹ cho rằng **"Ban Mê Thuột cộng với Cam Ranh là một 'cái đẹp về quân sự - 'A military beauty.'** Đặt những cơ sở giám sát và những dàn phòng không tối tân trên đỉnh cao Ban Mê Thuột nối kết với những chiến hạm, máy bay khu trục ở Cam Ranh là có thể khống chế được Biển Đông. Theo đường thẳng chim bay thì hai địa điểm này rất gần nhau.

Căn cứ Subic Bay và Clark Air Base: trước đây vì e ngại TQ, Phi Luật Tân đã yêu cầu Mỹ rời khỏi hai căn cứ quân sự. Những căn cứ Subic Bay và Clark Air Base là những căn cứ quan trọng nhất trong chiến tranh Việt Nam. Ngày nay chính phủ Phi đã để cho Mỹ tái sử dụng những căn cứ này. Bộ QP cho biết là ngay từ năm 2014 đã đưa loại phi cơ thám thính P-8A Posidon và chiến hạm chống tầu ngầm (tiềm thủy đĩnh) mới

sản xuất tới đây. Máy bay trinh thám không người lái cũng đã được đưa tới Nhật.

Căn cứ không quân Okinawa: bây giờ Nhật đã đồng ý để Mỹ tiếp tục đóng quân ở căn cứ rất lớn ở Okinawa. Thêm vào đó, kể từ ngày 1 tháng 6, 2014, Không Quân Hoa kỳ đã bắt đầu gửi nhiều loại máy bay tối tân tới căn cứ Misawa của Nhật.

Vai trò của Ngũ Giác Đài

Mỗi khi TQ đe dọa quyền lợi Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương thì Bộ Quốc Phòng luôn phản ứng mau lẹ nhất và mạnh mẽ nhất. Khi Ngũ Giác Đài phản ứng thì các lãnh đạo thường nghe theo. Đó là một nhận xét quan trọng về lịch sử chiến tranh Việt Nam. Vào lúc khởi thủy (1950), ý kiến của Bộ Tổng Tham Mưu Hoa kỳ ngày 10 tháng 4, 1950 phân tích thế nào là quyền lợi của Mỹ ở Đông Nam Á đã dẫn tới lập trường cứng rắn của Huấn lệnh NSC 124 (ngày 13 tháng 2, 1952) xác định hậu quả của việc Trung cộng lấn chiếm vùng này đối với nền an ninh Hoa Kỳ. Tới giai đoạn cuộc chiến Việt Nam leo thang vào những năm 1965-1969: vai trò và ý kiến của Bộ trưởng QP McNamara và Tướng Westmoreland, tư lệnh chiến trường quan trọng như thế nào thì ta đều đã biết.

Ngày nay, dù TT Obama bị mang tiếng là quá nhân nhượng và đã theo đuổi chính sách ôn hòa với TQ nhưng khi Bộ QP có ý kiến thì ông cũng nghe theo. Thí dụ như vào tháng 6, 2014 Bộ QPphổ biến Báo Cáo Hằng Năm cho QH Hoa Kỳ về việc ngân sách QP của TQ: đầu năm dự trù là $132 tỷ, bây giờ đã lên tới $142 tỷ. " TQ đang thay đổi từ lý thuyết quân sự tới những hoạt động về huấn luyện, khí giới, trinh thám để có thể thực hiện những cuộc tấn công hữu hiệu hơn vào lực lượng Hoa Kỳ và những quốc gia thù địch khác." Kết luận này là một tiếng chuông báo động vì đã phân tích rõ ràng khả năng quân sự hiện nay của TQ. Báo cáo liệt kê nhiều chi tiết, đặc biệt là về hải quân và không quân. Nó bao gồm từ hàng không mẫu hạm Liaoning dùng để huấn luyện tới loại do TQ chế tạo, sẽ đi vào hoạt động trong thập kỷ tới; rồi Máy bay chiến đấu Stealth loại

mới, máy bay Shenyang J-15 Flying Shark, Tiềm Thủy Đĩnh Nguyên tử, tới hệ thống phòng không S-400 SAM (do Nga chuyển giao), tầu khu trục tân tiến 052D – Luyang, tới kỹ thuật tên lửa DF-21D "killer missile."

Chỉ hai tháng sau Báo Cáo này, TT Obama đã tuyên bố lập trường đối với Trung Quốc một cách rõ ràng nhất. Ông bình luận với tuần báo *The Economist* vào ngày 1 tháng 8, 2014:

> ***"Một điều tôi có thể nói về Trung Quốc là ta phải khá cương quyết đối với họ, bởi vì họ sẽ xô đẩy bao lâu còn có thể xô đẩy, cho tới khi nào họ gặp sự kháng cự."*** (One thing I will say about China, though, is you also have to be pretty firm with them, because they will push as hard as they can until they meet resistance.)

Rồi ông thêm: *"Họ không theo tình cảm, và họ cũng không quan tâm đến những khái niệm trừu tượng. Như vậy, nếu ta chỉ đơn giản kêu gọi họ phải tuân theo những tiêu chuẩn quốc tế thì không đủ."* (They're not sentimental, and they are not interested in abstractions. And so simple appeals to international norms are insufficient). [Tiêu chuẩn quốc tế thí dụ như Quy Tắc Ứng Xử - COC hay Công Ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển – UNCLOS.]

Cho nên, *"Ta phải có những cơ chế để vừa cứng rắn với họ khi chúng ta nghĩ rằng họ đang vi phạm các chuẩn mực quốc tế, và vừa làm cho họ thấy những lợi ích tiềm năng (của sự tuân theo chuẩn mực quốc tế) về lâu về dài."* (There have to be mechanisms both to be tough with them when we think that they're breaching international norms, but also to show them the potential benefits over the long term).

Về vai trò của Ngũ Giác Đài thì chính người tổng thống nổi danh của Hoa Kỳ là Franklin D. Roosevelt cũng phải để ý. Trong cuốn *America In Vietnam- A Documentary History* tác giả W. Appleman Williams kể lại là TT Roosevelt đã có lần phàn nàn về "quyền lực của quân đội trong việc hoạch định chính sách Hoa kỳ" (trang 39-40). Ngày nay, về chính sách đối với TQ, ta thấy Bộ trưởng QP như Chuck Hagel vàAsh Carter

Lực lượng quân sự Hoa Kỳ hiện hiện nay ở Á Châu – Thái Bình Dương

(Nguồn: CSIS)

tuyên bố nhiều hơn và cứng rắn hơn Ngoại Trưởng Hilary Clinton hay JohnKerry.

Cán cân lực lượng đã thay đổi?

Nhiều người đặt vấn đề là Hoa Kỳ xoay trục về Á Châu, nhưng cán cân lực lượng quân sự nay đã thay đổi vì hải quân và không quân TQ đã rất mạnh so với hai thập niên trước. Đây là một đề tài cho các nhà chiến lược nghiên cứu. Qua những nhận xét có tính cách suy luận chúng tôi chỉ nêu lên vài khía cạnh như sau:

Một điều chắc chắn là ngày nay quân lực Mỹ không còn độc quyền về hải lực ở Thái Bình Dương. Báo cáo 2014 của Bộ QP Mỹ gửi QH Hoa Kỳ (viện dẫn trên đây) đã phân tích rõ ràng khả năng quân sự hiện nay của TQ như thế nào. Với sức mạnh ấy Bộ trưởng QP Trung quốc, Tướng Chang Wanquan đã coi thường cả Nhật và nói thẳng thừng với Bộ trưởng QP Mỹ Chuck Hagel khi ông này viếng thăm Bắc Kinh (tháng 4, 2014): *"TQ sẽ không thỏa hiệp, không nhượng bộ, không thương thuyết"* về tranh chấp đối với Nhật Bản. *"Quân đội TQ có thể tập hợp ngay tức khắc khi nào có lệnh, có thể chiến đấu trong bất cứ mặt trận nào, và sẽ thắng."* Tuy nhiên, dù Bắc Kinh tự tin đến mức nào, về kinh nghiệm hải chiến và không chiến thì quân đội TQ cũng không thể nào so sánh được với quân đội Nhật Bản (chứ đừng nói là so sánh với Mỹ). Mọi người đều đã biết về sức mạnh của Nhật qua "Nhật – Nga chiến kỷ" ngay từ đầu thế kỷ 20, rồi Nhật hải chiến với Mỹ trong Thế Chiến thứ Hai.

Về cán cân lực lượng ở Thái Bình Dương thì khoảng cách giữa Mỹ - Trung đã gần lại, tuy nhiên cũng không quá gần như nhiều người tưởng vì Bộ QP Hoa Kỳ chỉ mới tiết lộ một phần nào về vũ khí tối tân. Thí dụ như phải đến tháng 8, 2015 mới có tin tức rõ ràng hơn về loại khu trục "F-35 Lightning II" và loại hàng không mẫu hạm mới 'Gerald R. Ford-class' (hay Ford- class), còn gọi là 'CVN-21 class' đang được sản xuất để thay thế loại hiện nay thuộc'Nimitz- class.' Theo Bộ QP

Mỹthì tới năm 2020 Hảiquân Mỹ sẽ hoàn tất việc tái phối trí lực lượng giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương: lực lượng này hiện được dàn ra khoảng 50/50 giữa hai đại dương, nhưng sẽ chuyển sang 60/40 – bao gồm 6 hàng không mẫu hạm, phần lớn những tuần dương hạm, khu trục hạm, tầu tác chiến vùng duyên hải và tầu ngầm (AFPS 1 tháng 6, 2014).

Cán cân về kinh nghiệm chiến đấu giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc

Ngoài cán cân về sức mạnh vũ trang lại còn cán cân về kinh nghiệm. Dù khoảng cách về thiết bị của hai bên đã gần lại, nhưng khoảng cách về kinh nghiệm chiến đấu thì còn quá xa. Có vũ khí là một chuyện, sử dụng nó như thế nào lại là chuyện khác. Sử dụng thì đòi hỏi phải có nhiều kinh nghiệm thực tế chứ không phải chỉ huấn luyện, đào tạo, chuẩn bị kế hoạch, đánh trận giả 'war games' trong phòng nghiên cứu hay thao diễn quân sự trên mặt biển. Đối với Mỹ thì có thể nói là: ngoài kinh nghiệm chiến đấu trên không, trên bộ và dưới biển trong Thế chiến I và II (và đã toàn thắng), kể từ sau 1945 tức là trong 70 năm qua, người binh sĩ và tướng lãnh Mỹ vẫn tiếp tục chuẩn bị cũng như thực sự chiến đấu: từ chiến tranh Triều Tiên, chiến tranh Việt Nam, đến chiến tranh Iraq, Afghanistan. Đây là không kể những phi vụ oanh tạc như ở Kossovo, Pakistan, Syria, hay chống ISIL. Như vậy, họ đã thực tập và thu thập được một số lượng rất lớn về kinh nghiệm, cả về chiến tranh quy ước lẫn du kích. Thêm vào đó là kinh nghiệm về vũ khí. Thí dụ như sau khi B-52 bị bắn rơi ở chiến trường Việt Nam, Bộ QP đã cho nghiên cứu và cải tiến. Ngày nay không dễ gì mà hạ được loại này. Lại còn loại Stealth, F-35 Lightninh II như đề cập trên đây.

Ngược lại với Mỹ, trên 60 năm qua, kinh nghiệm chiến đấu của quân đội Trung Quốc là rất giới hạn:

Lục quân: sau chiến tranh Triều Tiên (1950-1953), quân đội TQ chưa hề có kinh nghiệm với những trận chiến lớn. Kinh nghiệm chỉ gồm việc pháo kích vào eo biển Đài Loan

(1954/1955 và 1958), xung đột tranh chấp lai rai ở biên giới với Ấn độ (1962), với Liên Xô (1969), và xung đột biên giới với Việt Nam vào đầu 1979 (3 tuần và 6 ngày).

Không quân: kinh nghiệm chỉ gồm mấy trận không chiến với không quân Đài Loan cách đây 57 năm. Ngày 22 tháng 9, 1958, 100 phi cơ MiG của TQ đụng độ với 32 phi cơ F-86s của Đài Loan. Tên lửa Sidewinders (do Mỹ cung cấp) giúp phi công Đài Loan có ưu thế đối với máy bay MiG của TQ.

Hải quân: kinh nghiệm của Hải quân TQ về hải chiến là rất khiêm nhượng vì chưa tham gia trận chiến lớn nào, chỉ đụng độ với Hải quân VNCH đầu 1974, và tấn công lực lượng hải quân Việt Nam năm 1988 tại đảo Gạc Ma (Trường Sa). Năm 1974, tuy chiếm được Hoàng Sa nhưng cũng chịu tổn thất lớn: nhiều sĩ quan tham mưu của trận chiến đã tử trận khi Hộ tống hạm Kronstad 274 bị Hải quân VNCH bắn chìm, ba chiến hạm khác bị hư hại nặng.

Công tác hậu cần, tiếp vận và điều hợp: là những khía cạnh rất khó khăn trong các trận lớn, đặc biệt là hải chiến. Giao tranh trên biển rất phức tạp trong nhiều tình huống. Ngoài yếu tố thời tiết (thay đổi bất chợt), công tác hậu cần và tiếp vận đòi hỏi rất nhiều kinh nghiệm.Bản thân chúng tôi khi có dịp tới thăm viếng căn cứ của Đệ Thất Hạm Đội ở Honolulu đã được cắt nghĩa sơ qua (trong phòng tình hình) về những đòi hỏi đối với một hàng không mẫu hạm. Nghe viên sĩ quan chỉ vào các bản đồ rồi thuyết trình, chúng tôi thấy nó quá sự tưởng tượng của mình: từ công tác phòng không (chống oanh tạc hoặc tên lửa phóng đến từ xa) tới công tác điều hợp các binh chủng với nhau trong một trận hải chiến, rồi công tác thông tin, trinh thám. Nguyên về công tác 'xoắn dây cáp' – 'roping' cũng đã đòi hỏi biết bao nhiêu kinh nghiệm (TQ đang tập luyện về công việc khó khăn này). Ngoài ra, còn nhu cầu bảo trì phản lực cơ và các loại khí giới trên tầu. Về dịch vụ, nguyên việc cung cấp thức ăn, vệ sinh, sức khỏe, y tế cho mấy nghìn binh sĩ trên một hàng không mẫu hạm lênh đênh trên biển cả là đã rất phức tạp. Đây là chưa nói đến những dịch vụ của các loại tầu ngầm nguyên tử, lòng vòng thật sâu và thật lâu ở dưới mặt biển.

Tinh thần binh sĩ: đây có lẽ là một trong những khía cạnh khó khăn nhất đối với người lính TQ. Chính sách một con/mỗi gia đình đã đưa tới tình trạng là cha mẹ luôn cố gắng để có con trai, và khi có được một cậu ấm tử thì biến cậu ấy thành hoàng tử. 'Bốn ông bà (hai bên nội, ngoại) và bốn cha mẹ thường chú ý, chiều chuộng cậu bé tới mức như quấy rầy cậu ấy' (fuss over). Lại còn các cô, các dì nữa. Sự việc này ảnh hưởng không ít tới tinh thần người thanh niên. Tình huống 'một con' lại còn làm cho cha mẹ thật miễn cưỡng khi phải để cho con nhập ngũ, huống chi là tham chiến. Còn đối với Hoa Kỳ thì trong những thập niên qua, người lính Mỹ ít khi nào được nghỉ ngơi. Có thể nói là '*tình trạng sẵn sàng ứng chiến*' (status of readyness) luôn là một yếu tố quan trọng ưu tiên trong những kế hoạch quân sự của Ngũ Giác Đài.

Những khó khăn lớn lao hiện nay của Trung Quốc

Ngoài việc không được trang bị với nhiều kinh nghiệm chiến đấu, TQ lại còn có nhiều vấn đề khó khăn khác. Các nhà quan sát quốc tế thường hay quan tâm đến sức mạnh kinh tế và quân sự của TQ, ít người đào sâu tới những khó khăn đối nội, đối ngoại mà TQ phải trực diện. Đây cũng là một đề tài nên được phân tích. Chúng tôi chỉ tóm tắt vài khía cạnh:

* Đối nội

Căng thẳng về vấn đề dân tộc thiểu số: sự căng thẳng còn bị nặng nề thêm bởi những khó khăn về vấn đề đối với các dân tộc thiểu số, đặc biệt là vấn đề Tây Tạng và Tân Cương trong những năm gần đây.

Môi trường băng hoại : là một vấn đề hiện ảnh hưởng tới người dân nhiều nhất. TQ đã phải trả cái giá quá cao để sản xuất đủ hết mọi thứ với giá thật rẻ, khống chế thị trường tiêu thụ trên toàn cầu. Người ta gọi TQ là 'nhà máy sản xuất của thế giới.' Lượng khói phun ra từ những nhà máy này làm đen tối cả

bầu trời Bắc Kinh, Thượng Hải giữa ban ngày như ta thường thấy trên tivi. Còn vấn đề các chất thải kỹ nghệ hết sức độc hại, làm ô nhiễm cả đất, sông, biển. Hè 2015, viện Berkeley-Earth hoàn thành một nghiên cứu cho biết: trung bình có tới 4,400 người Trung Quốc chết mỗi ngày vì ô nhiễm không khí!

Cái nghèo của người dân: về kinh tế ta thấy tổng sản xuất của TQ (GDP) ngày nay đã đứng thứ hai trên thế giới, chỉ sau có Mỹ. Nhưng đời sống của người dân còn quá thấp so sánh với Nhật, Mỹ và Singapore. Vì đông dân số (1 tỷ 350 triệu người), lợi tức bình quân đổ đầu người mới chỉ tới $7,594 một năm (2014), bằng 21% của Nhật ($36,194), 14% của Mỹ ($54,630), 13.5% của Singapore ($56,287). Số người nghèo tính theo chi tiêu quốc tế là có mức sống dưới $2 một ngày còn tương đương trên 20% dân số (2010). Chi tiêu dưới $2 một ngày là gồm tất cả mọi nhu cầu: ăn, ở, y tế, vệ sinh, giáo dục, giải trí, thờ cúng tổ tiên.

Ngoài ra, khoảng cách giầu - nghèo càng ngày càng cách xa:khoảng cách giữa nông thôn và thành thị, giữa miền duyên hải và miền tây bắc lục địa. Kinh tế học đo khoảng cách giầu-nghèo theo chỉ số Gini. Chỉ số này càng cao thì khoảng cách càng lớn. Chỉ số của TQ đã tăng từ 0.33 vào năm 1993 lên 0.42 năm 2006. Bây giờ thì sắp tới 0.50: cho nên TQ thuộc vào số 25% quốc gia có sự chênh lệch giầu nghèo sâu đậm nhất thế giới. Sự kiện này càng ngày càng gây căng thẳng chính trị và xã hội. Đây là chưa nói tới hiện tượng về 'cái nghèo tâm lý' (psychological poverty): 'về tâm lý, người nghèo là những người cảm thấy mình không được hưởng những gì mà những người khác trong xã hội đang được hưởng quá nhiều.' Ngày xưa, ngồi trong nhà lá, người nghèo chỉ so sánh mình với hàng xóm. Ngày nay vì điện lực hóa nông thôn, lại có tivi, điện thoại lưu động (rất rẻ ở TQ), người nghèo so sánh mình với những người khác ở thành thị, càng thấy mình nghèo hơn nữa.

Sự lớn mạnh về quyền lực của các đại tập đoàn quốc doanh: có lẽ vấn đề kinh tế, xã hội, và chính trị khó khăn nhất của Trung Quốc ngày nay là sự lớn mạnh của những đại tập

đoàn kinh tế, tài chính quốc doanh (doanh nghiệp nhà nước). Các tập đoàn này đang thao túng về mọi lãnh vực, như tờ *New York Times* (ngày 9 tháng 11, 2012) bình luận:theo nhiều kinh tế gia Trung Quốc thì những đại tập đoàn quốc doanh, đặc biệt là trong lãnh vực ngân hàng, dầu khí và viễn thông đã lớn quá mạnh đến độ có thể làm tiêu tan tăng trưởng kinh tế, đe dọa cả ổn định chính trị. *"Chẳng ai có điều gì tốt để nói về những tập đoàn này,"* chính ông Wang Yong, chủ tịch Ủy ban Giám Sát và Quản lý Tài sản các Công ty Quốc Doanh cũng đã phải công nhận tại Quốc hội Trung Quốc vào ngày 24 tháng 8, 2012.

Kinh tế thoái trào: người dân hy vọng tân Chủ tịch Tập Cẩn Bình (người thay thế ông Hồ Cẩm Đào) sẽ mạnh dạn cải cách khu vực quốc doanh. Thế nhưng họ đã thất vọng vì chương trình cải cách của ông lại làm cho tự do kinh tế bị giảm bớt. Các công ty tư nhân bị co cụm đang khi các xí nghiệp quốc doanh phình ra và tiếp tục được hưởng những ưu đãi về đất đai, ngân sách, và nhất là tín dụng. Nhiều công ty ngoại quốc như McDonald, KFC, Starbucks, GSK, Cartier, Mercedes Benz đã phải phàn nàn vì bị kỳ thị, làm khó dễ. Chủ tịch Tập Cẩn Bình tuyên bố: *"Doanh nghiệp nhà nước là xương sống của nền kinh tế"* và khi cải cách nó thì chính phủ phải *"tránh né sự mù quáng của thị trường"* ("avoid the blindness of the market"). Quốc doanh là một lãnh vực to lớn nhất, bằng 1/3 tổng sản lượng quốc gia. Đó là theo thống kê chính thức, theo con số thực thì có thể nó còn mạnh hơn trước. Trong số 500 công ty lớn nhất thế giới do "Fortune Global 500" liệt kê, có tới 47 đại công ty Trung Quốc với số tài sản lên tới $690 tỷ. Quá lớn nhưng lại quá bết bát nhất (vì chỉ số ICOR thấp nhất: chỉ số này là cái thước để đo lường hiệu năng của kinh tế). Khi năng xuất kinh tế xuống mạnh thì tất nhiên kinh tế phải thoái trào.

Trong vòng gần ba thập niên, cả thế giới ngưỡng mộ mức tăng trưởng cao nhất của TQ,trung bình là **10%** một năm. Nhưng rồi đột nhiên **đổi chiều vào năm 2012:** tụt xuống chỉ còn **7.8%,** rồi từ đó cứ tiếp tục đi xuống. Tới 2015: có thể chỉ còn 5% - 6%. Cho dù ở mức 7% như mục tiêu của chính phủ

đặt ra, thì cũng là mức thấp nhất trong 30 năm.

Tư bản chạy trốn: kinh tế thoái trào thì gây nên tình trạng bất ổn. Nó dẫn tới tình huống bấp bênh- "Uncertainty" – không có cái gì là chắc chắn cho ngày mai, cho nên tư bản chạy trốn. Đây là tình huống mà kinh tế học gọi là "capital flight" - tư bản bay đi." Thêm vào bất ổn kinh tế là sự lo lắng của các đại gia, đối tượng của chiến dịch chống tham nhũng. Khi bị đe dọa là sẽ mất của thìhọ dấu tiền ra ngoại quốc. Theo ông Andrew Collier, tổng giám đốc hãng nghiên cứu Orient Capital Research thì *"Khi các đại gia là những người nắm tới 50% tổng số tiết kiệm quốc gia (national saving) bắt chợt đi tới kết luận là tiền bạc của họ gặp nguy hiểm sẽ bị tịch thu thì dòng tiền chảy ra ngoại quốc sẽ trở thành lũ lụt rất nhanh."*Con số tư bản bay đi là con số các nhà làm chính sách ở TQ đang e ngại nhất và theo rõi hằng ngày để tính kế làm sao chận nó lại.

Chứng khoán chao đảo: hiện tượng tư bản bay đi ảnh hưởng trực tiếp vào thị trường chứng khoán. Vì muốn dấu tiền ra ngoại quốc thì các nhà đầu tư phải bán chứng khoán, rút tiền khỏi nhà băng. Càng mất niềm tin và càng lo lắng thì càng bán nhanh, bán mạnh: cung cầu mất thăng bằng, thị trường chứng khoán chao đảo. Chứng khoán không phải chỉ tụt dốc từ giữa tháng 8, 2015 mà đã âm ỷ từ khi kinh tế thoái trào. Thời điểm từ thứ sáu, ngày 21/8 là thời điểm châm ngòi sau khi đồng nhân dân tệ bị phá giá. Chỉ trong 5 ngày, chứng khoán TQ rớt trên 20%. [Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nền kinh tế các nước nối vào nhau - vì "thế giới ngày nay là một mặt phẳng" (the world is flat) - cho nên khi Thượng Hải chao đảo thì ít nhiều, New York, Luân Đôn cũng bị ảnh hưởng]. Ngân Hàng Nhân Dân TQ (ngân hàng trung ương) phải can thiệp để vực chứng khoán lên. Nhưng càng can thiệp thì lại càng mất đi nhiều ngoại tệ: đã nát càng thêm nát. Theo những nguồn đáng tin như Goldman Sachs và Business Insider thì từ năm 2013 (tức là một năm sau khi ông Tập Cẩn Bình lãnh đạo) cho tới nay, dự trữ đã giảm tới $750 tỷ. Nguyên trong ba tuần đầu tháng 8 đã mất đi $100 tỷ. Theo một khảo sát của Ngân hàng Barclays (một ngân hàng đã

có kinh nghiệm tới 325 năm và hoạt động mạnh ở TQ) thì: 47% đại gia cho biết họ dự định sẽ rời khỏi TQ nội trong 5 năm. Như vậy, cứ theo đà này thì số dự trữ khổng lồ ($4,000 tỷ) chẳng bao lâu nữa cũng chỉ còn là con số của lịch sử. Cho nên tình hình kinh tế TQ sẽ tiếp tục bất ổn: lúc thì phục hồi, lúc lại thoái trào. Phát triển ổn định và với tốc độ cao như trong ba thập niên qua sẽ không bao giờ tái diễn.Đây là những khó khăn đối nội. Đối ngoại thì còn nhiều khó khăn cũng nặng nề không kém.

Tình trạng tham nhũng trong quân đội: đây là một đề tài nóng bỏng, đang được truyền thông quốc tế đề cập thường xuyên trên mạng.

* Đối ngoại

Ngoài tranh chấp ở Biển Đông, TQ còn có những tranh chấp lãnh thổ quan trọng hơn nữa. Với một dân số gần 1 tỷ 380 triệu (2015), áp lực về đất đai của Trung Quốc càng ngày càng nặng nề. Cho nên tranh chấp lãnh thổ với láng giềng luôn xảy ra. Trong Chương trước chúng tôi đã nói tới những xung đột với Nga, Ấn độ, và Nhật Bản. Ngày nay:

Tranh chấp với Nga Xô: mặc dù Trung Quốc và Nga Xô đang liên kết với nhau để chống Mỹ, nhưng đây là một tình huống vẫn có thể tái diễn. Trong chương trước chúng tôi đã nói tới xuýt nữa TQ bị Liên Xô tấn công nguyên tử khi có những giao tranh về biên giới vào năm 1969. Trong tương lai, không dễ mà có hòa bình ở một biên giới Nga-Trung, tất cả dài 4,000 dặm. Thực vậy, mới đây dưới tựa đề 'Tại sao Trung Quốc sẽ đòi lại Siberia' tờ *New York Times* đã bình luận về đại họa có thể xảy ra tại biên giới Nga – Trung (*NYT*, 4 tháng 7, 2014). Riêng biên giới này dài tới 2,738 dặm. Siberia (phần nằm ở vùng Á Châu của Nga Xô, phía đông dãy núi Ural) là một vùng rộng mênh mông, rộng tới 3/4 lãnh thổ Nga Xô. Nơi đây đã có nhiều tranh chấp và viễn tượng xung đột luôn luôn âm ỷ. Đó là vì: *thứ nhất*, Trung Quốc luôn cho rằng Siberia là một "vùng đất không có người ở cho nên phải dành cho những người không có đất để ở;" và *thứ hai* là Siberia nhiều tài nguyên nhưng ít

người và Trung quốc thì ngược lại, 'nhiều người, ít tài nguyên'. Tình huống thứ nhất giống như đầu thế kỷ 20 khi người dân Do Thái không có đất để ở, phải phân tán trên thế giới, sau đó đã di cư về miền đất Palestine lập quốc (chiến tranh giữa hai bên còn vẫn tiếp tục cho tới ngày nay). Siberia rộng như vậy mà chỉ có khoảng 38 triệu dân sinh sống. Tất cả dân số Nga cũng chỉ có 144 triệu so với Trung quốc là 1 tỷ 350 triệu, gấp 10 lần. Về tình huống thứ hai, Siberia là nguồn cung cấp nguyên liệu thô, nhất là dầu, khí, và gỗ để Trung quốc trở thành "Nhà máy sản xuất của thế giới." Nơi đây Trung Quốc đã đầu tư và xây dựng từng loạt nhà máy, làm cho Siberia trông giống như là một phần của Trung Quốc. Cho nên rất có thể là một ngày nào đó, TQ sẽ đòi lại một phần vùng Siberia. Trong trường hợp ấy, viễn tượng chiến tranh là khó tránh được.

Tranh chấp biên giới với Ấn Độ: sau khi ông Mao chiếm Hoa Lục, Ấn Độ là một trong những nước đầu tiên hủy bỏ việc công nhận chính phủ Đài Loan để gần gũi và ủng hộ chính phủ Bắc Kinh (1950). Nhưng tới năm 1962 đã có những tranh chấp Trung - Ấn dọc biên giới Himalaya như đề cập trên đây. Rồi 1967 tới 1987. Sau đó Trung - Ấn đã có động tác hòa hoãn. nhưng vấn đề lãnh thổ vẫn âm ỷ.Ngày nay, Ấn Độ thấy TQ lớn mạnh, lại đang tranh chấp căng thẳng ở vùng Biển Đông nên lo ngại TQ sẽ có những tranh chấp mới dọc biên giới Trung - Ấn (dài tới 3,225 cây số). Đầu năm 2015, Trung - Ấn đã bắt đầu tranh chấp ở khu vực biên giới Arunachal Pradesh (có tỉnh Tawang là trung tâm Phật Giáo Tây Tạng) và TQ gọi miền này là "Nam Tây Tạng." Khi Bộ Trưởng Ngoại Giao Nhật bình luận rằng khu này thực ra là thuộc lãnh thổ Ấn, TQ đã phản đối kịch liệt. TớiHè 2015, liên lạc Trung - Ấn trở nên rất căng thẳng vì những tranh chấp về nguồn lực thủy điện trên con sông vĩ đại Yarlung Tsangpo – Brahmaputra (dài 2,800 cây số) phát nguồn từ Tây Tạng.Có thể đây cũng là một lý do đưa Ấn Độ xích lại gần Hoa kỳ hơn nữa, phản ảnh qua những cuộc thăm viếng và đàm phán của TT Mỹ và Thủ Tướng Ấn Độ mới đây, cùng với những cam kết của Bộ QP Hoa Kỳ về việc chuyển giao kỹ

thuật cao cấp về sản xuất quốc phòng cho Ấn độ.

Tranh chấp với Nhật Bản: hiện nay chỉ mới có biến cố đảo Kinsaku và vấn đề không phận, nhưng tương lai chắc chắn sẽ leo thang. Như đã trích dẫn, Bộ trưởng QP Trung quốc, Tướng Chang Wanquan đã nói thẳng với Bộ trưởng QP Mỹ Chuck Hagel về "ba không": *"TQ sẽ không thỏa hiệp, không nhượng bộ, không thương thuyết"* về tranh chấp đối với Nhật Bản. Về phía Nhật Bản thì Thủ tướng Abe cũng đang leo thang: đặt vấn đề an ninh không riêng cho vận chuyển hàng hải mà bao gồm cả những phi vụ trên không trung. Như ta đều biết, một khi Nhật Bản thực sự tái võ trang thì sẽ là đối thủ đáng ngại cho TQ.

Sau cùng, TQ lại còn mối thù hận muôn đời đối với Nhật Bản về việc xâm chiếm lãnh thổ. Có câu chuyện là chỉ có 100 lính Nhật đã áp đảo, đưa 50,000 lính TQ đi xử tử. Một tình huống thật lạ lùng, vì bết bát nhất thì một số quân lính TQ đã có thể bỏ chạy, 100 lính Nhậtcũng chỉ có thể bắn chết được một số nhỏ lính TQ.

***

Tóm lại, xét về cán cân lực lượng, kinh nghiệm, và có thể là cả tinh thần binh sĩ, chắc chắn là TQ không muốn hoặc chưa muốn trực diện với Mỹ tại Thái Bình Dương. Chiến lược TQ ngày nay là hăm dọa theo phương pháp du kích: địch tiến ta lùi, địch lùi ta tiến' và chiến thuật 'cắt từng miếng xúc xích – 'salami slicing,' nhắm vào từng đối tượng, từng hòn đảo hay bãi cạn một lúc (như đã được đề cập). Sau một thời gian thì tuyên bố sẽ ngừng lại, không khai khẩn thêm. Nhưng như vậy là đã đặt các nước khác vào tình huống "sự đã rồi" (fait accompli), không thể nào đòi TQ rút ra khỏi những nơi đã chiếm. Theo như Báo Cáo mới đây của viện *Carnergie Endowment For International Peace:* thì ít nhất là trong tương lai có thể nhìn thấy được, "TQ chưa muốn theo mô hình của Liên Xô để trở thành một đối thủ toàn cầu của Hoa Kỳ nhưng chỉ muốn thành cường quốc ở Á

Châu và tập trung vào việc tranh chấp lãnh thổ với các nước láng giềng. Mặc dù vậy, đó cũng là sự thách đố lớn đối với Hoa Kỳ vì Washington đã long trọng tuyên bố là sẽ tăng mạnh sự hiện diện quân sự tại Á Châu mặc dù phải cắt ngân sách." Về lâu về dài thì như đề cập trên đây, TQ muốn thay thế Mỹ để trở thành nước siêu cường (vào năm 2049), cho nên "bây giờ Trung Quốc đang sắp xếp, tổ chức để tất cả Á Châu chống lại nước Mỹ," như Bộ trưởng Quốc Phòng McNamara đã kết luận.

Cái nguy của sự tính lầm

Các nhà lãnh đạo thế hệ thứ năm của TQ ngày nay vì ít có kinh nghiệm về những tính toán của các cường quốc trong thời chiến tranh lạnh, cho nên dễ có thể tính lầm, đó là một nhận xét của một số quan sát viên quốc tế. Trở lại trận Trân Châu Cảng: về chiến lược, có thể là Nhật đã tính lầm về phản ứng của Hoa Kỳ và Anh Quốc vì thấy rằng sau khi Nazi chiếm đóng Czechoslovakia (tháng 3, 1939) Mỹ không phản ứng gì cả, lại tuyên bố là mình đứng *trung lập*, không dây dưa gì (ngày 5, tháng 9, 1939). Mười hai ngày sau, Nazi thôn tính thêm Ba Lan. Năm 1940 thì đến lượt Đan Mạch, Norway. Ngày 14 tháng 6, 1940 Nazi tiến vào Paris. Đến tháng 9 lại chớp nhoáng bắn phá cả Anh Quốc. Năm 1941 Nazi tràn qua Hy Lạp và Yugoslavia (tháng 6, 1941). Bên Âu Châu thì đồng minh Anh Quốc cũng bết bát. Sau khi Nazi bắt đầu gây hấn, vi phạm Hiệp Ước Versailles (tháng 3, 1935), rồi chiếm vùng Rhineland, thủ tướng Anh Chamberlain lại điều đình Hiệp Ước Munich để hòa hoãn, tuyên bố câu nổi tiếng "*hòa bình trong thời đại của chúng ta*" – 'peace in our time' (tháng 9, 1938). Từ đó tên ông Chamberlain dính liền với quan niệm 'nhân nhượng, giải hòa' với đối thủ. Về điểm này thì các nhà lãnh đạo Mỹ thường hay hối tiếc là chính vì Chamberlain có lập trường nhân nhượng, và vì Mỹ không hợp lực với đồng minh ngay từ đầu nên đã để xảy ra Thế Chiến Thứ Hai. Rõ ràng nhất là có lần TT Eisenhower đã viết cho Thủ tướng Churchill: "*Nếu tôi có thể nhắc lại lịch sử, chúng ta đã không ngăn chận Hirohito, Mussolini, Hitler*

vì đã không cùng hành động chung với nhau, và cho kịp thời, chính vì thế nên đã dẫn tới một thảm kịch bi đát và một sự nguy hiểm tuyệt vọng trong mấy năm sau. Và như vậy, chúng ta đã học được điều gì chưa trong kinh nghiệm này?" (thư ngày 5 tháng 4, 1954).

Năm 1962, Liên Xô đã tính lầm về việc mang tên lửa vào Cuba. Tổng Bí Thư Krushchev cho rằng TT Kennedy sẽ không phản ứng mạnh vì còn quá trẻ (42 tuổi), chưa có kinh nghiệm, lại nhút nhát: không dám can thiệp vào Lào, rồi lại cho phép CIA vận dụng một nhóm người đổ bộ ở Vịnh Con Heo (Bay of Big) ở Cuba để lật đổ Fidel Castro mà lại không tiếp tục khi chiến dịch bị phá vỡ. Vì vậy Kennedy quyết tâm phản ứng (dẫn đến sự thỏa thuận để hạ nhiệt: Mỹ tháo gỡ khí giới khỏi Turkey và Nga khỏi Cuba). Khủng hoảng tên lửa ở Cuba xuýt nữa leo thang thành Thế Chiến III.

Năm 1995 - 1956, có thể là Trung Quốc đã tính lầm khi quyết định đe dọa Đài Loan vì đã lấy lại được Hồng Kông, lại trên căn bản 'một nước Trung Quốc' theo như 'Thông Cáo Thượng Hải' (Shanghai Communiqué) do hai ông Chu Ân Lai và Henry Kissinger soạn thảo (1972), cho nên khi thấy tổng thống Lý Tăng Huy có lập trường 'Đài Loan độc lập', TQ đã thử nghiệm tên lửa bắn vào hướng Đài Loan. Hành động này dẫn đến việc Hoa Kỳ phản ứng như đã đề cập ở phần đầu chương.

Với chiến lược mới, Bắc Kinh cho rằng nếu chỉ làm những gì mình có thể kiểm soát được, rồi mới từ từ leo thang thì không nguy hiểm. Ví dụ như chỉ hành động gây hấn, tranh chấp ở một vài hải đảo thì không đưa tới mức xung đột quân sự. Tại sao? Vì TQ có thể quyết định mục tiêu nào trước, mục tiêu nào sau: bắt đầu từ bãi cạn Scarborough, tới quần đảo Senkaku, tới dàn khoan Hải Dương 981, rồi mới tới xây bãi đá Đá Chữ Thập thành đảo làm căn cứ quân sự chiến lược. TQ cũng có thể quyết định về mức độ xung đột, thí dụ như chỉ cho tầu tuần dương (chứ không phải chiến hạm) dùng vòi rồng nước phun vào tầu Việt Nam ở Hoàng Sa rồi dần dần mới cho máy bay khu trục bay sát và hăm dọa máy bay Nhật, tới Mỹ trên

bầu trời.Nhưng như vậy là mạo hiểm. Theo một Báo Cáo mới đây của viện *Carnergie Endowment For International Peace*: "Cái nguy hiểm lớn lao nhất ở khung cảnh Á Đông ngày nay là một sự leo thang bất ngờ về một sự tranh chấp có giới hạn nào đó, thí dụ như việc TQ tranh chấp với Nhật Bản về hải đảo." (*NYT*, 1 tháng 5, 2013). Nguy hiểm hơn nữa là những đe dọa của TQ đối với Mỹ trên không phận quốc tế. Nội trong nửa năm đầu 2014, máy bay chiến đấu Trung Quốc đã bay sát, gây nên nguy hiểm cho máy bay trinh thám Mỹ tới 4 lần. Theo Washington thì máy bay Mỹ bay trên không phận quốc tế, theo Bắc Kinh là trên không phận thuộc Trung Quốc. Tình trạng đe dọa, bay sát bên nhau vẫn xảy ra trong năm 2015 và còn tiếp tục. Nếu như chỉ một máy bay Mỹ bị nổ hay bắn rơi thì chắc chắn là Mỹ sẽ trả đũa. Sau đó không ai tính được sự xung đột sẽ leo thang tới mức nào. Nhìn vào lịch sử nhiều khi chỉ vì một biến cố hay sự kiện nhỏ có thể gây nên thảm cảnh. Người ta cho rằng Thế Chiến I vào đầu Thế Kỷ 20 cũng đã xảy ra chỉ vì một sự kiện nhỏ: từ việc ám sát một cặp vợ chồng hoàng tộc Áo – Hung tên là Archduke Franz Ferdinand (ngày 28 tháng 6, 1914) trên đường phố ở Sarajevo đã châm ngòi thành một đại chiến (Wikipedia).

Trong tình huống ấy, dư luận thế giới lo ngại rằng Trung Quốc có thể tính lầm về quyết tâm của Mỹ, và cả Mỹ cũng có thể tính lầm về dụng ý thực sự của những hành động TQ. Như vậy hai bên có thể đi tới xung đột vũ trang, rồi leo thang chiến tranh. Mà leo thang chiến tranh lần này thì Mỹ có thể kéo theo cả Nhật, cả Úc.

Tình trạng sẵn sàng ứng chiến

Một điều ta có thểchắc chắn: đó là Mỹ đã sẵn sàng để can thiệp quân sự khi một trong bốn quyền lợi chính yếu bị vi phạm. Ngay từ lúc vừa để ý tới Biển Đông (tháng 4, 1950) Bộ Tổng Tham Mưu Hoa Kỳ đã xác định: "*Vai trò lãnh đạo Thế giới Tự do của Hoa Kỳ đã đặt trách nhiệm lớn lao cho nước này phải huy động được sức mạnh của thế giới tự do để ngăn chận cộng*

sản bá chủ thế giới." Các văn bản về chính sách Hoa Kỳ đối với chiến tranh Việt Nam thường nhắc tới điểm này. Từ nhận thức ấy, đi tới kết luận là: "*Việc Trung Cộng thôn tính Đông Nam Á, hoặc do xâm chiếm, hoặc do lật đổ hay thông đồng với chính phủ bản xứ là điều đe dọa cho nền an ninh của Hoa Kỳ.*" Và đó là luận cứ của cuộc hành trình 'đồng minh nhảy vào' Miền Nam Việt Nam.

Cả cuộc chiến này là để ngăn chận TQ khỏi tràn xuống toàn vùng Đông Nam Á. Nhưng Đông Nam Á chỉ là một trong ba mặt trận của cái tuyến vòng cung bao vây TQ (như đề cập trên đây). Bởi vậy, đang khi chiến đấu ở Việt Nam, Mỹ vẫn tiếp tục củng cố các căn cứ quân sự ở hai khu vực kia.Vì đã có mặt tại Hoa Kỳ từ 1958 khi mặt trận thứ hai và thứ ba bắt đầu được tăng cường, chúng tôi hết sức ấn tượng khi xem tivi, đọc báo chí, nghe radiô bình luận về những biến cố liên hệ tới việc TQ pháo kích eo biển Đài Loan (1958) rồi tấn công biên giới Ấn Độ (1962) và chứng kiến những phản ứng mạnh mẽ của TT Eisenhower và TT Kennedy. Cả hai lần, TQ đều xuống thang như đề cập trên đây.

Nếu theo dõi tình hình thế giới trong những năm gần đây thì ta thấy rằng: Mỹ đã không đợi cho đến khi ông Tập Cẩn Bình lên lãnh đạo năm 2012 mới chuẩn bị đối phó với TQ mà đã bắt đầu từ năm 2008 khi TQ có bước ngoặt về chính sách (Chương 26). Một đặc tính của Mỹ là luôn luôn thay đổi, nâng cấp những gì đã có sẵn. Thí dụ như nếu bạn không đi qua một khu phố và trở lại trong vài năm là đã thấy có nhiều thay đổi. Chính cá nhân chúng tôi dù đã lui tới khu thương mại Tysons Corner (vùng ngoại ô Washington) cả trăm lần nhưng trong vài năm nay đã không ghé qua, bây giờ trở lại thì phải lái xe đi vòng vèo nên bị lạc vì nó đã phát triển quá nhanh. Về kỹ thuật: dù ta đánh (hay "gõ") máy computer với Window 3 là đã thỏa mãn, nhưng sau mấy năm lại có Window 7, rồi 8, tới 10. Còn về điện thoại: Iphone - 3 là quá tốt, nhưng rồi Iphone 5, 6, 6-S, Iphone-10. Về quốc phòng thì cũng vậy, chắc chắn rằng trong các phòng tình hình hay kế hoạch quân sự, dù ở Ngũ Giác Đài hay trên những đỉnh đồi cao hay dưới các hầm kín (như

ở Nevada) thì các chuyên gia về chiến lược, khoa học, tâm lý, thậm chí cả những nhà chuyên môn về phong thủy đã luôn làm việc để cập nhật hóa 'tình trạng sẵn sàng ứng chiến'(status of readiness) ở cả trên biển, trên không, và lục địa (sea, air, land – SEAL).

Mỗi thời điểm cập nhật về Á Châu Thái Bình Dương thì toàn bộ những dữ liệu mới (inputs) về quân sự của TQ: từ lý thuyết quân sự tới những hoạt động tân trang khí giới, nguyên tử, trinh thám, tiếp vận, tốc độ huấn luyện phi công, hạm trưởng đều được đưa vào 'mô hình tiên đoán' (forecasting model) để thẩm định, tính toán. Thí dụ như rất có thể là mô hình tiên đoán đã cảnh giác rằng TQ sẽ nới rộng Ferry Cross Reef (bãi Đá Chữ Thập), South Johnson Reef, tới Subi Reef để xây căn cứ quân sự nên Mỹ đã trang bị hỏa tiễn bay xa Tamahock-10 trên tầu USS Michgan. Trong một bài đăng trên tạp chí 'War is Boring' ngày 21/5/2015, tác giả Kyle Mizokami nhận xét: "chỉ cần 10 hỏa tiễn này là có thể phá hủy được toàn bộ máy bay, rađa, tháp kiểm soát, kho xăng dầu, vũ khí trên Đá Chữ Thập trong vòng vài giờ" và nguyên "chiến hạm USS Michigan đã mang theo 154 Tamahock- D." Về ngoại giao,cũng có thể là vì Mỹ đã có dấu hiệu TQ sẽ phát triển bang giao mạnh hơn nữa với Cuba để có thể xử dụng nơi đây làm một bàn đạp cho chiến tranh mạng 'cyber warfare' chống Mỹ, cho nên Washington đã bình thường hóa ngoại giao với nước này sau 54 năm. Năm 1962: khi Liên Xô mang tên lửa tới Cuba thì máy bay trinh thám Mỹ đã chụp được ngay bằng chứng. Ngược lại, ngày nay thì 'cyber warfare' là một địa hạt rất khó nhận diện và kiểm soát cho nên Mỹ đã đi bước trước để có khả năng theo rõi.

Về chiến lược, nếu như TQ đang liên kết với Nga Xô thì từ 55 năm trước đây Mỹ đã xích lại gần với Ấn Độ. Như đề cập trên đây, từ khi Ấn được độc lập năm 1947, hai bên Ấn – Trung rất là mật thiết. Nhưng khi biến cố Tây Tạng xảy ra năm 1959 thì mối bang giao giữa hai nước trở nên căng thẳng. Nắm lấy cơ hội ấy, TT Eisenhower đã tới New Delhi ngay để cổ võ tình hữu nghị Ấn – Mỹ (ông coi Ấn như một "buffer zone"). Từ đó, tất cả là 6 tổng thống Mỹ đã tới thăm viếng nước này: các

ông Nixon (1969), Carter (1978), Clinton (2000), George Bush (2006). Riêng TT Obama thì đã tới New Delhi 2 lần (2010 và 2014).

Nhiều người cho rằng TQ có được yếu tố chiến lược về 'địa lợi' ở Đông Nam Á vì đây là "sân chơi nhà": hải lực của TQ được yểm trợ từ những căn cứ ở lục địa và trên đảo Hải Nam. Nhưng 'cái lợi' vẫn có thể thành 'cái hại': những căn cứ này lại chính là những mục tiêu cố định, dễ cho Mỹ 'nhắm đích'và 'cập nhật' liên tục. Hai chữ 'targeting' và 'updating' là những chữ chúng tôi thường nghe các nhà quân sự nói tới. Với Hạm Đội-7 cùng với Hạm Đội-3 (hùng hậu nhất thế giới, đang được điều động tới Thái Bình Dương) yểm trợ bằng những căn cứ ở Subic Bay, Clark Air Base (Phi Luật Tân), Utapao (Thái Lan), Darwin (Úc), mặt trận Đông Nam Á đã được chế ngự. Cho nên ta chẳng lạ gì khi thấy Tư lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương Scott Swift tuyên bố tại Pearl Harbor: ***"Tôi rất hài lòng về những nguồn lực đã có sẵn cho tôi với tư cách là người chỉ huy Hạm Đội Thái Bình Dương. Chúng tôi đã sẵn sàng và chuẩn bị để đối phó với bất cứ tình huống nào mà tổng thống cho là cần thiết"*** (17/7/2015). Không những sẵn sàng cả ở Biển Đông mà cả ở phía bắc Thái Bình Dương vì nơi đây đã có'mặt trận Nhật Bản-Đại Hàn.' Nếu TQ lấn sang miền Tây lục địa Á Châu thì có 'mặt trận Ấn Độ.' Sau cùng, nếu như chiến tranh leo thang toàn diện và Trung Quốc có Nga Xô nối tay thì Mỹ cũng có thêm trục NATO tiếp ứng.

***

Mặt khác, vì những giới hạn của TQ về kinh nghiệm hải chiến, không chiến cùng với những khó khăn đối nội, đối ngoại, chưa kể những căng thẳng nội bộ của Đảng Cộng Sản hiện đang gia tăng, có thể Bắc Kinh cũng sẽ quyết định trở về với lập trường 'phát triển hài hòa' của ông Đặng Tiểu Bình. Thời điểm để TQ đổi chiều chính sách có thể là sau khi Hoa Kỳ có tổng thống mới vào năm 2017. Đây là điều mong đợi của cả thế giới. Vì chiến tranh là tàn phá, là hủy diệt và không ai

có thể tưởng tượng ra người thắng kẻ bại sẽ như thế nào. Cho nên, hy vọng rằng "Đệ Nhất Thế Chiến của thế kỷ 21" - thế kỷ của Á Châu – nếu có xảy ra thì sẽ không xảy ra trên mặt Biển Của Hòa Bình.

Dù sao, như Bộ trưởng QP Leon Panetta tuyên bố về quyết tâm của Mỹ dính líu với Á Châu (trích dẫn ở đầu chương), mới đây tân Bộ trưởng QP Ashton Carter đã tái khẳng định: ***"Hoa Kỳ sẽ tiếp tục là cường quốc chính yếu về an ninh tại Á Châu Thái Bình Dương trong nhiều thập niên tới"*** (27/5/2015).

Vì nếu không như vậy, thì chẳng những các quốc gia nơi đây, mà chính an ninh quốc phòng của Hoa Kỳ cũng sẽ bị đe dọa. Đó là vì biên giới miền Tây của nước Mỹ nằm bên bờ Thái Bình Dương (và tiểu bang Hawaii nằm ngay ở giữa). Như cố TT Johnson đã khẳng định:

"Nếu chúng ta buông xuôi *(ở vùng Đông Nam Á)*
thì phải bỏ Thái Bình Dương và rút tuyến quốc phòng của Hoa Kỳ về tận bờ California."

PHẦN KẾT THÚC

CHƯƠNG 28

Bài Học Cho Tiểu Quốc

Ngay từ thời 'Đông Chu Liệt Quốc' cả sáu thế kỷ trước Tây Lịch, Trịnh Tử Gia đã viết cho Triệu Tuyên Tử:

> "Nay đại quốc phán bảo: *'Các ngươi đã không xứng ý ta!'* Nhưng tiểu quốc đã hiến dâng mọi sự cho đại quốc! Chẳng còn gì hơn mà tiểu quốc có thể làm. Người xưa có nói, khi phục vụ một đại quốc, tiểu quốc có thể được coi như một con người hoặc như một con nai. Nếu đại quốc lấy nhân đức đối xử thì tiểu quốc được nhờ. Mà nếu trái lại, thì tiểu quốc đành phải chấp nhận số phận con nai kia bị săn đuổi. Còn sự nguy hiểm nào nữa mà tiểu quốc chưa chấp nhận? Và số phận chờ đợi, nào đâu có do tiểu quốc lựa chọn."

Khi là đồng minh của đại quốc trong một cuộc chiến, chỗ đứng của một tiểu quốc thường là như vậy, liệu mà làm, lách mà đi. Đây là điều chúng tôi đã viết ở trang cuối cùng của cuốn sách *Tâm Tư Tổng Thống Thiệu.* Nhưng cái khó là làm như thế nào, lách ra làm sao? Đây là một chủ đề cho các nhà chính trị học nghiên cứu để viết lên một pho sách cho thật dầy. Chúng tôi chỉ xin đóng góp một vài gợi ý vắn gọn sau khi nghiên cứu về bang giao Việt - Mỹ trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa cũng như nhìn vào những gì đang xảy ra tại Iraq và Afghanistan ngày nay.

Trong cuốn *Khi Đồng Minh Tháo Chạy*, chúng tôi có bình luận về một số bài học, trong đó vấn đề 'quyền lợi' là quan trọng nhất. Kết thúc cuốn này, chúng tôi nhắc lại và bàn sâu thêm về vấn đề này và một vài điểm liên hệ, dựa vào những kinh nghiệm của thời gian *Khi Đồng Minh Nhảy Vào* cùng với những nhận xét, quan sát sau 58 năm sinh sống tại Hoa Kỳ.

1. Chung quanh vấn đề 'quyền lợi'

Thứ nhất, bài học chính yếu là phải tự trông cậy vào chính mình, không thể mãi mãi trông chờ vào người ngoài. Tuy nhiên điều này nói thì dễ nhưng làm thì thật khó. Chính vì là một tiểu quốc - không có hoặc thiếu sức mạnh - nên phải trông nhờ vào đồng minh đại quốc. Nơi đây chúng tôi muốn nhắc lại một điều đã đề cập trước đây, đó là về vai trò của Hoa Kỳ: trong Đệ Nhị Thế Chiến, nếu như không có Hoa Kỳ thì cả Âu Châu và Á Châu đã bị khối "Trục" (Đức, Ý, Nhật) cai trị hoặc trực tiếp hay gián tiếp. Rồi từ sau cuộc chiến, chưa có quốc gia nào giàu mạnh lên được mà không nhờ đến Hoa Kỳ. Nếu không có 'Kế hoạch Marshall' thì Âu Châu không thể phục hồi nhanh chóng. Nếu không có viện trợ tiền bạc và kỹ thuật của Mỹ thì kinh tế Nhật Bản không có ngày nay. Nguyên về kỹ nghệ xe hơi: chính Mỹ đã đào tạo những tay nghề đầu tiên của Nhật để lắp ráp, sửa chữa xe jeep, xe vận tải, xe thiết giáp trong chiến tranh Triều Tiên và chiến tranh Việt Nam. Năm 1972, chúng tôi mua chiếc xe Corolla nhỏ xíu ($3,000): bạn bè Mỹ hỏi anh mua đồ chơi hả? Các nước Á Châu khác – nhất là Trung Quốc - đã nhờ rất nhiều vào đầu tư, kỹ thuật, và thị trường rộng lớn của Mỹ mới có thể canh tân và phát triển nền kinh tế quá nhanh như trong bốn thập niên qua. Ngày nay thì tại Á Châu, như Bộ trưởng Quốc Phòng Anh Philip Hammond phát biểu tại diễn đàn Shangri-La (Singapore): *"Chỉ còn có Hoa Kỳ mới đối lại được với thách đố của quyền lực đang lớn mạnh của Trung Quốc"* (1 tháng 6, 2014).

Nhưng khi là đồng minh của Hoa Kỳ thì phải tìm hiểu về văn hóa, chính trị, luật pháp và thể chế của Hoa Kỳ. Thí dụ như

về bang giao Việt – Mỹ thời Đệ Nhất Cộng Hòa thì rất có thể là đã có nhiều sự hiểu lầm lớn lao giữa hai chính phủ, gây nên những tình huống thật đáng tiếc như đề cập trong cuốn sách này. Người Mỹ có câu "*hiểu biết là sức mạnh,*" nhân dân ta cũng nói "*biết là sống.*" Đây chính là một sự thật quan trọng trong các cuộc bang giao quốc tế, nhất là khi bang giao với Hoa Kỳ. Hoa Kỳ là một quốc gia hết sức phức tạp: "Hợp chủng quốc Hoa Kỳ"- bao nhiêu dân tộc họp lại, bao nhiêu cái hay nhưng cũng có nhiều cái không hay.

Trở lại vấn đề quyền lợi : việc đầu tiên là phải nhớ rằng quyền lợi là yếu tố chính trong mọi cuộc bang giao giữa tiểu quốc với nhau hay giữa tiểu quốc và đại quốc. Thứ nữa, khi sự liên hệ giữa hai nước có tính cách lệ thuộc (nhất là lệ thuộc cả kinh tế lẫn quân sự như trường hợp VNCH bắt buộc phải lệ thuộc vào Mỹ vì hoàn cảnh khó khăn của lịch sử) thì nó không bền vững. Thủ tướng Anh quốc Lord Palmerston đã nói thật rõ "*Nước Anh chẳng có bạn vĩnh viễn mà chỉ có quyền lợi vĩnh viễn*" (Great Britain had no permanent friends, only permanent interests). Lý do quan trọng nhất mà Hoa Kỳ nhảy vào một cuộc chiến như được phân tích trong cuốn sách này là quyền lợi của Hoa Kỳ. Những mục tiêu khác như bảo vệ nhân dân, tranh thủ nền độc lập, hay xây dựng dân chủ (cho VNCH hay Iraq, hay Afghanistan) thì cũng chỉ là thứ yếu. Như đã đề cập trong cuốn sách này, ngay từ lúc nhảy vào cuộc chiến Việt Nam, Tổng Tham Mưu Hoa Kỳ đã xác định bảy quyền lợi của Mỹ. Phó Tổng thống Richard Nixon lại tuyên bố cho thật rõ: "*Cuộc chiến ở Việt Nam là một sự đương đầu – chẳng phải là giữa Việt Nam Cộng Hòa và Việt Cộng hay là giữa Hoa Kỳ và Việt Cộng – mà chính là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc.*" Mùa Xuân 1965: trước khi cho TQLC đổ bộ vào Đà Nẵng, trong một cuộc họp mật tại Washington, Bộ Trưởng Quốc Phòng Robert McNamara và thứ trưởng McNaughton đã nói thẳng ra là mục tiêu của Mỹ "*không phải là để giúp một nước bạn nhưng là để ngăn chặn Trung Quốc.*" Sau đó cuộc chiến leo thang rất nhanh vì lập trường của TT Johnson là "*tôi sẽ không thể để mất Việt Nam,*" vì nếu mất thì Hoa Kỳ phải rút phòng tuyến về tới

bờ biển California.

Cho nên cần phải tìm hiểu để xác định cho rõ những gì là quyền lợi hỗ tương và những gì là quyền lợi đối nghịch giữa hai nước. Điều quan trọng là tìm những phương cách để khai thác những quyền lợi hỗ tương và chế ngự những điều đối nghịch.

Thứ hai, quan niệm về hai chữ 'quyền lợi' thì có ba khía cạnh:

- Quyền lợi về kinh tế thì dễ trông thấy, ít có tranh luận, ít thay đổi. Còn về quyền lợi chính trị và quân sự thì cần phân biệt: các quyền lợi chiến lược có tính cách sống còn thì không đổi hay ít thay đổi, nhưng quyền lợi chiến thuật thì có tính cách giai đoạn. Nó chỉ tồn tại vào thời gian nào đó mà thôi. Hoa Kỳ can thiệp vào chiến trường Việt Nam trong thời điểm lúc cường độ chiến tranh lạnh còn đang lên cao. Tới lúc bắt đầu "détente", giảm căng thẳng được với Liên Xô thì quyền lợi đó cũng bắt đầu giảm. Về chiến tranh vùng Vịnh: một phần cũng là để giúp bảo vệ Do Thái, tiền đồn của Thế giới Tự Do ở Trung Đông. Nhưng ngày nay, Mỹ đã tạm thời can dự thẳng vào chiến trường này, nên sự quan trọng chiến thuật của vai trò Do Thái (ít nhất là dưới thời TT Obama) cũng giảm đi. Vì vậy, lần đầu tiên (đầu năm 2015) ta thấy đã bắt đầu có sự rạn nứt công khai giữa Do Thái và Hoa Kỳ. Chỉ riêng về chuyến viếng thăm Quốc Hội Mỹ vừa qua của Thủ tướng Natanayu thì đã có sự lục đục giữa Tòa Bạch Ốc và Đảng Cộng Hòa. Thêm vào đó, chính quyền Obama đang bất đồng ý với Do Thái về chính sách đối với Iran.

  Về chiến tranh Việt Nam: khi TT Nixon bắt tay với Chủ tịch Mao thì quyền lợi chính trị đối với Việt Nam cũng phai nhòa. Hoa kỳ rút khỏi Việt Nam và có thể nói là khỏi cả Đông Nam Á. Ký Hiệp Định Paris xong là bắt đầu "Năm của Âu Châu" như ông Kissinger tuyên bố. Tuy nhiên, về chiến thuật thì Mỹ ngoảnh mặt khỏi Á Châu, nhưng về quyền lợi kinh tế thì vẫn nhìn rất kỹ. Sau khi

Miền nam sụp đổ, TT Ford tuyên bố '*Học thuyết Ford*', kêu gọi hợp tác kinh tế với toàn thể Á Châu, dẫn đến Hiệp Hội các Quốc Gia Thái Bình Dương (Association of Pacific Countries - APEC), rồi đến Thương Mại Xuyên Thái Bình Dương (Trans Pacific Trade - TPT). Ngày nay thương mại Mỹ - Á thật là rộng lớn.

- Quan niệm về quyền lợi thì có tính cách chủ quan, tùy theo quan niệm của mỗi nhà lãnh đạo Hoa Kỳ. Về Việt Nam thì nói chung: qua các thời đại từ TT Truman, tới Eisenhower, Kennedy và Johnson, dù có thay đổi về sự nhấn mạnh, nhưng quan niệm về quyền lợi thì khá giống nhau. Hoa Kỳ chia ra làm hai Á Châu: Á Châu Hải Đảo (từ Nhật xuống Indonesia) và Á Châu Lục Địa. Trước khi ông Mao Trạch Đông tiến vào Bắc Kinh, (dưới thời TT Truman) thì quyền lợi ở Biển Đông là gián tiếp, không cần phải bảo vệ vì không bị đe dọa. Còn quyền lợi ở Hải Đảo thì sau khi Nhật đầu hàng là Mỹ an toàn rồi. Tới khi ông Mao đôn quân tràn sang Triều Tiên, quan niệm về quyền lợi trở nên trực tiếp hơn. TT Eisenhower đi thêm một bước nữa để xác định cho rõ ràng hơn về 'học thuyết Đôminô' (nếu để mất một nước thì những nước kia sẽ sụp đổ theo như một hàng con cờ đôminô), dẫn đến việc 'nhảy vào Việt Nam.'

  Dưới thời TT Kennedy thì có sự thay đổi: quyền lợi của Mỹ đòi phải chống lại phong trào nổi dậy và chiến tranh du kích do Liên Xô dùng để bành trướng. Kennedy chọn Việt Nam làm 'nơi đọ sức với Liên Xô' về chiến lược mới này. Tới thời TT Johnson thì trở lại lập trường đôminô nhưng nhấn mạnh về quyền lợi an ninh quốc phòng: mất Việt Nam là mất Đông Nam Á, và nếu mất Đông Nam Á thì Hoa Kỳ phải rút tuyến phòng thủ về tận San Francisco.

  Tới thời TT Nixon thì quan niệm quyền lợi thay đổi hẳn. Đây là điểm chúng tôi đã đề cập tới trong hai cuốn

sách KĐMTC và Tâm Tư TT Thiệu. Vì cuốn sách này viết về *'Khi Đồng Minh Nhảy Vào'* nên chúng tôi chỉ nhắc sơ qua tới sự khác biệt ấy. TT Nixon và Cố vấn Kissinger cho rằng sóng đã yên, biển đã lặng, quyền lợi an ninh của Hoa Kỳ không còn bị Trung Quốc đe dọa nữa nên đã đổi ngược chính sách. Trong một buổi họp kín, ông Kissinger nói với ông Chu Ân Lai: "Cho tôi bình luận về sự khác biệt (về chính sách Mỹ) giữa 1954 và 1971: năm 1954, Ngoại trưởng Dulles tin rằng Hoa kỳ có sứ mệnh phải chiến đấu với cộng sản trên khắp thế giới, Hoa kỳ phải là một sức mạnh chính yếu để dấn mình vào bất cứ tranh chấp nào với Cộng sản, ở bất cứ chỗ nào, và vào bất cứ lúc nào. Nhưng Tổng thống Nixon (và tôi) hành động theo quan niệm khác. Chúng tôi không đối phó với Cộng sản trên bình diện trừu tượng, mà chỉ đối phó tùy từng nước Cộng sản theo như những hành động rõ ràng của họ đối với chúng tôi, chứ không phải theo một cuộc viễn chinh trừu tượng." TT Nixon còn nói 'Vị tiền nhiệm của tôi gửi 500,000 quân sang Việt Nam. Tôi đã rút đi 500,000 quân. Tôi sẽ chấm dứt sự can dự của Hoa Kỳ - đó chỉ là vấn đề thời gian." Như vậy ta thấy quan niệm về quyền lợi đã thay đổi 100%. Liên hệ với điểm này,

- Các chính khách của Mỹ (cũng như những cường quốc khác) thường tính toán quyền lợi theo đoản kỳ và phần nào, sự tính toán ấy cũng dính vào quyền lợi của riêng mình. Ở Mỹ thì đoản kỳ là một thời gian trên dưới bốn năm, vì cứ bốn năm là có bầu cử tổng thống. Đây là một điểm quan trọng rút ra từ cuộc chiến Việt Nam. Trong cuốn sách '*Triumph Forsaken*' tác giả Moyar viện dẫn nhà sử học Arthur Schlesinger cho rằng: năm 1963, TT Kennedy biết rằng ông Cabot Lodge sẽ ra tranh cử với mình vào năm sau nên muốn bịp mồm ông này về chiến tranh Việt Nam, liền cử ông sang làm đại sứ ở Sàigòn. Ông này là người đôn đốc đảo chính TT Diệm. Năm

1972, ông Kissinger thành công trong kế hoạch mở cửa Bắc Kinh, sau đó thì đóng cửa Sàigòn. Ông quan niệm rằng Hoa Kỳ có thể bắt tay với Trung Quốc để xây dựng hòa bình và phát triển quyền lợi của cả hai nước. Nhưng bước đi này cũng được thúc đẩy bởi quyền lợi của chính ông Kissinger như chúng tôi đã đề cập trong hai cuốn sách trước. Còn quyền lợi của TT Nixon: cuối năm ấy ông đại thắng bầu cử nhiệm kỳ hai vì đã làm rõ viễn tượng về hòa bình. Bốn mươi năm sau ta mới thấy là hai ông đã sai lầm khi nhìn vào cục diện Á Châu ngày nay.

2. Về việc thực thi quyền hành để bảo vệ quyền lợi

- Trước hết, một hệ thống dân chủ cao như Hoa Kỳ, quyền hành tất nhiên là phân tán. Ngoài nguyên tắc phân quyền làm ba ngành, ngay trong mỗi ngành cũng có nhiều phe phái. Quốc Hội thì có hai đảng, nhưng Đảng Dân Chủ thì có phe cấp tiến, phe ôn hòa. Đảng Cộng Hòa thì có phe bảo thủ, phe diều hâu và siêu diều hâu, như *Tea Party*. Còn chính phủ thì quá nhiều phe: Quốc Phòng, Ngũ Giác Đài, Ngoại Giao, CIA, Tòa Bạch Ốc, Cơ quan Viện trợ USAID. Trong mỗi trục ấy lại có nhiều phe phái, nhiều lập trường. Cho nên,

- Các nhà lãnh đạo tiểu quốc thường hay nhận được những tín hiệu không giống nhau từ các trục quyền hành khác nhau. Có khi nó còn trái ngược nhau. Nhớ lại lúc Miền Nam đi vào giai đoạn hạ màn chẳng hạn, giới Quốc Phòng thì thông báo cho TT Thiệu là không thể gửi thêm quân viện nữa, trong khi toà Bạch Ốc, Bộ Ngoại Giao thì trấn an TT Thiệu là đừng quá lo, còn chúng tôi đây. Bởi vậy, về chính sách, khi ta nói "Mỹ thế này Mỹ thế khác" là thiếu phần chính xác. Phải đặt câu hỏi "*Mỹ*" thuộc phía nào? "*Mỹ*" là những ai? Về sau này, ông Thiệu phàn nàn: "tín hiệu và hành động của Hoa Kỳ không đi đôi với nhau, rất khó cho ta hành

động." TT Thiệu thì ưu phiền nhưng đối với TT Diệm thời Đệ Nhất Cộng Hòa thì đây lại là một yếu tố hết sức quan trọng. Có thể chính vì những tín hiệu lẫn lộn ấy mà ông đã ngộ nhận. Thí dụ như năm 1960: đang khi đại sứ Mỹ Durbrow chỉ trích ông về độc tài, khép kín, gia đình trị thì TT Eisenhower lại viết thư hết mực khen ngợi ông. Lúc đảo chính, Tư lệnh quân sự là Tướng Harkins cho rằng cuộc chiến đang thắng, nhất thiết ủng hộ TT Diệm trong khi Đại sứ Lodge cho rằng đang bại, tính kế dẹp ông đi. Liên hệ với điểm này,

3. Về những tính toán cá nhân đối với sự ủng hộ của Hoa Kỳ

Cá nhân lãnh đạo tiểu quốc không nên tự mãn khi nhận được những sự ủng hộ của Tổng Thống, Bộ trưởng Quốc Phòng hay Ngoại Giao, vì sự ủng hộ ấy thường có tính cách giai đoạn. Khi lãnh đạo của đồng minh được mời tới thăm viếng Quốc Hội Mỹ chẳng hạn, và đọc diễn văn như TT Diệm (1957), TT Afghanistan Karzai (2002), hay Thủ Tướng Iraq Allawi Maliki (2004) thì đây chỉ là tượng trưng một sự ủng hộ tương đối. Về lâu về dài, nó không có nhiều trọng lượng về thực chất. Năm 1957, khi TT Diệm trở về Sàigòn sau chuyến viếng thăm Hoa Kỳ được tiếp đón linh đình, uy tín của ông lên thật cao. Các rạp xi nê chiếu đi chiếu lại cái cảnh Quốc Hội đứng lên vỗ tay thật lâu để ủng hộ ông. Như vậy, đa số nhân dân, trong đó có tác giả, đều nghĩ rằng: Mỹ ủng hộ như thế này thì chắc chắn lắm rồi. Mà đúng như vậy, nhưng nó chỉ đúng vào thời điểm của TT Eisenhower. Rất có thể là TT Diệm đã quá tin tưởng vào sự ủng hộ ấy, nhất là ông lại nhận được nhiều lời ca tụng: 'người của phép lạ', 'ông là Winston Churchill của Á đông.' Rồi TT Eisenhower và Kennedy viết thư hết mực ca ngợi ông.

Thêm vào đó, bài học Miền Nam cho thấy rằng những lời hứa hẹn, cam kết của các quan chức Hoa Kỳ bên hành pháp - nhất là khi cam kết trong vòng bí mật - thì nó có giá trị rất giới

hạn. Nếu là những cam kết, hứa hẹn trên bình diện quốc gia, có tính cách lâu dài thì cần có sự đồng ý của Quốc Hội, vì như đã đề cập: Quốc Hội Hoa Kỳ nắm cái túi tiền, nếu không đồng ý chi tiêu thì bên hành pháp không làm gì được.

4. Sự quan trọng của giới truyền thông

Sau cùng là vai trò của giới truyền thông. Hoa Kỳ là nước có nền dân chủ cao nhất, hiến pháp cho giới truyền thông được hoàn toàn tự do phê bình, chỉ trích, nhiều khi còn bêu xấu chính phủ mà chính phủ không có phương tiện để phản biện. Một lý do là vì Mỹ là nước duy nhất mà chính phủ không có Bộ Thông Tin hay báo chí, TV, radiô để phản biện. Đài VOA chỉ là để thông tin ra ngoại quốc. Cho nên chính phủ thường là nạn nhân của giới truyền thông, nhất là báo chí. Báo chí là quyền hành '*The Power That Be*' như tên một cuốn sách nói về vấn đề này. Chính phủ Mỹ có ba ngành: lập pháp, hành pháp và tư pháp. Truyền thông được coi giống như ngành thứ tư – *'The Fourth Branch of Government.'* Nó là guồng máy xoay vần tư tưởng quần chúng thật bén nhậy. Trung bình, người Mỹ xem TV tới 8 giờ mỗi ngày. Nơi đây, chúng tôi nhớ tới lời tâm sự của TT Johnson: khi thấy ông Walter Cronkite (nổi tiếng của đài truyền hình CBS) bình luận tiêu cực về Việt Nam sau một nửa giờ tin tức đặc biệt về cuộc chiến, ông Johnson nói *"Nếu tôi mất Cronkite là tôi mất giới trung lưu Hoa Kỳ rồi"* (If I've lost Cronkite, I've lost middle America – CBS Evening News, 27/2/1968).

Bởi vậy, tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân Mỹ qua giới truyền thông (và thành phần trí thức tại các đại học và những viện nghiên cứu) là điều quan trọng để duy trì sự ủng hộ. Về vấn đề này thì VNCH thật thiếu sót, phần vì thiếu nhận thức, phần thì không có phương tiện về nhân lực, tài chính để đáp ứng.

***

Tóm lại, như đề cập trên đây, khi giao hảo với Mỹ thì phải tìm hiểu cho rõ về văn hóa, luật pháp, chính trị, và thể chế của

nước Mỹ. Đặc biệt là những yếu tố thực tế, trực tiếp ảnh hưởng chính sách. Sau đây là một số trong những yếu tố ấy:

1. Tác động của hệ thống lưỡng đảng: liệu tổng thống có nắm được cả hai viện - Thượng và Hạ Viện hay không, hay chỉ có một Viện?

2. Cứ bốn năm là có bầu cử tổng thống: những yếu tố nào có thể làm thay đổi quan niệm về quyền lợi của Đảng mới lên cầm quyền hay của cùng một Đảng nhưng trong nhiệm kỳ II?

3. Thủ tục rườm rà tại Quốc Hội Mỹ (nhất là thủ tục ngân sách), diễn biến về lãnh đạo các Ủy Ban (nhất là Ủy Ban Quốc Phòng và Ủy Ban Ngoại Giao) tại Quốc Hội: thêm vào đó là các phe phái trong Quốc Hội (có thể là thuộc về cùng một Đảng).

4. Liên hệ và ảnh hưởng của một vài quan chức lãnh đạo chủ chốt, có nhiều tư thế bên phía hành pháp. Rồi khi có thay đổi giữa kỳ (hay sau một nhiệm kỳ) về những nhân vật này. Thí dụ như trong chính phủ Kennedy thì Bộ trưởng QP McNamara có ưu thế hơn Bộ trưởng NG Dean Rusk. Đến chính phủ Johnson thì ngược lại. Thời Nixon thì Cố vấn (sau kiêm Ngoại trưởng) Kissinger nắm độc quyền về ngoại giao. Ngày nay Ngoại trưởng Hilary Clinton có thể đã có nhiều ảnh hưởng trong nhiệm kỳ I của TT Obama so sánh với Ngoại trưởng John Kerry trong nhiệm kỳ II; và sau cùng là

5. Ảnh hưởng của giới truyền thông, những trục nào trong giới này đang có nhiều ảnh hưởng đối với chính quyền vào thời điểm ấy (thí dụ như chính quyền Obama thì không ưa gì hệ thống truyền thông Fox).

Theo sự nhận xét của chúng tôi thì những nước tương đối là thành công trong liên lạc bang giao với Mỹ, như Do Thái (tuy đang tạm thời có rạn nứt với chính quyền Obama), Đài Loan,

Đại Hàn, Nhật Bản, Ấn Độ, tất cả đều đã luôn luôn theo rõi những diễn biến liên hệ tới những yếu tố trên để đắn đo, tính toán khi làm chính sách.

***

Thật rõ ràng là có sự khác biệt lớn lao giữa hai nền văn hóa, giữa những hệ thống tư tưởng, những tính toán hơn thiệt hay cung cách hành động. Nơi đây chúng tôi nhắc lại về một nhận xét đã đề cập trong cuốn 'Tâm Tư Tổng Thống Thiệu' (trang 516-517): đó là về sự khác biệt căn bản giữa Đông và Tây về những quan niệm như *chung thủy, chữ tín,* hay *danh dự* là những giá trị cao nhất trong khung cảnh văn hóa Á Đông nói chung và Việt Nam nói riêng. Thêm vào đó là một sự kiện nữa: người Mỹ đúng là một doanh nhân trong nền kinh tế thị trường. Nếu khi nào thương mại đến mức thua lỗ quá đáng thì phải bỏ ngay để giảm thiểu thua lỗ - 'cut loss and run' và chính 'con người' cũng khác nhau. Ngay cả đồ ăn thức uống cũng vậy, ví dụ như người Phương Tây cho mắm tôm hay sầu riêng là khó ăn, nhưng còn con cá mòi (anchovie) hay phó mát thì sao? Bởi vậy thường có những trăn trở, lấn cấn trong các mối liên hệ, dù là giữa cá nhân với nhau, hay trên bình diện quốc gia. 'Đông là Đông, Tây là Tây' như Kipling đã nói. Và đây là một điều quan trọng cần được những thế hệ tương lai đào cho thật sâu. Cần thiết cho hòa bình thế giới là tìm ra những nguyên tắc hướng dẫn cho sự bang giao giữa các dân tộc. Làm sao để các lãnh đạo của hai đồng minh từ hai môi trường lịch sử, văn hóa khác nhau với những quyền lợi ngược nhau lại có thể cộng tác cho hữu hiệu, cho hài hòa để đến khi kết thúc thì kết thúc trong hân hoan hơn là cay đắng, tự hào hơn là tủi nhục.

THAY LỜI CUỐI

Mệnh Nước Nổi Trôi

Một buổi chiều mùa Xuân năm 1974, trong chuyến đi công tác sang Tokyo, chúng tôi dự bữa tiệc do Bộ Ngoại Giao Nhật khoản đãi. Lúc ấy chưa ưa thích món ăn sushi nên cũng chẳng có gì là hứng thú, cứ vui vẻ nâng ly rượu sake chúc tụng cho sự cộng tác chặt chẽ về kinh tế, thương mại giữa hai nước. Trong bữa ăn, một chuyên gia người Nhật ngồi cạnh chúng tôi nhỏ nhẹ nói: "Thềm lục địa nước ông rất phong phú." Chúng tôi đáp: "Vâng, chúng tôi đang cho khai thác dầu lửa." Ông ta chữa lại: "Không, tôi muốn nói tới tiềm năng hải sản của các ông." Rồi ông bình luận về sự may mắn của Việt Nam với tiềm năng hải sản của một bờ biển dài tới 2,500 cây số. Tiếp theo, chúng tôi hỏi thêm xem ông còn thấy những may mắn nào khác nữa không? "Ồ, nước các anh có đại học đầu tiên ở Á Châu (Quốc Tử Giám), có sân gôn đầu tiên (sân gôn Đà Lạt). Việt Nam lại là nước Á Châu duy nhất dùng vần chữ La tinh ABC, giúp các ông tiếp thu văn hóa và kỹ thuật Tây phương rất là mau lẹ."

Bình luận này làm chúng tôi suy nghĩ mãi vì ngoài những may mắn ấy, cái chính là con người Việt Nam thì lại cần cù, thông minh, tương đối là 'tâm thiện chí cương', căn cơ tiết kiệm. Như vậy mà sao đất nước cứ vất vả, lận đận mãi? Kể ra

thì Việt Nam cũng đã có những cơ duyên may mắn, nhưng nó chỉ chợt đến rồi chợt đi. Ngay từ Thế kỷ 18: Hoàng tử Cảnh đã gặp Tổng thống Thomas Jefferson (lúc ấy là Sứ Thần Mỹ tại Pháp). Rất có thể là nếu như cậu Hoàng Tử không chết vì bệnh đậu mùa thì đã là cái gạch nối giữa cha cậu (vua Gia Long) với tổng thống lừng danh Jefferson. Nếu như vậy thì số phận của đất nước ta đã khác hẳn, và có thể ngày nay Việt Nam đã thành một cường quốc ở Đông Nam Á. Tới Thế kỷ 19: sứ Thần vua Tự Đức là Bùi Viện cũng qua ngả Hồng Kông lần mò tới tận Washington liên lạc với chính phủ Tổng thống Ulysses Sympson Grant để cầu cứu Mỹ ngăn chận Pháp khỏi chiếm thuộc địa.

Nhìn vào lịch sử VNCH thì thấy buổi bình minh thật là huy hoàng, rực rỡ nhưng lúc hoàng hôn (của cả Đệ Nhất lẫn Đệ Nhị Cộng Hòa) lại thật thê lương,ảm đạm.

Nơi đây chúng tôi nhắc lại một ghi chú vào lúc cuối cùng. Hai tháng trước ngày 30 tháng 4, một phái đoàn Quốc Hội sang Sàigòn để thẩm định xem có nên cấp thêm quân viện nữa hay không, dù chỉ là $300 triệu. Chiều ngày 1 tháng 3, Dinh Độc Lập mở tiệc khoản đãi trước khi phái đoàn lên đường về Mỹ. TT Thiệu đứng lên đọc bài diễn văn lúc cuối tiệc. Ông nói tới tình huống là trong hai mươi năm qua,có tới năm Tổng Thống Hoa Kỳ thuộc cả lưỡng đảng đã kêu gọi nhân dân Việt Nam chiến đấu chống Cộng sản, và cam kết sẽ yểm trợ cho tới khi nào họ còn muốn bảo vệ tự do của mình. Những cam kết ấy đã được quý vị dân biểu liên tục ủng hộ. "Vấn đề giản dị chỉ như thế này," ông Thiệu kết luận, *"Liệu những lời cam kết của Hoa Kỳ có còn giá trị nào không? Đó là thông điệp tôi muốn quý vị chuyển tới Đại Hội thứ 94 của Quốc Hội Hoa Kỳ."* Bầu không khí thật căng thẳng. Bỗng một cơn gió mạnh thổi thốc vào phòng tiệc qua những cửa kính mở ngỏ. Các ngọn nến trên những chúc đài cao bằng bạc phụt tắt gần hết, khiến nến rớt vung vãi xuống bàn tiệc. Gió tiếp tục thổi, làm cho những màn cửa mầu trắng dài của Phòng Khánh Tiết tung bay lất phất. trông như những lá cờ đầu hàng. Tôi ngoảnh mặt sang Philip Habib (Phụ tá Bộ trưởng Ngoại Giao) nói thì thầm "Một điềm

gở đấy," Habib gật đầu như đồng ý.

TT Thiệu nói tới *"năm vị Tổng thống Mỹ"* nhưng thực ra thì nếu tính luôn TT Truman thì có tới sáu tổng thống đã dính líu vào Việt Nam: Truman, Eisenhower, Kennedy, Johnson, Nixon và Ford. Nếu thêm cả TT Roosevelt (người đã cố gắng giúp Việt Nam độc lập) thì tất cả là bảy tổng thống. Chưa có cuộc chiến nào như vậy. Về cuộc chiến Iraq và Afghanistan thì cho tới ngày nay, kể cả TT Obama thì cũng chỉ có tới bốn. Trong suốt cuộc chiến cũng đã có những lúc tương đối là thuận lợi:

- **1945:** Tại Hội Nghị Yalta (ngày 8 tháng 2) TT Roosevelt đã nỗ lực giúp Việt Nam tiến tới độc lập. Ngay sau đó, Nhật lật đổ Pháp (ngày 11 tháng 3): Nhật Hoàng phái Đại sứ Yokahama đến triều đình Huế gặp Cựu Hoàng Bảo Đại: *"Tâu Hoàng Thượng, đêm qua chúng tôi đã chấm dứt chủ quyền của người Pháp ở đất nước này, tôi được trao nhiệm vụ dâng nền độc lập của Việt Nam cho Hoàng Thượng."*

- **1950:** TT Truman viết công hàm cho Cựu Hoàng Bảo Đại để *"Chính thức công nhận Nước Cộng Hòa Việt Nam"* (ông nói là 'Vietnam Republic'). Ông Bảo Đại liền viết thư khẩn khoản yêu cầu Mỹ ngăn chận Pháp để khỏi tái chiếm thuộc địa.

- **1955:** TT Diệm khai sinh Đệ Nhất Cộng Hòa. Buổi bình minh thật là huy hoàng rực rỡ.

- **1960:** với sự yểm trợ mạnh mẽ của TT Eisenhower, Miền Nam kết thúc được "5 năm vàng son," vừa xây dựng, phát triển, vừa có hòa bình. Lúc ấy thì Đài Loan còn là Formosa, Singapore chưa ra đời, sản xuất chính của Thái Lan chỉ có gạo, những mái nhà ở Đại Hàn toàn mầu đỏ vì người dân phơi đầy ớt để làm kim-chi.

- **1965:** trước tình trạng xáo trộn kéo dài sau đảo chính, TT Johnson cho đại quân vào để yểm trợ: *"Tôi sẽ không để mất Việt Nam,"* ông tuyên bố, vì *"Mỹ không thể rút*

phòng tuyến về tận San Francisco." Mặt khác ông bắt đầu đi tìm hòa bình, và đề nghị cả tỷ đôla giúp cả Bắc và Nam Việt Nam phát triển kinh tế, xã hội. Về phía Miền Nam thì các tướng lãnh cũng đã đi tới chỗ hài hòa, chuẩn bị bầu cử tổng thống dân sự. Nắng Sàigòn ai đi cũng thấy chợt mát.

- **1970:** tình hình ổn định đủ để chính phủ Miền Nam nghĩ tới tái thiết nền kinh tế hậu chiến như chúng tôi đã viết trong cuốn KĐMTC. Nhưng rồi
- **1975** đã vội đến: đầu Xuân mất Phước Long, cuối Xuân là ngày 30 tháng 4.

Xem như vậy, cái **'chu kỳ 5 - năm'** kể cũng lạ: ***1945-1950; 1950-1955; 1955-1960; 1960-1965; 1965-1970; 1970-1975.*** Giữa những mốc thời gian ấy là bao nhiêu khó khăn, trục trặc khôn lường. Một trong những cái trục trặc nhất là hai nền Cộng Hòa gặp phải hai tay đao phủ. Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, ông Henry Cabot Lodge đã triệt hạ TT Diệm, và đi theo ông là Hiến Pháp đầu tiên của VNCH. Chúng tôi gọi ông Lodge là "Đao phủ HENRY I." Thời Đệ Nhị Cộng Hòa,ông Henry Kissinger đạo diễn việc tháo chạy. Chúng tôi gọi ông này là "Đao phu HENRY II." Cả 2 Henry đều là những nhà ngoại giao nổi tiếng.

Ôn lại những bất hạnh, chúng tôi thấy câu 'phúc bất trùng lai, hoạ vô đơn chí' là đúng, nhưng tại sao tai họa nó lại đến với Miền Nam một cách quá dồn dập vào lúc chót, chúng tôi tự vấn trong phần kết thúc cuốn KĐMTC. Nơi đây chỉ xin nhắc để độc giả nhớ một chi tiết: chúng tôi đang dự một buổi họp đầy căng thẳng tại Dinh Độc Lập sau cuộc rút lui Pleiku thì Đại Tá Cầm (Chánh Văn phòng Tổng Thống) bước vào đưa một tin bất hạnh. Ông Paul Léandri, trưởng phòng thông tấn xã *Agence France Presse* ở Sàigòn bị cảnh sát bắn chết! Khi Léandri loan tin 'có số lính người Thượng (Montagnards) đã nổi loạn ở Hậu Bổn chống lại quân đội VNCH' thì Nha Cảnh Sát mời ông đến để thẩm vấn. Sau vài tiếng đồng hồ, Leandri đột nhiên bước ra khỏi phòng, nhảy lên xe và lái vút đi. Khi cảnh sát huýt còi để

ngừng lại, ông cứ tiếp tục phóng nhanh. Cảnh sát rút súng bắn vào bánh xe. Chẳng may một viên đạn lạc trúng ngay Leandri. Ông gục chết tại chỗ! Phóng viên ngoại quốc phẫn nộ, phản kháng kịch liệt. Trong một tình huống nóng bỏng sau Pleiku và hình ảnh Miền Nam đã nhạt nhòa vì những cáo buộc là hèn nhát, độc tài, tham nhũng, bây giờ hình ảnh Leandri máu me được phóng đi khắp thế giới! Tổng Thống Thiệu nghe tin này đã tái mặt. Ông liền chấm dứt buổi họp, bỏ phòng ra đi.

Còn về lúc kết thúc Đệ Nhất Cộng Hòa thì thật nhiều bất hạnh: mùa Hè 1963, khi bang giao Việt – Mỹ bắt đầu bốc lửa thì biến cố Phật Giáo ập đến. Báo chí Mỹ đổ thêm ngay mấy thùng xăng vào cho lửa cháy thật to. Sau đó, bao nhiêu cái xui xẻo đã đến với TT Diệm vào ngày 5 tháng 10, 1963. Rồi tới bất hạnh cuối cùng: ngày 30 tháng 10 (ngày trước đảo chính), ông Lodge đã sửa soạn lên đường về Washington, nhưng rồi ông bất chợt thay đổi chương trình. Nếu như ông Lodge không hoãn chuyến đi thì Tướng Harkins đã thay thế ông như Washington đã chỉ định. Ông Harkins là người ủng hộ TT Diệm và đang chống đối ông Lodge. Nếu như Tướng Harkins làm 'quyền đại sứ' thì không thể nào đảo chính được: ông chỉ cần gọi điện thoại cho TT Diệm một nửa phút là xong rồi.

Khi kết thúc cuốn KĐMTC, chúng tôi có viết: suy gẫm như vậy, nhiều người trong chúng ta, trong đó có tác giả, vẫn còn tiếp tục đặt câu hỏi "âu có phải là mệnh nước đã tới lúc suy tàn?" Cũng như một con người, mỗi một quốc gia đều có một vận mệnh. Bây giờ đến lúc kết thúc cuốn sách này và nghĩ thêm về những cay đắng mà tổ tiên ta đã phải gánh chịu trong cả nghìn năm bị Trung Quốc đô hộ thì chúng tôi cũng chỉ còn có cách nghĩ tới chữ 'Mệnh.'

Nhưng tại sao cái mệnh nước ta nó lại long đong đến thế?

Hay là tại địa thế xấu? Nằm sát cạnh một quốc gia không bao giờ thoát được nạn nhân mãn nên cứ lán ra. Rồi Việt Nam lại có cái bờ biển dài tới 3,200 cây số chưa kể hải đảo, trải rộng ra cho bao nhiêu làn sóng của văn hóa Đông, Tây từ thật xa nó rót vào, vừa tốt vừa xấu, nhiều lúc như Tsunami.Thí dụ như chỉ nguyên về thức ăn thì ta đã thấy nó phong phú như thế

nào. Chúng tôi thăm viếng cũng khá nhiều quốc gia trên thế giới nhưng chưa thấy nước nào có đủ mọi thứ thức ăn như Việt Nam: Tầu, Pháp, Nhật, Ấn, Thái, Miên. Cơm Việt Nam lại có tiếng là ngon miệng và tinh khiết. Nói về địa thế, ta lại phải nghĩ tới Vịnh Cam Ranh. Đó là của Trời cho, nhưng cường quốc nào cũng nhòm ngó: Nhật, Pháp, Mỹ, Nga đều đã có lúc tới thiết lập căn cứ quân sự tại nơi đây.

Hay là tại Trời phạt con cháu vì ông bà đã đánh phá, chiếm đất của người Chàm? Nhưng người Mỹ cũng đánh phá dân Da Đỏ chiếm đất lập quốc, rồi lấn rộng ra, chiếm luôn cả Texas, California của Mexicô mà sao không bị phạt?

Bởi vậy, hay là tại chính chúng ta, những con người Việt Nam? Cái đặc tính chia rẽ, ganh tỵ của ta thì nhiều tác giả đã bàn rộng. Có lần TT Thiệu tâm sự với chúng tôi về một tình huống ông luôn gặp phải, đó là: hai chính trị gia yêu cầu ông hai điều đối nghịch nhau, hai nhà lãnh đạo tôn giáo khuyên ông làm hai việc không đi đôi với nhau. Rồi ông nói: *"Ta cứ hô hào toàn dân toàn quân đoàn kết một lòng, nhưng hô là hô như vậy chứ khó mà đoàn kết được."*

Một trong những lý do mà ta chia rẽ có thể là vì thiếu sự liên lạc, khó gần gũi nhau. Cũng như tại nhiều nước khác, ngày trước nhân dân ta sống rất biệt lập, ngăn sông cách núi. Từ sau lũy tre xanh mà được cô lái đò chở qua sông sang thăm bạn bè là vui vẻ lắm rồi. Cô gái sang sông đi lấy chồng thì coi như đi biền biệt. Ngày nay thì cách nhau một đại dương cũng là gần gũi, máy bay phản lực chở du khách đi xuyên lục địa chỉ trong mấy giờ. Về thông tin thì ngày trước, bà con ở thôn quê cũng chỉ trông nhờ vào chú "mõ làng." Bây giờ, một cậu bé cầm cái iPhone nho nhỏ là có thể nói chuyện với bạn ở xa ngàn vạn dặm. Lại có cả một thế giới thông tin về dữ liệu ngay trong tay.

Khi con người gần gũi nhau hơn, liên lạc với nhau thường xuyên hơn, hiểu biết sâu rộng hơn tất sẽ có thể chấp nhận những khác biệt, dị biệt, xung khắc một cách dễ dàng hơn. Như vậy cũng rất có thể cải tiến được cái số mệnh để cho nó may mắn hơn. Một anh bạn kể cho chúng tôi mẩu chuyện vui về sự chia rẽ của người Do Thái. Có anh chàng bị đắm tầu, nhưng may

mắn được sóng cuốn vào một hoang đảo. Anh này là người tháo vát, xoay xở tìm cách sinh sống được khá lâu, cho đến khi có một con tầu đi qua cứu vớt. Viên thuyền trưởng thấy anh không những còn khỏe mạnh, lại còn xây được hai cái nhà thờ nho nhỏ. Ông hỏi: "Có một mình anh mà sao lại mất công làm những hai cái nhà thờ?" Anh chàng trả lời: "Ấy, tôi xây hai cái nhà thờ để một cái tôi đi cầu nguyện và một cái tôi không đi." Bạn tôi nói thêm: ngày trước người dân Do Thái rất ít liên lạc với nhau, chia rẽ về mọi mặt. Nhưng sau khi lập quốc, họ đã tìm mọi cách để gần lại nhau qua hai kênh chính: giáo dục và thông tin. Bây giờ thì đoàn kết hơn nhiều, vì vậy, dù chỉ có 8 triệu dân mà vẫn tồn tại được trong cả cái thế giới của người Ả Rập.

Cho nên riêng phần tác giả thì cũng chỉ có một mong ước, đó là những thế hệ con cháu được sống trong thời đại kỹ thuật, có nhiều phương tiện và hoàn cảnh thuận lợi để liên lạc nên sẽ có thể gần gũi nhau hơn, thông cảm nhau hơn để rồi từng bước có thể giúp cho vận mệnh đất nước trở nên tươi sáng hơn, tốt đẹp hơn. Chúng tôi nghĩ rằng đây cũng là niềm hy vọng của nhiều độc giả.

PHẦN PHỤ LỤC

Một số văn bản nguyên thủy liên hệ tới
những tài liệu được trích dẫn trong cuốn sách này.

PHỤ LỤC
A

VĂN THƯ CỦA TT TRUMAN GỬI CỰU HOÀNG BẢO ĐẠI
và
NHỮNG VĂN THƯ GIỮA TT EISENHOWER, KENNEDY VÀ TT NGÔ ĐÌNH DIỆM

1. Thư TT Harry Truman gửi Cựu Hoàng Bảo Đại ngày 4/2/1950.
2. Thư TT Dwight D. Eisenhower gửi Thủ Tướng Ngô Đình Diệm ngày 1/10/1954.
3. Thư TT Eisenhower gửi Tổng Thống (TT) Ngô Đình Diệm ngày 22/10/1960.
4. Thư TT John F. Kennedy gửi TT Ngô Đình Diệm ngày 8/5/1961.
5. Thư TT Diệm gửi TT Kennedy ngày 15/5/1961.
6. Thư TT Diệm gửi TT Kennedy ngày 9/6/1961.
7. Thư TT Kennedy gửi TT Diệm ngày 24/10/1961.
8. Thư TT Kennedy gửi TT Diệm ngày 14/12/1961.

DEPARTMENT OF STATE

OUTGOING TELEGRAM

FEB 4 1950

AMCONSUL,

SAIGON,

59

You SHLD deliver (for timing see DEPTEL 58) the FOL Messages from the PRES to Bao Dai. After consultation FR High Commissioner Actual letters will FOL by pouch.

QTE Your Imperial Majesty:

I have Your Majesty's letter in which I am informed of the signing of the agreements of March 8, 1949 between Your Majesty, on behalf of Vietnam, and the President of the French Republic, on behalf of France. My Government has also been informed of the ratification on February 2, 1950 by the French Government of the agreements of March 8, 1949.

QTE Since these acts establish the Republic of Vietnam as an independent State within the French Union, I take this opportunity to congratulate Your Majesty and the people of Vietnam on this happy occasion. ,

QTE The Government of the United States of America is pleased to welcome the Republic of Vietnam into the community of peace-loving nations of the world and to extend diplomatic recognition to the Government of the Republic of Vietnam. I look forward to an early exchange of diplomatic representatives between our two countries.

QTE I take this opportunity to extend my personal greetings to Your Majesty with my best wishes for the prosperity and stability of Vietnam.

QTE His Imperial Majesty
Bao Dai,
Head of State of the
Republic of Vietnam. UNQTE

. . . . . .

2

LETTER FROM PRESIDENT EISENHOWER TO PRESIDENT DIEM, OCTOBER 1, 1954†

Dear Mr. President:

I have been following with great interest the course of developments in Vietnam, particularly since the conclusion of the conference at Geneva. The implications of the agreement concerning Vietnam have caused grave concern regarding the future of a country temporarily divided by an artificial military grouping, weakened by a long and exhausting war and faced with enemies without and by their subversive collaborators within.

Your recent requests for aid to assist in the formidable project of the movement of several hundred thousand loyal Vietnamese citizens away from areas which are passing under a *de facto* rule and political ideology which they abhor, are being fulfilled. I am glad that the United States is able to assist in this humanitarian effort.

We have been exploring ways and means to permit our aid to Vietnam to be more effective and to make a greater contribution to the welfare and stability of the Government of Vietnam. I am, accordingly, instructing the American Ambassador to Vietnam to examine with you in your capacity as Chief of Government, how an intelligent program of American aid given directly to your Government can serve to assist Vietnam in its present hour of trial, provided that your Government is prepared to give assurances as to the standards of performance it would be able to maintain in the event such aid were supplied.

---

* SOURCE: *Why Vietnam?* (Washington: U.S. Government Printing Office, 1965).

† Delivered to Diem via U.S. Ambassador Donald R. Heath on October 23, 1954.

2Λ

The purpose of this offer is to assist the Government of Vietnam in developing and maintaining a strong, viable state, capable of resisting attempted subversion or aggression through military means. The Government of the United States expects that this aid will be met by performance on the part of the Government of Vietnam in undertaking needed reforms. It hopes that such aid, combined with your own continuing efforts, will contribute effectively toward an independent Vietnam endowed with a strong government. Such a government would, I hope, be so responsive to the nationalist aspirations of its people, so enlightened in purpose and effective in performance, that it will be respected both at home and abroad and discourage any who might wish to impose a foreign ideology on your free people.

Sincerely,

DWIGHT D. EISENHOWER.

"The White House on October 25 made public the following message from President Eisenhower to Ngo Dinh Diem, President of the Republic of Viet-Nam.

"OCTOBER 22, 1960

"DEAR MR. PRESIDENT: My countrymen and I are proud to convey our good wishes to you and to the citizens of Viet-Nam on the fifth anniversary of the birth of the Republic of Viet-Nam.

"We have watched the courage and daring with which you and the Vietnamese people attained independence in a situation so perilous that many thought it hopeless. We have admired the rapidity with which chaos yielded to order and progress replaced despair.

"During the years of your independence it has been refreshing for us to observe how clearly the Government and the citizens of Viet-Nam have faced the fact that the greatest danger to their independence was Communism. You and your countrymen have used your strength well in accepting the double challenge of building your country and resisting Communist imperialism. In five short years since the founding of the Republic, the Vietnamese people have developed their country in almost every sector. I was particularly impressed by one example. I am informed that last year over 1,200,000 Vietnamese children were able to go to elementary school; three times as many as were enrolled five years earlier. This is certainly a heartening development for Viet-Nam's future. At the same time Viet-Nam's ability to defend itself from the Communists has grown immeasurably since its successful struggle to become an independent Republic.

"Viet-Nam's very success as well as its potential wealth and its strategic location have led the Communists of Hanoi, goaded by the bitterness of their failure to enslave all Viet-Nam, to use increasing violence in their attempts to destroy your country's freedom.

"This grave threat, added to the strains and fatigues of the long struggle to achieve and strengthen independence, must be a burden that would cause moments of tension and concern in almost any human heart. Yet from long observation I sense how deeply the Vietnamese value their country's independence and strength and I know how well you used your boldness when you led your countrymen in winning it. I also know that your determination has been a vital factor in guarding that independence while steadily advancing the economic development of your country. I am confident that these same qualities of determination and boldness will meet the renewed threat as well as the needs and desires of your countrymen for further progress on all fronts.

"Although the main responsibility for guarding that independence will always, as it has in the past, belong to the Vietnamese people and their government, I want to assure you that for so long as our strength can be useful, the United States will continue to assist Viet-Nam in the difficult yet hopeful struggle ahead.

"Sincerely,

"DWIGHT D. EISENHOWER."

Thư TT John F. Kennedy gửi TT Ngô Đình Diệm ngày 8 tháng 5, 1961

May. 8, 1961

Dear Mr. President:

I have asked Vice President Johnson to go to Viet-Nam on my behalf to visit you personally, to give you my warmest greetings, to witness the valiant struggle of your people against Communist aggression, and to assure you that my message of April 27 was more than an expression of moral support.

Since I took office my colleagues and I have watched developments in Viet-Nam with attention and concern. We have been urgently considering ways in which our help could be made more effective. I can now tell you that, for our part, we are ready to join with you in an intensified endeavor to win the struggle against Communism and to further the social and economic advancement of Viet-Nam. Because of the great importance we attach to this matter, I have asked Vice President Johnson and Ambassador Nolting to discuss it fully with you.

If such an expanded joint effort meets with your approval, we are prepared to initiate in collaboration with your government a series of joint, mutually supporting actions in the military, political, economic and other fields. We would propose to extend and build on our existing programs including the Counterinsurgency Plan and infuse into our actions a high sense of urgency and dedication.

It is my understanding that certain of the proposals in the Counterinsurgency Plan may not entirely reflect your own judgment. However, I hope you would feel free to discuss any issues frankly with Ambassador Nolting so that we may find a common viewpoint. I am happy to tell you, however, that the steps already taken to implement the Plan have made it possible for us to have approved Military Assistance Program support of the 20,000 increase of your regular forces.

I speak first of military measures. But I fully share your view that Communism cannot be stopped by such measures alone. Parallel political and economic action is of equal importance. I believe we are in agreement that the military actions proposed in the Counterinsurgency Plan for controlling and defeating the Vi[illegible] Cong are soundly conceived and should be taken. However, in light of current conditions, these measures may no longer be sufficient. Therefore, in addition to actions in the Counter-ins[illegible]rgency Plan, we would be prepared to:

1. Augment the personnel of the MAAG to enable it to carry out increased duties.

2. Expand the MAAG's duties to include supporting and advising the Self Defense Corps.

3. Provide Military Assistance Program support for the entire Civil Guard force of 68,000.

4. Provide material support for the Vietnamese Junk Force to help it prevent clandestine supply and infiltration of the Viet Cong.

We would also be prepared to consider carefully with you, if developments should warrant, the case for a further increase in the strength of your forces beyond the 170,000 limit now contemplated.

I also believe that the problem of Viet-Nam's borders requires our further urgent joint study to develop techniques whereby crossing of these borders by unfriendly elements can be more effectively controlled.

I believe we should consider the establishment in Southeast Asia of a facility to develop and test, using the tools of modern technology, new techniques to help us in our joint campaign against the Communists.

We would be prepared to collaborate with your Government in the use of certain military specialists to assist and work with your armed forces in health, welfare and public works activities in the villages. We can also offer additional Special Forces training to assist your government in accelerating the training of its Special Forces.

In the political field, in addition to the steps contemplated in the Counterinsurgency Plan, I feel you will agree that the strengthening of border control arrangements, particularly with Cambodia, is perhaps the most important element. While I fully recognize the difficulty and delicacy of this problem, I urge you to authorize the renewal of negotiations on this subject with the Royal Khmer Government. If you concur, we will use our best efforts with the Cambodians to facilitate these discussions.

Other governments have shown an interest in assisting Viet-Nam in its actions against the guerrillas and have indicated that certain expert personnel with long experience, e.g., in Malaya, might be made available to help. We would be glad to cooperate with your government in planning the most effective use of this welcome assistance.

Turning to the economic aspects, I am aware of the increased burden that an increase in your military forces will place on your internal budget. However, budgetary problems must not be permitted to interfere with the successful prosecution of our joint effort against the Communists. It seems to us that the chief problem is how to make the best possible use of all available resources. This is a complex problem which taxes the ability of the best experts and we feel must be attacked by the best talent we both can muster. If you concur, I will send to Viet-Nam a group of highly qualified economic and fiscal experts who would meet with your experts and work out a financial plan on which our joint efforts can be based.

I wish to assure you of our continued interest in the social advancement and economic betterment of your people. Various joint programs are under way and much has been accomplished. These will be continued and improved.

4C

In addition, Ambassador Nolting will be prepared to discuss new economic and social measures in rural areas to accompany the anti-guerrilla effort in which the U.S. can provide direct assistance, if desired. Such programs, we feel, can be organized, in close cooperation with military operations and with maximum mobility, speed and flexibility. Funds for expanded efforts along these lines can be allocated.

We have great confidence in the long-range political and economic future of Viet-Nam. Therefore, I am certain you will agree that, despite our present focus on the immediate Viet Cong problem, it would be good for us to work together toward a longer range economic development program, including increased assistance on our part in the fields of agriculture, health, education, fisheries, highways, public administration and industrial development. I have authorized Ambassador Nolting to enter into preliminary discussions with members of your government concerning the best ways of moving forward with a program whose eventual goal would be a Viet-Nam capable of self-sustaining economic growth.

This, Mr. President, is the broad outline of our thinking on how we can help you and your brave countrymen to help themselves in their determined struggle to defeat the Communists and find a better way of life. I am confident of your success. I look forward with great interest to Vice President Johnson's report on his talks with you, and I would be especially happy to hear from you personally.

Please accept again, Mr. President, the expression of my warmest friendship and respect.

Sincerely,

His Excellency
Ngo Dinh Diem
President of the
Republic of Viet-Nam

Thư TT Ngô Đình Diệm gửi TT John F. Kennedy ngày 15 tháng 5, 1961

May 15 , 1961

Dear Mr. President :

The gracious visit of Vice-President of the United States and Mrs. Johnson to Vietnam has brought to us an even warmer feeling of friendship for the American people and strenghthened the bonds of friendship which had existed between our two countries since the birth of the Republic of Vietnam. The presence of your brother-in-law and your charming sister, Mr. and Mrs. Stephen Smith, brought to the Vietnamese people a warm feeling of your own personal interest in Vietnam, an interest which you may be sure will be long remembered.

Your thoughtful and understanding letter of May 8th, 1961, which was handed to me by Vice-President Johnson, contains wise and far-sighted proposals, many of which I myself have advocated for four years or more. I was accordingly glad to tell Vice-President Johnson without hesitation that the Government of Vietnam accepts the proposals in your letter to initiate, in collaboration with the Government of the United States, the series of joint, mutually supporting actions to win the struggle against communism in Vietnam and further the advancement of our country. Our agreement to these proposals was made public in the joint communique which was released to the press on Saturday morning 13th, just before Vice-President Johnson's departure from Saigon.

In the course of our frank and fruitful conversations, Vice-President Johnson graciously asked for my own suggestions as to the most urgent needs as we see them to save our country from the vicious communist aggression being waged against us, both within our borders and from every side today. I was most deeply gratified by this gracious gesture by your distinguished Vice-President, particularly as we have not become accustomed to being asked for our own views as to our needs. The recent developments in Laos have emphasized our grave concern for the security of our country with its long and vulnerable frontiers.

5A

With the very real possibility that we may find ourselves faced with communist military forces pressing our borders not only from the north of the 17th parallel but from a possibly communist dominated Laos and a communist or neutral Cambodia on the west as well, we have undertaken urgent plans to determine the needs to save our country. These studies will be completed in preliminary form in about a week.

We now know that as a small nation we cannot hope to meet all of our defense needs alone and from our own resources. We are prepared to make the sacrifices in blood and manpower to save our country and I know that we can count on the material support from your great country which will be so essential to achieving final victory.

I was deeply gratified at Vice-President Johnson's assurances that our needs will be given careful consideration in Washington. An estimate of these needs as we see them will accordingly be furnished to you in a second letter which I shall write in about a week. The Government and people of Vietnam have been greatly heartened by the encouraging visit of your distinguished Vice-President and the members of his official party. I now feel confident that in the mutual interest of our two countries the sacrifices the Vietnamese people are prepared to make will find full support from the United States in our joint effort to save Vietnam and consequently Southeast Asia from being overwhelmed by communist aggression.

Please accept, Mr. President, this expression of my deep respect and friendship.

Sincerely,

Ng Dinh Diem

His Excellency
JOHN F. KENNEDY
President of the United States of America

Ngô Đình Diệm

Ngô Đình Nhu

Saigon, the 9th of June, 1961

Dear Mr. President:

This document consists of 7 pages
Number 3 of 7 copies, Series A

In reference to my letter dated 15 May 1961 and in reply to the invitation that was made to me in your name by Vice President Johnson, I have the honor to send you a study on our needs to meet the new situation.

As I expressed verbally to your eminent representative, it pertains to a situation which has become very much more perilous following the events in Laos, the more and more equivocal attitude of Cambodia and the intensification of the activities of aggression of international communism which wants to take the maximum advantage to accelerate the conquest of Southeast Asia. It is apparent that one of the major obstacles to the communist expansion on this area of the globe is Free Vietnam because with your firm support, we are resolved to oppose it with all our energies. Consequently, now and henceforth, we constitute the first target for the communists to overthrow at any cost. The enormous accumulation of Russian war material in North Vietnam is aimed, in the judgement of foreign observers, more at South Vietnam than at Laos. We clearly realize this dangerous situation but I want to reiterate to you here, in my personal name and in the name of the entire Vietnamese people, our indomitable will to win.

On the second of May, my council of generals met to evaluate the current situation and to determine the needs of the Republic of Vietnam to meet this situation. Their objective evaluation shows that the military situation at present is to the advantage of the communists and that most of the Vietnamese Armed Forces are already committed to internal security and the protection of our 12 million inhabitants. For many months the communist-inspired, fratricidal war has taken nearly one thousand casualties a month on both sides. Documents obtained in a recent operation, along route No. 9 which runs from Laos to Vietnam, contain definite proof that 2,360 armed agents have infiltrated among us in the course of the last four months. It is certain that this number rises each day.

Nevertheless, the Vietnamese people are showing the world that they

6A

are willing to fight and die for their freedom, not withstanding the temptations to neutralism and its false promises of peace being drummed into their ears daily by the communists.

In the light of this situation, the council of generals concluded that additional forces numbering slightly over 100,000 more than our new force level of 170,000 will be required to counter the ominous threat of communist domination. The 100,000 reservists to be called up according to the plan of my council of generals were to meet the requirement for an augmentation of the Vietnamese Army by nine infantry divisions plus modest naval and air force increases. First priority called for one division to reinforce each of the three Army Corps in Vietnam plus a two divisional general reserve for a total of five divisions. In second priority, an additional division for each of the three Army Corps plus one in general reserve brought the total to nine new divisions. With the seven existing divisions, fragmented in anti-guerilla operations, the Army of Vietnam would thus have a strength of 16 divisions of slightly less than 10,000 men each plus appropriate combat and logistic support units.

We have now had an opportunity to review this initial force requirement with General McGarr and the MAAG staff who have recommended certain modifications which are basically in consonance with our plan and with which we agree.

After considering the recommendations of our generals and consulting with our American military advisors, we now conclude that to provide even minimum initial resistance to the threat, two new divisions of approximately 10,000 strength each are required to be activated at the earliest possible date. Our lightly held defensive positions along the demilitarized zone at our Northern border is even today being outflanked by communist forces which have defeated the Royal Laotian Army garrisons in Tchepone and other cities in Southern Laos. Our ARVN forces are so throughly committed to internal anti-guerilla operations that we have no effective forces with which to counter this threat from Southern Laos. Thus, we need immediately one division for the First Army Corps and one for the Second Army Corps to provide at least some token resistance to the sizeable forces the communists are capable of bringing to bear against our Laotian frontier. Failing this, we would have no recourse but to withdraw our forces southward from the demilitarized zone and sacrifice progressively greater areas of our country to the communists. These divisions should be mobilized and equipped, together with initial logistic support units immediately after

completion of activation of the presently contemplated increase of 20,000 which you have offered to support.

Following the activation of these units, which should begin in about five months, we must carry on the program of activation of additional units until over a period of two years we will have achieved a force of 14 infantry divisions, an expanded airborne brigade of approximately division strength and accompanying supporting elements of logistical, naval and air units. In other words, our present needs as worked out with General McGarr's advice and assistance call for a total force of 15 divisional equivalents plus combat and logistic support units instead of our original plan for a 16 division force. The strategic concept and mission of this total 270,000 man force remains the same, namely, to overcome the insurgency which has risen to the scale of a bloody, communist-inspired civil war within our borders and to provide initial resistance to overt, external aggression until free world forces under the SEATO agreement can come to our aid. The question naturally arises as to how long we shall have to carry the burden of so sizeable a military force. Unfortunately, I can see no early prospects for the reduction of such a force once it has been established, for even though we may be successful in liquidating the insurgency within our borders, communist pressure in Southeast Asia and the external military threat to our country must be expected to increase, I fear, before it diminishes. This means that we must be prepared to maintain a strong defensive military posture for at least the foreseeable future in order that we may not become one of the so-called "soft spots" which traditionally have attracted communist aggression. We shall therefore continue to need material support to maintain this force whose requirements far exceed the capacity of our economy to support.

To accomplish this 100,000 man expansion of our military forces which is perfectly feasible from a manpower viewpoint will require a great intensification of our training programs in order to produce, in the minimum of time, those qualified combat leaders and technical specialists needed to fill the new units and to provide to them the technical and logistic support required to insure their complete effectiveness. For this purpose a considerable expansion of the United States Military Advisory Group is an essential requirement. Such an expansion, in the form of selected elements of the American Armed Forces to establish training centers for the Vietnamese Armed Forces, would serve the dual purpose of providing an expression of the United States' determination to halt the tide of communist aggression and of preparing our forces in the

6C

minimum of time.

While the Government and people of Vietnam are prepared to carry the heavy manpower burden required to save our country, we must know that we cannot afford to pay, equip, train and maintain such forces as I have described. To make this effort possible, we would need to have assurances that this needed material support would be provided. I have drawn on our past experience of United States support we have received to make some extremely rough estimates of the costs of these proposals.

The costs of providing essential initial equipment to the added forces under the Military Assistance Program would probably be in the neighborhood of $175,000,000 with deliveries to be distributed over the next two and one-half years as units can be activated. If the United States assumes the task of providing this initial equipment for the additional forces, I understand that the annual Military Assistance Program for force maintenance will increase by about $20 million above the level of MAP support for the presently authorized 170,000 force.

The Vietnamese Military Budget, which includes piaster requirements, must also be supplemented. As you know, Vietnam contributes to this budget to its fullest capability now with respect to existing forces. Despite our best efforts, your Government has largely supported this budget through Defense Support Assistance. Although we have made significant progress in developing our economy in the last four years. the support of even the inadequate armed forces we have has far exceeded the modest capabilities of the economy of our small country. In order to carry out the expansion of forces, the piaster military budget now averaging nearly 7.0 billion piasters a year will have to be supplemented. As I see it, the annual maintenance cost will increase gradually during the force implementation and will ultimately level off at approximately 10.60 billion piasters.

This program, I realize, will be expensive in money, equipment and personnel. The benefits to be gained, however, in preventing the subjugation of our free people and in establishing a solid obstacle to the advance of communism, I know you will agree, far outweigh the cost. With your support, we stnad determined to survive in independence and freedom.

It goes without saying that in the face of the extremely serious situation created by the communist aggressor, we must temporarily

accord priority to the military problems. However, my Government does not attach less importance to economic, political and social problems. At this point the doctrinal position which pertains to South Vietnam is clear and clean. It was expressed in a free and sincere manner in my message to the American Congress in April 1957. It has not varied since. Neither did it vary during the recent presidential campaign when I was elected by a very large majority.

Presently, it is necessary not to be maneuvered by the communists, who exploit our tendency to consider military efforts as reactionary and fruitless, to divert our effective action, which is necessinated by the mortal communist attacks, toward a long range project of economic and social improvement, and which, of course, supposes that we are still alive. We see for the army an economic and social mission along with military role, a conception which rationally responds to the double challenge which the newly independent countries of Africa and Asia have had to face : underdevelopment and communist subversive war. It is along this line that, since my taking office in July 1954, I have undertaken to create an economic infrastructure throughout the country, including the least inhabited regions ; to develop the lines of communication with the double purpose of facilitating intercourse and facilitating the mobility of our troops ; to increase and diversify the agricultural production ; to give each family a tract of land which will belong to them ; to create each day more employment by industrializing the country ; in brief to open new horizons to the rural masses, the determining factor in the struggle against communism. It is sufficient to consider the product of our exportation these last two years, the reduction of our importation program, to count the factory chimneys which make their appearance to realize the progress already made . On the other hand, in spite of its lack of resources, the Government increases the social investments to respond to the diversified needs of a population which increases at the rate of 3% per year : hospitals in the towns, dispensaries in the villages, primary schools in each commune, secondary schools in each city of whatever importance . Education is developing at the annual rate of 20% while in the domain of public health, we have a hospital bed available for each thousand inhabitants. We want to progress more rapidly but, in addition to the budgetary limitations which constitute a primary obstacle, the lack of trained personnel has made itself felt despite our accelerated training programs . The agrovilles, which I have built in the last year, are another proof of the Government's efforts : These are agricultural communities located between two urban centers to give the rural population the benefits of the commodities of modern life and to correct the extreme dispersion of the

6E

population. All foreign observers who travel in the country are struck by the standard of living enjoyed by the mass of peasants: sewing machine, bicycle, transistor radio for each family in more or less comfortable circumstances, theater, movies in the most backward areas, motor boats on the inumerable canals, tricycle busses on all passable roads. And it is precisely in order not to interrupt this development program that we ask for supplementary aid to finance our war effort; otherwise we will be forced to make the tragic decision to abruptly cease all our social and economic programs.

Concerning Cambodia, our diplomatic efforts would have results only if we recognize our adversary.

The idea of Cambodia being afraid of Vietnam is a myth. For 7 years, Sihanouk has not missed one chance to provoke South Vietnam, of which he has militarily occupied six islands. Having no reason to fear a Vietnam, divided and weakened by the subversive communist war, Sihanouk has nothing to fear at all. However, this idea would be pleasing to those who would seek to arbitrate between Cambodia and South Vietnam. It would also be pleasing to certain Vietnamese because this idea is flattering to their vanity and to their infantilism which consists of minimizing the difficulties and proposing any solutions. It would also be pleasing to Sihanouk who has a need to give substance to another myth that of encirclement which he needs to excuse his internal failures in order to justify his presence in power, to accuse the Americans and to court the communists. In reality, Sihanouk is committed intellectually and morally to communism, which he considers the stronger party and the inevitable victor in the future. In spite of the aid which he receives from America, has Sihanouk ever aided the US in the battle with the communists? He always takes positions favorable to the communists against the USA. His conduct in the Laotian affair is clear. Not only does he serve the communists, but he is proud to serve a stronger master. On the other hand, Cambodia, like Laos, is unable to ensure the security of her territory from the communist guerillas because he will not or does not wish to make the appropriate efforts. It is for this reason that he takes refuge in communist servitude under the guise of a neutralist. It is also for that reason that he has always refused to accept any arrangement for the effective control of the Cambodian-Vietnamese border under the fallacious pretext of neutrality.

From the political point of view, the reforms that I have anticipated,

6F

that is to say the elective system established at the village level, the creation of the provincial councils, the institution of a High Economic Council, of a National and Social Council - all these measures are tending to assure more and more active participation by the population in public affairs, in the dramatic situation of an underdeveloped country, divided and mortally menaced by communism.

Such is the direction of my efforts and such is our regime - a regime open to progress and not a closed system. I am convinced that with your support and so generously aided by your great, friendly nation, I will manage to reestablish law and order in our provinces, in our villages, to accelerate progress in all other areas for the edification of a society of free men, happy and prosperous. Vietnam thus constitutes a pole of attraction for the countries of Southeast Asia, for those who fight communism as well as for those who still doubt the future of the free world.

I wish to assure you, Mr. President, of the sincerity of my sentiments and most cordial wishes.

Ngô Đình Diệm

To His Excellency JOHN F. KENNEDY
President
United States of America
Washington, D.C.

7

Tóm tắt thư TT John F. Kennedy gửi TT Ngô Đình Diệm ngày 24 tháng 10, 1961
(nguồn: *Bulletin,* Tòa Đại sứ VNCH, tháng 12,1961)

Kính gửi Ngài Ngô Đình Diệm
Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa

Kính thưa Tổng Thống,

"Nhân dịp kỷ niệm lần thứ sáu ngày thành lập nước Việt Nam Cộng Hòa, Hoa kỳ lấy làm vinh dự bầy tỏ lòng ngưỡng mộ sự can trường của dân tộc Việt Nam. Chúng tôi đã thấy và ghi tạc nỗi thống khổ -- và niềm vinh quang – của một quốc gia đã không chịu khuất phục sự khủng bố của Cộng sản. Một dân tộc đã từng hai lần đánh bại quân Mông Cổ khiến chúng tôi không mong đợi gì hơn. Nước Mỹ và thật vậy, tất cả những người tự do phải chịu ơn tấm gương mà quý quốc đã nêu lên...

"Thưa Tổng thống, năm 1955 chúng tôi đã quan sát những nguy cơ và khó khăn trong việc hình thành Nền Cộng Hoà của nước Ngài....

"Thành tích mà Ngài đã đạt được để đem lại niềm hy vọng mới, nơi cư trú và sự an ninh cho gần một triệu người lánh nạn cộng sản từ Miền Bắc đã nổi bật như một trong những nỗ lực đáng được tán dương nhất và được điều hành tốt nhất trong thời hiện đại...

"Trong ngày 26 tháng 10 này, chúng tôi ở bên Mỹ vẫn có thể vui mừng...

"Thưa Tổng thống, trong những ngày tháng nguy nan này chúng tôi mong chờ một ngày 26 tháng 10 trong tương lai khi mà Việt Nam tái lập được hòa bình và tự do. Chúng tôi tin rằng ngày ấy sẽ đến và cầu nguyện cho nó sớm đến ...

Trân trọng

Kennedy

Thư TT John F. Kennedy gửi TT Ngô Đình Diệm ngày 14 tháng 12, 1961

President Kennedy letter to President Diem, December 14, 1961, Department of State Bulletin, January 1, 1962, p. 13:

"Dear Mr. President: I have received your recent letter in which you described so cogently the dangerous condition caused by North Viet-Nam's efforts to take over your country. The situation in your embattled country is well known to me and to the American people. We have been deeply disturbed by the assault on your country. Our indignation has mounted as the deliberate savagery of the Communist program of assessination, kidnapping and wanton violence became clear.

"Your letter underlines what our own information has convincingly shown -- that the campaign of force and terror now being waged against your people and your Government is supported and directed from the outside by the authorities at Hanoi. They have thus violated the provisions of the Geneva Accords designed to ensure peace in Viet-Nam and to which they bound themselves in 1954.

"At that time, the United States, although not a party to the Accords, declared that it 'would view any renewal of the aggression in violation of the agreements with grave concern and as seriously threatening international peace and security.' We continue to maintain that view.

"In accordance with that declaration, and in response to your request, we are prepared to help the Republic of Viet-Nam to protect its people and to preserve its independence. We shall promptly increase our assistance to your defense effort as well as help relieve the destruction of the floods which you describe. I have already given the orders to get these programs underway.

"The United States, like the Republic of Viet-Nam, remains devoted to the cause of peace and our primary purpose is to help your people maintain their independence. If the Communist authorities in North Viet-Nam will stop their campaign to destroy the Republic of Viet-Nam, the measures we are taking to assist your defense efforts will no longer be necessary. We shall seek to persuade the Communists to give up their attempts of force and subversion. In any case, we are confident that the Vietnamese people will preserve their independence and gain the peace and prosperity for which they have sought so hard and so long.

"JOHN F. KENNEDY

"His Excellency Ngo Dinh Diem
President and Secretary of State for
National Defense
The Republic of Viet-Nam
Saigon, Viet-Nam"

PHỤ LỤC
B

CHƯƠNG 1 - CHƯƠNG 5

1. Cố gắng của TT Franklin D. Rossevelt tại Hội nghị Tehran (28/11/1943) và Yalta (8/2/1945) giúp Đông Dương được độc lập.
2. Bộ Quốc Phòng Mỹ tóm tắt 14 thư tín và công hàm của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi TT Harry Truman và Ngoại Trưởng Hoa Kỳ (từ ngày 29/9/1945 tới 11/9/1946); và trích dẫn 2 văn bản.
3. Điện tín ngày 10/5/1949 của Bộ Ngoại Giao gửi Lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn về việc ủng hộ Giải pháp Bảo Đại.
4. Thứ Trưởng Ngoại Giao Hoa Kỳ Dean Rusk gửi Bộ Quốc Phòng nói về Đông Dương là *"địa điểm chiến lược quan trọng nhất,"* ngày 7/3/1950.
5. Bản Ghi nhớ của Bộ Tổng Tham Mưu gửi Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ ngày 10/4/1950 về những lý do xác định quyền lợi Hoa Kỳ tại Đông Nam Á.

1

DISCUSSIONS REGARDING THE FUTURE STATUS OF FRENCH INDO-CHINA AND FRENCH PARTICIPATION IN ITS LIBERATION FROM JAPANESE OCCUPATION

Memorandum by the Secretary of State to President Roosevelt [20]

WASHINGTON, January 14, 1944.

Last week in a conversation [21] which I had with the British Ambassador he stated that, according to information from his Foreign Office, you had spoken rather definitely during your recent trip of your views concerning the future of French Indo-China. According to Lord Halifax' information you had expressed the opinion that Indo-China should be taken away from the French and administered by an international trusteeship.[22] He wondered whether this represented your final conclusions and attached importance to the matter in view of the fact that reports of your alleged conversations would undoubtedly get back to the French. I informed the Ambassador that I did not know whether you had come to any final conclusions on this subject and added that, in my judgment, you and Mr. Churchill would find it desirable to talk this matter over fully, deliberately, and perhaps finally at some future stage.

---

[20] Copy of memorandum obtained from the Franklin D. Roosevelt Library, Hyde Park, N.Y.

[21] For extract of memorandum of this conversation, dated January 3, 1944, see *Foreign Relations*, The Conferences at Cairo and Tehran, 1943, p. 864.

[22] A memorandum of July 21, 1943, obtained from the Franklin D. Roosevelt Library at Hyde Park, N.Y., records a statement by President Roosevelt in the thirty-third meeting of the Pacific War Council that Indochina should be placed under a trusteeship until it was ready for independence.

1A

TEHRAN CONFERENCE

Extract from Memorandum of Conversation between President Roosevelt and Marshal Stalin, November 28, 1943, 3 p.m.[1]

MARSHAL STALIN expatiated at length on the French ruling classes and he said, in his opinion, they should not be entitled to share in any of the benefits of the peace, in view of their past record of collaboration with Germany.

THE PRESIDENT said that Mr. Churchill was of the opinion that France would be very quickly reconstructed as a strong nation, but he did not personally share this view since he felt that many years of honest labor would be necessary before France would be re-established. He said the first necessity for the French, not only for the Government but the people as well, was to become honest citizens.

MARSHAL STALIN agreed and went on to say that he did not propose to have the Allies shed blood to restore Indo-China, for example, to the old French colonial rule. He said that the recent events in the Lebanon made public service the first step toward the independence of people who had formerly been colonial subjects. He said that in the war against Japan, in his opinion, that in addition to military missions, it was necessary to fight the Japanese in the political sphere as well, particularly in view of the fact that the Japanese had granted the least nominal independence to certain colonial areas. He repeated that France should not get back Indo-China and that the French must pay for their criminal collaboration with Germany.

---

1 Handbook of Far Eastern Conference Discussions (Historical Division Research Project No. 62, November 1949), pp. D16-D17, Top Secret.

1B

THE PRESIDENT said he was 100% in agreement with Marshal Stalin and remarked that after 100 years of French rule in Indo-China, the inhabitants were worse off than they had been before. He said that Chiang Kai Shek had told him China had no designs on Indo-China but the people of Indo-China were not yet ready for independence, to which he had replied that when the United States acquired the Philippines, the inhabitants were not ready for independence which would be granted without qualification upon the end of the war against Japan. He added that he had discussed with Chiang Kai Shek the possibility of a system of trusteeship for Indo-China which would have the task of preparing the people for independence within a definite period of time, perhaps 20 to 30 years.

MARSHAL STALIN completely agreed with this view.

1C

YALTA CONFERENCE

Extract from Memorandum of Conversation
between President Roosevelt and
Marshal Stalin, Livadia Palace,
February 8, 1945, 3:45 p.m.[1]

THE PRESIDENT then said he also had in mind a trusteeship for Indochina. He added that the British did not approve of this idea as they wished to give it back to the French since they feared the implications of a trusteeship as it might affect Burma.

MARSHAL STALIN remarked that the British had lost Burma once through reliance on Indochina, and it was not his opinion that Britain was a sure country to protect this area. He added that he thought Indochina was a very important area.

THE PRESIDENT said that the Indochinese were people of small stature, like the Javanese and Burmese, and were not warlike. He added that France had done nothing to improve the natives since she had the colony. He said that General de Gaulle had asked for ships to transport French forces to Indochina.

MARSHAL STALIN inquired where de Gaulle was going to get the troops.

THE PRESIDENT replied that de Gaulle said he was going to find the troops when the President could find the ships, but the President added that up to the present he had been unable to find the ships.

---

[1] "Handbook of Far Eastern Conference Discussions" (Historical Division Research Project No. 62, November 1949), pp. E24-E25, top secret.

Bộ Quốc Phòng Mỹ tóm tắt 14 thư tín và công hàm của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Tổng Thống Harry Truman và Ngoại Trưởng Hoa Kỳ (từ 29/9/1945 tới 11/9/1946); và trích dẫn 2 văn thư.

August 22, 1945: Memorandum for the Secretary of State from the Director, O.S.S. Reports a liberal French attitude towards Indochina (based on assertions of Major Sainteny) and desire of Vietnamese for protectorate status under U.S. (based on assertions of Viet Minh and Dong Minh Hoi representatives).....

→ September 29, 1945: Telegram from U.S. Embassy, Chungking, to Secretary of State, dated October 18, 1945. Summarizes letter from Ho Chi Minh to President of U.S., expressing sympathy at the death of Colonel Peter Dewey, O.S.S. Commander in Saigon. Enjoins President to provide advance notice of movements of American nationals, but expresses appreciation for "U.S. stand for international justice and peace." .....

October 17, 1945: Telegram, Ho Chi Minh to President Truman. Appeals for DRV membership on UN Advisory Commission for the Far East, citing Atlantic Charter to advance its claims to membership vice those of France.....

October 22, 1945: Letter, Ho Chi Minh to U.S. Secretary of State, calls for immediate interference by the UN. Appealing to the Atlantic Charter and the UN Charter, and warning of general warfare in Far East, Ho calls for UN action to interfere with France, including an "Inquiry Commission."..

October 23, 1945: U.S. Ambassador in Paris reports newspaper reports of radio appeal of Ho to President Truman and other western leaders, announcing plan to hold plebescite. French government announces it would not oppose in principle such a plebescite if Ho Chi Minh represents all of Indochina and not merely Viet Minh.....

November 1, 1945: Letter from Ho Chi Minh to James Byrnes, Secretary of State, proposing to send a delegation of 50 Viet youths to the U.S. to promote friendly cultural relations and to study at U.S. universities.....

2A

November 5, 1945: Despatch, Philip D. Sprouse, U.S. Consul, Kunming, to Secretary of State. Incloses 22 October letter of Ho, surveys situation in Vietnam based on reports of Colonel Nordlinger, USA, and reports Ho and Bao Dai attempt to visit Chiang Kai-shek.....

November 8, 1945: U.S. Embassy, Chungking summarizes Ho Chi Minh letter addressed to President Truman and Chiang Kai-shek underscoring French loss of sovereignty, DRV acquisition of same, and aggression by French to regain it. Asserts French bear onus of resuming war of aggression in Far East.....

November 23, 1945: Telegram from U.S. Embassy, Chungking, paraphrases letters from Ho Chi Minh to President Truman and Director General of UNRRA, describing famine in North Vietnam, and appealing for relief.....

November 26, 1945: Despatch from U.S. Embassy, Chungking, inclosing Ho's letter of 1 November; letter of 28 October from Ho to Chiang Kai-shek urging ~~hiang to stop~~ the British-French-Japanese action in Cochinchina; and an undated telegram to the Secretary of State protesting that France did not have the right to speak for Vietnam in international councils, and appealing to all free nations of the world to stop conflict in South Vietnam.....

January 18, 1946: Telegram from U.S. Embassy, Chungking, dated 13 February 1946, paraphrasing letter from Ho to President Truman, dated 18 January 1946, reminding that peace is indivisible and requesting President's intervention for immediate resolution of Vietnam issue. Telegram describes identical letter to General Marshall, same date.....

February 16, 1946: Letter signed by Ho Chi Minh to President of the U.S. cites the principles supported by the U.S. before, during and after the war, and in the UN, to call for U.S. aid to Vietnam in the face of French aggression. Ho asks what has been granted the Philippines -- "like the Philippines our goal is full independence and full cooperation with the UNITED STATES." .....

2B

February 18, 1946: Note from the DRV to Governments of China, USA, USSR, and Great Britain, calls attention to Vichy-French collaboration with Japan in Indochina, and to policies which led to famine among the Vietnamese. Again on March 9, 1945, the French acceded to the Japanese seizure of power. By contrast, the Vietnamese resistance had fought the Japanese all through the years, and in August, 1945, ousted Nippon's regime, and founded the DRV. The DRV is based on principles enunciated by Sun Yat Sen and President Truman. Impressive progress has been achieved by the DRV in North Vietnam, but in South Vietnam, French aggression has obtruded. DRV urgently appeals for interference by allies to halt the conflict, and the placing of the Indochina issue before the UN.....

February 27, 1946: 2 Telegram from Assistant Chief of the Division of Southeast Asian Affairs, U.S. Department of State (Landon), to the Secretary of State, from Hanoi, received in Washington February 27. Summarizes state of negotiations between French (Sainteny) and DRV. Reports that Ho Chi Minh handed Landon two letters addressed to President of the U.S., asserting that Vietnamese will fight until UN intervenes in Vietnam. Requests U.S. support Vietnamese independence "according to Philippines example." .....

September 11, 1946: Memorandum of conversation with Ho Chi Minh by the First Secretary, U.S. Embassy, Paris, dated September 12, 1946. Ho describes his O.S.S. contacts, denies having communist connections and indicates that he hoped to obtain aid from the United States. He refers specifically to economic aid, but hints at military and naval assistance, e.g., mentions the naval base at Cam Ranh Bay.....

2C

TELEGRAM

The White House
Washington

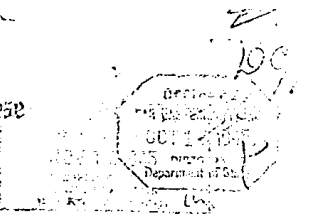

1 JN RA. 349- VIA RCA

HANOI, VIA KUNMING, OCTOBER 17, 1945

M. HO CHI MINH PRESIDENT OF THE PROVISIONAL OF VIETNAM DEMOCRATIC REPUBLIC TO PRESIDENT TRUMAN, WASHINGTON.

ESTABLISHMENT OF ADVISORY COMMISSION FOR THE FAR EAST IS HEARTILY WELCOME BY VIETNAMESE PEOPLE IN PRINCIPLE STOP. TAKING INTO CONSIDERATION PRIMO THE STRATEGICAL AND ECONOMICAL IMPORTANCE OF VIETNAM SECUNDO THE EARNEST DESIRE WHICH VIETNAM DEEPLY FEELS AND HAS UNANIMOUSLY MANIFESTED TO COOPERATE WITH THE OTHER DEMOCRACIES IN THE ESTABLISHMENT AND CONSOLIDATION OF WORLD PEACE AND PROSPERITY WE WISH TO CALL THE ATTENTION OF THE ALLIED NATIONS ON THE FOLLOWING POINTS COLON

FIRST ABSENCE OF VIETNAM AND PRESENCE OF FRANCE IN THE ADVISORY COMMISSION LEADS TO THE CONCLUSION THAT FRANCE IS TO REPRESENT THE VIETNAMESE PEOPLE AT THE COMMISSION STOP SUCH REPRESENTATION IS GROUNDLESS EITHER DE JOUR OR DE FACTO. STOP. DE JURE NO ALLEGIANCE EXISTS ANY MORE BETWEEN FRANCE AND VIETNAM COLON BAODAI ABOLISHED TREATIES OF 1884 AND 1863 COMMA BAODAI VOLUNTARILY ABDICATED TO HAND OVER GOVERNMENT TO DEMOCRATIC REPUBLICAN GOVERNMENT COMMA PROVISIONAL GOVERNMENT RECTORATED ABOLISHMENT OF TREATIES OF 1884 AND 1863 STOP DE FACTO SINCE MARCH NINTH FRANCE HAVING HANDED OVER GOVERNING RULE TO JAPAN HAS BROKEN ALL ADMINISTRATIVE LINKS WITH VIETNAM, SINCE AUGUST 18, 1945, PROVISIONAL GOVERNMENT HAS BEEN A DE FACTO INDEPENDENT GOVERNMENT IN EVERY RESPECT, RECENT INCIDENTS IN SAIGON INSTIGATED BY THE FRENCH ROUSED UNANIMOUS DISAPPROVAL LEADING TO FIGHT FOR INDEPENDENC

2D

TELEGRAM

The White House
Washington

SECOND FRANCE IS NOT ENTITLED BECAUSE SHE HAD IGNOMINIOUSLY SOLD INDO CHINA TO JAPAN AND BETRAYED THE ALLIES THIRD VIETNAM IS QUALIFIED BY ATLANTIC CHARTER AND SUBSEQUENT PEACE AGREEMENTS AND BY HER GOODWILL AND HER UNFLINCHING STAND FOR DEMOCRACY TO BE REPRESENTED AT THE ADVISORY COMMISSION. STOP WE ARE CONVINCED THAT VIETNAM AT COMMISSION WILL BE ABLE TO BRING EFFECTIVE CONTRIBUTION TO SOLUTION OF PENDING PROBLEMS IN FAR EAST WHEREAS HER ABSENCE WOULD BRING FORTH INSTABILITY AND TEMPORARY CHARACTER TO SOLUTIONS OTHERWISE REACH. THEREFORE WE EXPRESS EARNEST REQUEST TO TAKE PART IN ADVISORY COMMISSION FOR FAR EAST. STOP. WE SHALL BE VERY GRATEFUL TO YOUR EXCELLENCY AND PREMIER ATTLEE PREMIER STALIN GENERALISSIMO TCHANG KAI SHEK FOR THE CONVEYANCE OF OUR DESIDERATA TO THE UNITED NATIONS.

RESPECTFULLY,

HOCUMMINS.

RECD/1120AM

2E

BỘ NGOẠI-GIAO

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA
ĐỘC-LẬP — TỰ-DO — HẠNH-PHÚC

SỐ

Ho Chi Minh
to HST.

HANOI FEBRUARY 28 1946

President HO CHI MINH,
Provisional Government of
VIETNAM DEMOCRATIC REPUBLIC,
H A N O I

To the PRESIDENT
of the UNITED STATES OF AMERICA,
W A S H I N G T O N , D. C.

SIR,

I avail myself of this opportunity to thank you and the people of United States for the interest shown by your representatives at the United Nations Organization in favour of the dependent peoples.

Our VIETNAM people, as early as 1941, stood by the Allies' side and fought against the Japanese and their associates, the French colonialists.

From 1941 to 1945 we fought bitterly, sustained by the promises of our fellow-countrymen and by the promises made by the Allies at YALTA, SAN FRANCISCO and POTSDAM.

When the Japanese were defeated in August 1945, the whole Vietnam territory was united under a Provisional Republican Government which immediately set out to work. In five months, peace and order were restored, a democratic republic was established on legal bases, and adequate help was given to the Allies in the carrying out of their disarmament mission.

But the French colonialists, who had betrayed in turn both the Allies and the Vietnamese, have come back and are waging on us a murderous and pitiless war in order to reestablish their domination. Their invasion has extended to South Vietnam and is menacing us in North Vietnam. It would take volumes to give even an abbreviated report of the crimes and assassinations

2F

NGOẠI-GIAO

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA
ĐỘC-LẬP -- TỰ-DO -- HẠNH-PHÚC

Số

- 2 -

they are committing every day in the fighting area.

This aggression is contrary to all principles of international law and to the pledges made by the Allies during the World War. It is a challenge to the noble attitude shown before, during and after the war by the United States Government and People. It violently contrasts with the firm stand you have taken in your twelve point declaration, and with the idealistic loftiness and generosity expressed by your delegates to the United Nations Assembly, Mr BYRNES, STETTINIUS and J.F. DULLES.

The French aggression on a peace-loving people is a direct menace to world security. It implies the complicity, or at least, the connivance of the Great Democracies. The United Nations ought to keep their words. They ought to interfere to stop this unjust war, and to show that they mean to carry out in peace-time the principles for which they fought in war-time.

Our Vietnam people, after so many years of spoliation and devastation, is just beginning its building-up work. It needs security and freedom, first to achieve internal prosperity and welfare, and later to bring its small contribution to world-reconstruction.

These security and freedom can only be guaranteed by our independence from any colonial power, and our free cooperation with all other powers. It is with this firm conviction that we request of the United States as guardians and champions of World Justice to take a decisive step in support of our independence.

What we ask has been graciously granted to the Philippines.

2G

NGOẠI-GIAO

Số

VIỆT-NAM DÂN-CHỦ CỘNG-HÒA
ĐỘC-LẬP -- TỰ-DO -- HẠNH-PHÚC

- 2 -

like the Philippines our goal is full independence and full cooperation with the UNITED STATES. We will do our best to make this independence and cooperation profitable to the whole world.'

I am, Dear Mr PRESIDENT,

Respectfully Yours.

HO CHI MINH.

3

OUTGOING TELEGRAM

INDICATE
Collect
Charge Department
Charge to

Department of State

CLASSIFICATION
Approved

6 P.M.
CONTROL
MAY 30 1949
FOR DC/T USE ONLY

AMCONSUL

SAIGON, INDOCHINA

77

Assumption Urtel 141 Dept desires success Baodai experiment entirely correct. Since appears be no other alternative to estab Commie pattern Vietnam, Dept considers no effort shld be spared by FR, other Western powers, and non-Commie Asian nations to assure experiment best chance succeeding.

At proper time and under proper circumstances Dept will be prepared do its part by extending recognition Baodai Govt and by exploring possibility of complying with any request by such Govt for US arms and econ assistance. Must be understood however aid program this nature wld require Congressional approval. Since US cld however scarcely afford backing govt which wld have color and be likely suffer fate of puppet regime, it must first be clear FR will offer all necessary concessions to make Baodai solution attractive to nationalists. This is step of which FR themselves must see urgent necessity view possibly short time remaining before Commie successes Chi a felt Indochina. Moreover, Baodai Govt must through own effo ts demonstrate capacity organize and conduct affairs wisely so to ensure maximum opportunity obtaining requisite popular support inasmuch as govt created Indochina

DISTRIBUTION DESIRED (OFFICES ONLY)

CLASSIFICATION

190

Corrections made on this original MUST be made on all copies before delivery to Telegraph Branch.

8SIG.01/5-649

3A

Charge Department

Charge to

Department of State

CLASSIFICATION

FOR DCN USE ONLY

Indochina analagous Kuomintang wld be foredoomed failure.

Assuming essential FR concessions are forthcoming, best chance success Baodai wld appear lie in persuading Vietnamese nationalists (1) their patriotic aims may be realized promptly through FR-Baodai agreement (2) Baodai govt will be truly representative even to extent including outstanding non-Commie leaders now supporting Ho and (3) Baodai solution probably only means safeguarding Vietnam from aggressive designs Commie Chi. While attainment these objectives depends initially upon attitude FR and Baodai circle, Dept believes more will ultimately be required. Best hope might lie in active demonstration of interest in and support of Baodai solution by other non-Commie Asian govts. Appeal such solution to Vietnam nationalists wld presumably be far greater if it appeared sponsored by free Asian nations animated by interest self-determination Asian peoples and their own self-preservation in face immed Commie menace rather than if it had appearance gambit engineered by FR, US and UK as part strategy of West-East conflict.

RIBUTION
EGIED
KEN ONLY)

Dept giving closest consideration to means whereby US might assist attainment these ends.

From above, you will see Dept thinking closely parallels your

CLASSIFICATION

Corrections made on this original MUST be made on all copies before delivery to Telegraph Branch.

3B

Charge Department

Charge to

Department of State

CLASSIFICATION

FOR DC/T USE ONLY

your own. Dept agrees when time comes Baodai must certainly be fully warned of danger yielding to any temptation include Commies his govt and this connection again believes other Asian govts cld serve most useful purpose since India, Siam, Philippines, and Indonesians (both Repubs and Federalists) are fully alive growing Commie threat Asia.

Re last para Urtel 141 QTE reliability Baodai solution UNQTE was error. Deptel 70 shld have read QTE viability UNQTE meaning able live.

While Dept continues believe it wld be premature and unwise for you make special point (such as trip Dalat) see Baodai, there no objection your talking informally with polit personalities close to him with whom you have doubtless already made contact in normal course carrying out your functions. In such talks you might well as suggested Urtel 141 take occasion cite examples futility collaboration Commies and grave danger such course.

ACHESON

Telegraph Branch:

Acheson (Rd)

Send: AMCONSUL, SAIGON - 77 Repeat: AMEMBASSY, PARIS 157

TRIBUTION DESIRED ICES ONLY!

FE:SEA:COgburn,Jr:ccp
5/9/49

WE FE EUR

CLASSIFICATION

MAY 10 1949 P.M.

Corrections made on this original MUST be made on all copies before delivery to Telegraph Branch.

192

4

March 7, 1950

Dear General Burns:

Embodied below is a brief statement of Department of State policy in Indochina and Southeast Asia. I believe that an examination of this statement will facilitate your consideration of NSC 64.

The Department of State continues to hold that Southeast Asia is in grave danger of Communist domination as a consequence of aggression from Communist China and of internal subversive activities. The Department of State maintains that Indochina, subject as it is to the most immediate danger, is the most strategically important area of Southeast Asia.

The Department of State believes that within the limitations imposed by existing commitments and strategic priorities, the resources of the United States should be deployed to reserve Indochina and Southeast Asia from further Communist encroachment. The Department of State has accordingly already engaged all its political resources to the end that this object be secured. The Department is now engaged in the process of urgently examining what additional economic resources can effectively be engaged in the same operation.

It is now, in the opinion of the Department, a matter of the greatest urgency that the Department of Defense assess the strategic aspects of the situation and consider, from the military point of view, how the United States can best contribute to the prevention of further Communist encroachment in that area.

The military assessment requested above is necessary to a final determination by this Government of the manner in which United States policy in this area shall be executed.

Sincerely yours,

/s/ Dean Rusk
Deputy Under Secretary

Major General James H. Burns,
Office of the Secretary
of Defense,
Department of Defense.

SECRET

10 April 1950

MEMORANDUM FOR THE SECRETARY OF DEFENSE (SECDEF HAS SEEN)

SUBJECT: Strategic Assessment of Southeast Asia

The Joint Chiefs of Staff have studied your memorandum, dated 10 March 1950, with its enclosures,* in which you requested their views regarding:

a. The strategic importance, from the military point of view, of Southeast Asia;

b. NSC 64, a report by the Department of State on the position of the United States with respect to Indochina, which is now before the National Security Council for consideration;

c. The measures that, from the military point of view, might be taken to prevent Communist expansion into Southeast Asia;

d. The order of magnitude and means of implementation of such measures; and

e. A French aide-memoire on the subject of aid for Indochina, dated 16 February 1950.

1. In light of U. S. strategic concepts, the integrity of the offshore island chain from Japan to Indonesia is of critical strategic importance to the United States.

2. The mainland states of Southeast Asia also are at present of critical strategic importance to the United States because:

a. They are the major sources of certain strategic materials required for the completion of United States stock pile projects;

b. The area is a crossroad of communications;

c. Southeast Asia is a vital segment in the line of containment of communism stretching from Japan southward and around to the Indian Peninsula. The security of the three

*Not printed: Letter from Mr. Rusk to General Burns, dated March 7, 1950, and enclosures at the end of this memorandum.

5A

major non-Communist base areas in this quarter of the world--Japan, India, and Australia--depends in a large measure on the denial of Southeast Asia to the Communists. If Southeast Asia is lost, these three base areas will tend to be isolated from one another;

d. The fall of Indochina would undoubtedly lead to the fall of the other mainland states of Southeast Asia. Their fall would:

(1) Require changing the Philippines and Indonesia from supporting positions in the Asian offshore island chain to front-line bases for the defense of the Western Hemisphere. It would also call for a review of the strategic deployment of United States forces in the Far East; and

(2) Bring about almost immediately a dangerous condition with respect to the internal security of the Philippines, Malaya, and Indonesia, and would contribute to their probable eventual fall to the Communists;

e. The fall of Southeast Asia would result in the virtually complete denial to the United States of the Pacific littoral of Asia. Southeast Asian mainland areas are important in the conduct of operations to contain Communist expansion;

f. Communist control of this area would alleviate considerably the food problem of China and would make available to the USSR important strategic materials. In this connection, Soviet control of all the major components of Asia's war potential might become a decisive factor affecting the balance of power between the United States and the USSR. "A Soviet position of dominance over Asia, Western Europe, or both, would constitute a major threat to United States security"; and

g. A Soviet position of dominance over the Far East would also threaten the United States position in Japan since that country could thereby be denied its Asian markets, sources of food and other raw materials. The feasibility of retention by the United States of its Asian offshore island bases could thus be jeopardized.

3. In the light of the foregoing strategic considerations pertaining to the area of Southeast Asia, the Joint Chiefs of Staff, from the military point of view, concur in the conclusions in NSC 64.

4. Military forces of both France and the United Kingdom are now actively opposing communism in Southeast Asia. Small indigenous

5B

forces are allied with them. In addition, the generally inadequate indigenous forces of the independent states are actively engaged in attempting to maintain internal security in the face of Communist aggression tactics.

5. It appears obvious from intelligence estimates that the situation in Southeast Asia has deteriorated and, without United States assistance, this deterioration will be accelerated. In general, the basic conditions of political and economic stability in this area, as well as the military and internal security conditions, are unsatisfactory. These factors are closely interrelated and it is probable that, from the long-term point of view, political and economic stability is the controlling factor. On the other hand, the military situation in some areas, particularly Indochina, is of pressing urgency.

6. ...With respect to the measures which, from the United States military point of view, might be taken to prevent Communist expansion in Southeast Asia, the Joint Chiefs of Staff recommend early implementation of military aid programs for Indochina, Indonesia, Thailand, the Philippines, and Burma. Malaya might also be included provided the British by their actions in the areas in Asia where they have primary interest evince a determined effort to resist the expansion of communism and present sufficient military justification for aid. The effectiveness of these military aid programs would be greatly increased by appropriate public statements of United States policy in Southeast Asia.

7. The Joint Chiefs of Staff recommend that the military aid from funds already allocated by the President for the states of Southeast Asia be delivered at the earliest practicable date They further recommend that the presently unallocated portion of the President's emergency fund under Section 303 of Public Law 329 (81st Congress, 1st Session), be planned and programmed as a matter of urgency.

8. Precise determination of the amounts required for military aid, special covert operations, and concomitant economic and psychological programs in Southeast Asia cannot be made at this time since the financial requirements will, to a large extent, depend on the success of aid and other programs now in the process of implementation. In the light of the world situation, however, it would appear that military aid programs and other measures will be necessary in Southeast Asia at least during the next fiscal year and in at least the same general over-all order of magnitude. The Joint Chiefs of Staff, therefore, strongly recommend that appropriations for over-all use in the general area of Asia be sought for the next fiscal year in terms similar to those under Section 303 of Public Law 329 (81st Congress, 1st Session). It is believed that approximately $100,000,000 will be required for the military portion of this program.

5C

9. In view of the history of military aid in China, the Joint Chiefs of Staff urge that these aid programs be subject, in any event, to the following conditions:

a. That United States military aid not be granted unconditionally; rather, that it be carefully controlled and that the aid program be integrated with political and economic programs; and

b. That requests for military equipment be screened first by an officer designated by the Department of Defense and on duty in the recipient states. These requests should be subject to his determination as to the feasibility and satisfactory coordination of specific military operations. It should be understood that military aid will only be considered in connection with such coordinated operational plans as are approved by the representative of the Department of Defense on duty in the recipient country. Further, in conformity with current procedures, the final approval of all programs for military materiel must be subject to the concurrence of the Joint Chiefs of Staff.

10. The Joint Chiefs of Staff recommend that a Southeast Asia Aid Committee be established with Army, Navy and MAA representation which will be responsible for the development and implementation of the program for the general area of Southeast Asia. Requests for aid should be screened by the field representatives of the committee in consultation with the local authorities in the countries concerned.

11. Present arrangements for military aid to Indonesia through the military attaches and to the Philippines through the Joint United States Military Aid Group appear to be satisfactory and should be continued.

12. A small military aid group should be established in Thailand to operate in conformity with the requirements in paragraph 9 above. Arrangements for military aid should be made directly with the Thai Government.

13. In view of the very unsettled conditions in Burma, the program for military aid to that country should, for the time being at least, be modest. The arrangements should be made after consultation with the British, and could well be handled by the United States Armed Forces attaches to that country. Arrangements for military aid to Malaya, if and when authorized, should be handled similarly except that request should, in the first instance, originate with British authorities.

14. The Joint Chiefs of Staff recognize the political implications involved in military aid to Indochina. It must be appreciated,

however, that French armed forces of approximately 140,000 men are in the field and that if these were to be withdrawn this year because of political considerations, the Bao Dai regime probably could not survive even with United States aid. If the United States were now to insist upon independence for Vietnam and a phased French withdrawal from that country, this might improve the political situation. The French could be expected to interpose objections to, and certainly delays in, such a program. Conditions in Indochina, however, are unstable and the situation is apparently deteriorating rapidly so that the urgent need for at least an initial increment of military and economic aid is psychologically overriding. The Joint Chiefs of Staff, therefore, recommend the provision of military aid to Indochina at the earliest practicable date under a program to implement the President's action approving the allocation of 15 million dollars for Indochina and that corresponding increments of political and economic aid be programmed on an interim basis without prejudice to the pattern of the policy for additional military, political and economic aid that may be developed later.

15. In view of the considerations set forth in paragraph 14 above, the Joint Chiefs of Staff recommend the immediate establishment of a small United States military aid group in Indochina, to operate in conformity with the requirements in paragraph 9 above. The Joint Chiefs of Staff would expect the senior member of this group to sit in consultation with military representatives of France and Vietnam and possibly of Laos and Cambodia. In addition to screening requests for materiel, he would be expected to insure full coordination of military plans and efforts between the French and Vietnamese forces and to supervise the allocation of materiel. The Joint Chiefs of Staff believe in the possibility of success of a prompt coordinated United States program of military, political, and economic aid to Southeast Asia and feel that such a success might well lead to the gaining of the initiative in the struggle in that general area.

16. China is the vital strategic area in Asia. The Joint Chiefs of Staff are firmly of the opinion that attainment of United States objectives in Asia can only be achieved by ultimate success in China. Resolution of the situation facing Southeast Asia would therefore, be facilitated if prompt and continuing measures were undertaken to reduce the pressure from Communist China. In this connection, the Joint Chiefs of Staff have noted the evidences of renewed vitality and apparent increased effectiveness of the Chinese Nationalist forces.

17. The Joint Chiefs of Staff suggest the following measures with military implications:

a. An increased number of courtesy or "show the flag" visits to Southeast Asian states;

5E

b. Recognition of the "port closure" of Communist China seaports by the Nationalists as a de facto blockade so long as it is effective. Such action should remove some of the pressure, direct and indirect, upon Southeast Asia; should be of assistance to the anti-Communist forces engaged in interference with the lines of communication to China; and should aggravate the economic problems and general unrest in Communist China;

c. A program of special covert operations designed to interfere with Communist activities in Southeast Asia; and

d. Long-term measures to provide for Japan and the other offshore islands a secure source of food and other strategic materials from non-Communist held areas in the Far East.

18. Comments on the French aide-memoire of 16 February 1950, are contained in the substance of this memorandum. The Joint Chiefs of Staff do not concur in the French suggestion for conversations between the "French and American General Staffs" on the subject of Indochina since the desired ends will best be served through conferences in Indochina among the United States military aid group and military representatives of France, Vietnam, Laos, and Cambodia. The Joint Chiefs of Staff are not unmindful of the need for collaboration and consultation with the British and French Governments on Southeast Asia matters and recommend, therefore, that military representatives participate in the forthcoming tripartite discussions on Southeast Asia to be held at the forthcoming meeting of the Foreign Ministers.

FOR THE JOINT CHIEFS OF STAFF:

/s/ OMAR N. BRADLEY
Chairman
Joint Chiefs of Staff

PHỤ LỤC
C

CHƯƠNG 8 - CHƯƠNG 11

1. Bản Ghi Nhớ về quyết định của Ngoại Trưởng Dulles là "Ta phải nhảy vào" ngày 1 tháng 1, 1955.
2. Điện tín do ĐS Douglas Dillon đánh từ Paris về Bộ NG báo cáo về cuộc họp với Bộ Trưởng Pháp coi về Các QG Liên Kết Guy La Chambre ngày 4/8/1954 (ông này phê phán Thủ Tướng Diệm không hữu hiệu).
3. Quyền Ngoại Trưởng Mỹ gửi ĐS Heath ở Sài Gòn ngày 21/10/1954 ủng hộ Thủ Tướng Diệm.
4. Tóm tắt vài trang của mật điện # 4448 ngày 9/4/1955 (văn bản gồm 2 phần, dài 29 trang) do Đặc sứ Lawrence J. Collins đề nghị 5 bước loại bỏ Thủ Tướng Diệm.
5. Mật điện lịch sử do Ngoại Trưởng Dulles gửi ngày 27/4/1955 về việc thay thế Thủ Tướng Diệm.
6. ĐS Dillon gửi NT Dulles về cuộc họp tay ba (Pháp/Mỹ/Anh) tại Điện Matignon ngày 19/12/1954 và về việc Pháp (và Anh) đề nghị chọn Phó Vương (Hoàng Hậu Nam Phương) thay mặt và với quyền bính của ông Bảo Đại ở Việt Nam.

1

December 29, 1954

7924

MEMORANDUM FOR THE RECORD

Bureau of Intelligence and Research
JAN 10 1955
Assistant Secretary
Department of State

PARTICIPANTS: The Secretary
Mr. Robertson
Mr. Young

SUBJECT: Indochina

Mr. Robertson and I went to see the Secretary this morning about beginning direct aid to Viet-Nam in January and moving ahead with MAAG negotiations in Cambodia.

1. The Secretary decided we should proceed as scheduled and "take the plunge" on January 1. Mr. Robertson and I stated the pros and cons. Mr. Robertson pointed out our prestige would be considerably more committed in the three Associated States and our ability to disengage made more difficult by this step. On the other hand, I pointed out it would give us more leverage, put our missions on a direct footing and carry out the understanding reached with the French and the three Associated States last September and October. I explained to the Secretary that Governor Stassen had set up an operational mechanism which would keep our direct aid fluid and flexible so that it could be tapered up or down quickly depending on developing circumstances. Mr. Robertson stressed that no amount of aid would be announced at this time or conveyed to the governments concerned. The Secretary indicated his approval of this general line or approach and that the program would be subject to discontinuance at any time, as at present.

2. With respect to the JCS prerequisite on elimination of the French in Cambodia, the Secretary stated that it was much too legalistic and unrealistic. It is the kind of thing that could get us into a great deal of complication without sufficient compensating advantages. He felt that this was the sort of problem which could be only handled in time and by various methods. To attack it so directly would only create much more of a problem.

Kenneth T. Young, Jr.

Approved _____

Disapproved _____

RM/R

354770

859

7893

FE:PSA:KTYoungJr:cst

7516.00/12-2954

A/20

2

INCOMING TELEGRAM Department of State ACTION COPY

8/5/54 3 a.m.
CORRECTED COPY

Action Assigned to SA
Action Taken
Control: 1346
Rec'd: August 4, 1954
11 a.m.

FROM: Paris

TO: Secretary of State

NO: 481, August 4, noon

Bureau of FAR EASTERN AFFAIRS AUG 5 1954 AUG 1954 Department of State

SENT DEPARTMENT 481; REPEATED INFORMATION SAIGON 44.

During weekend conversation with La Chambre, I had opportunity for full and frank discussion regarding his views of Diem government. La Chambre feels future Vietnamese Government must:

(1) Be fully representative of population in Southern Vietnam;

(2) Be prepared to initiate and carry out agricultural reform (redistribution of land) very promptly, and

(3) Be prepared to depose Bao Dai and create a republic when appropriate during coming months. He feels that Diem government does not (repeat not) qualify on any of these three points but also feels that Diem is valuable for his high moral character and should definitely be a member of any future Vietnamese Government if Diem should be successful in making his peace with the sects in the south and should obtain their support. La Chambre said there would be no (repeat no) objection to his staying on as Prime Minister, provided he would also act on points 2 and 3 above. La Chambre said his information was that Diem would not (repeat not) be able to obtain the cooperation and support of the populace of South Vietnam, and that, because of his Mandarin background, would oppose both agricultural reform and the deposition of Bao Dai. Therefore, La Chambre feels that a new government will be required if there is to be any chance of winning the coming election. La Chambre said that he favored Tam as the head of the new government and hoped that Diem would stay on as Minister of the Interior to control the police or as Minister of Defense. La Chambre also hopes that Buu Loc will join the new government as he would be helpful when the time came to depose Bao Dai.

Regarding timing, there apparently is nothing immediate in the air. La Chambre plans to spend September in Indochina and wants to look situation over there before any action is taken.

La Chambre feels Diem will be helpful during evacuation of the north and will help to get refugees to move to the south. My own guess is that there will be no (repeat no) change until November at the earliest. I also assume that if change is decide

upon

PERMANENT

REPRODUCTION FROM COPY, IF CLASSIFIED

- 699 -

2A

INCOMING
TELEGRAM

-2- 481, August 4, noon, from Paris CN 1346

upon at that time it will be effectuated by Bao Dai. La Chambre said specifically that there could be no (repeat no) action on the deposition of Bao Dai until a broadly based government supported by all factions had been established in Southern Vietnam.

DILLON

MAM:HER/5

DEPARTMENT OF STATE
1954 AUG 5 AM 7 05
PURSAU OF
FAR EASTERN AFFAIRS

700

3

OUTGOING TELEGRAM

Department of State

INDICATE: ☐ COLLECT
☐ CHARGE TO

21 Oct

Classification

07000

SENT TO: Amembassy PARIS TEDUL 11 NIACT
Rptd Info: Amembassy SAIGON 1663

EYES ONLY SECRETARY FROM ACTING SECRETARY

EYES ONLY HEATH

DULTE 5.

For your ready reference we quote paragraph 4 of the September 29 Minute of Understanding:

QUOTE With respect to Viet-Nam, the representatives of France and the United States agree that their respective governments support Ngo Dinh Diem in the establishment and maintenance of a strong, anti-Communist and nationalist government. To this end France and the United States will urge all anti-Communist elements in Viet-Nam cooperate fully with Government of Ngo Dinh Diem in order counter vigorously the Viet Minh and build a strong free Viet-Nam UNQUOTE.

Brief estimate political situation South Viet-Nam follows:

1. While General Hinh's threat to execute military coup seems to have been averted, Hinh and his associates Xuan and Bay Vien continued hold virtual veto power over Diem and his government. Prolongation of crisis leads to inevitable deterioration of government's position and prospects, even if it is no longer menaced by violent overthrow.

We do not repeat not feel that sufficient effort has yet been made to

carry

Central Files 751G.00/10-2154

Drafted by: FE:SEA:KTYoung, Jr./PJS/EUR:WE:WDFisher 10-21-54

Telegraphic transmission and classification approved by: Herbert Hoover, Jr.

Clearances: Mr. Robertson WSR

EUR-WE-Fisher

780

Classification

REPRODUCTION FROM THIS COPY, IF CLASSIFIED, IS PROHIBITED.

3A

Page 2 of telegram to Paris, Saigon

Classification

carry out above quoted U.S.-French agreement. While Ely seems to have attempted honestly carry out this agreement, fact that many French elements have never accepted Diem solution must have weakened Ely's efforts and encouraged Binh cavarilla in its recalcitrance. PAREN In this connection see Paris 1665 UNREN. We remain of opinion that military personalities now opposing Diem are more susceptible to French pressure and influence than any other similarly powerful elements in Viet-Nam.

Broad government of national union around Diem has not been achieved. Until the current civil-military-sect conflict is resolved any successor Prime Minister would be faced with substantially similar problem with which he might be even less able to cope than Diem, except on conditions prejudicial to establishment of government of integrity.

2. Current jockeying for power and struggle for cabinet positions is resulting in paralyzing impasse. Positive moves are necessary by France and the U.S. if this impasse is to be broken. We remain convinced that if anything is to be saved in Viet-Nam we cannot sacrifice indispensable qualities of honesty, incorruptibility and nationalism represented more conspicuously at this moment by Diem than by anyone else.

3. Mendes-France's use of term QUOTE another structure of government UNQUOTE suggests French hankering to reestablish political system similar to that of 1946 Cochinchinese Republic, founded on police and military power to be exercised by such figures as Tam and Binh. In addition to such pro-French figures, system might involve direct colonial-type controls by French. Such a formula in French eyes would have advantage of facilitating elimination of Bao Dai and non-Cochinchinese elements like Diem. A development of this sort in our view would create conditions in South

781

46395

Classification

3B

Page 3 of telegram to Paris, Saigon

Classification

South Viet-Nam analogous to those which ended by delivering to Viet Minh northern half of Viet-Nam, even though it might in the short run restore internal order.

4-5. We agree with Mendes-France's feeling that perpetuation of Bao Dai in present role preserves thread of legality. We believe however that when some legislative body can take over from him his present appointive powers the time will have come to remove him from the scene.

5-6. CCB on October 20 approved initiation military training program by MAAG Saigon to be undertaken soonest with personnel and other resources now available there. Necessary instructions to MAAG and Embassy now in process. We hope this step, together with delivery of President's letter to Diem, will strengthen Diem in his relations both with French and other Vietnamese.

6-7. In summary, unless Diem receives unreserved U.S. and French support, his chances of success appear slight. With such support, his chances are probably better than even repeat even.

Homer
acting

782

46396

Classification

INCOMING TELEGRAM DEPARTMENT OF STATE ACTION COPY

Control: 4994
Rec'd: APRIL 9, 1955
1:25 P.M.

FROM: SAIGON

TO: Secretary of State

NO: 4448, APRIL 9, 10 P.M. (SECTION ONE OF FIVE)

NIACT

FOR SECRETARY FROM COLLINS.

DEPARTMENT TELEGRAMS 4411 and 4412.

THIS MESSAGE IN TWO PARTS. PART I FOLLOWS.

PART I. SUCCESSIVE STEPS RECOMMENDED AS FOLLOWS:

1. TRANSFER NATIONAL POLICE AND SURETE FROM BINH XUYEN. TWO POSSIBLE METHODS OF DOING THIS DEPENDING ON WHETHER OBJECTIVE IS TO SAVE FACE FOR DIEM OR BINH XUYEN, POINT ABOUT LATTER BEING TO SECURE THEIR PEACEFUL COOPERATION WITH NEW GOVERNMENT.

A. TO MAKE IT EASIER FOR DIEM TO RESIGN AND PREVENT BINH XUYEN FROM CLAIMING VICTORY IN PRESENT CRISIS, WE WOULD INSIST AS PRIOR CONDITION ON TRANSFER OF POLICE TO GOVERNMENT BY ORDINANCE ISSUED BY DIEM, BUT OPENLY SUPPORTED BY BAO DAI AND POSSIBLY FRENCH AND U.S. PUBLIC SUPPORT BY BAO DAI PROBABLY ESSENTIAL TO AVOID FURTHER BLOODSHED. IN THIS CASE BINH XUYEN MIGHT BE FORCED TO BOW BUT MIGHT TRY TO SABOTAGE NEW GOVERNMENT IN VARIETY OF WAYS. (I SHOULD NOTE THAT FRENCH WILL OPPOSE THIS STEP. ALTHOUGH HE ONCE FAVORED IT, ELY HAS NOW SAID HE COULD NOT AGREE TO IT. FRENCH FEAR BLOODSHED IF BINH XUYEN LOSE CONTROL OF POLICE UNDER DIEM AND BELIEVE NEW PRIME MINISTER SHOULD HAVE POLITICAL ADVANTAGE OF REGAINING CONTROL OF POLICE FOR GOVERNMENT).

B. IN ORDER INDUCE COOPERATION OF BINH XUYEN WITH NEW GOVERNMENT, IT MIGHT BE ADVISABLE TO OFFER BAY VIEN A CHANCE TO SAVE FACE BY HIS "VOLUNTARILY" PROPOSING THAT CONTROL OF POLICE BE TRANSFERRED TO NEW GOVERNMENT. I HAVE JUST HAD CONVERSATION WITH FOREIGN MINISTER DO. WITHOUT INDICATING

4A

-2- 4448 APRIL 9, 10 P.M.(SECTION ONE OF FIVE), FROM SAIGON

OUR POSSIBLE THINKING, I ASKED DO IF HE THOUGHT BAY VIEN MIGHT RELINQUISH POLICE CONTROLS TO ANY NEW GOVERNMENT. ĐỖ SAID HE FELT THAT WITH PROPER APPROACH, THIS MIGHT WELL BE POSSIBLE. HE INSISTS IT WOULD NOT BE POSSIBLE FOR DIEM TO ACHIEVE THIS. DO FULLY AGREES THAT ANY NEW GOVERNMENT WOULD HAVE TO TAKE OVER POLICE CONTROLS, BUT FEELS STRONGLY THAT EVERYTHING POSSIBLE SHOULD BE DONE TO SECURE COOPERATION OF BINH XUYEN WITH NEW GOVERNMENT. I BELIEVE THAT IF BAY VIEN WERE CONVINCED AHEAD OF TIME THAT U.S., FRANCE, BAO DAI AND ANY NEW PREMIER WOULD INSIST ON GOVERNMENT TAKING OVER POLICE, HE MIGHT WELL AGREE TO MAKE THIS OFFER HIMSELF. I BELIEVE THIS METHOD PREFERABLE TO 1A ABOVE UNLESS WASHINGTON FEELS DIEM'S PRESTIGE AND PERHAPS OUR OWN MUST BE PROTECTED BY FOLLOWING METHOD 1A.

2. PERSUADE DIEM TO RESIGN, OR IF HE REFUSES, HAVE BAO DAI RELIEVE HIM.

A. BETTER SOLUTION WOULD BE RESIGNATION BY DIEM. IF METHOD 1A ABOVE IS FOLLOWED, DIEM COULD BOW OUT SOMEWHAT GRACEFULLY "IN ORDER TO HEAL THE WOUNDS" CAUSED BY RECENT EVENTS. WE COULD POSSIBLY DRAFT A STATEMENT FOR HIM.

B. DISTASTEFUL AS IT WOULD BE TO USE BAO DAI IF DIEM WILL NOT RESIGN, I SEE NO OTHER LEGAL METHOD OF REPLACING HIM.

C. FOR TIMING AS TO NOTIFICATION OF DIEM, SEE PARAGRAPH 3F BELOW.

3. CHOOSE SUCCESSOR TO DIEM AS PRESIDENT OF COUNCIL.

A. I BELIEVE IT IS MOST IMPORTANT TO PLACE ON FRENCH THE ONUS AND RESPONSIBILITY OF DESIGNATING DIEM'S SUCCESSOR. FRENCH ARE ALL TO READY TO PLACE ONUS DIEM'S LACK OF SUCCESS ON U.S. IT WOULD BE PREFERABLE THEREFORE FOR THE HEAD OF NEW GOVERNMENT TO BE PROPOSED BY FRENCH AND CONCURRED IN BY THE U.S. ELY INDICATED THAT HE WOULD FAVOR QUÂT, DỖ OR PERHAPS EVEN EX-DEFENSE MINISTER MINH. HE STIPULATED AS PRIMARY REQUISITE THAT ANY NEW GOVERNMENT MUST AVOID TAINT OF COLONIALISM. HENCE I BELIEVE THAT IF ELY'S ADVICE WERE

FOLLOWED .

4B

-3- 4448 APRIL 9, 10 P.M. (SECTION ONE OF FIVE), FROM SAIGON

FOLLOWED FRENCH GOVERNMENT WOULD NOT PROPOSE BUU HOI, TAM OR HUU. OUR OPPOSITION TO THESE MEN HAS BEEN MADE CLEAR TO FRENCH.

B. SEE MY TELEGRAM 4263 FOR DISCUSSION OF POSSIBLE SUCCESSORS. OF COURSE, WE WOULD HAVE TO COME TO AGREEMENT WITH THE FRENCH ON A SUCCESSOR AND I WOULD NOW RECOMMEND EITHER DO OR QUAT.

KIDDER

LFS/32

5

CHANGE TO

Classification

1955 APR 27 PM 6 11

DC/T

SENT TO: Amembassy SAIGON NIACT 4757
Amembassy PARIS PRIORITY 3829 ← #3829

FOR THE AMBASSADOR

LIMIT DISTRIBUTION

If the French agree to para. 7 DEPTEL 4756 then you may give them orally the following views on procedures and a new government. Our views are based on consultations with General Collins, a careful study of the French aide-memoire of April 17, 1955, Bao Dai's proposals, and the views of various Vietnamese in Saigon.

A. Our tentative proposals on procedures are as follows:

1) The US will have to maintain position of full support for Diem until and unless Vietnamese leaders develop alternate proposal which Bao Dai would support.

2) Bao Dai should be informed by both governments that before we would consider support for any change he must guarantee that he will confirm Prime Minister's authority over police officials, the Binh Xuyen will be removed from police functions, and surete, and that the sects will agree to a broad program of their integration into the national [illegible] life of Vietnam on the basis of QTE a single nation, a single state, a single army, and a single administration UNQTE. Such decree by Bao Dai must be in process before Diem

46580

Drafted by: [illegible] 4/27/55

Telegraphic transmission and classification approved by: [illegible] John Foster Dulles

Clearances:
S - The Secretary (in substance)
C - Mr. Murphy
C - Mr. MacArthur
FE: PSA-General Collins
FE - Mr. Sebald
S/P - Mr. Bowie

941

REPRODUCTION FROM THIS COPY, IF CLASSIFIED, IS PROHIBITED.

Classification

Classification

leaves and new Prime Minister installed, to prevent clear Binh Xuyen GTE victory UNGTE over Diem which would rise to plague successor.

3) If Bao Dai given adequate assurances, Collins and Ely should immediately help the Vietnamese work out the new alignment, urge Diem to serve in a new capacity, if he will, and provide full support for the new government. If Diem refuses, the program should nevertheless be carried out anyway.

4) While the Vietnamese in Saigon should appear to be the framers of a new government, Collins and Ely will probably have to be in practice the catalysts. This may result in stories regarding a new Collins-Ely GVN formula UNGTE but we should make every attempt to keep the Vietnamese label.

5) General Collins and Ely should inform Diem that as a result of his inability to create a broadly based coalition government, and because of Vietnamese resistance to him, their governments are no longer in position to attempt to prevent his removal from office. Diem's patriotic qualities are of great potential value to Vietnam and it is hoped he will lend his services to any new government which might be appointed.

6) Collins and Ely together speaking for their governments may be able to elicit [illegible] formula (outlined sub-para 4 above) from Vietnamese political leaders behind the scenes. If those leaders, including Diem if practicable, adopt such a formula, they could ask Bao Dai to countersign it. If the Vietnamese consulted cannot agree among themselves on a candidate, then Ely and Collins will have to recommend a [illegible] name for Bao Dai to designate to form a new government under the [illegible] proper terms and conditions.

48581

Classified 842

5B

Classification

D. Our tentative proposals on a new government are as follows:

1) Cabinet: The executive authority of full powers with Do or Quat as president and vice president, respectively, composed of small nucleus of most able nationalist leaders. It would be highly desirable if the cabinet itself could include some from Diem's cabinet and some new faces. It would operate as an interim coalition government until a fully elected National Assembly is constituted. The immediate tasks of the new cabinet would be (a) resolution of sect problem, (b) completion of reform of the armed forces and police, (c) satisfactory resettlement of present and future refugees, (d) energetic political program in provinces, (e) more active international policy in Southeast Asia, and (f) consultation with the Viet Minh on Geneva elections in 1956 and preparations for elections and a constituent assembly in Free Viet-Nam at some [illegible] time.

2) Consultative Council: An advisory body of 25-35 leading personalities and group representatives, including the sects. Diem should be persuaded if possible to accept the chairmanship of this council. Its principal function would be to generate spirit of unity and cooperation among the people and groups throughout Free Vietnam. At the request of the president or the cabinet, it would advise the president and cabinet on major matters of state. It should have no executive or administrative functions. It should continue until the constitution of a permanent structure of government by a constituent assembly.

3) Provisional National Assembly: This quasi-legislative body of elected and appointed candidates already envisaged and scheduled to be set up

5C

Classification

should be formed and convoked as soon as possible once a new cabinet is in office. It would review the budget and designate a special committee to draft plans for a constituent assembly.

Dulles

Classification

6

INCOMING TELEGRAM — Department of State — ACTION COPY

14-H
Action
SUR
Info
SS
J
SP
FE
R
P

Control: 8573
Rec'd: DECEMBER 19, 1954
1:27 P.M.

FROM: PARIS

TO: Secretary of State

NO: 2691, DECEMBER 19, 4 P.M. (SECTION ONE OF TWO)

NIACT

SENT DEPARTMENT 2691, REPEATED INFORMATION SAIGON 388, LONDON 654.

LIMIT DISTRIBUTION - SAIGON FOR COLLINS

TRIPARTITE DISCUSSIONS ON INDOCHINA TOOK PLACE THIS AFTERNOON AT MATIGNON.

DULLES OPENED CONVERSATIONS BY GREETING ELY AND CITING APPRECIATION OF COOPERATION HE HAD SHOWN U.S. AUTHORITIES IN VIETNAM. ELY GAVE REPORT CURRENT SITUATION AT MENDES' SUGGESTION. HE SAID FIRST POINT TO BE CLEARED UP AFTER COLLINS ARRIVED WAS SETTLEMENT GOVERNMENT-NATIONAL ARMY CONFLICT. ACCOMPLISHED BY MEANS BAO DAI'S RECALL MINH. SECOND WAS TO TRY PREPARE PROGRAM FOR DIEM GOVERNMENT. THIS DONE BUT QUESTION NOW HOW TO GET DIEM ACCEPT FORMULA. THEIRS WAS HOW STRENGTHEN DIEM. ELY AND COLLINS TRIED INTRODUCE QUAT WHO IS BETTER POLITICIAN AND ADMINISTRATOR THAN DIEM INTO GOVERNMENT BUT SECTS AND DIEM BALKED. HE SAID ONLY SUGGESTION EVER ACCEPTED BY DIEM WAS APPOINTMENT MINH AS MINISTER DEFENSE.

MENDES INTERRUPTED TO MAKE TWO POINTS. FIRST THAT COLLINS AND ELY THOUGHT THAT MINISTRIES OF INTERIOR AND NATIONAL DEFENSE SHOULD BE COMBINED. BOTH OFFICES ARE CONCERNED WITH INTERNAL AFFAIRS AND IT IS UNNECESSARY SEPARATE THEM AT THIS TIME. DIEM HAD REFUSED THIS SUGGESTION TOO. SECOND POINT WAS THAT WORKING GROUPS HAD BEEN ESTABLISHED IN SAIGON TO SUGGEST REFORMS TO GOVERNMENT - BOTH ADMINISTRATIVE AND AGRARIAN. NOT A SINGLE REFORM SUGGESTED ACCEPTED BY DIEM. MENDES DESCRIBED DIEM'S APPROACH AS WHOLLY NEGATIVE. FRENCH GOVERNMENT NOW CONSIDERED THAT AS A RESULT OF TODAY'S TALKS STRONG APPROACH WOULD HAVE TO BE MADE TO DIEM. SUGGESTIONS

826

44692

PERMANENT RECORD COPY - This copy must be returned to CC/R central files with notation of declassification

REPRODUCTION FROM THE

6A

FROM PARIS, 2891, DECEMBER 19, 4PM SECTION ONE OF TWO

SUGGESTIONS SHOULD BE PRECISE AND ENERGETIC. THERE WAS NO TIME LEFT TOO ALLOW FOR ANYTHING LESS. MENDES WISHED REAFFIRM HIS PAST AGREEMENT WITH SECRETARY'S THESIS THAT WE MUST DO OUR MAXIMUM TO PERMIT DIEM GOVERNMENT TO SUCCEED. NOW HE WISHED ADD THAT HE WAS NO LONGER SURE THAT EVEN MAXIMUM WOULD HELP. HE SAID WE MUST NOW HAVE ALTERNATE FORMULA IN MIND. WITHOUT VARYING FROM OUR STATED PURPOSE OF SUPPORTING DIEM GOVERNMENT AS LONG AS IT EXISTS WE MUST NOW PREPARE IN OUR MINDS FOR ALTERNATIVE.

SECRETARY REPLIED THAT HE RECOGNIZED TASK IN SOUTH VIETNAM WAS DIFFICULT ONE. DIFFICULT BECAUSE IT REQUIRED THAT GOVERNMENT BE BUILT OF INDIGENOUS PEOPLES WITH LITTLE OR NOT EXPERIENCE. MOREOVER, THEY HAD TO BUILD IN TIME OF GREAT STRESS FOLLOWING MILITARY DEFEAT, TEMPORARY PARTITION AND WHILE THERE WAS GREAT INFLUX OF REFUGEES FROM NORTH. SECRETARY REGARDED BASIC FACTORS AS FAVORABLE. PEOPLE WERE OPPOSED TO COMMUNISM AND HAD GREAT NATURAL RESOURCES. THEY HAD EXPORTABLE SURPLUS. THEY RECEIVED GREATER AID FROM ABROAD THAN NORTH. BEGINNING OF JOINT FRANCO-U.S. TASK DIFFICULT, BUT SITUATION WAS MUCH IMPROVED NOW THAT THERE WAS FULL COOPERATION BETWEEN FRENCH AND AMERICAN AUTHORITIES. PROBLEM MUST NOT BE APPROACHED BETWEEN FRENCH AND AMERICAN AUTHORITIES. PROBLEM MUST NOT BE APPROACHED IN SPIRT OF DEFEATISM. ONLY SERIOUS PROBLEM WE HAVE NOT YET SOLVED IS THAT OF INDIGENOUS LEADERSHIP. WE CANNOT EXPECT IT TO BE SOLVED IDEALLY BECAUSE THERE IS NO TRADITION AMONG INDIGENOUS PEOPLE FOR SELF-GOVERNMENT. WE MUST GET ALONG WITH SOMETHING LESS GOOD THAN BEST.

SECRETARY CONTINUED TO SAY THAT HE HAD NO RPT NO PERSONAL JUDGMENT OF PERSONALITIES INVOLVED, BUT OUR INDICATIONS WERE THAT DIEM WAS BEST MAN AVAILABLE IN SPITE OF FAILINGS. WE VISUALIZED CABINET WITH BROAD APPEAL AND AUTHORITY. THIS VISION HAS NOT RPT NOT BEEN REALIZED. DIEM APPEARS TO BE MAN CONSTITUTIONALLY INCAPABLE OF MAKING DECISIONS. US NOT RPT NOT COMMITTED TO DIEM IN ANY IRREVOCABLE SENSE. WE HAVE ACCEPTED HIM BECAUSE WE KNEW OF NO ONE BETTER. DEVELOPMENTS HAVE CONFIRMED OUR FEARS AS TO HIS LIMITATIONS BUT NO SUBSTITUTE FOR HIM HAS YET BEEN PROPOSED. THOSE SUGGESTED IN PAST VARIED FROM MONTH TO MONTH. NOW IT IS CLAIMED THAT ONLY BAO DAI CAN SAVE SITUATION. IF THAT IS CASE, THEN WE MUST INDEED BE DESPERATE. SECRETARY'S VIEW WE SHOULD CONTINUE BACK DIEM BUT EXERT MORE PRESSURE ON HIM TO

44693

827

6B

-4- FROM PARIS, WYPO DECEMBER 19, 4PM SECTION ONE OF TWO

IN SPITE OF THIS FACT, HE STILL REPRESENTED LEGALITY AND COULD SERVE IN FUTURE IF "LEGALITY" HAD TO BE PROVIDED TO ANY STEP WE WOULD WISH TO TAKE.

MENDES THEN SPOKE OF A PLAN FRENCH HAVE BEEN CONSIDERING. FIRST PHASE WAS TO ASK BAO DAI TO PLACE ON SPOT IN VIETNAM A REPRESENTATIVE WHO WOULD EXERCISE BAO DAI'S AUTHORITY. HE WOULD BE "DELEGATE" OR VICEROY. HE WOULD HAVE FULL AUTHORITY TO USE BAO DAI'S POWERS. USEFULNESS WOULD PERSIST EVEN IF DIEM SHOULD SUCCEED FOR HE COULD ACT AS SUPREME ARBITRATOR TO SETTLE SQUABBLES.

MENDES SAID THAT FRENCH WERE NOW PREPARED TALK TO BAO DAI ALONG THESE LINES AND URGE HIM ESTABLISH VICEROY WITHOUT DELAY.

FRENCH ALSO PROPOSED APPROACH BAO DAI WITH VIEW REINFORCING PRESENT GOVT AND PREPARING LEGAL GROUNDS FOR NEW ONE IF IT SHOULD BE FOUND NECESSARY.

EDEN INTERVENED TO STATE THAT IN HIS OPINION IT WOULD BE MISTAKE FOR BAO DAI TO GO BACK NOW BUT BRITISH RECOGNIZED ADVANTAGE OF VIETNAMESE ROYAL TRADITION AND AGREED THAT "ROYAL COMMISSION" OF SOME SORT SHOULD BE SET UP AND MIGHT PROVE BE BEST WAY OUT.

HE INQUIRED ABOUT PERSONALITY AND USEFULNESS OF EMPRESS AND MENDES REPLIED THAT SHE WAS EXEMPLARY PERSON WHO COULD PROVE VERY USEFUL IN VIETNAM.

DILLON

ROW/J2

Note: Mr. Allen (EUR) notified 2:45 pm 12/19/54 (FMH)

44695

829

PHỤ LỤC
D

CHƯƠNG 12 - CHƯƠNG 14

1. Trích dẫn 1/3 báo cáo về cuộc họp này lửa tại Paris giữa Pháp - Mỹ - Anh từ ngày 7 tới 12 tháng 5, 1955 (dẫn đến việc tiếp tục ủng hộ TT Diệm và việc Pháp rút lui khỏi Miền Nam)
2. Lời Mở Đầu bản Ghi Nhớ gửi TT Diệm và TT Kennedy đề nghị một Chương Trình Cộng Tác Việt-Mỹ đặt nền móng cho phát triển kinh tế, xã hội và quân sự (còn gọi là "Kế hoạch Staley - Thúc").
3. Danh sách 18 thân hào, nhân sĩ ký bản "Tuyên Ngôn Caravelle" tháng 4, 1960.
4. Báo cáo của ĐS Elbridge Durbrow về cuộc họp với TT Diệm và trao cho ông khuyến cáo của Hoa Kỳ ngày 17/10/1960.
5. Phiếu trình ngày 11/11/1960 của Chuẩn Tướng Edward Lansdale phân tích cuộc đảo chính 1960; và
6. Ngày 15/11/1960 so sánh âm mưu đảo chính 1954 và 1960.

1

INCOMING TELEGRAM DEPARTMENT OF STATE ACTION COPY

FROM: PARIS Rec'd: MAY 8, 1955 5:37 PM

TO: Secretary of State

NO: SECTO 8, MAY 8, 5 PM (SECTION ONE OF THREE)

PRIORITY

SENT DEPARTMENT SECTO 8, REPEATED INFORMATION PRIORITY SAIGON 716.

FOLLOWING IS SUMMARY CONVERSATIONS ON INDOCHINA HELD WITH BRITISH AND FRENCH THIS AFTERNOON. FRENCH DELEGATION HEADED BY PRIME MINISTER FAURE, BRITISH BY FONNIN MACMILLAN AND US BY SECRETARY. DURING FIRST PART OF CONVERSATIONS BRITISH WERE ABSENT, JOINING LATER AS NOTED.

FAURE OPENED CONVERSATIONS BY REFERRING TO RATIFICATION PARIS AGREEMENTS AND DIFFICULTIES FRENCH GOVT HAD ENCOUNTERED IN PROCESS. HE OBSERVED THAT PUBLIC OPINION MUST NOW BE SATISFIED WITH EARLY FOUR-POWER TALKS. HE AGREED THAT WE WOULD NOW BE TALKING FROM STRENGTH AND THAT PROSPECTS FOR SUCCESS WERE THEREBY INCREASED. HE REFERRED TO CHINA AND TO FACT THAT FRANCE WAS NOW IGNORING GOVT WHICH HAD IN HANDS FATE OF HUNDREDS OF MILLION OF PEOPLE BECAUSE OF HER RECOGNITION OF FACT THAT US VIEWS MUST BE TAKEN INTO ACCOUNT. HE REMARKED THERE ARE NOW TWO AREAS OF PARTICULAR INTEREST TO FRANCE. THEY ARE NORTH AFRICA AND VIETNAM. HE WOULD CALL UPON LAFOREST, MINISTER OF ASSOCIATED STATES, TO GIVE OUTLINE FRENCH POSITION ON LATTER.

SECRETARY REPLIED BY STATING THAT US RECOGNIZED COURAGEOUS STEP FRANCE HAD TAKEN IN RATIFYING PARIS AGREEMENTS. BOTH HE AND PRESIDENT APPRECIATED MAGNITUDE OF POLITICAL TASK. THEY FELT STEP, HOWEVER, WAS IN FRANCE'S OWN INTEREST AS WELL. SECRETARY EXPRESSED OPINION THAT IN RATIFYING FRANCE HAD REAFFIRMED HER POSITION AS "ONE OF GREAT NATIONS OF WORLD".

LAFOREST THEN OPENED INDOCHINA DISCUSSION. HE STATED THAT GENEVA ACCORDS HAD POSED SEVERAL QUESTIONS INCLUDING THAT OF HOW TO

PERMANENT RECORD COPY

959

1A

-2- SECTO 8, MAY 8, 5 PM (SECTION 1 OF 3) FROM PARIS

HOW TO DEAL WITH FORTHCOMING ELECTIONS. DIVISION OF COUNTRY HAD GIVEN SOUTH VIETNAM DISADVANTAGE IN COMPETING WITH NORTH BUT WHAT SOUTH LACKED IN AREA AND POPULATION WAS COUNTER-BALANCED BY HER ECONOMIC SUPERIORITY. FRANCE BELIEVED THAT SOUTH COULD WIN OVER NORTH IN ELECTIONS IF SHE COULD PRESENT MORE ATTRACTIVE REGIME TO PEOPLE. THIS COULD BE DONE ONLY WITH NATIONALIST, STABLE AND BROADLY BASED GOVT. TIME WAS OF ESSENCE FOR DISCUSSIONS PRIOR TO ELECTIONS WHICH WOULD OPEN NEXT JULY AND ELECTIONS THEMSELVES IN JULY 1956. THERE WAS NO AMBIGUITY IN FRENCH POLICY BETWEEN NORTH AND SOUTH VIETNAM. PRESENCE OF FRANCE IN NORTH COULD NOT BE ERASED BY STROKE OF PEN. IT IS FRENCH DUTY TO PROTECT HER CULTURAL AND ECONOMIC PRESENCE THERE. SAINTENY MISSION IS DESIGNED FOR ONLY THAT PURPOSE. FRANCE HAD GIVEN UP THOUGHTS OF MIXED COMPANIES AS RESULT OUR OBJECTIONS AND HAD NOW SURRENDERED COAL MINES. SAINTENY MISSION WOULD BE MAINTAINED ON ITS PRESENT TERMS. IT WOULD BE NEITHER ENLARGED NOR CHANGED.

LAFOREST CONTINUED TO SAY THAT FRANCE HAD LOYALLY SUPPORTED GOVT OF DIEM FROM BEGINNING. ANY ALLEGATION TO CONTRARY IS UNTRUE. FRENCH CONSTANTLY TRIED TO REENFORCE DIEM GOVT. FRANCE REACHED AGREEMENT WITH US LAST DECEMBER TO PERSUADE "OR COMPEL" DIEM TO ENLARGE GOVT. IT WAS AGREED TO GIVE HIM UNTIL JANUARY AT WHICH TIME, IF HE HAD FAILED, WE WOULD LOOK INTO MATTER OF ALTERNATE DISCREETLY. THIS WAS NOT DONE. LAST MARCH PRESENT GOVT BROKE INTO OPEN CONFLICT WITH SECTS. UNITED FRONT OF SECTS WAS FORMED AGAINST DIEM. BOTH DECEMBER AGREEMENT AND COMMON SENSE TOLD US AT THAT TIME THAT SOMETHING TO BE DONE TO AVOID CIVIL WAR. FRANCE WARNED THAT ARMED CONFLICT - FIRST CIVIL WAR, THEN GUERRILLA WARFARE, THEN TERRORISM - WOULD RESULT IF WE FAILED TO TAKE ACTION. FRANCE HAS ALWAYS DESIRED PEACEFUL SOLUTION. FOR THIS REASON JOINT ELY-COLLINGS APPROACH WAS TRIED. IT WAS HOPED THEY WOULD ARRIVE AT JOINT PLAN FOR SOLUTION. WASHINGTON APPEARED FIRST TO WELCOME THIS CONCEPT THEN CHANGED ITS MIND. COLLINS LEFT SAIGON WHEN CIVIL WAR WAS ABOUT TO BREAK OUT. UNTENABLE TRUCES WERE DECLARED. WHEN THEY WERE ABOUT TO EXPIRE BAO DAI SUB-MITTED HIS OWN PLAN ON APRIL 19 IN ORDER TO TRY TO RECONCILE US

AND FRENCH

1B

-3- SECTO 8, MAY 8, 5 PM (SECTION ONE OF THREE), FROM PARIS

AND FRENCH FAILURE TO ACT. US FAILED TO REPLY TO BAO DAI. IN ABSENCE OF COLLINS FROM SAIGON BAO DAI ACTED.

LAFOREST CONTINUED TO SAY THAT NEW REVOLUTIONARY COMMITTEE APPEARED TO HAVE CONTROL. COMMITTEE IS STRONGLY UNDER VIET MINH INFLUENCE. A MAN NAMED HOM PAN SON, STAFF OFFICER IN VIETNAMESE ARMY, EDUCATED IN CHINA WAS VICE-PRESIDENT OF REVOLUTIONARY COMMITTEE. NHI LANG WAS ONE OF VICE-PRESIDENTS OF VIET MINH GOVT. DOAN TRUNG CON IS NOTORIOUS VIET MINH AGENT. VIET MINH INFLUENCE OF "REVOLUTIONARY" GROUPS IS RECOGNIZABLE THROUGHOUT AND THEIR INFLUENCE IS SPREADING TO COUNTRY. BAO DAI'S DEPOSITION IS DEMANDED. THERE IS VIOLENT CAMPAIGN AGAINST FRENCH AND FRENCH EXPEDITIONARY CORPS. VIET MINH AGENTS MAKE GOOD USE OF IT AND CERTAIN AMERICANS DO NOT SEEM SUFFICIENTLY AWARE OF THIS. FRENCH GOVT DOES NOT WISH TO HAVE ITS ARMY ACT AS PLATFORM FOR VIET MINH PROPAGANDA. ARMY WILL NOT BE MAINTAINED IN VIETNAM AT ANY COST. LAFOREST CLOSED BY REFERRING TO GOVT CENSORSHIP AND SHOWED COPY OF SAIGON NEWSPAPER, HALF OF WHICH HAD BEEN CENSORED, AS EXAMPLE OF EXTENT OF GOVT CENSORSHIP.

SECRETARY REPLIED REFERRING TO SERIOUSNESS OF SITUATION AND NECESSITY THAT FRENCH AND US AS GOOD FRIENDS WORK CLOSELY TOGETHER. IT WOULD NOT BE PROFITABLE TO GO INTO DETAILED CHARGES MADE AGAINST EACH OTHER IN TWO COUNTRIES. QUESTION IS WHAT TO

DULLES

JNA:AB/32

1C

FROM: Paris.

TO: Secretary of State

NO. SECTO 8, May 8, 5 p.m. (SECTION TWO OF THREE)

PRIORITY

SENT DEPARTMENT SECTO 8; REPEATED INFORMATION PRIORITY SAIGON 716.

what to do in face of present situation. He summarized present situation as follows:

(1) There is a revolutionary movement under way in Vietnam,

(2) We believe that Diem has the best chance of anyone of staying on top of revolution and keeping it within "tolerable" limits. Diem is only means US sees to save South Vietnam and counteract revolution. US sees no one else who can. Whatever US view has been in past, today US must support Diem wholeheartedly. US must not permit Diem to become another Karensky.

Regarding Bao Dai, Secretary said in his view he had irretrievably lost capacity to be anything but titular head of government if even that position could be saved for him and that this was solution Secretary preferred until election (of National Assembly). Bao Dai should support Diem and not take away his power. Cao Dai and Hoa Hao could be used but no Binh Xuyen. Secretary expressed opinion that with support two governments Diem could sit on top of revolution. Diem is only force of moderation. FEC a certain stabilizing influence. US was giving funds to support Vietnamese Army and could not see anyone else to give funds to but Diem for that purpose. Concluded by stating that support of Diem was only way he could see to deal with common problem pointing out that time was running against us and no successful results could be achieved unless two countries worked together.

Meeting was then joined by British for whom Secretary resumed US position as summarized above adding that in US view present revolution is not yet dominated or influenced by Communists to any appreciable degree. He remarked that prior association with Communists was not in itself sufficient reason to believe that man was a Communist now, citing that Bao Dai himself could be considered a Communist on this reasoning. Support of Diem did not indicate US non-recognition of his weaknesses. US had not taken part in his original selection and had been and remained ready to support any other man who might be presented by orderly process of law. He remarked that just before outbreak of fighting US was prepared to consider alternatives but he was not sure now that it would have been practical. Secretary remarked he was told last March by Collins that we had already reached point of no return on Diem.

COPY

862.

1D

There was no practical way of getting rid of him. Secretary wished to do everything to get Diem to enlarge government. It might be possible to change government at the time of forthcoming elections but question remains "who is better than Diem." If there is a better man US is ready to consider him but re-submits no one has been suggested. Although Collins had reached agreement with Ely in early April to change Diem he now believes we must support him.

Faure replied that he thought it best that he speak himself. He wished to state that France is not in agreement with US views. In the past we have concealed this fact from each other but now it is time to speak frankly. Diem is not a good solution. Joint efforts to prove he is have resulted in failure. France is convinced that Diem is leading to catastrophe. Diem took advantage of Collins' absence to effect a "coup de force" which won primary victory but which has not contributed to any lasting solution. His anti-French sentiments are extreme. France does not object to his being anti-French if he is capable but being anti-French is not a sufficient quality in itself. Faure will not continue with him for, one way or another, he will bring on a Viet Minh victory. He is surrounded by Vietnam elements and there is not time to lose. Diem is not only incapable but mad (fou). He ruined our chances for a possible solution just when it was in the offing. France can no longer take risks with him. He could yield to the revolutionary groups. Continuing with Diem would have three disastrous results:

(1) It would bring on a Viet Minh victory,

(2) It would focus the hostility of everyone on French, and

(3) It will begin on a France-US breach. Everyone believes that the US is backing Diem and encouraging him in his anti-French sentiments even if the French Government knews US is not.

Faure continued that much of France-US difficulty grows out of fact that we have never admitted our true thoughts from beginning. Last September we might have had an agreed solution if we had expressed our doubts but we did not. Bao Dai is a "bad card" but by means of him something is possible but with Diem failure is certain. We might have been able to save situation on eve of coup de force if we had had three-sided agreement (US, France, Bao Dai) but again we failed. Bao Dai has faults but he can serve a useful purpose and should be used for that. He cannot be excluded as a possibility for bringing about a more productive solution but as long as Diem is there the view is obstructed and no situation is possible. To resume, Faure said, Diem is impossible and there is no chenee for him to succeed or to improve the situation. Another man might not be able to improve the situation either and, in fact, there is no one specifically in mind but at least with another man there is a chance.

DULLES

COPY

963

1E

INCOMING TELEGRAM DEPARTMENT OF STATE ACTION COPY

FROM: PARIS Rec'd: MAY 8, 1955 9:12 PM

TO: Secretary of State

NO: SECTO 8, MAY 8, 5 PM (SECTION THREE OF THREE)

PRIORITY

SENT DEPARTMENT SECTO 8, REPEATED INFORMATION PRIORITY SAIGON 716

IS A CHANCE BUT WITH DIEM THERE IS NONE.

FAURE THEN CONCLUDED WITH THE FOLLOWING SIGNIFICANT STATEMENT: "DIEM IS A BAD CHOICE, IMPOSSIBLE SOLUTION, WITH NO CHANCE TO SUCCEED AND NO CHANCE TO IMPROVE THE SITUATION. WITHOUT HIM SOME SOLUTION MIGHT BE POSSIBLE, BUT WITH HIM THERE IS NONE. HOWEVER, I CANNOT GUARANTEE ANY OTHER SOLUTION WOULD WORK NOR IS IT POSSIBLE TO CLARIFY THE SITUATION. THERE SEEMS TO BE FUNDAMENTAL DISAGREEMENT BETWEEN US. I COULD HAVE CLAIMED THAT SINCE FRENCH POSITION IS PREDOMINANT IN VIETNAM, YOU SHOULD ACCOMMODATE YOUR VIEWS MORE TO OURS, BUT I HAVE REJECTED THIS. WHAT SHOULD BE DONE UNDER THE CIRCUMSTANCES? WHAT WOULD YOU SAY IF WE WERE TO RETIRE ENTIRELY FROM INDOCHINA AND CALL BACK THE FEC AS SOON AS POSSIBLE. I FULLY REALIZE THIS WOULD BE A GRAVE SOLUTION, AS IT WOULD LEAVE FRENCH CIVILIANS AND FRENCE INTERESTS IN A DIFFICULT POSITION. THERE IS ALSO THE QUESTION OF THE REFUGEES' FATE. IF YOU THINK THIS MIGHT BE A POSSIBLE SOLUTION, I THINK I MIGHT BE ABLE TO ORIENT MYSELF TOWARDS IT IF YOU SAY SO. IT WOULD HAVE ADVANTAGE OF AVOIDING ALL FURTHER REPROACH TO FRANCE OF "COLONIALISM" WHILE AT THE SAME TIME GIVING RESPONSE TO DIEM'S REQUEST THAT FRANCE SHOULD GO. SINCE IT CONTIMPLATES THE LIQUIDATION OF THE SITUATION AND THE REPATRIATION OF THE FEC, WOULD THE UNITED STATES BE DISPOSED TO HELP PROTECT FRENCH CIVILIANS AND THE REFUGEES? IF YOU DO NOT AGREE TO THIS SOLUTION AND BELIEVE IT WOULD HAMPER YOU, THEN WE CAN HAVE FURTHER DISCUSSIONS ON THE VIETNAMESE SITUATION.

SECRETARY

PERMANENT RECORD COPY

964

IF

-2- SECTO 8, MAY 8, 5 PM (SECTION THREE OF THREE), FROM PARIS

SECRETARY REPLIED THAT HE APPRECIATED FRANKNESS. IT IS ONLY WAY FRIENDS SHOULD SPEAK TO EACH OTHER. THERE IS A FUNDAMENTAL DIFFERENCE BETWEEN FRANCE AND US. US HAS HIGHER REGARD OF DIEM'S CAPABILITIES THAN FRANCE. US INFORMED "COUP DE FORCE" WAS ENGINEERED BY BINH XUYEN WHILE FRENCH SAY OTHERWISE. SECRETARY HIMSELF HAD HAD DOUBTS THAT DIEM COULD SURVIVE. IT WAS QUESTIONABLE WHETHER ARMY WAS LOYAL TO HIM AND HE DID NOT CONTROL THE NATIONAL POLICE. LOYALTY OF FRENCH GOVT ITSELF IN SUPPORT OF DIEM WAS NOT QUESTIONED BUT THERE WERE DIFFICULTIES FROM OTHER SOURCES SUCH AS RADIO FRANCAISE-ASIE. US DOES NOT AGREE WITH FRENCH OPINION OF DIEM. IF HE HAD BEEN A NON-ENTITY HE WOULD HAVE COLLAPSED BUT HE DID NOT. HE SHOWED SO MUCH ABILITY THAT US FAILS TO SEE HOW HE CAN BE GOT RID OF NOW. IT IS ASSUMED THAT FRANCE WOULD NOT WISH TO DO SO BY FORCE.

DIEM IS STRONGER NOW THAN WHEN BAO DAI FIRST WITHDREW HIS POWERS. WORST ASPECT IS THAT PROBLEM INVOLVES DIFFERENCE OF OPINION BETWEEN FRANCE AND US. VIETNAM IS NOT WORTH QUARREL WITH FRANCE. COMMON INTERESTS ARE TOO GREAT TO BE JEOPARDIZED BY DIFFERENCE OF OPINION ON VIETNAM. SECRETARY AGREED WITH FRENCH STATEMENT THAT IT MUST NOT AFFECT FRANCO-US RELATIONS IN OTHER AREAS. IF IT WOULD SOLVE PROBLEM, US WOULD WITHDRAW AND DROP ITS SUPPORT OF VIETNAM. FRANCO-US DIFFERENCES MUST BE RESOLVED NOW FOR SECRETARY DID NOT BELIEVE THAT US CONGRESS WOULD CONTINUE WITH ITS PRESENT AID PROGRAM OTHERWISE. SUBSTANTIAL SUMS OF 4 TO 5 HUNDRED MILLION DOLLARS ARE INVOLVED.

CHOICE OPEN TO US IS TO HAVE DIEM SUPPORTED OR TO WITHDRAW. IT IS GRAVE PROBLEM WHICH THE SECRETARY WOULD LIKE TO THINK ABOUT OVERNIGHT. FRENCH SUGGESTIONS ARE SERIOUS AND MUST BE WEIGHED CAREFULLY. ADVICE AND COUNSEL ARE NEEDED. US INTEREST IN VIETNAM IS SIMPLY TO WITHHOLD AREA FROM COMMUNISTS. US WILL GIVE CONSIDERATION TO ANY SUGGESTION FRENCH MAKE BUT MUST WARN THAT US FINANCIAL SUPPORT MAY NOT BE EXPECTED TO ANY SOLUTION WHICH SECRETARY CAN THINK OF AS ALTERNATIVE TO DIEM. QUESTION MUST BE TAKEN UP AGAIN TOMORROW.

MACMILLAN STATED THAT BRITISH INTERESTS IN VIETNAM WERE MORE INDIRECT BUT NONETHELESS VITAL BECAUSE (1) INTEREST IN AREA ITSELF AND (2) INTEREST IN COMMUNIST THREAT FROM ANY AREA IN WORLD. IT WOULD BE GRAVE ERROR TO REACH DECISION THAT EVENING. FOREIGN MINISTERS ARE TO BE IN PARIS SEVERAL DAYS AND SHOULD LOOK INTO MATTER AGAIN. EVENTS MIGHT OVERTAKE OUR DECISIONS. ACCURATE REVIEW OF

1G

-3- SECTO 8, MAY 8, 5 PM, (SECTION THREE OF THREE), FROM PARIS

WHAT HAS BEEN SAID SHOULD BE UNDERTAKEN AND EFFORT TO ASCERTAIN FACTS SHOULD BE MADE BY ALL SIDES. IT IS IMPORTANT THAT NOTHING BE RELEASED OF WHAT HAD BEEN DISCUSSED DURING MEETING AS LEAK WOULD BE CALAMITOUS. BELIEVE EFFORTS SHOULD BE MADE BY ALL TO THINK SERIOUSLY OF WHAT HAS BEEN SAID AND KEEP CONTENTS ABSOLUTELY SECRET.

FAURE AGREED WITH MACMILLAN, STATING THAT HE HAD NEVER EXPECTED DECISION THAT EVENING. EXPERTS SHOULD GET DOWN TO WORK IMMEDIATELY AND PREPARE FOR DECISIONS AS EVENTS ARE CHANGING HOURLY.

MEETING CLOSED WITH GENERAL DISCUSSION CONCERNING SCHEDULE FOR FURTHER TALKS ON INDOCHINA AND FORTHCOMING VISIT OF FOREIGN MINISTERS TO VIENNA.

A DISCUSSION ENSUED CONCERNING TEXT OF COMMUNIQUE. SECRETARY REJECTED PROPOSAL OF MEETING OF EXPERTS BEFORE NEXT DISCUSSIONS ON INDOCHINA BY FOREIGN MINISTERS NOW SCHEDULED FOR MAY 10.

DULLES

AB/32

JOINT ACTION PROGRAM PROPOSED BY THE
VIET NAM - UNITED STATES SPECIAL FINANCIAL GROUPS

TO

President Ngo Dinh Diem — President John F. Kennedy

The Viet Nam and United States Special Financial Groups charged with considering the means of further cooperation between their two countries for mutually shared purposes have the honor to propose to their respective governments the attached joint program of action.

Viet Nam is today under attack in a bitter, total struggle which involves its survival as a free nation. Its enemy, the Viet Cong, is ruthless, resourceful, and elusive. This enemy is supplied, reinforced, and centrally directed by the international Communist apparatus operating through Hanoi. To defeat it requires the mobilization of the entire economic, military psychological, and social resources of the country and vigorous support from the United States.

The long-term economic future of Viet Nam is bright. In fact, the promising start already made toward improvement in the living conditions of its people appears to be one of the factors which precipitated the recent intensification of Communist pressure. The contrast between the achievements of recent years in South Viet Nam and the hardships and failure in Communist North Viet Nam was becoming too glaring. Given the means to throw back the Communist attack and to resume its march of economic, social, and political

2A

progress, Viet Nam can be an example in Southeast Asia for the progressive potentialities of men who are determined to remain free. We strongly urge that our two governments make this the purpose of their continued cooperation.

At the moment, however, the primary problem is the restoration of internal security in the face of tough, widespread, externally aided Communist guerrilla warfare and subversion. To meet this problem requires stepped-up military and policing action. But the problem is more than a military problem. Its solution also demands stepped-up economic and social action, especially in rural areas, closely integrated with the military action. For example, one of the more promising counter-guerrilla methods tried up to this time involves regrouping scattered rural populations into more readily defensible communities so designed and assisted as also to offer improved opportunities for livelihood.

Recognizing this close interdependence of the military and the economic-social problems, we have based our recommendations on the following three central considerations:

1. The military-internal security requirements must for the time being have first call on Viet Nam's manpower and economic resources and on U.S. assistance. This is a short-term but essential requirement.

2. At the same time, the degree to which the military-internal security operations achieve lasting success will, in large measure, depend on the speed and effectiveness with which the recommended emergency economic and social programs are applied.

3. The ultimate objective of these economic and social programs and of the longer-range development planning which we also recommend is to hasten the day when Viet Nam will be a self-sustaining economy and a peaceful, free

2B

society. This is desired by the Vietnamese, who want to be independent in the fullest sense, and by the Americans, who conceive their aid as helping people to help themselves toward a condition where they can continue to progress by their own efforts.

The recommendations which our two groups, working jointly together, have thus prepared call for major increases in the level of effort of both Viet Nam and the United States.

These increases reflect our sincere conviction that the subversive, intensive warfare being waged today in South Viet Nam can be brought to a successful conclusion only by the prompt application of effective military power, coupled with large-scale economic and social action reaching every part of the country, especially the rural areas. From the financial standpoint, we believe it far less costly to provide fully adequate resources today than to attempt to match Communist initiatives with just enough strength to meet each new threat. The first course offers a real possibility of early victory and thus an end to the tragic waste of human life and of the material assets so sorely needed for the economic development of the country. The second, while less costly in terms of current budgets, will not provide sufficient resources to achieve a decisive defeat of the Viet Cong organization and therefore will, in the long run, prove more expensive as the war drags on with increased intensity year after year.

Accordingly, the intensified program which we recommend our two countries adopt as a basis for mutual actions over the next several years

2C

is designed not just to hold the line but to achieve a real breakthrough. Our joint efforts must surpass the critical threshold of the enemy's resistance, thereby putting an end to his destructive attacks, and at the same time we must make a decisive impact on the economic, social, and ideological front.

Respectfully,

Viet Nam Special Financial Group

Vu Quoc Thuc, Chairman

Duong Tan Tai

Dinh Quang Chieu

Huynh Van Diem

Luu Van Tinh

Buu Hoan

U.S. Special Financial Group

Eugene Staley

Eugene Staley, Chairman

Colonel Edwin F. Black

William W. Diehl

Paul F. Geren

Herman Kleine

Warren A. Silver

Danh sách 18 thân hào, nhân sĩ ký bản "Tuyên Ngôn Caravelle" tháng 4, 1960

1. TRAN VAN VAN, Diploma of Higher Commercial Studies, former Minister of Economy and Planning
2. PHAN KHAC SUU, Agricultural Engineer, former Minister of Agriculture, former Minister of Labor
3. TRAN VAN HUONG, Professor of Secondary Education, former Prefect of Saigon-Cholon
4. NGUYEN LUU VIEN, M.D., former Professor at the Medical School, former High Commissioner of Refugees
5. HUYNH-KIM HUU, M.D., former Minister of Public Health
6. PHAN HUY QUAT, M.D., former Minister of National Education, former Minister of Defense
7. TRAN VAN LY, former Governor of Central Viet-Nam
8. NGUYEN TIEN HY, M.D.
9. TRAN VAN DO, M.D., former Minister of Foreign Affairs, Chairman of Vietnamese Delegation to the 1954 Geneva Conference
10. LE NGOC CHAN, Attorney at Law, former Secretary of State for National Defense
11. LE QUANG LUAT, Attorney at Law, former Government Delegate for North Viet-Nam, former Minister of Information and Propaganda
12. LUONG TRONG TUONG, Public Works Engineer, former Secretary of State for National Economy
13. NGUYEN TANG NGUYEN, M.D., former Minister of Labor and Youth
14. PHAM HUU CHUONG, M.D., former Minister of Public Health and Social Action
15. TRAN VAN TUYEN, Attorney at Law, former Secretary of State for Information and Propaganda
16. TA CHUONG PHUNG, former Provincial Governor for Binh-Dinh
17. TRAN LE CHAT, Laureate of the Triennial Mandarin Competition of 1903
18. HO VAN VUI, Reverend, former Parish Priest of Saigon, at present Parish Priest of Tha-La, Province of Tay-Ninh

4

INCOMING TELEGRAM DEPARTMENT OF STATE

CORRECTION ISSUED:
10/17/60 6:30 AM VS
Control: 8208
Rec'd: October 15, 1960
6:23 AM

FROM: SAIGON - CORRECTED PAGE 1

TO: SECRETARY OF STATE

NO: 802, OCTOBER 15, 6 AM

SENT DEPARTMENT 802. REPEATED INFORMATION CINCPAC POLAD 122

LIMIT DISTRIBUTION

DEPTEL 581

DIEM RECEIVED ME ON 14TH FOR HOUR AND FIFTEEN MINUTES WHICH PERMITTED ME OUTLINE NEW PROPOSALS TRAIN CIVIL GUARD AND HAVE FRANK DISCUSSION RE SUGGESTED STEPS TO AMELIORATE DETERIORATING POLITICAL SITUATION.

AFTER OUTLINING NEW PROPOSALS FOR CIVIL GUARD, WHICH PLEASED HIM VERY MUCH (REPORTED IN SEPARATE TELEGRAM), IN WHICH THUAN TOOK PART, I SUGGESTED TO PRESIDENT THAT I WOULD LIKE TO HAVE OPPORTUNITY TO TALK WITH HIM ALONE. THUAN LEFT. I THEN READ COPY, CONTAINING SUGGESTIONS AGREED TO BY DEPARTMENT IN REPTEL (ENGLISH TEXT BY POUCH). /BEFORE READING TEXT I STATED THAT ON OCTOBER 23 I HAD BEEN IN VIETNAM FOR THREE AND ONE HALF YEARS, HAD FOUND MY ASSIGNMENT EDIFYING, INTERESTING, AND MOST WORTHWHILE. I MENTIONED SOLID AND WORTHWHILE PROGRESS I HAD NOTED IN COUNTRY SINCE 1957 AND CONGRATULATED PRESIDENT ON HIS MANY FINE ACCOMPLISHMENTS. I THEN STATED THAT SINCE I ADMIRED HIS COURAGE AND DETERMINATION I PERSONALLY DESIRED TO DO ALL I COULD TO HELP HIM, PARTICULARLY IN THESE TRYING TIMES. I ADDED I PERSONALLY, AND OTHER FRIENDS OF HIS HERE AS WELL AS THOSE IN WASHINGTON, HAVE BEEN GIVING MUCH THOUGHT ABOUT HOW WE MIGHT BE HELPFUL TO HIM. RESULTS OF OUR THINKING LED TO CONCLUSION THAT WE COULD BE MOST HELPFUL IF WE SHOULD MAKE SEVERAL SUGGESTIONS WHICH I COULD PUT TO HIM IN A FRANK MANNER AS A FRIEND. I THEN READ THE PAPER./

DIEM LISTENED INTENTLY AND MADE NO COMMENTS WHILE I WAS READING EXCEPT TO REMARK AFTER I HAD SUGGESTED HE MIGHT GET RID OF MINISTERS WHO HAD NOT CARRIED OUT THEIR RESPONSIBILITIES, BY SAYING HARDEST THING TO DO IS TO GET QUALIFIED PERSONS WHO WILL TAKE RESPONSIBILITIES.

WHEN I FINISHED READING PRESIDENT STATED THAT MOST OF SUGGESTIONS I HAD MADE CONFORMED TO HIS BASIC IDEAS, BUT ADDED AS MUCH AS HE WOULD LIKE TO PUT THESE INTO EFFECT, STEPPED-UP ACTIVITIES OF THE VIET CONG MADE IT MOST DIFFICULT. HE ADDED THAT MANY PEOPLE HAVE BEEN INTIMIDATED BY VIET CONG AND SOME HAD BEEN WON OVER SO THAT IT WOULD BE DIFFICULT TO CARRY OUT SOME OF STEPS REGARDING COUNTRYSIDE. I REPLIED WHILE I REALIZED DIFFICULTIES I WAS FIRMLY CONVINCED AFTER MOST CAREFUL CONSIDERATION THAT IT ESSENTIAL NOW TO TAKE MANY IF NOT ALL OF THESE SUGGESTED STEPS ON A

CALCULATED-RISK BASIS IN ORDER TO CREATE THE PSYCHOLOGICAL SHOCK WHICH I BELIEVED ESSENTIAL AT THIS TIME. PRESIDENT MADE NO FURTHER COMMENT EXCEPT TO TELL ME THAT HE WOULD CONSIDER THE SUGGESTIONS I HAD GIVEN HIM.

I THEN AGAIN BEGGED HIS INDULGENCE AND ASKED IF I COULD BRING UP A MOST SENSITIVE AND DELICATE MATTER WHICH I FELT IN HIS INTEREST AND IN INTEREST OF VIETNAM I SHOULD DISCUSS VERY FRANKLY. FROM NOTES IN FRENCH WHICH I READ BUT DID NOT LEAVE WITH HIM, (COPY BY POUCH), I DISCUSSED GROWING CRITICISM OF HIS BROTHER AND MADAM NHU, AS WELL AS DR. BUYEN AND SUGGESTED THAT THEY SHOULD BE ASSIGNED ABROAD. DIEM DID NOT INTERRUPT ME BUT ASSUMED SOMEWHAT GRIM, AND I DETECTED SLIGHTLY HURT MANNER. HIS ONLY COMMENT WAS THAT THESE RUMORS ABOUT THE NHUS WERE SPREAD BY COMMUNISTS. I REPLIED THAT I WAS SURE THAT COMMUNISTS WERE DOING ALL THEY COULD TO SPREAD SUCH RUMORS BUT I REPEATED THAT THE UNFORTUNATE PART ABOUT IT IS THAT MORE AND MORE PEOPLE ARE BELIEVING THESE REPORTS--VIETNAMESE LOYAL TO HIM, THOSE WHO MIGHT BE CONSIDERED IN THE OPPOSITION, FOREIGN CIVILIANS AND FOREIGN DIPLOMATS TO SAY NOTHING TO THE PRESS. I REPEATED, AS I HAD PREVIOUSLY, THESE REPORTS WERE SERIOUSLY DAMAGING PRESTIGE OF HIS REGIME.

AFTER DISCUSSING THE NHUS, I AGAIN APOLOGIZED, FIRST OF ALL FOR BRINGING UP THIS PERSONAL AND SENSITIVE SUBJECT, AS WELL AS THE OTHER SUGGESTIONS I HAD MADE. I AGAIN ASKED HIS INDULGENCE AND FORGIVENESS FOR SPEAKING SO FRANKLY AND ADDED I HOPED HE WOULD UNDERSTAND THAT I WAS TALKING AS A SINCERE FRIEND.

COMMENT: CONSIDERING THE FAIRLY FRANK CRITICISM I MADE OF HIS REGIME AND FAMILY, DIEM OUTWARDLY SHOWED NO REAL RESENTMENT. AFTER I APOLOGIZED FOR BRINGING UP THE NHU QUESTION, DIEM REMAINED SILENT FOR A BIT AND THEN WE DISCUSSED LAO DEVELOPMENTS IN A MATTER-OF-FACT REALISTIC WAY. I SAID I WAS SURE THAT PARSONS WOULD FILL HIM IN REGARDING LATEST LAO DEVELOPMENTS WHEN HE IS HERE ON 18TH. I THEN REITERATED MY CLOSING APOLOGETIC COMMENTS ON THE NHU QUESTION AND TOOK MY LEAVE, WHICH WAS QUITE CORDIAL.

DURBROW

4B

[redacted]

ENGLISH TEXT OF MEMORANDUM HANDED TO PRESIDENT DIEM

Mr. President, in your struggle for survival against the Viet Cong, you have taken many wise steps with respect to the security forces of the Goverment, and I understand that you are in the process of setting up a national Internal Security Council and a centralized intelligence agency as important and necessary additional steps toward giving effective guidance to and making maximum use of the security forces. We have recognized the increased security threat to your Government and the additional needs of your security forces. We have shown this recognition by the comprehensive program for training, equipping and arming the Civil Guard which I have just explained, by our furnishing special forces personnel for the anti-guerrilla training of ARVN and by supplying the special equipment needs of ARVN for the war against the guerrillas.

Our serious concern about the present situation is based, however, not only on the security threat posed by the Viet Cong, but also on what to us seems to be a decline in the popular political support of your Government brought on in part, of course, by Viet Cong intimidation. As your friend and supporter, Mr. President, I would like to have a frank and friendly talk with you on what seems to be the serious political situation confronting your Government. While I am aware that the matters I am raising deal primarily with internal affairs and, therefore, in ordinary circumstances would be no concern of mine, I would like to be as helpful as I can by giving you the considered judgment of myself and some of my friends and your friends in Washington on what we hope would be appropriate measures to assist you in this present crucial situation.

I believe that your speech to the National Assembly on October 3, in which you stated that your Government has decided to reorganize certain of its institutions and to rationalize and simplify its working methods, indicates that we may be thinking to some extent at least along the same lines.

I would like particularly to stress the desirability of actions to broaden and increase your popular support prior to the 1961 Presidential elections. It would seem to me that some sort of a psychological shock effect would be helpful in order to take the initiative from the Communist propagandists as well as the non-Communist oppositionists, and to convince the population that your Government is taking effective political as well as security measures to deal with the present situation. It would appear that, unless fully effective steps are taken to reverse the present adverse political trend, your Government will face an increasingly difficult internal security situation. It is our carefully consider view that small or gradual moves are not adequate. To attain the desired effect, moves, major in scope and with extensive popular appeal, should be taken at once. Specific actions which we would suggest are as follows:

4C

(1) We suggest that you consider Cabinet changes as a necessary part of the effective moves needed to build up popular interest and support. One Cabinet change that we believe would be helpful would be the appointment of a full-time Minister of National Defense in order to permit you to devote your attention to developing over-all policies. To achieve maximum benefit it is suggested that you issue firm directives to assure that there is adherence to channels of command both up and down and that firm action be taken to eliminate any feeling that favoritism and political considerations enter into the promotion and assignment of personnel in the armed forces. Removal of this latter feeling is of great importance if the morale of the armed forces is not to be adversely affected during their mortal struggle against the Viet Cong.

We suggest that one or two members of the non-Communist opposition be given Cabinet posts in order to demonstrate to the people your desire for the establishment of national unity in the fight against the Viet Cong, and to weaken the criticisms of the opposition which have attracted considerable attention both in Saigon and abroad.

(2) In rationalizing and simplifying the Government's methods of work, we suggest you seek to find new methods to encourage your Cabinet Members to assume more responsibility rather than frequently submitting relatively minor matters to the Presidency for decision, thus allowing you more time to deal with basic policy matters, that the new national Internal Security Council be so constituted as to be the top level policy-making institution by having it meet frequently under your chairmanship for full discussion of all the major problems confronting the Government and proposed solutions thereto; and that of authority from you in direct line to the department and agency heads properly concerned. Under this system Cabinet Ministers and agency heads can be held fully responsible for the operation of their departments and agencies, because of the full authority you have bestowed upon them. If a Cabinet Minister cannot fulfill his responsibilities under this system, we would then suggest that you replace him.

(3) We would suggest that you consider altering the nature of the Can Iao Party from its present secret character to that of a normal political party which operates publicly, or even consider disbanding it. If the first alternative is adopted, various methods of convincing the population that the action has been taken might be used, such as party publication of a list of its members. The purpose of this action would be to eliminate the atmosphere of secrecy and fear and reduce the public suspicion of favoritism and corruption, which the Can Iao Party's secret status has fostered according to many reports we have heard in and out of the Government.

4D

(4) We suggest that the National Assembly be authorized to investigate any department or agency of the Government. The Assembly should be authorized to conduct its investigations through public hearings and to publish the findings. This investigative authority for the Assembly would have a threefold purpose: (a) to find some mechanism for dispelling through public investigation the persistent rumors about the Government and its personalities, (b) to provide the people with an avenue of recourse against arbitrary action by certain Government officials; and (c) to assuage some of the non-Communist opposition to the Government.

We further suggest that the National Assembly be asked to establish requirements for the behavior of public servants.

We also suggest that the National Assembly be encouraged to take more legislative initiative through the introduction of bills sponsored by individual Deputies or groups of Deputies, as well as to broaden area of public debate on all bills, whether Government-sponsored or introduced on a Deputy's initiative.

(5) We suggest that you issue a decree that you may require every public official to make a declaration, for possible publication, listing his property and sources of income.

(6) We suggest that you announce that, if the press will take a responsible role in policing itself, the controls exercised over it by the Government would be relaxed. In this connection you might wish to consider the appointment of a committee, including representatives of the press and some members of the opposition, to draft a press code which the press would police. Within the framework of such a code the press could be a means of disseminating facts in order to reduce rumor-mongering against the Government, malicious or not, much of which stems from lack of information.

Providing timely and more ample information would also help to reduce anti-Government rumors. Means to accomplish this include press conferences for the press to meet responsible members of the Government, and [illegible] transmitted to the people by radio, sound-film, tape recordings, and through the press. The more these media are encouraged to reach the provinces, the more effective will they be in bringing the people closer to your Government by providing a means of transmitting ideas from one to the other.

(7) We would like to suggest that you liberalize arrangements for Vietnamese wishing to study abroad, and for this purpose make more foreign exchange available.

We also suggest that you ease restrictions on the entry into and departure from Viet-Nam of Vietnamese nationals, in order to encourage Vietnamese will

4E

trained abroad to return and make their contribution to the development of their country.

(8) We suggest that you consider some appropriate means by which villages could elect at least some of their own officials. Such elections at the village level would be a means of associating the population with the Government and of eliminating arbitrary actions by local government officials by demonstrating to them that they will periodically be judged at the polls.

(9) We suggest prompt adoption of the following measures for the enhancement of the Government's support in rural areas:

(a) Take action which will result in an increase in the price which peasants actually will receive for paddy before the new harvest.

(b) Liberalize the terms of credit extended to the small rice farmers.

(c) Continue to expand expenditures for agricultural development and diversification, particularly in the Mekong Delta area.

(d) Institute a system of modest Government payment for all community development labor whether on agrovilles or on other Government projects.

(e) Institute a system of limited subsidies to the inhabitants of agrovilles during the period of their readjustment. While the GVN allowances are not completely comparable, the subsidies helped to bridge the period of adjustment for the settlers in the High Plateau. This should help to develop a favorable popular attitude toward the agrovilles by covering some of the expenses incurred in moving to and getting settled in the agrovilles.

(f) Give appropriate and adequate compensation to the 2000 village health workers. These workers can serve as an important arm of the Government in establishing friendly relations with villagers.

(g) Increase compensation paid to the Self Guard Youth.

(10) We suggest that as many of the steps recommended above as possible be announced dramatically to the public in your message to the people on October 26. We would envisage this message as a ringing effort to obtain the support of all non-Communist elements for your Government and to create national unity to win the fight against the Viet Cong.

5

OFFICE OF THE SECRETARY OF DEFENSE
WASHINGTON 25, D.C.

NOV 11 1960

MEMORANDUM FOR SECRETARY GATES

From: Brig Gen Lansdale, OSO/OSD

Subject: Vietnam

With the news that President Diem has put down the revolt in Saigon and is rapidly re-establishing his authority, it would be useful to give some thought to what comes next. Here are some initial personal thoughts which might be of help in considering the situation.

The revolt undoubtedly has taught a lesson to Diem. He might well read this lesson as teaching him to mistrust large segments of the armed forces and, possibly, the utility of the way MAAG advisors are placed with Vietnamese units. After all, officers and men in the revolt were quite close to the American military. Thus, it is possible that he will tend to take even closer personal command of the armed forces and do some shaking up by his own personal direction. If so, then this will make General McGarr's role with President Diem of vital importance to the United States. It would be useful to get State's agreement to free General McGarr to confer with President Diem as closely and as continuously as necessary, under only broad guidance to attain U.S. objectives, without the Ambassador insisting upon McGarr checking with him every five minutes.

Of course, the lesson we would like him to learn is that he should change some of his ways, since some of his people felt strongly enough about it to take up arms against him. This is normally a task for the Ambassador, when it comes to conveying U.S. views on such delicate internal matters to a Chief of State. However, it is most doubtful that Ambassador Durbrow has any personal stature remaining. Diem must feel that Durbrow sided with the revolters emotionally. Perhaps he even feels that Durbrow's remarks over the months helped incite the revolt. Thus, it would be useful to get Durbrow out of Saigon. A graceful way would be to have him come home to report.

1329

6

15 November 1960

MEMORANDUM FOR DEPUTY SECRETARY DOUGLAS

From: Brig Gen Lansdale, OSO/OSD

Subject: Vietnam

In determining U.S. policy towards Vietnam in the immediate future, you might find the following personal observations of help:

President Ngo Diah Diem will have the 1954 coup attempt of General Hinh in mind as he deals with the leaders of the 1960 coup attempt and receives U.S. advice about punishment. In 1954, Diem was persuaded to let Hinh and his key officers leave the country unpunished. A few weeks later, they were instigating a revolt by the sect forces against Diem which led to considerable bloodshed in March and April 1955. President Diem always felt that a little more firmness with a few individuals would have cooled many of the hot-heads who later listed to Hinh.

The 1954 and 1960 events have enough similarities to make the 1954 lesson fresh in his mind. Both coup attempts were in November. The military leader of each claimed inspiration from Nasser of Egypt and had rather close ties with former chief of state Bao Dai. Both had imprecise programs of political aims, stated as generalized ideals which sounded as phoney as a $3-bill to the people they hoped would rally to their cause, but which coincided with a French analysis of the desires of the U.S. Ambassador and his political staff. Both were certain that Army units wouldn't act against them; both woeed the sect organizations and the same political parties; both seem to share the same friends and acquaintances in France and Cambodia.

The actions of the U.S. Ambassador undoubtedly have deepened President Diem's suspicions of his motivations. Diem cannot help but wonder at U.S. objectives as voiced by such a

6A

spokesman. At the most critical moment of the coup attempt, the U.S. Ambassador urged Diem to give in to rebel demands to avoid bloodshed. Earlier, he had urged others to urge Diem to compromise with the rebels. The most charitable view that Diem could take would be that our Ambassador is a badly-informed man, but he would also then believe that the Ambassador has been far too prone to listen to the wrong people in Vietnam, people who are Diem's enemies.

Actually, Ambassador Durbrow is not entirely to blame for these blunders. The invitation to engage in this badly-timed and demoralizing meddling in Vietnam's affairs was given the Ambassador by the Southeast Asia desk staff in State message 775. This action, on top of many others which seem to have weakened both the U.S. position and the cause of freedom in Southeast Asia in the immediate past, should make us note that advice and actions of this staff carry definite hazards to the security of the U.S. Their advice and instructions on the next events in Vietnam deserve the most careful scrutiny and evaluation, particularly by Defense whose resources are called upon so heavily to carry out U.S. policy in this area. The long-known strategic value of Southeast Asia places a premium upon our military participation.

Finally, it appears that General McGarr, the MAAG Chief, came through this test of U.S. influence very well. Both the rebel forces and the loyal forces turned to him for counsel. He seems to have handled them with complete honesty and objectivity which will increase his potential for influencing the Vietnamese military in the future. This is a factor which should carry its proper weight in future considerations of our actions in Vietnam. Also, it should be borne in mind that this will subject General McGarr to considerable vindictive attack by the Vietminh and by those jealous of his increased prestige.

These observations are prompted by the fact that it is critical that U.S. plicy makers have some deeper understanding of people and events in Vietnam, if we are to keep Southeast Asia free. It is our key piece in the area and must be handled correctly.

Although this memo deals with a most sensitive subject, you may wish to show it to General Lemnitzer and Assistant Secretary Irwin who also are concerned with this problem.

PHỤ LỤC
E

CHƯƠNG 15 - CHƯƠNG 16

1. Huấn lệnh NSC 52 (11/5/1961) chấp nhận "Một Chương trình Hành Động để ngăn chận Cộng sản thôn tính Miền Nam."
2. Vấn đề "Mang Quân đội Tác chiến vào Việt Nam": Bản Ghi Nhớ (ngày 18/5/1961) của Chuẩn Tướng Landsdale (có ghi "TT Diệm chỉ muốn quân đội tác chiến Mỹ (hay SEATO) vào trong trường hợp Miền Nam bị tấn công rõ ràng").
3. Huấn lệnh NSC # 56 (18/6/1961): TT Kennedy chỉ thị kiểm điểm toàn bộ những phương tiện chống chiến tranh du kích, nổi dậy.
4. Ý kiến luật sư (26/10/1961) về việc mang quân vào Việt Nam có vi phạm Hiệp định Geneva hay không?
5. Điện tín Tướng Maxwell Taylor từ Sài Gòn và Baguio/Phi Luật Tân (sau chuyến đi Việt Nam bắt đầu từ cuối tháng 9, 1961) gửi TT Kennedy (đề nghị nên nối kết việc mang quân vào Miền Nam với nhu cầu cứu trợ lũ lụt ở đồng bằng Cửu Long).
6. Báo cáo McNamara - Taylor (ngày 2/10/1961) gửi TT Kennedy đề nghị những biện pháp yểm trợ (cùng với khuyến cáo việc cắt tài trợ cho lực lượng Đại Tá Tung (lực lượng bảo vệ Tổng Thống) nếu TT Diệm không đặt những đơn vị này dưới quyền điều khiển của Bộ Tổng Tham Mưu và thuyên chuyển họ ra chiến trường).
7. Bản Ghi Nhớ của Bộ Trưởng QP McNamara (ngày 8/11/1961) gửi TT Kennedy ủng hộ đề nghị của Tướng Taylor là mang quân vào Việt Nam ("tối đa không quá 6 sư đoàn hay 205,000 người").

[Hai thư của TT Kennedy gửi TT Diệm ngày 24/10/1961 và 14/12/1961 (xem Phụ Lục A)]

1

OFF SECY OF DEFENSE

THE WHITE HOUSE
WASHINGTON

May 11, 1961

Bkg. Gilpatric

NATIONAL SECURITY ACTION MEMORANDUM NO. 52

TO: The Secretary of State

The President today reviewed the report of the Vietnam Task Force, entitled "Program of Action to Prevent Communist Domination of South Vietnam." Subject to amendments or revisions which he may wish to make after providing opportunity for a further discussion at the next meeting of the National Security Council, now scheduled for May 19, the President has made the following decisions on the basis of this report:

1. The U. S. objectives and concept of operations stated in the report are approved: to prevent Communist domination of South Vietnam; to create in that country a viable and increasingly democratic society, and to initiate, on an accelerated basis, a series of mutually supporting actions of a military, political, economic, psychological and covert character designed to achieve this objective.

2. The approval given for specific military actions by the President at the National Security Council meeting on April 29, 1961, is confirmed.

3. Additional actions listed at pages 4 and 5 of the Task Force Report are authorized, with the objective of meeting the increased security threat resulting from the new situation along the frontier between Laos and Vietnam. In particular, the President directs an assessment of the military utility of a further increase in G. V. N. forces from 170,000 to 200,000, together with an assessment of the parallel political and fiscal implications.

4. The President directs full examination by the Defense Department, under the guidance of the Director of the continuing Task Force on Vietnam, of the size and composition of forces which would be desirable in the case of a possible commitment of U. S. forces to Vietnam. The diplomatic setting within which this action might be taken should also be examined.

136

1A

5. The U. S. will seek to increase the confidence of President Diem and his government in the United States by a series of actions and messages relating to the trip of Vice President Johnson. The U. S. will attempt to strengthen President Diem's popular support within Vietnam by reappraisal and negotiation, under the direction of Ambassador Nolting. Ambassador Nolting is also requested to recommend any necessary reorganization of the Country Team for these purposes.

6. The U. S. will negotiate in appropriate ways to improve Vietnam's relationship with other countries, especially Cambodia, and its standing in world opinion.

7. The Ambassador is authorized to begin negotiations looking toward a new bilateral arrangement with Vietnam, but no firm commitment will be made to such an arrangement without further review by the President.

8. The U. S. will undertake economic programs in Vietnam with a view to both short term immediate impact and a contribution to the longer range economic viability of the country, and the specific actions proposed on pages 12 and 13 of the Task Force Report are authorized.

9. The U. S. will strengthen its efforts in the psychological field as recommended on pages 14 and 15 of the Task Force Report.

10. The program for covert actions outlined on page 15 of the Task Force Report is approved.

11. These decisions will be supported by appropriate budgetary action, but the President reserves judgment on the levels of funding proposed on pages 15 and 16 of the Task Force Report and in the funding annex.

12. Finally, the President approves the continuation of a special Task Force on Vietnam, established in and directed by the Department of State under Sterling J. Cottrell as Director, and Chalmers B. Wood as Executive Officer.

McGeorge Bundy

Information copies to:
Defense
CIA
USIA
Treasury

137

SECY OF DEFE OFFICE OF THE SECRETARY OF DEFENSE
WASHINGTON 25, D. C.

May 18, 1961

MEMORANDUM FOR DEPUTY SECRETARY GILPATRIC

From: Brig. Gen. Lansdale Ed

Subject: U.S. Combat Forces for Vietnam

The following sums up the information made available to me on the possible deployment of U.S. combat forces in Vietnam.

Use:

On 10 May, the JCS recommended that President Diem be encouraged to request that the U.S. fulfill its SEATO obligation, in view of the new threat imposed by the Laotian situation, by the immediate deployment of appropriate U.S. forces to South Vietnam. Details of size and composition of suitable forces were awaiting the views of CINCPAC and CHMAAG.

On 12 May, this subject was discussed by President Diem and Vice President Johnson in Saigon. Ambassador Nolting reported this discussion, noting that President Diem would desire U.S. (or SEATO) combat forces only in case of overt aggression. The introduction of foreign combat forces would contravene and signify the end of the Geneva accord. (General Williams, former MAAG Chief, agrees that this is in line with previous thinking by President Diem.)

Ambassador Nolting added that President Diem would welcome as many U.S. military personnel as needed for training and advising Vietnamese forces. General McGarr, Chief of MAAG who was present at this discussion also, reported that while President Diem would not want U.S. combat forces for the purpose of fighting Communists in South Vietnam, he would accept deployment of U.S. combat forces as trainers for the Vietnamese forces at any time.

2A

Size and composition:

There has been considerable study of the size and composition of U.S. combat forces for possible deployment to Vietnam. The latest I have seen were CINCPAC's tentative views, after refinement. A U.S. Army infantry division to the High Plateau region, reinforced with Army Aviation, Engineers, Artillery, etc. The Seventh Fleet would relieve the Vietnamese need for readiness to resist large scale invasion by sea. A minimum number of U. S. Navy patrol craft to help develop and train the Vietnamese Junk Forces, while initially supplementing the efforts. The air effort would be based near Saigon, with eight B57's (later relieved by F100 squadron) for border surveillance, four F102's for possible air defense, two or three TAC recce aircraft, and provisional C47 squadron.

Location:

Much of the thinking has been on stationing U.S. combat forces in the High Plateau, where they would be well located in relation to borders vulnerable to overt Communist aggression. However, General Williams has written a brief memo for me, recommending such U.S. forces be stationed on the coast, at Da Nang (Tourane), Nha Trang, and Phan Thiet, where sea, road, rail, and air facilities would permit further deployment as necessary in a contingency.

Any of the above locations would permit the relief of Vietnamese forces for training or operations against the Viet Cong. Also, any of the above locations have good areas for training of Vietnamese forces, if this were to be a mission of the U.S. forces.

Recommendations:

Since the deployment of U.S. combat forces in Vietnam is predicated on the request for them by the Government of Vietnam, since this request hasn't been made yet, and since President Diem is sending Nguyen Dinh Thuan (Secretary of Security, Defense, Interior, etc.) to Washington next week to bring us Vietnam's "definitive military needs," it is recommended that you explore this subject with Secretary Thuan towards getting a precise definition of the use of U.S. forces in Vietnam. With concrete information, you will then have a firm position for further decisions.

cc: Secretary McNamara
General Lemnitzer
Assistant Secretary Nitze

1961 JUN 29 16 53

OFF SECY OF DEFENSE

THE WHITE HOUSE
WASHINGTON

June 28, 1961

NATIONAL SECURITY ACTION MEMORANDUM NO. 56

TO: The Secretary of Defense

SUBJECT: Evaluation of Paramilitary Requirements

The President has approved the following paragraph:

> "It is important that we anticipate now our possible future requirements in the field of unconventional warfare and paramilitary operations. A first step would be to inventory the paramilitary assets we have in the United States Armed Forces, consider various areas in the world where the implementation of our policy may require indigenous paramilitary forces, and thus arrive at a determination of the goals which we should set in this field. Having determined the assets and the possible requirements, it would then become a matter of developing a plan to meet the deficit."

The President requests that the Secretary of Defense, in coordination with the Department of State and the CIA, make such an estimate of requirements and recommend ways and means to meet these requirements.

McGeorge Bundy

cc: Secretary of State
Director, CIA
General Maxwell D. Taylor

(SECDEF HAS SEEN)

4

DEPARTMENT OF DEFENSE
OFFICE OF GENERAL COUNSEL
WASHINGTON 25, D. C.

Noted by Mr. Williams

107

26 October 1961

MEMORANDUM FOR MR. HADYN WILLIAMS

SUBJECT: The Geneva Accords of 1954 and the Introduction of U.S. Combat and Logistic Forces into Viet Nam

You have requested that I submit an opinion on the legal question of the compatibility with the Geneva Accords of the actions proposed in Saigon's telegram 537 to the Department of State. The pressure of time forces this opinion to be a preliminary one. A full statement of my reasoning will follow as soon as it can be prepared.

My conclusion is that the actions proposed in the above mentioned telegram would constitute violations of Articles 16 and 17 of the Agreement on the Cessation of Hostilities in Viet Nam of July 20, 1954. That conclusion is not affected by the reasons, ostensible or real, for the actions.

Article 16 prohibits "the introduction into Viet Nam of any troop reinforcements and additional military personnel". The article does permit, however, under strict conditions, "the rotation of units and groups of personnel". Since there were 170,000 foreign troops in Viet Nam at the time of the 1954 Agreement, it can be argued that the United States could introduce up to 170,000 combat troops without causing a violation of that Agreement. That argument would of necessity be based upon the supposed rationale of a decision of the International Commission for Supervision and Control in View Nam, dated April 19,1960, in which an increase in the MAAG was approved. The Commission gave no reasons for its ruling, and it is far from clear that it would extend its scope to cover combat troops. It is difficult to contend that where troops are introduced to replace other troops which departed five to seven years previously there is a "rotation" of units. Reliance upon the "rotation" defense in the present circumstances would run grave risks of an adverse ICC decision.

REPRODUCTION OF THIS DOCUMENT IN WHOLE OR IN PART IS PROHIBITED EXCEPT WITH PERMISSION OF THE ISSUING OFFICE

I-19296/61

AGC (IA) No.

DOES NOT APPLY

329

Page 1 of 2 Pages

Even if there were a 170,000 troop "credit" which we could legally draw upon, I doubt that the actions proposed in Saigon telegram 537 are compatible with the further limitations contained in Article 16. For example, no unit introduced could be larger than a battalion, and rotation would have to be (1) on a man-for-man basis, (2) notified to the ICC two days in advance, (3) carried on through certain listed entry points, and (4) supervised and inspected by the ICC.

The provisions of Article 17 might prove even more burdensome. Entry of military equipment must take place at listed entry points under the supervision of the ICC and may only consist of replacement of "war material, arms and munitions which have been destroyed, damaged, worn out or used up after the cessation of hostilities . . . on the basis of piece-for-piece of the same type and with similar characteristics."

It should be noted that the United States was not a party to the Geneva Accords, but it did declare at the Conference its July 21 that ". . . it will refrain from the threat or the use of force to disturb. . . ." the Accords. Viet Nam, although it was not a signatory of the cease-fire Agreement in question, is, on the other hand, bound by its terms. The Agreement was signed by the Commander in Chief of the French Union Forces (Viet Nam being part of the French Union), and this signature was within the authority of the Commander in Chief. Thus, on the strictly legal plane we need be concerned only about a possible violation by the Government of Viet Nam of its obligations.

As a final comment I would point out that the purpose of the introduction has no legal relevance; introduction of U.S. troops for purposes of flood control would still constitute a violation of the Geneva Accords by the Government of Viet Nam. I suggest that, if a decision is made to send U.S. troops into Viet Nam, we should justify their introduction on the ground of collective self-defense. Nothing in the Geneva Accords should be read as abridging the inherent right of Viet Nam and the United States to take actions in collective self-defense. If you wish, I shall prepare a memorandum on this point.

George H. Aldrich

cc: Mr. Wm. McCormick

GEORGE H. ALDRICH
Office of the Assistant General Counsel
International Affairs

330

Page 2 of 2 pages

5

Điện tín Tướng Maxwell Taylor từ Sàigòn và Baguio/Phi Luật Tân (sau chuyến đi Việt Nam bắt đầu từ cuối tháng 9, 1961) gửi TT Kennedy (đề nghị nên nối kết việc mang quân vào Miền Nam với nhu cầu cứu trợ lũ lụt ở đồng bằng Cửu Long).

FROM SAIGON

WHITE HOUSE EYES ONLY FOR THE PRESIDENT
STATE EYES ONLY FOR RUSK AND UNDER SECRETARY JOHNSON
DEFENSE EYES ONLY SECRETARY MCNAMARA
JCS EYES ONLY GENERAL LEMNITZER
FROM GENERAL TAYLOR

* * * * * * * *

With regard to the critical question of introducing U.S. military forces into VN:

My view is that we should put in a task force consisting largely of logistical troops for the purpose of participating in flood relief and at the same time of providing a U.S. military presence in VN capable of assuring Diem of our readiness to join him in a military showdown with the Viet Cong or Viet Minh. To relate the introduction of these troops to the needs of flood relief seems to me to offer considerable advantages in VN and abroad. It gives a specific humanitarian task as the prime reason for the coming of our troops and avoids any suggestion that we are taking over responsibility for the security of the country. As the task is a specific one, we can extricate our troops when it is done if we so desire. Alternatively, we can phase them into other activities if we wish to remain longer.

The strength of the force I have in mind on the order of 6-8000 troops. Its initial composition should be worked out here after study of the possible requirements and conditions for its use and subsequent modifications made with experience.

In addition to the logistical component, it will be necessary to include some combat troops for the protection of logistical operations and the defense of the area occupied by U.S. forces. Any troops coming to VN may expect to take casualties...

5A

FROM THE PHILIPPINES

EYES ONLY FOR THE PRESIDENT FROM GENERAL TAYLOR

1. Transmitted herewith are a summary of the fundamental conclusions of my group and my personal recommendations in response to the letter of the President to me dated 13 October 1961. * * * * * * *

2. It is concluded that:

a. Communist strategy aims to gain control of Southeast Asia by methods of subversion and guerrilla war which by-pass conventional U.S. and indigenous strength on the ground. The interim Communist goal -- en route to total take-over -- appears to be a neutral Southeast Asia detached from U.S. protection. This strategy is well on the way to success in Vietnam.

b. In Vietnam (and Southeast Asia) there is a double crisis in confidence: doubt that U.S. is determined to save Southeast Asia; doubt that Diem's methods can frustrate and defeat Communist purposes and methods. The Vietnamese (and Southeast Asians) will undoubtedly draw -- rightly or wrongly -- definitive conclusions in coming weeks and months concerning the probable outcome and will adjust their behavior accordingly. What the U.S. does or fails to do will be decisive to the end result.

c. Aside from the morale factor, the Vietnamese Government is caught in interlocking circles of bad tactics and bad administrative arrangements which pin their forces on the defensive in ways which permit a relatively small Viet-Cong force (about one-tenth the size of the GVN regulars) to create conditions of frustration and terror certain to lead to a political crisis, if a positive turning point is

5B

not soon achieved. The following recommendations are designed to achieve that favorable turn, to avoid a further deterioration in the situation in South Vietnam, and eventually to contain and eliminate the threat to its independence.

3. It is recommended:

General

a. That upon request from the Government of Vietnam (GVN) to come to its aid in resisting the increasing aggressions of the Viet-Cong and in repairing the ravages of the Delta flood which, in combination, threaten the lives of its citizens and the security of the country, the U.S. Government offer to join the GVN in a massive joint effort as a part of a total mobilization of GVN resources to cope with both the Viet-Cong (VC) and the ravages of the flood. The U.S. representatives will participate actively in this effort, particularly in the fields of government administration, military plans and operations, intelligence, and flood relief, going beyond the advisory role which they have observed in the past.

Specific

b. That in support of the foregoing broad commitment to a joint effort with Diem, the following specific measures be undertaken:

(1) The U.S. Government will be prepared to provide individual administrators for insertion into the governmental machinery of South Vietnam in types and numbers to be worked out with President Diem.

(2) A joint effort will be made to improve the military-political intelligence system beginning at the provincial level and extending upward through the government and armed forces to the Central Intelligence Organization.

(3) The U.S. Government will engage in a joint survey of the conditions in the provinces to assess the social, political, intelligence, and military factors bearing on the prosecution of the counter-insurgency in order to reach a common estimate of these factors and a common determination of how to deal with them. As this survey will consume time, it should not hold back the immediate actions which are clearly needed regardless of its outcome.

(4) A joint effort will be made to free the Army for mobile, offensive operations. This effort will be based upon improving the training and equipping of the Civil Guard and the

Self-Defense Corps, relieving the regular Army of static missions, raising the level of the mobility of Army Forces by the provision of considerably more helicopters and light aviation, and organizing a Border Ranger Force for a long-term campaign on the Laotian border against the Viet-Cong infiltrators. The U.S. Government will support this effort with equipment and with military units and personnel to do those tasks which the Armed Forces of Vietnam cannot perform in time. Such tasks include air reconnaissance and photography, airlift (beyond the present capacity of SVN forces), special intelligence, and air-ground support techniques.

(5) The U.S. Government will assist the GVN in effecting surveillance and control over the coastal waters and inland waterways, furnishing such advisors, operating personnel and small craft as may be necessary for quick and effective operations.

(6) The MAAG, Vietnam, will be reorganized and increased in size as may be necessary by the implementation of these recommendations.

(7) The U.S. Government will offer to introduce into South Vietnam a military Task Force to operate under U.S. control for the following purposes:

(a) Provide a U.S. military presence capable of raising national morale and of showing to Southeast Asia the seriousness of the U.S. intent to resist a Communist take-over.

(b) Conduct logistical operations in support of military and flood relief operations.

(c) Conduct such combat operations as are necessary for self-defense and for the security of the area in which they are stationed.

(d) Provide an emergency reserve to back up the Armed Forces of the GVN in the case of a heightened military crisis.

(e) Act as an advance party of such additional forces as may be introduced if CINCPAC or SEATO contingency plans are invoked.

(8) The U.S. Government will review its economic aid program to take into account the needs of flood relief and to give priority to those projects in support of the expanded counter-insurgency program. 19/

6

THE SECRETARY OF DEFENSE
WASHINGTON

2 October 1963

MEMORANDUM FOR THE PRESIDENT

Subject: Report of McNamara-Taylor Mission to South Vietnam

Your memorandum of 21 September 1963 directed that General Taylor and Secretary McNamara proceed to South Vietnam to appraise the military and para-military effort to defeat the Viet Cong and to consider, in consultation with Ambassador Lodge, related political and social questions. You further directed that, if the prognosis in our judgment was not hopeful, we should present our views of what action must be taken by the South Vietnam Government and what steps our Government should take to lead the Vietnamese to that action..

Accompanied by representatives of the State Department, CIA, and your Staff, we have conducted an intensive program of visits to key operational areas, supplemented by discussions with U.S. officials in all major U.S. Agencies as well as officials of the GVN and third countries.

We have also discussed our findings in detail with Ambassador Lodge, and with General Harkins and Admiral Felt.

The following report is concurred in by the Staff Members of the mission as individuals, subject to the exceptions noted.

I. CONCLUSIONS AND RECOMMENDATIONS

A. Conclusions.

1. The military campaign has made great progress and continues to progress.

2. There are serious political tensions in Saigon(and perhaps elsewhere in South Vietnam) where the Diem-Nhu government is becoming increasingly unpopular.

3. There is no solid evidence of the possibility of a successful coup, although assassination of Diem or Nhu is always a possibility.

4. Although some, and perhaps an increasing number, of GVN military officers are becoming hostile to the government, they are more hostile to the Viet Cong than to the government and at least for the near future they will continue to perform their military duties.

5. Further repressive actions by Diem and Nhu could change the present favorable military trends. On the other hand, a return to more moderate methods of control and administration, unlikely though it may be, would substantially mitigate the political crisis.

6A

6. It is not clear that pressures exerted by the U.S. will move Diem and Nhu toward moderation. Indeed, pressures may increase their obduracy. But unless such pressures are exerted, they are almost certain to continue past patterns of behavior.

B. Recommendations.

We recommend that:

1. General Harkins review with Diem the military changes necessary to complete the military campaign in the Northern and Central areas (I, II, and III Corps) by the end of 1964, and in the Delta (IV Corps) by the end of 1965. This review would consider the need for such changes as:

a. A further shift of military emphasis and strength to the Delta (IV Corps).

b. An increase in the military tempo in all corps areas, so that all troops in the field an average of 20 days out of 30 and static missions are ended.

c. Emphasis on "clear and hold operations" instead of terror sweeps which have little permanent value.

d. The expansion of response in combat units to full authorized strength.

e. The training and arming of hamlet militia at an accelerated rate, especially in the Delta.

f. A consolidation of the strategic hamlet program, especially in the Delta, and caution to insure that future strategic hamlets are not built until they can be protected, and until civic action programs can be introduced.

2. A program be established to train Vietnamese so that essential functions now performed by U.S. military personnel can be carried out by Vietnamese by the end of 1965. It should be possible to withdraw the bulk of U.S. personnel by that time.

3. In accordance with the program to train progressively Vietnamese to take over military functions, the Defense Department should announce in the very near future presently prepared plans to withdraw 1000 U.S. military personnel by the end of 1963. This action should be explained in low key as an initial step in a long-term program to replace U.S. personnel with trained Vietnamese without impairment of the war effort.

4. The following actions be taken to impress upon Diem our disapproval of his political program.

a. Continue to withhold commitment of funds in the commodity import program, but avoid a formal announcement. The potential significance of the withholding of commitments for the 1964 military budget should be brought home to the top military officers in working level contacts between USOM and MACV and the Joint General Staff; up to now we have stated $95 million may be used by the Vietnamese as a planning level for the commodity import program for 1964. Henceforth we could make clear that this is uncertain both because of lack of final appropriation action by the Congress and because of executive policy.

6B

b. Suspend approval of the pending AID loans for the Saigon-Cholon Waterworks and Saigon Electric Power Project. We should state clearly that we are doing so as a matter of policy.

c. Advise Diem that MAP and CIA support for designated units, now under Colonel Tung's control (mostly held in or near the Saigon area for political reasons) will be cut off unless these units are promptly assigned to the full authority of the Joint General Staff and transferred to the field.

d. Maintain the present purely "correct" relations with the top GVN, and specifically between the Ambassador and Diem. Contact between General Harkins and Diem and Defense Secretary Thuan on military matters should not, however, be suspended, as this remains an important channel of advice. USOM and USIA should also seek to maintain contacts where these are needed to push forward programs in support of the effort in the field, while taking care not to cut across the basic picture of U.S. disapproval and uncertainty of U.S. aid intentions. We should work with the Diem government but not support it.*

As we pursue these courses of action, the situation must be closely watched to see what steps Diem is taking to reduce repressive practices and to improve the effectiveness of the military effort. We should set no fixed criteria, but recognize that we would have to decide in 2 - 4 months whether to move to more drastic action or try to carry on with Diem even if he had not taken significant steps.

5. At this time, no initiative should be taken to encourage actively a change in government. Our policy should be to seek urgently to identify and build contacts with an alternative leadership if and when it appears.

6. The following statement be approved as current U.S. policy toward South Vietnam and constitute the substance of the government position to be presented both in Congressional testimony and in public statements.

a. The security of South Vietnam remains vital to United States security. For this reason, we adhere to the overriding objective of denying this country to Communism and of suppressing the Viet Cong insurgency as promptly as possible. (By suppressing the insurgency we mean reducing it to proportions manageable by the national security forces of the GVN, unassisted by the presence of U.S. military forces.) We believe the U.S. part of the task can be completed by the end of 1965, the terminal date which we are taking as the time objective of our counterinsurgency programs.

b. The military program in Vietnam has made progress and is sound in principle.

c. The political situation in Vietnam remains deeply serious. It has not yet significantly affected the military effort, but could do so at some time in the future. If the result is a GVN ineffective in the conduct of the war, the U.S. will review its attitude toward

*Mr. Colby believes that the official "correct" relationship should be supplemented by selected and restricted unofficial and personal relationships with individuals in the GVN, approved by the Ambassador, where persuasion could be fruitful without derogation of the official U.S. posture.

6C

support for the government. Although we are deeply concerned by repressive practices, effective performance in the conduct of the war should be the determining factor in our relations with the GVN.

d. The U.S. has expressed its disapproval of certain actions of the Diem-Nhu regime and will do so again if required. Our policy is to seek to bring about the abandonment of repression because of its effect on the popular will to resist. Our means consist of expressions of disapproval and the withholding of support from GVN activities that are not clearly contributing to the war effort. We will use these means as required to assure an effective military program.

II. MILITARY SITUATION AND TRENDS

A. The Standards of Measure.

The test of the military situation is whether the GVN is succeeding in widening its area of effective control of the population and the countryside...

B. Overall Progress.

With allowance for all uncertainties, it is our firm conclusion that the GVN military program has made great progress in the last year and a half, and that this progress has continued at a fairly steady rate in the past six months even through the period of greatest political unrest in Saigon. The tactics and techniques employed by the Vietnamese under U.S. monitorship are sound and give promise of ultimate victory.

Specifically, progress is most clear in the northern areas (I and II Corps); especially noteworthy work has been done in key coastal provinces where VC strength once threatened to cut the country in half but has now been substantially reduced. In the central area and the highlands (III Corps), progress has been steady though slower, and the situation remains difficult in the provinces to the west and north of Saigon itself...

...

IV. POLITICAL SITUATION AND TRENDS

Although our observations of the political situation were necessarily less extensive than of the military picture, they were ample to confirm that the existing situation is one of high tension. We reviewed the situation carefully with the relevant U.S. officials and were also impressed by frank interviews with GVN officials and with third country representatives.

In essence, discontent with the Diem/Nhu regime, which had been widespread just below the surface during recent years, has now become a seething problem. The Buddhist and student crises have precipitated these discontents and given them specific issues. But the problem goes deeply into the personalties, objectives, and methods of operation of Diem and Nhu over a long period.

6D

Both of these adverse characteristics of the regime, and the resentment of them, focus more and more on Nhu. Not merely is he the hatchet man, but his statements on "personalism" and his building up with Madame Nhu of a wide personal apparatus have smacked more and more of outright totalitarianism. A further distrubing feature of Nhu is his flirtation with the idea of negotiating with North Vietnam,

whether or not he is serious in this at present. This deeply disturbs responsible Vietnamese and, more basically, suggests a possible basic incompatibility with U.S. objectives.

Nhu's role and scope of action have increased, and he may well have the designs imputed to him of succeeding his brother in due course. Diem is still quite a long way from being a figurehead, and his personal prestige in the country has survived remarkably well. But Diem does depend heavily on Nhu, their central ideas are very close if not identical, and it would be remarkable if Diem dropped Nhu from a commanding position.

Until the Buddhist and student crises, it was probably true that the alienation between Diem and the elite was more a matter of basically divergent views of the right social structure and of Diem and Nhu's handling of individuals in the government than it was a matter of reaction to repressions. However, the crises have now brought the repressions so directly into the lives of many of the elite that more orderly methods, which might previously have kept the loyalty of the needed amount of talent, now probably cannot do so without a convincing degree of restoration of personal security. Yet both more orderly methods and a restoration of personal security cut diametrically across the grain of Diem's and especially Nhu's view of what is necessary to maintain their power and move toward their idea of social revolution.

Thus, the discontent of the elite -- reflected chiefly in the regressive loss of responsible men -- has now reached the point where it is uncertain that Diem can keep or enlist enough talent to run the war. The loss of such men as Mau and Tuyen, and the deeply disturbed attitude of such a crucial figure as Thuan, are the strongest evidences of the seriousness of the situation.

Bản Ghi nhớ của Bộ trưởng QP McNamara (ngày 8/11/1961) gửi TT Kennedy ủng hộ đề nghị của Tướng Taylor là nên mang quân vào Việt Nam ("nhu cầu ở Đông Nam Á tối đa không quá 6 sư đoàn hay 205,000 người").

FINAL RECOMMENDATIONS

On November 8, McNamara sent the following memorandum on behalf of himself, Gilpatric, and the JCS:

MEMORANDUM FOR THE PRESIDENT

The basic issue framed by the Taylor Report is whether the U.S. shall:

a. Commit itself to the clear objective of preventing the fall of South Vietnam to Communism, and

b. Support this commitment by necessary immediate military actions and preparations for possible later actions.

The Joint Chiefs, Mr. Gilpatric, and I have reached the following conclusions:

1. The fall of South Vietnam to Communism would lead to the fairly rapid extension of Communist control, or complete accommodation to Communism, in the rest of mainland Southeast Asia and in Indonesia. The strategic implications worldwide, particularly in the Orient, would be extremely serious.

2. The chances are against, probably sharply against, preventing that fall by any measures short of the introduction of U.S. forces on a substantial scale. We accept General Taylor's judgment that the various measures proposed by him short of this are useful but will not in themselves do the job of restoring confidence and setting Diem on the way to winning his fight.

3. The introduction of a U.S. force of the magnitude of an initial 8,000 men in a flood relief context will be of great help to Diem. However, it will not convince the other side (whether the shots are called from Moscow, Peiping, or Hanoi) that we mean business. Moreover, it probably will not tip the scales decisively. We would be almost certain to get increasingly mired down in an inconclusive struggle.

4. The other side can be convinced we mean business only if we accompany the initial force introduction by a clear commitment to the full objective stated above, accompanied by a warning through some channel to Hanoi that continued support of the Viet Cong will lead to punitive retaliation against North Vietnam.

5. If we act in this way, the ultimate possible extent of our military commitment must be faced. The struggle may be prolonged and Hanoi and Peiping may intervene overtly. In view of the

logistic difficulties faced by the other side, I believe we can assume that the maximum U.S. forces required on the ground in Southeast Asia will not exceed 6 divisions, or about 205,000 men (CINCPAC Plan 32-59, Phase IV). Our military posture is, or with the addition of more National Guard or regular Army divisions, can be made, adequate to furnish these forces without serious interference with our present Berlin plans.

6. To accept the stated objective is of course a most serious decision. Military force is not the only element of what must be a most carefully coordinated set of actions. Success will depend on factors many of which are not within our control -- notably the conduct of Diem himself and other leaders in the area. Laos will remain a major problem. The domestic political implications of accepting the objective are also grave, although it is our feeling that the country will respond better to a firm initial position than to courses of action that lead us in only gradually, and that in the meantime are sure to involve casualties. The over-all effect on Moscow and Peiping will need careful weighing and may well be mixed; however, permitting South Vietnam to fall can only strengthen and encourage them greatly.

7. In sum:

a. We do not believe major units of U.S. forces should be introduced in South Vietnam unless we are willing to make an affirmative decision on the issue stated at the start of this memorandum.

b. We are inclined to recommend that we do commit the U.S. to the clear objective of preventing the fall of South Vietnam to Communism and that we support this commitment by the necessary military actions.

c. If such a commitment is agreed upon, we support the recommendations of General Taylor as the first steps toward its fulfillment.

Sgd: Robert S. McNamara

PHỤ LỤC
F

CHƯƠNG 17

1. Điện tín của Ngoại Trưởng Rusk gửi Đại Sứ Nolting chỉ thị thông báo cho TT Diệm về việc TT Kennedy chấp thuận đề nghị của Tướng Taylor, quyết định tăng gia mạnh mẽ nỗ lực giúp Miền Nam nhưng có thêm vào đề nghị này một yêu cầu được *"chia sẻ"* với chính phủ Việt Nam trong quá trình làm chính sách về chính trị, kinh tế, và quân sự khi những chính sách ấy ảnh hưởng tới tình hình an ninh. Điều này khác hẳn với:
2. Huấn lệnh NSAM # 111 do Cố vấn Tổng Thống Mc-George Bundy gửi cho Ngoại Trưởng Rusk (ngày 22/11/1961) về cùng một đề mục (nhưng hoàn toàn không nói gì tới việc "chia sẻ" quyền hành. Đây là tình trạng "trống đánh xuôi kèn thổi ngược").
3. Điện tín của Đại Sứ Mỹ Kenneth Galbraith (ở Ấn Độ) gửi TT Kennedy ngày 21/11/1961 và ngày 7/4/1962 kịch liệt chỉ trích TT Diệm. Sau đó
4. Trích dẫn vắn gọn về việc TT Kennedy chỉ thị cho Bộ Quốc Phòng bình luận về đề nghị của ĐS Galbraith (14/4/1962) và trang đầu của Bản Ghi Nhớ do Bộ Quốc Phòng đáp ứng.

Department of State

Classification

ACTION: Amembassy, SAIGON
INFO: Amembassy BANGKOK
CINCPAC/POLAD

NIACT 619
NIACT 314
PRIORITY

FOR AMBASSADOR HOLTING

LIMIT DISTRIBUTION

You are instructed to seek an immediate appointment with President Diem and inform him that President Kennedy, after conferring with General Taylor and carefully considering his report, has decided that the Government of the United States is prepared to join the Government of Viet-Nam in a sharply increased joint effort to avoid a further deterioration in the situation in South Viet-Nam and eventually to contain and eliminate the threat to its independence.

The joint effort we have in mind would require certain undertakings by both governments, as outlined below:

1. On its part, the U.S. would immediately take the following actions in support of the GVN:

a. Provide increased air lift to the GVN forces, including helicopters, light aviation, and transport aircraft, manned to the extent necessary by United States uniformed personnel and other United States operational control.

b. Provide such additional equipment and United States uniformed personnel

FE:SJCottrell:rmb - 11/14/61

Telegraphic transmission and classification approved by: S - Dean Rusk

WH - THE PRESIDENT
FE - Mr. McConaughy
S/S - Mr. Olsen
U. Alexis Johnson

REPRODUCTION FROM COPY IS PROHIBITED

DS-322

Classification

400

1A

personnel as may be necessary for air reconnaissance, photography, instruction in and execution of air-ground support techniques, and for special intelligence.

c. Provide the GVN with some small craft, including such United States uniformed advisers and operating personnel as may be necessary for operations in effecting surveillance and control over coastal waters and inland waterways.

d. Provide expedited training and equipping of the civil guard and the self-defense corps with the objective of relieving the regular army of static missions and freeing it for mobile offensive operations.

e. Provide such personnel and equipment as may be necessary to improve the military-political intelligence system beginning at the provincial level and extending upward through the Government and the armed forces to the Central Intelligence Organization.

f. Provide such new terms of reference, reorganization and additional personnel for United States military forces as are required for increased United States military assistance in the operational collaboration with the GVN and operational direction of U.S. forces, and to carry out the other increased responsibilities which accrue to the U.S. military authorities under these recommendations.

g. Provide such increased economic aid as may be required to permit the GVN to pursue a vigorous flood relief and rehabilitation program, to supply material in support of the security efforts, and to give priority to projects in support of this expanded counter-insurgency program. (FYI. This could include increases in military pay, a full supply of a wide range of materials such as food, medical supplies, transportation equipment, communications equipment, and any

1B

any other items where material help could assist the GVN in winning the war against the Viet Cong. END FYI)

h. Encourage and support (including financial support) a request by the GVN to the FAO or any other appropriate international organization for multilateral assistance in the relief and rehabilitation of the flood area. (One objective here would be political objective of engaging widest possible multinational interest in and concern with GVN.)

i. Provide individual administrators and advisers for the Governmental machinery of South Viet-Nam in types and numbers to be agreed upon by the two Governments.

j. Provide personnel for a joint survey with the GVN of conditions in each of the provinces to assess the social, political, intelligence and military factors bearing on the prosecution of the counter-insurgency program in order to reach a common estimate of these factors and a common determination of how to deal with them.

2. On its part, the GVN would initiate the following actions:

a. Prompt and appropriate legislative and administrative action to put the nation on a wartime footing to mobilize its entire resources. (This would include a decentralization and broadening of the Government so as to realize the full potential of all non-Communist elements in the country willing to contribute to the common struggle.)

b. The vitalization of appropriate governmental wartime agencies with adequate authority to perform their functions effectively.

c. Overhaul

1C

Page 4 of telegram to Amembassy, SAIGON - FOR AMBASSADOR HOLTING

Classification

c. Overhaul of the military establishment and command structure so as to create an effective military organization for the prosecution of the war and assure a mobile offensive capability for the Army.

3. Before setting in motion the joint effort outlined above, the United States Government would need confirmation of its acceptability by the GVN, and an expression from the GVN of the measures it is prepared to take under the broad headings listed in para 2 above in order to ensure the success of this joint effort. The foregoing subheadings under para 2 are purposely broadly phrased so as to permit you to spell out specifics in manner you feel will be most effective. We realize that the U.S. cannot successfully dictate from here precisely what measures the GVN should take since they might be unworkable in the circumstances peculiar to South Viet-Nam and necessarily must leave these details and manner of their negotiation with Diem to your judgment. However, it is most important that Diem come forth with changes which will be recognized as having real substance and meaning. Rightly or wrongly his regime is widely criticized abroad and in the U.S., and if we are to give our substantial support we must be able to point to real administrative political and social reforms and a real effort to widen its base that will give maximum confidence to the American people, as well as to world opinion that our efforts are not directed towards the support of an unpopular or ineffective regime, but rather towards supporting the combined efforts of all the non-Communist people of the GVN against a Communist take-over. You should make this quite clear, and indicate that the U.S. contribution to the proposed joint effort depends heavily upon his response to this point.

4. It

1D

Page 5 of telegram to Amembassy, SAIGON - FOR AMBASSADOR NOLTING

Classification

4. It is anticipated that one of the first questions President Diem will raise with you after your presentation of the above joint proposals will be that of introducing U.S. combat troops. You are authorized to remind him that the actions we already have in mind involve a substantial number of U.S. military personnel for operational duties in Viet-Nam and that we believe that these forces performing crucial missions can greatly increase the capacity of GVN forces to win their war against the Viet Cong. You can also tell him that we believe that the missions being undertaken by our forces, under present circumstances, are more suitable for white foreign troops than garrison duty or missions involving the seeking out of Viet Cong personnel submerged in the Viet-Nam population. You can assure him that the USG at highest levels will be in daily contact with the situation in Viet-Nam and will be in constant touch with him about requirements of the situation.

5. You should inform Diem that, in our minds, the concept of the joint undertaking envisages a much closer relationship than the present one of acting in an advisory capacity only. We would expect to share in the decision-making processes in the political, economic and military fields as they affected the security situation. *

6. You may inform Diem that concurrently with the commencement of the joint effort, we intend to make additional strong approaches to the Soviet Bloc designed to impress them with our determination to see that South Viet-Nam is not overrun and to deter them from continuing their aggression.

7. FYI. If Diem responds well to above demarche, and outlines measures he will take corresponding to para 3, which you and we regard as satisfactory, you should

XQ(illegible)

1E

Page 6 of telegram to Amembassy, SAIGON = FOR AMBASSADOR NOLTING

Classification

should then inform him that we wish to provide our aid in response to his written request, to which we would plan to give wide publicity. This, combined with the Jorden Report, would serve as the public base for our support. Consequently, you may at a time you consider suitable offer him the proposed draft letter from him to President Kennedy the text of which is supplied in the immediately following telegram. When you give him the draft, you may indicate that we do not expect his letter to be a verbatim copy. In fact, we hope it will not be, but we think it wise from the standpoint of world opinion to include the substantive points mentioned therein. [redacted] We shall keep you advised concerning the handling and timing of release of the Jorden Report and the letter from Diem. President Kennedy contemplates immediate strong, affirmative reply to satisfactory letter along indicated lines from President Diem, which also will simultaneously be made public.

Rusk

RUSK

THE WHITE HOUSE
Washington

TOP SECRET

November 22, 1961

NATIONAL SECURITY ACTION MEMORANDUM NO. 111

TO: The Secretary of State

SUBJECT: First Phase of Viet-Nam Program

The President has authorized the Secretary of State to instruct our Ambassador to Viet-Nam to inform President Diem as follows:

1. The U.S. Government is prepared to join the Viet-Nam Government in a sharply increased joint effort to avoid a further deterioration in the situation in South Viet-Nam.

2. This joint effort requires undertakings by both Governments as outlined below:

a. On its part the U.S. would immediately undertake the following actions in support of the GVN:

(1) Provide increased air lift to the GVN forces, including helicopters, light aviation, and transport aircraft, manned to the extent necessary by United States uniformed personnel and under United States operational control.

(2) Provide such additional equipment and United States uniformed personnel as may be necessary for air reconnaissance, photography, instruction in and execution of air-ground support techniques, and for special intelligence.

(3) Provide the GVN with small craft, including such United States uniformed advisers and operating personnel as may be necessary for operations in effecting surveillance and control over coastal waters and inland waterways.

(4) Provide expedited training and equipping of the civil guard and the self-defense corps with the objective of relieving the regular Army of static missions and freeing it for mobile offensive operations.

2A

-2-

(5) Provide such personnel and equipment as may be necessary to improve the military-political intelligence system beginning at the provincial level and extending upward through the Government and the armed forces to the Central Intelligence Organization.

(6) Provide such new terms of reference, reorganization and additional personnel for United States military forces as are required for increased United States military assistance in the operational collaboration with the GVN and operational direction of U. S. forces and to carry out the other increased responsibilities which accrue to the U. S. military authorities under these recommendations.

(7) Provide such increased economic aid as may be required to permit the GVN to pursue a vigorous flood relief and rehabilitation program, to supply material in support of the security efforts, and to give priority to projects in support of this expanded counter-insurgency program. (This could include increases in military pay, a full supply of a wide range of materials such as food, medical supplies, transportation equipment, communications equipment, and any other items where material help could assist the GVN in winning the war against the Viet Cong.)

(8) Encourage and support (including financial support) a request by the GVN to the FAO or any other appropriate international organization for multilateral assistance in the relief and rehabilitation of the flood area.

(9) Provide individual administrators and advisers for the Governmental machinery of South Viet-Nam in types and numbers to be agreed upon by the two Governments.

(10) Provide personnel for a joint survey with the GVN of conditions in each of the provinces to assess the social, political, intelligence, and military factors bearing on the prosecution of the counter-insurgency program in order to reach a common estimate of these factors and a common determination of how to deal with them.

2B

-3-

b. On its part, the GVN would initiate the following actions:

(1) Prompt and appropriate legislative and administrative action to put the nation on a wartime footing to mobilize its entire resources. (This would include a decentralization and broadening of the Government so as to realize the full potential of all non-Communist elements in the country willing to contribute to the common struggle.)

(2) The vitalization of appropriate Governmental wartime agencies with adequate authority to perform their functions effectively.

(3) Overhaul of the military establishment and command structure so as to create an effective military organization for the prosecution of the war and assure a mobile offensive capability for the Army.

McGeorge Bundy

Information Copies to:

The Secretary of Defense
Director of Central Intelligence
General Maxwell D. Taylor

421

3

DATE: 21 NOV 61
FROM: NEW DELHI 9941
TO : DIRECTOR

RECD: NOV 21 .21372 61
OPERATIONAL IMMEDIATE
IN 25879

FOR THE PRESIDENT FROM AMBASSADOR GALBRAITH
POLICY IN VIETNAM
FROM JOHN KENNETH GALBRAITH

1. HERE IS MY FULL ANALYSIS OF OUR PROBLEM AND COURSE IN SOUTH VIETNAM. FROM MY STAY THERE, TALKS AT CINCPAC AND BANGKOK, PREVIOUS READING OF THE TRAFFIC AND EXPERIENCE OF THE REGION I FEEL REASONABLY SURE OF MY GROUND. YOU WILL BE AWARE OF THE INTENSE THEOLOGICAL DISPUTES WHICH RAGE OVER SUCH ISSUES AS THE POLITICAL POSITION OF DIEM, THE SCOPE OF EXTERNAL SUPPORT TO THE INSURRECTION AND OTHERS. WHERE A SOLUTION OF THESE IS NOT RELEVANT TO A PRACTICAL COURSE OF ACTION I HAVE NOT ENTERED THE DEBATE. I HAVE ALSO ENDEAVORED TO WORK FROM THE CIRCUMSTANCES TO THE ACTION RATHER THAN THE MORE CUSTOMARY PROCEDURE WHICH IS TO MOVE FROM THE PREFERRED COURSE OF ACTION BACK TO THE CIRCUMSTANCES. WHERE MY BIAS INTRUDES, AS IN THE CASE OF TROOP COMMITMENT, I HAVE MADE IT CLEAR.

2. THE VIET CONG INSURRECTION IS STILL GROWING IN EFFECT. THE OUTBREAK ON THE NORTHERN HIGHLANDS IS MATCHED BY A POTENTIALLY EVEN MORE DAMAGING IMPACT ON THE ECONOMY AND ESPECIALLY ON THE MOVEMENT OF RICE TO SAIGON.

3. IN THE ABSENCE OF KNOWLEDGE OF THE ADMIXTURE OF TERROR AND ECONOMIC AND SOCIAL EVANGELISM WE HAD BEST ASSUME THAT IT IS EMPLOYING BOTH. WE MUST NOT FOREVER BE GUIDED BY THOSE WHO MISUNDERSTAND THE DYNAMICS OF REVOLUTION AND IMAGINE THAT BECAUSE THE COMMUNISTS DO NOT APPEAL TO US THEY ARE ABHORRENT TO EVERYONE.

4. IN OUR ENTHUSIASM TO PROVE OUTSIDE INTERVENTION BEFORE WORLD OPINION

3A

NEW DELHI 9941

IN 25879

IN THE MAIN AREA OF INSURRECTION IN THE FAR SOUTH. THAT LEADERS AND RADIO GUIDANCE COME IN WE KNOW. BUT THE AMOUNT OF AMMUNITION AND WEAPONRY THAT A MAN CAN CARRY ON HIS BACK FOR SEVERAL HUNDRED KILOMETERS OVER JUNGLE TRAILS WAS NOT INCREASED APPRECIABLY BY MARX. NO MAJOR CONFLICT CAN DEPEND ON SUCH LOGISTIC SUPPORT.

5. A MAXIMUM OF 18,000 LIGHTLY ARMED MEN ARE INVOLVED IN THE INSURRECTION. THESE ARE GVN ESTIMATES AND THE FACTOR OF EXAGGERATION IS UNQUESTIONABLY CONSIDERABLE. TEN THOUSAND IS MORE PROBABLE. WHAT WE HAVE IN OPPOSITION INVOLVES A HEAVY THEOLOGICAL DISPUTE. DIEM IT IS SAID IS A GREAT BUT DEFAMED LEADER. IT IS ALSO SAID HE HAS LOST TOUCH WITH THE MASSES, IS IN POLITICAL DISREPUTE AND OTHERWISE NO GOOD. THIS DEBATE CAN BE BYPASSED BY AGREED POINTS. IT IS AGREED THAT ADMINISTRATIVELY DIEM IS EXCEEDINGLY BAD. HE HOLDS FAR TOO MUCH POWER IN HIS OWN HANDS, EMPLOYS HIS ARMY BADLY, HAS NO INTELLIGENCE ORGANIZATION WORTHY OF THE NAME, HAS ARBITRARY OR INCOMPETENT SUBORDINATES IN THE PROVINCES AND SOME ACHIEVEMENTS NOTWITHSTANDING, HAS A POOR ECONOMIC POLICY. HE HAS ALSO EFFECTIVELY RESISTED IMPROVEMENT FOR A LONG WHILE IN FACE OF HEAVY DETERIORATION. THIS IS ENOUGH. WHETHER HIS POLITICAL POSTURE IS NEPOTIC, DESPOTIC OUT OF TOUCH WITH THE VILLAGERS AND HENCE DAMAGING OR WHETHER THIS DAMAGE IS THE FIGMENT OF SAIGON INTELLECTUALS DOES NOT BEAR ON OUR IMMEDIATE POLICY AND MAY BE BY-PASSED AT LEAST IN PART.

6. THE SVN ARMY NUMBERS 170,000 AND WITH PARAMILITARY UNITS OF THE CIVIL GUARD AND HOME DEFENSE FORCES A QUARTER OF A MILLION. WERE THIS WELL DEPLOYED

3B

PAGE 3 OF 9

NEW DELHI 9941

IN 25879

ON BEHALF OF AN EFFECTIVE GOVERNMENT IT SHOULD BE OBVIOUS THAT THE VIET CONG WOULD HAVE NO CHANCE OF SUCCESS OR TAKEOVER. WASHINGTON IS CURRENTLY HAVING AN INTELLECTUAL ORGASM ON THE UNBEATABILITY OF GUERRILLA WAR. WERE GUERRILLAS EFFECTIVE IN A RATIO OF ONE TO FIFTEEN OR TWENTY-FIVE IT IS OBVIOUS THAT NO GOVERNMENT WOULD BE SAFE. THE VIET CONG, IT SHOULD BE NOTED, IS STRONGEST IN THE SOUTHERN DELTA WHICH IS NOT JUNGLE BUT OPEN RICE PADDY.

7. THE FUNDAMENTAL DIFFICULTIES IN COUNTERING THE INSURGENCY, APART FROM ABSENCE OF INTELLIGENCE, ARE TWO-FOLD. FIRST IS THE POOR COMMAND, DEPLOYMENT, TRAINING, MORALE AND OTHER WEAKNESSES OF THE ARMY AND PARAMILITARY FORCES. AND SECOND WHILE THEY CAN OPERATE - - SWEEP - - THROUGH ANY PART OF THE COUNTRY AND CLEAR OUT ANY VISIBLE INSURGENTS, THEY CANNOT GUARANTEE SECURITY AFTERWARDS. THE VIET CONG COMES BACK AND PUTS THE ARM ON ALL WHO HAVE COLLABORATED. THIS FACT IS VERY IMPORTANT IN RELATION TO REQUESTS FROM AMERICAN MANPOWER. OUR FORCES WOULD CONDUCT THE ROUND-UP OPERATIONS WHICH THE RVN ARMY CAN ALREADY DO. WE COULDN'T CONCEIVABLY SEND ENOUGH MEN TO PROVIDE SAFETY FOR THE VILLAGES AS A SUBSTITUTE FOR AN EFFECTIVELY TRAINED CIVIL GUARD AND HOME DEFENSE FORCE AND, PERHAPS, A POLITICALLY COOPERATIVE COMMUNITY.

8. THE KEY AND INESCAPABLE POINT, THEN, IS THE INEFFECTUALITY (ABETTED DEBATABLY BY THE UNPOPULARITY) OF THE DIEM GOVERNMENT. THIS IS THE STRATEGIC FACTOR. NOR CAN ANYONE ACCEPT THE STATEMENT OF THOSE WHO HAVE BEEN EITHER TOO LONG OR TOO LITTLE IN ASIA THAT HIS IS THE INEVITABLE POSTURE OF THE

3C

PAGE 6 OF 9 .

NEW DELHI 9941

IN 25879

14. AMBASSADOR NOLTING AND GENERAL MCGARR, BOTH HEAVILY IDENTIFIED WITH THIS PRESSURE FOR REFORM SHOULD REMAIN TO PRESS THEIR CASE. THOUGH ACTING LOYALLY, NOLTING IS NOT HAPPY ABOUT THE EFFECT OF PRESSURE ON DIEM. HE BELIEVES RATHER THAT WE SHOULD LEND HIM OUR PRESTIGE AND POWER WHILE WORKING MORE GRADUALLY FOR REFORM. THIS POLICY BY MY ANALYSIS WOULD MERELY CONFIRM DIEM IN HIS INADEQUACY A RISK WHICH NOLTING CONCEDES. IF OUR PRESTIGE WOULD HAVE PROVIDED THE SECURITY FOR REFORM WE WOULD HAVE HAD RESULTS LONG BEFORE NOW.

15. IT FOLLOWS FROM MY REASONING THAT THE ONLY SOLUTION MUST BE TO DROP DIEM. KOREA REPRESENTS THE ONLY MODEL THAT HOLDS OUT ANY PROMISE WHATEVER FOR US. WITHOUT DOUBT ~~DIEM WAS A SIGNIFICANT~~ FIGURE IN HIS DAY. BUT HE HAS RUN HIS COURSE. HE CANNOT BE REHABILITATED. INCIDENTALLY THIS VIEW IS HELD INDEPENDENTLY BY THE SENIOR POLITICAL COUNSELLOR OF OUR EMBASSY, THE MAN WHO HAS BEEN LONGEST IN VIETNAM.

16. IN MY VIEW, AND THIS IS NECESSARILY SPECULATIVE, DROPPING DIEM WILL NEITHER BE DIFFICULT NOR UNDULY DANGEROUS. THE VIET CONG ARE IN POSITION TO CAUSE TROUBLE WIDELY OVER THE COUNTRY. THAT IS FAR FROM MEANING THAT THEY ARE ABLE WITH THEIR SMALL NUMBER TO TAKE OVER AND CONTROL THE COUNTRY. THE ARMY IF INEFFECTIVE IS THOUGHT TO BE NON-COMMUNIS THE RUMORS OF COUPS ARE ENDEMIC. NOLTING WHILE NOT IN FAVOR HAS SAID THAT A NOD FROM THE UNITED STATES WOULD BE INFLUENTIAL. AT THE EARLIEST MOMENT THAT IT BECOMES EVIDENT THAT DIEM WILL NOT AND CANNOT IMPLEMENT IN ANY REAL

415

3D

PAGE 7 OF 9

NEW DELHI 9941

IN 25879

WAY THE REFORMS WASHINGTON HAS REQUESTED WE SHOULD MAKE IT QUIETLY CLEAR THAT WE ARE WITHDRAWING OUR SUPPORT FROM HIM AS AN INDIVIDUAL. HIS DAY WOULD THEN I BELIEVE BE OVER. WHILE NO ONE CAN PROMISE A SAFE TRANSACTION WE ARE NOW MARRIED TO FAILURE.

17. IT IS A CLICHE THAT THERE IS NO ALTERNATIVE TO DIEM'S REGIME. THIS IS POLITICALLY NAIVE. WHERE ONE MAN HAS DOMINATED THE SCENE FOR GOOD OR ILL THERE NEVER SEEMS TO BE. NO ONE CONSIDERED TRUMAN AN ALTERNATIVE TO ROOSEVELT. THERE IS NONE FOR NEHRU. THERE WAS NONE I IMAGINE FOR RHEE. THIS IS AN OPTICAL ILLUSION ARISING FROM THE FACT THAT THE EYE IS FIXED ON THE VISIBLE FIGURES. IT IS A BETTER RULE THAT NOTHING SUCCEEDS LIKE SUCCESSORS.

18. WE SHOULD NOT BE ALARMED BY THE ARMY AS AN ALTERNATIVE. IT WOULD BUY TIME AND GET A FRESH DYNAMIC. IT IS NOT IDEAL; CIVILIAN RULE IS ORDINARILY MORE DURABLE AND MORE SALEABLE TO THE WORLD. BUT A CHANGE AND A NEW START IS OF THE ESSENCE AND IN CONSIDERING OPINION WE MAY NOTE THAT DIEM'S FLAVOR IS NOT MARKEDLY GOOD IN ASIA.

19. A TIME OF CRISIS IN OUR POLICY ON SOUTH VIETNAM WILL COME WHEN IT BECOMES EVIDENT THAT THE REFORMS WE HAVE ASKED HAVE NOT COME OFF AND THAT OUR PRESENTLY PROFERRED AID IS NOT ACCOMPLISHING ANYTHING. TROOPS WILL BE URGED TO BACK UP DIEM. IT WILL BE SUFFICIENTLY CLEAR THAT I THINK THIS MUST BE RESISTED.

OUR SOLDIERS would not deal with the vital weakness. THEY COULD PERPETUATE IT. THEY WOULD ENABLE DIEM TO CONTINUE TO CONCENTRATE ON PROTECTING HIS OWN POSITION

RECEIVED THE WHITE HOUSE
WASHINGTON

1962 APR 9 15 03

OFF SECY OF DEFENSE

April 7, 1962

(SECDEF HAS SEEN)

Dear Mr. Secretary:

The President has asked me to transmit to you for your comments the enclosed memorandum on the subject of Viet-Nam to the President from Ambassador J. K. Galbraith dated April 4, 1962.

Sincerely,

Michael V. Forrestal

Encl: Memo to Pres. from Amb. Galbraith

The Honorable

Robert S. McNamara

Secretary of Defense

Washington, D. C.

4A

From J. K. Galbraith

DEPARTMENT OF STATE
WASHINGTON

April 4, 1962

MEMORANDUM FOR THE PRESIDENT

Subject: Viet-Nam

The following considerations influence our thinking on Viet-Nam:

1. We have a growing military commitment. This could expand step by step into a major, long-drawn out indecisive military involvement.

2. We are backing a weak and, on the record, ineffectual government and a leader who as a politician may be beyond the point of no return.

3. There is consequent danger we shall replace the French as the colonial force in the area and bleed as the French did.

4. The political effects of some of the measures which pacification requires or is believed to require, including the concentration of population, relocation of villages, and the burning of old villages, may be damaging to those and especially to Westerners associated with it.

5. We fear that at some point in the involvement there will be a major political outburst about the new Korea and the new war into which the Democrats as so often before have precipitated us.

6. It seems at least possible that the Soviets are not particularly desirous of trouble in this part of the world and that our military reaction with the need to fall back on Chinese protection may be causing concern in Hanoi.

In the

[. . .]

4B

RECEIVED ASSISTANT SECRETARY OF DEFENSE
WASHINGTON 25, D.C.

1962 APR 16 09 14
INTERNATIONAL SECURITY AFFAIRS

I-16294/62 SECY OF DEFENSE

14 APR 1962

COVERING BRIEF

TO: The Secretary of Defense

FROM: The Assistant Secretary of Defense (ISA) (Signed) HW Haydn Wil[illegible]
Acting Assistant Sec[illegible]

Problem: To respond to the President's request for your comments concerning Ambassador Galbraith's memorandum on Vietnam.

Discussion: The President's request for comments did not specify that only military aspects should be treated. In view of the nature of Ambassador Galbraith's memo, meaningful comment necessarily ranges beyond the narrow military implications. However, the proposed comments conform with Special National Intelligence Estimate No. 10-62, dated 21 Feb 62.

Mr. Cottrell of the Department of State advises that Ambassador Galbraith's memorandum has not been referred to State for formal staffing and comment. Mr. [illegible] regards [illegible] communication to the President from Ambassador Galbraith. However, an initial draft of the attached memorandum to the President was reviewed by Mr. Cottrell and his comments have been considered.

Recommendation: That you sign the enclosed memorandum.

Concurrences: None required.

For record
See OK has talked to Amb Galbraith
and feels no reply needed. Mr Forrestal
informed this date that none
[illegible] would be [illegible]

466

Robert S. McNamara

PHỤ LỤC
G

CHƯƠNG 18 - CHƯƠNG 22

1. Cuộc họp ngày 4/7/1963 giữa TT Kennedy, Cố vấn Bundy và viên chức Bộ NG (phe chống TT Diệm).
2. Mật điện lịch sử ngày 24/8/1963 cho phép đảo chính.
3. Cuộc họp cao cấp ngày 31/8/1963: tham dự có Phó TT Lyndon Johnson, Bộ Trưởng NG Dean Rusk, Bộ Trưởng QP Robert McNamara, Cố Vấn McGeorge Bundy, Tướng Maxwell Taylor, Giám Đốc CIA William Colby, ĐS Federick Nolting và viên chức Bộ Ngoại Giao.

***

Lưu ý độc giả

CHƯƠNG 18 - CHƯƠNG 22

Các điện tín do Đại sứ Cabot Lodge, Tướng Paul Harkins gửi từ Sài Gòn về Washington và những chỉ thị từ Washington cho ĐS Lodge từ ngày 24/8/1963 tới ngày 1/11/1963 thì cuốn The Pentagon Papers (New York Times xuất bản 1971) đã có in lại (trang 194-232) nên chúng tôi không trích dẫn trong phần PHỤ LỤC.

1

E...Hilsman:mk

This document consists of 3 pages
No. 1 of 2 Copies, Series A

1963 JUL 8 07 56 DEPARTMENT OF STATE

OFFICE OF RECORDS

Memorandum of Conversation

FOR THE RECORD

DATE: July 4, 1963
TIME: 11:00 to 11:[illegible] a.m.
PLACE: The White House

SUBJECT: Situation in South Viet-Nam

PARTICIPANTS: The President
Mr. Ball
Mr. Harriman
Mr. McGeorge Bundy
Mr. Hilsman

COPIES TO: Mr. Forrestal

The President was briefed on developments in Indonesia, Laos and Viet-Nam. The portion on Viet-Nam follows:

A joint agreement was signed on June 16 in which the Government met the Buddhists' five demands. The Buddhists and the Government then worked together on the funeral arrangements for the monk who burned himself to death so the incidents would be avoided. The funeral took off without trouble.

Since then there have been rumors circulating in Saigon that the Government does not intend to live up to the agreement. These rumors were given credence by an article appearing in the English language "Times" of Viet-Nam, which is dominated by the Ngos. The article contained a veiled attack on the US and on the Buddhists. There was a suggestion that the Monk who burned himself to death was drugged and a provocative challenge to the Buddhists that, if no further demonstrations occurred on July 2, this would amount to an admission by the Buddhists that they were satisfied with the Government's action. (The President inquired questions on the possibility of drugging, to which Mr. Hilsman replied that religious fervor was an adequate explanation.)

At this point there was a discussion of the possibility of getting rid of the Ngos in which the combined judgment was that it would not be possible.

FORM DS-1254(T)
1-61

This page has been seen
12 JUL 1963

GPO [illegible]

526

1A

-2-

Continuing the briefing, Mr. Hilsman said that the Buddhists contain an activist element which undoubtedly favored increasing demands as well as charging the Government with dragging its feet. There was thus an element of truth in Diem's view that the Buddhists might push their demands so far as to make his fall inevitable.

During these events the US had put extremely heavy pressure on Diem to take political actions. Most recently we had urged Diem to make a speech which would include announcements that he intended to meet with Buddhist leaders, permit Buddhist chaplains in the army and so on. If Diem did not make such a speech and there were further demonstrations, the US would be compelled publicly to disassociate itself from the GVN's Buddhist policy. Mr. Hilsman reported that Diem had received this approach with what seemed to be excessive politeness but had said he would consider making such a speech.

Our estimate was that no matter what Diem did there will be coup attempts over the next four months. Whether or not any of these attempts will be successful is impossible to say.

Mr. Hilsman said that everyone agreed that the chances of chaos in the wake of a coup are considerably less than they were a year ago. An encouraging sign relative to this point is that the war between the Vietnamese forces and the Viet Cong has been pursued throughout the Buddhist crisis without noticeable let-up.

At this point Mr. Forrestal reported on General Krulak's views that, even if there were chaos in Saigon, the military units in the field would continue to confront the Communists.

Mr. Hilsman went on to say that Ambassador Nolting believes that the most likely result of a coup attempt that succeeded in killing Diem was civil war. Mr. Hilsman disagreed with this view slightly in that he thought civil war was not the most likely result but that it was certainly a possible result.

The timing of Ambassador Nolting's return and Ambassador Lodge's assumption of duty was then discussed. The President's initial view was that Ambassador Nolting should return immediately and that Ambassador Lodge should assume his duties as soon thereafter as possible. The President volunteered that Ambassador Nolting had done an outstanding job, that it was almost miraculous the way he had succeeded in turning the war around from the

1B

disastrously low point in relations between Diem and ourselves that existed when Ambassador Nolting took over. Mr. Hilsman pointed out the personal sacrifices that Ambassador Nolting had been forced to make during this period, and the President said that he hoped a way could be found to commend Ambassador Nolting publicly so as to make clear the fine job he had done and that he hoped an appropriate position could be found for him in Washington so that he could give his children a suitable home in the years immediately ahead.

The President's decision was to delegate the authority to decide on the timing of Ambassador Nolting's return to the Assistant Secretary for Far Eastern Affairs; that Ambassador Lodge should report to Washington no later than July 15 so that he could take the Counterinsurgency Course simultaneously with the normal briefings for an ambassador, and that Ambassador Lodge should arrive in Saigon as soon as possible following completion of the CI Course on August 14. Arrangements were made for Ambassador Nolting to see the President at 4:00 p.m. on Monday, July 8.

STATE 243 REF: CAS 265 - TAB E
State 316, 320 & 329 TAB B

STATE TO LODGE

It is now clear that whether military proposed martial law or whether Nhu tricked them into it, Nhu took advantage of its imposition to smash pagodas with police and Tung's Special Forces loyal to him, thus placing onus on military in eyes of world and Vietnamese people. Also clear that Nhu has maneuvered himself into commanding position.

US Government cannot tolerate situation in which power lies in Nhu's hands. Diem must be given chance to rid himself of Nhu and his coterie and replace them with best military and political personalities available.

If, in spite of all of your efforts, Diem remains obdurate and refuses, then we must face the possibility that Diem himself cannot be preserved.

We now believe immediate action must be taken to prevent Nhu from consolidating his position further. Therefore, unless you in consultation with Harkins perceive overriding objections you are authorized to proceed along following lines:

(1) First, we must press on appropriate levels of GVN following lines:
   (a) USG cannot accept actions against Buddhists taken by Nhu and his collaborators under cover martial law.
   (b) Prompt dramatic actions redress situation must be taken, including repeal of decree 10, release of arrested monks, nuns, etc.

(2) We must at same time also tell key military leaders that US would find it impossible to continue support GVN militarily and economically unless above steps are taken immediately which we recognize requires removal of Nhus from the scene. We wish give Diem reasonable opportunity to remove Nhus, but if he remains obdurate, then we are prepared to accept the obvious implication that we can no longer support Diem. You may also tell appropriate military commanders we will give them direct support in any interim period of breakdown central government mechanism.

(3) We recognize the necessity of removing taint on military for pagoda raids and placing blame squarely on Nhu. You are authorized to have such statements made in Saigon as you consider desirable to achieve this objective. We are prepared to take same line here and to have Voice of America make statement along lines contained in next numbered telegram whenever you give the word, preferably as soon as possible.

Concurrently, with above, Ambassador and country team should urgently examine all possible alternative leadership and make detailed plans as to how we might bring about Diem's replacement if this should become necessary.

Assume you will consult with General Harkins re any precautions necessary protect American personnel during crisis period.

You will understand that we cannot from Washington give you detailed structions as to how this operation should proceed, but you will also know we will back you to the hilt on actions you take to achieve our objectives.

Needless to say we have held knowledge of this telegram to minimum ential people and assume you will take similar precautions to prevent mature leaks.

THE JOINT CHIEFS OF STAFF
WASHINGTON 25, D.C.

OFFICE OF THE SPECIAL ASSISTANT FOR
COUNTERINSURGENCY AND SPECIAL ACTIVITIES

31 August 1963

MEMORANDUM FOR THE RECORD

Subject: Meeting at the State Department, 1100, 31 August 1963; Subject: Vietnam

Present:

The Vice President	General Carter
Secretary Rusk	Mr. Helms
Secretary McNamara	Mr. Colby
Mr. Gilpatric	Ambassador Nolting
Mr. Bundy	Mr. Hilsman
General Taylor	Mr. Kattenburg
Mr. Murrow	General Krulak

1. Secretary Rusk stated that, in his judgement, we were back to where we were about Wednesday of last week, and this causes him to go back to the original problem and ask what in the situation led us to think well of a coup. Ruling out hatred of the Nhus, he said, there would appear to be three things:

a. The things that the Nhus had done or supported, which tended to upset the GVN internally.

b. The things that they had done which had an adverse external effect.

c. The great pressures of U.S. public opinion.

2. Mr. Rusk then asked if we should not pick up Ambassador Lodge's suggestion in his message of today (Saigon 391) and determine what steps are required to re-gird solidarity in South Vietnam - such as improvement in conditions concerning students and Buddhists and the possible departure of Madame Nhu. He said that we should determine what additional measures are needed to improve

3A

the international situation - such as problems affecting Cambodia - and to improve the Vietnamese position wherein U.S. public opinion is concerned. He then said that he is reluctant to start off by saying now that Nhu has to go; that it is unrealistic.

3. Mr. McNamara stated that he favored the above proposals of the Secretary of State, with one additional step - that is to establish quickly and firmly our line of communication between Lodge, Harkins and the GVN. He pointed out that at the moment our channels of communication are essentially broken and that they should be reinstituted at all costs.

4. Mr. Rusk added that we must do our best not to permit Diem to decapitate his military command in light of its obviously adverse effect on the prosecution of the war. At this point he asked if anyone present had any doubt in his mind but that the coup was off.

5. Mr. Kattenburg said that he had some remaining doubt; that we have not yet sent the generals a strong enough message; that the BOA statement regarding the withdrawal of aid was most important, but that we repudiated it too soon. He stated further that the group should take note of the fact that General Harkins did not carry out his instructions with respect to communication with the generals. Mr. Rusk interrupted Kattenburg to state that, to the contrary, he believed Harkins' conduct was exactly correct in light of the initial response which he received from General Kheim (they were referring to Harkins' report in MACV 1583).

6. Mr. Hilsman commented that, in his view, the generals are not now going to move unless they are pressed by a revolt from below. In this connection Ambassador Nolting warned that in the uncoordinated Vietnamese structure anything can happen, and that while an organized successful coup is out, there might be small flurries by irresponsible dissidents at any time.

7. Mr. Hilsman undertook to present four basic factors which bear directly on the problem confronting the U.S. now. They are, in his view:

a. The mood of the people, particularly the middle level officers, non-commissioned officers and middle level bureaucrats, who are most restive. Mr. McNamara interrupted to

3B

state that he had seen no evidence of this and General Taylor commented that he had seen none either, but would like to see such evidence as Hilsman could produce. Mr. Kattenburg commented that the middle level officers and bureaucrats are uniformly critical of the government, to which Mr. McNamara commented that if this is indeed the fact we should know about it.

b. The second basic factor, as outlined by Hilsman, was what effect will be felt on our programs elsewhere in Asia if we acquiesce to a strong Nhu-dominated government. In this connection, he reported that there is a Korean study now underway on just how much repression the United States will tolerate before pulling out her aid. Mr. McNamara stated that he had not seen this study and would be anxious to have it.

c. The third basic factor is Mr. Nhu, his personality and his policy. Hilsman recalled that Nhu has once already launched an effort aimed at withdrawal of our province advisors and stated that he is sure he is in conversation with the French. He gave, as supporting evidence, the content of an intercepted message, which Mr. Bundy asked to see. Ambassador Nolting expressed the opinion that Nhu will not make a deal with Ho Chi Minh on Ho's terms.

d. The fourth point is the matter of U.S. and world opinion, Hilsman stated that this problem was moving to a political and diplomatic plane. Part of the problem, he said, is the press, which concludes incorrectly that we have the ability to change the things in Vietnam of which they are critical. To this Mr. Murrow added that this problem of press condemnation is now worldwide.

8. Mr. Kattenburg stated that as recently as last Thursday it was the belief of Ambassador Lodge that, if we undertake to live with this repressive regime, with its bayonets at every street corner and its transparent negotiations with puppet bonzes, we are going to be thrown out of the country in six months. He stated that at this juncture it would be better for us to make the decision to get out honorably. He went on to say that, having been acquainted with Diem for ten years, he was deeply disappointed in him, saying that he will not separate from his brother. It was Kattenburg's view that Diem will get very little support from the military and, as time goes on, he will get less and less support and the country will go steadily down hill.

3C

9. General Taylor asked what Kattenburg meant when he said that we would be forced out of Vietnam within six months. Kattenburg replied that in from six months to a year, as the people see we are losing the war, they will gradually go to the other side and we will be obliged to leave. Ambassador Nolting expressed general disagreement with Mr. Kattenburg. He said that the unfavorable activity which motivated Kattenburg's remarks was confined to the city and, while city support of Diem is doubtless less now, it is not greatly so. He said that it is improper to overlook the fact that we have done a tremendous job toward winning the Vietnam war, working with this same imperfect, changing government.

10. Mr. Kattenburg added that there is one new factor - the population, which was in high hopes of expelling the Khus after the VOA announcement regarding cessation of aid; now, under the heel of Nhu's military repression, they would quickly lose heart.

11. Secretary Rusk commented that Kattenburg's recital was largely speculative; that it would be far better for us to start on the firm basis of two things - that we will not pull out of Vietnam until the war is won, and that we will not run a coup. Mr. McNamara expressed agreement with this view.

12. Mr. Rusk then said that we should present questions to Lodge which fall within these parameters. He added that he believes we have good proof that we have been winning the war, particularly the contrast between the first six months of 1963 and the first six months of 1963. He then asked the Vice President if he had any contribution to make.

13. The Vice President stated that he agreed with Secretary Rusk's conclusions completely; that he had great reservations himself with respect to a coup, particularly so because he had never really seen a feasible alternative to Diem. He stated that from both a practical and political viewpoint, it would be a disaster to pull out; that we should stop playing cops and robbers and get back to talking straight to the GVN, and that we should once again go about winning the war. He stated that after our communications with them are genuinely reestablished, it may be necessary for someone to talk rough to them - perhaps General Taylor. He said further that he had been greatly impressed with Ambassador Nolting's views and agreed with Mr. McNamara's conclusions.

3D

14. General Taylor raised the question of whether we should change the disposition of the forces which had been set in motion as a result of the crisis. It was agreed that there should be no change in the existing disposition for the time being.

V. H. KRULAK
Major General, USMC

PHẦN GHI CHÚ

(Chi tiết về nhà xuất bản những tài liệu ghi trong mục này: xem phần "Tài Liệu và Sách Tham Khảo"

CHƯƠNG 1
Chợt Đến Rồi Chợt Đi
Những Cơ Duyên Lịch Sử

1. William Appleman Williams và Thomas McCormick, eds., *America in Vietnam – A Documentary History,* trang 3,
2. Mạng web <*Monticello.org/site/house-and-gardens/rice*> .
3. Xem thêm Trần Đông Phong, "Hoàng Tử Cảnh Từng Gặp Thomas Jefferson," *Việt Báo Tết Đinh Hợi, 2007*, trang 72-76.
4. R.H. Miller, *The United States and Vietnam 1787 – 1941*, trang 14 – 16.
5. Thomas D. Boetcher, *Vietnam the Valor and the Sorrow*, trang 10.
6. Lê Xuân Khoa, *Việt Nam – 1945-1995*, Tập 1, trang 81.
7. U.S Department of Defense, *United States-Vietnam Relations, 1945-1967* - Tập 1, trang 14.
8. Như trên.
9. *United States-Vietnam Relations*, sách đã dẫn (sđd.), trang 19.
10. Boettcher, sđd., trang 41.

11. *United States-Vietnam Relations*, sđd., trang 14.
12. *United States-Vietnam Relations*, sđd., trang 24-25.
13. William Apple Williams, sđd., trang 31.
14. William Apple Williams, như trên.
15. *United States-Vietnam Relations*, sđd. trang 59.
16. Boettcher, sđd., trang 42-43.
17. Boetcher, sđd., trang 46.

CHƯƠNG 2
Đông Dương Bốc Cháy

1. Philippe Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi,* trang 21-22 (trích dẫn do Lê Xuân Khoa, sđd., trang 80).
2. *United States-Vietnam Relations, 1945-1967* - Tập 8, trang iii. 9. Xem thêm Nguyễn Kỳ Phong, *Vũng Lầy Của Bạch Ốc*, trang 58-60.
3. Thomas D. Boetcher, sđd., trang 45.
4. *United States-Vietnam Relations, 1945-1967*, Tập 1, trang A 2; Thomas D. Boetcher, như trên.
5. Jacques de Folin, *Indochine, 1940-1945: La Fin D'Un Rêve* (Perrin, 1993), trang 99 và Philippe Devillers, *Paris-Saigon-Hanoi*, trang 21-22 (trích dẫn do Lê Xuân Khoa, sđd., trang 80 -81).
6. Bảo Đại, Con Rồng Việt Nam, trang 159.
7. Lê Xuân Khoa, sđd., trang 113-114 – Trích dẫn Nguyễn Phú Đức. *The Vietnam War*; bản thảo chưa xuất bản, Tập I, trang 102.
8. Joseph Buttinger, *Vietnam: A Dragon Embattled*, Tập I, trang 435-436.
9. Lê Xuân Khoa, như trên.
10. Thomas D. Buttinger, sđd., trang 335-351; Bạch Hạc Trần Đức Minh, *Một Thời Nhiễu Nhương*, trang 98-100.
11. Stanley Karnow, Vietnam - A History, trang 163-164.
12. Như trên.
13. Một đối thoại về biến cố Cité René Herault như chúng tôi đã đề cập trong hai cuốn sách Khi Đồng Minh Tháo Chạy và Tâm Tư TT Thiệu: -"Chúng tôi nghe thông tin là có những đoàn thê võ trang định bắt người Mỹ làm con tin?" ông Thomas Polgar, trùm CIA ở Việt Nam đến gặp Thiếu Tướng Nguyễn Khắc Bình, Tư lệnh Cảnh sát

kiêm Tình Báo Quốc Gia, gạ hỏi.

-"Tôi nghĩ rằng có, nhưng chưa có gì là cụ thể, hay tổ chức thành kế hoạch," ông Bình trả lời.

-"Chúng tôi biết đã có một tiền lệ ở đây về việc bắt cóc."

-"Tiền lệ nào?

-"Chắc Thiếu tướng còn nhớ vụ 'Cité René Hérault?'

-"Tôi nhớ, nhưng ông đừng lo. Dù sao, tôi cũng cho ông hay là cả thủ đô đang đặt vấn đề tại sao Mỹ chỉ cho một số nhỏ người Việt được di tản?"

- "Chúng tôi sẽ cố gắng hết sức về việc này."

Cư xá René Hérault nằm ở Tân định, phía tay phải trên đường từ Tân Sơn Nhất vào trung tâm Sàigòn. Phần đông người Pháp và lai Pháp cư ngụ tại đây. Tình hình tại Sàigòn vào mùa hè năm ấy hết sức sôi động. Biết bao tranh chấp giữa các phe phái: Nhật, Pháp, Việt Minh, lực lượng Đồng Minh do tướng Douglas Gracy (người Anh) chỉ huy. Ngoài Việt Minh, lại còn các phe phái Việt Nam khác. 'Mờ sáng ngày 25 tháng 9, lực lượng Bình Xuyên tấn công cư xá.' Theo sử gia Stanley Karnow, 150 người Pháp và lai Pháp bị hạ sát, trên 100 bị bắt làm con tin.

14. Joseph Buttinger, sđd., trang 335.
15. Stanley Karnow, sđd., trang 168-169. Về Hiệp Định: *United States-Vietnam Relations,* tlđd, Tập 1, trang 25.
16. Lê Xuân Khoa, sđd., trang 205.
17. Bảo Đại, sđd., trang 287-288.
18. Về hoàn cảnh Bollaert - Bảo Đại: như trên, trang 384-308.
19. *United States-Vietnam Relations*, 1945-1967, tlđd., Tập 8, trang 45-48.
20. Như trên, Tập 1, trang A 3.
21. Như trên, Tập 8, trang 74.
22. Joseph Buttinger, sđd., trang 425-426 và 427-429; Stanley Karnow, sđd., trang 166-175.
23. Như trên.
24. Joseph Buttinger, sđd., trang 432-433.
25. Fedrik Logevall, *Embers of War (2012)*, trang 118-120.
26. Xem thêm: Nguyễn Kỳ Phong, sđd., trang 35-38.
27. *United States-Vietnam Relations*, 1945-1967, tlđd., Tập 8, trang 143-149.

CHƯƠNG 3

Địa Điểm Chiến Lược Quan Trọng Nhất

1. Bảo Đại, *Con Rồng Việt Nam*, trang 317.
2. Bảo Đại, sđd., trang 316
3. *United States- Vietnam Relations*, tlđd., Tập 1, phần II, trang A-12 (ở giữa).
4. Ronald H. Spector, *Advice and Support,* The Early Years, trang 93.
5. Như trên.
6. Bảo Đại, sđd., trang 322.
7. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 136.
8. Bảo Đại, sđd., trang 340).
9. Bảo Đại, sđd., trang 341.
10 Như trên.
11. Bảo Đại, sđd., trang 343.
12. Bảo Đại, sđd., trang 363…
13. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 190 – 192 (copy)
14. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 219 – 222.
15. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 265-272 (NSC 48/1).
16. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 127-128; Tập 1, trang A-5 và Tập 8, trang 79.
17. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 276 - 277.
18. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 278 – 279.
19. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 286.

CHƯƠNG 4

Bảy Lý Do Xác Định Quyền Lợi Của Hoa Kỳ Ở Biển Đông

1. *United States-Vietnam Relations* 1945-1976, tlđd., Tập 8, trang 282-285.
2. *United States-Vietnam Relations* 1945-1976, như trên, trang 301-304.

3. Ronald H. Spector, sđd., trang 106-107.
4. *United States-Vietnam Relations* 1945-1976, tlđd., Tập 8, trang 308-313.
5. Như trên, trang 318-319.
6. Như trên, trang 336-337.
7. Như trên, trang 341-342.
8. Toàn bộ NSC số 124, 124/1 và 124/2 và Phụ Đính - Như trên, xem những trang 468-476; 486-493; 494-505; và 520-534.
9. Như trên.

CHƯƠNG 5
Đáp Lời Sông Núi

1. Ronald H. Spector (từ đây viết tắt 'Spector'), sđd., trang 131
2. Spector, sđd., trang 111
3. *United States – Vietnam Relations,* tài liệu đã dẫn (tlđd), Tập 8, trang 289-290 và 292.
4. Spector, sđd., trang 108.
5. *United States - Vietnam Relations,* tlđd, Tập 1, trang A-18) và Spector, như trên.
6. Spector, như trên.
7. Như trên.
8. Spector, sđd., trang 109.
9. Spector, sđd., trang 101.
10. Spector, sđd., trang 108 và 128.
11. *United States – Vietnam Relations*, tlđd, Tập 1, trang A-11 .
12. Bạch Hạc Trần Đức Minh, sđd., trang 258.
13. *United States – Vietnam Relations,* tlđd, Tập 8, trang 344-346.
14. *United States – Vietnam Relations*, như trên, trang 345.
15. *United States – Vietnam Relations*, như trên, trang 400.
16. Spector, sđd., trang 119.
17. Như trên và trang 117-118.
18. Bảo Đại, sđd., trang 449.
19. Xem bản đồ trong Spector, sđd., trang 138.
20. Spector, sđd., trang 136.
21. Bảo Đại, sđd., trang 394.
22. Xem thêm Bạch Hạc Trần Đức Minh, (từ đây viết tắt 'Minh') sđd., trang 258.

23. Bảo Đại, sđd., trang 441.
24. Bảo Đại, sđd., trang 441-444.
25. Bảo Đại, sđd., trang 445.
26. Như trên.
27. Minh, sđd., trang 259-260.
28. Như trên.
29. Spector, sđd., trang 143.
30. Spector, sđd., trang 142 – 143.
31. Department of State, *Foreign Relations of the United States*, 1951: *Asia nd the Pacific*, Phần I/6 trang 517.
32. Bảo Đại, sđd., trang 455.
33. Spector, sđd, trang 149.
34. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 518-519.
35. Về Huấn lệnh NSC 124/1 và NSC 124/2, xem *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 8, trang 520-534.
36. Như trên.
37. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 2-3.
38. Spector, sđd., trang 169.
39. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 4.
40. Spector, sđd., trang 181.
41. Spector, sđd., trang 180-181.
42. Spector, sđd., trang 154.
43. Ellen Hammer, *The Struggle for Indochina*, trang 288.
44. Spector, như trên.
45. Về phát triển Quân đội Quốc Gia, xem Bạch Hạc Trần Đức Minh, sđd., trang 257-261; Bảo Đại, sđd, trang 394-406.

CHƯƠNG 6
Cuốn Theo Chiều Gió

1. Xem *Khi Đồng Minh Tháo Chạy*, trang 448
2. Spector, sđd., trang 150.
3. Minh, sđd., trang 264-269.
4. Như trên.
5. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 47-53.
6. Spector, sđd., trang 118.
7. Spector, sđd., trang 172.

8. Bernard B. Fall, *Hell in a Very Small Place: The Siege of Dien Bien Phu,* trang 29.
9. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 59-67.
10. Như trên, trang 69-72 và một báo cáo thật dài, trang 73-95.
11. Minh, sđd., trang 282-283.
12. Minh, sđd., trang 284.
13. *United States-Vietnam Relations,* tlđd., Tập 9, trang 117.
14. Như trên, trang 125-129 (Phụ lục).
15. Như trên, trang 130.
16. Như trên, trang 45-58.
17. Fredrik Logevall, (từ đây, viết tắt 'Logevall') *Embers of War,* trang 384-5.
18. Logevall, sđd, trang 385.
19. Như trên, trang 420-421.
20. Spector, sđd., trang 182.
21. Như trên.
22. Logevall, sđd., trang 386.
23. Spector, sđd., trang 182.
24. Như trên, trang 187.
25. Như trên, trang 190.
26. Logevall, sđd. Trang 512-513.
27. Như trên, trang 459-460.
28. Boetcher, sđd., trang 126.
29. Như trên, trang 122 và Logevall, trang 460-461.
30. *United States – Vietnam Relations,* tlđd., Tập 9, trang 296. Về giai thoại giữa Ely và Radford, xem Nguyễn Kỳ Phong, Vũng Lầy Tòa bạch Ốc, trang 85-90.
31. Logevall, sđd., trang 457-458.
32. United States-Vietnam Relations, tlđd., Tập 9, trang 359.
33. Boetcher, sđd., trang 126.
34. United States-Vietnam Relations, tlđd., Tập 9, trang 360.
35. Như trên, trang 361.
36. Như trên, trang 382-383.
37. Về kế hoạch Kên Kên, xem United States-Vietnam Relations, tlđd., Tập 1, trang B-19-20 (ở giữa); Spector, sđd., trang 207-208.
38. Boetcher, sđd.,trang 128-129 và Spector, sđd., trang 210
39. Như trên.
40. United States-Vietnam Relations, tlđd., Tập 9, trang 388-389.

41. Như trên, trang 390.
42. Boetcher, sđd., trang 129.
43. Như trên.

CHƯƠNG 7

Giữ Lại Phát Diệm - Bùi Chu Làm Cứ Điểm Ngoài Bắc?

1. Xem Lã đăng Bật, *Ninh Bình* (NXB Trẻ) trang 326-330.
2. Về chi tiết Khu An Toàn, xem Nguyễn Gia Đệ và Trà Lũ (Chủ biên), ừ (NXB Hoa Lư, 2001).
3. Như trên.
4. Bảo Đại, sđd., trang 217.
5. *Giám Mục Lê Hữu Từ*, sđd.,trang 10-11.
6. Bảo đại, sđd., trang 216
7. Bảo đại, sđd., trang 386 – 388.
8. *Giám Mục Lê Hữu Từ*, sđd.,trang 143.
9. Bảo đại, sđd., trang 387.
10. Bảo đại, sđd., trang 402.
11. Spector, sđd., trang 137.
12. Như trên.
13. Minh, sđd., trang 284-285; 295-296.
14. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 1, trang B-8 (ở vào 1/3 cuối).
15. Như trên.
16. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 1, trang B – 10-11 (ở 1/3 cuối).
17. Như trên (B-9).
18. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 572-573.
19. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 576-577.
20. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 575.
21. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 578-579.
22. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 11, trang 36.

CHƯƠNG 8
Đằng Sau Cuộc Di Cư Bắc - Nam

1. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 2, Phần V.1, trang B. 18-19 (ở giữa).
2. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 457.
3. Richard Nixon, *The Memoirs of Richard Nixon*, trang 559.
4. Bảo Đại, sđd., trang 513.
5. Bảo Đại, sđd., trang 516.
6. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 1, trang A 36 (ở 1/3 cuối tài liệu).
7. Như trên, trang A 37.
8. Như trên.
9. Như trên, trang A 38-39.
10. Như trên, trang A 40-41
11. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang 589-591.
12. Như trên, trang 600-601.
13. Như trên, trang 602.
14. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 1, trang A 42.
15. Bảo Đại, sđd., trang 520.
16. Thông cáo chung: *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 1, trang 672-675.
17. Về tóm tắt Hiệp Định Geneva: *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 9, trang xvi.
18. Như trên, trang 671.
19. Minh, sđd., trang 39; Bảo Đại, sđd., trang 519-520
20. Bảo Đại, sđd., trang 521.
21. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 10, trang 691-692.
22. Dwight Eisenhower, Mandate For Change, trang 372; *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 2, Phần IV. A 5, trang 8 -15.
23. Như trên.
24. *Department of State Bulletin*, ngày 16 tháng 8, 1954; White House Statement, ngày 22 tháng 8, 1954; Yale University Law School, The Avalon Project.
25. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 10, trang 731-738 (về Đông Dương, trang 737).
26. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 10
27. Spector, sđd., trang 226.

28. Xem mạng "First Seabees in Vietnam Evacuated Citizens to South" "*http://www.seabee cook.com*".
29. Xem mạng "*http://www.library.vanderbuilt.edu/Brush/Tom-Dooley*"
30. Như trên.
31. Đoạn này dựa trên: United States-Vietnam Relations, tlđd., Tập 2, A.5, trang 8-15; <*http://www.library.vanderbuilt.edu/Brush/Tom-Dooley*>; Harvey H. Smith, Donald W.Bernier et als. (eds.) *Area Handbook for South Vietnam*, trang 63-64.

CHƯƠNG 9

"Ta Phải Lao Vào"

1. Timothy T. Maga, *The Complete Idiot's Guide to The Vietnam War*, trang 47- 49.
2. Như trên.
3. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 10, trang 703.
4. Như trên, Tập 10, trang 731.
5. Như trên, Tập 10, trang 742.
6. Như trên, Tập 10, trang 765-767 và Tập 1, trang vii (ở cuối).
7. Như trên.
8. Như trên, Tập 1, trang 17 (ở cuối).
9. Như trên, Tập 1, trang 18 (cuối).
10. Như trên, Tập 1, trang 19 (cuối).
11. Như trên, Tập 10, trang 853-855.
12. Như trên, Tập 10, trang 859.
13. Như trên, Tập 8, trang 319.
14. Như trên, Tập 1, trang A 12 (1/5 cuối).
15. Như trên, Tập 1, A 13 (cuối).
16. Tóm tắt các điều khoản của SEATO: William A. Williams, sđd., trang 174-177.
17. Như trên, trang 172-174.
18. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 1, trang A 21-22.
19. Như trên, trang A 13.
20. Như trên, Tập 10, trang 835-850.

CHƯƠNG 10

Nhà Tu Hành Lạc Lõng Vào Một Ngân Hà Chính Trị

1. Boetcher, sđd., trang 142.
2. Bảo Đại Page 514-516.
3. Buttinger, sđd., trang 859.
4. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 10, trang 699.
5. Xem Chương về "5 – Năm Vàng Son".
6. *United States-Vietnam Relations*, như trên.
7. Moyar, sđd., trang 42.
8. Spector, sđd., trang 236.
9. Boethcher, sđd. Trang 143.
10. Bảo Đại, sđd., trang 526.
11. Buttinger, sđd., trang 859.
12. *United States-Vietnam Relations*, như trên, trang 753.
13. Buttinger, sđd., trang 960.
14. Buttinger, sđd., trang 861.
15. *United States-Vietnam Relations,* như trên, trang 758.
16. Xem Chương 7.
17. Bảo Đại, sđd., trang 528.
18. Buttinger, sđd., trang 861.
19. *United States-Vietnam Relations*, như trên, trang 765.
20. Như trên.
21. Spector, sđd., trang 235.
22. *United States-Vietnam Relations*, như trên, trang 780-781.
23. *United States-Vietnam Relations*, như trên, trang 798-799.
24. Buttinger, sđd., trang 864.
25. Minh Võ, *Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc*, trang 239.
26. *United States-Vietnam Relations*, như trên, trang 765.
27. Như trên, trang 806.
28. Như trên.
29. Bảo Đại, sđd., trang 528.
30. Bảo Đại, sđd., trang 824.
31. *United States-Vietnam Relations*, như trên, trang 814-816.
32. Như trên, trang 824-825.
33. Như trên.

34. Đoạn này dựa vào những điện tín trong *United States-Vietnam Relations*, như trên, trang 814-829.
35. Xem mạng internet.
37. *United States-Vietnam Relations*, như trên, trang 830-834.
37. Như trên.
38. Như trên.
39. *United States-Vietnam Relations*, như trên, trang 853-855.

CHƯƠNG 11

Đang Thật Xui
Trong Khoảnh Khắc Lại Thật May

* **Ghi chú: Chương này dựa vào những tài liệu sau:**

- *United States -- Vietnam Relations* 1945 – 1967, tlđd.,
  Tập 10 – Theo thứ tự trong chương – Trang:
  - 925-929
  - 894-896
  - 912
  - 915
  - 920-924
  - 941-943
  - 948-954
  - 945-947
  - 941
  - 907-909
- David L. Anderson, *Trapped By Success,* trang 112,157.
- Edward G. Landsdale, *In The Mist of Wars,* trang 289.
- Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, *Foreign Relations of the United-States,* 1955-1957, Tập I, trang 281.
- Mark Moyar, *Triumph Forsaken*, sđd., trang 49-52.
- Bạch Hạc Trần Đức Minh, *Một Thời Nhiễu Nhương* 1945-1975, sđd., Tập I, trang 459-571.
- Joseph Buttinger, *Vietnam, A Dragon Embattled*, sđd., trang 865-881.
- Ronald H. Spector, *Advice and Support*, sđd., trang 236.
- Bảo Đại, *Con Rồng Việt Nam,* sđd., trang 530.

CHƯƠNG 12
Bình Minh Của Nền Cộng Hòa

* Ghi chú:

Chương này dựa vào những tài liệu sau:

• United States–Vietnam Relations 1945 – 1967, tlđd.
Tập 10 - Theo thứ tự trong chương – Trang:
959-996
923-926
936
984
1048
1073
1064

• Dulles Paper, DDEL – Box 9 - Subject Series, *Dulles Memo of Coversation with Mr. Faure, May 11, 1955.*
• Bảo Đại, sđd, trang 532-535.
• Ronald H. Spector, sđd., trang 251.
• William A. Williams, sđd., trang 183
• Mark Moyar, sđd., trang 53, 59, 75, 77.
• Joseph Buttinger, sđd., trang 498, 886-887, 891-892.
• David A. Anderson, sđd., trang 111-113, 116-117, 119, 133, 135.
• Thomas D. Boetcher, sđd., trang 149.
• *New York Times*, ngày 9 và 10 tháng 5, 1957
• Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, *Foreign Relations of the United-States* 1958-1960 - Tập I, trang 375, 386.
• *Life (magazine)*, ngày 13 tháng 5, 1957.
• Robert G. Sigliano, *South Vietnam Under Stress*, trang 107, 121.
• George M. Kahin et als., *The United States In Vietnam*, trang 84-86.

CHƯƠNG 13
'5 - Năm Vàng Son 1955-1960'
Vừa Phát Triển Vừa Hòa Bình

Ghi chú: chương này phần lớn dựa vào: tài liệu của cơ quan Viện Trợ Hoa Kỳ USAID, Bộ Kế Hoạch, Bộ Canh Nông, Tòa Đại sứ VNCH tại Washington, và hồ sơ *United States - Vietnam Relations 1945-1967:*

- USAID, Asia Bureau, Office of Residual Indochina Affairs, Vietnam Desk, *United States Economic Assistance To South Vietnam 1954-1975*, Tập I, II,III.
- Số liệu của Bộ Canh Nông, Bộ Kế Hoạch và
- *United States - Vietnam Relations* 1945-1967, tlđd., Tập 11, trang 182-226.
- George L. Harris, Robert J. Catto et als., *Area Handbook for Vietnam*, 1962.
- Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*.

CHƯƠNG 14

Lúc Cơm Chẳng Lành, Canh Chẳng Ngọt

Chương này dựa vào những tài liệu sau:

- United States–Vietnam Relations 1945 - 1967, tlđd. -

  Theo thứ tự trong chương:

  Tập 2 - trang 33-41;
  66-77;
  138-139;
  147.

  Tập 10 - trang 1254-1255;
  1311-1317;
  1323-1324;
  1329;
  1330-1331;

  Tập 11 - trang 400;
  419-421;

  Tập 12 - trang 469-480;
  522-524.

- Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, *Foreign Relations of the United-States* 1958-1960 – Tập I, trang 150-158; 164.
- Mark Moyar, *Triumph Forsaken*, sđd., trang 105-112.
- Bạch Hạc Trần Đức Minh, *Một Thời Nhiễu Nhương*, 1945-1975, sđd., trang 633-642; 676.
- Thomas D. Boetcher, *Vietnam - The Valor and The Sorrow*, sđd., trang 181-182.
- Ellen J. Hammer, *A Death in November*, trang 121.

CHƯƠNG 15

Thuở Ban Đầu Lưu Luyến Với Kennedy

Chương này dựa vào những tài liệu (với những trang) sau:

• *United States – Vietnam Relations 1945 – 1967*, tlđd. Theo thứ tự diễn biến trong chương:

Tập 10, trang 1255;
Tập 11, trang 1-12.
Tập 2, trang 9-10 (ở cuối tập);
Tập 11, trang 69-87;
Tập 11, trang 136-137;
138-154;
Tập 2, trang ii và 22 (ở cuối tập);
Tập 11, trang 132-135;
160-166;
155-156;
Tập 2, trang iii (phần cuối);
52 (phần cuối);
Tập 11, trang 157-158;
Tập 2, trang 43 (phần cuối);
65, như trên;
42, như trên.
Tập 11, trang 167-173.

Guenter Lewy, *America in Vietnam*, trang 12-13.

Mark Moyar, *Triumph Forsaken*, sđd., trang 123, 137-138.

Thomas D. Boetcher, *Vietnam – The Valor and The Sorrow*, sđd., trang 181-182.

Ellen J. Hammer, *A Death in November*, trang 164; 167-168.

Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, *Foreign Relations of the United-States* 1958-1960 - Tập I, trang 150-158; 164;

Mark Moyar, *Triumph Forsaken*, sđd., trang 105-112;

Bạch Hạc Trần Đức Minh, *Một Thời Nhiều Nhương*, 1945-1975, sđd., trang 633- 642; 676.

Thomas D. Boetcher, Vietnam - The Valor and The Sorrow, sđd., trang 181-182.

Ellen J. Hammer, *A Death in November*, trang 121.

CHƯƠNG 16
"Việt Nam Là Đúng Chỗ Rồi"

1. Những diễn biến về cuộc họp Kennedy-Krushchev trong phần này: Boetcher, sđd., trang 168 - 173 à Mark Moyar, sđd., trang 132-133.
2. *Vietnam - United States Relations*, tlđd., Tập 11, trang 174 (NSAM 56).
3. Thomas D. Boetcher, sđd., trang 172-3.
4. Như trên; Guenter Lewy, America in Vietnam, sđd., trang 19.
5. William A. Williams, sđd., trang 189-190.
6. *Vietnam – United States Relations,* tlđd., Tập 11, trang 312.
7. Theo Bản Ghi Nhớ của Roswell Kilpatric: như trên, trang 322.
8. Như trên, trang 327.
9. *Vietnam – United States Relations,* tlđd., Tập 2, trang 90-91 (cuối).
10. Như trên, trang 87.
11. Như trên, trang 91.
12. Như trên, trang 329.
13. Như trên, trang 94-95.
14. Như trên, trang 95.
15. Như trên, trang 98.
16. Mark Moyar, sđd., trang 136-137.
17. *Vietnam – United States Relations*, tlđd., Tập 12, trang 45; Tòa Đại sứ VNCH, Bulletin.
18. *Vietnam – United States Relations*, tlđd., Tập 2, trang 125-133 (cuối tập). BH Trần Đức Minh, trang 628 – 630.
19. *Vietnam – United States Relations*, tlđd., Tập 11, trang 400.
20. Marvin E. Gentleman and Jane Franklin et als (eds.) *Vietnam and America*: A Documentary History, Grove Weidenfel, 1985, trang 164.
21. *Vietnam – United States Relations*, tlđd., Tập 7 trang C-14.
22. *Vietnam – United States Relations*, tlđd., Tập 12, trang 455-456.

CHƯƠNG 17
"Chúng Tôi Không Muốn Trở Thành Một Nước Bị Bảo Hộ"

1. *Vietnam – United States Relations*, tlđd., Tập 11, trang 2.
2. Như trên, trang 73 và Tập 2, trang 12.

3. Như trên, Tập 11, trang 402.
4. Như trên, trang 403.
5. Như trên, trang 404-405.
6. Như trên, Tập 2, trang 138.
7. Như trên, trang 139.
8. Như trên, Tập 11, trang 419-421.
9. Như trên, Tập 2, trang 147.
10. BH Trần Đức Minh, sđd., trang 633-642.
11. Ellen Hammer, sđd., trang 121.
12. *Vietnam - United States Relations*, tlđd., Tập 11, trang 404-408.
13. Về hai thư của ĐS Galbraith gửi TT Kennedy: như trên, trang 410-418

CHƯƠNG 18

Khi Chuông Báo Động Rung Lên Ở Washington

1. Allen Hammer, sđd., trang 121
2. Trưng bởi James Douglas, sđd., trang 128 (#176).
3. Như trên.
4. Như trên, trang 127).
5. FRUS, tlđd., 1961-1963,Tập III, trang 223.
6. NIE 53-63, Tập 12, trang 522-524.
7. Allen Hammer (Hammer) sđd., trang 122-124.
8. Như trên, trang 124.
9. Như trên.
10. Robert J. McMahon, *Major Problems in the History of the Vietnam War*, (D.C. Heath and Company, 1990), trang 185.
11. Lê Từ Hùng, sđd., trang 41-42; Đỗ Thọ, sđd., trang 203. Xem thêm Moyar, sđd., trang 220-222.
12. Xem thêm: Minh, sđd., trang 678-680; Đỗ Thọ, sđd., trang 22-25.
13. Mark Moyar (Moyar), sđd., trang 221-222.
14. Như trên.
15. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 12, trang 526-528.
16. Như trên, trang 529-535.
17. Moyar, sđd., trang 232 (# 6).
18. Những chi tiết đoạn này dựa vào: Moyar, 220-222; Minh, 674-680.

CHƯƠNG 19

Đao Phủ Henry I Đội Mũ Đen

1. James DiEugenio, *"Henry Cabot Lodge and Lucien Conein Subverted JFK's vision for Saigon"* do MinM in trên mạng, ngày 17/4/2008 nhận xét về cuốn sách của James Douglas, *JFK and The Unspeakable* (Simon & Schuster, 2008), trang 2-3; và xem cuốn sách này, trang 163.
2. Mark Moyar, sđd., trang 220, 227.
3. Điện tín ngày 23 tháng 7, 1963 của Bộ Ngoại Giao gửi Tòa Đại sứ Sài gòn: *Foreign Relations of the United States*, 1961-1963, Tập 3, trang 234.
4. Mark Moyar, như trên, trang 227-228.
5. James W. Douglass, sđd., trang 150-151 (và xem Wikipedia về Lodge).
6. DiEugenio, tlđd., trang 2.
7. James W. Douglass, sđd., trang 164.
8. Mark Moyar, sđd., trang 224; 227-8.
9. Mark Moyar, sđd., trang 236.
10. *United States – Vietnam Relations*, sđd., Tập 12, trang 536-537.
11. Pentagon Papers, sđd, trang 195; Bản dịch tiếng Việt do: Lan Vi, Hồng Hà, Dương Hùng, *Người Mỹ Làm Thế Nào Để Giết Tổng thống Việt Nam*, (Nhà XB Đại Nam, 1971) trang 60-61.
12. *Pentagon Papers*, như trên, trang 47.
13. James W. Douglass, sđd., trang 165.
14. Báo cáo Harkins cho Tướng Taylor (19/8/1963): xem thêm FRUS, 1961-1963 tlđd., trang 276.
15. Mark Moyar, đd., trang 242.
16. *Pentagon Papers*, như trên, trang 49.
17. Xem ghi chú # 2 trong The Diem Coup - Briefing Book số 444, tlđd.
18. *Pentagon Papers*, tlđd., trang 197.
19. *United States – Vietnam Relations*, sđd., Tập 12, trang 539.
20. *Pentagon Papers*, tlđd., trang 201.
21. Ellen Hammer, sđd., trang 194-195.
22. Báo cáo của Harkins, ngày 31 tháng 8, 1963.
23. Ellen Hammer, sđd., trang 198.
24. Như trên.

CHƯƠNG 20

Đi Tìm Giải Pháp Hòa Bình Hay Trật Đường Rầy?

1. Việc Mỹ sắp xếp tẩu thoát và di tản, Lodge báo cáo ông Nhu hút thuốc phiện v.v.: xem Ellen Hammer, sđd., trang 182, 245, 244, 277-8.
2. Về vai trò báo chí đổ dầu vào lửa, nhục mạ, phản ứng của TT Diệm và ông bà Nhu, cũng như về Ấp Chiến lược và Ấp Bắc: xem Mark Moyar, sđd., trang 145-6; 160; 152; 170.
3. Câu chuyện tầu Core và khách sạn Majestic: Mark Moyar, sđd., trang 145-6; 160.
4. Về giai thoại này xem Hammer, sđd., trang 220-232, 226-227, 251. Công điện ngày 29 tháng 8, 1963: *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 12, trang 538-539. Công điện 31 tháng 8: Pentagon Papers, sđd., trang 173; xem thêm Ellen Hammer, sđd., trang 220 - 222, 226 -229, 231.
5. Như trên. Về bài báo của Mieczyslaw Maneli, Vietnam, *"1963 and Now" New York Times*, Tháng 2, 1975. Về bài phỏng vấn ông Cao Xuân Vỹ: Minh Võ thực hiện ngày 14 tháng 6, 2012: xem trên mạng ngày 1 tháng 11, 2012 và 17 tháng 0, 2013.
6. Ellen Hammer, sđd., trang 223, 228, 201, 199, 203-204, 205, 232; BH Trần Đức Minh, sđd, trang 698.
7. Ellen Hammer, sđd., trang 227 (Diệm) & 228 (Nhu).
8. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 12, trang 540-644.
9. Ellen Hammer, sđd., trang 232-233.
10. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 12, trang 563; Ellen Hammer, sđd., trang 232.
11. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 3, trang 23 (ở phần giữa).
12. Ellen Hammer, sđd., trang 198-199.
13. Như trên, trang 203-4.
14. Mark Moyar, sđd., trang 249; Ellen Hammer, sđd., trang 204-205, 228.
15. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 3, trang xviii—xix.
16. Như trên, Tập 12, trang 545.
17. *Pentagon Papers*, sách đã dẫn, trang 208-210 (Bản dịch tiếng

Việt, như trên, trang 112-115.
18. Mark Moyar, sđd., trang 249; Đỗ Thọ, sđd, trang 241.
19. Neese and O'Donnell (chủ biên) *Prelude to Tragedy*, trang 50.

CHƯƠNG 21
Ngày Định Mệnh

1. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 3, trang 35 (phần giữa).
2. Pentagon Papers, sách đã dẫn, trang 179.
3. *United States - Vietnam Relations, như trên* 39 (phần giữa) và trang xxiii.
4. *Pentagon Papers*, sđd., trang 213 –215.
5. Như trên (bản dịch tiếng Việt, trang 128).
6. *Pentagon Papers, sđd.*, trang 215-6 (tài liệu số 50).
7. Như trên, số 51.
8. Mark Moyar, sđd., trang 256.
9. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 12, trang 590 - 591.
10. *Pentagon Papers,* trang 219, số 53.
11. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., Tập 3, trang 45.
12. Như trên, trang xxvii; Pentagon Papers, sđd., trang 221-224.
13. *United States - Vietnam Relations*, tlđd., như trên, trang 48 (#85); Mark Moyer, sđd., trang 265.

CHƯƠNG 22
Đường Về Nghĩa Trang

1. Ellen Hammer, sđd, trang 281.
2. Mark Moyar, sđd., trang 267 (và Hammer, trang 285).
3. Như trên, trang 265-266
4. Như trên, trang 266.
5. Như trên, trang 269.
6. Như trên, trang 271-2.
7. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 12, trang 554 – 573.
8. *United States-Vietnam Relations,* tlđd., Tập 12, trang 604-605.
9. *Foreign Relations of the United States*, 1961-1963, Tập 4, tlđd., trang 226; Moyar, sđd, trang 261, # 77.
10. Mark Moyar, sđd., trang 262

11. *United States-Vietnam Relations*, tlđd., Tập 12, trang 604-605 (và *Pentagon Papers*, sđd., trang 226-229 - Điện tín 30/10/1963 do Lodge gửi Bundy; về Lodge chờ mãi tới chiều mới trả lời, Moyar, sđd., trang 264.
12. *Pentagon Papers*, sđd., trang 230-231.
13. Trần Văn Đôn, sđd., trang 212.
14. Mark Moyar,sđd., trang 266; James W. Douglas, *JFK And The Unspeakable*, trang 211.
15. Hoàng Lạc và Hà Mai Việt, *Why America Lost the Vietnam War*, trang 165-166 (trích dẫn bởi Moyar, sđd. trang 266,#98).
16. Lê Tử Hùng, Những Bí Mật Cuộc Cách Mạng 1-11-1963, Đại Nam, 1971, trang 41-42.
17. Đỗ Thọ, *Nhật Ký Đỗ Thọ*, trang 212.
18. Moyar, sđd., trang 271-2, #111.
19. Ngô Kỷ, *Khui Hồ Sơ Mật Ngô Đình Diệm*: xem internet – 16 trong 23 trang.
20. Như trên, trang 210 (ông Thọ viết là 'kinh xưng tội').
21. Moyar, sđd., trang 269
22. Hammer, Sđd., trang 300-301.
23. Xem <Bill Delaney/CNN/allpolitics.com – November 24, 1998> *"Kennedy White House Tapes."*

CHƯƠNG 23
"Tôi Sẽ Không Để Mất Việt Nam"

1. Mark Moyar, sđd., trang 279.
2. Trần Trọng Kim, sđd., trang 86.
3. BH Trần Đức Minh, sđd., trang 716-719.
4. Lê Xuân Khoa, sđd., trang 461.
5. BH Trần Đức Minh, sđd., trang 733.
6. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 3 (1/3 cuối) trang 15-17.
7. Mark Moyar, sđd., trang 276.
8. Như trên, trang 282.
9. Anne Blair, *There to the Bitter End*, trang 65; Mark Moyar, sđd., trang 281.
10. Jim F. Heath, sđd., trang 186-187.
11. Như trên.

12. Tom Wicker, *JFK and LBJ: The Influence of Personality Upon Politics*, trang 205.
13. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., như trên, Phần C-1 (ơ 1/3 cuối) trang 1- 4.
14. *United Sates – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 3, phần IV/C1. trang 1-4 (phần 1/3 đầu).
15. *United States – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 3 (1/3 cuối) trang 56-65 – Huấn lệnh này gồm có bảy phần. *Phần một* thảo luận về mình định những mục tiêu, *phần hai* mô tả chính sách của Hoa kỳ, *phần ba* lượng giá tình hình hiện tại, *phần bốn* bàn luận về những đường lối hành động có thể thay thế nhau, *phần năm* cứu xét những hành động khả thi, *phần sáu* đề cập tới những hành động khac đã được cứu xét nhưng bị loại bỏ, và *phần bảy* là chót trình bầy những đề nghị cụ thể.
16. Pentagon Papers, sđd., trang 283-284; Mark Moyar, sđd., trang 353.
17. *Public Papers of the Presidents, 1965*, trang 449.
18. *The Pentagon Papers*, sđd., trang 282-283.
19. Mark Moyar, sđd., trang 310-311.
20. BH Trần Đức Minh, sđd., trang 805.
21. Như trên, trang 806 – 807.
22. Mark Moyar, sđd., trang 312.
23. BH Trần Đức Minh, sđd., trang 807.
24. Lyndon B. Johnson, *The Vantage Point: Perspectives of the Presidency 1963-1969*, trang 115.
25. Leslie H. Gelb, *The Irony of Vietnam*, trang 103.
26. (Guenter Lewy, như trên.
27. BH Trần Đức Minh, sđd., trang 814.
28. Mark Mayar, sđd., trang 353.
29. *United Sates – Vietnam Relations*, tlđd., Tập 4, trang 109.
30. Jim F. Heath, *Decade of Disillusionment*, trang 186.
31. Stanley Karnow, sđd., trang 441.
32. Như trên.
33. Lyndon B. Johnson, sđd., trang 153.

CHƯƠNG 24
Trung Quốc Thoát Vòng Vây Liên Xô Nhờ Nixon - Kissinger

1. Richard Nixon, *The Memoirs of Richard Nixon,* trang 544.
2. Richard Nixon, *U.S. Foreign Policy For the 1970's, A Report to the Congress 1972,* trang 28.
3. Về tranh chấp biên giới đề cập dưới đây: xem
   - Henry Kissinger, *The White House Years*, trang 166-194;
   - Michael S. Gerson, *The Sino-Soviet Border Conflict – Deterrence, Escalation, and the Threat of Nuclear War in 1969* - CNA.org, November 2010.
4. Như trên
5. Dựa vào tài liệu của:
   - National Security Archive do chủ biên William Burr tóm tắt, *The Sino-Soviet Border Conflict, 1969: U.S. Reactions and Diplomatic Maneuvers, June 12, 2001;*
   - Richard Nixon, *The Memoirs of Richard Nixon,* trang 546 – 558;
   - Henry Kissinger, sđd., trang 167-194; và
   - Richard Nixon, *U.S. Foreign Policy For the 1970's,* tlđd., trang 28.
6. Michael S. Gerson, như trên.
7. Richard Nixon, như trên.
8. Henry Kissinger, sđd., trang 194.
9. Richard Nixon, như trên.

CHƯƠNG 25
Mở Tung Hai Lối Vào Biển Đông - Mật Điện Về Trận Hoàng Sa

1. Tài liệu Đại học Arizona trên mạng <dingo.sbs.arizona.edu > *China - South Vietnam Rivalry*: RIVI 1307; và The China Post, *Sovereignty on Spratleys II.*
2. Hồ Văn Kỳ Thoại, *Can Trường Trong Chiến Đại,* trang 162-163 (xem thêm: Wikipedia về trận Hoàng Sa).
3. Lê Mai, "Cuộc xâm lược trắng trợn", trên mạng, 13/5/2014
4. Mật điện này là do GS Heather Marie Stur, Đại học Southern

Mississipi tìmđược qua Wikileaks.

5. Tài liệu Tòa Bạch Ốc (như chụp/in lại một phần trong chương này).
6. Xem mạng: *The American Experience/ Nixon's China Game/ Timeline, 1975*
7. *The American experience,* như trên.

CHƯƠNG 26
Bước Ngoặc Của Chính Sách Trung Quốc

1. Richard Nixon, *Báo Cáo Cho Quốc Hội*, như trên ..
2. Richard Nixon, *Memoirs*, sđd., trang 559.
3. Handle Haus, *Review of "The Rise of China vs. The Logic of Strategy" by Edward Luttwak* - trên mạng, trang 2-3.
4. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Tân Việt, Sàigòn, 1964, trang 47-48.

TÀI LIỆU VÀ SÁCH THAM KHẢO

I. TÀI LIỆU CHÍNH YẾU

Hồ Sơ Bộ Quốc Phòng Hoa Kỳ*

UNITED STATES - VIETNAM RELATIONS
1945 – 1967

*** Hồ sơ này đã được giải mật toàn bộ vào ngày 3/6/2011. Hiện nay được lưu trữ tại National Archive và Thư viện các Tổng Thống John F. Kennedy, Lyndon B. Johnson, và Richard Nixon.**

UNITED STATES - VIETNAM RELATIONS

1945 – 1967

***

(Book 1 of 12)

I. *Vietnam and the U.S., 1940–1950*
   A. U.S. Policy, 1940–50
   B. The Character and Power of the Viet Minh
   C. Ho Chi Minh: Asian Tito?

II. *U.S. Involvement in the Franco-Viet Minh War, 1950–1954*
   A. U.S., France and Vietnamese Nationalism
   B. Toward a Negotiated Settlement

III. *The Geneva Accords*
   A. U.S. Military Planning and Diplomatic Maneuver
   B. Role and Obligations of State of Vietnam
   C. Viet Minh Position and Sino-Soviet Strategy
   D. The Intent of the Geneva Accords

IV. *Evolution of the War*
   A. U.S. MAP for Diem: The Eisenhower Commitments, 1954–1960
      1. NATO and SEATO: A Comparison
      2. Aid for France in Indochina, 1950–54
      3. U.S. and France's Withdrawal from Vietnam, 1954–56

(Book 2 of 12)

      4. U.S. Training of Vietnamese National Army, 1954–59
      5. Origins of the Insurgency
   B. Counterinsurgency: The Kennedy Commitments, 1961–1963
      1. The Kennedy Commitments and Programs, 1961

(Book 3 of 12)

      2. Strategic Hamlet Program, 1961–63
      3. The Advisory Build-up, 1961–67
      4. Phased Withdrawal of U.S. Forces in Vietnam, 1962–64
      5. The Overthrow of Ngo Dinh Diem, May–Nov. 1963
   C. Direct Action: The Johnson Commitments, 1964–1968
      1. U.S. Programs in South Vietnam, November 1963–April 1965: NSAM 273—NSAM 288—Honolulu
      2. Military Pressures Against NVN
         a. February–June 1964

(Book 4 of 12)

         b. July–October 1964
         c. November–December 1964
      3. ROLLING THUNDER Program Begins: January–June 1965
      4. Marine Combat Units Go to DaNang, March 1965
      5. Phase I in the Build-Up of U.S. Forces: March–July 1965

(Book 5 of 12)

      6. U.S. Ground Strategy and Force Deployments: 1965–1967
         a. Volume I: Phase II, Program 3, Program 4
         b. Volume II: Program 5
         c. Volume III: Program 6

(Book 6 of 12)
- 7. Air War in the North: 1965–1968
  - a. Volume I
  - b. Volume II
- 8. Re-emphasis on Pacification: 1965–1967

(Book 7 of 12)
- 9. U.S.-GVN Relations
  - a. Volume 1: December 1963–June 1965
  - b. Volume 2: July 1965–December 1967
- 10. Statistical Survey of the War, North and South: 1965–1967

V. *Justification of the War*
- A. Public Statements
  - Volume I: A—The Truman Administration
    B—The Eisenhower Administration
    C—The Kennedy Administration
  - Volume II: D—The Johnson Administration
- B. Internal Documents
  - 1. The Roosevelt Administration

(Book 8 of 12)
- 2. The Truman Administration
  - a. Volume I: 1945–1949
  - b. Volume II: 1950–1952

(Book 9 of 12)
- 3. The Eisenhower Administration
  - a. Volume I: 1953
  - b. Volume II: 1954—Geneva

(Book 10 of 12)
  - c. Volume III: Geneva Accords—15 March 1956
  - d. Volume IV: 1956 French Withdrawal—1960

(Book 11 of 12)
- 4. The Kennedy Administration
  - Book I

(Book 12 of 12)
  - Book II

VI. *Settlement of the Conflict*
- A. Negotiations, 1965–67: The Public Record
- B. Negotiations, 1965–67: Announced Position Statements
- C. Histories of Contacts (This material not printed.)
  - 1. 1965–1966 (This material not printed.)
  - 2. Polish Track (This material not printed.)
  - 3. Moscow-London Track (This material not printed.)
  - 4. 1967–1968 (This material not printed.)

II. NHỮNG TÀI LIỆU KHÁC

Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ:

Foreign Relations of the US, 1955 - 1957, Vol. I, Vietnam. Washington, D.C., 1985; và

Foreign Relation of the US, 1961- 1963, Vol. III, IV, Vietnam, Washington, D.C., 1991.

USAID (Cơ Quan Viện Trợ Hoa Kỳ),*United Assistance to South Vietnam, 1954-1975,*

Volume I & Volume II.

Phủ Tổng Thống, VNCH (và Bộ Kinh Tế), *Annuaire Statistique du Vietnam*, 1951-1974.

Bộ Kế Hoạch VNCH và USAID, *Economic and Financial Data,1964-1972.*

Bộ Canh Nông, Tổng Nha Điền Địa, VNCH. *Luật lệ Cải Cách Điền Địa, 1960-1966*; và

Phúc trình Về Việc Thi Hành Công Tác Cải Cách Điền Địa, 1966-1967.

Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam, *Report to the International Monetary Fund, 1975.*

VNCH, *Kinh Tế Tập San (Bulltin Economique)*, 1963 & 1964.

III. SÁCH THAM KHẢO

(Những sách và bài viết sau đây liên quan tới các đề mục trong cuốn sách nhưng không nhất thiết là được trích dẫn).

Adams, Sherman. *Firsthand Report, the Story of the Eisenhower Administration*. New York, Harper & Row, 1961.

Alexander, Charles C. *Holding the Line, the Eisenhower Era, 1952-1961*. Bloomington, Indiana University Press, 1975.

Anderson, David L. *Trapped By Success – The Eisenhower Administration and Vietnam, 1953- 1961*, NY, Coumbia Unversity Press, 1991.

Anderson, David L., ed. *Shadow on the White House: Presidents and the Vietnam War, 1945 1975*. Lawrence: University Press of Kansas, 1993.

Bạch Hạc Trần Đức Minh, *Một Thời Nhiễu Nhương,1945 – 1975*. Văn Lộc Foundation, 2006.

Bảo Đại, *Con Rồng Việt Nam*, bản dịch của Nguyễn Phước Tộc, California, 1990.

Bator, Victor. *Vietnam, A Diplomatic Tragedy*. Dobbs Ferry, N.Y., Oceana, 1965.

Boetcher, Thomas D., Vietnam – *The Valor and the Sorrow*. Boston, Little, Brown & Co. 1985.

Bowman, John S., *The Vietnam War: An Almanac*. New York, World Almanac Publications, 1985.

Buttinger, Joseph, *The Smaller Dragon*, Frederick A. Praeger, NY, 1958.

Bửu Hoan, "Impact of Military Expenditure On the South Vietnamese Economy," *Far Eastern*

Economic Review, XXV, December 25, 1958, 849-842; và "Vietnam Economic Structure – The

Impact of Aid." *Far Eastern Economic Review*, XXVI, May 14, 1959, 677-679.

Cable, James. *The Geneva Conference of 1954 on Indochina*. New York, St. Martin's Press, 1986.

Cameron, Allen W. ed. *Vietnam Crisis, A Documentary History, 2 vols*. Ithaca, N.Y., Cornell University Press, 1971.

Charlton, Michael, and Anthony Moncrieff. *Many Reasons Why, the American Involvement in Vietnam*. New York, Hill & Wang, 1978.

Châu, Nguyễn Văn.*Ngô Đình Diệm và Nỗ Lực Hòa Bình Giang Dở*, Xuân Thu, 1989, bản dịch của Nguyễn Vy Khanh từ tác phẩm "*Ngô Đình Diệm en 1963: Une Autre Paix Manqué,*" Luận án sử học, trường Đại học Paris VII, 1982

Colby, William, with Peter Forbath. *Honorable Men, My Life in the CIA*. New York, Simon & Schuster, 1978.

Dung, Cao Thế (viết với Lương Khải Minh). *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống?* Hòa Bình, Sàigòn, 1965.

Cooper, Chester L.*The Lost Crusade, America in Vietnam*. NY, Dodd, Mead & Co., 1970.

Đệ, Nguyễn Gia và Lương, Trà Lũ Trần Trung (Chủ biên), *Giám Mục Lê Hữu Từ*. Montreal, 2001.

Devillers, Philippe.*Histoire du VietNam de 1940 à 1952*, Paris, Editions du Seuil, 1952.

Devillers, Philippe and Jean Lacouture. *End of A War: Indochina, 1954*. NY, Praeger ,1969.

Diễm, Bùi. *In the Jaws of History*. Boston: Houghton Mifflin, 1987.

Divine, Robert A. *Eisenhower and the Cold War*. New York, Oxford University Press, 1981.

Đỗ Thọ, *Nhật Ký Đỗ Thọ*, Hòa Bình, Sài Gòn, 1970.

Dooley, Thomas A. *Deliver Us from Evil, The Story of Viet Nam's Flight to Freedom*. New York, Farrar, Straus & Cudahy, 1956.

Douglass, James D. *JFK and The Unspeakable*. NY, Simon and Schuster, 2008.

Duncanson, Dennis J., *Government and Revolution in Vietnam*, Oxford University Press, 1966.

Eisenhower, Dwight D., *Mandate for Change, 19531956*. NY, Signet Book, 1963.

Fall, Bernard B. *Hell in a Very Small Place*. Philadelphia, Lippincot, 1967.

Fall, Bernard, *The Two Vietnams*, Frederick A. Praeger, USA, 1967.

Fall. Bernard B., *Street WithoutJoy*. Penn, Harrisburg, Pa., Stackpole Books., 1961.

Fishel, Wesley R., ed. *Vietnam, Anatomy of A Conflict*. Illinois, Peacock Publishers,1968.

Fitzgerald, Frances, *Fire in the Lake: The Vietnamese and the Americans in Vietnam*. New York, Vantage Books, 1972.

Gardner, Lloy G.*Approaching Vietnam, From World War II through Dien Bien Phu*. NY, W.W. Norton, 1988.

Gelb, Leslie with Betts, Richard K.*The Irony of Vietnam: TheSystem Worked*. Washington D.C., Brookings, 1979.

Halberstam, David.*The Making of a Quagmire*, Random House, NY, 1965.

Hammer, Ellen.*The Struggle for Indochina,* Stanford University, 1954.

Hammer, Ellen. *A Death in November: America In Vietnam* 1963, E. P. Dutton, 1987.

Hammond, William M.*Reporting Vietnam, Media and Military at War*. Lawrence, KS, University Press of Kansas, 1989.

Harris, George, Catto Robert J. et als.*Area Handbook for South Vietnam*. US. Government Printing Office, 1962.

Herring, George C. "America and Vietnam, the Debate Continues,"*American Historical Review* (April 1987), 90: 35068.

Herring, George C. *America's Longest War: The United States and Vietnam 1950- 1975*. Second edition. New York, Knopf, 1986.

Hùng, Lê Tử. *Những Cái Chết Trong Cách Mạng 1- 11- 1963*. Sàigòn, Lũy Thầy, 1971.

Hưng, G. Nguyễn Tiến. *Economic Development of Socialist Vietnam, 1955 -1980*. New York, Praeger Publishers, 1977.

Hưng, G. Nguyễn Tiến and Jerrold L. Schecter, *The Palace File*, New York, Harper & Row

Publishers, 1986; và *Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập*. Los Angeles, C & K Promotions, 1989.

Hưng, G. Nguyễn Tiến, *Khi Đồng Minh Tháo Chạy*, Houston, TX., Cơ Sở XB Hứa Chấn Minh, 2005.

Hưng, G. Nguyễn Tiến, *Tâm Tư Tổng Thống Thiệu*, Houston, TX., Cơ Sở XB Hứa Chấn Minh, 2010.

Hess, Gary R. "Franklin D. Roosevelt and Indochina," *Journal of American History*(September 1972), 59:35368.

Higgins, Marguerite.*Our Vietnam Nightmare*, Harper & Row, 1965.

Isaacson, Walter.*Kissinger, A Biography*. NY, Simons and Schuster, 1992.

Jacobs, Seth.*America's Miracle Man in Vietnam,* Duke Univ. Press, Durham, 2004.

Johnson, Lyndon B. *The Vantage Point, Perspective of the Presidency 19631969*. NY, Holt, Rinehart and Wilson, 1971.

Kahin, George McT. and John W. Lewis. *The United States in*

Vietnam. New York, Dial Press, 1967.

Karnow, Stanley.*Vietnam: A History*. New York, Viking 1983.

Khoa, Nguyễn Xuân.*Việt Nam, 1945 – 1995 - Chiến Tranh, Tỵ Nạn, Bài Học Lịch Sử*. Tập I, Tiên Rồng, 2004.

Kim, Trần Trọng, *Việt Nam Sử Lược*. Sàigòn, Tân Việt, 1964.

Kissinger, Henry. *White House Years*, Boston, Little Brown and Co., 1979.

Lacouture, Jean.*Vietnam, Between the Two Truces*. NY, Vintage Book, 1966.

Lang, Huỳnh Văn.*Nhân Chứng Một Chế Độ*. Văn Nghệ, Nam Cali, 2000.

Lancaster, Donald.*The Emancipation of French Indochina*. London, Oxford Univ.

Lansdale, Edward G.*In The Midst of War*. NY, Harper & Row, 1972.

Lewy, Guenter. *America in Vietnam*. New York, Oxford University Press, 1978.

Lindholm, Richard W., ed.*Vietnam, The First Five Years (19541959)*. The Michigan State University Press, 1959.

Lodge, Henry Cabot.*The Storm Has Many Eyes*. NY, W.W. Norton, 1973.

Logevall, Fredrik. *Embers of War*. NY, Random House, 2012.

Mansfield, Michael J.*Papers- Foreign Relations Series*. University of Montana Library, Missoula, Montana.

Mark Moyar. *Triumph Forsaken: The Vietnam War*, 19541965, Cambridge University Press, 2006.

Mclear, Michael. *The Ten Thousand Day War, Vietnam:1945 1975*. New York, St. Martin's Press, 1981.

McNamara, Robert.*In Retrospect: Tragedy and Lessons from Vietnam*. NY,Random House Inc., 1995.

Minh, Nguyễn Văn. *Dòng Họ Ngô Đình, Giấc Mơ Chưa Đạt*, Hoàng Nguyên, Nam Cali, 2003.

Minh Võ. *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê*, Thông Vũ, tái bản lần 2, 2002.

Minh Võ. *Ngô Đình Diệm và Chính Nghĩa Dân Tộc*. Hồng Đức, 2008.

Newman, John M. *John F. Kennedy and Vietnam*. NY, Warner Books, 1992.

Nixon, Richard M. *The Memoirs of Richard Nixon*. NY., Grosset & Dunlap, 1978.

Nixon, Richard. *No More Vietnam*. NY, Arbor House, 1985.

Nixon, President Richard. *U.S. Foreign Policy for the 1970's:The Emerging Structure of Peace*. A Report to the Congress. Washington, D.C.: U.S. Government Printing Office, 1972.

Nolting, Frederick.*From Trust to Tragedy*, NY, Praeger, 1988.

Palmer, Gen. Bruce, Jr. *The 25Year War*. Kentucky, the Univ. of Kentucky, 1984.

Palmer, Dave Richard. *Summons of the Trumpet: A History of the Vietnam War from a Military*

Man's Viewpoint. New York. Ballantine Books, 1978.

Palmer, Herbert S. *Eisenhower and the American Crusades*. New York, MacMillan, 1972.

Phong, Nguyễn Kỳ. *Vũng Lầy Của Bạch Ốc*, Tiếng Quê Hương, 2006.

Prados, John. *The Hidden History of the Vietnam War*. Chicago: Ivan R. Dee, 1995.

Rotter, Andrew J. *The Path to Vietnam, Origins of the American Commitment to Southeast Asia. NY,*

Ithaca, Cornell University Press, 1967.

Rust, William J.*Kennedy in Vietnam, American Vietnam Policy, 19601963*. NY, Charles Scribner's Sons, 1985.

Schlesinger, Jr. Arthur M.*A Thousand Days, John F. Kennedy In The White House*. Cambridge,The Riverside Press, 1966.

Scigliano, Robert. *South Vietnam, Nation under Stress*. Boston, Houghton Mifflin, 1963.

Shaphen, Robert. *The Lost Revolution*. New York, Harper & Row, 1965.

Sheehan, Neil. *A Bright Shining Lie*, Random, NY, 1988.

Spector, Ronald H.*Advice and Support, The Early Years*. Washington, D.C., Center of Military History, United States Army, 1985.

Summers, Harry G. Jr. *On Strategy, A Critical Analysis of the Vietnam War*. California, Novato, Presidio Press, 1982.

Taylor, Gen. Maxwell D.*The Uncertain Trumpet.* NY, Harper & Brothers, 1959.

Taylor, Gen. Maxwell D.*The SwordsAnd Plowshares* WW. Norton, 1972.

Thoại, Hồ Văn Kỳ.*Can Trường Trong Chiến Bại.* Centreville,Virginia: Hồ Văn Kỳ Thoại, 2007.

Thompson, W. Scott, and Donaldson D. Frizzell, eds. *The Lessons of Vietnam*. New York, Crane, Russak, 1977.

Trần Văn Đôn.*Our Endless War, Inside Vietnam,* San Rafael, Calif., Presidio Press, 1978 và *Việt Nam Nhân Chứng,* nxb Xuân Thu, Cali, 1989.

Westmoreland, General William C.*A Soldier Reports*. New York, Doubleday & York, Harper, 1961.

Young, Marilyn B.*The Vietnam Wars, 19451990*, Harper Collins, 1991.

Nguyễn Tiến Hưng

Du học Hoa Kỳ từ 1958, Giáo sư Nguyễn Tiến Hưng giảng dạy môn kinh tế tại các đại học Hoa Kỳ từ 1963, và là kinh tế gia cho Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF) (1966-1970). Ông là Phụ Tá Tổng Thống về Tái Thiết (1973), Tổng trưởng Kế Hoạch và Phát Triển (1973-1975), đồng thời là người điều phối viện trợ về mặt kinh tế vĩ mô.

Ngoài cuốn sách The Palace File (Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập) viết với Jerrold Schecter, GS Hưng còn là tác giả cuốn Khi Đồng Minh Tháo Chạy, cuốn Tâm Tư Tổng Thống Thiệu, và nhiều sách về môn kinh tế. Về xã luận, ông viết cho tờ Washington Post, The New York Times, International Herald Tribune, The Washington Star and Daily News. Trong thập niên 1990, ông làm Cố vấn cho Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế IMF và Ngân Hàng Thế Giới WB về nhiều dự án chuyển đổi kinh tế và cứu đói giảm nghèo, kể cả tại Việt Nam sau đổi mới.

$30

KHI ĐỒNG MINH NHẢY VÀO

- Ai đã ngăn chận TT Roosevelt giúp Việt Nam tiến tới độc lập ngay từ 1945?
- Từ miền đất xa lạ, tại sao Việt Nam lại trở thành "Địa Điểm Chiến Lược Quan Trọng Nhất?"
- Bảy quyền lợi của Hoa Kỳ ở Biển Đông là những gì?
- Hoa Kỳ đã giúp Quân đội Quốc Gia Việt Nam ra đời khó khăn như thế nào?
- Mục đích gì đằng sau cuộc di cư một triệu người từ Bắc vào Nam năm 1954?
- "Mỹ đưa ông Ngô Đình Diệm về làm Thủ tướng?"
- Pháp đã vận dụng ra sao để loại bỏ Thủ tướng Diệm ngay khi ông vừa chấp chính?
- Hoa Kỳ chọn rõ ràng ngày nào để nhảy vào Việt Nam?
- Nền Cộng Hòa Việt Nam được khai sinh trong hoàn cảnh nghiệt ngã ra sao?
- Bình Minh của Nền Cộng Hòa đã huy hoàng như thế nào (so với "Last Day In Vietnam")?
- Kinh tế VNCH tiến tới đâu sau "5 - Năm Vàng Son 1955-1960": vừa phát triển vừa hòa bình?
- Tại sao liên lạc Việt – Mỹ trở nên căng thẳng vào năm 1960?
- Rồi lại nồng ấm ngay trong năm sau?
- Bối cảnh nào làm cho TT Kennedy chọn "Việt Nam là đúng chỗ rồi"?
- Đang hết mực ủng hộ ông Diệm, tại sao ông Kennedy lại thay đổi?
- Đảo chính: có phải vì TT Diệm không cho Mỹ mang quân vào Việt Nam hay không?
- Henry I (ĐS Henry Cabot Lodge) đã đi những bước nào để triệt hạ TT Diệm và Cố vấn Nhu?
- Xáo trộn sau cái chết của TT Diệm (1963) và của Vua Ngô Xương Văn (963) cách nhau đúng 1,000 năm, nhưng lại giống nhau?
- Tại sao TT Johnson quyết định mang đại quân vào chữa cháy?

CẬP NHẬT CUỐN KHI ĐỒNG MINH THÁO CHẠY

- Nixon-Kissinger đã làm những gì để giúp Trung Quốc không bị Liên Xô tấn công năm 1969?
- Rồi Henry II (Henry Alfred Kissinger) đã khích lệ Trung Quốc như thế nào?
- Sau Hiệp định Paris, cửa thứ hai vào Biển Đông đã được mở tung từ Trận Hoàng Sa?
- Tại sao Trung Quốc đổi ngược chính sách từ hòa hoãn đến công kích vào năm 2008?
- Đối đầu với Mỹ ở Á Châu: kinh nghiệm chiến trường của Trung Quốc so với Mỹ như thế nào?
- Tại sao "Mỹ Đi Rồi Mỹ Lại Về"?
- Những bài học nào cho Tiểu Quốc từ cuộc chiến Việt Nam?

ISBN 978-1-4951-4862-0
90000>
9 781495 148620